



BẠN CÓ THỂ HIỂU KINH THÁNH!

PHÚC ÂM VÀ
THƯ TÍN I, II, III
CỦA MÔN ĐỆ
YÊU DẦU

BOB UTLEY
Giáo sư Khoa Chú Giải Kinh thánh

(Môn Giải nghĩa Kinh thánh)

Bộ tài liệu hướng dẫn giải kinh Tân Ước,
Tân ước tập 4

KINH THÁNH LESSONS INTERNATIONAL, MARSHALL,
TEXAS
2011

MỤC LỤC

Lời của tác giả: Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn?	7
Hướng dẫn thói quen đọc Kinh thánh hiệu quả:	
Cuộc tìm kiếm lẽ thật có thể kiểm chứng được của một cá nhân	9
Giải kinh	
Giới thiệu sách Giảng	16
Giăng 1	23
Giăng 2	54
Giăng 3	66
Giăng 4	89
Giăng 5	108
Giăng 6	123
Giăng 7	148
Giăng 8	162
Giăng 9	179
Giăng 10	188
Giăng 11	198
Giăng 12	213
Giăng 13	230
Giăng 14	242
Giăng 15	262
Giăng 16	272
Giăng 17	284
Giăng 18	298
Giăng 19	313
Giăng 20	327
Giăng 21	338

Giới thiệu thư Giảng.....	345
I Giảng 1	350
I Giảng 2	360
I Giảng 3	377
I Giảng 4	397
I Giảng 5	407
II Giảng	422
III Giảng	429
Phụ lục một : Các định nghĩa ngắn gọn về cấu trúc ngữ pháp tiếng Hy Lạp	437
Phụ lục hai : Phê bình văn bản	446
Phụ lục ba : Các thuật ngữ	449
Phụ lục bốn : Lập trường về tín lý	458

**CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT
TRONG PHÚC ÂM VÀ THƯ TÍN CỦA GIẢNG**

Ban đầu (<i>Arch'</i>), Giảng 1:1	26
Thiên sứ của Chúa, Giảng 1:5	27
Đức tin, tin và tin cậy, (danh từ, động từ và tính từ) Giảng 1:7	29
Chứng nhân cho Chúa Giê-su, Giảng 1:8	30
Động từ “Biết”, Giảng 1:10	31
Xác thể (<i>sarx</i>), Giảng 1:14	33
Vinh quang (<i>doxa</i>), Giảng 1:14	33
Ân điển (<i>hesed</i>), Giảng 1:14	34
Tin, tin cậy, đức tin và thành tín trong Cựu ước, Giảng 1:14	35
Quan điểm Phao-lô về luật Mô-se, Giảng 1:17	38
Pha-ra-si, Giảng 1:24	43
Danh sách các môn đệ, Giảng 1:45	49
Chúa Giê-su Na-za-rét, Giảng 1:45	49
A-men, Giảng 1:51	51
Thiên đàng, Giảng 1:51	52
Rượu và đồ uống mạnh, Giảng 2:3	56
Khối lượng và trọng lượng ở vùng Trung Cận Đông, Giảng 2:7	56
Lễ vượt qua, Giảng 2:13	61
Động từ “tin” trong Giảng” Giảng 2:23	64
Toà công luận Sanhedrin, Giảng 3:1	67
Vương Quốc Đức Chúa Trời, Giảng 3:3	70
Hơi thở, Gió và Thánh Linh, Giảng 3:8	73
Ngôn ngữ sử dụng để mô tả Đức Chúa Trời, Giảng 3:16	76
Thuyết Tiên định (Calvinism) so với Thuyết Tự Do Lựa chọn (Arminianism), Giảng 3:16	77
Dấu ấn, Giảng 3:33	87
Sự phân biệt chủng tộc, Giảng 4:4	93
Lời tiên tri Cựu Ước, Giảng 4:19	96
Lời tiên tri Tân Ước, Giảng 4:19	99
Cha, Giảng 4:23	102
Đấng Mê-si-a, Giảng 4:25	102
Ý chỉ của Đức Chúa Trời, Giảng 4:34	104
Chữa lành bệnh, Giảng 5:14	112
Tội lỗi không thể tha thứ, Giảng 5:21	115
Người được sai đi (Sứ đồ), Giảng 5:24	116
Thời điểm, giờ, Giảng 5:25	117
Sứ điệp của giáo hội đầu tiên, (Kerygma) Giảng 5:39	120
Bạc các được sử dụng ở Palestine thời Chúa Giê-su, Giảng 6:7	126
Số Mười Hai, Giảng 6:13	127
Danh hiệu của Chúa, Giảng 6:20	129
Sự đảm bảo của cơ đốc nhân, Giảng 6:37	134
Sự thật, Giảng 6:55	140
Sự thăng thiên, Giảng 6:62	142
Thần Linh (<i>Pneuma</i> , in the NT), Giảng 6:63	143
Sự bội đạo, Giảng 6:64	143
Mạnh dạn - sự dạn dĩ (<i>Parrh'sia</i>), Giảng 7:4	148
Quý ám, Giảng 7:20	150
Sự bền đỗ cần thiết, Giảng 8:31	170
Tri huệ giáo, Giảng 8:40	173
Thì của từ “cứu rỗi” trong ngữ pháp Hy-lạp, Giảng 9:7	183
Tuyên xưng, Giảng 9:22-23	183
Hủy phá, hủy diệt (<i>Apollumi</i>), Giảng 10:10	190
Xức dầu trong Kinh Thánh, Giảng 11:2	200

Đau buồn trong tang lễ, Giảng 11:20	203
Phụ nữ trong Kinh Thánh, Giảng 11:28	205
Nghi thức chôn cất, Giảng 11:44	209
Hiện thân sự ác, Giảng 12:31	222
Chiến tranh trên Thiên Đàng, Giảng 12:31	223
Trái tim, lòng dạ, Giảng 12:40	227
Cách dùng từ “mạng lệnh” trong văn tự của Giảng, Giảng 12:50	229
Thứ tự lễ Vượt qua trong Do-thái giáo, Giảng 13:2	233
Iscariot, Giảng 13:26	238
Người đã chết ở đâu?, Giảng 14:3	245
Cầu nguyện có hiệu quả, Giảng 14:13-14	250
Danh hiệu của Chúa, nhân danh Chúa Giảng 14:13-14	251
Chúa Giê-su và Thần Linh, Giảng 14:16	252
<i>Kosmo</i> (thế gian), Giảng 14:17	253
Ngày đó, Giảng 14:20	255
Ba Ngôi, Giảng 14:26	257
Thần vị Đức Thánh Linh, Giảng 14:26	258
Bình an, Giảng 14:27	259
Lừa, Giảng 15:6	265
Giải minh, sự làm sáng tỏ, Giảng 16:13	276
Sự lựa chọn so với sự tiền định Giảng 17:2	287
Nhất Thần luận, Giảng 17:3	288
“Thực” trong văn tự của Giảng, Giảng 17:3	289
Thánh, Giảng 17:11	291
Lựa chọn hay tiền định. Sự quân bình thần học cần thiết, Giảng 18:2	230
Chúa Giê-su Na-za-ret, Giảng 18:5	298
Lính gác pháp quan, Giảng 18:28	308
Bôn-xơ Pi-lát, Giảng 18:29	309
Những phụ nữ theo Chúa Chúa Giê-su, Giảng 19:25	319
Nhũ hương tâm liệt, Giảng 19:39	324
Chúa Chúa Giê-su xuất hiện sau phục sinh, Giảng 20:16	331
Hình thể, khuôn mẫu (<i>Tupos</i>), Giảng 20:25	334
Giăng 1:1 so với I Giăng 1:1	352
<i>Sự thông công</i> , I Giăng 1:3	354
Cơ đốc giáo mang tính đoàn thể, I Giăng 1:3	354
Cụm từ “Ở trong” ,’trường tồn” trong văn tự của Giảng, I Giăng 2:10	360
Động từ “biết”, I Giăng 2:13	367
Chính quyền thuộc thể, I Giăng 2:15	369
Thời hiện tại và thời sẽ đến, I Giăng 2:17	371
Đấng Thánh, I Giăng 2:20	372
Những cụm từ ám chỉ Chúa tái lâm, I Giăng 2:28	379
Sự công nghĩa, I Giăng 2:29	381
Bằng chứng sự cứu rỗi của một cá nhân theo Tân Ước, I Giăng 3:1	383
Sự nên thánh, I Giăng 3:5	387
Con của Đức Chúa Trời, I Giăng 3:8	388
Sự cầu nguyện, tuy vô biên, nhưng còn bị hạn chế, I Giăng 3:22	393
Cơ đốc nhân có nên phán xét lẫn nhau?, I Giăng 4:1	399
Chữ “thử nghiệm” trong tiếng Hy-lạp” và các chữ có ý nghĩa tương tự, I Giăng 4:1	399
Định kiến theo xu hướng truyền giáo của giáo sư Bob, I Giăng 4:15	404
Sự đảm bảo, I Giăng 5:13	412
Cầu thay, I Giăng 5:14	414
Tội lỗi nào đáng chết?, I Giăng 5:16	417
Vị trưởng lão, II Giăng v. 1	423
Hội thánh (<i>Ekklesia</i>), III Giăng v. 6	433

LỜI CỦA TÁC GIẢ:

TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài, và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ đốc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là đề ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người bạn đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ, và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bản đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

1. Bản Hy lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Kinh thánh Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (UBS⁴). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.

2. Bản King Gia-cơ mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
3. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
4. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Kinh thánh Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NIV. Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Để ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch UBS⁴ và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
5. Bản Jerusalem Kinh thánh (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
6. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

Nguyên tắc thứ ba

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tầm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của Lễ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trăn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley

Trường Đại học East Texas Báp-tít University

Ngày 27 tháng 6 năm 1996

HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LẼ THẬT KIỂM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lẽ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyền đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông, và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khác khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lẽ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó, và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành, và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cờ độc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một Hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kình chống nhau cũng như những sự kiêu căng về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để bạn, người đọc, có thể cùng kiểm điểm với tôi:

I. Các giả định

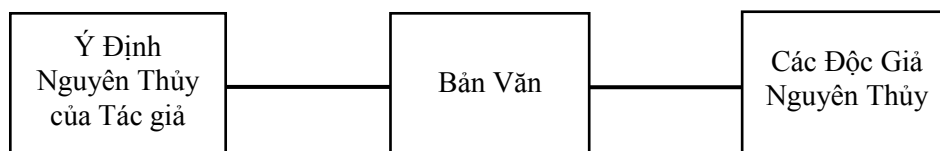
- A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
 1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
 2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
 3. Bối cảnh ngữ văn của toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
 4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
 5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
 6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính mùn màu mùn về trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

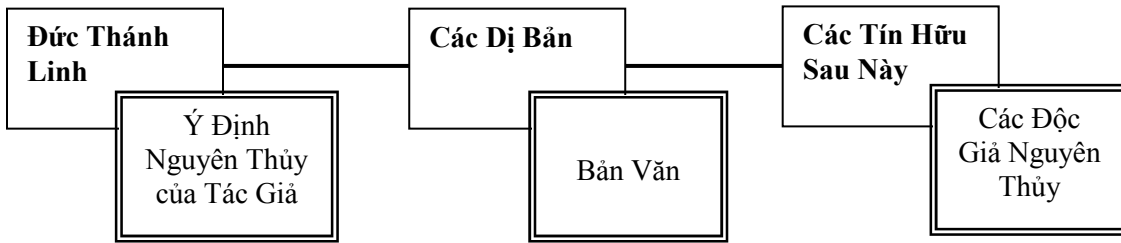
II. Các phương pháp không thích hợp

- A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ, và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ đốc nhân ngày nay.
- D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giả ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lỗi giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chặng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn nào, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Kinh thánh for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi Nhà Xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh. Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khản nài sử dụng nó một cách đúng đắn.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

- (1) Bối cảnh lịch sử
- (2) Bối cảnh văn chương
- (3) Cấu trúc ngữ pháp
- (4) Cách dùng từ ngày nay
- (5) Các phân đoạn song song có liên quan
- (6) Thể loại văn chương

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ đốc nhân thường bất đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất

1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Kinh thánh, Amplified Kinh thánh, Bản Diễn Ý)
2. Tìm mục đích trọng tâm của toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.

3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
 4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu
 - a. Các sách Cựu Ước
 - (1) Văn tường thuật Hy bá lai
 - (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
 - (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
 - (4) Các luật lệ
 - b. Các sách Tân Ước
 - (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
 - (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
 - (3) Thư tín
 - (4) Khải thị
- B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai**
1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
 2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
 3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba**
1. Đọc toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
 2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
 - a. Tác giả
 - b. Thời điểm
 - c. Người nhận
 - d. Lý do cụ thể viết sách này
 - e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
 - f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
 3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà bạn sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp bạn theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
 4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư**
1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
 - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
 - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
 - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Kinh thánh, Amplified Kinh thánh, Bản Diễn Ý)
 2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
 - a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
 - b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
 - c. Các khái niệm tương phản
 3. Liệt kê những mục sau đây
 - a. Các từ ngữ quan trọng
 - b. Các từ ngữ bất thường
 - c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
 - d. Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
 4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
 - a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề bạn đang nghiên cứu
 - (1) Các sách “thần học hệ thống”
 - (2) Các Kinh thánh đối chiếu
 - (3) Kinh thánh phù dẫn
 - b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề bạn nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh

thánh. Vì toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.

- c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một Tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của bạn về bối cảnh lịch sử và các dịp tiện
 - a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
 - b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cẩm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
 - c. Các sách nhập môn Kinh thánh
 - d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của bạn đến thời điểm này, bạn nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của bạn).

IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Bạn đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ bạn phải áp dụng nó trong cuộc sống của bạn, văn hóa của bạn. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa khi mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của bạn, và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho bạn. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Đê có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phát triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rin-tô 1:26-2:16).
- B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của bạn ngay lập tức
- E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- A. Trích từ sách *Kinh thánh Twisting*, của Gia-cơ Sire, trang 17-18:

“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa Lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyền sách đứng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giá định mà tôi muốn nêu ra trong toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến, và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

B. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:

Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng, và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh *như là Lời Đức Chúa Trời* một người phải đọc nó với tấm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cẩu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc Lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc Lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc Lời Đức Chúa Trời.”

C. Trích từ *The Relevance of the Kinh thánh*, của H.H. Rowley, trang 19:

“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh, và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Này

Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh được thiết kế nhằm giúp bạn trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

- A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi bạn đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” bạn nên kiểm tra lại thông tin này.
- B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp bạn thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
- C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phần chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
 1. Bản United Kinh thánh Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (UBS⁴)
 2. Bản New American Standard Kinh thánh, cập nhật năm 1995 (NASB)
 3. Bản New King Gia-cơ Version (NKJV)
 4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
 5. Bản Today’s English Version (TEV)
 6. Bản the New Jerusalem Kinh thánh (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lễ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn cho toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

- D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lĩnh vực sau:
1. Bối cảnh ngữ văn
 2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
 3. Các thông tin ngữ pháp
 4. Các nghiên cứu theo từ
 5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
- E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
1. Bản King Gia-cơ mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo Truyền thống gọi là bản Tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
 2. Bản Hiệu đính Tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
 3. Bản Tiếng Anh Ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Kinh thánh Society.
 4. Bản Jerusalem Kinh thánh (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
- F. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
1. Các dị bản
 2. Cách sử dụng từ
 3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
 4. Các bản văn không rõ ý
- G. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

GIỚI THIỆU VỀ GIĂNG

TUYÊN BỐ MỞ ĐẦU

- A. Mathio và Lu-ca bắt đầu với sự giáng sinh của Chúa Giêsu , Mác bắt đầu với phép Báptem , nhưng Giăng bắt đầu với thời điểm trướctạo hóa .
- B. Giăng trình bày đầy đủ vị thế Ngôi Chúacủa Giêsu Na-za-rét ngay từ câu đầu của chương đầu tiên và lập đi lập lại điều nhân mạnh này trong suốt Phúc Âm. Các sách Phúc Âm đầu tiên -(Synoptic – còn gọi là Phúc Âm Đồng Quan, do có cùng quan điểm) - che kín sự thật này cho đến phần cuối trìnhcuối sách (Bí mật của Đấng Mê-si-a)
- C. Rõ ràng Giăng phát triển Phúc Âm của mình trong ánh sáng của những điều cơ bản đã được khẳng định trong các Phúc Âm Đồng Quan. Ông cố gắng bổ sung và giải thích đời sống và giáo huấn của Chúa Giêsu nhằm đáp ứng các nhu cầu của Hội Thánh đầu tiên (cuối thế kỷ thứ nhất)
- D. Đường như Giăng cấu trúc thuyết trình về Giêsu - Đấng Mê-si-a xung quanh:
1. bảy phép lạ, (dấu hiệu) và giải thích của họ
 2. hai mươi bảy cuộc phỏng vấn và (hoặc) hội thoại với các cá nhân
 3. Một số nghi thức thờ phượng và ngày lễ:
 - a. ngày Sa-bát
 - b. Lễ Vượt Qua (x. Giăng 5-6)
 - c. Lễ Đèn Tạm (x. Giăng 7-10)
 - d. Hanukkah (xem. Giăng 10:22-39)
 4. Tuyên bố "Ta Là "
 - a. Liên quan đến Tên Thánh của Đức Chúa Trời (YHWH)
 - 1) Ta Là Đấng Ấy (Giăng 4:26; 8:24,28 ; 13:19 ; 18:5-6)
 - 2) Ta là Đấng đã cótrước Áp-ra-ham(Giăng 8:54-59)
 - b. Liên quan đến biểu hiện tượng trưng:
 - 1) Ta là bánh của sự sống (Giăng 6:35 , 41 , 48 , 51)
 - 2) Ta là ánh sáng thế gian (Ga 8:12)
 - 3) Ta là cái công chuồng chiên (Giăng 10:07 , 9)
 - 4) Ta là Người Chăn Chiên nhân lành (Giăng 10:11, 14)
 - 5) Ta là sự sống lại và là sự sống (Giăng 11:25)
 - 6) Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống (Giăng 14:6)
 - 7) Ta là cây nho thật (Giăng 15:1, 5)
- E. Sự khác biệt giữa Giăng và các sách Phúc Âm khác
1. Mặc dù mục đích chính của Giăng là thần học, cách sử dụng lịch sử và địa lý của ông cực kỳ chính xác và chi tiết. Lý do chính xác vì sao có sự khác biệt giữa các Phúc Âm Đồng Quan và Giăng không được biết một cách chắc chắn:
 - a. Khác biệt trong mục vụ ban đầu ở Giu-đa (làm sạch đền thờ)
 - b . Khác biệt về trình tự thời gian trong đời và trong tuần cuối của Chúa Giêsu
 - c . Khác biệt về tái cấu trúc thần học có mục đích

2. (Sinh viên) nên đề ra một chút thời gian để thảo luận về sự khác biệt rõ ràng giữa Giảng và Phúc Âm Đồng Quan Xin cho phép tôi được dẫn chứng ý ông George Eldon Ladd trong cuốn “Thần học Tân Ước” về sự khác biệt :

a. " Phúc Âm Thứ Tư khác các Phúc Âm Đồng Quan đến mức câu hỏi sau đây phải được trả lời nghiêm túc: “Đây là sự tường trình trung thực những giáo huấn của Chúa Chúa Giê-su, hay đức tin Cơ Đốc Giáo đã thay đổi truyền thống, đến mức lịch sử bị nuốt chửng trong sự giải thích thần học " (trang 215) .

b. " Giải pháp trong tâm tay gần nhất là những lời dạy của Chúa Giêsu được Giảng thể hiện trong thành ngữ. Nếu đây là giải pháp đúng, và dẫn đến kết luận rằng Phúc Âm Thứ Tư được Giảng diễn đạt bằng thành ngữ , một câu hỏi quan trọng tiếp được nảy sinh: Đến mức độ nào Phúc Âm thứ tư là thần học của Giảng, chứ không phải là của Chúa Giêsu ? Đến mức độ nào giáo huấn của Chúa Giêsu đã được đồng hóa trong tâm trí của Giảng, nên chúng ta chọn cách giải thích của Giảng, thay vì trình bày lời dạy của Chúa Giêsu một cách chính xác ? " (trang 215) .

c. Ladd cũng trích dẫn WF Albright từ "Khám Phá Gần Đây Ở Palestine và Phúc Âm Giảng" , trong cuốn “Bối cảnh Tân Ước và Lai Thế Học (hay Thế Mạt Học)”, biên tập bởi WD Davies và D. Daube

"Không có sự khác biệt cơ bản trong giảng dạy giữa Giảng và Phúc Âm Đồng Quan ; Sự tương phản được thấy tập trung theo truyền thống trên một số khía cạnh giáo huấn của Chúa Cứu Thế, đặc biệt là những điều giống như giáo huấn của Essenes một cách gần gũi nhất .

Hoàn toàn không có chứng cứ nào chứng minh rằng những lời dạy của Chúa Giêsu đã bị bóp méo, bị làm sai lệch, hoặc có một nguyên tố quan trọng mới nào đã được thêm vào. Hay các nhu cầu của Giáo Hội đầu tiên ảnh hưởng tới sự lựa chọn các chi tiết được đưa vào Phúc Âm theo cách dễ dàng thừa nhận. Nhưng trong thực tế không có bằng chứng nào chứng minh rằng nhu cầu nào của Giáo Hội là nguyên nhân dẫn đến phát minh, sáng chế quan điểm thần học đáng kể.

Một trong những giả thuyết kỳ quái của các nhà phê bình Tân Ước cùng các nhà thần học là tâm trí của Chúa Chúa Giê-su bị giới hạn tới mức: bất kỳ sự tương phản rõ ràng nào giữa Giảng và Phúc Âm Đồng Quan đều phát xuất từ sự khác biệt quan điểm giữa các nhà thần học Cơ Đốc đầu tiên. Mỗi tư tưởng và cá tính vĩ đại sẽ được giải thích một cách khác nhau bởi bạn bè và người nghe. Họ sẽ chọn những gì có vẻ đồng tình hoặc hữu ích nhất cho họ trong những điều đã thấy và đã nghe "(tr. 170-171) .

d. Và một dẫn chứng nữa từ George E. Ladd :

"Sự khác biệt giữa nhóm Phúc Âm Đồng Quan và Giảng không phải là Phúc Âm Giảng có tính thần học và những Phúc Âm khác thì không. Tất cả đều mang tính thần học theo những cách khác nhau. Lịch sử được giải nghĩa có thể trình bày các thực tế của một tình huống, một cách nhiều hơn so với một biên niên sử của các sự kiện . Nếu Phúc Âm Giảng là văn kiện giải thích thần học, nó giải thích các sự kiện mà Giảng tin chắc đã xảy ra trong lịch sử. Rõ ràng điều này không phải là mục đích của các sách Phúc Âm Đồng Quan, tường trình kiểu “ iThi-thiênissima Verba” (lời chính xác) của Chúa Chúa Giê-su, hay là tiểu sử của các sự kiện của cuộc đời Chúa. Phúc Âm Đồng Quan là chân dung của Chúa Giêsu và tóm lược những giáo huấn của Ngài. Mathiơ và Lu-ca cảm thấy mình có thể được phép sắp xếp lại tài liệu trong Mác và trình bày sự giảng dạy của Chúa Giêsu với một sự tự do đáng kể. Nếu Giảng sử dụng sự tự do trong mức độ cao hơn Ma-thi-ơ và Lu-ca , thì điều đó đến từ lòng mong muốn dựng nên một chân dung sâu sắc hơn và cuối cùng là thực tế hơn của Chúa Giêsu "(tr. 221-222) .

TÁC GIẢ

A. Phúc Âm (thứ tư) tuy vô danh nhưng gợi ý Giảng là tác giả

1. Tác giả - một nhân chứng tận mắt (x. Giảng 19:35)
2. câu " môn đệ yêu dấu " (cả hai Giám Mục Polycrates và Irenaeus xác định ông là môn đệ Giảng)
3. Giảng , con trai của Zê-bê-đê , không bao giờ được đề cập bởi tên

B. Rõ ràng bối cảnh lịch sử từ chính Phúc Âm, do đó vấn đề tác giả là ai không phải là một yếu tố giải kinh quan trọng. Sự khẳng định tác giả được Thánh Linh cảm hứng quan trọng hơn !

Quyền tác giả và thời điểm của Phúc Âm Giăng không ảnh hưởng đến sự cảm hứng, nhưng ảnh hưởng sự giải kinh. Các nhà giải kinh tìm kiếm một bối cảnh lịch sử, một cơ hội đòi hỏi cuốn sách được viết. Độ giản nên so thuyết nhị nguyên của Giăng với:

1. hai lứa tuổi (thế hệ) người Do Thái
2. giáo viên của sự công bình theo Qumran
3. tôn giáo Zoroastrian (Hỏa giáo (Zoroastrianism) còn được gọi là Bái hỏa giáo, Hỏa yêu giáo, hoặc Đạo Zarathushtra)
4. Tư tưởng Tri Huệ Giáo - Ý tưởng ngộ đạo (Gnostic)
5. Quan điểm độc đáo của Chúa Giêsu ?

C. Theo truyền thống ban đầu, Môn Đệ Giăng, con trai của Zê-bê-đê, là nguồn dữ liệu và chứng nhân tận mắt. Điều này cần phải được làm rõ bởi vì các nguồn thông tin bên ngoài trong thế kỷ thứ hai dường như liên kết người khác là tác giả của Phúc Âm Giăng:

1. Tín hữu và các trưởng lão Êphê-sô khuyến khích Sứ Đồ Giăng, nay đã lớn tuổi, viết Sách Phúc Âm (Eusebius trích Clement of Alexandria)
2. Một đồng đội là Sứ Đồ Anh-rê (các Muratorian Fragment, 180-200 SAU C.N, từ Rô-mae)

D. Một số học giả hiện đại đã giả định một tác giả khác, dựa trên một số giả định về phong cách và chủ đề của Phúc Âm. Nhiều người giả định thời điểm viết trong giai đoạn đầu thế kỷ thứ hai (trước 115 S.C.N) :

1. được viết bởi một môn đồ của Giăng (một người thuộc vòng ảnh hưởng của Giăng), qua trí nhớ về lời dạy của Giăng (J. Weiss, B. Lightfoot, CH Dodd, O. Cullmann, RA Culpepper, CK Barrett)
2. được viết bởi "một trưởng lão tên Giăng" (một trong một loạt các nhà lãnh đạo đầu từ châu Á chịu ảnh hưởng thần học và thuật ngữ của Sứ đồ Giăng), theo gợi ý của một đoạn văn khó hiểu trong Papias (70-146 SAU C.N) trích dẫn của Eusebius (280-339 SAU C.N)

E. Bằng chứng cho Giăng là nguồn chính cho các vật liệu dùng viết Phúc Âm Giăng

1. bằng chứng nội bộ

- a. tác giả biết giáo huấn của người Do Thái, nghi lễ và quan điểm của họ từ cự ước
- b. tác giả biết rõ Palestine, Jerusalem và bối cảnh lịch sử trước năm 70 SCN
- c. tác giả tuyên bố mình là một nhân chứng

- 1) Giăng 1:14
- 2) Giăng 19:35
- 3) Giăng 21:24

d. tác giả là một thành viên của nhóm môn đồ, vì ông quen thuộc với :

- 1) chi tiết về thời gian và địa điểm (ban đêm Chúa bị bắt)
- 2) Các chi tiết của số lượng (chậu nước trong Giăng 2:06 và cá bắt được trong Giăng 21:11)
- 3) Các chi tiết của người trong cuộc
- 4) tác giả biết rõ về thông tin chi tiết và phản ứng trong các sự kiện
- 5) dường như tác giả được gọi là " môn đệ yêu dấu "

 - a) Giăng 13:23,25
 - b) Giăng 19:26-27
 - c) Giăng 20:2-5,8
 - d) Giăng 21:07, 20-24

- 6) tác giả có vẻ là một thành viên của nhóm môn đồ thân cận, cùng với Phi-ê-rô
 - a) Giăng 13:24
 - b) Giăng 20:02
 - c) Giăng 21:07
- 7) tên Giăng, con trai của Zê-bê-đê, không bao giờ xuất hiện trong Phúc Âm này, Điều này có vẻ bất thường vì ông là một thành viên của nhóm Môn Đồ thân cận.

2. Bằng chứng bên ngoài

a. Phúc Âm được biết đến bởi

- 1) Irenaeus (Sau C.N 120-202), người có liên quan với Polycarp, biết Sứ Đồ Giảng (Lịch sử Eccleasticus Eusebius ' 5:20:6-7) - " Giảng môn đệ của Chúa, người dựa mình vào ngực Chúa và bản thân truyền giảng Phúc Âm tại Ê-phê-sô Tiểu Á " (Haer , 03:01:01 , trích dẫn trong Eusebius ' Hist. Truyền-đạo . 05:08:04) .
- 2) Clement Alexandria (153-217 Sau C.N) - " Giảng được bạn bè mình khích lệ và được Đức Chúa Trời tác động bởi Thánh Linh , đã viết một Phúc Âm thuộc linh " (Eusebius ' Lịch sử Eccleasticus 06:14:07)
- 3) Justin Martyr (Sau C.N 110-165) trong đối thoại của mình với Trypho 81:4
- 4) Tertullian (145-220 sau C.N)

b . Giảng được các nhân chứng đầu tiên khẳng định là tác giả.

- 1) Polycarp (70-156 Sau C.N , ghi lại bởi Irênê), vị giám mục của Smyrna (Sau C.N 155)
- 2) Papias (70-146 Sau C.N , ghi lại bởi Anti- Marconite Prologue từ Rô-mae và Eusebius) , vị giám mục của Hierapolis xứ Phrygia và được cho biết là một đệ tử của Sứ Đồ Giảng

F. Lý do nghi ngờ quyền tác giả của Giảng theo truyền thống

1. Sự liên hệ của Phúc Âm Giảng với các chủ đề "Tri Huệ Giáo"
- 2 . Phụ lục rõ ràng của chương 21
- 3 . Sự chênh lệch trình tự thời gian so với các Phúc Âm Đồng Quan
- 4 . Giảng sẽ không tự gọi mình là "người môn đệ yêu dấu "
- 5 . Chúa Giêsu trong Phúc Âm Giảng sử dụng từ vựng và các thể loại khác với trong Phúc Âm Đồng Quan

G. Nếu giả định tác giả là Sứ Đồ Giảng thì chúng ta có thể biết gì về ông ?

1. Ông viết từ Êphê-sô (Irênê nói "ban hành Phúc Âm từ Êphê-sô ")
- 2 . Ông viết khi đã cao tuổi (Irênê nói rằng Giảng sống cho đến triều đại Trajan , Sau C.N 98-117)

THỜI ĐIỂM VIẾT

A. Nếu giả thiết tác giả là sứ đồ Giảng,

1. Bằng chứng Giảng viết trước năm 70 SCN, (thời điểm Jerusalem bị phá hủy bởi Titus Vị Tướng La Mã, sau này là Hoàng đế):
 - a. Trong Giảng 05:02 , Tại Giê-ru-sa-lem, gần cửa Chiên, có một hồ nước, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Bê-tết-đa. Hồ có năm vòm cửa... "
 - b. sử dụng cụm từ "các môn đồ" để ám chỉ nhóm môn đồ đầu tiên.
 - c. các phát hiện trong Dead Sea Scrolls, cho thấy yếu tố Tri Huệ Giáo là một phần của thuật ngữ thần học của thế kỷ thứ nhất
 - d. không đề cập đến sự tàn phá của ngôi đền và thành phố Jerusalem trong năm 70Sau C.N
 - e. nhà khảo cổ học nổi tiếng người Mỹ WF Albright khẳng định thời điểm viết Phúc Âm Giảng vào cuối những năm 70 hoặc đầu những năm 80 SCN
- 2 . Bằng chứng Giảng viết trong phần sau của thế kỷ đầu tiên:
 - a. thần học của Giảng đã phát triển
 - b . Sự sụp đổ của Jerusalem không được đề cập, bởi vì nó xảy ra khoảng hai mươi năm trước đó
 - c . Sử dụng từ ngữ và nhấn mạnh theo ảnh hưởng của Tri Huệ Giáo
 - d . Theo truyền thống sơ khởi của Giáo Hội
 - 1) Irênê
 - 2) Eusebius

B. Nếu chúng ta giả thiết " Trưởng lão Giảng" là tác giả, thời điểm viết dễ có thể rơi vào giữa thế kỷ thứ hai. Lý thuyết này bắt đầu với việc Dionysius từ chối ' Sứ Đồ Giảng là tác giả (vì lý do văn học) . Eusebius - người

đã từ chối Sứ Đồ Giảng là tác giả của Khải Huyền vì những lý do thần học - cảm thấy mình đã tìm thấy một "Giăng" khác vào đúng thời và đúng chỗ, theo trích dẫn Papias (Lịch sử Eccleasticus 3:39:5,6) trong đó liệt kê hai " Giăng ": (1) Sứ Đồ và (2) Trưởng lão) .

ĐỘC GIẢ

- A. Đầu tiên, Phúc Âm Giảng được viết cho các giáo hội của tỉnh Tiểu Á của La Mã , đặc biệt là Ê-phê-sô.
- B. Do sự đơn giản uyên thâm và chiều sâu câu chuyện về cuộc sống và con người của Chúa Giêsu Na-za-rét, Phúc Âm Giảng đã trở thành một Phúc Âm yêu thích cho cả người Do-thái sống ở ngoại bang (Hellenistic) và dân ngoại tin Chúa và các nhóm Tri Huệ Giáo .

MỤC ĐÍCH

- A. Phúc Âm Giảng khẳng định mục đích truyền giáo, Giảng 20:30-31
 - 1. cho độc giả Do Thái
 - 2. cho độc giả ngoại
 - 3. cho độc giả từ nhóm Tri Huệ Giáo phiêu bạt
- B. Phúc Âm Giảng có nỗ lực biện giáo (apologetic)
 - 1. Chống lại tín đồ cuồng tín theo Giảng Báp-tít
 - 2. Chống lại các giáo sư giả thuộc Tri Huệ Giáo phiêu bạt (đặc biệt trong Lời Tựa) ; những giáo lý sai trật theo Tri Huệ Giáo cũng tạo nên bối cảnh sách Tân Ước khác :
 - a. Ê-phê-sô
 - b. Cô-lô-se-sê
 - c. các thư tín mục vụ (1 Timothy , Tít , 2 Timothy)
 - d. Từ Thư Giảng thứ Nhất (Thư Giảng Thứ Nhất có thể đóng vai trò như một trang giới thiệu cho Phúc Âm Giảng)
- C. Có thể mục đích Phúc Âm Giảng trong câu 20:31 là khuyến khích sự kiên trì cũng như truyền giáo, vì ông thường dùng thì hiện tại để mô tả sự cứu rỗi . Trong ý nghĩa này Phúc Âm Giảng , cũng như thư Gia-cơ cân bằng sự quá-nhấn-mạnh thần học Phao-lô trong vòng một số nhóm ở Tiểu Á (x. 2 Phi-e-ro 3:15-16) . Điều ngạc nhiên là theo truyền thống Hội thánh đầu tiên, Giảng được xác định liên hệ với Ê-phê-sô, chứ không phải Phao-lô (x. Phi-ê-rơ FF Bruce , Phi-ê-rơ, StÊ-phê-sô, Gia-cơ, Giảng: Studies in Non-Phao-lôine Cơ-đốc giáo” - “Sách Phi-ê-rơ, StÊ-phê-sô, Gia-cơ, Giảng: Nghiên cứu Cơ Đốc Giáo bên ngoài thần học Phao-lô” , trang 120-121) .
- D. Lời kết (Giăng 21) dường như để trả lời một số câu hỏi cụ thể của Hội Thánh đầu tiên
 - 1. Giảng bổ sung các câu chuyện mà Phúc Âm Đồng Quan bỏ qua. Tuy nhiên , ông tập trung vào mục vụ tại Giu-đa, đặc biệt là Jerusalem.
 - 2. Ba câu hỏi bao gồm trong Phụ lục , Giảng 21
 - a. Sự phục hồi Phê-rô
 - b. Tuổi thọ của Giảng
 - c. Chúa Giêsu Giê-su trì hoãn sự Tái lâm
- E. Một số người xem Giảng giảm bớt sự nhấn mạnh về nghi lễ bằng cách làm nger hoặc không ghi lại, không thảo luận các sắc lệnh, mặc dù có cơ hội tuyệt vời trong bối cảnh của Giảng 3 (phép Báp-tem) và Giảng 6 (Tiệc Thánh)

ĐẶC ĐIỂM TRONG ĐỀ CƯƠNG PHÚC ÂM GIĂNG

- A. Lời Tựa mang tính triết học / thần học (Giăng 1:1-18) và Lời Kết mang tính thực tế (Giăng 21)
- B. Bảy dấu hiệu phép lạ trong chức vụ công cộng của Chúa Giêsu (chương Giảng 2-12) và cách giải thích dấu hiệu phép lạ đó
 - 1. thay đổi nước thành rượu tại tiệc cưới Cana (Giảng 2:1-11)

2. chữa lành các con trai của viên chức tòa án tại Capernaum (Giăng 4:46-54)
3. chữa lành người què tại hồ bơi Bethesda ở Jerusalem (Giăng 5:1-18)
4. cho ăn khoảng 5.000 miền Galilee (Giăng 6:1-15)
5. đi bộ trên biển Galilee (Giăng 6:16-21)
6. chữa bệnh của người mù ở Jerusalem (Giăng 9:1-41)
7. Khiến Lazarus sống dậy ở Bethany (Giăng 11:1-57)

C. Các cuộc phỏng vấn và đối thoại với các cá nhân

1. Với Giăng Báp-tít (Giăng 1:19-34 ; 3:22-36)
2. Với các môn đệ
 - a. Với Anh-rê và Phi-ê-rô (Giăng 1:35-42)
 - b. Với Phi-líp và Nathanael (Ga 1:43-51)
3. Với Ni-cô-đem (Ga 3:1-21)
4. Với người phụ nữ Sa-ma-ria (Giăng 4:1-45)
5. Với Người Do Thái ở Jerusalem (Giăng 5:10-47)
6. Với đám đông ở Ga-li-lê (Giăng 6:22-66)
7. Với Phi-ê-rô và các môn đệ (Ga 6:67-71)
8. Với anh em của Chúa Giêsu (Giăng 7:1-13)
9. Với Người Do Thái ở Jerusalem (Giăng 7:14-08:59 ; 10:1-42)
10. Với các môn đệ trong căn phòng trên lầu (Giăng 13:01-17:26)
11. Với Bắt giữ người Do Thái và thử nghiệm (Giăng 18:1-27)
12. Với Thử nghiệm La Mã (Giăng 18:28-19:16)
13. cuộc trò chuyện sau phục sinh, 20:11-29
 - a. với Maria
 - b. với mười Môn Đồ
 - c. với Tô-ma
14. Với Phi-ê-rô trong hội thoại cuối cùng , Giăng 21:1-25
15. (Giăng 7:53-8:11 , câu chuyện người phụ nữ ngoại tình , không phải là một phần của Phúc Âm Thánh Giăng nguyên bản!)

D. Một số ngày thờ phượng / lễ

1. các ngày Sa-bát (Giăng 05:09 ; 7:22; 9:14; 19:31)
2. các Lễ Vượt qua (Giăng 2:13; 6:4; 11:55 ; 18:28)
3. Lễ lều tạm (Giăng 8-9)
4. Hanukkah (lễ hội ánh sáng, xem. Giăng 10:22)

E. Sự Dụng lời tuyên bố: “Ta Là”

1. "Ta Là Đấng Ấy " (Giăng 04:26 ; 06:20 ; 8:24,28,54-59 ; 13:19 ; 18:5-6,8)
2. "Ta Là bánh của sự sống" (Giăng 6:35,41,48,51)
3. "Ta Là ánh sáng thế gian " (Ga 8:12; 9:5)
4. "Ta Là cửa chuồng chiên " (Giăng 10:7,9)
5. "Ta là mục tử tốt lành " (1Giăng 0:11,14)
6. "Ta là sự sống lại và là sự sống" (Giăng 11:25)
7. " Ta là đường , là sự thật và là sự sống" (Giăng 14:6)
8. "Ta là cây nho thật " (Giăng 15:1,5)

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này trong một lần đọc. Viết ra chủ đề trọng tâm của toàn bộ sách bằng chữ của bạn.

1. Chủ đề của toàn bộ sách

2. Thể loại văn chương

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu đề diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân...

GIẢNG 1
CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI ¹

UBS	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ngôi lời thành thể xác	Ngôi lời đời đời	Lời tựa	Ngôi lời hằng sống	Lời tựa
1:1-5	1:1-5	1:1-5	1:1-5	1:1-18
	Giăng - Chứng nhân Ánh Sáng			
1:6-13	1:6-13	1:6-9 1:10-13	1:6-9 1:10-13	
	Ngôi lời thành thể xác			
1:14-18	1:14-18	1:14-18	1:14 1:15 1:16-18	
Lời chứng Giăng Báp-tít	Tiếng kêu từ đồng vắng	Lời chứng Giăng Báp-tít	Sứ điệp Giăng Báp-tít	Lời chứng của Giăng
1:19-28	1:19-28	1:19-23 124-28	1:19 1:20 1:21a 1:21b 1:21c 1:22a 1:22b 1:23 1:24-28 1:24-25 1:26-27 1:28	1:19-28
Chiên Con của ĐCT	Chiên Con của ĐCT		Chiên Con của ĐCT	
1:29-34	1:29-34	1:29-34	1:29-31 1:32-34	1:29-34
Những môn đồ đầu tiên	Những môn đồ đầu tiên	Lời chứng của những môn đồ đầu tiên	Những môn đồ đầu tiên	Những môn đồ đầu tiên
1:35-42	1:35-42	1:35-42	1:35-36 1:37-38a 1:38b 1:39 1:40-42a 1:42b	1:35-39 1:40-42
Phi-lip, Na-tha-na-en được kêu gọi	Phi-lip, Na-tha-na-en		Chúa Chúa Giê-su kêu gọi Phi-lip, Na-tha-na-en	
1:43-51	1:43-51	1:43-51	1:43-45 1:46a 1:46b 1:47	1:43-51

¹ * Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phân đoạn và tóm tắt đoạn. Hiển nhiên, câu 1-5, 6-10, 11-17, và 18-24 là những đơn vị tư tưởng (những phân đoạn). Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình là bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ. **Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.**

			1:48a 1:48b 1:49 1:50-51	
--	--	--	-----------------------------------	--

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ NHẤT

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “buông thả” điều này cho nhà giải kinh.

Một lần ngồi đọc trọn vẹn cả cuốn sách. Xác định chủ đề trọng tâm của cuốn sách bằng chính lời văn của mình,

1. Chủ đề của cả cuốn sách.
2. Thể loại văn chương của cuốn sách (thư tín, lịch sử, khôn ngoan, tiên tri?)

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ HAI (xem trang *)**

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định bố cục các tiêu đề và viết các tiêu đề bằng chính lời của mình trong một câu ngắn.

1. Tiêu đề của đơn vị văn chương đầu tiên
(đơn vị văn chương: Phần, phân đoạn và đoạn. Phần gồm nhiều chương phân đoạn gồm nhiều đoạn và đoạn gồm nhiều câu)
2. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ hai
3. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ ba
4. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ tư
5. vân vân

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 1-18

- A. Phác thảo thần học của một bài thơ, thánh ca, tuyên ngôn
 1. Đấng Christ Đòi Đòi, Thần Linh, Tạo Hóa, Cứu Chuộc, vv. 1-5 (Chúa Giê-su Ngôi Lời)
 2. Lời chứng tiên tri về Đấng Christ, vv. 6-9,15 (Chúa Giê-su là Ánh Sáng)
 3. Đấng Christ nhập thể bày tỏ Đức Chúa Trời vv. 10-18 (Chúa Giê-su là Con)
- B. Cấu trúc thần học các câu. 1-18 và chủ đề lặp đi lặp lại
 1. Chúa Giê-su đã có cùng với Đức Chúa Cha (1a)
 2. Chúa Giê-su trong sự tương giao mật thiết với Đức Chúa Cha (1b, 2, 18c)
 3. Chúa Giê-su có cùng mọi bản chất như Đức Chúa Cha (1c, 18b)
 4. Chúa Giê-su là phương tiện cứu rỗi và tiếp nhận con nuôi của Đức Chúa Cha
 5. Nhập thể, Thần Đức trở nên phàm nhân
 6. Mặc khải, Thần Đức được bày tỏ và thông hiểu (18d)
- C. Bối cảnh từ Logos (Lời Phán) trong tiếng Do-thái và Hy-lạp
 1. Bối cảnh Do-thái

- a. Quyền năng của Lời Phán (Ê-sai 55:11; Thi-thiên. 33:6; 107:20; 147:15,18), trong Tạo Hóa (Gen. 1:3,6,9,11,14,20,24, 26,29) và trong sự chúc phước của các bậc tiền bối (Gen. 27:1ff; 49:1)
 - b. Châm ngôn 8:12-23 nhân cách hóa sự khôn ngoan là tạo vật đầu tiên của Đức Chúa Trời và là phương tiện tạo hóa tất cả mọi sự sau đó (xem. Thi-thiên. 33:6 một sách ngoài Kinh Thánh: Sự khôn ngoan của Sa-lô-môn, 9:9)
 - c. Targums (bản dịch và giải kinh tiếng A-ram) thay chữ Logos bằng cụm từ Lời của Đức Chúa Trời bởi họ không an tâm với khái niệm giống người của Ngôi Lời (because of their discomfort with anthropomorphic terms)
2. Bối cảnh Hy-lạp
- a. Heracleitus – Thế giới thay đổi liên tục, Thần Linh vô tư, vô cảm và Ngôi Lời không hề biến đổi đã bảo toàn và hướng dẫn sự thay đổi của thế giới.
 - b. Plato – Thần Linh vô tư, vô cảm và Ngôi Lời không hề biến đổi gìn giữ các hành tinh theo quỹ đạo và xác định các mùa
 - c. Stoics – Ngôi Lời mang tính bản vô tư là căn nguyên và quản trị của thế giới ,
 - d. Phi-lo – Nhân cách hóa Ngôi Lời với tư cách “Thầy Tế Lễ tối cao đặt để linh hồn của loài người trước Đức Chúa Trời,” hay là “nhịp cầu” giữa người và Đức Chúa Trời,” hay là “cái cần điều khiển” mà Người Lái của cả vũ trụ dùng để lái mọi sự (*kosmocrater*)
- D. Các yếu tố triết học / thần học theo Tri Huệ Giáo được phát triển trong thế kỷ thứ hai S.C.N
1. Thuyết bản thể nhị nguyên về sự đối lập đời đời giữa tâm linh và thuộc thể,
 2. Thuộc thể xấu xa và bướng bỉnh, tâm linh thì tối lành
 3. Hệ thống Tri Huệ giáo thiết lập các mức độ linh thần, (*aeons*) giữa Vị Thần tối cao tốt lành và vị thần nhỏ hơn là đấng có thể tạo ra vật chất. Nhiều người (như Marcion) cho vị thần nhỏ hơn này là Giê-hô-va của Cựu ước
4. Sự cứu rỗi bởi
- a. Kiến thức bí mật và mật mã cho phép một cá nhân đi qua những mức độ linh thần trên đường tiến tới sự hiệp một với Đức Chúa Trời
 - b. Một tia chớp thiêng liêng trong mỗi con người mà tự họ không biết cho đến khi họ có được kiến thức bí mật
 - c. Một sứ giả đặc biệt mặc khải kết thức bí mật cho nhân loại. (Thần Linh Đấng Christ)
5. Một hệ thống tư tưởng khẳng định ngôi vị Thần Đức của Chúa Giê-su, nhưng từ chối Chúa giáng sinh là thực hữu, và từ chối Ngài ở vị trí trọng tâm!
- E. Bối cảnh lịch sử
1. Câu 1-18 là những nỗ lực liên hệ ý tưởng người đọc Do-thái và Hy-lạp qua sự sử dụng từ: Logos – ngôi lời.
 2. Sự sai lầm của Tri Huệ Giáo là nền tảng triết học cho lời tựa với cấu trúc hết sức chặt chẽ. Thơ Giảng thứ nhất có thể là phần giới thiệu Phúc Âm Giảng. Tri Huệ Giáo không được biết đến qua văn tự cho đến thế kỷ thứ hai, nhưng phôi thai của nó được phát hiện trong tài liệu “văn tự Biển Chết” (Dead Sea Scrolls)” và Phi-lô.
 3. Các Phúc Âm Đồng Quan (đặc biệt là Mác) che khuất ngôi vị Thần Đức của Chúa Giê-su cho đến khi Chúa bị đóng đinh tại Can-vê, còn Phúc âm Giảng, được viết mãi sau này, ngay trong chương 1 đã phát triển chủ đề Chúa Giê-su trọn vẹn là Đức Chúa Trời và trọn vẹn là con người (Danh hiệu Con Người xem Ê-xơ-chiên. 2:1 và Đa-ni-en 7:13) .
- F. Xem chủ đề đặc biệt: Giảng 1 so với I Giảng 1 tại phần giải kinh câu I Giảng 1:1.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

Bản NASB (hiệu đính RRV2011) Giảng 1:1-5

¹Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở với Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời. ²Từ ban đầu, Ngài ở với Đức Chúa Trời. ³Muôn vật đều do Ngài tạo dựng, không một loài thọ tạo nào được tạo dựng mà không bởi Ngài. ⁴Trong Ngài có sự sống, sự sống là ánh sáng cho loài người. ⁵Ánh sáng soi trong bóng tối, nhưng bóng tối không tiếp nhận ánh sáng.

1:1 “Ban đầu” phản chiếu câu Sáng Thế ký Sáng thế 1:1 đồng thời cũng được sử dụng trong I Giăng 1:1, ám chỉ sự giáng sinh, nhập thể. Có thể thơ Giăng thứ nhất là phần giới thiệu Phúc Âm Giăng. Cả hai đều đã động đến Tri Huệ giáo. Câu 1-5 đều khẳng định Chúa Giê-su Đấng Christ là Thần Đức đã có trước Tạo Hóa. (xem. 1:15; 8:56-59; 16:28; 17:5; II Cô-rin-tô. 8:9; Phi-lip. 2:6-7; Cô-lô-se-se. 1:17; Hê-bơ-rơ 1:3; 10:5-9).

Tân Ước được mô tả như:

1. Một Tạo Hóa mới, không như trước bởi sự Sa Ngã Tội Lỗi (ví dụ., Sáng Thế. 3:15 trở nên hiện thực cho nhân loại)
2. Một Chinh Phục mới (Đất Hứa)
3. Một Xuất Hành mới (Tiên Tri thành hiện thực)
4. Một Mô-sê mới (Nhà Làm Luật)
5. Một Giô-suê mới (xem. Hê-bơ-rơ 4:8)
6. Phép lạ mới với nước (xem. Hebrews 3-4)
7. Một Ma-na mới (xem. Giăng 6)

Và nhiều điều mới khác tìm thấy đặc biệt trong sách Hê-bơ-rơ.

Chủ Đề Đặc Biệt: KHỞI ĐẦU, BAN ĐẦU *ARCHĒ*

Thuật ngữ chính trong tiếng Hy-lạp là *archē*, có nghĩa là khởi đầu, hoặc xuất xứ một cái gì đó, như:

1. Khởi đầu trật tự sáng tạo (xem. Giăng 1:1; I Giăng 1:1; Hê-bơ-rơ 1:10)
2. Khởi đầu Phúc Âm (xem. Mác 1:1; Phil. 4:15; II Thê-sa. 2:13; Hê-bơ-rơ 2:3)
3. Nhân chứng đầu tiên (xem. Lu-ca 1:2)
4. Khởi đầu các dấu kỳ, phép lạ, xem. Giăng 2:11)
5. Khởi đầu các nguyên tắc (xem. Hê-bơ-rơ 5:12)
6. Khởi đầu sự đảm bảo bởi sự thật Phúc Âm (xem. Hê-bơ-rơ 3:14)
7. Sự khởi đầu, Cô-lô. 1:18; Khải huyền 3:14

Sự khởi đầu được dùng với sự cai trị quyền bính của:

1. Vị lãnh tụ trong vòng loài người
 - a. Lu-ca 12:11
 - b. Lu-ca 20:20
 - c. Rô-maans 13:3; Titus 3:1
2. Thâm quyền trong vòng thiên sứ
 - a. Rô-mans 8:38
 - b. I Cô-rin. 15:24
 - c. Ê-phê-sô. 1:21; 3:10; 6:12
 - d. Cô-lô. 1:16; 2:10,15
 - e. Jude v. 6

Những giáo sư giả này coi thường tất cả thâm quyền trên trời dưới đất Họ là những kẻ tự do chủ nghĩa ngạo mạn, đặt bản thân mình trên cả Đức Chúa Trời, thiên sứ, thâm quyền thuộc thể và lãnh đạo giáo hội

▣ **“đã có, ở với, là”** (ba lần) Đây là thì chưa hoàn thành (imperfect tense, đang diễn ra trong quá khứ), (xem câu 1,2,4,10) đặt tiêu điểm vào sự hiện diện liên tục trong quá khứ. Thì này được sử dụng để khẳng định Logos Ngôi Lời tiên tại - đã có từ trước tạo hóa, (xem. 8:57-58; 17:5,24; II Cô-rin-tô. 8:9; Cô-lô-se. 1:17; Hê-bơ-rơ 10:5-7) khác với thì quá khứ (aorist tense-đã xảy ra) trong câu. 3, 6 and 14.

▣ **“Ngôi Lời”** Tiếng Hy-lạp Logos mang ý nghĩa một sứ điệp, chứ không phải là một từ vựng đơn độc. Trong văn mạch tiếng Hy-lạp Logos là căn nguyên thể giới và trong tiếng Hê-bơ-rơ là sự khôn ngoan. Giăng chọn Lời Đức Chúa Trời vừa là nhân vật, vừa là sứ điệp, xem kiến giải văn mạch, phần C.

▣ **“Với Đức Chúa Trời”** trạng từ “Với” có thể viết lại “đối mặt.” Nó phản ánh mối liên hệ mật thiết, một thần tính và ba Thần Đức (xem chủ đề đặc biệt Ba Ngôi trong phần giải kinh đoạn 14:26). Tân Ước cho thấy một nghịch lý: là Chúa Giê-su vừa tách biệt, nhưng hiệp một với Cha.

▣ **“Ngôi Lời là Đức Chúa Trời”**, động từ “là” ở thì chưa hoàn thành (- imperfect tense: như trong câu v. 1a). Trong câu này và câu 18, sự thiếu mạo từ bất định trước chủ từ “Theos” (Đức Chúa Trời), cũng như vị trí

đứng trước của chủ từ trong cấu trúc câu tiếng Hy-lạp khẳng định mạnh mẽ Thần Đức trọn vẹn của Ngôi Lời từ trước Tạo Hóa. Ngài không là Đức Chúa Cha, nhưng Ngài có đầy đủ thần tánh như Cha. (xem. 5:18; 8:58; 10:30; 14:9; 17:11; 20:28; Rô-ma. 9:5; Hê-bơ-rơ 1:8; II Pet. 1:1). Chúa Giê-su trọn vẹn Thần Linh và trọn vẹn con người (xem. I Giăng 4:1-3). (F. Bruce, *Answers to Questions*, p. 66).

Tân Ước khẳng định Thần Đức trọn vẹn của Chúa Giê-su Na-za-ret, nhưng bảo vệ sự khác biệt của Ngôi Hai đối với Cha. Thần tánh được nhấn mạnh trong Giăng 1:1; 5:18; 10:30,34-38; 14:9-10; and 20:28, trong khi sự khác biệt lại được nhấn mạnh trong Giăng 1:2,14,18; 5:19-23; 8:28; 10:25,29; 14:11,12,13,16.

1:2 Lặp lại câu 1 và nhấn mạnh sự thật kinh hoàng trong ánh sáng Nhất Thần Luận, rằng Chúa Giê-su, giáng sinh năm 6-5 T.C.N, đã có từ khởi đầu cùng Cha và vì vậy Ngài là Thần Đức.

1:3 “Muôn vật đều do Ngài tạo dựng” Ngôi Lời ở cùng với Cha, qua Ngôi Lời Cha đã sáng tạo tất cả muôn vật có thể và không thể thấy được (xem. câu. 10; I Cô-rin-tô. 8:6; Cô-lô-se. 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2). Điều này tương tự với vai trò của sự khôn ngoan trong Thi-thiên. 104:24 và Châm ngôn. 3:19; 8:12-23 (trong tiếng Do-thái, “sự khôn ngoan” mang giống cái

▣ **“không một loài thọ tạo nào được tạo dựng mà không bởi Ngài”** Đây là sự phản biện đối với Tri Huệ Giáo dạy dỗ về các đẳng cấp linh thần, từ một thần tối cao, tốt lành tới một thần cấp thấp đã tạo ra vật chất trước-tạo- hóa. (xem giải kiến văn mạch, phần D).

1:4 “Trong Ngài có sự sống” Câu này nhấn mạnh sự sống đến từ Đức Chúa Con, Ngôi lời. Giăng dùng từ “zoē” để nhấn mạnh sự sống phục sanh, sự sống đời đời của Đức Chúa Trời (xem. 1:4; 3:15,36; 4:14,36; 5:24,26,29,39,40; 6:27,33,35,40,47,48,51,53, 54,63,65, etc). Một từ “sự sống” khác trong tiếng Hy-lạp là “bios” chỉ về sự sống sinh học, sự sống trên trái đất (xem. I Giăng 2:16).

▣ **“sự sống là ánh sáng cho loài người”** Ánh sáng là ẩn dụ thường được Giăng dùng để thể hiện sự thật và tri thức của Đức Chúa Trời (xem. Giăng 3:19;8:12; 9:5; 12:46). Đề ý sự sống cho tất cả loài người (có thể được ám chỉ trong Thi thiên 36:5-9)! Ánh sáng và bóng tối là chủ đề thường xuyên được dùng trong “Văn tự Biển Chết” (“Dead Sea Scrolls”). Giăng thường thể hiện những khái niệm và phân hạng đối kháng với nhau.

1:5 “Ánh sáng soi trong bóng tối” Đây là thì hiện tại, luôn luôn hành động. Chúa Giê-su luôn tồn tại và nay xuất hiện cho thế gian (xem. 8:12; 9:5; 12:46). Trong Cựu Ước, sự Đức Chúa Trời xuất hiện trong thể xác thường đi đôi với cụm từ “Thiên Sứ Của Chúa” (xem. Gen. 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Exod. 3:2,4; 13:21; 14:19; Jdgs. 2:1; 6:22-23; 13:3-22; Xa-cha-ri. 3:1-2). Một số người tin rằng đây là Ngôi Lời trước nhập thể.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THIÊN SỨ CỦA CHÚA

Rõ ràng một Vị Thần có thể xuất hiện trong hình hài con người. Điều cần hỏi các học giả thuyết Ba Ngôi, rằng Ngôi nào thực hiện sứ mạng này? Trong khi Đức Chúa Cha Đức Giê-hô-va và Thánh Linh Ngài luôn ở trạng thái vô hình, chúng ta có thể được gợi ý rằng Đấng Mê-si-a xuất hiện trước thì nhập thể.

Để chứng minh sự khó khăn khi xác định cuộc gặp gỡ thiên sứ có thể là sự xuất hiện của Vị Thần, xin nghiên cứu hai khả năng trong các minh họa sau đây

1. Thiên sứ của Chúa chỉ là một trong các thiên sứ
 - a. Sáng. 24:7,40
 - b. Xuất. 23:20-23; 32:34
 - c. Dân số. 22:22
 - d. Quan. 5:23
 - e. II Sam. 24:16
 - f. I Sứ. 21:15-30
 - g. Xa-cha. 1:12-13
2. Thiên Sứ của Chúa chính là Vị Thần – Ngôi Vị Đức Chúa Trời
 - a. Sáng. 16:7-13; 18:1-19:1; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
 - b. Xuất. 3:2,4; 14:19 (13:21)
 - c. Quan. 2:15; 6:22-24; 13:3-23
 - d. Ô-sê 12:3-4

▣

NASB, NKJV “Bóng tối không thấu hiểu - the darkness did not comprehend it”

NRSV “Bóng tối không thắng nổi - the darkness did not overcome it”

TEV “Bóng tối không dập tắt - the darkness has never put it out”

NJB “and bóng tối không chế ngự -and darkness could not overpower it”

Ý nghĩa tận gốc của động từ *Kalambanō* này là “chụp giạt.” - , Như vậy, bóng tối có thể (1) chụp giạt như chế ngự, hay (2) thấu hiểu. Giăng có thể có dụng ý cả hai. Phúc Âm Giăng thường dùng từ với hai ý nghĩa ví dụ tái sinh và sinh từ Thiên Thượng, 3:3, gió và linh 3:8

Động từ (*Kalambanō*) chỉ xuất hiện hai lần trong văn tự của Giăng, (trong 8:3,4 không có trong nguyên bản). Trong 1:5 “Bóng tối không thể thấu hiểu hoặc áp chế” và trong 12:35, “Bóng tối từ chối Ánh sáng” (tức Phúc Âm Chúa Giê-su) sẽ bị thất bại. Sự từ chối đem lại sự lầm lạc, còn sự tiếp nhận đem lại sự thờ phượng.

Về tình thế của nhân loại, tác giả Manfred T. Brauch, *Abusing Kinh thánh*, p. 35, liệt kê đặc điểm sau đây .

1. Lầm lạc, Lu-ca 15
2. Tăm tối, Giăng 1:5
3. Thù hận, Rô-ma. 5:10
4. Chia ly, Ê-phê-sô. 2:15-17
5. Bất tin kính, Rô-ma. 1:18
6. Tách rời khỏi sự sống trong Đức Chúa Trời, Ê-phê-sô. 4:17-18
7. Sự tóm tắt tốt nhất của tội lỗi nhân loại được thấy trong Ro-ma 1:18-3:23

NASB (Hiệu đính RVV2011) Giăng 1:6-8

⁶Có một người Đức Chúa Trời sai đến tên là Giăng.

⁷Ông đến với tư cách một nhân chứng để làm chứng về ánh sáng hầu cho nhờ ông mọi người đều tin.

⁸Chính ông không phải là ánh sáng, nhưng ông đến để làm chứng về ánh sáng.

1:6-8 Những câu này và câu 15 xác nhận Giăng Báp-tít là chứng nhân cho Chúa Giê-su. Ông là tiên tri Cựu Ước cuối cùng. Nhiều học giả phân vân không biết lời tựa ở đây được viết trong văn vần hay văn xuôi. Thực sự khó có thể đặt những câu này trong thể văn vần.

Giăng Báp-tít là tiên tri cuối cùng của Cựu Ước (trong khía cạnh về sứ điệp và quan điểm) Ông là người đi trước được tiên tri trong Ma-la-chi 3:1 và 4:5. Sứ đồ Giăng có thể đã thêm các câu 6-8 (so với Giăng 1:20-25) để giải thích sự hiểu lầm về Giăng Báp-tít trong thời kỳ sơ khởi (xem. Lu-ca 3:15; Công vụ 18:25; 19:3). Sứ đồ Giăng, khi viết Phúc Âm Giăng muộn hơn các Phúc Âm Đồng Quan đã phát hiện sự hiểu lầm này.

Xin để ý Đấng Christ được mô tả trong thì chưa hoàn thành, (tiền tại, trước tạo hóa) Còn Giăng Báp-tít trong thì quá khứ (aorist - đã xảy ra, xuất hiện trong thời điểm) và thì hoàn thành (perfect tense - một sự kiện lịch sử với ảnh hưởng lâu dài) (xem. câu. 6). Chúa Giê-su hằng có và có đời đời.

1:7 “nhờ ông mọi người đều tin” Đây là câu văn có dụng ý. Phúc Âm Giăng cũng như các Phúc âm khác, là những truyền đạo đơn (rất đặc thù cho Cơ-đốc giáo), mời gọi tất cả những ai có niềm tin đến tiếp nhận sự cứu rỗi trong Đấng Chris, là Ánh sáng cho nhân loại (xem. v. 12; Giăng 3:16; 4:42; 20:31; I Ti-mô-thê 2:4; Tit 2:11; II Phi-ê-rơ. 3:9; I Giăng 2:1; 4:14).

1:7,12 “tin” Động từ này được sử dụng 78 lần trong Phúc Âm Giăng và 24 lần trong thư của Giăng. Thú vị thay khi thấy Phúc Âm Giăng không dùng danh từ “đức tin”, nhưng chỉ dùng động từ “tin”. Đức tin không chủ yếu là sự hưởng ứng của trí tuệ hay cảm xúc, nhưng là hành động đáp lại một cách tự nguyện. Từ tiếng Hy-lạp được dịch lại là tin, tin cậy và niềm tin, tương đương với “Đón chào Ngài” (xem câu 11) và “tiếp nhận Ngài” (xem câu 12). Sự cứu rỗi tuy là món quà miễn phí trong ân điển Đức Chúa Trời và kết quả công việc Đấng Christ, nhưng phải được tiếp nhận. Sự cứu rỗi là mối liên hệ trong giao ước, với những ưu tiên và trách nhiệm.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC TIN (*PISTIS* [danh từ], *PISTEUŌ*, [động từ], *PISTOS* [tính từ])

- A. Đây là chữ rất quan trọng của Kinh Thánh (xem Hê-bơ-rơ 11:1,6). Nó là chủ đề cho những bài giảng lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15). Có ít nhất hai đòi hỏi của giao ước mới: sự ăn năn và đức tin (xem 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).
- B. Từ nguyên (nguồn gốc của từ ngữ)
1. Chữ “đức tin” trong Cựu ước có nghĩa là trung thành, trung thực hay là đáng tin cậy là sự mô tả bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải con người chúng ta.
 2. Nó phát xuất từ chữ Do thái (*emun, emunah*) có nghĩa là “chắc chắn” hay là “ổn định”. Đức tin cứu rỗi là sự tán thành trong tâm trí (những chân lý, lẽ thật), đời sống đạo đức (lối sống) và hơn nữa là sự cam kết liên hệ (sẵn sàng tiếp đón) với một người nào đó, một cam kết tự nguyện (một quyết định) dành cho một người nào đó.

C. Cách sử dụng trong Cựu ước

Cần phải nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không đặt nơi Đấng Mết-si-a sẽ đến trong tương lai, nhưng là nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và dòng dõi (xem Sáng-thế Ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng với lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi vấn và trở ngại về lời hứa này, phải chờ đợi mười ba năm để hoàn thành. Đức tin của ông không trọn vẹn, tuy vậy vẫn được Đức Chúa

Trời chấp nhận. Đức Chúa Trời sẵn sàng đồng công với con người sa ngã đáp ứng với Ngài và những lời hứa của Ngài bởi đức tin, ngay cả khi đức tin chỉ bằng hột cải (xem Ma-thi-ơ 17:20).

D. Cách sử dụng trong Tân ước

Chữ “tin” phát xuất từ chữ Hy Lạp (*pisteuō*) được dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. Ví dụ, dạng danh từ không xuất hiện trong Phúc âm Giăng, nhưng dạng động từ lại được thường sử dụng. Trong Giăng 2:23-25 có sự mơ hồ về tính chân thật của đám đông xác nhận Giê-xu người Na-xa-rét là Đấng Mết-si-a. Những ví dụ khác về cách sử dụng chữ “tin hời hợt” là Giăng 8:31-59 và Công-vụ 8:13,18-24. Đức tin chân thật theo như Kinh Thánh thì nhiều hơn chỉ là đáp ứng ban đầu. Nó cần phải được tiếp tục bằng một quá trình môn đệ hóa sau đó (xem Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).

E. Cách sử dụng như là GIỚI TỪ (PREPOSITIONS)

1. *eis* có nghĩa là “vào trong”. Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh những tín hữu đặt sự tin cậy/đức tin trong Đức Chúa Giê-xu
 - a. vào trong danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. vào trong Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 17:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công-vụ 10:43; Phi-líp 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
 - c. vào trong Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. vào trong Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. vào trong Đức Chúa Giê-xu (Giăng 12:11; Công-vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. vào trong Sự sáng (Giăng 12:36)
 - g. vào trong Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
2. *en* có nghĩa là “trong” giống như tại Giăng 3:15; Mác 1:15; Công-vụ 5:14
3. *epi* có nghĩa là “trong” hay là ở trên, giống như tại Ma-thi-ơ 27:42; Công-vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-e-rơ 2:6
4. dạng TẶNG CÁCH không có GIỚI TỪ (DATIVE CASE with no PREPOSITION) giống như trong Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10
5. *hoti*, có nghĩa là “tin rằng”, cho biết điều tin cậy.
 - a. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Đức Chúa Giê-xu là Ta Là (Giăng 8:24)
 - c. Đức Chúa Giê-xu ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong Ngài (Giăng 10:38)
 - d. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mết-si-a (Giăng 11:27; 20:31)
 - e. Đức Chúa Giê-xu Con của Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
 - f. Đức Chúa Giê-xu được Đức Chúa Cha sai đến (Giăng 11:42; 17:8,21)
 - g. Đức Chúa Giê-xu là một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)

- h. Đức Chúa Giê-xu đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
- i. Đức Chúa Giê-xu xác nhận chính Ngài trong danh hiệu giao ước của Đức Chúa Cha, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
- j. Chúng ta sẽ sống với Ngài (Rô-ma 6:8)
- k. Đức Chúa Giê-su đã chết và sống lại (I Thê-sa-lô-nica 4:14)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHÂN CHỨNG VỀ CHÚA GIÊ-SU

Danh từ nhân chứng (*marturia*) và động từ làm chứng (*martureō*) là những từ vựng chính trong Phúc Âm Giăng. Có nhiều nhân chứng về Chúa Giê-su.

1. Giăng Báp-tít (xem. Giăng 1:7,8,15; 3:26,28; 5:33)
2. Bản thân Chúa Giê-su (xem. Giăng 3:11; 5:31; 8:13-14)
3. Người đàn bà Sa-ma-ri (xem. Giăng 4:39)
4. Đức Chúa Cha (xem. Giăng 5:32,34,37; 8:18; I Giăng 5:9)
5. Kinh thánh (xem. Giăng 5:39)
6. Đám đông chứng kiến Lã-xa-rô sống lại (xem. Giăng 12:17)
7. Thánh Linh (xem. Giăng 15:26-27; I Giăng 5:10,11)
8. Các môn đồ (xem. Giăng 15:27; 19:35; I Giăng 1:2; 4:14)
9. Tác giả (xem. Giăng 21:24)

1:8 Có thể sử đồ Giăng, viết Phúc Âm muộn hơn các Phúc Âm Đồng Quan, đã phát hiện những môn đệ của Giăng Báp-tít vẫn chưa được nghe truyền giảng và tiếp nhận Chúa Giê-su (xem Công vụ 18:25-19:7).

NASB (Hiệu đính RRV2011) Giăng : 1:9-13

⁹Đây là ánh sáng thật đã đến thế gian để soi sáng mọi người. ¹⁰Ngôi Lời ở trong thế gian và thế gian đã được tạo dựng bởi Ngài, nhưng thế gian không nhận biết Ngài. ¹¹Ngài đến trong đất nước Ngài mà dân Ngài không tiếp nhận Ngài. ¹²Nhưng bất cứ ai tiếp nhận Ngài, tức là tin danh Ngài, thì Ngài ban cho họ quyền trở nên con của Đức Chúa Trời, ¹³là những người được sinh ra không phải bởi khí huyết, hoặc bởi ước muốn xác thịt, hoặc bởi ý người, nhưng bởi Đức Chúa Trời.

1:9 “Ánh sáng thật” Tính từ “thật” có nghĩa chính gốc, hoặc thực chất, không chỉ đơn thuần là sự đối nghịch với giả tạo. Đây có thể liên hệ tới các cứu chúa giả trong thế kỷ thứ nhất. Tính từ “thật” được dùng đến nhiều trong văn tự của Giăng (xem. 4:23,37; 6:32; 7:28; 15:1; 17:3; 19:35 and I Giăng 2:8; 5:20 và 10 lần trong Khải huyền) Hãy xem chủ đề đặc biệt: “sự thật” trong Giăng 6:55 và “thế gian” trong 14:17. Chúa Giê-su là Ánh sáng của thế gian (xem. 3:19; 8:12; 9:5; 12:46; I Giăng 1:5,7; 2:8,9,10). Cơ-đốc nhân phải phản chiếu ánh sáng của Ngài (xem. Phi-lip. 2:15). Đây là sự tương phản với bóng tối thật, kết quả của sự nổi loạn của:

1. Loài người
2. Thiên sứ

▣ “**đã đến thế gian**” Giăng thường dùng câu này nói về sự giả từ thiên đàng cõi thuộc linh bước vào cõi thuộc thể trong không gian và thời gian, (xem. 6:14; 9:39; 11:27; 12:46; 16:28). Dường như câu này nhắc đến sự nhập thể của Chúa Giê-su. Đây cũng là hình thức nhị nguyên (các khái niệm tương phản, đối nghịch) thường thấy trong văn tự của Giăng (ví dụ trên và dưới) ▣

▣

NASB “**giáo huấn mọi người - enlightens every man -**”

NKJV “**-ban ánh sáng cho mọi người - gives light to every man ”**

NRSV “**- giáo huấn mọi người - enlightens everyone ”**

TEV “**- chiếu sáng trên mọi người - Shine on all people ”**

NJB “**-ban ánh sáng cho mọi người - Gives light to everyone ”**

Câu này được hiểu theo hai ý:

Thứ nhất dựa theo nền văn hoá Hy-lạp nói về ánh sáng nội tâm đã được mặc khải trong từng người, giống một tia chớp thần linh. Đây là cách giải kinh của Quakers. Tuy nhiên khái niệm này không xuất hiện trong Phúc Âm Giảng. Đối với Giảng, Ánh sáng phơi bày tâm ác của con người (xem. 3:19-21).

Thứ hai, ánh sáng không gợi ý mặc khải tự nhiên (tức nhận biết Đức Chúa Trời qua thiên nhiên) [xem. Thi-thiên. 19:1-5; Rô-ma. 1:19-20] hay ý thức đạo đức lương tâm [xem. Rô-ma. 2:14-15]), nhưng gợi ý giáo huấn của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi qua Ánh Sáng Chân Thực duy nhất là Chúa Giê-su.

1:10 “Thế gian” Giảng sử dụng từ *kosmos* trong ba cách khác biệt:

1. Thế gian thuộc thể (1:10,11; 11:9; 16:21; 17:5,24; 21:25)
2. Cả nhân loại (1:10,29; 3:16,17; 4:42; 6:33; 12:19,46-47; 18:20)
3. Xã hội băng hoại của loài người, được tổ chức và hoạt động ngoài ảnh hưởng của Đức Chúa Trời (7:7; 15:18-19; I Giảng 2:15; 3:1,13)

Trong văn mạch của Phúc âm, “Thế gian” = “cả nhân loại” thích hợp hơn. Hãy xem chủ đề đặc biệt ở câu 14:17.

▣ **“thế gian không nhận biết Ngài”** Cả dân ngoại và dân tuyền Do-thái đều không nhận biết Chúa Giê-su là Đấng Cứu Sinh Mê-si-a. Động từ “biết” phản ánh một thành ngữ Hê-bơ-ơ về mối liên hệ mật thiết hơn là về tán thành sự việc trong trí tuệ (xem. Sáng thế ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Biết (các ví dụ minh họa sau hầu hết đến từ Phục Truyền)

Động từ “biết” (Yada, trong tiếng Hê-bơ-ơ, BDB 393) có vài ý nghĩa (semantic fields Qal).

1. Hiểu biết về sự tốt và sự xấu – Sáng. 3:22; Phục. 1:39; Isa. 7:14-15; Giôna 4:11
2. Biết qua thực hiện – Phục. 9:2,3,6; 18:21
3. Biết qua kinh nghiệm, từng trải – Phục. 3:19; 4:35; 8:2,3,5; 11:2; 20:20; 31:13; Josh. 23:14
4. Cân nhắc – Phục-truyền. 4:39; 11:2; 29:16
5. Biết cá nhân
 - a. Một nhân vật – Gen. 29:5; Exod. 1:8; Phục-truyền. 22:2; 33:9
 - b. Vị thân – Phục-truyền. 11:28; 13:2,6,13; 28:64; 29:26; 32:17
 - c. Giê-hô-va YHWH – Phục-truyền. 4:35,39; 7:9; 29:6; Isa. 1:3; 56:10-11
 - d. Một đối tác tình dục – Gen. 4:1,17,25; 24:16; 38:26
6. Biết một kỹ năng, hoặc tri thức – Isa. 29:11,12; Amos 5:16
7. Tính khôn ngoan – Phục-truyền. 29:4; Pro. 1:2; 4:1; Isa. 29:24
8. Kiến thức của Đức Chúa Trời về
 - a. Mô-sê – Phục-truyền. 34:10
 - b. I-sơ-ra-en – Phục-truyền. 31:21,27,29

1:11 “Ngài đến trong đất nước (của) Ngài mà dân (của) Ngài không tiếp nhận Ngài.” Từ “của Ngài” được sử dụng hai lần câu. 11. Lần thứ nhất trong ngữ pháp giống trung nói về (1) tạo hóa, (2) địa danh xứ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Lần thứ hai trong ngữ pháp giống đực số nhiều, nói về dân Do-thái.

1:12 “Nhưng bất cứ ai tiếp nhận Ngài” Đây là phần hành động thuộc về loài người trong sự cứu rỗi (xem. câu. 16). Loài người phải hưởng ứng ân điển mà Đức Chúa Trời ban cho trong Đấng Christ (xem. 3:16; Rô-ma. 3:24; 4:4-5; 6:23; 10:9-13; Ê-phê-sô. 2:8-9). Đức Chúa Trời có chủ quyền tuyệt đối, nhưng trong chủ quyền Ngài gợi ý một giao ước có điều kiện với nhân loại. Nhân loại băng hoại phải ăn năn, tin, vâng phục và bền đỗ trong đức tin

Về thần học, khái niệm “tiếp nhận” tương đương với “xưng nhận” niềm tin Giê-su là Đấng Christ nơi công cộng. (xem. Mat-thi-ơ 10:32; Lu-ca 12:8; Giảng 9:22; 12:42; I Ti-mô-thê 6:12; I Giảng 2:23; 4:15). Sự cứu rỗi là món quà phải được công nhận và tiếp nhận.

Những ai “tiếp nhận” Chúa Giê-su (1:12) tiếp nhận Cha, là Đấng sai Ngài (xem. 13:20; Ma-thi 10:40). Sự cứu rỗi là mối liên hệ cá nhân đối với Ba Ngôi Đức Chúa Trời!

▣ **“Ngài ban cho họ quyền”** Từ Hy-lạp (*exousia*) có ý nghĩa (1) thẩm quyền pháp nhân hoặc (2) quyền lợi (xem. 5:27; 17:2; 19:10,11). Qua địa vị Con Độc Sanh và sứ mạng của Chúa Giê-su, nhân loại băng hoại nay có thể biết Đức Chúa Trời và tiếp nhận Ngài là Cha.

▣ **“trở nên con của Đức Chúa Trời”** Các tác giả Tân ước luôn sử dụng hình ảnh này để mô tả Cơ-độc giáo (1) Cha; (2) Đức Chúa Con; (3) con; (4) tái sinh và (5) xưng nhận con nuôi. Cơ-độc giáo tương tự như một gia đình, không như một sản phẩm (vé đi Thiên đàng, bảo hiểm hoá hoạn). Tín đồ trở nên người của Đức Chúa Trời. Là con cái, như Đức Chúa Con chúng ta phải phản ánh tính cách đặc thù của Ngài (xem. câu. 14; 3:16 Ê-phê-sô. 5:1; I Giăng 2:29; 3:3). “Con của Đức Chúa Trời” quả thực là một danh hiệu sừng sốt đối với tội nhân. (xem. 11:52; Rô-ma. 8:14,16,21; 9:8; Phi-lip. 2:15; I Giăng 3:1,2,10; 5:2; Ô-sê. 1:10 trích trong Rô-ma. 9:26; and II Cô-r. 6:18).

Một điều thú vị nữa là có hai từ “con” trong tiếng Hy-lạp: từ thứ nhất luôn ám chỉ Chúa Giê-su (*huios*), còn từ thứ hai luôn ám chỉ tín đồ (*teknon, tekna*). Cơ-độc nhân là con Đức Chúa Trời, nhưng không cùng hạng với Đức Chúa Giê-su - Con Độc Sanh của Đức Chúa Trời. Mối liên hệ của Ngài với Cha thật đặc biệt, còn của chúng ta thì tương tự.

Danh từ “hội thánh” (*ekklēsia*) không xuất hiện trong Mác, Lu-ca, or Giăng. Các phúc âm đều sử dụng hình ảnh gia đình để minh họa một cá nhân và tập thể tâm linh

▣ **“Những ai tiếp nhận”** Đây là thể “trạng từ chủ động hiện tại” (present active participle) có nghĩa là “những ai tiếp tục tin nhận” Nền tảng ngữ pháp của trạng từ này thiết lập tính ổn định vị thế trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng để minh họa một ai trung tín, đáng tin cậy. Từ tiếng Hy-lạp được dịch ra là “đức tin”, “tin” và “tin cậy”. Niềm tin, sự tin cậy theo Kinh thánh không phải “cái gì” chúng ta làm, nhưng là đối tượng chúng ta đặt niềm tin. Ở đây không phải chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời là tiêu điểm. Nhân loại băng hoại tin cậy vào tính đáng tin cậy, đặt niềm tin vào sự thành tín của Đức Chúa Trời và Con Yêu dấu của Ngài. Tiêu điểm không phải là sự dồi dào hay cường độ của niềm tin trong con người, nhưng là Đối Tượng Tâm Linh của niềm tin ấy. Xem Chủ đề đặc biệt trong câu 1:7 và 2:23.

▣ **“trong Danh Ngài”** Trong Cựu Ước, danh của một cá nhân rất quan trọng. Nó là tiên tri về hy vọng, sự mô tả nhân tính hoặc tiềm năng về cá nhân đó. Tin vào danh của một cá nhân có nghĩa là tin nhận người đó. (xem. 2:23; 3:18; 20:31; I Giăng 5:13). Xem Chủ đề đặc biệt Danh của Chúa trong câu 14:13-14.

1:13

“là những người được sinh ra không phải bởi khí huyết, hoặc bởi ước muốn xác thịt, hoặc bởi ý người, nhưng bởi Đức Chúa Trời.”

NASB, NKJV,

NRSV “người được sinh ra không phải bởi khí huyết, hoặc bởi ước muốn xác thịt, hoặc bởi ý người (who were born, not of blood nor of the will of the flesh nor of the will of man)”

TEV “Họ không trở nên con Đức Chúa Trời bằng phương tiện tự nhiên, có nghĩa sinh ra và thành con qua một người cha thuộc thể (they did not become God’s’s children by native means, that is, by being born and the children of a human father”

NJB “Những người sinh ra không từ nguồn gốc nhân loại hay dục vọng xác thịt, ý muốn con người (who was born not out of human stock or urge of the flesh or will of man”

Một số giám mục hội thánh sơ khởi (ví dụ., Irenaeus, Origen, Tertullian, Ambrose, Jérôme, Augustine) cho rằng câu này ám chỉ Chúa Giê-su (Ngôi số ít, singular). Nhưng hầu hết văn bản tiếng Hy-lạp sử dụng ngôi số nhiều, có nghĩa ám chỉ các tín đồ của Chúa Giê-su. (thể số nhiều của từ này chỉ thấy được ở đây, theo xếp hạng của Hiệp hội Kinh thánh (xem. 3:5; I Phi-ê-rơ. 1:3,23). Bởi vậy nó không liên hệ gì tới sự ưu việt chủng tộc hay giòng họ, nhưng liên hệ tới sự lựa chọn của Chúa Cha đối với những ai tin cậy Con Ngài (xem. 6:44,65). Câu 12 and 13 trưng bày sự quân bình theo giao ước: giữa chủ quyền tối cao của Đức Chúa Trời và sự hưởng ứng cần thiết của nhân loại

Động từ trong tiếng Hy-lạp (thì quá khứ (aorist -đã xảy ra, passive indicative) được đặt ở phần cuối của câu với mục đích nhấn mạnh sự khởi xướng và chủ quyền của Đức Chúa Trời trong sự tái sinh (ví dụ “Nhưng bởi Đức Chúa Trời,” trong phần cuối của câu, tương tự xem. 6:44,65).

NASB (Hiệu Đỉnh RVV2011) Giảng 1:14-18

¹⁴Ngôi Lời đã trở nên xác thể, sống giữa chúng ta, đầy ân điển và chân lý. Chúng ta đã chiêm ngưỡng vinh quang Ngài, thật là vinh quang của Con Một đến từ nơi Cha. ¹⁵Giăng làm chứng về Ngài và công bố rằng: “Đây là Đấng mà tôi đã nói: ‘Đấng đến sau tôi vượt trội hơn tôi vì Ngài vốn có trước tôi.’” ¹⁶Và từ nguồn sung mãn của Ngài, tất cả chúng ta đều nhận được ân điển càng thêm ân điển. ¹⁷Vì luật pháp đã được ban bố bởi Môi-se, còn ân điển và chân lý thì đến từ Đức Chúa Jê-sus Christ. ¹⁸Chưa ai từng thấy Đức Chúa Trời, chỉ Con Một ở trong lòng Cha là Đấng đã bày tỏ Cha cho chúng ta biết.

1:14 “Ngôi Lời trở nên xác thể” Giảng tấn công Tri Huệ Giáo sai trật tìm cách kết hợp Cơ-đốc giáo với triết học Hy-lạp. Chúa Giê-su trọn vẹn là con người và trọn vẹn là Đức Chúa Trời (xem. I Giăng 4:1-3), ứng nghiệm lời hứa I-ma-nu-en (xem Ê-sai 7:14). Đức Chúa Trời ở trên thế gian với tư cách một con người trong vòng phạm nhân tội lỗi (chính xác hơn, Ngài “dựng lều trại”). Từ ngữ “xác thể” trong Giảng không bao giờ mang tính “xác thịt” tội lỗi như trong thư tín Phao-lô.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: XÁC THỊT (Sarx)

Đây nói về sự khôn ngoan của con người, theo tiêu chuẩn thế gian (xem I Cô-rin-tô 1:20, 2:6,8, 3:18) Phao-lô sử dụng từ này trong vài ý nghĩa:

1. Cơ thể con người (xem. Rô-ma. 2:28; I Cô-rin-tô. 5:5; 7:28)
2. Con cháu (ví dụ., Cha-con, xem. Rô-ma. 1:3; 4:1; I Cô-rin-tô.10:18)
3. Loài người (xem. I Cô-rin-tô. 1:26,29)
4. Sự yếu đuối con người bởi sự phạm tội của tổ tiên, Sáng thế 3 (xem. Rô-ma. 6:19; 7:18)

▣ **“sống giữa chúng ta”** Nghĩa đen là “cư trú” .” với bối cảnh người Do-thái xuất hành trong đồng vắng và Lều Tạm (xem. Khải Huyền. 7:15; 21:3). Người Do-thái gọi giai đoạn này là “tuần trăng mật giữa họ và Giê-hô-va.

Đức Chúa Trời không bao giờ được cảm thấy gần gũi họ hơn như trong giai đoạn này. Họ gọi đám mây đưa đường là “*Shekinah*,” theo tiếng Hê-bơ-rơ là “sống chung với.”

▣ **“chúng ta chiêm ngưỡng vinh quang Ngài”** Chữ “kabod” (vinh quang) trong Cựu Ước nay được nhân cách hóa hay nhập thể. Nó ám chỉ (1) một số sự việc trong cuộc đời Chúa Giê-su như hóa hình hoặc thăng thiên (ví dụ., lời chứng của các sứ đồ, xem. II Phi-ê-rơ 1:16-17), hay (2) khái niệm về Đức Giê-hô-va vô hình nay trở nên hữu hình và có thể nhận biết Ngài một cách trọn vẹn. Đây cũng là sự nhấn mạnh trong I Giăng 1:1-4, về bản thể con người của Chúa Giê-su, đối nghịch với tín lý lầm lạc của Tri Huệ giáo, nhấn mạnh sự thù hằn giữa thần linh và vật thể

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN (DOXA)

Khái niệm “sự vinh hiển” trong Kinh thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín hữu có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và tự hào trong Đức Chúa Trời, chứ không tự cao trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ một cặp cân (“sức nặng”). Sức nặng thể hiện giá trị, chất lượng. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ:

1. có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”;
2. có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay là
3. chỉ ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

▣

NASB, NKJV “Vinh hiển như của Con Độc Sinh từ Cha - glory as of the only begotten from the Father”

NRSV “Vinh hiển như của Con Duy Nhất của Cha - the glory as of a Father’s only son”

TEV “Vinh hiển nhận được bởi là Con duy nhất của Cha - The glory which he received as the Father’s only Son”

NJB “Vinh hiển của Ngài, với tư cách là Con Duy Nhất của Cha - glory that is his as the only Son of the Father”

Chữ “duy nhất” (*monogenēs*) có nghĩa là means “đặc sắc” “độc đáo” (xem. 3:16,18; I Giăng 4:9, xem F. F. Bruce, *Answers to Questions*, pp. 24-25). Bản Vulgate dịch: “duy nhất sinh ra”. Đáng tiếc thay các bản dịch tiếng Anh cũ cũng dịch theo cách này. (xem. Lu-ca 7:12; 8:42; 9:38; Hê-bơ-rơ 11:17). Tiêu điểm là tính duy nhất và độc đáo, chứ không phải thể hệ sinh thành theo đường tình dục.

▣ **“Cha”** Cựu ước cũng giới thiệu hình ảnh thân mật của Đức Chúa Trời trong vai trò Cha.

1. Dân tộc Do-thái được mô tả là con của Đức Giê-hô-va (xem. Ô-sê. 11:1; Mal. 3:17)
2. Trong phần trước của Phục Truyền có sự tương đồng: Đức Chúa Trời là Cha (1:31)
3. Trong Phục Truyền 32 I-sơ-ra-en được gọi là “con cái Ngài” và Đức Chúa Trời là “Cha các ngươi”
4. Sự tương đồng này cũng có trong Thi-thiên 103:13 và 68:5 (Cha của kẻ mồ côi)
5. Phổ biến trong vòng các tiên tri (I-sơ-ra-en là con, Đức Chúa Trời là Cha, xem. Ê-sai 1:2; 63:8; 63:16; 64:8; Giê-rê-mi. 3:4,19; 31:9).

Chúa Giê-su dùng sự tương đồng này và áp dụng sâu sắc hơn trong mối quan hệ gia đình, đặc biệt trong Giăng 1:14,18; 2:16; 3:35; 4:21,23; 5:17, 18,19,20,21,22,23,26,36,37,43,45; 6:27,32,37,44,45,46,57; 8:16,19,27,28,38,42,49,54; 10:15,17,18, 25,29,30,32, 36 37,38; 11:41; 12:26,27,28,49,50; 13:1; 14:2,6,7,8,9,10,11,12,13,16,20,21,23,24,26,28,31; 15:1,8,9,10,15,16,23,24,26; 16:3,10,15,17,23,25,26,27,28,32; 17:1,5,11,21,24,25; 18:11; 20:17,21!

▣ **“đầy ơn điển và lễ thật”** Chữ “hesed” trong Cựu Ước (tình yêu và sự trung tín theo giao ước), và “emeth” (sự đáng tin cậy), thường được cặp đôi, sử dụng và mở rộng trong Xuất Ê-gíp-tô 34:6; Nê-hê-mi. 9:17; Thi-thiên. 103:8. Cả hai chữ này cùng xuất hiện trong Châm ngôn 16:6. Nó mô tả tính cách của Chúa Giê-su (xem. câu. 17) theo Giao Ước Cựu Ước. Xem thêm Chủ đề đặc biệt ở câu 6:55 và 17:3.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ YÊU THƯƠNG NHÂN TỪ (HESED)

Ý nghĩa của thuật ngữ này có phạm vi rộng. BDB mô tả các đặc điểm của nó theo cách sau (xem trang 338-339):

- A. Được sử dụng trong mối liên hệ của con người với nhau
 1. Nhân từ với người khác (ví dụ, I Sa-mu-ên 20:14; II Sử ký 24:22)
 2. Nhân từ đối với những người nghèo khó (ví dụ, Mi-chê 6:8)

3. Tình yêu mến (xem Giê-rê-mi 2:2; Ô-sê 6:4)
 4. Sự bày tỏ bề ngoài (xem Ê-sai 40:6)
- B. Được sử dụng trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời
1. Thành tín trong giao ước và yêu thương
 - a. “cứu chuộc khỏi những kẻ thù và khốn đốn” (ví dụ, Giê-rê-mi 31:3; E-xơ-ra 27:28; 9:9)
 - b. “giữ gìn mạng sống khỏi cái chết” (ví dụ, Gióp 10:12; Thi thiên 86:13)
 - c. “phục hồi đời sống tâm linh” (ví dụ, Thi thiên 119:41,76,88,124,149,150)
 - d. “cứu chuộc khỏi tội lỗi” (xem Thi thiên 25:7; 51:3)
 - e. “giữ lời giao ước” (ví dụ, II Sử ký 6:14; Nê-hê-mi 1:5; 9:32)
 2. Mô tả thần tính (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 34:6; Mi-chê 7:20)
 3. Sự nhân từ của Đức Chúa Trời
 - a. “dồi dào” (ví dụ, Nê-hê-mi 9:17; Thi thiên 103:8)
 - b. “lớn lao” (ví dụ, Xuất Ê-díp-tô Ký 20:6; Phục truyền Luật lệ Ký 5:10; 7:9)
 - c. “muôn đời” (ví dụ, I Sử ký 16:34,41; II Sử ký 5:13; 7:3,6; 20:21; E-xơ-ra 3:11)
 4. Những hành động của lòng nhân từ (ví dụ, II Sử ký 6:42; Thi thiên 89:2; Ê-sai 55:3; 63:7; Ca thương 3:22)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

TIN, TIN CẬY, NIỀM TIN VÀ SỰ TRUNG TÍN TRONG CỰU ƯỚC.

I. Lời mở đầu,

Cần phải nói rằng khái niệm thần học Tân Ước rất quan trọng này không được định nghĩa rõ ràng trong Cựu Ước. Nó luôn ở đó, xuất hiện trong một số đoạn Kinh thánh và nhân vật

Cựu Ước pha trộn:

1. Cá nhân và cộng đồng
2. Từng trải cá nhân gặp Chúa và vâng phục giao ước

Đức tin thể hiện trong cả cuộc gặp gỡ cá nhân và cuộc sống hàng ngày. Nó dễ được mô tả qua ví dụ một nhân vật hơn là giải thích qua nghiên cứu từ vựng. Khía cạnh cá nhân được minh họa tốt nhất qua

1. Áp-ra-ham và hậu tự
2. Đa-vít và I-sơ-ra-en

Những người này gặp gỡ Đức Chúa Trời và cuộc sống họ được thay đổi, tuy không tuyệt hảo, nhưng tiếp tục trong đức tin). Sự thử thách tiết lộ ưu điểm và yếu điểm của họ. Mối liên hệ mật thiết, tin cậy với Đức Chúa Trời khiến đức tin họ lớn mạnh theo thời gian. Đức tin được thử nghiệm và tinh chế, ấy là bằng chứng về sự tận hiến và lối sống của họ.

II. Gốc chính của từ vựng

A. **אָמַן** (BDB 52)

1. Động từ: Tin

- a. gốc *Qal* – Hỗ trợ, nuôi dưỡng (ví dụ., II Các vua. 10:1,5; Ê-tơ 2:7, sử dụng ngoài thần học)
- b. gốc *Niphal* – làm chắc chắn, thiết lập, khẳng định, trở nên thành tín, đang tin cậy
 - (1) về con người, Isa. 8:2; 53:1; Giê-rê-mi 40:14
 - (2) về sự việc, Isa. 22:23
 - (3) về Đức Chúa Trời, Phục. 7:9; Isa. 49:7; Giê-rê-mi. 42:5
- c. Từ gốc *Hiphil* – đứng vững, tin, tin cậy
 - (1) Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, Sáng. 15:6
 - (2) I-sơ-ra-en ở Ai-cập, tin, Xuất 4:31; 14:31 (bất tin trong Phục-truyền. 1:32)
 - (3) I-sơ-ra-en tin Giê-hô-va phán qua Mô-sê, Xuất. 19:9; Ps. 106:12,24
 - (4) Ahaz không tin Đức Chúa Trời, Isa 7:9
 - (5) bất cứ ai tin Ngài, Isa. 28:16
 - (6) Tin sự thật về Đức Chúa Trời, Isa. 43:10-12

2. Danh từ (giống đực) – sự thành tín (ví dụ., Phục-truyền. 32:20; Isa. 25:1; 26:2)
3. Trạng từ – thực vậy, quả thực, tôi đồng ý, chắc là như vậy (Phục-truyền. 27:15-26; I Các vua. 1:36; I Sử ký 16:36; Isa. 65:16; Giê-rê-mi 11:5;28:6). Tương tự chữ “A-men” trong Tân Ước và Cựu Ước

B. **תמא** (BDB 54) danh từ giống cái, sự chắc chắn, thành tín, lễ thật

1. Về con người, Isa. 10:20; 42:3; 48:1
2. Về Đức Chúa Trời, Exod. 34:6; Ps. 117:2; Isa. 38:18,19; 61:8
3. Về lễ thật, Phục-truyền. 32:4; I Các vua. 22:16; Thi-thiên. 33:4; 98:3; 100:5; 119:30; Giê-rê-mi 9:5; Xa-cha-ri. 8:16

C. **המוא** (BDB 53), sự chắc chắn, sự bền đỗ, chất lượng

1. về bàn tay, Exod. 17:12
2. về thời gian, Isa. 33:6
3. về con người, Giê-rê-mi 5:3; 7:28; 9:2
4. of Đức Chúa Trời, Ps. 40:11; 88:11; 89:1,2,5,8; 119:138

III. Phao-lô sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phao-lô dựa vào sự hiểu biết mới của ông về Giê-hô-va và Cựu Ước khi gặp Chúa Giê-su trên đường đi Đa-mách (xem. Công vụ 9; 22; 26).

B. Ông tìm được chỗ dựa trong Cựu Ước cho sự hiểu biết mới về hai phân đoạn quang trọng của Cựu Ước, trong đó gốc **תמא** được sử dụng.

1. Sáng thế. 15:6 – Đức Chúa Trời chủ động gặp Áp-ra-ham (Sáng thế 12) kết cục đem lại cho ông một cuộc sống vâng phục trong đức tin (Sáng thế 12-22). Phao-lô gợi nhớ trường hợp này trong Rô-ma 4 and Ga-la-ti 3.
2. Isa. 28:16 – Những ai tin (ví dụ., tảng đá gốc mà Đức Chúa Trời đã thử nghiệm và đặt để sẽ không bao giờ
 - a. Rô-ma. 9:33, “bị hổ thẹn hoặc thất vọng”
 - b. Rô-ma. 10:11, cũng giống như trên
3. Ha-ba-cúc. 2:4 – Những ai biết Đức Chúa Trời thành tín, phải sống một cuộc đời thành tín (xem. Giê-rê-mi. 7:28). Phao-lô sử dụng câu này trong Rô-ma 1:17 and Ga-la-ti. 3:11 (xem ghi chú Hê-bơ-rơ 10:38).

IV. Phi-ê-rơ sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. Phi-ê-rơ kết hợp

1. Isa. 8:14 – I Pet. 2:8 (khối vấp phạm)
2. Isa. 28:16 – I Pet. 2:6 (tảng đá gốc)
3. Ps. 118:22 – I Pet 2:7 (Tảng đá bị chối từ)

B. Ông sử dụng ngôn ngữ độc đáo mô tả I-sơ-ra-en, “Một chủng tộc tuyển chọn, một vương đẳng tư tế, một dân tộc thánh khiết, một gia sản công dân của Đức Chúa Trời”

1. Phục-truyền. 10:15; Isa. 43:21
2. Isa. 61:6; 66:21
3. Xuất. 19:6; Phục-truyền. 7:6

Và bây giờ ông cũng sử dụng khái niệm này khi đức tin Hội thánh trong Đấng Christ

V. Giảng sử dụng khái niệm này từ Cựu Ước

A. trong Tân Ước

Từ gốc (*pisteuō*) trong tiếng Hy-lạp. dịch ra là tin, đức tin hoặc tin cậy. Ví dụ danh từ không được sử dụng, nhưng động từ được sử dụng nhiều lần trong Phúc Âm Giảng. Ông không an tâm vì thực chất của sự hứa nguyện đối với Chúa Giê-su Na-za-rét, Đấng Mê-si-a trong vòng đám đông. Ví dụ khác về đức tin hời hợt bên ngoài có trong Giảng 8:31-59 and Công vụ 8:13, 18-24. Đức tin theo nghĩa Kinh thánh sâu nhiệm hơn là sự hưởng ứng ban đầu. Nó phải trưởng thành trong quá trình môn-đồ-hóa (xem. Matt. 13:20-22,31-32).

B. Sử dụng với giới từ (prepositions)

1. *eis* có nghĩa “vào.” Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh việc tin đồ đặt đức tin và lòng tin cậy vào Chúa Giê-su như:
 - a. Vào danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
 - b. Vào Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45, 48; 12:37,42; Ma-thi-ơ.18:6; Công vụ 10:43; Phi-líp. 1:29; I Phi-ê-rơ. 1:8)
 - c. Vào Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
 - d. Vào Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
 - e. Vào Chúa Giê-su (Giăng 12:11; Công vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
 - f. Vào Ánh Sáng Light (Giăng 12:36)
 - g. Vào Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
2. *en* có nghĩa “ở trong” Giăng 3:15; Mác 1:15; Công vụ 5:14
3. *epi* có nghĩa “trong”, “hoặc trên,” Ma-thi-ơ 27:42; Công vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma. 4:5, 24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê.1:16; I Phi-ê-rơ. 2:6
4. DATIVE CASE không giới từ trong Ga-la-ti 3:6; Công vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10 (chỉ có tin, chứ không tin vào)
5. *hoti*, có nghĩa “tin rằng”, về nội dung điều đáng tin:
 - a. Chúa Giê-su Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 - b. Chúa Giê-su Đấng Phán: Ta Là (Giăng 8:24)
 - c. Chúa Giê-su trong Cha and the Cha trong Con (Giăng 10:38)
 - d. Chúa Giê-su Đấng Mê-si-a (Giăng 11:27; 20:31)
 - e. Chúa Giê-su Con Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
 - f. Chúa Giê-su được phái bởi Cha (Giăng 11:42; 17:8,21)
 - g. Chúa Giê-su là một với Cha (Giăng 14:10-11)
 - h. Chúa Giê-su đến từ Cha (Giăng 16:27,30)
 - i. Chúa Giê-su xác nhận tên mình như tên của Cha theo giao ước, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
 - j. Chúng ta sẽ sống cùng Ngài (Rô-ma. 6:8)
 - k. Chúa Giê-su chết và sống lại (I Thess. 4:14)

VI. Kết luận

Đức tin theo Thánh Kinh là sự hưởng ứng của con người đối với lời phán và lời hứa Thần Linh. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng, (ví dụ., Giăng 6:44,65), nhưng con người phải đáp lại cuộc hội thoại thuộc linh này qua:

A. Tin cậy

B. Vâng phục trong giao ước

Đức tin theo kinh thánh là

1. mối liên hệ cá nhân (Đức tin khởi đầu)
2. Khẳng định chân lý theo Kinh Thánh, tin vào mạc khải của Đức Chúa Trời.
3. Vâng phục thích hợp trong cuộc sống hàng ngày

Đức tin theo Kinh thánh không phải là vé đi Thiên Đàng, hay tài khoản bảo hiểm, Nó là mối liên hệ mật thiết. Đây là mục đích của công cuộc sáng tạo và con người được sáng tạo trong hình ảnh Đức Chúa Trời (xem. Gen. 1:26-27). Trong ý nghĩa “mật thiết”, Đức Chúa Trời mong cầu mối liên hệ chứ không phải mức độ hiểu biết thuộc linh. Mối liên hệ với Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi con cái Ngài cũng phản ánh tính thánh khiết gia truyền (ví dụ xem. Lev. 19:2; Matt. 5:48; I Pet. 1:15-16). Sự Xa Ngã ảnh hưởng khả năng đáp ứng của chúng ta (Sáng thế 3) . Chính vì vậy mà Đức Chúa Trời đã chủ động trợ giúp chúng ta, ban cho chúng ta tâm lòng và tâm linh mới qua sự ăn năn và đức tin. Nhờ đó chúng ta có thể thông công và vâng phục Ngài.

Cả ba điều “liên hệ, chân lý và vâng phục” trên đều quan trọng, đều phải được duy trì. Trong ngôn ngữ Kinh thánh, mục đích tối hậu là biết và phản chiếu tính cách của Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta. Mục đích của đức tin không phải là Thiên Đàng trong một ngày nào đó, nhưng trở nên giống-Chúa hàng ngày

Sự thành tín của con người là kết quả (theo Tân Ước), chứ không phải là cơ sở (theo Cựu

Ước) cho mối liên hệ với Đức Chúa Trời. Con người đặt đức tin vào sự thành tín, tin cậy vào sự đáng tin cậy của Ngài. Trọng tâm của quan điểm Tân Ước là con người phải bắt đầu đáp ứng và tiếp tục trong ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời, thể hiện trong Đấng Christ. Ngài đã yêu thương, sai phái, cung ứng. Chúng ta phải đáp lại trong đức tin và sự trung tín (xem. Ê-phê-sô. 2:8-9 and 10)
Đức Chúa Trời thành tín mong cầu những người trung tín bày tỏ Ngài cho thế gian bắt tin, và giúp họ tìm được niềm tin cá nhân nơi Ngài.

1:15 “Vì Ngài vốn có trước tôi” Đây là tín lý của Giảng the Báp-tít về sự tiền tại của Chúa Giê-su (từ trước tạo hóa) (xem. 1:1; 8:56-59; 16:28; 17:5; II Cô-rin-tô. 8:9; Phi-líp. 2:6-7; Cô-lô-se. 1:17; Hê-bơ-rơ 1:3; 10:5-8). Tín lý tiền tại và phỏng đoán tiên tri khẳng định Đức Chúa Trời vượt trên thời gian và không gian của lịch sử, nhưng vận hành trong lịch sử. Đây là điều không thể tách rời trong thế giới quan của Cơ-đốc giáo.

▣ Câu này có vẻ vụng về và chịu nhiều thay đổi khi sao chép với mục đích đơn giản hóa văn bản. Xem Bruce M.

Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, pp. 197-198.

Đây cũng là ví dụ tốt giải thích vì sao thì của động từ tiếng Hy-lạp không được tiêu chuẩn hóa. Ở đây: một hành động trong quá khứ được ghi lại trong thì hiện tại, xem Phụ lục 1.

1:16-18 Một trong những đặc điểm của Phúc Âm Giảng là ông thêm lời bình luận khi tường thuật sự kiện, hội thoại hay giáo huấn. Nhiều khi khó có thể phân biệt đâu là lời Chúa Giê-su, lời người khác hoặc lời của Giảng. Nhiều học giả cho rằng câu 16-19 là lời của Giảng (xem. 3:14-21).

1:16 “nguồn sung mãn” Đây là từ “pleroma” trong tiếng Hy-lạp. Các giáo sư giả thuộc Tri Huệ giáo cho rằng có các mức độ thiên sứ giữa Vị Thần tối cao và các vị thấp hơn, Chúa Giê-su là vị trung bảo (thực sự và trọn vẹn) giữa Đức Chúa Trời và con người (xem. Cô-lô-se. 1:19; 2:9; Ê-phê-sô. 1:23; 4:13). Đường như ở đây Giảng đang tấn công quan điểm thực tại của Tri Huệ giáo

▣

NASB, NRSV “Và ân điển càng thêm ân điển – and grace upon grace”

NKJV “Và ân điển thế ân điển - and grace for grace”

TEV “Ban cho chúng ta phước hạnh tiếp sau phước hạnh - giving us one blessing after another”

NJB “Một món quà này thay thế món quà kia - one gift replacing another”

Câu hỏi giải kinh là làm sao hiểu được ân điển. Phải chăng:

1. Đức Chúa Trời thương xót qua Đấng Christ dẫn đến sự cứu rỗi
2. Đức Chúa Trời thương xót cuộc sống Cơ-đốc nhân
3. Đức Chúa Trời thương xót trong giao ước mới qua Đấng Christ?

Ý tưởng chính là Ân điển; Ân điển của Đức Chúa Trời ban cho một cách diệu kỳ trong sự nhập thể của Chúa Giê-su. Chúa Giê-su là câu trả lời chấp thuận cho Đức Chúa Trời cho nhân loại hư mất. (xem. II Cô-rin-tô. 1:20).

1:17 “Luật pháp” Luật pháp ban bố bởi Mô-sê tuy không đầy đủ, nhưng có mục đích chuẩn bị cho sự cứu rỗi (xem 5:39-47; Ga-la-ti. 3:23-29; Rô-ma 4). Sách Hê-bơ-rơ so sánh và tương phản công việc, mặc khải giữa hai giao ước qua Mô-sê và Chúa Giê-su.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ LUẬT MÔI SE

Nó là điều tốt lành và đến từ Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:12, 16).

- A. Nó không phải là đường dẫn đến sự công bình để được Đức Chúa Trời chấp nhận (nó thậm chí có thể là một sự nguyên rủa, Ga-la-ti 3).
- B. Nó vẫn là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho người tin Chúa bởi vì nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời (Phao-lô thường trích Cựu ước để cáo trách và/hoặc khích lệ người tin Chúa)
- C. Người tin Chúa được cung cấp thông tin từ Cựu ước (Rô-ma 4:23-24; 15:4; I Cô-rinh-tô 10:6,11), nhưng

không được cứu bởi Cựu ước (Công vụ 15; Rô-ma 4; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ)

D. Nó thực hiện chức năng trong Giao ước mới để:

1. Chỉ tội lỗi (Ga-la-ti 3:15-29)
2. Hướng dẫn những người được cứu trong xã hội
3. Cung cấp thông tin cho các quyết định đạo đức Cơ đốc

Chính đây quan điểm thần học quá rộng này từ sự nguyên rủa và bỏ qua đến sự chúc phước và bắt di của nó đã gây ra sự khó khăn trong việc nỗ lực tìm hiểu quan điểm của Phao-lô về Luật Môi se. Trong cuốn *A Man in Christ*, James Stewart cho thấy lối suy nghĩ và các bài viết đầy nghịch lý của Phao-lô:

“Thông thường chúng ta mong đợi người tự kiến tạo nên một hệ thống tư tưởng và tín lý sẽ sửa chữa một cách gặt gao nhất ý nghĩa của những thuật ngữ mà người đó dùng. Chúng ta mong đợi người này hướng đến việc dùng các từ ngữ một cách thật chính xác để trình bày các ý tưởng chủ đạo của mình. Chúng ta đòi hỏi một từ ngữ, một khi đã được người viết sử dụng trong một ý nghĩa đặc biệt, sẽ luôn mang ý nghĩa đó một cách xuyên suốt. Nhưng tìm kiếm điều này nơi Phao-lô là một điều gây thất vọng. Hầu hết các lối diễn tả từ ngữ của ông đều rất lỏng lẻo, không cứng nhắc... Ông viết “luật pháp là thánh” “tôi ưa thích luật pháp Đức Chúa Trời sau con người bên trong (Rô-ma 7:12, 22) nhưng rõ ràng có một khía cạnh khác của *nomos* khiến cho ông nói ở trong một chỗ khác như vậy, “Đấng Christ đã cứu chúng ta khỏi lời nguyên của luật pháp (Ga-la-ti 3:13)” (trang 26).

▣ “**Ân điển**” gợi ý tình yêu của Đức Chúa Trời, mà nhân loại tội lỗi không đáng nhận (xem. Ê-phê-sô. 2:8). Từ “ân điển” (*charis*) đóng vai trò hết sức quan trọng trong văn tự của Phao-lô, chỉ được dùng trong đoạn văn này của Phúc âm Giăng. Các tác giả thời Tân Ước được phép sử dụng từ ngữ, ẩn dụ, minh họa của họ một cách khá tự do. (xem. 1:14,16,17).

Chúa Giê-su đem vào cuộc một giao ước mới Giê-rê-mi. 31:31-34; E-xê-chiên. 36:22-38.

▣ “**Lẽ thật**” Được sử dụng trong ý nghĩa (1) sự thành tín hoặc (2) lẽ thật, đối nghịch với sự giả dối (xem. 1:14; 8:32; 14:6). Để ý cả ân điển và lẽ thật đều tới bởi Chúa Giê-su (xem. v. 14). Xem chủ đề đặc biệt ở 17:3.

▣ “**Chúa Giê-su**” Đây là lần đầu tiên tên Con của Ma-ri được nhắc tới một cách cụ thể. Đức Chúa Con tiền tại, nay trở nên Đức Chúa Con nhập thể.

1:18 “Chưa ai từng thấy Đức Chúa Trời” Có người nói điều này trái với Xuất Ê-gíp-tô 33:20-23. Thực ra trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ dùng trong phân đoạn này mang ý nghĩa “hoàng hôn” (vùng hồng sau Mặt Trời đã khuất), không nói về hình ảnh thực của Đức Chúa Trời. Ý chính của đoạn này là chỉ có Chúa Giê-su bày tỏ Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn (xem. 14:8ff). Không một phạm nhân tội lỗi từng thấy Đức Chúa Trời (xem. 6:46; I Ti-mô-thê 6:16; I Giăng 4:12,20).

Câu này nhấn mạnh sự bày tỏ độc đáo của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-su Na-za-rét. Ngài là Vị Thần tự mặc khải duy nhất và trọn vẹn. Biết Chúa Giê-su chính là biết Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su là sự bày tỏ tuyệt đối của Đức Chúa Cha. Không thể hiểu Thần Đức bằng cách nào khác ngoài Ngài (xem. Cô-lô-se. 1:15-19; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Chúa Giê-su “nhìn thấy Cha và tin đồ nhìn thấy Cha trong Ngài (qua cuộc sống, lời phán và sứ mạng). Ngài là sự mặc khải đầy đủ và trọn vẹn của Đức Chúa Trời vô hình (xem. Cô-lô-se. 1:15; Hê-bơ-rơ 1:3).

▣

NASB “Đức Chúa Trời Độc Sanh -the only begotten God”

NKJV “Con Độc Sanh - the only begotten Son”

NRSV “Con Duy Nhất của Đức Chúa Trời - It is God’s only Son”

TEV “Con Duy Nhất -The only Son”

NJB “Đây là Con Duy Nhất -It is the only Son”

Hãy xem ghi chú về *monogenēs* trong câu 1:14. Chúa Giê-su hoàn toàn là Đức Chúa Trời và là người. xem ghi chú trong câu 1:1.

Có một số khác biệt trong các văn bản tiếng Hy-lạp. Từ *Theos* (Đức Chúa Trời) có trong văn bản sớm hơn - P66, P75, B, and C, còn từ “Con” thay thế “Đức Chúa Trời” trong văn bản A and C3. Liên Hiệp Thánh

Kinh Hội UBS4 xếp hạng “B” cho từ “Đức Chúa Trời” (hầu như là chắc chắn). Từ “Con” có lẽ đến khi các nhà sao chép Thánh Kinh nhớ đến cụm từ Con Độc Sanh trong Giăng 3:16,18 and in I Giăng 4:9 (xem. Bruce M. Metzger’s *A Textual Commentary on the Greek New Testament* p. 198). Đây là sự khẳng định mạnh mẽ và đầy đủ về địa vị Thần Đức của Chúa Giê-su! Có thể câu này còn chứa đựng ba danh hiệu của Chúa là (1) Độc Sanh, (2) Đức Chúa Trời, và (3) Ở trong lòng Cha.

Có một cuốn sách thảo luận về khả năng các nhà sao chép Thánh Kinh đã thay đổi từ vựng trong đoạn văn này, Bart D. Ehrmans’ *The Orthodox Corruption of Bible*, p. 78-82.

▣ **“Đấng ở trong lòng Cha”** có ý nghĩa tương đương “ ở cùng với Đức Chúa Trời” trong câu 1 và 2. Nó nói lên sự thông công mật thiết, ám chỉ (1) Sự thông công tiền tại trước tạo hóa, hay (2) Sự thông công hoàn tại sau khi Ngài thăng thiên

NASB “Ngài làm sáng tỏ Cha - He has explained Him”

NKJV “Ngài công bố Cha - He has declared Him”

NRSV, NJB “Đấng đã làm Cha được biết - who has made him known”

TEV “Ngài đã làm Cha được biết -he has made him known”

Qua từ vựng “làm sáng tỏ” trong tiếng Hy-lạp được sử dụng trong câu 1:18, chúng ta có được từ “exegesis” (giải thích) (nghĩa đen “dắt dẫn ra” . thì quá khứ (aorist middle [deponent] indicative), có nghĩa là tiết lộ một cách hoàn toàn, trọn vẹn . Một trong các sứ mạng của Chúa Giê-su mặc khải Cha (xem. Giăng 14:7-10; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Thấy được và biết Chúa Giê-su tức là đã thấy được và biết Cha (yêu thương tội nhân, giúp người khốn khổ, tiếp nhận kẻ bị xua đuổi, phụ nữ và trẻ em)

Từ vựng “exegesis” trong tiếng Hy-lạp ám chỉ những nhà diễn giải sứ điệp, giấc mộng, hoặc văn tự. Giăng có thể sử dụng những từ vựng quen thuộc đối với cả dân Do-thái và Ngoại bang, giống như ông đã sử dụng từ Logos trong câu 1. Giăng thiết lập mối liên hệ với độc giả cả Do-thái và Hy-lạp trong lời tựa. Từ này có thể có ý nghĩa:

1. Đối với người Do-thái, đây là nhà giải kinh luật pháp
2. Đối với người Hy-lạp, đây là nhà giải thích về Đức Chúa Trời.

Trong Chúa Giê-su và Chúa Giê-su duy nhất, nhân loại có thể thấy và hiểu được Cha,

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Định nghĩa Logos và cách người xưa sử dụng trong tôn giáo, văn chương và Kinh Thánh
2. Vì sao thuyết tiền tại của Chúa Giê-su quan trọng như vậy?
3. Phần của con người trong sự cứu rỗi là gì? Bằng cách nào một cá nhân có thể tiếp nhận Chúa Giê-su
4. Vì sao Ngôi Lời phải nhập thể?
5. Vì sao khó có thể phác thảo phân đoạn này?
6. Liệt kê lẽ thật thần học về Chúa Giê-su (ít nhất 8).
7. Vì sao câu 1:18 hết sức quan trọng?

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 19-51

A. Trong đoạn này Giăng Báp-tít giải quyết hai sự hiểu lầm của Hội thánh đầu tiên

1. Những gì phát triển và gây tranh luận xung quanh Giăng Báp-tít và . 6-9, 20,21,25; and 3:22-36;
2. Những gì liên hệ tới Đấng Christ và được giải quyết trong câu 32-34. Đây là tín lý Tri Huệ giáo sai lầm mà Giăng tán công trong thơ Giăng thứ nhất. Thơ Giăng thứ nhất có thể là lá thư giới thiệu Phúc Âm Giăng.

- B. Phúc Âm Giảng yên lặng về Chúa Giê-su được báptem bởi Giảng Báp-tít. Các giáo lễ như Báp-tem và tiệc thánh không được Giảng nhắc đến trong câu chuyện về cuộc đời Đấng Christ. Có hai khả năng giải thích sự bỏ qua này:
1. Sự gia tăng của chủ nghĩa bí tích (hình thức hóa nghi lễ) khiến Giảng giảm nhẹ khía cạnh này trong cơ đốc giáo. Phúc Âm chú trọng vào mối liên hệ chứ không vào nghi thức. Phúc Âm của Giảng hoàn toàn không tranh luận về hai nghi lễ báp-tem và tiệc thánh. Sự vắng mặt những thực hành thường được trông đợi như vậy khiến người ta để ý
 2. Giảng, viết muộn hơn các tác giả khác, dùng câu chuyện của chính mình để bổ xung cho các Phúc Âm Đồng Quan. Khi tất cả các Phúc Âm Đồng Quan đều có thông tin về nghi lễ này, Giảng chỉ cung cấp những gì mà các Phúc Âm kia không có. Ví dụ, Giảng cung cấp nội dung cuộc hội thoại trong bữa ăn trên lầu (chương 13), nhưng không nói về tiệc thánh.
- C. Sự nhấn mạnh của Giảng Báp-tít khi làm chứng về Chúa Giê-su cho biết những tín lý sau đây trong Cơ-đốc luận
1. Chúa Giê-su là chiên Con của Đức Chúa Trời, (v. 29), danh hiệu này chỉ có ở đây và trong Khải Huyền
 2. Chúa Giê-su tiền tại, có trước Tạo Hóa (v. 30)
 3. Chúa Giê-su là Đấng tiếp nhận và ban cho Đức Thánh Linh (v. 33)
 4. Chúa Giê-su là Con của Đức Chúa Trời (v. 34)
- D. Sự thật và công việc của Chúa Giê-su được xếp đặt theo lời chứng của:
1. Giảng Báp-tít
 2. Anh-rê và Si-mon
 3. Phi-lip và Na-tha-na-en
- Kỹ thuật văn học này được dùng trong cả Phúc Âm. Có tất cả 27 cuộc hội thoại và lời chứng về Chúa hoặc với Chúa Giê-su

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ PHÂN ĐOẠN

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIẢNG: 1:19-23

¹⁹Đây là lời chứng của Giảng: Khi những người Do Thái phái các thầy tế lễ và người Lê-vi từ thành Giê-ru-sa-lem đến hỏi ông rằng: “Ông là ai?” ²⁰thì ông thẳng thắn tuyên bố, không úp mở gì cả. Ông nói: “Tôi không phải là Đấng Christ.” ²¹Họ lại hỏi: “Vậy thì ông là ai? Có phải là Ê-li không?” Ông đáp: “Không phải.” “Thế ông có phải là nhà tiên tri không?” Ông trả lời: “Không phải.” ²²Họ nói: “Thế thì ông là ai để chúng tôi trả lời cho những người đã sai phái chúng tôi? Ông tự xưng mình là ai?” ²³Ông trả lời: “Tôi là tiếng của người kêu lên trong hoang mạc: ‘Hãy làm cho thẳng con đường của Chúa’, như lời nhà tiên tri Ê-sai đã nói.”

1:19 “Những người Do-thái” Trong Phúc Phê-môn Giảng đây là (1) những người Giu-đa thù hằn Chúa Giê-su hoặc (2) những người lãnh đạo Do-thái (xem. 2:18; 5:10; 7:13; 9:22; 12:42; 18:12; 19:38; 20:19). Một số học giả cho rằng một người Do-thái sẽ không nói về những người Do-thái khác một cách khinh miệt như vậy. Tuy nhiên phong trào chống đối Cơ-đốc giáo trong vòng Do-thái giáo trở nên mạnh mẽ sau đại hội tại Jamnia năm 90 S.C.N

Từ “Do-thái” mô tả một người từ bộ tộc Giu-đa. Sau khi 12 bộ tộc tách rời, từ Do-thái trở thành tên chung của 3 bộ tộc miền nam, năm 922 T.C.N. Cả hai vương quốc Giu-đa và I-sơ-ra-en bị bắt đi đày. Năm 538 T.C.N chỉ có một nhóm nhỏ người Giu-đa trở về quê hương theo sự sắc lệnh của vua Si-rus. Từ đây, Do-thái trở nên tên gọi của tất cả con cháu Gia-cốp sống trong vùng Pa-lét-stin và rải rác xung quanh Địa Trung Hải.

Trong Giảng, từ Do-thái có vẻ tiêu cực, nhưng sự sử dụng chung chung được thấy trong câu 2:6 and 4:22.

▣ **“Thầy tế lễ và người Lê-vi”** Thực ra Giảng Báp-tít cũng xuất thân từ giòng họ thầy tế lễ (xem. Lu-ca 1:5ff). Câu 1:19 là nơi duy nhất trong Phúc Âm Giảng xuất hiện người Lê-vi. Có thể họ là những cảnh sát đền thờ, những người trình sát được sai phái bởi thẩm quyền tôn giáo từ Giê-ru-sa-lem (xem. v. 24). Các thầy tế lễ và người Lê-vi thường là thành viên nhóm Sa-đu-sê, còn các thư ký và nhà sao chép văn tự thuộc nhóm Pha-ra-si (xem. câu 24). Cả hai nhóm đều tham gia vận hội Giảng Báp-tít. Họ thường chống nghịch nhau về chính trị và tôn giáo, nay hợp sức chống Chúa Giê-su và môn đồ của Ngài..

▣ **“Ông là ai”** Câu hỏi tương tự đối với Chúa Giê-su trong 8:25. Giảng và Chúa Giê-su dạy dỗ và hành động tương tự, khiến các nhà lãnh đạo cảm thấy khó chịu, bởi họ nhận thấy trong cả hai vị này có những dấu hiệu chủ đề và nguyên tố thể mặt được nói trong Cựu Ước. Câu hỏi này liên hệ tới sự mong đợi của Người Do-thái trong thời đại cuối cùng, các anh hùng của Tân Kỳ Nguyên.

1:20 “thì ông thẳng thắn tuyên bố, không úp mở” Câu tuyên bố mạnh mẽ, phủ nhận ba lần điều người ta trông đợi từ ông - Đấng Mê-si-a (Đấng Christ). Xem chủ đề đặc biệt “xung nhận” trong ghi chú câu 9:22-23

▣ **“the Đấng Christ”** “Đấng Christ” là từ Hy-lạp dịch ra từ tiếng Hê-bơ-rơ “*māšîah*,” có nghĩa rằng “Đấng chịu xức dầu” Trong Cựu Ước, khái niệm xức dầu nhấn mạnh sự kêu gọi và trang bị đặc biệt cho một sứ mạng đặc biệt. Vua, Thầy Tế Lễ, và Tiên Tri đều được xức dầu. Nay đã đến lúc cần phát hiện “Ai” sẽ là người thực hiện Tân Kỳ Nguyên Công Bình. Nhiều người nghĩ rằng Giảng Báp-tít là Đấng Mê-si-a được hứa (xem Lu-ca 3:15), bởi ông là người đầu tiên được Giê-hô-va ứng khẩu kể từ các tác giả Cựu Ước hàng trăm năm trước đó.

Ở điểm này tôi muốn thêm lời bình luận của tôi về “Đấng Mê-si-a” trong **Đa-ni-en 9:26**

NASB “Đấng Mê-si-a - the Messiah”

NKJV “Đấng Mê-si-a -Messiah”

NRSV “Một Đấng Chịu Xức Dầu - an anointed one”

TEV “Lãnh tụ được Đức Chúa Trời chọn - God’s chosen leader”

NJB “Một Đấng Chịu Xức Dầu - an anointed one”

Thật khó diễn giải câu này vì có những ý nghĩa khác nhau của từ “Đấng Mê-si-a”, - Đấng Chịu Xức Dầu (BDB 603):

1. Nói về các vua Do-thái (e.g. I Sam. 2:10; 12:3)
2. Nói về các thầy Tế lễ Do-thái (e.g. Lev. 4:3,5)
3. Nói về vua Si-rus (xem. Ê-sai 45:1)
4. #1 và #2 (vua và thầy tế lễ) kết hợp trong Thi-thiên 110 và Xa-cha-ri 4
5. Nói về sự xuất hiện của Vị Vua Giông-Như-Đa-vít của Đức Chúa Trời, Người sẽ đem lại Tân Kỳ Nguyên Công Bình. Vị Vua ấy thuộc:
 - a. Bộ tộc Giu-đa (xem. Sáng. 49:10)
 - b. Thuộc gia phả Gie-sê (xem. II Sa-mu-en 7)
 - c. Tế trị khắp nơi (xem. Thi-thiên 2; Ê-sai 9:6; 11:1-5; Mi-chê. 5:1-4)

Bản thân tôi được lôi kéo bởi sự xác nhận Chúa Giê-su Na-za-ret là “Đấng Chịu Xức Dầu”, bởi vì

1. Sự giới thiệu Vương Quốc đời đời trong Đa-ni-en chương 2, trong giai đoạn đế quốc thứ tư.
2. Sự giới thiệu “Con Người” trong Đa-ni-en 7:13 bắt đầu Vương Quốc đời đời
3. Câu Đa-ni-en 9:24 mang tính chất cứu chuộc, chỉ ra cực điểm của lịch sử thế giới băng hoại
4. Chúa Giê-su sử dụng sách Đa-ni-en trong Tân ước (xem. Ma-thi. 24:15; Mác 13:14)

1:21 “VẬY ông là ai, có phải Ê-li không”. Bởi vì Ê-li không chết, nhưng thăng thiên trong cơn lốc (xem. II Các vua 2:1), người ta trông đợi Giảng Báp-tít là Ê-li sẽ đến trước Đấng Mê-si-a (xem. Mal. 3:1; 4:5). Giảng Báp-tít có ngoại hình và hành động giống như Ê-li (xem. Xa-cha-ri 13:4).

▣ **“Không phải”** Giảng Báp-tít không thấy mình trong vai trò Ê-li trong giai đoạn cuối cùng. Chúa Giê-su coi ông là sự ứng nghiệm tiên tri Ma-la-chi (xem. Ma-thi-ơ 11:14; 17:12).

▣ **“Thế ông có phải nhà tiên tri?”** Mô-sê tiên đoán sẽ có một “vị” giống ông (mà ông gọi là Tiên Tri) sẽ đến sau. (xem Phục-truyền. 18:15,18; Giảng 1:25; 6:14; 7:40; Công vụ 3:22-23; 7:37). Có hai cách hiểu “vị” này

từ trong Tân ước: (1) một anh hùng trong thời thế mạt, nhưng không phải là Đấng Mê-si-a (xem. 7:40-41) hoặc (2) Một nhân vật không ngoài ai khác là Đấng Mê-si-a (xem. Công vụ 3:22).

1:23 “Tôi là tiếng của người kêu lên trong hoang mạc” Đây là dẫn chứng Ê-sai 40:3 từ trong bản dịch Septuagint với sự gọi nhớ Ma-la-chi. 3:1.

▣ **“Hãy làm cho thẳng con đường của Chúa”** Đây là dẫn chứng từ Ê-sai 40:3), trong phân đoạn của sách Ê-sai bao gồm chương 40-54), trong đó có Ca Khúc Người Đầy Tớ (xem. 42:1-9; 49:1-7; 50:4-11; 52:13-53:12). Mở đầu phân đoạn nói chung về I-sơ-ra-en, nhưng sau đó phần 52:13-53:12 mang tính chất cá nhân. Khái niệm làm cho thẳng con đường được sử dụng như chuẩn bị cho một cuộc viếng thăm của quốc vương. Từ “thẳng” cũng mang tính chất công nghĩa. Xin xem thêm Chủ Đề đặc biệt trong chú thích I Giảng 2:29

Cả phân đoạn này chứa đựng mục đích thần học của Sứ đồ Giảng, muốn giảm địa vị của Giảng Báp-tít, bởi thời đó có những nhóm sai lầm dựng Giảng Báp-tít lên như vị lãnh đạo thuộc linh của họ.

NASB (RRV2011) TEXT: 1:24-28

²⁴Những người được phái đến thuộc nhóm Pha-ri-si, ²⁵hỏi ông rằng: “Nếu ông không phải là Đấng Christ, không phải là Ê-li, cũng không phải là nhà tiên tri, vậy thì tại sao ông lại làm báp-têm?” ²⁶Giăng đáp: “Tôi làm báp-têm bằng nước, nhưng có một Đấng đang ở giữa các ông mà các ông không nhận biết; ²⁷Đấng ấy đến sau tôi, mà tôi không xứng đáng mở quai dép Ngài.” ²⁸Những việc này xảy ra tại Bê-tha-ni bên kia sông Giô-đanh, nơi Giăng làm báp-têm.

1:24 “những người được phái đến thuộc nhóm Pha-ra-si” Câu văn này có vẻ mơ hồ: Phải chăng đây là (1) nhóm Pha-ra-si sai phái những người đến chất vấn Giăng, hay (2) những người đến chất vấn Giăng chính là nhóm Pha-ra-si (xem. v. 19). Giả thiết thứ hai có vẻ khác thường bởi nhóm Pha-ra-si không có quyền hành chất vấn như các thầy Tế-lễ thuộc nhóm Sa-đu-sê. (xem. v. 9). Hình như đây là một nhóm khác hơn là nhóm thầy tế lễ và người Lê-vi trong câu 19.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI PHA-RI-SI

- I. Chữ này có thể xuất phát từ một trong những nguồn gốc như sau:
 - A. “Biệt lập”. Nhóm này phát triển trong thời kỳ Mặc-ca-bê. (Đây là quan điểm được chấp nhận rộng rãi nhất).
 - B. “Tách rời” đây là một ý nghĩa khác của cùng một gốc từ Do thái. Một số người cho rằng nó có nghĩa là người thông dịch (xem II Ti-mô-thê 2:15).
 - C. “Ba-tu”. Đây là một ý nghĩa khác của cùng một gốc từ trong tiếng A-ram. Một số những giáo lý của những người Pha-ri-si có nhiều điểm chung với thuyết nhị nguyên của Bái hòa giáo ở Ba-tu.
- II. Họ phát triển trong giai đoạn Mặc-ca-bê từ “*Hasidim*” (người sùng đạo). Một vài nhóm khác như nhóm Essenes xuất phát từ phản ứng chống ảnh hưởng Hy Lạp từ Antiochus IV Epiphanes. Những người Pha-ri-si được đề cập lần đầu trong *Antiquities of the Jews* 8:5:1-3 của Giô-se-phút.
- III. Những giáo lý chính của họ.
 - A. Tin nơi sự hiện đến của Đấng Mê-si-a, bị ảnh hưởng bởi những sách thuộc thể loại thời tận thế xuất hiện trong thời kỳ giữa Cựu ước và Tân ước như I Hê-nóc.
 - B. Đức Chúa Trời hành động trong cuộc sống hằng ngày. Điểm này đối nghịch hoàn toàn với người Sa-đu-sê. Phần lớn giáo lý của người Pha-ri-si đối nghịch với những giáo lý của người Sa-đu-sê.
 - C. Tính Thuộc Thế của đời sau dựa theo cuộc đời này ở trần gian, phụ thuộc vào việc thương và phạt. Những quan điểm này có thể đến từ Đa-ni-ên 12:2.
 - D. Thẩm quyền của Cựu ước và Lời Truyền khẩu (Talmud). Họ ý thức vâng giữ mạng lệnh của Đức Chúa Trời trong Cựu ước khi chúng được giảng nghĩa và áp dụng bởi những học giả tu sĩ Do-Thái-Giáo (Shammai, khuynh hướng bảo thủ, và Hillel, khuynh hướng phóng khoáng). Sự giảng nghĩa dựa trên đối thoại giữa những tu sĩ Do-Thái-Giáo thuộc hai trường phái khác nhau, một bảo thủ và một phóng khoáng. Những sự tranh luận bằng lời nói về ý nghĩa của Kinh thánh được viết lại ở hai dạng cuối cùng là: bản Babylonian Talmud và bản Palestinian Talmud chưa hoàn tất. Người Pha-ri-si tin

rằng Môi-se đã nhận được những giải nghĩa theo dạng lời nói này trên núi Si-na-i. Điểm khởi đầu lịch sử của những tranh luận này là E-xơ-ra cùng với những người thuộc về “Nhà hội lớn” (về sau được gọi là Tòa công luận).

- E. Thiên sứ học phát triển. Ngành nghiên cứu này có cả những thể linh thiện và những thể linh ác được phát triển từ thuyết nhị nguyên của người Ba-tư và những tác phẩm của người Do thái trong khoảng thời gian giữa Cựu ước và Tân ước.

1:25 “vậy tại sao ông lại làm báp-tem?” Báp-tem khá phổ biến đối với Do-thái giáo, thường cho tín đồ ngoại mới cải biên thành tín đồ Do-thái giáo. Rất ít khi một người Do-thái chịu phép Báp-tem. (trừ nhóm Do-thái ở Qumran tự báp-tem mình và tắm rửa trước khi vào đền thánh thờ phượng. Đoạn văn này gợi nhớ Đấng Mê-si-a được nhắc trong Ê-sai 52:15, Ê-xê-chiên 36:25, Xa-cha-ri 13:1

▣ **“Nếu”** Đây là thể điều kiện hạng nhất, (first class conditional sentence), được coi đúng như quan điểm hoặc chủ ý văn chương của tác giả.

▣ **“ông không phải là Đấng Christ, không phải là Ê-li, cũng không phải là nhà tiên tri,”** Điều thú vị được thấy trong Văn tự Biển Chết (Dead Sea Scrolls) rằng ba vị này đại diện cho ba Đấng Mê-si-a theo niềm tin của nhóm Essene. Cũng vậy, các lãnh tụ hội thánh sơ khởi cũng tin Ê-li sẽ đến trong xác thịt trước Đấng Christ. (xem. Chrysostom, Jerome, Gregory, và Augustine).

1:26 “Tôi làm Báp-tem bằng nước” giới từ “trong” (preposition “in”) cũng có thể đồng nghĩa “với”, “bằng” Bất cứ sự chọn từ nào cũng phải phù hợp câu 33 trong liên hệ Thánh Linh

▣ **“Nhưng có một Đấng đang ở giữa các ông”** Có vài sự khác biệt về thì của động từ “đứng”. USB4 (Thánh Kinh Liên Hội) xếp hạng “B” (gần như chắc chắn) cho thì hoàn thành (đã xảy ra trong quá khứ và kết quả kéo đến hiện tại (perfect tense). Bruce M. Metzger khẳng định đây là thì hoàn thành khá phổ biến trong Văn tự của Giăng, phản ánh một ngôn ngữ Hê-bơ-ơ: “có một Vị, là Người đã lấy chỗ đứng trong vòng các người”(trg199)

1:27 “tôi không xứng đáng mở quai dép Ngài” Đây nói về công việc của một nô-lệ, cởi dép cho chủ khi chủ bước vô nhà. (Việc thấp hèn, tầm thường nhất mà nô-lệ làm) Các thầy Do-thái giáo dạy rằng môn đồ phải vui lòng làm tất cả mọi việc như một nô-lệ, trừ việc cởi quai dép. Tuy không chỉ tháo dép, nhưng còn xách dép cất đi nữa. Đây là một hình ảnh minh họa tính cực kỳ nhu mì, khiêm tốn của Giăng.

1:28 “Be-than-ni” Bản KJV có địa danh “Bethabara” (MSS !2, C2), với lý do các dịch giả hiểu lầm của vị trí địa lý của thành phố này. Địa danh chính xác là Be-than-ni (Bodmen Papyrus, P66), không ở đông nam Giê-ru-sa-lem, nhưng đối diện với sông Giô-đanh, về phía đông.

NASB (Hiệu đính RVV2011) Giăng 1:29-34

²⁹ Hôm sau, Giăng thấy Đức Chúa Jê-sus đến với mình, thì nói rằng: “Kìa Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cất tội lỗi của thế gian đi! ³⁰Đây là Đấng mà tôi đã nói: ‘Đấng đến sau tôi vượt trội hơn tôi, vì Ngài vốn trước tôi.’ ³¹Chính tôi vốn không biết Ngài, nhưng tôi đến làm báp-têm bằng nước để Ngài được bày tỏ cho dân Y-so-ra-ên.” ³²Giăng cũng làm chứng rằng: “Tôi đã thấy Thánh Linh từ trời giáng xuống như chim bồ câu đậu trên Ngài. ³³Chính tôi vốn không biết Ngài, nhưng Đấng đã sai tôi làm báp-têm bằng nước có phán với tôi: ‘Đấng mà ngươi sẽ thấy Thánh Linh giáng xuống, ngự lên trên, ấy là Đấng làm báp-têm bằng Đức Thánh Linh.’ ³⁴Tôi đã thấy và làm chứng rằng, đây chính là Con Đức Chúa Trời.””

1:29 “Kìa Chiên Con của Đức Chúa Trời” Lễ Vượt Qua không còn cách bao xa, có lẽ con chiên trong lễ Vượt Qua tượng trưng cho sự giải cứu khỏi Ai-cập. Giăng cũng đặt cái chết của Chúa Giê-su trong ngày chiên con bị giết, còn gọi là ngày Chuẩn Bị cho lễ Vượt Qua. Tuy nhiên có một vài cách giải kinh khác về Chiên Con :

1. Có thể nói về Đầy Tớ Thương Khó của Đức Chúa Trời. Ê-sai 53:7
2. Có thể nói về con thú bị vướng mắt trong bụi cây, Sáng Thế 22:8, 13
3. Có thể nói về sinh tế hàng ngày trong Đền Thờ, được gọi là lễ tế liên tục (xem. Xuất. 29:38-46).

Bất cứ cách giải kinh nào đều mang tính ẩn dụ về một Chiên Con được phái đến (xem. Mác 10:45)..

Ẩn dụ (Chiên Con) hùng mạnh này nói về sự hy sinh của Chúa Giê-su, không được dùng bởi Phao-lô, và rất ít bởi Giăng (xem. 1:29,36 và ghi chú phần Công vụ 8:32 and I Phi-ê-rơ. 1:19). Từ Hy-lạp là con cừu nhỏ, nhỏ vì nó mới được 1 tuổi, tuổi phù hợp cho mục đích sinh tế. Có một từ “Chiên Con” khác được dùng trong Giăng 21:15 và 28 lần trong Khải Huyền.

Một lý do cho sự sử dụng hình ảnh của Giăng là theo luồng văn học tận thế đương thời, “Chiên Con” được coi như một anh hùng bách chiến bách thắng. Khía cạnh sinh tế vẫn còn, nhưng khía cạnh Chiên Con sẽ là Thảm Phán Cuối Cùng đã được báo trước. (xem. Khải huyền. 5:5-6,12-13)

▣ **“Đáng căt tội lỗi thế gian đi!”** Động từ “cắt đi” có nghĩa là “gánh lấy và đem đi”. Nó gợi câu chuyện con “dê đực bị đuổi” (Con dê thuộc về A-xa-sên) trong Lê-vi-ký 16. Chữ “thế gian” bên chữ “tội lỗi” cho thấy sự mạng mở rộng của Chiên Con. (xem. v. 9; 3:16; 4:42; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tit 2:11; II Phi-ê-rơ. 3:9; I Giăng 2:2; 4:14). Đề ý “tội lỗi trong thế “số ít” không phải số nhiều. Ở đây Chúa Giê-su đến để loại trừ tội lỗi của cả thế gian.

1:30 “Ngài vốn trước tôi” đây là sự nhắc lại phần trong câu 15 với mục đích nhấn mạnh về sự tiền tại và Thần Đức của Đấng Mê-si-a (xem. Giăng 1:1, 15; 8:58; 16:28; 17:5,24; II Cô-rin-tô. 8:9; Phi-lip. 2:6-7; Cô-lô-se 1:17; Hê-bơ-rơ. 1:3).

1:31 “Để Ngài được bày tỏ cho I-sơ-ra-en” Đây là câu thường có trong văn tự của Giăng (xem. 2:11; 3:21; 7:4; 9:3; 17:6; 21:14; I Giăng 1:2; 2:19,28; 3:2,5,8; 4:9), nhưng rất hiếm trong các Phúc Âm Đồng Quan, ngoài một lần trong Mác 4:22. Nó cũng liên hệ đến động từ “biết” trong Hê-bơ-rơ, nói về mối liên hệ hơn là tri thức về một nhân vật. Mục đích làm Báp-tem của Giăng là (1) chuẩn bị dân sự và (2) bày tỏ Đấng Mê-si-a

Động từ “bày tỏ” (*phaneroō*) có vẻ thay động từ “tiết lộ” (*apokaluptō*) trong văn tự của Giăng. Chúa Giê-su đem tới ánh sáng và sự điệp của Đức Chúa Trời!

1:32-33 Đây là sự nhấn mạnh cấp ba về việc Giăng thấy Thánh Linh đến và ở mãi trên Chúa Giê-su.

1:32 “Thánh Linh từ trời giáng xuống” Đây là cách nhận biết Đấng Mê-si-a trong Ê-sai (chương 40-66) (xem. Ê-sai 42:1; 59:21; 61:1). Không có nghĩa rằng Chúa Giê-su không có trước đó, nhưng là dấu hiệu cho biết sự chọn lựa và trang bị đặc biệt của Đức Chúa Trời. Dấu hiệu này không dành cho Chúa Giê-su nhưng cho Giăng báp-tít. Người Do-thái có hai thế giới quan: Thời Gian Ác Đời Này (thống trị bởi Satan), và Thời Công Bình Sắp Đến (được mở màn bởi Đấng Mê-si-a và điều khiển bởi Thánh Linh). Thời đại mới cũng được gọi là Thời Đại Thánh Linh. Khải thị Thánh Linh giáng xuống báo hiệu cho Giăng biết (1) Đây là Đấng Mê-si-a và (2) Thời Đại Mới đã bắt đầu

▣ **“Chim bồ câu”** được sử dụng

1. Như biểu tượng I-sơ-ra-en theo các thầy dạy luật (ví dụ., Ô-sê. 7:11)
2. Như gợi ý Thánh Linh trong hình ảnh một con chim mẹ ấp ủ đàn chim con là các tạo vật Sáng Thế 2:1, theo Targums
3. Như biểu tượng của sự khôn ngoan, theo Phi-lô
4. Như ẩn dụ về cách Thánh Linh giáng xuống, (như con chim, nhưng không phải là con chim)

▣ **“đậu trên”** (dịch trong tiếng Anh: Ở trên, ở trong) xin xem chủ đề đặc biệt “Ở trong” (cư trú) trong văn tự của Giăng, câu I Giăng 2:10.

1:33 “Tôi vốn không biết Ngài” Điều này cho thấy Giăng Báp-tít không biết Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a, tuy có liên hệ họ hàng, và đã từng gặp nhau trong ngày hội của gia đình hoặc tôn giáo trong nhiều năm qua.

▣ **“Đấng đã sai tôi làm báp-têm bằng nước có phán với tôi”** Đức Chúa Trời phán cho Giăng như đã phán cho các tiên tri Cựu ước. Giăng phải phát hiện Đấng Mê-si-a qua những dấu hiệu đặc biệt tại lễ Báp-tem.

Lễ Báp-tem của Giăng gợi ý một thẩm quyền tôn giáo nào đó. Phái đoàn đến từ Giê-ru-sa-lem (xem câu 19-28) muốn biết nguồn gốc thẩm quyền đằng sau Giăng là ai. Giăng cho họ biết thẩm quyền ấy là Chúa Giê-su. Chúa Giê-su sẽ làm Báp-tem bằng Thánh Linh siêu việt hơn việc Giăng làm Báp-tem bằng nước.

Chúa

Giê-su được báp-tem bằng nước là dấu hiệu báp-tem bằng Thánh Linh, khai hoàn một kỷ nguyên mới!

▣ **“Ấy là Đấng làm báp-têm bằng Đức Thánh Linh”** Bài học từ I Cô-rin-tô. 12:13 cho thấy khái niệm này liên hệ với việc một cá nhân gia nhập gia đình của Chúa: Thánh Linh cáo trách tội lỗi, giới thiệu Chúa Giê-su, báp-tem trong Chúa Giê-su và tạo dựng một tín đồ mới theo hình ảnh Chúa Giê-su (xem. Giăng 16:8-13). Xem chủ đề đặc biệt Đấng Thánh trong I Giăng 2:20.

1:34 “Tôi đã thấy và làm chứng rằng, ” Cả hai động từ đều trong thì hoàn thành chỉ định chủ động, giống như I Giăng 1:1-4.

▣ **“đây chính là Con Đức Chúa Trời”** Có người tự hỏi có phải từ “*pais*” trong tiếng Hy-lạp, (thường được dịch: “đây tớ”,) có phản ánh từ “con” (“*ebed*” BDB 712 in the LXX) trong tiếng Hê-bơ-rơ không? Nếu vậy Con Chiên trong I-s 53:1 (thay vì Đa-ni-en 7:13) là sự gợi ý của Cựu Ước. Chúa Giê-su vừa là con, vừa là đây tớ. Chúa sẽ không biến đổi biến đổi tín đồ trở nên đây tớ, nhưng trở nên con cái của Đức Chúa Trời,

Địa vị Con Đức Chúa Trời cũng được sử dụng bởi Na-tha-ni-en trong Giăng 1:49 và bởi Sa-tăng trong Ma-thi-ơ trong Ma-thi-ơ. 4:3. Có điều thú vị rằng một bản Hylạp trong bộ MSS P5 dùng cụm từ “Người-Được-Chọn bởi Đức Chúa Trời, thay vì “Con của Đức Chúa Trời” (USB4 - Hiệp Hội Thánh Kinh xếp: “Con của Đức Chúa Trời” vào hạng “B” (gần như chắc chắn). Cụm từ này rất phổ biến trong Giăng. Theo nguyên tắc phê bình văn học: Khi không có người làm chứng văn bản ban đầu, từ ngữ khác thường hoặc trắc trở thường được coi là nguyên thủy, ít khả năng bị sửa đổi. Tác giả Gordon Fee bàn thảo về sự khác nhau giữa các văn bản như sau: “Trong Giăng 1:34, phải chăng Giăng Báp-tít tuyên bố, ‘Đây là Con của Đức Chúa Trời’ (KJV, RSV) hay ‘đây là Người-Được-Chọn của Đức Chúa Trời’ (NEB, JB)? Các văn tự, kể cả các bản sớm hơn, bị chia làm hai nhóm: nhóm Nhân chứng Alexandrian (P⁶⁶, P⁷⁵, B, C, L cop^{bo}), vài nhóm OL (aur, c, flg) và nhóm nhân chứng Hậu Syriac dùng danh từ “Con”, còn nhóm P⁵, x, cops và nhóm OL (a,b,e,ff²), and nhóm Tiền Syriac dùng cụm từ “Người-Được-Chọn”. (Trích bài viết “Phê bình văn học trong Tân Ước” trang. 419-433, chương giới thiệu của *The Expositor’s Bible Commentary*)

Câu hỏi phải được quyết đoán trong nội cảnh. Về xác xuất phiên mã, ở đây có một điều chắc chắn là sự khác biệt mang tính chủ đích, chứ không tình cờ xảy ra. (xem. Bart D. Ehrman’s *The Orthodox Corruption of Bible*, pp. 69-70). Phải chăng trong vòng các nhà sao chép Thánh Kinh thế kỷ thứ hai, nhóm “Nhận-Con-Nuôi” thay đổi văn bản từ “Con” sang “Người-Được-Chọn” để phù hợp tín lý họ dạy về đấng Christ, hay nhóm Chính Thống, cảm thấy từ “Người-Được-Chọn” có thể bị nhóm kia sử dụng, nên đổi thành “Con” phù hợp với họ. Có lẽ giả định thứ hai phù hợp hơn, khi thấy từ “Con” không bị thay đổi ở các nơi khác trong Phúc âm để thích hợp nhóm “Nhận-Con-Nuôi”.

Quyết định cuối cùng phải liên hệ đến việc giải kinh. Khi tất cả những gì Giăng Báp-tít tuyên bố đều hướng về Đấng Mê-si-a, chứ không về một quan điểm thần học về Đấng Christ. Câu hỏi được đặt ra là những lời tuyên bố “Con” hay “Người-Được-Chọn” có phản ánh Đấng Mê-si-a như trong Thi-thiên 2:7 hoặc Ê-sai 42:1 hay không. Về sự thương khó, lễ vượt qua, Chiên con trong Giăng gây sự tranh cãi với những ai chọn “Người-Được-Chọn” phù hợp với bối cảnh Phúc Âm. Trang 431-432).

NASB (Hiệu đính RRV2011) Giảng 1:35-42

³⁵Hôm sau, Giảng lại đứng tại đó với hai trong số các môn đồ của mình. ³⁶Khi nhìn thấy Đức Chúa Jê-sus đi ngang qua, ông nói: “Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời!” ³⁷Hai môn đồ nghe ông nói, liền đi theo Đức Chúa Jê-sus. ³⁸Đức Chúa Jê-sus quay lại, thấy họ đi theo thì hỏi: “Các ngươi tìm ai?” Họ thưa: “Ra-bi (nghĩa là Thầy), Thầy đang trọ ở đâu?” ³⁹Ngài phán: “Hãy đến xem.” Họ đến xem chỗ Ngài trọ, và ở lại với Ngài trong ngày đó. Lúc ấy vào khoảng bốn giờ chiều. ⁴⁰Một trong hai người đã nghe Giảng nói và đi theo Đức Chúa Jê-sus, đó là Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ. ⁴¹Trước tiên, ông tìm anh mình là Si-môn Phi-e-rơ và nói: “Chúng tôi đã gặp Đấng Mê-si-a-a” (nghĩa là Đấng Christ). ⁴²Ông đưa anh mình đến với Đức Chúa Jê-sus. Đức Chúa Jê-sus nhìn Si-môn và phán: “Ngươi là Si-môn, con của Giảng, ngươi sẽ được gọi là Sê-pha”, nghĩa là Phi-e-rơ

1:35 “hai trong số các môn đồ ” Hình như có ở đây vẻ khác biệt với Mác 1:16-20. Không ai biết được có bao nhiêu sự giao tiếp giữa môn đồ xứ Ga-li-lê và Chúa Giê-su. Trong thời kỳ Chúa và các môn đồ sống ở Ga-li-lê, một người trở nên môn đồ phải trải qua các bước của một quá trình. Quá trình này được viết trong cầm nang của một thầy dạy luật, nhưng không được Chúa thực hành trong Phúc Âm. Hai môn đồ được nhắc ở trên là Anh-rê và sứ đồ Giảng, mặc dầu ông không tự nhắc tên mình trong Phúc Âm.

Môn đồ mang hai ý nghĩa: (1) người theo học hoặc (2) người đi theo chân. Đây là cách gọi những người tin Chúa Giê-su, Đấng Christ và Mê-si-a được hứa trong giai đoạn tiền khởi, xem Ma-thi-ơ 13; 28:18-20). Cơ-đốc giáo mở đầu bằng quyết định ăn năn và đức tin, tiếp tục bằng sự vâng phục và bền đỗ. Đạo Chúa không như bảo hiểm hỏa hoạn, hay vé bay đi thiên đàng, nhưng là sự tương giao với Chúa và phục vụ hàng ngày .

1:37 “Hai môn đồ nghe ông nói” Giảng Báp-tít bỏ qua bản thân mà chỉ hướng về Chúa Giê-su (xem. 3:30).

1:38 “Rabbi (được dịch là thầy)” Đây là danh hiệu phổ biến những người có khả năng dạy dỗ diễn giải luật Mô-sê và truyền thống Talmud), Ra-bi nghĩa đen là thầy của tôi. Trong Giảng có nghĩa là thầy (xem. 11:8,28; 13:13-14; 20:16). Qua câu giải thích “nghĩa là thầy” của Giảng (xem. Câu 38,41,42) chúng ta biết ông viết Phúc Âm cho người ngoại bang.

▣ **“Thầy đang trọ ở đâu”** Đây có vẻ là quá trình làm quen giữa học trò và thầy. Hai môn đồ mong muốn được gần gũi hơn và được hỏi thêm vài câu hỏi trên đường đi. (xem. v. 39).

Từ *menō* (Trọ, ở lại - remain) xuất hiện 3 lần 38,39. Có thể nói về một địa danh hoặc một nơi thuộc linh. Cả ba trường hợp có thể là sự chơi chữ, kết hợp hai khái niệm thuộc thể, thuộc linh, khá điển hình trong văn tự của Giảng (ví dụ., 1:1,5; 3:3; 4:10-11; 12:32).

1:39 “Lúc ấy vào khoảng bốn giờ chiều” Không chắc chắn Giảng có sử dụng giờ La-mã hay không. Ngày La-mã bắt đầu từ (1) 12:00 giờ khuya. hoặc (2) rạng sáng hay (3) sẩm tối 6:00 giờ chiều theo giờ Do-thái. Khi so Giảng 19:14 với Mác 15:25 ta thấy đây theo giờ La mã. Nhưng trong Giảng 11:9, ta thấy giờ Do-thái hợp lý hơn. Có lẽ Giảng sử dụng cả hai loại giờ. Thời gian trong câu này là 4 giờ chiều theo La-mã

1:40 “Một trong hai người đã nghe Giảng nói ” Tác giả (Sứ đồ Giảng) không bao giờ tự nhắc tên mình (ví dụ., 21:2). Chắc có thể đây là Giảng, con của Zê-bê-đê (ví dụ., Ma-thi-ơ.4:21; Mác 1:19).

1:41

NASB “Trước tiên ông tìm thấy anh em trai của mình - He found first his own brother”

NKJV, NRSV “Trước tiên ông tìm thấy anh em trai của mình - He found first his own brother ”

TEV “Ông tìm thấy ngay lập tức - At once he found”

NJB “Anh-rê làm điều này trước tiên - the first thing Andrew did”

Trên đây là những sự khác biệt giữa các phiên bản: Có thể:

1. Điều đầu tiên Anh-rê làm.
2. Người đầu tiên Anh-rê tìm
3. Đầu tiên Anh-rê đi tìm và loan tin

▣ “**Đấng Mê-si-a** (trong tiếng Hy-lạp: Đấng Christ)” xem ghi chú câu 1:20.

1:42 “Đức Chúa Jêsus nhìn ” Động từ nhìn đây mang tính nhìn chăm chú

▣ “**Người là Si-môn, con của Giăng ”** Có những sự hiểu lầm về cha của Si-mon. Trong Ma-thi-ơ 16:17 Phi-ê-rô là con của Giô-na” (*Iōnas*). Trong Giăng 1:42 là con của Giăng(*Iōannēs*) Tên Giăng trong phiên bản MSS P⁶⁶, P⁷⁵, 8 and L. MS B khác nhau đánh vần một chữ “n”. Tên Giô-na có trong phiên bản MSS A, B³, K” Không ai có cách giải thích thỏa đáng và sự khác biệt có thể đến khi dịch từ tiếng A-ram. Giô-na và Giăng có thể giống nhau trong tiếng Do-thái, cũng như Si-mon và Si-me-on trong tiếng Hy-lạp (Theo Michael Magill, *The New Testament TransLine*, p. 303)

▣ “**người sẽ được gọi là Sê-pha**”, (nghĩa là **Phi-e-rô**) Sê-pah trong tiếng A-ram (*kepa*), dịch qua tiếng Hy-lạp là Kephass có nghĩa là hòn đá. Tên này là biểu tượng của sự bền chắc, mạnh mẽ và ổn định. “Nghĩa là Phi-ê-rô” - Đây là một trong nhiều giải thích của tác giả Phúc Âm về cuộc sống và giáo huấn của Chúa Giê-su cho các độc giả người ngoại

Trong chương này xuất hiện hai từ kỹ thuật thần học, dùng để nghiên cứu Kinh Thánh

1. exegesis, Bày tỏ 1:18
2. hermeneutics, Giải thích, giải nghĩa, chú giải, thông dịch 1:42

NASB (Hiệu đính RVV2011) Giăng 1:43-51

⁴³Hôm sau, Đức Chúa Jêsus muốn đi qua miền Ga-li-lê. Ngài tìm Phi-líp và phán rằng: “Hãy theo Ta.” ⁴⁴Phi-líp là người Bết-sai-đa, cùng thành phố với Anh-rê và Phi-e-rô. ⁴⁵Phi-líp tìm Na-tha-na-ên và nói: “Chúng tôi đã gặp Đấng mà Môi-se đã chép trong luật pháp, và các nhà tiên tri cũng có ghi lại; ấy là Đức Chúa Jêsus, con của Giô-sép, ở thành Na-xa-rét.” ⁴⁶Na-tha-na-ên nói: “Có điều gì tốt ra từ Na-xa-rét được sao?” Phi-líp nói: “Hãy đến xem!” ⁴⁷Đức Chúa Jêsus thấy Na-tha-na-ên đến với Ngài thì nói về ông rằng: “Đây là một người Y-sơ-ra-ên thật, trong người không có điều dối trá.” ⁴⁸Na-tha-na-ên thưa: “Làm thế nào Thầy biết tôi?” Đức Chúa Jêsus đáp: “Trước khi Phi-líp gọi ngươi, Ta đã thấy ngươi ở dưới cây vả.” ⁴⁹Na-tha-na-ên thưa: “Thưa Thầy, Thầy là Con Đức Chúa Trời! Thầy là vua Y-sơ-ra-ên!” ⁵⁰Đức Chúa Jêsus đáp: “Có phải vì Ta nói Ta thấy ngươi ở dưới cây vả nên ngươi mới tin? Ngươi sẽ thấy những việc vĩ đại hơn nữa.” ⁵¹Rồi Ngài phán: “Thật, Ta bảo thật với các ngươi: Các ngươi sẽ thấy trời mở ra và thiên sứ của Đức Chúa Trời lên xuống trên Con Người.”

1:43 “Ngày hôm sau” Giăng ghi chép thứ tự thời gian trong cả Phúc Âm (xem. 1:29,35,43; 2:1; v.v...). Bối cảnh

(1) bắt đầu trong câu 19, có thể là ngày đầu tiên; (2) câu. 29,35,43 “ngày hôm sau”; and (3) 2:1 “trong ngày thứ ba”

▣ “**Đức Chúa Jêsus muốn đi qua ”** theo Giăng, giai đoạn đầu của chức vụ Chúa Giê-su ở Giu-đa chứ không ở Ga-li-lê như trong Phúc Âm Đồng Quan. Tất cả sự kiện trong Phúc Âm Giăng tập trung ở Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, ở đây, Chúa muốn đi dự đám cưới tại thành Ca-na xứ Ga-li-lê.(Giăng 2).

▣ “**Hãy theo Ta**” Đây là động từ mệnh lệnh thức, thì hiện tại chủ động (present active imperative). Lời kêu gọi trở nên môn đồ của một vị thầy. Người Do-thái có cảm nang về mối liên hệ thầy trò này.

1:44 “Phi-líp là người Bết-sai-đa” Bethsaida có nghĩa là ngôi nhà đánh cá, cũng là quê hương của Anh-rê và Phi-ê-rô

1:45 “Nathanael” có nghĩa trong tiếng Hê-bơ-rơ: “Đức Chúa Trời đã ban.” Tên Na-tha-na-en không có trong Phúc Âm Đồng Quan. Các học giả hiện đại cho biết đây có thể là tên Ba-thô-lô-my

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:**BIỂU ĐỒ TÊN CỦA CÁC SỨ ĐỒ (Ma-thi-ơ 10:2-4 Mác 3:16-19 Lu-ca 6:14-16 Công vụ 1:12-18)**

	Ma-thi-ơ 10:2-4	Mác 3:16-19	Lu-ca 6:4-16	Công vụ 1:12-18
Nhóm 1	Si-mon (Phi-ê-rô)	Si-mom (Phi-ê-rô)	Si-mom (Phi-ê-rô)	Phi-ê-rô
	Anh-rê (anh em Phi-ê-rô)	Gia-cơ (Con Zê-bê-đê)	Anh-rê (anh em Phi-ê-rô)	John
	Gia-cơ (Con của Zê-bê-đê)	John (anh em Gia-cơ)	Gia-cơ	Gia-cơ
	John (anh em Gia-cơ)	Anh-rê	John	Anh-rê
Nhóm 2	Phi-líp	Phi-líp	Phi-líp	Phi-líp
	Ba-thô-lô-my	Ba-thô-lô-my	Ba-thê-lê-my	Thomas
	Thô-ma	Ma-thi-ơ	Ma-thi-ơ	Ba-thô-lô-my
	Ma-thi-ơ (thu thuế)	Thô-ma	Thô-ma	Ma-thi-ơ
Nhóm 3	Gia-cơ (con A-phê)	Gia-cơ con A-phê)	Gia-cơ (con A-phê)	Gia-cơ (con A-phê)
	Tha-đê	Tha-đê	Si-mon (Xê-lốt)	Si-mon (Xê-lốt)
	Si-mon (Người Ca-na-an)	Simon (Người Ca-na-an)	Giu-đa (con Gia-cơ)	Giu-đa (con Gia-cơ)
	Giu-đa (Ich-ca-ri-ốt)	Giu-đa (Ich-ca-ri-ốt)	Giu-đa (Ich-ca-ri-ốt)	

- ▣ Si-mon, người Chúa cũng gọi là Phi-ê-rô. Được ghi tên ba lần trong vòng các môn đồ. Phi-ê-rô luôn đứng đầu và Giu-đê (Ich-ca-ri-ốt) luôn đứng cuối. Trong 3 nhóm 4 người, tên không thay đổi nhưng thứ tự thay đổi.
 - ▣ Anh-rê, nghĩa tiếng Hy-lạp là nam-tính. Từ Giăng 1:29-42, chúng ta được biết ông là môn đồ của Giăng Báp-tít và là người giới thiệu Phi-ê-rô cho Chúa Giê-su.
 - ▣ Gia-cơ, tương ứng với Gia-cốp trong Hê-bơ-rơ, BDB 784, có nghĩa "kẻ chiếm chỗ". Có hai Gia-cơ trong danh sách, một người (ở đây) là anh em của Giăng, Mác 3:17 và là thành phần nhóm kẻ cận Chúa (Phi-ê-rô, Giăng và Gia-cơ)
 - ▣ Giăng, anh em của Gia-cơ, thành viên nhóm kẻ cận Chúa Giê-su, viết 5 sách trong Tân Ước và sống lâu hơn bất cứ sứ đồ nào khác.
 - ▣ Phi-líp, nghĩa Hy-lạp là "người thích ngựa". Được kêu gọi trong Giăng 1:43-51
 - ▣ Ba-thô-lô-my, có nghĩa là con của Ptolemy. Ông có thể là Na-tha-na-en trong Giăng (1:45-49, 21:20)
 - ▣ Ma-thi-ơ, tương ứng Mathias trong Hê-bơ-rơ, (1 Sử ký. 9:31; 15:18,21; 16:5; 25:3,21; Nê-hê-mi 8:4), có nghĩa là quà của Đức Giê-hô-va. Cũng có thể đây là Lê-vi (Mác 2:13-17)
 - ▣ Thô-ma, Tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là sinh đôi, hoặc Didymus, Giăng 11:16; 20:24; 21:2
 - ▣ Gia-cơ con của A-phê, tương ứng với Gia-cốp tiếng Hê-bơ-rơ. Ông này còn được gọi là Gia-cơ "nhỏ" Mác 3:17
 - ▣ Si-mon Xê-lốt. Phúc âm Mác mô tả ông là người Ca-na-an, có lẽ vì được viết bằng tiếng La-mã nên tác giả không muốn dùng từ kích động Xê-lốt (quá khích) như trong Lu-ca. Si-mon là một thành viên của nhóm võ trang tìm cách lật đổ ảnh thống trị của Rô-ma bằng bạo lực. Từ "người Ca-na-an" có vài ý nghĩa
 1. Đền từ xứ Ca-na ở Ga-li-lê
 2. Người buôn bán, được gọi vậy trong Cựu Ước.
 3. Người Ca-na-an bản gốc (từ thời Giô-suê)
- Nếu danh hiệu "người Ca-na-an" trong Lu-ca có lý, từ Xê-lốt trong tiếng A-ram có thể có ý nghĩa "người nhiệt tình" (Công vụ 1:17), Chúa Giê-su kêu gọi 12 môn đồ từ các nhóm khác nhau. Vì thuộc nhóm chống đối chính quyền Rô-ma, Si-mon Xê-lốt chắc không ngồi chung phòng với quan thuế Lê-vi (Ma-thi-ơ).
- ▣ Giu-đa con của Gia-cơ, cũng được gọi là Tha-đê Lebbeus (Ma-thi-ơ 10:3) hay Giu-đa (Giăng 14:22) Cả hai từ Tha-đê và Lebbeus đều mang ý nghĩa "con yêu dấu".
 - ▣ Giu-đa Ich-ca-ri-ốt. Có hai Si-mon, hai Gia-cơ, hai Giu-đa. Tên Ich-ca-ri-ốt có thể mang ý nghĩa:
 1. Một người từ thành Kerioth xứ Giu-đa (Giô-suê 15:23) vậy ông này là người Giu-đa
 2. Tên cha của ông
 3. "Người sử dụng dao găm, kẻ ám sát". Vậy ông này cũng thuộc đảng "quá khích" như Si-mon.

▣ **"luật pháp, và tiên tri"** Nói về hai trong ba phần của Thánh Kinh tiếng Hê-bơ-rơ: Tiên-tri, Luật pháp và Văn tự, (phần Văn Tự có thuộc vào Thánh Kinh hay không vẫn là chủ đề bàn cãi của đại hội tại Jamia năm 90 S.C.N) Đây là thành ngữ chỉ về Cựu ước.

▣ **"Chúa Giê-su Na-za-rét, Con của Giô-sép"**. Đây phải được hiểu theo cách nhìn của người Do-thái: Chúa Giê-su khi đó sống ở thành Na-xa-rét, là con của Giô-sép. Điều này không phủ nhận Chúa Giê-su sinh tại Bê-t-lê-hem bởi trình nữ Ma-ri. (Mi-ca 5:2, Ê-sai 7:14)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA GIÊ-XU Ở NA-XA-RÉT

Có nhiều chữ Hy Lạp khác nhau dùng trong Tân Ước nói đến Chúa Giê-xu.

A. Những chữ trong Tân Ước

1. Na-xa-rét - thành phố trong xứ Ga-li-lê (xem Lu-ca 1:26; 2:4,39,51; 4:16; Công-vụ 10:38). Thành phố này không được nhắc đến trong các nguồn tài liệu đương thời nhưng lại xuất hiện trên những bia đá xuất hiện sau đó.

Chi tiết Đức Chúa Giê-xu từ Na-xa-rét không phải là lời ca ngợi (xem Giăng 1:46). Tấm bảng trên cây thập tự đóng đinh Đức Chúa Giê-xu có nhắc đến địa danh này cho biết đó một dấu hiệu chỉ sự khinh khi của người Do thái.

2. *Nazarēnos* - dường như cũng đề cập đến một sự xác định địa điểm (xem Lu-ca 4:34; 24:19).
3. *Nazōraios* - có thể đề cập đến một thành phố, nhưng cũng có thể là một cách chơi chữ dựa trên chữ “nhánh” là từ chỉ về đấng Mê-ti trong tiếng Do thái (*netzer*, xem Ê-sai 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12).

Lu-ca dùng chữ này cho Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 18:37 và Công-vụ 2:22; 3:6; 4:10; 6:14; 22:8; 24:5; 26:9.

4. Liên hệ đến #3 *nāzir*, có nghĩa “biệt riêng bởi lời thề nguyện”

B. Những cách sử dụng ngoài Tân Ước theo lịch sử. Cách định danh này có những cách dùng khác trong lịch sử.

1. Nó ám chỉ một nhóm dị giáo người Do thái trước thời kỳ của Cơ-Độc-Giáo.
2. Nó đã được sử dụng trong vòng người Do thái để chỉ những người tin nơi Đấng Christ (xem Công-vụ 24:5,14; 28:22).
3. Nó trở thành chữ thông thường chỉ những tín hữu trong những Hội thánh người Sy-ri (nói tiếng A-ram). “Cơ-Độc-Nhân” được dùng để chỉ những tín hữu trong các Hội thánh nói tiếng Hy Lạp.
4. Một thời gian sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem, những người Pha-ri-si tập hợp tại Jamnia mưu toan chính thức tách biệt giữa nhà hội và Hội thánh. Một bằng chứng tiêu biểu cho khuôn mẫu những lời nguyện rửa các Cơ-Độc Nhân tìm thấy trong “Mười tám Lời kinh tạ ơn” trong *Berakoth* 28b-29a, gọi những tín hữu là “những người Na-xa-rét” như sau “Cầu cho những người Na-xa-rét cùng với những kẻ dị giáo biến mất trong giây lát; chúng sẽ bị xóa khỏi sách sự sống và không được viết xuống cùng với những người trung tín”.
5. được Justin Martyr, *Dial.* 126:1, dùng *netzer* để nói về Giê-su trong Ê-sai.

C. Ý kiến cá nhân của tác giả

Tôi lấy làm ngạc nhiên bởi nhiều cách đánh vần của chữ này dù tôi biết rằng đây không phải là chuyện chưa từng xảy ra cho Cựu Ước; như chữ “Giô-suê” có nhiều cách đánh vần trong tiếng Do thái. Tuy vậy, bởi vì các lý do sau

1. sự liên hệ gần gũi với chữ “nhánh” là từ chỉ về đấng Mê-ti-a;
2. kết hợp với ẩn ý tiêu cực;
3. rất ít hầu như không có sự chứng thực hiện thời về thành phố Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê và
4. chữ này nằm trong lời của ma quỷ nói theo ý nghĩa lai thế (“Ngài đến để tiêu diệt chúng tôi sau?”) khiến tôi không chắc chắn về ý nghĩa chính xác của chữ này.

Để tham khảo đầy đủ những nghiên cứu riêng về chữ này bởi các học giả xem *New International Dictionary of NT Theology*, của Collin Brown (ed.), vol. 2, trang 346. hoặc Raymond E. Brown, *Birth*, pp. 209-213, 223-225

1:46 “Na-tha-na-ên nói: “Có điều gì tốt ra từ Na-xa-rét được sao?” Lẽ dĩ nhiên Phi-líp và Na-tha-na-ên biết Đấng Mê-si-a sẽ đến từ Bét-lê-hem gần Giê-ru-sa-lem theo Cựu Ước (theo Mi-ca 5:2) chứ không từ Na-xa-rét vùng dân ngoại Ga-li-lê. Chi tiết trong Ê-sai 9:1-7 ngụ ý điều này.

1:47

NASB, NKJV,

NRSV “Trong người không có sự dối trá - in whom there is no deceit”

TEV “Không có sự giả dối trong người -there is nothing false in him”

NJB “Trng người không có sự lường gạt - in whom there is no deception”

Điều này nói đây là con người thẳng thắn, không ẩn dấu một động cơ. (Thi-thiên 32:2) - Thực sự một đại diện của thể hệ I-sơ-ra-en mới.

1:48 “Đức Chúa Jê-sus đáp: “Trước khi Phi-líp gọi người, Ta đã thấy người ở dưới cây vả.””

Chúa Giê-su sử dụng tri thức siêu nhiên cho Na-tha-na-en biết Ngài là Đấng Mê-si-a (ví dụ 2:24-25; 4:17-19,29; 6:61,64,71; 13:1,11,27,28; 16:19,30; 18:4) Thật khó hiểu Thần Đức và nhân đức của Chúa Giê-su vận hành như thế nào, nhiều vấn đề không chắc chắn Chúa đang sử dụng khả năng siêu nhiên hay khả năng thuộc thể. Ở đây có thể kết luận về khả năng siêu nhiên để thấy trước Na-tha-na-en.

1:49 “Thưa Thầy, Thầy là Con Đức Chúa Trời! Thầy là vua Y-sơ-ra-ên!” Để ý hai danh hiệu ở đây gọi ý về Đấng Mê-si-a (ví dụ Thi-thiên 2) Các môn đồ đầu tiên hiểu rõ Chúa Giê-su theo hạng mục trông đợi của Dân Do-thái trong thế kỷ đầu tiên, nhưng không hiểu nhân cách, công việc của “Tôi Tớ Thương Khó” trong Ê-sai 53 cho đến khi Ngài phục sinh

1:51

NASB “Quả thật, quả thật, Ta bảo cùng các người - Truly, truly, I say to you,”

NKJV “Một cách chắc chắn nhất ta phán cho người - Most assuredly, I say to you,”

NRSV “Thực sự hết sức ta phán cho người -Very truly, I tell you,”

TEV “Ta phán cho người một sự thật - I am telling you the truth”

NJB “Trong sự thật trọn vẹn - In all truth”

Theo nghĩa đen, đây là “A-men, a-men”. Chúa Giê-su là người duy nhất dùng cách nói này đến 25 lần trong sách Phúc Âm Giang. “A-men” trong tiếng Hê-bơ-rơ “Emeth”, có nghĩa là chắc chắn, ổn định, có thể tin cậy. Còn có thể dịch là niềm tin, thành tín. Chúa Giê-su sử dụng cách nói này để lôi kéo sự chú ý một cách đặc biệt đến các tuyên bố và mạc khải của Đức Giê-hô-va. (xem. 1:51; 2:3,5,11; 5:19,24,25; 6:26,32,47,53; 8:34,51,58; 10:1,7,12:24; 13:16,20,21,38; 14:12; 16:20,23; 21:18).

Xin để ý tới số nhiều trong chủ từ và động từ. Câu này Chúa chắc đang nói cho cả những người đang đứng xung quanh

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ ‘AMEN’

I. CỤU ƯỚC

A. Chữ “Amen” lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là

1. lẽ thật (*emeth*) hay
2. tính chân thật (*emun, emunah*), và
3. đức tin hay
4. sự thành tín.

B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừu tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng thế ký 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).

C. Các cách dùng đặc biệt khác:

1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
5. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168
6. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
7. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9

D. Trong Cựu ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:

1. *Bathach*, tin cậy
2. *Yra*, kính sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng thế ký 22:12)

E. Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52;

106:48).

F. Chìa khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1; 117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài.

Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thể nào Chúa phục hồi lại ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng kết nối mỗi tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

II. TÂN ƯỚC

- A. Cách sử dụng chữ ‘amen’ như là lời kết xác tín sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ là cách dùng thông thường trong Tân ước (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).
- B. Cách sử dụng từ ngữ này để kết thúc lời cầu nguyện là cách dùng thông thường trong Tân ước (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).
- C. Chúa Jê-sus là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).
- D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jê-sus trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).
- E. Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin tưởng (trust, faith, believe).

▣ **“Các ngươi, các ngươi”** Cả hai chủ từ trong thể số nhiều. . Chúa Giê-su phán dạy cho những người xung quanh và mở rộng ra, cả nhân loại.

▣ **“Thiên đàng mở ra.”** Câu này mang tính thần hiển trong Cựu ước.

1. Ê-xê-chiên, E-xê. 1:1
2. Chúa Giê-su, Ma-thi-ơ. 3:16; Mác 1:10; Lu-ca 3:21
3. Ê-tiên, Công vụ 7:56
4. Cột-nây, Công vụ 10:11
5. Sự Tái Lâm, Khải. 19:11

Đây là giới từ hoàn thành chủ động (perfect active participle) có nghĩa rằng Thiên đàng đã và đang còn mở ra. Từ thật Thiên Đàng cũng trong số nhiều, vì cũng là số nhiều trong bản Hê-bơ-rơ, ám chỉ (1) Bầu trời trên mặt đất như trong Sáng thế (2) Sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THIÊN ĐÀNG

Trong Cựu Ước, từ Thiên Đàng thường có số nhiều (ví dụ., *shamayim*, BDB 1029). Có nghĩa : “trên cao” The Hebrew term means “height.” Đức Chúa Trời ngự ở trên cao. Khái niệm này chỉ về sự thánh khiết và siêu việt của Chúa .

Sáng thế 1:1 Trờ đất” thể số nhiều, Đức Chúa TRỜI tạo dựng (1) Bầu trời trên mặt đất, hoặc (2) đây là cách ám chỉ tất cả những gì thuộc linh và thuộc thể. Khi hiểu một cách cơ bản dựa theo các văn tự khác, not có thêm ý nghĩa các mức độ khác nhau của các bậc Thiên Đàng: Các tầng trời thái cổ Thi-thiên 68:33 hoặc trời và các tầng trời cao nhất (Phục Truyền) 10:4, I Sứ-ký. 8:27; Nê-hê-mi 9:6; Thi-thiên. 148:4). Các thầy dạy luật phòng đoán

1. Có 2 thiên đàng (ví dụ., R. Judah, Hagigah 12b)
2. Có 3 thiên đàng (Test. Levi 2-3; Ascen. of Isa. 6-7; Midrash Tehillim on Ps. 114:1)
3. Có 5 thiên đàng (III Baruch)

4. Có bảy thiên đàng (R. Si-monb. Lakish; II Enoch 8; Ascen. of Isa. 9:7)

5. Có mười thiên đàng (II Enoch 20:3b; 22:1)

Tất cả đều muốn giới thiệu Đức Chúa Trời khác biệt khỏi tạo hóa thuộc thể và sự siêu việt của Ngài. Thường các thầy Do-thái giáo chấp nhận 7 thiên đàng. A. Cohen, *Everyman's Talmud* (p. 30), nói đây là sự kiết nối với các vàng thiên văn, nhưng tôi nghĩ rằng con số bảy tương trưng cho sự trọn vẹn, (ví dụ bảy ngày tạo hóa kết thúc bởi sự nghỉ ngơi của Đức Chúa Trời trong Sáng thể).

Phao-lô, in II Cô-rin. 12:2, nhắc đến thiên đàng thứ ba, (tiếng Hy-lạp *ouranos*) như một cách mô tả Đức Chúa Trời hiện diện một cách huy hoàng. Phao-lô có cuộc gặp gỡ một cách cá nhân với Đức Chúa Trời!

▣ **“thiên sứ của Đức Chúa Trời lên xuống”** Đây là sự gợi nhớ về từng trái của Gia-cốp tại Bê-tên (xem. Gen. 28:10ff). Chúa Giê-su khẳng định như Đức Chúa Trời hứa cung cấp mọi nhu cầu cho Gia-cốp, Ngài cũng cung cấp mọi nhu cầu cho Chúa Giê-su

▣ **“Con Người”** Đây là danh hiệu tự xưng của Chúa Giê-su cũng là cách người Do-thái nói về con người. (xem. Thi-thiên. 8:4; Ê-xê 2:1). Nó cũng nói về một Thần Đức trong Đa-ni-en. 7:13. Từ này không mang tính dân tộc hay tính quân sự, bởi các thầy tôn giáo không dùng đến nó. Chúa Giê-su dùng từ này nhưng một sự kết hợp bản chất thần linh và thuộc thể của Ngài, xem I Giăng 4:1-3). Chúa dùng cụm từ Con Người 11 lần trong Giăng

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao phái đoàn từ Giê-ru-salem hỏi Giăng có phải là một trong ba nhân vật nổi tiếng thời Cựu Ước hay không?
2. Xác nhận tuyên bố về Đấng Christ khi Giăng giới thiệu Chúa Giê-su câu 19-30.
3. Vì sao các Phúc Âm Đồng Quan khác với Phúc Âm Giăng về sự kêu gọi các môn đồ?
4. Những môn đồ hiểu gì về Chúa Giê-su, Hãy để ý các danh hiệu họ dùng để thưa với Chúa câu 38
5. Chúa Giê-su tự xưng mình như thế nào, vì sao?

GIẢNG 2

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đám Cưới tại Ca-na	Nước hóa rượu	Các tiệc cưới Ca-na	Đám Cưới tại Ca-na	Đám Cưới tại Ca-na
2:1-11 02:12	2:1-12	2:1-11 02:12	2:1-3 02:04 02:05	2:1-10 2:11-12
Thanh tẩy đèn thờ	Chúa Giê-su thanh tẩy đèn thờ	Thanh tẩy đèn thờ	2:6-10 02:11 02:12	Thanh tẩy đèn thờ
2:13-22	2:13-22	2:13-22	2:13-17 02:18 02:19 02:20 2:21-22	2:13-22
Chúa Giê-su biết rõ mọi người	Đấng Biết Rõ trái tim người		Chúa Giê-su biết rõ nhân tính con người	Chúa Giê-su ở Giê-ru-sa-lem
2:23-25	2:23-25	2:23-25	2:23-25	2:23-25

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

5. Phân đoạn 1
6. Phân đoạn 2
7. Phân đoạn 3
8. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 2:1-11

- A. Chúa Giê-su khác biệt các lãnh đạo tôn giáo khác cùng thời. Chúa ăn uống với người dân bình thường. Trong khi Giăng Báp-tít là người ẩn dật đồng vắng, Chúa hòa đồng nơi công cộng.
- B. Phép lạ đầu tiên mang tính chất cộng đồng và gia đình. Sự quan tâm và chăm sóc đối với dân tình phản nghịch sự tức giận đối với hàng giáo phẩm tự xưng công chính. Chúa ưu tiên con người, bất kể truyền thống hoặc nghi lễ, cho thấy sự tự do, nhưng tôn trọng của Chúa Giê-su đối với kỳ vọng văn hóa.
- C. Đây là dấu lạ đầu tiên trong bảy dấu lạ mà Giăng sử dụng để tiết lộ nhân tính và quyền lực của Chúa Giê-su (chương 2-11) .
 1. làm nước hóa rượu (Giăng 2:1-11)
 2. chữa lành cậu bé (Giăng 4:46-54)
 3. chữa lành người què (Giăng 5:1-18)

4. cho nhiều người ăn (Giăng 6:1-15)
5. đi trên mặt nước (Giăng 6:16-21)
6. chữa lành người mù (Giăng 9:1-41)
7. làm La-xa-rơ sống lại (Giăng 11:1-57)

D. Phúc Âm của Giăng không có cấu trúc theo thứ tự thời gian nhưng theo chủ đề thần học. Chương 2 là một ví dụ tốt về điều này. Theo Giăng ban đầu Chúa Giê-su cố gắng bắt tay những người Do Thái (kể cả lãnh đạo và dân thường) nhưng họ không tin hoặc chấp nhận. Vì lòng họ cứng cỏi và tự mãn trong tôn giáo, Chúa từ chối Do Thái giáo, qua:

1. sáu chum rửa, nước đầy tới miệng, tượng trưng Do Thái giáo mà Chúa sẽ thay đổi
2. thanh tẩy đền thờ. Mặc dầu trong thứ tự thời gian sẽ xảy ra vào đầu tuần cuối cùng cuộc đời Chúa Giê-su, ở đây được ghi nhận sớm ngay trong chương hai. Đó là một dấu hiệu thần học ban đầu về việc Ngài từ chối giới lãnh đạo Do Thái.

Một ví dụ tốt khác về thiết kế văn bản của Giăng là Ni-cô-đem (đại diện nhóm tôn giáo) của chương 3 và người đàn bà Sa-ma-ri (đại diện nhóm vô tôn giáo) của chương 4. Đây những điển hình cực đoan trong vòng loài người .

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) GIĂNG 2:1-11

¹Vào ngày thứ ba, có một tiệc cưới tại thành Ca-na trong miền Ga-li-lê; mẹ của Đức Chúa Jê-sus có mặt tại đó. ²Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ Ngài cũng được mời dự tiệc. ³Khi rượu đã cạn, mẹ của Đức Chúa Jê-sus nói với Ngài: “Người ta không còn rượu nữa.” ⁴Đức Chúa Jê-sus trả lời: “Thưa bà, việc này có liên can gì đến bà và tôi? Giờ của tôi chưa đến.” ⁵Mẹ Ngài nói với những người phục vụ rằng: “Người bảo gì thì hãy làm y như vậy”. ⁶Tại đó có sáu cái chum bằng đá dùng vào việc tẩy sạch theo lễ nghi Do Thái, mỗi cái chứa được hai ba thùng nước. ⁷Đức Chúa Jê-sus bảo họ: “Hãy đổ nước đầy những chum này.” Họ đổ đầy tới miệng. ⁸Rồi Ngài lại bảo: “Bây giờ hãy múc ra, đem đến cho người quản tiệc.” Vậy họ đem đến cho người ấy. ⁹Khi người quản tiệc nếm nước đã biến thành rượu (nhưng không biết rượu đến từ đâu, còn những người phục vụ đã múc nước thì biết), ông gọi chàng rể ¹⁰và nói: “Mọi người đều đãi rượu ngon trước, và khi người ta uống nhiều rồi mới đãi rượu kém hơn, nhưng anh thì giữ rượu ngon cho đến bây giờ.” ¹¹Đây là dấu lạ thứ nhất Đức Chúa Jê-sus đã làm tại thành Ca-na, trong miền Ga-li-lê, và bày tỏ vinh quang Ngài nên các môn đồ tin Ngài.

2:01 " có một tiệc cưới " tiệc cưới trong làng là sự kiện quan trọng, thường liên quan đến toàn bộ cộng đồng và có thể kéo dài nhiều ngày.

▣ " **Ca-na** " Tên này chỉ được nhắc đến trong Phúc Âm Giăng (Giăng 2:1,11 ; 04:46 ; 21:2) . Chúng ta biết một số điều về nó.

1. Thị trấn nhà của Na-tha-na-en
2. địa danh phép lạ đầu tiên của Chúa Giê-su
3. gần Ca-bê-na-um

Có bốn địa danh thời nay (theo AB , tập. 1 , trg . 827)

1. Ain Qana, một dặm về phía bắc của Nazareth
2. Kafr Kanna , ba dặm về phía đông bắc Nazareth
3. Khirbet Qana, tám rưỡi dặm về phía bắc Nazareth , trên một ngọn đồi
4. Ca-na trên đồng bằng Asochis , được đề cập bởi Josephus (Life, 86 , 206) .

Vị trí trên đồng bằng Asochi có vẻ phù hợp với Ca-na, theo tiếng Do Thái nghĩa là "lau sậy" (hay là "gây chóng")

▣ "mẹ của Chúa Giê-su có mặt tại đó " Rõ ràng Ma-ri giúp sắp đặt đám cưới, vì (1) bà ra lệnh cho đầy tớ (Giăng 2:5) và (2) quan tâm đến giải khát (Giăng 2:3). Đám cưới đây có lẽ của người thân hoặc bạn bè gia đình.

2:03 " Rượu đã cạn " Phong tục Do Thái bắt buộc đối với quan khách cung cấp rượu. Rõ ràng đây là rượu đã lên men, như trong (1) nhận xét của thầy hành lễ , Giăng 2:9-10; (2) phong tục Do Thái thời Chúa Giê-su , hoặc (3) thiếu các quy trình vệ sinh hoặc các chất phụ gia hóa học.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁI NHÌN CỦA KINH THÁNH ĐỐI VỚI RƯỢU (CHẤT CÓ MEN) VÀ SỰ SAY RƯỢU (SỰ NGHIỆN NGẬP)

I. Các từ ngữ trong Kinh thánh

A. Cự ước

1. *Yayin*- Đây là từ ngữ tổng quát chỉ rượu, được dùng 141 lần. Từ nguyên của chữ này không rõ bởi vì nó không phải xuất phát từ gốc từ Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là các loại trái cây lên men, thường là nho. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Sáng thế ký 9:21; Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Dân số ký 15:5, 10.
2. *Tirosh*- Đây là "rượu mới." Bởi vì điều kiện khí hậu ở vùng Cận đông, quá trình lên men có thể xảy ra sớm nhất là 6 giờ đồng hồ sau khi ép lấy nước trái cây. Từ này chỉ rượu đang trong giai đoạn lên men. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Phục truyền luật lệ ký 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11
3. *Asis*- Đây rõ ràng là các loại uống có cồn (Giô-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar*- Đây là từ "đồ uống mạnh." Từ Hê-bơ-rơ gốc là "say" hay "người say." Nó có thêm một thứ gì khác vào để làm cho say hơn. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm-ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

B. Tân ước

1. *Oinos*- chữ Hy-lạp tương đương của chữ *yayin*.
2. *Neos oinos* (rượu mới)- từ Hy-lạp tương đương với chữ *tirosh* (Mác 2:22)
3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt)- rượu trong thời kỳ đầu của giai đoạn lên men (Công vụ 2:13).

II. Các cách dùng trong Kinh thánh

A. Cự ước:

1. Rượu là một món quà từ Chúa (Sáng thế ký 27:28; Thi-thiên 104:14-15; Truyền đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-môt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần trong tế lễ hy sinh (Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Lê-vi-ký 23:13; Dân số ký 15:7,10; 28:14; Phục truyền luật lệ ký 14:26; Các quan xét 9:13).
3. Rượu được dùng như thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm-ngôn 31:6-7).
4. Rượu có thể trở thành một vấn đề nghiêm trọng (Nô-ê- trong Sáng thế ký 9:21; Lót- trong Sáng thế ký 19:33, 35; Sam-sôn- trong Các quan xét 16:19; Na-banh- trong I Sa-mu-ên 25:36; U-ri- II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn- II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la- I Các Vua 16:9; Bên-ha-đát- I Các Vua 20:12; Những người cầm quyền- A-môt 6:6; và Những người phụ nữ- A-môt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm-ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11, 22; 19:14; 28:7-8; Ô-sê 4:11).
6. Rượu bị cấm đối với một số nhóm người (Thầy tế lễ đang phiên trực, Lê-vi-ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; Na-xi-rê, Dân số ký 6; và những người cai trị, Châm-ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu được dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (A-môt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

B. Thời kỳ giữa hai giao ước (Interbiblical)

1. Rượu dùng có chừng mực rất có ích lợi (sách Ecclesiasticus 31:27-30)
2. Các thầy ra-bi nói rằng, "Rượu là thứ thuốc tốt nhất, chỗ nào thiếu rượu thì thuốc mới cần đến." (BB 58b).

C. Tân ước:

1. Chúa Jêsus biến một khối lượng lớn nước thành rượu (Giăng 2:1-11).

2. Chúa Jêsus uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; 22:17 và tiếp sau).
3. Phi-e-rơ bị cho là say ‘rượu mới’ trong ngày lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:13).
4. Rượu được dùng làm thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Lãnh đạo không được là người lạm dụng rượu. Điều này không có nghĩa là hoàn toàn kiêng cử rượu (I Ti-mô-thê 3:3, 8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-rơ 4:3).
6. Rượu dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (Ma-thi-ơ 22:1 và tiếp sau; Khải huyền 19:9).
7. Ân hận khi say rượu (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-rơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

III. Các kiến giải thần học:

A. Sự căng thẳng biện chứng:

1. Rượu là một món quà Chúa ban
2. Sự say rượu là một vấn đề nghiêm trọng
3. Người tin Chúa trong một số văn hóa phải tự giới hạn sự tự do của mình vì Phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14:1-15; 13).

B. Khuynh hướng đi ra khỏi giới hạn cho phép:

1. Đức Chúa Trời là nguồn của mọi điều tốt lành (tạo vật “rất tốt lành,” Sáng thế ký 1:31).
2. Con người sa ngã đã lạm dụng những điều Chúa ban bằng cách đi ra khỏi giới hạn cho phép.

C. Sự lạm dụng ở tại chúng ta, chứ không phải trong đồ vật. Không có điều gì là gian ác trong các tạo vật thuộc vật chất này (Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).

IV. Văn hóa Do thái thế kỷ thứ nhất và sự lên men rượu:

- A. Sự lên men xảy ra rất sớm, khoảng 6 giờ sau khi nho được ép ra, đặc biệt là trong loại khí hậu nóng và điều kiện vệ sinh thấp
- B. Truyền thống Do thái nói rằng khi một miếng bột nhỏ xuất hiện trên bề mặt (dấu hiệu lên men), nó phải được biệt riêng ra phần mười (sách *Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là ‘rượu mới’ hay là “rượu ngọt.”
- C. Sự lên men mạnh mẽ nhất chấm dứt sau một tuần.
- D. Quá trình lên men lần thứ hai mất khoảng 40 ngày. Đến lúc này, nó được xem là “rượu đã chín tới” và có thể được đem dâng trên bàn thờ (sách *Edhuyyoth* 6:1).
- E. Rượu để ở nơi khuất (rượu lâu năm) được kể là rượu tốt, nhưng phải lọc thật kỹ trước khi dùng.
- F. Rượu được xem là đến đúng tuổi sau khoảng một năm để lên men. Thời gian cất giữ rượu lâu nhất là 3 năm. Nó gọi là “rượu cũ” và phải pha với nước.
- G. Chỉ trong vòng 100 năm trở lại đây, quá trình lên men bị đình lại khi ở trong môi trường tiệt trùng và các hóa chất phụ gia. Thời xưa không thể làm ngưng quá trình lên men tự nhiên.

V. Lời kết:

- A. Nên cẩn thận để kinh nghiệm của bạn, quan điểm thần học và sự giải thích Kinh thánh của bạn không hạ giá Chúa Jêsus và văn hóa Do thái và/hoặc văn hóa Cơ đốc! Rõ ràng họ không phải là những người hoàn toàn kiêng cử rượu.
- B. Tôi không cổ vũ cho việc dùng rượu để xã giao. Tuy nhiên, nhiều người đã tuyên bố quá đáng vị trí của Kinh thánh về đề tài này và tự xưng công bình ở đẳng cấp cao hơn dựa vào các thành kiến về hệ phái và văn hóa.
- C. Đối với tôi, Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã cung cấp các kiến giải và hướng dẫn dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng các anh em trong niềm tin và sự truyền bá Phúc âm trong mọi văn hóa, chứ không phải nhấn mạnh đến tự do cá nhân hay là công kích với tinh thần phán xét. Nếu Kinh thánh là nguồn tài liệu duy nhất để hướng dẫn niềm tin và thực hành, thì có lẽ chúng ta phải suy nghĩ lại vấn đề này.
- D. Nếu chúng ta cố áp đặt sự kiêng cử hoàn toàn là ý chỉ của Chúa, thì chúng ta đã có hàm ý gì về chính Chúa Jêsus, cũng như các văn hóa ngày nay thường dùng rượu (ví dụ như Âu châu, Y-sơ-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

02:04 "Thưa Bà " Cách gọi này có vẻ khắc nghiệt trong tiếng Anh(Hỡi Người Đàn Bà) nhưng đó là một thành ngữ tôn trọng trong tiếng Do Thái (x. Giảng 04:21 ; 8:10; 19:26 ; 20:15) .

NASB " điều ấy đáng gì với Chúng Ta?"

NKJV " Điều quan tâm của Bà liên hệ gì với Tôi?"

NRSV " Điều gì quan tâm tới Bà và cho Tôi ? "

TEV " Bà không cần cho biết Tôi cần phải làm gì "

NJB " Bà muốn gì ở Tôi? "

Đây là một thành ngữ người Hê-bơ-rơ , nghĩa là " những gì liên hệ tới tôi và anh" (xem Các Quan Xét 11:12 ; . 2 Sam 16:10; . 19:22, 1 Các vua 17:18; . . 2 Các vua 3:13 ; 2 Sử ký 35:21 ; . . Mat-thi-ơ 8:29; Mác 1:24; 5:7, Lu-ca 4:34 ; 8:28; Giăng 2:4). Đây là có thể là điểm đầu của mỗi liên hệ mới giữa Chúa Giê-su và gia đình (x. Ma-thi-ơ 12:46 ff; . Luke 11:27-28) .

▣ "**Giờ của Tôi chưa đến**" Điều này cho thấy Chúa Giê-su tự ý thức về mục đích bổ nhiệm của Ngài (xem Mác 10:45) . Giăng sử dụng thuật ngữ "giờ" này theo nhiều cách.

1. cho thời gian (x. Giăng 1:39 ; 4:6,52,53 ; 11:9, 16:21; 19:14 ; 19:27)

2 . cho thời tận thế (x. Giăng 4:21,23 ; 5:25,28)

3 . ngày cuối của Chúa (bị bắt, thương khó, hy sinh , xem Giăng 2:4; . 7:30; 08:20 ; 12:23,27 ; 13:1; 16:32 ; 17:01)

02:05 " Người bảo gì với anh, hãy làm y như vậy ", Ma-ri không hiểu ý của Chúa Giê-su, dường như muốn ngăn cản việc Chúa có thể xử sự thay mặt bà trong tình huống này .

02:06

NASB " cho phong tục tẩy sạch của người Do Thái "

NKJV " theo cách thức thanh tẩy"

NRSV " cho các nghi lễ thanh tã của người Do Thái "

TEV " người Do Thái có những quy định về nghi lễ thanh tẩy"

NJB " cho tẩy rửa, đó là phong tục của người Do Thái "

Những chum chứa nước được sử dụng cho nghi lễ rửa chân , tay, đồ dùng , vv... Giăng thêm lời nhận xét này để giúp dân ngoại hiểu bối cảnh.

2:6-7 "**sáu chum bằng đá**", điều này dường như là một dấu hiệu trong Giăng với mục đích kép.

1. để giúp các cặp vợ chồng cưới

2. là một dấu hiệu tuyệt đối gợi ý Chúa Giê-su là sự hoàn tất của Do Thái giáo. Lý do có thể là:

a. số "6" là biểu tượng của nỗ lực con người

b. Chúa Giê-su yêu cầu họ đổ nước lên đến miệng chum, dường như có ý nghĩa biểu tượng không chỉ đơn thuần cung cấp thêm rượu

c. số lượng rượu rất lớn, quá nhiều cho một tiệc cưới tại địa phương

d. rượu là một biểu tượng của sự phong phú của thời đại mới (x. Giê-re-mi 31:12 ; . Ô-sê 2:22; . 14:7; Giô-ên 3:18 , A-mốt 9:12-14) .

▣ "**mỗi cái chứa được hai ba thùng nước.**" Đơn vị đo lường được sử dụng theo tiếng Do Thái là *bath* . Có ba kích cỡ khác nhau của *bath* trong thời Chúa Giê-su, vậy không ai biết chắc chắn Chúa hóa bao nhiêu rượu, nhưng phép lạ này nói đến một số lượng lớn !

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐO TRỌNG LƯỢNG VÀ DUNG TÍCH Ở VÙNG CẬN ĐÔNG

Việc đo lường (lượng) trong thương mại rất quan trọng trong nền kinh tế nông nghiệp cổ xưa. Kinh Thánh kêu gọi người Do Thái ngay thẳng trong các giao dịch của họ với nhau (xem Lê vi Ký 19:35-36; Phục truyền Luật lệ Ký 25:13-16; Châm ngôn 11:1; 16:11, 20:1).

Vấn đề thực sự không chỉ là sự trung thực, nhưng còn do các đơn vị và hệ thống được sử dụng tại xứ Pa-léc-tin không được tiêu chuẩn hóa. Có vẻ như có hai bộ quả cân: một loại nhẹ, một loại nặng cho mỗi trường hợp tính trọng lượng (xem quyển The Interpreter's Dictionary of the Bible, quyển 4, trang 831). Ngoài ra, hệ thống

thập phân (cơ số 10) của Ai Cập đã được kết hợp với hệ lục phân (cơ số 6) của vùng Mê-sô-bô-ta-mi.

Nhiều đơn vị về kích thước và số lượng được dựa theo các bộ phận cơ thể con người, tải trọng của súc vật, và các đồ chứa ngũ cốc của nông dân, không có một thứ nào được tiêu chuẩn hóa. Do đó, các bảng đối chiếu giá trị được dùng để ước tính và dự đoán. Cách dễ nhất để biết được việc đo lường là dựa trên một biểu đồ có liên quan giữa các đơn vị.

I. Các từ ngữ thuộc dung tích thường được sử dụng

A. Các đơn vị đo lường cho loại khô

1. Hô-me (BDB 330, có thể là sức chở của một con lừa, BDB 331), xem Lê-vi Ký 27:16; Ô-sê 3:2
2. Letekh (hoặc lethech, BDB 547), xem Ô-sê 3:2 (một hô-me rươi).
3. Ê-pha (BDB 35), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:36; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,13,24
4. Se'ah (bản tiếng Việt dịch là “đầu”) (BDB 684), xem Sáng thế Ký 18:6, I Sa-mu-ên 25:18, I Các vua 18:32
5. Ô-me (BDB 771 II, có thể là một bó: [một hàng cây ngũ cốc đã ngã], BDB 771 I), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 16:16,22,36; Lê-vi Ký 23:10-15

6. Issaron (BDB 798, một phần mười), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 14:21

7. Qav (bản tiếng Việt dịch là “một góc tư ô”) (hoặc kab, BDB 866), xem II Các vua 6:25

B. Các đơn vị đo lường chất lỏng

1. Cô-rơ (BDB 499), xem I Các vua 5:2,25; Ê-xê-chi-ên 45:14
2. Bát (BDB 330, bằng với một Ô-me), xem II Sử ký 2:10; Ê-xê-chi-ên 45:10-11,14
3. Hin (BDB 228), xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:40; Lê-vi Ký 19:36; Ê-xê-chi-ên 45:24
4. Lót (BDB 528), xem Lê-vi Ký 14:10,12,15,21,24

C. Biểu đồ (lấy từ quyển Ancient Israel của Roland deVaux, tập 1, trang 201 và quyển Encyclopedia Judaica, tập 16, trang 379).

Hô-me (khô) = cô-rơ (chất lỏng) 1

Ê-pha (khô) = bát (chất lỏng)	10	1			
Se'ah (khô)	30	3	1		
Hin (chất lỏng)	60	6	2	1	
Ô-me / issaron (khô)	100	10	-	-	1
Qav / kab (khô)	180	18	6	3	- 1
Lót (chất lỏng)	720	72	24	12	- 4 1

(1 hô-me = 10 ê-pha = 30 se'ah = 60 hin = 100 ô-me = 180 qav = 720 lót).

II. Những đơn vị trọng lượng được sử dụng thường xuyên nhất

A. Ba đơn vị trọng lượng thông dụng nhất là ta-lâng, siéc-lơ, và ghê-ra.

1. Đơn vị trọng lượng lớn nhất trong Cựu Ước là ta-lâng. Theo Xuất Ê-díp-tô Ký 38:25-26 mà chúng ta biết rằng một ta-lâng tương đương với 3.000 siéc-lơ (trọng lượng làm tròn số, BDB 503).

2. Chữ siéc-lơ (BDB 1053, trọng lượng) được sử dụng rất thường xuyên đến nỗi nó được thừa nhận mà không được kê ra trong bản văn. Có một số giá trị của siéc-lơ được nêu trong Cựu Ước.

a. Tiêu chuẩn thương mại (xem Sáng thế Ký 23:16 trong bản NASB)

b. Siéc-lơ của đền thờ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13 bản NASB)

c. Theo cân của nhà vua (II Sa-mu-ên 14:26 bản NASB), còn gọi là cân của hoàng gia trong bản giấy cói Elephantine Papyri.

3. Ghê-ra (BDB 176 II) có giá trị 1/20 của siéc-lơ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13). Những tỷ lệ này khác biệt giữa Mê-sô-bô-ta-mi và Ai Cập. Y-sơ-ra-ên dựa theo cách định giá thông dụng nhất trong xứ Ca-na-an (Ugarit).

4. Mi-na (BDB 584) có giá trị là 50 hoặc 60 siéc-lơ. Đơn vị này được tìm thấy trong các sách phần sau của Cựu Ước (xem Ê-xê-chi-ên 45:12; Ê-xơ-ra 2:69; Nê-hê-mi 7:70-71). Ê-xê-chi-ên sử dụng tỷ lệ 60-1, trong khi trong xứ Ca-na-an sử dụng tỷ lệ 50-1.

5. Beka (BDB 132, nửa siéc-lơ, xem Sáng thế Ký 24:22) được sử dụng chỉ có hai lần trong Cựu Ước (xem Sáng thế Ký 24:22; Xuất Ê-díp-tô Ký 38:26) và có giá trị nửa siéc-lơ. Tên của nó có nghĩa là phân chia.

B. Biểu đồ

1. Dựa theo Xuất Ê-díp-tô Ký

Ta-lâng	1			
Mi-na	60	1		
Siéc-lơ	3.000	50	1	

Beka	6.000	*	100	1
------	-------	---	-----	---

(Ghê-ra cũng là 6.000 theo Xuất Ê-díp-tô Ký 30:13; Lê-vi Ký 27:25; Dân số Ký 3:47; 18:16; Ê-xê-chi-ên 45:12).
 (1 ta-lâng = 60 mi-na = 3000 siéc-lơ = 6000 beka).
 2. Dựa theo Ê-xê-chi-ên

Ta-lâng	1				
Mi-na	60	1			
Siéc-lơ	3.600	60	1		
Beka	7.200	120	2	1	
Ghê-ra	72.000	1.200	20	10	1

(1 ta-lâng = 60 mi-na = 3.600 siéc-lơ = 7.200 beka = 72.000 ghê-ra)

02:08 "Quản tiệc "
NKJV "Chủ lễ "
NRSV " người quản trị trưởng "
TEV " người phụ trách lễ "
NJB " chủ tịch lễ "

Người này có thể là (1) một khách danh dự với vai trò chủ lễ hoặc (2) một nô lệ phụ trách việc phục vụ khách.
02:10 Thường rượu tốt được phục vụ trước. Sau khi khách đã ngà ngà say, loại rượu kém hơn được đem ra. Nhưng ở đây là rượu tốt được đem ra sau! Điều này dường như là sự tương phản giữa giao ước cũ trong Do Thái giáo (rượu cũ) và giao ước mới trong Chúa Giê-su (rượu mới) (x. sách Hê-bơ-rơ). Tiếp đó việc Chúa thanh tẩy Đền Thờ (x. Giảng 2:13-25 , dường được Giảng đặt trước thứ tự thời gian với dụng ý nhấn mạnh sự thật này trong mục đích thần học .

02:11 " Đây là dấu lạ thứ nhất của Ngài". Phúc Âm của Giảng được xây dựng xung quanh bảy dấu lạ và sự giải thích các dấu hiệu đó. Đây là dấu đầu tiên . Xem Chủ đề đặc biệt *Archē* ở Giảng 1:1 .

▣ " bày tỏ vinh quang Ngài nên các môn đồ tin Ngài." Mục đích của phép lạ là biểu hiện (xem ghi chú trên động từ ở Giảng 1:31) sự vinh quang của Chúa Giê-su (xem Chủ đề đặc biệt ở Giảng 1:14). Phép lạ này, cũng như các phép lạ khác chủ yếu hướng về các môn đệ của Ngài! Phép lạ này không đề cập đến đức tin ban đầu của họ, nhưng đến sự hiểu biết liên tục về nhân cách và công việc của Ngài. Những dấu hiệu cho thấy sự thực hữu và quyền năng của Đấng Mê-si-a Không ai trong vòng quan khách biết những gì đã xảy ra.

NASB (HIỆU ĐỈNH RVV2011) GIẢNG 02:12

¹²Sau đó, Ngài cùng với mẹ, các em, và các môn đồ đi xuống thành Ca-bê-na-um và ở lại đó ít ngày.

2:12 " Ca-bê-na-um " Sau khi dân Na-za-ret từ chối niềm tin (Lu-ca 4:16-30) thành này trở thành trụ sở của Chúa Giê-su tại Ga-li-lê (x. Matt 4:13; . Mác 1:21; 2:1; Lu-ca 4:23,31 , Giảng 2:12; 4:46-47) .

▣ Đây là một cái nhìn thoáng qua vào chức vụ của Chúa Giê-su đối với gia đình, trong ánh sáng của phép lạ tại Ca-na .

KIẾN GIẢI THEO NGŨ CẢNH CÂU 2:13-25

A. Hiện có nhiều cuộc thảo luận giữa các học giả Tân Ước về việc Chúa Giê-su tẩy sạch Đền Thờ bao nhiêu lần. Giảng ghi lại chuyện Chúa tẩy sạch Đền Thờ khá sớm, trong khi các Phúc Âm Đồng Quan (Ma-thi-ơ 21:12 ; Mác 11:15 và Lu-ca 19:45) mô tả chuyện Chúa tẩy sạch Đền Thờ trong tuần cuối cùng trước thập tự giá.

Có thể Giảng cấu trúc hành động của Chúa Giê-su thích hợp cho mục đích thần học (ví dụ , Giảng khẳng định của Thần Đức của Chúa Giê-su ngay từ chương 1). Mỗi tác giả của Phúc Âm đều có sự tự do trong cảm hứng để lựa chọn, điều chỉnh, sắp xếp, tóm tắt hành động và lời dạy của Chúa Giê-su. Tôi không tin rằng họ có thể tự do đưa từ ngữ vào miệng Chúa Giê-su, hoặc tạo dựng sự kiện không thật. Cần nhớ rằng Phúc Âm không phải là tiểu sử cho độc giả thời nay, nhưng là truyền đạo đơn nhắm vào từng nhóm độc giả. Các sách Phúc Âm không theo thứ tự thời gian và cũng không thể ghi

lại từng lời nhưng chỉ tóm tắt giáo huấn của Chúa Giê-su. Điều này không có nghĩa là các Phúc Âm không chính xác. Khác với văn học phương Tây, văn học Đông phương được dựa trên kỳ vọng văn hóa. Xem Gordon Fee và Douglas Stuart, *How To Read the Bible For All Its Worth*, trang 127-148.

- B. Trong mục đích thần học tổng quát của Giảng, sự tẩy sạch đền thờ phù hợp với về việc Chúa Giê-su xử sự dân Do Thái trước tiên. Điều này có thể nhìn thấy được trong cuộc thảo luận với ông Ni-cô-đem (đại diện Do Thái Giáo chính thống) trong chương 3. Tuy nhiên, trong chương 4 Chúa Giê-su bắt đầu đối phó với nhóm người rộng hơn (thậm chí một nhóm dị giáo của Do Thái giáo), bắt đầu với một người đàn bà Sa-ma-ri.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) GIẢNG 2:13-22

¹³Lễ Vượt Qua của dân Do Thái gần đến, Đức Chúa Jê-sus đi lên thành Giê-ru-sa-lem. ¹⁴Ngài thấy trong đền thờ có những kẻ bán bò, chiên, bò cừu, và những người đổi tiền đang ngồi. ¹⁵Ngài bện một cái roi bằng dây, đuổi tất cả ra khỏi đền thờ, luôn cả chiên, bò; đổ tiền của người đổi tiền và lật bàn của họ. ¹⁶Ngài bảo những người bán bò cừu rằng: "Hãy dẹp bỏ những thứ này khỏi đây, đừng làm cho nhà Cha Ta thành nhà buôn bán." ¹⁷Các môn đồ Ngài nhớ lại lời đã chép: "Lòng nhiệt thành về nhà Chúa thiêu đốt tôi." ¹⁸Người Do Thái hỏi Ngài: "Thầy có dấu lạ nào để chứng tỏ cho chúng tôi thấy Thầy có quyền làm điều này?" ¹⁹Đức Chúa Jê-sus đáp: "Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại." ²⁰Người Do Thái lại nói: "Người ta xây dựng đền thờ này mất bốn mươi sáu năm, mà Thầy thì sẽ dựng lại trong ba ngày sao?" ²¹Nhưng Ngài nói về đền thờ của thân thể Ngài. ²²Vì vậy, khi Ngài từ cõi chết sống lại, các môn đồ nhớ Ngài đã nói điều này, thì tin Kinh Thánh và lời Đức Chúa Jê-sus đã nói.

2:13 " Lễ Vượt Qua " Là một lễ hàng năm này được mô tả trong Xuất 12 và Phục Truyền 16:1-6. Đây là phương tiện duy nhất cho biết thời gian mục vụ của Chúa Giê-su. Các sách Phúc Âm Đồng Quan ngụ ý rằng Chúa Giê-su có thể phục vụ một năm (tức là, chỉ một Lễ Vượt Qua được đề cập). Nhưng Giảng đề cập đến ba Lễ Vượt Qua : (1) Giảng 2:13,23 ; (2) Giảng 06:04 và (3) Giảng 11:55 ; 00:01 ; 13:01 ; 18:28,39 ; 19:14 . Ngoài ra còn có một khả năng của một lễ thứ tư trong Giảng 5:01. Chúng ta không biết mục vụ công cộng của Chúa Giê-su kéo dài bao lâu, nhưng Phúc Âm Thánh Giảng cho thấy ít nhất ba năm và có thể bốn hoặc thậm chí năm .

Giảng cấu trúc Phúc Âm xung quanh các ngày lễ của người Do Thái (Lễ Vượt Qua , Đền Tạm, và Ha-nukkah , xem Richard N. Longenecker , Chú giải Kinh Thánh trong thời kỳ Sứ Đồ , 2nd ed. , Trang 135-139) .

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỄ VƯỢT QUA

I. Mở đầu

- A. Sự phán xét người Ai Cập và giải cứu I-sơ-ra-en là những thử thách tình yêu của Đức Giê-hô-va và sự thiết lập một quốc gia I-sơ-ra-en (ví dụ, đặc biệt. Cho các tiên tri).
- B. Xuất Ê-gíp-tô là sự thực hiện cụ thể lời hứa Đức Giê-hô-va cho Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 15:12-21. Lễ Vượt Qua kỷ niệm sự kiện này.
- C. Đây là tai họa cuối cùng trong mười tai họa mà Đức Giê-hô-va giáng xuống Ai Cập thông qua Môi-se. Nó lớn nhất (về mặt địa lý, bao gồm cả Ai Cập và Gô-sen) và thảm thương nhất (tất cả con cháu lòng của người và gia súc đều chết)

II. Về thuật ngữ: "Vượt Qua" (BDB 820, KB 947)

- A. Ý nghĩa danh từ (không rõ ràng)
 1. Liên hệ đến "tai họa", tương tự "giáng đòn" (i.e. Xuất. 11:1); ở đây thiên sứ của Đức Giê-hô-va giáng đòn xuống con cháu lòng của người và gia súc
- B. Ý nghĩa động từ
 1. "đi khắp khiêng" hay "cà nhắc" (x 2 Sa-mu-en. 4:4), sử dụng trong ý "nhảy qua các ngôi nhà được đóng dấu" (i.e., Exod. 12:13,23,27, BDB 619, từ nguyên phổ biến)
 2. "nhảy múa" (x. 1 Các Vua. 18:21)
 3. Người Akkadian – "xoa dịu, làm nguôi lòng"
 4. Người Ê-gíp – "tán công"
 5. Song song với động từ trong Ê-sai. 31:5, "Đứng canh gác" (cf. REB Xuất Ê-gíp-tô. 12:13)
 6. Cách chơi chữ phổ thông của cơ đốc nhân thừa đầu, giữa tiếng Do-thái "pasah" và tiếng Hy-lạp "

paschō", có nghĩa là "chịu đựng"

- C. Những tiền lệ trong lịch sử
 - 1. Sinh tế của người chăn chiên cho Năm Mới
 - 2. Sinh tế trừ xui của Bedouin và bữa ăn cộng đồng khi chuyển trại tới đồng cỏ mùa xuân
 - 3. Sinh tế trừ xui của mục đồng
- D. Có những lý do gây khó khăn cho việc hiểu biết từ vựng, nguồn gốc, ý nghĩa của Lễ Vượt Qua, bởi tính năng đa dạng của nó cũng được tìm thấy trong các nghi lễ cổ xưa khác, như:
 - 1. Mùa xuân
 - 2. Từ gốc của danh từ không được biết chắc chắn
 - 3. Liên hệ tới việc thức canh đêm
 - 4. Sử dụng huyết
 - 5. Hình ảnh thiên sứ / ma quỷ
 - 6. Bữa ăn đặc biệt
 - 7. Yếu tố nông nghiệp (bánh không men)
 - 8. Không thầy tế lễ, không bàn thờ, không tụ tập.

III. Sự Kiện

- A. Sự kiện được chép trong Xuất Ê-gíp-tô 11-12.
 - B. Lễ hàng năm mô tả trong Xuất Ê-gíp-tô 12, kết hợp với Lễ Bánh Không Men thành mùa lễ 8 ngày
 - 1. Bắt đầu mang tính cách địa phương, x. Ê-gíp-tô. 12:21-23; Phục-truyền. 16:5 (cf. Dân số 9)
 - a. Không thầy tế lễ
 - b. Không bàn thờ
 - c. Sử dụng huyết một cách đặc biệt
 - 2. Sau trở nên sự kiện quốc gia
 - 3. Kết hợp sinh tế địa phương (tức huyết chiên con kỷ niệm việc Thần Chết "Vượt Qua" và Lễ Mùa Gặt tại Đền Thờ Trung Tâm, vào khoảng tháng Abib hoặc Nisan ngày 14 and 15-21
 - C. Biểu tượng quyền Chúa sở hữu tất cả con đầu lòng của người và gia súc mô tả trong Xuất Ê-gíp 13
- ### IV. Những Lễ Vượt Qua được thực hành trong lịch sử
- A. Lễ Vượt Qua đầu tiên tổ chức tại Ai-cập, Xuất Ê-gíp-tô 12
 - B. Tại ngọn Hô-rép / Si-nai, Dân số 9
 - C. Lễ Vượt Qua đầu tiên ở Ca-na-an tại Ghi-ganh , Giô-suê. 5:10-12
 - D. Khi Vua Sô-lô-môn cung hiến Đền Thờ. 1 Các Vua. 9:25 and 2 Sử Ký. 8:12 (Có thể suy diễn mặc dầu không được đề cập một cách đặc biệt)
 - E. Trong thời vua Ê-xê-chia , 2 Sử Ký 30
 - F. Trong thời cải cách của vua Giô-sia , 2 Các vua. 23:21-23; 2 Sử ký. 35:1-18
 - G. Đề ý trong 2 Các vua. 23:22 and 2 Sử Ký. 35:18 , nhắc việc I-sơ-ra-en lại là Lễ Vượt Qua

V. Tầm quan trọng

- A. Đây là một trong ba Lễ bắt buộc (x Xuất Ê-gíp-tô. 23:14-17; 34:22-24; Phục Truyền. 16:16):
 - 1. Lễ Vượt Qua / Lễ Bánh Không Men
 - 2. Lễ Các Tuần
 - 3. Lễ Các Lều Trại
- B. Trong Phục Truyền, Mô-se báo trước một ngày tương lai khi Lễ Vượt Qua (cũng như hai lễ kia) sẽ được tổ chức tại Đền Thờ Trung Tâm .
- C. Chúa Giê-su sử dụng Lễ Vượt Qua để bày tỏ giao ước mới với biểu tượng Bánh và Rượu. Tuy nhiên Ngài không sử dụng hình ảnh chiên con.
 - 1. Bữa ăn cộng đồng
 - 2. Sinh tế cứu chuộc
 - 3. Mang tầm quan trọng cho các thế hệ sau này.

▣ " và Chúa Giê-su đi lên Giê-ru-sa-lem " Người Do Thái luôn nói về Giê-ru-sa-lem trong ý nghĩa thần học nhiều hơn theo nghĩa địa lý, địa hình .

02:14 " tại đền thờ " Hê-rốt Đại Đế (một người gốc I-đu-mê cai trị Pa-lét-xtin 37-4 T.C.N) Ngôi đền được chia thành bảy hành lang khác nhau. Hành lang ngoài thuộc về dân ngoại, nơi các thương gia đã thiết lập cửa hàng cung cấp con sinh tế và của lễ.

" **bò và chiên và chim bồ câu** " □ người hành hương đến từ xa cần mua vật tế lễ đủ tiêu chuẩn. Tuy nhiên gia đình của Thầy Tế Lễ Tối Cao kiểm soát các cửa hàng và bán với giá cắt cổ. Chúng ta biết rằng nếu mọi người tự đưa sinh vật của mình, Thầy Tế Lễ sẽ từ chối vì một số khiếm khuyết về thể chất. Vì vậy, họ phải mua sinh vật từ các đại lý.

□ "**người đổi tiền**" Có hai lý do tồn tại của nhóm người đổi tiền:: (1) đền thờ chỉ chấp nhận đơn vị tiền tệ là siéc-lơ. Kể từ khi siéc-lơ của người Do Thái không còn được in ra, đền thờ chấp nhận siéc-lơ từ thành Tyre trong thời Chúa Giê-su hoặc (2) không chấp nhận đồng xu mang hình ảnh Hoàng đế La Mã. Vậy người đi lễ phải đổi tiền cộng thêm lệ phí!

02:15 " ¹⁵ **Ngài bện một cái roi bằng dây, đuổi tất cả ra khỏi đền thờ"**. Ở đây là nơi duy nhất đề cập đến roi, thể hiện sự tức giận của Chúa Giê-su. Nơi Đức GIÊ-HÔ-VA có thể được biết, không còn là nơi thờ phượng và thị kiến ! Không phải mọc tức giận đều là tội lỗi! Tuyên bố của Thánh Phao-lô trong Ê-phê-sô. 04:26 liên hệ đến sự tức giận công nghĩa. Có một số điều (bất chính) khiến chúng ta nên tức giận .

2:16 " Hãy dẹp bỏ những thứ này khỏi đây" Đây là Mệnh lệnh thúc chủ động thì QUÁ KHỨ nhấn mạnh, "Dem những thứ này ra khỏi đây ngay lập tức! "

□ "**đừng làm cho nhà Cha Ta thành nhà buôn bán.**" "Đây là mệnh lệnh thúc thì hiện tại thụ động, có nghĩa ngăn chặn một hành động đang xảy ra. Các sách Phúc Âm khác (ví dụ , Ma-thi-ơ 21:13, Mác 11:17 , Lu-ca 19:46) trích dẫn Ê-sai. 56:7 và Giê-rê-mi 7:11 vào thời điểm này, tuy nhiên, Giảng không đề cập lời tiên tri nào từ Cựu Ước. Có thể đây là một ám chỉ về Đấng Mê-si-a được tiên tri theo Za-cha-ri 14:21 .

02:17 " môn đồ của Ngài nhớ ". Câu này ngụ ý rằng mặc dầu chứng kiến công việc và giáo huấn của Chúa , các môn đồ chỉ hiểu rõ sự thật tâm linh sau này khi hồi tưởng lại. (x. Giảng 02:22 ; 12:16 ; 14:26)

□ "**lời đã chép** " Đây là "thì hoàn thành thụ động, tái diễn", mà nghĩa đen là "luôn được chép" - một đặc trưng cho sự linh hứng của Cựu Ước (x. Giảng 6:31,45 ; 10:34 ; 12:14 ; 20:30). Đây là một trích dẫn từ Thi - thiên 69:9 trong bản LXX . Thi thiên 69 cũng như 22 nói về sự thương khó của Chúa Giê-su. Lòng nhiệt thành đối với Chúa Cha và thờ phượng thực hữu sẽ dẫn đến sự hy sinh của Chúa , theo ý muốn của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 53:4,10 ; . Lu-ca 22:22 ; Cv 2:23; 03:18 ; 04:28) .

02:18

NASB " Dấu lạ nào ông có thể cho chúng tôi thấy thẩm quyền cho phép ông làm những việc này "

NKJV " Dấu lạ nào ông có thể cho chúng tôi thấy, bởi ông làm những việc này "

NRSV " Dấu lạ nào ông có thể cho chúng tôi thấy, khi ông đang làm những việc này "

TEV " Ông có thể thực hiện phép lạ gì để chứng minh cho chúng tôi rằng ông có quyền làm vậy "

NJB " Dấu lạ nào ông có thể cho chúng tôi thấy rằng ông nên hành động như thế này"

Đây là câu hỏi trọng tâm của người Do Thái liên quan đến Chúa Giê-su. Người Pha-ri-si khẳng định quyền lực của Chúa đến từ ma quỷ (x. Giảng 8:48-49,52 ; 10:20) . Họ đã mong đợi Đấng Mê-si-a làm những việc nhất định theo những cách nhất định (ví dụ như Môi-se) . Khi Chúa đã không thực hiện theo cách nghĩ của họ, họ bắt đầu ngờ vực về Ngài (Mác 11:28; Lu-ca 20:02) , Điều này cũng xảy ra cho Giảng Báp-tít.

2:19 " Hãy phá đền thờ này đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại" Trong tiếng Hy Lạp, từ (Hieron) cho đền thờ trong Giảng 02:14 và 15 đề cập đến khu vực Đền Thờ nói chung , trong khi từ (naos) trong Giảng 2 : 19,20 , và 21 đề cập đến Nơi Chí Thánh. Có nhiều cuộc thảo luận về tuyên bố này. Rõ ràng Ma-thi-ơ . 26:60 ; Mác 14:57-59 ; Công vụ 06:14 nói về sự đóng đinh và phục sinh của Chúa Giê-su. Tuy nhiên, trong bối cảnh lịch sử, nó cũng liên quan đến Đền Thờ bị phá hủy trong 70 S.C.N bởi Titus (x. Ma-thi-ơ. 24:1-2) . Hai phần của lời tuyên bố trên chỉ đến một sự thật, rằng Chúa Giê-su đang thiết lập hệ thống thờ phượng tâm linh mới, với Ngài là tiêu điểm, thay vì Do Thái giáo cổ đại (xem Giảng 4:21-24) . Một lần nữa, Giảng sử dụng một từ trong hai ý nghĩa !

2:20 " Phải mất bốn mươi sáu năm để xây dựng ngôi đền này " Vua Hê-rốt Đại Đế mở rộng và tu sửa đền thờ thứ hai (kể từ Zê-ru-ba-bên trong sách Ha-gai) nhằm xoa dịu thái độ người Do Thái đối với người I-đu-mê . Nhà sử học Josephus cho biết: đền thờ bắt đầu được xây năm 20 hoặc 19 T.C.N. Nếu điều này chính xác, có một sự kiện đặc biệt này xảy ra trong 27-28 S.C.N. Chúng ta cũng biết rằng việc xây cất đền thờ tiếp tục cho đến khi 64 S.C.N. Nó trở thành niềm hy vọng của người Do Thái lớn (x. Giê-rê-mi 7). Đền thờ cũ sẽ được thay thế bằng Đền Thờ Mới, chính Chúa Giê-su. Trong Giăng 1:14, Ngài được mô tả là Lều Tạm và bây giờ là Ngôi Đền! Đó là những ẩn dụ gây sốc về một người thợ mộc từ Nazareth! Thiên Chúa và nhân loại bây giờ gặp gỡ và thông công trong Chúa Giê-su !

2:21 "Nhưng Ngài nói về đền thờ của thân thể Ngài" Khi Chúa Giê-su nói những lời này, các môn đệ không hiểu ý Chúa (x. Giăng 2:17 . Điều này chứng tỏ Phúc Âm Giăng được viết nhiều thập kỷ sau đó. Chúa Giê-su biết lý do Ngài đã đến . Có vẻ có ít nhất ba mục đích .

1. tiết lộ Thiên Chúa
2. đặt tiêu chuẩn một con người hoàn hảo
3. hiển thị sinh mạng làm giá cứu chuộc cho nhiều người

Câu nói trên gợi ý về mục đích cuối cùng này (xem Mác 10:45 ; Giăng 12:23,27 ; 13:1-3 ; 17:1).

02:22 " các môn đồ nhớ Ngài đã nói điều này" Thường thì lời dạy và hành động của Chúa Giê-su hướng về lợi ích của các môn đồ hơn là của những người chứng kiến. Các môn đồ thường không hiểu vào thời điểm đó .

▣ **" Thì họ tin Kinh Thánh"** Mặc dù câu này không nói về phân đoạn liên hệ nào trong Kinh Thánh, có thể Thi-thiên 16:10 ám chỉ sự sống lại của Chúa Giê-su (x. Công-vụ 2:25-32 ; 13:33-35). Câu này cũng được đề cập trong Giăng 20:09 (trong khái niệm thần học về phục sinh) .

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIĂNG 2:23-25

²³Đang lúc Đức Chúa Jê-sus ở tại thành Giê-ru-sa-lem trong dịp lễ Vượt Qua, nhiều người thấy các dấu lạ Ngài làm thì tin danh Ngài. ²⁴Nhưng Đức Chúa Jê-sus không phó thác mình cho họ, vì Ngài biết rõ mọi người. ²⁵Ngài không cần ai làm chứng về người nào cả, vì chính Ngài biết rõ mọi điều trong lòng người.

02:23 " nhiều người tin danh Ngài" Thuật ngữ " tin " - chữ Hy Lạp (pisteō) - cũng có thể được dịch là "tin", " đức tin" hay "tin tưởng . " Danh từ "đức tin" không xảy ra trong Phúc Âm Giăng , nhưng động từ "tin" được sử dụng thường xuyên. Trong ngữ cảnh này có thấy sự tin chắc và lòng cam kết của đám đông coi Giê-su Na-xa-rét là Đấng Mê-si-a. Ví dụ khác "tin" một cách hời hợt được thấy trong Giăng 8:31-59 và Cv 8:13 , 18-24. Đức tin theo Kinh Thánh sâu sắc hơn những phản ứng ban đầu. Nó phải được tiếp nối một quá trình học làm môn đệ (x. Matt . 13:20-22,31-32) .

Rõ ràng những "người tin này" được lôi kéo bỏ các phép lạ (x. Giăng 2:11; 07:31). Mục đích của họ là để xác định Giê-su là ai và đang làm việc gì. Cần lưu ý rằng niềm tin vào các phép lạ không bao giờ đầy đủ và bền đỗ (x. Giăng 04:38 ; 20:29). Các đối tượng của đức tin phải chính là Chúa Giê-su,. Phép lạ không ngẫu nhiên dấu hiệu thiên Chúa (x. Ma-thi-ơ 24:24 ; . Rev 13:13 ; 16:14; 19:20) . Công việc Chúa Giê-su thực hiện giúp mọi người đặt đức tin nơi Ngài (x. Giăng 2:23; 06:14 ; 07:31 ; 10:42) , nhưng khi người ta thấy dấu hiệu lại từ chối tin (x. Giăng 06:27 ; 11:47; 12:37)

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỬ DỤNG ĐỘNG TỪ "TIN" TRONG GIĂNG, (DANH TỪ HIẾM ĐƯỢC SỬ DỤNG)

Giăng chủ yếu dùng động từ "tin" với các giới từ.

A. eis có nghĩa là "vào" , một kết cấu độc đáo nhấn mạnh việc tín hữu đặt đức tin và sự tin cậy vào Chúa.

1. Vào danh Ngài (John 1:12; 2:23; 3:18; 1 John 5:13)
2. Vào Ngài (John 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 12:37,42)
3. Vào Ta (John 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
4. Vào Đấng đã sai phái (John 6:28-29)
5. Vào Con (John 3:36; 9:35; 1 John 5:10)
6. Vào Giê-su (John 12:11)
7. Vào Ánh Sáng (John 12:36)
8. Vào Đức Chúa Trời (John 12:44; 14:1)

- B. ev có nghĩa là “trong” như câu Giăng 3:15 (Mác 1:15)
- C. Tặng cách không giới từ (1 Giăng 3:23, 5:10, Giăng 4:50;)
- D. hoti, có nghĩa "tin rằng" nói về nội dung điều được tin. Some examples are
 1. Giê-su là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
 2. Giê-su là Đấng phán “Ta Là” (Giăng 8:24)
 3. Giê-su trong Cha và Cha trong Ngài (Giăng 10:38)
 4. Giê-su là Đấng Christ (Giăng 11:27; 20:31)
 5. Giê-su là Con Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
 4. Giê-su được sai đến bởi Đức Chúa Cha (Giăng 11:42; 17:8,21)
 5. Giê-su hiệp một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)
 6. Giê-su đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
- E, Giê-su xác nhận tên mình là danh của Cha theo giao ước “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
Đức tin theo Kinh Thánh bao gồm cả đối tượng được tin và sứ điệp. Đức tin được chứng minh qua sự vâng phục, yêu mến và bền đỗ

2:24-25 Cả hai câu đều từ một câu trong tiếng Hy Lạp. Thuật ngữ "không ủy thác" (Lời chỉ định chủ động, thì chưa hoàn thành - tức còn đang diễn ra trong quá khứ) được sử dụng trong ngữ cảnh này để mô tả hành động và thái độ của Chúa Giê-su. Nó có nghĩa sâu đậm hơn so với sự đồng ý ban đầu hoặc phản ứng theo cảm xúc. Câu này cũng khẳng định kiến thức của Chúa Giê-su về sự tráo trở và tâm ác trong trái tim con người (về kiến thức Đức Chúa Trời, xem Sáng Thế 6:11-12,13 ; . . Thi-thiên 14:1-3). Việc Chúa biết trái tim con người được minh họa qua câu chuyện Ni-cô-đem trong chương 3. Ông “đại diện tôn giáo” này không thể được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời bằng nỗ lực bản thân, hay bằng kiến thức, địa vị, hoặc dòng dõi của riêng mình. Sự công bình chỉ đến thông qua niềm tin / đức tin / sự tin cậy vào Chúa Giê-su (x. Rô-ma:16-17 ; . 4).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “bán cái” điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Chúa Giê-su biến nước thành rượu ? Việc này tượng trưng cho những gì ?
- 2 . Mô tả tục lệ hôn nhân thời Chúa Giê-su.
- 3 . Bạn có thể vẽ sơ đồ Đền Thờ Hê-rôt xây cất của ngôi đền Herod ? Bạn có thể hiển thị vị trí giao dịch người mua và người bán của sinh tế ?
- 4 . Tại sao các Phúc Âm Đòng Quan không ghi việc thanh tẩy đền thờ ngay ở phần đầu?
- 5 . Phải chăng Chúa Giê-su dự đoán sự tàn phá của Đền Thờ Hê-rôt xây ?
- 6 . Xác định và giải thích từ tiếng Hy Lạp được dịch là " tin tưởng ", " tin " và " đức tin. "

GIẢNG 3
CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giê-su và Ni-cô-đem 3:1-15	Tân Sinh 3:1-21	Giê-su và quan chức Do-thái-giáo 3:1-10	Giê-su và Ni-cô-đem 3:1-2 3:3 3:4 3:5-8 3:9 3:10-13	Hội thoại với Ni-cô-đem 3:1-8 3:9-21
3:16-21		3:11-15 3:16 3:17-21	3:14-17 3:18-21	
Giê-su và Giảng Báp-tít 3:22-30	Giảng Báp-tít ca ngợi Đấng Christ 3:22-36	Lời chứng tiếp của Giảng 3:22-24 3:25-30	Giê-su và Giảng 3:22-24 3:25-26 3:27-30	Giảng làm chứng lần đầu tiên 3:22-24 3:25-36
Người đến từ Trời 3:31-36		3:31-36	Người đến từ Trời 3:31-36	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

9. Phân đoạn 1
10. Phân đoạn 2
11. Phân đoạn 3
12. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (UPDATED) BẢN HIỆU ĐÍCH RVV 2011: GIẢNG 3:1-3

¹Trong số những người Pha-ri-si, có một người tên là Ni-cô-đem, một nhà lãnh đạo của dân Do Thái. ²Ban đêm, ông đến với Đức Chúa Jê-sus và nói: “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là giáo sư từ Đức Chúa Trời đến. Nếu Đức Chúa Trời không ở cùng thì không ai làm được những dấu lạ mà Thầy đã làm.” ³Đức Chúa Jê-sus đáp: “Thật, Ta bảo thật ngươi, nếu một người không được sinh lại, thì không thể thấy vương quốc Đức Chúa Trời.”

3:1 "Pha-ri-si" là đảng tôn giáo-chính trị bắt nguồn từ thời kỳ Mác-ca-bê. Tên Pha-ri-si có thể có nghĩa là "những người biệt lập". Họ hết lòng cam kết gìn giữ đạo luật được định nghĩa và giải thích theo truyền thống

truyền khẩu (Talmud). Cũng như ngày nay, trong vòng họ có một số người thực sự sống theo giao ước (như Ni-cô-đem, Giô-sép xứ A-ri-ma-thê), nhưng hầu hết là những người mang tính lễ luật hóa, phán xét, tự mãn, "tự khoe mình là dân tuyền" (xem Ê-sai 6:9-10; 29:13). Chìa khóa chính là tấm lòng, "Giao ước mới" (Giê-rê-mi 31:31-34) hướng về động lực bên trong (tức trái tim mới, tâm trí mới, pháp luật ghi chép trên trái tim). Công đức con người không bao giờ đầy đủ. Sự cắt bì tâm linh trong Đa-ni-en 10:16; 30:6 là một ẩn dụ cho sự tin tưởng, đức tin cá nhân trong sự vắng phục và cuộc sống biết ơn!

Tính cực đoan của chủ nghĩa bảo thủ hoặc tự do trong tôn giáo có thể trở nên điều quái gở. Thần học phải bắt nguồn từ niềm tin và tình thương. Xin xem thêm Chủ Đề Đặc Biệt: "Người Pha-ri-si" ở câu 1:24.

▣ **"Ni-cô-đem"** Thật ngạc nhiên khi thấy một người Do-thái có tên Hy-lạp. (như Phi-líp, Anh-rê) (x. Giảng 1:40,43), Ni-cô-đem có nghĩa là "nhà chinh phục mọi người" (x. Giảng 7:50;19:39).

NASB, NKJV" một quan chức của người Do-thái"

NRSV, NJB" một lãnh đạo của người Do-thái"

TEV" một lãnh đạo người Do-thái"

Trong văn mạch chương 3, theo định nghĩa, đây là một thành viên của nhóm San-he-drin (ở văn mạch khác có thể là một quản trị của nhà hội địa phương, hoặc một trong 70 người thuộc hội đồng tối cao của người Do-thái tại Giê-ru-sa-lem. Thẩm quyền của họ bị giới hạn bởi La-mã, nhưng họ có vai trò biểu tượng của dân Do-thái. Hãy xem chủ đề đặc biệt sau đây:

Có thể Giảng sử dụng Ni-cô-đem với tư cách thành viên của Do-thái-giáo chính thống trong thế kỷ đầu tiên. Những người tự cho mình đã đạt được mức hoàn hảo thuộc linh, nay lại phải bắt đầu lại từ đầu. Niềm tin trong Giê-su - không liên hệ đến địa vị quan chức, hay gìn giữ luật pháp, (x Col. 2:16-23), hay nguồn gốc chủng tộc (x. Giảng 8:31-59) – xác định quyền công dân Thiên Quốc. Món quà của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ - chứ không phải thực hành tôn giáo mù quáng và thiếu thành tâm của con người – là của mở cho sự hòa thuận tâm linh. Ni-cô-đem chấp nhận Giê-su là thầy từ Đức Chúa Trời, tuy đúng thật, nhưng chưa đầy đủ. Sự tin cậy cá nhân ở mức độ tuyệt đối là niềm hy vọng duy nhất cho nhân loại. (x Giảng 1:12)!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÒA CÔNG LUẬN SAN-HÊ-RIN

I. Nguồn Tài Liệu

A. Từ chính Tân ước.

B. Tác phẩm *Antiquities of the Jews* của Giô-se-phút.

C. Phần Mishnah của Talmud (phần luận văn "Tòa công luận")

D. Tiếc là Tân ước và Giô-se-phút không đồng quan điểm với các tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo, các tác phẩm này dường như xác định có đến hai Tòa công luận tại Giê-ru-sa-lem, một là thuộc về các thầy tế lễ (người Sa-đu-sê), do thầy tế lễ cả kiểm soát và giải quyết những vấn đề về dân sự và hình sự; Tòa thứ hai do những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo kiểm soát giải quyết những vấn đề liên quan đến truyền thống và tôn giáo. Tuy nhiên, những tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo này chỉ xuất hiện khoảng năm 200 sau Chúa; và nói lên Toàn cảnh văn hóa sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Chúa do tướng La mã Titus đánh chiếm. Những người Do thái tại lập đời sống tôn giáo của họ tại một thành phố gọi là Jamnia và sau đó vào năm 118 sau Chúa chuyển đến Ga-li-lê.

II. Tên gọi

Nạn đề của việc nhận dạng cơ quan pháp lý này liên hệ đến nhiều tên gọi của nó. Có một vài chữ được dùng để mô tả những các cơ quan pháp lý bên trong cộng đồng Do thái tại Giê-ru-sa-lem.

- A. *Gerousia* - “thượng nghị viện” hay là “hội đồng”. Đây là chữ xưa nhất được dùng vào khoảng cuối thời kỳ của người Ba-tư (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 12.3.3 và *II Mạc-ca-bê* 11:27). Chữ này được Lu-ca sử dụng trong Công-vụ 5:21 cùng với chữ “Tòa công luận.” Nó có thể được dùng như một cách để giải thích cho các đọc giả nói tiếng Hy Lạp (xem *I Mạc-ca-bê* 12:35).
- B. *Synedrion* - “Tòa công luận.” Đây là một từ ghép của *syn* (cùng với) và *hedra* (ghế, chỗ ngồi). Điều kinh ngạc là chữ này được dùng trong tiếng A-ram, nhưng nó phản ánh một chữ Hy Lạp. Đến cuối giai đoạn Mạc-ca-bê, chữ này trở thành từ được dùng cho Tòa án tối cao của người Do thái tại Giê-ru-sa-lem (xem Ma-thi-ơ 26:59; Mác 15:1; Lu-ca 22:66; Giảng 11:47; Công-vụ 5:27). Vấn đề xảy ra khi cũng một chữ này lại được dùng cho các hội đồng pháp lý địa phương (Tòa án trong nhà hội địa phương) bên ngoài Giê-ru-sa-lem (xem Ma-thi-ơ 5:22; 10:17).
- C. *Presbyterion* - “hội đồng các trưởng lão” (xem Lu-ca 22:66). Vào thời Cựu ước chữ này dùng để chỉ những người lãnh đạo các chi phái. Tuy nhiên, nó lại trở thành cách dùng để chỉ Tòa án tối cao tại Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 22:5).
- D. *Boulē* - đây là chữ “hội đồng” tuy không được Tân ước sử dụng nhưng lại được Giô-se-phút dùng trong *Wars* 2.16.2; 5.4.2, để mô tả một vài cơ quan xét xử: (1) Thượng Nghị Viện tại La mã; (2) các Tòa án La mã địa phương; (3) Tòa án tối cao của người Do thái tại Giê-ru-sa-lem; và (4) các Tòa án địa phương của người Do thái. Giô-sép người A-ri-ma-thê được mô tả là một thành viên của Tòa công luận bằng một dạng của từ này (*bouleutēs*, có nghĩa là “thành viên hội đồng”, xem Mác 15:43; Lu-ca 23:50).

III. Lịch sử phát triển

Trong giai đoạn sau lưu đày, người được cho là đã thành lập Hội Đồng Tối Cao là E-xơ-ra (xem Nhã ca 6:1 trong bản Targum), dường như nó trở thành Tòa công luận trong thời của Đức Chúa Giê-xu.

- A. Những bản Mishnah (Talmud) cho biết có hai Tòa án chính tại Giê-ru-sa-lem (xem Sanh. 7:1).
 - 1. Một Tòa gồm có 70 hay 71 thành viên (trong *Sand.* 1:6 thậm chí cho rằng chính Môi-se đã thành lập Tòa công luận đầu tiên trong Dân-số Ký 11:16-25).
 - 2. Một Tòa có 23 thành viên (nhưng đây có thể đề cập đến những Tòa trong các nhà hội địa phương).
 - 3. Một số học giả Do thái cho rằng có đến 3 Tòa công luận mỗi Tòa có 23 thành viên tại Giê-ru-sa-lem. Khi cả ba Tòa này hợp lại, cùng với 2 vị lãnh đạo, lập nên “Tòa công luận Tối Cao” với 71 thành viên (xem *Nasi and Av Bet Din*).
 - a. một Tòa thầy tế lễ (người Sa-đu-sê)
 - b. một Tòa luật pháp (người Pha-ri-si)
 - c. một Tòa giới quý tộc (các trưởng lão)
- B. Trong thời kỳ sau lưu đày, đại diện của dòng dõi Đa-vít trở về là Giê-ru-ba-bên còn đại diện của dòng dõi A-rôn là Giê-xua (*Jeshua*). Sau khi Giê-ru-ba-bên qua đời, dòng dõi Đa-vít không còn, do đó việc xét xử giao trọn cho các thầy tế lễ (xem *I Mạc-ca-bê* 12:6) và các trưởng lão địa phương (xem *Nê-hê-mi* 2:16; 5:7).
- C. Trong thời kỳ Hellenistic (người Hy-Lạp cai trị), vai trò xét xử của các thầy tế lễ được trình bày trong Diodorus 40:3:4-5.
- D. Chức vụ này của thầy tế lễ trong chính quyền cứ kéo dài trong giai đoạn Selucid. Giô-se-phút có trích dẫn Antiochus “Đại Đế” III (năm 223-187 trước Chúa) trong *Antiquities* 12:138-142.
- E. Quyền hạn này của thầy tế lễ tiếp tục được duy trì trong giai đoạn Mạc-ca-bê, theo Giô-se-phút trong *Antiquities* 13:10:5-6; 13:15:5.
- F. Dưới thời kỳ La mã, quan trấn thủ của xứ Sy-ri (Gabinius, vào khoảng năm 57-55 trước Chúa) thiết lập năm “Tòa công luận” địa phương (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 14:5:4; và *Wars* 1:8:5), chính quyền La mã giải thể cơ cấu này sau đó (năm 47 trước Chúa).
- G. Tòa công luận đã có một đối đầu chính trị với vua Hê-rốt trước đó (*Antiquities* 14.9.3-5); vào năm 37 trước Chúa, vua Hê-rốt trả thù bằng cách tử hình hầu hết thành viên Tòa tối cao (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 14.9.4; 15.1.2).
- H. Dưới quyền cai trị của các quan trấn thủ La mã (trong khoảng năm 6-66 sau Chúa), Josephus cho chúng ta biết (xem *Antiquities* 20.200,251) một lần nữa Tòa công luận tạo ảnh hưởng và quyền lực đáng kể (xem Mác 14:55). Có ba vụ xử án được ghi lại trong Tân ước, Tòa công luận dưới quyền lãnh đạo của gia đình thầy tế lễ cả thi hành án.
 - a. Vụ xử án Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 14:53-15:1; Giảng 18:12-23,28-32)

- b. Phi-e-rơ và Giăng (xem Công-vụ 4:3-6)
 - c. Phao-lô (xem Công-vụ 22:25-30)
- I. Khi người Do thái nổi loạn vào năm 66 sau Chúa, người La mã tàn phá thành Giê-ru-sa-lem và tiêu diệt xã hội Do thái vào năm 70 sau Chúa. Tòa công luận giải thể vĩnh viễn, dù rằng sau đó phe Pha-ri-si ở Jamnia có cố gắng đưa Tòa án tối cao (*Beth Din*) trở vào lại trong Do-Thái-Giáo, nhưng không phải trong chính trị và dân sự.

IV. Thành viên

- A. Kinh thánh đề cập lần đầu tiên đến Tòa án tối cao ở Giê-ru-sa-lem là trong II Sử-ký 19:8-11. Nó gồm có (1) người Lê-vi; (2) các thầy tế lễ; và (3) trưởng các gia tộc (các trưởng lão, xem I Mạc-ca-bê 14:20; II Mạc-ca-bê 4:44).
- B. Trong thời kỳ Mạc-ca-bê, Tòa án tối cao bị áp đảo bởi (1) các gia đình thầy tế lễ người Sa-đu-sê và (2) giới quý tộc địa phương (xem I Mạc-ca-bê 7:33; 11:23; 14:28). Sau đó trong giai đoạn này, các thầy thông giáo (các luật sư về luật pháp Môi-se đa số là người Pha-ri-si) được bổ sung, có lẽ là bởi Salome vợ của Alexander Jannaeus (năm 76-67 trước Chúa). Bà thậm chí đã tuyên bố làm cho nhóm người Pha-ri-si trở thành nhóm áp đảo trong Tòa công luận (xem Giô-se-phút, *Wars of the Jews* 1:5:2).
- C. Đến thời kỳ của Đức Chúa Giê-xu, Tòa án bao gồm
 - 1. Các gia đình của các thầy tế lễ cả
 - 2. Thành viên của những gia đình quyền quý địa phương
 - 3. Các thầy thông giáo (xem 11:27; Lu-ca 19:47)

V. Các nguồn tài liệu tham khảo

- A. *Dictionary of Chúa Giê-su and the Gospels*, IVP, trang 728-732
- B. *The Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible*, vol. 5, trang 268-273
- C. *The New Schaff-Herzog Encyclopedia of Religious Knowledge*, vol. 10, trang 203-204
- D. *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, vol. 4, trang 214-218
- E. *Encyclopedia Judaica*, vol. 14, trang 836-839

3:2 "Ban đêm" Các Ra-bi, thầy dạy luật cho rằng ban đêm là thời gian tốt nhất để nghiên cứu, vì không bị gián đoạn. Có lẽ Ni-cô-đem (cũng như một số người khác) không muốn mình bị phát hiện cùng Chúa Giê-su. Chính vì vậy ông lên đến gặp Chúa trong bóng đêm.

Có người tự hỏi, không biết Giăng có ẩn ý gì không khi ông thường viết một câu có 2 ý nghĩa, ví dụ sự khác biệt giữa sự sáng và tối tăm (tham khảo NET Bible, p. 1898, #7 sn).

▣ **"Ra-bi"** Trong Giăng có nghĩa là giáo sư dạy luật (x. Giăng 1:38; 4:31; Mark 9:5; 11:21). Một trong những bức xúc của giới lãnh đạo Do-thái là Giê-su chưa từng học ở trường thần học đào tạo Ra-bi nào cả. Ngài không hề tham gia một khóa nghiên cứu Tamud (bản truyền thống truyền miệng) hay học Kinh thánh tại nhà hội ở Na-za-rét

▣ **"Thầy đến từ Đức Chúa Trời"** Phần này được đặt trước câu để nhấn mạnh. Nó có thể ám chỉ tiên tri trong Phục truyền 18:15. Ni-cô-đem công nhận quyền năng của Chúa trong phép lạ và lời dạy, nhưng điều này không đồng nghĩa với tình trạng thuộc linh của ông trước Đức Chúa Trời.

▣ **"Nếu Đức Chúa Trời không ở cùng"** Câu này ở thể điều kiện thứ ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra.

3:3,5,11 "Thật, Ta bảo thật" từ thuật nguyên thủy là "A-men, a-men." từ Cựu Ước áp dụng cho "đức tin" với gốc từ là "chắc chắn, Chúa Giê-su dùng cách nói này trước các tuyên bố quan trọng. Nó cũng được sử dụng để khẳng định sự thật Sự lặp lại thật độc đáo trong Phúc Âm Giăng." Từ "A-men, Amen" "bày tỏ" các giai đoạn trong hội thoại với Ni-cô-đem. Tham khảo Chủ Đề Đặc biệt: A-men ở câu 1:51.

3:3 "nếu một người không" Câu này ở thể điều kiện thứ ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra. giống như trong câu Giăng 3:2.

**NASB, NKJV,
TEV "tái sanh"
NRSV, NJB "sanh từ trên cao."**

Đây là thể "quá khứ, bản thái, bị động – TỪ (*anōthen*) có thể có ý nghĩa:

1. "sinh lần thứ hai một cách thuộc thể"
2. "sinh từ ban đầu" (x Công vụ 26:4)
3. "sinh từ trên cao," thích hợp với văn mạch ở đây. (x. Giảng 3:7,31; 19:11)

Đây lại có một ví dụ về việc Giảng sử dụng từ vựng có nghĩa kép. cả hai đều đúng (x. Bauer, Arndt, Gengrich and Danker's *A Greek-English Lexicon of the New Testament*, p. 77). Rõ ràng Ni-cô-đem hiểu khả năng thứ nhất, tức sinh lần thứ hai một cách thuộc thể (Giăng 3:4 Giảng và Phi-e-rơ sử dụng ẩn dụ tương tự mô tả sự cứu rỗi, (x. 1 Pet. 1:23) còn Phao-lô sử dụng khái niệm này trong sự nhân làm con nuôi. Tiêu điểm là vai trò của Đức Chúa Cha trong sự sinh thành tâm linh (x Giảng Giảng 1:13). Sự cứu rỗi là món quà và công việc của Đức Chúa Trời (x. Giảng 1:12-13; Rô-ma. 3:21-24; 6:23; Ê-phê-sô. 2:8-9).

▣ **"không thể thấy"** Đây là thành ngữ, tương tự trong Giảng 3:5 "không thể vào".

▣ **"nước Đức Chúa Trời"** Câu này chỉ thấy có 2 lần trong giảng, ở đây và Giảng 3:5. Ngược lại "Nước Đức Chúa Trời" là cụm từ chủ đề của Phúc Âm Đồng Quan. Bài Giảng đầu tiên và Cuối Cùng và các ngụ ngôn của Chúa Giê-su đều đã động đến chủ đề này. Nó nói về sự tể trị của Đức Chúa Trời trong trái tim con người. Vậy thật lấy làm ngạc nhiên khi Giảng chỉ nhắc đến hai lần về Nước Đức Chúa Trời, và không một lần nào nói về ngụ ngôn. Xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt "Nước Đức Chúa Trời". "Sự sống đời đời" là ẩn dụ và chủ đề mấu chốt đối với Giảng

Câu "Nước Đức Chúa Trời" ở đây liên hệ tới sự nhân mạnh thời kỳ cuối cùng trong giáo huấn của Chúa Giê-su Tình trạng "đã có, nhưng chưa tới" ("already, but not yet") là nghịch lý thần học liên hệ tới hai giai đoạn trong tư tưởng Do-thái giáo: "Thời tà ác hiện tại" và" thời công chính sẽ đến", bắt đầu bởi sự tấn phong Đấng Mê-si-a. Những người Do-thái trông đợi một vị tướng lãnh đầy đầy thánh linh như trong sách Các Quan Xét. Hai sự hiện-ra của Chúa Giê-su đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp giữa hai giai đoạn (hay nói cách khác hai giai đoạn chông chéo nhau giữa các thời điểm Chúa Giáng sinh và Chúa Tái lâm). Nước Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại với sự Giáng Trần của Chúa Giê-su tại Bét-lê-hem. Chúa không đến với tư cách một vị vua, (Khải huyền 19) nhưng tư cách đầy tớ khiêm nhường, (x. Isaiah 53). Chính vì vậy, Nước Trời đã được tuyên xưng (x. Zech. 9:9). (x. Matt. 3:2; 4:17; 10:7; 11:12; 12:28; Mác 1:15; Lu-ca 9:2,11; 11:20; 21:31-32 nhưng chưa khánh thành) (x. Ma-thi-ơ. 6:10; 16:28; 26:64).

Tin đồ cơ đốc đang sống trong giai đoạn "giăng co" giữa hai thời kỳ. Họ đã được cứu và có sự sống lại, nhưng họ vẫn phải chết. Họ đã thoát khỏi quyền lực tội lỗi, nhưng họ vẫn phạm tội, Họ sống trong thời "giăng co" mật thể, trong tình trạng "đã có nhưng chưa có hết"

Sau đây là cố gắng giải thích tình trạng "đã có nhưng chưa tới" trong Giảng, qua sách của Frank Stagg's *New Testament Theology*:

"Phúc Âm Giảng nhấn mạnh về sự tái lâm trong tương lai (14:3,18 -28; 16:16,22) và bàn luận rõ ràng về sự sống lại và phán xét "trong ngày cuối cùng" (5:28 f.; 6:39 f., 44,54; 11:24; 12:48); Tuy nhiên, trong cả Phúc Âm, sự sống đời đời, sự phán xét và sự sống lại được thể hiện trong thực tiễn hiện tại. (3:18 - 4:23; 5:25; 6:54; 11:23 ; 12:28,31; 13:31 14:17; 17:26)" (p. 311).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mết-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi-

thiên 2:6). Qua sự giáng sinh của Chúa Jê-sus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (Giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giảng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ 3:2; Mác 1:15). Chúa Jê-sus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ “nước Đức Chúa Trời.” Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jê-sus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là ‘Nước Trời,’ trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jê-sus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giảng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jê-sus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giảng “sự sống đời đời” là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Đấng Christ. Cựu ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời-lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao - nhưng Tân ước cho biết Chúa Jê-sus đến lần đầu làm một Đầy tớ chịu khổ theo Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường theo Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lặp nhau. Chúa Jê-sus đang trị vì trong tâm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cựu ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng “đã rồi” nhưng “chưa” của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

NASB (HIỆU ĐÍCH RVV2011) Giảng 3:4-8

⁴Ni-cô-đem thưa rằng: “Người đã già thì sinh lại làm sao được? Có thể nào trở vào lòng mẹ và sinh ra lần thứ hai sao?” ⁵Đức Chúa Jê-sus đáp: “Thật, Ta bảo thật ngươi: Nếu một người không nhờ nước và Thánh Linh mà sinh ra thì không thể vào vương quốc Đức Chúa Trời. ⁶Điều gì do xác thịt sinh ra là xác thịt, điều gì bởi Thánh Linh sinh ra là linh. ⁷Đừng ngạc nhiên về điều Ta đã nói với ngươi: ‘Các ngươi phải sinh lại.’ ⁸Gió muốn thổi đâu thì thổi, ngươi nghe tiếng gió, nhưng không biết gió đến từ đâu và đi đâu. Người nào sinh bởi Thánh Linh thì cũng như vậy.”

3:5 "Nếu một người không nhờ nước và Thánh Linh mà sinh ra" Đây là thể điều kiện cấp ba. Đây cũng là cách dùng từ đối nghịch, thường thấy trong van tụng của Giảng giữa:

1. thuộc thể và thuộc linh (đề ý không có giới từ cho “linh”)
2. Thuộc thể gian và thuộc thiên thượng

Sự đối nghịch được dùng trong Giảng 3:6.

Giả thiết “nước” có ý nghĩa là :

1. tình trùng theo cách giải thích của các thầy dạy luật Do-thái
2. nước ối khi sinh con
3. phép Báp-tem của Giảng thể hiện sự ăn năn (x. Giảng 1:26; 3:23)
4. một bối cảnh Cựu Ước, về lễ tưới nước bằng Thánh Linh (x Ê-xê-chi-ên 36:25-27)
5. phép Báp-tem cơ đốc, (Nếu vậy, Ni-côđem chắc không thể hiểu nổi, vì báp tem cơ đốc được nhắc đến bởi Justin và Irenaeus sau này)

Trong ngữ cảnh phân đoạn, giả thiết thứ 3: phép Báp-tem và tuyên bố của Giăng về Đấng Mê-si-a sẽ đến để làm Báp-tem bằng Thánh Linh phù hợp cách giải thích về “nước” nhất. Sự sinh thành, trong ngữ cảnh này, là ẩn dụ về những gì mà Ni-cô-đem có thể hiểu biết từ cuộc hội thoại. Chính vì vậy, giả thiết thứ nhất không phù hợp. Tiếp theo, vì Ni-cô-đem không thể biết được phép báp-tem cơ đốc (giả thiết 5) và Giăng thường thêm những lý luận thần học của mình vào lời của Chúa Giê-su, ((x Giăng 3:14-21) nên giả thiết thứ hai thích hợp với nhị nguyên luận của Giăng về “ở trên” và “ở dưới”, về lĩnh vực “của Chúa” và “của đời”. Muốn xác định các giả thiết, độc giả phải đi đến kết luận các giả thiết có trái nghịch với nhau (số 1 và số 2), hay bổ sung cho nhau (số 4)

D. A. Carson, *Exegetical Fallacies*, nhắc đến thêm một giả thiết khác: Cả hai từ “nước” và “linh” đều nói về một sự sinh thành, sự sinh thành thời tận thế tiếp theo Ê-xê-chiên, 36:25-27, được mô tả về “giao ước mới” Giê-rê-mi 31:31-34 (p. 42).

F. F. Bruce, *Answers to Questions*, cũng thấy Ê-xê-chiên như sự gợi ý Cựu Ước trong lời Chúa Giê-su. Cũng có thể nói về lễ Báp-tem cho người nhập đạo, mà một giáo sư tiếng tăm như Hi-cô-đem cần phải biết và thực hành. (trg. 67).

▣ **"Vương Quốc Đức Chúa Trời"** Một phiên bản tiếng Hy-lạp (i.e., MS κ) và nhiều lãnh đạo hội thánh dùng cụm từ “Vương Quốc Thiên Đàng”, cụm từ này thường thấy trong Ma-thi-ơ. Cụm từ “Vương Quốc Đức Chúa Trời” xuất hiện duy nhất hai lần, ở đây và trong Giăng 3:5) Giăng viết Phúc Âm cho người ngoại, (cũng như Mác và Lu-ca) không cần phải tránh dùng tên thánh của Chúa mà người Do-thái không dám nhắc đến..

3:6 Đây cũng là một ví dụ về nhị nguyên luận (trên / dưới) thường thấy trong Giăng (x Giăng 3:11).

3:7 "Nguoi. . . Các Nguoi" từ “nguoi” thứ nhất trong số đơn, ám chỉ Ni-cô-đem, từ thứ hai “các nguoi” ám chỉ tất cả mọi người. Nguyên lý “Tái sinh” phải được áp dụng như nhau cho cả nhân loại. (Cách dùng chữ số ít/ số nhiều này cũng thấy trong Giăng 3:11).

Có người muốn giải kinh trong ánh sáng việc người Do-thái luôn tự tin mình là dân tuyển, (x. Giăng 4:12; 8:53). Giăng viết vào cuối thế kỷ thứ nhất, phản biện cả Tri-huệ-giáo sai lầm và Do-thái-giáo kiêu ngoại chủng tộc.

▣ **"Phải"** Động từ tiếng Hy-lạp là “*dei*” (Nghĩa đen: “Cần phải” (BAGD 172), thể chỉ định chủ động hiện tại, dùng 3 lần trong chương 3 (Giăng 3:7,14,30). Nó chỉ ra những gì phải làm để chương trình của Chúa có thể tiến bước (x Giăng 4:24; 9:4; 10:16; 12:34; 20:9)

3:8 Đây là các chơi chữ trong tiếng Hê-bơ-rơ (A-ram) “ruah”, tương đương tiếng Hy-lạp “pneuma”. Cả hai đều có nghĩa là gió, hơi thở và linh. Điều Giăng muốn nói là Thánh Linh cũng như gió có sự tự do. Sự cứu rỗi của con người không phụ thuộc vào bản thân họ, nhưng phụ thuộc thánh Linh. (x Ê-xê-chiên 37). Có thể Giăng 3:5-7 phản ánh sự thực này. Sự cứu rỗi là sự hiệp một giữa sự gợi ý Thánh Linh và sự hưởng ứng niềm tin của một cá nhân. (x Giăng 1:12; 3:16,18).

Phúc Âm Giăng tập trung tiêu điểm một cách độc đáo về thần đức và công tác của Chúa Thánh Linh (x Giăng 14:17,25-26; 16:7-15). Ông cũng thấy Tân Kỳ Nguyên Công Nghĩa là Kỳ Nguyên Thánh Linh Đức Chúa Trời.

Câu 8 nhấn mạnh vì sao một số người có thể tin Phúc Âm được, còn một số khác thì không. Giăng khẳng định không ai có thể tin nếu không được Đức Thánh Linh động đến. (x Giăng 1:13; 6:44,65). Tuy nhiên, theo giao ước (Thần Linh khởi xướng - Con người hưởng ứng) Đức Thánh Linh động đến tất cả mọi người, không trừ một ai. Vậy vì sao một số người vẫn từ chối? Đây là một bí ẩn lớn của tội lỗi. Càng về già, càng nghiên cứu Kinh thánh, càng phục vụ nhiều người trong Chúa, tôi càng thấy nhiều bí ẩn trong tất cả các khía cạnh cuộc sống. Chúng ta còn ở trong sương mù tăm tối của thế giới bạo loạn, (x 1 Cô-rin-tô. 13:12)! Điều quan

trọng nhất là tin cậy Đấng Christ, chứ không phải là giải thích hoặc thiết lập hệ thống thần học. Chúa không bao giờ trả lời cho câu hỏi vì sao của ông Gióp.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HƠI THỞ, GIÓ VÀ THẦN LINH (THEO CỰU ƯỚC)

Từ “Ruah” theo tiếng Hê-bơ-rơ và “pneuma” theo tiếng Hy-lạp đều có thể mang ý nghĩa: hơi thở, gió hoặc linh. Thánh Linh, và luôn đi cùng với công trình Sáng Tạo. x. Sáng Thế. 1:2; Gióp 26:13; Thi-thiên 104:30). Cựu Ước không xác định một cách rõ ràng về mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và Thánh Linh. Trong Gióp 28:26-28; Thi-thiên 104:24 and Châm ngôn. 3:19; 8:22-23 Đức Chúa Trời sử dụng sự Khôn Ngoan (danh từ giống cái) để tạo dựng mọi vật. Trong Tân Ước, Chúa Giê-su là nhân vật của Đức Chúa Trời trong công tác này. (x Giảng 1:1-3; 1 Cô-rin-tô. 8:6; Cô-lô-se 1:15-17; Hơ-bơ-rơ. 1:2-3). Cũng như trong sự Cứu Rỗi, cả Ba Ngôi đều tham gia. Sáng thế 1 không nhấn mạnh vị thế hơn kém của bất cứ Ngôi nào

NASB (UPDATED) RVV 2011: GIẢNG 3:9-15

⁹Ni-cô-đem lại nói: “Làm thế nào điều ấy có thể xảy ra được?” ¹⁰Đức Chúa Jê-sus đáp: “Ngươi là giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên mà không hiểu điều này sao? ¹¹Thật, Ta bảo thật ngươi: Chúng ta nói điều mình biết, làm chứng điều mình đã thấy, nhưng các ngươi không chấp nhận lời chứng của chúng ta. ¹²Nếu Ta nói với các ngươi những điều thuộc về đất mà các ngươi còn không tin, huống chi Ta nói những điều thuộc về trời thì làm sao các ngươi tin được? ¹³Chưa từng có ai lên trời, trừ ra Đấng từ trời xuống, là Con Người. ¹⁴Như Môi-se treo con rắn lên trong hoang mạc thế nào thì Con Người cũng phải bị treo lên thế ấy, ¹⁵để ai tin đến Ngài đều được sự sống đời đời.

3:9-10 Ni-cô-đem có lẽ phải hiểu biểu tượng Chúa dùng trong ánh sánh của (1) Lễ Báp-tem cho người nhập đạo trong Do-thái-giáo, (2) Sự truyền giảng của Giảng Báp-tít

Có thể tác giả chú ý hạ thấp vai trò kiến thức con người: Ni-cô-đem là lãnh tụ tôn giáo của người Do-thái mà không biết những điều tâm linh. Phúc Âm Giảng tranh chiến với Tri-Huệ-giáo - một triết lý dạy rằng tri thức của con người đem lại sự cứu rỗi. Chỉ có Chúa Giê-su là ánh sáng thật (Giảng 3:19) cho tất cả mọi người, chứ không phải chỉ cho cá nhân một nhóm ưu tú trong xã hội.

3:11 "Chúng ta nói những điều mình biết" Chủ từ số nhiều đây là Chúa Giê-su và Giảng Báp-tít.(x Giảng 3:11) hoặc: Chúa Giê-su và Cha (có vẻ thích hợp ngữ cảnh hơn) (x Giảng 3:12). Phúc Âm không phải là lời đồn đại, nhưng là mạc khải tâm linh

▣ **"Các ngươi không chấp nhận lời chứng của chúng ta"** Giảng sử dụng nhiều lần từ tiếp nhận, nhận lấy (*lambanō*) và các giới từ trong mục đích thần học.

1. Tiếp nhận Giê-su
 - a. một cách tiêu cực (Giảng 1:11; 3:11, 32; 5:43, 47)
 - b. một cách tích cực (Giảng 1:12; 3:11,33; 5:43; 13:20)
2. Tiếp nhận Thánh Linh
 - a. một cách tiêu cực (Giảng 14:17)
 - b. một cách tích cực (Giảng 7:39)
3. Tiếp nhận lời của Chúa Giê-su
 - a. một cách tiêu cực (Giảng 12:48)
 - b. một cách tích cực (Giảng 17:8)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHÂN CHỨNG VỀ CHÚA GIÊ-SU

Danh từ nhân chứng (*marturia*) và động từ làm chứng (*martureō*) là những từ vựng chính trong Phúc Âm Giảng. Có nhiều nhân chứng về Chúa Giê-su.

1. Giảng Báp-tít (xem. Giảng 1:7,8,15; 3:26,28; 5:33)

2. Bản thân Chúa Giê-su (xem. Giảng 3:11; 5:31; 8:13-14)
3. Người đàn bà Sa-ma-ri woman (xem. Giảng 4:39)
4. Đức Chúa Cha (xem. Giảng 5:32,34,37; 8:18; I Giảng 5:9)
5. Kinh thánh (xem. Giảng 5:39)
6. Đám đông chứng kiến Lã-xa-rô sống lại (xem. Giảng 12:17)
7. Thánh Linh (xem. Giảng 15:26-27; I Giảng 5:10,11)
8. Các môn đồ (xem. Giảng 15:27; 19:35; I Giảng 1:2; 4:14)
9. Tác giả (xem. Giảng 21:24)

3:12 "Nếu... nếu" Chữ “nếu” đầu tiên là thể điều kiện hạng nhất, có nghĩa giả thiết quan điểm của người nói là đúng, chữ “nếu” thứ hai là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra.

▣ **"các người"** Chủ từ và động từ trong câu này thuộc số nhiều. Ni-cô-đem có thể đến cùng với một nhóm pha-ri-si hoặc học trò. Vậy câu này hướng về nhóm người nghe chưa có niềm tin. Giảng 3:7 and 11.

3:13 Đây là sự khẳng định những gì Chúa Giê-su mặc khải về Đức Chúa Cha là đúng, trọn vẹn, trước tiên và độc đáo. (x. Giảng 1:1-14). Đây cũng là một ví dụ về nhị nguyên luận trên dưới của Giảng: Thiên đàng / trần gian, thuộc thể / thuộc linh, nguồn gốc của Ni-cô-đem / nguồn gốc của Chúa Giê-su. (xem Giảng 1:51; 6:33,38,41,50,51,58,62). Câu này xác nhận (1) Thân đức; (2) sự tiền tại; and (3) sự nhập thể của Ngôi Hai vĩnh hằng (Về Ba Ngôi xin xem Chủ Đề Đặc Biệt ở Giảng 14:26).

▣ **"Con Người"** Đây là danh hiệu tự xưng của Chúa Giê-su, không có tính quốc gia, quân sự, cứu tinh mà Do-thái-giáo trong thế kỷ thứ nhất mong đợi. Danh hiệu này bắt đầu có trong Ê-xê-chiên 2:1 Thi-thiên 8:4, với ý nghĩa “con người” và trong Đa-ni-ên với ý nghĩa Thân Đức. Danh hiệu này chứa đựng một nghịch lý về Chúa Giê-su: trọn vẹn vừa là Thân, vừa là người. (x. 1 Giảng 4:1-3).

3:14-21 Khó có thể biết được ở điểm nào Chúa Giê-su kết thúc hội thoại với Ni-cô-đem và Giảng bắt đầu lời bình luận của mình. Có thể các Phúc Âm Đồng Quan ghi nhận giáo huấn của Chúa nơi công cộng, còn Giảng ghi nhận sự dạy dỗ riêng tư đối với các môn đồ. Câu 14-21 có thể phác thảo như sau:

1. vv. 14-15 nói về Chúa Giê-su
2. vv. 16-17 nói về Đức Chúa Cha
3. vv. 18-21 nói về nhân loại.

Hãy nhớ rằng dù Chúa Giê-su hay Giảng nói đều không ảnh hưởng đến sự thật của lời tuyên bố này

3:14 "Như Mô-se treo con rắn" Câu này phản chiếu Dân số 21:4-9, kể về sự trừng phạt trong thời kỳ lang thang đồng vắng. Sự thật then chốt là con người phải vâng phục lời Đức Chúa Trời, bất kể có hiểu được ý Ngài hay không. Đức Chúa Trời đã cung cấp cho dân sự một phương tiện để họ được cứu khi bị rắn cắn, nếu họ tin. Đức tin của họ được kiểm chứng bằng hành động vâng lời đối với hứa ngôn của Chúa. (x. Dân số. 21:8).

▣ **"treo lên"** Từ tiếng Hy-lạp được dịch là “tôn cao” (x Giảng 8:28; 12:32,34) (x Công vụ 2:33; 5:31; Phi-líp 2:9) đây cũng là một từ Giảng dùng với hai ý nghĩa (x. Giảng 1:5; 3:3,8). Như Đức Chúa Trời hứa giải cứu người bị rắn cắn khỏi chết nhờ niềm tin và vâng lời nhìn vào con rắn đồng, Ngài cũng sẽ giải cứu những ai tin lời Ngài (Phúc Âm về Đấng Christ) và tin cậy vào Chúa Giê-su. Họ sẽ thoát khỏi nọc độc của tội lỗi và Sa-tan. (x Giảng 12:31-32).

3:15-18 "để ai" (Giảng 3:15) "hễ ai" (Giảng 3:16) "ai ... " (Giảng 3:18) Tình yêu Đức Chúa Trời dành cho cả nhân loại (x. Ê-sai. 55:1-3; Ê-xê-chiên. 18:23,32; Giảng 1:29; 3:16; 6:33,51; 2 Cô-rin-tô. 5:19; 1 Ti-mô-thê. 2:4; 4:10; Tit 2:11; 2 Phê-rô. 3:9; 1 Giảng 2:2; 4:14). Lời mời gọi cứu rỗi mang tính cách mở rộng, phổ thông, nhưng lời đáp ứng lại không tương xứng.

3:15 "tin" Đây là thể phân từ chủ động hiện tại. chứng tỏ niềm tin là sự tin cậy liên tục. Xin tham khảo ghi chú tại Giăng 1:12 và Chủ Đề Đặc Biệt ở Giăng 1:7 and 2:23

▣ **"đền Ngài"** Đây không nói về sự thật thần học, nhưng mối liên hệ mật thiết với Chúa. Sự Cứu rỗi là (1) sự điệp đáng tin, (2) người nghe tiếp nhận và vâng phục, (3) cuộc sống mà người tin sẽ sống.

Thể ngữ pháp ở đây hơi khác thường: đại từ và giới từ “en” chỉ thấy trong Giăng. Thông thường giới từ “eis” được dùng. Có thể vì “đức tin” được liên hệ tới cụm từ “đều được sự sống đời đời” (x. *The New Testament in Basic English* Harold Greenlee).

3:15,16 "sự sống đời đời" Từ vựng trong tiếng Hy-lạp (*zoē*) nói về số lượng và chất lượng (x Giăng 5:24). Tương trong Ma-thi-ơ. 25:46 cũng nói về “sự cách ly đời đời”. Trong Giăng từ “sự sống” (*zoē*) được sử dụng 33 lần, hầu hết ở chương 5, 6, , thường nói về sự sống thuộc thể (ví dụ giăng 4:50,51,53) , sự sống lại và sự sống thời sau rỗi, sự sống trong Tân Kỳ Nguyên, và sự sống của chính Đức Chúa Trời

Phúc Âm Giăng mang tính độc đáo trong vòng các Phúc Âm bởi sự nhấn mạnh về “sự sống đời đời”. Đây là chủ đề chính và mục đích của Phúc Âm (x. Giăng 3:15; 4:36; 5:39; 6:54,68; 10:28; 12:25; 17:2,3).

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIĂNG 3:16-21

¹⁶ Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một của Ngài, để ai tin Con ấy không bị chết mất nhưng có sự sống đời đời. ¹⁷ Vì Đức Chúa Trời sai Con Ngài đến thế gian không để lên án thế gian, nhưng để thế gian được cứu nhờ Con ấy. ¹⁸ Ai tin Con ấy không bị lên án, nhưng ai không tin đã bị kết án rồi, vì đã không tin đến danh Con Một của Đức Chúa Trời. ¹⁹ Bản án đó là thế này: ánh sáng đã vào thế gian, nhưng người ta yêu chuộng bóng tối hơn ánh sáng, vì các việc làm của họ là gian tà. ²⁰ Phàm ai hành động gian tà đều ghét ánh sáng và không đến với ánh sáng, vì sợ các việc làm của mình bị lộ ra. ²¹ Nhưng ai làm điều chân thật thì đến với ánh sáng, để các việc làm của mình có thể được tỏ ra, vì đã được thực hiện trong Đức Chúa Trời.”

3:16 "Đức Chúa Trời yêu thương" “Yêu thương”, đây là động từ chỉ định chủ động thì quá khứ (tương đương với “đã ban”, nói về một hành động kết thúc (Đức Chúa Trời đã sai Giê-su). Câu 16-17 chủ yếu nói về tình yêu của Đức Chúa Cha (x. 1 Giăng 4:7-21, đặc biệt Giăng 3:9-10). Tình yêu ở đây là *agapaō* - không được dùng nhiều trong văn học Hy-lạp cổ đại. Các hội thánh đầu tiên sử dụng từ *agapaō* với ý nghĩa đặc biệt. Trong ngữ cảnh nào đó có thể dùng cho tình tình Cha con, tuy nhiên trong vào loài người, từ này được dùng một cách tiêu cực. (x. Giăng 3:19; 12:43; 1 Giăng 2:15). Về thần học, từ này tương đương với từ *hesed* trong Cựu Ước, có nghĩa là tình yêu và sự thành tín của Đức Chúa Trời theo giao ước. Trong ngôn ngữ Hy-lạp thời Giăng sống, *agapaō* and *phileō* căn bản có chung một ý nghĩa (x Giăng 3:35 with 5:20).

Các nhà giải kinh phải nhớ rằng tất cả từ ngữ được sử dụng để mô tả Đức Chúa Trời đều mang theo những hạn chế thuộc thể. Chúng ta có từ ngữ thuộc thể cho thế giới chúng ta sống, tình cảm chúng ta có, quan điểm lịch sử thjeo cách nhìn nhân gian. Nay chúng ta không có cách nào khác hơn là dùng từ ngữ thuộc thể để mô tả phần thuộc linh của Đức Chúa Trời Thần Linh, Vô Biên, Thánh Khiết, Đời Đời. Ngôn ngữ của con người mang tính chất tương đồng và ẩn dụ, những gì được bày tỏ ra đều trung thực, nhưng không thể tuyệt đối. Sự hữu hạn về không gian, thời gian và hậu quả tội lỗi của con người không cho phép chúng ta hiểu thấu thực tại tối hậu thuộc linh.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MÔ TẢ ĐỨC CHÚA TRỜI THEO NGÔN NGỮ NHÂN HÌNH (ANTHROPOMORPHIC)

I. Ngôn ngữ “nhân hình” thường được dùng trong Cựu Ước (ví dụ)

A. Chi thể

1. Mắt – Sáng thế. 1:4,31; 6:8; Xuất Ê-gíp-tô. 33:17; Dân số. 14:14; Phục-truyền. 11:12; Zech. 4:10
2. tay – Xuất Ê-gíp-tô. 15:17; Dân số. 11:23; Phục-truyền. 2:15

3. cánh tay – Xuất Ê-gíp-tô. 6:6; 15:16; Phục-truyền. 4:34; 5:15
4. tai – Dân số. 11:18; 1 Sa-mu-en. 8:21; 2 Các-vua. 19:16; Thi-thiên. 5:1; 10:17; 18:6
5. mắt – Xuất Ê-gíp-tô. 33:11; Lê-vi. 20:3,5,6; Dân số. 6:25; 12:8; Phục-truyền. 31:17; 32:20; 34:10
6. ngón tay – Xuất Ê-gíp-tô. 8:19; 31:18; Phục-truyền. 9:10; Thi-thiên. 8:3
7. giọng nói – Sáng thế. 3:9,11,13; Xuất Ê-gíp-tô. 15:26; 19:19; Phục-truyền. 26:17; 27:10
8. bàn chân – Xuất Ê-gíp-tô. 24:10; Ê-xê-chiên. 43:7
9. hình thể – Xuất Ê-gíp-tô. 24:9-11; Thi-thiên 47; Ê-sai. 6:1; Ê-xê-chiên. 1:26
10. Thiên sứ Đức Chúa Trời – Sáng thế. 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16; Xuất Ê-gíp-tô. 3:4,13-21; 14:19; Quan-xét. 2:1; 6:22-23; 13:3-22

B. Hành động thuộc thể

1. Phán trong tạo hóa – Sáng thế. 1:3,6,9,11,14,20,24,26
2. đi (tiếng chân) – Sáng thế. 3:8; Lê-vi. 26:12; Phục-truyền. 23:14; Ha-ba-cuc. 23:14
3. đóng cửa thuyền Nô-ê – Sáng thế. 7:16
4. ngửi mùi sinh tế – Sáng thế. 8:21; Lê-vi. 26:31; A-mốt 5:21
5. giáng trần, đi xuống – Sáng thế. 11:5; 18:21; Xuất Ê-gíp-tô. 3:8; 19:11,18,20
6. chôn cất Mô-sê – Phục-truyền. 34:6

C. Nhân cảm (ví dụ)

1. ân hận – Sáng thế. 6:6,7; Xuất Ê-gíp-tô. 32:14; Quan-xét. 2:18; 1 Sa-mu-en. 15:29,35; A-mốt 7:3,6
2. giận dữ – Xuất Ê-gíp-tô. 4:14; 15:7; Dân số. 11:10; 12:9; 22:22; 25:3,4; 32:10,13,14; Phục-truyền. 6:15; 7:4; 29:20
3. ghen – Xuất Ê-gíp-tô. 20:5; 34:14; Phục-truyền. 4:24; 5:9; 6:15; 32:16,21; Giô-suê. 24:19
4. ghê tởm – Lê-vi. 20:23; 26:30; Phục-truyền. 32:19

D. Liên hệ gia đình (vài ví dụ)

1. Cha
 - a. của I-sơ-ra-en – Xuất Ê-gíp-tô. 4:22; Phục-truyền. 14:1; Ê-sai. 1:2; 63:16; 64:8; Giê-rê-mi. 31:9; Hos. 11:1
 - b. của vua – 2 Sa-mu-en. 7:11-16; Thi-thiên. 2:7
 - c. ẩn dụ về hành động người cha – Phục-truyền. 1:31; 8:5; 32:6-14; Thi-thiên. 27:10; Pro. 3:12; Giê-rê-mi. 3:4,22; 31:20; Ô-sê 11:1-4; Ma-la-chi. 3:17
2. cha mẹ – Ô-sê 11:1-4
3. mẹ – Ê-sai. 49:15; 66:9-13 (analogy to nursing mother)
4. tình nhân trẻ – Ô-sê 1-3

II. Lý do sử dụng ngôn ngữ “nhân hình”

- A. Sự cần thiết mặc khải Đức Chúa Trời cho người phạm. Thường Đức Chúa Trời được mô tả như một người nam theo ngôn ngữ nhân hình, bởi Ngài là Thần Linh
- B. Đức Chúa Trời sử dụng những khía cạnh cuộc sống có ý nghĩa nhất cho con người để bày tỏ Ngài với tư cách là “cha”, “mẹ”, “phụ huynh”, “tình nhân”
- C. Sự cần thiết trong một khung cảnh nào đó Chúa không muốn bị hạn chế bởi bất cứ hình thức thuộc thể nào. (i.e., Gen. 3:8), (x. Exodus 20; Deuteronomy 5)
- D. Ngôn ngữ “nhân hình” tối hậu là sự nhập thể của Chúa Giê-su. Đức Chúa Trời trong hình thể có thể rõ rệt được. Sứ Điệp của Chúa trở nên Lời Hằng Sống (x I Giăng 1:1-3). (x. Giăng 1:1-18).

▣ **"đền nôi"** Chính xác là “theo cách ấy” (x. Giăng 7:46; 11:48; 18:22). Nói về phương cách chứ không về tâm hồn. Đức Chúa Trời trưng bày tình yêu (x. Rom. 5:8)) bằng cách “ban cho” (Giăng 3:16) và “sai đi”, (Giăng 3:17) Cả hai động từ trong thể chỉ định, chủ động thì quá khứ. nói về Con Đức Chúa Trời hy sinh chết thay cho nhân loại. (x. Ê-sai 53; Rô-ma. 3:25; 2 Cô-rin-tô. 5:21; 1 Giăng 2:2).

▣ **"thế gian"** Giăng sử dụng từ Kosmos tiếng Hy-lạp trong vài ý nghĩa (xem ghi chú ở Giăng 1:10 and Chủ Đề Đặc Biệt ở Giăng 14:17).

Câu này vạch trần sự sai trái trong Nhị-nguyên luận của Tri-huệ-giáo giữa Thần Linh (Đức Chúa Trời) và vật thể. Triết lý Hy-lạp cho rằng vật thể là xấu xa, cơ thể là “nhà tù giam cầm tia chớp thần linh” trong mỗi con người. Giăng không công nhận ác tính trong vật thể. Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại (xác thịt, x. Rom. 8:23) và vũ trụ (hành tinh x. Rô-ma. 8:18-22). Đây là ví dụ cách dùng một từ với hai ý nghĩa, rất phổ biến trong văn tự của Giăng (x. Giăng 1:5; 3:3,8).

▣ **"Con Một"** Có nghĩa “độc đáo, duy nhất”. Chúng ta không thể giải nghĩa “độc sanh” theo (1) ý nghĩa “tinh dục” hoặc (2) không có những đứa con nào khác. Đức Chúa Trời không có con nào như Chúa Giê-su. Xin xem ghi chú ở Giăng 1:14.

▣ **"ai tin Con ấy"** Đây là phân từ chủ động thì hiện tại, nhấn mạnh đức tin ban đầu và sự tiếp tục niềm tin. Xem Chủ Đề Đặc Biệt ở Giăng 1:14 and 2:23. Điều này được nhắc lại trong Giăng 3:15. Xin cảm ơn Đức Chúa Trời về cụm từ: “Bất cứ ai”. Đây là sự quân bình đối với sự nhấn mạnh đối với một nhóm người đặc biệt (biệt lập theo chủng tộc, trí thức, tôn giáo). Không phải sự tể trị của Chúa, hay sự tự do của con người mang tính độc quyền, tự quyết, cả hai đều có vai trò thực hữu. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng và lập chương trình. (x. Giăng 6:44,65), Ngài cũng thiết lập mối liên hệ với con người theo giao ước. Con người phải đáp ứng, tiếp tục đáp ứng lời mời và điều kiện của Ngài! Phileō

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUYẾT TIỀN ĐỊNH (CALVINISM) VỚI Ý CHÍ TỰ DO CON NGƯỜI (ARMINIANISM)

Tít 2:11 là sự quân bình với những khúc Kinh Thánh trong Tân Ước về sự lựa chọn. Tôi nghĩ là nó có thể hữu ích về phương diện thần học khi cung cấp các ghi chú giải nghĩa của tôi ở Rô-ma 8:29 và đoạn 9, cũng như Ê-phê-sô đoạn 1.

I. Rô-ma 8:29 – Phao-lô sử dụng chữ “biết trước” (*proginōskō*) hai lần, ở đây và 11:2.

A. Trong câu 11:2 nó chỉ tình yêu giao ước của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên trước khi có thời gian. Nên nhớ chữ “biết” trong tiếng Hê-bơ-rơ chỉ mối quan hệ kháng khí, cá nhân, chứ không phải chỉ là những dữ kiện về một người nào (Sáng-thế-ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Ở đây nó được đặt vào một loạt các sự kiện (xem Rô-ma 8:29-30). Chữ này liên kết với sự tiền định. Tuy nhiên, cần phải nói rằng sự biết trước của Đức Chúa Trời không phải là căn bản dựa vào đó để chọn lựa vì nếu như vậy sự chọn lựa sẽ dựa vào sự đáp ứng trong tương lai của con người sa ngã, mà như vậy là căn cứ trên việc làm của con người. Chữ này cũng được tìm thấy trong Công vụ Các sứ đồ 26:5; I Phi-e-rơ 1:2,20 và II Phi-e-rơ 3:17, “biết trước” (*proginōskō*). Chữ “biết trước” hay “định sẵn” đều là các từ kép với giới từ “trước” (*pro*) và vì vậy nên dịch là “biết trước,” “định sẵn trước,” hay “giới hạn trước.”

Những phân đoạn quyết định về chủ đề thuyết tiền định trong Tân ước là Rô-ma 8:28-30; Ê-phê-sô 1:3-14 và Rô-ma 9. Những khúc kinh văn này rõ ràng nhấn mạnh Đức Chúa Trời toàn quyền. Ngài cầm quyền trên mọi sự. Có một chương trình thiên thượng đã được định trước vận hành theo dòng thời gian. Tuy nhiên, chương trình này không độc đoán hay là phân biệt lựa chọn. Nó không chỉ dựa vào chủ quyền tối cao và sự biết trước của Đức Chúa Trời, nhưng nó cũng dựa vào bản chất yêu thương, thương xót, ân điển cho những người không xứng đáng của Ngài.

Chúng ta cần phải cẩn trọng với chủ nghĩa cá nhân tây phương (Hoa kỳ) của chúng ta hay là lòng truyền giáo nhiệt thành tô vẽ chân lý sâu nhiệm này. Chúng ta cũng phải xem chừng để không bị rơi vào thái cực mâu thuẫn về thần học trong quá khứ giữa Augustine và Pelegius hay thuyết Calvin và Arminian.

B. “tiền định” (*proorizō*, “hạn chế từ trước (chỉ một số người được cứu)”) Sự tiền định không phải là một giáo lý để giới hạn tình thương, ân sủng và sự thương xót của Đức Chúa Trời hay là để loại trừ cá nhân hay tập thể nào đó ra khỏi Phúc âm. Nó nhằm làm cho người tin Chúa trở nên mạnh mẽ hơn bằng cách nhào nặn thể giới quan của họ. Đức Chúa Trời là cho tất cả mọi người (I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Đức Chúa Trời đang nắm quyền kiểm soát tất cả mọi sự. Ai hay là điều gì có thể tách biệt chúng ta khỏi Ngài (xem Rô-ma 8:31-39)? Đức Chúa Trời xem tất cả lịch sử đều như là hiện tại. Con người bị giới hạn bởi thời gian. Tầm nhìn và khả năng hiểu biết của chúng ta bị giới hạn. Không

có sự mâu thuẫn nào giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người. Nó là một cấu trúc giao ước. Đây là một ví dụ khác về lẽ thật Kinh thánh trình bày trong sự căng thẳng biện chứng. Các giáo lý Kinh thánh được trình bày trong những khía cạnh khác nhau. Chúng thường thấy có vẻ như là nghịch lý. Chân lý là sự quân bình giữa những cặp có vẻ như đối nghịch này. Chúng ta không nên loại bỏ sự căng thẳng này bằng cách chọn một phía của những lẽ thật. Chúng ta không nên tách riêng ra bất cứ lẽ thật Kinh thánh nào và cô lập nó.

Có điều quan trọng cần phải bỏ túc ở đây: mục đích của sự chọn lựa không phải chỉ có được lên thiên đàng sau khi chúng ta qua đời, nhưng còn phải có một đời sống giống-như-Đấng-Christ khi còn ở trần gian này (xem Rô-ma 8:29; Ê-phê-sô 1:4; 2:10). Chúng ta được chọn lựa để trở nên “thánh khiết và không chỗ trách được”. Đức Chúa Trời chọn chúng ta để biến đổi đời sống chúng ta hầu cho bởi sự biến đổi này mà những người khác nhận biết và đáp ứng bằng đức tin vào Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Sự tiền định không phải là một đặc ân cá nhân, nhưng là một trách nhiệm giao ước. Đây là lẽ thật chính trong phân đoạn này. Đây là mục đích của Cơ Đốc Giáo. Sự thánh khiết là điều Chúa muốn cho mọi người tin Chúa. Chúa chọn chúng ta để trở nên giống với Đấng Christ (Ê-phê-sô 1:4) chứ không phải có một địa vị đặc biệt. Hình ảnh của Đức Chúa Trời đã ban cho con người trong sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1:26; 5:1, 3; 9:6) sẽ được phục hồi.

- C. “phù hợp với hình ảnh của Con Ngài”. Mục đích tối hậu của Đức Chúa Trời là khôi phục lại hình ảnh (của Chúa trong con người) đã bị mất trong sự sa ngã phạm tội. Những tín hữu đã được định từ trước để trở nên giống-như-Đấng-Christ (Ê-phê-sô 1:4).

II. Rô-ma 9

- A. Chương 9 là một trong những chương trình bày mạnh mẽ nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (chương còn lại là Ê-phê-sô 1:3-14), trong khi chương 10 trình bày rõ ràng và lặp đi lặp lại về ý chí tự do của con người (“mọi người” câu 4; “kẻ nào” câu 11,13; “tất cả” câu 12 [hai lần]). Phao-lô chưa bao giờ tìm cách giải hòa mối liên hệ thần học căng thẳng này. Cả hai điểm thần học này đều đúng. Hầu hết các tín lý trong Kinh thánh đều được trình bày theo dạng từng cặp biện chứng hay nghịch nhau. Hầu hết các hệ thống thần học chỉ hợp lý cho một nửa của những lẽ thật. Cả thuyết của Augustine và Calvin đối lại với thuyết của Pelagian và Arminian đều có những yếu tố đúng và sai. Sự căng thẳng giữa các quan điểm tín lý về Kinh Thánh lại là điều tốt hơn là một hệ thống thần học tìm cách trung dẫn Kinh thánh, có tính cách giáo điều và duy lý, rồi bắt ép Kinh thánh vào một khuôn giải nghĩa đã định sẵn.
- B. Lẽ thật này cũng được thấy trong Rô-ma 8:29-30 và Ê-phê-sô 1:4, 11. Chương này diễn tả mạnh mẽ nhất tính chủ tể của Đức Chúa Trời trong cả Tân ước. Không thể chối cãi được rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn nắm quyền điều khiển trên tạo vật và sự cứu rỗi. Lẽ thật quan trọng này không bao giờ bị thu hẹp lại hoặc bị mềm yếu. Tuy vậy, nó phải được xem xét quân bình với sự lựa chọn của Đức Chúa Trời về giao ước như một phương tiện liên hệ với con người, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài. Chắc chắn rằng một số giao ước thời Cựu ước, như Sáng-thế-ký 15, là giao ước vô điều kiện và không liên hệ gì đến sự đáp ứng của con người, nhưng những giao ước khác có điều kiện đòi hỏi con người đáp ứng lại (như là Ê-đen, Nô-ê, Môi-se, Đa-vít). Đức Chúa Trời có một chương trình cứu rỗi cho tạo vật của Ngài, không ai có thể chi phối được kế hoạch của Ngài. Ngài muốn con người cùng tham gia trong kế hoạch này. Cơ hội tham gia này là sự giăng co thần học giữa quyền tối thượng (Chúa) (Rô-ma 9) và ý chí tự do của con người (Rô-ma 10). Chúng ta sai lầm khi chỉ chọn một điều chính yếu của Kinh thánh mà bỏ qua điều khác. Có sự giăng co giữa các tín lý bởi vì người Đông phương trình bày lẽ thật theo cặp biện chứng hay cặp đầy căng thẳng. Các tín lý phải được xem xét trong mối liên hệ với các tín lý khác. Chân lý là một bức tranh khảm được ghép bằng nhiều (viên đá) lẽ thật.

III. Ê-phê-sô 1

- A. Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không thúc đẩy hướng về sự thiên vị, nhưng hướng đến việc trở thành một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác. Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này. Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa

chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13). Chia khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-su là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời cho nhu cầu thiết yếu của con người sa ngã (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không chỉ là vào thiên đàng, nhưng còn là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm. Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc (đời) này cũng như cho cõi đời đời. Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được loại bỏ sự căng thẳng gây ra bởi những cặp tín lý biện chứng (nghịch lý) (Đức Chúa Trời siêu việt so với Đức Chúa Trời nội tại; chắc chắn được cứu rỗi ngược lại việc tiếp tục bèn đở; Đức Chúa Giê-xu bình đẳng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Giê-xu vâng phục Đức Chúa Cha; Sự tự do của Cơ Đốc Nhân và trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân đối với người dự phần trong giao ước, v.v...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn. Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại. Phải cảnh giác việc công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích.

- B. “Ngài đã chọn chúng ta” trong Ê-phê-sô 1:4 là thể CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE), nó nhấn mạnh chủ ngữ. Điều này chú trọng vào sự lựa chọn của Đức Chúa Cha từ trước khi có thời gian. Sự chọn lựa của Đức Chúa Trời phải được hiểu theo nghĩa giao ước, chứ không theo nghĩa của thuyết định mệnh (determinism) của Hồi giáo và cũng không phải theo nghĩa của thuyết Calvin quá trốn (ultra-Calvinism) một số người được chọn và số khác bị bỏ. Đức Chúa Trời hứa sẽ cứu chuộc loài người sa ngã (Sáng-thế-ký 3:15). Đức Chúa Trời đã chọn và gọi Áp-ra-ham để chọn tất cả mọi người (xem Sáng thế Ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Chính Đức Chúa Trời đã chọn tất cả mọi người đặt đức tin nơi Đấng Christ. Đức Chúa Trời luôn chủ động trong kế hoạch cứu rỗi (Giăng 6:44, 65). Khúc Kinh Thánh này và Rô-ma là nền tảng Kinh Thánh cho thuyết tiền định được Augustine và Calvin nhấn mạnh.

Chúa chọn các tín nhân không phải chỉ để cho họ nhận được sự cứu rỗi (xưng công bình), nhưng cũng làm cho họ được nên thánh (xem Cô-lô-se 1:12). Điều này có thể liên quan đến (1) địa vị của chúng ta trong Đấng Christ (xem II Cô-rinh-tô 5:21) hoặc (2) Đức Chúa Trời mong muốn làm tái hiện đức tính (tốt) của Ngài trong các con cái của Ngài (xem 2:10; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19). Ý chỉ của Đức Chúa Trời là ban cho con cái Ngài bản tính giống với Đấng Christ trong đời này và thiên đàng vào ngày sau.

“Trong Ngài” là một khái niệm cốt yếu của Ê-phê-sô 1:4. Các phước lành, ân sủng, và sự cứu rỗi của Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đức Chúa Giê-xu (xem Giăng 14:6). Nên chú ý vào sự lặp lại của hình thức ngữ pháp (TRƯỜNG SỞ CÁCH (LOCATIVE of SPHERE)) trong câu 3, “trong Đấng Christ”; câu 4, “trong Ngài”; câu 7, “trong Ngài”; câu 9, “trong Ngài”; câu 10, “trong Đấng Christ”, “trong Ngài”; câu 12, “trong Đấng Christ”, và câu 13, “trong Ngài” (hai lần). Chúa Giê-xu là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời đối với loài người sa ngã (Karl Barth). Chúa Jê-sus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có tiềm năng được lựa chọn trong Ngài. Tất cả các phước lành từ Đức Chúa Cha tuôn chảy qua Đấng Christ.

Cụm từ “trước khi lập nên thế gian” cũng được sử dụng trong Ma-thi-ơ 25:34; Giăng 17:24; I Phi-e-ro 1:19-20 và Khải huyền 13:8. Nó cho thấy chương trình cứu rỗi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi có từ trước khi có Sáng thế Ký 1:1. Con người bị giới hạn bởi cảm nhận của chúng ta về thời gian, đối với chúng ta mọi thứ là trong quá khứ, hiện tại và tương lai, nhưng đối với Đức Chúa Trời thì không phải như vậy.

Mục đích của sự định trước là sự nên thánh, chứ không phải là đặc ân. Đức Chúa Trời kêu gọi không

chỉ một số người được lựa chọn của con cháu A-đam nhưng là tất cả.

Đó là một sự kêu gọi mà Đức Chúa Trời dự định cho nhân loại, là trở nên giống như Ngài (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13), theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Biến đổi sự định trước thành một nguyên tắc thần học thay vì một lối sống thánh khiết sẽ là một thảm họa. Thường thì thần học của chúng ta “nói thêm, nói nhiều” hơn bản văn Thánh Kinh.

Chữ “không chỗ trách được” (*amōmos*) hoặc “không tì vết” được sử dụng cho (1) Đức Chúa Giê-xu (xem Hê-bơ-rơ 9:14; I Phi-e-rơ 1:19); (2) Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét (xem Lu-ca 1:6), (3) Phao-lô (xem Phi-líp 3:6), và (4) tất cả các Cơ Đốc Nhân đích thực (xem Phi-líp 2:15; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 5:23). Ý chỉ không đời đời của Đức Chúa Trời cho mọi Cơ Đốc Nhân không chỉ là thiên đàng trong đời sau nhưng là trở nên giống như Đấng Christ trong hiện tại (xem Rô-ma 8:29-30; Ga-la-ti 4:19; I Phi-e-rơ 1:2). Các tín hữu bày tỏ những đức tính của Đức Chúa Trời cho thế giới hư mất chính là chủ đích của truyền giảng Phúc Âm.

Về phương diện ngữ pháp, cụm từ “trong tình yêu” trong câu này có thể đi với cả câu 4 hay câu 5. Tuy nhiên, khi cụm từ này được sử dụng ở những nơi khác trong Ê-phê-sô, nó luôn luôn đề cập đến tình yêu của con người đối với Đức Chúa Trời (xem 3:17; 4:2,15,16).

- C. Trong Ê-phê-sô 1:5 cụm từ “Ngài đã định trước cho chúng ta” ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE PARTICIPLE). Chữ Hy Lạp này là một từ ghép của “trước” và “tách riêng ra, lựa chọn” Nó đề cập đến kế hoạch cứu rỗi mà Đức Chúa Trời đã định từ trước (xem Lu-ca 22:22; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 4:28; 17:31; Rô-ma 8:29-30). Tiên định là một trong nhiều lẽ thật liên quan đến sự cứu rỗi nhân loại. Nó là một bộ phận trong kiểu mẫu thần học hay trong số nhiều lẽ thật có liên quan. Nó không bao giờ có ý định đặt trọng tâm vào sự tách biệt. Lẽ thật Kinh Thánh đã được trình bày trong một loạt các cặp đối nghịch đầy căng thẳng. Khuynh hướng đề cao hệ phái (Denominationalism) có xu hướng loại bỏ sự căng thẳng trong Kinh Thánh bằng cách quan trọng hóa chỉ một tín lý trong các cặp biện chứng này (sự tiên định ngược với ý chí tự do của con người, an tâm (vì chắc chắn được cứu) của tín hữu với sự bèn đỗ của các thánh đồ; tội nguyên thủy với tội phạm chủ ý; bản chất không phạm tội với càng ít phạm tội; sự xung công bình ngay lập tức với sự thánh hóa tiệm tiến, đức tin với việc làm; sự tự do của Cơ Đốc Nhân với trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân; siêu việt và nội tại).

Sự lựa chọn của Đức Chúa Trời không dựa trên sự biết trước về thành tích sẽ đạt được của con người, nhưng dựa trên đức tính nhân từ của Ngài (xem các câu 9 & 11). Ngài muốn tất cả sẽ được cứu (không phải chỉ là một số người đặc biệt như những người tin Trí Huệ Giáo (Gnostics) hoặc những người tin theo chủ thuyết Calvin hiện đại cực đoan (modern day ultra-Calvinists)) (xem Ê-xê-chi-ên 18:21-23,32; Giăng 3:16-17; I Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tít 2:11; II Phi-e-rơ 3:9). Ân sủng của Đức Chúa Trời (đức tính của Chúa) là chìa khóa thần học cho đoạn văn này (xem các câu 6a, 7c, 9b), cũng như lòng thương xót của Đức Chúa Trời là chìa khóa của phân đoạn khác về tiên định trong Rô-ma 9-11.

Hy vọng duy nhất của nhân loại sa ngã là ân sủng và lòng thương xót của Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 53:6 và một số đoạn Kinh Thánh khác trong Cựu Ước được trích dẫn trong Rô-ma 3:9-18). Nó thiết yếu cho việc giải thích ý nghĩa thần học của những chương đầu tiên này để công nhận rằng Phao-lô nhấn mạnh vào tiên định (trong đoạn 1), ân điển (trong chương 2), và kế hoạch cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời (sự huyền nhiệm, 2:11-3:13) và những điều đó hoàn toàn không có liên quan gì với thành tích của con người. Làm điều này là để đối trọng (chống) lại sự nhấn mạnh thái quá của các giáo sư giả cậy vào thành tích và kiêu hãnh của con người.

- ▣ "**không bị hư mắt**" câu này gợi ý là sẽ có người bị hư mắt. Ngữ pháp ở thể “Quá khứ bàn thái trung cách”. Sự hư mắt (*amollumi*, là hậu quả trực tiếp của từ chối đức tin trong Chúa Giê-su (X. Giăng 11:25). Đức Chúa Trời không khởi xương, hướng dẫn và thay đổi sự thiếu đức tin của họ. (x Ê-xê-chi-ên. 18:23,32; I Ti-mô-thê. 2:4; 2 Phi-e-rơ. 3:9).

Nhiều người cố gắng giải thích câu này theo nghĩa đen, có nghĩa là huỷ diệt người độc ác. Như vậy sẽ phản nghịch với Đa-ni-en 12:2 và Ma-thi-ơ 25:46. Đây là ví dụ về những độc giả cơ đốc hết sức thành tâm, nhưng phạm sai lầm bằng cách giải kinh ngôn ngữ phương Đông mang tính tượng trưng theo ngôn ngữ phương Tây một cách trắng đen hợp lý. Để thảo luận về chủ đề này, xin tham khảo Robert B. Girdlestone's *Synonyms of the Old Testament*, pp. 275-277. Xem thêm Chủ Đề Đặc Biệt: Sự huỷ diệt (*apolummi*) at Giảng 10:10.

Một lần nữa Giảng lại suy nghĩ và viết theo cách xếp hạng Nhị Nguyên (hư mất / sống đời đời). Từ ngữ và cấu trúc thần học của giáo huấn Chúa Giê-su rất khác biệt trong Phúc Âm Đồng Quan và Giảng. Có người tự hỏi các tác giả Phúc Âm được tự do bao nhiêu trong việc chuẩn bị thuyết trình truyền giáo cho nhóm người nghe đặc thù của họ. Xem Gordon Fee and Douglas Stuart, *How To Read The Bible For All Its Worth*, pp. 127-148.

3:17 "phán xét thế gian" Đây là một trong các câu nói về Chúa Giê-su đến thế gian với tư cách Đấng Cứu Chuộc. (x Giảng 3:17-21; 8:15; 12:47). Tuy nhiên có những câu khác trong Giảng nói về Chúa đến với tư cách Thẩm phán và sẽ phán xét. (x. Giảng 5:22-23,27; 9:39; cũng như Công vụ, Acts 10:42; 17:31; 2 Ti-mô-thê. 4:1; 1 Phi-ê-rơ. 4:5).

Một vài bình luận thần học theo thứ tự:

1. Đức Chúa Trời trao quyền phán xét cho Chúa Giê-su, cũng như trong công trình Tạo Hóa và Cứu Rỗi, như một dấu hiệu danh dự (x. Giảng 5:23)
2. Chúa Giê-su không đến để phán xét trước, bởi khi con người từ chối Chúa, họ đã tự xưng sự phán xét trên mình
3. Chúa Giê-su sẽ tái lâm với tư cách là Vua và Thẩm Phán (x Giảng 9:39)

3:18 Câu này so sánh sự cứu rỗi bởi ân điển qua Đấng Christ với sự tự phán xét. Đức Chúa Trời không đẩy ai vào địa ngục, con người tự đẩy mình vào chỗ đó. Niềm tin có hậu quả liên tục. Thuật ngữ "tin," trong câu này là phân động từ chủ động hiện tại, cũng vậy sự bất tin ("đã và đang không tin") là động từ chỉ định chủ động hoàn thành, dẫn đến việc "đã và đang bị phán xét" (Động từ chỉ định bị động hoàn thành). Tham khảo thêm Chủ Đề Đặc Biệt ở Giảng 2:23 and 9:7.

3:19-21 "họ yêu chuộng bóng tối hơn ánh sáng" Nhiều người đã nghe Phúc Âm và từ chối, không phải vì lý do tri thức hoặc nền văn hóa, nhưng chủ yếu vì nan đề đạo đức. (x Gióp 24:13). Ánh Sáng ở đây là Đấng Christ. (x Giảng 1:9; 8:12; 9:5; 12:46) và sứ điệp, tình yêu của Đức Chúa Trời, Sự Cứu rỗi trong Chúa Giê-su và sự hưởng ứng cần thiết. Đây là chủ đề quán xuyên lặp lại trong Giảng 1:1-18.

3:19 "Bản án đó là thế này" Sự phán xét cũng như sự cứu rỗi, đều là thực tại hiện nay và chung kết tương lai. (x Giảng 3:19; 9:39) (x. Giảng 5:27-29; 12:31,48). Cơ-độc nhân đang sống trong thời đại "đang có" và "nhưng chưa có hết". Nói cách khác "thời cuối cùng" (realized eschatology) và "thời tận thế" (consummated eschatology). Cuộc sống cơ-độc đầy niềm vui và tranh chiến, chiến thắng sau thất bại, sự cứu rỗi được đảm bảo, nhưng sự bền đỗ phải được cảnh báo!

3:21 "làm điều chân thật" Bởi "Ánh Sáng" đang nói về Chúa Giê-su (x. Giảng 3:19,20 [hai lần],21), lẽ dĩ nhiên chữ "điều chân thật" cũng nên viết hoa như "Lẽ Thật", theo gợi ý của Robert Hanna in *A Grammatical Aid to the Greek New Testament* dẫn chứng N. Turner trong sách *Grammatical Insights into the New Testament*, câu dịch: Người là môn đồ của Sự Thật" (p. 144).

Theo thần học, câu này bày tỏ một sự thật giống như trong Ma-thi-ơ 7. Sự sống đời đời có những đặc tính có thể quan sát. Những ai đã từng gặp Đấng Chúa Trời qua Chúa Giê-su một cách cá nhân, được tác động bởi Thánh Linh, thì không thể không thể hiện sự thay đổi. Chuyện ngụ ngôn về bốn mảnh đất chú trọng vào sự ra bông kết trái, chứ không hạn chế trong chuyện nẩy mầm (x Ma-thi-ơ 13; Mác 4; Lu-ca 8. Cũng vậy trong Giảng 15:1-11. Công đức không đem lại sự Cứu Rỗi, nhưng là bằng chứng của Sự Cứu Rỗi. (x Eph. 2:8-9,10).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “bán cái” điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Thế nào là ý nghĩa “Tái sinh”?
2. Bạn nghĩ gì về “nước” trong câu 5 và vì sao vậy?
3. Những gì liên hệ tới động từ “tin” (niềm tin cứu rỗi)?
4. Phải chăng Giăng 3:16 nói về tình yêu của Chúa Giê-su hay của Chúa Cha đối với nhân loại?
5. Học thuyết Calvinism liên hệ với Giăng 3:16 như thế nào?
6. Có phải “hư mất đồng nghĩa với “hủy diệt”?
7. Định nghĩa từ “Ánh Sáng”

KIẾN GIẢ VĂN MẠCH CHO CÂU 3: 22-36

- A. Giăng's nhấn mạnh tính Thần Đức của Chúa Giê-su Christ ngay từ ban đầu Phúc Âm qua hội thoại, và gặp gỡ cá nhân. Phần cuối của chương 3 tiếp tục trong khuôn mẫu này.
- B. Giăng, viết Phúc Âm gần cuối thế kỷ thứ nhất, trả lời một số vấn đề xuất hiện sau Phúc Âm Đồng Quan. Một trong các vấn đề là có nhiều người theo Giăng Báp-tít và giữ những điều sai trật liên hệ đến ông. (x Công vụ 18:24-19:7). Giăng chỉ ra một thực tế quan trọng là chính Giăng Báp-tít thừa nhận mình thấp hèn hơn chúa Giê-su và chính Chúa mới thật là Đấng Mê-si-a Giăng 1:6-8, 19-36 and 3:22-36 .

NGHIÊN CỨU TỪ NGŨ VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIĂNG 3:22-24

²²Sau đó, Đức Chúa Jêsus và các môn đồ đi đến miền Giu-đê. Ngài ở lại đó với họ và làm báp-têm. ²³Giăng cũng làm báp-têm tại A-t-nôn, gần Sa-lim, vì ở nơi này có nhiều nước và người ta đến để chịu báp-têm. ²⁴Lúc ấy Giăng chưa bị cầm tù.

3:22 "đến miền Giu-đê" đây là hành trình mục vụ đầu tiên, không được nhắc tới trong Phúc Âm Đồng Quan. Các Phúc Âm không nhất thiết theo trình tự thời gian của cuộc đời Chúa Giê-su, xem Gordon Fee and Douglas Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, pp. 127-148.

▣ **"Ngài ở lại đó với họ"** Chúa Giê-su giảng đạo cho đám đông, nhưng hội thoại với các môn đồ một cách riêng tư. Ngài trải mình cho họ. Phương thức này được viết trong hai cuốn sách của Robert E. Coleman, *The Master Plan of Evangelism* and *The Master Plan of Discipleship*, nhấn mạnh về việc Chúa liên hệ với nhóm nhỏ một cách cá nhân

▣ **"và làm báp-têm"** Chúng ta được biết từ câu 4:2 rằng Chúa Giê-su không làm phép báp-têm, nhưng các môn đồ Ngài. Sứ điệp ban đầu của Chúa rất giống sứ điệp của Giăng Báp-tít. Đây là sứ điệp từ Cựu Ước về ăn năn và dọn lòng. Phép báp-têm đây không giống như báp-têm cơ đốc, nhưng là biểu hiện của sự ăn năn và tiếp nhận thuộc linh

3:23 "Giăng cũng làm báp-têm tại A-t-nôn gần Sa-lim" Không rõ địa danh A-t-nôn:

1. Có người tin rằng đây là xứ Perea bên bờ sông Giô-đan
2. Có người tin vùng này ở phía đông bắc Sa-ma-ri
3. Có người tin vùng này nằm phía đông thành Sê-khem khoảng 3 dặm

Bởi ý nghĩa tên At-nôn là đóng suối, khả năng thứ 3 là thích hợp nhất. Một điều chắc chắn, Chúa công tác ở Giu-đê, còn Giăng báp-tít ở gần đó về phía bắc

3:24 "Lúc ấy Giăng chưa bị cầm tù." Không biết rõ vì sao sự kiện mang tính chất thời gian được thêm vô ở điểm này. Có người tin rằng Giăng cố gắng đồng bộ hóa với thông tin từ Phúc Âm Đồng (x. M-thi-ơ. 14:1-12; Mác 6:14-29). Nó cũng giúp chúng ta xác định được thời điểm gặp gỡ Chúa Giê-su

NASB (HIỆU ĐÍCH RVV2011) GIĂNG 3:25-30

²⁵Bấy giờ, có sự tranh luận về nghi lễ tẩy sạch giữa các môn đồ của Giăng và một người Do Thái. ²⁶Họ đến với Giăng và nói: "Thưa thầy, người đã ở với thầy bên kia sông Giô-đanh, đã được thầy làm chứng tốt, bây giờ đang làm báp-têm và mọi người đều đến với ông ấy." ²⁷Giăng trả lời: "Nếu không phải từ trời ban cho thì không ai có thể nhận được điều gì. ²⁸Chính anh em làm chứng cho tôi rằng tôi đã nói tôi không phải là Đấng Christ, nhưng tôi được sai đến trước Ngài. ²⁹Ai cưới cô dâu, người ấy là chàng rể; còn bạn của chàng rể đứng lắng nghe và rất vui mừng khi nghe tiếng của chàng rể. Đó chính là niềm vui trọn vẹn của tôi vậy. ³⁰Ngài phải được tôn cao, còn tôi phải hạ xuống.

3:25 "Bấy giờ, có sự tranh luận về nghi lễ tẩy sạch giữa các môn đồ của Giăng và một người Do Thái".

"Tranh luận" (NASB, NRSV, NJB) là một thuật ngữ mạnh của sự "tranh cãi" và "khẩu chiến". Các nguyên bản Hy-lạp ghi "người Do-thái" trong số ít ngang với số nhiều. Bởi số ít có vẻ khác thường hơn trong ngữ cảnh (i.e., MSS P²⁵, κ^2 , A, B, L, W) nên được chọn làm nguyên thủy. Liên hội Thánh Kinh UBS⁴ xếp số ít: "một người Do-thái" vào hạng B, có nghĩa gần như chắc chắn. Các thư ký ngày xưa có xu hướng làm cho văn tự cân đối hài hòa và tron tru, dễ đọc). Xin để ý các môn đồ của Giăng khởi xướng cuộc tranh luận này.

**NASB, NKJV,
NRSV, NJB"về tục thanh tẩy"
TEV"về việc rửa theo nghi lễ"**

Có một vài giả thuyết về chủ đề trọng tâm của cuộc tranh luận này (NKJV).

1. Có thể môn đồ của Giăng tranh luận về mối liên hệ giữa phép báp-têm của Giăng và của Chúa Giê-su, khi họ bàn về tập tục tẩy rửa của người Do-thái. Điều này đã được thảo luận trong Giăng 2:6.
2. Có người tin rằng tranh luận này liên hệ trực tiếp đến giáo huấn của Chúa Giê-su, rằng cuộc sống và chức vụ Ngài là sự hoàn tất Do-thái-giáo
 - a. Giăng 2:1-12, lễ cưới tại Ca-na
 - b. Giăng 2:13-22, thanh tẩy đền thờ
 - c. Giăng 3:1-21, tranh luận với Ni-cô-đem, lãnh tụ Do-thái.
 - d. Giăng 3:22-36, tẩy rửa của dân Do-thái, phép báp-têm của Giăng và của Chúa Giê-su

Phân đoạn này không nói chi tiết về cuộc tranh luận của các môn đồ của Giăng Báp-tít, với mục đích cho phép Giăng nhấn mạnh sự ưu việt của Chúa Giê-su .

3:26 "người ... đã được thầy làm chứng tốt, bây giờ đang làm báp-têm và mọi người đều đến với ông ấy." Các môn đồ nhớ lời chứng của Giăng về Chiên của Đức Chúa Trời. (x Giăng 1:19-36) và (nói theo cách cường điệu) họ có vẻ ngạc nhiên về thành công của Chúa Giê-su. Chúa Giê-su cảnh giác với tất cả các tinh thần cạnh tranh (x. Giăng 4:1).

3:27 "Nếu không phải từ trời ban cho thì không ai có thể nhận được điều gì" Đây là sự khẳng định thành thật: trong lĩnh vực tâm linh không có sự cạnh tranh. Tất cả những gì cơ đốc nhân có được đều do ân sủng của Chúa ban cho. Tuy nhiên người ta còn tranh luận không biết Giăng có ý nào khi viết "ai" và "điều gì" trong câu trên.

1. Có người cho rằng “ai” ám chỉ cơ-độc nhân và “điều gì” ám chỉ sự cứu rỗi. (Chúa khởi xương, con người hưởng ứng) x Giăng 6:44,65)
2. Có người tin rằng “ai” ám chỉ chúa Giê-su và “điều gì” ám chỉ cơ-độc nhân.(x Giăng 6:39; 10:29; 17:2,9,11,24)

Sự khác biệt giữa hai quan điểm là Sự cứu rỗi được ban cho Cơ-độc nhân , hoặc Cơ-độc nhân là món quà Đức Chúa Cha ban tặng cho Chúa Giê-su. (x. Giăng 17:2).

3:28 "Tôi không là Đấng Christ" cũng như trong câu 1:20, Giăng Báp-tít khẳng định ông không là Đấng Mê-si-a. Ông chỉ là người đi trước dọn đường được tiên tri trong Ma-la-chi 3:1; 4:5-6, và Ê-sai 40 (x. Giăng 1:23). Tham khảo ghi chú "Mê-si-a" ở Giăng 1:20 and chủ đề đặc biệt ở Giăng 4:25.

3:29 "Ai cưới cô dâu, người ấy là chàng rể" Thật kỳ lạ khi thấy nhiều gợi ý trong Cựu ước về liên hệ đôi lứa vợ chồng được dùng làm ẩn ý cho liên hệ giữa Đức Chúa Trời và I-sơ-ra-en (x Ê-sai. 54:5; 62:4,5; Giê-rê-mi . 2:2; 3:20; Ê-xê-chiên 16:8; 23:4; Ô-sê. 2:21). Phao-lô cũng dùng ẩn dụ tương tự trong Ê-phê-sô 5:22f.

▣ **"Đó chính là niềm vui trọn vẹn của tôi vậy"** Cả danh từ niềm vui và động từ vui được dùng 3 lần trong câu này Thay vì quanh quẩn trong tinh thần cạnh tranh, Giăng Báp-tít vui mừng trong Chúa Giê-su.

3:30 "Ngài phải được tôn cao, còn tôi phải hạ xuống" Từ "phải" (*dei*) ở đây rất quan trọng, đã từng được dùng trong các câu Giăng 3:14 và 4:4. Rõ ràng Giăng hiểu được mình chỉ là người đi trước dọn đường cho một công vụ lớn hơn quan trọng hơn của Chúa Giê-su

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIĂNG 3:31-36

³¹Đấng đến từ trên cao thì trên tất cả. Người ra từ đất thì thuộc về đất, nói những việc thuộc về đất; nhưng Đấng đến từ trời thì trên tất cả.³²Ngài làm chứng những gì Ngài đã thấy và nghe, nhưng không ai tiếp nhận lời chứng của Ngài.³³Ai tiếp nhận lời chứng của Ngài thì xác nhận rằng Đức Chúa Trời là chân thật.³⁴Vì Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến thì rao truyền lời của Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời ban Thánh Linh cho Ngài không giới hạn.³⁵Cha yêu thương Con và giao tất cả mọi sự trong tay Con.³⁶Ai tin Con thì được sự sống đời đời, ai không chịu tin Con thì chẳng kinh nghiệm được sự sống đâu, nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người ấy."

3:31-36 Có nhiều cuộc tranh luận giữa các nhà giải kinh về ai là tác giả những câu này:

1. Giăng Báp-tít tiếp tục nói chuyện
2. Lời của chúa Giê-su, tiếp từ Giăng 3:11-12)
3. Lời của sứ đồ Giăng

Những câu này quay lại chủ đề của Giăng 3:16-21.

3:31 "Đấng đến từ trên cao" Danh hiệu rất quan trọng của Đấng Mê-si-a, nhấn mạnh tính cách "Tiền Tại", "Thần Đức", được gợi ý trong Giăng 3:31 và "sự nhập thể", "sứ mạng Cha sai", được gợi ý trong Giăng 3:34). Cụm từ "đến từ trên cao", cũng đã được dùng trong: "tái sinh" hay "sinh từ trên cao" trong Giăng 3:3.

Nhị nguyên luận về "trên" và "dưới", về "lãnh vực của Chúa" và "lãnh vực con người" khá phổ biến trong Giăng. Ở đây hơi khác Nhị nguyên luận thời tận thế trong Văn tự Biển Chết và cũng khác với Nhị Nguyên luận trong Tri-Huê giáo về thuộc linh và thuộc thể. Theo Giăng, tạo hóa và cơ thể con người từ căn nguyên không có bản ngã xấu xa tội lỗi.

▣ **"Trên tất cả... trên tất cả"** Cụm từ "trên tất cả" lần thứ nhất bày tỏ tính "tiền tại" và "thần đức" của Giê-su, Đấng Giáng Trần từ Thiên Đàng (x. Giăng 1:1-18; 3:11-12). Cụm từ "trên tất cả" lần thứ hai của câu khẳng định địa vị Chúa Giê-su cao trên tất cả tạo hóa. Không biết chắc chắn trong tiếng Hy-lạp, từ "tất cả" là danh từ giống đực hay giống cái, có nghĩa tất cả mọi người hay tất cả mọi vật. Cụm từ "trên tất cả" lần thứ hai bị mất trong một số nguyên bản tiếng Hy-lạp, Liên Hội Thánh Kinh không chắc chắn có nên để cụm từ này vào Kinh thánh hay không, nhưng họ cảm thấy quyết định để vô là đúng theo quan điểm "phê bình văn bản học"

NASB"người thuộc đất đến từ đất, và nói việc dưới đất"

NKJV"Người thuộc đất là thuộc thể, nói việc dưới đất".

NRSV"người từ đất thuộc trần thế và nói về việc trần thế.

TEV"người từ đất thuộc về trần thế và nói những điều thuộc trần thế.

NJB"người từ đất mang tính trần thế và nói theo cách trần thế".

Đây không phải là bình luận tiêu cực về Giăng, Từ "đất", "dưới đất", "trần thế" (*gē*), Giăng 12:32; 17:4; 1 Giăng 5:8, được dùng 76 lần trong Khải Huyền) khác với từ "thế giới", thế gian" (*kosmos*), thường mang ý nghĩa tiêu cực trong Giăng. Điều đơn giản ở đây là Chúa Giê-su nói điều mình biết, tức về Thiên Đàng, trong khi người trần gian nói điều họ biết, tức về trần thế. Đây là sự làm chứng rằng Chúa Giê-su vĩ đại hơn tất cả mọi tiên tri và giáo sĩ.(x Hê-bơ-rơ. 1:1-4).

3:32 "Ngài làm chứng những gì Ngài đã thấy và nghe, " Đây là cách chơi chữ cho các động từ (1) "đã và đang thấy" thì hoàn thành; (2) "đã nghe" thì quá khứ và (3) "làm chứng" thì hiện tại. Chúa Giê-su là mặc khải tuyệt đối của Đức Chúa Trời (x. 1 Cô-rin-tô. 8:6; Cô-lô-se 1:13-20; Hê-bơ-rơ. 1:2-3). Ngài phát ngôn từ (1) sự "trải nghiệm" với Đức Chúa Trời và (2) từ chính bản thân "Thần Đức" của mình.

▣ **"không ai tiếp nhận lời chứng của Ngài."** Đây là cách cường điệu hóa đồng phương, bởi trong Giăng 3:23-26 có nhiều người đến với Ngài. Câu này nói về Do-thái giáo nói chung, (x Giăng 3:11) chứ không về ngữ cảnh gần gũi

3:33 "Ai" Cụm từ này bày tỏ tình yêu phổ thông, vô hạn của Đức Chúa Trời cho nhân loại. Không có một hàng rào có thể ngăn cản Phúc Âm của Chúa. Mỗi cá nhân phải ăn năn và tin cậy. (Mác 1:15; Công vụ 20:21), nhưng lời mời gọi được gửi đến tất cả mọi người. (x. Giăng 1:12; 3:16-18; 4:42; 1 Ti-mô-thy. 2:4; Tit 2:11; 2 Phi-ê-rơ. 3:9; 1 Giăng 2:1; 4:14).

▣ **"tiếp nhận lời chứng của Ngài"** Câu 33 trong thể động tính từ quá khứ, còn Giăng 3:36 trong thể động tính từ hiện tại. Điều này có nghĩa rằng tin cậy sự cứu rỗi của Đức Chúa trời không chỉ giới hạn trong quyết định ban đầu, nhưng cả một cuộc đời làm môn đồ theo Chúa. Sự đòi hỏi tiếp nhận Chúa được nhắc hai lần trước đây, trong các câu Giăng 1:12 and 3:16-18. Hãy để ý sự phân đôi giữa tiếp nhận lời chứng (Giăng 3:33) và tiếp bước trong lời chứng (Giăng 3:36). Các thuật ngữ "tiếp nhận" và "đức tin" đều có hai nghĩa rộng trong Tân Ước:

1. tiếp nhận chúa và đồng hành với Chúa một cách cá nhân
2. tiếp nhận sự thật và tín lý của Phúc Âm (x. Jude, 3,20)

NASB"Ấn chứng rằng Đức Chúa Trời là thật"

NKJV, NRSV"chứng nhận Đức Chúa Trời là thật"

TEV"xác nhận bằng cách này Đức Chúa Trời chân thật"

NJB"Nhận thực rằng Đức Chúa Trời là thật"

Khi Cơ-đốc nhân đặt niềm tin trong Đấng Christ, họ xác nhận sứ điệp của Đức Chúa Trời về bản thân Ngài, về thế gian và về Con Độc Sanh là đúng. (x. Rom. 3:4). Đây là chủ đề lặp đi lặp lại trong Giăng.(x.

Giăng 3:33; 7:28; 8:26; 17:3; 1 Giăng 5:20). Chúa Giê-su là thật bởi Ngài là hiện thân tối hậu của Đức Chúa Trời thực hữu. (x. Giăng 3:7,14; 19:11).

Xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt: Động từ "Dấu Ấn" (quá khứ, chủ động, chỉ định)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DẤU ẤN

Một dấu ấn có thể là một cách người xưa dùng để thể hiện

1. sự thật (x. John 3:33)
2. quyền làm chủ (x. John 6:27; 2 Tim. 2:19; Rev. 7:2-3; 9:4)
3. bảo an, bảo vệ (x. Gen. 4:15; Matt. 27:66; Rom. 15:28; 2 Cor. 1:22; Eph. 1:13; 4:30)
4. dấu hiệu thực thể về một món quà mà Đức Chúa Trời hứa. (x. Ro-ma. 4:11 and 1 Cô-rin-tô 9:2)

Mục đích của dấu ấn trong Khải Huyền 7 là phân biệt người của Đức Chúa Trời để con thịnh nộ của Ngài không đụng đến họ. Dấu ấn của Sa-tan xác định những kẻ thuộc về hắn và là đối tượng của con thịnh nộ. Trong Khải Huyền, chữ "khổ nạn" (i.e., *thlipsis*) thường nói về sự bất bớ của người ngoại đạo đối với tín đồ, còn con thịnh nộ/ sự giận dữ (i.e., *orgē* or *thumos*) thường nói về sự phán xét của Đức Chúa Trời đối với kẻ bất tin. Để họ có thể ăn năn và quay trở lại với niềm tin trong Đấng Christ. Mục đích tích cực này được thấy trong sự giao ước nguyên rủa và phước hạnh trong Phục-truyền 27:28-30, Thi-thiên 1

3:34 "Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến thì rao truyền lời của Đức Chúa Trời" Đây là hai tuyên bố song song trong Giăng 3:34 về thẩm quyền của Chúa Giê-su từ Đức Chúa Trời

1. Đức Chúa Trời sai phái Ngài
2. Ngài trọn vẹn đầy rẫy thánh Linh

▣ **"Đức Chúa Trời ban Thánh Linh cho Ngài không giới hạn"** Trong nguyên bản tuyên bố này ở trong dạng phủ định, nhưng trong tiếng Anh người đọc cần nhìn trong dạng xác định cho rõ nghĩa. Có hai cách hiểu sự đầy rẫy Thánh Linh:

1. Chúa Giê-su ban sự đầy rẫy Thánh Linh cho tín nhân (x. Giăng 4:10-14; 7:37-39)
2. Sự đầy rẫy Thánh Linh là món quà Đức Chúa Trời ban cho Đấng Mê-si-a (x. Giăng 3:35)

Các thầy Ra-bithường dùng từ thuật "đong, đo" để mô tả mức độ linh cảm cho các tiên tri, họ cũng tin rằng không có một tiên tri nào được trọn vẹn đầy rẫy Thánh Linh. Vì vậy Chúa Giê-su cao trọng hơn các tiên tri (x. Heb. 1:1-2) và là mặc khải tối hậu của Đức Chúa Trời.

3:35 "Cha yêu thương Con" Điều xác nhận này lặp lại trong Giăng 5:20 and 17:23-26. Mọi liên hệ của Cơ-độc nhân với Đức Chúa Trời được đặt trên nền tảng tình yêu của Ngài đối với Đấng Mê-si-a (Đức Chúa Con độc đáo, x. Hê-bơ-rơ. 1:2; 3:5-6; 5:8; 7:28). Sau đây là một số lý do vì sao con người có thể tin cậy Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a

1. Ngài từ trên cao và ở trên cao hơn tất cả mọi người. (Giăng 3:31)
2. Ngài được Đức Chúa Trời sai đến với sứ mạng cứu rỗi (Giăng 3:34)
3. Bởi Đức Chúa Trời luôn ban cho Ngài sự đầy rẫy Thánh Linh (Giăng 3:34)
4. Bởi Đức Chúa Trời yêu Ngài (Giăng 3:35)
5. Bởi Đức Chúa Trời đặt mọi sự trong tay Ngài (Giăng 3:35)

Có một vài thuật ngữ Hy-lạp về "tình yêu" mô tả các mức độ khác nhau của liên hệ con người, nhưng *Agapaō* và *phileō* có thể trùng lặp. Cả hai đều được dùng để mô tả tình yêu của Đức Chúa Cha đối với Đức Chúa Con.

1. Giăng 3:35; 17:23,24,26 - *agapaō*
2. Giăng 5:20 - *phileō*

Dường như có sự khác biệt giữa các thuật ngữ này trong cuộc hội thoại với Phi-ê-rô trong Giăng 21:15-17. Xin hãy nhớ: "văn mạch, văn mạch, văn mạch", chứ không phải từ điển xác định ý nghĩa một thuật ngữ, .

▣ **"giao tất cả mọi sự trong tay Ngài"** Đây là động từ chỉ định chủ động hoàn thành, cũng là thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ cho thẩm quyền, quyền hạn trên người khác. (x., Giăng 10:28; 13:3; Công vụ 4:28; 13:11). Đây là một câu rất đáng được để ý và có nhiều câu tương tự trong Tân Ước (x. Giăng 17:2; Ma-thi-ơ. 11:27; 28:18; Ê-phê-sô. 1:20-22; Cô-lô-sê. 2:10; 1 Phi-e-rô. 3:22).

3:36

NASB "Ai tin Con có sự sống đời đời, nhưng ai không vâng phục Con sẽ không thấy sự sống"

NKJV "Ai tin Con có sự sống vĩnh hằng, và ai không tin con sẽ không thấy sự sống"

NRSV "Bất cứ ai tin Con có sự sống đời đời, bất cứ ai không tin Con đều sẽ không thấy sự sống"

TEV "Bất cứ ai tin Con có cuộc sống đời đời, bất cứ ai không tin đều sẽ không có sự sống"

NJB "Ai tin Con có sự sống đời đời, nhưng ai từ chối không tin Con sẽ không thấy sự sống"

Những động từ ở đây thuộc dạng chủ động hiện tại, nói lên hành động liên tục. Đức tin đi xa hơn một quyết định theo Chúa ban đầu, bất kể quyết định ấy mang tính chất thuộc linh và cảm tính đến đâu. (x. Ma-thi-ơ. 13:20). Câu này khẳng định một người không thể nhận biết Đức Chúa Trời mà không nhận biết Chúa Giê-su (x. Giăng 12:44-50 and 1 Giăng 5:10). Sự Cứu rỗi đến qua mỗi thông công liên tục với Giê-su Đức Chúa Con (x. Giăng 10:1-18; 14:6).

Thì hiện tại trong ngữ pháp không những nói về hành động đang tiếp tục xảy ra, nhưng còn về thực chất của sự cứu rỗi. Đây là những gì mà Cơ-độc nhân đang có nhưng chưa có trọn vẹn. Đây lại là Nhi-nguyên luận của ngữ cảnh "đang có" và "chưa có hết" của hai thời đại. Xin tham khảo Chủ Đề Đặc Biệt "Thời Đại Này và Thời Đại Sẽ Đến" ở 1 Giăng 2:17) và Chủ Đề Đặc Biệt: "Thì của động từ được dùng trong sự Cứu Rỗi" ở Giăng 9:7.

Điều thú vị có thể thấy là sự đối kháng giữa "tin" và "vâng phục" trong câu này. Phúc Âm không chỉ hướng về về Nhân Vật và Sự Thật đáng tin, nhưng về cuộc sống mà chúng ta sẽ sống (bởi tin Nhân Vật và Sự Thật ấy) (x. Lu-ca 6:46; Ê-phê-sô. 2:8-10).

▣ **"Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người ấy"** Đây là câu duy nhất trong Phúc Âm Giăng, (trừ 5 lần được viết trong Khải Huyền, trong đó thuật ngữ "thịnh nộ" (*orgē*) được dùng. Khái niệm cơn thịnh nộ khá phổ biến và có liên hệ với thuật ngữ "phán xét". Động từ "ở trên" trong dạng chỉ định, chủ động. "Tin", "vâng phục", "thịnh nộ là những thực tại liên tục tiếp nối từ nay cho đến tương lai. Đây cũng mô tả tình trạng giăng co tồn tại giữa "đang có" và "chưa có hết" của Vương Quốc Đức Chúa Trời. Xin tham khảo thảo luận về "Cơn Thịnh Nộ của Đức Chúa Trời" ở Rô-ma 1:18-30.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Có bao nhiêu sứ điệp của Chúa Giê-su giống sứ điệp của Giăng Báp-tít?
2. Phép báp-tem của Giăng có giống báp-tem của Cơ-độc nhân ngày nay không?
3. Vì sao lời của giăng Báp-tít được nhấn mạnh trong các câu mở đầu chương?
4. Hãy mô tả và phân loại về những khác biệt giữa Giăng Báp-tít và Chúa Giê-su, được thấy trong Phúc Âm Giăng?

5. Thuật ngữ “tiếp nhận trong Giăng 3:33 liên hệ đến “tin” trong Giăng 3:36 như thế nào? Thuật ngữ “không vắng phục” liên hệ như thế nào trong cuộc tranh luận này?
6. Hãy liệt kê số nguyên nhân vì sao mọi người nên tin cậy vào Chúa Giê-su là hy vọng duy nhất cho sự cứu rỗi? (câu 31-36)
7. Hãy giải thích thuật ngữ “con thịnh nộ” trong câu 36 trong thì hiện tại của động từ

GIẢNG 4
CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chúa Giê-su và người đàn bà Sa-ma-ri	Người đàn bà Sa-ma-ri gặp Đấng Mê-si-a	Chúa Giê-su và người Sa-ma-ri	Chúa Giê-su và người Sa-ma-ri	Chúa Giê-su giữa người Sa-ma-ri
4:1-6	4:1-26	4:1-6	4:1-4 4:5-6	4:1-10
4:7-15		4:7-15	4:7-8 4:9 4:10 4:11-12 4:13-14 4:15	4:11-14 4:15-24
4:16-26		4:16-26	4:16 4:17a 4:17b-18 4:19-20 4:21-24 4:25	4:25-26
	Cánh đồng chín vàng		4:26	
4:27-30	4:27-38	4:27-30	4:27 4:28-30	4:27-30
4:31-38		4:31-38	4:31 4:32 4:33	4:31-38
	Cứu Chúa của thế gian		4:34-38	
4:39-42	4:39-42	4:39-42	4:39-40 4:41-42	4:39-42
Chữa lành con quan chức	Đón tiếp ở Ga-li-lê	Chúa Giê-su và người ngoại	Chúa chữa lành con quan chức	Chúa Giê-su ở Ga-li-lê
4:43-45	4:43-45 ộ	4:43-45 ộ	4:43-45 ộ	4:43-45 ộ

4:46-54	4:46-54	4:46-54	4:46-48	4:46-53
			4:49	
			4:50-51	
			4:52-53	
			4:54	4:54

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

13. Phân đoạn 1
14. Phân đoạn 2
15. Phân đoạn 3
16. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 1-54

- A. Cấu trúc văn học có chủ đích trong chương 3 và 4
 1. Cục đoạn “tôn giáo” (Ni-cô-đem) và “xã hội ruồng bỏ” (người đàn bà Sa-ma-ri)
 2. Do-thái giáo từ Giê-ru-sa-lem (chính thống) và Do-thái giáo từ Samari (dị giáo)
- B. Sự thật về con người và công việc của Chúa Giê-su tiếp tục được bày tỏ qua
 1. hội thoại với người đàn bà tại giếng nước (Giăng 4:1-26);
 2. hội thoại với các môn đồ (Giăng 4:27-38);
 3. lời chứng bởi người dân làng Sa-ma-ri (Giăng 4:39-42);
 4. sự tiếp nhận bởi người Ga-li-lê (Giăng 4:43-45);
 5. quyền năng của Chúa Giê-su qua dầu và phép lạ chữa bệnh, Giăng 4:46-54.

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍNH RRV2011) GIĂNG 4:1-6

¹Khi Đức Chúa Jêsus biết được người Pha-ri-si có nghe nói Ngài thu nhận và làm báp-têm nhiều môn đồ hơn Giăng, ²(Thật ra không phải chính Đức Chúa Jêsus làm báp-têm, nhưng là các môn đồ của Ngài), ³thì Ngài rời miền Giu-đê trở về miền Ga-li-lê. ⁴Nhưng Ngài phải đi ngang qua vùng Sa-ma-ri. ⁵Vậy, Ngài đến một thành của vùng Sa-ma-ri, gọi là Si-kha, gần cánh đồng mà Gia-cốp đã cho con mình là Giô-sép. ⁶Tại đó có cái giếng Gia-cốp. Vì đi đường mệt mỏi, nên Đức Chúa Jêsus ngồi lại bên giếng. Lúc ấy vào khoảng mười hai giờ trưa.

4:1 "Chúa" Giăng, sau này được linh cảm bởi Thánh Linh khi nhớ lại sự kiện này đã bắt đầu sử dụng cụm từ "Chúa" và "Giê-su" để mô tả Một Nhân Vật.

Một vài văn bản tiếng Hy-lạp có chữ "Giê-su" xuất hiện hai lần trong Giăng 4:1 (i.e., κ , D, NRSV, NJB, REB), chữ "Chúa" có trong MSS P^{66,75}, A, B, C, L (NASB, NKJV). Tuy nhiên, trong cả những văn bản tốt nhất, xuất hiện cụm chữ "Chúa Giê-su", thay vì chỉ có chữ "Chúa". Liên Hội Thánh Kinh UBS⁴ xếp hạng "C" cho cụm từ này, có nghĩa là khó quyết định.

▣ **"những người Pha-ri-si"** See Chủ Đề Đặc Biệt ở Giăng 1:24.

▣ **"có nghe nói Ngài thu nhận và làm báp-têm nhiều môn đồ hơn Giăng"** Chúa Giê-su rời vùng này bởi có tiềm năng mâu thuẫn giữa môn đồ của Chúa và của Giăng Báp-tít, được kích động bởi nhóm Pha-ri-si. Các Phúc Âm Đồng Quan cho biết Chúa rời vùng này vì Vua Hê-rốt đã bắt bỏ tù Giăng (x. Ma-thi-ơ. 4:12; Mác 1:14; Lu-ca 3:20).

4:2 "Thật ra không phải chính Đức Chúa Jêsus làm báp-têm" Đây không phải là lời gièm pha phép báp-tem, (x. M-a-thi-ơ. 28:19; Công vụ 2:38; 8:12; 16:33; 22:16), nhưng xác nhận tính vị kỷ của con người (ví dụ về cuộc tranh luận: "tôi được báp tem bởi Chúa Giê-su" hoặc Phao-lô x. 1 Cô-rin-tô. 1:17). Thực ra, Chúa Giê-su cũng đã làm phép báp-tem trong giai đoạn đầu của công vụ (x. Giăng 3:22), nhưng sau đó dừng lại. Ở đây Giăng đính chính lời tuyên bố sai trật của nhóm Pha-ri-si.

4:3 "Ngài rời miền Giu-đê trở về miền Ga-li-lê", Cả hai động từ "rời" và "trở về", đều trong thể chỉ định chủ động quá khứ, nhấn mạnh việc Chúa Giê-su di chuyển địa điểm.

4:4 "Ngài phải đi ngang qua vùng Sa-ma-ri" Động từ "phải" trong tiếng Hy-lạp là *dei*, được dùng vài lần trong ngữ cảnh ở đây (x. Giăng 3:7,14,30). Có thể được dịch là "bị bắt buộc" hoặc "cần phải". Có một chủ ý thiêng liêng cho chặng đường này. Sử gia Josephus cho biết đây là chặng đường ngắn nhất, nhưng người Do-thái ghét người Sa-ma-ri đến mức cố tình không đi ngang qua vùng đất này, cho rằng người Sa-ma-ri thuộc hạng "nửa-đạo"

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TỆ PHÂN BIỆT CHUNG TỘC

I. Giới thiệu

- A. Đây là một biểu lộ phổ biến của nhân loại sa ngã trong mọi xã hội. Đây là cái tôi ích kỷ của con người, đàn áp người khác để tôn cao mình lên. Ở nhiều phương diện, phân biệt chủng tộc là một hiện tượng hiện đại, trong khi tinh thần chủ nghĩa dân tộc (hay chủ nghĩa bộ tộc) là dạng thể hiện xa xưa hơn.
- B. Chủ nghĩa dân tộc bắt đầu tại tháp Ba-bên (Sáng-thế-ký 11) và bắt nguồn từ ba con trai của Nô-ê nơi mà các chủng tộc phát triển (Sáng-thế-ký 10). Tuy nhiên, điều hiển nhiên từ Kinh thánh cho thấy con người từ chung một nguồn gốc (tức là A-đam và Ê-va, tạo vật đặc biệt của Đức Chúa Trời, Sáng-thế-ký 1-3; Công-vụ 17:24-26).
- C. Phân biệt chủng tộc chỉ là một trong vô số nhiều thành kiến như (1) hạm hĩnh kiến thức; (2) khoe khoang tình trạng xã hội-kinh tế; (3) tính theo luật pháp tôn giáo tự xưng công bình; và (4) những liên kết chính trị theo tín lý.

II. Tư liệu Kinh thánh

A. Cự ước

1. Sáng-thế-ký 1:27 - Con người, người nam, người nữ được tạo dựng trong ảnh tượng giống Chúa, là điều làm cho họ đặc biệt. Điều đó cũng cho thấy giá trị và phẩm cách cá nhân của con người (Giăng 3:16).
2. Sáng-thế-ký 1:11-25 - Cụm từ "tùy theo loại..." được lặp đi lặp lại 10 lần. Điều này được sử dụng để hậu thuẫn cho sự phân chia chủng tộc. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này rõ ràng điều này chỉ các thú vật và cây cỏ chứ không nói đến con người.
Sáng-thế-ký 9:18-27 - Phân đoạn này được dùng để ủng hộ sự đàn áp chủng tộc. Phải nhớ rằng

Đức Chúa Trời không nguyên rửa Canaan. Cha của anh là Nô-ê, đã nguyên rửa anh sau khi tỉnh dậy từ cơn say. Kinh thánh chưa bao giờ ghi rằng Đức Chúa Trời xác nhận lời nguyên rửa/thề nguyên này. Ngay cả nếu Chúa có làm điều đó, thì cũng không ảnh hưởng gì đến chủng tộc da màu. Canaan là tổ của những người sống ở vùng Pa-lét-tin và theo những bức tường chạm trổ của người Ê-díp-tô cho thấy họ không phải là người da đen.

4. Giô-suê 9:23 - Câu này dùng để chứng minh rằng chủng tộc này sẽ làm nô lệ cho chủng tộc kia. Tuy nhiên, người Ga-ba-ôn có cùng nguồn gốc với người Do thái.
5. Ê-xơ-ra 9-10 và Nê-hê-mi 13 - Những đoạn này thường được dùng trong ý nghĩa chủng tộc, nhưng ngữ cảnh này cho thấy các hôn nhân này bị nguyên rửa, không phải bởi vì khác chủng tộc (họ cùng là con cái của con trai Nô-ê, Sáng-thế-ký 10), nhưng vì lý do tôn giáo.

B. Tân ước

1. Các sách Phúc âm

- a. Chúa Jê-sus sử dụng vấn đề thù hận giữa dân Do thái và Sa-ma-ri một vài lần, cho thấy vấn đề thù hận chủng tộc là không xứng hiệp.
 - (1) Câu chuyện Người Sa-ma-ri nhân lành (Lu-ca 10:25-37)
 - (2) Người đàn bà bên giếng (Giăng 4:4)
 - (3) Người cùi biết ơn (Lu-ca 17:7-19)
- b. Phúc âm dành cho tất cả mọi người
 - (1) Giăng 3:16
 - (2) Lu-ca 24:46-47
 - (3) Hê-bơ-rơ 2:9
 - (4) Khải huyền 14:6
- c. Vương quốc của Chúa bao gồm toàn thể nhân loại
 - (1) Lu-ca 13:29
 - (2) Khải huyền 5

2. Công-vụ

- a. Công-vụ 10 là phân đoạn nền tảng về tình yêu hoàn vũ của Đức Chúa Trời và sứ điệp hoàn vũ của Phúc âm.
- b. Phi-e-rơ bị công kích vì hành động của ông trong Công-vụ 11 và vấn đề này không được giải quyết mãi cho đến Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15. Sự giằng co giữa những người Do thái thế kỷ thứ nhất và người ngoại tin đạo rất lớn.

3. Phao lô

- a. Không có một rào cản nào trong Đấng Christ
 - (1) Ga-la-ti 3:26-28
 - (2) Ê-phê-sô 2:11-22
 - (3) Cô-lô-se 3:11
- b. Đức Chúa Trời không vị nể ai
- c. Rô-ma 2:11
- d. Ê-phê-sô 6:9

4. Phi-e-rơ và Gia-cơ

- a. Đức Chúa Trời không vị nể ai, I Phi-e-rơ 1:17
- b. Bởi vì Chúa không thiên vị, con dân Chúa cũng phải nên như vậy, Gia-cơ 2:1

5. Giăng

- a. Một trong những câu nói mạnh mẽ nhất về trách nhiệm của các tín nhân là trong I Giăng 4:20

III. Kết luận

- A. Phân biệt chủng tộc hay các loại thành kiến, đều hoàn toàn không xứng hiệp với con cái Chúa. Sau đây là câu trích từ Henlee Barnette, người đã phát biểu tại một diễn đàn ở Glorieta, New Mexico trong Hội đồng Đời sống Cơ Đốc Nhân (Christian Life Commission) năm 1964: “Phân biệt chủng tộc là tà giáo, bởi vì nó không đúng với Kinh thánh, không phải là tính cách Cơ đốc nhân, đừng nói chi đến việc nó trái với khoa học.”
- B. Vấn đề này cho các Cơ đốc nhân dịp tiện bày tỏ tình yêu giống Đấng Christ, sự tha thứ và cảm thông cho một thế giới hư mất. Sự khước từ của Cơ đốc nhân trong lãnh vực này cho thấy sự không trưởng thành và là dịp cho ma quỷ ngăn cản bước tiến trong đức tin của các tín nhân, sự xác tín, và sự trưởng thành. Nó cũng có thể làm rào cản cho những người hư mất không thể đến với Đấng Christ được.

Tôi phải làm gì?

(Phần này trích từ truyền đơn của Christian Life Commission có tựa là “Liên hệ Chúng tộc”)

TRÊN PHƯƠNG DIỆN CÁ NHÂN

- ★ Tự nhận trách nhiệm giải quyết vấn đề liên quan đến chủng tộc
- ★ Qua sự cầu nguyện, học Kinh thánh, và thông công với những người khác chủng tộc, cố gắng loại bỏ khỏi đời sống những thành kiến về chủng tộc
- ★ Bày tỏ niềm tin của bạn về vấn đề chủng tộc, đặc biệt là ở những nơi mà những người khích động sự hiềm thù chủng tộc không bị chắt vắn.

TRONG CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH

- ★ Nhận ra tầm quan trọng của ảnh hưởng gia đình trong sự hình thành những thái độ về chủng tộc khác
- ★ Tìm cách phát triển cách nhìn Cơ đốc bằng việc nói về những điều con cái hay cha mẹ nghe biết về vấn đề chủng tộc ở bên ngoài
- ★ Cha mẹ nên cẩn thận làm gương một tín đồ Cơ đốc khi tiếp xúc với những người khác chủng tộc
- ★ Tìm dịp làm thân với những người khác chủng tộc

TRONG HỘI THÁNH

- ★ Bằng cách nghe giảng dạy về các lẽ thật Kinh thánh về vấn đề chủng tộc, Hội thánh được khích lệ sống làm gương cho cả cộng đồng.
- ★ Cần bảo đảm rằng sự thờ phượng, thông công, phục vụ trong nhà thờ được mở ra cho tất cả mọi người, ngay cả những Hội thánh thời Tân ước cũng không thấy những rào cản chủng tộc nào (Ê-phê-sô 2:11-22; Ga-la-ti 3:26-29).

TRONG CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY

- ★ Giúp vượt qua tất cả những phân biệt chủng tộc trong thế giới doanh nghiệp
- ★ Làm việc qua các tổ chức cộng đồng đủ loại để bảo đảm quyền lợi và cơ hội công bằng cho mọi người, nên nhớ mục tiêu tấn công là vấn đề chủng tộc chứ không phải con người. Mục tiêu là cổ vũ sự hiểu biết chứ không phải sự cay cú.
- ★ Nếu thấy thích hợp, hãy thành lập một ủy ban đặc biệt gồm những công dân có quan tâm với mục đích mở ra những phương tiện truyền thông trong cộng đồng để giáo dục quần chúng và có những hành động cụ thể để cải tiến vấn đề phân biệt chủng tộc.
- ★ Ủng hộ các hiến pháp và những nhà lập hiến muốn thông qua luật cải tiến sự công bằng chủng tộc và chống lại những người khai thác sự thành kiến này cho những lợi ích chính trị.
- ★ Khen ngợi các nhân viên thi hành công vụ khi thi hành luật mà không có sự phân biệt
- ★ Tránh bạo động, đề xướng sự tôn trọng luật, làm mọi việc có thể làm được như một công dân Cơ đốc để bảo đảm những cấu trúc luật pháp không trở thành công cụ trong tay những người muốn đẩy mạnh sự phân biệt chủng tộc.
- ★ Làm gương về tinh thần và tâm trí của Đấng Christ trong mọi giao tiếp với con người.

▣ **"qua vùng Sa-ma-ri"** Giữa người Sa-ma-ri và Do-thái tồn tại một sự thù hận lớn, bắt đầu từ thế kỷ thứ tám năm 722 T.C.N. Khi đó, thủ đô của mười bộ tộc Do-thái phương bắc là Sa-ma-ri bị đánh chiếm bởi A-sy-ri. Người Do-thái bị bắt đi đày sang xứ Mê-di (x. 2 Các vua. 17:6). Một nhóm người khác được đưa đến định cư ở vùng này - miền bắc xứ Pa-lét-xtin (x. 2 Các vua. 17:24). Qua nhiều năm, những người ngoại lập gia đình với người Do-thái còn sót lại. Người Do-thái coi những người sống ở Sa-ma-ri là dân nửa-đạo và dị giáo. (x. Ezra 4:1-4). Đây là gương cảnh cho Giăng 4:9.

4:5 " một thành của vùng Sa-ma-ri, gọi là Si-kha, gần cánh đồng mà Gia-cốp đã cho con mình là Giô-sép." (x. Gen. 33:18, 19; Jos. 24:32). Nhiều người cho rằng Si-Kha là Sê-khem, tuy không được khẳng định bởi Tân Ước.

4:6 "có cái giếng Gia-cốp" Đây là một cái giếng đào, sâu 30 mét, không có nước mạch mà chỉ có nước đọng, ứng tụ từ các cơn mưa. Cựu Ước không nói về giếng Gia-cốp, nhưng tên giếng liên hệ theo truyền thống đến vị tiên bói này..

▣ **"Vì đi đường mệt mỏi nên Chúa Giê-su..."** Chúng ta thấy sự mệt mỏi thể hiện nhân tính của Chúa Giê-su (x. Luke 2:52). Nhưng Chúa không bao giờ quá mệt mỏi để từ chối sự yêu thương đối với mọi người.

NASB, NKJV,

JB "Lúc đó khoảng sáu giờ"

NRSV, TEV "lúc đó khoảng giữa trưa"

Có những tranh luận về cách tính thời gian trong Phúc Âm Giảng. Có thể là theo Do-thái (bắt đầu ngày lúc 6 giờ sáng) hay theo La-mã (bắt đầu ngày lúc nửa đêm). Vì vậy Chúa Giê-su đến giếng nước rất sớm (khoảng 6 giờ sáng).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) GIẢNG 4:7-14

⁷Một phụ nữ Sa-ma-ri đến múc nước. Đức Chúa Jê-sus nói với bà: "Cho Ta xin nước uống."⁸Lúc ấy, các môn đồ Ngài đã đi ra phố mua thức ăn. ⁹Người phụ nữ Sa-ma-ri nói: "Sao ông là một người Do Thái mà lại xin tôi, một phụ nữ Sa-ma-ri, cho uống nước?" (Vì người Do Thái vốn không giao tiếp với người Sa-ma-ri.) ¹⁰Đức Chúa Jê-sus đáp: "Nếu chị biết quà tặng của Đức Chúa Trời, và Người đang nói với chị: 'Cho Ta xin nước uống' là ai thì chắc chắn chị sẽ nài xin Người, và Người sẽ cho chị nước sống."¹¹Người phụ nữ nói: "Thưa ông, ông không có gàu múc, mà giếng thì sâu, vậy ông lấy đâu ra nước sống ấy?" ¹²Tổ phụ chúng tôi là Gia-cốp đã cho chúng tôi giếng này; chính Gia-cốp, các con và bầy gia súc của người đều uống ở giếng này, vậy ông lớn hơn Gia-cốp sao?" ¹³Đức Chúa Jê-sus đáp: "Ai uống nước này sẽ còn khát mãi, ¹⁴nhưng ai uống nước Ta sẽ cho thì không bao giờ khát nữa. Nước Ta cho sẽ trở thành một mạch nước trong người ấy, tuôn trào đến tận sự sống đời đời"

4:7 "⁷Một phụ nữ Sa-ma-ri đến " Người phụ nữ này một mình đi đến giếng nước ở một khoảng cách khá xa, trong thời điểm bất thường, bởi bản thân nằm trong địa vị thấp hèn trong xã hội.

▣ **"Cho Ta xin nước uống"** "Cho Ta" - Đây là mệnh lệnh thức, chủ động, thời quá khứ, mang trọng lượng của sự khẩn thiết.

4:8 Câu này dàn bối cảnh cho cuộc hội thoại của Chúa với người phụ nữ ngoại giáo, bị xã hội ruồng bỏ. Đây cũng là lời giải thích thêm của Giảng.

4:9 "Sao ông là một người Do Thái mà lại xin tôi, một phụ nữ Sa-ma-ri, cho uống nước". Người Do-thái không được phép uống nước từ một xô cùng với người Sa-ma-ri. (x. phong tục Do-thái dựa trên Lê-vi-ký 15). Chúa Giê-su bỏ qua sự ngăn trở giữa hai nền văn hóa bằng cách: (1) nói chuyện với người Sa-ma-ri và (2) nói chuyện với người phụ nữ nơi công cộng.

▣ **"(Vì người Do Thái vốn không giao tiếp với người Sa-ma-ri.)"** Đây lại là một ví dụ về lời giải thích thêm thường có trong Giảng. theo phiên bản (NASB, NRSV), Câu này không có trong bản tiếng Hy-lạp MSS \aleph^* and D, nhưng có mặt trong bản P^{63,66,75,76}, \aleph^1 , A, B, C, L. Liên Hội Thánh Kinh UBS⁴ xếp hạng "A" cho sự có mặt câu này ở mức độ chắc chắn.

4:10 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng hai, còn được gọi là "trái ngược với thực tế". Dùng một giả thiết không thực để nhấn mạnh một kết luận sai trái ("Nếu" chị biết được ... mạch dầu thực tế chị không biết).

Đây là nơi duy nhất chữ "quà tặng" được dùng trong Phúc Âm Giảng, ám chỉ Chúa Giê-su là món quà của Đức Chúa Trời (x. Giảng 3:16) là Đấng ban cho sự sống đời đời. Trong Giảng 7:38-39 and Công vụ, món quà được sử dụng nói về sự ban cho Thánh Linh (x. Công vụ 2:38; 8:20; 10:45; 11:17). Trọng tâm là Ân điển của Đức Chúa Trời bày tỏ trong Đấng Christ và Thánh Linh mà loài người bản thân không xứng đáng được nhận.

▣ **"nước sống"** Từ ngữ này có ẩn ý từ bối cảnh Cựu Ước. (x. Thi-thiên. 36:9; Ê-sa. 12:3; 44:3; Giê-rê-mi. 2:13; 17:13; Xa-cha-ri 14:8). Chúa Giê-su dùng từ "nước sống" đồng nghĩa với "sự sống tâm linh". Nhưng

người phụ nữ Sa-ma-ri lại nghĩ rằng Chúa đang nói về nước mạch, thay vì nước đọng, ứng tụ từ cơn mưa trong giếng. Điều khá phổ biến là Chúa Giê-su thường xuyên bị hiểu lầm, ở đây cũng như ở trong trường hợp Ni-cô-đem. Người thuộc thế gian, không thể hiểu thực tại thiên thượng. (qua sứ điệp của Chúa Giê-su).

4:11 "Ngài" Từ trong tiếng Hy-lạp là *kurios*, đến từ gốc là *kurie*. Có thể dùng khi thưa gửi, chào hỏi: “ngài” hoặc trong thần học là “Chúa”, với tư cách “Thần Đức” như trong Giăng 4:1 and Rô-ma. 10:13. Ở đây chắc mang ý nghĩa “ngài”.

4:12 "vậy ông lớn hơn Gia-cốp sao?" Theo ngữ pháp, câu trả lời phải là “không”. Đây là lời mang tính chất châm biếm, mỉa mai.. Người phụ nữ Sa-ma-ri tự hào về tổ tiên của mình thông qua Ê-phơ-ra-im và Ma-na-se tới Gia-cốp. Sự siêu việt của Chúa Giê-su vượt trên tổ tiên là điều Ngài muốn nói tới!

Cuộc hội thoại này liên hệ tới hai chủ đề thần học:

1. Tình thương của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su đối với người bị xã hội ruồng bỏ (ví dụ, phụ nữ, người Sa-ma-ri)
2. Chúa Giê-su cao trọng hơn Do-thái giáo và niềm hãnh diện chủng tộc

4:13-14 "nhưng ai uống nước Ta sẽ cho thì không bao giờ khát nữa" Câu này gợi ý đến Đấng Mê-si-a, (x. Ê-sai. 12:3; 48:21; 49:10). Nó được cấu trúc với đôi từ phủ định: "không" và "khát", đồng thời cũng có sự chơi chữ với các thì của động từ: Ở đây là động tính từ hiện tại (4:13) với ý nghĩa "uống và uống nữa", so với "lời cầu khẩn" chủ động thì quá khứ (4:14), với ý nghĩa chỉ uống một lần.

4:14 "một mạch nước ... tuôn trào đến tận sự sống đời đời". "tuôn trào" - Đây là tính động từ hiện tại, có nghĩa "liên tục tuôn trào" (x. Isa. 58:11 and Giăng 7:38). Đối với người sống vùng sa mạc, nước là biểu tượng của sự sống và nguồn cung ứng của Đức Chúa Trời.

NASB (HIỆU ĐÍCH RVV2011) GIĂNG 4:15-26

¹⁵Người phụ nữ nói: “Thưa ông, xin cho tôi nước ấy, để tôi không còn khát và khỏi đến đây múc nước nữa.”

¹⁶Ngài bảo: “Hãy đi gọi chồng chị, rồi trở lại đây.” ¹⁷Người phụ nữ thưa: “Tôi không có chồng.” Đức Chúa Jê-sus nói: “Chị bảo rằng chị không có chồng là phải, ¹⁸vì chị đã có năm đời chồng, còn người mà chị hiện có không phải là chồng chị; điều này chị đã nói thật.” ¹⁹Người phụ nữ nói: “Thưa ông, tôi nhận biết ông là một nhà tiên tri. ²⁰Tổ phụ chúng tôi thờ phượng trên núi này, còn các ông thì nói rằng thành Giê-ru-sa-lem mới là chỗ đáng thờ phượng.” ²¹Đức Chúa Jê-sus đáp: “Này, người phụ nữ kia, hãy tin Ta, giờ sắp đến, các ngươi không còn thờ phượng Cha trên núi này hay tại thành Giê-ru-sa-lem nữa. ²²Các ngươi thờ phượng Đấng các ngươi không biết, còn chúng ta thờ phượng Đấng chúng ta biết, vì sự cứu rỗi đến từ người Do Thái. ²³Giờ sắp đến và đã đến rồi, khi những người thờ phượng chân thật sẽ thờ phượng Cha bằng tâm linh và chân lý; ấy là những người thờ phượng mà Cha tìm kiếm. ²⁴Đức Chúa Trời là thần linh, nên những người thờ phượng Ngài phải thờ phượng bằng tâm linh và chân lý.” ²⁵Người phụ nữ thưa: “Tôi biết rằng Đấng Mê-si-a (nghĩa là Đấng Christ) sẽ đến. Khi Ngài đến, Ngài sẽ công bố cho chúng tôi mọi điều.” ²⁶Đức Chúa Jê-sus phán: “Ta, người đang nói với chị đây, chính là Đấng đó.”

4:15 Người phụ nữ này, cũng như Ni-cô-đem, hiểu biết về Chúa Giê-su một cách thuộc thế, Các môn đồ cũng không khá gì hơn. Họ thường hiểu lầm Chúa bởi ngôn ngữ ẩn dụ của Ngài (x. Giăng 4:31-33; 11:11-13).

4:16 Liên Hội thánh Kinh UBS⁴ không nhắc đến khả năng cụm từ "Chúa Giê-su" được thêm vô, (x. NKJV, NRSV, NJB, REB). Phiên bản Kinh thánh NET cho thấy bằng chứng của sự thêm vô, (p. 1903, i.e., MSS^{*c}, A, C², D, L, and W, nhưng cụm từ này không được thấy trong bản MSS P^{66,75}, B, C). Các nhà sao chép thường có xu hướng làm cho văn bản sáng ý dễ theo hơn.

▣ **"Hãy đi, gọi"** Đây là mệnh lệnh thức "hãy đi" (chủ động thì hiện tại), được tiếp nối bởi mệnh lệnh thức "gọi" (chủ động thì quá khứ).

4:17 "Tôi không có chồng" Tội lỗi cần phải được phơi bày. Chúa Giê-su không xem nhẹ tội lỗi và cũng không phán xét người mắc tội.

4:18 "chị đã có năm đời chồng" Chúa Giê-su sử dụng kiến thức siêu nhiên để đưa người phụ nữ từ thế giới thuộc thể tới thế giới thuộc linh. (x. Giảng 1:48).

4:19 "Tôi nhận biết ông là nhà tiên tri" người phụ nữ chưa hiểu ra sự thật về Đấng Mê-si-a, nàng che đậy mối liên hệ của mình bằng vài lời tán tụng. (giống trường hợp của Ni-cô-đem, Giảng 3:2). Một số nhà giải kinh thấy dẫn chứng về Đấng Mê-si-a từ Phục truyền 18:15-22.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG CỤU ƯỚC

I. LỜI GIỚI THIỆU

A. Định kiến ban đầu

1. Cộng đồng Cơ-đốc nhân không thống nhất trong cách giải nghĩa tiên tri. Có những sự thật được xác nhận một cách chính thống, nhưng giải nghĩa tiên tri không được như vậy
2. Tồn tại một vài giai đoạn tiên tri như:
 - a trước thời quân chủ (các vua)
 - (1) có những cá nhân được gọi là tiên tri
 - (a) Áp-ra-ham – Sáng thế. 20:7
 - (b) Mô-sê – Dân-số. 12:6-8; Deut. 18:15; 34:10
 - (c) A-ron – Xuất. 7:1 (phát ngôn viên cho Mô-sê)
 - (d) Mi-ri-am – Xuất. 15:20
 - (e) Me-đa và and En-đa – Num. 11:24-30
 - (f) Đê-bô-ra – Quan xét. 4:4
 - (g) vô danh – Quan xét. 6:7-10
 - (h) Sa-mu-en – 1 Sam. 3:20
 - (2) các tiên tri thuộc nhóm – Phục truyền. 13:1-5; 18:20-22
 - (3) nhóm, hội tiên tri – 1 Sam. 10:5-13; 19:20; 1 Các vua. 20:35,41; 22:6,10-13; 2 Các vua. 2:3,7; 4:1,38; 5:22; 6:1, etc.
 - (4) Đấng Mê-si-a được gọi là tiên tri – Phục Truyền. 18:15-18
 - b tiên tri phát ngôn thời quân chủ (tuy không viết sách, nhưng tuyên cáo cho các vua):
 - (1) Gad – 1 Sam. 22:5; 2 Sam. 24:11; I Chr. 29:29
 - (2) Na-than – 2 Sam. 7:2; 12:25; 1 Các vua. 1:22
 - (3) A-hi-gia – 1 Các vua. 11:29
 - (4) Je-hu – 1 Các vua. 16:1,7,12
 - (5) vô danh – 1 Các vua. 18:4,13; 20:13,22
 - (6) E-li-gia – 1 Các vua 18 - 2 Các vua 2
 - (7) Mi-cai-a – 1 Các vua 22
 - (8) E-li-sa – 2 Các vua. 2:9,12-13
 - c tiên tri viết sách thời quân chủ : Ê-sai – Ma-la-chi (ngoại trừ Đa-nhiên) (vừa viết sách tiên tri vừa tuyên cáo cho dân tộc và các vua)

B. Tiên tri theo định nghĩa Kinh Thánh

1. *Ro'eh* = "nhà tiên kiến"(seer) (BDB 906), 1 Sam. 9:9. Từ vựng này có nguồn gốc "nabi". "Ro'eh" có ý nghĩa là "nhìn thấy". Người này hiểu biết được đường lối và chương trình của Đức Chúa Trời và tham vấn mọi người trong từng trường hợp.
2. *Hozeh* = "Nhà tiên kiến" (seer) (BDB 302), 2 Sam. 24:11. Căn bản là từ đồng nghĩa với "Ro'eh", cũng có ý nghĩa "nhìn thấy". Đây là động tính từ, thường gọi ý công việc của nhà tiên tri: "nhìn xem".
3. Nhà tiên tri là phát ngôn viên của Đức Chúa Trời cho dân sự của Ngài.
4. Cả ba thuật ngữ trên cùng được sử dụng trong một câu KT, nói về chức vụ tiên tri của: Sa-mu-en –

Ro'eh; Na-than – Nabi' and Gad – Hozeh. 1 (x. Chr. 29:29)

5. Cụm từ, *'ish ha – 'elohim*, "Người của Đức Chúa Trời" cũng nói về phát ngôn viên của Chúa, được sử dụng 76 lần trong Cựu Ước.
6. Thuật ngữ tiếng Anh "prophet" có nguồn gốc trong tiếng Hy-lạp (1) *pro* = "trước" hoặc "cho" and (2) *phemi* = "nói." Tiên tri là người "nói trước" (sự kiện) hoặc "nói cho"(Đức Chúa Trời).

II. ĐỊNH NGHĨA LỜI TIÊN TRI

- A. Thuật ngữ "lời tiên tri" có ý nghĩa rộng mở trong tiếng Hê-bơ-rơ hơn là tiếng Anh. Các sách lịch sử trong KT, từ Giô-suê tới Các vua (ngoại trừ Ru-tơ) được gọi là "tiên tri tiên nhiệm" Áp-ra-ha-ham (Sáng thế 20:7; Thi-thiên. 105:15) và Mô-se (Phục Truyền. 18:18) đều được gọi là tiên tri (Mi-ri-am cũng vậy, Exod. 15:20). Chính vì vậy chúng ta nên cảnh giác với các định nghĩa về lời tiên tri theo tiếng Anh!
- B. "Tiên-tri-chủ-nghĩa" (Propheticism) có thể được định nghĩa chính thức như sự hiểu biết về lịch sử theo quan điểm thần học: mỗi quan tâm mục đích, hành động mang tính thuộc linh " *Interpreter's Dictionary of the Bible*, vol. 3, p. 896.
- C. Nhà tiên tri không phải là triết-học gia hay thần-học-hệ-thống gia nhưng là người trung-bảo theo-giao-ước, ban phát lời của Đức Chúa Trời cho dân sự Ngài, với mục đích "khuôn mẫu họ trong tương lai bởi hành động của họ trong hiện tại," Prophets and Prophecy, *Encyclopedia Judaica* vol. 13 p. 1152.

III. MỤC ĐÍCH CỦA TIÊN TRI

- A. Tiên tri là phương cách Đức Chúa Trời nói chuyện với dân sự, hướng dẫn họ trong hoàn cảnh hiện tại và ban hy vọng tương lai cho cuộc sống và thế giới dưới quyền tể trị của Ngài. Các sứ điệp chủ yếu hướng về cộng đồng, từ phê phán, khích lệ, gây dựng niềm tin, kêu gọi ăn năn tới mặc khải về Chúa và chương trình của Ngài. Các tiên tri giữ dân sự Ngài trung tín trong giao ước với Chúa. Để đạt được mục đích này, nhà tiên tri phải được Chúa lựa chọn một cách đặc biệt, và nhà tiên Tri tối Hậu chính là Đấng Mê-si-a (Phục Truyền. 13:1-3; 18:20-22).
- B. Thường các tiên tri lấy bối cảnh lịch sử và thần học thời ông sống và đem so sánh với bối cảnh thời tận thế. Viễn cảnh tận thế của lịch sử mang tính độc đáo đối với I-sơ-ra-en, bởi sự tuyển chọn và lời hứa theo giao ước đối với họ.
- C. Chức vụ của các tiên tri dường như để cân bằng, hoặc lấn áp chức vụ của thầy tế lễ tối cao, trong việc tìm biết ý chỉ Đức Chúa Trời. Quyết định theo Urim and Thummim (cách bắt thăm của thầy tế lễ) được thay bằng sứ điệp phát ngôn bởi tiên tri. Chức vụ tiên tri hầu như bị bãi bỏ sau tiên tri Ma-lachi, tới 400 năm, cho đến Giảng Báp-tít. Không ai biết chắc chắn, ân tứ tiên tri trong Tân Ước liên hệ với Cựu Ước như thế nào. Các tiên tri Tân Ước không công bố các mặc khải mới, hoặc Kinh Thánh mới, nhưng họ là những người nói trước và cảnh báo ý chỉ của Đức Chúa Trời theo giao ước.(Công vụ 11:27-28; 13:1; 15:32; 1 Cô-rin-tô. 12:10,28-29; 14:29,32,37; Ê-phê-sô. 4:11)
- D. lời tiên tri không nhất thiết và không chủ yếu chỉ mang tính tiên đoán. Sự tiên đoán là phương cách khẳng định chức vụ của ông đến từ Đức Chúa Trời. Xin để ý, chỉ có 2% tiên tri Cựu Ước nói về Đấng Mê-si-a, 5% nói về Thời Giao-Ước-Mới, 1% nói về sự kiện sẽ đến. (Fee and Stuart, *How to Read the Bible For All Its Worth*, p. 166).
- E. Tiên tri đại diện Chúa cho dân sự, trong khi thầy tế lễ đại diện dân sự cho Chúa. Ngoại lệ là ông Haba-cuc đặc câu hỏi tới Chúa.
- F. Một trong những lý do khiến sách tiên tri khó hiểu, bởi chúng ta không biết các sách ấy được cấu trúc cách nào. Sách tiên tri không được viết theo thứ tự thời gian. Nó được thiết kế theo chủ đề, nhưng cũng không theo cách dễ dàng nhận biết. Nhiều khi không rõ hoàn cảnh, bối cảnh, thời gian biểu, hoặc sự phân chia chương mục không rõ ràng, khiến việc nghiên cứu cách sách tiên tri trở nên khó khăn hơn các sách khác.
 1. cần phải đọc hết cả một sách tiên tri trong một lần đọc
 2. tìm cấu trúc theo từng đề tài (từng chủ đề)
 3. xác định chủ đề chính và chủ ý của tác giả trong từng phân đoạn, sứ điệp tiên tri

IV. CÁC ĐẶC TRUNG CỦA LỜI TIÊN TRI

- A. Trong Cựu ước, dường như khái niệm "tiên tri" và "lời tiên tri" được hình thành và phát triển. Từ thừa ban đầu đã có nhóm các tiên tri, được lãnh đạo bởi các bậc đàn anh mạnh mẽ như Ê-li và Ê-li-sa.

Nhiều khi cụm từ "các con của tiên tri" (các môn đồ của tiên tri) được dùng để ám chỉ nhóm này (2 Các vua 2). Các tiên tri trong nhóm này thường tiên tri trong trạng thái xuất thần (ngây ngất) (1 Sam. 10:10-13; 19:18-24).

- B. Tuy nhiên thời kỳ "nhóm tiên tri" qua đi nhanh chóng, nhường chỗ cho "tiên tri cá nhân". Các tiên tri, dù thật hay giả, đều xuất hiện trước các vua và sống trong cung điện (Gad, Na-than) Có số khác thực hành chức vụ một cách độc lập, không liên hệ với cấp vị cao trọng trong xã hội I-sơ-ra-en (A-mốt) Họ có thể là nam giới hay phụ nữ (2 Các vua. 22:14.)
- C. Các tiên tri mặc khái tương lai tùy thuộc vào hành vi của con người trong thì hiện tại. Mặc khác, tiên tri cũng bày tỏ chương trình chung của Chúa, không liên hệ tới sự đáp ứng của con người, ví dụ như chương trình thời tận thế, khá đặc thù cho các tiên tri vùng Trung Cận Đông. Dự đoán sự kiện và gìn giữ giao ước là tiêu điểm của sứ điệp tiên tri (x. Fee and Stuart, p. 150). Độc giả và thính giả của sứ điệp tiên tri chủ yếu là toàn thể cộng đồng và dân tộc.
- D. Hầu hết các lời tiên tri được ban phát truyền miệng. Sau đó được ghi chép lại theo chủ đề, thứ tự thời gian, văn tự Trung Cận Đông khó hiểu đối với chúng ta. Bởi bắt đầu bằng sứ điệp truyền miệng chứ không bằng văn xuôi qua giấy bút, chúng ta gặp khó khăn khi đọc từ đầu đến cuối mà không biết bối cảnh lịch sử thời điểm đó.
- E. Các tiên tri sử dụng một vài khuôn mẫu để trình bày sứ điệp:
 - 1. Khung cảnh toà án – Đức Chúa Trời đưa dân sự ra tòa, ví dụ trường hợp li dị của tiên tri Ô-sê t ượng trưng cho việc Đức Chúa Trời từ chối I-sơ-ra-en bởi họ không trung thủy với Ngài (Ô-sê 4; Mi-ca 6).
 - 2. Ca than trong tang lễ. được thấy trong Ê-sai 5 và Ha-ba-cúc 2, bắt đầu bởi thán từ "khốn thay"
 - 3. Phước hạnh và nguyên rủa theo giao ước được công bố, điều kiện trong giao ước được nhấn mạnh và tương lai được vẽ ra tùy theo hậu quả tương xứng cho sự đáp ứng của I-sơ-ra-en (Phục truyền 27-28).

V. HƯỚNG DẪN HỮU ÍCH CHO VIỆC GIẢI KINH LỜI TIÊN TRI

- A. Phát hiện chủ đích ban đầu của tiên tri, hoặc của người sưu tập sách tiên tri, bằng cách nghiên cứu bối cảnh lịch sử và tính cách văn chương, ngữ cảnh của từng sứ điệp. Thông thường bối cảnh chung là I-sơ-ra-en bất tín trong giao ước Mô-sê theo một khía cạnh nào đó.
- B. Đọc và giải kinh trọn vẹn một sứ điệp chứ không giới hạn từng phần. Lập bố cục nội dung, mục lục cho từng sứ điệp và cả cuốn sách. Tìm sự liên hệ với bối cảnh lịch sử ở thời điểm đó.
- C. Giả thiết cách giải kinh theo nghĩa đen, trừ phi một chi tiết trong phân đoạn gợi ý chúng ta dùng nghĩa bóng. Khi đó mới áp dụng nghĩa bóng theo thể văn xuôi.
- D. Phân tích hành động mang tính biểu tượng trong bối cảnh lịch sử và các phân đoạn tương tự. Hãy nhớ rằng văn chương Trung Cận Đông khác với văn chương hiện đại và căn chương Tây Phương.
- E. Cần thận với lời tiên tri dự đoán.
 - 1. Phải chăng những lời tiên tri hoàn toàn thích ứng cho thời tác giả sống?
 - 2. Phải chăng những lời tiên tri đã trở nên hiện thực trong I-sơ-ra-en?
 - 3. Phải chăng đây là các sự kiện tương lai?
 - 4. Phải chăng các tiên tri mang tính đương thời và tương lai?
 - 5. Cho phép tác giả của Kinh thánh, chứ không phải nhà giải kinh hướng dẫn bạn đến câu trả lời
- F. Những quan tâm đặc biệt:
 - 1. Những dự đoán có phụ thuộc vào sự hưởng ứng hay không?
 - 2. Ai là mục tiêu của lời tiên tri và vì sao vậy?
 - 3. Xét cả về bối cảnh lịch sử và Kinh thánh, có nhiều khả năng thực hiện lời tiên tri không?
 - 4. Các tác giả Tân Ước, trong sự thần cảm của Thánh Linh, có thể thấy Đấng Mê-si-a trong nhiều chi tiết của Cựu Ước mà chúng ta không thấy. Họ hiểu được hình bóng học và các chơi chữ. Bởi chúng ta không được thần cảm như các tác giả, tốt nhất để nguyên sự diễn giải cho họ.

VI. CÁC TÀI LIỆU HỮU ÍCH

- A. *A Guide to Biblical Prophecy* by Carl E. Amending and W. Ward Basque
- B. *How to Read the Bible for All Its Worth* by Gordon Fee and Douglas Stuart
- C. *My Servants the Prophets* by Edward J. Young
- D. *Plowshares and Pruning Hooks: Rethinking the Language of Biblical Prophecy and Apocalyptic* by

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIÊN TRI TRONG TÂN ƯỚC

- I. Nó không giống như nói tiên tri trong Cựu ước, theo như ý nghĩa của các thầy rabi về những mặc khải được linh cảm từ Đức Giê-hô-va (Công-vụ 3:18, 21; Rô-ma 16:26). Chỉ có những tiên tri mới viết được Kinh thánh.
 - A. Môi-se được kêu gọi làm tiên tri (Phục truyền 18:15-21)
 - B. Các sách lịch sử (Giô-suê đến Các Vua [trừ sách Ru-tơ]) được gọi là “các tiên tri đời trước” (Công-vụ 3:24).
 - C. Tiên tri thay thế vai trò của thầy tế lễ tối cao như một nguồn thông tin từ Đức Chúa Trời (Ê-sai- Ma-la-chi).
 - D. Phần thứ hai của Kinh sách Hê-bơ-rơ gọi là “Các tiên tri” (Ma-thi-ơ 5:17; 22:40; Lu-ca 16:16; 24:25, 27; Rô-ma 3:21).
- II. Trong Tân ước khái niệm này được sử dụng trong nhiều cách khác nhau
 - A. Chỉ các tiên tri Cựu ước và sứ điệp được linh cảm của họ (Ma-thi-ơ 2:23; 5:12; 11:13; 13:14; Rô-ma 1:2)
 - B. Chỉ một sứ điệp cho một cá nhân hơn là một nhóm người (các tiên tri Cựu ước thường nói tiên tri về Y-sơ-ra-ên)
 - C. Chỉ Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:9; 14:5; 21:26; Lu-ca 1:76) và Chúa Giê-xu như là những người công bố Nước Trời (Ma-thi-ơ 13:57; 21:11, 46; Lu-ca 4:24; 7:16; 13:33; 24:19). Chúa Giê-xu cũng tuyên bố Ngài lớn hơn các tiên tri (Ma-thi-ơ 11:9; 12:41; Lu-ca 7:26).
 - D. Chỉ các tiên tri khác trong Tân ước
 1. Thời thơ ấu của Đức Chúa Giê-xu được ghi lại trong Phúc âm Lu-ca (tức là các kỷ niệm, những điều Ma-ri ghi nhớ)
 - a. Ê-li-sa-bét (Lu-ca 1:41-42)
 - b. Xa-cha-ri (Lu-ca 1:67-79)
 - c. Si-mê-ôn (Lu-ca 2:25-35)
 - d. An-ne (Lu-ca 2:36)
 2. Các lời tiên đoán mĩa mai (Cai-phe, Giăng 11:51)
 - E. Chỉ người công bố Phúc âm (danh sách các ân tứ công bố Phúc âm trong I Cô-rinh-tô 12:28-29; Ê-phê-sô 4:11)
 - F. Chỉ một ân tứ đang vận hành trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 23:34; Công-vụ 13:1; 15:32; Rô-ma 12:6; I Cô-rinh-tô 12:10, 28-29; 13:2; Ê-phê-sô 4:11). Có khi điều này chỉ các phụ nữ (Lu-ca 2:36; Công-vụ 2:17; 21:9; I Cô-rinh-tô 11:4-5).
 - G. Chỉ sách về thời kỳ cuối cùng, sách Khải huyền (Khải huyền 1:3; 22:7, 10, 18, 19).
- III. Các tiên tri thời Tân ước
 - A. Họ không rao truyền những mặc khải được linh cảm như cách các tiên tri thời Cựu ước (tức là Kinh thánh). Điều này khả thi là vì cách dùng cụm từ “đức tin này” (có nghĩa là một Phúc âm đã hoàn tất, trọn vẹn) trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 3:23; 6:10; Phi-líp 1:27; Giu-đe 3, 20.

Điều này được thấy rõ ràng qua cụm từ dùng trong Giu-đe 3, “đạo[đức tin] đã truyền cho anh em một lần đủ cả.” Chữ đạo “một lần đủ cả” chỉ các lễ thật, giáo lý, khái niệm, các lời dạy về thế giới quan Cơ-Đốc-Giáo. Sự nhấn mạnh đưa ra một lần là nền tảng Kinh thánh giới hạn sự linh cảm cho các sách Tân ước và không công nhận tính mặc khải của các sách khác hoặc các sách viết sau đó. Mặc dù có nhiều chỗ mơ hồ, không rõ ràng, nửa trắng nửa đen trong Tân ước, nhưng người tin Chúa bởi đức tin công nhận rằng mọi điều “cần” cho đức tin và cho sự thực hành lối sống đạo đều có trong Tân ước với một sự rõ ràng có thể hiểu được. Khái niệm này được xếp

trong cái gọi là “tam giác mặc khải”

1. Đức Chúa Trời mặc khải chính Ngài qua không gian và thời gian của lịch sử (SỰ MẶC KHẢI)
2. Ngài chọn một số trước giả là con người để ghi lại và giải thích những công việc của Ngài (SỰ LINH CẢM)
3. Ngài ban Thánh Linh để mở lòng và trí của con người để hiểu Kinh thánh, mặc dầu không phải một cách hoàn toàn, nhưng một cách vừa đủ để dẫn đến sự cứu rỗi và một nếp sống Cơ đốc hiệu quả (SỰ SOI SÁNG)

Điều muốn nói ở đây là sự linh cảm chỉ giới hạn cho các trước giả viết Kinh thánh mà thôi. Không có một cuốn sách nào, một khải tượng hay một mặc khải nào khác có thẩm quyền trên những điều đã viết bởi các trước giả này. Kinh điển Kinh thánh đã được đóng lại. Chúng ta có toàn bộ lẽ thật chúng ta cần để có thể đáp ứng với Đức Chúa Trời một cách thích hợp.

Lẽ thật này được thấy rõ ràng nhất trong sự thống nhất giữa các trước giả Kinh thánh so với sự không đồng ý của những người tin Chúa chân thành và tin kính. Không một tác giả hay diễn giả hiện đại nào có một mức độ lãnh đạo thiêng liêng giống như các trước giả Kinh thánh.

B. Về nhiều mặt các tiên tri Tân ước giống với các tiên tri Cựu ước:

1. Tiên đoán các sự kiện trong tương lai (Phao-lô, Công-vụ 27:22; A-ga-bút, Công-vụ 11:27-28; 21:10-11; một số tiên tri không được nêu tên, Công-vụ 20:23)
2. Công bố sự đoán xét (Phao-lô, Công-vụ 13:11; 28:25-28)
3. Các hành động tượng trưng mô tả cách ấn tượng một sự kiện (A-ga-bút, Công-vụ 21:11)

C. Có một số lần họ công bố lẽ thật Phúc âm qua sự tiên đoán (Công-vụ 11:27-28; 20:23; 21:10-11), nhưng đây không phải là trọng tâm chính. Nói tiên tri trong I Cô-rinh-tô chủ yếu là truyền bá Phúc âm (14:24, 39).

D. Họ là công cụ của Thánh Linh để bày tỏ những ứng dụng hiện tại và thực tế về lẽ thật Đức Chúa Trời cho từng trường hợp, văn hóa, hay thời đại khác nhau (I Cô-rinh-tô 14:3).

E. Họ tích cực trong các Hội thánh đầu tiên thời Phao-lô (I Cô-rinh-tô 11:4-5; 12:28, 29; 13:29; 14:1, 3, 4, 5, 6, 22, 24, 29, 31, 32, 37, 39; Ê-phê-sô 2:20; 3:5; 4:11; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:20) và được nhắc đến trong tập *Didache* (viết vào cuối thế kỷ thứ nhất hay thế kỷ thứ hai, ngày tháng không rõ) và trong phái Montanism ở thế kỷ thứ hai và thứ ba trong vùng bắc Phi.

IV. Có phải các ân tứ thời Tân ước đã chấm dứt?

A. Câu hỏi này thật khó trả lời. Nó giúp làm sáng tỏ vấn đề bằng cách định nghĩa mục đích các ân tứ. Chúng được dùng để xác nhận sự giảng dạy ban đầu về Phúc âm hay chúng là những phương cách văn tiếp diễn để Hội thánh phục vụ chính mình và cho một thế giới hư mất?

B. Chúng ta nhìn xem lịch sử của Hội thánh hay chỉ xem xét Tân ước để trả lời câu hỏi này? Không có một dấu hiệu nào trong Tân ước cho thấy rằng các ân tứ thuộc linh chỉ có tính cách tạm thời. Những người tìm cách dùng I Cô-rinh-tô 13:8-13 để nói đến vấn đề này đã lạm dụng ý định có thẩm quyền của đoạn này, là đoạn xác định rằng mọi sự sẽ qua đi chỉ trừ tình yêu thương.

C. Tôi rất muốn nói rằng bởi vì Tân ước là thẩm quyền, không phải lịch sử Hội thánh, cho nên người tin Chúa phải xác định rằng các ân tứ này vẫn tiếp diễn. Tuy nhiên, tôi tin rằng văn hóa cũng ảnh hưởng đến cách diễn giải. Một số đoạn rất hiển nhiên không còn áp dụng cho ngày nay (ví dụ cái hôn thánh, đàn bà mang khăn trùm đầu, Hội thánh nhóm tại nhà, v.v...). Vậy thì, nếu văn hóa ảnh hưởng đến các đoạn Kinh thánh, thì tại sao lịch sử Hội thánh lại không làm được điều này?

D. Nói cho cùng, đây là câu hỏi không thể trả lời một cách dứt khoát được. Một số thì ủng hộ “sự chấm dứt”, trong khi một số khác ủng hộ sự “không ngưng nghỉ.” Trong lãnh vực này, cũng như trong một số vấn đề giải nghĩa khác, tâm lòng của người tin Chúa là chìa khóa. Tân ước có tính mơ hồ và thuộc về văn hóa. Điều khó là làm sao để biết được đoạn Kinh văn nào bị ảnh hưởng bởi lịch sử, văn hóa và đoạn nào mang tính vĩnh viễn (xem sách của Fee and Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 14-19; 69-77). Tại đây vấn đề về tự do và trách nhiệm, được nói đến trong Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10, đóng vai trò quan trọng. Cách chúng ta trả lời cho câu hỏi này có tính quan trọng trong hai cách:

1. Mỗi tín hữu phải bước đi bằng đức tin trong ánh sáng (sự soi dẫn) mà họ có. Đức Chúa Trời nhìn xem tâm lòng và động cơ của chúng ta.
2. Mỗi tín hữu cũng phải cho phép các tín hữu khác bước đi trong sự hiểu biết đức tin của họ. Nên có một sự chấp nhận nhau trong khuôn khổ Kinh thánh. Đức Chúa Trời muốn chúng ta yêu

thương nhau như Ngài đã yêu.

E. Để kết lại vấn đề, Cơ-Độc-Giáo là cuộc sống của đức tin và tình yêu chứ không phải là một thần học hoàn hảo. Mỗi liên hệ với Ngài, điều sẽ ảnh hưởng đến mỗi liên hệ của chúng ta với người khác, là điều quan trọng hơn là những thông tin không còn nghi vấn hay sự hoàn hảo về tín lý.

4:20 "Tổ phụ chúng tôi" Đây nói về Áp-ra-ham và Gia-cốp (x. Sáng thế 12:7; 33:20). Người phụ nữ Sa-ma-ri khẳng định vị trí mình trong giao ước. (x. Giảng 8:31-59).

▣ **"thờ phượng trên núi này"** Đây nói về cuộc tranh luận Đức Giê-hô-va nên được thờ phượng ở nơi nào. Người Do-thái nhấn mạnh núi Mô-ri-a (nơi có Đền thờ Do-thái), còn người Sa-ma-ri giữ lập trường về núi Gê-ra-dzim (nơi có Đền thờ người Sa-ma-ri bị phá hủy bởi John Hyrcanus năm 128 T.C.N)

Trong thời đại ngày nay, điều này tương tự như việc mọi người từ chối mối liên hệ với Đấng Christ bằng cách tranh luận triết lý thần học. Con người thích nghiên cứu triết học và tôn giáo nếu như kiến thức ấy không tác động đến họ một cách cá nhân. (x. Giảng 3:19-21).

4:21 "giờ sắp đến, các ngươi không còn thờ phượng Cha trên núi này hay tại thành Giê-ru-sa-lem nữa" Đây quả là một tuyên bố gây sững sốt đối với người phụ nữ và các môn đồ. Quan trọng không phải nơi thờ phượng, nhưng đối tượng thờ phượng!

4:22 "sự cứu rỗi đến từ người Do-thái" Câu này khẳng định nguồn gốc (dân tộc) của Đấng Mê-si-a (x. Sáng. 12:2-3; 49:8-12; Ê-sai. 2:3; Rô-ma. 9:4-5).

4:23 "giờ sắp đến và đã đến rồi" Câu này gợi nhớ Ma-la-chi 1:11 về sự thờ phượng chung. Chúa Giê-su đã đem lại sự sống đời đời trong khi Ngài ở trên mặt đất cũng như sau khi Ngài sống lại từ cõi chết. Câu "sắp đến và đã đến" phản ánh sự căng thẳng giữa hai thời điểm xuất hiện của Chúa: Hai thời kỳ trong ý tưởng người Do-thái nay chòng chẹo lên nhau. Tân Kỳ Nguyên Thánh Linh đã đến, nhưng chúng ta vẫn còn sống trong Cổ Kỳ Nguyên Tội Lỗi và Sự Ác. (x. Chủ Đề Đặc Biệt ở 1 Giảng 2:17).

Chúa Giê-su tuyên bố: Tân Kỳ Nguyên đã bắt đầu trong Ngài, Kỷ Nguyên Thánh Linh, Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a đã được khai mạc.

▣ **"trong tâm linh và chân lý"** Từ thuật "tâm linh" nói về sự thờ phượng không phụ thuộc vào địa điểm và hình thức thuộc thể. (x. Chủ Đề Đặc Biệt ở Giảng 3:8). Thuật ngữ "chân lý" dùng trong tiếng Hy-lạp nói về khái niệm tinh thần, còn trong tiếng Hê-bơ-rơ nói về tính cách "chung thủy và sự tin cậy". Xem chủ đề đặc biệt "Chân Lý" ở Giảng 6:55 and 17:3.

▣ **"Cha"** Khó có thể gọi Đức Chúa Trời là Cha trong Tân Ước mà không tiếp nhận Chúa Giê-su là Con Độc Sanh của Ngài

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA

Cựu Ước giới thiệu một hình ảnh quen thuộc gần gũi của Đức Chúa Trời đó là hình ảnh người Cha: (1) quốc gia Do Thái thường được gọi là 'con' của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17); (2) ngay cả trước đó trong sách Phục truyền Luật lệ ký hình ảnh Đức Chúa Trời là Cha cũng đã được sử dụng (1:31); trong Phục truyền đoạn 32 Y-sơ-ra-ên được gọi là "con cái của Ngài" và Chúa được gọi là "Cha của các ngươi"; (4) hình ảnh này cũng được nêu trong Thi thiên 103: 13 và phát triển thêm trong Thi thiên 68:5 (cha của kẻ mồ côi); và (5) hình ảnh này cũng rất thông dụng trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai, và Đức Chúa Trời là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Jê-sus sử dụng tiếng A-ram, có nghĩa là trong nhiều chỗ khi chữ "Cha" xuất hiện trong tiếng Hy Lạp, *Pater*, thì nó diễn tả chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Những từ ngữ như "Ba" hay "Cha" cho thấy sự thân

mật của Chúa Jêsus với Cha; Việc Chúa bày tỏ sự thân mật này cho các môn đồ thấy khuyến khích chúng ta cũng nên có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha. Từ “Cha” chỉ được dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước, nhưng Chúa Jêsus dùng nó rất thường và dùng ở nhiều nơi. Khái niệm này là một sự mặc khải quan trọng cho mối liên hệ mới của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ.

▣ **"Ấy là những người thờ phượng mà Cha tìm kiếm"** Đức Chúa Trời luôn tích cực tìm kiếm nhân loại lầm lạc (x. Ê-sai. 55; Ê-xê-chiên. 18:23,32; Lu-ca 19:10; Giăng 1:12; 3:16).

4:24 "Đức Chúa Trời là thần linh" Có một vài câu mô tả Thần tính của Đức Chúa Trời: (1) Đức Chúa Trời yêu thương; (2) Đức Chúa Trời là ánh sáng; (3) Đức Chúa Trời thần linh. Điều này có ý nghĩa rằng Ngài (1) không thuộc thể (2) không bị giới hạn trong một địa danh (3) không ràng buộc vào thứ tự thời gian và (4) Ngài thuộc thiên thượng thay vì thuộc trần thế.

4:25 "Đấng Mê-si-a sẽ đến" Thuật ngữ "Mê-si-a" chỉ xuất hiện 2 lần trong Tân Ước, cả hai lần trong Phúc Âm Giăng (x. Giăng 1:41; 4:25).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÁNG MÊ-SI-A (theo Đa-ni-en 9:26)

Thật khó giải kinh thuật ngữ này, bởi vì có nhiều cách sử dụng liên hệ tới Đấng Mê-si-a hay Đấng Chịu Xức Dầu (BDB 603). Có thể nói về

1. một vị vua Do-thái (e.g., 1 Sam. 2:10; 12:3)
2. các thầy tế lễ (e.g., Lev. 4:3,5)
3. vua Si-rus (cf. Isa. 45:1)
4. cả vua và thầy tế lễ trong Thi-thiên 110 và Xa-cha-ri 4
5. Vị Vua mà Đức Chúa Trời sai đến, theo dòng giới Đa-vít, đem lại Kỷ Nguyên Công chính
 - a. thuộc bộ tộc Giu-đa (x. Sáng thế. 49:10)
 - b. thuộc gia tộc Gie-sê (cf. 2 Samuel 7)
 - c. tể trị toàn cầu (x. thi-thiên 2; Ê-sai. 9:6; 11:1-5; Mi-ca. 5:1-4ff)

Tôi cảm thấy Đấng Được Xức Dầu ở đây là Chúa Giê-su Na-xa-rét, vì

1. sự giới thiệu Vương Quốc Đầy Đầy của Đức Chúa Trời (tức vương quốc thứ tư) trong Đa-ni-en 2.
2. sự giới thiệu "Con Người" tiếp nhận Vương Quốc Đầy Đầy trong Đa-ni-en. 7:13
3. chi tiết cứu chuộc trong Đa-ni-en 9:24, chỉ tới cao điểm lịch sử của thế giới băng hoại
4. Chúa Giê-su sử dụng Đa-ni-en trong Tân Ước (x. Ma-thi-ơ. 24:15; Mác 13:14)

▣ **"Khi Ngài đến, Ngài sẽ công bố cho chúng tôi mọi điều."** Câu này chứng tỏ người Sa-ma-ri cũng trông chờ Đấng Mê-si-a. Họ tin rằng Đấng Mê-si-a tới sẽ mặc khải trọn vẹn Đức Chúa Trời

4:26 "Ta, người đang nói với chị đây, chính là Đấng đó" Đây là gợi ý từ Ê-sai 52:6 khẳng định Thần Đức của Chúa Giê-su (một cách cợt mỉa, khác với cách được thấy trong Phúc Âm Đồng Quan)! Đây cũng thấy cách chơi chữ, dùng cụm từ "Ta Là", phản ánh danh hiệu theo giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước. (x. Xuất 3:12, 14). Chúa Giê-su dùng danh hiệu của Đức Chúa Trời theo Cựu Ước với mục đích nhắc nhở về sự tự mặc khải rõ ràng, minh bạch của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-su. (x. Giăng 8:24, 28, 58; 13:19; 18:5 so sánh với Ê-sai. 41:4; 43:10; 46:4). Cách sử dụng cụm từ "Ta Là" một cách đơn phương ở đây khác với ở trong Giăng, 6:35, 51; 8:12; 10:7, 9, 11, 14; 11:25; 14:6; 15:1, 5, được tiếp theo với các danh từ xác nhận Thần Đức của Đức Chúa Trời .

NASB (Hiệu đính RVV2011) GIĂNG 4:27-30

²⁷ Lúc ấy, các môn đồ đến. Họ kinh ngạc khi thấy Ngài nói chuyện với một phụ nữ; nhưng không một ai hỏi: "Thầy cần gì?" hay là: "Sao Thầy nói chuyện với phụ nữ này?" ²⁸Người phụ nữ bỏ vò nước của mình lại và đi vào thành, nói với mọi người rằng: ²⁹"Hãy đến xem một người đã nói đúng hết tất cả

những gì tôi đã làm. Đó không phải là Đấng Christ sao?"³⁰Họ ra khỏi thành và đến với Đức Chúa Jêsus.

4:27 "Họ kinh ngạc khi thấy Ngài nói chuyện với một phụ nữ" theo phong tục, người Do-thái chính thống không nói chuyện với phụ nữ.

▣ **"không một ai hỏi: "Thầy cần gì?" hay là: "Sao Thầy nói chuyện với phụ nữ này"** đây là lời Giảng bình luận với tư cách nhân chứng. Ông nhớ mãi sự kiện sùng sốt này !

4:28 ²⁸**"Người phụ nữ bỏ vò nước của mình "** thật một sự từng trải kỳ diệu. Người phụ nữ vui mừng chạy vội về làng để làm chứng về Chúa Giê-su (x. Giảng 4:29-30).

4:29 "Đó không phải là Đấng Christ sao?" Câu này ở trong thể vừa hỏi vừa trả lời theo thể phủ nhận, nhưng ngữ cảnh cho thấy nàng thực sự tin Chúa là Đấng Christ. Ngữ cảnh phải được đặt trên ngữ pháp!

NASB (hiệu đính RVV2011) GIẢNG 4:31-38

³¹Trong lúc đó, các môn đồ nài nỉ Ngài: "Thưa Thầy, xin hãy ăn." ³²Nhưng Ngài đáp: "Ta có lương thực để ăn mà các con không biết." ³³Vì vậy, các môn đồ nói với nhau: "Có ai đã đem gì cho Ngài ăn chẳng?" ³⁴Đức Chúa Jêsus nói với họ: "Lương thực của Ta là làm theo ý muốn của Đấng đã sai Ta, và hoàn tất công việc của Ngài. ³⁵Chẳng phải các con nói: 'Còn bốn tháng nữa là đến mùa gặt sao?' Nhưng Ta nói với các con: 'Hãy ngược mắt lên và xem những cánh đồng đã vàng sẵn sàng cho mùa gặt. ³⁶Người gặt nhận tiền công và thu chứa hoa lợi cho sự sống đời đời, để cả người gieo lẫn người gặt đều vui mừng.' ³⁷Ở chỗ này, câu nói: 'Người này gieo, kẻ kia gặt,' là rất đúng. ³⁸Ta đã sai các con gặt những gì mình không phải làm khó nhọc. Những người khác đã làm khó nhọc, còn các con thì vào chia sẻ công khó của họ."

4:32 Đây lại là gợi ý về Nhị nguyên luận trong Giảng: Thiên Đàng và Địa Giới, Thuộc Linh và Thuộc Thể. Chúa Giê- su đang ở trong sứ mạng truyền giáo và mặc khải. Con người là trọng tâm của Chúa.

4:34 "Lương thực của Ta là làm theo ý muốn của Đấng đã sai Ta, và hoàn tất công việc của Ngài" Giảng 17 cho thấy Chúa Giê-su' hiểu rõ những gì mà Đức Chúa Cha muốn mình thực hiện (x. Mác 10:45; Lu-ca 19:10; Giảng 6:29).

Sự phản nghịch giữa việc Chúa Giê-su được sai phái từ nơi Đức Chúa Cha, đến để mặc khải Cha và công việc Ngài thực hiện cho Cha. Đây lại là ví dụ khác về cấp bậc nhị nguyên theo chiều dọc, rất phổ biến trong Giảng, (trên và dưới, thuộc linh và thuộc thể).

Có hai thuật ngữ chỉ ra việc Chúa được sai phái.

1. *pempō* (Giăng 4:34; 5:23,24,30,37; 6:38,39,40,44; 7:16,18,28,33; 8:16,18,26,29; 9:4; 12:44,45,49; 14:24; 15:21; 16:5)

2. *apostellō* (Giăng 3:17,24; 5:36,38; 6:29,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,18,21,23,25; 20:21)

Hai từ này đồng nghĩa như trong 20:21 Nó cũng có ý rằng Co-đốc nhân cũng được sai phái đến thế giới bằng hoại như đại diện của Đức Chúa Trời với mục đích cứu rỗi. (x. 2 Cô-rin-tô. 5:13-21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Ý MUỐN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

PHÚC ÂM GIĂNG

- Chúa Jêsus đến để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời (4:34; 5:30; 6:38)
- Để làm cho sống lại nơi ngày sau rốt những người mà Cha đã giao cho Con (6:39)
- Để mọi người đều tin nơi Con (6:29, 40)
- Lời cầu nguyện được nhậm liên quan đến sự làm theo ý muốn Đức Chúa Trời (9:31 và I Giăng 5:14)

TIN LÀNH CỘNG QUAN

- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là điều thiết yếu (7:21)
- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời khiến chúng ta trở nên anh em với Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 12:5; Mác 3:35)
- Chúa không muốn cho một ai chết mất (Ma-thi-ơ 18:14; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9)
- Đòi Gô-gô-tha là ý chỉ của Cha cho Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 26:42; Lu-ca 22:42)

THƯ TÍN PHAO-LÔ

- Sự trưởng thành và sự phục vụ của tất cả những người tin Chúa (Rô-ma 12:1-2)
- Người tin Chúa được giải cứu khỏi đời ác nầy (Ga-la-ti 1:4)
- Ý chỉ của Đức Chúa Trời là kế hoạch cứu chuộc (Ê-phê-sô 1:5, 9, 11)
- Người tin Chúa kinh nghiệm và sống cuộc sống đầy dẫy Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:17)
- Người tin Chúa tràn đầy sự hiểu biết Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:9)
- Người tin Chúa được làm cho trọn vẹn và hoàn toàn (Cô-lô-se 4:12)
- Người tin Chúa được nên thánh (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:3)
- Người tin Chúa dâng lời tạ ơn trong mọi sự (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18)

THƯ PHI-E-RÔ

- Người tin Chúa làm điều phải (vâng phục bậc cầm quyền) và vì vậy làm cảm những người ngu dại (I Phi-e-rơ 2:15)
- Người tin Chúa chịu khổ (I Phi-e-rơ 3:17; 4:19)
- Người tin Chúa không sống cuộc sống tư kỷ (I Phi-e-rơ 4:2)

THƯ GIĂNG

- Người tin Chúa còn lại đời đời (I Giăng 2:17)
- Người tin Chúa chìa khóa cho lời cầu nguyện được nhậm (I Giăng 5:14)

4:35 "Còn bốn tháng nữa là đến mùa gặt sao" Đây là câu mang tính ẩn dụ, nói rằng sự hưởng ứng thuộc linh đã sẵn sàng thời điểm này. Mọi người được cứu ngay khi Chúa còn sống, chứ không phải chỉ sau khi Chúa Sống lại.

4:36-38 "Người này gieo, kẻ kia gặt" Những câu này gợi nhớ về chức vụ của các tiên tri hoặc Giăng Báp-tít. Câu này cũng được dùng khi nói về chức vụ của Phao-lô và A-pô-lô trong 1 Cô-rin-tô 3:6-8

NASB (Hiệu đính RVV2011) GIĂNG 4:39-42

³⁹Nhiều người Sa-ma-ri ở thành đó tin Ngài, vì người phụ nữ đã làm chứng rằng: "Ngài đã nói ra hết mọi điều tôi đã làm."⁴⁰Vì vậy, khi đến với Ngài, những người Sa-ma-ri xin Ngài ở lại với họ, và Ngài đã ở lại đó hai ngày.⁴¹Qua lời của Ngài, số người tin càng đông hơn nữa.⁴²Họ nói với người phụ nữ rằng: "Bây giờ không còn phải nhờ những gì chị nói mà chúng tôi tin, vì chính chúng tôi đã nghe, và biết rằng Ngài thật là Cứu Chúa của thế gian."

4:39 "Nhiều người Sa-ma-ri ở thành đó tin Ngài" Giăng sử dụng động từ "tin" kết hợp với các thuật ngữ khác "tin trong" (*en*), "tin rằng" (*hoti*), "tin vào" (*eis*) hoặc "tin cậy" (x. Giăng 2:11,23; 3:16,18,36; 6:29,35,40; 7:5,31,38, 48; 8:30; 9:35,36; 10:42; 11:25,26,45,48; 12:11,37,42,44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20). Ban đầu người Sa-ma-ri tin theo sự làm chứng của người phụ nữ, (Giăng 4:39), nhưng sau khi trực tiếp nghe Chúa

Giê-su, họ tin Chúa một cách cá nhân (Giăng 4:41-42). Chúa Giê-su đến cứu chuộc chiên thất lạc trong I-sơ-ra-en, nhưng Phúc Âm được truyền giao cho cả nhân loại: người Sa-ma-ri, Sy-rô-Phô-en-ni-ca, phụ nữ và lính La mã (x. Rô-ma. 10:12; 1 Cô-rin-tô. 12:13; Ga-la-ti. 3:28-29; Cô-lô-sê. 3:11). Xem Chủ Đề Đặc Biệt ở Giăng 2:23.

▣ **"vì người phụ nữ đã làm chứng"** nếu Đức Chúa Trời sử dụng người phụ nữ làm lạc tôn giáo và tì vết đạo đức, Đức Chúa Trời có thể sử dụng lời chứng của bạn và tôi. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng về làm chứng cá nhân. Xem Chủ Đề Đặc Biệt Lời Chứng Cho Chúa Giê-Su ở Giăng 1:8.

4:40

NASB, NRSV "yêu cầu"

NKJV "thúc dục"

TEV, NJB "van nài"

Đây là từ vựng tiếng Hy-lạp dịch ra là "thúc giục", "van nài" Mức độ khẩn thiết cũng được thấy trong Giăng 4:47 (x. Lu-ca 4:38).

4:42 "Cứu Chúa của thế gian" Danh hiệu chung này cũng được dùng trong 1 Giăng 4:14. Tất cả đều nói lên tình yêu mở rộng cho tất cả nhân loại (x. 1 Tim. 2:6; Heb. 2:9; 1 Giăng 2:2). Lời hứa trong Sáng 3:15 đã được thực hiện. Trong thế kỷ đầu tiên thuật ngữ "cứu chúa" được dùng cho hoàng đế La-mã. Khi Cơ đốc nhân bắt đầu gọi Chúa Giê-su là Cứu Chúa, hoàng đế La-mã bắt đầu bắt bớ họ. Danh hiệu này cũng cho thấy cách các tác giả Tân Ước dùng danh hiệu của Đức Chúa Cha để viết về Đức chúa Con: Titus 1:3 - Titus 1:4; Titus 2:10 - Titus 2:13; Titus 3:4 - Titus 3:6.

Người Do-thái từ chối Chúa (x. Giăng 1:11), nhưng người Sa-ma-ri tiếp nhận Chúa một cách mau lẹ và dễ dàng. (x. Giăng 1:12)!

NASB (hiệu đính RVV2011) GIĂNG 4:43-45

⁴³Hai ngày sau, Đức Chúa Jêsus rời nơi ấy, đi đến miền Ga-li-lê. ⁴⁴(Vì chính Ngài đã xác nhận rằng, nhà tiên tri không được tôn trọng nơi quê hương mình.) ⁴⁵Khi đến miền Ga-li-lê, Ngài được dân Ga-li-lê tiếp đón, bởi họ đã chứng kiến tất cả những gì Ngài đã làm tại thành Giê-ru-sa-lem vào dịp lễ, vì chính họ cũng đi dự lễ.

4:43 Câu này cho biết Chúa Giê-su di chuyển giữa Ga-li-lê và Giu-đa một cách tự do và thường xuyên hơn thông tin cho biết từ các Phúc Âm Đồng Quan.

4:44 Câu này có vẻ khác thường, vì không hợp ngữ cảnh câu trước đó. Có thể đang nói về công tác ở Ga-li-lê sắp được bắt đầu (x. Giăng 4:3). Câu ngạn ngữ này cũng được thấy trong Ma-thi-ơ. 13:57; Mác 6:4; Lu-ca 4:24. Trong Phúc Âm Đồng Quan nói về sự từ chối ở Ga-li-lê còn ở đây nói về sự từ chối ở Giu-đa

4:45 "Ngài được dân Ga-li-lê tiếp đón" Họ đã trải nghiệm sự giáo huấn và phép lạ của Chúa trong dịp thăm thành Giê-ru-sa-lem vào ngày lễ Vượt Qua trước đó.

Người Ga-li-lê "tiếp nhận" Chúa nhưng nhiều người không bền đỗ theo Chúa và từ bỏ Ngài. "Tin" (x. Giăng 3:16) và "nhận" (x. Giăng 1:17) đòi hỏi nhiều hơn là sự hưởng ứng ban đầu (x. the Parable of the Soils in Ma-thi-ơ. 13:18-23; Mác 4:12-20; Lu-ca 8:11-15). Hãy xem Chủ đề đặc biệt: "Sự cần thiết phải bền đỗ" ở Giăng 8:31.

▣ **"chính họ cũng đi dự lễ"** Bản Kinh thánh NET đánh dấu câu này như một lời bình luận của tác giả, thường thấy trong Giăng 4:44 (x. NRSV, NIV).

NASB (UPDATED) TEXT: GIẢNG 4:46-54

⁴⁶Vậy, Ngài trở lại Ca-na trong miền Ga-li-lê, nơi Ngài đã hóa nước thành rượu. Một viên quan trong hoàng gia tại Ca-bê-na-um có người con trai bị bệnh. ⁴⁷Khi viên quan này nghe Đức Chúa Jê-sus đã từ Giu-đê đến Ga-li-lê thì tìm Ngài, và cầu xin Ngài đến chữa cho con mình vì nó sắp chết. ⁴⁸Đức Chúa Jê-sus nói với viên quan rằng: “Nếu không thấy dấu lạ và phép màu, thì hẳn các ngươi không tin!” ⁴⁹Viên quan thưa: “Lạy Chúa, xin đến trước khi con tôi chết!” ⁵⁰Đức Chúa Jê-sus bảo: “Hãy đi, con ngươi sẽ sống.” Viên quan tin lời Đức Chúa Jê-sus nói với mình và đi. ⁵¹Khi ông đang đi, các đầy tớ của ông đến gặp ông và nói: “Con trai của chủ sống!” ⁵²Viên quan hỏi họ con ông đã bình phục vào giờ nào. Họ trả lời: “Hôm qua, vào khoảng một giờ chiều, cậu hết sốt.” ⁵³Người cha nhận biết đó chính là giờ Đức Chúa Jê-sus đã bảo mình rằng: “Con của ngươi sẽ sống”; nên chính ông, và cả nhà đều tin. ⁵⁴Đây là dấu lạ thứ hai Đức Chúa Jê-sus đã làm, sau khi Ngài từ Giu-đê về Ga-li-lê.

4:46

NASB, NRSV,
NJB"quan chức hoàng cung"
NKJV"một quý tộc"
TEV"một quan cầm quyền"

đây là một quan chức trong chính quyền vua Hê-rốt.

4:48 "Nếu không thấy dấu lạ và phép màu, thì hẳn các ngươi không tin" "Nếu" - Đây là thể điều kiện cấp ba, với hai từ phủ định kép : "không thấy, không tin" Chúa Giê-su nói với số nhiều: "các ngươi". Những người Do-thái tìm cầu phép lạ, (x. Giảng 2:18; 6:2, 30; Matt. 12:38; 16:1) nhưng bản thân viên quan chức lại tin trước khi phép lạ được ban .

4:49 "con" Trong ba câu liên tiếp, giảng sử dụng ba thuật ngữ về con:

1. Giảng 4:49 - *paidion* (NASB, "con trẻ")
2. Giảng 4:50 - *hyiōs* (NASB, "con trai")
3. Giảng 4:51 - *pais* (NASB, "con trai")

đây là những từ đồng nghĩa.

4:50 Câu này tóm tắt bản chất của Phúc Âm Giảng: Tin danh vị của Chúa Giê-su, tin lời phán và hành động của Ngài. Đức tin của viên quan chức được xác nhận mặc dầu ông chưa thấy sự thực hiện hứa ngôn của Chúa.

4:53 "nên chính ông, và cả nhà đều tin" Đây là một trong nhiều câu chuyện nói về một người tin ảnh hưởng cho cả gia đình

1. Cột-nây (Công vụ 10:44-48)
2. Li-đi-a (Công vụ 16:15)
3. Cai ngục thành Phi-líp-pi (Công vụ 16:31-34)
4. Cơ-rít-pu (Công vụ 18:8)
5. Sê-phan-na (1 Cô-rin-tô. 1:16)

Có nhiều tranh luận về sự đầu phục của các gia đình trên, chúng ta cần phải xác nhận rằng mỗi một người trong gia đình đều phải tiếp nhận Chúa một cách cá nhân. Nền văn hóa Trung Cận Đông dựa trên gia đình và bộ lạc nhiều hơn nền văn hóa hiện đại. Sự thực là người quan trọng gần gũi trong cuộc sống sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự lựa chọn của chúng ta.

4:54 Dấu lạ thứ hai, tiếp theo dấu lạ thứ nhất tại tiệc cưới ở Ca-na (x. Giảng 2:1-11).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Chúa Giê-su rời xứ Giu-đê?
2. Giảng sử dụng giờ theo lịch La-mã hay Do-thái?
3. Vì sao cuộc hội thoại với người phụ nữ Sa-ma-ri mang tính chất quan trọng?
4. Câu 20 ảnh hưởng gì tới mối liên hệ giữa các giáo phái như thế nào?
5. Giải thích lời tuyên bố của Chúa Giê-su trong câu 26.
6. Phải chăng những người Ga-li-lê thực hiện niềm tin một cách thực sự?

GIẢNG 5

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chữa lành tại hồ nước	Người được chữa lành tại hồ Bê-tết-đa	Chữa người què trong ngày Sa-bát	Chữa lành tại hồ nước	Chữa người bệnh tại hồ Bê-tết-đa
5:1-9a	5:1-15	5:1 5:2-9a	5:1-6 5:7 5:8-9a	5:1-9a
5:9b-18		5:9b-18	5:9b-10 5:11 5:12 5:14 5:16 5:15-17 5:18	5:9b-18
	Vinh danh Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con			
Thảm quyền của Đức Chúa Con	5:16-23	Liên hệ của Giê-su với Đức Chúa Trời	Thảm quyền của Đức Chúa Con	
5:19-29	Sự sống, sự phán xét qua Đức Chúa Con 5:24-30	5:19-24 5:25-29	5:19-23 5:24-29	5:19-47
5:30		Bằng chứng về mối liên hệ của Giê-su với Đức Chúa Trời 5:30	Lời chứng cho Giê-su 5:30	
Lời chứng cho Giê-su	Lời chứng bốn phần			
5:31-40	5:31-47	5:31-38 Giê-su quở trách những kẻ từ chối Ngài 5:39-47	5:31-40	
5:41-47			5:41-47	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang ***)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

17. Phần đoạn 1
18. Phần đoạn 2
19. Phần đoạn 3
20. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐỊNH BD2011) GIĂNG 5:1-9a

¹Sau những việc đó có một lễ của người Do-thái, Đức Chúa Jesus đi lên Giê-ru-sa-lem. ² Thuở ấy tại Cổng Chiên ở Giê-ru-sa-lem có một cái ao, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Bết-xa-tha; quanh ao có năm vòm hành lang.³ Dưới các vòm hành lang ấy có nhiều người bệnh tật, đui mù, què quặt, và bại xuội nằm la liệt. [Họ ở đó chờ nước động, ⁴ vì họ tin rằng thỉnh thoảng có một thiên sứ của Chúa ngự xuống ao, quậy cho nước động, và khi nước động, ai xuống ao trước hết, bất kỳ mắc bệnh gì, sẽ được chữa lành.]⁵ Tại đó có một người đã bị bệnh ba mươi tám năm. ⁶ Đức Chúa Jesus thấy ông nằm đó và biết ông ở đó đã lâu, Ngài hỏi ông, “Người muốn được lành không?”⁷ Người bệnh trả lời Ngài, “Thưa Ngài, tôi không có ai giúp đem xuống ao mỗi khi nước động; trong khi tôi lê thân đến ao, đã có người khác bước xuống trước tôi rồi.”⁸ Đức Chúa Jesus nói với ông, “Hãy đứng dậy, vác chõng của ngươi và bước đi.”⁹ Ngay lập tức người bệnh được lành; ông đứng dậy vác chõng của ông và bước đi.

5:1 "Một lễ" Có những văn bản Hy-lạp cổ thuộc nhóm “x và C” nói về “Đại Lễ”, nhưng hầu hết nhóm “(P⁶⁶, P⁷⁵, A, B, and D)” nói về “một lễ”. Có ba ngày Đại Lễ hàng năm mà mọi đàn ông Do-thái bắt buộc phải tham gia nếu có thể (Xem Leviticus 23): (1) Lễ Vượt Qua; (2) Lễ Ngũ Tuần; and (3) Lễ Lều Tạm. Nếu ngữ cảnh câu này đang nói về Lễ Vượt Qua thì Chúa Giê-su thực thi chức vụ trong vòng 4 năm (thay vì 3 năm sau Giăng Báp-tít như quan niệm truyền thống) (Xem Giăng 2:13, 23; 6:4; 12:1). Số năm phục vụ của Chúa được tính theo số Lễ Vượt Qua được nhắc đến trong Phúc Âm Giăng

▣ **"Chúa Jesus đi lên Giê-ru-sa-lem"** Chúa Giê-su dự lễ ở Giê-ru-sa-lem vài lần trong Giăng (Xem Giăng 2:13; 5:1; 7:10; 12:12).

Giê-ru-sa-lem được xây trên bày ngọn đồi nên ở cao hơn so với bình nguyên xung quanh. Vậy chữ “đi lên” mang đúng ý nghĩa thuộc thể. Nhưng mặt khác cũng có ý nghĩa thuộc linh vì trong Giê-ru-sa-lem có Đền thờ, được coi là cao thượng và trọng tâm nhất trên thế gian.

5:2 "tại cổng Chiên" Đây là cổng ở phía đông bắc tường thành Giê-ru-sa-lem. Tường này được tận hiến và tái dựng trong sách Nê-hê-mi (Xem Nê-hê-mi 3:1, 32; 12:39).

NASB, NKJV "Một hồ được gọi theo tiếng Hê-bơ-rơ là Bethesda"
NRSV "được gọi theo tiếng Hê-bơ-rơ Beth-zatha"
TEV "theo tiếng Hê-bơ-rơ được gọi Bethzatha"
NJB "được gọi Bethesda theo tiếng Hê-bơ-rơ"

Có một vài cách đánh vần cho địa danh này. Sử gia Josephus gọi "Bethzatha," theo tên một phân vùng trong Giê-ru-sa-lem. Cũng được gọi "Bethsaida" trong văn bản tiếng Hy-lạp. Các văn cuộn Qumran gọi "Bethesda," có nghĩa là nhà tình thương, nhà mùa xuân tái diễn. Ngày hôm nay được biết đến là "hồ thánh An-ne"

Trong thời Chúa Giê-su người Do-thái ở xứ Pa-lét-stin nói tiếng A-ram thay vì tiếng Hê-bơ-rơ. Trong Phúc Âm Giảng, khi nói tiếng "Hê-bơ-rơ" chúng ta nên hiểu là tiếng "A-ram" (Xem Giảng 5:2; 19:13,17,20; 20:16; Rev. 9:11; 16:16). Tất cả các câu nói sau của Chúa Giê-su

1. *Talitha kum*, Mác 5:41
2. *Ê-phê-sôphatha*, Mác 7:34
3. *Eloi, Eloi, lama sabachthani*, Mác 15:34
đều ở trong tiếng A-ram

5:4 Câu này (Giăng 5:3b-4) là lời bình luận thêm để giải thích

1. sự có mặt của tất cả người bệnh xung quanh hồ nước
2. vì sao người bệnh này ở đó lâu vậy
3. vì sao người bệnh này mong ước được ai đẩy xuống hồ nước, Giảng 5:7

Lời bình luận rõ ràng dựa trên câu chuyện truyền miệng của người Do-thái, không nằm trong Phúc Âm Giảng nguyên bản. Bằng chứng câu này được thêm vô sau này như sau

1. không có trong văn bản P⁶⁶, P⁷⁵, \aleph , B, C*, D
2. được đánh dấu * trong trên 20 văn bản muộn tiếng Hy-lạp, có nghĩa rằng câu này không được coi thuộc gốc
3. có một vài lời Giảng không nói được thấy trong câu văn ngắn ngủi này.

Nó được thấy trong vài văn bản sớm A, C³, K, và L. trong văn bản Diatessaron (khoảng A.D. 180), trong văn tự của Tertullian (A.D. 200), Ambrose, Chrysostom, and Cyril. Mặc dầu cổ xưa, nhưng không có trong Phúc Âm nguyên bản được linh ứng. Trong tiếng Anh, câu văn này có trong các bản dịch KJV, NKJV, NASB (1995 hiệu đính, với ngoặc đơn), nhưng bị bỏ ra trong các bản dịch NASB (1970), NRSV, NJB, REB, NET Bible, and NIV.

Để có thông tin cho một tranh luận tốt về sự khác biệt giữa các văn bản, xin xem bài viết của nhà phê bình Gordon Fee, *To What End Exegesis?*, pp. 17-28.

5:5-6 Chính xác vì sao Chúa Giê-su chọn người bệnh này chúng ta không thể biết. Có thể ông ấy nằm ở đó lâu nhất. Chẳng cần một mức độ niềm tin lớn trong ông để làm phép lạ. Rõ ràng Chúa Giê-su cố gắng khởi xướng một cuộc chạm chán với các nhà lãnh đạo Do-thái để có cơ hội khẳng định Ngài là Đấng Mê-si-a. Lời tiên tri tận thế trong Ê-sai 35:6 có thể liên hệ tới sự chữa lành bởi Đấng Mê-si-a.

Nhiều sự chữa lành của Chúa Giê-su không nhất thiết vì cá nhân người bệnh, nhưng vì những người chứng kiến:

1. môn đồ
2. giới thẩm quyền Do-thái
3. đám đông

Các Phúc Âm lựa chọn một số sự kiện, phép lạ mang tính đại diện của những gì Ngài thường làm, với mục đích lựa chọn để bày tỏ:

1. Danh vị của Ngài

2. Tình thương của Ngài
3. Quyền năng của Ngài
4. Thâm quyền của Ngài.
5. Việc Ngài mặc khải Đức Chúa Cha
6. Việc Ngài mặc khải Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a

5:8 "Hãy đứng dậy, vác chõng của ngươi và bước đi" Đây có một loạt các mệnh lệnh thức.

1. bắt đầu bằng mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại
2. tiếp theo bởi mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ
3. cuối cùng là mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại

Giường, chõng là một miếng nệm vải người nghèo dùng để nằm ngủ. Người bệnh, què, liệt dùng để ngồi qua ngày (Xem Mác 2:4,9,11,12; 6:55; Công vụ 9:33).

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIẢNG 5:9b-18

^{9b} Hôm ấy là ngày sa-bát. ¹⁰Những người Do Thái nói với người được chữa lành: “Hôm nay là ngày sa-bát, anh không được phép vác giường.” ¹¹Nhưng anh ta đáp: “Người đã chữa lành cho tôi bảo tôi: ‘Hãy vác giường ngươi và đi.’” ¹²Họ hỏi: “Ai là người bảo anh: ‘Hãy vác giường và đi?’” ¹³Nhưng người được chữa lành không biết là ai, vì Đức Chúa Jê-sus đã lẩn vào đám đông tại đó. ¹⁴Sau đó, Đức Chúa Jê-sus gặp người này trong đền thờ thì nói với anh ta: “Này, ngươi đã được lành bệnh rồi, đừng phạm tội nữa, e có điều càng tệ hơn xảy đến cho ngươi chẳng.” ¹⁵Người này đi nói với những người Do Thái rằng Đức Chúa Jê-sus là người đã chữa bệnh cho mình. ¹⁶Do đó, người Do Thái bắt bớ Đức Chúa Jê-sus, vì Ngài làm những việc này trong ngày sa-bát. ¹⁷Nhưng Ngài phán với họ: “Cha Ta vẫn đang làm việc cho đến bây giờ, Ta cũng làm việc như vậy.” ¹⁸Vì thế, người Do Thái càng tìm cách giết Ngài, vì Ngài không chỉ phá luật ngày sa-bát mà còn gọi Đức Chúa Trời là Cha, tự cho mình bình đẳng với Đức Chúa Trời.

5:9b "Hôm ấy là ngày sa-bát" các lãnh đạo Do-thái không lấy làm vui vẻ khi một người bệnh được chữa lành trong ngày Sa-bát. Họ cảm thấy bị xúc phạm khi Chúa Giê-su làm sai luật Truyền Khẩu liên hệ tới Sa-bát (sau này được hệ thống trong Talmud) (Xem Giảng 5:16, 18; Ma-thi-ơ. 7: 1-23).

Chúa Giê-su chữa lành trong ngày Sa-bát có thể được giải thích như hai cách sau:

1. Ngài chữa lành hàng ngày, nhưng sự tranh luận được đẩy lên trong ngày Sa-bát
2. Ngài chủ ý chọn chữa lành trong ngày Sa-bát để đẩy lên sự tranh luận, với mục đích lôi kéo giới lãnh đạo Do-thái vào cuộc hội thoại thần học.

Chúa Giê-su thường chữa lành trong ngày Sa-bát (Xem Ma-thi-ơ. 12:9-14; Mác 1:29-31; 3:1-6; Lu-ca 6:6-11; 14:1-6; Giảng 5:9-18; 9:14). Chúa Giê-su đuổi quỷ trong ngày Sa-bát (xem Mác 1:21-28); Lu-ca 13:10-17). Chúa Giê-su bảo vệ các môn đồ khi họ bị chỉ trích vì ăn trong ngày Sa-bát (Xem Ma-thi-ơ. 12:1-8; Mác 2:23-28). Chúa Giê-su bắt đầu các chủ đề gây tranh cãi tại nhà hội trong ngày Sa-bát (Xem Lu-ca 4:16-30; Giảng 7:14-24).

5:13 "Chúa Giê-su lẩn vào" Theo nghĩa đen, “nghiêng đầu về một phía”. Chúa Giê-su ăn mặc giống như một người Do-thái đương thời, nên Ngài có thể biến mất dễ dàng trong đám đông.

5:14

**NASB, NRSV,
NJB"đừng gây tội nữa"
NKJV"đừng phạm tội"
TEV"vậy hãy ngưng tội"**

“Gây tội” - Đây là mệnh lệnh thúc chủ động thì hiện tại với tiểu từ phủ nhận “đừng”, thường có ý nghĩa rằng chấp dứt một hành động đang tiếp diễn. Nhưng, hình như không phải như vậy trong ngữ cảnh ở đây (Xem NET Bible, p. 1907 #8). Các thần học gia Do-thái trong thế kỷ đầu tiên coi bệnh tật liên quan tới tội lỗi (Xem Gia-cơ 5:14-15). Điều này không thể dùng để giải thích tất cả các bệnh tật, ví dụ chuyện Chúa Giê-su chữa lành người mù bẩm sinh (Xem Giảng 9) và lời Chúa trong Lu-ca 13:1-4.

Chúa Giê-su đang làm việc với cuộc sống tâm linh của người bệnh này. Hành động phản ánh đức tin và tấm lòng của chúng ta. Đức tin theo Kinh Thánh mang tính cách chủ quan và khách quan, thay đổi cả về khái niệm và hành động.

Ngày nay có xu hướng nhấn mạnh về sự chữa lành thuộc thể. Không ai nghi ngờ Đức Chúa Trời vẫn còn chữa lành, nhưng sự chữa lành thuộc thể phải đi đôi với sự thay đổi thuộc linh của cuộc sống và ưu tiên. Một câu hỏi thiết thực cần được nhắc tới: “vì sao bạn muốn được chữa lành?”

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CHỮA LÀNH

Tôi lấy làm sững sốt khi biết rằng không phải tất cả mọi người được Chúa chữa lành trong Tân Ước đều được cứu (có nghĩa tin cậy Đấng Christ và hưởng sự sống đời đời) Sự chữa lành thuộc thể không đồng nghĩa với sự cứu rỗi tâm linh. Các phép lạ chỉ hữu ích khi chúng khiến chúng ta gần gũi Chúa hơn. Nhân loại phải sống trong thế giới sa ngã. Sự dữ xảy ra, Chúa thường không can thiệp, nhưng điều đó không có nghĩa là Chúa không thương xót và không quan tâm. Chúng ta hãy cẩn thận khi đòi hỏi phép lạ mỗi một khi có chuyện gì xảy ra trên thế gian xấu xa. Chúa có quyền tể trị, chúng ta không thể biết hết các khía cạnh của mỗi một hoàn cảnh

Ở đây tôi xin thêm lời bình luận của tôi từ 2 Ti-mô-thê 4:20 về Phao-lô và sự chữa lành thuộc thể (tham khảo www.freebiblecommentary.org):

"Có nhiều câu hỏi chúng ta muốn các tác giả Tân Ước trả lời. Một trong các câu hỏi ấy là sự chữa lành thuộc thể". Trong Công vụ (xem. 19:12; 28:7-9) Phao-lô có thể chữa lành nhưng trong 2 Ti-mô-thê 4:20, cũng như 2 Cô-rin-tô 12:7-10 and Phi-líp. 2:25-30, dường như ông không thể. Vì sao có người được chữa, nhưng người khác lại không? Phải chăng thời điểm liên hệ tới sự chữa lành đã qua đi?

Tôi tin Đức Chúa Cha đầy lòng thương xót, đã và đang chữa lành thuộc thể lẫn thuộc linh, nhưng vì sao sự chữa lành ấy dường như lúc có lúc không. Tôi không nghĩ điều này liên hệ đến niềm tin cá nhân, bởi Phao-lô đâu thiếu niềm tin? (xem 2 Cô-rin-tô 12). Tôi tin rằng sự chữa lành và niềm tin vào phép lạ khẳng định lẽ thật và giá trị của Phúc Âm, thường ở những nơi Tin lành mới được công bố. Mặc dầu vậy tôi cảm thấy Đức Chúa Cha muốn chúng ta bước đi bằng niềm tin hơn bằng thị giác. Thêm vào đó, bệnh tật thuộc thể thường được cho phép xảy ra trong cuộc sống Cơ-đốc nhân:

1. như hình thức kỷ luật tạm thời,
2. như hậu quả tội lỗi trong thế gian suy hóa, và
3. như phương cách giúp cơ đốc nhân trưởng thành thuộc linh

Nan đề là không bao giờ tôi biết được điều gì kể trên đang xảy ra. Tôi chỉ cầu nguyện, rằng ý chỉ của Chúa được thực thi trong từng trường hợp, không phải vì thiếu niềm tin cá nhân, nhưng vì chấp nhận Đức Chúa Trời Ôn Huệ và Thương Xót làm việc trong từng cuộc sống

Đây là kết luận của tôi:

1. Chữa lành là khía cạnh quan trọng trong chức vụ của Chúa Giê-su và các môn đồ.
2. Chủ yếu được dùng để khẳng định sứ điệp cấp tiến về Đức Chúa Trời và Thiên Quốc
3. Bày tỏ tấm lòng của Đức Chúa Trời đối với người bị thương tổn.
4. Đức Chúa Trời không hề biến đổi (Ma-la-chi. 3:6) và Ngài vẫn chữa lành trong yêu thương (Sự chữa lành cũng như tất cả mọi ân tứ thuộc linh vẫn tiếp tục ngày nay) .
5. Một số trường hợp sự chữa lành không xảy ra dù có niềm tin mạnh mẽ, (Một cuốn sách nhỏ của Gordon Fee, "The Disease of the Health, Wealth Gospel" đã giúp tôi nhiều trong lĩnh vực này).
 - a. Paul, 2 Cô-rin-tô. 12:7-10
 - b. Trophimus, 2 Tim. 4:20
6. Tội lỗi và bệnh tật thường đi đôi trong cách suy nghĩ của các thầy dạy luật (xem John. 9:2; James 5:13-18).
7. Sự chữa lành không được bảo đảm trong giao ước mới, không nằm trong tiên tri Ê-sai 52:4-5, Thi-

thiên 103:3 Trong những câu này, sự chữa lành chỉ mang tính chất minh họa sự tha thứ. (xem Ê-sai. 1:5-6, cũng như bệnh tật là ẩn dụ của tội lỗi).

8. Vẫn còn là điều bí ẩn vì sao có người được chữa có người lại không.

9. Có thể sự chữa lành xảy ra trong nhiều thế kỷ. Nhưng thường xuyên hơn trong thời Chúa thi hành chức vụ và thời Chúa sẽ tái lâm.

5:15 ¹⁵"Người này đi nói với những người Do Thái " Không biết được động cơ nào khiến người này thông báo cho nhà cầm quyền về Chúa Giê-su.

1. Cũng có thể đây là hành động thiếu suy nghĩ, nhỏ nhen, chứng tỏ sự chữa lành không nhất thiết phải bắt đầu hoặc kết thúc bởi đức tin.

2. Chúa Giê-su sai người này làm như vậy (Xem Ma-thi-ơ. 8:4; Mác 1:44; Lu-ca 5:14; 17:14)

5:16 "vì Ngài làm những việc này trong ngày sa-bát" Động từ "làm" trong thể chưa hoàn thành, chỉ định, chủ động, có nghĩa đang diễn ra trong quá khứ. Đây không phải là lần đầu tiên hoặc cuối cùng việc Chúa chữa lành trong ngày Sa-bát!

5:17

NASB"Nhưng Ngài trả lời họ"

NKJV, REB,

NRSV, NIV"Nhưng Chúa Giê-su trả lời họ"

NJB"câu Chúa trả lời họ là"

Các nhà sao chép văn bản Hy-lạp sớm có xu hướng.

1. đơn giản hóa ngữ pháp
2. cụ thể hóa các đại từ ám chỉ.
3. tiêu chuẩn hóa các câu văn

Khó biết được nguyên bản của Giăng 5:17 như thế nào.

1. "Nhưng Ngài. . ." - P⁷⁵, 8, B, W
2. "Nhưng Chúa Giê-su. . ." - P⁶⁶, A, D, L
3. "Nhưng Chúa. . ." hay "Chúa Giê-su" - bản Syriac

Liên hội Thánh Kinh UBS⁴ xếp khả năng thứ hai vào hạng "C" gives option #2 a "C" (khó quyết định).

▣ "Cha Ta vẫn đang làm việc cho đến bây giờ, Ta cũng làm việc như vậy" Cả hai lần động từ "làm việc" đều ở trong dạng trung cách, chỉ định, hiện tại. Chúa Giê-su xác nhận Đức Chúa Cha, không ngừng làm điều tốt lành trong ngày Sa-bát, cũng vậy với Đức Chúa Con. (Tài liệu tham khảo tốt của tác giả Manfred Brauch, *Abusing Scripture*, p. 219). Đây là điều khẳng định rằng Chúa Giê-su biết rõ mọi liên hệ đặc thù của mình với Cha (Xem Giăng 5:19-29).

Người Do-thái có khái niệm về thuyết đơn thần (Xem Phục truyền. 6:4), thể hiện một cách thực tế là "có một Căn Nguyên cho tất cả các sự kiện trên thế gian. (Xem Quan xét. 9:23; Gióp 2:10; Truyền đạo. 7:14; Is. 45:7; 59:16; Ca-thương. 3:33-38; A-mốt 3:6). Tất cả mọi sự kiện, cuối cùng được quy về là hành động của Đức Chúa Trời. Khi Chúa Giê-su khẳng định hai Thần vị: Cha và Con trong thế gian, Ngài nói tới nhị nguyên thuộc linh, một điều khó hiểu trong thuyết Ba Ngôi: Có một Đức Chúa Trời, nhưng có ba thể hiện cá nhân. (Xem Ma-thi-ơ. 3:16-17; 28:19; Giăng 14:26; Công vụ 2:33-34; Rô-ma. 8:9-10; 1 Cô-rin-tô. 12:4-6; 2 Cô-rin-tô. 1:21-22; 13:14; Ga-la-ti. 4:4; Ê-phê-sô. 1:3-14; 2:18; 4:4-6; Tít 3:4-6; 1 Phi-e-rơ. 1:2). (Xem chủ Đề Đặc Biệt Ba Ngôi ở câu 14:26)

5:18 ¹⁸"Vì thế, người Do Thái càng tìm cách giết Ngài" Có hai lý do người Do-thái muốn giết Chúa Giê-su.

1. Chúa công khai phá bỏ (theo nghĩa đen "nói lủng") luật Truyền Khẩu (Talmud) liên hệ tới Sa-bát. Ở đây động từ " phá bỏ" trong thể chưa hoàn thành, chủ động chỉ định, Xem Ma-thi-ơ. 5:19). .

2. Tuyên bố của Chúa cho thấy người Do-thái hiểu Chúa khẳng định mình ngang hàng với Đức Chúa Trời (Xem Giảng 8:58-59; 10:33; 19:7)

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) GIẢNG 5:19-23

¹⁹Bởi vậy, Đức Chúa Jê-sus nói với họ: “Thật, Ta bảo thật các ngươi, Con không thể tự mình làm điều gì, nhưng chỉ làm điều Con thấy Cha làm; vì bất cứ điều gì Cha làm, Con cũng làm như vậy.”²⁰Vì Cha yêu thương Con và bày tỏ cho Con mọi điều Cha làm. Cha sẽ còn bày tỏ cho Con những việc vĩ đại hơn những việc này nữa để các ngươi phải kinh ngạc.²¹Như Cha đã khiến những người chết sống lại thể nào thì Con cũng ban sự sống cho người nào Con muốn thể ấy.²²Cha cũng không phán xét ai hết, nhưng giao trọn quyền phán xét cho Con,²³để mọi người đều tôn kính Con cũng như tôn kính Cha vậy. Ai không tôn kính Con thì cũng không tôn kính Cha là Đấng đã sai Con đến

5:19,24,25 "Thật, Ta bảo thật" nguyên bản: "A-men, a-men." Thuật ngữ A-men được chuyển chữ từ tiếng Hê-bơ-ơ. Ý nghĩa chính là “sự đáng tin cậy”, “khẳng định một lẽ thật”. Chúa Giê-su là vị duy nhất dùng chữ A-men đầu câu, với mục đích nhấn mạnh lời tuyên bố. Giảng cũng là người duy nhất ghi chép sự lặp lại A-men, A-men. Xin tham khảo chủ đề đặc biệt A-men ở câu 1:51.

5:19 "Con" Sự lặp lại từ “Con” trong vài câu sắp tới có ý nghĩa thần học quan trọng. Nó được dùng 8 lần trong một phân đoạn ngắn ngủi. Nó bày tỏ rằng Chúa Giê-su biết rõ mối liên hệ của mình với Đức Chúa Cha và phản ánh cả danh hiệu “Con Người” và “Con Đức Chúa Trời”

▣ **"Con không thể tự mình làm điều gì"** Như thường lệ, Tân Ước cho biết nghịch lý về Chúa Giê-su:

1. Ngài hiệp một với Đức Chúa Cha (Xem Giảng 1:1; 5:18; 10:30,34-38; 14:9-10; 20:28)
2. Ngài tách biệt với Đức Chúa Cha (Xem Giảng 1:2,14,18; 5:19-23; 8:28; 10:25,29; 14:10,11,12,13,16; 17:1-2)
3. Ngài đầu phục Đức Chúa Cha (Xem Giảng 5:20,30; 8:28; 12:49; 14:28; 15:10,19-24; 17:8)

Điều này chứng tỏ Chúa Giê-su tuy trọn vẹn Thần Đức, nhưng là Một Mặt Khải tách riêng, cá biệt, của Ngôi vị Đức Chúa Trời vĩnh hằng .

Lời giải kinh hiệu đính bởi John Raymond E. Brown, *The Jerome Biblical Commentary*, có chỉ ra một điểm hữu ích, đó là:

"Ý nghĩa “sự lệ thuộc” không nên bị loại ra bằng cách cho rằng lời Chúa ám chỉ nhân tính của Ngài. Nếu vậy sẽ sai quan điểm thánh Giảng về Đấng Christ. Thật ra Chúa Giê-su đang nói về sự hài hòa trong hành động giữa Cha và Con - là điều đòi hỏi xác nhận danh tính. Cách nói này cũng được thấy từ câu Giảng 16:12 trở đi, về sự hài hòa giữa Chúa Giê-su và Đức Thánh Linh. Trong cả Phúc Âm, chúng ta không thấy Ba Ngôi trong lý thuyết trừu tượng, trái lại cảm nhận sự gắn gũi theo quan điểm Cứu Chuộc" (p. 434).

▣ **"nhưng chỉ làm điều Con thấy Cha làm"** Nhân loại chưa bao giờ thấy Đức Chúa Cha. (Xem Giảng 5:37 và 1:18), Nhưng Đức Chúa Con khẳng định sự biết rõ một cách cá nhân, gần gũi và trung thực về Ngài (Xem Giảng 1:1-3).

▣ **"vì bất cứ điều gì Cha làm, Con cũng làm như vậy"** Trong hành động và giáo huấn của Chúa Giê-su, nhân loại thấy được Đức Chúa Trời vô hình (Xem Cô-lô-se. 1:15 Hê-bơ-ơ. 1:3).

5:20 "Vì Cha yêu thương Con và bày tỏ cho Con mọi điều Cha làm" Cả hai động từ đều ở trong thể chỉ định, chủ động, thì hiện tại, nói về hành động xảy ra một cách liên tục. Động từ “yêu” ở đây có gốc thuật ngữ *phileō*. Thường người ta trông chờ tác giả sẽ dùng thuật ngữ *agapeō* như trong Giảng 3:35. Cả hai từ đều nói

về tình yêu, với những ứng dụng trùng lặp trong tiếng Koine Hy-lạp (see D. A. Carson, *Exegetical Fallacies*, 2nd ed., pp. 32-33 and F. F. Bruce, *Answers to Questions*, p. 73).

▣ **"công việc vĩ đại hơn"** Trong ngữ cảnh, Chúa đang nói về việc khiến người chết sống lại (Giăng 5:21,25-26) và phán xét (Giăng 5:22,27).

▣ **"mọi người phải kinh ngạc"** đây là chi tiết ám chỉ mục đích. Mục đích các phép lạ là để các người Do-thái (các người trong số nhiều) tin vào sự độc đáo của Chúa Giê-su (Xem Giăng 5:23; Công vụ 13:41 [Ha-bacuc 1:5]).

5:21 "Như Cha đã khiến những người chết sống lại thế nào" Trong Cựu-ước, Đức Chúa Trời là Đấng duy nhất làm người chết sống lại (Xem Phục Truyền 32:39). Việc Chúa Giê-su có thể khiến người chết sống lại tương đương với tuyên bố Ngài ngang hàng với Đức Chúa Trời (Xem Giăng 5:26).

Chúa Giê-su hiện đang ban cho sự sống đời đời. (Xem 2 Cô-rin-tô. 5:17; Cô-lô-sê. 1:13), Sự sống đời đời liên hệ tới phần mặc khải thuộc thể trong Tân Kỳ Nguyên mô tả trong Giăng 5:26 (Xem 1 Thess. 4:13-18). Đường như Giăng nói cụ thể về sự trải nghiệm cá nhân hiện nay với Chúa Giê-su, trong khi trải nghiệm của cá nhân loại sẽ xảy ra trong tương lai, ở thời điểm phán xét và cứu rỗi.

▣ **"thì Con cũng ban sự sống cho người nào Con muốn thể ấy"** Ai là người Chúa Giê-su chọn ban cho sự sống đời đời? Trong ngữ cảnh, câu này không thể dùng làm bằng chứng cho thuyết tiền định Canh-vinh, nhưng khẳng định chỉ có niềm tin vào Chúa Giê-su sẽ đem đến sự sống. (Xem Giăng 1:12; 3:16). Sự giảng co đến từ Giăng 6:44,65. Phải chăng Đức Thánh Linh chọn lựa tất cả mọi người, hay chỉ một số người? Tôi nghĩ lẽ dĩ nhiên con người hư hoại không thể khởi xướng trong lĩnh vực thuộc linh, nhưng phải hưởng ứng sự dẫn dắt của Thánh Linh bằng sự ăn năn, niềm tin và bền đỗ. Có một bí ẩn không thể hiểu nổi vì sao có nhiều người từ chối Phúc Âm. Tôi gọi đó là "bí ẩn bất tin". Đây thực sự là "tội không thể tha thứ" trong Phúc Âm và là "tội đến nỗi chết" trong thư Giăng thứ nhất. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: "Tội đến nỗi chết" ở câu 1 Giăng 5:16

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: giải kinh "TỘI KHÔNG THỂ THA THỨ" theo phương cách chú giải

A. Xin nhớ rằng các Phúc Âm phản ánh bối cảnh Do-thái

1. Có hai loại tội lỗi (xem Lev. 4:2,22,27; 5:15,17-19; Num. 15:27-31; Deut. 1:43; 17:12-13)
 - a. không chủ ý
 - b. có chủ ý

2. Bối cảnh Do-thái trước Ngũ tuần (tức là thời điểm giữa sự hoàn tất Phúc Âm và sự giáng trần của Thánh Linh)

B. Đề ý ngữ cảnh của Mác 3:22-30

1. sự bất tin của chính gia đình Chúa Giê-su (xem. 3:31-32)
2. sự bất tin của người Pha-ri-si (xem 2:24; 3:1,6,22)

C. So sánh những đoạn tương tự chứa đựng chi tiết: "Con Người" thay đổi thành "con cái loài người"

1. Ma-thi-ơ. 12:22-37 (i.e., 12:32, "nói nghịch với Con Người")
2. Luke 11:14-26; 12:8-12 (i.e., 12:10, "nói nghịch với Con Người")
3. Mark 3:28 (i.e., "mọi tội lỗi sẽ được tha cho con cái loài người")

5:22 Hai từ phủ nhận mạnh: "không" và "phán xét" cùng với động từ trong thì đã hoàn thành, nhấn mạnh rằng sự phán xét đã được trao cho Đức Chúa Con (Xem Giăng 5:27; 9:39. Công vụ 10:42; 17:31; 2 Tim. 4:1; 1 Phi-e-rơ. 4:5). Sự nghịch biện giữa câu này và câu Giăng 13:17 được giải thích rằng Chúa Giê-su trong những ngày cuối này không phán xét ai, nhưng bản thân loài người đã tự phán xét khi từ chối Chúa. Sự phán xét của Chúa Giê-su trên những kẻ bất tin dựa trên sự tiếp nhận hay từ chối Chúa.

Sự sống đời đời và sự phân xét là chủ đề của Giăng 3:17-21,36. Tình yêu của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-su sẽ trở nên con thịnh nộ khi bị từ chối. Con người chỉ có hai sự lựa chọn và chỉ một sự lựa chọn dẫn đến sự sống đời đời qua niềm tin nơi Đấng Christ (Xem Giăng 10:1-18; 14:6; 1 Giăng 5:9-12)!

5:23 "để mọi người đều tôn kính Con" Chữ “mọi người” có thể ám chỉ khung cảnh một toà án trong ngày phán xét cuối cùng. (Xem Phi-lip. 2:9-11).

▣ **"Ai không tôn kính Con thì cũng không tôn kính Cha là Đấng đã sai Con đến"** Tuyên bố này khá giống trong 1 Giăng 5:12. Không ai có thể biết Đức Chúa Trời ngoài biết Chúa Giê-su và tương tự không ai có thể tôn vinh Đức Chúa Trời mà không tôn vinh ngợi khen Đức Chúa Con.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) GIẢNG 5:24-29

²⁴Thật, Ta bảo thật các ngươi, ai nghe lời Ta và tin Đấng đã sai Ta thì được sự sống đời đời và không bị phán xét, nhưng vượt khỏi sự chết mà vào sự sống.²⁵Thật, Ta bảo thật các ngươi, giờ sắp đến, và đã đến rồi, khi những người chết sẽ nghe tiếng Con Đức Chúa Trời, và những người nghe sẽ sống.²⁶Vì như Cha có sự sống trong chính mình thể nào thì Cha cũng ban cho Con sự sống trong chính mình thể ấy.²⁷Cha đã trao thẩm quyền thi hành sự phán xét cho Con, vì Con là Con Người.²⁸Đừng kinh ngạc về điều này, vì giờ sắp đến, khi tất cả những người ở trong mồ mả sẽ nghe tiếng Ngài và bước ra;²⁹ ai đã làm điều lành thì sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ thì sống lại để bị phán xét.

5:24 "Thật, Ta bảo thật" (Xem Giảng 5:25) Giảng lặp lại lời của Chúa Giê-su một cách độc đáo để nhấn mạnh tầm quan trọng của lời tuyên bố sau đó. Xem Chủ đề đặc biệt “A-men, A-men”

▣ **"ai nghe lời Ta và tin Đấng đã sai Ta thì được sự sống đời đời "** Cả ba động từ phát ngôn, hiện tại, chủ động. với mục đích nhấn mạnh niềm tin nơi Đức Chúa Cha được thực thi nơi Đức Chúa Con (Xem 1 Giăng 5:9-12) (Xem chủ đề đặc biệt “Cách Giảng sử dụng động từ “tin” với các giới từ” ở câu 2:23. Trong các Phúc Âm Đồng Quan, sự sống đời đời là một sự kiện tương lai được hy vọng bởi niềm tin, nhưng trong Phúc Âm Giảng sự sống đời đời là một khái niệm hiện tại. (ví dụ., Giảng 8:51; 11:25). Chữ “nghe lời” có thể có nguồn gốc từ chữ “shema” có nghĩa là “vâng lời” (Xem Deut. 6:4).

▣ **"Đấng đã sai Ta"** Động từ (sai đi) là *apostellō* (động tính từ quá khứ) mà gốc từ được dùng để định nghĩa sứ đồ. (Xem Giảng 5:36). Các thầy Ra-bi định nghĩa “là người được sai phái” với tư cách đại diện chính thức cho một”sứ mạng nhất định”. Từ thuật này thường được sử dụng bởi Giảng về việc Đức Chúa Cha sai phái Đức Chúa Con như đại diện của Ngài. Tham khảo Giảng 4:34.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SAI ĐI (*apostellō*), nguồn gốc của thuật ngữ “sứ đồ”

Đây là từ vựng khá phổ thông trong tiếng Hy-lạp “sai đi” (i.e., *apostellō*). Nó có vài ứng dụng thần học:

1. Các thầy Ra-bi định nghĩa một đại diện chính thức như đại sứ quán trong tiếng Việt. (xem 2 Cor. 5:20)
2. Các Phúc Âm sử dụng từ này cho Chúa Giê-su được Cha sai phái. Trong Giảng, tính thuộc Đấng Mê-si-a có phần nổi bật hơn (xem Ma-thi-ơ. 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48 và đặc biệt Giảng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21,23,25; 20:21 [cả từ “*apostellō*” và từ đồng nghĩa *pempō* được dùng trong câu 21]). Nói về Chúa Giê-su sai phái Cơ-đốc nhân (xem. John 17:18; 20:21).
3. Tân Ước dùng ám chỉ các môn đồ
 - a. 12 môn đồ đầu tiên (e.g., Mark 6:30; Luke 6:13; Acts 1:2,26)
 - b. nhóm đặc biệt gồm những trợ lý, cộng tác viên của các sứ đồ
 - (1) Ba-na-ba (xem Acts 14:4,14)
 - (2) An-rô-ni-cơ (KJV, Giu-ni-a, xem Rom. 16:7)
 - (3) A-pô-lô (xem 1 Cor. 4:6-9)
 - (4) Gia-cơ em trai của Chúa Giê-su (xem Gal. 1:19)
 - (5) Sin-vanh và Ti-mô-thê (xem 1 Thess. 2:6)
 - (6) có thể thêm Tít (xem 2 Cor. 8:23)
 - (7) có thể thêm Ép-pa-phô-đích (xem Phil. 2:25)
 - c. một ân tứ (sứ đồ) luôn có trong hội thánh.(xem 1 Cor. 12:28-29; Eph. 4:11)

4. Phao-lô sử dụng thật ngữ này cho bản thân mình trong tất cả các thư tín, khẳng định quyền hạn chúa ban với tư cách đại diện cho Đấng Christ. (xem. Rom. 1:1; 1 Cor. 1:1; 2 Cor. 1:1; Gal. 1:1; Eph. 1:1; Cô-lô-se. 1:1; 1 Tim. 1:1; 2 Tim. 1:1; Titus 1:1).

▣ **"nhưng vượt khỏi sự chết mà vào sự sống"** Động từ “vượt” trong thể chỉ định, chủ động, quá khứ. Có nghĩa r17ng đã xảy ra trong quá khứ, nay trở nên một thực tại. Vương Quốc Đức Chúa Trời hiện đang có và còn có trong tương lai, sự sống đời đời cũng vậy. (Xem Giảng 5:25-26; 1 Giảng 3:14). Giảng 5:25 một tuyên bố mạnh mẽ “Nước Trời đang ở đây!”

5:25 "Giờ sắp đến và đã đến rồi" Đây là cách viết văn của Giảng. từ ngữ và câu văn thường có hai ý nghĩa: Trong trường hợp này, “giờ” có thể là

1. giờ cứu rỗi
2. giờ phán xét

Khoảng thời gian có thể hiện tại hoặc tương lai, (Xem Giảng 5:29; 6:39,44,54). Quyết định hôm nay của một cá nhân đối với Chúa Giê-su ảnh hưởng tới số phận họ ngày mai. Sự cứu rỗi và sự phán xét đều ở trong tình trạng đang xảy ra và kết thúc trong tương lai (Xem Giảng 5:28).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT “GIỜ” (*hōra*)

Thuật ngữ Giờ” được dùng trong vài cách trong Phúc Âm.

1. nói về thời gian (xem Matt. 8:13; Luke 7:21; John 11:9)
2. ẩn dụ về giai đoạn thử thách, tôi luyện (xem Matt. 10:19; Mark 13:11; Luke 12:12)
3. ẩn dụ cho Chúa Giê-su thực thi chức vụ (xem John 2:4; 4:23)
4. ẩn dụ cho ngày phán xét (tức là sự Tái lâm, xem Matt. 24:36,44; 25:13; Mark 13:32; John 5:25,28)
5. ẩn dụ cho sự thương khó của Chúa Giê-su (xem Matt. 26:45; Mark 14:35,41; John 7:30; 8:20; 12:23,27; 13:1; 16:32; 17:1)

▣ **"khi những người chết sẽ nghe tiếng Con Đức Chúa Trời"** Giảng 5:25 nói về người chết thuộc linh, Giảng 5:29 nói về sự sống lại của người chết thuộc thể. Kinh Thánh nói về ba loại chết

1. chết thuộc linh (Xem Sáng Thế Ký 3)
2. chết thuộc thể (Xem Sáng Thế Ký 5)
3. chết đời đời (Xem Ê-phê-sô. 2:2; Rev. 2:11; 20:6,14) hồ lửa, địa ngục (*Gehenna*).

Ở đây có một câu: Con của Đức Chúa Trời, xem chủ đề đặc biệt: “Con của Đức Chúa Trời” Sở dĩ câu này ít được sử dụng bởi vì quan điểm tôn giáo Hy-lạp cho rằng thần Olympus lấy vợ sinh con với phụ nữ loài người. Danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” không ám chỉ Chúa Giê-su là hậu tự theo con đường sinh dục, nhưng ám chỉ mối tương giao mật thiết với Cha. Ẩn dụ này rất quen thuộc đối với Người Do-thái. Chúa Giê-su khẳng định một cách rõ ràng Thần Đức của mình cho các lãnh đạo Do-thái theo sự hiểu biết của họ trong Cựu Ước. (Xem Giảng 5:21,26).

5:26 "như Cha có sự sống trong chính mình" Câu này giải thích ý nghĩa danh hiệu Giê-hô-va (YHWH) của Đức Chúa Trời từ Xuất Ê-gíp-tơ. 3:14. Động từ “Là” (trong cụm từ “Ta là”) trong tiếng Hê-bơ-rơ ám chỉ: “Đấng Duy-nhất, Hằng-sống”. Xem chủ đề đặc biệt “các danh hiệu của Thần Linh”

Trong Cựu Ước chỉ có Giê-hô-va có sự sống (Xem 1 Tim. 1:17; 6:16) và chỉ có Ngài ban sự sống cho tạo vật (Gióp 10:12; 33:4; Thi-thiên. 36:9). Chúa Giê-su tuyên bố Ngài được Giê-hô-va ban thẩm quyền đặc biệt ấy.

▣ **"thì Cha cũng ban cho Con sự sống trong chính mình thể ấy."** Đây là một khẳng định mạnh mẽ về Thần Đức của Chúa Giê-su (Xem Giảng 1:4; 1 Giảng 5:11).

5:27 Lý do Chúa Giê-su có thẩm quyền (*exousia*, Xem Giảng 10:18; 17:2; 19:11) phán xét công minh bởi Ngài là Thần – nhân, vừa là Đức Chúa Trời, vừa là con người một cách trọn vẹn. Chúng ta không thấy mạo từ hạn định cho câu “con người” (Xem Ezek. 2:1 and Thi-thiên. 8:4). Chúa biết rõ con người (Xem Hê-bơ-rơ.

4:15) và Chúa biết rõ Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 1:18; 5:30). (Tiếng Anh: The Son (có mạo từ hạn định) và son of man (không có mạo từ hạn định, N.D)); (Sự khác biệt trong tiếng Việt: viết hoa hay không viết hoa chữ con N.D).

Thật ngạc nhiên về ngữ cảnh khi tự xưng "Con" với mạo từ hạn định (nói về Con Trời), (Xem Giăng 5:19 [hai lần], 20, 21, 22, 23 [hai lần], 25, 26), Chúa Giê-su lại dùng cho mình danh hiệu "con người" (không có mạo từ hạn định thường dùng) trong Giăng 5:27. Chúng ta cũng thấy sự thay đổi giữa (1) Giăng 3:13, 14 so với Giăng 3:16, 17, 18, 35, 36; (2) Giăng 6:27, 53 so với Giăng 6:40; and (3) Giăng 8:28 so với Giăng 8:35, 36. Chúa Giê-su dùng cả hai danh hiệu về Ngài một cách thay đổi lẫn nhau.

5:28 "Đừng kinh ngạc về điều này" Đây là động từ mệnh lệnh thức, chủ động, hiện tại với tiểu từ phủ nhận, có nghĩa dừng lại một hành động đang xảy ra. Cũng như câu trước, bằng những câu tiếp theo Chúa làm các nhà lãnh đạo Do-thái sùng sốt.

▣ **"tất cả những người ở trong mồ mã sẽ nghe tiếng Ngài "** Đây dường như tiếng reo hò của Đấng Mê-si-a khi Ngài tái lâm. (Xem 1 Thess. 4:16). Lã-xa-rơ (Xem Giăng 11:43) được làm sống lại là khuôn mẫu cho sự kiện này. Nó không phân biệt sự thật trong 2 Cô-rin-tô. 5:6, 8. Nó khẳng định sự phán xét và thẩm quyền toàn cầu của Đức Chúa Con.

Hầu hết ngữ cảnh liên hệ tới thực tại sự sống thuộc linh "ở đây và đang xảy ra", (Thời đại cuối cùng ngày nay). Nhưng câu này cũng ám chỉ về sự kiện tận thế trong tương lai. Đây là tình trạng "giăng co" giữa hai thời kỳ đang có và sẽ tới thể hiện trong các Phúc Âm đồng Quan, nhưng mạnh mẽ nhất được thấy trong Giăng.

5:29 Kinh thánh nói về sự sống lại của cả người lành lẫn kẻ ác. (Xem Đa-ni-en 12:2; Ma-thi-ơ. 25:46; Act 24:15). Nhưng cũng có nhiều câu chỉ nhấn mạnh sự sống lại của người công bình mà thôi, (Xem Gióp 19:23-29; Isa. 26:19; Jn 6:39-40, 44, 54; 11:24-25; 1 Cô-rin-tô. 15:50-58).

Ở đây không ám chỉ sự phán xét dựa trên công việc, nhưng dựa trên lối sống của Co-đốc nhân. (Xem Ma-thi-ơ. 25:31-46; Ga-la-ti. 5:16-21). Nguyên tắc chung trong vương quốc và lời phán của Đức Chúa Trời là "con người gieo gì gặt nấy". (Xem Châm ngôn. 11:24-25; Ga-la-ti. 6:6), hoặc có thể trích dẫn trong Cựu Ước: "Đức Chúa Trời sẽ báo ứng dựa theo hành động của họ" (Xem Thi-thiên. 62:12; 28:4; Gióp 34:11; Châm ngôn. 24:12; Ma-thi-ơ. 16:27; Rô-ma. 2:6-8; 1 Cô-rin-tô. 3:8; 2 Cô-rin-tô. 5:10; Ê-phê-sô. 6:8 and Cô-lô-se. 3:25).

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIĂNG 5:30

³⁰Ta không thể tự mình làm điều gì; Ta phán xét theo điều Ta nghe, và sự phán xét của Ta là công minh, vì Ta không tìm ý riêng mình, nhưng tìm ý của Đấng đã sai Ta.

5:30 Chúa Giê-su, Ngôi Lời nhập thể đầu phục Đức Chúa Cha, sự đầu phục được nhấn mạnh trong Giăng 5:19 ("Đức Chúa Con không thể làm gì"). Điều này không nói là Đức Chúa Con thấp kém vị thế, nhưng Ba Ngôi đã phân chia sứ mạng cứu rỗi giữa Cha, Con và Thánh Linh

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) GIĂNG 5:31-47

³¹Nếu Ta tự làm chứng cho mình thì lời chứng của Ta không đáng tin. ³²Có Đấng khác làm chứng cho Ta; Ta biết lời Đấng ấy làm chứng về Ta là thật. ³³Các người phải người đến với Giăng, và Giăng đã làm chứng cho chân lý. ³⁴Không phải Ta cần nhờ vào lời chứng của loài người, nhưng Ta nói những điều này để các người được cứu. ³⁵Giăng là ngọn đèn thấp sáng, còn các người thì muốn tạm vui hưởng trong ánh sáng của người. ³⁶Nhưng Ta có một lời chứng vĩ đại hơn của Giăng; vì những công việc Cha giao cho Ta hoàn tất, chính những công việc Ta đang thực hiện đây, làm chứng rằng Cha đã sai Ta. ³⁷Chính Cha, Đấng đã sai Ta, cũng làm chứng cho Ta. Các người chưa hề nghe tiếng Ngài, hoặc

thấy hình dạng Ngài,³⁸ và lời Ngài cũng không ở trong các người, vì các người không tin Đấng Ngài đã sai đến.³⁹ Các người tra cứu Kinh Thánh, vì nghĩ rằng trong đó có sự sống đời đời. Chính Kinh Thánh làm chứng về Ta,⁴⁰ vậy mà các người không muốn đến với Ta để được sự sống đời đời.

⁴¹Ta không cầu vinh quang nơi loài người,⁴² nhưng Ta biết các người không có tình yêu thương của Đức Chúa Trời ở trong chính mình.⁴³ Ta đã nhân danh Cha Ta mà đến, nhưng các người không tiếp nhận Ta, nếu có ai khác nhân danh chính mình mà đến thì các người sẽ tiếp nhận.⁴⁴ Các người vẫn nhận vinh quang của nhau, không tìm cầu vinh quang đến từ Đức Chúa Trời duy nhất thì làm sao các người tin được?⁴⁵ Đừng nghĩ rằng Ta sẽ tố cáo các người trước mặt Cha. Người sẽ tố cáo các người là Môi-se, người mà các người đặt hi vọng.⁴⁶ Nếu các người tin Môi-se thì cũng tin Ta, vì Môi-se viết về Ta.⁴⁷ Nhưng nếu các người không tin những lời Môi-se viết thì làm thế nào các người tin lời Ta được?"

5:31 Trong Cựu ước đòi hỏi có hai nhân chứng cho bất cứ một sự việc. (Xem Dân số 35:30; Phục Truyền 19:15). Trong bối cảnh như vậy Chúa Giê-su cung cấp 5 nhân chứng cho Ngài

1. Đức Chúa Cha (Giăng 5:32,37)
2. Giăng Báp-tít (Giăng 5:33, Xem Giăng 1:19-51)
3. Công việc của Chúa Giê-su (Xem Giăng 5:36)
4. Thánh Kinh (Xem Giăng 5:39)
5. Mô-sê (Xem Giăng 5:46) được phản ánh trong Phục Truyền 18:15-22

Xem chủ đề đặc biệt: Nhân chứng cho Chúa Giê-su ở câu 1:8

▣ **"Nếu"** Đây là câu điều kiện hạng ba, nói về khả năng xảy ra một hành động.

▣ **"Lời chứng của Ta không đáng tin"** Điều này dường như phản nghịch với Giăng 8:14. Ngữ cảnh cho thấy những lời nói này xảy ra trong các hoàn cảnh khác nhau. Ở đây Chúa cho biết có bao nhiêu nhân chứng cho Chúa, nhưng trong câu 8:14, Chúa khẳng định chỉ một mình lời Ngài là cần thiết.

Về ý nghĩa chữ "đáng tin" xem chủ đề đặc biệt "Khái niệm "Sự thật" trong văn tự của Giăng" ở câu 6:55

5:32 "Có Đấng khác làm chứng cho Ta" Đấng khác ám chỉ Đức Chúa Cha. (Xem 1 Giăng 5:9) bởi vì từ "khác" được dùng là *allos*, có nghĩa "cá nhân khác cùng loại". thay vì chữ *heteros*, có nghĩa là "cá nhân khác khác loại", mặc dù sự khác biệt không rõ ràng trong tiếng Koine Hy-lạp. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chứng nhân cho Chúa Giê-su

5:33 "Các người phái người đến với Giăng" Ám chỉ Giăng Báp-tít (Xem Giăng 1:19).

5:34 "Ta nói những điều này để các người được cứu" Động từ "nói" ở đây trong thể cầu khẩn, quá khứ bị động. Thể bị động nói về Đức Chúa Trời hoặc Thánh Linh hành động (qua Chúa Giê-su, N.D). (Xem Giăng 6:44,65). Hãy nhớ rằng Phúc Âm là truyền đạo đơn chứ không phải hồi ký lịch sử. (Xem Giăng 20:30-31).

5:35 "Giăng là ngọn đèn thấp sáng" Đây lại là một sự nhấn mạnh về ánh sáng, tương tự với sứ điệp dọn đường của Giăng (Xem Giăng 1:6-8).

5:36 "chính những công việc Ta đang thực hiện đây, làm chứng rằng Cha đã sai Ta" Hành động của Chúa Giê-su ứng nghiệm tiên tri về Đấng Mê-si-a từ trong Cựu Ước. Người Do-thái đương thời đáng phải nhận thấy những dấu hiệu thuộc Đấng Mê-si-a, như chữa mù, chữa tật nguyền, hóa bánh cho người nghèo ăn ((Xem Ê-sai. 29:18; 32:3-4; 35:5-6; 42:7). Quyền năng trong giáo huấn, lối sống công nghĩa, tình thương và phép lạ mâu nhiệm làm chứng một cách rõ ràng Chúa là Ai, từ đâu mà đến và Ai đã sai phái Ngài

5:37 ³⁷"Chính Cha, Đấng đã sai Ta, cũng làm chứng cho Ta" Chúa Giê-su gọi Đức Chúa Trời là Cha, trong ngữ cảnh câu từ Cựu ước (Xem Giăng 5:39).

▣ **"Các người chưa hề nghe tiếng Ngài, hoặc thấy hình dạng Ngài,"** Chúa Giê-su khẳng định người Do-thái đáng phải biết Đức Chúa Trời qua Thánh Kinh và thờ phượng, nhưng họ hoàn toàn không biết Ngài (Xem Giảng 8:43; Isa. 1:1-15; 6:9-10; 29:13; Jer. 5:21).

Trong Cựu ước, ai nhìn thấy Đức Chúa Trời đều phải chết. Người duy nhất gặp mặt Đức Giê-hô-va là Mô-se, mặc dầu vậy ông gặp mặt qua tấm màn và đám mây ngăn cách. Nhiều người cho rằng câu Xuất Ê-gíp-tô 33:23 phản nghịch câu Giảng 1:18. Tuy nhiên trong tiếng Hê-bơ-rơ, vinh quang có nghĩa là vùng hoàng hôn – không nhất thiết trong ý nghĩa thuộc thể

5:38 "lời Ngài cũng không ở trong các người" Đây có hai ẩn dụ mạnh mẽ, trong văn tự của Giảng: Lời Đức Chúa Trời phải được "tiếp nhận" (Xem Giảng 1:12, và một khi đã tiếp nhận phải "ở mãi".) (về chữ "ở mãi" Xem Giảng 8:31; 15:4,5,6,7,10; 1 Giảng 2:6,10,14,17,24,27,28; 3:6,14,15,24). Chúa Giê-su là sự mặc khải trọn vẹn của Đức Chúa Trời's (Xem Giảng 1:1-18; Phi-líp. 2:6-11; Cô-lô-sê 1:15-17; Hê-bơ-rơ. 1:1-3). Sự cứu rỗi được khẳng định bởi mối liên hệ ("biết nhau", theo quan điểm Do-thái - xem Sáng thế. 4:1; Giê-rê-mi. 1:5) và bởi lẽ thật ("biết rằng", theo quan điểm Hy-lạp - xem 2 Giảng 9).

Thuật ngữ "ở mãi" mô tả tính cá nhân, gắn gũi với sự bền đỗ. "Ở mãi" là điều kiện cho sự cứu rỗi thực sự. (Xem Giảng 15) có vài cách sử dụng trong văn tự của Giảng.

1. Con ở trong Cha (Xem Giảng 10:38; 14:10,11,20,21; 17:21)
2. Cha ở trong Con (Xem Giảng 10:38; 14:10,11,21; 17:21,23)
3. Tín đồ ở trong Chúa Con (Xem Giảng 14:20,21; 15:5; 17:21)
4. Tín đồ ở trong Chúa Con và Chúa Cha (Xem Giảng 14:23)
5. Tín đồ ở trong Lời (Xem Giảng 5:38; 8:31; 15:7; 1 Giảng 2:14).

Xem Chủ Đề Đặc Biệt "Ở mãi" in văn tự của Giảng, trong ghi chú cho câu 1 Giảng 2:10

5:39 ³⁹"Các người tra cứu Kinh Thánh", "Tra cứu" ở đây có thể động từ chỉ định, chủ động hiện tại, hoặc mệnh lệnh thức, chủ động, hiện tại. Bởi vì Kinh Thánh nằm trong danh sách những chứng nhân mà người Do-thái từ chối, động từ này có thể là chỉ định. .

Thật đáng thương cho các lãnh đạo Do-thái, họ thực sự đọc, nghiên cứu, ghi nhớ các câu Kinh thánh, nhưng không thể nhận thấy Nhân Vật mà Kinh Thánh muốn chỉ ra. Không có Thánh Linh, Kinh thánh trở nên vô hiệu quả. Sự sống đời đời chỉ đến qua mối liên hệ cá nhân bằng sự vâng phục và tin cậy (Phục Truyền 4:1; 8:13; 30:15-20; 32:46-47).

▣ **"Chính Kinh Thánh làm chứng về Ta"** Đây nói về các câu Kinh Thánh Cựu Ước trở nên hiện thực bởi Chúa Giê-su (Giăng 1:45; 2:22; 5:46; 12:16,41; 19:28; 20:9). Hầu hết các bài truyền giảng ban đầu của Phi-ê-rơ (Xem Công vụ 3:18; 10:43) và Phao-lô (Xem Công vụ 13:27; 17:2-3; 26:22-23,27) đều sử dụng các tiên tri được ứng nghiệm làm bằng chứng về Chúa Giê-su trong vai trò Đấng Mê-si-a. Ngoại trừ một phân đoạn nằm trong Tân Ước (1 Phi-e-rơ. 3:15-16), các phân đoạn khác nói về thẩm quyền của Kinh thánh đều nằm trong Cựu ước. (Xem 1 Cô-rin-tô. 2:9-13; 1 Thess. 2:13; 2 Tim. 3:16; 1 Phi-e-rơ. 1:23-25; 2 Phi-e-rơ. 1:20-21). Chúa Giê-su thấy rõ mình là tiêu điểm, ứng nghiệm, đồng thời là sự giải kinh cho Cựu Ước, xem Ma-thi-ơ. 5:17-48) .

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC BÀI GIẢNG (KERYGMA) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN

1. Lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu ước giờ đây được ứng nghiệm khi Chúa Jê-sus, Đấng Mê-ti-a đến (Công vụ 2:30; 3:19,24; 10:43; 26:6-7, 22; Rô-ma 1:2-4; I Ti-mô-thê 3:16; Hê-bơ-rơ 1:1-2; I Phi-e-rơ 1:10-12; II Phi-e-rơ 1:18-19).
2. Chúa Jê-sus được Đức Chúa Trời xức dầu làm Đấng Mê-ti-a trong báp têm của Ngài (Công vụ 10:38).
3. Chúa Jê-sus bắt đầu chức vụ tại Ga-li-lê sau khi chịu báp têm (Công vụ 10:37).

4. Chức vụ của Ngài được thể hiện qua các việc lành và làm phép lạ bởi quyền năng Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công vụ 2:22; 10:38).
5. Đấng Mê-ti-a bị đóng đinh theo chương trình của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Giăng 3:16; Công vụ 2:23; 3:13-15, 18; 4:11; 10:39; 26:23; Rô-ma 8:34; I Cô-rinh-tô 1:17-18; 15:3; Ga-la-ti 1:4; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 1:2, 19; 3:19; I Giăng 4:10).
6. Ngài sống lại từ trong kẻ chết và hiện ra cho các môn đồ (Công vụ 2:24, 31-32; 3:15,26; 10:40-41; 17:31; 26:23; Rô-ma 8:34; 10:9; I Cô-rinh-tô 15:4-7, 12 và các câu sau; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; I Ti-mô-thê 3:16; I Phi-e-rơ 1:2; 3:18,21).
7. Ngài được Đức Chúa Trời tôn cao và được gọi là “Chúa” (Công vụ 2:25-29, 33-36; 3:13; 10:36; Rô-ma 8:34; 10:9; I Tim 3:16; Hê-bơ-rơ 1:3; I Phi-e-rơ 3:22).
8. Ngài ban Đức Thánh Linh xuống để thành lập một cộng đồng mới của Đức Chúa Trời (Công vụ 1:8; 2:14-18, 38-39; 10:44-47; I Phi-e-rơ 1:12)
9. Ngài sẽ trở lại để đoán xét và phục hồi mọi điều (Công vụ 3:20-21; 10:42; 17:31; I Cô-rinh-tô 15:20-28; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:10)
10. Tất cả những ai nghe sứ điệp này nên ăn năn và chịu báp têm (Công vụ 2:21, 38; 3:19; 10:43, 47-48; 17:30; 26:20; Rô-ma 1:17; 10:9; I Phi-e-rơ 3:21).

Tất cả những điểm trên đã được sử dụng như một sơ đồ thiết yếu cho việc công bố tin mừng của Hội thánh đầu tiên, dầu rằng các tác giả trong Tân ước có thể bỏ qua một phần nào đó hoặc nhấn mạnh đến một số điểm đặc biệt khác trong sơ đồ này khi họ giảng. Toàn bộ Phúc âm theo Mác theo sát quan điểm của Phi-e-rơ về sự giảng dạy *kerygma* này. Truyền thống cho rằng Mác hệ thống lại các bài giảng của Phi-e-rơ giảng ở Rô-ma, và góp lại thành Phúc âm Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

5:41-44 Những câu này phản ánh việc các lãnh đạo Do-thái lấy làm khoan khoái khi được đồng sự ca tụng. Họ tự hào khi trích dẫn các thầy Ra-bi trong quá khứ. Bởi mù lòa thuộc linh, họ không thể thấy Bậc Thầy vĩ đại nhất đang đứng giữa họ. Ở đây Chúa Giê-su chối bỏ Do-thái Giáo của các thầy Ra-bi trong thế kỷ đầu tiên (để ý thêm các ngụ ngôn trong Ma-thi-ơ. 21:33-46; Mác 12:1-12; Lu-ca 20:9-19).

5:41

NASB, NRSV“⁴¹Ta không cầu vinh quang nơi loài người”
NKJV“Ta không nhận sự tôn trọng từ con người”
TEV“Ta không tìm kiếm sự ngợi khen của loài người”
NJB“Vinh quang của loài người chẳng đáng gì cho Ta”

Từ ngữ vinh quang “*doxa*, khó được giải thích (xem chủ đề đặc biệt: Vinh Quang. *Doxa* theo tiếng Hy-lạp tương đương với *kabodh* theo tiếng Hê-bơ-rơ, là phương cách minh họa sự hiện diện rực rỡ, huy hoàng của Đức Chúa Trời (Xem Xuất Ê-gíp-tô. 16:10; 24:17; 40:34; Công vụ 7:2) và ca ngợi tính cách và công việc của Ngài. Một câu phối hợp cả hai yếu tố này là 2 Phi-e-rơ. 1:17.

Khía cạnh rực rỡ của sự hiện diện và tính cách của Đức Chúa Trời được liên hệ tới:

1. các thiên sứ (Xem Lu-ca 2:9; 2 Phi-e-rơ. 2:10)
2. sự ưu việt của Chúa Giê-su (Xem Giăng 1:14; 8:54; 12:28; 13:31; 17:1-5,22,24; 1 Cô-rin-tô. 2:8; Phi-líp 4:21)
3. tương lai sáng lạn của tín đồ (Xem Rô-ma. 8:18,21; 1 Cô-rin-tô. 2:7; 15:43; 2 Cô-rin-tô. 4:17; Cô-lô-se. 3:4; 1 Thess. 2:12; 2 Thess. 2:14; Hê-bơ-rơ. 2:10; 1 Phi-e-rơ. 5:1,4)

Đáng để ý là Giăng coi sự kiện Chúa bị đóng đinh là Chúa được tôn vinh (Xem Giăng 7:39; 12:16,23; 13:31). Cũng có thể dịch là sự coi trọng và tạ ơn (Xem Lu-ca 17:18; Công vụ 12:23; Rô-ma. 4:20; 1 Cô-rin-tô. 10:31; 2 Cô-rin-tô. 4:15; Phi-líp. 1:11; 2:11; Rev. 11:13; 14:7; 16:9; 19:7). Cũng vậy trong ngữ cảnh ở đây.

5:43 "các người không tiếp nhận Ta" Trong cả Phúc Âm, tiêu điểm của niềm tin nơi Chúa Giê-su không phải là lời tuyên cáo thần học, nhưng là sự trải nghiệm gặp Chúa một cách cá nhân. (Giăng 5:39-40). Niềm tin bắt đầu với quyết định tin Chúa, tiếp theo là sự tăng trưởng trong mối liên hệ cá nhân của một môn đồ, dẫn đến sự trưởng thành tín lý và lối sống giống Chúa.

▣ **"nếu có ai khác nhân danh chính mình mà đến "** "Nếu" - đây là câu điều kiện hạng ba

▣ **"thì các người sẽ tiếp nhận"** Đây là cách nói kháy về phương cách nghiên cứu của các thầy Ra-bi giữa các trường phái luật truyền khẩu Talmud

Michael Magill, *New Testament TransLine*, dẫn chứng:

"Các lãnh đạo Do-thái sẽ tiếp nhận các thầy nào không tự xưng mình được sai phái bởi Đức Chúa Trời. Với tư cách con người, các thầy này, trao đổi lời khen lẫn nhau theo nguyên tắc sòng phẳng, "ăn miếng trả miếng". Đối với một tiên tri của Đức Chúa Trời, họ cảm thấy mình bị bắt buộc đầu phục, vâng lời và tuân thủ. Đây là nguồn gốc lý do vì sao các tiên tri của Đức Chúa Trời bị họ từ chối (trang . 318).

5:44 xem ghi chú tại Giăng 17:3.

5:45-47 Chúa Giê-su khẳng định rằng văn tự của Mô-se viết về Chúa, có lẽ dẫn chứng từ Phục Truyền 18:15-22. Trong câu 5:45, Kinh Thánh được nhân cách hóa với tư cách công tố viên. Kinh Thánh đáng lẽ là người dẫn đường, nhưng khi bị từ chối sẽ trở nên người cáo buộc. (Xem Ga-la-ti 3:8-14, 23-29).

5:46,47 "Nếu... nếu" Giăng 5:46 là câu có điều kiện hạng hai, còn được gọi là: "ngược lại với sự thực", khẳng định việc các lãnh đạo Do-thái không tin văn tự của Mô-se. Chúa Giê-su, người tượng trưng cho Mô-se trong thời kỳ sau rốt [Tiên tri trong Phục Truyền 18:15-19] sẽ là thẩm phán xét xử họ trong ngày tận thế. Chữ "nếu" trong Giăng 5:47 giới thiệu thể điều kiện hạng nhất: "giả thiết đó là sự thực" (bản dịch NIV "bởi vì đây là sự thực").

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Giăng 5:4 bị bỏ qua trong các bản dịch hiện tại?
2. Vì sao Chúa Giê-su chữa lành cho người bệnh này?
3. Sự chữa lành cho người bệnh này có liên hệ đến niềm tin của ông ấy không?
4. Bệnh tật của ông này có liên hệ tới tội lỗi không?
5. Vì sao người Do-thái muốn giết Chúa Giê-su?
6. Hãy liệt kê các chức năng của Đức Chúa Trời trong Cựu ước áp dụng vào Chúa Giê-su.
7. Sự sống đời đời là thực tại ngày nay hay viễn cảnh tương lai?
8. Sự phán xét cuối cùng dựa trên công việc hay đức tin, vì sao?

GIẢNG 6
CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Cho 5.000 người ăn 6:1-15	Cho 5.000 người ăn 6:1-14	Cho 5.000 người ăn 6:1-15	Cho 5,000 người ăn 6:1-6 6:7 6:8-9 6:10-13 6:14-15	Phép lạ từ bánh 6:1-4 6:5-15
Đi bộ trên nước 6:16-21	Giê-su đi bộ trên nước 6:15-21	Giê-su đi bộ trên biển 6:16-21	Giê-su đi bộ trên nước 6:16-21	đi trên biển tới môn đồ 6:16-21
Giê-su, bánh sự sống 6:22-33	Bánh từ Thiên Đàng 6:22-40	Giê-su, bánh sự sống 6:22-24 6:25-40	Mọi người tìm kiếm Giê-su 6:22-24 Giê-su, bánh sự sống 6:25 6:26-27 6:28 6:29 6:30-31 6:32-33 6:34 6:35-40	Giảng dạy tại nhà hội ở Ca-bê-na-um 6:22-27 6:28-40
6:34-40	bị từ chối bởi dân tuyền		6:34 6:41-42 6:43-51	
6:41-51	6:41-59	6:41-51	6:41-42 6:43-51	6:41-51
6:52-59		6:52-59	6:52 6:53-58 6:59	6:52-58 6:59-62
Lời sự sống đời đời 6:60-65	nhiều môn đồ bỏ đi 6:60-71	6:60-65	Lời sự sống đời đời 6:60 6:61-65	6:63 6:64-66 Phi-e-ro xưng nhận
6:66-71		6:66-71	6:66-67 6:68-69	6:67-71

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)****THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

21. Phần đoạn 1
22. Phần đoạn 2
23. Phần đoạn 3
24. Văn vần...

KIẾN GIẢI VĂN MẠCH LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CỦA GIĂNG 6:1-71

- A. Phúc Âm Giăng không ghi chép bữa tiệc thánh, mặc dầu có ghi chép cuộc hội thoại và lời cầu nguyện tại lầu trên, Giăng 13-17. Sự bỏ qua này có thể có chủ đích. Các hội thánh thế kỷ thứ hai bắt đầu nhấn mạnh các nghi lễ thay vì ân điển, dường như Giăng phản đối quan điểm nặng về hình thức, bằng cách bỏ qua việc Chúa chịu làm Báp tem và tiệc thánh..
- B. Giăng 6 ở trong bối cảnh hoá bánh cho 5.000 người ăn. Tuy nhiên có nhiều người dùng phần đoạn này để dạy về tiệc thánh. Đây là nguồn gốc tín lý “biến thể” của Công Giáo, (bánh và rượu biến thành thân thể và huyết của Chúa) (Giăng 6:53-56).
 Câu hỏi được đặt ra là Giăng 6 bày tỏ ở mức độ nào về lương tâm của Phúc Âm, (trong mối liên hệ phép lạ hóa bánh và Tiệc Thánh). Dĩ nhiên Phúc Âm ghi lại lời và sự sống của Chúa Giê-su, nhưng được viết hàng chục năm sau Chúa, cho cộng đồng tác giả muốn nhắm tới. Như vậy có ba mức độ trong mục đích của tác giả.
1. Chúa Thánh Linh
 2. Chúa Giê-su và những người trực tiếp nghe Chúa
 3. Phúc Âm và những người đọc Phúc Âm
- Chúng ta nên giải kinh bằng phương pháp nào? Một phương pháp duy nhất là dùng ngữ cảnh, ngữ pháp, từ điển thần học với thông tin về bối cảnh lịch sử. Không thể theo trình tự ngược lại được.
- C. Chúng ta phải nhớ rằng người nghe Chúa là dân Do-thái trong bối cảnh họ đang trông chờ Đấng Mê-si như một siêu hùng theo mẫu Mô-sê. (xem Giăng 6:30-31), đặc biệt về khả năng ban bánh Man-na như thời Xuất Ê-gíp-tô Ký. Các thầy Ra-bi thường dùng Thi-thiên 72:16 làm bằng chứng. Chúa Giê-su tuyên bố một cách khác thường trong Giăng 6:60-62, 66 với dụng ý chống lại sự trông chờ Đấng Mê-si một cách sai lầm như vậy (xem Giăng 6:14-15).
- D. Các giám mục đầu tiên hầu hết không đồng ý rằng chương này nói về Tiệc Thánh, như giám mục Clement xứ Alexandria, Origen, and Eusebius không bao giờ nói về Tiệc Thánh khi giảng dạy phần đoạn này.
- E. Ẩn dụ trong phần đoạn này khá giống ẩn dụ Chúa Giê-su dùng nói với người đàn bà Sa-ma-ri tại giếng nước trong Giăng 4,. Nước và bánh thuộc thể là biểu tượng cho sự sống đời đời và thực tại thuộc linh.
- F. Sự hóa bánh này là phép lạ duy nhất được ghi chép trong cả 4 Phúc Âm. (Ma-thi-ơ. 14:13-21; Mác 6:32-44; Lu-ca 9:10-17)!

Tác giả G. Michael Magill, *New Testament TransLine* (p. 325) có một quan sát thú vị về những nhóm người khác nhau ở Ca-pê-na-um và phản ứng của họ đối với những lời dạy sùng sốt của Chúa Giê-su.

1. đám đông, Giảng 6:24
2. người Do-thái, Giảng 6:41,52
3. các môn đồ mở rộng, Giảng 6:60,66
4. nhóm Mười Hai môn đồ, Giảng 6:67

Chúa Giê-su hoàn tất các công việc sau:

1. không cho phép đám đông tôn Ngài làm vua bởi họ được Chúa ban bánh (Giăng 6:15)
2. thách thức các lãnh đạo Do-thái bằng những tuyên bố cấp tiến của mình
3. khiến đám người theo Ngài một cách hờ hững phải bỏ cuộc
4. khích lệ niềm tin và sự bền đỗ cho Mười Hai môn đồ (Giăng 6:68-69)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIĂNG 6:1-14

¹Sau đó, Đức Chúa Jê-sus đi qua bờ bên kia biển Ga-li-lê, tức là biển Ti-bê-ri-át. ²Một đoàn người rất đông đi theo Ngài, vì họ đã từng thấy các dấu lạ Ngài làm cho những người bệnh. ³Đức Chúa Jê-sus lên núi và ngồi đó với các môn đồ. ⁴Lúc ấy, sắp đến lễ Vượt Qua, là đại lễ của dân Do Thái. ⁵Đức Chúa Jê-sus ngược mắt lên, thấy một đoàn người rất đông đến với Ngài, Ngài nói với Phi-líp: “Chúng ta phải mua bánh ở đâu để cho những người này ăn?” ⁶Ngài nói như vậy để thử Phi-líp chứ Ngài đã biết điều mình sẽ làm rồi. ⁷Phi-líp thưa: “Hai trăm đơ-ni-ê bánh cũng không đủ cho mỗi người một ít.” ⁸Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ, một trong các môn đồ, thưa rằng: ⁹“Có một cậu bé có năm chiếc bánh lúa mạch và hai con cá, nhưng đông người như thế này thì ngần ấy có thấm vào đâu?” ¹⁰Đức Chúa Jê-sus bảo: “Hãy truyền cho mọi người ngồi xuống.” Chỗ này có nhiều cỏ. Vậy dân chúng ngồi xuống, số lượng ước chừng năm nghìn. ¹¹Đức Chúa Jê-sus cầm bánh, dâng lời tạ ơn, rồi phân phát cho những người đã ngồi, cá cũng được phân phát như vậy, ai muốn bao nhiêu tùy ý. ¹²Khi họ ăn đã no, Ngài bảo các môn đồ: “Hãy thu nhặt lại những miếng bánh thừa để không bị mất chút nào.” ¹³Vậy, họ thu nhặt hết những miếng vụn của năm chiếc bánh lúa mạch mà người ta ăn còn thừa, chứa đầy mười hai giỏ. ¹⁴Những người thấy dấu lạ Đức Chúa Jê-sus đã làm thì nói: “Đây chính là Đấng tiên tri phải đến thế gian.”

6:1 "biển Ga-li-lê, tức là biển Ti-bê-ri-át" Hồ nước này có một vài tên khác. Trong Cựu Ước được gọi là Chin-ne-ret, (xem Dân số. 34:11). Hoặc còn gọi là hồ Gen-ne-sa-ret, trong Lu-ca 5:1 và theo người La mã: hồ Ti-bê-ri-at trong Giăng 21:1. Phần chú giải “tức là biển Ti-bê-ri-át” được tác giả viết thêm - điều này chứng tỏ Phúc Âm Giăng được viết cho độc giả sống ngoài xứ Pa-le-stin. (xem Giăng 6:4,6,64,71).

6:2 Xin để ý lý do vì sao đám đông đi theo Ngài.

6:3 Chúa Giê-su sử dụng tiếng vọng từ biển và đồi núi để tăng âm giọng nói mình. Khi Ngài ”ngồi xuống” chứng tỏ Chúa đang dạy dỗ với các môn đồ. Có người suy nghĩ không biết “núi” ở đây có trùng lặp với khung cảnh Mô-se trên núi không, xem Ma-thi-ơ 5-7.

Trong những dịp giáo huấn lớn này, Chúa Giê-su thường nói chuyện với nhiều nhóm người. Những người gần nhất là môn đồ, sau đó là những người có quyền thế, những người tò mò và những dân địa phương. Có những nhóm nhỏ bao gồm những người Pha-ri-si, Sa-đu-si, thư ký sao chép văn tự, người theo phái Essenes (khắc khổ cộng đồng).

6:4 “⁴Lúc ấy, sắp đến lễ Vượt Qua, là đại lễ của dân Do Thái” Một cách duy nhất để xác định thời gian Chúa thực hành công vụ là đếm số đại lễ Vượt Qua trong Giăng (đầu tiên 2:13; thứ hai 6:4; và thứ ba 11:55 &

13:1). Nếu Giăng 5:1 cũng nói về Lễ Vượt Qua thì chúng ta có ít nhất 3,5 hoặc 4 năm chức vụ công cộng. Có nhiều điều chúng ta không biết được về cuộc sống Chúa Giê-su (xem Giăng 20:30; 21:25).

6:6 "Ngài nói như vậy để thử Phi-líp" Trong tiếng Hy-lạp, thuật ngữ "thử thách" (*peirazō*) thường mang tính tiêu cực. (tham khảo chủ đề đặc biệt: Thuật ngữ Hy-lạp cho "thử thách" và những nghĩa bóng" Ma-thi-ơ 4:1) Đây là ví dụ cho thấy các nhà giải kinh thời nay cố gắng gán ép các từ Tân Ước vào một ý nghĩa theo từ điển. Tiếng Hy-lạp Kôi-ne khác tiếng Hy-lạp cổ điển, tham khảo ghi chú ở Giăng 5:20.

Chúa Giê-su thử thách Phi-líp, nhưng bằng cách nào:

1. tin Chúa Giê-su là Đấng cung ứng?
2. kiến thức của Phi-líp về Cựu Ước? (xem Dân số ký. 11:13, khi Mô-se hỏi Đức Chúa Trời về sự cung ứng thực phẩm)
3. Về nỗi quan tâm của Chúa đối với quần chúng?

6:7

NASB, NKJV, JB "Hai trăm Đơ-na-ri"

NRSV "tiền công "sáu tháng""

TEV "hai trăm đồng bạc"

Một Đơ-na-ri bằng thù lao một ngày của một lao công hoặc binh sĩ, (xem Ma-thi-ơ. 20:2) 200 đơ-na-ri bằng hai phần ba thu nhập một năm.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Đồng tiền (xu) được sử dụng thời Chúa Giê-su ở Pa-let-stin

I. Tiền đồng

- A. *cherna* – ít giá trị (xem Giăng 2:15)
- B. *chalchos* – ít giá trị (xem Ma-thi-ơ. 10:9; Mác 12:41)
- C. *assarion* – tiền La mã bằng 1/16 đơ-na-ri (xem Ma-thi-ơ. 10:29)
- D. *kodrantēs* – tiền La mã bằng 1/64 đơ-na-ri (xem Ma-thi-ơ. 5:26)
- E. *lepton* – tiền Do-thái bằng 1/128 đơ-na-ri (xem Mác 12:42; Lu-ca 21:2)
- F. *quadrans/farthing* – xu La mã, ít giá trị

II. Tiền bạc

- A. *arguros* ("silver coin") – có nhiều giá trị hơn tiền đồng (xem Ma-thi-ơ. 10:9; 26:15)
- B. *dēnarius* (đơ-na-ri) – tiền La mã bằng 1 ngày (xem Ma-thi-ơ. 18:28; Mác 6:37)
- C. *drachmē* – tiền Hy Lạp bằng *dēnarius* (xem Lu-ca 15:9)
- D. *di-drachmon* gấp đôi đồng drachmas tương đương với ½ *shekel* của Do-thái (xem Ma-thi-ơ. 17:24)
- E. *statēr* – gấp bốn lần *dēnarii* (xem Ma-thi-ơ. 17:27)

III. Tiền vàng– *chrysos* – có giá trị nhất (xem Ma-thi-ơ. 10:9)

IV. Thuật ngữ chung về trọng lượng kim ngân

- A. *minna* – đơn vị trọng lượng La tinh *mina*, tương đương 100 *dēnarii* (xem Lu-ca 19:13)
- B. *talanton* – đơn vị trọng lượng Hy Lạp (xem Ma-thi-ơ. 18:24; 25:15,16,20,24,25,28)
 1. bạc bằng 6,000 *dēnarii*
 2. Vàng bằng 180,000 *dēnarii*
- C. *sheqel* – đơn vị trọng lượng bạc Do thái từ Cựu ước (xem Gen. 23:15; 37:28; Xuất. 21:32)
 1. *pīm* – 2/3 *shekel*
 2. *beka* – ½ *shekel*
 3. *gerah* – 1/20 *shekel*Đơn vị lớn hơn:
 1. *maneh* – 50 *shekels*

6:8-9 "Anh-rê, em của Si-môn Phi-e-rơ," ngữ cảnh cho thấy hình ảnh đẹp đẽ về niềm tin của Anh-rê vào Nhân vật và khả năng của Chúa Giê-su.

6:9 "chiếc bánh lúa mạch " Bánh lúa mạch được coi là loại bánh rẻ tiền và kém hấp dẫn nhất trong các loại bánh, thường dành cho người nghèo. Chúa Giê-su không dùng quyền phép siêu nhiên để cung ứng loại bánh mắc tiền hơn.

6:10 "Hãy truyền cho mọi người ngồi xuống" Trong thời kỳ này người ta thường ngồi xuống sàn đất hay ngồi (dựa) xung quanh bàn hình chữ U.

▣ **"Chỗ này có nhiều cỏ"** Đây là lời bình luận thêm của Giảng.

▣ **"dân chúng ngồi xuống, số lượng ước chừng năm nghìn"** Sự kiện này được đặt tên một cách nhằm lẫn :”cho 5.000 người ăn”. Thực ra đây là con số làm tròn và chỉ tính số đàn ông trong tuổi trưởng thành (câu 13), không kể phụ nữ và trẻ em. Không ai có thể biết được số phụ nữ và trẻ em tham dự trong ngày hôm đó.

6:11 "dâng lời tạ ơn, rồi phân phát" Phép lạ gia tăng phải xảy ra trên tay Chúa. Trong bối cảnh trông chờ Đấng Mê-si-a của người Do-thái, người ta mong được thấy Chúa Giê-su ban bánh như Mô-sê từng ban Manna.

Thuật ngữ “cảm tạ” trong tiếng Hy Lạp (*eucharisteō*) trở nên tên gọi của tiệc thánh. (xem 1 Cô-rin-tô 11:23-24). Phải chăng Giảng dùng nó ở đây với ý tưởng tiệc thánh sau này? Các Phúc Âm khác dùng từ *eulogeō*, xem Ma-thi-ơ. 14:19; Mác 6:41) và từ *eucharisteō* (xem Ma-thi-ơ. 15:36; Mác 8:6; Lu-ca 17:16; 18:11) nhưng cả hai trường hợp không ở trong bối cảnh của Tiệc Thánh. Cuối cùng khi Chúa Giê-su dâng lời cầu nguyện cảm tạ ở lầu trên, từ *eucharisteō* lại được sử dụng (xem Ma-thi-ơ. 26:27; Mác 14:23; and Lu-ca 22:17-19). Bởi sự sử dụng từ thuật này không được đồng nhất, đáng lẽ Giảng phải viết thêm lời giải thích nếu muốn người đọc hiểu phép lạ hóa bánh trong bối cảnh tiệc thánh.

6:12 "bị mất" Xem chủ đề đặc biệt: Sự hủy diệt trong ghi chú ở câu 10:10

6:13 "họ thu nhặt hết những miếng vụn ... chứa đầy mười hai giỏ" Thuật ngữ “giỏ” ở đây có nghĩa là giỏ to. Điều quan trọng cần thấy là Chúa không thay đổi tính chất của bánh cũng không để phí phạm thực phẩm không dùng hết.

Con số mười hai có ý nghĩa biểu tượng gì không? Có người giải kinh sự tượng trưng cho 12 bộ tộc I-sơ-ra-en, hoặc mười hai sứ đồ, nhưng cũng có thể là một chi tiết được chứng kiến (giống như trong Giảng 6:19).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỐ MƯỜI HAI

Số mười hai luôn là biểu trưng cho các sự sắp xếp

1. Ngoài Kinh thánh:
 - a. Mười hai ký hiệu hoàng đạo (Zodiac)
 - b. Mười hai tháng trong một năm
2. Trong Cựu ước
 - a. Các con của Gia-cốp (chi phái Y-sơ-ra-ên)
 - b. Biểu hiện qua:
 - (1) Mười hai cột trụ bàn thờ (Xuất Ê-díp-tô ký 24:4)
 - (2) Mười hai viên ngọc trên áo của thầy tế lễ thượng phẩm (tượng trưng cho các chi phái) (Xuất Ê-díp-tô ký 28:21)

- (3) Mười hai ổ bánh trong nơi thánh tại đền tạm (Lê-vi-ký 24:5)
- (4) Mười hai thám tử sai đi do thám Ca-na-an (Dân số ký 13) (một người đại diện cho một chi phái)
- (5) Mười hai cây gậy (tiêu chuẩn của mỗi chi phái) trong sự nổi loạn của Cô-rê (Dân số ký 17:2)
- (6) Mười hai hòn đá của Giô-suê (Giô-suê 4:3, 9, 20)
- (7) Mười hai quận hành chính trong hệ thống hành chính của Sa-lô-môn (I Các Vua 4:7)
- (8) Mười hai hòn đá nơi bàn thờ của Ê-li dâng cho Đức Giê-hô-va (I Các Vua 18:31)

3. Trong Tân ước:

- a. Mười hai sứ đồ được chọn
- b. Mười hai giỏ bánh (mỗi sứ đồ một giỏ) (Ma-thi-ơ 14:20)
- c. Mười hai ngôi cho các môn đồ thời Tân ước ngồi cai trị (chỉ 12 chi phái Y-sơ-ra-ên) (Ma-thi-ơ 19:28)
- d. Mười hai đạo thiên sứ giải cứu Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 26:53)
- e. Biểu tượng trong Khải huyền:
 - (1) 24 trường lão trên 24 ngai (4:4)
 - (2) 144,000 (12x12) (7:4; 14:1,3)
 - (3) 12 ngôi sao trên vương miện của người đàn bà (2:1)
 - (4) 12 cửa, 12 thiên sứ tượng trưng cho 12 chi phái (21:12)
 - (5) 12 viên đá tảng của thành Giê-ru-sa-lem mới và trên đó có tên 12 Sứ đồ (21:14)
 - (6) 12 ngàn êch-ta-đơ (21:16) (kích thước thành mới Giê-ru-sa-lem)
 - (7) Tường thành 144 cu-đê (21:17)
 - (8) 12 cửa bằng hột châu trong 21:21
 - (9) Cây trong Giê-ru-sa-lem mới có 12 loại trái (mỗi tháng một loại) (22:2)

6:14 "Đấng Tiên Tri" Đây là sự gợi ý về Đấng Mê-si-a từ trong Phục truyền 18:15-22 (xem Công-vụ 3:22; 7:37). Đám người phát hiện quyền năng của Chúa, nhưng không thể hiểu nổi sứ mạng và dấu hiệu của Ngài.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIẢNG 6:15

⁵Đức Chúa Jêsus nhận biết rằng họ sắp đến bắt ép Ngài làm vua nên lánh lên núi một mình.

6:15 Đám đông được kích động bởi vì phép lạ hóa bánh thuộc Đấng Mê-si-a mà Chúa Giê-su thực hiện. Câu này cũng có liên hệ về sự cảm dỗ của Sa-tan trong Ma-thi-ơ 4:3

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIẢNG 6:16-21

¹⁶Đến chiều tối, các môn đồ ra biển, ¹⁷lên một chiếc thuyền, đi sang bờ bên kia, về hướng thành Ca-bê-na-um. Trời đã tối, nhưng Đức Chúa Jêsus vẫn chưa đến với họ. ¹⁸Biển động vì gió thổi mạnh. ¹⁹Khi họ chèo được khoảng năm hay sáu ki-lô-mét thì thấy Đức Chúa Jêsus đi trên mặt biển đến gần thuyền. Họ hoảng sợ. ²⁰Nhưng Ngài bảo rằng: "Ta đây, đừng sợ!" ²¹Họ muốn rước Ngài vào thuyền thì lập tức thuyền cập bến, là nơi họ định đi.

6:17 "Ca-bê-na-um." Đây là trụ sở của Chúa Giê-su trong thời gian thực thi chức vụ ở Ga-li-lê, vì sự bất tin của dân thành Na-xa-rét quê hương Ngài (xem Lu-ca 4:28-29).

6:19 "Khi họ chèo được khoảng năm hay sáu ki-lô-mét" Họ đang ở khoảng cách nửa hồ khi Chúa đi bộ trên nước tới họ. Ma-thi-ơ còn kéo dài câu chuyện với chi tiết Phi-ê-ơ cũng đi bộ tới Ngài.

▣ **"Họ hoảng sợ"** Các môn đồ vẫn còn đánh giá Chúa theo tiêu chuẩn trần thế. Sự sợ hãi của họ được thể hiện mạnh mẽ trong Mác 6:49. Mức độ vĩ đại của những dấu lạ bắt buộc họ phải xem xét lại Chúa Giê-su là Ai đây.

6:20 "Ta đây" trong nghĩa đen (*egō eimi*) "Ta-là" (xem Giảng 4:26; 8:24,28,54-59; 13:19; 18:5-6), cụm từ gợi ý danh theo giao ước của Đức Chúa Trời, hay Giê-hô-va từ Xuất Ê-gíp-tô Ký 3:12-15. Chúa Giê-su Là

Đấng phán “Ta-là” mà con người có thể nhìn thấy. “Ta-là” Đức Chúa Trời mặc khải trọn vẹn, Ngôi Lời nhập thể, Đức Chúa Con đích thực và duy nhất. Xin xem mục D trong Chủ Đề Đặc Biệt : Danh của Đức Chúa Trời sau đây

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DANH HIỆU CỦA THẦN LINH

A. El.

1. Ý nghĩa ban đầu của thuật ngữ chung cho các vị thần trong thời cổ đại là không rõ ràng, mặc dù nhiều học giả tin rằng nguồn gốc nó xuất phát từ dân tộc A-cát (Akkadian), có nghĩa là mạnh hoặc có quyền lực (xem Sáng thế Ký 17:01; Dân số Ký 23:19; Phục truyền Luật lệ ký 7: 21; Thi thiên 50:1).
2. El là thần tối cao trong đền đa thần của dân Ca-na-an (theo các bản văn Ras Shamra)
3. Trong Kinh Thánh, *El* không được kết hợp cách thông thường với những chữ khác. Những kết hợp sau đây là một cách để mô tả Đức Chúa Trời:
 - a. *El-Elyon* (Đức Chúa Trời Chí Cao), Sáng thế Ký 14:18-22; Phục truyền Luật lệ Ký 32:8; Ê-sai 14:14
 - b. *El-Roi* (Đức Chúa Trời xem thấy hay là Đức Chúa Trời tự bày tỏ chính Ngài), Sáng thế Ký 16:13
 - c. *El-Shaddai* (Đức Chúa Trời toàn năng hoặc là Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót hay Đức Chúa Trời của các núi), Sáng thế Ký 17:01, 35:11, 43:14, 49:25; Xuất Ê-díp-tô Ký 6:3
 - d. *El-Olam* (Đức Chúa Trời vĩnh hằng), Sáng thế Ký 21:33. Thuật ngữ này là sự liên kết thần học với lời hứa của Đức Chúa Trời cho Đa-vít, II Sa-mu-ên 7:13,16
 - e. *El-Berit* (Đức Chúa Trời của giao ước), Các quan xét 9:46
4. *El* là tương đương với:
 - a. Đức Giê-hô-va trong Thi thiên 85:8; Ê-sai 42:5
 - b. *Elohim* trong Sáng thế Ký 46:3; Gióp 5:8, “Ta là *El*, *Elohim* của cha các ngươi.”
 - c. *Shaddai* trong Sáng thế Ký 49:25
 - d. “ghen tương” trong Xuất Ê-díp-tô Ký 34:14; Phục truyền Luật lệ Ký 4:24; 5:9; 6:15
 - e. “thương xót” trong Phục truyền Luật lệ Ký 4:31; Nê-hê-mi 9:31; “thành tín” trong Phục truyền Luật lệ Ký 7:9; 32:4
 - f. “vĩ đại và đáng sợ” trong Phục truyền Luật lệ Ký 7:21; 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4
 - g. “hiểu biết” trong I Sa-mu-ên 2:3
 - h. “nơi trú ẩn vững bền của tôi” II Sa-mu-ên 22:33
 - i. “Đấng báo thù cho tôi” trong II Sa-mu-ên 22:48
 - j. “Đấng Thánh” trong Ê-sai 5:16
 - k. “quyền năng” trong Ê-sai 10:21
 - l. “sự giải cứu của tôi” trong Ê-sai 12:2
 - m. “vĩ đại và mạnh mẽ” trong Giê-rê-mi 32:18
 - n. “Đấng báo trả” trong Giê-rê-mi 51:56
5. Một sự kết hợp của tất cả các danh hiệu chính của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước có trong Giô-suê 22:22 (*El*, *Elohim*, *YHWH*, được lặp đi lặp lại)

B. Elyon

1. Ý nghĩa cơ bản của nó là cao, được tôn cao, hoặc nâng lên (xem Sáng thế Ký 40:17, I Các vua 9:8; II Các vua 18:17; Nê-hê-mi 3:25; Giê-rê-mi 20:2; 36:10; Thi thiên 18:13).
2. Nó được sử dụng theo ý nghĩa song song với nhiều tên hay danh hiệu khác của Đức Chúa Trời.
 - a. *Elohim* - Thi thiên 47:1-2; 73:11; 107:11
 - b. *YHWH* - Sáng thế Ký 14:22; II Sa-mu-ên 22:14
 - c. *El-Shaddai* - Thi thiên 91:1,9
 - d. *El* - Dân số Ký 24:16
 - e. *Elah* - được sử dụng thường xuyên trong Đa-ni-ên 2-6 và Ê-xơ-ra 4-7, kết hợp với *Illair* (là tiếng A-ram chỉ Đức Chúa Trời cao cả) trong Đa-ni-ên 3:26; 4:2; 5:18,21
3. Nó thường được sử dụng bởi các dân tộc không phải là người Do thái.
 - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng thế Ký 14:18-22
 - b. Ba-la-am, Dân số Ký 24:16
 - c. Môi-se khi nói về các quốc gia trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:8
 - d. Phúc âm của Lu-ca trong Tân Ước được viết cho dân ngoại cũng sử dụng chữ Hy Lạp tương đương là *Hupsistos* (xem 1:32,35,76; 6:35; 8:28; Công vụ Các sứ đồ 7:48; 16:17)

C. *Elohim* (số nhiều), *Eloah* (số ít), được sử dụng chủ yếu trong thơ.

1. Thuật ngữ này không được tìm thấy bên ngoài Cựu Ước.
2. Chữ này có thể chỉ Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc các vị thần của các quốc gia khác (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:12; 20:3). Gia đình của Áp-ra-ham là những người thờ đa thần (xem Giô-suê 24:2).
3. Chữ *elohim* cũng được sử dụng cho các hữu thể thần linh khác (các thiên sứ, ma quỷ) như trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:8 (bản LXX); Thi thiên 8:5; Gióp 1:6; 38:7. Nó có thể ám chỉ đến các thẩm phán của con người (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 21:6; Thi thiên 82:6).
4. Trong Kinh Thánh, nó là danh hiệu, tên gọi đầu tiên của thần linh (xem Sáng thế Ký 1:1). Nó được sử dụng riêng theo ý nghĩa này cho đến Sáng thế Ký 2:4, từ đây nó được kết hợp với tên gọi Đức Giê-hô-va. Về cơ bản (theo phương diện thần học) chữ này đề cập đến Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo, Đấng bảo tồn, và Đấng cung cấp cho tất cả sự sống trên hành tinh này (xem Thi thiên 104).

Chữ này đồng nghĩa với *El* (xem Phục truyền Luật lệ Ký 32:15-19). Chữ này cũng có thể tương đương với Đức Giê-hô-va trong Thi thiên 14 (*elohim*), hoàn toàn giống y như YHWH trong Thi thiên 53, ngoại trừ có sự thay đổi về tên thần linh.

5. Mặc dù ở số nhiều và được sử dụng cho các vị thần khác nhưng thuật ngữ này thường dùng để chỉ về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Thông thường nó có động từ ở số ít để ám chỉ về tính độc thần.
6. Thuật ngữ này có trong ngôn ngữ của những dân tộc không phải là Do thái như là tên gọi của thần linh.
 - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng thế Ký 14:18-22
 - b. Ba-la-am, Dân số Ký 24:2
 - c. Môi-se khi nói về các quốc gia trong Phục truyền Luật lệ Ký 32:8
7. Thật kỳ lạ khi danh xưng thông thường của Đức Chúa Trời độc thần của Y-sơ-ra-ên lại ở số nhiều! Có một số giả thuyết mặc dù không chắc chắn:
 - a. Tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều từ số nhiều thường được dùng để nhấn mạnh. Có một tính năng ngữ pháp trong tiếng Hê-bơ-rơ về sau được gọi là dạng số nhiều của uy quyền, nó liên quan chặt chẽ với điều này vì số nhiều được sử dụng để cường điệu (làm cho quan trọng hơn) một khái niệm.
 - b. Điều này có thể ám chỉ đến hội đồng các thiên sứ đang diện kiến Chúa trên thiên đàng và chờ đợi thi thành ý chỉ của Ngài (xem I Các vua 22:19-23; Gióp 1:6; Thi thiên 82:1; 89:5,7).
 - c. Nó cũng có thể phản ánh sự mặc khải của Tân Ước về một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Trong Sáng thế Ký 1:1, Đức Chúa Trời sáng tạo, Sáng thế Ký 1:2 Đức Thánh Linh trưởng dưỡng, và từ Tân Ước, Đức Chúa Giê-xu là đại diện của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo (xem Giăng 1:3,10; Rô-ma 11:36; I Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:15; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10).

D. YHWH (Đức Giê-hô-va)

1. Danh hiệu này bày tỏ Thần tính như: Đức Chúa Trời lập giao ước, Đức Chúa Trời là Đấng cứu rỗi, Đấng cứu chuộc. Con người vi phạm giao ước, nhưng Đức Chúa Trời vẫn trung tín với lời phán, lời hứa, giao ước của Ngài (xem Thi thiên 103).

Tên gọi này lần đầu tiên được đề cập khi kết hợp với *Elohim* trong Sáng thế Ký 2:4. Không có hai sự kiện sáng tạo trong Sáng thế Ký 1-2, nhưng có hai sự nhấn mạnh: (1) Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo vũ trụ (vật chất) và (2) Đức Chúa Trời là Đấng sáng tạo con người. Sáng thế Ký 2:4 bắt đầu sự mặc khải đặc biệt về đặc ân trong địa vị và mục đích của nhân loại, cũng như các vấn đề của tội lỗi và sự nổi loạn liên quan đến địa vị đặc biệt này.

2. Trong Sáng thế Ký 4:26 nói đến việc con người bắt đầu kêu cầu danh của Chúa (YHWH). Tuy nhiên, Xuất Ê-díp-tô Ký 6:3 ngụ ý rằng dân sự giao ước lúc đầu (các Tồ phụ và gia đình của họ) chỉ biết Đức Chúa Trời như là *El-Shaddai*. Tên YHWH chỉ được giải thích một lần trong Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-16, đặc biệt trong câu 14. Tuy nhiên, các tác phẩm của Môi-se thường giải thích ý nghĩa của các chữ bằng các cách dùng chữ phổ biến, chứ không từ từ nguyên (xem Sáng thế Ký 17:5, 27:36, 29:13-35). Đã có một số giả thuyết về ý nghĩa của tên này (lấy từ IDB, quyển 2, trang 409-11).
 - a. từ một từ gốc Ả Rập, để chỉ tình yêu nồng nhiệt.
 - b. từ một từ gốc tiếng Ả Rập có nghĩa là thổi (YHWH như là con bão của Đức Chúa Trời)
 - c. từ một từ gốc tiếng Ugaritic (của dân Ca-na-an) có nghĩa là nói, nói chuyện.
 - d. dựa theo một bia khắc trong tiếng Phê-nê-xi (Phoenician), dạng một ĐỘNG TÍNH TỪ NGUYÊN NHÂN, có nghĩa là Đấng bảo tồn, hay là Đấng thiết lập.
 - e. từ chữ Hê-bơ-rơ Qal chỉ một Đấng hiện hữu hay là một Đấng hiện diện tại đây, lúc này (trong tương lai Đấng đó sẽ vẫn hiện hữu)

- f. từ chữ Hê-bơ-ơ Hiphil chỉ Đấng tạo ra mọi hiện hữu (mọi thứ có mặt trong thế giới).
- g. từ nghĩa gốc trong tiếng Hê-bơ-ơ là sống (ví dụ, Sáng thế Ký 3:20), có nghĩa là Đấng duy nhất có sự sống và sống mãi mãi.
- h. từ bối cảnh của Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-16, một cách dùng chữ ở dạng CHƯA HOÀN THÀNH được dùng theo nghĩa HOÀN THÀNH, “Ta đã từng là ai, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” hoặc “Ta luôn luôn là Đấng nào, ta sẽ tiếp tục là Đấng đó” (xem *A Survey of Syntax in the Old Testament* của J. Wash Watts, trang 67).
- Tên đầy đủ Đức Giê-hô-va (YHWH) thường được thể hiện bằng chữ viết tắt hoặc dạng nguyên mẫu.
- (1) *Yah* (e.g., Hallelu - yah)
 - (2) *Yahu* (tên, ví dụ như, Ê-sai)
 - (3) *Yo* (tên, ví dụ như, Giô-ên)
3. Tên giao ước này trở nên rất thánh (tetragrammaton) trong Do Thái giáo sau này đến nỗi người Do Thái không dám nói đến tên đó để không vi phạm mạng lệnh trong Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7; Phục truyền Luật lệ Ký 5:11; 6:13. Vì vậy họ thay thế bằng những chữ Hê-bơ-ơ khác như sở hữu chủ, người chủ, chồng, chúa là *adon* hoặc *adonai* (chúa tôi). Khi họ đọc đến chữ YHWH trong Cựu Ước thì họ phát âm chữ Chúa. Đây là lý do tại sao chữ YHWH được viết thành chữ “Lord” trong các bản dịch tiếng Anh.
 4. Giống như chữ *El*, chữ YHWH thường được kết hợp với các từ khác để nhấn mạnh một số đặc tính của Đức Chúa Trời Giao Ước của Y-sơ-ra-ên. Trong khi có thể có nhiều sự kết hợp từ ngữ, sau đây chỉ là một số tượng trưng:
 - a. *YHWH - Yireh* (YHWH sẽ cung cấp), Sáng thế Ký 22:14
 - b. *YHWH - Rophekha* (YHWH là Đấng chữa lành), Xuất Ê-díp-tô Ký 15:26
 - c. *YHWH - Nissi* (YHWH là cờ xí của tôi), Xuất Ê-díp-tô Ký 17:15
 - d. *YHWH - Meqaddishkem* (YHWH là Đấng khiến nên thánh), Xuất Ê-díp-tô Ký 31:13
 - e. *YHWH - Shalom* (YHWH là Bình An), Jdgs. 06:24
 - f. *YHWH - Sabaoth* (YHWH vạn quân), I Sa-mu-ên 1:3,11; 4:4; 15:2; thường xuất hiện trong các sách Tiên tri)
 - g. *YHWH - Roi* (YHWH là Đấng chăn giữ tôi), Thi thiên 23:1
 - h. *YHWH - Sidqenu* (YHWH là Sự công bình của tôi), Giê-rê-mi 23:6
 - i. *YHWH - Shammah* (YHWH ở nơi đó), Ê-xê-chi-ên 48:35

6:21 "lập tức thuyền cập bến, là nơi họ định đi." Đây rõ ràng là một phép lạ (xem câu 22-25) bởi vì họ đã chèo được một nửa chiều rộng của hồ nước. (xem Mác 6:47). (chi tiết này không được nhắc đến trong các Phúc Âm khác, xem Ma-thi-ơ. 14:32 và Mác 6:51).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIẢNG 6:22-25

²²Ngày hôm sau, dân chúng ở bờ biển bên kia nhận ra rằng ở đó chỉ có một chiếc thuyền, và Đức Chúa Jê-sus không xuống thuyền với các môn đồ, chỉ có các môn đồ đi mà thôi. ²³Nhưng có những chiếc thuyền khác từ Ti-bê-ri-át đến đậu gần nơi họ đã ăn bánh sau khi Chúa tạ ơn. ²⁴Vậy, khi đoàn dân thấy Đức Chúa Jê-sus không có ở đó, các môn đồ Ngài cũng không, thì họ lên thuyền đi đến thành Ca-bê-na-um để tìm Đức Chúa Jê-sus. ²⁵Lúc gặp Ngài ở bờ biển bên kia, họ thưa rằng: “Thưa Thầy, Thầy đến đây bao giờ?”

6:23 "Ti-bê-ri-at" thành phố này được xây dựng bởi Hê-rốt An-ti-pa năm 22 S.C.N và sau trở nên thủ đô của vùng ông cai trị.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIẢNG 6:26-34

²⁶Đức Chúa Jê-sus đáp: “Thật, Ta bảo thật các ngươi, các ngươi tìm Ta không phải vì đã thấy các dấu lạ, nhưng vì các ngươi đã được ăn bánh no nê. ²⁷Đừng làm việc vì thức ăn hay hư nát, mà vì thức ăn còn mãi đến sự sống đời đời, là thức ăn Con Người sẽ ban cho các ngươi; vì ấy là Đấng mà Đức Chúa Trời, là Cha, đã ấn chứng cho.” ²⁸Họ thưa: “Chúng tôi phải làm gì để được làm công việc của Đức Chúa Trời?” ²⁹Đức Chúa Jê-sus đáp: “Công việc của Đức Chúa Trời là các ngươi tin Đấng mà Ngài đã sai

đến.”³⁰ Họ lại nói: “Thế thì, Thầy làm dấu lạ gì để chúng tôi thấy và tin? Thầy làm công việc gì?”³¹ Tổ phụ chúng ta đã ăn ma-na trong hoang mạc, như lời đã chép: ‘Ngài cho họ ăn bánh từ trời.’”³² Đức Chúa Jêsus đáp: “Thật, Ta bảo thật các ngươi, không phải Môi-se đã cho các ngươi bánh từ trời đâu; nhưng chính Cha Ta đã ban cho các ngươi bánh thật từ trời.³³ Vì bánh của Đức Chúa Trời là bánh từ trời xuống, ban sự sống cho thế gian.”³⁴ Họ nói: “Thưa Chúa, xin ban bánh ấy cho chúng tôi luôn luôn.”

6:26,32,53 "Thật, Ta bảo thật " "Amen", "Amen." Đây là từ thuật Hê-bơ-rơ với 3 ứng dụng.

1. Trong Cựu ước: “tin cậy”, “mộc cách chắc chắn” để mô tả niềm tin nơi Đức Giê-hô-va
2. Chúa Giê-su' sử dụng để giới thiệu một tuyên bố quan trọng. Chúng ta không thấy cách sử dụng ở đâu câu nào khác, ngoài trong Phúc Âm Giảng.
3. Trong Hội thánh đầu tiên, giống như trong Cựu Ước, sử dụng một cách khẳng định hoặc tán thành.

Xem chủ đề đặc biệt “A-men”, ghi chú câu 1:51

▣ **"vì các ngươi đã được ăn bánh "** Động cơ của họ mang tính thuộc thể và tạm thời, không phải thuộc linh và đời đời.

▣ **"no nê "** ý nghĩa của từ này là nhồi nhét, ngốn nghén... như cách ăn của động vật, đặc biệt là bò.

6:27 "Đừng làm việc " . “Làm việc” - Đây là động từ mệnh lệnh thức, trung gian, thì hiện tại, với tiểu từ phủ nhận “đừng”. Có nghĩa là chấm dứt một hành động đang xảy ra. Bối cảnh từ Cựu Ước của câu này là Ê-sai 5, Cuộc hội thoại ở đây có nhiều điểm tương đồng với cuộc hội thoại cùng người phụ nữ Sa-ma-ri tại giếng nước trong Giảng 4.

▣ **"hư nát"** Xem chủ đề đặc biệt “phá hủy” ở câu 10:10

▣ **"ấn chứng cho"** Nghĩa đen là đóng dấu, một dấu hiệu xác thực, chủ quyền, thẩm quyền và bảo đảm. (xem NEB and Ma-thi-ơ. 28:18; Giảng 17:2). Bản TEV and NIV dịch thành “chấp thuận” bởi Đức Chúa Trời chấp thuận mục vụ của Chúa Giê-su. Tham khảo thêm chủ đề đặc biệt “Ấn chứng”, ở câu 3:33, với dẫn chứng về Thánh Linh..

6:28 "Chúng tôi phải làm gì để được làm công việc của Đức Chúa Trời" Đây là câu hỏi trọng tâm của Do-thái giáo trong thế kỷ đầu tiên. (xem Lu-ca 18:18). Những người Do-thái sùng đạo tin rằng họ có thể làm hoà với đức Chúa Trời qua: (1) gia phả and (2) thực hành luật Mô-sê theo cách giải kinh truyền miệng truyền thống (Talmud).

6:29 "là các ngươi tin Đấng mà Ngài đã sai đến" Động từ chủ động hiện tại lối cầu khẩn “tin” được tiếp theo bằng động từ chỉ định, chủ động, quá khứ “đã sai”. Động từ “tin” đóng vai trò rất quan trọng trong sự hiểu biết Tân Ước. Xem chủ đề đặc biệt Cách sử dụng động từ “tin” trong Giảng” ở câu 2:23. Sự định hướng chính của từ này là tin cậy bằng lý trí. Các cụm từ Hy Lạp *pistis* có thể được dịch là “tin”, “tin cậy”, hoặc “niềm tin”. Tiêu điểm của niềm tin con người phải là Chúa Giê-su (xem Giảng 1:12; 3:16), chứ không phải sự thực lòng, hứa nguyện hay cảm hứng của con người. Sự định hướng của phân đoạn này là mối liên hệ với Chúa Giê-su, chứ không phải thần học chính thống về Ngài, về nghi lễ tôn giáo, hay về nếp sống đạo đức. Xin hãy để ý Chúa Giê-su thay đổi “các công việc” theo số nhiều trong câu hỏi của họ, sang “một công việc” theo số ít trong câu trả lời của Chúa.

Về “sai đến” xin xem chủ đề đặc biệt: “Sai phái” ở câu 5:24

6:30-33 Cần phải nhớ rằng nhóm người này có mặt trong phép lạ hóa bánh cho năm ngàn người ăn. Họ đã thấy dấu hiệu mong muốn. Các thầy Ra-bi trong Do-thái giáo nghĩ rằng Đấng Mê-si-a sẽ lập lại một số hành động theo Cựu Ước, ví dụ như ban Man-na (xem Nguyện kinh II Baruch 29:8). Các thầy Ra-bi sử dụng Thi-

thiên 72:16 làm bằng chứng cho quan điểm Đấng Mê-si-a theo khuôn mẫu “siêu Mô-sê” (xem 1 Cô-rin-tô. 1:22).

Có một khác biệt về ngữ pháp giữa “tin vào Ngài”, Giăng 6:29 và “Tin Ngài”, Giăng 6:30. Câu đầu tiên tin vào Chúa Giê-su, tiêu điểm là Nhân Vật. Câu thứ hai hướng về lời phán của Chúa Giê-su, tức tiêu điểm là sứ điệp. Xin nhớ rằng Phúc Âm hướng cả về Nhân Vật và Sứ Đệp. Xem chủ đề đặc biệt Cách sử dụng động từ “tin” trong Giăng, ở câu 2:23

6:31 "như lời đã chép" “Đã (được) chép” - động tính từ, thì quá khứ, thể bị động. Đây là ngôn ngữ theo lối nói vòng quanh, thường được dùng để giới thiệu và xác định sự uy tín và linh cảm của một câu Kinh thánh từ Cựu ước. Có thể dùng cho một câu hoặc nhiều câu hợp lại, Thi-thiên. 78:24; 105:40; Xuất. 16:4,15, Nê-hê-mi. 9:15.

6:32 Thần học truyền thống của Do-thái giáo cho rằng Đấng Mê-si-a phải thực hiện một số phép lạ giống như Mô-sê, theo Phục Truyền 18:15,18. Chúa Giê-su chỉnh sửa các giả thiết sai lầm của họ, như:

1. Đức Chúa Trời, chứ không phải Mô-sê ban bánh Man-na
2. Man-na không có nguồn gốc từ Trời, như mọi người thường nghĩ. Thi-thiên 78:23-25)
3. Bánh thực từ Trời chính là Chúa Giê-su, là thực tế hiện tại, chứ không phải sự kiện quá khứ.

6:33 "bánh từ trời xuống" Đây là chủ đề lặp lại trong Giăng, (xem Giăng 3:13). Đây là cách viết nhị nguyên “trên - dưới”, “trời - đất” của Giăng. Trong ngữ cảnh, việc Chúa Giê-su giảng trần được nhắc đến 7 lần (xem Giăng 6:33,38,41,42,50,51,58). Điều này chứng tỏ rằng Chúa Giê-su tiên tại, thần linh, (xem Giăng 6:33,38,41,42,50,51,58, and 62). Nó cũng là cách chơi chữ: Man-na từ trời, cũng vậy Chúa Giê-su từ trời, bánh thực hữu, bánh hằng sống.

Nghĩa đen: “Bánh của Đức Chúa Trời là những gì giáng xuống từ Thiên Đàng”. Động tính từ giống đực, chủ động thời hiện tại ám chỉ (1) "bánh" hoặc (2) người, tức Chúa Giê-su. Những sự khó hiểu “một câu hai nghĩa” này được sử dụng trong Giăng một cách có chủ đích.

▣ **"ban sự sống cho thế gian"** Đây là mục đích Chúa Giê-su đến thế gian. (xem Giăng 3:16; Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô. 5:21). Mục đích ấy là sự sống mới, sự sống đời đời, sự sống trong Tân Kỷ Nguyên, sự sống theo tiêu chuẩn Đức Chúa Trời dành cho cả nhân loại, chứ không chỉ cho một nhóm quý tộc Do-thái hay ngoại bang, dân tuyền hay không được tuyền, bảo thủ hay tự do.

6:34

NASB, NKJV "Chúa"
NRSV, TEV,
NJB, NET,
NIV, REB "Ngài"

Cả hai cách dịch :Chúa”, “Ngài” đề đến từ gốc *kurios*. Trong ngữ cảnh, chữ “Ngài” thích hợp hơn, vì đám đông chưa hiểu được nhân vật và lời dạy của Chúa, Họ chưa nhận thức được Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a. (xem ghi chú Giăng 4:11; 5:7).

▣ **"xin ban bánh ấy cho chúng tôi luôn luôn."** Đây là lời yêu cầu khá giống lời của người phụ nữ Sa-ma-ri tại giếng nước trong 4:15. Việc người Do-thái không hiểu được ẩn dụ của Chúa là chủ đề lặp lại trong Giăng

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIĂNG 6:35-40

³⁵Đức Chúa Jê-sus đáp: “Ta là bánh của sự sống. Ai đến với Ta chẳng hề đói, ai tin Ta chẳng hề khát.

³⁶Nhưng Ta đã nói với các người rằng: Các người đã thấy Ta, mà vẫn không tin. ³⁷Tất cả những người Cha Ta ban cho Ta đều đến với Ta; ai đến với Ta, Ta sẽ không bỏ ra ngoài đâu. ³⁸Vì Ta từ trời xuống, không phải để làm theo ý Ta, mà làm theo ý Đấng đã sai Ta. ³⁹Đây là ý muốn của Đấng đã sai Ta: Tất

cả những người Ngài đã ban cho Ta thì Ta sẽ không để mất một ai, nhưng Ta phải làm cho sống lại trong ngày cuối cùng. ⁴⁰Vì đây là ý muốn của Cha Ta: Tất cả những ai thấy Con và tin Con thì được sự sống đời đời, Ta sẽ làm cho người ấy sống lại trong ngày cuối cùng

6:35 "Ta là bánh của sự sống" Đây là một trong những tuyên bố "Ta-là", rất đặc thù trong Giảng. (xem Giảng 6:35,41,48,51; 8:12; 10:7,9,11,14; 11:25; 14:6; 15:1,5). Phúc Âm Giảng tập trung vào Nhân vật Đấng Christ, liên hệ tới sự trông đợi Đấng Mê-si-a, Đấng sẽ ban Man-na mới và Luật Pháp mới, đồng thời là Đấng dẫn đầu cuộc xuất hành mới - khỏi nô lệ tội lỗi. Xin tham khảo ghi chú tại Giảng 8:12.

▣ **"Ai đến với Ta chẳng hề đói, ai tin Ta chẳng hề khát"** Ở đây có hai từ phủ nhận mạnh mẽ "chẳng hề", "chẳng hề", hay sẽ không bao giờ, không bao giờ (xem Giảng 6:37).

Có một mối liên hệ song song giữa "đến" và "tin", xem Giảng 7:37-38, cũng như "thấy" và "nghe". Các động từ này ở trong thì hiện tại. Sự đến và tin không phải là một sự kiện nhất thời, nhưng một cuộc đời tương giao, bạn hữu và theo bước chân Chúa.

▣ **"đói... khát"** Sự đói và khát thường được dùng để mô tả thực trạng thuộc linh (xem Thi thiên. 42:1; Ê-sai. 55:1; A-môt 8:11-12; Ma-thi-ơ. 5:6).

6:36 "Các ngươi đã thấy Ta" Nhiều văn bản xưa (MSS 8, A, và nhiều bản tiếng La-tin cổ như Vulgate, Syriac) bỏ qua đại từ "Ta" khiến tuyên bố của Chúa hướng về phép lạ hóa bánh cho đám đông. Tuy nhiên, đại từ "Ta" lại có ở trong rất nhiều văn tự Hy Lạp đến mức Liên Hội Thánh Kinh UBS⁴ không thể quyết định nó có ở trong nguyên bản hay không

6:37 "Tất cả những người Cha Ta ban cho Ta đều đến với Ta; ai đến với Ta" Điều nhấn mạnh chủ yếu trong câu này là sự tể trị của Đức Chúa Trời, dựa trên chân lý thần học từ Rô-ma 9 và Ê-phe-sô 2. Cả hai phân đoạn này đều đòi hỏi sự hưởng ứng của con người. Rô-ma 10 có bảy cụm từ bao gồm, cũng vậy đối với Ê-phe-sô 2, nơi được thấy ân điển của Đức Chúa Trời (câu 1-7) kêu gọi sự hưởng ứng niềm tin (câu 8,9). Sự tiền định là tín lý cho những người được cứu, chứ không phải là hàng rào ngăn cách những người chưa được cứu. Để ý, tất cả những ai được Đức Chúa Trời ban cho Chúa Giê-su đều đến với Ngài. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng, (xem Giảng 6:44,65), nhưng con người phải hưởng ứng. (xem Giảng 1:12; 3:16). Xin tham khảo chủ đề đặc biệt THUYẾT TIỀN ĐỊNH (CALVINISM) VỚI Ý CHÍ TỰ DO CON NGƯỜI (ARMINIANISM), ở câu 3:16

▣ **"ai đến với Ta, Ta sẽ không bỏ ra ngoài đâu"** Đây là thể phủ nhận kép: "không" và "bỏ", nhấn mạnh sự kêu gọi và chào đón của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-su. (xem Ê-xơ-chiên 18:21-23; 30-32; 1 Ti-mô-thê. 2:4; 2 Phi-ê-rơ. 3:9). Đức Chúa Trời luôn luôn khởi xướng (xem Giảng 6:44,65), con người phải hưởng ứng (xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19; 20:21). Thật là sự đảm bảo tuyệt vời (xem Rô-ma. 8:31-39)!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẢM BẢO CỦA CƠ ĐỐC NHÂN

Sự bảo đảm vừa là một lễ thật Kinh Thánh vừa là trải nghiệm của đức tin và cách sống của tín hữu.

A. Nền tảng Kinh Thánh của sự bảo đảm là

1. Bản tính của Đức Chúa Cha
 - a. Sáng thế Ký 3:15; 12:3
 - b. Thi Thiên 46:10
 - c. Ma-thi-ơ 1:11
 - d. Giảng 3:16; 10:28-29
 - e. Rô-ma 8:38-39
 - f. Ê-phe-sô 1:3-14; 2:5,8-9
 - g. Phi-líp 1:6
 - h. II Ti-mô-thê 1:12
 - i. I Phi-e-rơ 1:3-5
2. Công tác của Đức Chúa Con

- a. Lời cầu nguyện như thầy tế lễ của Ngài (Giăng 17:9-24, đặc biệt câu 12)
 - b. Sự hy sinh thay thế của Ngài
 - (1) Rô-ma 8:31
 - (2) II Cô-rinh-tô 5:21
 - (3) I Giăng 4:9-10
 - c. Sự cầu thay liên tục của Ngài
 - (1) Rô-ma 8:34
 - (2) Hê-bơ-rơ 7:25
 - (3) I Giăng 2:1
3. Sự ban cho năng lực của Đức Thánh Linh
- a. Sự kêu gọi của Ngài (Giăng 6:44,65)
 - b. Sự đóng ấn của Ngài
 - (1) II Cô-rinh-tô 1:22; 5:5
 - (2) Ê-phê-sô 1:13-14; 4:30
 - c. Sự đảm bảo của Chúa
 - (1) Rô-ma 8:16-17
 - (2) I Giăng 5:7-13
- B. Tín hữu cần phải có đáp ứng qua giao ước là
- 1. Sự ăn năn khởi đầu và liên tục cùng với đức tin
 - a. Mác 1:15
 - b. Công-vụ các Sứ-đồ 3:16,19; 10:21
 - c. Giăng 1:12 và Rô-ma 10:9-13
 - 2. Phải nhớ rằng mục đích của sự cứu rỗi là trở nên giống như Đấng Christ
 - a. Rô-ma 8:28-29
 - b. Ê-phê-sô 2:10
 - 3. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực bằng lối sống
 - a. Gia-cơ
 - b. I Giăng
 - 4. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực qua đức tin chủ động và sự bền đỗ
 - a. Mác 13:13
 - b. I Cô-rinh-tô 15:2
 - c. Hê-bơ-rơ 3:14
 - d. II Phi-e-rơ 1:10
 - e. Giu-đe 20-21

6:38 "Vì Ta từ trời xuống" “xuống” - động từ quá khứ ám chỉ sự nhập thể, giáng sinh (xem Giăng 1:1 và các câu tiếp theo, Ê-phê-sô. 4:8-10), đồng thời ám chỉ nguồn gốc thiên thượng của Chúa Giê-su (xem Giăng 6:41,62).

▣ **"không phải để làm theo ý Ta mà làm theo ý Đấng đã sai Ta"** Tân Ước khẳng định tính hiệp một của Ba Ngôi, ví dụ 14:8-9 cũng như tính đặc thù của Từng Ngôi (Xem chủ đề đặc biệt : Ba Ngôi ở câu 14:26), Câu này cũng như nhiều câu khác trong Giăng nói về tính đầu phục Cha của Chúa Giê-su. Xem ghi chú câu Giăng 5:19. Tham khảo Chủ đề đặc biệt “sai phái” ở câu 5:24.

6:39 "Tất cả những người Ngài đã ban cho Ta thì Ta sẽ không để mất một ai," Đây có sự liên hệ giữa chữ “tất cả” ở câu 6:37 và 6:39 – danh từ số ít giống trung (cả nam và nữ). Giăng vài lần dùng cách viết khác thường này (xem Giăng 17:2,24) để nhấn mạnh tính cộng đồng của những người được cứu. (xem Giăng 6:40,45).

Đây là lời hứa đảm bảo cứu rỗi cho Cơ-đốc nhân qua quyền năng của Đức Chúa Trời. (xem Giăng 10:28-29; 17:2,24, xem chủ đề đặc biệt “sự đảm bảo” tại I Giăng 5:13. Xin để ý thì hiện tại trong Giăng 6:37, và thì quá khứ hoàn thành trong Giăng 6:39. Món quà của Đức Chúa Trời là món quà trường tồn. Trong câu 6:39 còn có thêm hai động từ chủ động, quá khứ: Chúa Giê-su đã không đánh mất ai mà Đức Chúa Cha đã ban cho

Ngài (Giăng 6:37 and 39) và Ngài sẽ dựng những người Cha đã ban trong ngày sau rốt. (xem Giăng 6:44). Đây là lời hứa về (1) sự lựa chọn và sự (2) bền đỗ!

Khái niệm về ngày hoàn tất (trong nghĩa tích cực và tiêu cực) được thấy trong vài danh hiệu:

1. “những ngày cuối cùng”, Giăng 6:39,40,44,54; 11:24; 12:48; 2 Ti-mô-thê. 3:1; 1 Phi-ê-rơ. 1:5; 2 Phi-ê-rơ. 3:3
2. ”thời cuối cùng” Ti-mô-thê, 1 Giăng 2:18; Jude 1:18
3. “ngày ấy”, Ma-thi-ơ. 7:22; 2 Ti-mô-thê. 1:12,18; 4:8
4. “một ngày”, Công-vụ 17:31
5. “ngày vĩ đại”, Giu-đê 1:6
6. “ngày ấy”, Lu-ca 17:30; 1 Cô-rin-tô. 3:13; 1 Thê-sa-lô-ni-ca. 5:4; Hê-bơ-rơ. 10:25
7. “ngày của Ngài”, Lu-ca 17:24
8. “ngày của Chúa”, 1 Thê-sa-lô-ni-ca. 5:2; 2 Thê-sa-lô-ni-ca. 2:2
9. “ngày của Đấng Christ”, Phi-líp. 1:10; 2:16
10. “ngày của Đức Chúa Giê-su Christ”, 1 Cô-rin-tô. 1:8; 5:5
11. “ngày của Đức Chúa Giê-su”, 2 Cô-rin-tô. 1:14
12. ngày của Đấng Christ – Chúa Giê-su, Phi-líp. 1:6
13. “ngày của Con Người” Lu-ca 17:24 (see also #7)
14. “ngày phán xét”, Ma-thi-ơ. 10:15; 11:22,24; 12:36; 2 Phi-ê-rơ. 2:9; 3:7; 1 Giăng 4:17
15. “ngày thịnh nộ”, Khải huyền. 6:17
16. “ngày vĩ đại của Đức Chúa Trời” - Khải huyền. 16:14

▣ **"nhưng Ta phải làm cho sống lại trong ngày cuối cùng"** Đây nói về ngày sống lại của tín đồ và ngày phán xét cho người bất tin (xem Giăng 6:40,44,54; 5:25,28; 11:24 and 1 Cô-rin-tô. 15). Ông Frank Stagg có lời bình luận hữu ích trong cuốn *A New Testament Theology*:

"Phúc Âm Giăng nhấn mạnh về sự kiện trong tương lai (14:3,18 f.,28; 16:16,22) và nói rõ về sự sống lại và sự đoán xét trong ngày cuối cùng' (5:28 f., 6:39 f., 44,54; 11:24; 12:48); Mặc dù vậy, trong cả Phúc Âm, sự sống đời đời, sự phán xét và sự sống lại là thực tế hiện tại (3:18 f.; 4:23; 5:25; 6:54; 11:23 ff.; 12:28,31; 13:31 f.; 14:17; 17:26)" (trang. 311).

6:40 "đây là ý muốn của Cha Ta" Đây là câu trả lời của Chúa Giê-su' cho câu hỏi của những người Do-thái trong Giăng 6:28, "Chúng tôi phải làm gì để được làm công việc của Đức Chúa Trời?" Tham khảo chủ đề đặc biệt “Ý muốn của Đức Chúa Trời (thelèma)” ở câu 4:34.

▣ **"Tất cả những ai thấy Con"** Động tính từ ”thấy” thể chủ động, thì hiện tại, có hai ý nghĩa song song: “Ngắm nhìn” và “tin” trong Giăng 6:35, cũng như “nhìn thấy” và “nghe thấy”. Đây là những hành động xảy ra liên tục chứ không phải sự kiện nhất thời. Thuật ngữ “ngắm nhìn” có nghĩa nhìn chăm chú một vật gì đó cho đến khi hiểu ra và biết rõ.

Tôi thích từ thuật (*pas*), được dịch như sau (RVV2011)

1. nhờ ông *mọi người* đều tin, Giăng 1:7
2. soi sáng *mọi người*, Giăng 1:9
3. để *ai* tin đến Ngài đều được sự sống đời đời, Giăng 3:15
4. hễ *ai* tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời, Giăng 3:16
5. *mọi người* đều tôn kính Con, Giăng 5:23
- 6-9. Giăng 6:37,39,40,45
10. *Người* nào tin Ta thì sẽ sống, Giăng 11:26
11. a sẽ kéo *mọi người* đến với Ta, Giăng 12:32
12. *người* nào tin Ta thì không còn ở trong bóng, Giăng 12:46

Đây là điều bí ẩn của chủ quyền Thiên thượng (xem Giăng 6:38-39; 17:2,24) so với quyền lựa chọn của con người Cả hai đều đúng. Đối với tôi, khái niệm thần học về “giao ước” có vẻ hòa đồng nhất.

▣ **"tin Con "** Xin nhớ rằng sự cứu rỗi trước hết là mối liên hệ, không phải là tín điều, tín lý hay lối sống đức đạo. (xem Giăng 3:16; 11:25-26). Quan trọng hơn cả là đối tượng, chứ không phải mức độ của niềm tin. Xem chủ đề đặc biệt "Động từ "tin" trong Giăng" ở câu 2:23

Xin hãy để ý tới sự quân bình giữa chủ quyền của Đức Chúa Trời, Giăng 6:37a,39,44,65 và sự hưởng ứng bởi niềm tin của con người, Giăng 6:37b,40. Sự giằng co giữa chủ quyền Đức Chúa Trời và quyền tự nguyện của con người phải được tôn trọng, đây là hai mặt song song của một bản giao ước theo Kinh thánh

▣ **"được sự sống đời đời"** Động từ "được" ở trong thể chủ động hiện tại theo lối câu khẩn, đòi hỏi sự đáp ứng. (xem 1 Giăng 5:11). Giăng 6:39 nói về cộng đồng (những ai), còn Giăng 6:40 nói về cá nhân (ai). Đây là một nghịch lý của sự cứu rỗi.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIĂNG 6:41-51

⁴¹Nhưng các người Do Thái phàn nàn về Ngài, vì Ngài nói: "Ta là bánh từ trời xuống." ⁴²Họ nói: "Chẳng phải người này là Jêsus, con của Giô-sép sao? Cha mẹ ông ta, chúng ta biết cả, sao bây giờ ông ấy lại nói: 'Ta từ trời xuống?'" ⁴³Đức Chúa Jêsus bảo họ: "Các ngươi đừng xâm xì với nhau nữa. ⁴⁴Nếu Cha, là Đấng đã sai Ta, không kéo đến thì không ai có thể đến với Ta, và Ta sẽ làm cho người ấy sống lại trong ngày cuối cùng. ⁴⁵Các sách tiên tri có chép: 'Tất cả đều sẽ được Đức Chúa Trời dạy dỗ.' Bất cứ ai đã nghe và học nơi Cha thì đến với Ta. ⁴⁶Chưa hề có ai đã thấy Cha, ngoại trừ Đấng từ Đức Chúa Trời đến; Đấng ấy đã thấy Cha. ⁴⁷Thật, Ta bảo thật các ngươi, ai tin thì được sự sống đời đời. ⁴⁸Ta là bánh của sự sống. ⁴⁹Tổ phụ các ngươi đã ăn ma-na trong hoang mạc rồi cũng chết. ⁵⁰Đây là bánh từ trời xuống, để ai ăn thì không chết. ⁵¹Ta là bánh sự sống từ trời xuống; nếu ai ăn bánh này thì sẽ sống đời đời. Bánh mà Ta sẽ ban cho vì sự sống của thế gian chính là thịt Ta."

6:41 "Nhưng các người Do Thái phàn nàn về Ngài" "Phàn nàn" - động từ chưa hoàn thành, có nghĩa họ phàn nàn và phàn nàn một cách lặp đi lặp lại. Điều này đã từng xảy ra trong đồng vắng thời Xuất Ê-gíp-tô Ký và Dân Số Ký, khi dân I-sơ-ra-en từ chối Mô-sê là đại diện của Đức Chúa Trời, qua người Chúa cũng ban bánh Man-na.

6:42 Đây chứng tỏ người Do-thái hiểu rõ lời Chúa phán về mình. Chúa dùng thành ngữ Do-thái để nói về tính tiền tại và thần linh. Lời của Chúa gây sốc cho mọi người, đặc biệt khi họ chỉ nghĩ Chúa chẳng qua là một người thợ mộc xứ Ga-li-lê. Chúa có thể là:

1. Con Nhập Thể của Đức Chúa Trời, Đấng đem lại sự sống đời đời bằng quyền năng và lời phán. Hoặc là
2. một kẻ lừa đảo có chủ đích, hoặc là
3. một người mộng tưởng (trích từ Josh McDowell, *Evidence That Demands a Verdict*)

Sự thật về lời phán của Chúa chính là trọng tâm của Cơ-đốc Giáo.

6:43 "Các ngươi đừng xâm xì với nhau nữa" - Đây là mệnh lệnh thức thì hiện tại: "xâm xì" với tiêu từ phủ nhận "đừng". Có nghĩa là chấm dứt một hành động đang xảy ra.

6:44 "Nếu Cha, là Đấng đã sai Ta, không kéo đến thì không ai có thể đến với Ta" Đức Chúa Trời luôn luôn khởi xướng (xem Giăng 6:65 and 15:16). Mọi quyết định thực linh đều được Chúa Thánh Linh cảm hứng, chứ không phải xuất phát từ sự sùng đạo của con người. (xem Ê-sai. 53:6). Chủ quyền của Đức Chúa Trời và sự đáp ứng đòi hỏi ở con người được nối với nhau trong ý chỉ và tình thương Thiên thượng. Đây là khái niệm về giao kết trong Cựu Ước.

Phần còn lại trong quá trình "kéo đến" của Đức Chúa Trời được thấy trong Giăng 12:32 khi Chúa Giê-su "kéo mọi người đến với Ta". Sự kéo đến này đi ngược với sự chối từ trong Cựu Ước, khi dân tuyền từ chối lời

tiên tri. Ngày nay Đức Chúa Trời không phán qua tiên tri, (ví dụ Ê-sai. 6:9-13; 29:13; Giê-rê-mi) nhưng trực tiếp qua Con Ngài cho cả thế gian (xem Hê-bơ-rơ. 1:1-3). Tham khảo chủ đề đặc biệt "Sai Phái" ở câu 5:24

6:45 "Các sách tiên tri có chép" Đây là lời dẫn từ Ê-sai 54:13 hoặc Giê-rê-mi 31:34 nói về sự đổi mới nội tâm (trái tim và trí óc) của giao ước mới.

▣ **"Bất cứ ai đã nghe và học nơi Cha thì đến với Ta"** Không ai có thể tuyên bố mình biết Đức Chúa Trời mà từ chối Chúa Giê-su (xem 1 Giăng 5:1-12).

6:46 "Chưa hề có ai đã thấy Cha" Chúa Giê-su tuyên bố chỉ qua Ngài con người mới có thể biết và hiểu Đức Chúa Trời (xem Giăng 1:18; 14:6,9). Ngay chính Mô-sê cũng không tận mắt thấy Đức Giê-hô-va (xem ghi chú Giăng 5:32).

6:47 Câu này tóm tắt sự cứu rỗi Chúa Giê-su ban cho loài người, (những ai "đang tin" với động tính từ chủ động thì hiện tại, xem Giăng 6:51,58; 3:15,16,36; 5:24; 11:26; 20:31). Chúa Giê-su là mặc khải duy nhất của Đức Chúa Trời, là cánh cửa duy nhất tới Đức Chúa Trời (tính riêng biệt của Phúc Âm, xem Giăng 10:1-6,7-9; 14:6), nhưng mở rộng cho tất cả hậu tự của A-đam và Ê-va (tính bao gồm của Phúc Âm) Giăng 1:4,7,12; 3:16; Gen. 3:15; 12:3).

6:50 Câu này là cách chơi chữ của từ "bánh", giữa bánh thuộc thể (Man-na) và bánh thuộc linh Chúa Giê-su), giống như trong Giăng 6:31-35. Bánh thứ nhất ban cho và duy trì sự sống xác thịt, cứ tiếp tục phải ăn nhưng không thể ngăn chặn sự chết. Bánh Thứ Hai ban cho và duy trì sự sống đời đời, nhưng phải được tiếp nhận và khi đã tiếp nhận sẽ chấm dứt ngay lập tức sự chết tâm linh. Sự chết tâm linh là sự đứt đoạn trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời bởi tội lỗi và tính vị kỷ).

6:51 "Ta là bánh của sự sống" Đây là một trong những tuyên bố "Ta-là" nổi tiếng trong Giăng (xem Giăng 6:35,48,51). Đây là kỹ ngôn mà Chúa Giê-su sử dụng để hướng người nghe về Cá Nhân, sứ điệp của Chúa.

▣ **"vì sự sống của thế gian chính là thịt Ta"** Đây là ẩn dụ nhấn mạnh về Cá Nhân Chúa Giê-su, nguồn cung ứng không chỉ thực phẩm, nhưng tất cả những gì chúng ta cần thiết. Liên hệ tới câu 1:14.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIĂNG 6:52-59

⁵²Vì vậy, có cuộc tranh cãi giữa những người Do Thái với nhau. Họ nói: "Làm sao ông ta có thể lấy thịt mình cho chúng ta ăn được?" ⁵³Đức Chúa Jêsus bảo họ: "Thật, Ta bảo thật các ngươi, nếu các ngươi không ăn thịt và uống huyết Con Người thì không có sự sống đời đời trong các ngươi đâu. ⁵⁴Ai ăn thịt và uống huyết Ta thì được sự sống đời đời; Ta sẽ khiến người ấy sống lại trong ngày cuối cùng. ⁵⁵Vì thịt Ta thật là thức ăn, huyết Ta thật là thức uống. ⁵⁶Ai ăn thịt Ta và uống huyết Ta thì ở trong Ta, và Ta ở trong người ấy. ⁵⁷Như Cha hằng sống đã sai Ta, và Ta nhờ Ngài mà sống thể nào thì người ăn Ta cũng sẽ nhờ Ta mà sống thể ấy. ⁵⁸Đây là bánh từ trời xuống, không như bánh tổ phụ các ngươi ăn rồi chết; người nào ăn bánh này sẽ sống đời đời." ⁵⁹Đức Chúa Jêsus nói những điều này khi đang dạy dỗ trong nhà hội tại thành Ca-bê-na-um.

6:52

NASB "tranh cãi"

NKJV "cãi cọ"

NRSV "tranh luận"

TEV "tranh cãi một cách giận dữ"

NJB "tranh cãi"

Động từ "cãi" ở đây trong thì chưa hoàn thành, có nghĩa đã bắt đầu trong quá khứ hoặc tiếp tục từ trong quá khứ. một thuật ngữ Hy Lạp dành cho sự tranh đấu (xem Công-vụ 7:26; 2 Ti-mô-thê. 2:23-24; Titus 3:9) và được dùng như một ẩn dụ trong 2 Cô-rin-tô. 7:5 and Gia-cơ 4:1-2.

▣ **"Làm sao ông ta có thể lấy thịt mình cho chúng ta ăn được?"** Trong Giảng, Chúa Giê-su dùng ẩn dụ mà mọi người thường hiểu sai theo nghĩa đen: (1) Ni-cô-đem Giảng 3:4; (2) người phụ nữ Sa-ma-ri, Giảng 4:11; (3) đám đông người Do-thái, Giảng 6:52; và (4) các môn đồ Giảng 11:11.

6:53-57 các động từ trong Giảng 6:53 và 54 mang tính độc đáo: Trong Giảng 6:53, "ăn" và "uống" trong lời cầu khẩn, thì quá khứ, chủ động, nói về tiềm năng một hành động khởi đầu. Còn trong Giảng 6:54, "ăn" và "uống" là động tính từ, chủ động thì hiện tại, nhấn mạnh hành động đang tiếp diễn. (xem Giảng 6:56,57,58). Hình như Giảng muốn khẳng định sự hưởng ứng ban đầu với Chúa Giê-su cần phải được tiếp tục một cách bền bỉ (xem Giảng 6:44).

Cần phải nhớ rằng, giải kinh phân đoạn này theo nghĩa đen sẽ dẫn đến sự hiểu lầm sự kinh khiếp việc uống huyết của người Do-thái (xem Lev. 17:10-14). Cũng vậy, dùng ẩn dụ của Chúa Giê-su về Man-na trong đồng vắng một cách nghĩa đen để kết nối với Tiệc thánh là sự thao túng bối cảnh lịch sử và văn chương cho mục đích nghi lễ

6:54 "thịt... huyết" Đây là cách ẩn dụ của người Do-thái, nói trọn vẹn về một cá nhân, tương tự như: tâm, tim.

6:55 "thịt thật... huyết thật" Cách sử dụng độc đáo trong Giảng về sự thực. Xin tham khảo chủ đề đặc biệt dưới đây. Khi viết Phúc Âm sau Mác, Ma-thi-ơ, Lu-ca, sử đồ Giảng thấy sự phát triển của dị giáo (đề cao vai trò của Giảng Báp-tít, của nghi lễ, và của kiến thức trong Tri-huệ-giáo).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: (KHÁI NIỆM) "SỰ THẬT" TRONG VĂN TỰ CỦA GIẢNG

Dường như Giảng kết hợp ngữ cảnh Do-thái và ngữ cảnh Hy-lạp của từ thuật *alētheia* "sự thật", như ông đã làm đối với *logos* (xem 1:1-14). Trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ *emeth* (BDB 53) nói về những gì hữu thực, đáng tin cậy, (thường được dịch *pisteuō* trong bản Bảy Mươi (Septuagint)). Trong triết học Hy-lạp, sự thật được liên hệ tới lý luận thực tại và thực ảo, tính thiên thượng và tính trần thế của Plato. Điều này thích hợp với nhị-nguyên luận của Giảng. Đức Chúa Trời đã mạc khải, phơi bày, làm sáng tỏ rõ ràng (*alētheia*) bản thân Ngài trong Đức Chúa Con, qua một vài phương cách sau:

1. DANH TỪ, *alētheia*, truth
 - a. Chúa Giê-su đầy ân điển và sự thật (xem Giảng 1:14,17 – OT covenant terms)
 - b. Chúa Giê-su là tiêu điểm lời chứng của Giảng Báp-tít (xem Giảng 1:32-34; 18:37 – tiên tri Cựu Ước cuối cùng)
 - c. Chúa Giê-su tuyên bố sự thực (xem Giảng 8:40,44,45,46 – mạc khải mệnh đề và cá nhân)
 - d. Chúa Giê-su là đường đi, lẽ thật và sự sống (xem Giảng 14:6)
 - e. Chúa Giê-su thánh hóa họ trong sự thật (xem Giảng 17:17)
 - f. Chúa Giê-su (the *Logos*, 1:1-3) là sự thật (xem Giảng 17:17)
2. TÍNH TỪ, *alēthēs*, thực sự, đáng tin
 - a. Lời chứng của Chúa Giê-su (xem Giảng 5:31-32; 7:18; 8:13-14)
 - b. Sự phán xét của Chúa Giê-su (xem Giảng 8:16)
3. TÍNH TỪ, *alēthinus*, thực thể
 - a. Chúa Giê-su ánh sáng thực (xem Giảng 1:9)
 - b. Chúa Giê-su thức ăn thực (xem Giảng 6:32)
 - c. Chúa Giê-su là cây nho thực (xem Giảng 15:1)
 - d. Chúa Giê-su chứng nhân thực (xem Giảng 19:35)
4. TRẠNG TỪ, *alēthōs*, thực
 - a. Người Sa-ma-ri chứng thực về Chúa Giê-su là Cứu Chúa của thế gian. (xem Giảng 4:42)
 - b. Chúa Giê-su thức ăn, thức uống thực, so với Man-na thời Mô-sê (xem Giảng 6:55)
Thuật ngữ (*alēthēs* -sự thật) cũng thể hiện trong các lời chứng về Chúa Giê-su của
 - a. Lời chứng của Giảng Báp-tít là thật (xem Giảng 10:41)
 - b. Lời chứng của Giảng (sứ đồ) là thực (xem Giảng 19:35; 21:24)
 - c. Chúa Giê-su được coi là tiên tri thực (xem Giảng 6:14; 7:40)

Tư liệu tranh luận tốt về sự thật trong Cựu Ước và Tân Ước, xin tham khảo George E. Ladd's *A Theology of the New Testament*, trang. 263-269.

6:56 "ở trong Ta, và Ta ở trong người ấy" Sự thực này được nhấn mạnh trong Giăng 15:4-7; 1 Giăng 2:6,27,28; 3:6,24, xem chủ đề đặc biệt "Ở mãi" trong văn tự của Giăng ở câu 1 Giăng 2:10. Tác giả đề cập tới sự bền đỗ của các thánh đồ (xem Ga-la-ti 6:9; Khải huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21), xem chủ đề đặc biệt Sự bền đỗ cần thiết ở câu 8:31. Sự hưởng ứng thực được tiếp nối bởi sự trung tín bước theo. Tầm quan trọng của sự bền đỗ bị mất đi trong lĩnh vực truyền giáo ở Bắc Mỹ. Một cá nhân không chỉ bắt đầu bằng niềm tin, nhưng phải chung kết trong niềm tin (Hê-bơ-rơ 11). Jonathan Edwards tuyên bố: "một bằng chứng của sự lựa chọn là sự bền đỗ đến cùng." W. T. Conner nói "Sự cứu rỗi của một người được chọn là sự cứu rỗi từ cõi đời đời đến cõi đời đời trong tâm trí và mục đích của Đức Chúa Trời. Tuy vậy còn phải phụ thuộc vào ở mức độ tồn tại lâu dài và đắc thắng của niềm tin."

6:57 "Cha hằng sống " Câu này rất độc đáo, cũng là khái niệm thường được dùng trong Kinh Thánh. Có vài cách giải thích cội nguồn của danh hiệu này của Đức Chúa Trời.

1. danh căn bản của Đức Chúa Trời theo giao ước (xem Exod. 3:12,14-16; 6:2-3, Tham khảo: Danh của Thần Đức.)
2. những lời thề của Đức Chúa Trời, "như Ta hằng sống" hoặc trong "như Chúa sống". (xem Dân số. 14:21,28; Ê-sai. 49:18; Giê-rê-mi. 4:2)
3. Như sự mô tả Đức Chúa Trời (xem Thi-thiên. 42:2; 84:2; Giô-suê. 3:10; Giê-rê-mi. 10:10; Đa-ni-ên. 6:20,26; Ô-sê. 1:10; Ma-thi-ơ. 16:16; 26:63; Công-vụ 14:15; Rô-ma. 9:26; 2 Cô-rin-tô. 3:3; 6:16; 1 Thê-sa-lô-ni-ca. 1:9; 1 Ti-mô-thê. 3:15; 4:10; Hê-bơ-rơ. 3:12; 9:14; 10:31; 12:22; Khải huyền. 7:2)
4. tuyên bố trong Giăng 5:26, rằng Đức Chúa có sự sống trong Ngài và đã ban cho Đức Chúa Con quyền ấy và trong 5:21 như Đức Chúa Trời dựng kẻ chết sống lại, Đức Chúa Con cũng vậy.

6:58 Đây là sự so sánh giữa Tân Ước và Cựu ước, giữa Mô-sê và Chúa Giê-su (xem sách Hê-bơ-rơ đặc biệt chương 3,44).

▣ **"tổ phụ các người ăn rồi chết"** Một tuyên bố thần học phủ nhận sự cứu rỗi theo gia phả (xem Giăng 8:33-39) hoặc tuân chỉ luật Mô-sê (Torah).

▣ **"đời đời"** Xem chủ đề đặc biệt dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI ĐỜI (Olam)

'*olam* (BDB 761, KB 798) là một thuật ngữ rất phổ biến (được sử dụng trên 400 lần). Nó được sử dụng để chỉ một khoảng thời gian theo nhiều nghĩa, nhưng mỗi nghĩa cần phải được gắn kết với tính chất của sự việc mà nó có liên hệ.

A. Thời gian trong quá khứ (chỉ liệt kê những ví dụ)

1. "các anh hùng thời xưa," Sáng thế Ký 6:4
2. "những núi và đồi," Sáng thế Ký 49:21
3. "những đời trước," Phục truyền Luật lệ Ký 32:7
4. "tổ tiên," Giô-suê 24:2
5. "những ngày đời xưa," Ê-sai 51:9

B. Liên tục suốt đời (chỉ liệt kê những ví dụ)

1. "tin cậy người luôn luôn" (ví dụ, Môi-se), Xuất Ê-díp-tô Ký 19:9
2. "làm tôi mọi luôn luôn" Phục truyền Luật lệ Ký 15:17, I Sa-mu-ên 27:12
3. "trọn đời người," Phục truyền Luật lệ Ký 23:6
4. Sa-mu-ên "ở lại đó luôn luôn" I Sa-mu-ên 1:22
5. Vua "sống muôn năm" I Các vua 1:21; Nê-hê-mi 2:3; Thi thiên 21:4
6. "ngợi khen Chúa muôn đời," Thi thiên 115:18; 145:1-2
7. "hát xướng luôn luôn," Thi thiên 89:1; 115:18; 145:1-2
8. "cru mạng luôn luôn (nghĩa ẩn dụ)," Giê-rê-mi 20:17

9. có thể trong Châm-ngôn 10:25
- C. Liên tục tồn tại (nhưng có những giới hạn rõ ràng)
1. Con người sống mãi mãi, Sáng thế Ký 3:22
 2. Trái đất, Thi thiên 78:69; 104:5; 148:6; Truyền Đạo 1:4 (xem II Phi-e-rơ 3:10)
 3. Chức thầy tế lễ của A-rôn, Xuất Ê-díp-tô Ký 29:9; 40:15 (xem I Sa-mu-ên 2:30)
 4. Ngày Sa-bát, Xuất Ê-díp-tô Ký 31:16-17
 5. Những ngày lễ, Xuất Ê-díp-tô Ký 12:14,17,24; Lê-vi Ký 16:29,31,24; 23:14,21,41
 6. Phép cắt bì, Sáng thế Ký 17:13 (xem Rô-ma 2:28-29)
 7. Đất của lời hứa, Sáng thế Ký 13:15, 17:18, 48:4; Xuất Ê-díp-tô Ký 32:13 (xem chủ đề những sự lưu đày)
 8. Những thành phố bị đổ nát, Ê-sai 25:2; 32:14; 34:10
- D. Các giao ước có điều kiện
1. Áp-ra-ham, Sáng thế Ký 17:7,8,13,19
 2. Y-sơ-ra-ên, Phục truyền Luật lệ Ký 5:29; 12:28
 3. Đa-vít, II Sa-mu-ên 7:13,16,25,29; Thi thiên 89:2,4
 4. Y-sơ-ra-ên, Các Quan Xét 2:1 (tham khảo Ga-la-ti 3)
- E. Các giao ước vô điều kiện
1. Nô-ê, Sáng thế Ký 9:12,16
 2. Giao ước mới, Ê-sai 55:3; Giê-rê-mi 32:40; 50:5 (tức là, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-30)
- F. Đức Chúa Trời
1. Sự hiện hữu của Ngài, Sáng thế Ký 21:33; Phục truyền Luật lệ Ký 32:40; Thi thiên 90:2; 93:2. Ê-sai 40:28; Đa-ni-ên 12:7
 2. Danh của Ngài, Xuất Ê-díp-tô Ký 3:15; Thi thiên 135:13
 3. Sự cai trị của Ngài, Xuất Ê-díp-tô Ký 15:18; Thi thiên 45:6; 66:7; Giê-rê-mi 10:10; Mi-chê 4:7
 4. Lời của Ngài, Thi thiên 119:89,160; Ê-sai 40:8; 59:21
 5. Lòng yêu thương nhân từ của Ngài, Thi thiên 25:6; 89:2; 103:17; 118:1-4,29; Giê-rê-mi 33:1
- G. Đấng Mết-si-a
1. Danh của Ngài, Thi thiên 72:17,19
 2. Được chúc tôn mãi mãi, Thi thiên 45:2,17; 89:52
 3. Trị vì, Thi thiên 89:36,37; Ê-sai 9:7
 4. Thầy tế lễ, Thi thiên 110:4
 5. Sự hiện hữu từ trước vô cùng, Mi-chê 5:2
- H. Cuộc sống trong Thời Đại Mới
1. Sự sống đời đời, Đa-ni-ên 12:2
 2. Sự si nhục đời đời, Đa-ni-ên 12:2
 3. Không còn nước mắt, Ê-sai 65:19 (Khải huyền 21:4)
 4. Không cần mặt trời, Ê-sai 60:19-20 (Khải huyền 21:23)

Nên lưu ý nhiều từ trong tiếng Anh khác nhau được sử dụng để dịch chữ Hê-bơ-rơ này trong bản dịch Kinh Thánh NIV

1. mãi mãi
2. cũ, xưa
3. đời đời
4. vĩnh cửu
5. lâu bền
6. luôn luôn
7. suốt cả đời sống
8. tiếp tục
9. thường có
10. thường xuyên
11. bất cứ lúc nào
12. cổ xưa, thời cổ đại
13. vô tận
14. vĩnh viễn

15. cho đến cuối cùng
16. một thời gian dài
17. thời gian dài trước đây

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIĂNG 6:60-65

⁶⁰Nhiều môn đồ của Ngài nghe điều này thì nói: “Lời này khó quá, ai mà nghe được?” ⁶¹Nhưng Đức Chúa Jê-sus tự biết các môn đồ đang xâm xì về điều này nên nói rằng: “Điều này làm cho các con vấp phạm sao? ⁶²Vậy, nếu như các con thấy Con Người lên nơi Ngài vốn ở trước kia thì sao? ⁶³Chính thần linh làm cho sống, xác thịt chẳng ích gì. Những lời Ta nói với các con là thần linh và sự sống. ⁶⁴Nhưng có vài người trong các con không tin.” Vì ngay từ đầu, Đức Chúa Jê-sus đã biết ai là những người không tin và ai là kẻ phản Ngài. ⁶⁵Ngài lại nói: “Vì vậy, Ta đã bảo các con rằng nếu Cha không ban cho thì không ai có thể đến với Ta được.”

6:59 Chúa Giê-su thực hành Do-thái giáo trong thời gian ở trên đất. Ngài học trong các nhà hội, thờ phượng trong nhà hội và cũng dạy trong các nhà hội. Chúa thỏa mãn tất cả mọi điều đòi hỏi trong Luật pháp

Các nhà hội bắt đầu trong giai đoạn đi đày ở Ba-bi-lon 605-538 T.C.N). Người Do-thái xây dựng nhà hội ở tất cả mọi nơi có 10 đàn ông Do-thái. Nó trở nên phương tiện bảo tồn nền văn hóa và phong tục của họ. Khi trở về Giu-đê và thờ phượng trong Đền Thánh ở Giê-ru-sa-lem, họ vẫn giữ nhà hội ở địa phương

Chúng ta không được biết khi nào Chúa vào nhà hội ở Ca-bê-na-um (xem Giăng 6:24).

6:60 "Nhiều môn đồ của Ngài " Các môn đồ ở đây mang ý nghĩa rộng hơn. Trong Giăng, thuật ngữ “môn đồ và “tin” đều có thể là (1) người theo thực sự (Giăng 6:68) và (2) người theo tạm thời (Giăng 6:64, xem Giăng 8:31-47).

▣ **"nghe thấy. . .nghe"** Đây là cách chơi chữ “nghe thấy” (*akouō*). Họ nghe lời Chúa Giê-su nhưng không hiểu và làm theo. Trong khía cạnh này, thuật ngữ Hy-lạp giống như thuật ngữ Hê-bơ-rơ *shema* (xem Phục truyền. 4:1; 5:1; 6:3,4; 27:9-10).

6:62 “nếu” - Đây là thể điều kiện hạng nhất chưa kết thúc. Có nghĩa là họ có thể thấy, (xem Công-vụ 1). Sau khi Chúa đã chết, sống lại và thăng thiên cùng với sự giáng xuống của Thánh Linh, tất cả mọi giáo huấn và hành động của Chúa trở nên dễ hiểu đối với họ.

▣ **"lên nơi Ngài vốn ở trước kia "** Câu này nhấn mạnh việc Chúa Giê-su từ trên trời xuống trần gian, nói về sự tiên tại và sự thông công mật thiết với Cha trên Thiên Đàng (xem Giăng 17:5,24).

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THĂNG THIÊN

Chúa Giê-su giáng trần từ Thiên Đàng, (xem Phil. 2:6-7; 2 Cô-rin-tô. 8:9). Bây giờ Chúa trở về cõi tiên tại vinh hiển, (xem Giăng 1:1-3; 17:5; Ê-phê-sô. 4:10; 1 Tim. 3:16; I Giăng 1:2) ngôi bên hữu Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô. 1:20; Cô-lô-sê. 3:1; Hê-bơ-rơ. 1:3; 8:1; 10:12; 12:2). Có nhiều từ khác nhau nói về Chúa Giê-su thăng thiên trở về Thiên Đàng:

1. Công vụ 1:2,11,22; *analambanō*, được cất lên (xem 1 Tim. 3:16), cũng được dùng trong bản Bảy Mươi (Septuagint – bản dịch Cựu ước ra tiếng Hy-lạp) trong 2 Các vua. 2:9,11 về việc Eli được cất lên Thiên đàng, và cũng trong I Maccabees 2:58 (ngụy kinh)

2. Công vụ 1:9, *epairō*, cất lên

3. Lu-ca 9:51, *analēpsis* (form of #1) tiếp lên, cất lên

4. Lu-ca 24:51, diistēmi, lia, ròi,

5. Giăng 6:62, *anabainō*, lên nơi

Sự kiện này không được chép trong Ma-thi-ơ hoặc Mác. Phúc Âm Mác kết thúc ở câu 16: 8 nhưng trong ba văn bản sau đó có thêm chi tiết này ở câu 16:19 (i.e., *analambanō*).

6:63 Trong ngữ cảnh lớn hơn của cả chương 6, câu này có thể liên hệ tới sự tương phản giữa giao ước cũ và giao ước mới, giữa Mô-sê và Chúa Giê-su (xem Giăng 6:58; 2 Cô-rin-tô. 3:6, Than khào sự so sánh giữa hai giao ước trong Sách Hê-bơ-rơ

▣ **"Chính thần linh làm cho sống"** Đây là một trong nhiều câu ứng dụng cho cả chúa Giê-su và Chúa Thánh Linh

1. Chúa Thánh Linh là nước ban sự sống (Giăng 7:38-39)
2. Chúa Giê-su là nước hằng sống (Giăng 4:10-14)
3. Chúa Thánh Linh là Thần Linh của sự thật (Giăng 14:17; 15:26; 16:13)
4. Chúa Giê-su là lẽ thật (Giăng 14:6)
5. Chúa Thánh Linh là Đấng An Ủi. (Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7)
6. Chúa Giê-su là Đấng An Ủi (1 Giăng 2:1)

Xem Chủ đề đặc biệt: Chúa Giê-su và Chúa Thánh Linh, ở câu 14:16

Xin để ý thuật ngữ "linh" (*pneuma*) được dùng hay cách đặc biệt

1. Chúa Thánh Linh (xem Giăng 1:32,33; 3:34; 7:39; 14:17; 15:26; 16:13)
2. thuộc linh (xem Giăng 4:24; 11:33; 13:21)

Trong Giăng 3:5,6,8 khó có thể biết ý nghĩa nào thích hợp. Bởi tác giả là Giăng, có thể cả hai đều đúng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT "LINH" (*pneuma*) TRONG TÂN ƯỚC

Thuật ngữ Hy-lạp "linh" được dùng trong nhiều cách trong Tân Ước. Sau đây là vài đại diện và thí dụ.

A. Về Ba Ngôi Đức Chúa Trời

1. Đức Chúa Cha (xem Giăng 4:24)
2. Đức Chúa Con (xem Ro-ma. 8:9-10; 2 Cô-rin-tô. 3:17; Gal. 4:6; 1 Phi-ê-rơ. 1:11)
3. Đức Thánh Linh (xem Mác 1:11; Ma-thi-ơ. 3:16; 10:20; Giăng 3:5,6,8; 7:39; 14:17; Công vụ 2:4; 5:9; 8:29,35; Ro-ma. 1:4; 8:11,16; 1 Cô-rin-tô. 2:4,10,11,13,14; 12:7)

B. Về linh lực sự sống trong con người

1. của Chúa Giê-su (xem Mác 8:12; Giăng 11:33,38; 13:21)
2. của nhân loại (xem Ma-thi-ơ. 22:43; Công vụ 7:59; 17:16; 20:22; Ro-ma. 1:9; 8:16; 1 Cô-rin-tô. 2:11; 5:3-5; 7:34; 15:45; 16:18; 2 Cô-rin-tô. 2:13; 7:13; Phi-líp. 4:23; Cô-lô-sê. 2:5)
3. về những gì mà Thánh Linh tạo ra qua và trong tâm linh con người.
 - a. tinh thần (tâm linh) nô lệ so với tinh thần (tâm linh) làm con nuôi - Ro-ma. 8:15
 - b. tinh thần dịu dàng spirit of gentleness - 1 Cô-rin-tô. 4:21
 - c. tinh thần đức tin - 2 Cô-rin-tô. 4:13
 - d. linh của sự khôn ngoan, và sự mặc khải mặc khải - Ê-phê-sô. 1:17
 - e. tinh thần nhút nhát so với tinh thần yêu thương và tự chủ - 2 Tim. 1:7
 - f. thần linh chân lý, thần linh sai lầm - 1 Giăng 4:6

C. về lãnh vực thuộc linh

1. các linh
 - a. tốt (i.e., thiên sứ, xem Công vụ 23:8-9; Heb. 1:14)
 - b. xấu (i.e., quỷ, xem Ma-thi-ơ. 8:16; 10:1; 12:43,45; Công vụ 5:16; 8:7; 16:16; 19:12-21; Ê-phê-sô. 6:12)
 - c. ma (xem Lu-ca 24:37)
2. phán xét thuộc linh (xem Ma-thi-ơ. 5:3; 26:41; Giăng 3:6; 4:23; Công vụ 18:25; 19:21; Ro-ma. 2:29; 7:6; 8:4,10; 12:11; 1 Cô-rin-tô. 14:37)

3. nữnh gì thuộc linh (xem Giăng 6:63; Ro-ma. 2:29; 8:2,5,9,15; 15:27; I Cô-rin-tô. 9:11; 14:12)
4. ân tứ thuộc linh (xem I Cô-rin-tô. 12:1; 14:1)
5. Linh cảm bởi Thánh Linh. (xem Ma-thi-ơ. 22:43; Lu-ca 2:27; Ê-phê-sô. 1:17)
6. thân thể thuộc linh (xem I Cô-rin-tô. 15:44-45)

D. Mô tả đặc điểm

1. thái độ của thế gian (xem Ro-ma. 8:15; 11:8; I Cô-rin-tô. 2:12)
2. quá trình tư duy của con người (xem Công vụ 6:10; Ro-ma. 8:6; I Cô-rin-tô. 4:2)

E. về lãnh vực thuộc thể

1. gió (xem Ma-thi-ơ. 7:25,27; Giăng 3:8; Công vụ 2:2)
2. hơi thở (xem Công vụ 17:25; 2 Thê-sa-lô-ni-ca. 2:8)

Rõ ràng ý nghĩa của từ thuật này phải được hiểu trong ánh sáng ngữ cảnh gần gũi. Có vài nghĩa bóng có thể hướng về (1) thể giới thuộc thể; (2) thể giới vô hình; (3) một nhân vật trong thể giới thuộc thể hoặc thuộc linh.

Chúa Thánh Linh là một Thành Phần trong Ba Ngôi, hành động hết sức tích cực trong giai đoạn lịch sử này. Tân Kỳ Nguyên của Đức Thánh Linh đã đến. Tất cả những gì tối đẹp, thánh khiết, công chính đều liên hệ tới Ngài. Sự hiện diện, ân tứ và chức vụ của Chúa Thánh Linh đóng vai trò quan trọng bậc nhất cho sự tăng trưởng thành công của Vương Quốc Đức Chúa Trời. (xem Giăng 14 and 16). Chúa Thánh Linh không lôi kéo sự vinh hiển về mình nhưng về Chúa Giê-su (xem Giăng 16:13-14). Ngài cáo trách, thuyết phục, cảm hóa, làm phép báp-tem, và làm trưởng thành tất cả Cơ-đốc Nhân. (xem Giăng 16:8-11).

6:64 Từ nhiều người theo gót một cách giả dối giảm xuống còn một người: giu-đa (xem Giăng 6:70-71; 13:11. Có một bí ẩn tồn tại tùy theo mức độ của đức tin.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỘI ĐẠO (APHISTĒMI)

Chữ Hy Lạp *aphistēmi* là chữ có nhiều nghĩa. Tuy nhiên, chữ “apostasy” trong Anh ngữ xuất phát từ chữ Hy Lạp trên và làm cho những độc giả hiện đại có định kiến với cách dùng chữ này. Văn mạch luôn luôn là chìa khóa để hiểu nghĩa của nó chứ không phải là định nghĩa có sẵn.

Đây là từ ghép giữa giới từ *apo*, có nghĩa là “khỏi” hay “ra khỏi” với *histēmi* có nghĩa là “ngồi,” “đứng,” hay là “sửa chữa.” Lưu ý những cách sử dụng không theo nghĩa thần học như sau:

1. Lấy ra khỏi theo phương diện vật chất
 - a. Khỏi Đền thờ, Lu-ca 2:37
 - b. Lấy ra khỏi nhà, Mác 13:34
 - c. Lấy ra khỏi một người, Mác 12:12; 14:50; Công-vụ các Sứ-đồ 5:38
 - d. Rút khỏi mọi sự, Ma-thi-ơ 19:27,29
2. Rút lui về phương diện chính trị, Công-vụ các Sứ-đồ 5:37
3. Ra khỏi về liên hệ, Công-vụ các Sứ-đồ 5:38; 15:38; 19:9; 22:29
4. Ra khỏi theo pháp lý (ly dị), Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:1,3 (LXX) và Tân Ước, Ma-thi-ơ 5:31; 19:7; Mác 10:4; I Cô-rinh-tô 7:11
5. Xóa nợ, Ma-thi-ơ 18:24
6. Bày tỏ sự không quan tâm bằng cách lánh đi, Ma-thi-ơ 4:20; 22:27; Giăng 4:28; 16:32
7. Bày tỏ sự quan tâm bằng cách không tránh mặt, Giăng 8:29; 14:18
8. Cho phép, thừa nhận, Ma-thi-ơ 13:30; 19:14; Mác 14:6; Lu-ca 13:8

Trong ý nghĩa thần học, động từ này cũng có cách sử dụng rộng rãi bao quát:

1. Hủy, tha thứ trách nhiệm tội lỗi, theo Xuất Ê-díp-tô Ký 32:32 (bản Septuagint); Dân số Ký 14:19; Gióp 42:10 và Tân Ước, Ma-thi-ơ 6:12,14-15; Mác 11:25-26
2. Giữ mình khỏi phạm tội, II Ti-mô-thê 2:19
3. Thờ ơ bằng cách tránh né
 - a. Luật pháp, Ma-thi-ơ 23:23; Công-vụ các Sứ-đồ 21:21
 - b. Đức tin, Ê-xê-chi-ên 20:8 (LXX); Lu-ca 8:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3; I Ti-mô-thê 4:1; Hê-bơ-rơ 3:12

Những tín hữu hiện đại thắc mắc về nhiều câu hỏi thần học mà các tác giả Tân Ước đã không hề nghĩ đến. Một trong những điểm này liên hệ đến xu hướng hiện đại tách rời đức tin khỏi sự thành tín. Có nhiều nhân vật trong Kinh Thánh liên hệ với dân sự của Đức Chúa Trời và có chuyện xảy ra.

I. Cựu Ước

- A. Cô-rê, Dân số Ký 16
- B. Các con trai của Ê-li, I Sa-mu-ên 2, 4
- C. Sau-ơ, I Sa-mu-ên 11-31
- D. Các tiên tri giả (những thí dụ)
 - 1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 13:1-5 18:19-22
 - 2. Giê-rê-mi 28
 - 3. Ê-xê-chi-ên 13:1-7
- E. Các nữ tiên tri giả
 - 1. Ê-xê-chi-ên 13:17
 - 2. Nê-hê-mi 6:14
- F. Các người lãnh đạo gian ác của dân Y-sơ-ra-ên
 - 1. Giê-rê-mi 5:30-31; 8:1-2; 23:1-4
 - 2. Ê-xê-chi-ên 22:23-31
 - 3. Mi-chê 3:5-12

II. Tân Ước

- A. Chữ Hy Lạp này có nghĩa đen là bội đạo, bỏ đạo. Cả Tân Ước và Cựu Ước đều xác nhận tội lỗi gia tăng mạnh mẽ và sự giảng dạy sai lạc đầy dẫy trước khi Chúa trở lại trần gian lần thứ hai (xem Ma-thi-ơ 24:24; Mác 13:22; Công-vụ các Sứ-đồ 20:29,30; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3,9-12; II Ti-mô-thê 4:4). Chữ Hy Lạp này có thể diễn đạt những lời phán của Đức Chúa Giê-xu trong ẩn dụ về những loại đất theo Lu-ca 8:13. Các giáo sư giả này rõ ràng không phải là Cơ Đốc Nhân, nhưng từ trong vòng những Cơ Đốc Nhân (xem Công-vụ các Sứ-đồ 20:29-30; I Giăng 2:19). Họ lại có thể dẫn dụ và thu phục những tín hữu chân thật nhưng chưa trưởng thành (xem Hê-bơ-rơ 3:12).

Đây là câu hỏi thần học: có bao giờ các giáo sư giả này từng là người tin đạo? Đây là câu hỏi khó trả lời bởi vì đã có các giáo sư giả ở trong những Hội Thánh địa phương (xem I Giăng 2:18-19). Thường thì truyền thống thần học hay hệ phái của chúng ta giải đáp câu hỏi này mà không tra cứu đến những khúc Kinh Thánh cụ thể (ngoại trừ phương pháp trung dẫn bằng chứng bản văn bằng việc trích dẫn một câu Kinh Thánh mà không xét đến văn mạch để bảo vệ quan điểm thiên kiến cá nhân).

- B. Đức tin chỉ là ở bên ngoài (trong lòng không có)
 - 1. Giu-đa, Giăng 17:12
 - 2. Thuật sĩ Si-môn, Công-vụ các Sứ-đồ 8
 - 3. Những người được đề cập trong Ma-thi-ơ 7:21-23
 - 4. Những người được đề cập trong Ma-thi-ơ 13:1-23; Mác 4:1-12; Lu-ca 8:4-10
 - 5. Những người Do Thái trong Giăng 8:31-59
 - 6. A-léc-xan-đơ và Hy-mê-nê, I Ti-mô-thê 1:19-20
 - 7. Những người được đề cập trong I Ti-mô-thê 6:21
 - 8. Hy-mê-nê và Phi-lét, II Ti-mô-thê 2:16-18
 - 9. Đê-ma, II Ti-mô-thê 4:10
 - 10. Các tín hữu bề ngoài, Hê-bơ-rơ 3:10-16
 - 11. Các giáo sư giả, II Phi-e-rơ 2:19-21; Giu-đe 12-19
 - 12. Antichrists, I Giăng 2:18-19
- C. Đức tin không kết quả
 - 1. Ma-thi-ơ 7:13-23
 - 2. I Cô-rinh-tô 3:10-15
 - 3. II Phi-e-rơ 1:8-11

Chúng ta ít khi nghĩ về những đoạn kinh văn này bởi vì hệ thống thần học của chúng ta (Calvinism, Arminianism, v.v.) chỉ định cho câu giải đáp đã được ấn định. Xin đừng có thành kiến với tôi khi tôi nêu ra chủ đề này. Điều tôi chú trọng là phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh thích hợp. Chúng ta cần phải để Kinh Thánh phán với chúng ta và đừng cố gắng ép nó vào cái khuôn thần học đã có sẵn. Điều này thường gây sốc

và khó chịu bởi vì thần học của chúng ta dựa theo hệ phái, văn hóa hay là từ liên hệ (cha mẹ, bạn bè, mục sư) nhưng lại không căn cứ vào Kinh Thánh. Một số người ở trong vòng dân sự của Đức Chúa Trời nhưng lại không phải thuộc về dân sự của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 9:6).

6:65 Câu này mô tả sự thật như ở câu Giảng 6:44. Con người hư hoại không thể tự khởi xướng việc tìm kiếm Đức Chúa Trời, (xem Rô-ma. 3:9-18 về một loại dẫn chứng từ Cựu ước về tội lỗi và sự bất tuân của con người).

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIẢNG 6:66-71

⁶⁶Từ lúc ấy, nhiều môn đồ thối lui, không theo Ngài nữa. ⁶⁷Đức Chúa Jê-sus nói với mười hai môn đồ: “Còn các con cũng muốn thối lui chẳng?” ⁶⁸Si-môn Phi-e-rơ đáp: “Thưa Chúa, chúng con sẽ theo ai? Chúa có lời của sự sống đời đời. ⁶⁹Chúng con đã tin và nhận biết rằng Chúa là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời.” ⁷⁰Đức Chúa Jê-sus đáp: “Chẳng phải Ta đã chọn các con là mười hai môn đồ sao? Thế mà một người trong các con là quỷ?” ⁷¹Ngài nói về Giu-đa, con của Si-môn Ích-ca-ri-ốt, là một trong mười hai môn đồ; chính người này về sau sẽ phản Ngài.

6:67 "Mười Hai " Đây là lần đầu tiên Giảng sử dụng từ ngữ này để mô tả cả nhóm sứ đồ. (xem Giảng 6:70,71; 20:24). Xem chủ đề đặc biệt: Số Mười Hai ở câu 6:13

6:68 "Si-môn Phi-e-rơ đáp" Pi-ê-rơ là phát ngôn viên của nhóm Mười Hai (xem Ma-thi-ơ. 16:16). Tuy nhiên điều này không có nghĩa ông là lãnh đạo nhóm. (xem Mác 9:34; Lu-ca 9:46; 22:24).

▣ **"Chúa có lời của sự sống đời đời"** Cơ-đốc giáo là (1) sự thật trong một sứ điệp "Lời của sự sống đời đời" và (2) sự thật trong Nhân Vật Chúa Giê-su. Phúc Âm là cả sứ điệp và nhân vật. thuật ngữ *pistis* liên hệ đến cả (1) sứ điệp (xem Giu-đe 3,20) và nhân vật (xem Giảng 1:12; 3:15-16). Xem chủ đề đặc biệt Động từ "tin" trong Giảng, ở câu 2:23.

6:69 "Chúng con đã tin và nhận biết" Cả hai động từ "tin" và "nhận biết" trong thể chỉ định, chủ động thì hoàn thành. Sự cứu rỗi ở đây là hành động trong quá khứ đã hoàn tất, nay trở nên một thực tại không biến đổi. Sự cứu rỗi thực sự liên hệ tới tất cả các thì của động từ, xin tham khảo Chú đề đặc biệt: Các thì của Động từ dùng cho sự cứu rỗi ở câu 9:7

NASB, NRSV,

NJB "Chúa là Đấng thánh của Đức Chúa Trời"

NKJV "Ngài là Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời hằng Sống"

TEV "Ngài là Đấng Thánh, đã đến từ Đức Chúa Trời"

Có một nan đề về văn bản nguyên thủy ở đây: Các bản dịch (NASB, NRSV, NJB) dựa trên các bản viết tay tiếng Hy-lạp cổ hơn, P⁷⁵, α , B, C^{*}, D, L và W. (không có phần "Chúa là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời" này). Sau đó các nhà sao chép thêm vô lời của Ma-tha từ Giảng 11:27 hoặc lời của Phi-e-rơ từ Ma-thi-ơ 16:16. Liên Hội Thánh Kinh UBS⁴ xếp hạng A (có nghĩa là chắc chắn) cho phiên bản ngắn hơn.

Cụm từ "Đấng Thánh của Đức Chúa Trời" là Danh hiệu của Đấng Mê-si-a trong Cựu Ước. được dẫn chứng trong Lu-ca 1:35 and Công-vụ 3:14. Đây cũng là danh hiệu mà ma quỷ dùng gọi Chúa trong Mác 1:24; Lu-ca 4:34. Xem chủ đề đặc biệt Đấng Thánh ở câu 1giăng 2:20. Đây là sự xưng nhận đức tin của nhóm Mười Hai sứ đồ, tương tự như trong Ma-thi-ơ 16.

6:70 "Chẳng phải Ta đã chọn các con là mười hai môn đồ sao? " Đây nhấn mạnh cho sự chọn lựa thiêng liêng của mười hai môn đồ. (xem Giảng 6:44 and 65). Câu hỏi của Chúa Giê-su trong Giảng 6:67 là ví dụ của sự giảng co giữa lựa chọn thiêng liêng và quyền tự nguyện của con người. Trong giao ước có hai đối tượng của mối liên hệ.

▣ **"Thế mà một người trong các con là quý"** Một phát biểu thật bất ngờ. Chúa không nói về một trong những môn đồ đã quay lưng đi, (xem Giăng 6:66), nhưng về một trong mười hai môn đồ đã được lựa chọn và đã từng tuyên thệ đức tin. Nhiều người liên hệ câu này với câu Giăng 13:2 hoặc 27. Có vài câu hỏi nảy sinh khi nghiên cứu câu Kinh thánh này: (1) vì sao Chúa chọn một con quý? và (2) thuật ngữ này có ý nghĩa gì trong ngữ cảnh?

Câu hỏi thứ nhất được trả lời bằng lời tiên tri dự đoán (xem Giăng 17:12; Ps. 41:9). Chúa Giê-su biết Giu-đa có tiềm năng làm gì. Giu-đa là một thí dụ tối đa về tội không thể tha thứ. Hắn từ chối Chúa Giê-su sau khi nghe, nhìn và ở cùng với Chúa đến nhiều năm.

Câu hỏi thứ hai có hai ý nghĩa:

1. Một số người cho đây là con quý (không có mạo từ, ám chỉ Sa-tan trong Công-vụ 13:10 and Khải huyền. 20:2) nhập vào Giu-đa (xem Giăng 13:2,27)
2. có thể một thuật ngữ dùng chung chung (không có mạo từ như trong 1 Ti-mô-thê. 3:11; 2 Ti-mô-thê. 3:3; and Tít 2:3)

Giu-đa là kẻ tố cáo / buộc tội trong Cựu Ước, như Sa-tan. Xin tham khảo chủ đề đặc biệt "Hiện thân của điều ác" ở câu 12:31. Tiếng Hy-lạp gọi là kẻ vu khống và kẻ ngồi lê đôi mách - một từ ghép "ném ngang qua".

6:71 "Si-môn Ích-ca-ri-ốt" Có một vài giả thiết về từ thuật này (các bản sao Hy-lạp có những cách đánh vần khác nhau: Có thể là:

1. một người từ Kerioth, một thành phố trong xứ Giu-đê
2. một người từ Kartan, một thành phố ở Ga-li-lê
3. một túi da để đựng tiền
4. tiếng Do-thái có nghĩa là bóp họng, đè nén
5. tiếng Hy-lạp "con dao" của kẻ ám sát

Nếu khả năng số 1 đúng, Giu-đa là người xứ Giu-đê duy nhất trong nhóm "Mười Hai". Nếu khả năng số 5 đúng, Giu-đa là người cuồng nhiệt, quá khích như Si-mon. Gần đây có cuốn sách viết về Giu-đa một cách tích cực hơn: *Judas, Betrayer or Friend of Chúa Giê-su?* by William Klassen, Fortress Press, 1996. Tôi có nan đề với cuốn sách này bởi nó không đề ý một cách nghiêm túc lời bình luận của Giăng trong Phúc Âm.

▣ **"phản"** Thuật ngữ Hy-lạp được dịch một cách mở rộng và trung lập trong nhiều ngữ cảnh. Tuy nhiên trong trường hợp Giu-đa bán Chúa cho các nhà cầm quyền, hành động này mang tính chất xấu xa. Xem ghi chú ở Giăng 18:2.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên "bán cái" điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Phải chăng Giăng 6 tranh luận về Tiệc Thánh, vì sao có và không?
2. Chúa Giê-su muốn nói gì khi tuyên bố Ta là bánh cho sự sống?
3. Vì sao Chúa Giê-su tuyên bố điều sùng sốt như vậy cho đám đông?

GIẢNG 7

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự bất tin của các em Chúa Giê-su	Các em Chúa Giê-su không tin	Chúa Giê-su, Nước Sự Sống	Chúa Giê-su và các em mình	Giê-su nhân dịp lễ lên Giê-ru-sa-lem và giảng dạy ở đó
7:1-9	7:1-9	7:1-9	7:1-9	7:1
Chúa Giê-su tại lễ Lều Tạm	Giáo sư Thiên Thượng		Chúa Giê-su tại lễ Lều Tạm	7:2-9
7:10-13	7:10-24	7:10-13	7:10-11 7:12-13	7:10-13
7:14-24		7:14-18 7:19-24	7:14-15 7:16-19 7:20 7:21-24	7:14-24
Đây phải Đấng Christ?	Có thể chăng đây Đấng Christ		Đây phải Đấng Mê-si-a?	Tranh luận về nguồn gốc Đấng Mê-si-a
7:25-31	7:25-31	7:25-31	7:25-27 7:28-29 7:30-31	7:25-27 7:28-29 7:30
Quan chức được phái đi bắt Chúa Giê-su	Chúa Giê-su và giới lãnh đạo tôn giáo		Quân lính được phái đi bắt Chúa Giê-su	Giê-su báo trước Sự ra đi của mình 7:31-34
7:32-36	7:32-36	7:32-36	7:32-34 7:35-36	7:35-36
Sông nước Hằng sông	Chúa Thánh Linh được hứa trước.		Dòng nước ban sự sống	Nước Hằng sông được hứa trước 7:37-38 7:39
7:37-39	7:37-39	7:37-39	7:37-39	
Mọi người chia rẽ	Ngài là ai?		Mọi người chia rẽ	Phát hiện nguồn gốc Đấng Mê-si-a

7:40-44	7:40-44	7:40-44	7:40-44	7:40-44
Sự bất tin của giới lãnh đạo	Bị từ chối bởi giới lãnh đạo		Bất tin trong giới lãnh đạo Do-thái	
7:45-52	7:45-52	7:45-52	7:45	7:45-52
			7:46	
			7:47-49	
			7:50-51	
			7:52	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

25. Phân đoạn 1
26. Phân đoạn 2
27. Phân đoạn 3
28. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 1-18

A. Bối cảnh của Giăng 5, 6 là Lễ Vượt Qua, bối cảnh của Giăng 7 là Lễ Lều Tạm. (Giăng 7:2 – 10:21ff).

B. Lễ Đền Tạm có mục đích chủ yếu là cảm tạ, còn được gọi là Lễ Mùa Gặt (Xem Xuất-Ê-gíp-tô Ký 23:16; 34:22). Đây là dịp tưởng nhớ giai đoạn hành trình về Đất Hứa (cũng còn gọi là Lễ Lều Tạm) Lê-vi-ký 23:29-44 and Phục Truyền 16:13-15). Ngày Lễ này thường xảy ra ngày 15 tháng of Tishri, tương đương với giao điểm tháng 9 tháng 10 dương lịch

C. Giăng 7 và 8 cho thấy sự thù hận của giới cầm quyền Do-thái vì sự phá luật Sa-bát của Chúa Giê-su (Giăng 5:16) và lời tuyên bố Ngài là một với Đức Giê-hô-va (Giăng 5:18). Xin để ý nhiều lần họ tìm cách:

1. bắt Chúa, Giăng 7:30,32,44; 10:39
2. giết Chúa, Giăng 7:1,19,25; 8:37,40 (also Giăng 11:53)

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 7:1-9

¹Sau các việc đó, Đức Chúa Jê-sus đi trong miền Ga-li-lê; Ngài không muốn đi trong miền Giu-đê vì người Do Thái đang tìm giết Ngài. ²Lễ Lều Tạm của dân Do Thái đã đến gần. ³Vì vậy, các em của Đức Chúa Jê-sus nói với Ngài rằng: “Anh hãy rời nơi này và đi qua miền Giu-đê để các môn đồ của anh được thấy công việc anh làm, ⁴vì không ai muốn được mọi người biết đến mà lại làm việc âm thầm cả. Nếu anh làm những việc ấy thì hãy bày tỏ chính mình cho thiên hạ biết đi.” ⁵Ngay cả các em Ngài cũng không tin Ngài. ⁶Đức Chúa Jê-sus nói với họ: “Thì giờ của anh chưa đến, nhưng thì

giờ của các em thì luôn có sẵn. ⁷Thế gian không thể ghét các em nhưng ghét anh, vì anh đã chứng minh cho thế gian biết rằng công việc của họ là xấu xa. ⁸Các em hãy lên dự lễ, còn anh chưa lên dự lễ này vì thì giờ của anh chưa trọn.” ⁹Nói xong, Ngài cứ ở lại miền Ga-li-lê.

7:1 "Sau các việc đó" Đây là một kỹ xảo văn chương chuyển đổi câu chuyện (Xem Giảng 5:1; 6:1; 7:1; 21:1).

▣ **"người Do Thái đang tìm giết Ngài"** Trong Giảng, thuật ngữ người Do Thái mang ý nghĩa tiêu cực. (Xem Giảng 1:19; 2:18,20; 5:10,15,16; 6:41,52; 7:1,11,13,35; 8:22,52,57; 9:18,22; 10:24,31,33; 11:8; 19:7,12; 20:19). Sự thù hận và ý định sát hại Chúa được ghi chép nhiều lần (Xem Giảng 5:16-18; 7:19,30,44; 8:37,40,59; 10:31,33,39; 11:8,53).

7:2 "Lễ Lều Tạm của dân Do Thái đã đến gần" Tên Lễ Lều Tạm có hai ý nghĩa, (Xem Lev. 23:34-44; Deut. 16:13-17) vì trong những ngày mùa gặt, nông dân thường sống trong những lều trại nhỏ trên cánh đồng, đồng thời sự ở lều gợi nhớ thời gian ông cha họ xuất hành về Đất Hứa. Phong tục và nghi lễ Lều Tạm (Giăng 7:1-10:21) cung cấp bối cảnh cho Chúa Giê-su giảng dạy, cũng như Lễ Vượt Qua trong Giảng 5-6.

7:3 "các em" Đây là lần đầu tiên nhắc đến gia đình Chúa Giê-su, kể từ sau Giảng 2:12. Rõ ràng các em Chúa không hiểu được động cơ, phương cách và chủ đích của Chúa.

▣ **"rời nơi này và đi qua miền Giu-đê "** Câu này ám chỉ cuộc hành hương hàng năm (Xem Lu-ca 2:41-44) từ Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem. Xin nhớ rằng trọng tâm của Phúc Âm Giảng là mô tả công vụ của Chúa ở Giê-ru-sa-lem.

7:4 "mọi người biết" See Chủ Đề Đặc Biệt following.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ DẠN DĨ (*PARRĒSIA*)

Chữ Hy Lạp này là từ ghép giữa “tất cả” (*pan*) với “diễn thuyết” (*rhēsis*). Sự tự do và dạn dĩ rao giảng thường có nghĩa bao hàm của sự dạn dĩ trước sự chống đối hay là bất bớ (xem Giảng 7:13; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2).

Trong các tác phẩm của Giảng (xuất hiện 13 lần) chữ này thường có ẩn ý là một sự công bố công khai (xem Giảng 7:4, cũng như trong các thư tín của Phao-lô xem Cô-lô-se 2:15). Tuy nhiên, đôi khi từ này chỉ có nghĩa đơn giản là “rõ ràng” (xem Giảng 10:24; 11:14; 16:25,29).

Trong sách Công-vụ, các Sứ đồ rao giảng sứ điệp về Đức Chúa Giê-xu trong cùng một cách thức như Đức Chúa Giê-xu đã nói về Đức Chúa Cha cùng với những kế hoạch và lời hứa của Ngài (xem Công-vụ 2:29; 4:13,29,31; 9:27-28; 13:46; 14:3; 18:26; 19:8; 26:26; 28:31). Phao-lô nhờ cầu thay cho ông để ông có thể dạn dĩ rao giảng Phúc âm (xem Ê-phê-sô 6:19; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:2) và sống Phúc âm (xem Phi-líp 1:20).

Sự hy vọng về đời sau trong Đấng Christ của Phao-lô đem lại cho ông sự dạn dĩ và tự tin để rao giảng Phúc âm trong thời kỳ tội lỗi hiện nay (xem II Cô-rinh-tô 3:11-12). Ông cũng có sự tự tin rằng những người tin theo Đức Chúa Giê-xu sẽ hành động cách phải lẽ (xem II Cô-rinh-tô 7:4).

Còn có thêm một khía cạnh nữa của chữ này. Người Do thái sử dụng nó theo một ý đặc biệt chỉ sự dạn dĩ trong Đấng Christ để đến với Đức Chúa Trời và tương giao với Ngài (xem Hê-bơ-rơ 3:6; 4:16; 10:19,35). Những tín hữu đã được chấp nhận hoàn toàn và được mời gọi bước vào mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha qua Đức Chúa Con.

▣ **"nếu"** Đây là thể điều kiện hạng nhất, tức giả thiết điều này là sự thực theo cách nhìn của tác giả.

▣ **"bày tỏ chính mình cho thiên hạ"** Chúa Giê-su lấy thuật ngữ thiên hạ họ dùng Giảng 7:4 để thêm lời bình luận trong Giảng 7:7. Thế gian không chấp nhận và đồng cảm với Chúa, ngược lại bày tỏ thù hận (Xem

Giăng 15:18-19; 17:14; 1 Giăng 3:13) bởi vì Chúa Giê-su vạch trần tội lỗi và bạo loạn của thế gian (Xem Giăng 3:19-20).

Cách suy nghĩ của các em Chúa Giê-su rất khác với Con Đường Thập Tự của Chúa. Điều này đã được tiên tri trong Ê-sai 55:8-11.

7:5 "Ngay cả các em Ngài cũng không tin Ngài" Đây là một câu bình luận của tác giả. Thật khó có thể chấp nhận Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a khi họ cùng lớn lên trong một căn nhà. (Xem Mác 3:20-21). Chúa Giê-su thương các em mình (cùng mẹ khác cha). Một trong những lần Ngài hiện ra sau phục sinh có mục đích để mặc khải mình cho các em. Họ đã đến với niềm tin, (Xem Công-vụ 1:14)! Gia-cơ trở nên một trong những lãnh đạo của hội thánh Giê-ru-sa-lem. Cả Gia-cơ and Giu-đê đều viết thư tín sau trở nên một phần trong Tân Ước.

7:6 **"Thì giờ của anh chưa đến"** Thuật ngữ "thì giờ" (*kairos*) được thấy ở đây hai lần và trong câu 8 Phúc Âm Giăng và thư tín. Bauer Arndt Gingrich and Danker (BAGD - Từ điển Kinh Thánh Tiếng Hy-lạp) cho biết ba ý nghĩa căn bản:

1. thời chào đón (i.e., 2 Cô-rin-tô. 6:2)
thời cơ hội (i.e., Lu-ca 4:13)
thời có hẹn (i.e., Mác 13:33; Công-vụ 3:20; 1 Phi-ê-rơ. 1:11)
2. Thời thích hợp và thời thuận lợi
thời thích hợp (i.e., Ma-thi-ơ. 24:45; Lu-ca 1:20)
thời xấp đặt từ trước (i.e., Giăng 7:8; 2 Ti-mô-thê. 4:6)
3. Thời Tận thế (i.e., Lu-ca 21:8; Rô-ma. 13:11; 1 Thess. 5:1; 2 Thess. 2:6)
Dân số 2 và 3 có ý nghĩa trùng lặp.

Chúa Giê-su hiểu sứ mạng của mình, (Xem 12:23; 13:1; 17:1-5). Chúa biết thời gian biểu thuộc linh cho các sự kiện của Phúc Âm (Xem Lu-ca 22:22; Giăng 7:30; 8:20; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28).

7:7 **"Thế gian "** Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thế giới ở câu 14:17

7:8

NASB "Hãy tự lên dự Lễ, còn anh không lên Lễ này"
NKJV "Các em hãy lên dự Lễ, còn anh chưa lên dự Lễ"
NRSV, NJB "Cứ lên dự Lễ một mình còn anh không lên dự Lễ này"
TEV "Các em cứ đi tiếp đến Lễ, Anh sẽ không tham dự Lễ này"

Vài văn bản sao chép Hy Lạp cổ (Ⲙ, D, and K) không có trạng từ "chưa". Hình như có một nhà sao chép đã bỏ đi chữ: "chưa" để tránh sự trái nghịch giữa Giăng 7:8 & 10. Trạng từ "chưa" được thêm vô trong các văn bản P⁶⁶, P⁷⁵, B, L, T, và W (NKJV, the Twentieth Century New Testament, NIV).

Câu nói của Chúa có thể hiểu trong hai ý:

1. Ta không đi với các em (không theo mục đích của các em)
2. Ta sẽ đi vào khoảng giữa dịp lễ tám ngày (để mặc khải các biểu tượng của ngày lễ)

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 7:10-13

10Nhưng sau khi các em Ngài đã lên dự lễ rồi thì Ngài cũng lên, nhưng đi cách âm thầm chứ không công khai. ¹¹Những người Do Thái tìm Ngài trong kỳ lễ, và nói: "Ông ta ở đâu?" ¹²Có nhiều tiếng xầm xì về Ngài giữa đám đông. Kẻ thì nói: "Ông ấy là người tốt;" người khác lại bảo: "Không, ông ta là kẻ lừa dối dân chúng." ¹³Nhưng vì sợ người Do Thái nên không ai dám nói về Ngài cách công khai

7:11 "Những người Do Thái " Có bốn nhóm khác nhau hội thoại với Chúa Giê-su

1. Các em của Chúa
2. "những người Do-thái" tức giới lãnh đạo"
3. "đám đông" tức những người hành hương đi Lễ Lều Tạm
4. "những người Giê-ru-sa-lem" là dân địa phương, biết rõ lính gác đền thờ và ý định của họ muốn giết Chúa

7:12 "Có nhiều tiếng xầm xì về Ngài giữa đám đông" Đây là phản ứng bình thường của đám đông đối với Phúc Âm, tùy thuộc vào mức độ thuộc linh và khả năng hiểu biết khác nhau trong vòng loài người (Xem Giảng 7:40-44).

▣ **"Không, ông ta là kẻ lừa dối dân chúng"** Động từ *planaō* dùng cho:

1. giáo sư giả (i.e., Ma-thi-ơ. 24:11; 2 Ti-mô-thê. 3:13; 1 Giăng 1:8; 2:26; 3:7)
2. các Mê-si-a giả (i.e., Ma-thi-ơ. 24:4-5,24; Người Do-thái liệt Chúa trong nhóm người này (Xem Giảng 7:12,47; Ma-thi-ơ. 27:63)
3. những người tự lừa dối (Xem 1 Cô-rin-tô. 3:18; 1 Giăng 1:8) or
4. những người bị lừa dối (Xem 1 Cô-rin-tô. 6:9; 15:33; Ga-la-ti. 6:7; Gia-cơ 1:16

Từ thuật này cũng được dùng cho các hành tinh không đi theo quỹ đạo bình thường của một chòm sao, thường được gọi là "những ngôi sao lang thang".

7:13 "người Do Thái " Tất cả mọi người trong nhóm là Do-thái. Giảng dùng thuật ngữ này một cách đặc biệt ám chỉ giới lãnh đạo Do-thái ở Giê-ru-sa-lem, xem ghi chú cho Giảng 7:1.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIẢNG 7:14-18

¹⁴Vào giữa kỳ lễ, Đức Chúa Jêsus đi lên đền thờ và dạy dỗ. ¹⁵Những người Do Thái rất kinh ngạc nói rằng: "Người này chưa từng học, làm sao lại biết được Kinh Thánh?" ¹⁶Đức Chúa Jêsus đáp: "Đạo lý của Ta không phải của riêng Ta, nhưng của Đấng đã sai Ta đến. ¹⁷Nếu ai sẵn lòng làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì sẽ biết lời Ta dạy đến từ Đức Chúa Trời hay Ta tự nói theo ý mình. ¹⁸Người nào tự nói theo ý mình thì tìm vinh quang cho riêng mình, còn ai tìm vinh quang cho Đấng đã sai mình là người chân thật, trong người ấy không có điều gì bất chính.

7:14 "Vào giữa kỳ lễ" Thời điểm vào cuộc của Chúa Giê-su không thể biết được một cách chính xác, Tuy nhiên Chúa để cho những người hành hương và dân địa phương có đủ thời gian để tranh luận với nhau về Cá nhân và công vụ của Chúa, đồng thời cho giới lãnh đạo tôn giáo phô trương sự thù ghét Chúa một cách công cộng (Xem Giảng 7:13).

▣ **"dạy"** Có hai cách nói chuyện của Chúa

1. giáo huấn, Ma-thi-ơ. 4:23; 5:2,19; 7:29, etc.; Giảng 6:59; 7:14,28,35; 8:20,28
2. truyền giảng, Lu-ca 4:18; 7:22; 9:6; 20:1

Hầu như hai thuật ngữ này đồng nghĩa khi Chúa mặc khải sự thật của Đức Chúa Trời cho nhân loại, Sự mặc khải luôn có mục đích truyền đạt thông tin và biến đổi. Nó đòi hỏi quyết định đầu phục, tiếp theo là sự thay đổi ưu tiên trong nếp sống. Sự thật thay đổi tất cả.

7:15 "Người này chưa từng học, làm sao lại biết được Kinh Thánh" Đây có nghĩa Ngài chưa từng tham gia các trường đào tạo Ra-bi chính quy, hay theo làm môn đồ cho một thầy Ra-bi nổi tiếng. Chữ "người này: mang tính chất miệt thị. (Xem Giảng 18:17,29).

Sự giảng dạy của Chúa thường làm người nghe ngạc nhiên (Xem Mác 1:21-22; Lu-ca 4:22), bởi vì (1) nội dung và (2) phương cách. Thường các Ra-bi dẫn chứng từ một Ra-bi khác, nhưng Chúa Giê-su dẫn chứng từ Đức Chúa Trời

7:16 Chúa Giê-su lôi kéo sự để ý của mọi người không chỉ bởi sự đầu phục Cha (xem ghi chú ở Giảng 5:19) nhưng bởi kiên thức độc đáo về Cha. Người khác có thầy thuộc thế, Chúa có Thầy Thuộc Thiên.

7:17 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa có khả năng, tiềm năng việc ấy xảy ra. Đây là nghịch lý giữa lời kêu gọi mở rộng của Phúc Âm, (Xem Giảng 1:12; 3:16) và sự tể trị chủ quyền của Đức Chúa Trời, (Xem Giảng 6:44,65). Chúa Thánh Linh phải mời lòng cho con người, (Xem Giảng 16:8-13).

7:18 Chúa Giê-su khẳng định sự khác biệt độc đáo của mình so với nhân loại băng hoại, vì (1) Ngài không tìm cầu vinh hiển cho cá nhân mình (2) Ngài tìm cầu vinh hiển cho Cha; (3) Ngài chân thật và (4) Ngài vô tội.

▣ **"vinh quang cho Đấng "** xem ghi chú ở Giảng 1:14.

▣ **"trong người ấy không có điều gì bất chính"** Chúa Giê-su có thể chết thay cho chúng ta bởi vì Ngài không cần phải chết vì tội lỗi bản thân. (2 Cô-rin-tô. 5:21). Sự vô tội của Chúa là điều căn bản trong thần học, được chứng minh qua nhiều câu Kinh Thánh khác nhau: .

1. Lu-ca 23:41
2. Giảng 6:69; 7:18; 8:46; 14:30
3. 2 Cô-rin-tô. 5:21
4. Hê-bơ-rơ. 4:15; 7:26; 9:14
5. 1 Phi-ê-rơ. 1:19; 2:22 (Isa. 53:9)
6. 1 Giảng 2:29; 3:5,7

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIẢNG 7:19-24

¹⁹Chẳng phải Môi-se đã ban luật pháp cho các ngươi sao? Nhưng không một ai trong các ngươi tuân theo luật pháp. Tại sao các ngươi lại tìm giết Ta?" ²⁰Dân chúng trả lời: "Ông bị quỷ ám rồi! Nào có ai tìm giết ông đâu?" ²¹Đức Chúa Jêsus đáp: "Ta đã làm một việc mà tất cả các ngươi đều kinh ngạc. ²²Môi-se đã ban bố luật cắt bì cho các ngươi (thật ra luật đó không phải bởi Môi-se mà bởi các tổ phụ), và các ngươi cắt bì cho người nam trong ngày sa-bát. ²³Nếu người nam phải chịu cắt bì trong ngày sa-bát để khỏi phạm luật Môi-se thì sao các ngươi lại nổi giận khi Ta chữa lành cả thân thể cho một người trong ngày sa-bát? ²⁴Đừng xét đoán theo bề ngoài, nhưng hãy xét đoán theo lẽ công chính."

7:19 Đây là một cấu trúc ngữ pháp trông chờ câu trả lời "phải" từ người nghe.

▣ **"Nhưng không một ai trong các ngươi tuân theo luật pháp"** Đây là lời tuyên bố gây sốc cho những người sùng đạo Do-thái đi Lễ ở Giê-ru-sa-lem.

Luật Mô-sê nghiêm cấm việc chủ tâm giết người, là một việc mà giới lãnh đạo Do-thái đang âm mưu tiến hành. Những người địa phương biết vậy, nhưng không làm gì để dừng họ, hoặc lên tiếng phản đối

▣ **"Nào có ai tìm giết ông đâu?"** Câu hỏi này trong câu Giảng 7:20 không đến từ giới lãnh đạo hoặc người địa phương, nhưng đến từ những người hành hương không biết gì về âm mưu giết Chúa. Sau này, câu Giảng 7:25 cho biết những người dân Giê-ru-sa-lem biết trước việc này.

Giới lãnh đạo tôn giáo buộc tội Chúa bị quỷ ám để giải thích quyền năng và kiên thức của Chúa Giê-su (Xem Ma-thi-ơ. 9:34; 11:18; 12:24; Mác 3:22-30; Giảng 8:48-52; 10:20-21).

7:20 "Ông bị quỷ ám rồi" Điều dễ thấy đối với những ai gặp Chúa là Ngài có quyền năng thuộc linh. Câu hỏi nảy sinh ra là quyền năng đó có nguồn gốc từ đâu? Giới lãnh đạo không thể chối từ dấu hiệu và phép lạ Chúa thực hiện nên họ quy rằng đây là quyền năng của Sa-tan và quỷ ma. (Xem Giảng 8:48-49,52; 10:20).

Trong bối cảnh những người hành hương dự Lễ Vượt Qua (chương 5, 6), những lời cáo buộc Chúa có tính chất khác, như Chúa hành động bất thường, gây khó chịu cho mọi người.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ

- A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.
- B. Sự nhân cách hoá này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.

1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột
2. Ai-cập, thứ tự và vận hành
3. Ca-na-an, xem *Archaeology and the Religion of Israel* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92

- C. Cựu ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thần nghiêm ngặt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi-thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mi-chê 7:18). Cựu ước có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi-thiên 106:37) và cho biết tên của một số.

1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc xem Lê-vi Ký 17:7; II Sứ-ký 11:15)
2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
3. *Mavet* (chữ "sự chết" trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Ca-na-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
4. *Resheph* (tai vạ, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi-thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi-thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Lê-vi Ký 16:8,10,26)

(Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)

Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cựu ước. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).

- D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hoả giáo, một thần cao cấp thiện lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.

Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life and Times of Chúa Giê-su the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hoá ma quỷ theo ba cách.

1. Sa-tan hay là Sammael
2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
3. Thần Chết

Edersheim trình bày ba phương cách này bằng (1) Kẻ kiện cáo; (2) Kẻ cám dỗ; và (3) Kẻ trừng phạt (vol. 2, trang 756). Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày và trong Tân ước.

- E. Trong Tân ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những

tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Giê-su đã đương đầu và đuổi những tà ma này cũng gọi là (1) những uế linh, xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-su phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-su bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-su khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.

Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thế hệ tín hữu, mục sư về sau.

- F. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ ảnh hưởng của nó. Không hề có sự nhị nguyên tốt cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa Trời hoàn toàn kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.
- G. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Độc-Nhân. Những Cơ-Độc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền đề nghị lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Paul Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud), tuy vậy ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi.

7:22

NASB, NKJV“(Không phải bởi Mô-sê, nhưng bởi các tổ phụ)”

NRSV“(đó là, lẽ tất nhiên, không phải bởi Mô-sê nhưng bởi các tổ phụ)”

TEV“(Mặc dầu không phải Mô-sê, nhưng các tổ phụ người đã bắt đầu luật ấy)”

NJB”—Không bắt đầu từ người, nhưng bắt đầu từ tổ phụ xa xưa.”

Nghị thức cắt bì không được bắt đầu từ luật Mô-sê.. (Xem Exod. 12:48; Lev. 12:3) nhưng được ban cho Áp-ra-ham như một dấu hiệu về giáo ước đặc biệt với Đức Giê-hô-va, (Xem Gen. 17:9-14; 21:4; 34:22).

▣ **"các người cắt bì cho người nam trong ngày sa-bát"** Điều căn bản trong tranh luận của Chúa Giê-su là họ sẵn lòng bỏ qua luật Sa-bát để tiến hành cắt bì cho một em bé, (Xem *Shab* 132a; *Sabh.* 18:3; 19:1-6), nhưng không sẵn lòng bỏ qua luật Sa-bát để chữa lành cho một người. Chúng ta cần để ý đặc biệt cách Chúa Giê-su sử dụng tư duy của Do-thái giáo trong tay các thầy Ra-bi trong suốt cả quá trình hội thoại ở đây.

7:23 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng nhất, có nghĩa là điều được giả thiết chắc chắn có thể xảy ra theo quan điểm hoặc mục đích văn chương của tác giả.

▣ **"sao các người lại nổi giận khi Ta chữa lành cả thân thể cho một người trong ngày sa-bát?"** Đây nói về việc Chúa chữa lành người bệnh trong ngày Sa-bát ở chương 5:1-9, hay trong một sự kiện khác không được sao chép nhân dịp Lễ.

Thuật ngữ Hy Lạp (*cholaō*) cho “giận dữ” rất ít được dùng trong Tân Ước. và trong văn chương Hy Lạp, (Theo Bauer Arndt Gingrich and Danker (Biblical Greek dictionary, p. 883 and MM, p. 689). Thuật ngữ này liên hệ tới từ (*cholē*), nghĩa đen = túi mật, nghĩa bóng = căm ghét, hằn học. Xem Ma-thi-ơ. 27:34. Lý do nào khiến Chúa sử dụng từ thuật này không ai biết, trong một phần nào đó thể hiện sự giận dữ công chính của giới lãnh đạo tôn giáo. Dường như họ - tự cho mình là những người bảo vệ ý chỉ và luật lệ của Đức Chúa Trời, đã nổi giận khi thấy Chúa Giê-su không tuân theo luật lệ ấy

7:24 "Đừng xét đoán theo bề ngoài, nhưng hãy xét đoán theo lẽ công chính" Đây là mệnh lệnh thức thì hiện tại (xét đoán) với tiêu từ phủ nhận (đừng), có nghĩa dừng lại một hành động đang xảy ra. Tiếp theo là mệnh lệnh thức thì quá khứ (hãy xét đoán), với ý nghĩa khẩn cấp. Phải chăng đây là gọi ý từ Ê-sai 11:3.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIẢNG 7:25-31

²⁵Có vài người dân thành Giê-ru-sa-lem nói rằng: **"Đây chẳng phải là người mà người ta tìm giết sao?"** ²⁶Xem kìa, ông ta nói một cách công khai mà họ không nói gì ông ta cả! **Phải chăng những người có thẩm quyền đã thật sự biết ông ta là Đấng Christ?** ²⁷Nhưng khi Đấng Christ đến thì không ai biết Ngài từ đâu đến, còn ông này thì chúng ta biết đến từ đâu."

²⁸Khi đang dạy dỗ trong đền thờ, Đức Chúa Jê-sus công bố: **"Các ngươi biết Ta và cũng biết Ta từ đâu đến! Ta không tự mình đến, nhưng Đấng đã sai Ta đến là chân thật mà các ngươi không biết Ngài.** ²⁹Còn Ta thì biết Ngài vì Ta từ Ngài đến, và Ngài là Đấng đã sai Ta."³⁰Vậy họ tìm cách bắt Ngài, nhưng không ai tra tay trên Ngài được vì giờ Ngài chưa đến. Nhưng có nhiều người trong dân chúng tin Ngài và nói rằng: **"Khi Đấng Christ đến, Ngài sẽ làm nhiều dấu lạ hơn người này đã làm không?"**

7:25 "Đây chẳng phải là người mà người ta tìm giết sao?" Cấu trúc ngữ pháp trông chờ câu trả lời "phải" từ người nghe. (Xem Giảng 5:47;7:19). Đây là câu hỏi đầu tiên trong một loạt câu hỏi từ 7:25-36.

7:26

**NASB, REV,
NET"Ngài đang nói một cách công khai"
NKJV"Ngài nói một cách mạnh dạn"
NRSV, NJB"Ngài đang nói một cách rộng mở"**

Xem: Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Mạnh Dạn ở câu 7:4.

**NASB"Các vị lãnh đạo thực không biết đây là Đấng Christ sao?"
NKJV"Phải chăng các vị lãnh đạo thực không biết đây chính là Đấng Christ?"
NRSV"Làm sao nhà cầm quyền lại không biết đây thực sự là Đấng Mê-si-a"
TEV"Có thể nào họ không biết đây là Đấng Mê-si-a"
NJB"Có thực không, khi các nhà cầm quyền nhận ra đây là Đấng Christ?"**

Cấu trúc ngữ pháp mong chờ sự trả lời "không" từ người nghe. Tuy nhiên vẫn để ngỏ khả năng khác, Giảng 1:31; 4:29).

7:27 "Nhưng khi Đấng Christ đến thì không ai biết Ngài từ đâu đến, còn ông này thì chúng ta biết đến từ đâu" Đây là niềm tin truyền thống của các thầy Ra-bi, cho rằng Đấng Mê-si-a sẽ xuất hiện một cách đột ngột trong Đền thánh, (theo Ma-la-chi 3:1 và ngụ kinh I Enoch 48:6 and IV Ezras 13:51-52).

7:28 Trong câu này Chúa Giê-su tuyên bố hai điều:

1. rằng Đức Chúa Trời sai phái Ngài. (Xem Giảng 3:17,34; 5:36,38; 6:29; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,18,21,23,25; 20:21)
2. rằng họ không biết Đức Chúa Trời (Xem Giảng 5:37,42; 8:19,27,54-55; 16:3)

Giảng chép rằng Chúa Giê-su "lớn tiếng" (Xem Giảng 7:37; 12:44; Ma-thi-ơ. 8:29). Chúa Giê-su nâng cao âm lượng để mọi người nghe được. Trong một khía cạnh văn chương, giống như Chúa dùng A-men, hoặc A-men, A-men đầu câu. Chúa muốn nhấn mạnh những tuyên bố mang tính mỉa mai như: họ nghĩ Chúa từ Ga-li-lê (Xem Giảng 7:41), trong khi sự thực Ngài từ Thiên Đàng xuống trần gian. Giảng 7:29

▣ **"Đấng đã sai Ta đến là chân thật "** Đức Chúa Cha là thực (Xem Giăng 3:33; 8:26; 1 Giăng 5:20) và Đức Chúa Con cũng vậy (Xem Giăng 7:18; 8:16). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: "(Khái Niệm) Sự Thực Trong Văn Tự Của Giăng" ở câu 6:55

7:29 "Còn Ta thì biết Ngài vì Ta từ Ngài đến, và Ngài là Đấng đã sai Ta" Đây cũng là ví dụ về Nhị Nguyên luận "trên - dưới" của Giăng. Giới lãnh đạo cho đây là sự phạm thượng và khẳng định việc họ cần phải sát hại Chúa Giê-su. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sai Phái (*apostellō*). ở câu 5:24

7:30 "Vậy họ tìm cách bắt Ngài" "tìm cách" - động từ chưa hoàn thành, có nghĩa là (1) họ bắt đầu (2) hoặc họ cố gắng và cố gắng hết cách để bắt Chúa, nhưng không muốn gây nổi loạn trong vòng người hành hương, là những người tin Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a.

▣ **"giờ Ngài chưa đến"** Đây là thành ngữ mang tính tiên tri, nói về thời gian biểu trong chương trình của Đức Chúa Trời (Xem Giăng 2:4; 7:6,30; 8:20; 12:23,27; 13:1; 17:1).

7:31 "Nhưng có nhiều người trong dân chúng tin Ngài " Đây là niềm tin Chúa thực sự, mặc dầu vẫn có nhiều sự hiềm lằm về sứ mạng Đấng Mê-si-a của Ngài. Không ai có niềm tin trọn hảo (ví dụ Áp-ra-ham, Mô-sê, Đa-vít và nhóm Mười Hai môn đồ), Xem Chủ Đề Đặc Biệt: "Động từ "tin" trong Giăng" ở câu 2:23

Mỗi khi Phúc Âm được công bố đều có các phản ứng tự nhiên: Có người tin, có người nghi ngờ, có người tức giận. Ở đây có sự giao nhau của

1. sự tuyển chọn thiêng liêng của Đức Chúa Trời,
2. tội lỗi của nhân loại.

Điều bí ẩn và gây sốc là mức độ bất tin trong hàm lượng ánh sáng ban cho. Chúa Giê-su có nói về việc các thành viên trong gia đình trở nên chống nghịch nhau, Phúc Âm đem lại sự bình an cho người này, nhưng thù hằn cho người kia.

▣ **"Khi Đấng Christ đến, Ngài sẽ làm nhiều dấu lạ hơn người này đã làm không?"** Theo cấu trúc ngữ pháp Hy Lạp, câu trả lời "không" được trông đợi từ người nghe.

Trong sách *A Theology of the New Testament*, George E. Ladd (p. 274) có lời bình luận khá hay về dấu hiệu để khích lệ niềm tin trong Chúa Giê-su:

"Khảo sát mối liên hệ giữa dấu hiệu và niềm tin thật không dễ dàng. Dường như kết quả chỉ về hai hướng khác nhau. Có khi dấu hiệu dẫn người ta tới Chúa(2:23; 6:14; 7:31; 10:42)., nhưng có khi người chứng kiến dấu hiệu lại không tin (6:27; 11:47; 12:37). Chúa Giê-su đã quở trách người Do-thái, vì họ không tin khi chưa thấy phép lạ (4:48; 6:30). Câu trả lời có thể tìm thấy khi chấp nhận sự giằng co giữa dấu hiệu và niềm tin: cần phải có niềm tin để hiểu ý nghĩa dấu hiệu về Chúa. Đối với những người không tin, dấu hiệu trở nên những thần kỳ vô nghĩa. Còn những người hưởng ứng Phúc Âm được khích lệ sâu nhiệm trong niềm tin. Rõ ràng, trong khi dấu hiệu không cưỡng ép niềm tin, công việc của Chúa làm chứng về sứ mạng của Ngài. Dấu hiệu đóng vai trò khẳng định và phán xét con người mù quáng tội lỗi"

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 7:32-36

³²Người Pha-ri-si nghe những điều dân chúng xầm xì về Đức Chúa Jê-sus nên họ và các thầy tế lễ cả sai các viên chức bảo vệ đền thờ đi bắt Ngài. ³³Vì vậy, Đức Chúa Jê-sus nói rằng: "Ta còn ở với các ngươi ít lâu nữa, rồi Ta trở về với Đấng đã sai Ta. ³⁴Các ngươi sẽ tìm Ta nhưng không gặp; nơi Ta ở, các ngươi không thể đến được." ³⁵Những người Do Thái nói với nhau: "Người này định đi đâu mà chúng ta không tìm được? Có phải ông ta định đến với những kẻ bêu lụy lạc giữa những người Hi Lạp và dạy người Hi Lạp chăng? ³⁶Ông ta có ý gì khi nói: 'Các ngươi sẽ tìm Ta nhưng không gặp,' và 'nơi Ta ở, các ngươi không thể đến được'?"

7:32 "Các trưởng tế và những người Pha-ri-si" Đây ám chỉ nhóm San-hê-rin (xem Chủ Đề Đặc Biệt: nhóm San-hê-rin ở câu 3:1). Mặc dầu đã có một thầy Tế Lễ Tối Cao, dưới chính quyền La mã, chức vụ này được giữ và được chuyển giao trong giòng họ bởi vài gia đình Do-thái giàu có.

▣ **"sai các viên chức bảo vệ đền thờ đi bắt Ngài"** Đây là những người gác Đền Thờ là những người Lê-vi. Họ có ít thẩm quyền bên ngoài khu Đền Thánh (Xem Giảng 7:45,46; 18:3,12,18,22).

7:33 "Ta còn ở với các ngươi ít lâu nữa" Đây là câu thường nói trong Giảng, (Xem Giảng 12:35; 13:33; 14:19; 16:16-19) Chúa luôn ý thức được Ngài là Ai và những gì, khi nào sẽ xảy ra đối với Ngài. (Xem Giảng 12:23; 13:1; 17:1-5).

▣ **"Ta trở về với Đấng đã sai Ta"** Chúa đang nói về sự chung kết của sứ mạng mình: Sự chết trên cây thập tự, sự sống lại, sự thăng thiên và sự hồi phục vinh quang tiền tại. (Xem Giảng 17:1-5; Công-vụ 1).

7:34 Tuy khá giống những lời Chúa dạy ở lầu trên (tiệc thánh), (Giăng 13:33; Xem Giảng 7:36 and 8:21), người nghe chính ở đây là những người không tin (đám đông, dân Giê-ru-sa-lem và giới lãnh đạo Do-thái)

7:35-36 "Có phải ông ta định đến với những kiểu bào lưu lạc giữa những người Hi Lạp và dạy người Hi Lạp chẳng?" Cấu trúc ngữ pháp Hy Lạp trông đợi người được hỏi trả lời "không. Đây lại là sự sử dụng văn chương mang tính cách mỉa mai: Ý chỉ của Đức Chúa Trời đối với cả nhân loại không hề thay đổi (Xem Gen. 3:15; 12:3; Isa. 2:2-4). Trong Lễ Lều Tạm, người Do-thái phải dâng tế 70 con bò tượng trưng cho các dân tộc trên thế gian và cầu xin ánh sáng tâm linh cho Dân Ngoại. Người Hy Lạp trong bối cảnh văn hoá đại diện cho Dân Ngoại. Thuật ngữ "kiểu bào lưu lạc" ám chỉ người Do-thái đang sinh sống đất khách quê người. (Xem Gia-cơ 1:1; 1 Phi-ê-rơ. 1:1). Một lần nữa đám đông hiểu lầm ngôn ngữ ẩn dụ của chúa. .

Chúa Giê-su sử dụng Nhị-nguyên Luận "trên - dưới". Đám đông chỉ hiểu theo ý thuộc thể câu nói của Chúa mà không nghĩ tới lĩnh vực thuộc linh trong giáo huấn của Chúa. Chúa đến từ Thiên Đàng và sẽ trở về với Đức Chúa Cha.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIẢNG 7:37-39

³⁷Ngày cuối cùng là ngày rất quan trọng của kỳ lễ, Đức Chúa Jê-sus đứng dậy và công bố rằng: "Nếu người nào khát, hãy đến với Ta mà uống. ³⁸Người nào tin Ta thì những dòng sông sự sống sẽ tuôn tràn từ lòng mình, đúng như Kinh Thánh đã nói." ³⁹Ngài nói điều này chỉ về Thánh Linh mà những người tin Ngài sẽ nhận được; bởi Thánh Linh chưa giáng xuống, vì Đức Chúa Jê-sus chưa được tôn vinh.

7:37 "Ngày cuối cùng là ngày rất quan trọng của kỳ lễ" Câu hỏi có thể được đặt ra: phải chăng đây là lễ bảy ngày (Xem Phục truyền. 16:13), hay Lễ tám ngày (Xem Lev. 23:36; Neh. 8:17; II Maccabees 10:60, and Josephus). Lễ trong thời Chúa Giê-su có tám ngày, nhưng trong ngày thứ tám người ta không lấy nước từ hồ nước Si-lô-am để tưới và bệ Bàn Thờ như những ngày trước đó. Chúng ta biết về nghi thức này từ văn tự Tractate Sukkah thuộc Talmud, dẫn chứng từ Ê-sai 12:3 . Có thể đây là hình ảnh hóa lời cầu nguyện xin mưa cho mùa màng, cây cối. .

▣ **"nếu"** Đây là thể điều kiện hạng ba, có khả năng xảy ra.

▣ **"người nào khát"** Lời kêu gọi mở rộng tới niềm tin trong Chúa Giê-su Xem ghi chú ở câu Giảng 7:17

▣ **"hãy đến với Ta mà uống"** Chúa Giê-su sử dụng ẩn dụ từ câu Giảng 4:13-15. Có thể Chúa, với tư cách là Đấng Mê-si-a, ám chỉ mình là Vàng Đá cung cấp nước (Xem 1 Cô-rin-tô. 10:4), liên hệ tới Ê-sai 55:1-3 và bối cảnh phong tục tưới nước một cách biểu tượng trong ngày Lễ.

Một số bản sao cổ tiếng Hy-lạp bỏ qua cụm chữ "với Ta" sau chữ "hãy đến"(Xem MSS P⁶⁶, ^{8*}, and D). Cụm chữ này có mặt trong P^{66c}, P⁷⁵, ^{8c}, L, T, W, và phù hợp với ngữ cảnh. Liên Hội thánh Kinh UBS⁴ xếp hạng "B", có nghĩa rằng nguyên câu "hãy đến với Ta" hầu như là chắc chắn. Mọi người được hỏi thúc tin cậy Chúa. Phúc Âm Giảng luôn đặt tiêu điểm hướng về niềm tin cá nhân.

7:38 "Người nào tin Ta " Xin để ý thì hiện tại của động từ "tin", ám chỉ tính liên tục trong mối liên hệ cá nhân, giống như "ở mãi" trong Giảng 15. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thi Của Động Từ Sử Dụng Cho Sự Cứu Rỗi trong ngữ pháp Hy-lạp, ở câu 9:7.

▣ **"đúng như Kinh Thánh đã nói"** Thật khó biết Chúa đang muốn dẫn chứng từ câu Kinh thánh nào. Có thể từ Ê-sai. 12:3; 43:19-20; 44:3; 58:11; Ê-xê-chiên. 47:1; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri. 13:1; or 14:8, về nước như một biểu tượng cho sự hiện diện Thần Linh. Nếu đúng vậy, nước phước hạnh cho mùa màng trong Tân Kỳ Nguyên là ẩn dụ về tính nội tâm trong giao ước mới: Đức Thánh Linh luôn hành động trong tâm trí con người(Xem Ezek. 36:27-38).

▣ **"những dòng sông sự sống sẽ tuôn tràn từ lòng mình"** Có một vài lý thuyết về tiền đề của đại từ. Có thể ám chỉ:

1. Chúa Giê-su (quan điểm các giám mục đầu tiên)
2. cá nhân người tin Chúa
3. Giê-ru-sa-lem. (quan điểm của các thầy Ra-bi) Trong tiếng A-ram, thuật ngữ thành phố có thể là giống đực hay giống cái Xem Ê-xê-chiên 47:1-12 và Xa-cha-ri 14:8)

Có bài bình luận ngắn và đơn giản trong NIDOTTE, vol. 1, p. 683 về hai lý thuyết, dựa trên phép đánh dấu chấm câu trong Giảng 7:37b and 38a

Chúa Giê-su tự xưng mình là Nước Hằng Sống (Xem Giảng 4:10). Trong ngữ cảnh ở đây, Nước Hằng Sống là Thánh Linh. (Xem Giảng 7:39). Chúa Thánh Linh tạo nước hằng sống trong những người theo Chúa, tương đương với việc Chúa Thánh linh tạo ra hình ảnh Đấng Christ trong những tín đồ (Xem Rô-ma. 8:29; Ga-la-ti. 4:19; Ê-phê-sô. 4:13).

7:39 "bởi Thánh Linh chưa giáng xuống," Đây là lời bình luận, phản chiếu suy nghĩ của Giảng ở thời điểm viết Phúc Âm về tầm quan trọng trong tuyên bố của Chúa Giê-su. (Xem Giảng 16:7), và về các sự kiện đời Can-vê, Ngũ Tuần, - cả hai đều được coi là "vinh hiển" (Xem Giảng 3:14; 12:16,23; 17:1,5). Có một vài bản sao cố gắng giải thích ý tưởng của Giảng trong lời bình luận ngắn ngủi này.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIẢNG 7:40-44

⁴⁰Khi đoàn dân nghe những lời này, một số người nói: "Đây thật là một nhà tiên tri."⁴¹Một số khác nói: "Đây là Đấng Christ." Nhưng một số khác nữa lại nói: "Đấng Christ mà lại đến từ miền Ga-li-lê sao? ⁴²Chẳng phải Kinh Thánh nói rằng Đấng Christ xuất thân từ dòng Đa-vít và đến từ Bết-lê-hem, là làng của Đa-vít sao?" ⁴³Như thế, vì Ngài mà dân chúng chia rẽ nhau. ⁴⁴Một số người trong dân chúng muốn bắt Ngài, nhưng không ai tra tay trên Ngài.

7:40 "Đây thật là một nhà tiên tri" Đây ám chỉ lời hứa của Mô-sê trong Phục Truyền . 18:15,18. về Đấng Mê-si-a. Nhiều người nhận ra Chúa Giê-su là Tiên Tri (Xem Giảng 4:19; 6:14; 9:17; Ma-thi-ơ. 21:11). họ phát hiện quyền năng, nhưng hiểu lầm Nhân Vật và công vụ của Chúa. Hội Giáo cũng coi Chúa là tiên Tri, nhưng không hiện được sứ điệp của Ngài.

7:41 ⁴¹**Một số khác nói: “Đây là Đấng Christ”** Thuật ngữ Đấng Christ tương đương với Đấng Mê-si-a trong tiếng Hê-bơ-rơ, có nghĩa là Đấng Được-Xức-Dầu. Trong Cựu Ước, chỉ có vua, thầy tế lễ và tiên tri được xức dầu làm biểu tượng cho sự kêu gọi và trang bị cho chức vụ bởi Đức Chúa Trời. Xem Chủ Đề Đặc Biệt Xức Dầu Trong Kinh thánh, ở câu 11:2

▣ **"Nhưng một số khác nữa lại nói: “Đấng Christ mà lại đến từ miền Ga-li-lê sao?”** Cấu trúc ngữ pháp tiếng Hy-lạp trông chờ câu trả lời “không” từ người nghe. Nhưng họ nghĩ sao về Ê-sai. 9:1? (xem Bản dịch 2011)

7:42 Cấu trúc ngữ pháp trông chờ câu trả lời “phải”

▣ **"xuất thân từ dòng Đa-vít "** (Xem 2 Samuel 7; Ma-thi-ơ. 21:9; 22:42).

▣ **"đến từ Bết-lê-hem, là làng của Đa-vít"** Thêm một ví dụ về cách sử dụng giọng nói mỉa mai (Xem Micah 5:2-3 and Ma-thi-ơ. 2:5-6).

7:43 Chúa Giê-su và sứ điệp của Ngài luôn gây ra sự chia rẽ (Xem Giảng 7:48-52; 9:16; 10:19; Ma-thi-ơ. 10:34-39; Lu-ca 12:51-53). Đây là sự bí ẩn của ngụ ngôn về những mảnh đất (Xem Ma-thi-ơ 13). Có một số người có lỗi tai thuộc linh, trong khi những người khác lại không (Xem Ma-thi-ơ. 10:27; 11:15; 13:9,15 (hai lần), 16,43; Mác 4:9,23; 7:16; 8:18; Lu-ca 8:8; 14:35).

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIẢNG 7:45-52

⁴⁵Vì vậy, các viên chức bảo vệ đền thờ trở về với các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si. Những người này hỏi họ: “Sao các anh không giải ông ta về đây?” ⁴⁶Những viên chức này trả lời: “Chưa bao giờ có người nào đã nói như người này.” ⁴⁷Những người Pha-ri-si nói với họ: “Các anh cũng bị lừa dối sao? ⁴⁸Có ai trong số các quan quyền hay những người Pha-ri-si tin ông ta chẳng? ⁴⁹Còn đám dân chúng này chẳng biết luật pháp gì cả, thật đáng bị rửa sả!” ⁵⁰Ni-cô-đem, người trước đây đã đến với Đức Chúa Jê-sus, là một người trong nhóm Pha-ri-si, nói với họ: ⁵¹“Luật của chúng ta có kết tội một người mà trước đó chưa nghe lời khai và chưa biết người ấy làm gì không?” ⁵²Họ đáp: “Ông cũng là người Ga-li-lê sao? Ông hãy tra cứu thì sẽ thấy rằng không có một nhà tiên tri nào ra từ miền Ga-li-lê cả.”

7:46 "Những viên chức này trả lời: “Chưa bao giờ có người nào đã nói như người này” Giảng lại dùng cách nói mỉa mai. Đây là lời làm chứng gây sốc, bởi vì:

1. họ không nhắc đến nỗi lo sợ đám đông, là điều có thể giúp họ thanh minh
2. những lính canh Đền Thờ thống nhất kết luận về Chúa, trong khi đám đông bị chia rẽ.
3. những người lính này quen thi hành nhiệm vụ hơn là bày tỏ ý kiến cá nhân.

7:48 "Có ai trong số các quan quyền hay những người Pha-ri-si tin ông ta chẳng" Cấu trúc ngữ pháp trong cả câu Giảng 7:47 và 48 đòi hỏi câu trả lời “không” từ người nghe. Thuật ngữ các quan quyền ở đây ám chỉ nhóm San-hê-rin. Bình thường nhóm Pha-ri-si và San-hê-rin chống nghịch nhau, nhưng họ hiệp một ở đây để chống lại Chúa Giê-su (Xem Giảng 11:47,57; 18:3).

7:49 “Còn đám dân chúng này chẳng biết luật pháp gì cả, thật đáng bị rửa sả” “đám dân” ám chỉ người địa phương (*am hā'āres*) là những người bị họ nhìn xuống một cách khinh miệt, bởi vì không thực thi Luật Truyền Khẩu, Xem Phục Truyền. 27:26). Cách nói mỉa mai của Giảng tiếp tục trong câu Giảng 7:51, khi Ni-cô-đem vạch ra giới lãnh đạo cũng đang phá luật bằng cách đối xử Chúa Giê-su một cách tự ý.

Thật thậm thương cho sự sùng đạo mù quáng. Trong khi nguyên rửa người khác, họ tự nguyện rửa mình. (chữ nguyên rửa *eparatos*, chỉ có ở đây). Khi ánh sáng đã trở nên sự tối, sự tối ấy khủng khiếp dường nào! Xin hãy cẩn thận với những người bảo thủ tôn giáo tri tôn học vấn thời nay.

7:51 "Luật của chúng ta có kết tội một người mà trước đó chưa nghe lời khai và chưa biết người ấy làm gì không?" Cấu trúc ngữ pháp trông chờ câu trả lời "không" từ người nghe (Xem Xuất Ê-gíp-tô. 23:1; Phục Truyền. 1:16).

7:52 "Ông cũng là người Ga-li-lê sao?" Đây là sự bày tỏ thái độ chống nghịch của nhóm San-hê-rin với Chúa Giê-su

▣ **"hãy tra cứu thì sẽ thấy "** Với ý nghĩa tra cứu Kinh Thánh. (Xem Giảng 5:39). Một lần nữa Giảng sử dụng cách nói mỉa mai: Các ông nghĩ gì về Ê-li (Xem 1 Các vua. 17:1) và Giô-na (Xem 2 Kgs. 14:25), Ô-sê và Na-hum? Tất cả đều ám chỉ Tiên Tri trong Phục Truyền. 18:15,19; Sáng Thế Ký. 49:10; 2 Sa-mu-en 7.

7:53-8:11 xem ghi chú đầu chương 8.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Sự kiện gì làm bối cảnh cho lời của Chúa Giê-su trong Giảng 7?
2. Hãy mô tả và giải thích "Lễ Lều Tạm"
3. Vì sao các lãnh đạo tôn giáo thù ghét Chúa như vậy?
4. Liệt kê các nhóm người với lời bình luận của họ về Chúa ở trong chương này

GIẢNG 8
CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Người nữ bị bắt khi ngoại tình	Người nữ tà dâm đối diện với Ánh Sáng Thế Gian	Người nữ bị bắt khi ngoại tình	Người nữ bị bắt khi ngoại tình	Người nữ tà dâm
7:53-8:11	7:53-8:12	7:53-8:11	7:53-8:11	7:53-8:11
Giê-su, Ánh Sáng Thế Gian	Giê-su bảo vệ lời chứng của mình	Giê-su, Ánh Sáng Thế Gian	Giê-su, Ánh Sáng Thế Gian	Giê-su, Ánh Sáng Thế Gian
8:12-20		8:12-20	8:12	8:12
				Tranh luận về lời chứng của Giê-su
	8:13-20		8:13	8:13-18
			8:14-18	
			8:19a	8:19a
			8:19b	8:19b
			8:20	8:20
Nơi Ta đi các người không thể đến	Giê-su báo trước sự ra đi		Nơi Ta đi các người không thể đến	
8:21-30	8:21-29	8:21-30	8:21	8:21
			8:22	8:22-24
			8:23-24	
			8:25a	8:25a
			8:25b-26	8:25b-26
	Sự thật sẽ giải phóng các người.		8:27-29	8:27-29
	8:30-36		8:30	8:30
Sự thật sẽ giải phóng các người			Sự thật sẽ giải phóng các người	Giê-su và Áp-ra-ham
8:31-38		8:31-33	8:31-32	8:31-32
			8:33	8:33-38
	Con Áp-ra-ham và Con Sa-tan	8:34-38	8:34-38	
Cha các người là Quý	8:37-47			
8:39-47		8:39-47	8:39a	8:39-41a

			8:39b-41a	
			8:41b	8:41b-47
			8:42-47	
Trước Áp-ra-ham Ta Đã-Có	Trước Áp-ra-ham Ta Đã-Có		Giê-su và Áp-ra- ham	
8:48-59	8:48-59	8:48-59	8:48	8:48-51
			8:49-51	
			8:52-53	8:52-56
			8:54-56	
			8:57	8:57-58
			8:58	
			8:59	8:59

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

29. Phân đoạn 1
30. Phân đoạn 2
31. Phân đoạn 3
32. Văn vân...

NGŨ CẢNH CHO GIĂNG 7:53-8:11

A. Giăng 7:53-8:11 không có trong nguyên bản Phúc Âm Giăng

B. Bằng chứng cho sự bỏ qua của phân đoạn này trong Phúc Âm:

1. Ngoại chứng

- a. Thiếu sự có mặt trong phiên bản sớm nhất tiếng Hy Lạp
 - 1) papyrus -- P⁶⁵ (Đầu thế kỷ thứ ba), P⁷⁵ (thế kỷ thứ ba)
 - 2) uncials -- κ (thế kỷ thứ tư), B (thế kỷ thứ tư), có lẽ cũng vắng mặt trong bản A và C. Mặc dầu các văn bản này bị hư hại ở phần này, nhưng những trang còn sót lại không đủ chỗ chứa cho phân đoạn 7:53-8:11 bị thiếu
- b. Nhiều phân bản sau này có chứa phân đoạn 7:53-8:11 bị thiếu, nhưng đánh dấu với ký hiệu đặc biệt như (*) để ghi chú đây không có trong nguyên bản.
- c. Được thấy trong nhiều chỗ khác nhau trong nhiều phiên bản muộn
 - 1) sau Giăng 7:36
 - 2) sau Giăng 7:44

- 3) sau Giăng 7:25
 - 4) trong Lu-ca after 21:38
 - 5) trong Lu-ca after 24:53
 - d. Vắng mặt trong bản dịch La-tinh cổ
 - 1) bản La-tinh cổ
 - 2) bản Si-rác (Syriac sớm)
 - 3) phiên bản sớm của Peshitta (Syriac muộn)
 - e. Không có lời bình luận từ các giám mục Hy Lạp đầu tiên (cho đến thế kỷ 12)
 - f. Có mặt trong codex D (Bezae), phiên bản tây phương vào thế kỷ thứ sáu, bản La-tinh Vulgate và bản Peshitta muộn.
2. Nội chứng
- a. Từ vựng và kiểu văn có vẻ giống Lu-ca hơn Giăng. Nó có mặt ở Lu-ca 21:38 hoặc 24:53 tùy phiên bản
 - b. Nó ngắt đoạn trong ngữ cảnh Chúa Giê-su đang tranh luận với nhóm lãnh đạo Do-thái sau Lễ Lều Tạm. 7:1-52; 8:12- 59.
 - c. Không có câu chuyện tương tự trong các Phúc Âm Đồng quan
3. Tham khảo thêm sách của Bruce M Metzger's *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, pp. 219-221.

C. Câu chuyện này có thể là câu chuyện truyền miệng về cuộc đời Chúa Giê-su. Thực ra có nhiều sự kiện trong cuộc đời Chúa Giê-su không được ghi chép bởi tác giả của Phúc Âm. Tác giả Phúc Âm là người được linh cảm chọn lựa nội dung Phúc Âm, còn những người sao chép không có quyền thêm vào một sự kiện nào khác – dù có thật, nhưng không có trong nguyên bản. Tác giả là người duy nhất được linh cảm trong sự lựa chọn, sắp xếp và áp dụng câu nói và công việc của Chúa Giê-su. Phần đoạn này không thuộc chính gốc, chính vì vậy không được linh cảm và không nên có mặt trong nguyên bộ Kinh thánh của chúng ta.

D. Tôi chọn không giải kinh phân đoạn này vì tôi tin không được viết bởi Giăng và không nằm trong phần linh cảm của Kinh Thánh - mặc dù nếu câu chuyện này là một sự kiện lịch sử)

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV 2011) Giăng 8:12-20

¹²Đức Chúa Jêsus lại nói với dân chúng rằng: “Ta là ánh sáng của thế gian, người nào theo Ta sẽ không đi trong bóng tối, nhưng có ánh sáng của sự sống.” ¹³Những người Pha-ri-si nói: “Thầy tự làm chứng cho mình thì lời chứng của Thầy không đáng tin.” ¹⁴Đức Chúa Jêsus đáp: “Cho dù Ta tự làm chứng cho mình đi nữa thì lời chứng của Ta vẫn đáng tin, vì Ta biết mình từ đâu đến và đang đi đâu. Nhưng các người không biết Ta đến từ đâu và đang đi đâu. ¹⁵Các người xét đoán theo xác thịt, còn Ta không xét đoán ai hết. ¹⁶Tuy nhiên, nếu Ta xét đoán thì sự xét đoán của Ta vẫn xác thực vì Ta không phải chỉ có một mình, nhưng Ta cùng Cha là Đấng đã sai Ta. ¹⁷Trong luật pháp của các người có chép rằng lời chứng của hai người là xác thực. ¹⁸Ta tự làm chứng cho mình, và Cha là Đấng đã sai Ta cũng làm chứng cho Ta.” ¹⁹Vì vậy, họ hỏi Ngài: “Cha của Thầy ở đâu?” Đức Chúa Jêsus đáp: “Các người không biết Ta, cũng không biết Cha Ta. Nếu các người biết Ta thì cũng biết Cha Ta nữa.” ²⁰Đức Chúa Jêsus phán những lời này tại nơi đặt các thùng tiền dâng, lúc đang giảng dạy trong đền thờ. Nhưng không ai bắt Ngài vì giờ Ngài chưa đến.

8:12 "Đức Chúa Jêsus lại nói với dân chúng rằng" Đám đông không được đề cập trong chương này. Có thể Lễ Lều Tạm đã kết thúc và Chúa Giê-su nấn ná trong Đền Thờ để tranh luận và làm chứng cho nhóm lãnh đạo tôn giáo Do-thái

Cũng như Chúa sử dụng lễ nghi liên hệ tới nước (chương 7) để bày tỏ chính mình, ở đây Chúa dùng lễ nghi liên hệ tới ánh sáng. Cũng có thể bối cảnh của Giăng 8:12-10:21 vẫn nằm trong ngày cuối cùng của Lễ Lều Tạm (Booths).

▣ **"Ta là ánh sáng"** Giảng 6, 7 và 8 dường như liên hệ tới giai đoạn lịch sử trong Đòng Vắng. Sau đây là nguồn ẩn dụ Chúa dùng để mặc khải bản thân.

1. Giảng 6 dùng Man-na và Bánh Hằng sống"
2. Giảng 7 dùng nước và Nước Sự sống"
3. Giảng 8 dùng ánh sáng và vinh hiển "*Shekinah*."

Ẩn dụ ánh sáng được lặp lại nhiều lần trong Phúc Âm Giảng (Xem Giảng 1:4-5, 8-9; 3:19-21; 9:5; 12:46).

Có một tranh luận về lý do cho ẩn dụ ánh sáng:

1. Người xưa thường khiếp sợ bóng tối
2. Một danh hiệu của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước (Xem Thi-thiên. 27:1; Ê-sai. 60:20; 1 Giảng 1:5)
3. Bối cảnh Lễ Lều Tạm, trong ánh sáng của những cây đèn nền của Sân Dành-Cho-Phụ-Nữ trong khu Đền Thờ
4. Gợi nhớ về Đám Mây vinh hiển *Shekinah* trong thời kỳ lang thang trong Đòng Vắng, một biểu tượng về sự hiện diện của Đức Chúa Trời
5. Danh hiệu của Đấng Mê-si-a trong Cựu Ước (Xem Isa. 42:6, 49:6; Lu-ca 2:32).

Các thầy Ra-bi thường dùng ánh sáng để dạy về Đấng Mê-si-a. Ánh sáng từ ngọn đèn nền lớn trong Sân Dành-Cho-Phụ-Nữ thể hiện bối cảnh cho tuyên bố của Chúa Giê-su. Gợi ý về Đấng Mê-si-a là Ánh sáng trong Giảng 1:4,8 trùng lặp với các lễ nghi của Đền thờ, giúp Chúa Giê-su mặc khải nguồn gốc thực của mình:

Đây là một trong bảy tuyên bố: "Ta-là" trong Phúc âm Giảng, - được nối tiếp bởi một vị ngữ

1. Ta-là Bánh Sự Sống (Giảng 6:35,41,48,51)
2. Ta-là Ánh sáng của thế gian (Giảng 8:12; 9: 5; Xem Giảng 1:4,9; 12:46)
3. Ta-là cửa của chuồng chiên(Giảng 10:7,9)
4. Ta-là Người Chăn Chiên Nhân Từ (Giảng 10:11,14)
5. Ta-là Sự Sống lại và Sự Sống (Giảng 11:25)
6. Ta-là Đường Đi, Chân Lý và Sự Sống (Giảng 14:6)
7. Ta-là Cây Nho Thật (Giảng 15:1,5)

Những tuyên bố độc đáo này chỉ có ở trong Giảng, chỉ tới Nhân Vật Chúa Giê-su. Giảng nhấn mạnh trải nghiệm cứu rỗi một cách cá nhân, chúng ta phải tin cậy Ngài.

▣ **"của thế gian"** Thuật ngữ thế gian (*kosmos*), xem chủ đề đặc biệt "Cách Phao-lô sử dụng thuật ngữ "thế gian" ở câu Giảng 3:16, để hiểu được mức độ tổng thể của Phúc Âm Chúa Giê-su, Xem Giảng 3:16).

▣ **"người nào theo Ta "** "theo" - động tính từ chủ động thì hiện tại. Nên nhớ rằng Cơ đốc giáo không phải là bộ tín điều, nhưng là mối liên hệ, thể hiện bởi nếp sống môn đồ hóa. (Xem Ma-thi-ơ. 28:18-20; 1 Giảng 1:7).

▣ **"sẽ không đi trong bóng tối, nhưng có ánh sáng của sự sống"** Đây là sự gợi ý về một khái niệm thần học: Sa-tan làm lu mờ thị giác của những người chưa được cứu (Xem 2 Cô-rin-tô. 4:4). Đồng thời có một sự gợi nhớ khác từ trong Cựu Ước: Thi-thiên 119:105: Lời Ngài là "ngọn đèn cho chân tôi, là ánh sáng cho đường lối tôi".

Tất cả những ai chấp nhận "Ánh Sáng" phải thay đổi nếp sống (Xem I Giảng. 1:7)!

▣ **"có ánh sáng của sự sống"** Chúa Giê-su có sự sống của Đức Chúa Trời và ban phát sự sống cho những người theo Chúa, (Xem Ma-thi-ơ. 5:14), tức là cho những người mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài

8:13 "Những người Pha-ri-si " Xem Chủ Đề Đặc Biệt "Pha-ri-si" ở câu 1:24

▣ **"lời chứng của Thầy không đáng tin."** " Những người Do-thái muốn sử dụng bằng chứng pháp lý, đòi hỏi phải có hai nhân chứng. Xem Dân số. 35:30; Phục Truyền 17:6; 19:15-21). Chúa Giê-su đã đề cập đến vấn

đề này (Xem từ câu Giảng 5:31 trở đi) và đã đưa ra vài nhân chứng. Trong bối cảnh ở đây, Nhân Chứng cho Ngài chính là Đức Chúa Trời.

8:14,16 "Nếu ... Nếu" Cả hai chữ “nếu” đều là thể điều kiện thứ ba, có nghĩa là tiềm năng cho hành động. Hầu hết tất cả thể điều kiện trong Giảng 8 đều có dạng ngữ pháp này.

▣ **"Ta biết mình từ đâu đến và đang đi đâu"** Ở đây có Nhị Nguyên Luận “Trên - Dưới” Chúa Giê-su luôn ý thức được sự tiền tại của mình, sứ mạng cha giao cho mình và thời điểm được tiên tri trước. (Xem Giảng 1:1-4, 14-18; 7:28-29; 13:1; 17:5).

▣ **"Nhưng các người không biết Ta đến từ đâu và đang đi đâu"** Câu này liên hệ tới Giảng 7. Họ không biết nơi sinh của Chúa Giê-su (Xem Giảng 8:41-42) và không biết Ngài sẽ đi đâu (Xem Giảng 7:34-36; 8:21). Xem chủ đề đặc biệt: Chứng nhân cho Chúa Giê-su ở câu Giảng 1:8

8:15 "Các người xét đoán theo xác thịt," Đây là sự gọi nhớ chương 7 (Xem Giảng 8:24). Xem Chủ đề đặc biệt “Xác thịt” ở câu 1:14

▣ **" còn Ta không xét đoán ai hết"** Một số người thấy sự mâu thuẫn giữa câu Giảng 3:17 and 9:39. Chúa Giê-su không đến để phán xét, nhưng sự đến của Chúa khiến những người từ chối Ngài bị phán xét (Xem Giảng 3:18-21).

8:16-18 Một lần nữa, nan đề được nêu ra là cần có hai chứng nhân cho tòa án (Xem Dân số. 35:30; Phục Truyền 17:6; 19:15). Chúa Giê-su khẳng định một cách chắc chắn rằng Chúa và Cha là một (Xem Giảng 7:29; 14:9). Xem chủ đề đặc biệt: Chứng nhân cho Chúa Giê-su ở câu Giảng 1:8

8:16

**NASB (1970),
NJB, REB "Đấng đã sai Ta"
NASB (1995),
NKJV, NRSV,
NIV "Cha, Đấng đã sai Ta"** (có thêm chữ Cha)

Có những sự bất đồng giữa các bản dịch NASB và giữa những nguyên bản của Liên Hội Thánh Kinh UBS^{3,4}

1. UBS³ xếp hạng “C” cho chữ “Cha” "Father" (MS P^{39,66,75}, κ^2 , B, L, T, W,
2. UBS⁴ Xếp hạng “A” cho chữ “Cha” (MSS κ^* , D, một số bản Old Later và Syriac bỏ qua chữ này)

Chúa Giê-su không bao giờ cô đơn, Đức Chúa Cha luôn ở cùng Ngài, (Xem Giảng 8:16,29; 16:32,) đặc biệt ở thời điểm trên cây Thập tự giá , (Xem Mác 15:34).

Niềm vui và sự hoàn tất trong mỗi liên hệ là điều căn bản của sự Cứu rỗi. Mục đích của Tạo hóa là để Đức Chúa Trời thông công cùng tạo vật. (i.e., Christ, Xem Jn. 1:3; 1 Cô-rin-tô. 8:6; Cô-lô-sê. 1:16; Hê-bơ-rơ. 1:2) Chính vì vậy mà Con người được tạo dựng trong hình ảnh Đức Chúa Trời. (Xem Gen. 1:26,27). Vì tội lỗi và mỗi liên hệ bị tan vỡ và mục đích sứ mạng của Chúa Giê-su là hồi phục lại mỗi liên hệ ấy!

8:19 "Cha của Thầy ở đâu" Họ vẫn còn hiểu Chúa Giê-su một cách sai lầm theo quan điểm thuộc thể. Trí óc họ hẹp hòi, đầy định kiến không thể chấp nhận sự thật. (Xem Giảng 8:27). Bày tỏ sự hiểu lầm là đặc trưng văn chương trong Phúc Âm Giảng.

▣ **"Nếu các người biết Ta thì cũng biết Cha Ta nữa."** Đây là thể điều kiện hạng hai, (thường được gọi là “Ngược lại với sự thật”): “Nếu các người biết Ta” – mà thực tế các người không biết Ta – thì các người đã biết Cha Ta – mà thực tế các người đã không biết Cha Ta”. Chủ đề xuất hiện nhiều lần, Giảng 5:37, xem ghi

chú ở câu Giảng 7:28. Phác thảo nội dung Phúc âm Giảng là một việc khó, bởi khuôn mẫu lặp lại được sử dụng.

8:20 "Đức Chúa Jêsus phán những lời này tại nơi đặt các thùng tiền dâng," Câu này là lời bình luận của tác giả. Nơi đặt thùng tiền dâng không nằm trong một tòa nhà khác. Theo lời thuật của các thầy Ra-bi, (*Shekalim* 6), có 13 thùng đựng tiền dâng hình cái kèn, được đánh dấu cho các mục đích khác nhau, và đặt để trong Sân Dành-Cho-Phụ-nữ, (Xem Mác 12:41) .

▣ "giờ Ngài chưa đến" Xem Giảng 2:4.

NASB (HIỆU ĐÍNH 2011): GIẢNG 8:21-30

²¹Ngài lại nói với họ: “Ta đi, các ngươi sẽ tìm Ta, và các ngươi sẽ chết trong tội lỗi mình. Nơi Ta đi, các ngươi không thể đến được.”²²Những người Do Thái nói: “Liệu ông ta sẽ tự tử chăng, khi nói rằng: ‘Nơi Ta đi, các ngươi không đến được?’”²³Đức Chúa Jêsus đáp: “Các ngươi ra từ dưới, còn Ta đến từ trên. Các ngươi ra từ thế gian này, còn Ta không ra từ thế gian này.”²⁴Vì thế, Ta đã bảo các ngươi rằng các ngươi sẽ chết trong tội lỗi mình; vì nếu các ngươi không tin Ta là Đấng Hằng Hữu thì các ngươi sẽ chết trong tội lỗi mình.”²⁵Họ hỏi Ngài rằng: “Vậy Thầy là ai?” Đức Chúa Jêsus đáp: “Như Ta đã nói với các ngươi từ lúc đầu.”²⁶Ta có nhiều điều để nói và xét đoán về các ngươi; nhưng Đấng đã sai Ta đến là thật, và Ta công bố cho thế gian những gì Ta đã nghe nơi Ngài.”²⁷Họ không hiểu rằng Ngài đang nói về Cha cho họ.²⁸Vì vậy, Đức Chúa Jêsus nói rằng: “Khi các ngươi treo Con Người lên, lúc ấy các ngươi sẽ biết rằng Ta là Đấng Hằng Hữu, và biết Ta không tự mình làm điều gì, nhưng chỉ công bố những điều Cha dạy Ta.”²⁹Đấng đã sai Ta vẫn ở với Ta, không để Ta một mình, vì Ta luôn luôn làm những điều đẹp lòng Ngài.”³⁰Khi Ngài nói những điều này thì nhiều người tin Ngài.

8:21-22 " Nơi Ta đi, các ngươi không thể đến được.... "Liệu ông ta sẽ tự tử chăng, " Câu hỏi trong Giảng 8:22 trông đợi câu trả lời “không”. Từ trong ngữ cảnh, chúng ta thấy họ không hiểu câu tuyên bố của Chúa (Xem Giảng 7:34-36. Theo sử gia Josephus, người Do-thái tin rằng người tự tử sẽ bị giáng xuống tầng thấp nhất trong địa ngục. Câu hỏi phản ánh họ đang suy nghĩ đến nơi Chúa sẽ phải đến.

8:21 " các ngươi sẽ chết trong tội lỗi mình." Nghĩa đen là “trong tội lỗi các ngươi sẽ chết”. Thuật ngữ “tội lỗi” có số ít trong câu 98:21 và số nhiều trong câu 8:24. Nói về tội ở đây là sự từ chối Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a , xem Giảng 8:24. Đây là tội không thể tha thứ trong Phúc Âm Đồng quan. Các lãnh đạo Do-thái từ chối Chúa Giê-su bắt kẻ lời tuyên bố và phép lạ Ngài làm.

Sau đây là lời ghi chú giải kinh từ trong sách Mác:

Mác 3:29 “Nhưng ai xúc phạm đến Đức Thánh Linh” Đây là bối cảnh trước Lễ Ngũ Tuần khi Thánh Linh giáng trần. Xúc phạm Thánh Linh ở đây là từ chối Sự Thật của Đức Chúa Trời. Ngày nay câu này thường được dùng để dạy dỗ về “tội không thể tha thứ”. Người giải kinh cần phải quan tâm đến các khía cạnh sau đây:

1. Có sự khác biệt giữa tội chủ ý và không chủ ý trong Cựu-ước (xem Dân số ký. 15:27-31)
2. Sự thiếu niềm tin của gia đình Chúa Giê-su khác với sự bất tin của người Pha-ri-si trong ngữ cảnh.
3. lời công bố tha thứ trong câu Mác 3:28
4. sự khác biệt giữa Phúc Âm Đồng Quan, đặc biệt sự thay đổi từ “Con Loài Người ” (Xem Ma-thi-ơ. 12:32; Lu-ca 12:10) sang “những con (con cái) loài người” (số nhiều) (Xem Ma-thi-ơ. 12:31; Mác 3:28).

Từ xét nghiệm những khía cạnh trên, tội không thể tha thứ là tội của những người từ chối Chúa Giê-su - phương tiện mặc khải và cứu rỗi của Đức Chúa Trời - mặc dầu họ đã được chiếu sáng và ban cho sự hiểu biết. Họ tắt ánh sáng đi và tự chọn cho mình bóng tối của Sa-tan (Mác 3:30), Họ từ chối sự gọi ý và cáo trách của Đức Thánh Linh (Xem Giảng 6:44,65). Tội không thể tha thứ không phải là một hành

động, một lời nói đơn chiếc, nhưng cả một quá trình chống đối kéo dài (ví dụ trong trường hợp những thư ký và pha-ri-si).

Tôi không thể tha thứ chỉ dành cho những người đã được bày tỏ Phúc Âm, được nghe sứ điệp về Chúa Giê-su, nhưng tiếp tục từ chối - đặc biệt trong nền văn hóa Tây Phương, nơi Phúc Âm luôn có sẵn thông tin cứu rỗi, ví dụ ở bắc Mỹ.

8:23 "Các người ra từ dưới, còn Ta đến từ trên" Đây lại thêm một ví dụ về Nhị Nguyên luận (trên - dưới) của Giảng , Xem Giảng 7:35-36; 18:36).

Giảng phân biệt Chúa Giê-su từ Trời Cao khỏi người Do-thái từ Đất Thấp. Các khuôn mẫu Nhị Nguyên thường thấy trong các Phúc âm: Phúc Âm Đồng Quan nói về Nhị Nguyên giữa Kỷ Nguyên Cũ và Kỷ Nguyên Mới, còn Phúc Âm Giảng nói về Thiên Đàng và Thế Gian. Đây là hai thể Nhị Nguyên khác nhau: Nhị nguyên hàng ngang và Nhị Nguyên hàng dọc. Phải chăng Chúa Giê-su dạy dỗ trong cả hai bối cảnh? Có thể Phúc Âm Đồng Quan ghi nhận Chúa giảng dạy nơi công cộng, còn Phúc Âm Giảng ghi nhận sự giảng dạy kín đáo cho các môn đồ.

▣ **"Các người ra từ thế gian này"** Thế gian nằm trong quyền lực của Quỷ Vương (Xem 2 Cô-rin-tô. 4:4; Ê-phê-sô. 2:2; and 1 Giảng 5:19). Để hiểu "thế gian" xin tham khảo chủ đề đặc biệt "Thế Gian" ở câu 14:17

8:24 "nếu các người không tin" Đây là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra.

NASB, NKJV "Ta-là Đấng Ấy"
NRSV, JB "Ta-là Đấng Ấy"
TEV "Ta-là Đấng Phán Ta-là-Ta"
NJB "Ta-là Đấng Ấy"

Đây là tuyên bố mạnh nhất về Địa Vị Thần Đức của mình – trong ngữ cảnh đang nói về Đấng Mê-si-a. Chúa Giê-su dùng danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Cựu Ước, xem chủ đề đặt biệt "Ta-là" ở Xuất Ê-gíp-tô 3:14). Sự sử dụng cụm từ "Ta-là" không có vị ngữ, với ý nghĩa danh hiệu một cách độc đáo chỉ có trong Giảng trong Giảng. (Xem Giảng 4:26; 6:20; 8:24,25,58; 13:19; 18:5,6,8). Xem chủ đề đặc biệt: "Cách Giảng sử dụng động từ "tin"”

8:25 "Vậy Thầy là ai" Nhà cầm quyền Do-thái tìm kiếm chứng cứ pháp lý để buộc tội Chúa phạm thượng. (Xem Ma-thi-ơ. 26:57-68; Mác 14:53-65)! Họ muốn giết Chúa. Họ không cần đến thông tin, nhưng mong ước sự kết tội.

Chúa Giê-su mặc khải bản thân trong Giảng, khác với cách viết của Phúc Âm Đồng Quan. Công vụ như sự chữa lành trong Ngày Sa-bát và lời phán của Chúa đủ chứng tỏ thẩm quyền của Ngài.

NASB "Điều ta đã và đang nói từ thửa ban đầu cho các người. "
NKJV "Chỉ về những gì Ta đã và đang phán từ thửa ban đầu cho các người"
NRSV "Đến nỗi vì sao Ta phải nói chuyện với các người."
TEV "Những gì Ta đã và phán cho các người từ ban đầu "
NJB "Những gì Ta đã và phán cho các người từ bắt đầu "

Nguyên bản Hy Lạp không có khoảng trống giữa các chữ. Nên các chữ có thể bị chia ra theo các nhóm khác nhau cho phù hợp ngữ cảnh. Sự khác biệt không nằm ở các dạng sao bản, nhưng ở cách chia nhóm các chữ. Đây là ví dụ.

1. *hote* – Ta đã và đang nói với các người từ ban đầu (NASB, NKJV, TEV, NJB, NIV)
2. *ho ti* như một thành ngữ - Ta phải tận tâm nói chuyện với các người sao” (NRSV, TEV footnote)

Phải chăng đây là cách chơi chữ của Giảng: Ban đầu có thể là Ban đầu của Tạo Hóa, hay ban đầu của chức vụ? (Giăng 1:1) Điểm chính là ngay từ ban đầu Chúa đã nói với họ.

8:26-27 Những chủ đề này được lặp lại trong Giảng.

1. Cha sai Ta (Xem Giảng 3:17,34; 4:34; 5:36,38; 6:29,44,57; 7:28-29; 8:16,26,42; 10:36; 11:42; 12:49; 14:24; 15:21; 17:3,18,21,23,25; 20:21)
2. Cha là Đấng Thật (Xem Giảng 3:33; 7:28)
3. Lời dạy của Chúa Giê-su đến từ Cha (Xem Giảng 3:11; 7:16-17; 8:26,28,40; 12:49; 14:24; 15:15)
4. Chúa Giê-su mặc khải Cha (Xem Giảng 1:18; 8:26-29; 12:49-50; 14:7,9)

▣ "thế gian " xem ghi chú câu Giảng 1:10.

8:27 Đây lại là lời bình luận của tác giả. Nếu thế gian hiểu ẩn dụ ngôn ngữ như những người Do-thái, họ cũng sẽ giết Chúa Giê-su. Xem Giảng 5:18; 8:59; 10:33). Chúa không che dấu một sự thật nào

8:28 "Khi các người treo Con Người lên" Đây là sự gợi nhớ từ trong Cựu Ước, từ Dân Số 21:4-9, đã được thảo luận trong Giảng 3:14. Thuật ngữ này có hai ý nghĩa: bị treo trên cây thập tự, Giảng 3:14; 12:32,34, hay được tôn vinh ((Công-vụ 2:33, 5:31; Phi-líp. 2:9. Chúa Giê-su ý thức mình đến để hy sinh cứu người. (Xem Mác 10:45).

▣ "Con Người " Đây là danh hiệu tự xưng của Chúa Giê-su, không như Đấng Mê-si-a trong hệ thống thần học Do-thái Giáo của các thầy Ra-bi, mang ý nghĩa vị tướng quân sự hay thủ lãnh quốc gia. Danh hiệu "Con Người" của Chúa chọn liên hệ tới khái niệm nhân tính (Xem Ê-xê-chi-en 2:1; Thi-thiên. 8:4) và thần tính (Xem Đa-ni-en. 7:13).

▣ "các người sẽ biết rằng Ta là Đấng Hằng Hữu" Ngay cả các môn đồ và gia đình của Chúa cũng không hiểu hết ý Ngài cho đến Lễ Ngũ tuần sau Phục sinh, (Xem Giảng 7:39) khi Chúa Thánh Linh giáng trần, mở mắt cho những ai có mắt và tai tâm linh.

Để hiểu thêm văn ngữ đặc sắc của cụm từ "Ta-là Đấng Ấy" xem ghi chú ở câu 8:24. Họ sẽ biết

1. Ngài là ai (tức là Đấng Mê-si-a)
2. Ngài mặc khải Đức Chúa Cha (Xem Giảng 5:19-20)
3. Ngài và Cha là một (Giăng 8:29)

8:29 "Đấng đã sai Ta vẫn ở với Ta, không để Ta một mình" Chúa Giê-su sống trong mối liên hệ với Cha giữ (Xem Giảng 8:16; 16:32). Đây là lý do vì sao sự đứt đoạn trong mối liên hệ ở thời điểm trên thập tự gây sự đau đớn biết bao cho Chúa . (Xem Mác 15:34).

8:30 "nhiều người tin Ngài" Đám đông tuy tin Ngài, hình như chỉ tin một cách hời hợt (Xem Ma-thi-ơ 13; Mác 4). Họ bằng lòng chấp nhận Ngài là Đấng Mê-si-a theo ý tưởng của họ. Ngữ cảnh trong Giảng 8:30-58 cho thấy họ không thực lòng tin (Xem Giảng 2:23-25). Trong Giảng chúng ta thấy có nhiều mức độ niềm tin, nhưng không phải tất cả đều dẫn đến sự cứu rỗi. Xem chủ đề đặc biệt "Cách sử dụng Động từ Tin" trong Giảng ở câu 2:23

NASB (HIỆU ĐÍNH 2011): GIĂNG 8:31-33

³¹Vậy, Đức Chúa Jêsu nói với những người Do Thái đã tin Ngài rằng: "Nếu các người cứ ở trong lời của Ta, thì các người thật là môn đồ Ta. ³²Các người sẽ biết chân lý, và chân lý sẽ giải phóng các người."³³Những người Do Thái nói: "Chúng tôi là dòng dõi Áp-ra-ham, chưa từng làm nô lệ ai, sao Thầy lại nói: 'Các người sẽ được tự do?'"

8:31 "Nếu các người cứ ở trong lời của Ta" Đây là thể điều kiện hạng ba có nghĩa có tiềm năng xảy ra. Sự nhấn mạnh về tính liên tục của niềm tin được thấy rõ trong Giăng 15. Đây là thành phần bị thiếu trong sự truyền bá Phúc Âm ngày nay. Lời Chúa phải được tin, vâng phục và ngự trong lòng một cách bền đỗ

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỠ

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn
 - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
 - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
 - c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
 - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khải huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
 - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
 - c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
 - d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
 - e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn năn, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of God*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Kinh thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Bạn ở trong nhóm nào?

▣ "trong lời của Ta, thì các người thật là môn đồ Ta." Chúa Giê-su nhấn mạnh nếp sống vâng phục. Xem Giăng 8:51,52,55; 14:15,21,23,24; 15:10,20; 17:6; Lu-ca 6:46; 2 Giăng 9). Theo nghĩa đen, câu này phản chiếu từ " *shema*, tiếng Hê-bơ-rơ : Nghe và làm theo (ví dụ Phục Truyền. 6:4-6).

8:32 "Các người sẽ biết " Động từ “biết” ở đây dùng trong ý nghĩa Cựu-ước, có nghĩa về mối liên hệ một cách cá nhân, chứ không nói về nhận biết sự thật. (Xem Sáng thế 4:1; Giê-re-mi 1:5). Sự thật được nhận cách hóa như con người. Câu này thường được dùng làm khẩu hiệu trong các trường học về việc suu tầm kiến thức con người, Khác với kiến thức con người thường dẫn đến xung đột, mâu thuẫn và ràng buộc, sự thật thuộc linh dẫn đến sự bình an và hy vọng. Sự thật là Phúc Âm và nhân vật Chúa Giê-su. Không có sự thật nào tồn tại bên ngoài danh Chúa Giê-su

8:32,40,44,45,46 "chân lý" Đây là khái niệm chính trong ngữ cảnh, có hai ý chính:

1. sự đáng tin cậy
2. sự thực so với sự giả dối.

Cả hai ý đều đúng trong cuộc sống và công vụ của Chúa Giê-su. Chúa là nội dung và mục đích của Phúc Âm. Sự thực trước tiên là Nhân Vật! Chúa đến mặc khải Đức Chúa Cha một cách cá nhân. Câu này thường được dùng trong các trường học một cách sai lầm bởi cảnh lịch sử, văn chương, Tri thức, dù nhiều dù hay bao nhiêu cũng không giải phóng ai. (Xem Truyền đạo. 1:18). Xem chủ đề đặc biệt: “Sự Thật” trong văn tự của Giảng.

8:32 "sẽ giải phóng các người" Tín nhân được giải tự do khỏi luật lệ hóa, lễ nghi, cứu chuộc bởi công đức. Tuy tự do, nhưng họ tự nguyện đầu phục Phúc Âm (Xem Rô-ma. 14:1-15:6; 1 Cô-rin-tô. 8-10).

8:33 "Chúng tôi là dòng dõi Áp-ra-ham, chưa từng làm nô lệ ai" Thật kinh ngạc về tính tự cao dân tộc của người Do-thái. phải chăng họ quên thời nô lệ cho Ai-cập, Sy-ria, BA-by-lo, Ba-tur, Hy-lạp và La-mã?

NASB (HIỆU ĐÍNH 2011): GIẢNG 8:34-38

³⁴Đức Chúa Jêsus đáp: “Thật, Ta bảo thật các người, ai phạm tội là nô lệ cho tội lỗi. ³⁵Nô lệ thì không ở mãi trong nhà, nhưng con cái thì ở đó mãi mãi. ³⁶Vậy, nếu Con giải phóng các người thì các người thật sự được tự do. ³⁷Ta biết các người là dòng dõi Áp-ra-ham, nhưng các người lại tìm cách giết Ta, vì lời Ta không có chỗ trong các người. ³⁸Ta nói những điều Ta thấy nơi Cha Ta, còn các người làm những điều các người nghe nơi cha mình.”

8:34 "ai phạm tội là nô lệ cho tội lỗi" Chúa Giê-su tiếp tục dẫn họ đến thực tế tâm linh đằng sau lời tuyên bố: “giải phóng các người” Giảng 8:32, mà những người Do-thái hiểu lầm trong câu tiếp theo. Đỉnh cao của sự cáo trách đức tin hời hợt (Giảng 8:21 và 24) được thể hiện trong câu Giảng 8:44-47.

Tác giả Frank Stagg xác nhận trong *New Testament Theology*, "một sự mỉa mai trong số phận con người là họ trở nên nô lệ khi cố gắng được tự do". (trang. 32).

“Phạm tội” ở đây là động tính từ chủ động thì hiện tại, có ý nghĩa liên tục phạm tội. Người liên tục phạm tội là người không biết sự thực. (tức là không biết Chúa Giê-su). Chân lý này cũng được thể hiện qua cách dùng động từ “phạm tội” thì hiện tại trong 1 Giảng 3:6,9!

Câu hỏi được đặt ra, “Tín đồ có phạm tội không?” Và câu trả lời là “có”. (Xem Rô-ma 7; 1 Giảng). Cơ-đốc nhân vẫn giảng co, tranh chiến với tội lỗi, còn người không tin thì say sưa trong tội lỗi mà không biết.

Bản dịch NET Bible (p. 1921 #21) thêm lời bình luận rằng tội lỗi theo ngữ cảnh sách Giảng là sự bất tin, (tội không thể tha thứ) Đây không kể là tội về đạo đức, nhưng tội vì thiếu niềm tin ở mức độ được cứu. Tội “cho đến chết” trong 1 Giảng cũng là tội bất tin.

8:35 Câu này không liên hệ trực tiếp đến Giảng 8:34, nhưng đến Giảng 8:36. Không phải Mô-sê theo Do-thái Giáo là Con đức Chúa Trời, nhưng chính Chúa Giê-su. Không phải nghi lễ và thực hành lễ luật một cách máy móc (Xem Hê-bơ-rơ. 1:2; 3:6; 5:8; 7:28) nhưng chính Chúa Giê-s mới giải phóng con người (Xem Giảng 8:32).

■ **"mãi mãi"** Xem chủ đề đặc biệt: “Đời Đời” (Thành ngữ Hy-lạp) ở câu 6:58

8:36 "Nếu" thể điều kiện hạng ba có nghĩa tiềm năng xảy ra. .

8:37 "các người lại tìm cách giết Ta, vì lời Ta không có chỗ trong các người." (Xem Giảng 5:18; 7:1,19; 8:37,40; 11:53).

▣ **"vì lời Ta không có chỗ trong các người"** Câu văn này có thể hiểu theo nhiều cách. Một trợ giúp hữu ích là *The Bible in Twenty Six Translations*. (Kinh Thánh qua 26 bản dịch)

1. "Bởi lời Ta không được tự do trong các người" -- American Standard Version
2. "không chiếm chỗ trong các người" -- *The New Testament* by Henry Alford
3. "không tiến triển trong vòng các người" -- *The New Testament: A New Translation* by Gia-coes Moffatt
4. "tìm không thấy chỗ trong các người" -- *The Emphasized New Testament: A New Translation* by J. B. Rotherham
5. "bởi lời Ta không tìm được chỗ trong tim các người" -- *The Four Gospels* by E. Giảng 8:Rieu

Một lần nữa, nan đề ở đây là sự hưởng ứng hay từ chối Phúc Âm. Nan đề thuộc về sự cứu rỗi linh hồn chứ không phải thay đổi đạo đức

8:38 "những điều Ta thấy nơi Cha Ta" Đây là thể hoàn thành, chủ động, chỉ định nói về tính tiền tại của Chúa Giê-su và mối liên hệ liên tục với Cha (Xem Giảng 8:40,42).

▣ **"còn các người làm những điều các người nghe nơi cha mình."** Chữ cha mình có thể gợi ý về truyền thống Do-thái, (Xem Ê-sai. 29:13), nhưng chủ ngữ trong Giảng 8:41-44 có thể thích hợp với Sa-tan, Quỷ vương. Hành động của họ, cũng như động cơ, lời nói - dù ủng hộ Mô-sê - đều phản ánh thái độ tâm linh tiêu cực. Con người không thể khởi xướng lĩnh vực tâm linh. Có hai nguồn ảnh hưởng tâm linh là Đức Chúa Trời (Cha Con, Thánh Linh) và Sa-tan (cùng tà linh). Phản ứng đối với Phúc Âm bày tỏ xu hướng thuộc linh của một cá nhân. (Xem Giảng 1:12; 3:16; 10:1-18; 14:6)

Có một số lựa chọn theo ngữ cảnh:

1. cả hai chữ cha đều ám chỉ đến Đức Giê-hô-va (không có chữ các người)
2. Động từ thể mệnh lệnh thức chứ không thể chỉ định

(Xem tác giả Bruce M. Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, p.225).

NASB (HIỆU ĐÍNH 2011): GIẢNG 8:39-47

³⁹Họ trả lời: "Cha chúng tôi là Áp-ra-ham." Đức Chúa Jêsus nói: "Nếu các người là con Áp-ra-ham thì phải làm những điều Áp-ra-ham đã làm. ⁴⁰Nhưng bây giờ các người tìm giết Ta, là người đã nói cho các người chân lý nghe được từ Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham đã không làm những việc như thế. ⁴¹Các người làm những công việc của cha mình." Họ nói: "Chúng tôi không phải là con ngoại tình, chúng tôi chỉ có một Cha, là Đức Chúa Trời." ⁴²Ngài bảo họ: "Nếu Đức Chúa Trời là Cha các người, thì các người phải yêu thương Ta; vì Ta ra từ Đức Chúa Trời và từ Ngài mà đến, bởi Ta không tự mình đến, nhưng chính Ngài đã sai Ta. ⁴³Tại sao các người không thể hiểu điều Ta nói? Vì các người không thể nghe được lời của Ta. ⁴⁴Các người ra từ cha mình là ma quỷ, và muốn làm theo dục vọng của cha mình. Ngay từ đầu nó đã là kẻ giết người, và không đứng trong chân lý vì chân lý không ở trong nó. Khi nó nói dối thì nói theo bản tính của mình, vì nó là kẻ nói dối và là cha của sự nói dối. ⁴⁵Nhưng vì Ta nói chân lý nên các người không tin Ta. ⁴⁶Có ai trong các người kết tội Ta được không? Nếu Ta nói chân lý, sao các người không tin Ta? ⁴⁷Ai ra từ Đức Chúa Trời thì nghe lời Đức Chúa Trời. Sở dĩ các người không nghe, vì các người không thuộc về Đức Chúa Trời."

8:39 "Cha chúng tôi là Áp-ra-ham" Chúa Giê-su xác nhận cha thuộc thế của những người Do-thái là Áp-ra-ham, đồng thời chỉ ra tính cách đặc trưng gia đình của họ thuộc về Sa-tan (Xem Giảng 8:38,44). Niềm tin một

cách cá nhân trong mỗi liên hệ khiến họ hòa thuận với Chúa, chứ không phải bởi họ từng là dân tuyển (Xem Phục Truyền 6:5,13; Rô-ma. 2:28-29; 9:6).

▣ **"Nếu"** Đây là thể điều kiện hạng nhất, nhưng cũng có thể hiểu như hạng hai (Xem Giảng 8:19 and 42) Tiếng Hy Lạp dùng trong nguyên bản tìm cách thay đổi các thể điều kiện lẫn lộn, bằng cách đổi động từ đầu tiên sang thể chưa hoàn thành. Như vậy câu này được hiểu là: "Nếu các ngươi là con cái Áp-ra-ham - mà thực tế không như vậy - thì các ngươi đã làm những gì Áp-ra-ham đã làm - mà thực tế không như vậy" Liên hội Thánh Kinh USB4 xếp tình trạng lẫn lộn của các thể điều kiện vào nhóm B (có nghĩa gần như chắc chắn)

8:40 "một người" Chúa Giê-su không chỉ ý thức mình là đại diện chân chính của Đức Giê-hô-va về thần tính, nhưng đồng thời mang nhân tính thực sự. Điều này phù hợp với tín lý Tri Huệ Giáo mà các giáo sư giảng dạy về Nhị nguyên luận đời đời giữa thần linh và thể xác. (Xem 1 Giảng 1:1-4; 4:1-4).

Chủ đề đặc biệt: Tri-huệ giáo (phần 1) (PDF)

- A. Hầu hết kiến thức chúng ta có về dị giáo này đến từ văn tự Tri-huệ giáo thể kỷ thứ hai. Nhưng ý tưởng Tri-huệ giáo đã bắt đầu giữa thế kỷ thứ nhất (văn tự cuộn Biển Chết) và văn tự của Sứ Đồ Giảng
- B. Nan đề tại thành Ê-phê-sô (I Ti-mô-thê), Crete (Tích) and Cô-lô-sê là sự kết hợp Tri-huệ giáo phôi thai và Luật pháp chủ nghĩa của Do-thái giáo..
- C. một số tín điều căn bản của Tri-huệ giáo nhóm Valentinian và Cerinthian trong thế kỷ thứ hai là:
1. Thuộc thể và thuộc linh cùng tồn tại (nhi nguyên bản thể học). Thuộc thể luôn luôn xấu xa, thuộc linh luôn luôn tốt lành. Đức Chúa Trời là thuộc linh, không thể tham gia trực tiếp sáng tạo thuộc thể xấu xa
 2. Có nhiều tầng, cấp thần linh (aeons) tồn tại giữa Thần Linh Tối Cao và giới thuộc thể. Đức Chúa Trời của Cựu ước, tức Giê-hô-va thuộc cấp bậc thấp nhất, là vị thần đã tạo ra thể giới thuộc thể, vũ trụ (kosmos)
 3. Giê-su là một cấp bậc thần linh như Giê-hô-va, nhưng ở mức độ cao hơn, gần hơn với Thần Linh Tối Cao. Có người cho rằng Giê-su cao nhất trong các thần linh dưới trướng Thần Linh Tối Cao, nhưng chắc chắn không phải là thần nhập thể.,(Giăng 1:14) bởi họ cho rằng thể xác là xấu xa. Giê-su có thể hiện ra giống như con người, nhưng vẫn là thần linh (xem 1 Giảng 1:1-3; 4:1-6).
 4. Sự cứu rỗi tới từ niềm tin nơi Chúa Giê-su cộng với kiến thức đặc biệt, được mặc khải duy nhất cho một nhóm quý tộc tâm linh. Kiến thức và mật khẩu huyền bí cần phải có để vượt qua các tầng cấp thiên đàng. Luật pháp chủ nghĩa của Do-thái cũng cần phải có để vươn đến Thần Linh Tối Cao.
- D. Các giáo sư giả thuộc Tri-huệ giáo quảng bá hai lối sống trái ngược:
1. nhóm thứ nhất cho rằng nếp sống không liên hệ tới sự cứu rỗi bởi sự cứu rỗi và tính thuộc linh được đóng gói trong kiến thức và mật khẩu huyền bí giúp họ vượt qua các tầng cấp thần linh (aeons)
 2. nhóm thứ hai cho rằng nếp sống liên hệ tới sự cứu rỗi. họ nhấn mạnh nếp sống khổ hạnh như bằng chứng của sự cứu rỗi
- E. Một sách tham khảo hữu ích là *The Nag Hammadi Library* by James M. Robinson and Richard Smith

Chủ đề đặc biệt Tri-huệ giáo (phần 2) theo www.freebiblecommentaries.org

- I. Một số giáo lý chủ yếu được thấy bởi nội chứng trong 1 Giảng.
- A. Từ chối việc nhập thể của Chúa Giê-su
 - B. Từ chối vai trò trung tâm sự Cứu Rỗi của Chúa Giê-su
 - C. Thiếu nếp sống Cơ đốc nhân
 - D. Nhấn mạnh về học thức (nhiều khi là kiến thức huyền bí)

E. Hướng về tích riêng biệt và quý tộc – cho rằng chỉ có một nhóm đặc biệt được cứu.

II. Bối cảnh trong thế kỷ thứ nhất

Thế giới La-mã trong thế kỷ thứ nhất là thời đại của thuyết chiết trung (hòa nhập nhiều nguồn khác nhau) giữa miền Đông và Miền Tây đế quốc. Các vị thần của La-mã và Hy-lạp không được kính trọng. Một tôn giáo Huyền Bí trở nên hấp dẫn với sự nhấn mạnh về mối quan hệ cá nhân đối với thần thánh và kiến thức. Triết học Hy-lạp cũng được lòng dân và gia nhập thế giới quan đương thời. Trong thế giới tôn giáo chiết trung (hòa nhập) xuất hiện Cơ-đốc giáo độc tôn (Chúa Giê-su là con đường duy nhất dẫn đến Đức Chúa Trời) - (Giăng 14:6). Bất cứ điều gì làm bối cảnh cho dị giáo, ít nhất các giáo sư giả cố gắng làm Cơ-đốc Giáo trở nên dễ được chấp nhận và ủng hộ trong vòng người nghe gốc la-mã, Hy-lạp. (i.e., Giăng 14:6; 1 Giăng 5:12)

III. Nhóm Tri Huệ Giáo nào được Tân Ước nhắc đến?

A. Nhóm Tri Huệ Giáo phiêu thai trong thế kỷ thứ nhất

1. Cơ sở giáo huấn của nhóm Tri-huệ Giáo phiêu thai nhấn mạnh về Nhị nguyên luận đời đời giữa hai thế giới thuộc linh và thuộc thể. Thuộc Linh (thần chí cao) luôn luôn tốt lành, còn thuộc thể mang tính xấu xa cô hữu. Sự chia đôi này phản ánh (1) triết học Platon của sự tuyệt hảo thần linh so với vật chất, (2) thuộc thiên so với thuộc hạ, (3) vô hình so với hữu hình. Thêm vào đó là sự nhấn mạnh về kiến thức huyền bí (đòi hỏi những mật khẩu và mật mã để cho phép linh hồn vượt qua các tầng bậc thiên sứ (aeons), vươn tới Vị Thần tối cao và được cứu rỗi.
2. Hai nhóm Tri-huệ giáo phiêu thai có thể làm bối cảnh cho Giăng thứ nhất.
 - a. Tri-huệ giáo Docetic từ chối nhân tính của Chúa Giê-su, bởi họ cho rằng vật chất là xấu xa,
 - b. Tri-huệ giáo Cerinthian , xác nhận Chúa Giê-su là một trong các tầng bậc thiên sứ giữa vị thần tối cao tốt lành và vật chất xấu xa. Đấng Christ tâm linh nhập thể sống trong Giê-su ở thời điểm lễ Báp-tem và dẫn dụ Ngài cho đến khi Ngài bị đóng đinh.
 - c. Thành viên của hai nhóm này thi hành nếp sống khổ hạnh (nếu cơ thể đòi hỏi cái gì, phải nghiêm cấm thứ ấy vì nó xấu xa), hoặc nếp sống buông thả (Cơ thể muốn cái gì, cho cái này)
3. Không có văn tự tồn tại về một hệ thống Tri-huệ giáo phát triển trong thế kỷ thứ nhất. Các văn tự về Tri-huệ giáo bắt đầu có từ giữa thế kỷ thứ hai. Để biết thêm về Tri-huệ giáo xin đọc
 - a. *The Gnostic Religion* by Hans Jonas, published by Beacon Press
 - b. *The Gnostic Gospels* by Elaine Pagels, published by Random House
 - c. *The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible* by Andrew Helmbold

B. Giám mục Ignatius gợi ý một nguồn dị giáo khác trong các thư ông viết cho hội thánh Smyrna IV và V: Nhóm này từ chối sự nhập thể của Chúa và sống nếp sống buông thả.

C. Còn một nhóm ít ảnh hưởng hơn là Meander từ thành Antioch. Giám mục Irenaeus viết về nhóm này trong cuốn “Against Heresies XXIII”. Meander theo chân Simon người Sa-ma-ri và trong việc quảng bá mật khẩu huyền bí.

IV. các dị giáo ngày nay

A. Tà linh dị giáo có mặt hôm nay khi người ta tìm cách phối hợp chân lý Cơ đốc với triết lý hiện hành

- B. Tà linh dị giáo có mặt khi người ta nhấn mạnh tín lý “đúng đắn” mà bỏ qua mối liên hệ và nếp sống niềm tin
- C. Tà linh dị giáo có mặt khi người ta từ bỏ Cơ-đốc giáo để gia nhập một nhóm quý tộc tri thức thuộc linh.
- D. Tà linh dị giáo có mặt khi người sùng đạo theo đuổi nếp sống khổ hạnh hay phóng dăng.

8:41

NASB, NKJV "Chúng tôi không phải là con ngoại tình "

NRSV "Chúng tôi không phải là con ngoài giá thú"

TEV "Chúng tôi là những con thật"

NJB "Chúng tôi không sinh ra bất hợp pháp"

Những lời này có thể liên hệ đến lời cáo buộc trong Giảng 8:48 ("thầy là người Sa-ma-ri"). Người Do-thái cho rằng Chúa Giê-su là người Sa-ma-ri, hoặc không mang trọn vẹn dòng huyết Do-thái. Theo các thầy Ra-bi, cha của Chúa Giê-su là một người lính La-mã

▣ **"chúng tôi chỉ có một Cha, là Đức Chúa Trời"** Lời khẳng định tính độc thần của Cựu Ước (Xem Phục Truyền. 4:35,39; 6:4-5) được bày tỏ trong danh hiệu Cha (Xem Phục truyền. 32:6; Isa. 1:2; 63:16; 64:8). Có một nan đề xảy ra: Các lãnh đạo tôn giáo xác nhận sự hiệp một của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su tuyên bố mình hiệp một cùng Đức Chúa Trời và sự hòa thuận của con người với Đức Chúa Trời, không dựa theo việc thực thi luật pháp, nhưng theo liên hệ niềm tin một cách cá nhân trong Ngài. Những người Do-thái lưỡng lự và bối rối là điều dễ hiểu, nhưng nếu họ sẵn lòng, sự hướng dẫn của Chúa Thánh Linh và công tác màu nhiệm của Chúa Giê-su sẽ đủ giúp đem lại niềm tin.

8:42 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng hai, có nghĩa là trái với sự thực: “Nếu Đức Chúa Trời là cha các ngươi – mà thực sự là không, các ngươi cũng sẽ yêu Ta – mà thực sự các ngươi không yêu Ta” (Xem Giảng 8:47).

8:43 "Vì các ngươi không thể nghe được lời của Ta" Đây Chúa đang nói về sự hiểu biết và tiếp nhận tâm linh. Những người Do-thái không có lỗ tai thuộc linh để nghe được lời Chúa. (Xem Isa. 6:9-10; Ma-thi-ơ. 11:15; 13:9,15-16,43; Mác 4:9,23; 7:16; 8:18; Lu-ca 8:8; 14:35; Công-vụ 7:51; 28:26-27).

8:44 "Các ngươi ra từ cha mình là ma quỷ" Đây là một tuyên bố sùng sốt cho các vị lãnh đạo đương thời. (Xem Giảng 8:47). Khái niệm về tính cách gia đình được thể hiện trong thành ngữ Hê-bơ-rơ: “con của...” . (Xem Ma-thi-ơ. 13:38; Công-vụ 13:10; 1 Giảng 3:8,10).

Về Ma quỷ, xem chủ đề đặc biệt “ma quỷ” ở câu 12 :31.

▣ **"Ngay từ đầu nó đã là kẻ giết người"** Câu này không có nghĩa là đời đời vốn độc ác, như giáo huấn Nhị nguyên của đạo thờ lửa (Zoroastrianism), nhưng phản ánh sự căm dỗ của A-đam và Ê-va bởi thần lừa dối nhập thể trong con rắn. (Xem Sáng thế 3). Hãy để ý sự khác biệt mạnh mẽ giữa Đức Chúa Trời Chân Thần và quỷ vương Sa-tan!

8:46 "Có ai trong các ngươi kết tội Ta được không?" Ngữ cảnh nói về sự làm chứng dối. Sa-tan luôn nói dối, nhưng Chúa Giê-su nói sự thật. Chúa Giê-su mời các lãnh đạo Do-thái bác bẻ tuyên bố và lời dạy của Chúa và chứng minh Ngài là kẻ nói dối. Trong ngữ cảnh, khó có thể dùng câu này để chứng minh bản ngã vô tội của Chúa như một tín lý thần học.

Trong Giăng, tội lỗi mang tính chất nguyên tắc chống nghịch Đức Chúa Trời của sự ác trong thể gian, hơn là một hành vi phạm tội đơn phương. Tội lỗi là tất cả mọi sự không có Chúa Giê-su. Tội lỗi tối hậu là sự bất tin (Xem Giăng 16:9).

NASB (HIỆU ĐÍNH 2011): GIĂNG 8:48-59

⁴⁸Những người Do Thái đáp: “Chúng tôi nói Thầy là người Sa-ma-ri và bị quỷ ám, không đúng lắm sao?” ⁴⁹Đức Chúa Jê-sus trả lời: “Ta không bị quỷ ám, nhưng Ta tôn vinh Cha Ta, còn các ngươi thì làm nhục Ta. ⁵⁰Ta không tìm vinh quang cho riêng mình; đã có Đấng tìm điều ấy và xét đoán. ⁵¹Thật, Ta bảo thật các ngươi, nếu người nào giữ lời Ta thì sẽ không bao giờ thấy sự chết.” ⁵²Những người Do Thái nói: “Bây giờ, chúng tôi biết rõ Thầy bị quỷ ám. Áp-ra-ham đã chết, các nhà tiên tri cũng vậy; thế mà Thầy nói: ‘Nếu người nào giữ lời Ta sẽ không bao giờ nếm trải sự chết.’” ⁵³Có phải Thầy vĩ đại hơn Áp-ra-ham, tổ phụ chúng tôi, là người đã chết rồi chăng? Các nhà tiên tri cũng đã chết! Thầy tự cho mình là ai?” ⁵⁴Đức Chúa Jê-sus đáp: “Nếu Ta tự tôn vinh mình thì vinh quang của Ta chẳng ra gì. Chính Cha tôn vinh Ta, Ngài là Đấng các ngươi gọi là Đức Chúa Trời của mình. ⁵⁵Các ngươi không biết Ngài nhưng Ta biết Ngài. Nếu Ta nói Ta không biết Ngài thì Ta cũng nói dối như các ngươi. Nhưng Ta thật biết Ngài và giữ lời Ngài. ⁵⁶Cha các ngươi là Áp-ra-ham vui mừng mong được thấy ngày của Ta; người đã thấy và mừng rỡ.” ⁵⁷Những người Do Thái nói: “Thầy chưa đầy năm mươi tuổi mà đã thấy Áp-ra-ham!” ⁵⁸Đức Chúa Jê-sus đáp: “Thật, Ta bảo thật các ngươi, trước khi Áp-ra-ham hiện hữu, Ta hằng hữu.” ⁵⁹Họ liền nhặt đá để ném Ngài, nhưng Đức Chúa Jê-sus lánh đi, và ra khỏi đền thờ.

8:48 "Chúng tôi nói Thầy là người Sa-ma-ri và bị quỷ ám" Có thể ngữ cảnh được phản chiếu qua việc dịch chữ “người Sa-ma-ri” trong tiếng A-ram, đồng nghĩa với “quỷ vương” (thủ lĩnh của ma quỷ) Chúa Giê-su nói tiếng A-ram, nếu vậy, câu này phù hợp với lời tố cáo của các lãnh đạo tôn giáo rằng quyền năng của Chúa Giê-su đến từ thể lực tâm linh xấu xa. Cũng có thể trong sự suy nghĩ đương thời, nói người bị quỷ ám là người đang nói dối (Xem Giăng 8:52). Khi tuyên bố Chúa Giê-su là người Sa-ma-ri (Xem Giăng 4:9, người bị quỷ ám, (Xem Giăng 7:20; 8:48,49,52; 10:20,21) họ kêu gọi mọi người đừng nghe và trả lời Chúa Giê-su. Những khẳng định chúng tôi là con cái Áp-ra-ham là những viện cớ để từ chối nhân vật và lời dạy của Ngài. Xem thêm chủ đề đặc biệt “sự ác cá nhân ở câu 12:31

8:49 Một người không thể nói mình tin Đức Chúa Trời mà không tin Chúa Giê-su (Xem 1 Giăng 5:9-12); Một người không thể biết Đức Chúa Cha mà không tôn trọng Đức Chúa Con. (Xem Giăng 5:23). Mặc dù đây là Hai Cá Thể, nhưng hiệp một cùng nhau (Xem xem ghi chú ở Giăng 1:14.

8:51,52 "Nếu... Nếu " cả hai đều trong thể điều kiện hạng ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra. Xin để ý tới mối liên hệ giữa vâng phục và niềm tin. (xem ghi chú ở Giăng 8:48).

▣ **"Không bao giờ thấy sự chết"** Đây là sự phủ nhận kép “không” và “chết” - một sự nhấn mạnh về cái chết thuộc linh (Xem Giăng 8:21,24), chứ không phải thuộc thể (Xem Giăng 5:24; 6:40, 47; 11:25-26). Cũng có thể nói về sự sợ hãi cái chết. (Xem 1 Cô-rin-tô. 15:54-57).

Khái niệm chết (*thanatos*) trong Kinh Thánh có ba giai đoạn .

1. chết thuộc linh, Gen. 2:17; 3:1-24; Isa. 59:2; Rô-ma. 7:10-11; Gia-coes 1:15 (mối liên hệ với Chúa bị phá hủy)
2. chết thuộc thể, Gen. 3:4-5; 5 (mối liên hệ với thể giới vật chất bị phá hủy)
3. chết đời đời, "chết lần thứ hai," Khải Huyền. 2:11; 20:6,14; 21:8 (sự phá hủy của mối liên hệ với Chúa trở nên vĩnh viễn)

Sự chết là điều ngược lại với ý muốn của Đức Chúa Trời cho tạo hóa của Ngài (Xem Gen. 1:26-27).

8:52 Họ hiểu lầm ý của Chúa Giê-su (Xem Giăng 8:51) khi liên hệ lời Chúa phán tới sự sống thuộc thể của Áp-ra-ham và các tiên tri

8:53 Một dạng câu hỏi trông chờ câu trả lời “không” từ người được hỏi. Một tuyên bố gây sùng sốt, nhưng chính đó là chân lý Chúa Giê-su muốn nói

1. Chúa vĩ đại hơn Áp-ra-ham, Giăng 8:53
2. Chúa vĩ đại hơn Gia-cốp, 4:12
3. Chúa vĩ đại hơn Giô-na, Ma-thi-ơ. 12:41; Lu-ca 11:32
4. Chúa vĩ đại hơn Giăng Báp-tít, 5:36; Lu-ca 7:28
5. Chúa vĩ đại hơn vua Sô-lô-môn, Ma-thi-ơ. 12:42; Lu-ca 11:31

Trộn vụn cả cuốn sách Hê-bơ-rơ nói về sự vĩ đại của Chúa trên Mô-sê, của Giao-ước mới trên Giao-ước cũ, Xem tiếp giải kinh trên mạng www.freebiblecommentary.mobi).

▣ **"Thầy tự cho mình là ai?"** Đây chính là trọng tâm vấn đề mà Chúa muốn họ đi đến kết luận trong Giăng 8:54 and 58. Kết quả họ tìm cách ném đá Chúa vì tội lộng ngôn (Xem Giăng 8:59).

8:54 "Nếu" một thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng xảy ra của một hành động.

▣ **"tôn vinh"** đồng nghĩa với tôn trọng (Xem Rô-ma. 1:21; 1 Cô-rin-tô. 12:26).

8:55 "Biết ... biết" Thuật ngữ tiếng anh dịch hai động từ *ginōskō* and *oida*, một cách tương đồng, cũng phù hợp với ngữ cảnh. Chúa Giê-su biết Cha và bày tỏ Cha cho mọi người theo Chúa. Thế gian, kể cả người Do-thái không biết Đức Chúa Cha. (Xem Giăng 1:10; 8:19,55; 15:21;16:3; 17:25).

8:56 "Cha các ngươi là Áp-ra-ham" Chúa Giê-su đặt khoảng cách giữa mình và những người Do-thái, Luật Mô-sê, Đền thờ (Xem Giăng 8:17), và cả tổ phụ Áp-ra-ham nữa. Chúa tách biệt mình ra khỏi Giao ước cũ.

▣ **"vui mừng mong được thấy ngày của Ta"** Đây là thể quá khứ, trung cách chỉ định. Không biết Áp-ra-ham hiểu được bao nhiêu về Đấng Mê-si-a? Một số bản dịch dịch câu này trong thì tương lai. Các sự lựa chọn sau đây được thấy trong cuốn “Kinh Thánh qua 26 bản dịch”: (*The Bible in Twenty-Six Translations.*)

1. "mừng rỡ nếu người thấy" -- *The Emphasized New Testament: A New Translation* by J. B. Rotherham
2. "vui mừng là người sẽ được thấy ngày của Ta" -- Khải Huyềnised Standard Version
3. "cực vui trong khả năng thấy -- *The Berkeley Version of the New Testament* by Gerrit Verkuyl
4. "về sự sẽ đến của Ta" -- *The New Testament: An American Translation* by Edgar J. Goodspeed
5. "vui thỏa được biết ngày của Ta" -- *The New Testament in the Language of Today* by William F. Beck

Cũng vậy *The Analytical Greek Lexicon Revised* hiệu đính bởi Harold K. Moulton liệt kê các động từ với ý nghĩa “mong cầu một cách nồng nhiệt” từ bản dịch Septuagint (Bản bảy mươi, trang 2).

▣ **"người đã thấy và mừng rỡ"** Câu này liên hệ đến một trong hai điều

1. rằng Áp-ra-ham có khái tượng về Đấng Mê-si-a (Xem ngụ kinh II Esdras 3:14)
2. rằng Áp-ra-ham còn sống trên Thiên Đàng và ý thức được công việc của Đấng Mê-si-a trên trần gian (Xem Hê-bơ-rơ 11:13)

Điểm chính trong tuyên bố của Chúa Giê-su là cha tổ của dân Do-thái trông đợi Kỷ nguyên của Đấng Mê-si-a một cách hào hứng, trong khi con cháu người từ chối, không tin nhận, đón mừng. Áp-ra-ham là cha tổ của những tín nhân, chứ không phải của kẻ bất tin. (Xem Rô-ma. 2:28-29)!

8:57 một lần nữa người nghe Chúa Giê-su hiểu lầm theo nghĩa đen. Sự hiểu lầm ở đây có dụng ý: Họ không hiểu vì không muốn hiểu hoặc không hiểu nổi!

8:58 "trước khi Áp-ra-ham hiện hữu, Ta hằng hữu" Câu này là điều phạm thượng đối với người Do-thái. Vì vậy họ muốn ném đá giết Chúa. (Xem Exod. 3:12, 14). Họ hiểu rõ rằng điều Chúa muốn nói: Ngài đã có địa vị Thần Đức từ cõi tiền tại. (Xem Giăng 4:26; 6:20; 8:24,28,54-59; 13:19; 18:5,6,8).

8:59 "Họ liền nhặt đá để ném Ngài,".

Lời của Chúa Giê-su rất đơn giản: Ngài là Đấng Mê-si-a và hiệp một với Đức Chúa Cha. Người Do-thái, trước đây tin Chúa (Giăng 8:3) nay muốn ném đá Chúa. (Xem Lev. 24:16). Thật khó cho những người Do-thái tin nhận Chúa Giê-su.

1. Vì Ngài không hành động như Đấng Mê-si-a theo quan điểm của họ.
2. Ngài thách thức lễ nghi và các khái niệm thiêng liêng của họ.
3. Ngài khiến họ bối rối trong quan điểm thuyết độc thần chặt chẽ.
4. Ngài xác nhận Sa-tan chứ không phải Đức Chúa Trời là cha của họ

Một người phải quyết định ném đá giết Ngài hoặc tiếp nhận Ngài. Chắc chắn không có chỗ đứng trung gian

▣ **"nhưng Đức Chúa Jêsus lánh đi, và ra khỏi đền thờ.**

" Đây là một câu nói khiến các nhà giải kinh phải suy đoán.và thêm ý vào nguyên bản. Phải chăng:

1. đây là một phép lạ (Xem Lu-ca 4:30 và ngữ cảnh) (Chúa biến hình)
2. Chúa Giê-su lẩn vào đám đông, bởi Ngài không khác gì những người Do-thái đi lễ

Tất cả đều nằm trong thời gian biểu của Cha. Chúa Giê-su biết được lý do mình đến để chết thế, Ngài biết thời điểm, phương cách, địa danh và Ngài biết "giờ của Ngài" chưa tới.!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên "bán cái" điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Phải chăng Giăng 7:53-8:11 không có trong nguyên bản Phúc Âm Giăng. Vì sao kết luận như vậy?
2. Cái gì là bối cảnh cho tuyên bố "Ta là Ánh Sáng cho trần gian" của Chúa Giê-su?
3. Vì sao người Pha-ri-si có thái độ đối kháng với Chúa Giê-su?
4. Xin giải thích thuật ngữ "Tin" trong Giăng 8:30 với bối cảnh văn chương tiếp theo.

GIẢNG 9**CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chữa lành người mù bẩm sinh	người mù bẩm sinh được chữa lành	Giê-su bày tỏ mình ánh sáng sự sống	Giê-su chữa lành người mù bẩm sinh	Chữa lành người mù bẩm sinh
9:1-12	9:1-12	9:1-12	9:1-2 9:3-5 9:6-7 9:8 0:9a 9:9b 9:10 9:11 9:12a 9:12b	9:1-5 9:6-7 9:8-12
Pha-ri-si điều tra việc chữa lành	Pha-ri-si đuổi người mù được chữa lành		Pha-ri-si điều tra việc chữa lành	
9:13-17	9:13-34	9:13-17	9:13-15 9:16a 9:16b 9:17a 9:17b	9:13-17
9:18-23		9:18-23	9:18-19 9:20-23	9:18-23
9:24-34		9:24-34	9:24 9:25 9:26 9:27 9:28-29 9:30-33 9:34	9:24-34
Mù loà thuộc linh	Thị giác thực và mù loà		Mù loà thuộc linh	

9:35-39	9:35-41	9:35-41	9:35	9:35-39
			9:36	
			9:37	
			9:37	
			9:39	
9:40-41			9:40	9:40-41
			9:41	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

33. Phần đoạn 1
34. Phần đoạn 2
35. Phần đoạn 3
36. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 1-41

- A. Chữa mù mắt là một trong những phép lạ Chúa thường làm bằng một số phương cách thật sùng sốt
- B. Chữa mù mắt là một trong những dấu hiệu về Đấng Mê-si-a (Xem Ê-sai. 29:18; 35:5; 42:7; Ma-thi-ơ . 11:5). Tâm quan trọng của phép lạ được thể hiện ngay sau câu tuyên bố “Ta là Ánh Sáng thế gian”. (Xem Giăng 8:12 & 9:5). Người Do-thái tìm cầu dấu hiệu, họ đã có được một vài. Chỉ có Đức Giê-hô-va mới có thể làm người mù được sáng
- C. Chương này là một ngụ ngôn được biểu diễn, về sự mù lòa thuộc thể của một người tàn tật và sự mù lòa thuộc linh của những người Pha-ra-si (Xem Giăng 9:39-41; Ma-thi-ơ . 6:23).

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIĂNG 9:1-12

¹Đang khi đi đường, Đức Chúa Jê-sus thấy một người mù từ lúc mới sinh. ²Các môn đồ hỏi Ngài: “Thưa Thầy, ai là người đã phạm tội, người này hay cha mẹ anh ta, khiến anh ta mới sinh ra đã bị mù?” ³Đức Chúa Jê-sus đáp: “Không phải vì anh này, hay cha mẹ anh đã phạm tội; nhưng để công việc của Đức Chúa Trời được tỏ ra trong anh ta. ⁴Lúc còn ban ngày, chúng ta phải làm những công việc của Đấng đã

sai Ta; đêm đến, không ai có thể làm việc được. ⁵Đang lúc Ta còn ở thế gian, Ta là ánh sáng của thế gian.” ⁶Nói xong, Ngài nhỏ xuống đất, lấy nước bọt hòa thành bùn và bôi vào mắt người mù, ⁷rồi bảo anh ta: “Hãy đi và rửa nơi hồ Si-lô-ê” (từ này có nghĩa là “được sai đi”). Vậy, anh ta đi và rửa, rồi trở lại thì thấy được. ⁸Láng giềng và những người trước đây đã thấy anh ăn xin, nói rằng: “Đây có phải là người vẫn ngồi ăn xin đó không?” ⁹Người thì nói: “Đúng là anh ta”; kẻ lại bảo: “Không phải, nhưng là một người nào đó giống anh ta.” Còn anh ta nói: “Chính tôi đây.” ¹⁰Họ hỏi anh ta: “Thế thì, làm sao mắt anh lại mở ra được?” ¹¹Anh đáp: “Một người tên là Jê-sus đã hòa bùn bôi vào mắt tôi, và bảo tôi hãy đi đến hồ Si-lô-ê mà rửa. Vậy tôi đã đi, rửa và thấy được.” ¹²Họ lại hỏi: “Ông ấy ở đâu?” Anh đáp: “Tôi không biết.”

9:1 "từ lúc mới sinh" Đây là một ví dụ chữa bệnh kiêu này. Bối cảnh ở đây không cho phép sự giả dối

9:2 "Các môn đồ " Lần đầu tiên nhắc đến môn đồ kể từ Giảng 6. Có thể đây là (1) nhóm môn đồ từ Giu-đa Giảng 7:3 hoặc (2) nhóm “Mười Hai”

▣ **"ai là người đã phạm tội, người này hay cha mẹ anh ta, khiến anh ta mới sinh ra đã bị mù?"** Câu hỏi này là nền tảng cho nhiều cuộc tranh luận thần học. Chúng ta cần giải kinh theo Do-thái-giáo cổ xưa, chứ không theo tôn giáo Đông phương. Có một vài trường hợp

1. Nói về nguyên tội theo thần học của các thầy Ra-bi, từ Sáng-thế-ký. 25:22
2. nói về tội lỗi của cha mẹ và ông bà ảnh hưởng trực tiếp đến con cháu khi chưa sinh (Xem Xuất-Ê-gíp-tô. 20:5; Phục-truyền. 5:9)
3. nói về mối liên hệ giữa tội lỗi và bệnh tật, rất phổ biến trong thần học của các thầy Ra-bi (Xem Gia-cơ 5:15-16; Giảng 5:14)

Tư tưởng này không dính dáng gì đến tôn giáo Đông Phương về các vòng đầu thai hoặc cơ nghiệp, vì bối cảnh ở đây thuộc về Do-thái. Xin tham khảo James W. Sire's *Scripture Twisting*, trang. 127-144.

9:3 Đây là câu trả lời trực tiếp cho câu hỏi của các môn đồ trong câu Giảng 9:2. Có hai sự thật được thấy. (1) Tội lỗi và bệnh tật không liên hệ với nhau một cách ngẫu nhiên và (2) nan đề là cơ hội đem lại phước hạnh của Đức Chúa Trời

9:4 "Chúng ta .. Ta Những đại từ này không phù hợp với nhau. Một vài nguyên bản có thay đổi vì lý do ngữ pháp này. Có thể theo quan điểm thần học: Chúa Giê-su là ánh sáng trần gian và chúng ta phải phản chiếu ánh sáng ấy trong cuộc sống bản thân. (Xem Ma-thi-ơ . 5:14).

▣ **"đêm đến"** Sự so sánh với Giảng 9:5 chúng ta thấy một ẩn dụ.

1. về sự phán xét đang đến
2. về một cơ hội bị mất đi
3. sự từ chối và đóng đinh Giê-su trên thập tự giá

9:5 "Đang lúc Ta còn ở thế gian" Ở đây đang nói về giai đoạn nhập thể từ Giảng sinh thành Bê-t-lê-hem tới Thập tự giá trên đồi Can-vê, núi Ô-li-vo. Chúa chỉ ở trần gian một thời gian ngắn, những người nghe phải hưởng ứng sứ điệp của Ngài . Câu này tương tự với câu Giảng 9:4 về ý nghĩa thần học

Có người tự hỏi: “không biết ở mức độ nào cụm từ “Ta-là” được hiểu trong bối cảnh ở đây?”

▣ **"Ta là ánh sáng của thế gian"** Giảng thường sử dụng ánh sáng, tối tăm như ẩn dụ về thực tại thuộc linh. Chúa Giê-su là Ánh Sáng Của Thế Gian, (Xem Giảng 1:4-5, 8-9; 3:17-21; 8:12; 9:5; 12:46) điều này tương tự với sự mô tả về Đấng Mê-si-a (Xem Ê-sai. 42:6; 49:6; 51:4; 60:1,3). Xem note at Giảng 8:12.

9:6 "lấy nước bọt hòa thành bùn" Nước bọt là phương tiện chữa bệnh của người Do-thái, tuy nhiên không được phép sử dụng trong ngày Sa-bát (Xem Giảng 9:14). Các Phúc Âm ghi lại 3 trường hợp Chúa Giê-su

dùng nước bọt (Xem Mác 7:33; 8:23; và ở đây). Sử dụng phương cách phổ thông này Chúa Giê-su vừa khích lệ người mù trong đức tin, vừa thách đố truyền thống và luật lệ của người Pha-ri-si!

9:7 "noi hồ Si-lô-ê" Hồ Si-lô-ê, được dùng trong nghi lễ ngày hội Lều Tạm. Tên hồ có nghĩa "người được sai đi"

▣ **"(từ này có nghĩa là "được sai đi")"** Thuật ngữ "sai đi" liên hệ tới một việc là nước hồ được chảy vào qua ống từ nguồn Gibon, bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem. Các thầy Ra-bi dùng thuật ngữ "được sai đi" để mô tả đáng Mê-si-a. Đây là lời bình luận của tác giả.

▣ **"rửa"** Người mù hành động theo đức tin, dựa vào lời Chúa phán. Đây chưa phải niềm tin ở mức độ cứu rỗi (Xem Giăng 9:11,17,36,38), Trong tất cả các Phúc Âm, Giăng duy nhất nói về các mức độ đức tin. Găng 8 cho thấy có một nhóm người tin, nhưng chưa đến mức độ cứu rỗi. (Xem Ma-thi-ơ 13; Mác 4; ngụ ngôn các mảnh đất).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI

Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, nhưng là một mối liên hệ. Nó chưa kết thúc cho đến khi một người đặt lòng tin cậy vào Đấng Christ; nó chỉ mới bắt đầu! Nó không phải là bảo hiểm cháy nhà, cũng không phải là vé vào thiên đàng, nhưng là một cuộc sống lớn lên càng giống với Đấng Christ càng hơn.

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT HÀNH ĐỘNG HOÀN TẤT (QUÁ KHỨ)

- Công-vụ 15:11
- Rô-ma 8:24
- II Ti-mô-thê 1:9
- Tít 3:5
- Rô-ma 13:11 (kết hợp thì QUÁ KHỨ với thì khuynh hướng TƯƠNG LAI)

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TRẠNG THÁI HIỆN TẠI (HOÀN THÀNH) (PERFECT)

- Ê-phê-sô 2: 5, 8

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TIẾN TRÌNH TIẾP DIỄN (HIỆN TẠI)

- I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2
- II Cô-rinh-tô 2:15

SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT SỰ ĐẠT ĐẾN ĐIỂM ĐỈNH TRONG TƯƠNG LAI (TƯƠNG LAI trong THÌ CỦA ĐỘNG TỪ hoặc trong ngữ cảnh)

- Rô-ma 5:9, 10; 10:9, 13
- I Cô-rinh-tô 3:15; 5:5
- Phi-líp 1:28; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
- Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28
- (Được hàm ý trong Ma-thi-ơ 10:22; 24:13; Mác 13:13)

9:8 "Láng giềng " Có ba nhóm người làm nhân chứng trong câu chuyện (1) những người hàng xóm, (2) người mù, (3) cha mẹ người mù. Những người hàng xóm cũng bị phân rẽ như người Pha-ri-si về sự chữa lành

▣ **"Đây có phải là người vẫn ngồi ăn xin đó không?"** trong ngữ pháp Hy Lạp, câu hỏi này trông chờ sự trả lời "phải" từ người được hỏi. .

9:9 "Chính tôi đây." Đây là thành ngữ Hy-lạp mà Chúa sử dụng trong Giăng 4:26; 6:20; 8:24,28,58; 13:19; 18:5,6,8. Ngữ cảnh không ám chỉ ngôi vị thần linh ở đây, Đại từ ông và Chúa đều được sử dụng trong chương này {Giăng 9:36 (ông) and 38 (Chúa)}.

9:11-12 Lời đối thoại không chứng tỏ người bệnh này được cứu rỗi thuộc linh ngay lập tức. Niềm tin của anh ta tăng dần với những lần gặp Chúa tiếp theo (Xem Giăng 9:35).

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 9:13-17

¹³Họ dẫn người trước đây bị mù đến với những người Pha-ri-si. ¹⁴Ngày Đức Chúa Jê-sus hòa bùn và mở mắt cho người mù là ngày sa-bát. ¹⁵Những người Pha-ri-si lại hỏi anh được sáng mắt cách nào. Anh đáp: "Ông ấy bôi bùn vào mắt tôi, tôi rửa, rồi thấy được." ¹⁶Và người trong nhóm Pha-ri-si nói: "Người này không phải đến từ Đức Chúa Trời, vì không giữ ngày sa-bát." Số khác thì nói: "Một người tội lỗi sao có thể làm được những dấu lạ như vậy?" Và giữa họ có sự chia rẽ. ¹⁷Vì vậy, họ lại hỏi người mù: "Còn anh, anh nói gì về người đã làm cho anh sáng mắt?"

9:13 "Họ" đây là những người hàng xóm

▣ **"người Pha-ri-si"** Có thể nhận biết các nhà lãnh đạo tôn giáo qua hai thuật ngữ: Người Do-thái (Xem Giảng 9:18, 22) và Pha-ri-si. (Giăng 9:13, 15, 16, and 40), Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: Pha-ri-si. 1:24

9:14 "Ngày Đức Chúa Jê-sus hòa bùn và mở mắt cho người mù là ngày sa-bát" Luật của giới lãnh đạo Do-thái (tức các truyền thống truyền khẩu được hệ thống trong Talmud) phải được đặt trên nhu cầu cá nhân. (Xem Giảng 5:9; 9:16; Ma-thi-ơ . 23:24). Dường như Chúa Giê-su chú ý chữa lành trong ngày Sa-bát để bắt đầu tranh luận với nhóm lãnh đạo này. Xem ghi chú ở Giảng 5:9.

9:16 Những người Pha-ri-si có thể dựa trên Phục-truyền 13:1-5 để phán xét Chúa Giê-su .

▣ **"Và giữa họ có sự chia rẽ"** Chúa Giê-su luôn gây sự chia rẽ. giữa nhóm người nghe (Xem Giảng 6:52; 7:43; 10:19; Ma-thi-ơ . 10:34-39).

9:17 "He is a Châm ngôn" Chương này nhấn mạnh sự phát triển niềm tin của một cá nhân. (Xem Giảng 9:36, 38). Về tiên tri xin xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: Tiên tri Tân Ước. ở câu 4:19

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 9:18-23

¹⁸Tuy nhiên, người Do Thái không tin rằng người này trước đây đã mù mà nay lại thấy được, cho đến lúc họ gọi cha mẹ anh ta đến ¹⁹và hỏi rằng: "Đây có phải là con trai ông bà, người mà ông bà nói đã bị mù từ lúc mới sinh không? Thế sao bây giờ anh ta lại thấy được?" ²⁰Cha mẹ anh ta trả lời: "Chúng tôi biết đây chính là con trai chúng tôi, cháu bị mù từ lúc mới sinh. ²¹Nhưng bây giờ làm thế nào cháu thấy được thì chúng tôi không biết. Chúng tôi cũng không biết ai đã mở mắt cho cháu. Các ông cứ hỏi cháu, cháu đã đủ tuổi rồi, nó sẽ tự nói." ²²Cha mẹ người mù nói vậy vì sợ người Do Thái, vì người Do Thái đã thỏa thuận rằng nếu ai xưng Đức Chúa Jê-sus là Đấng Christ thì bị khai trừ khỏi nhà hội. ²³Vì vậy, cha mẹ người mù mới nói: "Cháu đủ tuổi rồi, cứ hỏi nó."

9:22-23 "nếu ai xưng Đức Chúa Jê-sus là Đấng Christ " Đây là thể điều kiện hạng ba, có tiềm năng xảy ra cho động từ "xưng" Cha mẹ người này sợ nhóm Pha-ri-si. Có ba nhóm người làm chứng (1) hàng xóm (Giăng 9:8-10), (2) người mù, (Giăng 9:11-17, 24-33); (3) cha mẹ (Giăng 9:18-23); (2) the man himself and (3) his parents (Giăng 9:18-23). Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: What Does It Mean To "Receive," "Believe," "Confess/Châm ngônfess," And "Call Upon?"

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XUNG TỘI

- A. Có hai dạng cùng một gốc từ tiếng Hy Lạp dùng cho ý nghĩa xưng tội hay tuyên xưng, *homolegeo* và *exomologeō*. Từ ghép lấy từ gốc từ *homo*, nghĩa là giống nhau; *lego*, nghĩa là nói; và *ex*, có nghĩa là ra từ. Ý nghĩa căn bản là nói cùng một sự việc, hay là đồng ý. Chữ *ex* diễn tả thêm ý nghĩa về sự tuyên xưng công khai
- B. Những chữ tiếng Anh dịch từ nhóm chữ này gồm có:
1. Ngợi khen (praise)
 2. Đồng ý
 3. Tuyên bố (declare)

4. Tuyên xưng (Châm ngônfess)

5. Xưng tội

C. Nhóm từ này có hai cách sử dụng dường như trái hẳn nhau:

1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)

2. Nhận tội

Điều này có thể phát triển từ sự nhìn nhận của con người về bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời và tình trạng tội lỗi của họ. Nhìn nhận một sự thật tức là nhìn nhận cả hai điểm trên.

D. Tân ước có các cách dùng liên quan đến nhóm từ này như sau:

1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công-vụ 7:17)

2. Đồng ý hay đồng thuận về điều gì (Giăng 1:20; Tê-sa-lô-ni-ca 22:6; Công-vụ 24: 14; Hê-bơ-rơ 11:13)

3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Tê-sa-lô-ni-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9)

4. Đồng ý

a. Với một người nào (Ma-thi-ơ 10:32; Tê-sa-lô-ni-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; Khải huyền 3:5)

b. Về một lẽ thật nào (Công-vụ 23:8; II Cô-rinh-tô 11:13; I Giăng 4:2)

5. Tuyên bố công khai (ý nghĩa về luật pháp phát triển thành một sự xác nhận mang tính tôn giáo, Công-vụ 24:14; I Ti-mô-thê 6:13)

a. Không có sự nhận tội (I Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)

b. Có sự nhận tội (Ma-thi-ơ 3:6; Công-vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; I Giăng 1:9)

9:22 "thì bị khai trừ khỏi nhà hội" Rõ ràng cha mẹ anh này lo sợ bị dứt phép thông công (Xem Giăng 12:42; 16:2). Kỷ luật này bắt đầu từ thời Ê-xơ-ra (Xem Giăng 10:8). Từ văn tự của các thầy Ra-bi, chúng ta biết các mức độ cách ly: (1) một tuần; (2) một tháng; or (3) cả cuộc đời.

Giăng viết Phúc Âm cuối thế kỷ thứ nhất, biết rất rõ thế nào là bị xua đuổi khỏi nhà hội vì xưng nhân Chúa Giê-su là Đấng Christ. Hình thức writing toward the closing years of the first century, knew well the excommunication from the Synagogue because of confessing Jesus as the Christ. Hình thức "rùa sả" mang tính lịch sử này được thiết lập bởi người Pha-ri-si trong phong trào phục hồi Do-thái ở Jamnia, năm 70 S.C.N

▣ **"thì bị khai trừ khỏi nhà hội"** Một hình thức kỷ luật rất nghiêm khắc. (Xem Giăng 12:42; 16:2).

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIĂNG 9:24-34

²⁴Một lần nữa, những người Pha-ri-si lại gọi người trước đây đã bị mù, và nói: "Hãy tôn vinh Đức Chúa Trời! Chúng tôi biết người này là kẻ có tội."²⁵Anh trả lời: "Tôi không biết ông ấy có phải là kẻ có tội hay không. Nhưng tôi chỉ biết một điều, ấy là trước tôi đã mù mà bây giờ thấy được."²⁶Họ lại hỏi: "Ông ta đã làm gì cho anh? Ông ta đã mở mắt anh ra sao?"²⁷Anh đáp: "Tôi đã nói với các ông rồi mà các ông không chịu nghe. Tại sao các ông lại muốn nghe nữa? Có phải các ông cũng muốn trở nên môn đồ của ông ấy không?"²⁸Họ lảng mạt anh ta và nói: "Mày mới là môn đồ của ông ấy, chứ chúng ta là môn đồ của Môi-se."²⁹Chúng ta biết Đức Chúa Trời đã phán với Môi-se, nhưng về người này thì chúng ta không biết từ đâu đến."³⁰Người mù trả lời: "Người đã mở mắt cho tôi mà các ông không biết từ đâu đến thì quả là một việc lạ."³¹Chúng ta biết Đức Chúa Trời không nghe những kẻ có tội, nhưng nếu ai kính sợ Ngài, và làm theo ý muốn Ngài thì Ngài nghe người ấy."³²Từ xưa đến giờ, chưa hề nghe nói có ai mở mắt cho người mù từ lúc mới sinh.³³Nếu người này không đến từ Đức Chúa Trời thì không thể làm được gì cả."³⁴Họ trả lời: "Cả con người của mày vốn sinh ra trong tội lỗi mà còn muốn dạy chúng ta sao?" Rồi họ đuổi anh ta ra ngoài.

9:24 "Hãy tôn vinh Đức Chúa Trời" Đây là thành ngữ, nói về sự thề thốt (Xem Giô-suê 7:19).

9:25 câu trả lời hướng về sự kiện trong câu Giăng 9:16. Người mù này không muốn tranh luận thần học, nhưng khẳng định kết quả cuộc gặp gỡ Chúa Giê-su

9:27 "Có phải các ông cũng muốn trở nên môn đồ của ông ấy không?" Cấu trúc câu hỏi trong tiếng Hy Lạp trông chờ câu trả lời "không". Qua câu hỏi này chúng ta thấy sự mỉa mai cũng như sự thông minh của người mù xin ăn.

9:28a "Mày mới là môn đồ của ông ấy" Câu hỏi nghiêm túc được đặt ra: ở thời điểm nào người này trở nên tín đồ. Hình như phép lạ ban đầu không liên hệ mấy đến niềm tin vào Chúa là Đấng Mê-si-a, cho đến khi Chúa Giê-su tuyên bố mình là Mê-si-a trong hội thoại lần thứ hai (Xem Giảng 9:36-38). Câu chuyện này nói lên sự thật là không phải mỗi một lần chữa bệnh đều chắc chắn đem lại sự cứu rỗi.

9:28b-29 Đây phơi bày nan đề của nhóm lãnh đạo Do-thái. Họ cố gắng giải thích Luật Mô-sê được linh cảm bằng luật truyền khẩu Talmud. Đôi mắt thuộc linh họ bị mù bởi những định kiến thần học (Xem Ma-thi-ơ . 6:23) họ là những môn đồ của phong tục thế gian. (Xem Ê-sai. 29:13).

9:29 "về người này thì chúng ta không biết từ đâu đến" Một ví dụ khác về cách hành văn châm biếm của Giảng. (Xem Giảng 7:27-28; 8:14). Chúa Giê-su đến từ Đức Chúa Cha, (Xem Giảng 8:42; 13:3; 16:28) nhưng trong sự mù loà học không thể nhận biết

1. Nguồn gốc của Ngài,
2. Nơi sinh của Ngài

9:30 "Người đã mở mắt cho tôi mà các ông không biết từ đâu đến thì quả là một việc lạ" Một cách nói thông minh hóm hỉnh và mỉa mai của người mù đối với sự tư duy của những người Pha-ri-si

9:31-33 Người mù vô học này còn có kiến thức thần học tốt hơn và kiên định hơn so với nhóm lãnh đạo tôn giáo

9:33 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng hai, có nghĩa "ngược lại với sự thật" Cho nên câu 9:33 phải được hiểu: "nếu Giê-su không đến từ Đức Chúa Trời, mà thực sự Ngài đến từ Đức Chúa Trời, thì Giê-su không thể làm phép lạ, mà thực sự Ngài đã làm phép lạ"

9:34 "Cả con người của mày vốn sinh ra trong tội lỗi " Đáng để ý là không có khái niệm nguyên tội, hay tội tổ tiên theo thần học của các thầy Ra-bi (Xem Gióp 14:1,4; Thi-thiên. 51:5). Sự phạm tội trong vườn Ê-đen không được nhấn mạnh trong Do-thái giáo. Người Do-thái tin rằng ý định tốt và xấu (*yetzer*) đều có sẵn trong mỗi người. Người Pha-ri-si tin rằng việc chữa là cho người mù này không thể xảy ra vì chính bệnh mù bẩm sinh là bằng chứng tội lỗi.

▣ **"họ đuổi anh ta ra ngoài."** Nghĩa đem là họ ném anh ta ra ngoài. Có thể (1) họ rút quyền hội viên của nhà hội địa phương, hoặc (2) ngăn cản không cho vào hội họp. Khả năng thứ hai có vẻ có lý hơn

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 9:35-41

³⁵Đức Chúa Jê-sus nghe họ đã đuổi anh ta ra, nên khi gặp anh, Ngài hỏi: "Anh có tin Con Người không?"³⁶ Anh trả lời: "Thưa Chúa, người ấy là ai, để tôi có thể tin vào người?"³⁷ Đức Chúa Jê-sus đáp: "Anh đã thấy người, và ấy là người đang nói với anh."³⁸ Anh nói: "Thưa Chúa, tôi tin," rồi thờ lạy Ngài.³⁹ Đức Chúa Jê-sus nói: "Ta đến thế gian này để phán xét, khiến cho người mù được thấy, còn kẻ thấy lại hóa mù."

⁴⁰Những người Pha-ri-si đang ở gần đó nghe vậy thì nói với Ngài: "Chúng tôi cũng mù cả sao?"⁴¹ Đức Chúa Jê-sus đáp: "Nếu các ngươi mù thì không có tội gì, nhưng vì các ngươi nói: 'Chúng tôi thấy,' nên tội các ngươi vẫn còn."

**NASB, NRSV,
TEV, NJB "Anh có tin Con Người không?"
NKJV "Anh có tin Con Đức Chúa Trời không?"**

Nhóm văn bản viết chữ hoa (uncial) (thế kỷ 3-9 S.C.N) văn tự Hy Lạp cổ A và L có “Con Đức Chúa Trời” còn nhóm P⁶⁶, P⁷⁵, κ , B, D, and W có “Con Người” Cách dùng từ ngữ và bằng chứng văn tự khiến “Con Người” phù hợp hơn. Cấu trúc ngữ pháp câu hỏi trông chờ chữ “có” trong câu trả lời.

9:36

**NASB, NKJV, "Thưa Chúa"
NRSV, TEV,
NJB "ngài"**

Dường như có sự tăng trưởng niềm tin của người mù được lành này trong cách xưng hô. Ông bắt đầu gọi Chúa với tư cách

1. một con người (Giăng 9:11)
2. chuyên sang một tiên tri (Giăng 9:17)
3. chuyên sang đại từ tôn trọng hơn : “Ngài” (Giăng 9:36)
4. Cuối cùng gọi Giê-su là “Chúa” trong ý nghĩa trọn vẹn của thần học (Giăng 9:38)

Ý nghĩa thuật ngữ “Ngài” và “Chúa” tương đương trong cả hai Giăng 9:36 và 38. Đường như chỉ có ngữ cảnh mới có thể quyết định nên dịch như thế nào. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Danh của Thánh Thần. Chữ *Kurios* trong tiếng Hy Lạp tương đương với chữ *Adon* trong tiếng Hê-bơ-rơ, là danh hiệu xưng gọi Đức Giê-hô-va bằng miệng

9:38 Đây là cao điểm của phép lạ chữa người mù trong khía cạnh cứu rỗi. Thật ngạc nhiên câu này lại không có trong vài văn tự Hy Lạp cổ (P⁷⁵, κ , W) và Diatessaron (bản phối hợp 4 Phúc Âm). Thay vào đó có hai động từ ít dùng: (1) “anh nói” (chỉ ở đây và trong Giăng 1:23) và (2) “thờ lạy” ở đây. Hai động từ này có mặt trong các bản dịch hiện đại.

9:39 "Ta đến thế gian này để phán xét" Câu này tương tự với Giăng 5:22, 27 nói về sự phán xét cuối cùng. Nhưng điều này có vẻ đối nghịch với Giăng 3:17-21 and 12:47, 48. Sự đối nghịch này có thể được hòa đồng bởi Chúa Giê-su đến để cứu rỗi, nhưng con người từ chối Chúa và nghiêm nhiên đem lại sự đoán phạt cho chính bản thân mình.

- ▣ **"khiến cho người mù được thấy, còn kẻ thấy lại hóa mù"** Đây là sự ứng nghiệm kép của lời tiên tri Ê-sai.
 1. Dân Do-thái kiêu ngạo sẽ không hiểu sứ điệp của Đức Chúa Trời (Xem Ê-sai. 6:10, 42:18-19; 43:8; Giê-rê-mi. 5:21; Ê-xê-chi-ên. 12:2)
 2. Những người nghèo khó, bị ruồng bỏ, bệnh tật nhưng nhu mì khiêm nhường sẽ hiểu (Xem Ê-sai. 29:18; 32:3-4; 35:5; 42:7, 16)

Chúa Giê-su là Ánh Sáng cho cả nhân loại, cho những ai chọn sự chiêm ngưỡng Ngài (Xem Giăng 1:4-5, 8-9).

9:40 "Chúng tôi cũng mù cả sao?" Cấu trúc câu hỏi trông đợi sự trả lời “không” từ người được hỏi. (Xem Ma-thi-ơ . 15:14; 23-24). Vài câu cuối cùng là một kịch bản ẩn dụ nói về sự mù lòa thuộc linh không phương cứu chữa và mù lòa thuộc thể có thể chữa lành! Tội lỗi không thể tha thứ là tội vô tin - xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: The Tội không thể tha thứ ở câu 5:21,

9:41 Câu này bày tỏ vài chân lý (Xem Giăng 15:22,24; Ro-ma. 3:20; 4:15; 5:13; 7:7,9). Con người phải có trách nhiệm với Ánh Sáng mình được soi và thấy.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Phải chăng Giảng 9 chỉ nói về chữa lành thuộc thể hay cả về thuộc linh? Về mù loà tâm linh hay về mù loà thể xác
2. Làm sao người này có thể phạm tội khi chưa được sinh?
3. Ở thời điểm nào người này tiếp nhận sự cứu rỗi?
4. Chúa Giê-su đến trần gian với mục đích gì: để cứu rỗi hay để phán xét?
5. Xin giải thích ngữ cảnh cho thuật ngữ: “Con Người”.
6. Hãy liệt kê các câu nói mỉa của người mù đối với nhóm lãnh đạo Do-thái.

GIẢNG 10

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	JB
Ngụ Ngôn chuồng chiên	Giê-su, người chăn chiên thực	Giê-su người chăn chiên hy sinh	Ngụ ngôn người chăn chiên	Người chăn chiên nhân lành
10:1-6	10:1-6	10:1-6	10:1-5 10:6	10:1-5 10:6
Giê-su người chăn chiên nhân lành	Giê-su người chăn chiên nhân lành		Giê-su người chăn chiên nhân lành	
10:7-18	10:7-21	10:7-10 10:11-18	10:7-10 10:11-16 10:17-18	10:7-18
10:19-21		10:19-21	10:19-20 10:21	10:19-21
Giê-su bị từ người Do-thái từ chối	Người chăn biết chiên mình		Giê-su bị từ chối	Giê-su tuyên bố là Con Đức Chúa Trời
10:22-30	10:22-30	10:22-30	10:22-24 10:25-30	10:22-30
10:31-39	10:31-39	10:31-39	10:31-32 10:33 10:34-38 10:39	10:31-38 10:39
	Tín đồ bên kia sông Giô-đanh			Giê-su rút về bên kia sông Giô-đanh
10:40-42	10:40-42	10:40-42	10:40-42	10:40-42

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 37. Phân đoạn 1
- 38. Phân đoạn 2
- 39. Phân đoạn 3
- 40. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 10:1-6

¹“Thật, Ta bảo thật các ngươi, người nào không do cửa mà vào chuồng chiên, lại trèo vào bằng lối khác thì người ấy là kẻ trộm cướp.²Nhưng ai do cửa mà vào là người chăn chiên.³Người canh gác mở cửa và chiên nghe tiếng người chăn. Người chăn gọi tên chiên mình và dẫn ra ngoài.⁴Khi đã đem chiên ra hết thì người chăn đi trước, chiên theo sau vì chiên quen tiếng người chăn.⁵Chiên không theo người lạ, trái lại, chúng bỏ chạy vì chiên không quen tiếng người lạ.”⁶Đức Chúa Jê-sus kể ẩn dụ này cho họ, nhưng họ không hiểu Ngài muốn nói gì.

10:1 "Thật, Ta bảo thật " Xem note at Giảng 1:51.

▣ "lại trèo vào bằng lối khác thì người ấy là kẻ trộm cướp" Để ý có những con chiên không thuộc vào chuồng chiên và người chăn nhân lành, (Xem Ma-thi-ơ . 7:21-23 và chuyện ngụ ngôn hạt giống và cỏ lùng Ma-thi-ơ . 13:24-30). Nan đề ở đây là con người cố gắng đạt được - nhờ nỗ lực bản thân - những gì mà Đức Chúa Trời ban tặng qua Chúa Giê-su (Xem Ro-ma. 3:19-31; 9:30-33; 10:2-4; Ga-la-ti. 2:16; 5:4). Người Pha-ri-si là một ví dụ điển hình.

10:2 "Nhưng ai do cửa mà vào là người chăn chiên" Ở đây có những sự pha trộn ẩn dụ: Chúa Giê-su vừa là cửa chuồng chiên, vừa là người chăn nhân từ. (Giảng 10:7, 10:11 and 14). Sự pha trộn không phải hiếm thấy trong Phúc Âm Giảng.

1. Giê-su vừa là Bánh Hằng sống, vừa là Đấng Ban Bánh (Xem Giảng 6:35,51)
2. Giê-su vừa là Chân Lý vừa là Đấng Phán Chân Lý (Xem Giảng 10:8:45-46 and 14:6)
3. Giê-su vừa là Đường đi, vừa là Đấng Chỉ Đường (Xem Giảng 14:6)
4. Giê-su vừa là Cửa Sinh Tế vừa là Đấng Dâng Sinh Tế - Thầy Tế Lễ. (Xem the Book of Hebrews)

Danh hiệu Người Chăn Chiên thường được dùng trong Cựu Ước. nói về Đức Chúa Trời và Đấng Mê-si-a. (Xem Thi-thiên. 23; Thi-thiên. 80:1; Ê-sai. 40:10-11; 1 Phi-ê-ơ-rơ. 5:1-4). Giới lãnh đạo Do-thái cũng được gọi là người “chăn chiên giả” Giê-rê-mi 23; Ê-xê-chi-ên 34 và Ê-sai. 56:9-12. Thuật ngữ chăn chiên tương đương với ”mục sư, linh mục” ngày nay (Xem Ê-phê-sô. 4:11; Tich 1:5,7).

10:3 "chiên nghe tiếng người chăn" Xác nhận và vâng phục dựa trên mối liên hệ. Trong Giảng động từ “lắng nghe” (Xem Giảng 4:42; 5:24,25,28-29; 8:47; 10:16,27; 18:37) và “nhìn thấy” (Xem Giảng 3:3; 12:40; 20:8) đều được sử dụng trong ý nghĩa “tin vào” và “tin cậy” Chúa Giê-su Christ.

▣ "Người chăn gọi tên chiên mình " Chúa Giê-su biết rõ chiên mình một cách cá nhân (cũng như Đấng Giê-hô-va, Xem Giảng 10:29-31). Người chăn chiên thường có tên gọi cho con vật của mình, dù cho đàn vật lớn đến mức độ nào.

Đây là điều sùng sốt về thần học: Chúa Giê-su gọi chiên thật ra khỏi đàn chiên giả trong dân Do-thái. Đây là “tính phản cảm” (gây xúc phạm) căn bản của Phúc Âm: Niềm tin cá nhân, chứ không phải quốc tịch, xác định tương lai người ấy trong giao ước mới. Mặc dù được tuyển chọn theo giao ước cũ, dân Do-thái không nghiễm nhiên là chiên thật của Đức Chúa Trời.

Hơn ai hết, những người lãnh đạo Do-thái không phải công dân của Đức Chúa Trời (Xem Giảng 10:26)!

▣ **"và dẫn ra ngoài"** Sự dắt dẫn của Chúa không chỉ đến sự cứu rỗi, nhưng mọi việc trong cuộc sống hàng ngày. (Xem Giảng 10:4, 9).

10:4 Có thể đây là thói quen giữ nhiều đàn chiên trong một chuồng chiên. Đến sáng người chăn gọi chiên và chiên của người sẽ đi theo ông .

10:5 Hội thánh luôn phải ứng xử với người chăn chiên giả (Xem 1 Ti-mô-thê. 4:1-3; 2 Ti-mô-thê. 4:3-4; 1 Giăng 4:5-6; 2 Phi-ê-rô 2).

10:6 "Đức Chúa Jêsus kể ẩn dụ này cho họ" Đây không phải thuật ngữ thường dùng khi dịch "ẩn dụ" (*parabolē*), nhưng thuật ngữ "*paroimian*". Thuật ngữ này chỉ được dùng ở đây và Giăng 16:25,29 and 2 Phi-ê-rô. 2:22. Tuy nhiên cả hai đều tương đương với nhau. Trong Phúc Âm Đồng Quan. Ẩn dụ là một câu chuyện khá phổ biến trong bối cảnh văn hóa, được dùng để giải thích chân lý cho người sáng mắt thuộc linh . đồng thời che dấu chân lý ấy khỏi con mắt người mù lòa (Xem Giăng 16:29; Mác 4:11-12).

▣ **"nhưng họ không hiểu Ngài muốn nói gì"** Nếu Giăng 10 xảy ra trong cùng bối cảnh của Giăng 9 , chữ họ ở đây có thể là những người Do-thái. Họ xưng mình sáng mắt (Xem Giăng 9:41) nhưng thực tế thì ngược lại. (Xem Giăng 10:20), Tôn giáo có thể là hàng rào ngăn cản thay vì là nhịp cầu kết nối.

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 10:7-10

⁷Vì vậy, Đức Chúa Jêsus lại nói: "Thật, Ta bảo thật các ngươi, Ta là cửa của chiên. ⁸Tất cả những người đến trước Ta đều là quân trộm cướp, nhưng chiên không nghe chúng. ⁹Ta là cái cửa, nếu ai do Ta mà vào thì sẽ được cứu rỗi. Họ sẽ vào ra và gặp đồng cỏ. ¹⁰Kẻ trộm chỉ đến để cướp, giết, và hủy diệt; còn Ta đã đến để chiên được sự sống và sự sống sung mãn.

10:7 "Ta là cửa của chiên" Đây là một trong bảy câu "Ta-là" nổi tiếng trong Giăng, nhấn mạnh Chúa Giê-su là con đường duy nhất (Xem Giăng 8, 10; 14:6). Tính riêng biệt của Phúc âm thường gây sự "phản cảm" cho mọi người. Nếu Kinh Thánh tự mặc khải về Đức Chúa Trời, chỉ có một con đường duy nhất hòa thuận với Ngài qua niềm tin nơi Chúa Giê-su (Xem Công-vụ 4:12; 1 Ti-mô-thê. 2:5). Xem note at Giăng 8:12.

10:8 "Tất cả những người đến trước Ta đều là quân trộm cướp" Bởi vì bối cảnh chương 9 và 10, với ngày Lễ Cung Hiến (Đền Thờ) và Hanukkah (Ánh sáng) (Xem Giăng 10:22), Đây có thể gợi ý về vị cứu tinh trong ước vọng của những người Mac-ca-bê vào giai đoạn "giữa Cựu Ước và Tân Ước", hoặc những chăn chiên giả trong Cựu Ước. (Xem Ê-sai. 56:9-12; Giê-rê-mi23; Ê-xê-chi-ên 34; and Xa-cha-ri 11).

Ngôn ngữ hình bóng và tiên đề không rõ ràng khiến cho một số nhà sao chép văn bản sửa đổi hoặc thêm lời giải thích. Một văn bản (MS D) bỏ chữ "tất cả" và vài văn bản sớm (P⁴⁵, P⁷⁵, ^{*}) bỏ chữ "trước Ta"

10:9 "nếu ai do Ta mà vào thì sẽ được cứu rỗi" Đây là thể điều kiện hạng ba với động từ bị động tương lai. Chúa Giê-su là con đường duy nhất tới Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 14:6). Động từ "Được cứu rỗi" gợi ý sự giải cứu thuộc thể (tức con chiên Ta an toàn). Tuy nhiên Giăng dùng cả nghĩa bóng nói về cứu rỗi thuộc linh trong bối cảnh này (Xem Giăng 10:42).

10:10 "Kẻ trộm " phơi bày động cơ của những người chăn giả cũng như của ma quỷ. Thái độ bất cần của người làm thuê có thể thấy trong Giăng 10:12-13.

▣ **"hủy diệt"** Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT sau đây

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Hủy diệt (*apollumi*)

Thuật ngữ này gây ra cuộc tranh luận lớn trong nghĩa ngữ học giữa hai khái niệm "phán xét" hay "hủy

diệt” Nghĩa đen xuất phát từ thuật ngữ ghép *apo* và *ollumi*, có nghĩa phá hủy và làm tan hoang.

Nạn đề ở đây là tác giả có thể dùng nghĩa bóng, tham khảo Louw and Nida's *Greek-English Lexicon of the New Testament, Based On Semantic Domains*, vol. 2, p. 30. Có vài liệt kê ỳnhĩa như sau:

1. phá hủy, sát hại (e.g., Ma-thi-ơ . 10:28; Lu-ca 5:37; Giăng 10:10; 17:12; Công-vụ 5:37; Ro-ma. 9:22 from vol. 1, p. 232)
2. không đạt được (e.g., Ma-thi-ơ . 10:42, vol. 1, p. 566)
3. làm mất (e.g., Lu-ca 15:8, vol. 1, p. 566)
4. không tìm được (e.g., Lu-ca 15:4, vol. 1, p. 330)
5. chết (e.g., Ma-thi-ơ . 10:39, vol. 1, p. 266)

Gerhard Kittel, *Theological Dictionary of the New Testament*, vol. 1, p. 394, cố gắng mô tả cách dùng chữ qua danh sách 4 ý nghĩa sau:

1. phá hủy hay sát hại (e.g., Ma-thi-ơ . 2:13; 27:20; Mác 3:6; 9:22; Lu-ca 6:9; 1 Cô-rin-tô. 1:19)
2. mất và chịu mất mát from (e.g., Mác 9:41; Lu-ca 15:4,8)
3. hư mất, chết (e.g., Ma-thi-ơ . 26:52; Mác 4:38; Lu-ca 11:51; 13:3,5,33; 15:17; Giăng 6:12,27; 1 Cô-rin-tô. 10:9-10)
4. mất đi (e.g., Ma-thi-ơ . 5:29-30; Mác 2:22; Lu-ca 15: 4,6,24,32; 21:18; Công-vụ 27:34)

Kittel cho rằng nói chung giả thiết 2 và 4 hướng về thời nay (theo Phúc Âm Đồng quan) và giả thiết 1 và 3 liên hệ tới tương lai (theo Phao-lô và Giăng) (p. 394).

Như vậy có sự hiểu lầm. Một thuật ngữ với nhiều ý nghĩa khác nhau như vậy được sử dụng bởi các tác giả Tân Ước qua nhiều cách. Tôi thích cách giải thích của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, pp. 275-277, cho rằng thuật ngữ này nói về những người đã bị phá hủy về thuộc linh và đang chờ đợi sự phán xét đời đời bị cách ly với Đức Chúa Trời – so với những người biết được Chúa Giê-su và có sự sống đời đời trong Ngài. Họ được cứu trong khi nhóm đầu tiên bị diệt vong

Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, p. 276, chỉ ra một vài câu Kinh thánh không thể dịch với ý nghĩa “phá hủy” nhưng vô hiệu hóa “mục đích sử dụng đầu tiên”

1. làm phí dầu thơm, Ma-thi-ơ . 26:8
2. làm hư túi da cũ, Ma-thi-ơ . 9:17
3. làm mất tóc, Lu-ca 21:18
4. làm hỏng thức ăn, Giăng 6:27
5. làm hư vàng, 1 Phi-ê-rơ. 1:7
6. tàn phá (bởi Hồng thủy), 2 Phi-ê-rơ. 3:6
7. hủy hoại thân thể, Ma-thi-ơ . 2:13; 8:25; 12:14; 21:41; 22:7; 26:52; 27:20; Ro-ma. 2:12; 14:15; and 1 Cô-rin-tô. 8:11)

Không bao giờ có sự gợi ý về sự hủy diệt một cá nhân, nhưng sự chấm dứt tồn tại thuộc thể. Nó cũng thường mang ý nghĩa tinh thần. “Tất cả mọi người đều bị hủy diệt về tinh thần vì không thể thực hiện sứ mạng mà con người được giao” (p. 276). Sự trả lời của Đức Chúa Trời đối với nạn đề này chính là Chúa Giê-su (Xem Giăng 3:15-16 and 2 Phi-ê-rơ. 3:9). Người từ chối Phúc Âm sẽ bị tiếp tục hủy diệt cả về thuộc linh và thuộc thể. (Xem 1 Cô-rin-tô. 1:18; 2 Cô-rin-tô. 2:15; 4:3; 2 Thê-sa-lô-ni-cas. 2:10). Tham khảo ý kiến phản nghịch, Xem tham luận của Fudge, “The Fire That Consumes”. (phân đoạn (chữ ngả) từ Robert B.... tới đây ở đây được dịch thêm từ www.freebiblecommentary.org)

Tôi tin một cách cá nhân rằng thuật ngữ này không ám chỉ sự hủy diệt (Xem R. B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, p. 276) (Xem E. Fudge, *The Fire That Consumes*). Thuật ngữ đời đời nói về cả sự trừng phạt và sự sống trong Ma-thi-ơ . 25:46. Xem nhẹ trường hợp này sẽ phải nhượng bộ trường hợp kia!

▣ **"Ta đã đến để chiêm được sự sống và sự sống sung mãn"** Câu này thường được dẫn chứng một cách sai lầm cho lời hứa phước hạnh về mặt vật chất. Nhưng ngữ cảnh liên hệ tới việc biết Chúa một cách cá nhân và phước hạnh thuộc linh, không dính dáng gì đến vật chất (câu này tương tự với 4:14 và 7:38). Phước hạnh không phải là sự sở hữu vật chất nhiều hơn trong thế gian, nhưng sự biết tới và sở hữu sự sống thuộc linh.

Các Phúc Âm Đồng Quan nhấn mạnh về Nước Trời, còn Giảng nhấn mạnh Sự Sống Đời Đời. Vương Quốc Đức Chúa Trời đã được khai trương! Cơ-đốc nhân đã có Sự Sống Đời Đời ngay từ bây giờ.

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 10:11-18

¹¹Ta là người chẵn nhân lành, người chẵn nhân lành vì bầy chiên hi sinh mạng sống mình. ¹²Kẻ chẵn thuê không phải là người chẵn; chiên không thuộc về nó nên khi thấy muông sói đến, nó bỏ chiên chạy trốn. Muông sói vô lấy chiên và làm cho tan lạc. ¹³Vì là kẻ chẵn thuê nên nó không quan tâm gì đến chiên. ¹⁴Ta là người chẵn nhân lành. Ta biết chiên Ta, và chiên Ta biết Ta; ¹⁵cũng như Cha biết Ta, và Ta biết Cha vậy. Ta vì bầy chiên mà hi sinh mạng sống mình. ¹⁶Ta còn có những chiên khác không thuộc về chuồng này; Ta cần phải đem chúng về nữa. Chiên ấy sẽ nghe tiếng Ta, rồi sẽ chỉ có một bầy và một người chẵn mà thôi. ¹⁷Sở dĩ Cha yêu thương Ta, là vì Ta hi sinh mạng sống mình để được nhận lại. ¹⁸Không ai cất mạng sống Ta đi được, nhưng Ta tự nguyện hi sinh. Ta có quyền hi sinh mạng sống và có quyền lấy lại. Ta đã nhận mệnh lệnh này từ nơi Cha Ta."

10:11,14 "Ta là người chẵn nhân lành, người chẵn nhân lành " Đây là danh hiệu Đấng Mê-si-a từ trong Cựu Ước. (Xem Ê-xê-chi-ên. 34:23; Xa-cha-ri 11; 1 Phi-ê-ro. 5:4) và cho Đức Giê-hô-va (Xem Thi-thiên. 23:1; 28:9; 77:20; 78: 52; 80:1; 95:7; 100:3; Ê-sai. 40:11; Giê-rê-mi. 23:1; 31:10; Ê-xê-chi-ên. 34:11-16).

Có hai thuật ngữ Hy-lạp có thể dịch thành "tốt" "nhân lành" (1) *agathos*, cho đồ vật, and (2) *kalos*, dùng trong Septuagint về sự tốt lành so với sự xấu xa. Trong Tân Ước thường được dịch thành "đẹp" "cao quý, đáng phục," "có đạo đức," và "xứng đáng." Hai thuật ngữ này được dùng trong Lu-ca 8:15. Xem ghi chú cho Giảng 8:12.

10:11 "người chẵn nhân lành vì bầy chiên hi sinh mạng sống mình" Đây ám chỉ sự hy sinh chuộc tội của Đấng Christ. (Xem Giảng 10:11,15,17,18). Ngài tình nguyện đặt sự sống của mình xuống vì nhân loại tội lỗi, (Xem Ê-sai. 52:13-53:12; Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô. 5:21). Sự sống thực và sung mãn chỉ có thể đến qua sự chết của Ngài.

Bruce M. Metzger's *A Textual Commentary on the Greek New Testament* có một sự đề ý thú vị về câu này:

"Thay thế dùng cụm từ: "hy sinh mạng sống" khá đặc thù cho Giảng (10:15,17; 13:37,38; 15:13; 1 Giảng 3:16), vài văn bản như (P⁴⁵, s*, D) lại dùng "phó mạng sống" giống như Phúc Âm Đồng Quan (Mt. 20:28; Mác 10:45)" (p. 230).

10:14 "Ta biết chiên Ta, và chiên Ta biết Ta" Ở đây Giảng dùng thuật ngữ "biết" trong khái niệm Hê-bo-ro về mối liên hệ. (Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Biết ở câu 1:10). Như Con biết Cha và Cha biết Con, Giê-su cũng biết những ai tin cậy và biết Ngài. Họ đã nghe, thấy (Xem Giảng 10:4) và hưởng ứng (Xem Giảng 1:12; 3:16). Cơ-đốc giáo là mối liên hệ một cách cá nhân (Xem Giảng 17:20-26).

10:15 "như Cha biết Ta, và Ta biết Cha vậy" Đây là chủ đề thường lặp lại trong Giảng. Chúa Giê-su luôn giảng dạy và minh họa qua hành động mối liên hệ ngọt ngào với Đức Chúa Cha.

Có sự tương đồng giữa liên hệ Cha Con và liên hệ Chúa Giê-su cùng Cơ-đốc nhân. Giảng nhấn mạnh khái niệm biết theo ý tưởng Do-thái theo mối liên hệ, chú không theo ý tưởng Hy-lạp: biết về thông tin và sự kiện, . Chúa Giê-su biết Cha, những người biết Giê-su cũng biết Đức Chúa Trời!

10:16 "Ta còn có những chiên khác không thuộc về chuồng này; " Đây là sự gợi ý từ Ê-sai. 56:6-8. Ngữ cảnh dường ám chỉ người Sa-ma-ri (Xem Giăng 4:1-42) hoặc hội thánh người ngoại (Xem Giăng 4:43-54) là chiên không thuộc chuồng này. Ý Chúa hướng về sự đoàn kết giữa cộng đồng niềm tin, sự giao ước hòa bình giữa người Do-thái và người thuộc các dân tộc khác (Xem Ê-phê-sô. 2:11-3:13; đồng thời tham khảo 1 Cô-rin-tô. 12:13; Ga-la-ti. 3:28; Cô-lô-sê. 3:11)! Các câu Sáng-thế-ký 3:15 and Giăng 3:16 kết hợp nhau trong tính đại chúng, toàn cầu!

▣ **"chỉ có một bầy và một người chăn mà thôi.** Một bầy chiên và một Người Chăn luôn luôn là mục tiêu của Đức Chúa Trời. (Xem Sáng-thế-ký. 3:15; 12:3; Xuất-Ê-gíp-tô. 19:5-6). Khía cạnh thần học về sự hiệp một được tranh luận, chú giải trong Ê-phê-sô. 2:11-3:13 and 4:1-6.

10:17 "Sở dĩ Cha yêu thương Ta" Cũng như Chúa tình nguyện từ bỏ mạng sống, không ai có thể ép buộc Đức Chúa Cha hy sinh Con Độc Sinh. Có những nhóm giải kinh sai lầm cho rằng đây là phần thưởng Đức Chúa Trời giành cho cá nhân Giê-su (một con người) vì sự vâng vưng. (một tín lý dị giáo được gọi là sự nhận con nuôi, xem phần Phụ lục ba: từ điển thuật ngữ cuối sách)

▣ **"là vì Ta hi sinh mạng sống mình để được nhận lại.** " Ám chỉ sự sống lại. Thường trong Tân Ước, việc Đức Chúa Trời khiến Chúa Giê-su sống lại chứng tỏ Ngài chấp nhận sự hy sinh chuộc tội của Chúa Giê-su. Tuy nhiên trong câu này nhấn mạnh quyền năng của chính bản thân Chúa Giê-su trong sự sống lại.

Câu này cũng là bằng chứng trong Tân ước về việc cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời cùng tham gia công tác cứu rỗi.

1. Đức Chúa Cha khiến Chúa Giê-su sống lại (Xem Công-vụ 2:24; 3:15; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Ro-ma. 6:4,9; 10:9; 1 Cô-rin-tô. 6:14; 2 Cô-rin-tô. 4:14; Ga-la-ti. 1:1; Ê-phê-sô 1:20; Cô-lô-sê. 2:12; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 1:10)
2. Đức Chúa Con tự khiến mình sống lại (Xem Giăng 2:19-22; 10:17-18)
3. Đức Chúa Thánh Linh khiến Chúa Giê-su sống lại (Xem Ro-ma. 8:11)

10:18 "Ta có quyền hi sinh mạng sống và có quyền lấy lại. Thuần ngữ "quyền" cũng được dùng trong Giăng 1:12. được dịch là "thâm quyền, quyền hạn, hoặc quyền năng" của Chúa Giê-su

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIĂNG 10:19-21

¹⁹Vì những lời này, những người Do Thái lại có sự chia rẽ. ²⁰Nhiều người trong số họ nói: "Ông ta bị quỷ ám, ông ta điên; sao còn nghe ông ta làm gì?" ²¹Một số khác thì nói: "Đây không phải là những lời nói của một người bị quỷ ám. Làm sao quỷ có thể mở mắt cho người mù?"

10:19 Chủ đề người nghe bị chia rẽ trong dư luận về Chúa Giê-su , được thấy thường xuyên trong Giăng 6:52; 7:12,25,43; 9:16; 10:19-21; 11:36-37. Điều bí ẩn của việc từ chối hay tiếp nhận Chúa chính là bằng chứng của sự giăng co giữa học thuyết tiền định và sự chọn lựa tự do của con người.

10:20 "Ông ta bị quỷ ám, ông ta điên" Đây là lời cáo buộc chống lại Chúa Giê-su từ hai quan điểm khác nhau:

1. trong Giăng 10:20,cũng như 7:20, họ nói Chúa bị bệnh tâm thần
2. trong Giăng 8:48,52 họ cho ma quỷ là nguồn quyền năng của Chúa

10:21 Có hai cấu trúc câu hỏi trong Giăng 10:21.

1. Giăng 10:21a có chữ *ouk*, trong tiếng Hy-lạp trông chờ câu trả lời "có"
2. Giăng 10:21b có chữ *mē*, trong tiếng Hy-lạp trông chờ câu trả lời "không"

Tham khảo ông James Hewett, *New Testament Greek*, trang. 171. Câu này chứng tỏ không có dạng ngữ pháp nào trong tiếng Koine Hy-lạp là phương tiện tuyệt đối dùng để giải kinh.

Sự chữa mù là dấu hiệu về Đấng Mê-si-a. (Xem Xuất-Ê-gíp-tô. 4:11; Thi-thiên. 146:8; Ê-sai. 29:18; 35:5; 42:7). Nói cách khác, sự mù lòa thuộc linh (Xem Ê-sai. 42:19) của I-sơ-ra-en được thấy ở đây và ở Giảng 9,

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 10:22-30

²²Khi ấy tại thành Giê-ru-sa-lem có lễ kỷ niệm Cung Hiến Đèn Thờ. Bấy giờ là mùa đông,²³ Đức Chúa Jê-sus đang đi trong khuôn viên đền thờ, dưới hành lang Sa-lô-môn thì²⁴ những người Do Thái vây quanh Ngài và hỏi: “Thầy để chúng tôi phải chờ đợi đến bao giờ? Nếu Thầy là Đấng Christ thì hãy nói rõ cho chúng tôi đi.”²⁵ Đức Chúa Jê-sus đáp: “Ta đã nói cho các ngươi rồi nhưng các ngươi không tin; những việc Ta thực hiện trong Đa-ni-ên Cha đều làm chứng cho Ta.²⁶ Nhưng các ngươi không tin, vì các ngươi không phải là chiên của Ta.²⁷ Chiên Ta nghe tiếng Ta, Ta biết chúng và chúng theo Ta.²⁸ Ta ban cho chúng sự sống đời đời, chúng chẳng hư mất bao giờ, và chẳng ai cướp được chúng khỏi tay Ta.²⁹ Cha Ta, Đấng vĩ đại hơn tất cả, đã cho Ta những chiên ấy, và chẳng ai cướp được chúng khỏi tay Cha.³⁰ Ta với Cha là một.”

10:22 "lễ kỷ niệm Cung Hiến Đèn Thờ" Sử gia Josephus cho biết đây là ngày Lễ Ánh Sáng, được biết đến ngày nay là Lễ Hanukkah (giữa tháng Mười Hai, gần Giáng Sinh), kéo dài 8 ngày. Lễ này kỷ niệm Sự cung hiến Đèn Thờ ở Giê-ru-sa-lem sau chiến thắng của Judas Maccabeus in 164 B.C. Trong năm 168 B.C., Antiochus IV Epiphanes, vua bù nhìn sứ Sy-ria thuộc triều đại Seleucid, tìm cách ép buộc dân Do-thái theo nền văn hóa Hy-lạp cổ. (Xem Đa-ni-ên. 8:9-14). Ông biến Đèn Thờ Đức Chúa Trời thành đèn miếu ngoại đạo với bàn thờ thần Zeus trong Thánh Điện Thiên Liêng Nhất. Judas Maccabeus, một trong các con trai của thầy Tế Lễ tối cao Mô-đin đã lật đổ vị vua này, thanh tẩy và Cung hiến Đèn Thờ (Xem Ngụy Kinh I Macc. 4:36-59; II Macc. 1:18).

Giảng sử dụng những ngày Lễ của Do-thái Giáo như cơ hội cho Chúa Giê-su mặc khải bản thân cho dân thành Giê-ru-sa-lem, giới lãnh đạo và những người Hành Hương. (Xem Giảng 7-11).

▣ **"dưới hành lang Sa-lô-môn "** Đây là khu vực có mái che bên cạnh Sân-Dành-Cho-Phụ-Nữ mà Chúa Giê-su giảng dạy trong chương 7. Sử gia Josephus cho biết đây là chi tiết của một nhân chứng tận mắt

10:24 "Nếu" đây là thể điều kiện hạng nhất, có nghĩa rằng giả thiết điều này có thật trong sự suy nghĩ của tác giả, hoặc mục đích văn chương. Có một vài thể điều kiện hạng nhất khác trong ngữ cảnh tương tự: (Xem Giảng 10:24, 35, 37, and 38). Sự sử dụng từ trong Giảng 10:24 cho thấy cấu trúc ngữ pháp được sử dụng thể nào. Người Pha-ri-si thực sự không tin Ngài là Đấng Mê-si-a, họ chỉ tìm cách đặt bẫy Chúa.

▣ **"hãy nói rõ cho chúng tôi đi"** Có một vài tranh luận ở đây. Trước hết là Chúa Giê-su sử dụng các ngụ ngôn, nghĩa bóng và nhi nguyên luận không sáng ý. Những người có mặt trong đền thờ muốn Ngài làm rõ hơn. Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: *Parrhēsia*. ở câu 7:4

Thứ hai là người Do-thái thời Chúa Giê-su không nghĩ rằng Đấng Mê-si-a là Thần Đức nhập thể. Chúa Giê-su dẫn chứng về sự hiệp một với Cha một vài lần, (Xem Giảng 8:56-59), nhưng trong ngữ cảnh ở đây, họ hỏi cụ thể về Đấng Mê-si-a. Người Do-thái cho rằng Đấng Mê-si-a sẽ cư xử giống hệt Mô-sê. (Xem Phục-truyền. 18:15,19). Cách cư xử của Chúa Giê-su được thấy trong chương 6. Công việc của Ngài hoàn tất lời tiên tri, đặc biệt về sự chữa lành người mù (Giảng 9). Họ đã thấy tất cả các bằng chứng cần thiết. Nan đề là Chúa Giê-su không thích hợp với hình ảnh vị lãnh đạo quân sự, chính trị mà họ trông mong ở Đấng Mê-si-a

10:25 "những việc Ta thực hiện trong danh Cha đều làm chứng cho Ta" Chúa Giê-su khẳng định rằng công việc xác nhận lời tuyên bố của Ngài. (Xem Giảng 2:23; 5:36; 10:25,38; 14:11; 15:24).

10:26 Đây quả thật một lời gây sốc cho người nghe.

10:28 "Ta ban cho chúng sự sống đời đời" Sự sống đời đời mang tính cách thời gian và phẩm chất, là sự sống của Tân Kỳ Nguyên, được ban cho nhờ niềm tin nơi Đấng Christ. (Xem Giăng 3:36; 11:24-26).

▣ **"chúng chẳng hư mất bao giờ, và chẳng ai cướp được chúng khỏi tay Ta"** “chẳng hư, chẳng cướp được” – đây là thể phủ định kép, với bản thái cách quá khứ trung cách. Đây là bằng chứng mạnh mẽ nhất về sự an toàn cứu rỗi của Cơ-độc nhân trong Tân Ước (Xem Giăng 6:39). Lễ dĩ nhiên bản thân chúng ta là người duy nhất có thể tự chia ly với tình yêu của Đức Chúa Trời (Xem Ro-ma. 8:38-39; Ga-la-ti. 5:2-4). Sự đảm bảo phải được quân bình bởi sự bền đỗ, dựa theo thần tính và công tác của Ba Ngôi Đức Chúa TRỜI. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: sự “Đảm Bảo” và Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: “Sự Bền Đỗ cần thiết” ở câu 1 Giăng 5:13 và Giăng 8:31

Phúc Âm Giăng nhấn mạnh sự đảm bảo cho những ai tiếp tục duy trì niềm tin nơi Đấng Christ. Niềm tin ấy bắt đầu từ quyết định ăn năn, đi trong đức tin và thay đổi nếp sống theo sự tin kính. Nan đề thần học là có những người dạy rằng “một khi được cứu thì luôn luôn được cứu”, bất kể có tiếp tục mối liên hệ hay không. Tiếp tục trong niềm tin là bằng chứng của sự cứu rỗi thực sự. (Xem Hebrews, Gia-cơ, and 1 Giăng).

10:29

NASB, NKJV"Cha Ta, Đấng đã cho Ta những chiến ấy, vĩ đại hơn tất cả, "
NRSV"Những gì Cha ban cho Ta vĩ đại hơn tất cả mọi sự khác"
TEV"Những gì Cha ban cho Ta vĩ đại hơn tất cả"
NJB"Đức Chúa Cha, vì những gì Ngài ban cho Ta, lớn hơn tất cả ai khác"

Câu hỏi này sinh ra: Ai là bổ ngữ của cụm từ “vĩ đại hơn”: (1) Tín đồ mà Đức Chúa Cha ban cho Chúa Giê-su (NRSV, TEV) hay (2) bản thân Đức Chúa Trời (NASB, NKJV, NJB). Phần thứ hai của câu này ngụ ý có kẻ thù tìm cách cướp đi tín đồ của Chúa Giê-su. Theo thần học, khả năng thứ hai (là Đức Chúa Trời lớn hơn kẻ thù) có vẻ phù hợp hơn. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự Đảm Bảo ở câu 6:37

Đây là sứ điệp tuyệt vời về sự Đảm Bảo của tín đồ trên cơ sở quyền năng của Đức Chúa Trời. Sự an toàn của tín đồ, cũng như các sự thật khác trong Kinh thánh - mặc dù còn khó hiểu - được trưng bày theo giao ước. Hy vọng và sự đảm bảo của tín đồ nằm trong sự thương xót và ân điển của Ba Ngôi. Tuy nhiên tín đồ phải tiếp tục trong niềm tin, Sự cứu rỗi bắt đầu bằng sự cáo trách của Đức Thánh Linh dẫn đến quyết định ăn năn và niềm tin. Sự ăn năn, niềm tin, sự vâng phục và bền đỗ lại tiếp tục trong sự tăng trưởng của mối liên hệ với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Nên nhớ sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm có thể mua bán như bảo hiểm nhân thọ, hoặc vé thông hành đi thiên đàng.

Bằng chứng cuối cùng của một mối liên hệ với Đức Chúa Trời là một cuộc sống được biến đổi và biến đổi không ngừng trong niềm tin và sự phục vụ. (Xem Ma-thi-ơ 7). Cơ-độc nhân giả hình không thể có những bằng chứng theo Kinh thánh (Xem 1 Cô-rin-tôinthians 2-3). Sự trở nên giống-Chúa bắt đầu bây giờ chứ không chờ đợi sau khi chết lên Thiên Đàng. Đối với những người tăng trưởng trong niềm tin và sự phục vụ - mặc dầu vẫn còn tranh đấu với tội lỗi - họ không thiếu sự an ninh và đảm bảo theo Kinh Thánh. Cây không có rễ không đâm trái. Tuy sự cứu rỗi duy nhất đến bởi đức tin, nhưng bông trái sự cứu rỗi được đến bởi công việc tốt lành. (Xem Ê-phê-sô. 2:10; Gia-cơ 2:14-26).

10:30-33 "Ta với Cha là một ... Những người Do Thái lại nhặt đá để ném Ngài" Đây chỉ là một trong những tuyên bố mạnh mẽ về Thần Đức và sứ mạng Đấng Mê-si-a của Chúa Giê-su (Xem Giăng 1:1-14; 8:58; 14:8-10, đặc biệt. 17:21-26, cũng sử dụng chữ “một”. Những người Do-thái hiểu rõ ý Ngài và coi đó là lời phạmthượng. (Xem Giăng 10:33; 8:59). Họ có ý ném đá giết Ngài, dựa theo Lê-vi-ký. 24:16.

Trong tranh luận sớm về nhân vật Chúa Giê-su (ví dụ., *Arius* – Con trưởng; *Athanasius* -- trọn vẹn Đức Chúa Trời) các câu Giăng 10:30 và 14:9 thường được sử dụng bởi những người theo trường phái Athanasius (Xem *The Cambridge History of the Bible*, vol. 1, p. 444). For "Arianism" Xem the Glossary.

NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 10:31-39

³¹Những người Do Thái lại nhặt đá để ném Ngài. ³²Đức Chúa Jê-sus nói với họ: “Ta đã bày tỏ cho các ngươi nhiều việc tốt đẹp từ Cha. Vậy, vì cớ gì mà các ngươi ném đá Ta?” ³³Những người Do Thái đáp: “Chúng tôi không ném đá ông vì một việc tốt đẹp, nhưng vì lời phạm thượng; bởi ông là con người mà tự cho mình là Đức Chúa Trời.” ³⁴Đức Chúa Jê-sus trả lời: “Chẳng phải trong luật pháp của các ngươi có chép: ‘Ta đã nói các ngươi là thần,’ hay sao? ³⁵Nếu luật pháp gọi những người nhận được lời của Đức Chúa Trời là thần, và lời Kinh Thánh không thể hủy bỏ được ³⁶thì Ta đây, Đấng được Cha biệt ra thánh và sai đến thế gian, tại sao các ngươi lại bảo Ta phạm thượng, khi Ta nói: ‘Ta là Con Đức Chúa Trời?’ ³⁷Nếu Ta không làm những công việc của Cha Ta thì các ngươi đừng tin Ta. ³⁸Còn nếu Ta làm thì dù các ngươi không tin Ta, hãy tin các công việc của Ta, để các ngươi có thể biết và hiểu rằng Cha ở trong Ta và Ta ở trong Cha.” ³⁹Họ lại tìm cách bắt Ngài, nhưng Ngài thoát khỏi tay họ.

10:31 Đây là phản ứng của người Do-thái đối với tuyên bố của Chúa Giê-su trong câu Giảng 10:30. Chúa trả lời họ bằng lý luận khác thường của các thầy Ra-bi, theo cách chơi chữ về danh hiệu Elohim của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước. (Xem Sáng-thế-ký. 1). Danh hiệu này thường ở trong số nhiều, có thể dùng cho các thiên sứ và lãnh đạo trong loài người, ví dụ các thẩm phán, Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NAMES FOR DEITY ở câu 6:20

10:32 Người Chăn Nhân Từ thực hiện công việc tốt lành Cha giao. Chữ (*kalos*) có nghĩa là “tốt” được dùng cho cả người chăn và việc làm.

10:33 "vì lời phạm thượng" Chúa Giê-su biết họ đã hiểu đúng Ngài với Cha là một.

10:34 "trong luật pháp của các ngươi " Chúa Giê-su dẫn chứng từ trong Thi-thiên, coi nhiên Thi-thiên cũng là một phần của Luật –pháp (bởi Torah có nghĩa là dạy dỗ, Xem Giảng 12:34; 15:25; Ro-ma. 3:9-19). Thuật ngữ Luật-pháp thường chỉ liên hệ tới văn tự Torah của Mô-sê, tức là từ Sáng-thế-ký đến Phục-truyền. Điều này cho thấy Cựu ước. cũng được gọi “luật-pháp” một cách mở rộng.

▣ "các ngươi là thần" Chúa Giê-su dẫn chứng từ Thi-thiên. 82:6. Danh hiệu *elohim* cũng có thể dùng cho các thẩm phán con người. (Xem *Elohim* in CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: danh hiệu của Thần Đức ở câu 6:20). Những thẩm phán này, mặc dù xấu xa, vẫn được gọi là con của Đức Chúa Trời. Người Do-thái tấn công Chúa Giê-su bởi họ nghĩ Chúa là con người mà dám xưng là: (1) Con của Đức Chúa Trời và (2) hiệp một với Đức Chúa Trời. Họ quên rằng các thẩm phán con người cũng được gọi là thần (Xem Xuất-Ê-gíp-tô. 4:16; 7:1; 22:8,9; Thi-thiên. 82:6; 138:1).

Dường như lý luận của Chúa Giê-su theo quan điểm của các thầy Ra-bi theo cách sau: Kinh Thánh không thể sai khi gọi con người là Elohim – các thần, vậy sao các ngươi tố cáo Ta phạm thượng khi Ta khẳng định mình là Con Đức Chúa Trời? Thuật ngữ Elohim thường ở trong số nhiều, nhưng được dịch ra trong số ít và các động từ liên quan cũng ở trong số ít khi nói đến Một Vị Thần, tức Đức Chúa Trời trong Cựu Ước. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Danh hiệu cho Thần Đức ở câu 6:20,. Đây có thể là cách chơi chữ của Giảng: (1) một thuật ngữ có hai ý nghĩa và (2) cấu trúc câu hỏi trông đợi câu trả lời “có” hoặc “phải”.

10:35 "(lời Kinh Thánh không thể hủy bỏ được)" Giảng thường bình luận lời phán của Chúa. Không biết câu trong ngoặc đơn này là của Giảng hay của Chúa Giê-su, nhưng bởi nó được linh cảm, việc biết ai nói câu này không có gì quan trọng lắm. Ý chính của câu nói là sự đáng tin cậy của Kinh thánh. Chúa Giê-su và các sứ đồ luôn luôn coi Cựu Ước và mọi sự giải kinh liên quan chính là Lời của Đức Chúa Trời. (Xem Ma-thi-ơ. 5:17-19; 1 Cô-rin-tô. 2:9-13; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 2:13; 2 Ti-mô-thê. 3:16; 1 Phi-ê-ơ. 1:23-25; 2 Phi-ê-ơ. 1:20-21; 3:15-16).

Giám mục H. C. G. Moule viết trong *The Life of Bishop Moule* như sau:

"Ngài (tức Đấng Christ) tin cậy Kinh thánh một cách tuyệt đối. Mặc dầu có nhiều vấn đề tôi không thể hiểu, nhưng tôi sẽ tin cậy Kinh Thánh, không theo cách mù quáng, nhưng theo cách kính trọng, bởi vì tôi tin tưởng Ngài" (p. 138).

10:36 Trong câu này Chúa Giê-su tuyên bố rằng Đức Chúa Trời chọn (biệt riêng) Ngài và sai phái Ngài (với tư cách Đấng Mê-si-a Ngài có quyền được gọi "Con của Đức Chúa Trời. Tất cả các thẩm phán trong I-sơ-ra-ên đều đại diện cho Đức Chúa Trời. (Xem Thi-thiên. 82:6), Chúa Giê-su cũng đại diện cho Đức Chúa Trời qua lời phán và công việc. Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Send (*apostellō*) ở câu 5:24

10:37 câu này tương tự với câu Giảng 10:19-21 Phép lạ của Chúa Giê-su chính là công tác của Đức Chúa Trời..

10:37,38 "Nếu... Nếu" Đây là thể điều kiện hạng nhất: Đúng là Chúa Giê-su thực hiện công việc Cha giao. Nếu vậy, họ cần phải tin vào Ngài và chắc chắn Ngài với Cha là một (Xem Giảng 10:30,38). Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "ở mãi" trong văn tự của Giảng ở câu 1 Giảng 2:10.

10:39 Đây là một trong vài trường hợp Chúa Giê-su thoát khỏi tay những người muốn hại Ngài. (Xem Lu-ca 4:29-30; Giảng 8:59). Khó có thể đoán được Ngài biến đi qua (1) phép tàng hình, hay (2) Ngài lẩn vào đám đông vì không ăn mặc khác những người đi lễ quang quẻ.

¹NASB (hiệu đính RVV2011) : GIẢNG 10:40-42.

⁴⁰Đức Chúa Jê-sus lại đi qua bên kia sông Giô-đanh, đến nơi Giảng đã làm báp-têm đầu tiên, và ở lại đó.⁴¹Nhiều người đến với Ngài. Họ nói rằng: "Giảng không làm dấu lạ nào, nhưng tất cả những điều Giảng nói về người này đều là thật."⁴²Tại đó có nhiều người tin Ngài.

10:40 Đây nói về một địa điểm bên kia sông Giô-đanh, đối diện với Giê-ri-cô, gần thành Bê-tha-ni.

10:41 Một lần nữa Sứ đồ Giảng nhắc lại lời Giảng Báp-tít về Chúa Giê-su (Xem Giảng 1:6-8,19-42; 3:22-30; 5:33)! Có thể ở thời điểm viết Phúc Âm Giảng đã xuất hiện nhiều dị giáo liên hệ tới Giảng Báp-tít.

10:42 Trong khi giới lãnh đạo Do-thái từ chối Chúa Giê-su, nhiều người bình dân hưởng ứng tin Ngài (Xem Giảng 2:23; 7:31; 8:30). Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Cách dùng động từ tin với giới từ, ở câu 2:23.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Giảng thường xáo trộn các ẩn dụ, ví dụ Chúa Giê-su vừa là cửa chuồng chiên, vừa là người chăn chiên nhân từ??
2. Sự kiện gì là bối cảnh của Giảng 10.?
3. Việc Chúa Giê-su hy sinh mạng sống mình có tầm quan trọng như thế nào?
4. Vì sao người Do-thái tiếp tục vu cáo Ngài bị quỷ ám?
5. Vì sao công việc của Chúa Giê-su quan trọng như vậy?
6. Làm sao chúng ta có thể nối kết "sự đảm bảo" và "sự bền đỗ" của Cơ-đốc Nhân?

GIẢNG 11

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Các chết của La-xa-rơ	Các chết của La-xa-rơ	Làm La-xa-rơ sống lại	Các chết của La-xa-rơ	sự sống lại của La-xa-rơ
11:1-16	11:1-16	11:1-6	11:1-4	11:1-4
			11:5-7	11:5-10
		11:7-16		
			11:8	
			11:9-11	
				11:11-16
			11:12	
			11:13-15	
			11:16	
Giê-su, sự sống lại và sự sống	Ta là sự sống lại và sự sống		Giê-su, sự sống lại và sự sống	
11:17-27	11:17-27	11:17-27	11:17-19	11:17-27
			11:20-22	
			11:23	
			11:24	
			11:25-26	
			11:27	
Giê-su khóc	Giê-su và kẻ thù của sự chết		Giê-su khóc	
11:28-37	11:28-37	11:28-37	11:28-31	11:28-31
			11:32	11:32-42
			11:33-34a	
			11:34b	
			11:35-36	
			11:37	
La-xa-rơ được làm	La-xa-rơ được trở		La-xa-rơ được làm	

sống lại	về từ cõi chết		sống lại	
11:38-44	11:38-44	11:38-44	11:38-39a	
			11:39b	
			11:40-44	
				11:43-44
Âm mưu giết Giê-su	Âm mưu giết Giê-su		Âm mưu giết Giê-su	Lãnh đạo Do-thái quyết định giết Giê-su
11:45-53	11:45-57	11:45-53	11:45-48	11:45-54
			11:49-52	
			11:53-54	
11:54		11:54		Lễ Vượt Qua tới gần
11:55-57		11:55-57	11:55-57	11:55-57

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

41. Phân đoạn 1
42. Phân đoạn 2
43. Phân đoạn 3
44. Vân vân...

Tóm tắt ý nghĩa thần học

Tâm quan trọng thần học trong Giảng 11 là :

1. Tiếp tục trung bày thẩm quyền và quyền năng của Chúa Giê-su.
2. Cái chết của Lã-xa-rô nằm trong chương trình của Đức Chúa Trời nhằm cung cấp cho Chúa Giê-su một cơ hội được tôn vinh (Xem Giảng 9:3).
3. Cuộc hội thoại của Ma-thê với Chúa Giê-su cung cấp cho nàng một cơ hội xưng nhận niềm tin và cho Chúa Giê-su cơ hội bày tỏ Ngài là Sự Sống và là Sự Sống-lại (Giăng 11:25).
4. Chúa Giê-su ban sự sống đời đời (Mặt Thế Học thực tế), được biểu tượng bởi sự sống lại của Lã-xa-rô. Chúa Giê-su có quyền phép trên cái chết
5. Mặc dầu chứng kiến một phép lạ kỳ diệu, sự vô tin vẫn tiếp tục, tội lỗi không thể tha thứ - xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Tội không thể tha thứ!

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIẢNG 11:1-16

¹Có một người bệnh tên là La-xa-rơ, quê ở Bê-tha-ni, làng của Ma-ri và chị là Ma-thê. ²Ma-ri là người đã xức dầu thơm cho Chúa và dùng tóc mình lau chân Ngài; chính anh cô là La-xa-rơ đang bị bệnh. ³Vậy, hai chị em sai người đến thưa với Đức Chúa Jê-sus rằng: “Thưa Chúa, người Chúa yêu thương đang bệnh.” ⁴Nhưng khi Đức Chúa Jê-sus nghe điều này thì nói rằng: “Bệnh này không đến nỗi chết đâu, nhưng ấy là vì vinh quang của Đức Chúa Trời, để Con Đức Chúa Trời nhờ đó được tôn vinh.” ⁵Đức Chúa Jê-sus yêu thương Ma-thê, em gái cô ấy, và La-xa-rơ. ⁶Tuy nhiên, khi nghe La-xa-rơ bệnh thì Ngài ở nán lại hai ngày nữa tại nơi Ngài đang ở. ⁷Sau đó, Ngài bảo các môn đồ: “Chúng ta hãy trở về miền Giu-đê.” ⁸Các môn đồ thưa rằng: “Thưa Thầy, người Do Thái đang tìm ném đá Thầy mà sao bây giờ Thầy còn trở lại nơi ấy?” ⁹Đức Chúa Jê-sus đáp: “Không phải mỗi ngày có mười hai giờ sao? Nếu ai đi trong ban ngày thì không vấp, vì thấy ánh sáng của thế giới này. ¹⁰Nhưng nếu ai đi trong ban đêm thì bị vấp, vì không có ánh sáng.” ¹¹Sau khi nói điều này, Đức Chúa Jê-sus lại bảo: “La-xa-rơ, bạn của chúng ta, đang ngủ nhưng Ta đi đánh thức anh ấy.” ¹²Các môn đồ thưa: “Thưa Chúa, nếu anh ấy ngủ, chắc sẽ khỏi bệnh.” ¹³Đức Chúa Jê-sus nói về sự chết của La-xa-rơ, nhưng các môn đồ lại tưởng Ngài nói về giấc ngủ bình thường. ¹⁴Vì thế, Đức Chúa Jê-sus nói rõ ràng với họ: “La-xa-rơ đã chết rồi. ¹⁵Nhưng vì các con, Ta mừng bởi không có Ta tại đó để các con tin. Bây giờ, chúng ta hãy đi đến với anh ấy.” ¹⁶Do đó, Tô-ma gọi là Đi-đim nói với các môn đồ khác rằng: “Chúng ta hãy đi đến đó cùng chết với Ngài.”

11:1 "Có một người bệnh" Đây là động từ chưa hoàn thành, có nghĩa người này đã và đang lâm bệnh đã lâu. Tuy nhiên thể chưa hoàn thành cũng có thể hiểu rằng “có người bắt đầu sinh bệnh”

▣ **"La-xa-rơ"** có nghĩa là “Đức Chúa Trời trợ giúp” theo tiếng Hê-bơ-rơ. Giảng giả thiết là mọi người đều biết mối liên hệ của Chúa Giê-su đối với gia đình này từ trong Phúc Âm Đồng quan (Xem Lu-ca 10:38-42,

▣ **"Bê-tha-ni"** Địa điểm này khác với Bê-tha-ni trong Giảng 1:28 and 10:40, gần Giê-ri-cô bên sông Giô-đanh. Làng này cách khoản 3 km về phía đông nam Giê-ru-sa-lem, trên cùng rặng núi Ô-li-vo. Đây cũng là nơi Chúa thường dùng chân khi công vụ ở Giê-ru-salem.

▣ **"Ma-ri"** Tên ngắn của "Mi-ri-am" trong tiếng Do-thái

▣ **"Ma-thê"** Tiếng A-ram có nghĩa là “nàng hầu”, Điều ngạc nhiên là Ma-thê cao tuổi hơn, nhưng không được nhắc tên trước Ma-ri. Đây có thể liên hệ tới câu chuyện trong Lu-ca 10:38-42.

11:2 "Ma-ri là người đã xức dầu thơm cho Chúa và dùng tóc mình lau chân Ngài" Giảng 11:2 lại là một lời bình luận của Giảng (như theo ghi chú trong bản dịch TEV, NET). Câu chuyện xức dầu của Ma-ri trong Giảng 12:2-8 cũng được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 26:6-13) and Mác 14:3-9). Có một phụ nữ khác làm việc tương tự như Ma-ri, nhưng không phải là Ma-ri, xem Lu-ca 7:36 và các câu tiếp theo.

Câu này gợi ý một sự kiện sẽ xảy ra sau này, trong chương 12. Nhiều người nghĩ rằng Giảng trông đợi người đọc đã biết chuyện Ma-ri xức dầu thơm từ các nguồn khác.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XỨC DẦU TRONG KINH THÁNH.

- A. Dùng để trang điểm (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:40; Ru-tơ 3:3; II Sa-mu-ên 12:20; 14:2; II Sử-ký 28:1-5; Đa-ni-ên 10:3; A-mốt 6:6; Mi-chê 6:15)

- B. Dùng cho khách (xem Thi-thiên 23:5; Lu-ca 7:38,46; Giăng 11:2)
- C. Dùng chữa bệnh (xem Ê-sai 6:1; Giê-rê-mi 51:8; Mác 6:13; Lu-ca 10:34; Gia-cơ 5:14) [sử dụng trong ý tiết trùng trong Ê-xê-chi-ên 16:9]
- D. Dùng trong việc chuẩn bị an táng (xem Sáng-thế Ký 50:2; II Sứ-ký 16:14; Mác 16:1; Giăng 12:3,7; 19:39-40)
- E. Dùng trong mục đích tôn giáo (như là một đồ vật, xem Sáng-thế Ký 28:18,20; 31:13 [trụ đá]; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:36 [bàn thờ]; Xuất Ê-díp-tô Ký 30:36; 40:9-16; Lê-vi Ký 8:10-13; Dân-số Ký 7:1 [đền tạm])
- F. Dùng trong việc bổ nhiệm những lãnh đạo
 - 1. Các thầy tế lễ
 - a. A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 28:41; 29:7; 30:30)
 - b. Các con trai của A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 40:15; Lê-vi Ký 7:36)
 - c. Cụm từ hay là Danh hiệu tiêu chuẩn (xem Dân-số Ký 3:3; Lê-vi Ký 16:32)
 - 2. Các vua
 - a. Bồi Đức Chúa Trời (xem I Sa-mu-ên 2:10; II Sa-mu-ên 12:7; II Các Vua 9:3,6,12; Thi-thiên 45:7; 89:20)
 - b. Bồi các tiên tri (xem I Sa-mu-ên 9:16; 10:1; 15:1,17; 16:3,12-13; I Các Vua 1:45; 19:15-16)
 - c. Bồi các thầy tế lễ (xem I Các Vua 1:34,39; II Các Vua 11:12)
 - d. Bồi các trưởng lão (xem Các Quan Xét 9:8,15; II Sa-mu-ên 2:7; 5:3; II Các Vua 23:30)
 - e. Đức Chúa Giê-xu như là vị vua Mê-si-a (xem Thi-thiên 2:2; Lu-ca 4:18 [Ê-sai 61:1]; Công-vụ 4:27; 10:38; Hê-bơ-rơ 1:9 [Thi-thiên 45:7])
 - f. Những người tin theo Đức Chúa Giê-xu (xem II Cô-rinh-tô 1:21; I Giăng 2:20,27 [*Sirkýisma*])
 - 3. Có thể cho các thầy tiên tri (xem Ê-sai 61:1)
 - 4. Các công cụ “không tin” được dùng cho sự giải cứu thiên thượng
 - a. Vua Si-ru (xem Ê-sai 45:1)
 - b. Vua Ty-rơ (xem Ê-xê-chi-ên 28:14)
 - 5. Chữ, hay danh hiệu “Mê-si-a” có nghĩa là “Đấng Được Xức Dầu”

11:3 "hai chị em sai người đến thưa với Đức Chúa Jêsus " Họ nhấn tin cho Chúa Giê-su, khi Ngài còn ở Perra, bên kia sông Giô-đanh.

▣ **"người Chúa yêu thương đang bệnh"** Điều cho thấy mối liên hệ đặc biệt của Chúa đối với gia đình này. Thuật ngữ *Phi-leō* có thể dùng tương tự như *agapaō* (Xem Giăng 11:5; 3:35; 5:20).

11:4 "Bệnh này không đến nỗi chết đâu, nhưng ấy là vì vinh quang của Đức Chúa Trời" Chúa Giê-su biết La-xa-rơ bị bệnh. Ngài biết Đức Chúa Cha cho phép điều này xảy ra để Đức Chúa Cha bằng quyền năng của Ngài khiến người chết sống lại. Nhiều khi bệnh tật và sự đau đớn là ý chỉ của Đức Chúa Trời (Xem Giăng 9:3; cả sách Gióp; 2 Cô-rinh-tô 12:7-10).

▣ **"vinh quang của Đức Chúa Trời"** Công việc của Chúa Giê-su là bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Trời, Xem ghi chú ở câu Giăng 1:14.

▣ **"đẻ Con (của Đức Chúa Trời) nhờ đó được tôn vinh"** Cụm từ sở hữu “của Đức Chúa Trời” không có mặt trong văn bản Hy-lạp cổ, P⁴⁵ or P⁶⁶. Bệnh tật có thể đem lại vinh quang cho cả Chúa Giê-su và Đức Chúa Cha. Trong cả Phúc Âm của Giăng, người ta trông đợi vinh quang của Chúa từ sự đóng đinh và sự sống lại. Nhưng ở đây, vinh quang của Chúa Giê-su xảy ra trong một bối cảnh khác thường. Sự hồi phục của La-xa-rơ sẽ khiến giới lãnh đạo Do-thái càng quyết tâm hủy diệt Chúa.

11:5 Lại một lời bình luận nữa của Giăng (Xem Giăng 11:36).

11:6 "Ngài ở nán lại hai ngày nữa tại nơi Ngài đang ở" Chúa Giê-su nán lại cho đến khi La-xa-rô chết hẳn. Chúa Giê-su không phân biệt ơn huệ với ai, Ngài biết có một dụng ý thiêng liêng trong cơn bệnh này (Xem Giảng 11:15; 9:3).

11:7 "⁷**Sau đó, Ngài bảo các môn đồ: "Chúng ta hãy trở về miền Giu-đê."** Cuộc tranh luận cho thấy các môn đồ ý thức được dã tâm của giới lãnh đạo Do-thái. (Xem Giảng 11:8; 8:54; 10:31,39). Họ bày tỏ tình trạng lẫn lộn giữa niềm tin và sự sợ hãi. Thô-ma, mặc dù thường nghi ngờ, (Xem Giảng 11:16) ông sẵn sàng hy sinh cùng Chúa (Xem Giảng 11:16).

Michael Magill, *NT TransLine* (p. 345 #43) có một sự để ý thú vị là lời Chúa "hãy trở về" trong câu 7 cũng gần giống như "nhưng Ta sẽ đi" trong câu 11. Các môn đồ lo sợ và nghi ngại, nhưng Chúa vẫn tự tin. Thô-ma hưởng ứng Chúa "hãy đi" trong câu 16

11:9-10 Đây có thể là sự liên hệ với Giảng 8:12 and 9:4-5 (Xem Giảng 12:35). Giảng 11:9a trông chờ câu trả lời "phải" trong cấu trúc câu hỏi theo ngữ pháp Hy-lạp. Có một sự khác biệt giữa những người vâng lời ý chỉ Đức Chúa Trời (như Chúa Giê-su hay các môn đồ) và những người bất tuân. (Giảng 11:10, người Do-thái). Chúa Giê-su không phạm sai lầm khi đi theo sự dắt dẫn của Đức Chúa Trời, bởi vì Ngài là ánh sáng thể gian.

Sự đối kháng giữa ánh sáng và bóng tối mang tính chất đặc thù của văn chương khôn ngoan của người Do-thái và trong văn tự Qumran (như cuộn ghi chép về "Các Con của Ánh Sáng và các con của Bóng tối" và "Chiến tranh giữa các con của Ánh Sáng và các con của Bóng tối").

▣ **"nếu... nếu"** Cả hai đều ở trong thể điều kiện hạng ba, về tiềm năng xảy ra của hàng động

11:11 "La-xa-rô, bạn của chúng ta, đang ngủ" Động từ "ngủ" trong thể hoàn thành, chủ động và chỉ định. Các môn đồ hiểu lầm Ngài theo nghĩa đen (Xem Giảng 11:13). Chúa Giê-su dùng ẩn dụ này nói về sự chết như được chép trong Cựu Ước. (Xem Phục-truyền. 31:16; 2 Sa-mu-ên. 7:12; 1 Các-vua. 1:21; 2:10; 11:21,43; 14:20, etc.). Thuật ngữ "nghĩa địa" cũng là một từ có cùng gốc với "sự chết" trong tiếng Hy-lạp.

11:12 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng nhất, có nghĩa giả sử điều này có thật trong suy nghĩ của người nói hoặc theo mục đích văn chương của tác giả.

▣ **"chắc sẽ khỏi bệnh"** Nghĩa đen "được cứu" một cách thuộc thể (Xem Gia-cơ 5:15). Một lần nữa các môn đồ không bắt được nghĩa bóng của lời Chúa. Hiểu lầm Chúa là một đặc thù lặp đi lặp lại trong Phúc Âm Giảng. (như Giảng 11:23-24). Bởi Ngài từ trên cao, họ ở dưới thấp, họ không thể hiểu nổi Chúa ngoài sự trợ giúp của Đức Thánh Linh như sau Lễ Ngũ Tuần .

11:13 Đây lại thêm một câu bình luận của Giảng. .

11:14 "Đức Chúa Jêsus nói rõ ràng với họ" Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự dạn dĩ ở câu 7:4 (*parrhēsia*).

11:15 "Nhưng vì các con, Ta mừng bởi không có Ta tại đó để các con tin." Chúa Giê-su nhấn mạnh việc khiến La-xa-rô sống dậy không phải vì ông là bạn của Chúa, hay vì nỗi đau buồn của Ma-ri, nhưng vì (1) gây dựng niềm tin của các môn đồ (v.14) và (2) khích lệ niềm tin cho đám đông (Giảng 11:42). Niềm tin là một quá trình trong Phúc Âm Giảng, cần phải có thời gian để tăng trưởng (Xem Giảng 2:11), hoặc để mất mát (như những người chứng kiến, Xem Giảng 8:31-59).

11:16 Câu này chứng tỏ niềm tin của Thô-mát, sẵn sàng hy sinh tính mạng cùng Chúa. Các môn đồ có nhu cầu được thấy quyền năng của Chúa trên sự chết, nỗi sợ hãi lớn nhất của nhân loại.

Tên Thô-mát có nghĩa là "sinh đôi" trong cả tiếng A-ram và Hy-lạp (Didymus) Các Phúc Âm Đồng Quan liệt kê ông trong hàng ngũ các sứ đồ, (Xem Ma-thi-ơ 10:3; Mác 3:18; Lu-ca 6:15). Giảng (không có danh sách

sứ đồ) nhưng thường xuyên nói về Tô-mát (Xem Giăng 11:16; 14:5; 20:24-29; 21:2). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Danh sách tên các sứ đồ ở câu 1:45

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) 11:17-27

¹⁷Khi đến nơi, Đức Chúa Jê-sus thấy La-xa-rô đã được chôn trong mộ bốn ngày rồi. ¹⁸Làng Bê-tha-ni cách thành Giê-ru-sa-lem khoảng ba ki-lô-mét, ¹⁹nên có nhiều người Do Thái đến an ủi Ma-thê và Ma-ri về anh của họ. ²⁰Khi Ma-thê nghe Đức Chúa Jê-sus đến thì đi đón Ngài, còn Ma-ri vẫn ngồi ở nhà. ²¹Ma-thê thưa với Đức Chúa Jê-sus: “Thưa Chúa, nếu Chúa có ở đây thì anh con không chết.” ²²Nhưng con biết, ngay cả bây giờ, bất cứ điều gì Thầy xin Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời sẽ ban cho Thầy.” ²³Đức Chúa Jê-sus nói: “Anh con sẽ sống lại.” ²⁴Ma-thê thưa: “Con biết rằng anh con sẽ sống lại trong kỳ phục sinh vào ngày cuối cùng.” ²⁵Đức Chúa Jê-sus nói với Ma-thê: “Ta là sự sống lại và sự sống. Người nào tin Ta thì sẽ sống, mặc dù đã chết rồi.” ²⁶Còn ai sống mà tin Ta thì sẽ không bao giờ chết. Con tin điều đó không?” ²⁷Ma-thê đáp: “Vâng, thưa Chúa, con tin rằng Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, Đấng phải đến thế gian.”

11:17 "đã được chôn trong mộ bốn ngày rồi" Các thầy Ra-bi cho rằng hồn linh của con người ở gần xác chết 3 ngày. Chúa Giê-su chú ý ở xa La-xa-rô 4 ngày để chắc chắn La-xa-rô đã chết thật, và không còn hy vọng nào khác theo cách nghĩ của các thầy Ra-bi.

11:18 "khoảng ba ki-lô-mét" Giăng 11:18 Đây lại là lời bình luận của Giăng. Nghĩa đen: khoảng 15 ếch-ta-đơ

11:19 "nhiều người Do Thái đến an ủi Ma-thê và Ma-ri" Thường thuật ngữ “người Do-thái” ám chỉ giới lãnh đạo thù hận với Chúa, nhưng ở đây nói về đám đông, những người từ Giê-ru-sa-lem từng biết đến gia đình này. (Xem Giăng 11:31,33,45). Chúa Giê-su yêu mến họ và tìm cách bắt tay họ qua sự phục hồi La-xa-rô.

11:20 "Ma-ri vẫn ngồi ở nhà" Đây là cách bày tỏ tang thương của người Do-thái.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Tang thương theo nghi lễ

Người Do-thái bày tỏ tang thương đối với người quá cố, cũng như sự ăn năn cá nhân và cộng đồng qua một vài cách như sau: :

1. Xé áo ngoài, Sáng-thế-ký. 37:29,34; 44:13; Quan-xét. 11:35; 2 Sa-mu-ên. 1:11; 3:31; 1 Các-vua. 21:27; Gióp 1:20
2. mặc bao bố, Sáng-thế-ký. 37:34; 2 Sa-mu-ên. 3:31; 1 Các-vua. 21:27; Giê-rê-mi. 48:37
3. cởi giày, đi chân đất, 2 Sa-mu-ên. 15:30; Ê-sai. 20:3
4. đặt tay lên đầu, 2 Sa-mu-ên. 13:19; Giê-rê-mi. 2:37
5. rắc đất lên đầu, Giô-suê. 7:6; 1 Sa-mu-ên. 4:12; Neh. 9:1
6. ngồi trệt trên đất, Lam. 2:10; Ê-xê-chi-ên. 26:16 (nằm sòng xoài, 2 Sa-mu-ên. 12:16); Ê-sai. 47:1
7. đâm ngực, 1 Sa-mu-ên. 25:1; 2 Sa-mu-ên. 11:26; Nah. 2:7
8. cắt cửa thân thể, Phục-truyền. 14:1; Giê-rê-mi. 16:6; 48:37
9. kiêng ăn, 2 Sa-mu-ên. 12:16 21:23; 1 Các-vua. 21:27; 1 Sứ-ký. 10:12; Neh. 1:4
10. than thương, 2 Sa-mu-ên. 1:17; 3:31; 2 Sứ-ký. 35:25
11. cạo hoặc nhổ râu, Giê-rê-mi. 48:37
12. cắt ngắn râu, Giê-rê-mi. 48:37
13. che mặt và đầu, 2 Sa-mu-ên. 15:30; 19:4

Đây là những thể hiện bên ngoài của sự đau đớn nội tâm

11:21,32 "nếu Chúa có ở đây thì anh con không chết" Đây là thể điều kiện hạng nhì, có nghĩa rằng: “trái với sự thực”, vậy câu nói của Ma-thê phải được hiểu là: “ Nếu Chúa đã ở đây – mà thực sự Chúa không có ở đây – thì anh con sẽ không chết – mà thực sự anh con đã chết.” Câu nói của Ma-thê và Ma-ri giống hệt nhau, (Xem Giảng 11:32 chắc họ phải nói nguyện với nhau theo ý này trong suốt 4 ngày để tang. Hai chị em cảm thấy gần gũi Chúa đến mức tự do bày tỏ sự thất vọng thầm kín của mình.

11:22 "bất cứ điều gì Thầy xin Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời sẽ ban cho Thầy" không biết chính xác Ma-thê muốn Chúa làm điều gì, vì trong Giảng 11:39 cô ta ngạc nhiên khi thấy anh mình sống lại.

11:23-24 "Anh con sẽ sống lại" Ma-thê có quan điểm thần học giống như các thầy Ra-bi là thân thể người chết sẽ sống lại trong ngày cuối cùng. Có một vài bằng chứng từ trong Cựu Ước ủng hộ quan điểm này (Xem Đa-ni-ên. 12:2; Gióp 14:14; 19:25-27). Chúa Giê-su hướng niềm tin của họ vào thẩm quyền và quyền năng của Ngài (Xem Giảng 11:25; 14:6).

11:24 "vào ngày cuối cùng" Mặc dù Giảng nhấn mạnh sự cứu rỗi hôm nay (Thế mạt học thực tế), ông vẫn trông chờ ngày chung kết tận thế, qua vài dẫn chứng sau đây:

1. Ngày Phán Xét / ngày sống lại (Xem Giảng 5:28-29; 6:39-40,44,54; 11:24; 12:48)
2. "giờ" (Xem Giảng 4:23; 5:25,28; 16:32)
3. sự tái lâm của Chúa Giê-su (Xem Giảng 14:3); (mặc dầu 14:18-19,28 and 16:16,22 có thể nói về sự hiện ra của Chúa sau khi Ngài sống lại, chứ không phải tái lâm thời tận thế)

11:25 "Ta là sự sống lại và sự sống." Đây là một trong 7 câu “Ta-là” của Chúa Giê-su. Đối diện với sự chết của La-xa-rô, Ma-thê được khích lệ trong niềm tin là anh của cô sẽ sống lại. Niềm hy vọng này dựa trên Cá Nhân và quyền năng của Đức Chúa Cha và Chúa Giê-su.(Xem Giảng 5:21). Xem ghi chú ở Giảng 8:12.

Đáng ngạc nhiên thay có một bản papyrus cổ (như P⁴⁵) và vài bản La-tin cổ, Sy-rac và Diatessaron bỏ cụm từ “và là sự sống”. Liên hội Thánh Kinh UBS³ xếp hạng B, nhưng UBS⁴ xếp hạng A cho sự có mặt của cụm từ này (có nghĩa là chắc có”)

11:26 "ai sống mà tin Ta thì sẽ không bao giờ chết" Có một vài đặc điểm trong ngữ pháp ở đây:

1. Đại từ "ai", hay “tất cả” mang tính phổ thông
2. Động tính từ hiện tại, nhấn mạnh niềm tin một cách liên tục. (Giảng 11:25, 26)
3. Phủ nhận kép liên hệ đến sự chết: "sẽ không, không bao giờ chết”. Lễ tất nhiên đây ám chỉ sự chết tâm linh

Trong Giảng, thực tại về cuộc sống đời đời là hiện tại đang có cho tín đồ, chứ không phải sự kiện trong một thời điểm trong tương lai. La-xa-rô được sống lại để làm chứng cho lời tuyên bố của Chúa Giê-su. Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Thế nào là “tiếp nhận”, “tin”, “xưng tội” và “xưng nhận” ở câu 2:23

11:27 "Vâng, thưa Chúa, con tin rằng Chúa là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, Đấng phải đến thế gian" “Con tin Chúa” trong thì hoàn thành - một lời xưng mạnh mẽ về niềm tin cá nhân của Ma-thê vào Giê-su là Đấng Mê-si-a. Về mặt thần học, lời của Ma-thê cũng tương tự như lời của Phi-ê-rô tại Caesarea (Xem Ma-thi-ơ 16).

Ma-thê gọi Chúa bằng vài danh hiệu như sau: .

1. Đấng Christ (thuật ngữ Hy-lạp, tương tự như Mê-si-a trong tiếng Hê-bơ-rơ). Có nghĩa Đấng Được Xức Dầu
2. Con của Đức Chúa Trời(danh hiệu của Mê-si-a trong Cựu Ước)
3. Đấng-Sẽ-Đến, Một danh hiệu khác trong Cựu Ước về Đấng Mê-si-a sẽ đến và đem lại Kỷ nguyên công bình, Xem Giảng 6:14)

Giăng sử dụng hội thoại làm công cụ văn chương để bày tỏ sự thực. Chúng ta thấy những xưng nhận niềm tin khác trong Phúc Âm Giăng, (Xem Giăng 1:29,34,41,49; 4:42; 6:14,69; 9:35-38; 11:27). Xem CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Thế nào là “tiếp nhận”, “tin”, “xưng tội” và “xưng nhận” ở câu 2:23

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIĂNG 11: 28-29

²⁸Nói xong, Ma-thê đi về, gọi riêng em gái là Ma-ri và nói: “Thầy đã ở đây rồi, và cho gọi em đó.” ²⁹Khi nghe điều này, Ma-ri vội vàng đứng dậy đến gặp Ngài.

11:28 "Thầy" Bản The NASB Study Bible (p. 1540) có câu bình luận về danh hiệu “thầy” ở đây, được gọi bởi một phụ nữ. Các Ra-bi không dạy phụ nữ, còn Chúa dạy họ thường xuyên (Xem Giăng 4:27),

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH

I. Cựu ước

- A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu
 1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
 2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
 3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
 4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)
- B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ tương giữa nam và nữ
 1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27)
 2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
 3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
 4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)
 5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
 6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)
- C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:
 1. Mi-ri-am, chị của Môi-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
 2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đàn các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)
 3. Đê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
 4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa “Sách Luật pháp” vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sử ký 34:22-27)
 5. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tư

II. Tân ước

- A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-lạp đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)
- B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:
 1. Ê-li-sa-bét và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)
 2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
 3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14, 40)
 4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
 5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)
 6. Bê-rít-sin, bạn đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26; Rô-ma 16:3)
 7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bết-si-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê, và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)

8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, bạn đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)

III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh thánh?

- A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chi áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?
1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
 2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
 - a. Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo (I Cô-rinh-tô 6)
 - b. Duy trì nô lệ (I Cô-rinh-tô 7:20-24)
 - c. Sống độc thân (I Cô-rinh-tô 7:1-35)
 - d. Trinh nữ (I Cô-rinh-tô 7:36-38)
 - e. Thức ăn tế thần (I Cô-rinh-tô 10:23-33)
 - f. Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11)
 3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, đề cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.

- B. Sự giải nghĩa Kinh thánh phải nhắm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thế kỷ thứ nhất, và chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?!

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 11:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *Corinth After Paul Left*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bớt để Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép để đi ra chia sẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh thánh dường như trả lời rằng, “Vâng, có”!

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh thánh hiển nhiên này, như vấn đề không

đúng đắn của chế độ nô lệ, tẻ phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác, và sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tẻ. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

How to Read the Bible for All Its Worth của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)

Gospel and Spirit: Issues in New Testament Hermeneutics của Gordon Fee

Hard Sayings of the Bible của Walter C. Kaiser, Phi-ê-rơ H. Davids, F.F. Bruce và Manfred T. Branch (trang 613-616; 665-667).

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIẢNG 11:30-37

³⁰Lúc ấy, Đức Chúa Jê-sus chưa vào làng mà vẫn còn đứng tại nơi Ma-thê đã đón Ngài. ³¹Khi những người Do Thái đang ở trong nhà với Ma-ri, để an ủi cô, thấy cô vội vàng đứng dậy đi ra thì đi theo, vì nghĩ rằng cô đi đến mộ để khóc. ³²Khi đến chỗ Đức Chúa Jê-sus, vừa thấy Ngài thì Ma-ri phủ phục dưới chân Ngài và nói: “Thưa Chúa, nếu có Chúa ở đây thì anh con không chết.” ³³Đức Chúa Jê-sus thấy Ma-ri khóc, và những người Do Thái đi với cô cũng khóc, thì trong lòng bồi hồi, xúc động và hỏi: “Các con đã chôn anh ấy ở đâu?” ³⁴Họ đáp: “Thưa Chúa, xin hãy đến xem.” ³⁵Đức Chúa Jê-sus khóc. ³⁶Vì vậy, những người Do Thái nói: “Xem kìa, ông ấy yêu thương La-xa-rơ biết chừng nào!” ³⁷Nhưng vài người trong số họ nói: “Ông ấy đã mở mắt người mù, lại không thể làm cho người này khỏi chết sao?”

11:30 Đây là lời bình luận của tác giả.

11:33

NASB"trong lòng bồi hồi, xúc động"

NKJV"Ngài rên rỉ trong tâm hồn và xúc động"

NRSV"Ngài xao động trong tâm hồn và động lòng."

TEV"Tim Ngài rung động và Ngài xao xuyến một cách sâu sắc"

NJB"Giê-su đau buồn và thờ dài sườn sượt."

Nghĩa đen của động từ là này là “khịt khịt trong tâm hồn” một thành ngữ thường dùng để mô tả sự giận dữ. (Xem Đa-ni-ên. 11:30 [LXX]; Mác 1:43; 14:5). Nhưng ngữ cảnh thể hiện một sự đau lòng sâu sắc. Mặc dù có thể Chúa giận dữ về cái chết, (Xem Giảng 11:38) nhưng ở đây Chúa thể hiện sự cảm thông của một người đối với sự mất mát của bạn bè. (Xem Giảng 11:33,35,36,38)

11:35 "Đức Chúa Jê-sus khóc" Đây là câu Kinh thánh ngắn nhất. Sự chết không phải là ý muốn của Chúa, nhưng là hậu quả của sự bạo loạn. Chúa Giê-su cảm nhận nỗi đau đớn của người thân và sự trải nghiệm cuộc sống của những người theo Chúa.

Sự Chúa khóc là cách Chúa bày tỏ đau thương một cách yên lặng, cá nhân, không như tang chế công cộng ở trong Giảng 11:33

11:37 Câu hỏi của một số người trông đợi câu trả lời khẳng định “có”. Đây cũng là ý kiến của Ma-thê và Ma-ri trong Giảng 11:21 và Giảng 11:32.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIẢNG 11:38-44

³⁸Đức Chúa Jê-sus lại xúc động hơn nữa, liền đi đến phần mộ. Đó là một cái hang có một tảng đá chặn lại. ³⁹Đức Chúa Jê-sus bảo: “Hãy dời tảng đá đi.” Ma-thê, em gái của người quá cố, thưa rằng: “Thưa Chúa, đã có mùi, vì anh ấy nằm ở đây đã bốn ngày rồi.” ⁴⁰Đức Chúa Jê-sus lại bảo: “Ta đã chẳng nói với con rằng, nếu con tin thì sẽ thấy vinh quang của Đức Chúa Trời sao?” ⁴¹Vậy, họ dời tảng đá đi. Đức Chúa Jê-sus ngược mắt lên và nói: “Thưa Cha, Con tạ ơn Cha, vì đã nhậm lời Con. ⁴²Con biết Cha luôn nhậm lời Con, nhưng Con nói điều này vì những người đang đứng quanh đây, để họ tin rằng Cha đã sai Con đến.” ⁴³Nói xong, Ngài kêu lớn: “Hỡi La-xa-rơ, hãy ra!” ⁴⁴Người chết đi ra, chân tay buộc vải liệm, mặt phủ một tấm khăn. Đức Chúa Jê-sus bảo họ: “Hãy mở cho anh ấy, và để anh ấy đi.”

11:38 "một cái hang " Trong thời của Chúa, mồ mà có thể là

1. hang tự nhiên (*Baba Bathra* 6:8)
2. hang được đục từ vách núi và được che đậy bằng tảng đá tròn lăn dọc theo rãnh. .
3. hố được đào xuống đất và được che đậy bởi tảng đá lớn.

Tù khảo cổ chúng ta biết khả năng thứ nhất là hợp lý.

11:39 "Hãy dời tảng đá đi" Một tảng đá lớn được lăn theo rãnh, để đậy hang, bảo vệ mộ khỏi kẻ trộm và thú vật.

▣ **"anh ấy nằm ở đây đã bốn ngày rồi"** Thành ngữ Hy-lạp. nghĩa đen là “người bốn ngày tuổi”

11:40 "Nếu" Thễ điều kiện hạng ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra. Cấu trúc ngữ pháp câu hỏi trông đợi câu trả lời khẳng định “có”

▣ **"vinh quang của Đức Chúa Trời "** Vinh quang của Đức Chúa trời được bày tỏ qua công việc của Chúa Giê-su (Xem Giảng 11:4 và xem ghi chú ở câu Giảng 1:14.

11:41 "Đức Chúa Jê-sus ngược mắt lên " Người Do-thái cầu nguyện với tư thế đứng thẳng, hay tay vươn ra, mắt hướng lên trời. “Ngược mắt lên” là thành ngữ nói về sự cầu nguyện. (Xem Giảng 17:1).

▣ **"đã nhậm lời Con"** Chúa Giê-su lắng nghe Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha lắng nghe Ngài. (Xem Giảng 8:26,40; 15:15) Đây là cách chơi chữ của Giảng về các động từ “ngắm nhìn”, “lắng nghe” tương tự với “tiếp nhận”, “tin theo” (Giảng 1:12) và “tin cậy” (Giảng 3:16). La-xa-rơ đã nghe được tiếng Chúa Phán và quay về sự sống.

11:42 Câu này, qua lời cầu nguyện và phép lạ, nói về sứ mạng của Chúa Giê-su. Chúa làm phép lạ để khích lệ niềm tin cho các môn đồ, đồng thời khởi đầu niềm tin cho dân cư thành Giê-ru-sa-lem.

Về mặt thần học, Chúa Giê-su tôn vinh thẩm quyền và sự ưu tiên của Đức Chúa Cha qua công việc của Ngài (Xem Giảng 5:19,30; 8:28; 12:49; 14:10). Phép lạ này bày tỏ mối liên hệ mật thiết của Chúa và Cha. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sai phái (*apostellō*) ở câu 5:24

11:43 "Ngài kêu lớn: “Hỡi La-xa-rơ, hãy ra!” Có người bình luận, nếu Chúa Giê-su không nhắc tên riêng La-xa-rơ một cách cụ thể, tất cả người chết trong cả nghĩa địa sẽ trỗi dậy và rời khỏi mồ mả!

11:44 Để chuẩn bị chôn cất, xác người chết được rửa bằng nước, rồi được cuốn trong tấm vải với hương liệm khử mùi. Xác chết sẽ được chôn trong vòng 24 giờ, bởi người Do-thái không ướp xác người chết

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẬP TỤC CHÔN CÁT

- I. Mê-sô-pô-ta-mi
 - A. Việc chôn cất đúng cách rất quan trọng cho hạnh phúc trong “đời sau”.
 - B. Ví dụ có một lời nguyện rủa của người Mesopotami là, “Cầu cho đất không nhận thân xác người”.
- II. Cựu ước
 - A. Chôn cất đúng cách rất quan trọng (xem Truyền-đạo 6:3).
 - B. Nó được thực hiện rất nhanh chóng (xem Sa-ra trong Sáng-thế Ký 23 và Ra-chên trong Sáng-thế Ký 35:19 cũng như lưu ý Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:23).
 - C. Việc chôn cất không đúng cách là dấu hiệu của sự khước từ và tội lỗi.
 1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:26
 2. Ê-sai 14:2
 3. Giê-rê-mi 8:2; 22:19
 - D. Nếu có thể thì việc chôn cất được tiến hành nơi phần mộ gia đình hay là hang động trong khu vực sinh sống.
 - E. Không có ướp xác giống như ở Ai-cập. Con người từ bụi đất và phải trở về bụi đất (Sáng-thế Ký 3:19; Thi-thiên 103:14; 104:29).
 - F. Trong Do-Thái-Giáo, khó để quân bình giữa việc tôn trọng và xử lý xác chết với khái niệm bị ô uế vì tiếp xúc với người chết.
- III. Tân ước
 - A. Việc chôn cất được thi hành nhanh chóng sau khi chết, thường là trong vòng hai mươi bốn giờ. Người Do thái thường trông chừng ngôi mộ trong ba ngày vì tin rằng linh hồn có thể nhập lại vào xác chết trong khoảng thời gian đó (xem Giăng 11:39).
 - B. Việc chôn cất bao gồm làm sạch xác và quấn lại với những hương liệu (xem Giăng 11:44; 19:39-40).
 - C. Trong thế kỷ thứ nhất tại vùng Pa-les-tin, không có sự khác biệt trong nghi thức chôn cất hay những vật đặt trong mộ giữa Do-Thái-Giáo và Cơ-Đốc-Giáo.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIẢNG 11:45-46

⁴⁵Nhiều người Do Thái đến thăm Ma-ri, thấy điều Đức Chúa Jêsus làm thì tin Ngài. ⁴⁶Nhưng có vài người trong số đó đi đến với người Pha-ri-si, kể cho họ những gì Đức Chúa Jêsus đã làm. Âm mưu chống đối Đức Chúa Jêsus

11:45 “Nhiều người Do Thái đến thăm Ma-ri, thấy điều Đức Chúa Jêsus làm thì tin Ngài” Đây là chủ đề thường thấy trong Phúc Âm Giăng. (Xem Giăng 20:30-31). Câu này cũng được dùng như khuôn mẫu (Xem Giăng 2:23; 7:31; 8:30; 10:42; 11:45; 12:11,42). Nhưng cũng nên nhớ rằng: niềm tin trong Giăng có nhiều mức độ và không phải mức độ nào cũng đạt tới sự cứu rỗi (Xem Giăng 2:23-25; 8:30 và các câu tiếp theo). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: các dùng động từ “tin” trong Phúc Âm Giăng ở câu 2:23.

11:46 “vài người trong số đó đi đến với người Pha-ri-si, kể cho họ những gì Đức Chúa Jêsus đã làm” Thật ngạc nhiên về sự mù lòa tâm linh của một số người, mặc dầu chứng kiến một phép lạ kỳ diệu cùng với sự giảng dạy hùng hồn như vậy. Chúa Giê-su luôn chia rẽ đám đông thành hai nhóm: nhóm tin theo Ngài và nhóm từ chối chân lý trong Ngài. Một phép lạ hùng mạnh như vậy cũng không đem một số người tới niềm tin. (Xem Lu-ca 16:30-31).

⁴⁷Vì vậy, các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si họp Hội đồng Công luận, và nói rằng: “Chúng ta phải làm gì đây? Người này thực hiện quá nhiều dấu lạ.”⁴⁸Nếu chúng ta cứ để ông ấy tiếp tục như thế này thì tất cả sẽ tin ông ta, rồi người Rô-ma sẽ đến đánh chiếm cả nơi này lẫn đất nước chúng ta.”⁴⁹Nhưng một người trong số họ là Cai-phe, thầy tế lễ thượng phẩm trong năm ấy, nói với họ: “Các ông chẳng biết gì cả! ⁵⁰Các ông không hiểu rằng, thà để một người chết thay cho dân, còn hơn cả dân tộc phải bị hủy diệt.” ⁵¹Ông ta không tự nói điều đó, nhưng vì là thầy tế lễ thượng phẩm trong năm ấy, nên ông ta nói tiên tri về Đức Chúa Jê-sus sẽ vì dân chịu chết, ⁵²không phải chỉ vì dân tộc này mà thôi, nhưng cũng để quy tụ những con cái của Đức Chúa Trời bị tan lạc lại làm một. ⁵³Từ ngày ấy, họ lập mưu để giết Ngài.

11:47 ", các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si họp Hội đồng Công luận," Đây đang nói về những nhóm San-hê-rin cầm quyền trong tòa phẩm phán tối cao ở Giê-ru-sa-lem. Nhóm này gồm có 70 người. Các trưởng tế thuộc nhóm Sa-đu-se có cả xu hướng chính trị và tôn giáo, chỉ chấp nhận văn tự của Mô-sê và không tin có sự sống lại. Ngoài nhóm này là nhóm Pha-ra-si, bình dân hơn, nhưng rất máy móc trong luật pháp chủ nghĩa. Họ tin (1) cả Cựu ước, (2) công vụ của thiên sứ, (3) sự sống sau khi chết. Hai nhóm cuối này thường chống nghịch nhau, nhưng cũng có thể sát cánh với nhau trong một mục đích. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Pha-ri-si ở câu 1:24 và CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: San-hê-rin ở câu 3:1

▣ "**Người này thực hiện quá nhiều dấu lạ**" gọi Chúa là "người này" mà tránh không nhắc đến tên Ngài là một sự thỏa mạ. Mặc dầu chúng kiến phép lạ kỳ diệu, định kiến khiến họ trở nên mù loà.(Xem 2 Cô-rin-tô. 4:4).

11:48 "Nếu" Đây là thể điều kiện hang ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra.

▣ "**tất cả sẽ tin ông ta**" Sự ghen tỵ và khác biệt về tín lý khiến họ không tin tưởng và sợ hãi Chúa. Chữ "tất cả" họ nói ở đây bao gồm cả những người Sa-ma-ri và ngoại bang. (Xem Giảng 10:16). Ngoài ra còn có yếu tố chính trị cho nỗi sợ hãi của họ: sự trừng phạt của chính quyền La-mã.

▣ "**rồi người Rô-ma sẽ đến đánh chiếm cả nơi này lẫn đất nước chúng ta.**" Đây là một tiên tri được phát ngôn một cách hài hước trong Giảng, nhưng được ứng nghiệm thực sự trong năm 70 S.C.N, dưới sự tấn công của vị tướng Ti-tus mà sau này trở nên hoàng đế La-mã.

Thực tại chính trị của đế quốc La-mã là một phần không thể thiếu được của niềm hy vọng trong thời tận thế. Người Do-thái tin rằng Đức Chúa Trời sẽ sai đến một lãnh tụ tôn giáo / quân sự để giải phóng họ khỏi bàn tay của Rô-ma. Để ứng nghiệm ước vọng này, có một vài người tự xưng mê-si-a đã khởi xướng phong trào nổi dậy trong xứ Pa-lét-xtin

Chúa Giê-su tuyên bố vương quốc của Ngài không phải là vương quốc chính trị tạm bợ, nhưng là vương quốc thuộc linh, được thiết lập trên toàn thể gian trong tương lai (theo Khải huyền). Ngài thực hiện các lời tiên tri Cựu Ước, không với tư cách vị anh hùng dân tộc theo cách trông đợi của người Do-thái lúc bấy giờ. Vì lý do này mà Ngài bị từ chối bởi hầu hết mọi người Do-thái đương thời.

11:49 "Cai-phe, thầy tế lễ thượng phẩm trong năm ấy" Chức vụ thầy Tế Lễ tối cao là chức vụ của cả cuộc đời và truyền sang từ cha tới một trong những người con (Xem Xuất-Ê-gíp-tô 28), Nhưng sau khi La-mã chiếm đóng, chức vụ này được bán đấu giá cho ai trả tiền nhiều nhất, bởi vì nguồn thu nhập đáng trong khu vực đền thờ và núi Ô-li-vo. Cai-phe trở nên thầy tế lễ tối cao trong năm 18-36. Ông là con rể của thầy tế lễ tối cao Annas (6-15 S.C.N)

11:50-52 Đây là một ví dụ nữa về sự hóm hỉnh của Giảng - Thầy tế lễ tối cao công bố Phúc Âm

11:50 "thà để một người chết thay cho dân" Bối cảnh từ Cựu Ước cho câu này là quan điểm của người Do-thái về công đồng: Một người dù tốt hay xấu đều ảnh hưởng đến tất cả mọi người (như A-đam, Ê-va, A-chan. Quan điểm này là nền tảng cho hệ thống sinh tể, đặc biệt trong Ngày Đại Lễ Chuộc Tội, (Lê-vi-ký 16), khi đó một con thú vô tội sẽ đem đi tội lỗi của cả dân tộc. Đây cũng là khái niệm về Đấng Mê-si-a trong Ê-sai 53. Trong Tân Ước, hình ảnh A-dam/ Đấng Christ (xem Ro-ma. 5:12-21) phản chiếu khái niệm này

11:51

NASB, REV,
NET"rằng Chúa Giê-su sẽ chết"
NKJV, NIV,
REB"rằng Chúa Giê-su có thể chết"
NRSV"rằng Chúa Giê-su sắp chết"
NJB"rằng Chúa Giê-su phải chết"

Cuốn NIDOTTE, vol. 1, p. 326, có lời bình luận về cách sử dụng động từ *mellō* ("phải" "bắt buộc," "chắc chắn") khi nói về ý chỉ của Đức Chúa Trời về công tác cứu chuộc của Đấng Christ

1. Mác 10:32
2. Ma-thi-ơ 17:22
3. Lu-ca 9:31,44; 24:21; Công-vụ 26:23
4. Giăng 7:39; 11:51; 12:33; 14:22; 18:32,

Cũng nói chắc chắn về sự phản bội của Giu-đa

1. Lu-ca 22:23
2. Giăng 6:71; 12:4

Lu-ca, tác giả sách Công-vụ, dùng động từ *mellō* ("phải" "bắt buộc," "chắc chắn") trong sự thực hiện tiên tri (như., Công-vụ 11:28; 24:15; 26:22). Tất cả mọi sự kiện liên hệ đến cứu rỗi đều nằm trong bàn tay của Đức Chúa Trời. (Xem Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29)!

11:52 "để quy tụ những con cái của Đức Chúa Trời " Dường như đây cũng là lời bình luận của Giăng, tương đương với câu Giăng 10:16. Con cái của Đức Chúa Trời có thể là

1. người Do-thái sống ngoài Pa-lét-xtin
2. người Do-thái không thuần chủng như dân Sa-ma-ri
3. người ngoại bang

Khả năng thứ 3 thích hợp nhất. Tuy nhiên dù “con cái Đức Chúa Trời “ là nhóm người nào chăng nữa, sự chết của Chúa Giê-su sẽ đem lại sự hiệp một cho công đồng cùng niềm tin. (Xem Giăng 1:29; 3:16; 4:42; 10:16).

11:53 "Từ ngày ấy, họ lập mưu để giết Ngài" “lập mưu để giết Ngài “ là chủ đề lặp lại trong cả Phúc Âm Giăng (Xem Giăng 5:18; 7:19; 8:59; 10:39; 11:8).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) 11:54

⁵⁴Vì thế, Đức Chúa Jêsus không đi lại một cách công khai giữa những người Do Thái, nhưng đi trong vùng gần hoang mạc, đến một thành gọi là Ép-ra-im và ở lại đó với các môn đồ.

11:54 "Đức Chúa Jêsus không đi lại một cách công khai giữa những người Do Thái" Giăng 12 là chương cuối cùng nói về những cố gắng của Chúa với những lãnh đạo Do-thái.

Cụm từ “một cách công khai” (Xem Giăng 7:26; 11:54; 18:20) thường có nghĩa là mạnh dạn. Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: sự dạn dĩ (*parrhēsia*) ở câu Giăng 7:4.

▣ "đến một thành gọi là Ép-ra-im " Thành phố này ở gần Bê-tên xứ Sa-ma-ri(Xem 2 Sử-ký. 13:19).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIẢNG 11:55-57

⁵⁵Lễ Vượt Qua của dân Do Thái gần đến, nhiều người từ các vùng quê đi lên thành Giê-ru-sa-lem để thanh tẩy trước kỳ lễ.⁵⁶Bấy giờ, họ tìm Đức Chúa Jê-sus và đứng bàn tán với nhau trong đền thờ: “Anh em nghĩ thế nào? Ông ấy không đến dự lễ sao?”⁵⁷Còn các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si ra lệnh: nếu ai biết Đức Chúa Jê-sus ở đâu thì phải báo cho họ biết, để họ bắt Ngài.

11:55-57 Câu này liên kết hai chương Giảng 11 và 12.

11:55 "để thanh tẩy trước kỳ lễ" Đây nói về các thủ tục thanh tẩy chuẩn bị cho lễ Vượt Qua. Mọi người vẫn tranh luận về thời gian Chúa Giê-su giáo huấn, giảng đạo và phục vụ trên thế gian. Mọi người hiểu rằng Chúa có thể phục vụ khoảng 1-2 năm theo các Phúc Âm Đồng. Nhưng Giảng nhắc đến nhiều Lễ Vượt Qua hàng năm hơn, ít nhất ba lần (Xem Giảng 2:13; 6:4; and 11:55) và có thể thêm một lần nữa Giảng 5:1.

11:57 Đây là lời bình luận của Giảng.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Chúa Giê-su cho phép La-xa-rô chết?
2. Phép lạ này có mục đích hướng vào ai?
3. Thế nào là sự khác biệt giữa sự sống lại và sự hồi sinh (tỉnh lại) ?
4. Vì sao các lãnh tụ Do-thái cảm thấy khó chịu về sự sống lại của La-xa-rô?

GIẢNG 12

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Xức dầu tại Bê-tha-ni	Xức dầu tại Bê-tha-ni	Xức dầu tại Bê-tha-ni	Xức dầu tại Bê-tha-ni	Xức dầu tại Bê-tha-ni
12:1-8	12:1-8	12:1-8	12:1-6 12:7-8	12:1-8
Âm mưu sát hại La-xa-rơ	Âm mưu sát hại La-xa-rơ		Âm mưu sát hại La-xa-rơ	
12:9-11	12:9-11	12:9-11	12:9-11	12:9-11
Tiến vào Giê-ru-sa-lem một cách khả hoàn	Tiến vào một cách khả hoàn	Chủ Nhật “Lá Cọ”	Tiến vào Giê-ru-sa-lem một cách khả hoàn	Đấng Mê-si-a tiến vào Giê-ru-sa-lem
12:12-19	12:12-19	12:12-19	12:12-13 12:14 12:15 12:16 12:17 12:18-19	12:12-19
Một số người Hy-lạp tìm Chúa	Ngụ ngôn về một hạt lúa mì	Công vụ công khai của Chúa kết thúc	Một số người Hy-lạp tìm Chúa	Giê-su báo trước sự chết và sự vinh hiển tiếp theo của mình
12:20-26	12:20-26	12:20-26	12:20-21 12:22-26	12:20-28a
Con Người phải được nâng cao	Báo trước sự chết trên thập tự		Giê-su nói về sự chết của Ngài	
12:27-36a	12:27-36	12:27-36a	12:27-28a 12:28b 12:29 12:30-33 12:34 12:35-36a	12:28b 12:29-32 12:33-36a

sự vô tin của người Do-thái	Ai tin lời rao báo của chúng ta?		sự vô tin của nhiều người	
12:36b-43		12:36b-43	12:36b-38	12:36b
				Kết luận: sự vô tin của người Do-thái
	12:37-41			12:37-38
			12:39-40	12:39-40
			12:41	12:41
	Đi trong ánh sáng		12:42-43	12:42-50
Phán xét bởi lời Giê-su	12:42-50		Phán xét bởi lời Giê-su	
12:44-50		12:44-50	12:44-50	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 45. Phân đoạn 1
- 46. Phân đoạn 2
- 47. Phân đoạn 3
- 48. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 1-50

- A. Cả bốn Phúc âm đều ghi nhận việc xúc dầu cho Chúa bởi một phụ nữ. Điều này chứng tỏ tầm quan trọng của sự kiện này. Tuy nhiên Mác 14:3-9, Ma-thi-ơ 26:6-13, and Giăng 12:2-8 xác định đây là Ma-ri em gái của La-xa-rơ, còn Lu-ca 7:36-50 xác định một người khác ở xứ Ga-li-lê.
- B. Giăng 12 kết thúc mục vụ công cộng của Chúa Giê-su (Xem Giăng 12:29). Ngài đã cố gắng nhiều lần dẫn dắt nhóm lãnh đạo tới niềm tin, Giăng 11 nói về sự cố gắng của Chúa cho dân Giê-ru-sa-lem.
- C. Có năm nhóm người hiện diện trong chương này:
 1. Người chứng kiến việc hồi sinh của La-xa-rơ, Giăng 12:17
 2. Đám đông đến từ Giê-ru-sa-lem, Giăng 12:9
 3. Đám người hành hương đi dự Lễ Vượt Qua, Giăng 12:12,18,29,34
 4. Có thể có nhóm người ngoại, Giăng 12:20
 5. Có thể có nhóm lãnh đạo Do-thái có niềm tin nơi Ngài, Giăng 12:42

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIẢNG 12:1-8

¹Sáu ngày trước lễ Vượt Qua, Đức Chúa Jê-sus đến làng Bê-tha-ni là nơi ở của La-xa-rô, người mà Ngài đã khiến từ cõi chết sống lại. ²Họ dọn tiệc đãi Ngài tại đó. Ma-thê phục vụ, còn La-xa-rô là một trong số những người cùng ngồi bàn với Ngài. ³Ma-ri lấy một cân dầu cam tùng nguyên chất rất quý giá xức chân Đức Chúa Jê-sus, rồi dùng tóc mình lau chân Ngài. Mùi dầu thơm tỏa khắp nhà. ⁴Nhưng một trong các môn đồ của Đức Chúa Jê-sus là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, kẻ sau này phản Ngài, nói rằng: ⁵“Sao không bán dầu thơm này lấy ba trăm đơ-ni-ê để cho người nghèo?” ⁶Anh ta nói vậy không phải vì quan tâm đến người nghèo, nhưng vì vốn là một tên trộm cắp, lại giữ túi tiền, nên anh ta thường lấy trộm tiền mà người ta bỏ vào đó. ⁷Đức Chúa Jê-sus bảo: “Hãy để cô ấy yên, vì cô ấy đã để dành dầu thơm này cho ngày chôn cất Ta. ⁸Các con luôn có người nghèo ở với mình, nhưng các con không có Ta mãi đâu.”

12:1 "Sáu ngày trước lễ Vượt Qua" Thứ tự thời gian ở đây khác với trong Ma-thi-ơ 26:2. Độc giả nên nhớ tiêu điểm chính của Phúc Âm nằm trong thứ tự thời gian, nhưng trong hành động và chân lý về Cá Nhân và công vụ của Chúa Giê-su. Phúc Âm không phải là tiêu sử, nhưng là truyền đạo đơn nhắm vào các đối tượng khác nhau.

12:2 "họ" có thể là người làng Bê-tha-ni, là những người đãi cơm Chúa và mừng La-xa-rô sống lại. Tuy nhiên Ma-thi-ơ 26:6 nói về sự kiện xảy ra ở nhà của Si-mon người bệnh phong.

12:3 "một cân" tương đương một “pao” La-mã, hay 1/3 lít dầu thơm. Đây có thể là của hồi môn của Ma-ri. Nhiều phụ nữ chưa lập gia đình thường đeo dầu thơm trong lọ nhỏ trên dây chuyền cổ.

NASB "một pao dầu cam tùng nguyên chất rất mắc tiền"

NKJV "một pao dầu cam tùng rất mắc tiền"

NRSV "một pao dầu thơm rất mắc tiền, chế từ cam tùng nguyên chất "

TEV "một panh dầu thơm rất mắc tiền, chế từ cam tùng nguyên chất "

NJB "một pao dầu xức rất mắc tiền, cam tùng nguyên chất "

Có nhiều phỏng đoán về ý nghĩa cụm từ (cam tùng nguyên chất) có thể là (1) Nguyên chất, (2) chất lỏng (3) tên địa danh. Dầu thơm được làm từ một loại rễ cây có hương vị xuất xứ ở Hy-ma-lay-a. Xem James M Freeman, *Manners and Customs of the Bible*, pp. 379-380.

▣ **"xức chân Đức Chúa Jê-sus"** Các Phúc Âm khác kể về một sự việc như Giảng 12:2, nói về một phụ nữ xức dầu thơm cho đầu Chúa. Thực ra Ma-ri bắt đầu xức dầu từ đầu tới chân. Lý do chân Chúa lộ ra là Ngài đang ngồi tựa một cái bàn thấp, dựa trên cùi chỏ trái của mình.

Đây là cách dùng một từ với hai ý nghĩa của Giảng. Dầu thơm để chuẩn bị cho thân thể trước khi chôn cất. (Xem Giảng 19:40). Ma-ri hiểu rõ sứ điệp về cái chết sắp tới của Chúa nhiều hơn các môn đồ (Xem Giảng 12:7). Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Xức dầu trong Kinh Thánh (BDB 603).

▣ **"Mùi dầu thơm tỏa khắp nhà"** Đây là lời bình luận với mình họa hình ảnh một cách chi tiết trong lời chứng của tác giả. Giảng nhớ lại hết sức rõ ràng bầu không khí trong thời điểm này.

12:4 "Giu-đa Ích-ca-ri-ốt" Thuật Ngữ “Ích-ca-ri-ốt có thể là (1) một thành của Giu-đê (Kerioth Xem Giô-suê. 15:25) hoặc (2) lưỡi dao của người ám sát. Trong vòng các tác giả Phúc Âm, Giảng là người có ngôn ngữ nghiêm khắc nhất đối với Giu-đa. (Xem Giảng 12:6). Xem thêm ghi chú phân đoạn Giảng 6:70-71.

▣ **"phản Ngài"** Đây là lời bình luận của tác giả. Bình thường không nói về sự phản bội. Nghĩa đen là trao cho, giao cho một cách tin cậy. Xem ghi chú ở câu Giảng 18:2.

12:5 "ba trăm đơ-ni-ê" một Đơ-ni-ê tương đương với một ngày công của người lính và người làm thuê. Ba trăm Đơ-ni-ê tương đương gần một năm thu nhập.

12:6 Đây là lời bình luận của tác giả. Hơn bất cứ tác giả Phúc Âm khác, Giảng lên án Giu-đa hết sức nghiêm khắc.

B, NKJV "hộp tiền"
NRSV "túi chung"
TEV "túi tiền"
NJB "tiền chung"

Từ thuật này có nghĩa một hộp nhỏ, thường được các nhạc gia dùng đựng miếng kèn, miếng sáo

▣ **"anh ta thường lấy trộm tiền mà người ta bỏ vào đó"** Thuật ngữ Hy-lạp có nghĩa là “mang, cầm” được sử dụng theo hai cách: (1) Giu-đa cầm hộp tiền, (2) cầm theo những gì trong hộp tiền. Câu này được ghi chép trong Giảng với mục đích chứng tỏ: Giu-đa lấy có quan tâm với người nghèo để ăn cắp tiền cho bản thân.

12:7 Đây là một lời nói hơi lạ: về hành động rộng lượng và lòng tận hiến của Ma-ri, hay phong tục chôn cất mà Chúa sẽ đi qua? (Xem Giảng 19:40). Đây là lời tiên tri trong Giảng.

12:8 "Các con luôn có người nghèo ở với mình" Câu này liên hệ tới Phục-truyền. 15:4,11. Đây không có ý hạ thấp nỗi quan tâm người nghèo, nhưng nhấn mạnh sự hiện diện của Đấng Mê-si-a là Chúa Giê-su (Xem Giảng 12:35; 7:33; 9:4). Cựu Ước duy nhất trong các văn tự cổ xưa đề cập tới nghĩa vụ chăm sóc người nghèo.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIẢNG 12:9-11

⁹Một đám đông người Do Thái biết Đức Chúa Jê-sus ở đó thì kéo đến, không phải chỉ vì Ngài mà thôi, nhưng cũng để xem La-xa-rơ, người mà Ngài đã khiến từ cõi chết sống lại. ¹⁰Cho nên các thầy tế lễ cả cũng định giết luôn La-xa-rơ nữa, ¹¹vì do anh mà nhiều người Do Thái đã bỏ họ và tin Đức Chúa Jê-sus.

12:9 "Một đám đông người Do Thái biết Đức Chúa Jê-sus ở đó" Đây là các dùng thuật ngữ khác thường trong Giảng. Bình thường cụm từ người Do-thái có nghĩa là nhóm lãnh đạo chống đối Chúa Giê-su, nhưng ở đây nói về dân sống ở Giê-ru-sa-lem, người quen của La-xa-rơ có mặt ở đám tang. Giảng 11:19, 45; 12:17.

12:10 "các thầy tế lễ cả cũng định giết luôn La-xa-rơ nữa" Họ muốn hủy phá tang chứng của phép lạ. Động cơ của họ là sự sợ hãi (Xem Giảng 11:48) và ghen tỵ (Xem Giảng 11:48; 12:11).

Họ nghĩ rằng việc làm La-xa-rơ sống lại là một sự kiện đơn độc, hiếm có. Sự mù lòa và định kiến của những người lãnh đạo Do-thái phản chiến tình trạng tâm tối chung của nhân loại.

12:11 câu này liên hệ tới 11:45. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Cách Giảng sử dụng động từ “tin” ở câu 2:23.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIẢNG 12:12-19

⁹Một đám đông người Do Thái biết Đức Chúa Jê-sus ở đó thì kéo đến, không phải chỉ vì Ngài mà thôi, nhưng cũng để xem La-xa-rơ, người mà Ngài đã khiến từ cõi chết sống lại. ¹⁰Cho nên các thầy tế lễ cả cũng định giết luôn La-xa-rơ nữa, ¹¹vì do anh mà nhiều người Do Thái đã bỏ họ và tin Đức Chúa Jê-sus. ¹²Hôm sau, có đoàn người rất đông đến dự lễ. Khi nghe nói Đức Chúa Jê-sus đang đến thành Giê-ru-sa-lem ¹³thì họ lấy cành cọ, đi ra đón Ngài và tung hô rằng: “Hô-sa-na! Phước cho

Đấng nhân Danh Chúa mà đến, là Vua của Y-sơ-ra-ên."

¹⁴Đức Chúa Jê-sus gặp một con lừa con thì cưới lên, như lời đã chép:

¹⁵"Hỡi con gái Si-ôn, đừng sợ!

Kìa, vua ngươi đến, cưới trên lừa con!"

¹⁶Thoạt đầu, các môn đồ không hiểu những điều đó, nhưng khi Đức Chúa Jê-sus đã được tôn vinh, lúc ấy họ mới nhớ lại những điều đó được chép về Ngài, và đã được thực hiện cho Ngài. ¹⁷Đoàn người đã ở với Đức Chúa Jê-sus lúc Ngài gọi La-xa-rơ ra khỏi mộ, và khiến anh ấy từ cõi chết sống lại, đều làm chứng về Ngài. ¹⁸Sở dĩ đoàn người đi đón Ngài, là vì họ đã nghe nói Ngài thực hiện dấu lạ đó. ¹⁹Vì thế, những người Pha-ri-si nói với nhau: "Các ông thấy không, các ông chẳng làm gì được cả. Hãy xem, cả thiên hạ đều theo ông ta."

12:12-19 Đây là sự tiến vào Giê-ru-sa-lem một cách khả hoàn theo cách nhìn của Giảng (Xem Ma-thi-ơ 21:1-11; Mác 11:1-11; Lu-ca 19:29-38).

12:12 "Hôm sau, có đoàn người rất đông đến dự lễ" Những người đàn ông Do-thái phải dự lễ ba ngày theo quy định trong Xem Xuất-Ê-gíp-tô. 23:14-17; Lê-vi-ký 23; Phục-truyền. 16:16. Ước vọng cả cuộc đời của những người sống ngoại vọng là được dự lễ ở Giê-ru-sa-lem. Trong những ngày lễ, số người có mặt ở Giê-ru-sa-lem tăng gấp 3-5 lần lúc bình thường. Câu này nói về một số lượng rất đông những người hành hương tò mò đã từng nghe về Chúa Giê-su và nay muốn gặp mặt Chúa. (Xem Giảng 11:56).

12:13 "cành cọ" Đây là một thuật ngữ khác thường trong tiếng Hy-lạp về cành chà là. Có người tin rằng nhiều cây chà là mọc trên sườn núi Ô-li-vê (theo sử gia Josephus), hoặc được nhập vô từ miền Giê-ri-cô. Vây lá cọ như một biểu tượng chiến thắng. (Xem Khải-huyền. 7:9), thường được sử dụng trong Lễ Lều Tạm (xem Lê-vi-ký 23:40) và Vượt Qua (theo truyền thống của phong trào Mác-ca-bê)

▣ **"tung hô rằng"** Đây là động từ thì chưa hoàn thành – có nghĩa (1) lặp đi lặp lại trong quá khứ, hoặc (2) bắt đầu trong quá khứ.

▣ **"Hô-sa-na"** Có nghĩa rằng: "Xin cứu" hoặc "cứu ngay bây giờ" (Xem Thi-thiên. 118:25-26). Trong lễ Vượt Qua thường có nghi lễ đọc thuộc lòng các Thi thiên. (Xem Thi-thiên. 113-118) khi những người hành hương hành lễ qua Đền Thờ. Họ lặp đi lặp lại nghi lễ hàng năm, nhưng trong năm nay họ tìm thấy ý nghĩa tuyệt đối trong Chúa Giê-su. Mọi người cảm nhận và các nhà lãnh đạo Do-thái cũng nhận biết điều này

▣ **"Đấng nhân danh Chúa mà đến"** Đây là chân lý Chúa công bố suốt thời gian quan. Chúa là Đấng được sai đến, đại diện cho Đức Giê-hô-va.

NASB" Vua của Y-sơ-ra-ên"

NKJV, NRSV,

TEV, NJB"Vua của I-sơ-ra-en"

Câu này không có ở trong các Thi-thiên nhưng được thêm vô bởi đám đông như lời xác nhận Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a, vua được hứa trong 2 Sa-mu-ên 7 (Xem Giảng 1:49; 19:19).

12:14 "một con lừa con " Con lừa được dành cho quân chủ. (Xem 1 Các-vua. 1:33,38,44). Chỉ có vua mới cưới lừa, chính vì vậy mà việc Chúa Giê-su cưới con lừa chưa từng được cưới mang ý nghĩa rất quan trọng. (Xem Mác 11:2).

12:14-15 "như lời đã chép" Đây là dẫn chứng từ Xa-cha-ri Zech. 9:9. Con lừa non không những nói về thế vị nhà vua trong hình ảnh Đấng Mê-si-a, nhưng cũng thể hiện sự khiêm nhường. Chúa Giê-su không xuất hiện như một tướng lãnh oai hùng mà người Do-thái mong đợi, nhưng như một tôi tớ chịu thương khó được tiên tri trong Ê-sai 53, với dấu hiệu là người cưới lừa non.

12:16 "Thoạt đầu, các môn đồ không hiểu những điều đó" đây là lời bình luận của chứng nhân. Giảng nhớ lại sự kiện một cách đau đớn - một điều lặp lại nhiều lần trong Giảng (Xem Giảng 2:22; 10:6; 16:18; Mác 9:32; Lu-ca 2:50; 9:45; 18:34). Chỉ sau khi Chúa Thăng thiên và Thánh Linh giáng trần trong lễ Ngũ tuần các môn đồ mới được mở mắt ra.

▣ **"nhưng khi Đức Chúa Jê-sus đã được tôn vinh, lúc ấy họ mới nhớ lại "** Đây là kết quả công việc của Đức Thánh Linh (Xem Giảng 14:26 and 2:22).

Câu này cũng là bằng chứng Phúc Âm Giảng được viết dựa trên trải nghiệm cá nhân với Đấng Christ Hằng Sống. Các Phúc Âm Đông Quan bày tỏ Chúa Giê-su trong sự tiến triển câu chuyện, mà che dấu vinh quang của Chúa cho đến cao điểm, còn Giảng ngay từ đầu viết trọn vẹn Phúc Âm trong ánh sáng vinh quang của Đấng Mê-si-a. Mỗi Phúc âm đều phản ánh những hồi tưởng cá nhân và nhu cầu cộng đồng mà tác giả phục vụ. Chỉ có hai chứng nhân lịch sử: Chúa Giê-su và tác giả Phúc Âm, cả hai đều được linh cảm.

▣ **"được tôn vinh** Xem ghi chú ở câu Giảng 1:14.

12:17 Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Nhân chứng cho Chúa Giê-su. Xem Kiến giải văn mạch phần C.

12:19 "những người Pha-ri-si nói với nhau: ... " trong ý nghĩa tiên tri cụm từ “cả thiên hạ” được liên hệ tới: (1) người Do-thái, Giảng 11:48; 12:11 và (2) dân ngoại, Giảng 12:20-23. Nó phản chiếu hai bối cảnh lịch sử: cuộc đời Chúa Giê-su và hội thánh sơ khởi.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIẢNG 12:20-26

²⁰Lúc ấy, trong số những người đi lên thờ phượng vào dịp lễ có vài người Hi Lạp. ²¹Những người này đến với Phi-líp, người ở thành Bết-sai-đa thuộc miền Ga-li-lê, và nói rằng: “Thưa ông, chúng tôi muốn gặp Đức Chúa Jê-sus.” ²²Phi-líp đi nói với Anh-rê; rồi Anh-rê cùng Phi-líp đến thưa với Đức Chúa Jê-sus. ²³Đức Chúa Jê-sus đáp: “Giờ Con Người được tôn vinh đã đến. ²⁴Thật, Ta bảo thật các ngươi: Nếu hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi, nó vẫn chỉ là một hạt thối; nhưng nếu chết đi, nó được kết quả nhiều. ²⁵Ai yêu mạng sống mình thì sẽ mất, còn ai ghét mạng sống mình trong đời này thì sẽ giữ lại được cho sự sống đời đời. ²⁶Nếu ai phục vụ Ta thì phải theo Ta; và Ta ở đâu, người phục vụ Ta cũng sẽ ở đó. Nếu ai phục vụ Ta thì Cha Ta sẽ tôn quý người.

12:20 "vài người Hi Lạp" Có thể đây nói chung về những người ngoại bang, không nhất thiết phải là người Hy-lạp.

▣ **"trong số những người đi lên thờ phượng vào dịp lễ "** Động từ thì hiện tại nói về họ có thói quen đi Lễ. Họ có thể là (1) những người kính sợ Đức Chúa Trời, (2) những người mới nhập đạo đứng ngoài Cổng. Nhóm đầu tiên là người thờ phượng thường xuyên và nhóm thứ hai gồm dân ngoại mới tểnh gia Do-thái giáo.

12:21 "bắt đầu hỏi Ngài" Động từ thì chưa hoàn thành có nghĩa (1) họ hỏi đi hỏi lại, hoặc (2) họ bắt đầu hỏi. Những người này muốn hội thoại riêng với Chúa. Đây là tiếng tích tắc cuối cùng trong đồng hồ tiên tri trước cái chết của Chúa Giê-su. (Xem Giảng 12:23).

12:22 Phi-líp (có nghĩa là người yêu ngựa) và Anh-rê (người có đức tính đàn ông) là hai môn đồ duy nhất có tên Hy-lạp. Chính vì vậy mà những người ngoại cảm thấy gần gũi và mạnh dạn hỏi thăm.

12:23 "Giờ ...đã đến" Động từ thể “quá khứ hoàn thành”. Giảng thường dùng chữ “giờ” để ám chỉ sự đóng đinh và sự sống lại của Chúa Giê-su như những sự kiện cao điểm trong sứ mạng của Chúa. (Xem Giảng 12:27; 13:1, 32; 17:1). Chúa Giê-su từng tuyển bố Ngài đến tìm những con chiên lạc lối của I-sơ-ra-en, (Xem Ma-thi-ơ 15:24). Bây giờ sứ điệp của Ngài vươn tới những người ngoại bang.

▣ **"Con Người "** Trong tiếng A-ram có nghĩa đơn giản một cá nhân, (Xem Thi-thiên 8:4; Ê-xê-chi-ên. 2:1). Nhưng với nghĩa mở rộng trong Đa-ni-ên. 7:13 ám chỉ Thần Đức. Đây là danh hiệu Chúa chọn phản ánh cả nhân tính và thần tính của mình (Xem 1 Giăng 4:1-3).

▣ **"được tôn vinh"** Sự chết của Chúa Giê-su luôn được coi là sự vinh quang của Ngài. Thuật ngữ vinh quang được dùng trong ý nghĩa này một vài lần (Xem Giăng 12:28 [hai lần]; 32, and 33). Nó thường xuyên nói về cái chết và sự sống lại của Chúa Giê-su. (Xem Giăng 13:1,32; 17:1). Xem ghi chú ở câu Giăng 1:14..

12:24 "Nếu hạt lúa mì không rơi xuống đất và chết đi" Đây thuộc về ngôn ngữ mô tả, gợi cảm qua cả năm giác quan. Một hạt lúa sẽ sản xuất ra nhiều hạt khác. (Xem Giăng 15:2,4,5,8,16; 1 Cô-rin-tô. 15:36) Sự chết của Ngài đem lại nhiều sự sống thực. (Xem Mác 10:45).

▣ **"Nếu"** là một loạt thể điều kiện hạng ba, có nghĩa là có tiềm năng xảy ra. (Xem Giăng 12:24,26,32,47).

12:25 "Ai yêu mạng sống mình thì sẽ mất" Đây là cách chơi chữ về thuật ngữ *Psychē*, nói về những gì căn bản của nhân tính, hoặc sinh lực con người. (xem Ma-thi-ơ 10:39; 16:24-25; Mác 8:34-35; Lu-ca 9:23-24). Một khi đã tin cậy Chúa Giê-su, một cá nhân sẽ nhận được sự sống mới. Sự sống mới là món quà của Đức Chúa Trời, Cơ-đốc nhân nhận lãnh và sử dụng để phục vụ Chúa chứ không dùng sống cho bản thân. Tín đồ là người quản trị cuộc sống mới, chúng ta được giải phóng khỏi tội lỗi, để trở thành tội tó của Đức Chúa Trời. (Xem Ro-ma. 6:1-7:6).

Những người chần giả trong Giăng 10 cố gắng tự cứu bản thân bằng cách trốn chạy, Nhưng Chúa Giê-su đã xuống mạng sống mình, vì vậy cơ đốc nhân theo gương Chúa cũng hành động tương tự. (Xem 2 Cô-rin-tô. 5:12-15; Ga-la-ti. 2:20).

▣ **"sẽ mất"** Đây là động từ chủ động, chỉ định thì hiện tại. Thuật ngữ "sẽ mất" có nghĩa là hủy phá (Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: hủy phá (*apollumi*), là một từ với hai ý nghĩa. Nghĩa bóng là sự mất mát đòi đòi đổi nghịch với sự sống đời đời. Nếu một người không có niềm tin, họ chẳng có hậu quả nào khác. Sự hủy diệt theo Giăng không có nghĩa tàn phá thuộc thể, nhưng mất đi mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời, mà thực tại là Địa Ngục.

▣ **"ghét"** Đây là thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ về sự so sánh. Đức Chúa Trời phải là sự ưu tiên. (Xem ví dụ ưu tiên giữa hai người vợ của Gia-cốp, Sáng-thế-ký. 29:30,31; Phục-truyền. 21:15; giữa Ê-sau và Gia-cốp, Ma-la-chi. 1:2-3; Ro-ma 10-13; hoặc trong quan hệ một gia đình, Lu-ca 14:26).

▣ **"sự sống"** Thuật ngữ hy-lạp là *zoē*, được dùng trong Giăng với ý nghĩa (1) sự sống thuộc linh; (2) sự sống đời đời; (3) sự sống Tân kỷ nguyên và (4) Sự sống lại. Sự sống thực sự là sự tự do khỏi chủ nghĩa vị kỷ, nguyên nhân của Sa Ngã.

12:26 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng xảy ra của một hành động.

▣ **"thì phải theo Ta"** Đây là mệnh lệnh thức chủ động, thì hiện tại, nói về một mối liên hệ liên tục. (Xem Giăng 15). Chủ đề thường bị lãng quên trong Kinh Thánh là sự bền đỗ. (Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: sự bền đỗ cần thiết). Sự giảng dạy: "Chủ quyền của Đức Chúa Trời và sự lựa chọn tự do của con người" thường gây sự hiểu lầm trong lý luận thần học. Tuy nhiên, cách giải thích tốt nhất là coi sự cứu rỗi như một trải nghiệm theo giao ước. Đức Chúa Trời khởi xướng (Xem Giăng 6:44,65) và đặt ra thời gian biểu. Ngài đòi hỏi con người hưởng ứng trong sự ăn năn và niềm tin, (Xem Mác 1:15; Công-vụ 20:21), bắt đầu từ một quyết định và sau đó là một cuộc sống môn đồ hóa. Sự bền đỗ là bằng chứng chúng ta biết Ngài, (Xem Ma-thi-ơ 10:22; 13:20-21; Ga-la-ti. 6:9; 1 Giăng 2:19; Khải-huyền. 2:7,11,17,26; 3:5,12,21).

Tin lý Cơ-đốc giáo có đầy những nghịch lý, và đối tác giằng co. Văn chương Phương Đông minh họa tư tưởng qua nghĩa bóng và những điều phản nghịch. Trong khi dụng ý của tác giả nguyên thủy là cả hai đều đúng và là sự thật, các độc giả Tây Phương thường áp đặt sự lựa chọn chỉ một trong hai khả năng.

Để minh họa câu bình luận trên, tôi xin thêm vô một phần trong khóa huấn luyện giải kinh về những nghịch lý trong Kinh thánh.

Những nghịch lý trong Kinh Thánh

1. Điều hiểu biết sau đây trong Kinh Thánh giúp tôi một cách cá nhân rất nhiều, khi tôi yêu và tin cậy lời Chúa. Trong khi nghiên cứu Kinh thánh một cách nghiêm túc, tôi thấy rõ ràng có một số phân đoạn mặc khái chân lý theo cách đặc thù, không theo thần học hệ thống. Một phân đoạn được linh cảm này không thể loại bỏ phân đoạn được linh cảm khác. Chân lý không đến từ đơn cử một câu Kinh thánh, nhưng đến từ hiểu biết trọn vẹn Kinh Thánh. Tôi nhấn mạnh không chỉ vài phân đoạn nhưng cả cuốn Kinh Thánh được Thánh Linh cảm hứng. (Xem 2 Ti-mô-thê. 3:16-17)
2. Hầu hết các chân lý trong Kinh thánh cũng như văn chương Đông Phương được trình bày theo từng đôi nghịch lý. (Độc giả xin nhớ rằng các tác giả Phúc Âm, trừ Lu-ca, là những người suy nghĩ theo tư tưởng Hê-bơ-rơ và viết văn theo ngôn ngữ Hy-lạp phổ thông. Văn chương khôn ngoan và văn chương thơ vẫn trình bày chân lý theo những dòng song song. Phép đối chọi song song vận hành trong nghịch lý. Một cách nào đó cả hai nghịch lý đều đúng. Những nghịch lý quả thật là “cái gai” đâm vào cách nghĩ đơn giản quen thuộc của độc giả Tây Phương
 - a. sự tiền định (của Đức Chúa Trời), so với quyền lựa chọn tự do của loài người
 - b. sự đảm bảo cứu rỗi của Cơ đốc nhân, so với sự bèn đẽ cần có
 - c. Tội nguyên thủy, so với tội chủ ý.
 - d. Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời, so với Chúa Giê-su là Con Người
 - e. Chúa Giê-su đồng đẳng với Đức Chúa Cha so với Chúa Giê-su đầu phục Đức Chúa Cha
 - f. Kinh thánh là lời của Đức Chúa Trời, so với văn tự viết bởi con người.
 - g. vô tội tuyệt đối (chủ nghĩa tuyệt hảo, Xem Ro-ma 6), so với gây tội ít hơn sau khi tin Chúa.
 - h. Được tha tội và thánh hóa ngay lập tức ở thời điểm tin Chúa, so với sự thánh hóa tăng dần trong cuộc sống niềm tin.
 - i. sự tha tội bởi niềm tin, (Ro-ma 4), so với sự tha tội được kiểm chứng bằng công việc (Xem Gia-cơ 2:14-26)
 - j. Sự tự do của Cơ đốc nhân (Xem Ro-ma. 14:1-23; 1 Cô-rin-tô. 8:1-13; 10:23-33), so với trách nhiệm của Cơ đốc nhân (Xem Ga-la-ti. 5:16-21; Ê-phê-sô 4:1)
 - k. tính siêu việt (vô biên), so với tính nội tại của Đức Chúa Trời, (transcendence vs immanence: Sự khác biệt giữa Thần Linh ở bên ngoài thế giới vật chất, so những trường hợp xuất hiện Thần Linh bên trong thế giới vật chất – như Chúa Giê-su nhập thể, Đức Thánh Linh giáng trần như chim bồ câu, lửa).
 - l. Đức Chúa Trời vô cùng bí ẩn, so với Đức Chúa Trời có thể biết được qua Kinh Thánh và Đấng Christ. Phao-lô có nhiều ẩn dụ như sau về sự cứu rỗi.
 - (1) sự nhận con nuôi
 - (2) sự thánh hóa
 - (3) sự tha thứ
 - (4) sự cứu chuộc
 - (5) sự vinh hiển
 - (6) sự tiền định
 - (7) sự làm hòa với Đức Chúa Trời
 - m. Vương quốc Đức Chúa Trời đã có trong hiện tại, so với Vương quốc Đức Chúa Trời trong tương lai
 - n. sự ăn năn như món quà của Chúa, so với sự ăn năn bị đòi hỏi như sự hưởng ứng cứu rỗi (Xem Mác 1:15; Công-vụ 20:21)
 - o. Cựu ước có giá trị không đổi, so với Cựu ước đã qua đi, đã trở nên bất hiệu lực thời Tân Ước. (Xem Ma-thi-ơ 5:17-19 so với. Ma-thi-ơ 5:21-48; Ro-ma 7 so với Ga-la-ti 3)
 - p. Cơ đốc nhân là tội tớ so với Cơ đốc nhân là con cái, là người thừa kế của Đức Chúa Trời

- ▣ **"Ta ở đâu, người phục vụ Ta cũng sẽ ở đó"** Chủ đề này thường được nhắc lại trong Giăng 14:3; 17:24; 2 Cô-rin-tô. 5:8; Phi-lip. 1:23; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 4:17! Cơ-đốc giáo chủ yếu dựa trên nền tảng mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời, Mục đích tối hậu là sự hiện diện và sự thông công của Ngài.

Chúng ta được tạo dựng trong hình ảnh của Chúa. Sự cứu rỗi là sự hồi phục mối liên hệ bị phá hủy trong địa đàng Ê-đen. (Xem Sáng-thế-ký. 1:26-27). Giăng nhấn mạnh sự hồi phục mối liên hệ trong thì hiện tại.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011) : GIĂNG 12:27-36a

²⁷Bây giờ linh hồn Ta phiền não. Ta sẽ nói gì đây? ‘Cha ơi, xin cứu Con khỏi giờ này! Nhưng cũng chính vì giờ này mà Con đã đến.’ ²⁸Cha ơi, xin hãy tôn vinh Danh Cha!’” Lúc ấy có tiếng từ trời phán rằng: “Ta đã tôn vinh rồi, Ta sẽ còn tôn vinh nữa.”

²⁹Đoàn người đứng tại đó nghe được tiếng ấy thì nói: “Đó là tiếng sấm”. Một số khác lại bảo: “Ấy là một thiên sứ nói chuyện với Ngài.” ³⁰Đức Chúa Jê-sus nói: “Không phải vì Ta mà tiếng này vang ra đâu, nhưng vì các ngươi. ³¹Bây giờ là lúc thế gian bị phán xét, và kẻ cai trị thế gian này sẽ bị truất phế. ³²Còn Ta, khi Ta được treo lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người đến với Ta.” ³³Ngài nói vậy để chỉ cho thấy Ngài sẽ chết cách nào. ³⁴Đoàn dân thưa rằng: “Chúng tôi có nghe luật pháp nói Đấng Christ còn đời đời. Thế sao Thầy nói Con Người phải được treo lên? Vậy Con Người này là ai?” ³⁵Đức Chúa Jê-sus đáp: “Ánh sáng còn ở với các ngươi ít lâu nữa. Hãy bước đi trong lúc các ngươi còn có ánh sáng, e bóng tối thành linh phủ vây các ngươi. Người nào đi trong bóng tối thì không biết mình đi đâu. ³⁶Trong lúc đang có ánh sáng, hãy tin vào ánh sáng để các ngươi trở nên con của ánh sáng.”

12:27 "Bây giờ linh hồn Ta phiền não" “phiền não” - động từ trong thể bị động, chỉ định, thì hoàn thành. Tác nhân gây sự phiền não cho Chúa Giê-su không được nhắc đến (có thể là Cha, Sa-tan hay bối cảnh...). Cách hành văn này được thấy vài lần trong Tân Ước.

- Nỗi sợ của Hê-rôt (Ma-thi-ơ 2:3)
- Nỗi sợ của các môn đồ (Ma-thi-ơ 14:26)
- Nỗi phiền não, khắc khoải của Chúa Giê-su (Giăng 12:27; 13:21; đồng thời Ma-thi-ơ 26:38; Mác 14:34)
- Hội thánh mới ở Giê-ru-sa-lem (Công-vụ 15:24)
- Các giáo sư giả cản trở hội thánh ở Ga-la-ti (Ga-la-ti. 1:7)

Đây là cách Giăng thể hiện sự giăng co nội tâm trong nhân tính của Chúa Giê-su. Ông không ghi lại sự đau đớn trong vườn Ghết-sê-ma-nê trong đêm Chúa bị bắt, (Xem Mác 14:32 và các câu tiếp theo). Nhưng chi tiết trong Giăng 12:27 xảy ra trong cùng một dịp.

- ▣ **"xin cứu Con khỏi giờ này"** Có nhiều tranh luận về ý nghĩa câu này: Phải chăng đây là lời cầu xin? (như Ma-thi-ơ 26:39)? Hay đây là điều ngạc nhiên trước công việc phải làm? (theo ghi chú trong bản dịch NET)
- ▣ **"chính vì giờ này mà Con đã đến"** Chúa Giê-su hiểu rõ (Xem Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45) cuộc đời mình (trên trần gian) mở ra theo chương trình thiêng liêng của Đức Chúa Trời (Xem Lu-ca 22:22; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28).

12:28 "xin hãy tôn vinh danh Cha" Đức Chúa Cha hồi âm trong Giăng 12:28b. Thuật ngữ “tôn vinh” được hiểu một cách uyển chuyển, có thể là :

- Vinh quang tiền tại (Xem Giăng 17:5)
- Sự bày tỏ của Cha qua Chúa Giê-su (Xem Giăng 17:4)
- Thập tự giá và sự sống lại của Chúa Giê-su (Xem Giăng 17:1)

Xem ghi chú câu Giăng 1:14.

▣ **"có tiếng từ trời"** (*bath-kol* theo ngôn ngữ của các thầy Ra-bi). Từ thời tiên tri Ma-la-chi chưa xuất hiện một tiếng nói tiên tri nào trong I-sơ-ra-en. Phúc Âm Giảng ghi chép Đức Chúa Trời phán ba lần trong thời gian trên đất của Chúa Giê-su.

1. khi Chúa Được báp-tem, Ma-thi-ơ 3:17
2. khi Chúa hóa hình, Ma-thi-ơ 17:5
3. ở thời điểm này Giảng 12:28

12:29 "Đoàn người đứng tại đó nghe được tiếng ấy" Có hai cách giải kinh câu này (1) đây là sấm sét, như khi Chúa phán trong Cựu-ước (Xem 2 Sa-mu-ên. 22:14; Gióp 37:4; Thi-thiên. 29:3; 18:13; 104:7) hay (2) một thiên sứ thưa chuyện với Ngài. Sự mơ hồ ở đây về "tiếng từ trời" cũng giống như sự trải nghiệm của Sao-lơ trong Công-vụ 9:7; 22:9.

12:30 "Không phải vì Ta mà tiếng này vang ra đâu, nhưng vì các người" Đây là cách so sánh theo lối Xê-mít (nhóm ngôn ngữ Do-thái, A-ram, Ả-rập), có nghĩa rằng tiếng phán từ trời không chỉ cho riêng họ, nhưng chủ yếu dành cho họ. (Xem Giảng 11:42).

12:31 "Bây giờ là lúc thế gian bị phán xét" Cấu trúc song song với câu tiếp theo "và kẻ cai trị thế gian này sẽ bị truất phế." Thời điểm phán xét và phế truất không được biết rõ, xin xem Chủ Đề Đặc Biệt "hiện thân của Điều Ác."

Tôi đồng ý với ông F. F. Bruce, *Answers to Questions* (p. 198), rằng câu Giảng 12:31 là một ví dụ về "thể mặt thực tế" (nói cách khác: Lai thể ứng nghiệm, tận thể hiện tại) theo cách gọi của C. H. Dodd. Đối với Giảng, Chúa Giê-su đã đến và hoàn tất sự cứu rỗi cho tín đồ và sự phán xét cho kẻ vô tin. Điều này giống một thể ngữ pháp được gọi là "tiên tri hoàn tất" – nói về một điều chưa xảy ra nhưng chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai, chắc chắn đến nỗi được coi như đã xảy ra trong quá khứ!

▣ **"kẻ cai trị thế gian"** Câu này nói về một Ác Nhân, (Xem Giảng 14:30; 16:11), tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Satan, hoặc Kẻ Thù (Xem Gióp 1-2) hoặc tiếng Hy-lạp gọi là "Ma-quỷ" hoặc "Kẻ vu-không" (Xem Ma-thi-ơ 4:1,5,8,11; 13:39; 25:41; Giảng 6:70; 8:44; 13:2; 2 Cô-rin-tô. 4:4; Ê-phê-sô. 2:2). Hai danh hiệu này tương đương với nhau trong Ma-thi-ơ 4:1-11 và Giảng 13:2,27. Hắn bị đuổi khỏi Thiên-đàng để không có thể tiếp tục vu khống, tố cáo những người theo Chúa nữa.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HIỆN THÂN CỦA ĐIỀU ÁC

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tớ của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.
2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Danite, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không

rõ ràng trong lãnh vực Khải thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)
2. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
3. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sứ ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Dị Kinh Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh.* 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong dị kinh I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẩn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thể (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một dây tở của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự căm dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ!

▣ **"sẽ bị truất phế."** Động từ "truất phế" trong thể chỉ định, chủ động thì tương lai. Kinh Thánh không đề cập tới thời điểm nào Sa-tan bị đuổi khỏi Thiên-đàng. Sa-tan đã được bàn thảo cụ thể theo ý nghĩa phụ trong phần giải kinh Ê-sai 14 và Ê-xê-chi-ên 28. Những lời tiên tri trong hai phân đoạn này chủ yếu nói về các vị vua kiêu ngạo của Ba-bi-lon và Ti-rơ. Sự kiêu ngạo tội lỗi của họ giống như đặc tính của Sa-tan. (Xem Ê-sai. 14:12,15; Ê-xê-chi-ên. 28:16). Tuy nhiên, Chúa Giê-su phán Ngài thấy Sa-tan sa xuống từ trời như chớp" trong Lu-ca 10:18, khi 70 môn đồ được Chúa sai đi công vụ.

Cựu-ước ghi chép sự phát triển của Sa-tan, từ một thiên sứ, với sự kiêu ngạo trở nên kẻ thù của Đức Chúa Trời. Nguồn thông tin tranh luận tốt nhất có thể thấy trong cuốn: *Old Testament Theology* pp. 300-306. của tác giả A. B. Davidson's

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHIẾN TRANH TRÊN THIÊN ĐÀNG (from Khải-huyền 12:7-9)

Có nhiều tranh luận về thời điểm của xung đột này. Chúa Giê-su nhắc đến nó trong câu Lu-ca 10:18 và Giăng 12:31. Nhưng không dễ dàng khi tìm cách sắp xếp sự kiện theo trình tự thời gian :

1. Trước Sáng-thế-ký 1:1 (tức trước tạo hóa)
2. Giữa Sáng-thế-ký 1:1 and 1:2 (thuyết gián đoạn)
3. Trong Cựu-ước, sau Gióp 1-2 (Sa-tan trên Thiên-đàng)
4. Trong Cựu-ước, sau 1 Các-vua. 22:21 (Sa-tan trong một hội đồng trên Thiên-đàng)
5. Trong Cựu-ước, sau Xa-cha-ri 3 (Sa-tan trên Thiên-đàng)
6. Trong Cựu-ước, mô tả trong Ê-sai. 14:12; Ê-xê-chi-ên. 28:15 and trong dị kinh II Enoch 29:4-5 (Các vua Đông Phương bị phán xét)
7. Trong Tân Ước sau khi Chúa Giê-su bị cám dỗ (Xem Ma-thi-ơ 4)
8. Trong Tân Ước, trong sứ mạng của nhóm 70 (thấy Sa-tan sa xuống từ Thiên-đàng - Xem Lu-ca 10:18)
9. Trong Tân Ước, sau nhập thành Giê-ru-sa-lem cách khai hoàn (kẻ thống trị thế gian này bị đuổi ra, Xem Giăng 12:31)
10. Trong Tân Ước sau khi Chúa Giê-su sống lại và thắng thiên (Xem Ê-phê-sô. 4:8; Cô-lô-sê. 2:15)
11. Ngày tận-thế (Xem Khải-huyền. 12:7, có thể khi Sa-tan truy đuổi Con Thánh trên Thiên-đàng)

Chúng ta nên coi đây là một cuộc chiến kéo dài giữa Đức Chúa Trời và quân binh của Điều Ác, Cuộc chiến này sẽ chấm dứt trong thất bại tuyệt đối của Sa-tan và tụi quân của hắn. Khải-huyền 20 cho thấy kẻ thù của Đức Chúa Trời bị loại bỏ và cách ly vĩnh viễn!

12:32 "khi Ta được treo lên khỏi đất" Đây là thể điều kiện thứ ba, nói về tiềm năng xảy ra của một hành động. Câu này có nghĩa:

1. bị treo lên (Xem Giăng 3:14)
2. bị đóng đinh (Xem Giăng 8:28)
3. được tôn vinh (Xem Công-vụ 2:33; 5:31)
4. được tôn vinh rất cao (Xem Phi-lip. 2:9)

Đây là cách dùng từ nhiều nghĩa đặc thù của Phúc Âm Giăng.

▣ **"Ta sẽ kéo tất cả đến với Ta"** Câu này gợi ý về giao ước yêu thương của Đức Giê-hô-va đối với I-sơ-ra-en trong Giê-rê-mi 31:3. Tất nhiên đây là giao ước mới (Xem Giê-rê-mi. 31:31-34). Đức Chúa Trời lôi kéo dân sự Ngài bằng tình thương và hành động. Ân dụ này cũng được dùng trong Giăng 6:44 và được giải thích trong Giăng 6:65.

Chữ “tất cả” mang tính chất mở rộng của lời kêu gọi cứu rỗi được hứa từ trước. (Xem Sáng-thế-ký. 3:15; 12:3; Xuất-Ê-gíp-tô. 19:5; Ê-sai. 2:2-4; Giảng 1:9,12,29; 3:16; 4:42; 10:16; 1 Ti-mô-thê 2:4; 4:10; Tich 2:11; 2 Phi-ê-ơ. 3:9; 1 Giảng 2:2; 4:14)!

Có một sự khác biệt trong vài văn tự cổ: các bản P⁷⁵ (VID), xi², B, L, và W có chữ “tất cả” trong giống đực, có nghĩa “mọi nam giới hay mọi người”, còn bản P⁶⁶ và x có chữ “tất cả” trong giống trung có nghĩa là “mọi thứ”, “mọi sự”, “mọi vật”. Nếu được dịch theo giống trung thì phải hiểu sự cứu rỗi của Đấng Christ liên hệ tới toàn thể vũ trụ, tương tự như trong Cô-lô-sê. 1:16-17, điều này có thể giống như triết lý dị đạo Tri-huệ giáo được thấy trong 1 Giảng. Liên Hội thánh Kinh UBS⁴ xếp “tất cả” theo giống trung và hạng “B” có nghĩa gần như chắc chắn. (Bản tiếng việt dịch là “Ta sẽ kéo mọi người đến với Ta”).

12:33 "Ngài nói vậy để chỉ cho thấy Ngài sẽ chết cách nào" Đây lại là lời bình luận của Giảng, liên hệ tới Phục-truyền 21:23, về ai bị treo trên cây đều được coi bị nguyên rủa bởi Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su trở nên sự nguyên rủa của Luật Pháp cho chúng ta. (Xem Ga-la-ti. 3:13). Đây cũng là lý do vì sao các lãnh đạo Do-thái muốn Chúa bị đóng đinh, thay vì bị ném đá.

12:34 "Đoàn dân thưa rằng: “Chúng tôi có nghe luật pháp nói Đấng Christ còn đời đời” Đây là câu gợi ý từ Thi-thiên. 89:4,29,35-37. Cự-ước trông chờ chỉ một Đấng Mê-si-a và sự xuất hiện của Ngài sẽ thiết lập vương quốc xứ Pa-lét-xtin trong hòa bình trên thế gian. (Xem Thi-thiên. 110:4; Ê-sai. 9:7; Ê-xê-chi-ên. 37:25 and Đa-ni-ên. 7:14). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: đời đời (*olam*) ở câu 6:58

▣ **"Con Người"** Đám đông (Xem kiến giải văn mạch liên quan tới bối cảnh, phần C.) đã được nghe giáo huấn và truyền giảng của Chúa Giê-su - Nên họ bắt đầu gọi Chúa bằng Danh hiệu Ngài chọn: “Con Người”. Đây là chỗ duy nhất chỉ nhận có người gọi Chúa như vậy, vì đây không phải là danh quen thuộc của Đấng Mê-si-a trong Do-thái giáo. (có thể trong Giảng 12:23-24 nói về danh hiệu, và Giảng 12:30-32 nói về động từ “treo lên)

12:35 "Hãy bước đi trong lúc các nơi còn có ánh sáng" Chúa Giê-su thúc giục người nghe không chần chừ hưởng ứng lời kêu gọi của Ngài. Thời gian hữu hạn trên đất của Ngài đã đi đến điểm chung kết. Giờ định mệnh của Ngài đã tới. (Giảng 12:23).

Trong một ý khác, câu này, cũng như nhiều câu khác trong Giảng, ám chỉ sự kiện lịch sử (cơ hội) cũng như ám chỉ sự hiện hữu (ánh sáng), Lời Chúa phán là chân lý cho người nghe (như trong ngụ ngôn những mảnh đất Ma-thi-ơ 13)

Ấn dụ “bước đi” nói về nếp sống. (Xem Ê-phê-sô. 4:1,17; 5:2,15). Đây là mệnh lệnh thúc, thể chủ động thì hiện tại. (Xem Giảng 12:44-46).

12:36 Chủ đề Chúa Giê-su là Ánh Sáng Thế Gian là chủ đề chính, được lặp lại nhiều lần trong Giảng. (Xem Giảng 1:4,5,7,8,9; 3:19,20,21; 5:35; 8:12; 9:5; 11:9,10;12:35,36,46). Bóng Tối và Ánh Sáng là hai thực tại đối kháng thuộc linh trong Văn Chương Khôn Ngoan và Văn Tự Biển Chết.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : Giảng 12:36b-43

Sau khi nói như vậy, Đức Chúa Jê-sus đi, và tránh khỏi họ.

³⁷Mặc dù Ngài đã làm rất nhiều dấu lạ trước mặt họ, nhưng họ vẫn không tin Ngài, ³⁸để lời nhà tiên tri Ê-sai đã nói được ứng nghiệm:

“Lạy Chúa, ai đã tin điều chúng tôi rao giảng,
Và cánh tay Chúa đã được tỏ ra cho ai?”

³⁹Do đó, họ không thể tin, vì Ê-sai còn nói:

⁴⁰“Chúa đã khiến mắt họ đui mù,
Lòng họ chai đá,
Kéo mắt họ thấy được,
Lòng họ hiểu được và hồi cải,

Đề Ta chữa lành cho.”

⁴¹Ê-sai nói điều này, vì đã thấy vinh quang của Ngài và nói về Ngài. ⁴²Tuy nhiên, có nhiều người trong hàng lãnh đạo tin Ngài, nhưng vì người Pha-ri-si, nên họ không dám xưng nhận Ngài, sợ bị đuổi khỏi nhà hội. ⁴³Vì họ quý chuộng vinh quang của loài người hơn là vinh quang của Đức Chúa Trời.

12:37 Đây là câu bình luận đáng buồn. Sự mù loà thuộc linh thật tệ hại. (Xem 2 Cô-rin-tô. 4:4). Câu này minh họa tội đáng chết. Xem Chủ Đề Đặc Biệt ở câu 5:21: Tội Không Thể Tha Thứ.

12:38 "lời nhà tiên tri Ê-sai " Đây là dẫn chứng từ Ê-sai 53:1 về Đây Tớ Thương Khó của Đức Chúa Trời.

12:39-40 Đây là một trong những câu khó hiểu. Phải chăng Đức Chúa Trời làm cứng lòng để họ không thể hưởng ứng? Tôi thêm vào đây lời chú giải phân đoạn Ê-sai 6:9-10 và Rô-ma 11:7 (Xem www.freebiblecommentary.mobi).

Ê-sai 6:9-10 Như Đức Giê-hô-va đã mặc khải mục đích chức vụ của Ê-sai, Ngài cũng mặc khải phản ứng của dân Giu-đê đối với sứ điệp thiêng liêng:

1. hãy đi, Ê-sai 6:9, BDB 229, KB, Qal MỆNH LỆNH THỨC
2. hãy nói, Ê-sai 6:9, BDB 55, KB, Qal THỈ HOÀN THÀNH
3. tiếp tục nghe, Ê-sai 6:9, Qal IMPERATIVE and Qal LỐI VÔ ĐỊNH TUYỆT ĐỐI of BDB 1033, KB 1570
4. nhưng không hiểu, Ê-sai 6:9, BDB 106, KB 122, Qal CHƯA HOÀN THÀNH, VỚI Ý NGHĨA MỆNH LỆNH Xem Ê-sai. 1:3; 5:21; 10:13; 29:14
5. tiếp tục nhìn, Qal MỆNH LỆNH THỨC and Qal VÔ ĐỊNH TUYỆT ĐỐI of BDB 906, KB 1157
6. nhưng không thấy, Ê-sai 6:9, BDB 393, KB 380, Qal CHƯA HOÀN THÀNH VỚI Ý NGHĨA MỆNH LỆNH
7. làm dân ấy tối dạ (lit. "fat"), Ê-sai 6:10, BDB 1031, KB 1566, HiPhi-lip MỆNH LỆNH THỨC
8. làm nặng tai, Ê-sai 6:10, BDB 457, KB 455, HiPhi-lip MỆNH LỆNH THỨC
9. làm mờ mắt, Ê-sai 6:10, BDB 1044, KB 1612, HiPhi-lip MỆNH LỆNH THỨC

Các mệnh lệnh thức này được tiếp theo bởi hậu quả. (Ba thể chưa hoàn thành của các động từ "nhìn", "nghe", "hiểu"). Qua sự thông sáng, hoặc bởi Ngài làm chai lý trái tim, tâm trí vốn làm lạc của họ, Đức Chúa Trời biết trước rằng họ sẽ không hưởng ứng và không được cứu.

1. kéo họ ăn năn, BDB 996, KB 1427, Qal THỈ HOÀN THÀNH với tác dụng ngược lại (kéo)
2. kéo họ được chữa lành, BDB 950, KB 1272, Qal THỈ HOÀN THÀNH với tác dụng ngược lại

Ê-sai sẽ truyền giảng và một số người sẽ hưởng ứng, nhưng hầu hết dân sự và xã hội thời ông sống sẽ từ chối (Xem Rô-ma. 1:24,26,28; Ê-phê-sô. 4:19) hoặc không thể hưởng ứng (Xem Ê-sai. 29:9,10; Phục-truyền. 29:4; Ma-thi-ơ 13:13; Rô-ma. 11:8)! Ê-sai không phải là nhà truyền giáo, nhưng là nhà tiên tri công bố sự bất tuân và hậu quả theo giao ước. (Xem Ma-thi-ơ 13:13; Mác 4:12; Lu-ca 8:10). Sứ điệp hy vọng của ông dành cho thế hệ tương lai, chủ không cho thế hệ thời ông sống.

Rô-ma 11:7 "những người còn lại cứng lòng" Đây là thể chỉ định, bị động thì quá khứ (Xem 2 Cô-rin-tô. 3:14), được hiểu là D\$ức Chúa Trời làm họ cứng lòng. (Xem Rô-ma. 11:8-10). Tác nhân của sự cứng lòng là Ma-quý (Xem 2 Cô-rin-tô. 4:4). "Bị làm cứng" (pōroō) là thuật ngữ y học về sự chai lý, nhân tâm, hoặc mù lòa (Xem Rô-ma. 11:25; 2 Cô-rin-tô. 3:14; Ê-phê-sô. 4:18). Thuật ngữ "sự cứng cõi" này cũng được dùng trong Mác 6:52. Có thuật ngữ khác được dùng trong Rô-ma. 9:18 (sklērunō) có nghĩa "cứng lòng", đối nghịch với "mềm lòng thương xót". (Xem Heb. 3:8,15; 4:7).

Câu này tóm tắt một cách rõ ràng phân đoạn Rô-ma. 11:1-6. Một số người được chọn thì hưởng ứng bằng đức tin, một số khác không được chọn thì bị làm cứng lòng. Tuy nhiên câu này là một phần của thần học hệ thống chứa đựng sự giảng co giữa sự chọn lọc một nhóm tách biệt được thấy trong câu này và lời mời gọi mở rộng cho tất cả mọi người được thấy trong Rô-ma 10. Sự bí ẩn tối tại,

nhưng cách giải quyết là không chối bỏ hoặc tiêu giảm các cực điểm của nan đề. Vàng, những đôi nghịch lý tồn tại cách song song.

12:39 "Do đó, họ không thể tin" Đây là thể chỉ định, trong cách, thì chưa hoàn thành. Họ không thể tiếp tục trong mối liên hệ niềm tin với Chúa Giê-s. Phép lạ của Chúa lôi kéo họ, nhưng không đủ gây niềm tin ở mức độ cứu rỗi, tiếp nhận Giê-su là Chúa, là Đấng Mê-si-a. Trong văn tự của Giảng, niềm tin có nhiều mức độ, không phải bất cứ ai cũng được cứu. Xem ghi chú câu Giảng 8:31-59.

▣ **"vì Ê-sai còn nói"** Ê-sai 6:10; 43:8 gợi ý sự cứng lòng của dân Do-thái đối với sứ điệp của Đức Chúa Trời qua Ê-sai (Xem Giê-rê-mi 5:21; Ê-xê-chi-ên. 12:2; Phục-truyền. 29:2-4).

12:40 "lòng họ" Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT sau đây.

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẮM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich và Đa-ni-ên-ker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
 - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tấm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
 - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tấm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4; 7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tấm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tấm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
 - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, "Đức Chúa Trời buồn trong lòng" (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
 - b. Phục truyền 4:29; 6:5 "bằng cả tấm lòng, cả linh hồn"
 - c. Phục truyền 10:16, "tấm lòng không cắt bì" và Rô-ma 2:29
 - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, "tấm lòng mới"
 - e. Ê-xê-chi-ên 36:26, "tấm lòng mới" so với "tấm lòng bằng đá"

12:41 "Ê-sai nói điều này, vì đã thấy vinh quang của Ngài và nói về Ngài" Đây là điều khẳng định rằng tiên tri Cựu-ước được thông tin về Đấng Mê-si-a (Xem Lu-ca 24:27). Xem ghi chú về "vinh quang" ở câu Giảng 1:14.

12:42 "Tuy nhiên, có nhiều người trong hàng lãnh đạo tin Ngài," Sứ điệp của Chúa Giê-su đem lại bông trái (Xem Giảng 12:11; Công-vụ 6:7). Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Cách Giảng sử dụng động từ tin" ở câu 2:23.

▣ **"họ không dám xưng nhận Ngài"** Xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Xưng nhận" ở câu 9:22-23 và CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Ý nghĩa của các động từ: tiếp nhận, tin cậy, tuyên xưng đức tin và gọi danh Chúa"

▣ "sợ bị đuổi khỏi nhà hội" (Xem Giăng 9:22; 16:2).

12:43 Điều này chứng tỏ đức tin thực có thể yếu kém, đầy sợ hãi và có thể không được tuyên xưng. Phúc Âm Giăng sử dụng động từ tin (*pisteuō*) trong vài ý nghĩa, từ sự lôi cuốn ban đầu tới hưởng ứng theo cảm xúc, tới đức tin thực ở mức độ cứu rỗi.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011) : GIĂNG 12:44-50

⁴⁴Đức Chúa Jêsu công bố rằng: "Người nào tin Ta, không phải chỉ tin Ta, nhưng tin Đấng đã sai Ta.⁴⁵Còn người nào thấy Ta là thấy Đấng đã sai Ta.⁴⁶Ta là ánh sáng đã đến thế gian, để người nào tin Ta thì không còn ở trong bóng tối.⁴⁷Nếu người nào nghe lời Ta mà không vâng giữ thì không phải Ta phán xét người đó. Vì Ta đến không phải để phán xét thế gian, nhưng để cứu chuộc thế gian.⁴⁸Người nào chối bỏ Ta, không chịu tiếp nhận lời Ta, thì đã có một quan tòa xét xử; chính lời Ta đã nói sẽ xét xử họ trong ngày cuối cùng.⁴⁹Ta không nói theo ý riêng mình, nhưng chính Cha là Đấng đã sai Ta truyền cho Ta phải nói điều chi và công bố điều gì.⁵⁰Ta biết rằng mệnh lệnh của Ngài là sự sống đời đời. Vì vậy, những điều Ta nói thì Ta nói đúng như Cha đã truyền dạy."

12:44 "Người nào tin Ta, không phải chỉ tin Ta, nhưng tin Đấng đã sai Ta" Mục đích tối hậu của đức tin là tin Đức Chúa Cha. (Xem 1 Cô-rin-tô. 15:25-27). Đây là chủ đề lặp lại thường xuyên trong Phúc Âm Giăng. (Xem Ma-thi-ơ 10:40; Giăng 5:24). Biết Đức Chúa Con có nghĩa là biết Đức Chúa Cha. (Xem 1 Giăng 5:10-12).

12:45 Ai thấy được Đức Chúa Trời? Thấy Giê-su tức là thấy Đức Chúa Trời (Xem Giăng 14:7-10)!

12:46 Thế gian tối tăm từ Sáng-thế-ký 3 (Xem Sáng-thế-ký. 6:5,11-12; 8:21; Thi-thiên. 14:3; Ê-sai. 53:6; Ro-ma. 3:9-23).

12:47 "Nếu người nào nghe lời Ta mà không vâng giữ " Đây là thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng xảy ra của một động từ, sự việc. Sự tiếp tục vâng phục là dấu hiệu sự tiếp tục mối liên hệ cá nhân với Cha. Sự đảm bảo - (xem chủ đề đặc biệt ở câu 1 Giăng 5:13) - dựa trên sự biến đổi nếp sống trong vâng phục và bền đỗ. (Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: sự bền đỗ cần thiết, ở câu 8:31 và Xem sách Gia-cơ và 1 Giăng).

12:47-48 "Vì Ta đến không phải để phán xét thế gian, nhưng để cứu chuộc thế gian" Chúa Giê-su đến chủ yếu để cứu thế gian, nhưng sự đến của Chúa buộc con người phải lựa chọn. Nếu từ chối Chúa, họ tự phán xét bản thân. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự bền đỗ cần thiết, Xem Giăng 3:17-21).

12:49-50 Chúa Giê-su nói trong Thảm quyền của Đức Chúa Trời chứ không trong thảm quyền bản thân

12:50

NASB, NKJV " mệnh lệnh của Ngài là sự sống đời đời "

NRSV, TEV,

NET"Mệnh lệnh của Ngài đem tới sự sống đời đời"

NJB"Mệnh lệnh của Ngài có ý nghĩa sự sống đời đời."

REB"Mệnh lệnh của Ngài là sự sống đời đời."

NIV"Mệnh lệnh của Ngài dẫn tới sự sống đời đời."

NET (ghi chú cuối trang)"Mệnh lệnh của Ngài kết quả trong sự sống đời đời." "

Khả năng thứ nhất, theo bản dịch NASB là bản dịch nghĩa đen từ văn tự Hy-lạp. Các bản dịch khác cố gắng diễn giải ý nghĩa câu nói của Chúa.

Câu 12:50 trong bản dịch NASB tương đương với câu Giăng 6:68 trong khi câu trong bản dịch Michael Magill's *NT TransLine* tương đương với Giăng 17:8 và câu trong Bản Jerome Biblical Commentary (p. 451) tương đương với Giăng 10:18. Quả thật đây là một câu không rõ ràng.

Thuật ngữ “mạng lệnh” trong Giăng có mặt trong cả số ít và số nhiều, nhưng sự khác biệt không mang tầm quan trọng trong sự giải kinh.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "MẠNG LỆNH" TRONG VĂN TỰ CỦA GIĂNG

1. Có một lần ám chỉ luật Mô-sê, Giăng 8:5
2. Mạng lệnh từ Đức Chúa Cha cho Chúa Giê-su
 - a. quyền quyết định sự hi sinh cứu chuộc, Giăng 10:18; 12:49-50; 14:31
 - b. thế gian biết Chúa Giê-su yêu Đức Chúa Cha. Giăng 14:31
 - c. Chúa Giê-su vâng phục mạng lệnh Cha, Giăng 15:10
3. Mạng lệnh từ Chúa Giê-su cho Cơ-đốc nhân.
 - a. ở mãi trong tình yêu của Chúa. Giăng 14:15; 15:10
 - b. yêu thương lẫn nhau như Chúa yêu họ, Giăng 13:34; 15:12,17; 1 Giăng 2:7-8; 3:11,23; 4:7,21; 2 Giăng 5
 - c. giữ các điều răn của Ngài (i.e., b.), Giăng 14:15; 15:10,14; 1 Giăng 2:3,4; 3:22,24; 5:1-3; 2 Giăng 6
4. Mạng lệnh từ Cha tới Cơ-đốc nhân
 - a. tin vào Chúa Giê-su, 1 Giăng 3:23 (Xem Giăng 6:29)
 - b. yêu thương lẫn nhau, 2 Giăng 3:23

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “bán cái” điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Ma-ri, em gái La-xa-rơ xức dầu cho chân Chúa?
2. Vì sao Phúc Âm Đồng Quan khác Giăng chút ít trong câu chuyện này?
3. Có ý nghĩa quan trọng nào trong việc đám đông chào đón Chúa với lá cọ và xướng Thi-thiên 118?
4. Vì sao Chúa Giê-su động lòng bởi yêu cầu muốn gặp của những người Hy-lạp?
5. Vì sao Chúa Giê-su sao xuyên trong lòng? (Xem Giăng 12:27)
6. Giả thích cách dùng động từ tin của Giăng trong vài ứng dụng.

GIẢNG 13**Cách Chia Phân Đoạn Trong Các Bản Dịch Hiện Đại**

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Rửa chân cho các Môn Đồ	Chủ trở nên đầy tớ	Bữa Tối Cuối Cùng	Chúa Giê-su Rửa chân cho các Môn Đồ	Sự Rửa chân
13:1-11	13:1-11	13:1-11	13:1 13:2-6 13:7 13:8a 13:8b 13:9	13:1 13:2-5 13:6-11
	Chúng ta phải phục vụ		13:10-11	
13:12-20	13:12-30	13:12-20	13:12-17 13:18-20	13:12-16 13:17-20
Chúa Giê-su báo trước mình bị phản			Chúa Giê-su báo trước mình bị phản	Báo trước sự phản bội của Giu-đa
13:21-30		13:21-30	13:21 13:22-24 13:25 13:26-29 13:30	13:21-30
Mạnh lệnh mới	Mạnh lệnh mới		Mạnh lệnh mới	Lời nói chia tay
13:31-35	13:31-35	13:31-35	13:31-35	13:31-35
Báo trước sự chối từ của Phi-ê-rơ	Chúa Giê-su báo trước sự chối từ của Phi-ê-rơ		Chúa Giê-su báo trước sự chối từ của Phi-ê-rơ	
13:36-38	13:36-38	13:36-38	13:36a 13:36b 13:37	13:36-38

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)****THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN**

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 49. Phân đoạn 1
- 50. Phân đoạn 2
- 51. Phân đoạn 3
- 52. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH 13:1-38

- A. Phúc Âm Giăng kết thúc các phép lạ của Chúa Giê-su với Giăng 12, Giăng 13 bắt đầu tuần cuối cùng của Chúa
- B. Ghi chú cuối trang trong bản The NASB Study Bible cho thấy một điều thú vị. Thuật ngữ về tình yêu vô điều kiện *agapē* và động từ ‘yêu’ tương xứng *agapaō* xuất hiện 8 lần trong Giăng 1-12, và 31 lần trong chương 13-17."
- C. Giăng không ghi chép về Tiệc Thánh như các Phúc Âm Đồng Quan. Ông chỉ cho biết chi tiết bài nói chuyện xảy ra trên lầu trên trong chương 13-17, là một phần đáng kể trong Phúc Âm. Dụng ý của Giăng muốn bày tỏ cá nhân và công việc của Chúa Giê-su bằng một cách mới mạnh mẽ hơn. Có người cho rằng Giăng muốn giảm bớt xu hướng nghi lễ hóa nhấn mạnh lễ Báp-tem và Tiệc Thánh mà Giăng không bao giờ đi sâu vào chi tiết
- D. Bối cảnh sự kiện của Giăng 13 có thể thấy từ Lu-ca 22:24, khi các Môn Đồ cãi nhau xem ai là người vĩ đại nhất
- E. bối cảnh địa dư của Giăng 13-17 là một lầu trên ở Giê-ru-sa-lem (hoặc có thể trên đường đi đến vườn Ghết-sê-ma-nê Xem Giăng 14:31), hoặc có thể tại nhà của Giăng Mác trong đêm Chúa bị phản bội bởi Giu-đa
- F. Dường như có hai mục đích trong việc Chúa rửa chân cho các Môn Đồ.
 - 1. Giăng 13:6-11 báo trước công việc của Chúa trên cây thập tự.
 - 2. Giăng 13:12-20 là bài học sinh động về sự khiêm nhường (sau tranh luận ai vĩ đại nhất trong Lu-ca 22:24).

WORD AND PHRASE STUDY**NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 13:1-11**

¹Trước lễ Vượt Qua, Đức Chúa Jêsus biết giờ Ngài phải rời thế gian này để trở về với Cha đã đến. Ngài đã yêu thương những người thuộc về mình trong thế gian thì cứ yêu thương cho đến cuối cùng. ²Đang bữa ăn tối, ma quỷ gieo ý định phản Ngài vào lòng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, con của Si-môn. ³Đức Chúa Jêsus biết rằng Cha đã giao mọi sự trong tay Ngài, và Ngài từ Đức Chúa Trời đến, cũng sắp về với Đức

Chúa Trời, ⁴ nên đứng dậy khỏi bàn ăn, cởi áo ngoài ra, lấy khăn quấn ngang lưng, ⁵ rồi Ngài đổ nước vào chậu, và bắt đầu rửa chân cho các Môn Đồ. Ngài cũng lấy khăn đã quấn ngang lưng mà lau chân cho họ. ⁶ Khi Ngài đến với Si-môn Phi-e-rơ thì ông nói: “Thưa Chúa, Chúa mà lại rửa chân cho con sao?” ⁷ Đức Chúa Jê-sus đáp: “Bây giờ, con chưa hiểu việc Ta làm, nhưng về sau sẽ hiểu.” ⁸ Phi-e-rơ thưa: “Con sẽ không bao giờ để Chúa rửa chân cho con đâu!” Đức Chúa Jê-sus đáp: “Nếu Ta không rửa chân cho con thì con không có phần gì nơi Ta cả.” ⁹ Phi-e-rơ nói: “Thưa Chúa, không phải chỉ rửa chân thôi, mà luôn cả tay và đầu con nữa!” ¹⁰ Đức Chúa Jê-sus đáp: “Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chân thì sạch tất cả. Các con đã được sạch rồi, nhưng không phải tất cả.” ¹¹ Vì biết ai là kẻ sẽ phản Ngài nên Ngài mới nói: “Không phải tất cả các con đều tinh sạch.”

13:1 ¹ "Trước lễ Vượt Qua" Giảng khác với các Phúc Âm Đồng Quan về thời điểm xảy ra Tiệc Thánh: Trước hay trong kỳ Lễ Vượt Qua. Cả hai nhóm đều đồng ý Tiệc Thánh xảy ra tối thứ Năm, và sự đóng đinh Chúa vào ngày thứ sáu (Xem Giảng 19:31; Mác 15:43; Lu-ca 23:54). Lễ Vượt Qua kỷ niệm sự kiện I-sơ-ra-ên được giải phóng khỏi Ai-cập. (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký 12). Giảng khẳng định Tiệc thánh xảy ra ngày hôm trước của Lễ Vượt Qua (Xem Giảng 18:28; 19:14,31,42).

Cũng có thể cộng đồng Essene (hành đạo khắc khổ) sử dụng lịch khác (như lịch theo mặt trời, dựa trong các dị kinh Jubilee và Enoch, như một biểu tượng chống nghịch hệ thống thầy Tế Lễ đương thời). Theo họ Lễ Vượt Qua xảy ra một ngày sớm hơn.

Sách giải kinh *Jerome Biblical Commentary* trong trang 451 tóm tắt quan điểm các học giả ngày nay và giả thiết “một ngày trước Lễ Vượt Qua” là đúng, còn thời điểm theo các Phúc Âm Đồng Quan mang tính chất tượng trưng. Chúng ta cần được nhắc nhở rằng các Phúc Âm không được viết theo văn chương Tây Phương nhấn mạnh về nguyên nhân và hiệu quả, trình tự thời gian một cách hợp lý. Lịch sử được viết theo nhiều phương cách khác nhau, không có dụng ý chứng minh phải trái, đúng sai. Lịch sử sử dụng những sự kiện trong quá khứ để phục vụ những nhu cầu, đề tài, quan điểm hiện tại. Vấn đề quan tâm nhất là ai viết và vì sao lịch sử được viết. Nguồn tranh luận tốt nhất về thể loại “Kể Chuyện Lịch Sử và Phúc Âm” có thể được tham khảo trong cuốn *How To Read the Bible For All Its Worth*, pp. 89-126 của Gordon Fee and Douglas Stuart, .

▣ **"Đức Chúa Jê-sus biết giờ "** động tính từ "biết" trong thể chỉ định hoàn thành (like Giảng 13:3). Chúa Giê-su hiểu được mối liên hệ độc đáo với Cha từ năm 12 tuổi, (Lu-ca 2:41-51). Sự kiện những người Hy-lạp tìm Chúa (Giăng 12:20-23) khẳng định giờ thương khó và vinh quang của Ngài đã đến (Xem Giảng 2:4; 7:6,8,30; 8:20; 12:23,27; 17:1).

▣ **"Ngài phải rời thế gian này để trở về với Cha đã đến"** Phúc Âm Giăng tiếp tục nhấn mạnh sự khác biệt “trên cao - dưới thấp” theo Nhị Nguyên hàng dọc, (Xem Giảng 13:3). Chúa Giê-su được sai phái xuống trần gian và bây giờ quay trở lại với Cha trên Thiên Đàng (Xem Giảng 8:42). Các Phúc Âm Đồng Quan mô tả Chúa Giê-su theo Nhị nguyên hàng ngang, tức là sự giăng co giữa hai Kỷ Nguyên Cũ-Mới của hệ tư tưởng Do-Thái, giữa Nước Trời Đã-có và Nước Trời Sẽ-đến.

Có nhiều câu hỏi về Phúc Âm khiến độc giả ngày nay phải tìm cách trả lời. Các câu trả lời đều cho thấy một thế giới quan bất biến theo Kinh Thánh:

1. Chỉ có duy nhất một Đấng Thánh là Đức Chúa Trời
2. Đỉnh cao của Tạo hóa là Con Người đã sa ngã trong tội lỗi và chống đối.
3. Đức Chúa Trời sai đến một Chúa Cứu Thế Nhập-thể (tức là Đấng Mê-si-a)
4. Con Người phải đáp ứng bằng đức tin, sự an nhẫn, vâng phục, và bền đỗ
5. Luôn luôn có một ác-lực cá nhân chống lại Đức Chúa Trời và ý chỉ của Ngài
6. Tất cả mọi tạo vật có lương tâm phải có trách nhiệm về cuộc sống bản thân trước Đức Chúa Trời

Động từ "rời khỏi" (*metabainō*) trong văn tự của Giăng có ý nghĩa là sự chuyển tiếp từ kỷ nguyên thuộc thể với tội lỗi và chống đối, sang kỷ nguyên của Đức Thánh Linh sự sống đời đời (Xem Giảng 5:24; 13:1; 1 Giăng 3:14; trừ trường hợp nghĩa đen được dùng trong Giảng 7:3)

▣ **"Ngài đã yêu thương những người thuộc về mình "** câu “người thuộc về mình” tiếng Hy-lạp có ý nghĩa họ hàng gần gũi. (Xem Lu-ca 8:19-21). Câu này có mặt trong bản Papiri Ai-cập. (Moulton, Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*)

▣ **"trong thế gian "** Giảng sử dụng từ “thế gian” (*kosmos*) trong vài ý nghĩa khác nhau

1. hành tinh này (Xem Giảng 1:10; 11:9; 16:21; 17:5,11,24; 21:25)
2. loài người (Xem Giảng 3:16; 7:4; 11:27; 12:19; 14:22; 18:20,37)
3. loài người chống đối (Xem Giảng 1:10,29; 3:16-21; 4:42; 6:33; 7:7; 9:39; 12:31; 15:18; 17:25)

Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Phao lô sử dụng thuật ngữ *Kosmos* (thế gian).

▣ **" thì cứ yêu thương cho đến cuối cùng "** “cho đến cuối cùng” – thuật ngữ tiếng Hy-lạp "*telos*," có nghĩa hoàn tất một sứ mạng. Đây nói về sứ mạng cứu chuộc nhân loại. Một câu nói của Chúa trên thập tự giá là: “đã kết thúc”, theo văn bản Papiri của Ai-cập có nghĩa là: “đã trả xong hết”. (Xem Giảng 19:30), !

13:2 "đang bữa ăn tối" Các văn bản Hy-lạp khác nhau chỉ một chữ cái:

1. *ginomenou*, PRESENT PARTICIPLE (i.e., trong bữa ăn), MSS κ , B, L, W
2. *genomenou*, AORIST PARTICIPLE (i.e., sau bữa ăn), MSS P⁶⁶, κ ², A, D

Liên Hội Thánh Kinh UBS4 xếp khả năng 1 vào hạng “B” có nghĩa gần như chắc chắn. Vay thời điểm này có thể hiểu:

1. Sau Tiệc thánh
2. Sau lần nâng chén chúc phước thứ nhất, đòi hỏi phải rửa tay
3. Sau lần nâng chén chúc phước thứ ba.

Chủ Đề Đặc Biệt: Lễ Vượt Qua (trình tự nghi lễ)

- A. Cầu nguyện
- B. Nâng chén rượu
- C. Rửa tay bởi chủ lễ và chuyển chậu rửa tay cho mọi khách
- D. Nhúng rau đắng vào nước xốt
- E. Thịt chiên và bữa ăn
- F. Cầu nguyện và Nhúng rau đắng vào nước xốt lần thứ hai
- G. Nâng chén rượu lần thứ hai và trả lời các câu hỏi của trẻ em (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 12:26-27)
- H. Hát bài ngợi ca theo các Thi-thiên 113-114 và cầu nguyện
- I. Chủ lễ nhúng bánh vào nước xốt, trao cho người dự tiệc sau khi rửa tay
- J. Ăn tối, kết thúc bằng một miếng thịt chiên.
- K. Nâng chén rượu lần thứ ba và rửa tay
- L. Hát bài ngợi ca theo các Thi-thiên 115-118
- M. Nâng chén rượu lần thứ tư, hướng về sự sẽ đến của Vương Quốc Thuộc Linh

Nhiều người tin rằng nghi lễ “tiệc thánh” bắt đầu ở thời điểm K (nâng chén lần thứ ba và rửa tay)

▣ **"ma quỷ gieo ý định phản Ngài vào lòng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt"** “gieo ý định” – tính động từ chủ động thì hiện tại. Chúa Giê-su biết về Giu-đa ngay từ ban đầu (Xem Giảng 6:70). Ma quỷ đã cám dỗ qua một thời gian dài, nhưng ở thời điểm Giảng 13:27 đã chế ngự được Giu-đa một cách tuyệt đối. Xem các Chủ Đề Đặc Biệt: Lựa chọn và tiền định, Sự quân bình thần học cần thiết) và Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm lòng ở câu 12:40. Tham khảo ghi chú về Giu-đa ở câu 18:2

13:3 "Đức Chúa Jêsus biết rằng Cha đã giao mọi sự trong tay Ngài, " Tính động từ chủ động "biết" ở trong thì hoàn thành. Chúa Giê-su biết rõ thâm quyền của mình (Xem Giăng 3:35; 17:2; Ma-thi-ơ. 28:18). Tính động từ chủ động thì quá khứ "Đã giao" có một ý nghĩa quang trọng: Đức Chúa Cha trao cho Ngài "mọi sự" trước thời điểm đóng đinh, không phải là phần thưởng cho sự vâng phục, nhưng bởi vì Thần Đức của Ngài. Chúa biết ngôi vị của mình, nhưng đã rửa chân những người xác thịt đang cãi cọ xem ai là người vĩ đại nhất.

▣ **"Ngài từ Đức Chúa Trời đến"** Đây là điều thứ hai trong ba điều Chúa Giê-su biết trong Giăng 13:3

1. Cha đã ban tất cả vào tay Ngài
2. Ngài đến từ Đức Chúa Trời
3. Ngài trở về với Đức Chúa Trời (Xem Giăng 7:33; 14:12,28; 16:5,10,17,28; 20:17)

điều thứ hai và ba là Nhị nguyên 'trên - dưới' rất phổ biến trong Giăng.

Điều thứ hai mang tính độc đáo, (Xem Giăng 8:42; 13:3; 16:28,30; 17:8). Nó ám chỉ cả về cội nguồn và địa điểm (tức là Thần Đức từ Thiên đàng)

13:4 "nên đứng dậy khỏi bàn ăn," Xin nhớ rằng mọi người không ngồi ghế, nhưng nằm tựa vào một chiếc bàn thấp, dựa trên cùi tay trái.

▣ **"cởi áo ngoài ra"** thuật ngữ áo mang số nhiều (Xem Giăng 19:23). Động từ "cởi" cũng được dùng trong câu Giăng 10:11,15,17,18 bởi Chúa Giê-su (cởi) đặt cuộc sống mình xuống vì nhân loại. (Xem Giăng 13:37). Đây lại thêm một ví dụ chứng minh Giăng dùng từ vựng với hai ý nghĩa. Dường như sự rửa chân mang nhiều dụng ý hơn là một bài học về sự khiêm nhường. (Xem Giăng 13:6-10).

13:5 "bắt đầu rửa chân cho các Môn Đồ" Thuật ngữ Hy-lạp nói về rửa một phần cơ thể. Còn ở trong Giăng 13:10 nói về tắm rửa cả thân thể. Rửa chân là công việc của một người nô lệ. Ngay các thầy Ra-bi cũng không đòi hỏi học trò của họ làm việc này, Chúa Giê-su, mặc dầu là Thần Đức, cúi mình xuống hầu hạ các Môn Đồ, kể cả Giu-đa!

13:6 Phi-ê-ơ từ chối hành động của Chúa Giê-su một cách hoa mỹ. Phi-ê-ơ luôn có ý kiến Chúa Giê-su nên hoặc không nên làm những gì. (Xem Ma-thi-ơ. 16:22).

13:7 Các Môn Đồ, mặc dầu đã sống với Chúa Giê-su, không thể hiểu được lời dạy và công việc của Chúa. (Xem Giăng 2:22; 10:6; 12:16; 14:26; 16:18). Sự hiểu lầm này là một cách thể hiện nhị nguyên 'trên -dưới' trong Giăng.

13:8 "Phi-e-ơ thưa: "Con sẽ không bao giờ để Chúa rửa chân cho con đâu!" Đây là cách sử dụng thuật ngữ phủ định kép, có nghĩa "không bao giờ, không, không bao giờ dưới bất cứ hoàn cảnh nào"

▣ **"Nếu Ta không rửa chân cho con thì con không có phần gì nơi Ta cả "** Đây là thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng xảy ra của một hành động. Ý nghĩa việc rửa chân vượt trên cả bài học về sự khiêm nhường. Giăng 13:6-10 ám chỉ đến công việc của Chúa Giê-su trên Thập tự giá trong chương trình cứu rỗi nhân loại .

Phần thứ hai 'có phần nơi Ta' trong câu này là một thành ngữ Cựu ước nói về sự thừa kế. (Xem Phục-truyền. 12:12; 2 Sa-mu-en. 20:1; 1 Các vua. 12:16), "không có phần" là một thành ngữ mạnh về sự loại trừ..

13:9 Chữ "rửa" không có trong các nguyên bản, nhưng tiểu từ phủ định (MĒ) "không" ám chỉ mệnh lệnh thức "rửa"

13:10 "Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chân thì sạch tất cả." Chúa Giê-su nói một cách ẩn dụ về sự cứu rỗi. Phi-ê-rơ đã được rửa (tức được cứu, Xem Giảng 15:3; Tích 3:5), nhưng cần phải ăn năn một cách liên tục để duy trì mối liên hệ cá nhân với Chúa. (Xem 1 Giảng 1:9).

Một ngữ cảnh khác có thể ám chỉ Chúa Giê-su đang nói về sự phản bội của Giu-đa. (Xem Giảng 13:11 & 18), Nếu vậy ẩn dụ về tắm rửa nói về (thân thể của Phi-ê-rơ, (2) cả nhóm các Môn Đồ.

▣ **"Các con đã được sạch rồi, nhưng không phải tất cả."** Các con mang số nhiều, nói về nhóm Môn Đồ, ngoại trừ Giu-đa (Xem Giảng 13:11,18; 6:70).

"được sạch" nói về sứ điệp mà các Môn Đồ tiếp nhận từ Chúa (Xem Giảng 15:3). Họ đã "được sạch" bởi họ tin, tin cậy, tiếp nhận Đấng Thánh-Sạch là Chúa Giê-su.

Về câu "không phải tất cả" xin xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự bỏ đạo (*aphistēmi*) ở câu Giảng 6:64

13:11 Các bản dịch TEV và NET Bibles đặt câu này như phần bình luận của tác giả, xen vào giữa hai phần chính là rửa chân và giáo huấn.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIẢNG 13:12-20

¹²Sau khi đã rửa chân cho các Môn Đồ, Ngài mặc áo lại, rồi ngồi vào bàn và nói: "Các con có hiểu điều Ta đã làm cho các con không? ¹³Các con gọi Ta là Thầy, là Chúa. Các con nói rất đúng, vì Ta thật như vậy. ¹⁴Nhưng nếu Ta là Thầy, là Chúa, mà còn rửa chân cho các con thì các con cũng phải rửa chân cho nhau. ¹⁵Vì Ta đã làm gương cho các con, để các con cũng làm như Ta đã làm cho các con. ¹⁶Thật, Ta bảo thật các con: Đầy tớ không lớn hơn chủ, sứ giả không lớn hơn người sai phái mình. ¹⁷Nếu các con biết những điều này và làm theo thì được phước. ¹⁸Ta không nói về tất cả các con, Ta biết những người Ta đã chọn. Nhưng lời Kinh Thánh này phải được ứng nghiệm: 'Kẻ ăn bánh của Ta, trở gót chống lại Ta.' ¹⁹Bây giờ, Ta nói điều này với các con trước khi việc xảy ra, để khi việc xảy ra thì các con tin rằng Ta là Đấng Hằng Hữu. ²⁰Thật, Ta bảo thật các con, ai tiếp người Ta sai đến tức là tiếp Ta; còn ai tiếp Ta tức là tiếp Đấng đã sai Ta đến."

13:12-20 Khác với Giảng 13:6-10 khi Chúa dạy bằng hành động, ở phân đoạn này Chúa giáo huấn bằng lời nói, giải thích việc Ngài làm như một ví dụ về sự khiêm nhường. Trong khi các Môn Đồ cãi cọ xem ai là người lớn nhất (Xem Lu-ca 22:24) Chúa thực hiện một nghĩa vụ của người đầy tớ, sau đó giải thích cho họ hiểu ý nghĩa và cách áp dụng.

13:14 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng nhất, giả thiết là có thật trong quan điểm và dụng ý văn chương của người nói, hoặc tác giả.

▣ **"Ta là Thầy, là Chúa"** Để ý đến mạo từ hạn định trong Giảng 13:13 and 14. Cũng để ý vị trí các danh hiệu được trao đổi trước sau: Thầy, Chúa, thay vì Chúa, Thầy. Chúa Giê-su là Đấng Dạy Dỗ có thẩm quyền. Ngài là Đấng Mặc Khải Đức Chúa Cha, đòi hỏi sự vâng phục và trung thành. Những gì Ngài làm các Môn Đồ phải làm theo. (Giảng 13:15).

13:14-15 "các con cũng phải rửa chân cho nhau." Phải chăng hành động thể hiện sự khiêm nhường phải trở nên nghi lễ thứ ba (sau Báp-têm và Tiệc thánh) cho giáo hội? Hầu hết các giáo hội Cơ-đốc trả lời "không" vì những lý do sau:

1. Không có sự ghi chép về hành động này trong Công-vụ
2. Không bao giờ được khích lệ trong các thư tín Tân Ước.
3. Không bao giờ được dạy là cần phải tiếp tục cử hành như Báp-têm (Xem Ma-thi-ơ. 28:19) và Tiệc Thánh. (Xem 1 Cô-rin-tô. 11:17-34)

Lý luận trên không có nghĩa cấm phép rửa chân trong một dịp thờ phượng quan trọng nào đó.

Chúa Giê-su không chỉ cho các Môn Đồ thấy một ví dụ về sự khiêm nhường, nhưng về sự phục vụ một cách hy sinh (Xem Giảng 15:12-13). 1 Giăng 3:16 minh họa rất rõ về điều này Chúa Giê-su yêu thương đến cùng (Xem Giảng 13:1), các Môn Đồ cũng phải yêu thương nhau hết lòng (với một cuộc sống hy sinh, ngược lại với cuộc sống vị kỷ tội lỗi)

13:16 "Thật, Ta bảo thật các con" Theo nghĩa đen: "Amen, amen" (giống như trong Giảng 13:20). Đây là một cách nói trong Cựu Ước về Đức Tin. (Xem Ha-ba-cúc. 2:4). Chúa Giê-su là người duy nhất sử dụng "Amen" để mở đầu một câu nói. Thường có nghĩa là (1) đồng ý, (2) khẳng định lời nói và hành động. Khi chữ "Amen" đứng đầu câu, hoặc được nhắc lại hai lần, mang tính chất thẩm quyền, chiếm hữu sự để ý. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Amen.

▣ **"Đầy tớ không lớn hơn chủ"** Đây là câu mở đầu giới thiệu chân lý.

1. Giảng 13:16, Không có ai lớn hơn Đấng Sai Ngài.
2. Giảng 15:20
 - a. Nếu họ bắt bớ Ta, họ cũng sẽ bắt bớ các Ngươi
 - b. Nếu họ nghe Ta, họ cũng sẽ Nghe các ngươi
3. Lu-ca 6:40 (tương tự), Tất cả mọi người sau khi được dạy dỗ sẽ trở nên giống thầy. (Xem Ma-thi-ơ. 10:24)
4. Lu-ca 22:27 (tương tự), Ta trong vòng các ngươi với tư cách đầy tớ.

13:17 "Nếu các con biết những điều này và làm theo thì được phước" Chữ "nếu biết" trong thể điều kiện hạng nhất – giả thiết có thật trong ý nghĩ của người nói. Chữ "nếu làm theo" là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa tiềm năng xảy ra. Cả câu có nghĩa "nếu chúng ta biết, chúng ta phải làm theo" (Xem Ma-thi-ơ. 7:24-27; Lu-ca 6:46-49; Rô-ma. 2:13; Gia-cơ 1:22-25; 4:11)!. Nếp sống giống Đấng Christ, chứ không phải kiến thức, là mục đích tối hậu. Điều này phản ánh ý nghĩa của động từ Shema "nghe sao làm vậy" (Xem Phục-truyền. 6:4).

13:18 "Nhưng lời Kinh Thánh này phải được ứng nghiệm" Ý Chúa nói về Giu-đa. Một bí ẩn về sự tiên định và sự tự do lựa chọn của con người.

Chúa Giê-su, và các Môn Đồ tin vào tính chân thực của Kinh Thánh. Mỗi lời phán Trong Kinh Thánh phải được tin cậy. (Xem Ma-thi-ơ. 5:17-19). Một vài lần trong Giảng xuất hiện câu "để Kinh thánh được ứng nghiệm" (Xem Giảng 12:14; 13:18; 15:25; 17:12; 19:24,36). Nhiều câu trong Cựu ước không thể hiểu được cho đến một sự kiện xảy ra trong Tân Ước và trong đời sống Chúa Giê-su (theo hình bóng học, ví dụ Ô-sê 11:1) hoặc có thể là một lời tiên tri với nhiều ứng nghiệm, (i.e., Ê-sai. 7:14 or Đa-ni-en. 9:27; 11:31; 12:11).

▣ **"Kẻ ăn bánh của Ta, trở gót chống lại Ta"** đây là lời trích từ Thi-thiên 41:9. Phong tục Đông Phương coi ăn cùng nhau như một biểu tượng của tình bạn và giao ước. Giơ chân cho người khác thấy là biểu tượng của sự miệt thị. Cả hai hình ảnh này được thấy trong sự phản bội của Giu-đa

3:19 Câu này bày tỏ mục đích dấu hiệu, phép lạ và dự báo của Chúa Giê-su (Xem Giảng 20:31). Trong Giảng, đức tin là sự trải nghiệm liên tục và gia tăng. Chúa Giê-su không ngừng giúp đỡ cá Môn Đồ tăng trưởng trong đức tin, sự tin cậy. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các thì trong ngữ pháp Hy-lạp dùng cho sự Cứu Rỗi.

Chúa Giê-su gây dựng đức tin cho họ bằng

1. lời Ngài
2. công việc Ngài
3. kiến thức Ngài

Chúa Giê-su đem lại một phương cách mới làm hòa với Đức Chúa Trời. Nó trái ngược với truyền thống và niềm tin của người Do-thái.

1. Chúa Giê-su, chứ không phải Mô-sê là trọng tâm
2. Ân Điển, chứ không phải hành luật.

▣ **"Ta là Đấng Hằng Hữu"** Danh hiệu "Ta-là" của Đức Chúa Trời, tức Đức Giê-hô-va, có nguồn gốc từ vựng trong động từ "là" (xin Xem "Ta-là" trong Xuất Ê-gíp-tô Ký. 3:14). Chúa Giê-su tuyên bố mình là Đấng Mê-si-a được hứa với ý nghĩa thần linh ở đây (Xem Giảng 4:26; 8:24,28,58; 13:19 and 18:5,6,8; notice Ma-thi-ơ. 24:5 and Mác 13:6; Lu-ca 21:8).

Xem Chủ Đề Đặc Biệt : Các Danh Hiệu Của Chúa ở câu 6:20

13:20 Thường thường Giảng dùng động từ tin (*pisteuō*), tin vào (*pisteuō eis*), tin rằng (*pisteuō hoti*) để định nghĩa Tín Đồ, (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Giảng sử dụng động từ 'tin' ở câu 2:23). Ngoài ra Giảng còn dùng các thuật ngữ khác như tiếp nhận, đón mừng. (Xem Giảng 1:12; 5:43; 13:20). Phúc âm trong hành động là đón mừng Chúa, tiếp nhận lời dạy của Chúa, và bắt chước cuộc sống của Chúa.

▣ **"ai tiếp người Ta sai đến tức là tiếp Ta"** Các Môn Đồ tiếp nhận được thẩm quyền Chúa ban trong:

1. Chuyển đi công vụ của nhóm Mười Hai và nhóm Bảy Mươi (Ma-thi-ơ. 10:40), (Lu-ca 10:16)
2. Sự truyền giảng của Hội Thánh (Xem Giảng 17:20)

Sứ điệp (tức Phúc Âm) của Chúa có sức mạnh biến đổi cuộc sống, không phụ thuộc vào cá nhân người truyền giảng. Thẩm quyền không bắt nguồn từ thế gian, nhưng từ nội dung của Sứ điệp. .

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIẢNG 13:21-30

²¹Khi Đức Chúa Jê-sus đã nói như vậy rồi, thì Ngài xúc động trong tâm linh và khẳng định rằng: "Thật, Ta bảo thật các con, một người trong các con sẽ phản Ta." ²²Các Môn Đồ nhìn nhau, không rõ Ngài nói về ai. ²³Một trong các Môn Đồ, là người được Đức Chúa Jê-sus yêu thương, đang tựa vào lòng Đức Chúa Jê-sus. ²⁴Si-môn Phi-e-rơ ra hiệu cho Môn Đồ ấy hỏi xem Thầy muốn nói về ai. ²⁵Môn Đồ này nghiêng mình trên ngực Đức Chúa Jê-sus và hỏi: "Thưa Chúa, người ấy là ai?" ²⁶Đức Chúa Jê-sus đáp: "Đó là người mà Ta sẽ trao miếng bánh Ta sắp nhúng đây." Rồi Ngài nhúng một miếng bánh và trao cho Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, con của Si-môn. ²⁷Sau khi Giu-đa nhận lấy miếng bánh thì Sa-tan vào lòng anh ta. Đức Chúa Jê-sus bảo Giu-đa: "Việc con làm, hãy làm nhanh đi." ²⁸Nhưng không một ai ngồi tại bàn biết vì sao Ngài nói với anh ta như vậy. ²⁹Một vài người nghĩ rằng, vì Giu-đa giữ túi tiền nên Đức Chúa Jê-sus bảo anh ta đi mua những thứ cần dùng cho kỳ lễ, hoặc ban phát điều gì cho người nghèo. ³⁰Khi đã nhận miếng bánh rồi, Giu-đa liền đi ra. Lúc ấy trời đã tối.

13:21 "Ngài xúc động trong tâm linh " Sự phản bội của Giu-đa thực sự tác động trên Chúa. Thuật ngữ "xúc động" cũng được dùng trong câu 12:27. Chúa Giê-su chọn Giu-đa vì thấy trong ông một tiềm năng thuộc linh, nhưng tiềm năng ấy không thể đem bông kết trái. (Xem Giảng 13:18).

▣ **"Thật, Ta bảo thật "** Xem ghi chú ở câu Giảng 1:51.

13:22 Một câu gây ngạc nhiên: các Môn Đồ lo sợ một kế hoạch tiền định sẽ khiến họ trở nên kẻ bội phản. (Xem Mác 14:19). Đây là nan đề của thuyết định mệnh. Đức Chúa Trời không xâm phạm quyền tự do lựa chọn, nhưng Ngài đặt trọng tâm và chung kết hậu quả của sự chọn lựa của con người.

13:23 "người được Đức Chúa Jê-sus yêu thương" Cụm từ này ám chỉ tác giả (Xem Giảng 13:23,25; 19:26-27,34-35; 20:2-5,8; 21:7,20-24). Giảng 19 và 13:26 khẳng định đây là Sứ Đồ Giảng. Tên ông không bao giờ

được nhắc đến trong Phúc Âm Giảng. Phải chăng Chúa dành tình cảm đặc biệt cho một số cá nhân? Vâng, Chúa có nhóm thân cận (Phi-ê-rô , Gia-cơ, and Giảng) và một gia đình đặc biệt (La-xa-rô, Maa-ri, Ma-thê).

13:25 Bối cảnh phản ánh phong tục ăn uống ở xứ Pa-let-xtin trong thế kỷ đầu tiên. Cá Môn Đồ nằm xung quanh một bàn thấp hình móng ngựa, dựa vào bàn trên tay trái, chân xếp ra đằng sau và ăn bằng tay phải. Giảng ở phía bên Phải Chúa và giu-đa ở bên tay trái một vị trí được tôn trọng). Kinh Thánh không cho biết lý do của sự xếp đặt chỗ ngồi như vậy. Giảng dựa vào Chúa và đặt câu hỏi.

13:26 "Đó là người mà Ta sẽ trao miếng bánh Ta sắp nhúng đây" Một dấu hiệu tôn trọng (Xem Ruth 2:14), Giu-đa được ngồi vinh dự sát bên trái của Chúa, – Chúa Giê-su tiếp tục hướng lòng tới Giu-đa!

Miếng bánh được nhúng vào chén rau đắng và nước sốt. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trình tự của Lễ Vượt Qua của trong Do-thái giáo thế kỷ thứ nhất) Câu chuyện tương tự trong Mác 14:20 có thêm những từ “với Ta”. Trong câu ‘người đang chấm bánh chung đĩa với Ta’. Đây là những chi tiết của sự chứng cá nhân, có thể gây hiểu lầm.

▣ **"Ích-ca-ri-ô-t"** Xem Chủ Đề Đặc Biệt: dưới đây và ghi chú ở câu Giảng 6:71 and 18:2.

Chủ Đề Đặc Biệt: Ích-ca-ri-ô-t

Giu-đa đã nghe, quan sát và tương giao với Chúa một cách gần gũi trong vòng mấy năm, nhưng rõ ràng ông không có mối liên hệ cá nhân với đức tin. (Xem Ma-thi-ơ. 7:21-23). Phi-ê-rô cũng trải nghiệm sự thử thách không kém Giu-đa, nhưng kết quả hết sức khác biệt. Có nhiều cuộc tranh luận xảy ra chung quanh động cơ phản bội của Giu-đa.

1. chủ yếu dính dáng đến tiền bạc (Xem Giảng 12:6)
2. chủ yếu mang tính chính trị (Xem William Klassen, *Giu-đa Betrayer or Friend of Chúa Giê-su?*)
3. chủ yếu mang tính thuộc linh (Xem Giảng 13:27)

Về chủ đề ma quỷ ảnh hưởng và chiếm ngự, xin tham khảo các nguồn sau đây (được liệt kê theo mức độ tôi tin cậy)

1. Merrill F. Unger, *Biblical Demonology, Demons in the World Today*
2. Clinton E. Arnold, *Three Crucial Questions About Spiritual Warfare*
3. Kurt Koch, *Đấng Christians Counseling and Occultism, Demonology Past and Present*
4. C. Fred Dickason, *Demon Possession and the Đấng Christian*
5. Giảng P. Newport, *Demons, Demons, Demons*
6. Giảng Warwick Montgomery, *Principalities and Powers*

Xin cẩn thận với những huyền thoại và mê tín dị đoan. Ví dụ như Sa-tan sử dụng Phi-ê-rô cám dỗ Chúa thay đổi chương trình cứu rỗi qua sự chết thay Ma quỷ xảo quyệt và cương quyết tìm mọi cách ngăn cản Chúa trong những trường hợp sau: .

1. trực tiếp cám dỗ Chúa Giê-su, Lu-ca 4
2. sử dụng Phi-ê-rô
3. sử dụng Giu-đa và nhóm San-hê-rin.

Chúa Giê-su mô tả Giu-đa như ma quỷ trong Giảng 6:70. Kinh Thánh không tranh luận về quỷ ám và ảnh hưởng trên Tín Đồ, những Tín Đồ bị tác động bởi sự lựa chọn cá nhân và sự ác cá nhân.

Ý nghĩa từ thuật “I-ca-ri-ô-t” không rõ ràng, có thể là một trong những trường hợp sau:

1. *Kerioth*, một thành phố xứ Giu-đê (Xem Jos. 15:25)
2. *Kartan*, a một thành phố xứ Ga-li-lê (Xem Jos. 21:32)
3. *Karōides*, khu có nhiều cây cọ ở Giê-ru-sa-lem hoặc Giê-ri-cô
4. *scortea*, yếm vải hoặc túi bằng da (Xem Giăng 13:29)
5. *ascara*, bóp nghẹt (Hê-bơ-roew) from Ma-thi-ơ. 27:5
6. con dao của người ám sát (Greek), có nghĩa ông cũng cùng đảng Xê-lốt như Si-môn (Xem Lu-ca 6:15).

13:27 "Sa-tan vào lòng anh ta" Đây là lần duy nhất thật ngữ Sa-tan được dùng trong Giăng. Thường có nghĩa “kẻ thù” trong tiếng Hê-bơ-rơ. (Xem Lu-ca 22:3 and Giăng 13:2). Một câu hỏi được đặt ra: Liệu Giu-đa có phải chịu trách nhiệm khi Sa-tan nhập vô ông không? Có một sự giằng co giữa các hành động trong thực tại thuộc linh (như việc Đức Chúa Trời làm cứng lòng Pha-ra-ô) và thực tại thuộc thể, tức trách nhiệm của con người. Con người thực ra không được tự do đến mức như họ nghĩ. Tất cả chúng ta đều là những cá nhân được nuôi dạy, khôn lớn qua cha mẹ, trải nghiệm cá nhân và bài học lịch sử. Thêm vào đó là các tác động thuộc linh (Đức Chúa Trời, Thần Linh, Thiên sứ, Sa-tan và ma quỷ) Đây là điều bí ẩn, Tuy nhiên chúng ta không phải là người máy, chúng ta phải có trách nhiệm cho hành động, sự lựa chọn, và hậu quả. Giu-đa đã hành động, và không hành động một cách độc lập. Về khía cạnh lương tâm Giu-đa phải chịu trách nhiệm cho hành động của chính mình. Sự bội phản của Giu-đa được báo trước, (Giăng 13:18) Sa-tan là kẻ khởi xướng, (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự ác cá nhân) ở câu 12:31. Thật đáng tiếc Giu-đa không bao giờ thật lòng “biết Chúa” hoặc tin cậy Ngài.

13:29 "Giu-đa giữ túi tiền" Giu-đa giữ tiền cho cả nhóm. (Xem Giăng 12:6 và ghi chú ở câu Giăng 18:2.

13:30 "Lúc ấy trời đã tối" Không biết chữ ‘tối’ ở đây nói về thời điểm trong ngày hay về sự tối thuộc linh? Nhiều khi Giăng dùng những từ khó hiểu, hoặc có thể hiểu theo nhiều ý khác nhau, (ví dụ trong trường hợp của Ni-cô-đem Xem Giăng 3:2; 19:39).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIĂNG 13:31-35

³¹Khi Giu-đa đi ra rồi, Đức Chúa Jê-sus nói: “Bây giờ Con Người được tôn vinh, và Đức Chúa Trời được tôn vinh nơi Con Người. ³²Nếu Đức Chúa Trời được tôn vinh nơi Con Người thì Đức Chúa Trời cũng sẽ tôn vinh Con Người trong chính Ngài, và sẽ tôn vinh ngay. ³³Hỡi các con bé nhỏ, Ta không còn ở với các con bao lâu nữa. Các con sẽ tìm Ta, và như Ta đã nói với người Do Thái rằng: ‘Nơi Ta đi các ngươi không thể đến được’, thì bây giờ Ta cũng nói với các con như vậy. ³⁴Ta ban cho các con một điều răn mới, ấy là các con phải yêu thương nhau. Như Ta đã yêu thương các con thể nào thì các con cũng hãy yêu thương nhau thể ấy. ³⁵Nếu các con yêu thương nhau, thì bởi đó, mọi người sẽ nhận biết các con là Môn Đồ Ta.”

13:31-38 Những câu này thuộc về bối cảnh của một số câu hỏi (Xem Giăng 13:36; 14:5,8,22; 16:17-19) mà các Môn Đồ đưa ra trong đêm Tiệc Thánh ở Lầu Trên. Câu nói của Chúa Giê-su về sự ra đi khiến cho các Môn Đồ băn khoăn, tùy theo mức độ hiểu lầm của họ:

1. Phi-ê-rơ (Giăng 13:36)
2. Tô-ma (Giăng 14:5)
3. Phi-líp (Giăng 14:8)
4. Giu-đa (not Iscariot) (Giăng 14:22)
5. Một số Môn Đồ (Giăng 16:17-19)

13:31 "Con Người " Đây là Danh hiệu tự chọn, ám chỉ cả nhân tính và thần tính của Chúa, với bối cảnh từ Ê-xê-chi-en. 2:1 and Đa-ni-en. 7:13. Chúa Giê-su sử dụng Danh hiệu này vì không được sử dụng trong Do-thái Giáo, không mang tích cách anh hùng quân đội hoặc dân tộc và kết hợp cả hai thực tại của Ngài. (Xem 1 Giăng 4:1-3).

13:32 Các văn bản Hy-lạp khác nhau trong câu này: Câu dài hơn được thấy trong các bản NASB, NKJV, NRSV, TEV, and NJB. κ^c , A, C², K, and the Textus Receptus. Còn trong các bản MSS P⁶⁶, κ^* , B, C*, D, L, W, and X, phần “Nếu Đức Chúa Trời được vinh quang trong Ngài” bị bỏ ra. Các bản sau thường có vẻ tốt hơn, nhưng có thể ở đây các nhà sao chép không hiểu cấu trúc song song và loại bỏ phần này.

▣ **"được tôn vinh"** Thuật ngữ “tôn vinh” được sử dụng 4-5 lần chỉ trong hai câu 31, 32. Hai ba lần trong thì quá khứ, và hai lần trong thì tương lai. Ngữ cảnh đang nói về sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời qua sự hy sinh và sự sống lại của Chúa Giê-su. (Xem Giảng 7:39; 12:16,23; 17:1,5). Tiếp theo là những sự kiện sắp xảy ra, chắc chắn sẽ xảy ra đến mức được coi như đã xảy ra, theo cách viết của Giảng. Xin xem ghi chú ở câu Giảng 1:14.

13:33 "Hỡi các con bé nhỏ" Giảng viết Phúc Âm với tư cách một người lớn tuổi. Ông sử dụng các đại từ “các con bé nhỏ” để gọi người đọc, người nghe của mình, giống trong các thư tín 1 Giảng 2:1,12,28; 3:7,18; 4:4; 5:21. Chúa Giê-su sử dụng ẩn dụ để xác nhận mình với Cha. Chúa là Chúa, là Cha, là Người Bạn, Người Anh. Nói một cách khách. Chúa có cả hai bản thể: Đấng vận hành bên ngoài vật chất và hiện diện trong chúng ta.

▣ **"Ta không còn ở với các con bao lâu nữa. Các con sẽ tìm Ta, và như Ta đã nói với người Do Thái"** Chúa Giê-su đã tuyên bố điều này cho nhóm lãnh đạo Do-thái vài tháng trước đó. (Xem Giảng 7:33); Bây giờ Ngài tuyên bố cho các Môn Đồ. (Xem Giảng 12:35; 14:19; 16:16-19). Tìm hiểu chính xác về thứ tự thời gian không có vẻ dễ dàng.

▣ **"Nơi Ta đi các ngươi không thể đến được"** Lẽ dĩ nhiên các lãnh đạo Do-thái không thể đến vì không có niềm tin, các Môn Đồ cũng không thể đến với Ngài cho đến khi họ chết. Sự chết hoặc sự hoan hỉ (thăng thiên khi Chúa Đến) sẽ hiệp một Tín Đồ cùng với Chúa Yêu Thương. (Xem 2 Cô-rin-tô. 5:8; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 4:13-18).

13:34 "Ta ban cho các con một điều răn mới, ấy là các con phải yêu thương nhau" "yêu thương lẫn nhau" không phải là điều răn mới, (Xem Lê-vi Ký. 19:18 xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Dùng Chữ "Mạng Lệnh" Trong Văn Tự Của Giảng) Điều mới ở đây là Tín Đồ phải yêu thương nhau như Chúa yêu thương họ. (Xem Giảng 15:12,17; 1 Giảng 2:7-8; 3:11,16,23; 4:7-8,10-12,19-20; 2 Giảng 5).

Phúc Âm thực tế là đón chào một cá nhân, tin nhận chân lý được, thực thi cuộc sống mới. (Xem Giảng 14:15,21,23; 15:10,12; 1 Giảng 5:3; 2 Giảng 5,6; Lu-ca 6:46). Phúc âm được tiếp nhận, tin và hành động. Nếu ai không được sống trong yêu thương, người ấy không thực sống theo Phúc Âm.

Tôi thích lời bình luận “Biblical Theology of the New Testament” của Bruce Corley trong sách giải kinh *Foundations For Biblical Interpretation*: "Người Môn Đồ của Đấng Christ phải được đặc trưng bởi nguyên tắc yêu thương, cho dù thực tại của ân điển chưa được trọn vẹn, nhưng phản ánh sự yêu thương trong tình trạng hoàn hảo, nhờ công việc của Đức Thánh Linh (Xem Ga-la-ti. 5:6,25; 6:2; Gia-cơ 3:17-18; Giảng 13:34-35; 1 Giảng 4:7)" (p. 562).

13:35 "bởi đó, mọi người sẽ nhận biết các con là Môn Đồ Ta." Tình yêu là một tính cách Sa-tan không thể làm giả được Tín Đồ phải được đặc trưng bởi tình yêu thương (Xem 1 Giảng 3:14; 4:7-21).

▣ **"Nếu"** Đây là thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng của một hành động “yêu thương”. Hành động của chúng ta đối với cơ đốc nhân khác thể hiện mối liên hệ cá nhân đối với Chúa Giê-su (Xem 1 Giảng 2:9-11; 4:20-21).

NASB (HIỆU ĐÍCH RVV2011): GIẢNG 13:36-38

³⁶Si-môn Phi-e-rơ thưa: “Thưa Chúa, Chúa đi đâu?” Đức Chúa Jê-sus đáp: “Nơi Ta đi, bây giờ con không thể theo được, nhưng sau này con sẽ theo.” ³⁷Phi-e-rơ thưa: “Thưa Chúa, vì sao bây giờ con

không thể theo Chúa? Con sẽ hi sinh mạng sống con vì Chúa!"³⁸ Đức Chúa Jêsus đáp: "Con sẽ hi sinh mạng sống con vì Ta sao? Thật, Ta bảo thật với con: Trước khi gà gáy, con sẽ chối Ta ba lần!"

13:36 "Si-môn Phi-e-rơ thưa" Đây là câu đầu tiên trong một loạt câu hỏi các Môn Đồ đưa ra khi nghe lời Chúa trong Giảng 13:31-35 (Xem Giảng 13:36; 14:5,8,22; 16:17-19). Tôi vui lòng vì các Môn Đồ đã hỏi và Giảng có ghi lại những câu hỏi đó.

13:37 "Con sẽ hi sinh mạng sống con vì Chúa" Phi-ê-rơ thực lòng. Nhưng điều này cũng cho thấy sự yếu đuối của con người xác thịt và sự cương quyết của Chúa. Chúa không nói xuống nhưng kết thúc sứ mạng mình.

13:38 "Thật, Ta bảo thật với con" Xem ghi chú ở câu Giảng 1:51.

▣ **"Trước khi gà gáy, con sẽ chối Ta ba lần!"** Đây có lẽ là con gà của người La mã vì người Do-thái không cho nuôi gà trong thành phố được coi là Đất Thánh. Bởi phải bón phân cho vườn mà những người giàu có vườn ngoài thành phố trên sườn núi Ô-li-vê. Vườn Ghết-sa-ma-nê nơi Chúa cầu nguyện là một khu vườn như vậy.

Chúa Giê-su sử dụng sự báo trước để khích lệ đức tin trong Ngài. Ngay cả những thông tin tiêu cực như sự chối Chúa cũng bày tỏ sự hiểu biết và quyền kiểm soát các sự kiện tương lai của Chúa Giê-su. (Xem Giảng 18:17-18, 25-27; Ma-thi-ơ. 26:31-35; Mác 14:27-31; Lu-ca 22:31-34).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Giảng không ghi lại chi tiết của Tiệc Thánh?
2. Vì sao Chúa Giê-su rửa chân cho các Môn Đồ? Chúng ta có nên rửa chân cho nhau không?
3. Vì sao Chúa Giê-su chọn Giu-đa làm Môn Đồ?
4. Làm sao có thể biết được ai là Cơ đốc nhân?

GIẢNG 14

Cách chia phân đoạn trong các bản dịch hiện đại

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chúa Giê-su, con đường đến với Cha	Con Đường Chân Lý, Sự Sống	Tín Đồ liên hệ với Đấng Christ vinh hiển	Chúa Giê-su, con đường đến với Cha	Cuộc nói chuyện chia tay (13:31-14:31)
14:1-14	14:1-6	14:1-7	14:1-4 14:5 14:6-7	14:1-4 14:5-7
	Cha được bày tỏ 14:7-11	14:8-14	14:8 14:9-14	14:8-21
Đức Thánh Linh được hứa	Chúa Giê-su hứa Đấng Trợ Giúp Khác		Hứa ban Đức Thánh Linh	
14:15-24	14:15-18 Cha và Chúa Con ngự trong lòng 14:19-24	14:15-17 14:18-24	14:15-17 14:18-20 14:21 14:22	14:22-31
14:25-31	14:25-31	14:25-31	14:23-24 14:25-26 14:27-31a 14:31b	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 53. Phân đoạn 1
- 54. Phân đoạn 2
- 55. Phân đoạn 3
- 56. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH GIẢNG 14:1-31

- A. Không nên có sự chia đoạn từ Giảng 13 đến 17 bởi đây là một đơn vị văn chương thống nhất bao gồm cuộc hội thoại trong Tiệc Thánh ở Lầu Trên. Việc Chúa Giê-su báo trước sự ra đi đã gây xáo trộn trong vòng các Môn Đồ. Bối cảnh ở đây dựa trên một loạt sự hiểu lầm lời Chúa và các câu hỏi của họ.
 - 1. Phi-ê-rơ (Giảng 13:36)
 - 2. Tô-ma (Giảng 14:5)
 - 3. Phi-líp (Giảng 14:8)
 - 4. Giu-đa (not Iscariot) (Giảng 14:22)
 - 5. một số Môn Đồ (Giảng 16:17-19)
- B. Xin nhớ Giảng sử dụng hội thoại để truyền đạt chân lý.
- C. Những câu hỏi này giúp các Tín Đồ:
 - 1. Cho thấy các Môn Đồ ngày đêm sống cùng với Chúa vẫn còn hiểu lầm Chúa.
 - 2. Những chân lý tuyệt vời và quý giá được sáng tỏ khi Chúa Giê-su trả lời những câu hỏi thật lòng
- D. Chúa Giê-su bắt đầu giảng dạy về Đấng Trợ Giúp sẽ đến
 - 1. Chúa Giê-su nói về Đức Thánh Linh trong phòng Lầu Trên liên hệ trực tiếp với sự lo âu, sợ hãi của các Môn Đồ trước sự ra đi của Chúa. (Xem Giảng 13:33,36).
Michael Magill, *New Testament TransLine* (p. 355) có lược thảo bố cục câu trả lời của Chúa đối với nỗi lo lắng của các Môn Đồ.
 - a. "Một ngày nào đó các ngươi sẽ ở với Ta trong nơi Ta sẽ đến." Giảng 14:1-11
 - b. "Ta đi vì sự tốt lành cho các ngươi" Giảng 14:12-17
 - c. "Ta sẽ đến thăm các ngươi và bày tỏ bản thân cho các ngươi." Giảng 14:18-26
 - d. "Bây giờ Ta ban cho các ngươi sự bình an," Giảng 14:27-31
 - 2. Sự dạy dỗ về công vụ Đức Thánh Linh không được mở rộng. Có nhiều khía cạnh quan trọng không được đề cập trong bối cảnh ở đây.
 - 3. Công vụ Đức Thánh Linh chủ yếu là
 - a. Mặc khải chân lý và
 - b. Đấng An Ủi Cá Nhân

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIẢNG 14:1-7

1“Lòng các con đừng bối rối. Hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin Ta nữa.²Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở; nếu không phải vậy, sao Ta lại nói với các con rằng Ta đi chuẩn bị cho các con một chỗ? ³Khi Ta đi và đã chuẩn bị chỗ cho các con rồi, Ta sẽ trở lại đem các con đi với Ta, để Ta ở đâu thì các con cũng ở đó. ⁴Các con biết Ta đi đâu, và biết đường đi nữa.”

⁵Tô-ma nói: “Thưa Chúa, chúng con không biết Chúa đi đâu, làm sao biết đường được?” ⁶Đức Chúa Jê-sus đáp: “Ta là đường đi, chân lý và sự sống. Chẳng bởi Ta thì không ai được đến với Cha. ⁷Nếu các con biết Ta thì cũng biết Cha Ta; từ bây giờ các con biết và đã thấy Ngài.”

14:1 "đừng bối rối." Mệnh lệnh thức bị động thì hiện tại với tiểu từ phủ định - có nghĩa dừng lại một hành động đang xảy ra. Chúa Giê-su phán: “Các con hãy chấm dứt sự bối rối trong lòng”. Sự bối rối này bắt đầu khi Chúa nói “Ta đi”.

▣ **"Lòng các con "** Đề ý ‘các con’ trong số nhiều. Chúa Giê-su đang nói với 11 Môn Đồ. Thuật ngữ ‘lòng’ ám chỉ tư duy, lý trí và cảm xúc - bản ngã trọn vẹn một con người. (Xem Phục-truyền. 6:5; Ma-thi-ơ. 22:37). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm lòng ở câu 12:40

▣ **"Hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin Ta nữa"** ‘hãy tin, hãy tin’ cả hai động từ trong mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại theo bản (NASB, REB), hoặc chỉ định chủ động, hoặc là sự phối hợp cả hai (theo NKJV, NJB and NET Bible động từ thứ nhất là chỉ định, động từ thứ hai là mệnh lệnh thức). Cấu trúc ngữ pháp quân bình cho thấy Chúa Giê-su bình đẳng với Đức Chúa Cha. Điều đáng nhớ rằng những người Do-thái tin chắc vào thuyết Nhất Thần, (Xem Phục-truyền. 6:4-6), nhưng hiểu rõ ẩn ý trong lời Chúa Giê-su. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi). Đối với Cơ đốc nhân, niềm tin vào một Vị thần Tối Cao chưa đủ. Câu này tuy không phải là tuyên ngôn tín điều, nhưng đặt trọng tâm vào cá nhân Chúa Giê-su Christ

14:2 "Trong nhà Cha Ta " "Nhà" ám chỉ Lều Tạm hoặc Đền Thờ trong cựu ước ở Giê-ru-sa-lem, (Xem 2 Sa-mu-en7), nhưng xét về ngữ cảnh thấy Chúa Giê-su đang nói về Hoàng Cung, Thánh Đường trên Thiên Đàng nơi Đức Chúa Cha ngự trị. (Xem Thi-thiên. 23:6; 27:4-6).

NASB, NRSV" có nhiều chỗ ở"
NKJV" nhiều lâu đài"
TEV" nhiều phòng"
NJB" nhiều chỗ"

Bản KJV dịch thành "lâu đài" có thể gây hiểu lầm. Thuật ngữ Hy-lạp có nghĩa chỗ ở cố định, không nhất thiết mang tính chất xa hoa. Hình ảnh các Tín Đồ nên thấy là mỗi cá nhân có phòng riêng trong nhà Cha, nhưng ăn chung trong một hội trường. (Xem Giăng 14:23) (Xem TEV, NJB),

Một điều thú vị là chữ ‘nhà, phòng’ (abode) cũng có cùng gốc trong tiếng Hy-lạp, tương tự chữ ‘ở trong’, ‘ở mãi’ (abide) trong Giăng 15. Chỗ ở cố định của chúng ta trong Nhà Cha bắt đầu với sự ở mãi trong Đức Chúa Con.

▣ **"Nếu"** Đây là thể điều kiện hạng hai, tức là trái với chân lý, hay giả thiết điều này không thật. Ý của Chúa là: “Sự thực là có nhiều phòng, nếu không, ta đã không nói vậy” Dịch câu này không phải là việc dễ dàng:

NASB, REB,
NIV" nếu không phải vậy, Ta đã nói với các con"
NKJV" nếu không phải vậy, Ta đã nói với các con"
TEV"Ta đã không nói với các con, nếu không phải vậy,"
NJB, NET" nếu trái lại, Ta đã nói với các con"
Young's literal translation" nếu không , Ta đã nói với các con and if not, "
New Berkley Version" nếu không phải vậy, Ta đã nói với các con"
Williams Translation" nếu không phải vậy, Ta đã nói với các con"

▣ **"Ta đi chuẩn bị cho các con một chỗ?"** Câu này không có nghĩa Thiên Đàng chưa được chuẩn bị theo nghĩa đen. Cuộc sống, giáo huấn và sự hy sinh của Chúa Giê-su mở đường cho nhân loại tội lỗi đến gần và ở cùng với Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su là người đi tiền trạm và dẫn đường cho chúng ta. (Xem Hê-bơ-rơ. 6:20).

14:3 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng ba về tiềm năng xảy ra của động từ ‘Ta đi’. Chúa Giê-su cho họ biết Ngài sẽ quay trở về với Cha không bao lâu nữa và Ngài sẽ chuẩn bị chỗ ở cho họ. (ví dụ Giăng 7:33; 16:5,10,17,28)

Tài liệu *Help for Translators* - Trợ giúp cho các dịch giả sách Giăng của Liên Hội thánh Kinh, được viết bởi Newman và Wider gợi ý cụm từ này nên được hiểu một các tạm thời: ‘sau khi Ta đi’, hay ‘khi Ta đi’, hay ‘bởi ta đi’ (p. 456).

▣ **"Ta sẽ trở lại đem các con đi với Ta,"** Chúa đang nói về sự Tái Lâm hoặc sự chết của Tín Đồ (Xem 2 Cô-rin-tô. 5:8; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 4:13-18). Sự thông công trực tiếp của Tín Đồ với Chúa Giê-su phản chiếu sự thông công mật thiết giữa Chúa Giê-su và Đức Chúa Cha. (Xem Giăng 1:1,2). Cô đốc nhân cũng sẽ tham dự sự thông công với cả Chúa Giê-su và Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; 17:1ff).

Động từ 'đem' có nghĩa là đón nhận hay đón chào một cá nhân (*paralambanō*), Thiên đàng là mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời. [động từ này khác với (*lambanō*) trong câu Giăng 1:12. Tuy nhiên, khó có thể biết chắc sự trùng lặp của từ ngữ. Hầu hết hai động từ này có chung một nghĩa.]

▣ **"đề Ta ở đâu thì các con cũng ở đó."** Thiên Đàng là nơi Chúa Giê-su ngự (Xem Giăng 17:24)! Thiên Đàng là nơi thánh nhân gặp mặt cả Ba Ngôi. Tân Ước không cho biết rõ khi nào sự thông công trọn vẹn được bắt đầu. Có thể:

1. thời điểm qua đời, 2 Cô-rin-tô. 5:8
2. thời điểm Chúa Tái Lâm, 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 4:13-18

Kinh Thánh dường như im lặng đối với sự sống sau cái chết. Một cuốn sách hữu dụng cho chủ đề này là *The Bible On the Life Hereafter* của William Hendriksen, .

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU? (SHEOL/HADES, GEHENNA, TARTARUS)

I. Cựu Ước

A. Cá nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cựu Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).

B. Đặc tính của *She'ol*

1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-mốt 9:2
4. liên hệ với khái niệm "hố" (mỏ mả), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
5. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
7. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

II. Tân Ước

A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)

B. Đặc tính của *Hades*

1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cựu Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23

C. Sự phân biệt khả dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo

1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rin-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)

D. *Gehenna*

1. Phản ánh cụm từ trong Cựu Ước "thung lũng của các con trai Hinnom," (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sử ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-

hồ-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.

3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
 - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
 - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
 - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
 - d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
 - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
 - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
 - g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
 - h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41

E. Bởi sự chông chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ

1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục)).
3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.

1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.

B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lìa khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh

1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

IV. Thiên đàng

A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.

1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)

B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể hiểu, hay không có

khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).

- C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*

B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

14:4 "Các con biết Ta đi đâu, và biết đường đi nữa" Lời Chúa Giê-su khiến Tô-ma bày tỏ sự nghi ngờ về sự biết đường. Câu trả lời của Chúa thể hiện trong ba thuật ngữ thường dùng từ Cựu ước.

14:6 "Ta là đường đi," Theo Cựu Ước, đức tin được coi là đường đi cho cuộc sống. (Xem Phục-truyền. 5:32-33; 31:29; Thi-thiên. 27:11; Ê-sai. 35:8). Danh hiệu của Hội Thánh sơ khởi là đường đi (Xem Công-vụ 9:2; 19:9,23; 24:14,22). Chúa Giê-su nhân mạnh Ngài là đường đi duy nhất tới Đức Chúa Trời. Đây là điều thành học căn bản của Giăng. Công việc tốt lành là bằng chứng của đức tin cá nhân, (Xem Ê-phê-sô. 2:8-9,10) chứ không phải phương tiện cứu rỗi. Xem ghi chú ở Giăng 8:12.

▣ **"chân lý"** Thuật ngữ 'chân lý' trong triết học Hy Lạp là chân lý đối ngược với 'giả dối', "thực tại' đối nghịch với 'ảo giác'. Tuy nhiên theo tiếng A-ram mà Chúa Giê-su dùng, 'chân lý' mang ý nghĩa từ Cựu ước về sự 'trung tín, trung thành'. (Xem Thi-thiên. 26:3; 86:11; 119:30). Cả 'chân lý và 'sự sống' đặc trưng cho 'con đường'. Trong Giăng, thuật ngữ 'chân lý' thường mô tả sự vận hành Thần Linh (Xem Giăng 1:14; 4:23-24; 8:32; 14:17; 15:26; 16:13; 17:17,19). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Khái niệm Chân Lý ở câu 6:55 và Chủ Đề Đặc Biệt: 'thực' trong văn tự của Giăng ở câu 17:3

▣ **"và sự sống"** 'sự sống' trong tiếng Hy Lạp là *zoē*, được dùng bởi Giăng khi nói về sự sống trong Ký Nguyên Mới. (Xem Thi-thiên. 16:11; Pro. 6:23; 10:17). Tất cả đều liên hệ đến nếp sống theo đức tin được thấy trong sự tương giao cá nhân với Chúa Giê-su Christ.

▣ **"Chẳng bởi Ta thì không ai được đến với Cha"** Một tuyên bố gây sùng sốt. Tuy ngắn gọn, nhưng rõ ràng. Chúa Giê-su chắc chắn rằng một cá nhân chỉ có thể biết được Đức Chúa Trời qua sự tương giao với Ngài (Xem I Giăng 5:10-12). Đây là một trong những điều gây xúc phạm của Cơ-đốc giáo, còn được gọi là sự hạn chế tuyệt đối. Không có điểm trung gian. Nếu lời tuyên bố này sai lầm, cả Cơ đốc giáo sẽ sai lầm. Điều này cũng tương tự như trong Giăng 10.

14:7 "Nếu" có nhiều cấu trúc khác nhau trong các văn bản Hy Lạp. Bản của Liên Hội thánh Kinh UBS và P⁶⁶, \aleph , and D coi đây là thể điều kiện hạng nhất, cũng như văn tự cổ Hy Lạp. Theo cấu trúc này, câu trên cần được dịch là: 'Nếu các ngươi đã biết Ta, (mà thực tế là các ngươi biết Ta), thì các ngươi sẽ biết Cha, (mà thực tế các ngươi biết Cha)'

Một cấu trúc khác là thể điều kiện hạng hai, thường được gọi là 'trái với sự thực'. Nếu vậy, câu văn này được dịch như sau: 'Nếu các ngươi biết Ta (mà thực tế các ngươi không biết Ta), thì các ngươi đã biết Cha (mà thực tế các ngươi không biết Cha)'. Các văn bản A, B, C, D^b, K, L, và X ủng hộ cấu trúc này. Đây là điều khó hiểu, vì các Môn Đồ đã tin vào sự cứu rỗi bởi Chúa Giê-su, là Đấng Mê-si-a được Giê-hô-va sai phái. Lời Chúa phán vừa rồi vẫn còn mới lạ và khó hiểu đối với họ. Phúc Âm Giăng thường nói về các mức độ niềm tin. Ngữ cảnh khiến cấu trúc thứ hai hợp lý hơn. Cũng xin để ý tới một số điều kiện trong Giăng 14:2 and 28.

▣ **"Nếu các con biết Ta"** Chúa Giê-su lại nói chuyện với cả nhóm 11 Môn Đồ,(Xem Giảng 14:9). Thuật ngữ 'biết' theo Cựu-ước ám chỉ về mối tương giao một cách cá nhân (tư tưởng Do-thái) chứ không ám chỉ tiếp nhận kiến thức (tư tưởng Hy Lạp. (Xem Sáng-thế-Ký. 4:1; Giê-rê-mi. 1:5).

▣ **"thì cũng biết Cha Ta"** Thấy Chúa Giê-su là thấy Đức Chúa Trời (Xem Giảng 1:14-18; 5:24; 12:44-45; 2 Cô-rin-tô. 4:4; Cô-lô-sê. 1:15; Hê-bơ-rơ. 1:3)! Chúa Giê-su là sự bày tỏ tuyệt đối của Đức Chúa Trời. Không ai từ chối Chúa Giê-su lại có thể tự xưng mình biết Đức Chúa Trời (Xem 1 Giảng 5:9-12).

NASB (HIỆU ĐÍCH RVV2011): GIẢNG 14:8-14

⁸Phi-líp thưa rằng: "Thưa Chúa, xin chỉ Cha cho chúng con thì đủ rồi."⁹Đức Chúa Jêsus đáp: "Phi-líp ơi, Ta đã ở với các con lâu rồi, mà các con chưa biết Ta! Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha. Tại sao con lại nói: 'Xin chỉ Cha cho chúng con'?¹⁰Có phải con không tin rằng Ta ở trong Cha và Cha ở trong Ta chăng? Những lời Ta nói với các con không phải Ta tự nói, nhưng chính Cha là Đấng ở trong Ta đang làm những việc của Ngài.¹¹Khi Ta nói Ta ở trong Cha và Cha ở trong Ta thì hãy tin Ta; bằng không, hãy tin qua chính các công việc Ta làm.¹²Thật, Ta bảo thật các con, người nào tin Ta cũng sẽ làm những việc Ta làm, và sẽ làm những việc lớn hơn nữa, vì Ta đi về với Cha.¹³Các con nhân Danh Ta cầu xin bất cứ điều gì, Ta sẽ làm cho, để Cha được tôn vinh nơi Con.¹⁴Nếu các con nhân Danh Ta cầu xin bất cứ điều gì, Ta sẽ làm cho."

14:8 "Phi-líp thưa rằng: "Thưa Chúa, " Hình như Phi-líp (1) muốn thấy khai thị hiện ra của Đức Chúa Trời (Theophany) như Mô-sê, Ê-sai, hoặc Ê-xê-chi-en, hoặc (2) ông hiểu sai hoàn toàn lời Chúa Giê-su. Chúa Giê-su trả lời, xác nhận khi đã thấy và biết Chúa Giê-su, Phi-líp đã thấy và biết Đức Chúa Trời (Xem Cô-lô-sê. 1:15; Hê-bơ-rơ. 1:3)!

Xin chỉ Cha...

NASB" cho chúng con thì đủ rồi "
NKJV" là đủ cho chúng con "
NRSV" chúng con sẽ thỏa lòng "
TEV" là tất cả nhưng gì chúng con mong ước"
NJB" chúng con sẽ thỏa lòng"

Các Môn Đồ muốn có sự xác nhận nào đó như nhóm Pha-ri-si. Tín Đồ phải sống trong đức tin chứ không dựa vào mắt thấy trong các vấn đề thuộc linh. (Xem 2 Cô-rin-tô. 4:18; 5:7) Tin cậy là điều căn bản!

14:9 "Ta đã ở với các con lâu rồi, " 'các con' trong thể số nhiều – Phi-líp hỏi một câu hỏi mà cả nhóm đang suy nghĩ.

▣ **"mà các con chưa biết Ta! Ai đã thấy Ta tức là đã thấy Cha. "** Đây là động tính từ và động từ chủ động thì hiện tại. Có nghĩa là đã thấy và tiếp tục thấy. Chúa Giê-su mặc khải Thần Đức một cách trọn vẹn. (Xem Cô-lô-sê. 1:15; Hê-bơ-rơ. 1:3).

14:10 Chúa Giê-su đưa ra câu hỏi trong cấu trúc mong đợi sự trả lời "có" . Xem Chủ Đề Đặc Biệt: "Ồ mãi" Trong Văn Tự Của Giảng ở câu 1 Giảng 2:10

▣ **"con. . . các con"** chữ 'con' thứ nhất trong số ít, ám chỉ Phi-líp, chữ các con thứ hai trong số nhiều ám chỉ cả nhóm. (Xem Giảng 14:7, 10).

▣ **"Những lời Ta nói với các con không phải Ta tự nói "** Chúa Giê-su hành động cho Cha trong mọi lời nói hành động. (Xem Giảng 14:24; 5:19,30; 7:16-18; 8:28; 10:38; 12:49). Chúa Giê-su dạy dỗ lời phán của chính Cha. (Xem Giảng 14:24)

▣ **"nhưng chính Cha là Đấng ở trong Ta đang làm những việc của Ngài."** sự thông công giữa Chúa và Cha (như Giăng 7:14; 8:28; 10:38), được nhấn mạnh trong lời cầu nguyện Giăng 17, trở nên điều căn bản của "sự ở mãi" của Tín Đồ trong Chúa, (Giăng 15). Phúc Âm giăng mạc khải sự cứu rỗi như (1) tín lý, (2) mối thông công, (3) sự vâng phục, (4) sự bền đỗ.

14:11 "hãy tin Ta" động từ chỉ định chủ động thì hiện tại, hoặc mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại. (Xem Giăng 14:1).

Có những khác biệt giữa các văn bản. Các bản cổ tiếng Hy-lạp (P⁶⁶, P⁷⁵, ⳨, D, L, and W) chỉ có động từ 'tin' được nối tiếp bằng (*hoti*) có nghĩa là 'tin rằng', ám chỉ họ tiếp nhận sự hiệp một giữa Cha và Đức Chúa Giê-su. Những bản cổ khác thêm phần 'trong Ta' (tặng cách), bày tỏ đối tượng cá nhân của hành động 'tin'. Các học giả Hy-lạp thuộc Liên Hội Thánh Kinh tin khả năng thứ nhất mang tính cách nguyên thủy hơn, (Xem Bruce M. Metzger's *A Textual Commentary on the Greek New Testament*) xếp khả năng này vào hạng "B" [gần như chắc chắn] p. 244). Hầu hết các bản dịch hiện đại giữ cụm từ 'tin trong ta' và thêm chữ 'rằng' (ám chỉ nội dung điều đáng tin: Ta ở trong Cha và Cha ở trong Ta)

▣ **"bằng không, hãy tin qua chính các công việc Ta làm."** Chúa Giê-su phán các Môn Đồ phải tin công việc của Ngài, (Xem Giăng 5:36; 10:25,38), bởi công việc của Ngài ứng nghiệm tiên tri của Cựu-ước và mạc khải Chúa Giê-su là Ai. .

14:12 "Thật, Ta bảo thật" Xem note at Giăng 1:51.

▣ **" người nào tin Ta cũng sẽ làm những việc Ta làm, và sẽ làm những việc lớn hơn nữa"** Đức tin không chỉ là tư duy, nhưng là lời sống hướng về hành động. Câu "sẽ làm những việc lớn hơn" trong thể chủ động chỉ định thì tương lai, có thể ám chỉ:

1. hoạt động rộng hơn về mặt địa dư (Xem Ma-thi-ơ. 28:18-20)
2. sứ mạng cho người ngoại
3. Đức Thánh Linh ngự trong mỗi Tín Đồ
4. Chúa Giê-su cầu thay cho Tín Đồ (Xem Hê-bơ-rơ. 7:25; 9:24)

Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Cầu Nguyện, Vô Biên, Nhưng Hạn Hữu.

Cụm từ cuối câu 'sẽ làm' rất quan trọng trong Cơ-đốc giáo. Như Cha sai Đức Chúa Con, Đức Chúa Con sai các Môn Đồ. Sự 'ở trong Chúa' và 'có sự sống đời đời' đồng nghĩa với 'sứ mạng trọng đại' trong trái tim và lý trí. Cơ đốc giáo không phải là bộ sưu tập những tín điều, hoặc sự an ủi trong ngày bất thuận. Cơ đốc giáo là thể giới quan mới làm thay đổi tất cả. Cơ đốc giáo là cuộc sống có chủ đích, vì sự tăng trưởng của Vương Quốc Đức Chúa Trời, đòi hỏi sự hy sinh hàng ngày.

Hội thánh phải quay lại:

1. công vụ của mỗi Tín Đồ
2. sự ưu tiên của Sứ Mạng Trọng Đại
3. sự phục vụ không điều kiện và có chủ đích
4. sự trở nên giống Chúa ngay bây giờ

14:13-14 "Các con nhân Danh Ta cầu xin bất cứ điều gì" Xin để ý lời tuyên bố Chúa Giê-su trả lời cầu nguyện dựa theo bản tính của Ngài. Trong Công-vụ 7:59, Sê-tiên cầu nguyện tới Chúa Giê-su, trong 2 Cô-rin-tô 12:8 Phao-lô cầu nguyện tới Chúa Giê-su. Trong Giăng 15:16 and 16:23 các Tín Đồ cầu xin Cha. Cầu nguyện trong Danh Chúa Giê-su có nghĩa không dùng các câu thần chú bí ẩn ở cuối lời cầu nguyện, nhưng cầu nguyện trong ý chỉ và bản tính của Chúa Giê-su

Đây là một ví dụ tốt về sự tham khảo các câu song song trước khi thiết lập các tín lý quyết đoán. Cần phải có sự quân bình giữa câu “bất cứ điều gì” với các câu sau đây:

1. "trong Danh Ta" (Giăng 14:13-14; 15:7,16; 16:23)
2. "cầu nguyện không ngừng" (Ma-thi-ơ. 7:7-8; Lu-ca 11:5-13; 18:1-8)
3. "cả hai hiệp một" (Ma-thi-ơ. 18:19)
4. "tin" (Ma-thi-ơ. 21:22)
5. "không nghi ngờ" (Mác 11:22-24; Gia-cơ 1:6-7)
6. "không vị kỷ" (Gia-cơ 4:2-3)
7. "vâng giữ mạng lệnh" (1 Giăng 3:22)
8. "theo ý chỉ của Đức Chúa Trời" (Ma-thi-ơ. 6:10; 1 Giăng 5:14-15)

Danh của Chúa đặc trưng cho bản tính Ngài. Nói cách khác đặc trưng cho ý trí tâm hồn của Ngài. Cụm từ “Danh của Chúa” thường xuất hiện trong Phúc Âm Giăng (Xem Giăng 14:13-14,26; 15:16; 16:23-26). Một cá nhân càng trở nên giống Chúa Giê-su, càng được ứng nghiệm trong lời cầu nguyện. Điều cuối cùng mà Đức Chúa Trời có thể làm là trả lời sự cầu xin, đòi hỏi vật chất một cách ích kỷ, Xem ghi chú ở câu 1 Giăng 3:22.

Chủ Đề Đặc Biệt: Cầu nguyện hiệu quả

A. Liên hệ tới sự tương giao cá nhân với Ba Ngôi Đức Trời.

1. Liên hệ tới ý chỉ Đức Chúa Cha
 - a. Ma-thi-ơ. 6:10
 - b. 1 Giăng 3:22
 - c. 1 Giăng 5:14-15
2. Ở mãi trong Chúa Giê-su
Giăng 15:7
3. Cầu nguyện trong Danh Chúa Giê-su
 - a. Giăng 14:13,14
 - b. Giăng 15:16
 - c. Giăng 16:23-24
4. Cầu nguyện trong Đức Thánh Linh
 - a. Ê-phê-sô. 6:18
 - b. Giu-đê 1:20

B. Liên hệ tới động cơ cá nhân

1. không lường lự.
 - a. Ma-thi-ơ. 21:22
 - b. Gia-cơ 1:6-7
2. Cầu nguyện sai: Gia-cơ 4:3
3. Cầu nguyện ích kỷ: Gia-cơ 4:2-3

C. Liên hệ đến sự quyết định cá nhân

1. Bền đỗ
 - a. Lu-ca 18:1-8
 - b. Cô-lô-sê 4:2
 - c. Gia-cơ 5:16
2. sự bất hòa trong gia đình: 1 Phi-ê-rơ 3:7
3. Tội lỗi
 - a. Thi-thiên 66:18
 - b. Ê-sai 59:1-2
 - c. Ê-sai 64:7

Tất cả lời cầu nguyện đều được trả lời (không, có, hoặc hãy chờ), nhưng không phải tất cả lời cầu nguyện đều linh nghiệm. Điều cuối cùng Đức Chúa Trời có thể làm là trả lời sự cầu xin không thích đáng.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHÂN DANH CỦA CHÚA

Đây là một cụm từ thông dụng trong Tân ước để chỉ sự hiện diện cá nhân và quyền năng hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong Hội thánh. Nó không phải là một câu thần chú, nhưng là một lời cầu khẩn đến bản tính của Đức Chúa Trời.

Thông thường, cụm từ này chỉ Chúa Jêsus là Chúa (Phi-líp 2:11)

1. Khi xưng nhận đức tin nơi Chúa Jêsus tại lễ báp-têm (Rô-ma 10:9-13; Công-vụ 2:38; 8:12, 16; 10:48; 19:5; 22:16; I Cô-rinh-tô 1:13, 15; Gia-cơ 2:7)
2. Khi đuổi quỷ (Ma-thi-ơ 7:22; Mác 9:38; Lu-ca 9:49; 10:17; Công-vụ 19:13)
3. Khi chữa bệnh (Công-vụ 3:6, 16; 4:10; 9:34; Gia-cơ 5:14)
4. Khi làm mục vụ (Ma-thi-ơ 10:42; 18:5; Lu-ca 9:48)
5. Khi khiển trách trong Hội thánh (Ma-thi-ơ 18:15-20)
6. Khi giảng cho người ngoại (Lu-ca 24:47; Công-vụ 9:15; 15:17; Rô-ma 1:5)
7. Khi cầu nguyện (Giăng 14:13-14; 15:2, 16; 16:23; I Cô-rinh-tô 1:2)
8. Một cách để chỉ Cơ đốc giáo (Công-vụ 16:9; I Cô-rinh-tô 1:10; II Ti-mô-thê 2:19; Gia-cơ 2:7; I Phi-e-rơ 4:14)

Khi chúng ta làm trong bất cứ cương vị nào là người rao truyền, mục vụ, người giúp đỡ, chữa lành, đuổi quỷ, vân vân... chúng ta làm trong bản tính của Ngài, quyền năng, và sự cung ứng của Ngài - trong Danh Ngài.

▣ **"Nếu"** - thể điều kiện thứ ba, về tiềm năng xảy ra của hành động, tức 'cầu xin' ở đây.

- ▣ **"cầu xin bất cứ điều gì"** Thường Tín Đồ cầu nguyện trong Thánh Linh, qua Chúa Giê-su đến Đức Chúa Cha. Câu này là câu duy nhất trong Giăng cho thấy Chúa Giê-su hướng cầu nguyện về Minh.

Đây có thể là lý do vì sao một số văn bản hy Lạp cổ (ví dụ MSS, A, D, L, Old Latin, Vulgate, Coptic, Ethiopian, và Slavic) bỏ qua chữ 'Ta' sau chữ 'nhân danh'. Liên Hội Thánh Kinh UBS4 xếp hạng 'B' cho sự có mặt của chữ 'Ta' trong các văn bản MSS P⁶⁶, P⁷⁵, ⱼ, B, W, và vài bản Old Latin, Vulgate, và Syrian, có nghĩa là gần như chắc chắn.

NASB (HIỆU ĐÍCH RVV2011): GIĂNG 14:15-17

¹⁵"Nếu các con yêu mến Ta thì sẽ vâng giữ các điều răn Ta. ¹⁶Ta sẽ cầu xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con một Đấng An Ủi khác để ở với các con đời đời,¹⁷ tức là Thần Chân Lý mà thế gian không thể nhận lãnh được, vì không thấy và không biết Ngài. Nhưng các con biết Ngài vì Ngài đang ở với các con, và sẽ ở trong các con.

14:15 "Nếu các con yêu mến Ta thì sẽ vâng giữ các điều răn Ta. " - thể điều kiện hạng ba, về tiềm năng xảy ra của hành động 'yêu mến'. Sự yêu mến Đức Chúa Trời được thể hiện bởi sự vâng phục.

Tiếp theo, động từ 'sẽ vâng giữ' ở trong thể chỉ định chủ động thì tương lai, nhưng được dùng với ý nghĩa mệnh lệnh thức thì hiện tại: 'hãy vâng giữ' (Friberg, *Analytical Greek New Testament*, p. 337). Sự vâng phục rất quan trọng (Xem Giăng 8:51; 14:21,23-24; 15:10; 1 Giăng 2:3-5; 3:22,24; 5:3; 2 Giăng 6; Lu-ca 6:46). Giăng 14:21, 23, và 24 và là bằng chứng của sự biến đổi thuộc linh. (Xem Gia-cơ and 1 Giăng).

Bản dịch NKJV dùng thể mệnh lệnh thức 'hãy vâng giữ', bởi được dịch ra từ nguyên bản MSS A, D, W, the Vulgate, và một số giám mục đầu tiên. Liên Hội Thánh Kinh UBS4 xếp 'sẽ vâng giữ' có mặt trong MSS B, L, and the Copitic Version, và một số giám mục) vào hạng 'C' có nghĩa khó xác định.

14:16 "Ngài sẽ ban cho các con " Xem ghi chú ở câu Giăng 14:26.

**NASB, NKJV,
TEV "một Đấng Trợ Giúp khác"
NRSV "một Đấng Biện Hộ khác"
NJB "Đấng An Ủi khác"**

Chữ ‘ khác’, thuật ngữ Hy Lạp là (*allos*) có nghĩa ‘một cá nhân khác cùng loài’. Đức Thánh Linh cũng còn được gọi là Một Giê-su khác (theo G. Campbell Morgan, Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Giê-Su Và Thánh Linh).

Thuật ngữ Hy Lạp thứ hai là "*paraklētos*" ám chỉ Chúa Giê-su là Đấng Cầu Thay trong 1 Giăng 2:1 và Đức Thánh Linh trong Giăng 14:26 and 16:7-14. Ý nghĩa của thuật ngữ này là ‘người đứng bên trợ giúp’ trong bối cảnh tòa án (người biện hộ, bào chữa, bênh vực, luật sư, thầy cãi). Trong Việt ngữ, ‘biện hộ’ là cách dịch chính xác nhất. Một từ thuật khác (*parakalēo*), có cùng một gốc, ám chỉ Đức Chúa Cha là Đấng An Ủi trong 2 Cô-rin-tô. 1:3-11.

‘Đấng Biện Hộ’ (*paraklētos*) xuất phát từ hệ thống luật pháp La mã. ‘Đấng An Ủi’ đầu tiên xuất hiện trong bản dịch tiếng Anh Wycliffe, phản chiếu sự sử dụng động từ ‘an ủi’ (*parakaleō*) trong bản Bảy mươi (Cựu Ước trong tiếng Hy Lạp, còn gọi là Septuagint) (ví dụ trong 2 Sa-mu-en. 10:4; 1 Sử-ký. 19:3; Job 16:2; Thi-thiên. 69:20; Eccl. 4:1; Ê-sai. 35:4). Có thể ‘Đấng Biện Hộ’ là từ trái nghĩa của ‘Sa-tan’ (kẻ tố cáo).

Hai sử gia Philo và Josephus đều dùng từ này với ý nghĩa ‘cầu thay’ và ‘cố vấn’.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÚA GIÊ-SU VÀ THÁNH LINH

Có một sự linh động giữa công tác của Đức Thánh Linh và công tác của Đức Chúa Con. Ông G. Campbell Morgan nói rằng Danh hiệu thích hợp nhất cho Đức Thánh Linh là “một Đức Chúa Giê-xu khác.” Sau đây là bảng liệt kê so sánh công việc và Danh hiệu của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.

1. Thánh Linh được gọi là “Thánh linh của Đức Chúa Giê-xu” hoặc những từ ngữ tương tự (Rô-ma 8:9; II Cô-rinh-tô 3:17; Ga-la-ti 4:6; I Phi-e-rơ 1:11).
2. Cả hai đều được gọi với cùng một từ ngữ:
 - a. “Lẽ thật”
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (Giăng 14:6)
 - 2) Thánh Linh (Giăng 14:17; 16:13)
 - b. “Đấng Biện Hộ”
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (I Giăng 2:1)
 - 2) Thánh Linh (Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7)
 - c. “Đấng Thánh”
 - 1) Đức Chúa Giê-xu (Lu-ca 1:35; 14:26)
 - 2) Thánh Linh (Lu-ca 1:35)
3. Cả hai đều ngự trong những người tin Chúa
 - a. Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma 8:10; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-se 1:27)
 - b. Thánh Linh (Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:9,11; I Cô-rinh-tô 3:16; 6:19; II Ti-mô-thê 1:14)
 - c. Và ngay cả Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; II Cô-rinh-tô 6:16)

▣ "để ở với các con đời đời" có ba giới từ được dùng khi nói về Đức Thánh Linh.

1. "*meta*" (Giăng 14:16), "với"
2. "*para*" (Giăng 14:17), "bên cạnh"
3. "*en*" (Giăng 14:17), "trong"

Đức Thánh Linh ở với chúng ta, bên cạnh chúng ta và trong chúng ta. Công việc của Ngài là bày tỏ Chúa Giê-su trong Tín Đồ. Ngài sẽ ở cùng với họ cho đến ngày Chung Kết (Xem Giăng 14:18; Ma-thi-ơ. 28:20).

Đề ý Đức Thánh Linh được gọi là ‘Ngài’ trong giống đực, có nghĩa Ngài là một Cá Nhân. Nhiều khi trong bản dịch Anh ngữ KJV dịch thành "nó" (điều ấy) bởi bản thân thuật ngữ ‘linh’ nói chung ở trong giống trung (Xem Giăng 14:17,26; 15:26). Đức Thánh Linh là Ngôi Thứ Ba trong Ba Ngôi. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cá Nhân Đức Thánh Linh) ở câu 14:26. Thuật ngữ ‘Ba Ngôi’ không xuất hiện trong Kinh Thánh, nhưng nếu Chúa Giê-su là Thần Đức, và Đức Thánh Linh là Cá Nhân thì có một thực tại “hiệp một tay ba” ở đây. Đức Chúa Trời là một Bản Ngã Thần Linh với Ba Cá Thể Mặc Khải Bất Biến. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi ở câu 14:26, Xem Ma-thi-ơ. 3:16-17; 28:19; Công-vụ 2:33-34; Rô-ma. 8:9-10; 1 Cô-rin-tô. 12:4-6; 2 Cô-rin-tô. 1:21-22; 13:14; Ê-phê-sô. 1:3-14; 2:18; 4:4-6; Tít 3:4-6; 1 Phi-ê-rơ. 1:2).

về sự ‘đời đời’ xem Chủ Đề Đặc Biệt: “Đời Đời” (olam) ở câu 6:58 .

14:17 "Thần Chân Lý " ‘Chân Lý’ được giải thích trong Giăng 14:6 (Xem Giăng 15:26; 16:13; 1 Giăng 4:6). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: (Khái niệm) ‘Chân Lý’ Trong Văn Tự Của Giăng và Chủ Đề Đặc Biệt: (Khái Niệm) ‘Thực’ Trong Văn Tự Của Giăng. Thần Chân Lý đối nghịch với Sa-tan, cha của sự lừa dối. (Xem Giăng 8:44).

▣ **"Đấng"** Có thể dịch “điều đó” bởi vì thuật ngữ linh (*pneuma*) thuộc giống trung. Tuy nhiên tất cả mọi nơi khác đều dùng đại từ giống đực (Xem Giăng 14:26; 15:26; 16:7,8,13,14). Đức Thánh Linh không là nam, hay nữ, nhưng là Thần Linh. Điều quan trọng nhất cần nhớ Ngài là Một Cá Nhân. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cá Nhân Đức Thánh Linh).

▣ **"mà thế gian không thể nhận lãnh được,"** Đức Thánh Linh chỉ dành riêng cho các Tín Đồ, là những người có niềm tin nơi Chúa Giê-su, (Xem Giăng 1:10-12). Ngài cung ứng tất cả các nhu cầu của Tín Đồ. (Xem Rô-ma. 8:1-11). Thế gian vô tin không thể hiểu, hoặc không thể cảm thấy thích hợp những thực tại tâm linh (Xem 1 Cô-rin-tô. 2:14; 2 Cô-rin-tô. 4:4). (Về thế gian vô tin (*kosmos* xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH PHAO-LÔ SỬ DỤNG CHỮ *KOSMOS* (THẾ GIAN)

Phao-lô dùng chữ *kosmos* theo nhiều cách.

1. Tất cả trật tự được tạo dựng (xem Rô-ma 1:20; Ê-phê-sô 1:4; I Cô-rinh-tô 3:22; 8:4,5)
2. Hành tinh này (xem II Cô-rinh-tô 1:17; Ê-phê-sô 1:10; Cô-lô-se 1:20; I Ti-mô-thê 1:15; 3:16; 6:7)
3. Nhân loại (xem 1:27-28; 4:9,13; Rô-ma 3:6,19; 11:15; II Cô-rinh-tô 5:19; Cô-lô-se 1:6)
4. Nhân loại tổ chức và hành động tách biệt khỏi Đức Chúa Trời (xem 1:20-21; 2:12; 3:19; 11:32; Ga-la-ti 4:3; Ê-phê-sô 2:2,12; Phi-líp 2:15; Cô-lô-se 2:8,20-24). Điểm này rất giống với cách dùng của Giăng (I Giăng 2:15-17)
5. Cấu trúc của thế giới hiện tại (xem 7:29-31; Ga-la-ti 6:14 tương tự như Phi-líp 3:4-9, nơi đây Phao-lô mô tả những cấu trúc theo cách Do thái). Có một vài cách dùng lại trùng lặp lẫn nhau và khó có thể phân loại rõ ràng cho từng cách sử dụng. Cũng giống như nhiều chữ trong tư tưởng của Phao-lô, chữ này cần phải được định nghĩa theo văn mạch cụ thể chứ không thể dựa vào định nghĩa sẵn có. Các thuật ngữ Phao-lô sử dụng rất là uyển chuyển (xem James Stewart's *A Man in Daring Christ*). Phao-lô không có ý định xây dựng thần học hệ thống, ông chỉ rao giảng về Đấng Christ. Ông thay đổi tất cả mọi thứ.

▣ **"vì không thấy và không biết Ngài "** Đây có thể là cách dùng ‘một từ hai ý’ của Giăng. Ý nghĩa mở rộng trong tiếng Hê-bơ-rơ nhấn mạnh về mối liên hệ, (Xem Sáng-thế-Ký. 4:1; Giê-rê-mi. 1:5). Còn trong tiếng Hy Lạp nhấn mạnh về trí tuệ. Phúc âm mang cả hai tính chất: Liên Hệ Cá Nhân và Nhận thức Chân Lý.

▣ **"Ngài đang ở trong các người"** ‘Ở trong’, ‘ở mãi’ là khái niệm căn bản trong văn tự của Giăng (ví dụ Giăng 15, xem Chủ Đề Đặc Biệt: ‘Ở mãi’ ở câu 1 Giăng 2:10. Đức Chúa Cha ở trong Con, Đức Thánh Linh ở trong Tín Đồ, các Tín Đồ ở trong Đức Chúa Con. Sự ‘ở trong’ là động từ thì hiện tại, một hành động kéo dài, liên tục, không phải là một quyết định nhất thời, hay phản xạ theo cảm xúc.

▣ **"và sẽ ở trong các người"** Cũng có thể hiểu ‘trong vòng các người’ (Xem ghi chú cuối trang bản NRSV), hoặc ‘trong lòng các người’ (Xem NASB, NKJV, NRSV, TEV & NJB). Sự ngự trị của Đức Thánh Linh là lời hứa tuyệt vời của Đức Chúa Trời. Tân Ước khẳng định cả Ba Ngôi đều ngự trị trong các Tín Đồ.

1. Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ. 28:20; Giăng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma. 8:10; 2 Cô-rin-tô. 13:5; Ga-la-ti. 2:20; Ê-phê-sô. 3:17; Cô-lô-sê. 1:27)
2. Đức Thánh Linh (Giăng 14:16-17; Rô-ma. 8:11; 1 Cô-rin-tô. 3:16; 6:19; 2 Tim. 1:14)
3. Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; 2 Cô-rin-tô. 6:16)

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 14:18-24

¹⁸Ta không để các con mồ côi đâu, Ta sẽ đến với các con.¹⁹Không bao lâu, thế gian sẽ chẳng còn thấy Ta nữa, nhưng các con sẽ thấy Ta. Vì Ta sống thì các con cũng sẽ sống.²⁰Trong ngày đó, các con sẽ biết rằng Ta ở trong Cha Ta; các con ở trong Ta, và Ta ở trong các con.²¹Ai có các điều răn của Ta và vẫn giữ, ấy là người yêu mến Ta. Người nào yêu mến Ta sẽ được Cha Ta yêu thương, Ta cũng sẽ yêu thương người, và bày tỏ chính Ta cho người."²²Giu-đa, không phải là Giu-đa Ích-ca-ri-ôt, thưa rằng: "Thưa Chúa, vì sao Chúa sẽ bày tỏ chính mình cho chúng con mà không bày tỏ cho thế gian?"²³Đức Chúa Jê-sus đáp: "Nếu ai yêu mến Ta thì sẽ vẫn giữ lời Ta, Cha Ta sẽ yêu thương người, Chúng Ta sẽ đến cùng người và ở với người.²⁴Ai không yêu mến Ta thì không vẫn giữ các lời Ta. Những lời các con nghe không phải là lời của Ta, nhưng của Cha là Đấng đã sai Ta đến.

14:18 "Ta không để các con mồ côi đâu, Ta sẽ đến với các con." Khi sống lại và xuất hiện trên Lầu Trên trong ngày Chủ Nhật sau Lễ Vượt Qua, Chúa Giê-su ứng nghiệm tất cả những lời Ngài hứa. (Xem Giăng 20:19-31). Một số nhà giải kinh khác coi ngữ cảnh câu này lại gợi ý về sự giáng trần của Đức Thánh Linh trong ngày Lễ Ngũ tuần, (Công-vụ 2), hay Sự Tái Lâm của Chúa Giê-su, (Xem Giăng 14:3).

14:19 "không bao lâu, thế gian sẽ chẳng còn thấy Ta nữa, nhưng các con sẽ thấy Ta. " Đây nói về bối cảnh sau khi Phục Sinh (Giăng 14:20). Lời Chúa trong 19:19 khiến Giu-đa (không phải Ích-ca-ri-ôt) hỏi tiếp trong câu 4:22. Các Môn Đồ vẫn trông chờ Chúa Giê-su thiết lập vương quốc Đấng Mê-si-a trần thế (xem Ma-thi-ơ. 20:20-28; Mác 10:35-45) và cảm thấy bối rối khi Ngài nói "thế gian sẽ chẳng thấy Ta". Chúa Giê-su trả lời trong câu Giăng 14:23 and 24 rằng Ngài sẽ được bày tỏ trong cuộc sống mỗi cá nhân những người tin kính Chúa, vì vậy thế gian không thể thấy Ngài.

▣ **"Vì Ta sống thì các con cũng sẽ sống. "** Sự sống lại của Chúa Giê-su là bằng chứng về quyền năng và sự sẵn lòng ban tặng sự sống của Đức Chúa Trời (Xem Rô-ma. 8:9-11; 1 Cô-rin-tô. 15:20-23,50-58).

14:20 "Trong ngày đó, " Thường thường cụm từ này ám chỉ ngày tận thế, nhưng ngữ cảnh ở đây nói về thời điểm Chúa sống lại, hoặc Đức Thánh Linh giáng trần trong lễ Ngũ tuần

Chủ Đề Đặc Biệt: NGÀY ĐÓ

Đây là câu quen thuộc “trong Ngày Đó, hoặc Trong Ngày Ấy” được các tiên thế kỷ thứ tám T.C.N dùng để nói về sự phán xét và phục hồi I-sơ-ra-en.

Ô-sê	A-môt	Mi-ca
Tích cực	Tích cực	Tích cực
Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
1:11	1:5	1:14(2)
	2:3	2:16
2:15		3:14
2:16	4:5	4:6
2:18	5:9	5:18 (2)
2:21	6:2	5:20
	7:5	6:3
	9:5	7:11(2)
	10:14	7:12
		8:3
		8:9 (2)
		8:10
		8:13

Đây là khuôn mẫu tiên tri khá phổ biến. Đức Chúa Trời sẽ phán xét tội lỗi trong một thời điểm, nhưng Ngài luôn gợi ý ngày ăn năn và tha thứ cho những ai sẵn lòng thay đổi trái tim và hành động, để tiếp nhận trái tim, ý tưởng và thần linh mới, (Xem Ê-xê-chi-en. 36:22-27)! Đức Chúa Trời sẽ thực hiện mục đích và chương trình của Ngài. Dân của Chúa sẽ phản chiếu bản tánh Ngài. Sự thông công giữa con người và Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi.

▣ **"các con sẽ biết rằng"** Thường, chữ ‘biết’ theo tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa hướng về mối liên hệ, (như quen biết, thân biết trong tiếng Việt). Tuy nhiên khi chữ ‘biết’ được nối tiếp với chữ ‘rằng’ (*hoti*) thì hướng vô nội dung tri thức (tức hiểu biết, biết rằng). Chữ ‘biết’ ở đây, giống như chữ ‘tin’, là loại ‘một từ hai ý’, minh họa Phúc Âm. Các Tín Đồ không những quen biết Ngài, nhưng hiểu biết chân lý về Ngài nữa. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Giảng sử dụng động từ ‘tin’ ở câu 2:23

▣ **"Ta ở trong Cha Ta; các con ở trong Ta, và Ta ở trong các con."** Giảng thường nhấn mạnh sự hiệp một giữa Chúa Giê-su và Cha (Xem Giảng 10:38; 14:10-11; 17:21-23). Ngài cũng thêm: Như Con và Cha có mối liên hệ, Chúa Giê-su và Tín Đồ cũng có mối liên hệ mật thiết, (Xem Giảng 17)!

14:21 "Ai có các điều răn của Ta và vâng giữ" ở đây có hai động tính từ. Sự vâng phục rất quan trọng (xem ghi chú Giảng 14:15) bởi nó là bằng chứng của sự biến đổi thuộc linh. (Xem Giảng 14:23).

Các Sứ Đồ là những người Do-thái, thường sử dụng các thành ngữ Xê-mít (nhóm ngôn ngữ Hê-bơ-rơ, A-ram, A-ráp). Người Do-thái bắt đầu sự thờ phượng (Phục-truyền. 6:4-5) bằng lời cầu nguyện gọi là ‘*shema*’ có nghĩa là ‘nghe sao làm vậy’. Đây là ý nghĩa câu Giảng 14:21. (Xem Gia-cơ 2:14-26).

▣ **"và bày tỏ chính Ta cho người."** Đây ám chỉ (1) sự Chúa hiện ra sau Phục Sinh (Xem Công-vụ 10:40-41) hoặc (2) sự gửi Đức Thánh Linh đến để bày tỏ và tạo hình Đấng Christ trong các Tín Đồ (Xem Giảng 14:26; Rô-ma. 8:29; Ga-la-ti. 4:19).

▣ Chúa Giê-su tin chắc và khẳng định, rằng Ngài (1) đại diện, (2) phát ngôn và (3) bày tỏ Đức Chúa Cha. Đối với các Tín Đồ, lời uy quyền của Chúa Giê-su được ghi lại bởi các Sứ Đồ là nguồn thông tin duy nhất về Đức

Chúa Trời và mục đích của Ngài. Thẩm quyền của Chúa Giê-su và Kinh Thánh là thẩm quyền tối hậu, sự giải kinh, kinh nghiệm cá nhân và truyền thống giáo hội, dù hữu dụng, nhưng không tuyệt đối.

Bởi có sự tương đồng giữa Đức Thánh Linh và Đức Chúa Con, tác giả G. Campbell Morgan gọi Đức Thánh Linh là "một Giê-su khác, hay Giê-su thứ hai". Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Giê-su và Đức Thánh Linh, ở câu 14:26

14:22 Xem ghi chú ở câu Giảng 14:19.

▣ **"Giu-đa, không phải là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt"** Đây là tên khác của Tha-đê (Xem Ma-thi-ơ. 10:3; Mác 3:18). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: danh sách các Sứ Đồ ở câu 1:45.

14:23 "Nếu" Thể điều kiện thứ ba về tiềm năng xảy ra của động từ 'yêu'. Các Môn Đồ thể hiện tình yêu đối với Chúa Giê-su bằng cách yêu thương lẫn nhau. (Xem Giảng 14:15,21).

14:24 "Các con" Câu hỏi giải kinh: "chữ 'các con' (14:24b) ám chỉ ai ở đây?". Xét về ngữ pháp chúng ta thấy đại từ ở trong động từ 'nghe' là ngôi thứ hai, số nhiều tức "các người, các con", có thể là

1. Những người trong thế gian từ chối sứ điệp Chúa Giê-su (14:24a)
2. Các Môn Đồ là những người tiếp nhận Chúa Giê-su là Lời của chính Đức Chúa Cha (Xem Giảng 14:10-11)

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIẢNG 14:25-31

²⁵Ta đã nói những điều này cho các con trong lúc Ta còn ở với các con. ²⁶Nhưng Đấng An Ủi, tức là Đức Thánh Linh mà Cha sẽ nhân Danh Ta sai đến, Ngài sẽ dạy dỗ các con mọi điều, và nhắc các con nhớ tất cả những gì Ta đã phán với các con. ²⁷Ta để sự bình an lại cho các con. Ta ban sự bình an của Ta cho các con. Sự bình an Ta cho các con không giống như thế gian cho. Lòng các con chớ bối rối và đừng sợ hãi. ²⁸Các con đã nghe Ta nói: 'Ta đi, và Ta sẽ trở lại với các con.' Nếu các con yêu mến Ta thì nên vui mừng vì Ta đi về với Cha, bởi Cha cao trọng hơn Ta. ²⁹Bây giờ Ta nói điều này cho các con trước khi việc xảy ra, để khi việc xảy ra thì các con sẽ tin. ³⁰Ta sẽ không còn nói nhiều với các con nữa, vì kẻ cai trị thế gian này đang đến. Nó chẳng có quyền hành gì trên Ta, ³¹nhưng Ta làm theo điều Cha đã truyền bảo, để thế gian biết rằng Ta yêu mến Cha. Hãy đứng dậy, chúng ta phải đi khỏi đây."

14:25 "Những điều này" Tức là những gì Chúa Giảng dạy ở Lầu Trên (Giảng 13-17, đặc biệt Giảng 15:11; 16:1,4,6,25,33).

14:26 "Đức Thánh Linh" Trong Phúc Âm Giảng, danh hiệu này chỉ xuất hiện trong Giảng 1:33; 14:26, 20:22, (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh ở câu 2:20). Tuy nhiên Ngài còn được gọi bằng những danh hiệu khác như Đấng Biện Hộ, Thần Chân Lý, Thánh Linh).

Có một vài câu trong Tân Ước gọi Đức Thánh Linh bằng thuật ngữ cá nhân (Xem Mác 3:29; Lu-ca 12:12; Giảng 14:26; 15:26; 16:7-15, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi Đức Chúa Trời). Có những văn bản sử dụng đại từ giống trung, bởi trong tiếng Hy Lạp thuật ngữ "linh" (*pneuma*) ở trong giống trung. (Xem Giảng 14:17; Rô-ma. 8:26).

Cũng cần có một lời bình luận về khái niệm Ba Ngôi. Thuật ngữ Ba Ngôi không có trong Thánh Kinh, nhưng có một vài dẫn chứng về sự cùng hiện diện Ba Cá Nhân của một Chân Thân. Nếu Chúa Giê-su là Thần Đức, Đức Thánh Linh là Cá Nhân, chúng ta với tư cách những người thờ Một Thần (Xem Phục-truyền. 6:4-6)

phải chấp nhận một hệ thống ‘Ba Ngôi Hiệp Một’, hay ‘Tam Vị Nhất Thể’ – (khác với khái niệm một Cá Nhân Thần Đức xuất hiện trong ba hình thể - progressive manifestation) !

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Đề ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ “Ba ngôi,” không phải là chữ Kinh thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

1. Các sách Phúc âm
 - a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
 - b. Giăng 14:26
2. Công-vụ 2:32-33, 38-39
3. Phao-lô
 - a. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
 - b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
 - c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
 - d. Ga-la-ti 4:4-6
 - e. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
 - f. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
 - g. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
 - h. Tít 3:4-6
4. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2
5. Giu-đe trong câu 20,21

Cựu ước cũng có hướng về điều này

1. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời
 - a. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
 - b. Chữ “chúng ta” trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
 - c. Chữ “Một” trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)
2. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh
 - a. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
 - b. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
 - c. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
 - d. Xa-cha-ri 3:1-2
3. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14
4. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mê-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12
5. Đấng Mê-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10
6. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jê-sus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm ngặt, chỉ theo độc thần thời kỳ đầu:

1. Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. OriSáng-thế-Ký hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jê-sus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine

Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân ước dường như xác nhận một bản chất thần linh thể hiện với ba thân vị đời đời.

▣ **"mà Cha sẽ nhân Danh Ta sai đến"** Có một sự tranh luận dữ dội vào thế kỷ thứ tư về việc Đức Thánh Linh có đến từ Đức Chúa Cha (Xem Giăng 3:34; 14:16; 16:26), hoặc từ Chúa Giê-su hay không (Xem Giăng 15:26; 16:7; Lu-ca 24:49; Công-vụ 2:33). Cuộc tranh luận giữa Arius và Athanasius có chủ đề về sự bình đẳng giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con với tư cách Thần Đức vĩnh hằng và toàn vẹn.

▣ **"Ngài sẽ dạy dỗ các con mọi điều"** Đức Thánh Linh không dạy các Tín Đồ tất cả mọi lĩnh vực tri thức, nhưng dạy chân lý thuộc linh, đặc biệt những gì liên hệ tới Phúc Âm, tức là Cá Nhân và công vụ của Chúa Giê-su (Xem Giăng 16:13-14; 1 Giăng 2:20,27).

Chủ Đề Đặc Biệt: Ngôi Vị Của Đức Thánh Linh

Trong Cựu Ước có cụm từ "Thần Linh của Đức Chúa Trời" (*ruach*) là một linh lực thực hiện mục đích của Đức Giê-hô-va, như không có sự gợi ý Ngôi Vị. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nhất Thần Luận trong Cựu Ước). Tuy nhiên, trong Tân Ước, bản tánh và ngôi vị của Đức Thánh Linh được bày tỏ một cách trọn vẹn

1. Ngài có thể bị xúc phạm (một cách phạm thượng) (Xem Ma-thi-ơ. 12:31; Mác 3:29)
2. Ngài dạy (Xem Lu-ca 12:12; Giăng 14:26)
3. Ngài làm chứng (Xem Giăng 15:26)
4. Ngài hướng dẫn, và cáo trách (Xem Giăng 16:7-15)
5. Ngài được gọi "Đấng" (*hos*, Xem Ê-phê-sô. 1:14)
6. Ngài có thể bị làm phiền lòng (Xem Ê-phê-sô. 4:30)
7. Ngài có thể bị 'đập tắt' (Xem 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 5:19)

Ngững câu Kinh thánh về Ba Ngôi (Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi) nói về Ba Cá Nhân.

1. Ma-thi-ơ. 28:19
2. 2 Cô-rin-tô. 13:14
3. 1 Phi-ê-rơ. 1:2

Đức Thánh Linh liên hệ tới sự vận hành của nhân loại.

1. Công-vụ 15:28
2. Rô-ma. 8:26
3. 1 Cô-rin-tô. 12:11
4. Ê-phê-sô. 4:30

Ngay từ đầu sách Công vụ, vai trò của Đức Thánh Linh được nhấn mạnh. Lễ Ngũ Tuần không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. Chúa Giê-su luôn có Đức Thánh Linh. Sự báp-tem của Ngài không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. Đức Thánh Linh là Tác Nhân trong chương trình của Đức Chúa Cha nhằm hồi phục nhân loại trong hình bóng của Ngài (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Của Đức Giê-hô-va)!

▣ **"nhắc các con nhớ tất cả những gì Ta đã phán với các con"** Mục đích của Đức Thánh Linh là

1. cáo trách nhân loại về tội lỗi
2. dắt dẫn họ đến với Chúa
3. báp-tem họ trong Đấng Christ
4. tạo hình Đấng Christ trong họ (Xem Giăng 16:7-15)
5. Giúp các Sứ Đồ nhớ lại mọi sự Chúa Giê-su phán với họ và giúp họ ghi chép Kinh Thánh (Xem Giăng 2:22; 15:26; 16:13)

Chúa Giê-su cũng chỉ dẫn các Sứ Đồ sau Phục Sinh, đặc biệt trong sự giải nghĩa các câu Kinh thánh về Ngài trong Cựu Ước được ứng nghiệm trong Ngài. (Xem Lu-ca 24:13ff).

14:27 "Ta để sự bình an lại cho các con. Ta ban sự bình an của Ta cho các con" Sự bình an của Tin Đồ không phụ thuộc vào hoàn cảnh, nhưng vào lời hứa và sự hiện diện của Chúa Giê-su (Xem Giăng 16:33; Phi-líp. 4:7; Cô-lô-sê. 3:15).

"Sự Bình An" được dùng một cách khách quan là sự hòa thuận với Đức Chúa Trời, và một cách chủ quan là sự an ninh hoặc ổn định trong cơn nguy khó, hoàn cảnh khó khăn. Sự bình an có trong lời chào hỏi của người Do-thái (*Shalom*) có nghĩa là cảm giác "thiếu nan đề, thù thù nguyện" (Xem Giăng 20:19,21,26; 3 Giăng 14; Ê-phê-sô. 2:14; Num. 6:26; Thi-thiên. 29:11; Ê-sai. 9:6). Sự Bình An đặc trưng cho Tân Kỷ Nguyên!

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bình An (trong Tân Ước)

Thuật ngữ Hy-lạp có nguyên nghĩa là 'hàn gắn lại những gì đã bể vỡ' (Xem Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp. 4:7). Có ba cách Tân Ước nói về sự Bình An:

1. về khách quan là sự hòa thuận với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Xem Cô-lô-sê. 1:20)
2. về chủ quan là sự công chính trước Đức Chúa Trời (Xem Giăng 14:27; 16:33; Phi-líp. 4:7)
3. rằng Đức Chúa Trời hòa giải các Tín hữu Do-thái và Ngoại bang trong thân thể Đấng Christ, (Xem Ê-phê-sô. 2:14-17; Cô-lô-sê. 3:15).

Các tác giả Newman and Nida, *A Translator's Handbook on Paul's Letter to the Rô-mans*, p. 92, có lời bình luận tốt về sự bình an.

"Cả Cựu-ước và Tân-ước đều nói về sự bình an với ý nghĩa mở rộng. Điều căn bản đây là sự hạnh phúc trong cuộc sống cá nhân. Nó trở nên lời chào hỏi của người Do-thái, và đặc biệt có ý nghĩa sâu sắc về sự cứu rỗi của Đấng Mê-si-a. Bởi lý do này, 'sự bình an' đồng nghĩa với 'sự trở nên công chính trước Đức Chúa Trời'. Thuật ngữ 'bình an' được sử dụng để mô tả mối liên hệ hài hòa giữa Con Người và Đức Chúa Trời, dựa trên việc Đức Chúa Trời đã coi Con Người được công chính trước Ngài. (trang. 92).

▣ **"để lại"** Tác giả Grant Osborne, *The Hermeneutical Spiral* (trang. 21) có lời bình luận tuyệt vời về tầm quan trọng của ngữ cảnh trong việc xác định ý nghĩa từ vựng.

"Ngữ cảnh hợp lý"

Trong ý nghĩa thiết thực, nghĩa cảnh hợp lý (theo logic) là yếu tố căn bản để giải kinh. Tôi thường nói nếu sinh viên nào trong tình trạng ngủ gật và không biết câu hỏi của tôi, người ấy sẽ trả lời chính xác khoảng 50% nếu trả lời theo ngữ cảnh. Ngữ cảnh chứa đựng nhiều yếu tố ảnh hưởng tới câu văn. Nếu có thể minh họa bằng hình ảnh, ngữ cảnh như những vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là câu văn hoặc.

Khi chúng ta hướng về tiêu điểm, ảnh hưởng của ngữ cảnh trên câu văn tăng lên. Thể văn xác định hình thức văn chương và giúp người giải kinh phát hiện ra cấu trúc những câu song song. Nhưng sự phát hiện ấy không có ảnh hưởng nhiều bằng phần còn lại của Kinh Thánh. Ví dụ chúng ta đã phát hiện ra Sách Khải huyền thuộc Văn Chương Tân Thế. Mặc dù có nhiều sự tương đồng với văn chương thời kỳ giữa Cựu-ước và Tân-ước và với nền văn hóa Hy-lạp, hầu hết các biểu tượng trong Khải Huyền đến từ Cựu-ước. Mặt khác, ngữ cảnh kề cận câu văn là yếu tố cuối cùng để xác định ý nghĩa thuật ngữ, câu văn hoặc khái niệm. Không ai có thể chắc rằng Pha-ô-lô sử dụng một thuật ngữ theo cùng một cách trong thư thứ nhất và thứ hai cho người Phi-líp-pi. Ngôn ngữ không theo nguyên tắc như vậy. Mỗi một

từ đều có nhiều ý nghĩa, tác giả dùng từ vựng trong ngữ cảnh hiện tại chứ không trong ngữ cảnh quá khứ. Một ví dụ rất tốt là cách dùng động từ ‘*aphiemi*’ trong Giăng 14:27, "Bình an Ta để lại cho các con" và trong Giăng 16:28, "Ta lại rời bỏ thế gian." Chữ ‘để lại’ và ‘rời bỏ’ là hai ý nghĩa có cùng một gốc, chúng ta không thể dùng ý nghĩa này để thay ý nghĩa kia, bởi cách sử dụng nó trong hai câu hoàn toàn trái ngược nhau. Trong câu thứ nhất Chúa Giê-su “ban cho” (sự bình an), câu thứ hai Chúa Giê-su ‘lấy đi’ (chính mình). Thêm vào đó chúng ta có thể gượng ép câu văn vào ý nghĩa quen thuộc, ví dụ trong I Giăng 1:9 về ‘sự tha thứ. Các đoạn văn khác giúp chúng ta thấy phạm vi ý nghĩa, nhưng chỉ ngữ cảnh kề cận có thể cung cấp ý nghĩa chính xác của câu văn." (trang. 21).

▣ **"Lòng các con chớ bối rối và đừng sợ hãi."** Ở đây có thể chỉ định bị động thì hiện tại, với tiểu từ phủ định. Thường có ý nghĩa chấm dứt một hành động đang xảy ra. Đây là sự nhắc lại trong câu 14:1

14:28 "Nếu các con yêu mến Ta thì nên vui mừng" Đây là thể điều kiện thứ hai, còn được gọi là ‘trái với sự thực’, giống như trong Giăng 14:7. Thực tế là nếu Chúa Giê-su về với Cha, Ngài sẽ sai Đức Thánh Linh đến. Điều ấy tốt hơn, nhưng họ chưa hiểu biết được ở thời điểm này.

▣ **"bởi Cha cao trọng hơn Ta"** Đây không phải sự chứng minh về địa vị thấp hơn của Đức Chúa Con, nhưng liên hệ tới chức năng và công tác của Ba Ngôi trong chương trình cứu rỗi con người. (Xem Giăng 10:29-30). Sự hạ thấp của Đức Chúa Con chỉ có trong một thời gian ngắn trên thế gian, trong thời gian Chúa Ba Ngôi thực thi kế hoạch mặc khải và cứu chuộc. (Xem Giăng 13:16; 1 Cô-rin-tô. 15:27-28; Ê-phê-sô. 1:3-14).

14:29 "Bây giờ Ta nói điều này cho các con trước khi việc xảy ra" Chúa nói vậy để đức tin của họ được khích lệ và tăng trưởng, (Xem Giăng 13:19; 16:4).

14:30

NASB "Kẻ thống trị thế giới này "
NKJV, NRSV,
TEV "Kẻ cai trị thế gian này "
NJB "vua chúa thế gian này"

Ấm chỉ Sa-tan, mà lãnh vực hành động của nó là trần gian (Xem Giăng 12:31; 16:11; Sa-tan còn được gọi bằng các tên khác như: "Thần của thế gian", 2 Cô-rin-tô. 4:4, "vua chúa chốn không trung", Ê-phê-sô. 2:2. Có thể Chúa Giê-su thấy sự rời khỏi phòng của Giu-đa là sự đến của Sa-tan. (Xem Giăng 13:27). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hiện Thân Sự Ác. ở câu 12:31

NASB, NKJV "Nó chẳng có chi hết nơi Ta"
NRSV, TEV,
NJB "Nó chẳng có quyền hành trên Ta"

Câu này có nghĩa Sa-tan chẳng có cơ sở gì để tố cáo, vu khống Chúa, không có quyền lực hoặc không có chung bất cứ điều gì với Chúa (Xem Ê-bơ-rơ. 4:15).

1. Bản dịch của James Moffatt "nó chẳng nắm chặt Ta"
2. Bản dịch của William F. Beck: "nó chẳng đòi được gì ở Ta"
3. Bản dịch New English Bible: "không có quyền hạn trên Ta"
4. Bản dịch Twentieth Century New Testament: "không chung với Ta bất cứ điều gì"

14:31 "để thế gian biết " Sa-tan vận hành trong ý chỉ của Đức Chúa Trời, bị chi phối vì mục đích tối hậu của sự cứu chuộc nhân loại. Xem A. B. Davidson, *The Theology of the Old Testament*, các trang. 300-306.

▣ **"nhưng Ta làm theo điều Cha đã truyền bảo"** Trong ý chỉ của Đức Chúa Cha mà Chúa Giê-su hy sinh (Xem Ê-sai. 53:10a,b; Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô. 5:21). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Dùng "Mạng Lệnh" Trong Văn Tự Của Giảng.

▣ **"Hãy đứng dậy, chúng ta phải đi khỏi đây."** 'hãy đứng dậy' - mệnh lệnh thức dạng trung cách thì hiện tại. Có điều khó hiểu là trong Mác và Ma-thi-ơ, câu này dường được nói ở trong vườn Ghết-sê-ma-nê, khi Giu-đa và đám lính tới bắt Chúa, còn trong Giảng thì ở Lầu Trên sau Tiệc Thánh (Giăng 13-17). Có thể Chúa Giê-su đã rời Lầu Trên và tiếp tục dạy dỗ trên đường đến vườn Ghết-sê-ma-nê (Xem Giảng 18:1).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Xin giải thích về niềm tin Thần Thánh nói chung và đức tin đặt trọng tâm vào Đấng Christ dựa theo Giăng 14:1.
2. Giải thích về ba thuật ngữ Cựu-ước "đường đi, chân lý và sự sống" trong câu Giăng 14:6.
3. Có thể xây dựng một tín lý về cầu nguyện dựa theo Giăng 14:13 một cách duy nhất không?
4. Những mục đích chính nào của Đức Thánh Linh trên trần gian trong Tín Đồ và người chưa được cứu?
5. Phải chăng Sa-tan hành động trong ý chỉ của Đức Chúa Trời?

GIẢNG 15

Cách chia phân đoạn trong các bản dịch hiện đại

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chúa Giê-su Cây Nho Thực	Cây Nho Thực	Khuôn mẫu cuộc sống Đấng Christ	Chúa Giê-su Cây Nho Thực	Cây Nho Thực
15:1-10	15:1-8	15:1-11	15:1-4	15:1-17
	Tình yêu , niềm vui hoàn hảo		15:5-10	
	15:9-17			
15:11-17			15:11-17	
		15:12-17		
Sự thù ghét của thế gian	Sự thù ghét của thế gian		Sự thù ghét của thế gian	Môn đồ và thế gian
				15:18-16:4a
15:18-25	15:18-25	15:18-25	15:18-25	
	Báo trước sự từ chối			
15:26-16:4a	15:26-16:4	15:26-27	15:26-16:4a	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 57. Phân đoạn 1
- 58. Phân đoạn 2
- 59. Phân đoạn 3
- 60. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Đây là một phân đoạn tuyệt vời nhưng đồng thời khó tiếp nhận, bởi nó chứa đựng lời khích lệ yêu thương của Đức Chúa Trời, lời hứa cho cuộc sống bông trái, và lời cảnh báo nghiêm khắc. Nó cũng đặt ra những câu hỏi khá trả lời cho các truyền thống thần học. Tôi xin trích dẫn nhà giải kinh tôi yêu mến là ông F. F. Bruce trong cuốn *Answers to Questions*"

Giăng 15:4,6. 'Chúa Giê-su muốn nói gì trong câu: "nếu các ngươi không 'ở trong' và 'một người không 'ở trong'? Có thể nào 'không trường tồn' trong Cứu Chúa Giê-su không?'

Những phân đoạn như câu này không khó hiểu, trừ khi chúng ta dùng nó theo cách phù hợp với tín lý đã được định kiến, thay vì làm nền tảng cho tín lý một cách khác quan.

Một ví dụ điển hình là khi Chúa Giê-su đang dạy dỗ những câu này, một trong 12 môn đồ đã thất bại trong sự 'ở trong' Đấng Christ'. Mặc dầu được lựa chọn, sự liên hệ với Chúa không đem lại những ưu đãi (vật chất) nào hơn. Nhưng câu trong Kinh thánh đơn giản nói về sự bền đỗ trong đức tin phải quân bình với những câu Kinh Thánh đơn giản khác về sự bội đạo." (pp. 71-72).

- B. Có rất nhiều động từ trong thì quá khứ (aorist) mà đáng lẽ phải ở trong thì hiện tại. Thì quá khứ được dùng với ý nghĩa tổng quan một cuộc sống.
- C. Giống như Giảng 1, sự phân đoạn theo bố cục trong Giảng 15 không dễ dàng, tương tự như một tấm thảm có nhiều màu sắc với các khuôn mẫu ẩn hiện, tái xuất.
- D. Thuật ngữ 'ở trong' (*menō*) xuất hiện trong Tân Ước 112 lần, trong đó 40 lần trong Phúc Âm Giảng và 26 lần trong thư tín Giảng 1,2,3 Đây là một trong những chủ đề chính trong Giảng. Mặc dầu Giảng 15 là ví dụ kinh điển về sự 'ở trong' Chúa, thuật ngữ này còn mang ý nghĩa rộng hơn. Đó là:
 1. Luật pháp trường tồn, (Ma-thi-ơ. 5:17-18), vậy Đấng Christ cũng trường tồn. (12:34)
 2. Sách Hê-bơ-rơ hướng về một mặc khải mới, không thông qua một tội tở (như Mô-sê), nhưng thông qua Đức Chúa Con trường tồn. (Hê-bơ-rơ. 1:1-3, so too, Giảng 8:35)
 3. Chúa Giê-sun cung cấp thực phẩm trường tồn. (Giảng 6:27) và bông trái (15:16). Cả hai ẩn dụ này đều bày tỏ một chân lý: Tín Đồ cần Chúa (1) khi khởi đầu cũng như (2) cả quá trình liên tục. (Xem Giảng 6:53)
 4. Giảng thấy Đức Thánh Linh giảng xuống và ở trong Chúa Giê-su ở thời điểm Chúa được báp-tem (Giảng 1:32)
- E. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: "ở trong" trong văn tự của Giảng. ở câu 1 Giảng 1:20
- F. Trong Giảng 15:11-16 niềm vui của Chúa được hứa ban cho các môn đồ, còn trong Giảng 15:17-27 sự bắt bớ Chúa được báo trước cho các môn đồ. Ngữ cảnh về sự bắt bớ kéo dài đến câu 16:4a. Mặc dầu vậy, các môn đồ phải yêu thương lẫn nhau, như Chúa yêu thương họ.

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍCH RVV2011): GIẢNG 15:1-11

¹"Ta là cây nho thật, Cha Ta là người trồng nho. ²Bất cứ cành nào trong Ta không kết quả thì Ngài chặt đi, còn những cành nào kết quả thì Ngài tỉa sửa để được nhiều quả hơn. ³Các con đã được tinh sạch nhờ lời Ta đã truyền dạy các con. ⁴Hãy cứ ở trong Ta thì Ta sẽ ở trong các con. Như cành nho, nếu không ở trong cây nho thì tự nó không thể ra quả được. Nếu các con không cứ ở trong Ta thì cũng như vậy. ⁵Ta là cây nho, các con là cành. Ai cứ ở trong Ta, và Ta trong người ấy thì sinh ra nhiều quả, vì ngoài Ta các con không làm gì được. ⁶Nếu ai không cứ ở trong Ta thì bị ném ra ngoài như cành nho và bị héo, người ta nhặt lấy, ném vào lửa thì nó cháy. ⁷Nếu các con cứ ở trong Ta và lời Ta cứ ở trong các con, hãy cầu xin bất cứ điều gì mình muốn, các con sẽ nhận được điều đó. ⁸Bởi điều này Cha Ta được tôn vinh, ấy là các con kết quả nhiều và trở nên Môn Đồ Ta. ⁹Như Cha đã yêu thương Ta thế nào, Ta cũng yêu thương các con thế ấy. Hãy cứ ở trong tình yêu thương của Ta. ¹⁰Nếu các con vâng giữ các điều răn của Ta thì sẽ ở trong tình yêu thương của Ta, cũng như Ta đã vâng giữ các điều răn của Cha Ta và cứ ở trong tình yêu thương của Ngài. ¹¹Ta nói với các con những điều này để niềm vui của Ta ở trong các con, và niềm vui của các con được trọn vẹn.

15:1 "Ta là cây nho thật, " Đây là một trong những câu "Ta-là" nổi tiếng trong Giảng (Xem Giảng 4:26; 6:35; 8:12; 10:7,9,10,11,14; 11:25; 14:6). Trong Cựu Ước, cây nho là biểu tượng của I-sơ-ra-ên. (Thi-thiên.

80:8-16; Ê-sai. 5:1-7; Giê-rê-mi. 2:21; Ê-xê-chi-en. 15; 19:10; Ô-sê 10:1; Ma-thi-ơ. 21:33 và các câu tiếp theo Mác 12:1-12, Rô-ma. 11:17 và các câu tiếp theo). Những phân đoạn này đều phản chiếu I-sơ-ra-ên một cách tiêu cực. Chúa Giê-su duy nhất là kiểu mẫu của một người I-sơ-ra-ên tuyệt vời. (Xem Ê-sai 53). Phao-lô dùng thân thể và cô dâu để mô tả hội thánh, Giăng dùng cây nho. Điều này gợi ý rằng Hội thánh là dân I-sơ-ra-ên thực, bởi có mối liên hệ với một người I-sơ-ra-ên thực (Xem Ga-la-ti. 6:16; 1 Phi-ê-rơ. 2:5,9; Khải-huyền. 1:6). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: (khái niệm) 'chân lý' trong văn tự của Giăng ở câu 6:55, 17:3, và xem ghi chú ở câu Giăng 8:12.

Có nhà giải kinh nghĩ rằng cuộc nói chuyện chia tay ở Lầu Trên chấm dứt ở câu 14:31 với lời nói, "chúng ta hãy đi khỏi đây" Nếu vậy, Giăng 15-17 xảy ra trên đường đi đến vườn Ghết-sê-ma-nê. Có thể hình ảnh cây nho đến từ biểu tượng cây nho bằng vàng ở Đền Thờ mà Chúa và các môn đồ đi ngang qua đêm đó.

▣ **"Cha Ta là người trồng nho"** Chúa Giê-su xác nhận mối thông công mật thiết với Đức Chúa Cha và sự đầu phục ý chỉ của Cha.

15:2 "Bất cứ cành nào trong Ta không kết quả thì Ngài chặt đi, còn những cành nào kết quả thì Ngài tía sửa để được nhiều quả hơn" Có hai động tính từ thì hiện tại. Không [phải sự nảy mầm, nhưng bông trái là bằng chứng của sự cứu rỗi. (Xem Ma-thi-ơ. 7:16,20; 13:18 và các câu tiếp theo 21:18-22; Lu-ca 6:43-45). Ngữ cảnh câu này cho thấy Chúa Giê-su đang (1) nói về Giu-đa phản Chúa, (Xem Giăng 15:6; 13:10; 17:12), hay (2) về các môn đồ giả (Xem Giăng 2:23-25; 8:30-47; 1 Giăng 2:19; 2 Phi-ê-rơ 2). Có nhiều mức độ đức tin trong Giăng.

▣ **"Ngài tía sửa"** Nghĩa đen là làm sạch. Theo sử gia Phi-lô, thuật ngữ là 'tía sửa cây nho' (BDBD 386), duy nhất chỉ xuất hiện một lần ở đây. Đây là một ví dụ nữa về cách Giăng sử dụng một từ hai nghĩa: cắt tía và làm sạch. (Xem Giăng 15:3; 13:10). Đây là thể chỉ định chủ động thì hiện tại. Sự 'được tía sạch' tuy đau đớn nhưng có mục đích trong đời sống Tín Đồ. (Xem Giăng 15:17-22). Nó gia tăng bông trái, bộc lộ những điều không thật và giữ Tín Đồ lệ thuộc vào Chúa Giê-su. (Xem Ma-thi-ơ. 13:20-23; Rô-ma. 8:17; 1 Phi-ê-rơ. 4:12-16). Có hai cuốn sách hữu dụng giúp bạn hiểu chủ đề khó này là (1) *Principles of Spiritual Growth* của Miles Stanford và (2) *The Christian's Secret of a Happy Life* của Hannah Whithall Smith.

"Sự tía sạch nằm trong bối cảnh của cả phân đoạn từ chương 13 đến chương 17, bắt đầu từ chuyện rửa chân ở chương 13. Các Môn Đồ đã được cứu (tắm sạch) nhưng chân của họ vẫn còn phải rửa, tức họ cần sự tha thứ một cách liên tục. Động từ thì hiện tại trong câu này, cũng như trong 1 Giăng 1:9 khẳng định chân lý này.

Nguyên nhân của sự đau đớn trong cuộc sống Tín Đồ như sau:

1. giúp gia tăng "sự giống Đấng Christ" (Xem Hê-bơ-rơ. 5:8)
2. sửa phạt tội lỗi một cách tạm thời
3. hậu quả của cuộc sống trên thế gian sa ngã.

Không dễ gì nhận ra đâu là mục đích của Đức Chúa Trời, nhưng khả năng thứ nhất thường hợp lý.

15:3 "Các con đã được tinh sạch" Thuật ngữ 'tinh sạch' (*kathairō*) trong Giăng 15:2 cũng có chung một gốc từ với động từ làm sạch. (*katharos*). Cả ngữ cảnh nói về bằng chứng thực cho quá trình môn đồ hóa. Chữ 'đã được' đem lại sự đảm bảo cho 11 Sứ Đồ trong Đấng Christ. (Xin so sánh với gốc từ nói về Giu-đa Ich-ca-ri-ốt ở câu Giăng 13:10)

▣ **"nờ lời Ta đã truyền dạy các con"** (Xem Giăng 17:17; Ê-phê-sô. 5:26; 1 Phi-ê-rơ. 1:23).

15:4

NASB, NKJV "Hãy cứ ở trong Ta và Ta ở trong các con "

NRSV "Hãy cứ ở trong Ta như Ta ở trong các con "

TEV "Hãy tiếp tục hiệp một với Ta, và Ta sẽ tiếp tục hiệp một với trong các con "

NJB "Tiếp tục trong Ta như Ta tiếp tục trong các người "

'Hãy tiếp tục' - Đây là mệnh lệnh thức chủ động, quá khứ số nhiều. (Xem Giăng 6:56; 1 Giăng 2:6). Câu hỏi được đặt ra về khía cạnh ngữ pháp, là phần nửa sau của câu này nên được dịch theo câu mô tả thực tại (và Ta ở trong các người), hay theo câu so sánh (như Ta ở trong các người). Nhiều lần, yếu tố bền đỗ của Thánh ĐỒ được nhấn mạnh (Xem Giăng 15:4,5,6,7,9,10,14; Mác 13:13; 1 Cô-rin-tô. 15:2; Ga-la-ti. 6:9; Khải-huyền. 2:7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7, xem Chủ Đề Đặc Biệt Sự Bền Đỗ Cần thiết ở câu 1 Giăng 2:10). Sự cứu rỗi thực là sự hưởng ứng Phúc Âm ban đầu và sự đồng hành một cách trung tín trọn đời. Trong sự đảm bảo cứu rỗi cá nhân, sự bền đỗ thường bị nhường chỗ cho cảm xúc. Sự đảm bảo theo Kinh thánh được liên hệ tới:

1. sự bền đỗ đức tin
2. một nếp sống ăn năn,
3. sự vâng phục liên tục. (Xem Gia-cơ and 1 Giăng)
4. sự ra bông kết trái (Xem Ma-thi-ơ. 13:23)

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự 'ở Trong' Theo Văn Tự Của Giăng. câu 1 Giăng 2:10

▣ **"Như cành nho, ...tự nó không thể ra quả được"** - sự tham gia của Chúa không thể thiếu được trong cuộc sống bông trái của Tín Đồ. Xem ghi chú về bông trái ở câu Giăng 15:5.

▣ **"Nếu các con không cứ ở trong Ta thì cũng như vậy"** Cả hai đều là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa về tiềm năng xảy ra của hành động 'ở trong Ta'. Hiệu quả thuộc linh của chúng ta phụ thuộc vào mối liên hệ với Chúa Giê-su một cách liên tục.

15:5 "Ai cứ ở trong Ta, và Ta trong người ấy thì sinh ra nhiều quả, " 'cứ ở trong', được tiếp theo bởi 'sinh ra nhiều quả' - cả hai đều là động từ chủ động thì hiện tại. Sự thông công liên tục (một cách cá nhân theo đức tin) là nguồn bông trái không bao giờ cạn trong cuộc sống. Bông trái cả trong thái độ lẫn trong hành động. (Xem Ma-thi-ơ. 7:15-23; Ga-la-ti. 5:22-23; 1 Cô-rin-tô 13). Tín Đồ được hứa một cuộc sống hiệu quả và thành công (Xem Giăng 15:16).

▣ **"vì ngoài Ta các con không làm gì được "** 'ngoài Ta' và 'không làm gì được' là sự phủ định kép, nhấn mạnh thể trạng tiêu cực ngược lại với thể trạng tích cực được thấy trong Giăng 15:5 và Phi-líp. 4:13.

15:6 "Nếu ai không cứ ở trong Ta thì bị ném ra ngoài " Đây là thể điều kiện hạng ba, nói về khả năng xảy ra của động từ 'ở trong'. Thân cây nho thực vô dụng, dù để làm củi, bởi cháy quá nhanh và quá nóng. (Xem Ê-xê-chi-en 15). Chữ 'ai' ám chỉ Giu-đa phản Chúa, hoặc I-sơ-ra-ên, hoặc những người với niềm tin giả (Xem Ma-thi-ơ. 13:41-42,50; and 1 Giăng 2:19).

'Bị ném ra ngoài' mang hình ảnh của Thời Tận Thế: Ngày Gom Góp và Ngày Đốt Đi. Cách chúng ta sống thể hiện nguồn sống: Đức Chúa Trời hay Satan), như việc nhìn bông trái để biết cây tốt xấu (Xem Ma-thi-ơ 7; Ga-la-ti. 6:7).

▣ **"lửa"** Xem Chủ Đề Đặc Biệt: dưới đây.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỬA

Lửa có hàm ý cả tích cực và tiêu cực trong Kinh thánh.

A. Tích cực

1. Sưởi ấm (xem Ê-sai 44:15; Giăng 18:18)
2. Soi sáng (xem Ê-sai 50:11; Ma-thi-ơ 25:1-13)

3. Nấu nướng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:8; Ê-sai 44:15-16; Giăng 21:9)
4. Thanh tẩy (xem Dân-số Ký 31:22-23; Châm-ngôn 17:3; Ê-sai 1:25; 6:6-8; Giê-rê-mi 6:29; Ma-la-chi 3:2-3)
5. Thánh khiết (xem Sáng-thế Ký 15:17; Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2; 19:18; Ê-xê-chi-ên 1:27; Hê-bơ-rơ 12:29)
6. Sự lãnh đạo của Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:21; Dân-số Ký 14:14; I Các Vua 18:24)
7. Sự thêm sức của Đức Chúa Trời (xem Công-vụ 2:3)
8. Sự bảo vệ (xem Xa-cha-ri 2:5)

B. Tiêu cực

1. Thiêu đốt (xem Giô-suê 6:24; 8:8; 11:11; Ma-thi-ơ 22:7)
2. Hủy diệt (xem Sáng-thế Ký 19:24; Lê-vi Ký 10:1-2)
3. Tức giận (xem Dân-số Ký 21:28; Ê-sai 10:16; Xa-cha-ri 12:6)
4. Sự trừng phạt (xem Sáng-thế Ký 38:24; Lê-vi Ký 20:14; 21:9; Giô-suê 7:15)
5. Dấu lạ giả trong thời tận thế (xem Khải-huyền 13:13)

C. Con giận của Đức Chúa Trời chống nghịch tội lỗi được bày tỏ qua những nghĩa bóng về lửa

1. Con giận của Ngài thiêu đốt (xem Ô-sê 8:5; Sô-phô-ni 3:8)
2. Ngài đổ ra lửa (xem Na-hum 1:6)
3. Lửa đời đời (xem Giê-rê-mi 15:14; 17:4)
4. Sự phán xét tận thế (xem Ma-thi-ơ 3:10; 13:40; Giăng 15:6; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; II Phi-e-rơ 3:7-10; Khải-huyền 8:7; 13:13; 16:8)

D. Cũng giống như những hình bóng khác được dùng trong Kinh thánh (như men, sư tử v.v) lửa có thể là sự chúc phúc hay là nguyên rửa tùy thuộc vào văn mạch.

15:7 "Nếu các con cứ ở trong Ta và lời Ta cứ ở trong các con, " 'Nếu' - Thẻ điều kiện hạng ba, khả năng xảy ra của sự 'ở trong'. Lời cầu nguyện không nghiêm nhiên được ứng nghiệm (tùy thuộc vào lời Chúa trong con người). Chúa Giê-su thay đổi ẩn dụ một cách cụ thể hơn: không những bản thân Chúa ở trong các Môn Đồ (theo đức tin), Lời Chúa cũng phải ở trong các Môn Đồ (theo tri thức), Chúa Giê-su bày tỏ Cha, cũng vậy giáo huấn của Ngài, cả hai đều là nguồn mặc khải, thay đổi lẫn nhau. Phúc âm chứa đựng cả Thân Vị và Chân Lý của Chúa Giê-su.

▣ **"hãy cầu xin bất cứ điều gì mình muốn, các con sẽ nhận được điều đó."** Đây là mệnh lệnh thức trung cách, thì quá khứ. (Xem Giăng 15:16). Câu này thường được dùng bên ngoài ngữ cảnh một cách sai lầm. Xin hãy cẩn thận dạy dỗ cả Kinh thánh, thay vì tập trung vào một vài câu đơn độc (Xem note on Giăng 14:13). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Prayer, Unlimited Yet Limited.

15:8 "Cha Ta được tôn vinh, " Tín Đồ trong hình bóng Đấng Christ, sẽ mang lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời, nếu họ là Tín Đồ thực sự. Trong Giăng 13:31-32; 14:13; 17:4; và Ma-thi-ơ. 9:8; 15:31 Đức Chúa Cha được vinh quang qua công việc của Đức Chúa Con và bây giờ qua công việc của các Tín Đồ (Xem Ma-thi-ơ. 5:16). Xem ghi chú ở câu Giăng 1:14.

NASB "hãy chứng minh mình là Môn Đồ Ta "

NKJV "các người sẽ trở nên Môn Đồ Ta "

NRSV, TEV "trở nên Môn Đồ Ta "

NJB "hãy trở nên Môn Đồ Ta "

REB "vậy hãy trở nên Môn Đồ Ta "

NIV,

Goodspeed "tự chứng minh mình là Môn Đồ Ta. Ta "

NET Bible "hãy chứng minh mình là Môn Đồ Ta "

JB "khi đó các người sẽ trở nên các Môn Đồ Ta. "

Những sự khác biệt trên được gây ra bởi các thì của động từ trong nguyên bản:

1. Thể giả định thì quá khứ trong nguyên bản MSS P⁶⁶, B, D, L
2. Thể chỉ định thì tương lai, trong nguyên bản MSS κ , A

Phẩm chất cuộc sống (bông trái) của một Tín Đồ chứng tỏ họ thực là ai. Sự khác biệt về ngữ pháp ở đây không quan trọng như sự thay đổi cuộc sống như tình yêu, sự vâng phục và công việc. Đó là bằng chứng Tín Đồ thực. Trong khi tình yêu, sự vâng phục và công việc không cứu rỗi chúng ta, (Xem Ê-phê-sô. 2:8,9), nó là bằng chứng chúng ta được cứu rỗi. (Xem Ê-phê-sô. 2:10).

Thuật ngữ 'môn đồ' trong Giảng ám chỉ Tín Đồ thực dần thân theo Chúa và thực hiện ý chỉ Đức Chúa Trời. Giảng không hề sử dụng chữ 'hội thánh', chính vì vậy, chữ 'các Môn Đồ' cũng có ý nghĩa sự nhóm họp của Cơ Đốc nhân. Môn đồ hóa (sự học làm môn đồ) là cuộc sống hàng ngày của Kỷ Nguyên Mới trong bối cảnh Kỷ Nguyên Cũ - một cuộc sống được đặc trưng bởi ánh sáng, tình yêu, sự vâng phục và công việc tốt lành. Qua đó mọi người biết họ là Môn đồ của Chúa Giê-su

15:9 "Như Cha đã yêu thương Ta thế nào, Ta cũng yêu thương các con thế ấy." Đây là một chuỗi dây chuyền đặc trưng cho Gia Đình Thuộc Linh: Đức Chúa Cha yêu Đức Chúa Con, Đức Chúa Con yêu các Tín Đồ, các Tín Đồ yêu thương lẫn nhau..

▣ **"Hãy cứ ở trong tình yêu thương của Ta."** 'Hãy...' - mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ. Tín Đồ cần phải trường tồn trong

1. cầu nguyện (Giăng 15:7; 14:14)
2. vâng phục (Giăng 15:10, 14, 17, 20; 14:15,21,23,24)
3. niềm vui (Giăng 15:11)
4. tình yêu (Giăng 15:12; 14:21,23,24)

Tất cả đều là bằng chứng của mối liên hệ cá nhân với Đức Chúa Trời. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: "ở Trong" Trong Văn Tự Của Giảng

15:10 "Nếu các con vâng giữ các điều răn của Ta" 'Nếu' - thể điều kiện hạng ba, về khả năng xảy ra của hành động 'vâng giữ'. Sự vâng lời là bằng chứng của môn đồ hóa. (Xem Giảng 8:31; 14:15-21, 23-24; Lu-ca 6:46). Chúa Giê-su sử dụng sự trung tín của Ngài với Đức Chúa Trời là ví dụ gương mẫu.

▣ **"tình yêu thương"** thuật ngữ cho tình yêu (*agapē*) không được sử dụng nhiều trong văn chương hy-lạp cổ, cho đến khi Hội thánh bắt đầu sử dụng một cách đặc biệt: tình yêu không chỉ là cảm xúc, nhưng hành động một cách vị tha, hy sinh, trung thủy, năng động. (Xem Giảng 3:16). Thuật ngữ *agapē* trong Tân Ước cũng tương tự như 'hesed' của Cựu ước, có nghĩa tình yêu trong giao ước và sự thành tín.

▣ **"cũng như Ta đã vâng giữ các điều răn của Cha Ta"** "vâng giữ" - động từ thể chỉ định, chủ động thì hoàn thành. Như Chúa Giê-su liên hệ với Cha, các Tín Đồ cũng liên hệ với Ngài. Sự hiệp một giữa Cha và Con phải được lặp lại trong vòng Tín Đồ (Xem Giảng 14:23).

15:11 "niềm vui của các con được trọn vẹn." Tín Đồ phải kinh nghiệm được niềm vui của Chúa. (Xem Giảng 17:13). Niềm vui là một biểu hiện khác của môn đồ hóa. (Xem Giảng 15:11 [twice]; 16:20,21,22,24; 17:13). Trong thế gian đầy sự đau đớn bất hạnh, ở đâu có Đấng Christ, ở đó có niềm vui, niềm vui trọn vẹn, niềm vui của Chúa. .

Cuốn NIDOTTE, vol. 1, p. 741, có lời bình luận rất hay về hai chữ 'niềm vui' và 'trọn vẹn' được dùng cùng nhau trong văn tự của Giảng

"Trong Phúc Âm và thư tín của Giảng chúng ta thường thấy sự kết hợp giữa chủ ngữ 'niềm vui' (*chara*) và động từ *plēroō* thể bị động 'được làm đầy rẫy'. Đây là niềm vui của Chúa Giê-su. (Giăng. 15:11; 17:13) mà Ngài đem lại qua sự Giảng Trần, (3:29), Lời Hằng Sống, (15:11; 17:13), và sự Tái Lâm (16:22) cho các Môn Đồ (15:11; 17:13). . Niềm vui thay thế nỗi buồn trong trái tim của họ (16:16, 20). Như vậy niềm vui của Đấng

Christ trở nên niềm vui của các Môn Đồ (15:11; 16:24; Xem I Giăng. 1:4). . Niềm vui đặc trưng cho cuộc sống của các Môn Đồ khi họ đồng hành với Chúa và trở nên trọn vẹn (Giăng. 3:29; 15:11; 16:24; 17:13; I Giăng. 1:4; 2 Giăng. 12). Thể bị động của động từ này mang ý nghĩa chính Đức Chúa Trời là tác nhân làm niềm vui được trọn vẹn.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIĂNG 15:12-17

¹²Đây là điều răn của Ta: Các con hãy yêu thương nhau, như Ta đã yêu thương các con. ¹³Không có tình yêu thương nào lớn hơn tình yêu thương vì bạn hữu mà hi sinh mạng sống mình. ¹⁴Nếu các con làm theo điều Ta truyền dạy thì các con là bạn hữu Ta. ¹⁵Ta không còn gọi các con là đầy tớ nữa, vì đầy tớ không biết điều chủ làm. Nhưng Ta gọi các con là bạn hữu, vì Ta đã bày tỏ cho các con biết tất cả những gì Ta đã nghe nơi Cha Ta. ¹⁶Không phải các con đã chọn Ta, nhưng Ta đã chọn và bổ nhiệm các con, để các con đi, được kết quả, và quả của các con cứ còn mãi; để bất cứ điều gì các con nhân Danh Ta cầu xin Cha thì Ngài ban cho các con. ¹⁷Ta truyền dạy điều này cho các con để các con yêu thương nhau.

15:12 "Đây là điều răn của Ta: " Chúa Giê-su nhắc đi nhắc lại chủ đề ' điều răn / mạng lệnh' nhiều lần (Xem Giăng 13:34; 15:17; 1 Giăng 3:11,23; 4:7-8, 11-12, 19-21; 2 Giăng 5).

▣ **"Các con hãy yêu thương nhau, "** 'yêu thương' - mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại, có nghĩa các con hãy yêu thương một cách liên tục. tình yêu là một trong những bông trái của Thánh Linh. (Xem Ga-la-ti. 5:22). tình yêu không phải là cảm xúc nhưng là hành động, được định nghĩa một cách thực tế trong Ga-la-ti. 5:22-23; 1 Cô-rin-tô. 13).

▣ **" như Ta đã yêu thương các con "** 'đã yêu thương' - động từ chỉ định chủ động quá khứ - có thể ám chỉ cây thập Tự Giá. (Xem Giăng 15:13). Các Môn Đồ có trách nhiệm tiếp tục bày tỏ tình yêu hy sinh của Chúa. (Xem 2 Cô-rin-tô. 5:14-15; Ga-la-ti. 2:20; 1 Giăng 3:16).

15:13 "vì bạn hữu mà hi sinh mạng sống mình" Câu này nói về sự chuộc tội thay thế của Chúa Giê-su (Xem Giăng 10:11,15,17,18; Mác 10:45; Rô-ma. 5:7-8; 2 Cô-rin-tô. 5:21; Ê-sai 53). đây là tình yêu trong hành động! CÁC Môn Đồ được kêu gọi tiếp tục hành động như Chúa (Xem 1 Giăng 3:16).

15:14 "các con là bạn hữu Ta" Thuật ngữ Hy-lạp là *Philos*, có gốc từ trong (*Phileō*) - tình yêu bạn hữu.. Trong tiếng Koinne Hy-lạp "*agapaō*" và "*Phi-leō*" tưởng là hai động từ đồng nghĩa nói về tình yêu thiên thượng (so sánh Giăng 11:3 [*Phileō*] and 11:5 [*agapaō*]); *Phi-leō* cũng được dùng cho tình yêu của Đức Chúa Trời trong Giăng 5:20.

▣ **"Nếu các con làm theo điều Ta truyền dạy"** 'Nếu' - thể điều kiện hạng ba về khả năng xảy ra của động từ 'làm theo'. Sự vâng lời là điều kiện chúa đòi hỏi trong tình bạn. (Xem Giăng 14:15, 23-24; 15:10; Lu-ca 6:46). Như Chúa Giê-su vâng lời Cha và 'trường tồn' trong tình yêu của Cha, các Môn Đồ của chúa cũng phải bắt chước theo Ngài.

15:15 Chúa Giê-su thông báo cho các Môn Đồ (1) chân lý về Đức Chúa Trời và (2) sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Ngài bày tỏ quyền năng để các môn đồ trưởng thành trong đức tin và sự tin cậy. Chúa Giê-su chia sẻ tất cả cho các Môn Đồ những gì Ngài nghe được từ Cha (Xem Giăng 3:32; 8:26,40; 12:49; 15:15); Các Môn Đồ lại thay mặt Chúa tiếp tục truyền đạt cho mọi người.

15:16 "Không phải các con đã chọn Ta, nhưng Ta đã chọn" Có một vài dạng ngữ pháp đặc biệt ở đây.

1. cả hai động từ 'đã chọn' trong thể chỉ định, trung cách thì quá khứ , chính Chúa Giê-su đã chọn lựa họ 'một lần đủ cả' (Xem Giăng 6:70; 13:18; 15:16,19)

2. Từ đối lập mạnh mẽ: 'nhưng' (*alla*) liên kết hai vế của câu văn.
3. sự nhấn mạnh bản thân "Ta", "Chính Ta đây" "

Đây là sự quân bình giữa sự hưởng ứng con người và sự tuyển chọn. Cả hai trường phái đều theo Kinh thánh. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng (Xem Giăng 6:44,65; 15:16,19), Con Người phải đáp ứng. (Xem Giăng 1:12; 3:16; 15:4,7,9). ... Đức Chúa Trời cư xử với Con Người theo giao ước (nếu... thì...) . Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Tiên Định (Calvinism) So Với Sự Tự Do Con Người (Arminianism).

Động từ 'chọn lựa' trong ngữ cảnh nói về 'Nhóm Mười Hai', có ý nghĩa mở rộng là 'chọn lựa để phục vụ' trong Cựu Ước, và chỉ trong Tân Ước còn có thêm ý nghĩa 'chọn lựa để được cứu'. Tín Đồ trong Tân Ước được chọn lựa để trở nên giống Chúa, đồng nghĩa với để phục vụ trong hy sinh cho Vương Quốc Đức Chúa Trời, Thân Thể Đấng Christ, và cộng đồng. Sự phục vụ một cách vị tha của các Môn Đồ đã bẻ gãy tính vị kỷ của nhân loại sa ngã trong tội lỗi

Những gì Chúa Giê-su nói với các Môn Đồ được chép trong Giăng đều có áp dụng với mọi Tín Đồ ngày hôm nay. Các Môn Đồ đại diện cho nhóm bông trái đầu mùa, bởi họ là:

1. chứng nhân đặc biệt (về khía cạnh linh cảm)
2. Ý chỉ của Chúa cho họ đều là ý chỉ của Chúa cho tất cả những người tiếp nhận và tiến bước theo Ngài.

▣ **"bỏ nhiệm các con, để các con đi, được kết quả, và quả của các con cứ còn mãi"** Tất cả các động từ trong câu này đều ở trong thể giả định chủ động thì hiện tại (1) ra đi; (2) kết bông trái; và (3) còn mãi (trường tồn). Tín Đồ ở trong Sứ Mạng (Xem Ma-thi-ơ. 28:19-20; Lu-ca 24:46-47; Công-vụ 1:8). Về mặt thần học, chữ bỏ nhiệm được thấy trong các câu Công-vụ 20:28; 1 Cô-rin-tô. 12:28; 2 Tim. 1:11. Nó cũng được dùng để nói về Sự Chết Thay của Đấng Christ cho các Tín Đồ. (Xem Giăng 10:11,15,17-18; 15:13).

▣ **"nhân Danh Ta "** Các Tín Đồ phải sao chép tính cách Chúa Giê-su. Cụm chữ 'nhân Danh Ta' có cùng ý nghĩa với ' ý chỉ của Đức Chúa Trời' trong 1 Giăng 5:14. Tình yêu và lời cầu nguyện linh nghiệm được nối kết ở đây, cũng như ở trong Giăng 14:13-15. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh Của Chúa ở câu Giăng 14:13-14.

15:17 "Ta truyền dạy điều này cho các con để các con yêu thương nhau" Xem ghi chú ở câu Giăng 15:12. Lời cầu nguyện linh nghiệm liên hệ tới động cơ yêu thương và sứ mạng Chúa giao.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIĂNG 15:18-25

¹⁸Nếu thế gian ghét các con thì hãy biết rằng thế gian đã ghét Ta trước các con. ¹⁹Nếu các con thuộc về thế gian thì thế gian hẳn yêu thương những người thuộc về mình. Nhưng vì các con không thuộc về thế gian, và Ta đã lựa chọn các con từ giữa thế gian, nên thế gian ghét các con. ²⁰Hãy nhớ lời Ta đã nói với các con: 'Đầy tớ không hơn chủ.' Nếu họ bắt bớ Ta, họ cũng sẽ bắt bớ các con. Nếu họ vâng giữ lời Ta, họ cũng sẽ vâng giữ lời các con. ²¹Nhưng vì Danh Ta, họ sẽ làm mọi điều đó cho các con, vì họ không biết Đấng đã sai Ta đến. ²²Nếu Ta không đến và không nói với họ thì họ không có tội gì. Nhưng bây giờ họ không thể bào chữa cho tội của mình được. ²³Ai ghét Ta thì cũng ghét Cha Ta nữa. ²⁴Nếu Ta không làm giữa họ những việc mà chưa có người nào làm thì họ không có tội. Nhưng bây giờ họ đã thấy mà lại ghét cả Ta lẫn Cha Ta. ²⁵Như vậy lời đã chép trong luật pháp của họ được ứng nghiệm: 'Chúng ghét Ta vô cớ.'

15:18 "Nếu" - thể điều kiện hạng nhất cho 'thế gian ghét Ta' có nghĩa rằng đó là sự thật theo quan điểm của người nói, hoặc tác giả trong mục đích văn chương. Thế gian, xã hội loài người sa ngã dĩ nhiên thù ghét Con Cái Chúa.

▣ **"thế gian"** thuật ngữ được Giăng sử dụng theo vài cách: (1) Trái Đất - như một ẩn dụ về nhân loại. (Xem Giăng 3:16) và (2) Xã hội loài người được tổ chức và vận hành bên ngoài sự hiện diện của Đức Chúa Trời (Xem Giăng 10:8; 1 Giăng 2:15-17). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Kosmos*. ở câu 14:17

□ **"thù ghét"** - động từ thể chỉ định chủ động thì hiện tại nói về sự liên tục. Thế gian luôn luôn thù ghét các Tín Đồ (Xem Giăng 15:20).

□ **"hãy biết rằng"** Mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại. Các Tín Đồ cần biết chân lý của Tân Ước để đối diện với thử thách và bất bớ của Thế Gian tội lỗi. .

□ **"rằng thế gian đã ghét Ta trước các con"** Động từ 'ghét' thể chỉ định, chủ động, thì hoàn thành. Đại từ : 'Ta' được nhấn mạnh. (Xem Giăng 7:7). Câu này bày tỏ sự thù ghét của Thế Gian đối với Đức Chúa Trời, Đấng Mê-si-a và Con Dân Ngài (Xem Giăng 17:14; 1 Giăng 3:13).

Tín Đồ hiệp một trong tình yêu và sự chịu đựng của Chúa (Xem Rô-ma. 8:17; 2 Cô-rin-tô. 1:5,7; Phi-líp. 3:10; 1 Phi-ê-rơ. 4:13). Xác định vị trí mình trong Chúa đem lại niềm vui, sự bình an, sự bất bớ và cả sự hy sinh.

15:19 "Nếu" - thể điều kiện thứ hai còn được gọi là 'trái với sự thật' . Câu này có nghĩa là: "nếu các con thuộc về Thế Gian - mà thực tế không như vậy, thì Thế Gian đã yêu thương các con - mà thực tế lại ngược lại."

15:20 "hãy nhớ" - Mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại, giống như Giăng 15:18, hoặc động từ chỉ định chủ động thì hiện tại, có thể là một câu hỏi.

□ **"Đầy tớ không hơn chủ"** Khi so sánh Giăng 15:20 với 13:16, chúng ta thấy Chúa Giê-su thường dùng châm ngôn nhiều cách khác nhau.

□ **"Nếu họ bất bớ Ta, họ cũng sẽ bất bớ các con. Nếu họ vâng giữ lời Ta, họ cũng sẽ vâng giữ lời các con"** cả hai đều là thể điều kiện hạng nhất, giả thiết đây là sự thật theo quan điểm người nói hoặc tác giả, rằng 'họ bất bớ Ta' và 'họ vâng giữ lời Ta' Thuật ngữ bất bớ được dùng trong ý nghĩa đuổi theo một con thú hoang dã. Sự bất bớ là điều thường xảy ra cho các Tín Đồ trong thế Gian Băng hoại. (Ma-thi-ơ. 5:10-12; Giăng 16:1-3; 17:14; Công-vụ 14:22; Rô-ma. 5:3-4; 8:17; 2 Cô-rin-tô. 4:16-18; 6:3-10; 11:23-30; Phi-líp. 1:29; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 3:3; 2 Tim. 3:12; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-ê-rơ. 4:12-16).

Tuy nhiên, xin để ý rằng mặc dầu một số sẽ từ chối lời của các Sứ Đồ và bất bớ họ, một số khác sẽ chịu nghe và hưởng ứng. Họ là những chứng nhân cho thực tại thuộc linh này.

15:21 "họ không biết Đấng đã sai Ta đến" 'Đấng' ám chỉ Đức Chúa Cha, có nghĩa rằng người Do-thái và người Ngoại bang không biết Đức Chúa Trời. Chữ 'biết' được dùng theo hệ ngôn ngữ Xê-mít (tiếng Do-thái, A-ram và a-rap) trong Cựu Ước, ám chỉ về sự quen biết trong mối liên hệ (Xem Sáng-thế-Ký. 4:1; Giê-rê-mi. 1:5). Thế Gian hư mất đang bất bớ các Tín Đồ bởi vì (1) Tín Đồ thuộc về Chúa Giê-su (cũng đã từng bị họ bất bớ) và (2) Thế-Gian không biết Đức Chúa Trời

15:22 "Nếu Ta không đến " 'Nếu' - thể điều kiện thứ hai, có nghĩa: 'trái ngược sự thật'. Cho nên câu này nên được hiểu rằng: "nếu Ta không đến - mà thực ra Ta đã đến, thì họ đã không có tội - mà thực ra họ đã có tội". Tội lỗi liên hệ tới kiến thức. (xem chủ Đề Đặc Biệt: Tội Không Thể Tha Thứ ở câu 5:21). Trong ngữ cảnh câu này 'họ', 'cành cây không bông trái' ám chỉ Giu-đa phản Chúa hay I-sơ-ra-ên, là những người có kiến thức qua mặc khải siêu nhiên so với những người bình thường chỉ có hiểu biết qua tự nhiên. (tức những người ngoại, Xem Thi-thiên. 19:1-6; Rô-ma. 1:18-20 or 2:14-15).

15:23 Sự chống đối Chúa Giê-su một cách liên tục có nghĩa là liên tục chống đối Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 15:24).

15:24 "Nếu"- Thể điều kiện hạng hai, có nghĩa trái với sự thật. Câu này cần được hiểu rằng: 'Nếu Ta không thực hiện công việc kỳ diệu trong vòng họ - mà thực tế là Ta đã thực hiện..., thì họ đã không có tội - mà thực tế họ có tội. '

Ánh sáng đòi hỏi tinh thần trách nhiệm. (Xem Giăng 1:5; 8:12; 12:35,46; 1 Giăng 1:5; 2:8,9,11; Ma-thi-ơ. 6:23).

□ **"họ đã thấy mà lại ghét cả Ta lẫn Cha Ta"** 'Thất', 'Ghét' - cả hai đều là động từ chỉ định, chủ động thì hiện tại, có nghĩa họ có một thái độ không thay đổi: liên tục thù ghét Chúa Giê-su. Thù ghét Chúa Giê-su tức là thù ghét Đức Chúa Trời. (Xem 1 Giăng 5:9-13).

15:25 Như vậy lời đã chép trong luật pháp của họ được ứng nghiệm: ‘Chúng ghét Ta vô cớ. Thật ngạc nhiên, dân chúng từ Thi-thiên 35:19; 69:4 lại được coi từ Luật Pháp, Bồi Luật Pháp, hay Torah thường chỉ là tên gọi của năm sách do Mô-sê viết, từ Sáng-thế-Ký đến Phục-truyền.

Sự từ chối Chúa Giê-su có nguyên nhân một các bí ẩn nằm trong sự cố tình bất tin (Xem Ê-sai. 6:9-13; Giê-rê-mi. 5:21; Rô-ma. 3:9-18).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIĂNG 15:26-27

²⁶Nhưng khi Đấng An Ủi đến, là Đấng mà Ta sẽ từ Cha sai đến với các con, tức là Thần Chân Lý ra từ Cha, chính Ngài sẽ làm chứng về Ta. ²⁷Các con cũng làm chứng về Ta, vì các con đã ở với Ta từ lúc ban đầu.”

15:26 "Nhưng khi Đấng An Ủi đến, là Đấng mà Ta sẽ từ Cha sai đến với các con" cả Đức Chúa Cha and Đức Chúa Con đều sai ĐứcThánh Linh đến (Xem Giăng 14:16, 26; 15:26; 16:7). Công tác cứu rỗi được thực hiện bởi cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời

□ **"Thần Chân Lý "** Ám chỉ Đức Thánh Linh là tác nhân mặc khải Đức Chúa Cha (Xem Giăng 14:17,26; 15:26; 16:13). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: (khái Niệm) 'Chân Lý' trong Văn Tự Của Giăng , ở câu 6:55, 17:3

□ **"chính Ngài sẽ làm chứng về Ta. "** ĐứcThánh Linh có trách nhiệm làm chứng về Chúa Giê-su và giáo huấn của Ngài (Xem Giăng 14:26; 16:13-15; 1 Giăng 5:7).

15:27 "Các con cũng làm chứng về Ta" nhóm từ 'Các Con cũng' được nhấn mạnh, động từ 'làm chứng' - trong thể chỉ định chủ động thì hiện tại. Cả câu nói về sự linh cảm và trách nhiệm làm chứng của các Tác Giả Tân Ước, là các Môn Đồ đã từng sống bên cạnh Chúa Giê-su. Sứ Đồ (Xem Lu-ca 24:48). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chứng Nhân cho Chúa Giê-su và Chủ Đề Đặc Biệt: Ngôi Vị Cá Nhân của ĐứcThánh Linh ở câu 1:8 và 14:26

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. 'Ở Trong' , hay 'Trường Tồn' có nghĩa gì?
2. Điều gì sẽ xảy ra khi Tín Đồ không còn 'Ở Trong Chúa', Điều gì sẽ xảy ra khi Tín Đồ không đem bông kết trái?
3. Hãy liệt kê các bằng chứng về môn đồ hóa đích thực.
4. Nếu bị bắt bớ là điều bình thường đối với Cơ-đốc nhân, chúng ta nên trả lời như thế nào?
5. Xin giải thích Giăng 15:16 bằng chính lời của mình.

GIẢNG 16

Cách chia phân đoạn trong các bản dịch hiện đại

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thề gian thù ghét (15:18-16:4a)	Sự chối từ đang đến (15:26-16:4)	Tín đồ và thế gian 16:1-4a	(15:18-16:4a)	Môn đồ và thế gian (15:18-16:4a)
Công việc của Đức Thánh Linh 16:4b-11	Công việc của Đức Thánh Linh 16:5-15	16:4b-11	Công việc của Đức Thánh Linh 16:4b-11	Đấng Biện Hộ đang đến 16:4b-15
16:12-15		16:12-15	16:12-15	
nỗi buồn sẽ trở nên niềm vui 16:16-24	nỗi buồn sẽ trở nên niềm vui 16:16-24	16:16-24	Nỗi buồn và niềm vui 16:16 16:17-18 16:19-22 16:23-24	không lâu nữa Chúa Giê-su sẽ trở lại 16:16 16:17-28
Ta đã chiến thắng 16:25-33	Chúa Giê-su đã chiến thắng thế gian 16:25-33	16:25-28 16:29-33	Chiến thắng thế gian. 16:25-28 16:29-30 16:31-33	16:29-33

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

Phân đoạn 1
Phân đoạn 2
Phân đoạn 3
Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH 16:1-33

A. Ngữ cảnh bao trùm từ Giăng 15:18-16:4a. Sự phân chia chương mục không được linh cảm qua tác giả nguyên thủy, và được thêm bởi hiệu đính sau này, như: phân đoạn, viết hoa, chấm , phẩy và đặt số cho câu Kinh thánh.

B. Công vụ của Đức Thánh Linh cho những người hư vọng thuộc linh được định nghĩa trong Giăng 16:8-11, và cho những người được cứu trong Giăng 16:12-15. Ông Samuel J. Mikolaski ("The Theology of the New Testament" in *The Exposition Bible Commentary*, Vol. 1) có lời tóm tắt công vụ của Đức Thánh Linh trong Tân Ước một cách thú vị như sau. :

"Trong Tân ước, tín lý về sự thánh hóa, mặc dầu liên hệ tới sự tha thứ, nhưng khác biệt rõ ràng. Trong Cựu ước, sự thánh hóa trước hết là sự tách biệt thiêng liêng của Đức Chúa Trời siêu việt, sau đó là phẩm chất đạo đức và mối liên hệ theo tiêu chuẩn Đức Chúa Trời. Sự thánh hóa là công việc của Đức Thánh Linh, khiến tín đồ hiệp một với Đấng Christ và hồi phục cuộc sống thuộc linh. Ngôn ngữ Tân Ước bao gồm báp-tem Thánh Linh (1 Cô-rin-tô. 12:13); ấn chứng Thánh Linh (Ê-phê-sô. 1:13, 14; 4:30), ngự trị Thánh Linh (Giăng 14:17; Rô-ma. 5:5; 8:9-11; 1 Cô-rin-tô. 3:16; 6:19; 2 Tim. 1:14), giáo huấn Thánh Linh (Giăng 14:26; 16:12-15), đầy dẫy Thánh Linh (Ê-phê-sô. 5:18), và bông trái Thánh Linh (Ga-la-ti. 5:22,23). Sự thánh hóa, trong liên hệ với sự tha thứ tức được coi là công bình trước Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ. 10:10), có thể là một khái niệm mới (so với Cựu Ước) (p. 474).

C. Giăng 16:17, like 13:36; 14:5, 8, và 22, là câu hỏi của các môn đồ.

D. Nhiều người tin câu " hãy đi khỏi nơi này" Giăng 14:31 , cùng với câu 8:1 cho thấy cuộc hội thoại trong chương 15-17 xảy ra trên đường tới vườn Ghết-sê-ma-nê, qua đền thờ và phố xá của thành Giê-ru-sa-lem, thay vì trên Lầu Trên sau Tiệc Thánh.

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 16:1-4

¹"Ta đã bảo các con những điều này để các con khỏi bị vấp ngã. ²Họ sẽ khai trừ các con khỏi nhà hội; và sẽ đến giờ mà kẻ nào giết các con lại tưởng rằng mình đang phục vụ Đức Chúa Trời. ³Họ sẽ làm những điều này vì họ không biết Cha, cũng không biết Ta nữa. ⁴Nhưng Ta đã nói những điều này cho các con để khi đến giờ của họ, các con nhớ lại rằng Ta đã nói cho các con rồi. Ta không nói điều này với các con ngay từ đầu, vì Ta đang ở với các con.

16:1

NASB" để các con được giữ gìn khỏi sự vấp ngã"

NKJV" để các con khỏi bị vấp ngã"

NRSV" để giữ các con khỏi bị vấp ngã"

TEV" để các con khỏi mất đức tin"

NJB" để các con khỏi bị vấp phạm"

skandalizō - động từ giả định bị động thì quá khứ , BAGD 752) có nghĩa về một miếng mồi dùng để bẫy thú vật, thường được dịch "vấp phạm, vấp ngã" (Xem Ma-thi-ơ. 13:21; 24:10; Mác 4:17; 14:27,29). Đây là ẩn dụ nói về các tín đồ không bị vướng mắc những hành động thù hận của người Do-thái và của các lãnh tụ tôn giáo.

16:2 "Họ sẽ khai trừ các con khỏi nhà hội;" Nói về sự dứt phép thông công khỏi nhà hội Do-thái giáo. (Xem Giăng 9:22,34; 12:42).

Còn có nhiều điều chưa được biết đến về hình thức kỷ luật của người Do-thái. Có hai hình thức kỷ luật: khai trừ tạm thời và khai trừ vĩnh viễn khỏi nhà hội. Mùa thu năm 70 S.C.N tại hội đồng Jaimnia, các thầy Ra-bi thiết lập hình thức 'tuyên thệ nguyện rửa' trong đó họ bày tỏ ý nguyện khai trừ Chúa Giê-su khỏi nhà hội. Điều này dẫn đến sự chia tay vĩnh viễn của các tín đồ Đấng Christ và các nhà hội địa phương.

□ **"kẻ nào giết các con lại tưởng rằng mình đang phục vụ Đức Chúa Trời"** Đây chính xác là động cơ thúc đẩy những lãnh tụ Do-thái hành động. (Xem Ê-sai. 66:5; Ma-thi-ơ. 5:10-12; 10:32). Sao-lơ (Phao-lô) là một ví dụ điển hình về sự nhiệt huyết tôn giáo - thật lòng nhưng lầm lẫn. (Xem Công-vụ 26:9-11; Ga-la-ti. 1:13-14).

16:3 "Họ sẽ làm những điều này vì họ không biết Cha, cũng không biết Ta " sự thành tâm và hứa nguyện đối với một Thần Linh tối cao chưa đủ. Sự sai lầm, cuồng tín và điều độc ác thường xảy ra nhân danh Đức Chúa Trời.

□ **"vì họ không biết Cha, cũng không biết Ta "** Thuật ngữ 'biết' theo ý nghĩa Cựu-ước về mối liên hệ mật thiết cá nhân. (Xem Sáng-thế-Ký. 4:1; Giê-rê-mi. 1:5). Đây là tuyên bố mạnh mẽ, nói rằng sự chối từ Đấng Christ chính là chối từ Đức Chúa Trời. (Xem Giảng 8:19; 15:21; 1 Giảng 5:9-12).

Giăng thường nói về sự mù quáng và ngu muội thuộc linh của thế gian. (Xem Giảng 1:10; 8:19,55; 15:21; 16:3; 17:25). Tuy nhiên, sự đến của Đức Chúa Con đem lại sự cứu rỗi cho thế gian và sự mặc khải Đức Chúa Cha, hầu thế gian có thể biết Ngài (Xem Giảng 17:23) qua Đấng Christ.

16:4 Chúa Giê-su báo trước tương lai với mục đích khích lệ các môn đồ trong đức tin, sự tin cậy, niềm tin trước sự bắt bớ và chối từ Phúc Âm. (Xem Giảng 13:19; 14:29).

'Từ ban đầu' - nói về ban đầu của chức vụ Chúa Giê-su. và sự kêu gọi nhóm 'Mười Hai'

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIẢNG 16:5-11

⁵Nhưng bây giờ Ta sắp về với Đấng đã sai Ta đến, và không ai trong các con hỏi Ta: 'Thầy đi đâu?' ⁶Nhưng vì Ta đã nói những điều này cho các con nên lòng các con đầy đau buồn. ⁷Dù vậy, Ta nói thật với các con: Ta đi là ích lợi cho các con. Vì nếu Ta không đi thì Đấng An Ủi sẽ không đến với các con. Nhưng nếu Ta đi, Ta sẽ sai Ngài đến. ⁸Khi Ngài đến, Ngài sẽ cáo trách thế gian về tội lỗi, về sự công chính và về sự phán xét. ⁹Về tội lỗi, vì họ không tin Ta; ¹⁰về sự công chính, vì Ta đi đến với Cha, và các con không còn thấy Ta nữa; ¹¹về sự phán xét, vì kẻ cai trị thế gian này đã bị phán xét.

16:5 "không ai trong các con hỏi Ta: 'Thầy đi đâu?'" Hình như Phi-ê-rô định hỏi câu này trong Giảng 16:13:36, nhưng tâm trí ông hướng về sự đau đớn của việc Chúa ra đi nên ông hỏi về những gì sẽ xảy ra đối với các môn đồ (Xem Giảng 16:6). Giảng 14:1-3 nói về việc Chúa Giê-su sẽ thăng thiên lên Thiên Đàng (Xem Công-vụ 1:9-11).

Đây là một ví dụ chứng minh rằng Phúc Âm không phải là sự ghi chép chính xác từng chữ về những gì Chúa Giê-su nói ra. Phúc Âm tóm lược lời Chúa ở thời điểm nhiều năm sau đó với mục đích thần học của tác giả. Tác giả được linh cảm, đã lựa chọn, xét đặt và làm thích hợp lời Chúa Giê-su phán. (xem Gordon Fee and Douglas Stuart, *How To Read the Bible For All Its Worth*). Tôi không tin các tác giả có quyền thêm lời mà Chúa Giê-su không nói. Sự tự do xếp đặt lời nói, giáo huấn và hành động trong sứ điệp tùy theo đối tượng người đọc là nguyên nhân vì sao có những sự khác biệt giữa các Phúc Âm!

16:6 "lòng các con đầy đau buồn" -'đầy đau buồn' - động từ chỉ định, chủ động thì quá khứ hoàn thành. Sự trải nghiệm trên Lầu Trên là sự trải nghiệm buồn bã, Xem Giảng 14:1; 16:6,22). Thuật ngữ 'lòng' trong tiếng Hê-bơ-rơ nói về trọn vẹn nội tâm con người, suy nghĩ, cảm xúc và lý chí của một cá nhân. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tâm Lòng, ở câu 12:40

16:7 "Ta đi là ích lợi cho các con. " Chúa Giê-su trong thân thể xác thịt chỉ có thể ở một nơi nên Chúa bị hạn chế cả về lời chỉ dạy và công vụ đối với các môn đồ. Thêm nữa, trong thời gian Chúa ở trên mặt đất, tiêu điểm của Chúa trước hết nhắm vào I-sơ-ra-en, (Xem Ma-thi-ơ. 10:6; 15:24. Sự giáng trần của Chúa Thánh Linh mở ra một kỷ nguyên mới với công vụ mở rộng. (Xem Ê-phê-sô. 2:11-3:13).

Thuật ngữ 'ích lợi' có nghĩa 'thiết thực, thích hợp' cũng được dùng trong Giăng 11:50 and 18:14 "Thà để một người chết... còn hơn..." liên hệ tới sự chết của Chúa. Câu 'ra đi' bao gồm tất cả các sự kiện xảy ra trong tuần cuối cùng của Chúa trên trần thế.

□ **"Vì nếu Ta không đi thì Đấng An Ủi sẽ không đến với các con"** Có hai thể điều kiện hạng ba, về tiềm năng xảy ra cho hành động. Chúa Giê-su phải đi để sự trọn vẹn của Đức Thánh Linh sẽ đến. Thuật ngữ *paracletos* có thể được dịch là "Đấng Biện Hộ, Đấng An ủi, Đấng Trợ Giúp" (Xem Giăng 14:16, 26; 15:26, xem ghi chú Giăng 14:16). Thuật ngữ này chỉ xuất hiện trong văn tự của Giăng. Nó được dùng trong ý nghĩa văn chương Hy-lạp đối với luật sự biện hộ, trợ giúp người bị cáo về phần pháp lý. Trong Giăng 16:8-11 Đức Thánh Linh hành động với tư cách Công Tố đối với thế gian, nhưng trong Giăng 16:12-15 Đức Thánh Linh biện hộ cho các tín đồ.

Cũng thuật ngữ *paracletos* này được dùng cho Đức Chúa Con trong 1 Giăng 2:1. Nguyên gốc của từ vựng có thể được dịch thành 'an ủi' như thấy trong sự an ủi của Đức Chúa Cha 2 Cô-rin-tô. 1:3-11.

□ **"Ta sẽ sai Ngài đến"** Đức Thánh Linh Đến từ Đức Chúa Cha and Đức Chúa Con (Xem Giăng 14:26).

16:8 "Khi Ngài đến, Ngài sẽ cáo trách thế gian về tội lỗi, về sự công chính và về sự phán xét" Xin để ý cả ba lĩnh vực (tội lỗi, công chính và phán xét) mà Đức Thánh Linh làm chứng đều liên hệ tới nhu cầu được cứu rỗi và công vụ của Chúa Giê-su. Thuật ngữ 'cáo trách' nói về sự 'đổi chất' trong tòa án.

Ông G. B. Caird, *The Language and Imagery of the Bible*, p. 159, có sự hiểu biết thú vị về ba lĩnh vực tội lỗi, công chính và phán xét. Chúa Thánh Linh thuyết phục thế gian rằng:

1. Thế gian mắc tội khi đem Chúa Giê-su ra tòa và hành quyết.
2. Thế gian lầm lạc trong định nghĩa thế nào là tội lỗi.
3. Thế gian lầm lạc trong định nghĩa thế nào là công chính
4. Thế gian lầm lạc trong định nghĩa thế nào là phán xét

nếu thực vậy, Chúa Thánh Linh mặc khải trọn vẹn Phúc Âm qua nhân vị Chúa Giê-su. Sự sùng đạo không thể cứu họ, Sự phán xét đang chờ đợi tất cả những ai đang chối từ Chúa Giê-su. tội lỗi là sự vô tin. Chúa Giê-su là con đường duy nhất tới Đức Chúa Trời!

Thuật ngữ 'thế gian' liên hệ tới xã hội loài người sa ngã, được thiết lập và vận hành ngoài tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Kosmos* (thế gian).

16:9 "Về tội lỗi, vì họ không tin Ta; " Phúc Âm bắt đầu với sự xác định tính tội lỗi của nhân loại và nhu cầu công chính từ Đức Chúa Trời. (Xem Rô-ma. 3:9-18,23; 6:23; Ê-phê-sô. 2:1-3). Tội lỗi không là vật chướng ngại trên con đường cứu rỗi, nhưng sự vô tin vào cá nhân và công việc của Chúa Giê-su Christ. (Xem Giăng 3:6-21; 8:24,26). Thuật ngữ 'niềm tin' mang cả tính chất tri thức lẫn cảm xúc, nhưng chủ yếu dựa trên lý trí, (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách sử dụng động từ 'tin' trong Giăng, ở câu 2:23. Nó không đặt tiêu điểm trên việc tín đồ có cảm thấy xứng đáng hay thành đạt hay không, nhưng trên lời hứa của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. (Xem Rô-ma. 3:21-30).

16:10 "về sự công chính, vì Ta đi đến với Cha, và các con không còn thấy Ta nữa; " Đây nói về:

1. Công việc cứu rỗi trên Thập Tự giá và sự Phục Sinh như một thể thống nhất. (Xem Giăng 16:10)

2. Những người tự cho mình công chính không nhờ Đấng Christ, trong khi thực tế chỉ có Đấng Christ duy nhất công chính với Đức Chúa Trời, được thấy trong sự thăng thiên.

16:11 "sự phán xét, vì kẻ cai trị thế gian này đã bị phán xét" Đây là ngày phán xét sẽ tới, khi cả các thiên sứ sa ngã và nhân loại tội lỗi đều phải đứng trước Đức Chúa Trời công nghĩa. (Xem Phi-líp. 2:9-11). Sa-tan, mặc dù vẫn còn lộng quyền trên trần thế, (Xem Giăng 12:31; 14:30; 2 Cô-rin-tô. 4:4; Ê-phê-sô. 2:2; 1 Giăng 5:19) đã thua cuộc. (động từ chỉ định bị động, thì hoàn thành). Con cái của Sa-tan (Xem Giăng 8:44; Ma-thi-ơ. 13:38; 1 Giăng 3:8-10) hứng chịu con thịnh nộ của Đức Chúa Trời !

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIĂNG 16:12-15

¹²Ta còn nhiều điều để nói với các con, nhưng bây giờ các con không thể hiểu nổi. ¹³Khi Thần Chân lý đến, Ngài sẽ dẫn các con vào mọi chân lý; vì Ngài không tự mình nói, nhưng sẽ nói những gì mình nghe, và công bố cho các con những gì sẽ đến. ¹⁴Ngài sẽ tôn vinh Ta, vì Ngài sẽ lấy những gì thuộc về Ta mà công bố cho các con. ¹⁵Tất cả những gì Cha có là của Ta, vậy nên Ta nói rằng Ngài sẽ lấy những gì thuộc về Ta mà công bố cho các con."

16:12 "bây giờ các con không thể hiểu nổi" Thuật ngữ được dùng trong hoàn cảnh con vật dưới gánh nặng. Điều mà các môn đồ không thể hiểu nổi là

1. Sự thương khó của Đấng Christ
2. Sự phục sinh của Đấng Christ
3. Sứ mạng truyền giáo của Hội thánh.

Độc giả thời nay nên nhớ rằng trong nhiều cách, cuộc đời Chúa Giê-su đại diện cho giai đoạn chuyển tiếp. Các môn đồ không thể hiểu nhiều cho đến thời điểm Chúa sống lại và sự giáng trần của Đức Thánh Linh trong Lễ Ngũ Tuần.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng Phúc Âm được viết nhiều năm sau này với mục đích truyền giáo cho một số nhóm người cụ thể. Bởi vậy Phúc Âm phản ánh mức độ trưởng thành của thần học.

16:13 "Khi Thần Chân lý" Chân lý (*alētheia*) được sử dụng trong Cựu-ước trong ý nghĩa sự đáng tin trước hết. sau đó mới tới ý nghĩa sự thật. Chúa Giê-su phán Ngài là Chân Lý, Giăng 14:6. Danh hiệu của Đức Thánh Linh nhấn mạnh vai trò của Ngài trong việc mặc khải Chúa Giê-su, (Xem Giăng 14:17,26; 15:26; 16:13-14; 1 Giăng 4:6; 5:7). Xem ghi chú cho câu Giăng 6:55.

□ **"Ngài sẽ dẫn các con vào mọi chân lý"** Đây không có nghĩa Ngài sẽ dẫn tới chân lý tuyệt đối trong mọi lãnh vực, nhưng trong lĩnh vực thuộc linh và giáo huấn của Chúa Giê-su, chủ yếu qua văn tự của các tác giả Tân ước. Đức Thánh Linh hướng dẫn các tác giả một cách đặc biệt, độc đáo và có thẩm quyền qua linh cảm. Trong ý nghĩa thứ hai, Đức Thánh Linh làm sáng tỏ cho các độc giả sau này về chân lý của Phúc Âm. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: (khái niệm) Chân Lý Trong Văn Tự Của Giăng ở câu 6:55 và Chủ Đề Đặc Biệt: Thần Vị Của Đức Thánh Linh ở câu

14:26

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự làm sáng tỏ.

Đức Chúa Trời trong quá khứ đã từng bày tỏ Ngài cho nhân loại, một quá trình trong thần học được gọi là mặc khải. Ngài chọn ra một số người để ghi chép và giải thích sự mặc khải - trong thần học được gọi là linh cảm. Đức Chúa Trời sai Đức Thánh Linh tới giúp người đọc hiểu được lời Ngài - trong thần học được gọi là

làm sáng tỏ.

Nạn đề xảy ra khi có người hỏi: nếu Đức Thánh Linh giúp chúng ta hiểu lời Đức Chúa Trời, vì sao có nhiều trường phái giải kinh như vậy?

Một phần nạn đề nằm trong định kiến hoặc kinh nghiệm cá nhân của người đọc. Thường người đọc sử dụng Kinh Thánh để thêm trọng lượng cho kết luận cá nhân. Hoặc hệ thống thần học theo truyền thống được áp đặt trên Kinh thánh, chỉ cho phép Kinh thánh nói về một số khía cạnh theo một số phương cách lựa chọn. Sự làm sáng tỏ không đồng nghĩa với sự linh cảm, mặc dù cả hai đều được Đức Thánh Linh tham gia.

Cách giải kinh tốt nhất là xác định chủ đề chính của phân đoạn, nhưng không đi quá sâu vào chi tiết các câu văn, từ vựng. Ý tưởng theo đề tài là chân lý mà tác giả nguyên thủy muốn trình bày. Chúng ta cần phác thảo đề cương cuốn sách, hoặc chương, đoạn cho đến khi thấy được dụng ý của tác giả. Sự giải kinh của chúng ta không chắc chắn được linh cảm như sự viết của tác giả. Chúng ta không thể tái xuất phương pháp giải kinh của tác giả. Chúng ta chỉ có thể và cần phải hiểu tác giả muốn nói gì với xã hội thời ông sống và sau đó tìm cách truyền đạt chân lý cho xã hội chúng ta ngày nay. Có những chân lý khó hiểu, hoặc được giấu kín cho đến thời điểm nào đó trong lịch sử. Chúng ta luôn có sự khác biệt quan điểm. Trong khi gìn giữ chân lý trọng điểm, chúng ta nên cho phép cá nhân giải kinh theo ý riêng, trong phạm vi dụng ý của tác giả. Người giải kinh phải làm việc với ánh sáng mình có, và sẵn sàng tiếp nhận thêm ánh sáng của Kinh Thánh và Đức Thánh Linh. Đức Chúa Trời sẽ phán xét chúng ta tùy theo mức độ hiểu biết và cách chúng ta sống theo mức độ hiểu biết ấy.

□ **"vì Ngài không tự mình nói, nhưng sẽ nói những gì mình nghe, và công bố cho các con những gì sẽ đến"** "những điều sẽ đến" nói về công tác cứu chuộc: Thập Tự giá, sự sống lại, sự thăng thiên, lễ Ngũ Tuần. Câu này không có ý nghĩa về chức vụ tiên tri, báo trước sự việc tương lai. (i.e., Agabus, Công-vụ 21:10, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tiên tri ở câu 4:19 [NT]).

Đức Thánh Linh tiếp nhận chân lý từ Đức Chúa Cha và truyền đạt lại cho tín đồ, cũng như Chúa Giê-su. Không những nội dung sứ điệp đến từ Cha, nhưng cả phương cách truyền đạt nữa (tức một cách cá nhân, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi) Về mặc vận hành, Đức Chúa Cha có vị trí cao nhất. (Xem I Cô-rin-tô 15:27-28).

16:14-15 "Ngài sẽ tôn vinh Ta, vì Ngài sẽ lấy những gì thuộc về Ta mà công bố cho các con" Công việc trước tiên của Đức Thánh Linh là nâng cao và giải thích về Chúa Giê-su là Đấng Christ. (Xem Giảng 16:15). Đức Thánh Linh không bao giờ chiếu ánh sáng về bản thân mình, nhưng chiếu về Chúa Giê-su. (Xem Giảng 14:26).

□ **"Tất cả những gì Cha có là của Ta"** Đây là một lời tuyên bố sùng sốt. (Xem Giảng 3:35; 5:20; 13:3; 17:10; Ma-thi-ơ. 11:27). tương tự với Ma-thi-ơ. 28:18; Ê-phê-sô. 1:20-22; Cô-lô-sê. 2:10; 1 Phi-ê-rơ. 3:22.

Đây là thứ tự trong công việc, chứ không phải là sự thiếu bình đẳng trong Ba Ngôi. Như Đức Chúa Giê-su phản chiếu Đức Chúa Cha, Đức Thánh Linh phản chiếu Chúa Giê-su.

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIẢNG 16:16-24

16“Ít lâu nữa, các con sẽ không còn thấy Ta, và rồi ít lâu sau, các con sẽ lại thấy Ta.” **17**Vì vậy, vài Môn Đồ Ngài nói với nhau rằng: “Thầy bảo chúng ta: ‘Ít lâu nữa, các con sẽ không còn thấy Ta, và rồi, ít lâu sau các con sẽ lại thấy Ta, vì Ta về với Cha.’ Điều này có nghĩa gì?” **18**Họ nói: “‘Ít lâu’ có nghĩa gì? Chúng ta không hiểu Ngài muốn nói gì.” **19**Đức Chúa Jêsus biết các Môn Đồ muốn hỏi Ngài nên nói rằng: “Có phải các con đang hỏi nhau về câu nói: ‘Ít lâu nữa, các con sẽ không còn thấy Ta, và rồi ít lâu sau, các con sẽ thấy Ta’, có nghĩa là gì phải không?” **20**Thật, Ta bảo thật các con, các con sẽ khóc lóc, than van, còn thế gian sẽ vui mừng. Các con sẽ đau buồn, nhưng sự đau buồn của các con sẽ trở thành

vui mừng.²¹Người phụ nữ lúc sinh nở thì đau đớn, vì đã đến giờ của mình, nhưng khi đứa trẻ chào đời thì người ấy không còn nhớ đến sự đau đớn nữa, mà vui mừng vì một người đã được sinh ra trong thế gian.²²Cũng vậy, bây giờ các con đau buồn, nhưng Ta sẽ gặp lại các con thì lòng các con vui mừng, và không ai có thể đoạt lấy niềm vui của các con.²³Trong ngày đó, các con sẽ không hỏi Ta điều gì nữa. Thật, Ta bảo thật các con, bất cứ điều gì các con cầu xin Cha thì Ngài sẽ nhân Danh Ta ban cho các con.²⁴Đến bây giờ, các con chưa từng nhân Danh Ta cầu xin điều gì. Hãy cầu xin đi, các con sẽ nhận được, để niềm vui của các con được trọn vẹn.

16:16 "Ít lâu nữa" Đây là câu được xuất hiện nhiều lần trong Giảng. (Xem Giảng 7:33; 12:35; 13:33; 14:19). Có nhiều giả thiết về ý nghĩa câu thành ngữ này.

1. Sự xuất hiện sau Phục Sinh
2. Sự Tái Lâm
3. Chúa Giê-su tái xuất hiện trong Đức Thánh Linh.

Trong ánh sáng của ngữ cảnh, giả thiết thứ nhất duy nhất thích hợp (Xem Giảng 16:22). Các môn đồ cảm thấy bối rối về câu nói này. (Xem Giảng 16:17-18).

16:17 "Vì vậy, vài Môn Đồ Ngài nói với nhau" Đây là câu hỏi của các môn đồ tương tự trong Giảng 13:36; 14:5,8,22. Chúa Giê-su sử dụng những câu hỏi để bày tỏ chính mình và an ủi các môn đồ. Giảng đặc biệt thường dùng các câu hội thoại để mặc khải chân lý. Trong Giảng có 27 cuộc hội thoại với Chúa, hoặc về Chúa Giê-su. Cũng thường thấy trong Giảng việc các người nghe trở nên bối rối bởi những gì Chúa nói (Xem Giảng 16:18). Họ từ dưới thấp còn Chúa từ trên cao

□ **"vì Ta về với Cha."** Chúa Giê-su tuyên bố câu (Giăng 16:5) này cũng như câu "chẳng bao lâu nữa" trong Giảng 16:16. Đây là điều liên hệ tới Đấng Mê-si-a (Xem Giảng 13:1,3; 16:28; 17:24).

□ **"không còn thấy ... sẽ lại thấy"** Có hai thuật ngữ 'thấy' (*theōreō*) và (*horaō*) trong Giảng 16:16 and 17. Hai thuật ngữ này dường như có cùng một ý nghĩa. Nếu vậy, chỉ có một khoảng thời gian được nói ở đây, đó là giai đoạn từ khi Chúa chết cho đến trên Thập Tự Giá tới khi Chúa phục sinh buổi sáng đầu tuần.

Có người gợi ý rằng hai động từ 'thấy' trong hai câu 16 và 17 nói về sự thấy thuộc thể và sự thấy thuộc linh. Theo giả thiết này, sự thấy thuộc thể xảy ra từ thời điểm Chúa chết tới thời điểm Chúa sống lại, và sự thấy thuộc linh từ thời điểm Chúa thăng thiên tới ngày Chúa tái lâm.

Động từ 'thấy' đầu tiên (*theōreō*) trong thì hiện tại trong cả hai câu Giảng 16:16 and 17 và động từ 'thấy' thứ hai (*horaō*) trong thì tương lai trong cả hai câu Giảng 16:16 and 17. Điều này chứng tỏ giả thiết hai động từ có cùng ý nghĩa là hợp lý.

16:18 "Họ nói" Động từ 'nói' trong thì chưa hoàn thành, có nghĩa rằng (1) họ nói đi nói lại hoặc (2) họ bắt đầu nói.

□ **"Ngài muốn nói gì"** Các môn đồ sống với Ngài, nghe Ngài và chứng kiến phép lạ Ngài thực hiện, nhưng vẫn thường không hiểu Ngài (Xem Giảng 8:27,43; 10:6; 12:16; 18:4). Công việc của Đức Thánh Linh là làm sáng tỏ những điều họ chưa hiểu.

16:19 "Đức Chúa Jêsus biết các Môn Đồ muốn hỏi" Chúa Giê-su thường biết những gì con người suy nghĩ trong đầu. (Xem Giảng 2:25; 6:61,64; 13:11). Khó có thể chắc chắn về kiến thức của Chúa đến từ (1) bản ngã Thần Linh, hay (2) sự thông sáng về bối cảnh con người và sự việc, hay (3) cả hai.

16:20 "Thật, Ta bảo thật các con" Nghĩa đen là "A-men, A-men" (xem Chủ Đề Đặc Biệt: A-men ở câu 1:51). "A-men" là thuật ngữ Cựu-ước (*aman, emeth, emunah*) cho 'đức tin' (Xem Hab. 2:4). Ý nghĩa chính là chắc chắn, đảm bảo. Thuật ngữ này thường được dùng khi nói về sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, tức là nền tảng cho khái niệm đức tin, thành tín theo Kinh thánh. Duy nhất chỉ có Chúa Giê-su bắt đầu câu nói bằng 'A-men, A-men'. Nói một cách khác: "Đây là điều quan trọng, đáng tin cậy, hãy chú ý lắng nghe."

□ **"you will weep and lament"** Những người Do-thái thường với lớn tiếng khóc và ca than để bày tỏ sự đau đớn (Xem Giăng 11:31,33; 20:11). Ba lần Chúa Giê-su nhấn mạnh 'các ngươi' trong số nhiều khi nói về nỗi buồn tủi của các môn đồ (Giăng 16:20 hai lần và Giăng 16:22). Theo Chúa, sự lãnh đạo đồng nghĩa với:

1. sự làm đầy tớ
2. sự chối từ bởi thế gian
3. sự bất bớ, như Chúa chịu bất bớ.

□ **"Các con sẽ đau buồn, nhưng sự đau buồn của các con sẽ trở thành vui mừng"** Đây là lời hứa cho các môn đồ trong khi họ đau buồn và bối rối. Tất cả những gì Chúa hứa cho nhóm môn đồ đều được ứng nghiệm khi Chúa hiện ra trong Lầu Trên lần đầu tiên sau Phục sinh.

1. Chúa không rời bỏ họ (Xem Giăng 14:18; 16:16,19; 20:19)
2. Chúa sẽ đến với họ (Xem Giăng 14:18; 16:16,19; 20:19)
3. Chúa sẽ ban bình an cho họ (Xem Giăng 16:22; 20:19)
4. Chúa sẽ ban cho họ Đức Thánh Linh (Xem Giăng 15:26; 20:22)

16:21 "Người phụ nữ lúc sinh nở thì đau đớn" Ấn dụ về người phụ nữ sinh nở khá phổ biến trong Cựu-ước và Tân-ước. Nó thường được dùng để nói sự xảy ra bất thình lình, cũng như tính chắc chắn xảy ra. Nhưng ý Chúa ở đây nói về cảm xúc của người mẹ trước và sau khi sinh con. Ấn dụ này cũng liên hệ tới nỗi đau-đề của Kỷ Nguyên Mới (Xem Ê-sai. 26:17-18; 66:7-14; Mác 13:8). Đây là điều chính xác mà Chúa muốn nói, nhưng cũng là lý do mà các môn đồ không hiểu ở thời điểm trước Thập Tự Giá, Phục Sinh và Thăng Thiên. !

16:23 "Trong ngày đó" Đây là thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ (giống sự sinh con, Xem Giăng 16:21) thường liên hệ tới sự đến của Kỷ Nguyên Mới (Xem Giăng 14:20; 16:25,26).

□ **"các con sẽ không hỏi Ta điều gì nữa"** Có hai thuật ngữ "hỏi câu hỏi" và "hỏi" trong câu này (Xem Giăng 16:26). Thuật ngữ thứ nhất 'hỏi câu hỏi' (Xem Giăng 16:5,19,30). Nếu câu này được dịch đúng, Chúa Giê-su đề cập tới tất cả các câu hỏi trong các chương 13-17 (Xem Giăng 13:36; 14:5,8,22; 16:17-18). Thuật ngữ thứ hai, liên hệ tới sự đến của Đức Thánh Linh, (Xem Giăng 14:16-31; 15:26-27; 16:1-15), là Đấng sẽ trả lời tất cả các câu hỏi của họ.

Một cách khác, câu này nhắc nhở tôi về lời hứa cho 'Giao Ước Mới' từ Giê-rê-mi. 31:31-34, trong đó sự xuất hiện một Kỷ Nguyên Mới sẽ đem kiến thức trọn vẹn cho tất cả mọi tín đồ.

NASB "Nếu các con cầu xin Cha bất cứ điều gì nhân Danh Ta"
NKJV "bất cứ điều gì các con cầu xin Cha nhân Danh Ta"
NRSV "Nếu các con cầu xin Cha bất cứ điều gì nhân Danh Ta"
TEV "Cha sẽ ban cho các con bất cứ điều gì các con cầu xin nhân Danh Ta"
NJB "bất cứ điều gì các con cầu xin Cha thì Ngài sẽ nhân Danh Ta ban cho các con"

Đây là mệnh đề liên hệ bất định, chứ không phải là thể điều kiện. tín đồ cần hiểu rằng cầu xin trong danh Chúa Giê-su không phải là việc kết thúc lời cầu nguyện bằng câu thần chú, nhưng cầu nguyện với ý chí, dụng ý và bản tính của Chúa Giê-su Christ (Xem 1 Giăng 5:13). Xem ghi chú ở câu Giăng 15:16. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời Cầu Nguyện, Tuy Vô Biên, Nhưng Hữu Hạn.

Có những sự khác nhau trong nguyên bản liên hệ tới ' trong danh ta'. Không biết nên dịch 'cầu xin trong danh Ta', hay 'ban cho trong danh Ta', hay 'cầu xin và ban cho trong danh Ta'. Ngữ cảnh là cầu nguyện, vậy 'cầu xin trong danh ta' thích hợp hơn, mặc dù tất cả những gì từ Cha đều đến qua Chúa Giê-su. ("My name" Xem Giảng 14:13,14; 16:15,24,26). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh của Chúa ở câu 14:13-14

16:24 "Hãy cầu xin đi, các con sẽ nhận được," "cầu xin" - mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại, nhấn mạnh sự cầu nguyện của tín đồ phải bền bỉ và liên tục. Một mặt, tín đồ chỉ cần cầu nguyện một lần với đức tin, nhưng trong mặt khác, cầu nguyện là biểu hiện của mối liên hệ không gián đoạn, đặt sự tin cậy vào Đức Chúa Trời với lời cầu nguyện bền bỉ. (Xem Ma-thi-ơ. 7:7-8; Lu-ca 11:5-13; 18:1-8).

□ **"để niềm vui của các con được trọn vẹn"** 'được trọn vẹn' - động tính từ bị động thì hoàn thành trong lối nói vòng vèo (PERIPHRASTIC) (Xem 1 Giảng 1:4). Lời cầu nguyện linh nghiệm là nguyên nhân của niềm vui, Niềm vui là tính đặc trưng cho những ai đồng hành theo Chúa Giê-su (Xem Giảng 15:11; 16:20,21,24; 17:13).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIẢNG 16:25-28

²⁵Ta đã dùng ẩn dụ để nói những điều này cho các con. Nhưng giờ đến, Ta không còn dùng ẩn dụ để nói với các con nữa, nhưng sẽ nói về Cha cho các con một cách rõ ràng. ²⁶Trong ngày ấy, các con sẽ nhận Danh Ta mà cầu xin. Ta không nói rằng Ta sẽ vì các con mà cầu xin Cha đâu; ²⁷vì chính Cha yêu thương các con, bởi các con đã yêu mến Ta và tin rằng Ta từ Đức Chúa Trời đến. ²⁸Ta đã từ Cha đến thế gian, và Ta lại rời thế gian để về với Cha."

16:25 "Ta đã dùng ẩn dụ " Giáo huấn của Chúa Giê-su có hai hiệu quả: (1) mở rộng sự hiểu biết, và (2) đóng lại sự hiểu biết. (Xem Mác 4:10-11; Ê-sai. 6:9-10; Giê-rê-mi. 5:21). Tâm lòng người nghe là bí quyết cho sự hiểu biết hiệu quả. Tuy nhiên có những chân lý mà các môn đồ không thể hiểu cho đến thời điểm sau Tuần Thương Khó, khi họ đã chứng kiến sự đóng đinh, sống lại, hiện ra, và thăng thiên) và trong Lễ Ngũ Tuần.

Sự hiện ra sau Phục sinh cho hai môn đồ trên đường về làng Em-ma-út (Xem Lu-ca 24:13-35) có thể cho thấy cách giáo dục môn đồ của Chúa Giê-su. Chúa chỉ ra việc Cựu-ước được áp dụng và báo trước công vụ của Ngài. Đây cũng là khuôn mẫu truyền giảng của Phi-ê-rơ trong Công vụ các Sứ Đồ. (Xem Giảng 16:25-27,29(*kerygma*, xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Kerygma* Của Hội Thánh Nguyên Thủy, ở câu 5:39)

□ **"nói ... một cách rõ ràng"** Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Dạn Dĩ (*Parrhēsia*), ở câu 7:4

16:26 "Trong ngày ấy, các con sẽ nhận Danh Ta mà cầu xin. Ta không nói rằng Ta sẽ vì các con mà cầu xin Cha đâu" Nhiều tín đồ ngày nay cảm thấy không có thể trực tiếp đến Đức Chúa Trời. Câu Kinh Thánh này bày tỏ một sự thật, rằng:

1. Đức Thánh Linh cầu thay cho tín đồ (Xem Rô-ma. 8:26-27)
2. Đức Chúa Con cầu thay cho tín đồ, 1 Giảng 2:1
3. Tín đồ có thể trực tiếp đến gần Đức Chúa Trời qua cầu nguyện qua Đấng Christ

16:27 "vì chính Cha yêu thương các con" Thuật ngữ yêu thương ở đây là *Phileō*, cũng được dùng trong Giảng 5:20 về tình yêu của Đức Chúa Cha đối với Chúa Giê-su. Quả thật đây là lời tuyên bố tuyệt vời, nhấn mạnh lại câu Giảng 3:16 (với thuật ngữ *agapaō*). Đức Chúa Trời không còn là một Vị thần mà Chúa Giê-su sự phải làm người giận, nhưng là Đấng yêu thương mà Chúa Giê-su cùng cộng tác để đạt được mục đích sự cứu rỗi.

**NASB "từ Đức Chúa Cha"
NKJV, NRSV,
TEV, NJB "từ Chúa Trời"**

Trong các nguyên bản Hy-lạp, có những sự khác biệt, (1) "Đức Chúa Trời" hay "Cha" ? và (2) có mạo từ hạn định 'the' hay không? Cụm từ "Chúa Trời" xuất hiện trong các bản MSS P⁵, xi², A, and N, trong khi "Đức Chúa Trời" (với mạo từ hạn định) xuất hiện trong MSS C³ and W. Dường như đây là cách nói bất thường và khó hiểu. Theo nguyên tắc phê bình văn học, văn bản khó hiểu nhất thường là nguyên bản, bởi các nhà sao chép Kinh thánh có xu hướng tự sửa cho dễ hiểu. Liên Hội Thánh Kinh xếp sự có mặt của cụm từ này vào hạng 'C', tức là khó quyết định.

Thuật ngữ "Cha" xuất hiện trong bản xi¹ và Đức Chúa Cha" (với mạo từ xác định (the Father)) xuất hiện trong các bản B, C*, D, and L. Theo tôi, khả năng này có vẻ hợp lý nhất..

□ **"bởi các con đã yêu mến Ta và tin rằng Ta đến"** "đã yêu" và 'đã tin' - hai động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành. Yêu và tin Chúa Giê-su mở đầu mối liên hệ mật thiết với Cha. Barclay Newman and Eugene Nida có lời bình luận thú vị trong *A Translator's Handbook on the Gospel of Giăng* như sau:

"Những lời nói này chứng tỏ khái niệm về tình yêu, sự vâng phục, và đức tin trong Giăng là biểu hiện mối liên hệ của một cá nhân với Con Đức Chúa Trời một cách đơn giản." (p. 518).

Xin xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách sử dụng động từ 'tin' trong văn tự của Giăng ở câu 2\23

16:28 "Ta đã từ Cha đến thế gian" 'đã đến từ Cha' và 'đã đến thế gian'- động từ thì quá khứ được nối tiếp bằng động từ thì hoàn thành. Chúa Giê-su giảng sinh tại Bé-lê-hem (nhập thể) và ngự trong lòng tín đồ (Ta ở cùng với các người mãi luôn -Xem Ma-thi-ơ. 28:20).

Sự thực về Chúa Giê-su đến từ Cha (Xem Giăng 16:27,30; 8:42; 13:3; 17:8) xác nhận:

1. Sự tiền tại của Ngài
2. Bản ngã Thần Linh của Ngài
3. Sự mặc khải Cha của Ngài

□ **"Ta lại rời thế gian để về với Cha"** Đây nói về sự thăng thiên sẽ đến và sự bắt đầu chức vụ Đấng Trợ Giúp và Cầu Thay của Chúa Giê-su (Xem Hê-bơ-rơ. 7:25; 9:24; 1 Giăng 2:1). Sự tiền tại của Chúa Giê-su được xác nhận trong Giăng 1:1, bây giờ Chúa phục hồi quyền năng và vinh hiển của mình đã có từ trước tạo hóa. Giăng 16:28 và Giăng 17:5,24).

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 16:29-33

²⁹Các Môn Đồ thưa rằng: "Bây giờ Thầy nói rõ ràng, không dùng ẩn dụ nữa. ³⁰Bây giờ chúng con biết rằng Thầy biết tất cả, không cần phải có ai hỏi Thầy. Vì thế, chúng con tin rằng Thầy đến từ Đức Chúa Trời." ³¹Đức Chúa Jêsus đáp: "Bây giờ các con tin không? ³²Này giờ đến và đã đến rồi, khi các con sẽ tan lạc, ai đi đường nấy, bỏ Ta lại một mình. Nhưng Ta không ở một mình, vì Cha ở với Ta. ³³Ta đã bảo các con những điều này, để các con có sự bình an trong Ta. Các con sẽ có hoạn nạn trong thế gian, nhưng hãy vững lòng, Ta đã thắng thế gian rồi."

16:29 "nói rõ ràng, không dùng ẩn dụ nữa" Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự dạn dĩ (*parrhēsia*).

16:30 Câu này cần được hiểu trong ánh sáng việc Chúa Giê-su biết rõ câu hỏi của các môn đồ trong Giăng 16:19. Đức tin của họ đã tăng trưởng, nhưng chưa ở mức độ trọn vẹn. Họ đã chứng kiến và nghe nhiều, phải chăng thời điểm này là bước ngoặt trong sự hiểu biết của họ? Tôi nghĩ rằng đây là một trong những câu nói thành thật, nhưng hơi 'bộc đồng' của Phi-ê-rơ. (xem The Jerome Biblical Commentary, p. 456).

16:31 "Bây giờ các con tin không" Đây có thể là câu hỏi, hoặc câu khẳng định. Hầu hết các bản dịch Anh ngữ dịch thành câu hỏi. Ngay khi ở trong gian đoạn trọng yếu, đức tin của các môn đồ vẫn chưa đủ mạnh.

Bằng chứng về đức tin yếu đuối của các môn đồ được thấy khi họ bỏ Chúa trong toà án và Thập Tự Giá. Cũng vậy, đức tin yếu đuối của tín đồ ngày nay cũng được Đức Chúa Trời chấp nhận, khi họ hưởng ứng lời kêu gọi của Chúa Giê-su theo hàm lượng ánh sáng họ có.

16:32 "các con sẽ tan lạc, ai đi đường nấy, bỏ Ta lại một mình" Thực ra chỉ có Giăng có mặt khi Chúa Giê-su bị xử án và đóng đinh. (Xem Ma-thi-ơ. 26:31, from Xa-cha-ri. 13:7). Giăng 21:1-3 gợi ý một vài môn đồ đã quay trở về nghề chài lưới như trước.

Chúa Giê-su bị mất tình bạn trong vòng loài người, (Xem Ma-thi-ơ. 26:38,40-41, 43,45) nhưng không bao giờ mất tình Cha - Con với Đức Chúa Trời (Xem Giăng 8:16,29), cho đến thời điểm Thập tự Giá, khi Ngài gánh chịu tội lỗi của cả thế gian, (Xem Ma-thi-ơ. 27:45-46).

NASB "Về nhà của mình"

NKJV "về gia đình mình"

NRSV "về nhà mình"

NJB "ai đi đường nấy"

TEV "nhà của các người"

REB, NET,

NIV "về nhà của mình"

Bản dịch NKJV theo nghĩa đen. các bản dịch khác đều dịch nhà tư. Theo Bultmann đây có thể nói về đất đai, gia sản (NIDOTTE, vol. 2, p. 839), ám chỉ Chúa Giê-su là Đấng Tạo Hóa (như trong Giăng 1:3; 1 Cô-rin-tô. 8:6; Cô-lô-sê. 1:16; Hê-bơ-rơ. 1:2).

16:33 "để các con có sự bình an trong Ta" 'để có' - Động từ thể giả định chủ động thì hiện tại, tương tự trong Giăng 14:27. Sự bình an khách quan và chủ quan đều được tìm thấy và duy trì trong Chúa Giê-su, Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bình an (trong các ý nghĩa khác nhau), ở câu 14:27

□ **"thế gian "** Giăng sử dụng thuật ngữ thế gian như một xã hội được tổ chức và vận hành ngoài tiêu chuẩn và ý chỉ của Đức Chúa Trời, Xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Kosmos* (thế gian) ở câu 14:17.

□ **"Các con sẽ có hoạn nạn"** sự bắt bớ mà Chúa Giê-su phải đối diện các môn đồ cũng sẽ phải đối diện (Xem Giăng 15:18-25; Ma-thi-ơ. 5:10-12; Công-vụ 14:22; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 3:3). Sự bắt bớ (i.e., *thlipsis*) sẽ chứng tỏ ai là tín đồ thực sự của Đấng Christ.

Trong sách Khải-huyền có sự phân biệt giữa 'con thịnh nộ' và 'sự bắt bớ'. Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời không bao giờ giáng trên các tín đồ, nhưng sự giận dữ của những kẻ vô tin nhắm vào người theo Chúa. Thế gian bày tỏ sự thù hận khi con cái của Sa-tan tấn công 'ánh sáng của thế gian' (Xem Giăng 1:1-18; 3:17-21)!

□ **"Hãy vững lòng"** - Mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại (Xem Ma-thi-ơ. 9:2,22; 14:27; Mác 6:50; 10:49; Công-vụ 23:11). Câu này gợi nhớ lời của Đức Giê-hô-va nói với Giô-suê (Xem Jos. 1:6,9,18; 10:25).

□ **"Ta đã thắng thế gian"** 'đã thắng' - động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành. Sự chiến thắng đã có trước thời điểm vườn Ghết-sê-ma-nê, trước thời điểm đồi Can-vê, trước thời điểm ngôi mộ trống. (Xem Rô-ma. 8:37; 1 Cô-rin-tô. 15:57; 2 Cô-rin-tô. 2:14; 4:7-15)! Không thể có nhị nguyên tuyệt đối nghịch lại Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời toàn trị, làm chủ tiến trình lịch sử nhân loại.

Cũng như Chúa Giê-su chiến thắng thế gian bằng tình yêu và sự vâng phục Cha, các tín đồ cũng chiến thắng thế gian bằng tình yêu và sự vâng phục Chúa Giê-su (Xem 1 Giăng 2:13-14; 4:4; 5:4-5; Khải-huyền. 3:21; 12:11).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Giăng 15 và 16 liên hệ với nhau như thế nào?
2. Trong mối liên hệ với Giăng 16:5, hãy giải thích Giăng 13:36?
3. Mô tả công vụ của Đức Thánh Linh cho thế gian vô tin?
4. Mô tả công vụ của Đức Thánh Linh cho tín đồ?
5. Vì sao Giăng 16:26-27 bày tỏ một chân lý quan trọng trong ánh sáng truyền thống giáo hội ?

GIẢNG 17

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời cầu nguyện của Chúa Giê-su	Chúa Giê-su cầu nguyện cho bản thân	Lời cầu nguyện của Chúa Giê-su - Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm	Chúa Giê-su cầu thay cho các môn đồ	Lời cầu nguyện của Chúa Giê-su
17:1-5	17:1-5	17:1-5	17:1-5	17:1-23
	Chúa Giê-su cầu thay cho các môn đồ			
17:6-19	17:6-19	17:6-19	17:6-8	
	Chúa Giê-su cầu thay cho các tín đồ		17:9-19	
17:20-26	17:20-26	17:20-24	17:20-23	
			17:24-26	17:24-26
		17:25-26		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang ***)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘bán cái’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
 2. Phân đoạn 2
 3. Phân đoạn 3
- Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH 17:1-26

A. Bối cảnh lịch sử

1. Trong chương này, Chúa Giê-su với tư cách Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm cầu thay cho:
 - a. Bản thân (Giăng 17:1-5)
 - b. Các môn đồ (Giăng 17:6-19)
 - c. Các tín đồ trong tương lai (Giăng 17:20-26)

Lời cầu nguyện của Chúa không xảy ra trong tình cảnh tuyệt vọng, nhưng tin cậy. (Xem Giăng 16:33).

2. Đây là lời cầu nguyện dài nhất của Chúa Giê-su được chép lại

3. Chương này khó được chia nhỏ thành phân đoạn, bởi một số chủ đề quán xuyên tái xuất nhiều lần. Văn tự của Giảng mang tính đặc thù như vậy, giống như thắm thêu với nhiều mẫu vẽ lặp lại. Các từ vựng then chốt là 'vinh quang', 'ban cho', 'biết', 'sai phái', 'danh', 'thế gian', 'hiệp một'...

4. Đức Thánh Linh không được nhắc tới trong chương này - đây là điều đáng ngạc nhiên, vì Đức Thánh Linh chiếm vai trò nổi bật trong Giảng 14-16.

B. Các đặc tính của các môn đồ trong Giảng 17:6-19

1. Họ được lựa chọn
2. Họ vâng phục
3. Họ biết Đức Chúa Trời và Đấng Christ
4. Họ tiếp nhận chân lý
5. Họ được Chúa cầu thay
6. Họ ở lại trong thế gian
7. Họ được gìn giữ bởi quyền năng của Chúa
8. Họ hiệp một như Đức Chúa Cha và Chúa Giê-su hiệp một
9. Họ có niềm vui của Ngài
10. Họ không thuộc về thế gian
11. Họ được biệt riêng cho chân lý
12. Họ được sai phái như Chúa Giê-su được sai phái
13. Họ được yêu thương, như Đức Chúa Cha yêu thương Chúa Giê-su

C. Thuật ngữ vinh hiển trong Giảng

1. Có hơn 25 thuật ngữ trong tiếng hê-bơ-rơ có thể dịch thành 'vinh hiển' trong Bản dịch Bảy Mươi (Septuagint (LXX), tiếng Hy-lạp '*doxa*'). Thuật ngữ 'vinh hiển' trong Cựu-ước là *kabod*, có nghĩa là 'nặng', 'khác thường', 'nặng nề', 'xứng đáng', 'danh giá', 'danh dự', 'hoặc 'rực sáng, vinh quang'
2. Thuật ngữ 'vinh hiển', (tiếng Hy-lạp *doxa*) xuất phát từ gốc 'suy nghĩ', nói về 'thanh danh'
3. Có nhiều ý nghĩa thuộc linh liên hệ tới từ thuật này trong Giảng
 - a. vinh quang Thần Linh (Xem Giảng 17:5,24; 1:14; 12:41; 12:16)
 - b. sự mặc khải Đức Chúa Cha qua dấu hiệu, phép lạ, giáo huấn, công việc trong tuần thương khó của Chúa Giê-su (Xem Giảng 17:4,10,22; 1:14; 2:11; 7:18; 11:4,40)
 - c. đặc biệt trên Thập tự Giá (Xem Giảng 17:1,4; 7:39; 12:23; 13:31-32)

Tuy có sự lỏng lẻo trong bố cục của chương 17, nhưng chân lý trung tâm là: Đức Chúa Trời vô hình được mặc khải qua bằng lời nói và công vụ của Ngài.

NGHIÊN CỨU TỪ VỰNG VÀ CÂU VĂN

NASB (UPDATED TEXT: 17:1-5

¹Khi phán những lời này xong, Đức Chúa Jêsus ngược mắt lên trời và thưa rằng: “Cha ơi! Giờ đã đến, xin tôn vinh Con, để Con cũng tôn vinh Cha. ²Vì Cha đã ban cho Con thẩm quyền trên mọi loài xác thịt, để ban sự sống đời đời cho tất cả những người Cha ban cho Con. ³Sự sống đời đời là nhận biết Cha là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, cùng Đức Chúa Jêsus Đấng Christ là Đấng Cha đã sai đến. ⁴Con đã tôn vinh Cha trên đất và hoàn tất công việc Cha giao cho Con làm. ⁵Cha ơi! Bây giờ, xin lấy vinh quang Con vốn có với Cha trước khi tạo dựng thế gian mà tôn vinh Con trước mặt Cha.

17:1 "Khi phán những lời này xong, " – ‘lời này’ ám chỉ những lời giáo huấn ở Lâu Trên trong Giăng 13-16.

□ **"ngước mắt lên trời "** Người Do-thái thường cầu nguyện với bàn tay, đầu và mắt hướng lên Thiên Đàng như họ đang thưa chuyện với Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 11:41; Mác 7:34; Lu-ca 18:13; Thi-thiên. 123:1). Chúa Giê-su luôn cầu nguyện, như được thấy trong Phúc Âm Lu-ca 3:21; 5:16; 6:12; 9:18, 28; 11:1; 22:41-45; 23:34.

□ **"“Cha ơi!”** Trong ngôn ngữ A-ram Ngài dùng là 'Abba' Chúa Giê-su thường gọi Đức Chúa Trời "Cha ơi", (Xem Giăng 11:41; 12:27,28; Ma-thi-ơ. 11:25-27; Lu-ca 22:42; 23:34), như một em nhỏ gọi "ba ơi" hay “bố ơi” một cách thân mật, (Xem Mác 14:36). Điều này gây sững sốt cho những người không thuộc vào hàng ngũ môn đồ của Chúa.

□ **"Giờ đã đến, "** Bởi biết rõ mục đích và thời gian biểu công vụ của Ngài (Xem Giăng 2:4; 7:6,8,30; 8:20; 12:23; 13:1) Chúa Giê-su không bao giờ ngạc nhiên về bất cứ hoàn cảnh nào.

□ **" xin tôn vinh Con, "** Mệnh lệnh thúc chủ động thì quá khứ. Chúa Giê-su luôn nói về cái chết của Ngài bằng những cụm từ tương tự, (Xem Giăng 17:4; 7:39; 12:23; 13:31-32). Thuật ngữ ‘tôn vinh’ cũng liên hệ tới sự tiên tại Thần Linh của Chúa từ trước Tạo Hóa. (Xem Giăng 1:14 and Giăng 17:5,24). Sự mạng của Chúa Giê-su là tôn vinh Cha và ngược lại, Cha tôn vinh Đức Chúa Con. Xin xem ghi chú ở câu Giăng 1:14 và Kiến Giải Văn Mạch Liên Quan Tới Bối Cảnh, phần C.

Xin xem Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Con ở câu 1 Giăng 3:8

Sau đây là những chi tiết khác biệt giữa các văn bản cổ liên hệ tới Đức Chúa Con

1. 'Con' với mạo từ xác định 'the Son' có trong MSS P⁶⁰, x, B, C*, W
2. 'Con' với đại từ sở hữu 'Con của Ngài' có trong MSS A, D, C²

Liên Hội Thánh Kinh UBS4 xếp khả năng thứ nhất vào hạng 'B' - gần như chắc chắn.

17:2 "thấm quyền trên mọi loài xác thịt, " - Một lời tuyên bố sững sốt từ một người thợ mộc nông thôn. (Xem Giăng 5:27; Ma-thi-ơ. 11:27; 28:18; Lu-ca 10:22). Thuật ngữ 'thấm quyền' (*exousia*) cũng được dùng trong Giăng 1:12; 5:27; 19:10,11. Có thể được dịch là 'pháp nhân', 'thấm quyền' hoặc 'quyền năng'

Cụm từ 'mọi loài xác thịt' ở trong số ít, một thành ngữ Do-thái nói về nhân loại, Xem Sáng-thế-Ký. 6:12; Thi-thiên. 65:2; 145:21; Ê-sai. 40:5; 66:23; Joel 2:28).

□ **" tất cả những người Cha ban cho Con "** Thuật ngữ 'tất cả những người' thuộc giống trung, số ít, (Xem Giăng 7,24), có ý nói về các môn đồ, hội thánh nói chung, chứ không về các cá nhân. Động từ 'ban cho' là động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành, nói về món quà tồn tại đời đời. Cả câu nói khẳng định tính tiên chọn. (Xem Giăng 17:6, 9, 12; 6:37, 39; Rô-ma. 8:29-30; Ê-phê-sô. 1:3-14). Trong Cựu-ước, con người được Chúa chọn để phục vụ. Trong Tân-ước con người được chọn để tiếp nhận sự cứu rỗi tâm linh, chắc chắn và đời đời. Tín đồ cũng được gọi vào phục vụ. Sự chọn lựa không những chỉ là công việc Thần Linh duy nhất, nhưng liên hệ tới trách nhiệm con người qua giao ước. Sự chọn lựa không hướng về sự chết, nhưng hướng về sự sống. Tín đồ được chọn cho sự thánh khiết, (Xem Ê-phê-sô. 1:4), chứ không phải cho việc thiết lập nhóm người ưu tiên. Câu nói này của Chúa không dùng để chứng minh Đức Chúa Cha ban cho Đức Chúa Con một số người này mà không ban một số người kia.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LỰA CHỌN so với SỰ TIỀN ĐỊNH

VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-xu là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời “chấp nhận” của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dây ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý (Một Đức Chúa Trời cách biệt và một Đức Chúa Trời gần gũi, ví dụ sự cứu rỗi chắc chắn và sự trung kiên; Chúa Jê-sus ngang bằng với Đức Chúa Cha và Chúa Jê-sus chịu phục Đức Chúa Cha; sự tự do của Cơ đốc nhân và trách nhiệm của Cơ đốc nhân đối với người bạn theo giao ước... vân vân...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

□ **"để ban sự sống đời đời "** Sự sống đời đời là món quà của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ (Xem Giăng 5:21,26; 6:40,47; 10:28; 1 Giăng 2:25; 5:11). Sự sống đời đời có nghĩa là sự sống của Đức Chúa Trời, sự sống Tân Niên Kỳ, Sự sống Phục Sinh. Sự sống đời đời không mang tính chất tuổi thọ, nhưng mang tính phẩm chất, (Xem Giăng 10:10).

17:3 "Sự sống đời đời là nhận biết Cha là Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật, cùng Đức Chúa Jê-sus Đấng Christ là Đấng Cha đã sai đến." Giảng định nghĩa sự sống đời đời qua hai chân lý: (1) Thuyết Độc Thần (Xem Phục-truyền. 6:4-6) và (2) Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a theo giòng Đavít (Xem 2 Sa-mu-en7). Sự sống đời đời theo Giảng không phải là khái niệm của tương lai, nhưng một thực tại đã có trong Chúa Giê-su Christ.

□ **"nhận biết Cha "** 'Nhận biết' - động từ giả định, chủ động thì hiện tại - không có nghĩa nhận biết theo thông tin, nhưng quen biết trong mối liên hệ, theo ý tưởng Xê-míc, (hệ ngôn ngữ Hê-bơ-rơ, A-ram, Ả-rập. Tuy nhiên con người cần phải biết chân lý trọng điểm: Chúa Giê-su chính là Đấng Mê-si-a, sự mặc khải trọn vẹn của Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 1:12,14; Cô-lô-sê. 1:15; Hê-bơ-rơ. 1:3), và mỗi một cá nhân phải tin, tiếp nhận, ăn năn, bền đỗ trong Ngài.

□ **"Đức Chúa Trời duy nhất và chân thật"** Cựu -ước khẳng định sự tồn tại của Một Đấng duy nhất là Đức Chúa Trời, (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 8:10; 9:14; Phục-truyền. 4:35,39; 6:4; 33:26; 1 Sa-mu-en. 2:2; 2 Sa-mu-en. 7:22; 1 Các vua. 8:23; Ê-sai. 37:20; 44:6,8; 45:6-7,14,18,21,22; 46:9; Giăng 5:44; 1 Cô-rin-tô. 8:4,6; 1 Tim. 1:17; 2:5; Giu-đê 1:25). Công bằng mà nói: Cựu-ước trình bày Đức Chúa Trời một cách đặc biệt trong bối cảnh tôn giáo đa thần vùng Trung Cận Đông cổ đại. Chỉ có một Đức Chúa Trời, nhưng ngoài ra còn có các thực tại tâm linh. (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 15:11; Phục-truyền. 3:24; Thi-thiên. 86:8; 89:6).

Chủ Đề Đặc Biệt: Thuyết Độc Thần, (Nhất Thần Luận, Duy Nhất Thần Thuyết)

Khái niệm 'Độc Thần' (duy nhất một Đức Chúa Trời) rất đặc thù đối với I-sơ-ra-en, (Abraham, 2000 B.C.), khác với Đấng Tối Cao trong các vị thần, hoặc Thần Tốt Lành của Nhị Nguyên Luận vùng Ba-tư, còn gọi là đạo Lửa ((Zoroastrianism). Ngoài ra chỉ có một trường hợp bất thường hiếm có và ngắn ngủi về thuyết Độc Thần ở Ai cập (Amenhotep IV, also known as Akhenaten, 1367-1350 or 1386-1361 B.C.).

Khái niệm này được thấy trong vài câu Cựu-ước.

1. "Không có ai như Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của chúng ta." Xuất Ê-gíp-tô Ký. 8:10; 9:14; Phục-truyền. 33:26; 1 Các vua. 8:23
2. "Không có ai ngoài Ngài" Phục-truyền. 4:35,39; 32:39; 1 Sa-mu-en. 2:2; 2 Sa-mu-en. 22:32; Ê-sai. 45:21; 44:6,8; 45:6,21
3. "Đức Giê-hô-va là một" Phục-truyền. 6:4; Rô-ma. 3:30; 1 Cô-rin-tô. 8:4,6; 1 Tim. 2:5; Gia-cơ 2:19
4. "Không một ai như Ngài," 2 Sa-mu-en. 7:22; Giê-rê-mi. 10:6
5. "Ngài duy nhất là Đức Chúa Trời," Thi-thiên. 86:10; Ê-sai. 37:16
6. "Trước Ta không có thần nào được tạo, và sau Ta không có thần nào nữa. Ê-sai. 43:10
7. "không có một ai ngoài Ta... không có một ai" Ê-sai. 45:5,6,22
8. "Không ai khác, Ta là Đức Giê-hô-va, ngoài Ta không một ai là Đức Chúa Trời," Ê-sai. 45:14,18
9. "Không có ai trừ Ta" Ê-sai. 45:21
10. "Không ai khác... không một ai như Ta." Ê-sai. 46:9

Khái niệm thuyết Độc Thần được phát triển theo thời gian: Ban đầu được gọi là Thuyết Độc Thần thực tế: Tuy có nhiều vị thần, nhưng Đức Giê-hô-va duy nhất là Đức Chúa Trời cho chúng tôi. Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 15:11; 20:2-5; Phục-truyền. 5:7; 6:4,14; 10:17; 32:12; 1 Các vua. 8:23; Thi-thiên. 83:18; 86:8; 136:1-9).

Những câu Kinh thánh đầu tiên gợi ý về Nhất Thần (Thuyết Độc Thần theo triết học) là Xuất Ê-gíp-tô Ký. 8:10; 9:14; Phục-truyền. 4:35,39; 33:26). Tuyên bố trọn vẹn về Thuyết Độc Thần được thấy trong Ê-sai 43-46 (Xem 43:11; 44:6,8; 45:7,14,18,22; 46:5,9).

Tân-ước phản ánh Phục-truyền 6:4 trong Rô-ma. 3:30; 1 Cô-rin-tô. 8:4,6; Ê-phê-sô. 4:6; 1 Tim. 2:5; and Gia-cơ 2:19. Chúa Giê-su ấn chứng mệnh đầu tiên trong Ma-thi-ơ. 22:36-37; Mác 12:29-30; Lu-ca 10:27. Cả Cựu-ước và Tân-ước khẳng định các thực tại thuộc linh khác như thiên sứ, ma quỷ, như chỉ nói về một Đấng Tạo Hóa và Cứu Rỗi, (Giê-hô-va Đức Chúa Trời) (YHWH, Sáng-thế-Ký. 1:1).

Thuyết Độc Thần theo Kinh Thánh có những đặc trưng như sau.

1. Đức Chúa Trời có một và độc đáo (Bản thể học được giả thiết, nhưng không được định nghĩa rõ ràng)
2. Đức Chúa Trời mạnh tính cá nhân (các thể) (Xem Sáng-thế-Ký. 1:26-27; 3:8)
3. Đức Chúa Trời có đạo đức (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 34:6; Neh. 9:17; Thi-thiên. 103:8-10)
4. Đức Chúa Trời tạo dựng con người theo hình ảnh Ngài (Sáng-thế-Ký. 1:26-27) với mục đích tương giao (giống mục 2). Ngài là Đức Chúa Trời đố kỵ (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 20:5-6)

Từ trong Tân-ước được thấy:

1. Đức Chúa Trời có ba Ngôi Đấng một cách cá nhân (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi ở câu 8:1)
2. Đức Chúa Trời được mặc khải một cách trọn vẹn và tuyệt hảo qua Chúa Giê-su (Xem Giăng 1:1-14; Cô-lô-sê. 1:15-19; Hê-bơ-rơ. 1:2-3)
3. Đức Chúa Trời có chương trình cứu rỗi cho nhân loại sa ngã qua sự hy sinh chuộc tội của Chúa Giê-su (Ê-sai 53; Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô. 5:21; Phi-líp. 2:6-11; Hê-bơ-rơ)

Chủ Đề Đặc Biệt: (Thuật Ngữ) "Thật" Trong Văn Tựa Của Giảng

1. Đức Chúa Cha

- a. Đức Chúa Cha chân chính / đáng tin cậy (Xem Giảng 3:33; 7:18,28; 8:26; 17:3; Rô-ma. 3:4; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 1:9; 1 Giăng 5:20; Khải-huyền. 6:10)
- b. Đức Chúa Cha có con đường thực (Xem Khải-huyền. 15:3)
- c. Đức Chúa Cha có sự phán xét thực (Xem Khải-huyền. 16:7; 19:2)
- d. Đức Chúa Trời có lời phán thực (Xem Khải-huyền. 19:11)

2. Đức Chúa Con

a. Đức Chúa Con chân chính / đáng tin cậy

- 1) ánh sáng thực (Xem Giảng 1:9; 1 Giăng 2:8)
- 2) cây nho thực (Xem Giảng 15:1)
- 3) đầy ân điển và lễ thật (Xem Giảng 1:14,17)
- 4) Ngài là chân lý (Xem Giảng 14:6; 8:32)
- 5) Ngài chân thật (Xem Khải-huyền. 3:7,14; 19:11)

b. Sự làm chứng của Đức Chúa Con là chân thật (Xem Giảng 18:37)

3. Sự thật có thể được so sánh:

- a. luật pháp Mô-sê với ân điển và sự thật của Chúa Giê-su (Xem Giảng 1:17)
- b. Lều Tạm trong đồng vắng so với Đền Thánh Thiên Thượng. (Xem Hê-bơ-rơ. 8:2; 9:1)

4. Nhiều khi trong văn tựa của Giảng, thuật ngữ 'thật' có vài ý nghĩa mở rộng (tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp). Giảng dùng tất cả các ý nghĩa để mô tả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con với tư cách Cá Nhân, Đấng Phán, và Sứ Điệp ban phát cho các môn đồ, tín đồ. (Xem Giảng 4:23; 19:35; Hê-bơ-rơ. 10:22; Khải-huyền. 22:6).

5. Đối với Giảng, hai tính từ mô tả Đức Chúa Cha là Chân Thần và Đáng Tin Cậy, (Xem 5:44; 1 Giăng 5:20) và Chúa Giê-su là Sự Mặc Khải thực và trọn vẹn của Đức Chúa Cha (trong ý nghĩa cứu chuộc chứ không trong ý nghĩa tri thức) !

□ **"cùng Đức Chúa Jêsus Đấng Christ là Đấng Cha đã sai đến"** Đây có thể là lời bình luận của Giảng, nhấn mạnh điều Chúa Giê-su từ Cha sai đến, là nhị nguyên luận 'trên / dưới' thường thấy ở Giảng, Giảng (Xem Giảng 3:17,34; 5:36,38; 6:29,38,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21,23,25; 20:21). Các thầy Ra-bi dùng thuật ngữ 'được sai phái' nói về một sứ đồ với tư cách quan chức đại diện chính thức cho chính quyền. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sai Phái (*Apostellō*) ở câu 5:24.

17:4 "Con đã tôn vinh Cha trên đất " (Xem ghi chú ở câu Giảng 13:32). Thuật ngữ 'vinh quang' có thể được dùng trong hai nghĩa: (1) 'ban vinh quang cho ...' hoặc 'bày tỏ vinh quang của ...' ngữ cảnh câu Giảng 17:6 gợi ý khả năng thứ hai. Sứ mạng của Chúa Giê-su là mặc khải Đức Chúa Cha (Xem Giảng 1:14,18).

□ **"và hoàn tất công việc Cha giao cho Con làm"** nguyên gốc của động từ 'hoàn tất' (*telos*), có nghĩa kết thúc trọn vẹn (Xem Giảng 4:34; 5:36; 19:30). Công việc của Chúa bao gồm:

1. Bày tỏ Đức Chúa Cha (Xem Giảng 1:14,18)
2. Cứu chuộc nhân loại sa ngã (Xem Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô. 5:21)
3. Làm khuôn mẫu của một Cá Nhân Hoàn Hảo (Xem Giảng 13:31; 1 Phi-ê-rơ. 2:21)
4. Tiếp tục cầu thay cho các tín đồ (Xem 1 Giăng 2:1; Hê-bơ-rơ. 7:25; 9:24).

17:5 "xin lấy vinh quang Con vốn có với Cha trước khi tạo dựng thế gian mà tôn vinh Con trước mặt Cha" Câu này nhấn mạnh sự tiền tại của Chúa Giê-su (Xem Giăng 1:1,15; 6:62; 8:58; 16:28; 17:11,13,24; 2 Cô-rin-tô. 8:9; Phi-líp. 2:6-11; Cô-lô-sê. 1:17; Hê-bơ-rơ. 1:3; 10:5-8). Chúa Giê-su đã bày tỏ 'vinh quang' cho các môn đồ bằng phép lạ, dấu hiệu. Bây giờ 'vinh quang tuyệt đối' sẽ là sự chết, sự sống lại và thăng thiên trở về 'vinh quang thiên thượng' (Xem Giăng 17:24; Phi-líp. 2:5-6). Đây là mệnh lệnh thức chủ động thì quá khứ, dùng để cầu xin Cha. Xin xem ghi chú về vinh quang ở câu Giăng 1:14.

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIĂNG 17:6-19

6Con đã bày tỏ Danh Cha cho những người Cha ban cho Con từ giữa thế gian này. Họ thuộc về Cha, Cha ban họ cho Con, và họ đã vâng giữ lời Cha. **7**Bây giờ, họ biết rằng tất cả những gì Cha đã ban cho Con đều đến từ Cha. **8**Vì Con đã ban cho họ những lời Cha đã ban cho Con. Họ đã tiếp nhận, biết Con thật đến từ Cha và tin rằng Cha đã sai Con. **9**Con vì họ mà cầu xin, không phải vì thế gian mà Con cầu xin đâu, nhưng vì những người mà Cha đã ban cho Con, vì họ thuộc về Cha. **10**Tất cả những gì của Con là của Cha, tất cả những gì của Cha là của Con; và qua họ, Con được tôn vinh. **11**Con không còn ở thế gian nữa, Con về với Cha, nhưng họ vẫn ở thế gian. Cha Thánh ơi! Xin gìn giữ họ trong Danh Cha, là Danh Cha đã ban cho Con, để họ có thể trở nên một như Chúng Ta. **12**Trong lúc còn ở với họ, Con đã gìn giữ họ trong Danh Cha, là Danh Cha đã ban cho Con. Con đã bảo vệ họ, không để mất một ai, trừ đũa con của sự hư mất, để lời Kinh Thánh được ứng nghiệm.**13**Nhưng bây giờ Con về với Cha, và Con nói những điều này lúc còn trong thế gian, để sự vui mừng của Con được đầy trọn trong chính họ. **14**Con đã truyền lời Cha cho họ, và thế gian ghét họ vì họ không thuộc về thế gian, cũng như Con không thuộc về thế gian vậy. **15**Con không cầu xin Cha đem họ ra khỏi thế gian nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi điều ác. **16**Họ không thuộc về thế gian cũng như Con không thuộc về thế gian. **17**Xin Cha dùng chân lý thánh hóa họ. Lời của Cha là chân lý. **18**Như Cha đã sai Con vào thế gian thì Con cũng sai họ vào thế gian. **19**Con hiến dâng chính mình vì họ, để họ cũng được thánh hóa trong chân lý.

17:6 "Con đã bày tỏ Danh Cha từ giữa thế gian này. " Danh tên trong tiếng Hê-bơ-rơ thường phản chiếu tính cách một cá nhân (Xem Giăng 17:11,12,25-26; Thi-thiên. 9:10). Câu này cũng khẳng định chân lý thần học rằng một người thấy Chúa Giê-su tức là thấy Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 1:18; 12:45; 14:8-11; Cô-lô-sê. 1:15; Hê-bơ-rơ. 1:3).

Thuật ngữ 'danh' đóng một vai trò thần học rất quan trọng trong cuộc hội thoại ở Lầu Trên (Xem Giăng 14:13,14,26; 15:16,21; 16:23,24,26; 17:6, 11,12,26). Trong Giăng 17 có hai danh của Đức Chúa Trời là

1. Cha Thánh, Giăng 17:11
2. Cha Công Chính, Giăng 17:25

□ **"cho những người Cha ban cho Con "** Về mặt thần học, đây nói về sự chọn lựa. (Xem Giăng 17:2,9,24; 6:37,39). Không ai có thể đến với Ngài trừ khi:

1. Đức Chúa Trời ban cho (17:6)
2. ĐứcThánh Linh lôi kéo (Giăng 6:44,65)
3. Họ tiếp nhận (Giăng 1:12); và tin cậy (Giăng 3:16)

▣ **"họ đã vâng giữ lời Cha"** Vâng phục rất quan trọng. (Xem Giăng 8:51,55; 14:23; 15:10,20). Thuật ngữ này được dùng với ý nghĩa: không thể chê trách trong Cựu-ước, ví dụ như Nô-ê, Sáng-thế-Ký. 6:9; Abraham, Sáng-thế-Ký. 17:1; I-sơ-ra-en, Phục-truyền. 18:13; Gióp, Gióp 1:1). Điều này không có nghĩa là tuyệt hảo hay vô tội, nhưng có lòng ước nguyện lắng nghe và hành động theo những gì được mặc khải. Cho đến thời điểm này các môn đồ đã tin cậy, bền đỗ và yêu thương, như Chúa yêu thương họ.

17:7 "Bây giờ, họ biết rằng" 'biết' - động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành, được tiếp theo bởi chữ 'rằng' (*hoti*), nói về nội dung một sứ điệp. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách sử dụng động từ 'biết' trong Giăng, điểm 4, ở câu 2:23 .

□ **"tất cả những gì Cha đã ban cho Con đều đến từ Cha"** Chúa Giê-su nói về những gì được Cha mặc khải (Xem Giăng 17:8; 7:16; 12:48-49).

17:8 "Họ đã tiếp nhận " . Ở đây chúng ta không thấy tân ngữ (đối tượng của động từ tiếp nhận) nhưng ngữ cảnh cho thấy họ tiếp nhận sứ điệp về Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su (Xem Giăng 17:4). Trong Giăng 1:12 tân ngữ chính là Chúa Giê-su. Phúc âm có hai khía cạnh song song là cá nhân và sứ điệp của Chúa Giê-su

□ **"Họ đã tiếp nhận, ... và tin rằng ..."** Cả hai động từ 'tiếp nhận' và 'tin rằng' đều là động từ chỉ định chủ động thì quá khứ, nói về chân lý về nguồn gốc Thần Linh của cá nhân và sứ điệp Chúa Giê-su. (Xem Giăng 5:19; 6:68-69; 12:48-49; 16:30; 17:18,21,23,25).

17:9 "Con vì họ mà cầu xin, " Chúa Giê-su là Đấng Trung Bảo và Biện Hộ của chúng ta, (Xem 1 Tim. 2:5; Hê-bơ-rơ. 8:6; 9:15; 12:24) và (Xem 1 Giăng 2:1). Cả Đức Chúa Cha (Xem Giăng 16:26-27), và Đức Thánh Linh cũng thực hiện công việc tương tự (Xem Rô-ma. 8:26-27). Cả Ba Ngôi đều tham gia trong tất cả các chi tiết của sự cứu rỗi.

□ **"thế gian"** Thuật ngữ *Kosmos* được sử dụng tới 18 lần trong chương này. Chúa Giê-su quan tâm đến Trái Đất (Xem Giăng 17:5,24) và mối liên hệ của tín đồ với thế gian bằng hoại (Xem Giăng 1:10; 17:6,9,11,13,14, 15,16,17,18,21,23). Trong văn tự của Giăng, thế gian có nghĩa là xã hội con người được tổ chức ngoài nguyên tắc của Đức Chúa Trời. Nhiều lúc có nghĩa là Trái Đất, sự sống trần thế, và sự sống ngoài Đức Chúa Trời Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thuật Ngữ 'Thế Gian' (*Kosmos*) Trong Văn Tự Của Phao-Lô , ở câu 14:17

17:10 "Tất cả những gì của Con là của Cha, tất cả những gì của Cha là của Con" Câu này bày tỏ sự hiệp một của Ba Ngôi (Xem Giăng 17:11, 21-23; 16:15). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi, ở câu 14:26

□ **"qua họ, Con được tôn vinh"** 'được tôn vinh' - động từ chỉ định, bị động, thì hoàn thành. Cuộc sống của các môn đồ đem lại danh dự cho Chúa Giê-su, cũng như Chúa Giê-su đem lại danh dự cho Cha. Đây thực là một trách nhiệm về vang dội với cơ đốc nhân.

17:11 "Con không còn ở thế gian nữa" Âu này nói về (1) tương lai ngay sau Chúa thăng thiên, trở về với Cha, (Xem Công-vụ 1:9-10), hoặc (2) sứ mạng nơi công cộng của Chúa Giê-su.

□ **"Cha Thánh ời!"** Danh hiệu 'Cha Thánh' được sử dụng duy nhất ở đây, cũng như danh hiệu 'Đấng Thánh' ở câu 1 Phi-ê-rơ. 1:15, Thường thường tính từ 'thánh' (*hagios*) được dùng cho Đức Thánh Linh. (Xem Giăng 1:33; 14:26; 20:22). Tuy nhiên cũng được dùng cho các thánh đồ (*hagiasmos*) và cho Chúa Giê-su (*hagiazō*). trong các dạng từ ngữ Hy-lạp có chung gốc Giăng 17:17 Giăng 17:19 Ý nghĩa chính của thuật ngữ 'thánh' là 'biệt riêng cho công việc của Đức Chúa Trời' (Xem Giăng 17:17,19), nói về một cá nhân địa điểm, hay thời gian cụ thể. Về Thần Tính, có nghĩa Đức Chúa Trời siêu việt, siêu phàm, khác biệt với những gì thuộc về trần tục, trần thế và bằng hoại. Giê-su là Thánh Chúa, học trò của Chúa phản chiếu sự thánh khiết và biệt riêng khi họ trở nên giống Ngài. Chữ 'thánh đồ' xuất phát từ thuật ngữ 'thánh' trong tiếng Hy-lạp. Các thánh đồ nên thánh bởi họ ở trong Đấng Christ và sống cho Ngài, vì Ngài và như Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT

I. Cách dùng trong Cựu ước

A. Nguồn gốc của chữ này (*kadosh*) không rõ lắm, có thể là thuộc ngôn ngữ Ca-na-an. Có thể một phần của gốc từ này (*kd*) có nghĩa là "chia ra." Đây là nguồn gốc của định nghĩa phổ thông "được biệt riêng

ra (từ văn hóa Ca-na-an, Phục truyền 7:6; 14:2, 21; 26:19) để Chúa sử dụng”

- B. Nó liên hệ đến sự tôn thờ các sự vật, nơi chốn, thời điểm, và con người. Nó không được sử dụng trong Sáng-thế-ký, nhưng trở nên phổ biến trong Xuất Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký, và Dân-số-ký.
- C. Trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai và Ô-sê), khía cạnh cá nhân trình bày trước đó, nhưng không được nhấn mạnh, đã được đưa ra phía trước. Nó trở thành cách mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:3). Đức Chúa Trời thánh khiết. Danh hiệu thánh khiết đại diện cho bản chất của Ngài. Dân của Ngài, những người sẽ bày tỏ bản tính của Ngài cho một thế giới đang cần Ngài, là một dân thánh (nếu họ vâng theo giao ước trong đức tin).
- D. Lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi quan điểm thần học về sự giao ước, công bình, và các bản tính quan trọng. Tại đây có sự giằng co trong Đức Chúa Trời đối với con người bất khiết, sa ngã và chống nghịch. Có một bài viết thú vị về mối liên hệ giữa một Đức Chúa Trời “đầy thương xót” và một Đức Chúa Trời “thánh khiết” của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 112-113.

II. Cách dùng trong Tân ước

- A. Các tác giả trong Tân ước là những tư tưởng gia Hê-bơ-rơ (ngoại trừ Lu-ca), nhưng bị ảnh hưởng bởi lối văn thông dụng của Hy-lạp Koine (bản LXX). Chính bản dịch Hy-lạp của Cựu ước chi phối từ ngữ của họ, chứ không phải văn chương cổ điển, tư tưởng hay tôn giáo Hy-lạp.
- B. Chúa Jêsu thánh khiết vì Ngài từ Đức Chúa Trời, giống Đức Chúa Trời, và là Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:35; 4:34; Công-vụ 3:14; 4:27,30). Ngài là Đấng công bình và thánh khiết (Công-vụ 3:14; 22:14). Chúa Jêsu thánh khiết vì Ngài không có tội (Giăng 8:46; II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 1:19; 2:22; I Giăng 3:5).
- C. Bởi vì Đức Chúa Trời thánh khiết, con cái Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16). Bởi vì Chúa Jêsu thánh khiết, những người theo Ngài cũng phải thánh khiết (Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Cơ đốc nhân được cứu để phục vụ giống Đấng Christ.

□ **"Xin gìn giữ họ trong Danh Cha"** 'xin gìn giữ' - Mệnh lệnh thức, chủ động thì quá khứ - Chúa Giê-su cầu xin sự bảo vệ và hiện diện của Cha mà Ngài đã nhận được (động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành) được ban cho các môn đồ. Xem Giăng 17:12). Hầu cho họ có thể tiếp tục phục vụ trong thế gian băng hoại, (Xem Giăng 17:18). Đây là lợi ích của sự hiệp một giữa:

1. Cha
2. Con
3. và các môn đồ.

□ **"để họ có thể trở nên một như Chúng Ta"** - động từ thể giả định, nói về sự tương giao hiệp một của Ba Ngôi. Đức Chúa Trời (Xem Giăng 17:21,22,23; 10:30; 14:10). Chúng ta cần phải có trách nhiệm nghiêm túc đối với lời cầu nguyện khẩn thiết của Chúa. Sự thiếu hiệp một trong thân thể Chúa có thể dễ thấy trong ngày hôm nay. Tuy nhiên, sự đồng lòng - chứ không phải sự đồng hóa khác biệt, hay nhượng bộ chân lý - là con đường hàn gắn hội thánh. (Xem Ê-phê-sô. 4:1-6).

17:12 "Con đã gìn giữ họ trong ... Con đã bảo vệ họ.." 'đã gìn giữ' trong thì chưa hoàn thành, và 'đã bảo vệ' trong thì quá khứ. Nói chung cả hai động từ có ý nghĩa giống nhau, Ngữ pháp nhấn mạnh Chúa Giê-su đã và đang tiếp tục bảo vệ các môn đồ (Xem I Phi-e-rơ. 1:3-9).

Trong cuốn *Word Studies in the New Testament*, Vol. 1, ông M. R. Vincent chỉ ra sự khác biệt giữa hai động từ: Động từ thứ nhất (*tēreō*) có nghĩa gìn giữ, động từ thứ hai có nghĩa bảo vệ (*phulassō*) (p. 496).

□ **"không để mất một ai,"** Đây nói về khả năng bảo vệ của Chúa Giê-su (Xem Giăng 6:37,39; 10:28-29).

Thuật ngữ 'mất' (*apollumi*) rất khó dịch, bởi vì nó được sử dụng trong hai nghĩa. Trong cuốn *Theological Dictionary of the New Testament*, Vol. 1, ông Gerhard Kittel có những quan sát sau: thường thường trong

Phúc Âm Đồng Quan có nghĩa thể gian đời này hư mất, chịu đựng mất mát hay lằm lạc. Còn trong Giảng và Phao-lô ám chỉ về thể giới vô vọng trong tương lai (p. 394). Sau đây là định nghĩa của thuật ngữ 'mất':

1. "huỷ hoại hay sát hại"
2. "mất mát, hay chịu đựng mất mát"
3. "hư mất"
4. "lạc mất"

Thuật ngữ 'mất' thường được dùng để chứng minh tín lý huỷ diệt, tàn phá, tức người bị phán xét sẽ không tồn tại nữa. Điều này trái với Đa-ni-en 12:2, và hiểu lầm sự khác biệt giữa các nghĩa rộng dùng trong Phúc Âm Đồng Quan so với văn tự của Giảng và Phao-lô, là những tác giả dùng ẩn dụ nói về sự hư mất thuộc linh chứ không nói về sự phá hủy thuộc thể. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự huỷ diệt (*apollumi*) ở câu 10:10

□ **"trừ đũa con của sự hư mất"** ám chỉ Giu-đa Ích-ca-ri-ốt. Cụm từ này cũng nói về "Trùm Tội Lỗi", kẻ Phản Nghịch Chúa trong thời kỳ cuối cùng, Xem 2 Thê-sa-lô-ni-cas. 2:3. Đây là thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ: người sẽ hư mất theo định mệnh, một lối chơi chữ với thuật ngữ 'hư mất' ở câu trước ." (không ai bị hư mất)

Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự bội đạo (*Aphistēmi*), ở câu 6:64

□ **"Kinh Thánh được ứng nghiệm."** Ám chỉ Thi-thiên 41:9, được dẫn chứng trong Giảng 13:18; 6:70-71.

17:13 "Nhưng bây giờ Con về với Cha, " Câu này có thể nói về:

1. Lời cầu nguyện của Chúa Giê-su (Giăng 17)
2. Sự thăng thiên của Chúa Giê-su (Giăng 17:11; Công-vụ 1)

□ **"Con nói những điều này lúc còn trong thể gian"** Ám chỉ câu nói trong các câu:

1. 11:42, Chúa Giê-su nói lớn để nhiều người cùng nghe
2. 15:11, Chúa Giê-su nói trực tiếp về niềm vui của các môn đồ.

□ **"để sự vui mừng của Con được đầy trọn trong chính họ"** 'để' - động từ giả định, chủ động thì hiện tại và 'được đầy trọn' - động tính từ bị động thì hoàn thành. Đây thật là một lời hứa tuyệt vời (Xem Giảng 15:11; 16:24). Giảng còn dùng câu này một cách đặc thù trong thư tín của ông: (Xem 1 Giảng 1:4; 2 Giảng 12).

17:14 "Con đã truyền lời Cha cho họ" Thuật ngữ 'lời' ở đây là *logos*. Một thuật ngữ đồng nghĩa khác là *rhēma* được dùng trong Giảng 17:8. Điều này khẳng định sự mặc khải thần linh qua cá nhân, giáo huấn và sự gương mẫu của Chúa Giê-su. Chúa Giê-su ban phát Lời dạy và bản thân Ngài là Ngôi Lời. "Lời" mang cả tính chất bản ngã cũng như sứ điệp. Chúng ta chào đón Ngôi Lời và Sứ Điệp Phúc Âm.

□ **"thể gian ghét họ"** Bị thể gian từ chối chính dấu hiệu được Chúa chấp nhận (Xem Giảng 15:18-20; 1 Giảng 3:13).

□ **"vì họ không thuộc về thể gian, "** Tín đồ còn ở trong thể gian, nhưng không thuộc về thể gian (Xem Giảng 17:16; 1 Giảng 2:15-17).

□ **"cũng như Con không thuộc về thể gian vậy."** 'thể gian' nói về xã hội loài người sa ngã và thiên sứ bất phục (Xem Giảng 8:23). Đây lại thêm một ví dụ về nhị nguyên luận trên / dưới của Giảng.

17:15 "Con không cầu xin Cha đem họ ra khỏi thể gian " Đấng Christ có sứ mạng cho các môn đồ trên trần gian (Xem Giảng 17:18; Ma-thi-ơ. 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công-vụ 1:8). Bây giờ chưa phải là thời điểm để họ về nhà trên Thiên Đàng.

NASB, NKJV" khỏi điều ác"

NRSV"điều ác"

TEV, NJB""

Thuật ngữ này có thể trong giống trung (điều ác) hay giống đực (Kẻ Ác). Ngữ cảnh thường nói về ác lực, đã tâm trong mỗi cá nhân. (Xem Giăng 12:31; 13:27; 14:30; 16:11), Chính vì vậy, 'điều ác' có thể thích hợp hơn. giống như Ma-thi-ơ. 5:37; 6:13; 13:19,38, (Xem thêm 2 Thê-sa-lô-ni-cas. 3:3; 1 Giăng 2:13-14; 3:12; 5:18-19). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Điều Ác Cá Nhân, ở câu 12:31

17:17 "thánh hóa" 'Xin thánh hóa' - mệnh lệnh thức chủ động, thể quá khứ với gốc từ 'thánh' (*hagios*). Có thể mang một trong các ý nghĩa sau:

1. Tín đồ được khích lệ trở nên giống Đấng Christ. (Xem Giăng 17:19; Rô-ma. 8:28-29; 2 Cô-rin-tô. 3:18; 7:1; Ga-la-ti. 4:19; Ê-phê-sô. 1:4; 4:13; 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 3:13; 4:3,7; 5:23; 1 Phi-ê-rơ. 1:15). Điều này chỉ có thể trở nên hiện thực nhờ biết chân lý, bao gồm biết cả Cá Nhân Ngôi Lời (tức Chúa Giê-su, Xem Giăng 1:1-14) và cả Lời Được Viết, tức là Kinh thánh, Xem Giăng 15:3).
2. "Thánh Hóa theo nghĩa của Cựu-ước, tức là biệt riêng để phục vụ Đức Chúa Trời. Giăng 17:18 làm rõ hơn mục đích nên thánh của tín đồ.

Không phải là sự lựa chọn khả năng số 1, hay số 2 ở trên, vì cả hai đều đúng qua sự chứng minh của cuộc đời Chúa Giê-su. (Xem Giăng 17:19).

Có thể Giăng chú ý nói về các môn đồ được biệt thánh để phục vụ Đức Chúa Trời như các thầy Tế lễ thời Cựu-ước. Họ cần được thánh hóa bởi các nghi lễ sinh tế, nhưng cá môn đồ được thánh hóa một lần đủ cả do sinh tế tuyệt hảo là Chúa Giê-su Christ (xem sách Hê-bơ-rơ và so sánh giữa Cựu-ước và Tân -ước.

▣ **"chân lý ... Lời của Cha là chân lý"** Chân lý nói về sứ điệp của Chúa Giê-su về Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 8:31-32). Chúa Giê-su vừa là Ngôi Lời (*Logos*, Xem Giăng 1:1,14) vừa là Chân Lý (Xem Giăng 14:6) của Đức Chúa Trời. ĐứcThánh Linh cũng thường được nhắc tới với danh hiệu Thần Chân Lý (Xem Giăng 14:17; 15:26; 16:13). Xin để ý rằng các môn đồ được thánh hóa bởi Chân Lý (Xem Giăng 17:19, (động tính từ bị động thì hoàn thành) và bởi ĐứcThánh Linh (Xem 1 Phi-ê-rơ. 1:2). Xin xem thêm Chủ Đề Đặc Biệt: Khái niệm 'chân lý' và 'thật' trong văn tự của Giăng, ở câu 6:55 và 17:3. "Lời Ngài là chân lý" là dẫn chứng từ Thi-thiên. 119:142, "Sự công nghĩa của Ngài là sự công nghĩa đời đời, Luật của Ngài là chân Lý." (bản Bảy Mươi). Có thể Chúa Giê-su được coi là:

1. Mô-sê mới.(Phục-truyền. 18:15)
2. Môn đồ của Ngài là các thầy Tế Lễ mới. (dùng động từ 'thánh hóa, biệt thánh')
3. Cuộc sống của Ngài mặc khải Đức Chúa Trời Chân thần.
4. Sự hiệp một trong Ba Ngôi và các môn đồ thỏa mãn mục đích của Tạo Hóa. (i.e., Sáng-thế-Ký. 1:26-27)
5. Chúa Giê-su ứng nghiệm câu Kinh thánh Sáng-thế-Ký. 3:15

17:18 "Như Cha đã sai Con vào thế gian ." Cuộc sống vâng phục và phục vụ của Chúa Giê-su, thậm chí vâng phục cho đến chết (2 Cô-rin-tô. 5:14-15; Ga-la-ti. 2:20; 1 Giăng 3:16) là tấm gương cho các môn đồ noi theo, (Xem Giăng 17:19). Ngài sai phái họ vào thế gian với một sứ mạng cũng như bản thân Ngài cũng được Cha sai phái. Giăng 20:21. Họ hành động trong thế gian chứ không phải đi tu trong thế gian. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sai phái (*Apostellō*), ở câu 5:24

17:19 "Con hiển dương chính mình vì họ" Chúa Giê-su thực hiện ý nguyện của Cha. (i.e., Mác 10:45).

▣ **"để họ cũng được thánh hóa trong chân lý.**

" Đây là lối nói vòng, động tính từ bị động thì hoàn thành, (*hina* clause) (purpose clause, có nghĩa hiệu quả đã có và đang tiếp tục). Sự tiếp tục dựa trên :

1. Công việc của Đấng Christ trên cây Thập Tự, sự Sống Lại và sự Thăng Thiên.
2. Các môn đồ tiếp tục sự ăn năn và trong hưởng ứng Chúa Giê-su và sứ điệp của Ngài

Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chân Lý và tính Thật trong văn tự của Giăng, ở câu 6:55 và 17:3

NASB (HIỆU ĐÍNH RVV2011): GIĂNG 17:20-24

²⁰Cha ơi! Con không chỉ cầu xin cho những người này mà thôi, nhưng cũng cho những người nhờ lời họ mà tin Con nữa, ²¹để tất cả đều trở nên một; như Cha ở trong Con và Con trong Cha để họ cũng ở trong Chúng Ta, nhờ đó thế gian tin rằng Cha đã sai Con đến. ²²Con đã ban cho họ vinh quang mà Cha đã ban cho Con, để họ trở nên một như Chúng Ta là một. ²³Con ở trong họ và Cha ở trong Con, để họ được hiệp nhất trọn vẹn, nhờ đó thế gian biết rằng Cha đã sai Con đến, và Cha đã yêu thương họ như Cha đã yêu thương Con. ²⁴Cha ơi, Con muốn Con ở đâu thì những người Cha đã ban cho Con cũng ở đó với Con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang mà Cha đã ban cho Con; vì Cha đã yêu thương Con từ trước khi sáng thế.

17:20 "cho những người tin Con nữa" - động từ tin trong thì hiện tại, nhưng nói về tương lai, khi các tín đồ tin lời chứng của các sứ đồ, Giăng 10:16, kể cả dân ngoại. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cách Giăng sử dụng động từ 'tin', ở câu 2:23

□ **"nhờ lời họ"** Lời - thuật ngữ *logos*, Giăng 17:14 đồng nghĩa với *rhēma* in Giăng 17:8. Câu này nói về sự chuyển tiếp sứ điệp mặc khải của Chúa Giê-su qua trung gian của các môn đồ.

17:21 "để tất cả đều trở nên một" Sự hiệp một giữa các tín đồ không khác gì sự hiệp một của Ba Ngôi, tuy nhiên trong thực tế, đây là điều mà hội thánh của Chúa còn nhiều thiếu sót. (Xem Giăng 17:11, 22,23; Ê-phê-sô. 4:1-6).

□ **"nhờ đó thế gian tin rằng Cha đã sai Con đến"** Đây là thể giả định, chủ động thì hiện tại. Mục đích của sự hiệp một là sự truyền giáo. Giăng 17:23 cũng có cấu trúc và sự nhấn mạnh tương tự

Có một nghịch lý trong lời cầu nguyện của Chúa Giê-su. Ngài không cầu nguyện cho thế gian (Xem Giăng 17:9), nhưng Ngài lại sai phán môn đồ của Ngài tới thế gian với một sứ điệp Đức Chúa Trời yêu nhân loại, mặc dầu biết rằng sứ điệp này sẽ gây vấp phạm và bất bớ. (Xem Giăng 17:21,23; 3:16. Đức Chúa Trời muốn cả nhân loại được cứu, Xem 1 Tim. 2:4; Tít 2:11; 2 Phi-ê-rơ. 3:9). Đức Chúa Trời yêu tất cả mọi người mà Ngài tạo dựng trong hình ảnh của Ngài. Chúa Giê-su hy sinh vì tất cả mọi người. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Send (*Apostellō*), ở câu 5:24

17:22 "Con đã ban cho họ vinh quang mà Cha đã ban cho Con" Cả hai động từ 'đã ban' là động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành. Vinh quang là sứ điệp mặc khải. Các môn đồ cũng sẽ gánh chịu sự thương khó của Chúa, như chính Chúa chịu đựng khi truyền giao sứ điệp của Cha. Ông A. T. Robertson trong cuốn *Word Pictures in the New Testament*, tập V, bình luận rằng "Đây là sự vinh quang của Ngôi Lời nhập thể, (Xem Giăng 1:14 and 2:11) chứ không phải vinh quang của Ngôi Lời Đời Đời, được nhắc đến trong Giăng 17:24" (p. 280). Xem ghi chú về 'vinh quang' ở câu Giăng 1:14.

17:23 "để họ được hiệp nhất trọn vẹn" 'để' - đây là mệnh đề lối *hina* với cách nói vòng (periphrastic), 'được hiệp nhất' - động từ bị động, thì hoàn thành, giống như Giăng 17:19. Trong Giăng 17:19, có chi tiết về khả năng hiệp một dựa trên (1) công tác sắp tới trên Thập Tự Giá của Chúa Giê-su, và (2) sự tiếp tục trong đức tin của các môn đồ, có nghĩa rằng họ đã bắt đầu hiệp một nhờ Chúa Giê-su và sẽ hiệp một trong mục đích truyền giáo. .

☐ **"Cha đã yêu thương họ như Cha đã yêu thương Con"** Đây là lời hứa, nhưng không phải lời hứa vô điều kiện. Đức Chúa Trời cư xử với nhân loại theo phương cách giao ước: "Nếu các ngươi ... thì Ta sẽ..." (Xem Giăng 16:27 và 14:21,23)

Thuật ngữ tình yêu (*agapeō*) xuất hiện tám lần trong 12 chương 1-12, nhưng 31 lần trong các chương 13-17. Cuộc hội thoại trong Lâu Trên nhấn mạnh về về tính cách của Đức Chúa Cha, được bày tỏ bởi lời dạy và công việc, sự Phục Sinh của Đức Chúa Con, bởi Sự Giáng Trần của Đức Thánh Linh trong Lễ Ngũ Tuần và cuối cùng là sự truyền giáo của các sứ đồ. Đức Chúa Trời là tình yêu. (Xem 1 Giăng 4:7-21).

17:24 "cũng ở đó với Con" Chúa Giê-su đang trở về Thiên Đàng vinh quang để chuẩn bị sẵn chỗ ở cho các môn đồ. Thế gian không phải là nhà của họ cũng như không phải nhà của Chúa. Thế giới được Chúa tạo dựng và Ngài sẽ phục hồi (Sáng-thế-Ký 1-2) và (Khải-huyền 21-22).

☐ **"để họ chiêm ngưỡng vinh quang mà Cha đã ban cho Con"** Rõ ràng đây nói về vinh quang Thần Đức Tiên Tại của Chúa, khác với vinh quang Nhập thể được nói trong câu 17:22.

☐ **"từ trước khi sáng thế"** Ba Ngôi Đức Chúa Trời hành động trong sự Cứu rỗi từ trước Tạo Hóa. Câu này được sử dụng vài lần trong Tân-ước, (Xem Ma-thi-ơ. 25:34; Lu-ca 11:50; Ê-phê-sô. 1:4; Hê-bơ-rơ. 4:3; 9:26; 1 Phi-ê-rơ. 1:20; Khải-huyền. 13:8; 17:8).

NASB (HIỆU ĐỊNH RVV2011): GIĂNG 17:25-26

²⁵Cha công chính ơi, thế gian không biết Cha, nhưng Con đã biết Cha; và những người này biết rằng Cha đã sai Con đến.²⁶Con đã bày tỏ Danh Cha cho họ, và Con sẽ còn bày tỏ nữa, để tình yêu mà Cha đã yêu Con ở trong họ, và Con cũng ở trong họ nữa."

17:25 "Cha công chính ơi" Danh hiệu 'Cha Công Chính' chỉ xuất hiện 1 lần ở đây, giống như 'Cha Thánh' trong Giăng 17:11 Từ 'công chính' trong tiếng Hê-bơ-rơ có gốc trong hình ảnh 'Thước đo bằng cây sậy'. Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn cho sự phán xét. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Chính, ở câu 1 Giăng 2:29

☐ **"thế gian không biết Cha"** Thế gian này là xã hội được tổ chức và vận hành ngoài nguyên tắc của Chúa (một cách viết đặc thù của Giăng). Thế gian không biết Đức Chúa Trời, (Xem Giăng 17:25) và không biết Đức Chúa Con. (Xem Giăng 1:10). thế gian gian ác và tội lỗi. (Xem Giăng 3:19-20; 7:7).

☐ **"Con đã biết Cha"** Chúa Giê-su là nguồn thông tin tối hậu và tinh khiết nhất về Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 1:18; 3:11).

17:26 "Con đã bày tỏ Danh Cha cho họ," Đây nói về việc Chúa Giê-su' mặc khải bản tính Đức Chúa Cha và chương trình cứu chuộc của Ngài đối với nhân loại. (Xem Giăng 17:6,11,12; Công-vụ 2:23; 3:18; 4:28). Thuật ngữ 'biết' được dùng 5 lần trong hai câu Giăng 17:25-26.

☐ **"và Con sẽ còn bày tỏ nữa"** Đây nói về (1) Đức Thánh Linh tiếp tục làm sáng tỏ giáo huấn của Ngài, hoặc (2) sự Thương khó và Phục Sinh trong tuần sắp tới. Ngữ cảnh giúp chúng ta chọn khả năng đầu tiên. Sự Cứu Rỗi liên hệ tới Cá Nhân và sứ Điệp của Chúa Giê-su, sự quyết định theo Chúa khởi đầu, sự bền đỗ trong Đức Tin và thay đổi lối sống. Sự Cứu Rỗi mang cả ý nghĩa 'biết' một cách tri thức (theo ý tưởng Hy-lạp) và một cách tương giao (theo ý tưởng Do-thái),

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'bán cái' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao lời cầu nguyện của Chúa rất quan trọng trong thần học?
2. Phải chăng Giu-đa Ích-ca-ri-ốt đã từng là tín đồ trước khi phản Chúa?
3. Mục đích sự hiệp một là gì?
4. Vì sao sự Tiên Tại của Chúa Giê-su rất quan trọng.
5. Hãy định nghĩa một số từ thuật sau đây:
 - a. "được làm vinh hiển"
 - b. "ban cho"
 - c. "biết"
 - d. "sai phái"
 - e. "danh"
 - f. "thế gian"

GIẢNG 18

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự phản bội và bắt giữ Chúa Giê-su	Sự phản bội và bắt giữ tại Ghết-sê-ma-nê	Sự bắt giữ, tra khảo và đóng đinh Giê-su. (18:1-19:42)	Sự bắt giữ Giê-su	Sự bắt giữ Giê-su
18 :-11	18:1-11	18:1-11	18:1-4 18:5a 18:5b 18:5c-7a 18:7b 18:8-9 18:10-11	18:1-9 18:10-11
Giê-su trước mặt thầy Thượng Tế	Ttrước mặt thầy Thượng Tế		Giê-su trước mặt An-ne	Giê-su trước mặt An-ne, Cai-phê, Phi-ê-rơ chối Chúa
18:12-14	18:12-14	18:12-14	18:12-14	18:12-14
Phi-ê-rơ chối Chúa	Phi-ê-rơ chối Chúa		Phi-ê-rơ chối Chúa	
18:15-18	18:15-18	18:15-18	18:15-17a 18:17b 18:18	18:15-18
Thầy Thượng Tế tra khảo Chúa Giê-su	Thầy Thượng Tế tra khảo Chúa Giê-su		Thầy Thượng Tế tra khảo Chúa Giê-su	
18:19-24	18:19-24	18:19-24	18:19-21 18:22 18:23 18:24	18:19-24
Phi-ê-rơ chối Chúa lần hai	Phi-ê-rơ chối Chúa thêm hai lần		Phi-ê-rơ lần nữa chối Chúa	
18:25-27	18:25-27	18:25-27	18:25a 18:25b 18:26	18:25-27

			18:27	
Giê-su trước Phi-lát	Trong tòa án Phi-lát		Giê-su trước Phi-lát	Giê-su trước Phi-lát
18:28-38a	18:28-38	18:28-32	18:28-29	18:28-32
			18:30	
			18:31a	
			18:31b-32	
		18:33-38a	18:33	18:33-19:3
			18:34	
			18:35	
			18:36	
			18:37a	
			18:37b	
			18:38a	
Giê-su bị kết án tử hình	Lãnh án thay Ba-ra-ba		Giê-su bị kết án tử hình	
(18:38b-19:16c)			(18:38b-19:16a)	
18:38b-19:7		18:38b-19:7	18:38b-39	
	18:39-40			
			18:40-19:3	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “buông thả” điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

61. Phân đoạn 1
62. Phân đoạn 2
63. Phân đoạn 3
64. Văn vãn...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 18:1-40

- A. Giảng bỏ qua chi tiết thương khó trong vườn Ghê-sê-ma-nê, mặc dầu lời cầu nguyện trong chương 17 có thể dùng để minh họa. Đây là điều Giảng chú ý muốn nhấn mạnh tính làm-chủ-mọi-tình-huống của Chúa Giê-su. Ngài tự đặt sinh mạng mình xuống. (Xem Giảng 10:11,15,17,18).
- B. Thứ tự sự việc có vẻ khác với các Phúc Âm Đồng Quan, có thể vì
1. Sự quan sát của nhân chứng,
 2. Mục đích thần học của tác giả
- C. Phúc Âm Giảng rất khác với các Phúc Âm Đồng quan, Các nhà thần học không thể giả thích nổi lý do và mục đích sự khác biệt, Theo các học giả Gordon Fee, Douglas Stuart, *How To Read the Bible For All Its Worth*, các sứ đồ khi viết Phúc Âm dưới sự cảm hứng của Thánh Linh được tự do
1. lựa chọn dữ kiện,
 2. chỉnh sửa dữ kiện
 3. sắp đặt lời nói và hành động của Chúa Giê-su. Tôi không nghĩ họ thêm lời nói và hành động, nhưng sắp đặt theo cách phục vụ mục đích truyền giáo cho từng nhóm người. Xin nhớ rằng các Phúc Âm không phải là tiểu sử của Chúa Giê-su, nhưng là truyền đạo đơn. Nó không được viết theo sự suy nghĩ Tây phương nhấn mạnh nguyên nhân và hiệu quả, theo trình tự thời gian, nhưng được viết theo ý tưởng Đông phương
- D. Một cuốn sách hữu dụng để hiểu rõ về phương diện pháp lý sự xử án Chúa Giê-su là "*Rô-maan Society and Rô-maan Law in the NT.*" của ông A. N. Sherwin-White Xem, Sanhedrin, 4:1)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIẢNG 18:1-11

¹Sau khi cầu nguyện, Đức Chúa Jêsus đi với các môn đồ sang bên kia suối Kết-rôn; tại đó có một khu vườn, Ngài cùng các môn đồ đi vào đó. ²Giu-đa, kẻ phản Ngài, cũng biết chỗ này vì Đức Chúa Jêsus và các môn đồ thường nhóm họp tại đây. ³Vậy, Giu-đa dẫn một toán lính cùng với thuộc hạ của các thầy tế lễ cả và người Pha-ri-si đến đó, cầm đèn, đuốc và vũ khí. ⁴Đức Chúa Jêsus biết tất cả những gì sẽ xảy đến cho mình, nên bước tới và hỏi: "Các người tìm ai?" ⁵Họ đáp: "Jêsus, người Na-xa-rét." Đức Chúa Jêsus nói: "Chính Ta đây!" Giu-đa, kẻ phản Ngài, cũng đứng đó với họ. ⁶Khi Đức Chúa Jêsus nói: "Chính Ta đây" thì họ đều lùi lại và ngã xuống đất. ⁷Ngài lại hỏi: "Các người tìm ai?" Họ đáp: "Jêsus, người Na-xa-rét." ⁸Đức Chúa Jêsus nói: "Ta đã bảo các người, chính Ta đây. Vậy, nếu các người tìm bắt Ta thì hãy để cho những người này đi." ⁹Điều này ứng nghiệm lời Ngài đã nói: "Con không để mất một ai trong những người Cha đã ban cho Con." ¹⁰Si-môn Phi-e-rơ có một thanh gươm, liền rút ra, đánh đầy tớ của thầy tế lễ thượng phẩm, chém đứt tai phải của người này. Đầy tớ đó tên là Man-chu. ¹¹Đức Chúa Jêsus bảo Phi-e-rơ: "Hãy nạp gươm của con vào vỏ! Chén mà Cha đã ban cho Ta, Ta lại không uống sao?"

18:1 "suối Kết-rôn" Thuật ngữ suối có nghĩa là con suối mùa đông. Tên Kết-rôn theo (BDB 871) có nghĩa là (1) 'các cây sồi' hoặc (2) 'màu đen'. Có thể đây là con suối khô cạn vào mùa hè trung đầy nước vào mùa đông. Có thể màu đen do huyết của các con sinh tế chảy xuống từ trên núi Mô-ri-a. Địa điểm này nằm giữa ngọn Núi Đền thờ và núi Ô-li-vê. (Xem LXX 2 Samuel 15:23; 2 Các Vua. 23:4,6,12; 2 Các Vua 15:16; 29:16; 30:14; Giê-rê-mi 31:40).

Tên suối trong các nguyên bản Hy-lạp khác nhau như sau :

1. "Các cây sồi" (số nhiều) (*kedrōn*) trong MSS κ^c , B, C, L và vài bản uncial manuscripts
2. "Cây Sồi" (*kedrou*) (số ít) trong MSS κ^* , D, and W
3. "Kedron" (*kedrōn*) trong MSS A and S

Liên Hội Thánh Kinh *United Bible Society's* phiên bản thứ tư sử dụng khả năng thứ ba: Kedron.

▣ **"một khu vườn"** Chương này bỏ qua sự thương khó trong vườn Ghết-sê-ma-nê, nhưng xác nhận sự xảy ra trong một khu vườn. Đây là địa điểm Chúa Giê-su thường thích đến (Xem Giăng 18:2; Lu-ca 22:39). Chúa Giê-su ngủ tại đây trong tuần cuối cùng trước Thập Tự Giá. (Xem Lu-ca 21:37).

Vườn tược không được phép có ở trong thành Giê-ru-sa-lem bởi phân bón làm thành phố ô uế. Những người giàu có vườn nho, vườn trái cây trên sườn núi Ô-li-vê.

18:2 đây là lời bình luận của Giăng.

▣ **"Giu-đa"** Có nhiều giả thiết về Giu-đa và động cơ của ông. Trong cuốn phim *Jesus Christ Superstar*, Giu-đa được coi như người trung kiên nhưng thất vọng, vì muốn đặt Chúa vào địa vị Đấng Mê-si-a theo Cựu-ước với sứ mạng lật đổ chính quyền La-mã. Còn Giăng mô tả Giu-đa như một người tham lam và bị điều khiển bởi ma quỷ. (Xem Giăng 6:70-71; 12:4; 13:2,26,27; 18:2,3,

Nan đề thần học ở đây là sự mâu thuẫn giữa quyền tể trị của Chúa và quyền tự do lựa chọn của con người. Phải chăng Đức Chúa Trời, hoặc Chúa Giê-su lèo lái Giu-đa? Giu-đa có trách nhiệm gì không khi bị ma quỷ làm chủ? hay bị Chúa định đoạt số phận? Kinh thánh không trực tiếp đã động vấn đề này. Đức Chúa Trời làm chủ lịch sử, Ngài biết rõ mọi việc sẽ xảy ra trong tương lai. Con người phải nhận trách nhiệm trong sự tự do lựa chọn. Đức Chúa Trời không lèo lái nhưng đôi xử công bằng.

Có một cuốn sách mới nói tìm cách bảo vệ Giu-đa "*Judas: Betrayer or Friend of Jesus?* by William Klassen, Fortress Press, 1996. Tôi không đồng ý với tác giả vì ông xem nhẹ lời chứng của Giăng, Tuy nhiên cuốn sách này cũng có những ý hay khiến người đọc suy nghĩ.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-xu là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời "vâng" của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiên định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lờ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mối liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dây ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý (Một Đức Chúa Trời cách biệt và một Đức Chúa Trời gần gũi, ví dụ sự cứu rỗi chắc chắn và sự trung kiên; Chúa Jê-sus ngang bằng với Đức Chúa Cha và Chúa Jê-sus chịu phục Đức Chúa Cha; sự tự do của Cơ đốc nhân và trách nhiệm của Cơ

độc nhân đối với người bạn theo giao ước...vân vân...).

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

18:3

NASB "một đội quân La-mã"

NKJV "một đơn vị"

NRSV "mộ đội lính"

TEV "một nhóm lính La-mã"

NJB "một đội quân"

Đây nói về một đơn vị trong quân đội La-mã, bằng khoảng 1/10 quân đoàn đóng quân tại thành trì Antonio gần Đền Thánh. (Xem Công vụ 21:31,33). Đơn vị này có đến 600 lính, một nhóm quá đông cho việc bắt Chúa. Người La-mã thường chuẩn bị tối đa chống nổi dậy trong những ngày Lễ nên họ cẩn thận chuyển quân lính từ Sê-sa-rê gần bờ biển tới thủ đô Giê-ru-sa-lem. Người La-mã tham gia xử tội Giê-su bởi người Do Thái muốn đóng đinh Chúa - một sự kiện kéo dài vài ngày và chỉ có thể thực hiện nếu được phép và được cộng tác bởi chính quyền La-mã.

▣ **"một toán lính "** Nói về cảnh vệ đền thờ, người Do-thái. Họ đi cùng với lính La-mã. Nhóm này đã thất bại trong việc bắt Chúa lần đầu tiên (Xem Giăng 7:32,45).

▣ **"vũ khí"** Gươm giáo được mang bởi lính La-mã và gậy gộc được mang bởi cảnh vệ đền thờ. (Xem Ma-thi-ơ 26:43; Mác 14:43; Lu-ca 22:52).

18:4 "Đức Chúa Jêsus biết tất cả những gì sẽ xảy đến cho mình" Đây là sự nhấn mạnh về việc Chúa Giê-su làm chủ tình huống, Ngài biết trước và cho phép sự bắt, xử và đóng đinh Ngài. (Xem Giăng 10:11,15,17,18). Không phải Chúa bị đóng đinh một cách tình cờ (Xem Mác 10:45; Công vụ 2:23; 3:18; 4:28). Chủ đề này mang tính đặc thù của Phúc Âm Giăng và giải thích vì sao chi tiết sự thương khó của Chúa trong vườn Ghết-sê-ma-nê không được nhắc đến.

18:5

NASB, NJB "Giê-su người Na-xa-rin"

NKJV, NRSV,

TEV "Giê-su người Na-rét"

Có một số tranh luận về thuật ngữ xác định Chúa Giê-su: (1) Na-xa-rin, (2) Na-xi-rê .(Xem Dân số Ký 6) hay (3) người từ thành phố Na-xa-rét (Xem Ma-thi-ơ 2:23). Khả năng thứ ba có vẻ hợp lý hơn. Có người liên hệ các âm ‘NZR’ trong tiếng Hê-bơ-rơ với 'cái Chôi', một danh hiệu Đấng Mê-si-a (*nezer*, Xem Ê-sai 11:1; 14:19; 60:21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIÊ-SU NA-XA-RET (JESUS THE NAZARENE)

Có vài thuật ngữ tiếng Hy-lạp trong Tân-ước nói về Chúa Giê-su

A. Thuật ngữ Tân-ước:

1. Na-xa-rét Nazareth – một thành phố xứ Ga-li-lê (xem Lu-ca 1:26; 2:4,39,51; 4:16; Công vụ 10:38). Thành này không được nhắc tới trong các nguồn thông tin đương thời, nhưng được phát hiện qua các đồ họa điêu khắc. sau này. Câu nói Giê-su từ Na-xa-rét không phải là lời ca tụng (Giăng 1:46), và bảng Phi-lát làm để treo trên cây thập tự thể hiện sự khinh miệt của người Do-thái.
2. *Nazarēnos* – nói về địa danh (Xem Lu-ca 4:34; 24:19).
3. *Nazōraios* – Nói về thành Na-xa-rét, nhưng cũng là cách chơi chữ với thuật ngữ "Cái Chòi" trong tiếng Hê-bơ-ơ) - một danh hiệu của Đấng Mê-si-a (*netzer*, BDB 666, Xem Ê-sai. 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi. 23:5 (BDB 855); 33:15; Xa-cha-ri. 3:8; 6:12; trong Tân Ước: Khải Huyền. 22:16). Lu-ca uses this of Jesus in 18:37 Công vụ 2:22; 3:6; 4:10; 6:14; 22:8; 24:5; 26:9.
4. Liên hệ tới #3 *nāzir* (BDB 634), Có nghĩa "biệt thánh bằng lời thề nguyện"

B. Những cách sử dụng thuật ngữ Na-xa-ren bên ngoài Tân-ước trong lịch sử..

1. Nói về một nhóm tà giáo Do-thái trước Cơ-đốc Giáo, (trong tiếng A-ra-ma: *nāsōrayyā*).
2. Người Do-thái dùng từ này nói về những người theo Chúa. (xem Công vụ 24:5,14; 28:22, *nosri*).
3. Nói về nhóm tín hữu ở Sy-ria trong tiếng A-ra-ma, trong khi thuật ngữ Cơ-đốc (người theo Đấng Christ) được dùng trong tiếng Hy-lạp. .
4. Sau khi thành Giê-ru-sa-lem bị phá hủy, có một hội đồng người Pha-rai-si tại Jamnia thiết lập sự tách rời nhà hội (Do-thái giáo) và hội thánh (Cơ-đốc giáo). Trong 18 câu trong phần kết luận có lời nguyện rửa tín hữu Cơ-đốc giáo với tư cách là những người Na-xa-en như sau (Berakoth 28b-29a)
"Nguyện những người Na-xa-ren và dị giáo biến đi trong khoảng khắc này, và bị xóa tên trong sách sự sống, và không bao giờ được ghi nhận trong hàng ngũ những người trung tín."
5. Được sử dụng bởi Justin Martyr, *Dial.* 126:1, là người dùng thuật ngữ trong Ê-sai những *netzer* của Chúa Giê-su.

C. Ý kiến riêng của tác giả

Tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy có nhiều cách đánh vần của thuật ngữ này, mặc dầu không hiếm gặp trong Cựu-ước. Ví dụ như cách đánh vần tên "Giô-suê" trong tiếng Hê-bơ-ơ. Những ý nghĩa sau đây khiến tôi không dám chắc đâu là ý nghĩa thực

1. Sự gần gũi với danh của Đấng Mê-si-a "Cái Chòi" (*netzer*) và "người biệt thánh bởi lời hứa nguyện (*nāzir*)
2. Sự miệt thị của dân ngoại đối với xứ Ga-li-lê
3. Rất ít hoặc không có thông tin đương thời về thành Na-xa-rét.
4. Xuất phát từ miệng của tà linh trong ý nghĩa ngày tận thế " Mác 1:24 " Jêsus người Na-xa-rét ơi, việc của chúng tôi liên can gì đến Ngài? Ngài đến để diệt chúng tôi sao?"

Có thể tham khảo thêm về thuật ngữ này qua cuốn *New International Dictionary of New Testament Theology*, vol. 2, p. 346 của Colin Brown (ed.), hoặc *Birth of the Messiah*, pp. 209-213, 223-225 của Raymond E. Brown,

▣ **"Chính Ta đây"** Trong nguyên bản: "Ta Là" - động từ tự xưng trong tiếng Hê-bơ-ơ, xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Tên của thần Linh**), ở câu 6:20, mà người do-thái liên hệ với Giê-hô-va, Đức Chúa Trời theo giao Ước. (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 3:14 and Ê-sai 41:4). Chúa Giê-su tuyên bố về địa vị Thần Thánh của mình, (*ego eimi*) tương tự như trong các câu Giăng 4:26; 8:24, 28, 58 and 13:19. Nó được nhắc lại 3 lần với mục đích nhấn mạnh, tuy nhiên về cấu trúc ngữ pháp, ở đây có sự khác biệt so với các trường hợp tuyên bố "Ta Là" nổi tiếng khác của Chúa Giê-su.

▣ **"Giu-đa, kẻ phản Ngài, cũng đứng đó với họ"** Đây là lời bình luận của Giăng, với tư cách chứng nhân.

18:6 "họ đều lùi lại và ngã xuống đất" Giảng ghi chép điều này để nhấn mạnh sự năng động trong bản tính và sự hiện diện của Chúa Giê-su.

Điều này không có nghĩa họ cúi đầu kính trọng nhưng run sợ.

18:7 "Ngài lại hỏi: "Các người tìm ai" Có thể Chúa tìm cách hướng sự chú ý về mình, thay vì về các môn đồ. như được mô tả trong ngữ cảnh câu 18:8.

18:8 "nếu" - thể điều kiện hạng nhất: giả thiết một sự thật: họ tìm kiếm Chúa.

▣ **"hãy để cho những người này đi"** - mệnh lệnh thức, chủ động, thì quá khứ, Điều này ứng nghiệm tiên tri Xa-cha-ri. 13:7 (Xem Ma-thi-ơ 26:31; Giảng 16:32).

18:9 "Điều này ứng nghiệm lời Ngài đã nói" - hình như "lời Ngài đã nói" ở trong câu Giảng 17:12 liên hệ tới câu Giảng 16:32

18:10 "Si-môn Phi-e-rơ có một thanh gươm, liền rút ra, đánh đầy tó của thầy tế lễ thượng phẩm, chém đứt tai phải của người này" Phi-e-rơ không nhắm vào tai, nhưng vào đầu người bị chém - chứng tỏ ông sẵn sàng chết vì Chúa. Tuy nhiên, hành động của ông xuất phát từ sự hiểu lầm lời của Chúa trong câu Lu-ca 22:36-38. Lu-ca 22:51 cho chúng ta biết Chúa Giê-su chữa lành tai người bị chém bằng cách sờ tay.

▣ **"Đầy tó đó tên là Man-chu"** Giảng là người duy nhất nhắc đến tên người bị chém, điều này chứng tỏ ông có mặt trong khu vườn và là nhân chứng tận mắt,

18:11 "Chén" là ẩn dụ dùng trong Cựu-ước, về số phận một con người, thường mang ý nghĩa tiêu cực. (Xem Thi-thiên 11:6; 60:3; 75:8; Ê-sai 51:17, 22; Giê-rê-mi 25:15,16,27-28).

Cấu trúc ngữ pháp của câu hỏi trông đợi sự đồng ý từ người nghe. Phi-e-rơ hành động như một người tự tin, cho rằng mình luôn biết những gì nên làm. (Xem Ma-thi-ơ 16:22; Giảng 13:8).

Sự sử dụng thuật ngữ 'chén' trong Giảng khác với sự sử dụng 'chén' trong các Phúc âm Đồng Quan: Giảng muốn trình bày chúa Giê-su hoàn toàn làm chủ sự kiện, tự tin và không kinh hãi. (Xem Giảng 18:4; 13:1,11)!

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIẢNG 18:12-14

¹²Lúc ấy, binh lính với viên chỉ huy và các thuộc hạ của người Do Thái bắt Đức Chúa Jê-sus và trói lại. ¹³Trước hết, họ giải Ngài đến An-ne, vì ông là nhạc gia của Cai-phe, người đang làm thầy tế lễ thượng phẩm trong năm đó. ¹⁴Chính Cai-phe là người đã bàn với người Do Thái rằng: "Thà để một người chết vì toàn dân thì vẫn hơn."

18:12

NASB"một đội quân La-mã và chỉ huy trưởng"

NKJV"một chi đội và đội trưởng"

NRSV"các binh sỹ và sỹ quan"

TEV"các binh sỹ La-mã và sỹ quan chỉ huy"

NJB"một đội quân và quan hộ dân"

Thuật ngữ liên hệ tới quân đội La-mã cho biết số binh sỹ tham gia:.

1. một đội quân thường bao gồm 600 lính (Xem Giảng 18:3)

2. một sỹ quan (*chiliarch*, i.e., Công vụ 21:31; 22:24; 23:10; 24:7) chỉ huy một đoàn quân 1000 lính

Không thể biết rõ bao nhiêu lính đến bắt Chúa Giê-su, Thường ở Pa-lét-xtin, một sỹ quan chỉ huy một toán lính nhỏ

▣ **"trói lại."** Không có nghĩa họ sợ Chúa Giê-su, nhưng chẳng qua đây là thường lệ việc bắt trói (Xem Giảng 18:24).

18:13 "Trước hết, họ giải Ngài đến An-ne" Có nhiều sự tranh cãi về thứ tự phán xử. Các Phúc Âm Đồng Quan không nói về việc gặp An-ne, Giảng 18:24 coi việc gặp An-ne là ghi chú ngoài lề, Nhưng đây là phần không thể thiếu được trong câu chuyện phán xử Chúa Giê-su theo Phúc Âm Đồng Quan (Xem Ma-thi-ơ 26:57; Mác 14:53).

Trong Cựu-ước, chức vụ Thầy thượng Tế kéo dài cả một đời người và người mang chức vụ ấy phải có liên hệ trực tiếp trong gia phả với A-rôn. Tuy nhiên chính quyền La-mã đã biến chức vụ này thành món hàng béo bở, được mua bởi một gia đình Lê-vi. Thầy Thượng Tế cai quản việc mua bán trong Sân Cửa Phụ Nữ. Việc Chúa Giê-su dọn sạch Đền Thờ khiến gia đình này nổi giận.

Theo sử gia Flavius Josephus, An-ne là Thầy Thượng Tế từ 6-14 S.C.N, được bổ nhiệm bởi Quirinius, Thống Đốc vùng Sy-ria, sau bị loại bỏ bởi Valerius Gratus. Cai-phê là con rể của An-ne (Xem Giảng 18:13) là người nối tiếp ngay sau An-ne (18-36 S.C.N) và sau đó 5 con trai và 1 cháu nội của An-nê tiếp tục chức vụ này. An-ne là người có quyền hành nhất và được mô tả là người tra hỏi Chúa Giê-su đầu tiên. (Xem Giảng 18:13,19-22).

18:14 Đây lại là lời bình luận nhân chứng của Giảng. giống như trong Giảng 18:15 and 18.

▣ **"Cai-phe"** Giảng đặt biệt để ý tới Cai-phê vì ông vô tình tiên tri về sự chết của Chúa Giê-su. (Xem Giảng 11:50). Ông là con rể của An-ne và là Thầy thượng Tế từ năm 18-36 S.C.N. Xem ghi chú Giảng 11:49.

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIẢNG 18:15-18

¹⁵Si-môn Phi-e-rơ và một môn đồ khác đi theo Đức Chúa Jê-sus. Môn đồ này quen biết thầy tế lễ thượng phẩm, nên vào với Đức Chúa Jê-sus trong sân của thầy tế lễ thượng phẩm. ¹⁶Còn Phi-e-rơ thì đứng bên ngoài, gần cửa. Vì vậy, môn đồ kia, người quen biết thầy tế lễ thượng phẩm, đi ra nói với người phụ nữ canh cửa, rồi đem Phi-e-rơ vào. ¹⁷Người phụ nữ canh cửa nói với Phi-e-rơ: "Chẳng phải ông cũng là một trong các môn đồ của người ấy sao?" Phi-e-rơ đáp: "Không phải tôi." ¹⁸Vì trời lạnh nên các dây tó và các thuộc hạ nhóm một đống lửa than, rồi đứng sưởi ấm. Phi-e-rơ cũng đứng sưởi với họ.

18:15 "Si-môn Phi-e-rơ và một môn đồ khác đi theo Đức Chúa Jê-sus" Có nhiều sự tranh luận về nhân dạng của 'một môn đồ khác'.

1. Các giả thiết truyền thống cho đây là Sứ Đồ Giảng, bởi đây là câu thường dùng để miêu tả về ông, như trong Giảng 20:2, 3, 4, and 8. Cũng có thể trong mối liên hệ với Giảng 19:25, mà chúng ta biết được mẹ ông có thể là chị em với Ma-ri. Nếu vậy, ông cũng là người Lê-vi, và thuộc hàng thầy tế lễ (Xem lời chứng của Polycarp's).
2. Cũng có thể 'môn đồ khác' là một người địa phương không tên giống như Ni-cô-đem hoặc Giô-phép từ A-ri-ma-thê, có liên hệ với Thầy Thượng Tế và gia đình ông. (Xem Giảng 18:15-16).

▣ **"Môn đồ này quen biết thầy tế lễ thượng phẩm"**. 'Quen biết' - Đây là một thuật ngữ rất mạnh mẽ, đồng nghĩa với từ 'bạn thân' (Xem Lu-ca 2:44 and 23:49). nếu người này là Giảng, có thể mối liên hệ này đến từ nghề đánh cá và việc thường xuyên đem cá lên Giê-ru-sa-lem để bán.

18:17 "Người phụ nữ canh cửa nói với Phi-e-rơ: "Chẳng phải ông cũng là một trong các môn đồ của người ấy sao?" Cấu trúc câu hỏi cũng giống như trong Giảng 18:25, trông đợi câu trả lời "không" từ người

nghe. Câu hỏi cũng thể hiện sự miệt thị của những người ngoại đạo. Người phụ nữ này hỏi vì (1) biết về mối liên hệ của Phi-ê-rơ, hoặc (2) Phi-ê-rơ có giọng nói vùng Ga-li-lê.

☐ **"Không phải tôi."** Phi-ê-rơ có thể sẵn lòng hy sinh vì Chúa, nhưng chưa thể nói thật với một đày tớ gái. Trong các Phúc Âm Đồng Quan, ba lần từ chối được sắp xếp cùng nhau, nhưng trong Phúc Âm Giăng, ba lần từ chối được tách riêng bởi các lần tra hỏi của An-ne (Xem Giăng 18:24).

Câu nói "Tôi là" của Phi-ê-rơ hoàn toàn trái ngược với câu nói "Ta Là" của Chúa Giê-su (Xem Giăng 18:5).

18:18 Câu chuyện này được tường thuật với những chi tiết cụ thể của người làm chứng tận mắt Cả hai câu Giăng 18:18 and 25 ở trong cách nói vòng thế chưa hoàn thành.

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIĂNG 18:19-24

¹⁹Thầy tế lễ thượng phẩm hỏi Đức Chúa Jê-sus về các môn đồ và sự dạy dỗ của Ngài. ²⁰Đức Chúa Jê-sus đáp: "Ta đã nói rõ cho thiên hạ. Ta thường xuyên dạy trong các nhà hội và đền thờ, nơi tất cả người Do Thái tụ họp, chứ Ta chẳng nói điều gì lén lút cả. ²¹Sao ngươi lại chất vấn Ta? Cứ hỏi những người đã nghe Ta, xem Ta đã nói gì với họ. Những người đó biết những điều Ta đã nói." ²²Khi Ngài vừa nói xong, một kẻ trong nhóm thuộc hạ đang đứng đó lấy tay tát vào mặt Ngài và nói: "Ngươi dám trả lời thầy tế lễ thượng phẩm như thế sao?" ²³Đức Chúa Jê-sus đáp: "Nếu Ta nói sai, hãy chỉ ra chỗ sai đi; còn nếu Ta nói đúng, tại sao ngươi lại đánh Ta?" ²⁴An-ne sai giải Đức Chúa Jê-sus vẫn đang bị trói đến thầy tế lễ thượng phẩm Cai-phe.

18:19 "Thầy tế lễ thượng phẩm hỏi Đức Chúa Jê-sus về các môn đồ và sự dạy dỗ của Ngài" Thầy Tế lễ Thượng Phẩm ở đây là An-ne, không phải là Cai-phê. Ông là người có quyền hành, cầm nắm chức vụ từ năm 6 đến 15 S.C.N. Ông được nói quyền bởi con rể là Ca-phê, và sau đó 5 con trai và cháu nội. An-ne nắm quyền thương mại tại Đền Thờ nên dĩ nhiên sốt ruột muốn tra hỏi việc Chúa Giê-su dọn dẹp Đền Thành (hai lần)

Điều thú vị là An-ne cũng quan tâm đến các môn đồ của Chúa Giê-su và giáo huấn của Ngài.

18:20 Chắc chắn Chúa Giê-su dạy giỗ nơi công cộng, tuy nhiên nhiều điều Chúa dạy (qua ngụ ngôn) được giấu khỏi tâm trí mọi người. (Xem Mác 4:10-12). Nan đề là sự mù lòa tâm linh của người nghe.

Giáo huấn và phương cách giảng dạy của Chúa Giê-su trong Giăng khác với trong Phúc Âm Đồng Quan. Phúc âm Đồng quan không chứa đựng các tuyên bố "Ta Là", nhưng lại có các ngụ ngôn, Còn giảng thì ngược lại. Đối với bản thân tôi, dường như các Phúc Âm Đồng Quan nhấn mạnh sự giảng dạy nơi công cộng, còn Giăng nhấn mạnh các cuộc hội thoại cá nhân.

18:21 "Sao ngươi lại chất vấn Ta" Trong Giăng 18:20 Chúa Giê-su xác nhận tính công cộng của chức vụ giảng dạy của mình. Ngài chỉ ra An-ne không có quyền chất vấn Chúa theo luật pháp Do-thái và sự hiểu biết xã hội.

18:22 "một kẻ trong nhóm thuộc hạ đang đứng đó lấy tay tát vào mặt Ngài và nói:" Thuật ngữ 'tát' có nghĩa đập, hoặc đánh bằng cây gậy, đánh bằng bàn tay mở ra. Sự việc này gợi ý tới câu Ê-sai 50:6. Chúa Giê-su khẳng định việc đánh Ngài một cách vô lý, nếu Chúa làm điều sai trái thì phán xét Ngài, nếu không thì vì sao Ngài bị đánh?

18:23 "Nếu Ta sai... Nếu Ta đúng..." Cả hai ở trong thể điều kiện hạng nhất, tức là giả thiết đây là sự thật theo cách nhìn của người nói, hoặc theo mục đích văn chương của tác giả. Chứ nếu dân tiên là phương cách văn chương nhấn mạnh thực tại sai lầm. Chúa Giê-su thách đố An-ne đem ra các bằng chứng tụng Chúa.

18:24 Thứ tự toà án trong Giăng được xếp đặt ngược lại so với Phúc Âm Đồng quan.

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIẢNG 18:25-27

²⁵ Lúc Phi-e-rơ còn đang đứng sưởi, họ hỏi ông: “Anh cũng là một trong số các môn đồ của ông ta phải không?” Phi-e-rơ chối và trả lời: “Không phải tôi.” ²⁶ Một người trong các đầy tớ của thầy tế lễ thượng phẩm, có họ hàng với người đã bị Phi-e-rơ chém đứt tai, nói: “Chẳng phải chính tôi đã thấy anh ở trong vườn với ông ta sao?” ²⁷ Phi-e-rơ lại chối một lần nữa, tức thì gà gáy.

18:26 "Một người trong các đầy tớ của thầy tế lễ thượng phẩm, có họ hàng với người đã bị Phi-e-rơ chém đứt tai, nói" Ở đây có những sự bất đồng về ai là người hỏi Phi-ê-rơ:

1. Trong Mác, người đầy tớ gái hỏi câu đầu tiên (Xem Mác 14:69)
2. Trong Ma-thi-ơ có một đầy tớ gái khác (Xem Ma-thi-ơ 26:71)
3. Trong Lu-ca 22:58 là một người đàn ông
4. Trong Giảng một đầy tớ của Thầy Thượng Tế.

Bối cảnh cho thấy bên cạnh đồng lứa có một người hỏi và những người khác hỏi ủa theo. (Xem Giảng 18:18).

18:26 "Chẳng phải chính tôi đã thấy anh ở trong vườn với ông ta sao?" Khác với hai câu hỏi đầu tiên trong Giảng 18:17 và 25, cấu trúc ngữ pháp câu hỏi trông chờ câu trả lời ‘phải’ từ người nghe.

18:27 "Phi-e-rơ lại chối một lần nữa, tức thì gà gáy" Từ Mác 14:71 và Ma-thi-ơ 26:74 chúng ta biết Phi-ê-rơ từ chối bằng những lời nguyên rủa và thề thốt.

▣ **"tức thì gà gáy"** Theo thời gian biểu của cả bốn Phúc Âm thì tiếng gà gáy xảy ra lúc nửa đêm tới 3 giờ sáng. Bởi người Do-thái không được phép nuôi gia cầm trong thành Giê-ru-sa-lem nên con gà trống này phải là gà của người La Mã.

Lu-ca 22:61 khẳng định Chúa Giê-su nhìn Phi-ê-rơ ở thời điểm này. Có giả thiết rằng An-ne và Cai-phê sống chung trong một tòa nhà những người lính gác chuyển Chúa từ cuộc gặp gỡ An-ne sang gặp gỡ Cai-phê và hội đồng Công Luận. Ở thời điểm này Chúa Giê-su nhìn vào Phi-ê-rơ. Đây toàn là những điều phỏng đoán, vì chúng ta không có đủ dữ liệu về những sự kiện xảy ra trong đêm Chúa bị phán xét.

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIẢNG 18:28-32

²⁸ Vậy, họ giải Đức Chúa Jê-sus từ nhà Cai-phê đến dinh tổng đốc. Lúc ấy vào buổi sáng sớm. Chính họ không vào trong dinh, để khỏi bị ô uế, và được ăn lễ Vượt Qua. ²⁹ Vì thế, Phi-lát đi ra, đến với họ và nói: “Các ngươi tố cáo người này về việc gì?” ³⁰ Họ trả lời: “Nếu người này không phải là kẻ làm ác thì chúng tôi không nộp cho quan.” ³¹ Phi-lát nói với họ: “Các ngươi cứ đem ông ta đi và xử theo luật của các ngươi.” Người Do Thái thưa: “Chúng tôi không được phép xử tử bất cứ ai.” ³² Điều này ứng nghiệm lời Đức Chúa Jê-sus đã nói, khi đề cập đến việc Ngài phải chết cách nào

18:28

NASB, NKJV,
JB"đền trường án"
NRSV"to trụ sở của Phi-lát"
TEV"dinh thống đốc"

Đây là thuật ngữ La-tin nói về dinh thự của quan thống đốc La-mã khi thăm viếng Giê-ru-sa-lem. Cũng có thể là thành trì Antonio, ngay sát bên Đền thánh hay dinh Vua Hê-rốt Đại đế.

Chủ Đề Đặc Biệt: Cảnh Vệ Trường An

Thuật ngữ nguyên bản ‘praetorian’, nói về ‘lều trại’ của vị tướng La-mã (praetor), nhưng sau thời thống trị La-mã được dùng nói về trụ sở chỉ huy của quan chức, tướng lãnh (xerm Ma-thi-ơ 27:27; Giăng 18:28,33; 19:9; Công vụ 23:35).

Tuy nhiên trong thế kỷ đầu tiên ‘praetorian’ nói về các sỹ quan hoàng gia. Họ xuất hiện từ thời Hoàng Đế Augustus, và được biệt phái trong thời Hoàng Đế Tiberius.

1. Họ có cùng một cấp bậc: Centurion
2. Họ được trả lương gấp đôi
3. Họ có nhiều đặc quyền
4. Họ trở nên hùng mạnh, nên tất cả mọi ước nguyện của họ vì Hoàng đế luôn được tôn trọng.

Hoàng Đế Constantin cuối cùng loại bỏ nhóm quan chức hùng mạnh này

Copyright © 2013 [Bible Lessons International](#)

▣ **"Lúc ấy vào buổi sáng sớm."** Chúng ta biết qua những ghi chép lịch sử rằng tòa án La-mã ở xứ Pa-lét-xtin bắt đầu từ sáng sớm. Đứng ra, ngay từ sáng sớm nhân viên tòa công luận Sanhedrin đã họp và công bố những gì ‘có vẻ đáng tin và hợp lệ’ từ tòa án bất hợp lệ trong đêm trước. Ngay sau đó họ dẫn Chúa Giê-su tới Phi-lát

▣ **"Chính họ không vào trong dinh, để khỏi bị ô uế,"** Khi vào trong dinh thự của dân ngoại, người Do-thái sẽ bị coi là ô uế, không được phép ăn chiên con của Lễ Vượt Qua. Thật trớ trêu, họ quá quan tâm đến những lễ nghi, nhưng không day dứt lương tâm khi phán xử tử hình một người lương thiện.

Câu này là trung tâm tranh cãi về sự khác biệt giữa các Phúc Âm Đồng Quan và Giăng. Các Phúc âm Đồng Quan khẳng định Chúa Giê-su ăn lễ Vượt Qua cùng các môn đồ, (Xem Ma-thi-ơ 26:17; Mác 14:12; Lu-ca 22:1), còn Giăng khẳng định bữa tiệc cuối cùng xảy ra một ngày trước đó, ngày thứ năm, còn được gọi là Ngày Chuẩn Bị, một ngày trước Lễ Vượt Qua theo truyền thống. Một nhà thần học Công giáo Raymond Brown có lời bình luận như sau trong cuốn *JeRô-mae Biblical Commentary*:

"về góc độ lịch sử, nếu trình tự thời gian của các sự kiện được chọn từ trong các Phúc Âm Đồng Quan thay vì chọn từ Phúc Âm Giăng, thì sự tương trình của các nhân chứng, là những người biết rõ Phúc Âm Đồng Quan, có thể gây nên những trở ngại không thể giải thích được. Nhưng nếu chúng ta chấp nhận sự làm chứng của Giăng gần gũi hơn những gì được trình bày trong các Phúc Âm Đồng Quan, đoạn văn sẽ trở nên dễ hiểu hơn." (p. 458).

Theo tôi, có thể có hai dịp cử hành lễ Vượt Qua, vào ngày thứ Năm, và ngày Thứ Sáu. Cũng còn có một nan đề nữa là Lễ Vượt Qua có thể là một ngày, hoặc 8 ngày (Lễ Vượt Qua kết hợp với Lễ Bánh Không Men) Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký 12).

▣ **"được ăn lễ Vượt Qua"** Vẫn còn nan đề với thời điểm ăn Lễ Vượt Qua. Các Phúc Âm Đồng Quan gợi ý đây chính là Lễ Vượt Qua, còn Phúc Âm Giăng khẳng định đây là ngày trước Lễ Vượt Qua chính thức. (Xem Giăng 19:14 và 28. Câu trả lời có thể là

1. Thuật ngữ ‘Lễ Vượt Qua’ có thể bao gồm ‘một tuần’, một bữa tiệc’ hoặc một ngày Sa-bát.
2. Một số nhóm Biệt Phái Do-thái (ví dụ nhóm khô hạnh Essenes) sử dụng lịch Mặt Trăng theo sách Jubilee trong giai đoạn giữa Cựu-ước và Tân-ước.
3. Giăng trình bày hai ý nghĩa của Chiên: chiên của Lễ Vượt Qua và Chiên của Đức Chúa Trời là Chúa Giê-su, (1:29), bị giết trong ngày trước Lễ Vượt Qua.

18:29 Đức Chúa Trời tận dụng nhân vật Phi-lát giống như Ngài đã tận dụng Pha-ra-ôn trong Xuất Ê-gíp-tô Ký. Phi-lát được bổ nhiệm làm quan tổng trấn bởi Hoàng Đế Tiberius năm 26 S.C.N. Ông thay thế Valerius Gratus (là người loại bỏ An-ne với tư cách thầy Thượng Tế). Pô-tus Phi-lát là quan tổng trấn thứ năm, thống trị vương quốc của Achelaus (Con trai vua bù nhìn Hê-rôt đại đế) bao gồm xứ Giu-đê, Sa-ma-ri, Gaza và Biển Chết. Hầu hết các thông tin về Phi-lát đến từ văn tự của sử gia Josephus.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BÔN-XƠ PHI-LÁT

I. Thân thế

- A. Không biết năm sinh và quê quán
- B. Thuộc binh chủng kỵ binh (giai cấp thượng lưu trong xã hội La mã)
- C. Có gia đình nhưng không có con
- D. Không biết những chức vụ đảm nhiệm trước đó (chắc hẳn phải có)

II. Nhân cách

A. Hai quan điểm khác biệt

- 1. Phi-lípô (*Legatio and Gaium*, trang 299-305) và Giô-se-phút (*Antiq.* 18.3.1 và *Jewish Wars* 2.9.2-4) mô tả ông là nhà độc tài độc ác và tàn nhẫn.
- 2. Tân ước (các sách Phúc âm và sách Công-vụ) mô tả ông là một vị quan La mã nhu nhược và dễ bị thao túng

B. Paul Barnett, trong *Jesus and the Rise of Early Christianity*, trang 143-148 trình bày một giải thích hợp lý cho hai quan điểm trên.

- 1. Phi-lát được bổ nhiệm vào năm 26 sau Chúa dưới triều đại vua Tiberius là một người ủng hộ người Do thái (xem Phi-lípô, *Legatio and Gaium*, trang 160-161), nhưng do Sejanus một cố vấn chống người Do thái của vua Tiberius bổ nhiệm.
- 2. Vua Tiberius mất nhiều quyền lực chính trị vào tay L. Aelius Sejanus, vị quan này mới chính là người nắm quyền thực sự sau hậu trường, ông là người ghét người Do thái (Phi-lípô, *Legatio and Gaium*, trang 159-160).
- 3. Phi-lát là người được Sejanus đỡ đầu và đã cố gắng tạo ấn tượng tốt với Sejanus bằng việc:
 - a. Áp đặt những tiêu chuẩn La mã cho thành Giê-ru-sa-lem (năm 26 sau Chúa), điều mà những vị quan khác không thi hành. Những biểu tượng của các vị thần La mã đã khiến những người Do thái nổi giận (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18:31; *Jewish Wars* 2.9.2-3).
 - b. Đúc tiền (năm 29-31 sau Chúa) mà trên đó có khắc những biểu tượng của sự thờ lạy La mã. Giô-se-phút cho biết Phi-lát có chủ ý cố gắng thay đổi những phong tục và luật lệ của người Do thái (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.4.1-2).
 - c. Trưng dụng tiền từ ngân quỹ Đền thờ để xây cất hệ thống dẫn nước cho thành Giê-ru-sa-lem (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.3.2; *Jewish Wars* 2.9.3).
 - d. Xử tử hình một số người Ga-li-lê trong khi họ dâng tế lễ trong lễ Vượt-qua tại Giê-ru-sa-lem (xem Lu-ca 13:12).
 - e. Đem những tấm thuẫn La mã treo trong thành Giê-ru-sa-lem năm 31 sau Chúa. Những con trai của Hê-rôt Đại Đế phản đối việc này và yêu cầu ông gỡ bỏ chúng nhưng Phi-lát từ chối. Do đó, họ khiếu nại đến Hoàng đế Tiberius; người ra lệnh đòi những tấm khiên La mã này về thành Sê-sa-rê bằng đường biển (xem Phi-lípô, *Legatio and Gaium*, trang 299-305).
 - f. Tàn sát nhiều người Sa-ma-ri trên núi Gê-ri-xim (năm 36/37 sau Chúa) khi họ truy tìm các thánh tích bị thất lạc theo tín ngưỡng của họ. Sự kiện này khiến cấp trên của Phi-lát (Vitellius, tổng trấn xứ Sy-ri) cất chức và gọi ông về La mã (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.4.1-2).
 - g. Sejanus bị tử hình vào năm 31 sau Chúa. Hoàng đế Tiberius nắm giữ lại tất cả quyền lực chính trị. Do đó, các điểm a,b,c và có thể là cả d đã được Phi-lát dùng để chinh phục lòng tin cậy của Sejanus. Các điểm sau đó (e) và (f) thì lại có thể là những cố gắng để tìm được sự tin tưởng của Tiberius, nhưng phản tác dụng.
 - h. Rõ ràng là khi Hoàng đế Tiberius ủng hộ người Do thái nắm giữ lại quyền lực có gửi một văn thư cho các quan cầm quyền căn dặn phải đối xử nhân đạo với người Do thái (xem Phi-lípô, *Legatio and Gaium*, trang 160-161), thì giới lãnh đạo Do thái tại Giê-ru-sa-lem đã tận dụng thế yếu chính trị của Phi-lát trước Hoàng đế Tiberius mà thao túng ông và khiến Đức Chúa

Giê-xu bị đóng đinh. Giả thuyết này của Barnett kết hợp hai quan điểm về Phi-lát với nhau theo một cách thức hợp lý.

III. Số phận của Phi-lát

- A. Ông đến La mã ngay sau khi Hoàng đế Tiberius qua đời (năm 37 sau Chúa).
- B. Ông không được tái bổ nhiệm.
- C. Không biết gì về phần sau cuộc đời ông. Có nhiều giả thuyết nhưng không có chứng cứ cụ thể.

18:30 "“Nếu người này không phải là kẻ làm ác thì chúng tôi không nộp cho quan.”” Chữ ‘nếu’ trong thể điều kiện hạng hai, có nghĩa là ngược lại sự thật. Sự thật là Chúa Giê-su là người thiện. Đây là câu trả lời cho sự bình luận mỉa mỉa của Phi-lát là người từ chối chuyện ‘bới tóc tìm sâu’ trong những lời cáo buộc mang tính chất tôn giáo của người Do-thái.

Động từ ‘nộp’ cũng được dịch ra là ‘phản bội’ khi nói về Giu-đa Ích-ca-ri-ôt. (Xem Giảng 6:64,71; 12:4; 13:2,11,21; 18:2,5). Nghĩa đen là ‘giao nộp một người cho nhà cầm quyền’ hay ‘chuyển trao một truyền thống’. Trong liên hệ tới Giu-đa Ích-ca-ri-ôt, thuật ngữ này có ý nghĩa nhấn mạnh hơn trong vòng các dịch gia Anh Ngữ.

18:31 "Chúng tôi không được phép xử tử bất cứ ai" Giới lãnh đạo Do-thái tuy đã kết tội Chúa Giê-su lộng ngôn, họ lại tố Chúa bạo loạn để tử hình Ngài qua tay người La-mã. Điều rất quan trọng đối với họ là Chúa Giê-su phải bị đóng đinh theo chỉ dẫn của Phục Truyền. 21:23 (có nghĩa đóng đinh là hình thức nguyên rửa của đức Chúa Trời, theo cách giải thích của các Ra-bi trong thế kỷ thứ nhất.) Chúa Giê-su đã báo trước điều này trong Giảng 18:32; 3:14; 8:28; 12:32,33; and Ga-la-ti 3:13.

18:32 "Điều này ứng nghiệm lời Đức Chúa Jêsus đã nói, khi đề cập đến việc Ngài phải chết cách nào " Vì sao các lãnh đạo Do-thái muốn Chúa Giê-su bị đóng đinh? Điều này có thể thấy được trong Công vụ 7 là họ tử hình những người lộng ngôn ngay lập tức, Có thể đây là sự gợi ý từ trong Phục Truyền. 21:22-23. Truyền thống là sự đóng cọc xuyên qua người sau khi chết, trưng bày ở nơi công cộng, nhưng các Ra-bi giải thích đây là sự đóng đinh trong thời La-mã. Họ muốn Giê-su, Đấng Mê-si-a giả này phải bị Đức Chúa Trời nguyên rửa. Tuy nhiên tất cả đều nằm trong chương trình của Đức Chúa Trời cứu chuộc nhân loại sa ngã. Chúa Giê-su Chiên Con của Đức Chúa Trời (1:29) đã dâng mình thế chuộc (Xem Isaiah 53; 2 Cô-rin-tô 5:21). và trở nên sự nguyên rửa thay cho chúng ta. (Xem Ga-la-ti 3:13).

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIẢNG 18:33-38a

³³ Phi-lát trở lại dinh tổng đốc, gọi Đức Chúa Jêsus và hỏi: “Có phải ngươi là vua dân Do Thái không?” ³⁴ Đức Chúa Jêsus đáp: “Ngươi tự mình nói điều này, hay có ai khác nói cho ngươi về Ta?” ³⁵ Phi-lát trả lời: “Ta có phải là người Do Thái đâu? Dân tộc ngươi và mấy thầy tế lễ cả đã nộp ngươi cho Ta. Vậy ngươi đã làm gì?” ³⁶ Đức Chúa Jêsus đáp: “Vương quốc của Ta không thuộc về thế gian này. Nếu vương quốc của Ta thuộc về thế gian này thì những người theo Ta đã chiến đấu, không để Ta bị nộp vào tay người Do Thái. Nhưng vương quốc của Ta không thuộc về thế gian này.” ³⁷ Phi-lát nói: “Thế thì ngươi là vua sao?” Đức Chúa Jêsus đáp: “Chính ngươi nói Ta là vua. Đây là lý do tại sao Ta đã sinh ra, tại sao Ta đã giáng thế: Ấy là để làm chứng cho chân lý. Bất cứ ai thuộc về chân lý đều nghe tiếng Ta.” ³⁸ Phi-lát hỏi: “Chân lý là gì?”

18:33 "dinh tổng đốc, " Xem Chủ Đề Đặc Biệt, Đội Cảnh Vệ Trường Án ở câu 18:28

▣ "Có phải ngươi là vua dân Do Thái không?" " Chúa Giê-su bị cáo buộc tội phản quốc. (Xem Ma-thi-ơ 27:11; Mác 15:2; Lu-ca 23:2 and Giảng 19:3,12,15,19-22).

18:34 "Đức Chúa Jêsus đáp: “Ngươi tự mình nói điều này, hay có ai khác nói cho ngươi về Ta?” Nếu Phi-lát hỏi về địa vị vua chính trị, Chúa Giê-su sẽ phủ nhận, còn nếu hỏi về địa vị vua tôn giáo - Đấng Mê-si-a, chúa Giê-su sẽ khẳng định. Phi-lát chưa sẵn lòng tranh luận về tư tưởng tôn giáo của người Do-thái. (Xem Giảng 18:35).

18:35 “Ta có phải người Do-thái đâu?” một câu hỏi trông đợi câu trả lời ‘không’ từ người nghe. Phiô-lát bày tỏ sự khinh bỉ đối với tôn giáo Do-thái.

18:36 "Nếu vương quốc của Ta thuộc về thế gian này thì những người theo Ta đã chiến đấu"

“Nếu...” thể điều kiện hạng hai có nghĩa trái ngược với sự thật, đáng nhẽ nên dịch là:” Nếu vương quốc Ta từ trần gian, mà thực tế là không, thì các môn đồ Ta đã chiến đấu, mà thực tế họ không chiến đấu”. Thuật ngữ “những người theo Ta”, có thể ám chỉ các môn đồ hoặc các Thiên sứ (Xem Ma-thi-ơ 26:53).

18:37 " Phi-lát nói: “Thế thì người là vua sao?” -đây thật là điều mỉa mai đến từ môi lưỡi của vị đại diện quyền bính trần gian, tức La-mã, chất vấn Chúa Giê-su về vương quốc thuộc linh. Cấu trúc ngữ pháp câu hỏi khiến người nghe phải trả lời ‘không’ .

▣ **“Chính người nói Ta là vua. Đây là lý do tại sao Ta đã sinh ra, tại sao Ta đã giáng thế: ...”** Nửa câu đầu tiên rất khó dịch bởi mang ý nghĩa khó hiểu. Chúa Giê-su khẳng định vị thế mình (Xem Ma-thi-ơ 27:11; Mác 15:2; Lu-ca 23:3). Ngài luôn biết mình là Ai, (hai động từ quá khứ), và vì sao Ngài đến (Xem Giăng 13:1,3; Mác 10:45; Lu-ca 2:49; Ma-thi-ơ 16:22ff). Phi-lát không bao giờ có thể hiểu được.!

▣ **"Đây là lý do tại sao Ta đã sinh ra"** Chúa Giê-su nói về sứ mạng mạc khải Cha (làm chứng cho Sự thật). Có ba lý do chính Ngài đến:

1. Mạc khải trọn vẹn đầy đủ thần tính và mục đích của Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 1:18; 3:32)
2. Hy sinh với tư cách là Chiên con của Đức Chúa Trời, cất đi tội lỗi của thế gian (Xem Giăng 1:29)
3. làm gương cho các tín đồ làm thế nào để sống vì Chúa và làm đẹp lòng Ngài.

▣ **" . Bất cứ ai thuộc về chân lý đều nghe tiếng Ta."** Bản thân tôi luôn cảm động đối với cách sử dụng các thuật ngữ bao gồm như: tất cả mọi người, bất cứ ai, hết thầy... Ôi tuyệt vời thay Đức Chúa Trời Giê-hô-va đang thực hiện lời hứa từ Sáng Thế Ký. 3:15 trong Đấng Christ. Chúa Giê-su đang sử dụng lại hình ảnh Đức Chúa Trời bị hoen ố bởi tội lỗi con người. Sự thông công mật thiết có thể được thực hiện, Mọi liên hệ đã được hồi phục –

Chỉ có những người với đôi mắt và lỗ tai thuộc linh (i.e., Giăng 10:3,16,27; 18:37) mới có thể hiểu được chân lý (Xem Ma-thi-ơ 11:15; 13:9,16,43; Mác 4:9,23; Lu-ca 8:8; 10:23,24; 14:35; Khải Huyền 2:7,11,17,29; 3:6,13,22). Chúa Giê-su là chân lý (Giăng 14:6)! Khi Chúa nói các tín đồ nghe theo. (Xem Giăng 10:1-5). Trong Giăng, ‘thấy’ và ‘nghe’ đồng nghĩa với sự tiếp nhận sự sống đời đời.

18:38 "Phi-lát hỏi: “Chân lý là gì?” Phi-lát hỏi câu hỏi này, nhưng bỏ ra ngoài trước khi nhận câu trả lời. Người chỉ quan tâm đến việc Chúa Giê-su không là mối đe dọa đối với chính quyền La-mã. Người muốn thả Chúa Giê-su theo truyền thống của người Do-thái nhân dịp Lễ Vượt Qua. (Xem Giăng 18:39; Ma-thi-ơ 27:15). Văn tự của Giăng và Lu-ca cho thấy cơ đốc giáo không đe dọa chính quyền La mã (xem Giăng 18:38b; 19:4; Lu-ca 23:4,14,22).

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIĂNG 18:38b-40

Sau khi đã nói như vậy, Phi-lát lại đi ra gặp người Do Thái và nói: “Ta không tìm thấy người này có tội gì cả.³⁹ Nhưng theo thông lệ của các người, cứ đến lễ Vượt Qua thì ta tha cho các người một tên tù. Vậy, các người có muốn ta tha vua dân Do Thái cho các người không?”⁴⁰ Họ lại la lớn lên: “Đừng tha nó, hãy tha Ba-ra-ba!” Ba-ra-ba vốn là một tên cướp.

18:39 "theo thông lệ của các người" Thông lệ này được giải thích trong Ma-thi-ơ 27:15 Lu-ca 23:17 (nhưng không có thông tin nào khác ngoài Tân-ước.).

18:40 "Họ lại la lớn lên: "Đừng tha nó, hãy tha Ba-ra-ba!" Thật đáng mỉa mai, Ba-ra-ba thuộc đảng Cực Đoan, phạm tội bạo động, một tội mà Chúa Giê-su bị cáo buộc. (Xem Mác 15:7; Lu-ca 23:19,25). Đám đông tìm cách ủng hộ 'người hùng' của họ, còn các lãnh đạo Do-thái nhân cơ hội này để loại bỏ Chúa Giê-su. (Xem Mác 15:11).

Cũng là điều trớ trêu, tên Ba-na-ba có nghĩa là 'con một người cha'. Giăng luôn dùng cách chơi chữ suốt cả Phúc Âm. Dân chúng muốn 'con một người cha' được thả, thay vì thả 'Đức Chúa Con của Đức Chúa Cha'. Quả thật, bóng tối đã đến mực cực điểm. !

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Chúa Giê-su đi đến nơi Chúa biết Giu-đa có thể tìm thấy Ngài?
2. Vì sao Giăng bỏ qua các chi tiết nổi thương ng khó của Chúa Giê-su trong vườn Ghê-sê-ma-nê?
3. Vì sao Toà Công Luận đưa Chúa Giê-su tới Phi-lát?
4. Vì sao thứ tự các sự kiện liên hệ tới Lễ Vượt Qua khác nhau giữa Phúc Âm Đồng Quan và Phúc Âm Giăng?
5. Vì sao Giăng chứng tỏ Phi-lát tìm cách giải cứu Chúa Giê-su?

GIẢNG 19

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Giê-su bị kết án tử hình	Những người lính chế diễu Giê-su		Giê-su bị kết án tử hình	Giê-su trước mặt Phi-lát
(18:38b-19:16a)		(18:38b-19:7)	(18:38b-19:16)	(18:28-19:11)
18:38b-19:7		18:38b-19:7	18:40-19:3	18:33-19:3
	19:1-4			
	Phi-líp-lát phán		19:4-5	19:4-7
	19:5-16		19:6a	
			19:6b	
			19:7	
19:8-12		19:8-12	19:8-9a	19:8-11
			19:9b-10	
			19:11	
			19:12	Giê-su bị kết tử
				19:12-16a
19:13-16a		19:13-16a	19:13-14	
			19:15a	
			19:15b	
			19:15c	
			19:16a	
Giê-su bị đóng đinh	Vị vua trên thập tự		Giê-su bị đóng đinh	Sự đóng đinh
19:16b-22		19:16b-25a	19:16b-21	19:16b-22
	19:17-24			
			19:22	Áo Chúa bị chia
19:23-27			19:23-24	19:23-24
	Hãy nhìn mẹ ngươi			Giê-su cùng mẹ
	19:25-27	19:25b-27	19:25-26	19:25-27

			19:27	
Sự chết của Giê-su	Đã kết thúc!		Sự chết của Giê-su	Sự chết của Giê-su
19:28-30	19:28-30	19:28-30	19:28	19:28
			19:29-30a	19:29-30
			19:30b	
Đâm thủng sườn Giê-su	Sườn Giê-su bị đâm thủng		Sườn Giê-su bị đâm thủng	Sườn bị đâm thủng
19:31-37	19:31-37	19:31-37	19:31-37	19:31-37
Sự chôn cất Giê-su	Giê-su bị chôn trong mộ của Giô-sép		Sự chôn cất Giê-su	Sự chôn cất
19:38-42	19:38-42	19:38-42	19:38-42	19:38-42

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang ***)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phần đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 65. Phân đoạn 1
- 66. Phân đoạn 2
- 67. Phân đoạn 3
- 68. Văn vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB (HIỆU ĐÍCH RRV 2011) GIẢNG 19:1-7

¹ Bấy giờ, Phi-lát cho đem Đức Chúa Jê-sus đi đánh đòn.² Bọn lính đan một chiếc mũ gai, đội trên đầu Ngài, và mặc cho Ngài một chiếc áo điều.³ Họ đến gần Ngài và nói: "Lạy vua dân Do Thái!" Rồi họ tát vào mặt Ngài.

⁴ Phi-lát trở ra một lần nữa và nói với dân chúng: "Đây này, ta dẫn ông ấy ra ngoài cho các ngươi, để các ngươi biết ta không tìm thấy ông ấy có tội gì cả."⁵ Vậy, Đức Chúa Jê-sus đi ra, đầu đội mũ gai, mình mặc áo điều. Phi-lát nói với họ: "Hãy xem người này."⁶ Nhưng khi các thầy tế lễ cả và những thuộc hạ thấy Ngài thì la lên: "Đóng đinh nó trên cây thập tự! Đóng đinh nó trên cây thập tự!" Phi-lát bảo chúng: "Các ngươi hãy tự đem ông ấy đi mà đóng đinh, vì ta không tìm thấy ông ấy có tội gì cả."⁷ Những người Do Thái đáp: "Chúng tôi có luật, chiếu theo luật ấy nó phải chết, vì nó tự xưng là Con Đức Chúa Trời."

19:1 "Bấy giờ, Phi-lát cho đem Đức Chúa Jê-sus đi đánh đòn."

" Không thể biết chắc được thời điểm và số lần roi giáng xuống, tất cả người tử tù đều bị đánh. Đây là một thực hành rất man rợ mà nhiều người chết vì bị nhục hình này. Trong ngữ cảnh, hình như Phi-lát sai đánh đòn Chúa Giê-su để chiều lòng người Do-thái và sau đó tìm cách thả Chúa. (Xem Lu-ca 23:16,22; Giăng 19:12). Đây có thể ứng nghiệm câu Ê-sai 53:5.

Sự đánh bằng roi của người La-mã rất tàn nhẫn, đau đớn, chỉ dành riêng cho người dân bị thống trị. Một chùm giầy da, được buộc thêm những mảnh xương, đá và kim loại được sử dụng để đánh tù nhân bị trói vào một cột trụ thấp. Số lần đánh không được biết, nhưng đây là một thực hành thường xuyên trước khi đóng đinh tử tội trên cây thập tự. (Xem Livy XXXIII:36).

Các Phúc Âm sử dụng các thuật ngữ khác nhau mô tả sự đánh đập của người La-mã.

1. Ma-thi-ơ 27:26; Mác 15:15 -- *phragelloō*, quất bằng roi
2. Lu-ca 23:16,22 -- *paideuō*, nghĩa đen là đánh phạt con nít (Xem Hê-bơ-rơ 12:6-7,10), nhưng ở đây và trong 2 Cô-rin-tô 6:9, có nghĩa là đánh đòn
3. Giăng 19:1 -- *mastigoō*, tên của công cụ đánh đòn, Ma-thi-ơ 10:17; 20:19; 23:34; Công vụ 22:24-25; Hê-bơ-rơ 11:36
Có thể tất cả thuật ngữ trên đồng tương đồng, hoặc có thể có hai cuộc đánh đòn,
 - a. Cuộc đánh ít hơn bởi Phi-lát
 - b. Cuộc đánh tàn bạo hơn bởi quân lính trước khi bị đóng đinh.

19:2 "Bọn lính đan một chiếc mào gai, đội trên đầu Ngài,

" Đây là một phương cách tra tấn với mào gai ấn xuống đầu Chúa Giê-su, hoặc cũng có thể một vương miện kết bằng lá cọ, một sự giễu cợt Chúa Giê-su với tư cách nhà vua. (Xem Ma-thi-ơ 27:27-31; Mác 15:15-20).

Thuật ngữ "vương miện" (*stephanos*) được sử dụng cho các vận động viên đắc thắng, hoặc vòng nguyệt quế cho hoàng đế.

▣ "mặc cho Ngài một chiếc áo điều."

" màu tím là màu tượng trưng cho vua chúa (*porphyros*) bởi vì thuốc nhuộm màu này được làm bằng một sinh vật thân mềm, rất mắc tiền. Màu điều (đỏ thẫm) là màu cho sỹ quan La-mã, (Mác 15:17,20). thuốc nhuộm được chế từ vảy của một loài côn trùng sống trên cây sồi. Áo điều gợi ý về y phục một vị vua, nhưng đây chỉ là một tấm áo choàng đã phai mờ của một người lính La-mã. (Xem Ma-thi-ơ 27:28).

19:3

NASB "Họ bắt đầu đến Ngài và nói"

NKJV "Sau đó họ nói"

NRSV "Họ không ngừng đến Ngài và nói"

TEV "và họ đã đến Ngài và nói"

NJB "họ thay nhau đến Ngài và nói...."

Tất cả các động từ đều ở trong thể chưa hoàn thành. Những người lính nối tiếp nhau đến sỉ vả Chúa. Sự miệt thị mang tính chất chung đối với dân Do-thái hơn là đối với Chúa. Có thể Phi-lát muốn gây sự thương xót đối với Chúa Giê-su, nhưng điều đó không xảy ra.

Một lần nữa chúng ta thấy Giăng đặt những lời tiên tri "lạy vua Do-thái" vô miện của kẻ thù. Những người lính này nói nhiều hơn sự hiểu biết của họ.

▣ "Rồi họ tát vào mặt Ngài." Thường thì động từ đánh có nghĩa đánh bằng roi, nhưng ở đây họ đánh Chúa bằng bàn tay mở ra: 'tát tai'. Có thể 'tát ở đây mang tính chất miệt thị hơn là tra tấn tàn bạo.

19:4

NASB "Ta không tìm thấy tội của hă"n"
NKJV "Ta không tìm thấy tội của hă"n"
NRSV "Ta không tìm được bằng chứng chống lại hă"n"
TEV "Ta không tìm được lý do phán xét hă"n"
NJB "Ta không tìm được lý do chống lại hă"n"

Một trong các mục đích của Giảng là chứng minh Cơ Đốc giáo không là mối đe dọa cho chính quyền và quan chức La-mã vì chính quan tống trấn Phi-lát tìm cách thả Chúa Giê-su nhiều lần. (Xem Giảng 18:38; 19:6; Lu-ca 23:4,14,22).

19:5

NASB, NKJV "Coi người này đi"
TEV, NET "Hãy coi người này!"
NRSV, NJB,
REB "hă"n đây này"

Có vài cách hiểu câu này:

1. Chúa Giê-su được mặc áo choàng giống người trá hình vua
2. Chúa Giê-su bị đánh với mục đích khơi dậy sự thương xót
3. Một gọi ý từ Xa-cha-ri. 6:12 (Messianic referent "the Branch")
4. Sự chứng minh nhân tính của Chúa Giê-su (i.e., trái ngược với quan điểm của Tri Huệ giáo trong thời Giảng sồng coi Chúa Giê-su chỉ là thần)
5. liên hệ tới cụm từ trong tiếng A-ram-mic "Con Người" – một danh hiệu của Đấng Mê-si-a.

19:6 "các thầy tế lễ cả và những thuộc hạ ... la lên: "Đóng đinh nó trên cây thập tự! Đóng đinh nó trên cây thập tự!" Lý do mà những người lãnh đạo Do-thái muốn đóng đinh Chúa và muốn ứng nghiệm sự rửa xả trong Phục Truyền. 21:23 Cũng vì lý do này mà Phao-lô nghi ngờ về địa vị Đấng Mê-si-a của Chúa Giê-su Na-xa-rét. Tuy nhiên chúng ta biết rằng Chúa Giê-su trở nên sự rửa xả cho chúng ta trên cây Thập Tự. (Xem Cô-lô-sê 2:14).

▣ **"không tìm thấy ông ấy có tội gì cả"** Phi-lát ba lần khẳng định mình không tìm ra tội lỗi của Chúa Giê-su, (Xem Giảng 18:38; 19:4).

19:7 "nó phải chết, vì nó tự xưng là Con Đức Chúa Trời" Chúa Giê-su tự xưng mình là Con Đức Chúa Trời, tức là hiệp một cùng Đức Chúa Trời. Khi những người Do-thái nghe và hiểu ý nghĩa, dụng ý của những lời nói này, họ không thể nghi ngờ việc Chúa Giê-su tuyên xưng mình là Thần Đức. (Xem Giảng 5:18; 8:53-59; 10:33). Cáo trạng thực sự của người Do-thái đối với Chúa là tội lộng ngôn, (cf Ma-thi-ơ 9:3; 26:65; Mác 2:7; 14:64; Lu-ca 5:21; Giảng 10:33, 36). Tội này sẽ dẫn đến sự ném đá cho chết (Xem Lê-vi Ký. 24:16). Nếu Chúa Giê-su không là Thần Linh nhập thể và tiền tại Ngài phải bị xử tử bởi ném đá!

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIẢNG 19:8-12

⁸Khi nghe lời này, Phi-lát càng sợ hãi. ⁹ Ông lại trở vào dinh và nói với Đức Chúa Jêsus rằng: "Ngươi từ đâu đến?" Nhưng Đức Chúa Jêsus không trả lời. ¹⁰ Vì vậy, Phi-lát nói với Ngài: "Ngươi không nói gì với ta sao? Ngươi không biết rằng ta có quyền tha, cũng có quyền đóng đinh ngươi sao?"¹¹ Đức Chúa Jêsus đáp: "Nếu không do trên ban cho thì ngươi chẳng có quyền gì trên Ta; vì thế, kẻ nộp Ta cho ngươi còn nặng tội hơn."¹² Từ đó, Phi-lát tìm cách tha Ngài, nhưng các người Do Thái la lên: "Nếu quan tha người này thì quan không phải là trung thần của Sê-sa, vì bất cứ ai tự xưng là vua đều là kẻ chống lại Sê-sa."

19:8 "Khi nghe lời này, Phi-lát càng sợ hãi. " Vợ Phi-lát đã cảnh báo người về Chúa Giê-su. (Xem Ma-thi-ơ 27:19) và bây giờ các lãnh đạo Do-thái cho biết Chúa Giê-su tự xưng mình là Con Đức Chúa Trời. Phi-lát là người mê tín càng trở nên run sợ. Theo họ, các thần thánh trong thần thoại Hy-lạp và La-mã thường hiện thân, xuống thăm viếng loài người.

19:9

NASB, NKJV,
NRSV "Ngươi đến từ đâu?"
TEV, NJB,
NIV "Từ đâu ngươi đến"

Phi-lát chẳng hỏi về địa danh quê quán, nhưng về nguồn gốc của Chúa, Ông cảm nhận sự vĩ đại của nhân vật đang đứng trước mặt ông. Chúa Giê-su biết rằng Phi-lát không quan tâm đến sự thật (xem Giảng 18:8, nhưng quan tâm đến lợi điểm chính trị, nên Ngài không trả lời Phi-lát.

Phi-lát gia nhập hàng ngũ những người hiểu kỳ về Chúa Giê-su, nhưng không thể hiểu nguồn gốc của Ngài. (Xem Giảng 4:12; 6:42; 7:27-28,41-42; 8:14; 9:29-30). Đây là cách hành văn nhị nguyên luận của Giảng: Chúa Giê-su từ trên cao, không ai từ cõi thấp có thể hiểu, thấy và nghe được Chúa trừ phi được Đức Chúa Trời tác động. (i.e., 6:44,65; 10:29).

▣ " **Nhưng Đức Chúa Jêsus không trả lời.** " Phi-lát phải nhớ được câu trả lời của Chúa Giê-su (Xem Giảng 18:37)! Đây là sự ứng nghiệm của Ê-sai 53:7.

19:10 " Ngươi không biết rằng ta có quyền tha, cũng có quyền đóng đinh ngươi sao?" Phi-lát khẳng định ông có quyền sinh sát, nhưng trước áp lực của đám đông, ông nhượng bộ quyền ấy cho ý chí của đám đông. Cấu trúc ngữ pháp của câu hỏi trông đợi sự khẳng định của người nghe.

19:11 "Nếu không do trên ban cho thì ngươi chẳng có quyền gì trên Ta; " Đây là thể điều kiện hạng hai, có nghĩa là 'trái với sự thật'. Chúa Giê-su không hề tỏ ra run sợ trước Phi-lát. Ngài biết mình là Ai, và lý do Ngài đến. Kinh thánh cho biết Đức Chúa Trời là nguồn thẩm quyền của tất cả quyền bính trên trần gian. (Xem Rô-ma 13:1-7).

▣ "**kẻ nộp Ta cho ngươi còn nặng tội hơn.**" " Khi mới đọc mọi người nghĩ tới 'kẻ nộp' chính là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, (Xem Giảng 6:64,71; 13:11), nhưng các nhà giải kinh tin rằng Chúa Giê-su ám chỉ Cai-phê, người chính thức trao nộp Chúa cho người La-mã. Cả câu có thể nói về những người lãnh đạo Do-thái, hoặc cả dân tộc Do-thái nói chung. (Xem Ma-thi-ơ 21:33-46; Mác 12:1-12; Lu-ca 20:9-19; Rô-ma 9-11).

19:12 "Từ đó, Phi-lát tìm cách tha Ngài, " Động từ 'tìm cách' ở trong thể quá khứ chưa hoàn thành, có nghĩa rằng Phi-lát nhiều lần tìm cách thả Chúa Giê-su.

▣ "**Nếu quan tha người này thì quan không phải là trung thần của Sê-sa,**" Câu 'Nếu tha ...' là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa rằng có tiềm năng hiện thực. Các lãnh đạo Do-thái đe dọa báo cáo lên cấp trên của Phi-lát nếu ông không tuân theo ý muốn của họ và tử hình chúa Giê-su. Cụm từ "trung thần của Sê-sa" là danh hiệu cao quý được tặng bởi Hoàng đế La-mã, có thể là Augustus hoặc Vespasian.

Sê-sa là danh hiệu của hoàng đế La-mã, bắt đầu từ Julius và nối tiếp bởi Augustus.

BẢN NASB (HIỆU ĐÍCH RRV 2011) GIẢNG 19:13-16

¹³ Khi Phi-lát nghe những lời này thì đem Đức Chúa Jêsus ra, rồi ngồi vào chỗ xử án, tại nơi gọi là **Chỗ Lát Đá**, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là **Ga-ba-tha**.¹⁴ Bấy giờ là ngày **Chuẩn Bị** cho lễ **Vượt Qua**, vào khoảng giữa trưa. Phi-lát nói với những người Do Thái rằng: "Đây là vua của các ngươi!"¹⁵ Họ gào lên: "Hãy trừ nó đi, trừ nó đi! Đóng đinh nó trên cây thập tự!" Phi-lát nói: "Ta sẽ đóng đinh vua các ngươi trên cây thập tự sao?" Các thầy tế lễ cả đáp: "Chúng tôi không có vua nào khác, ngoài Sê-sa."¹⁶ Phi-lát giao Đức Chúa Jêsus cho họ để đem đi đóng đinh trên thập tự giá. Vậy họ giải Đức Chúa Jêsus đi.

19:13 " Khi Phi-lát nghe những lời này thì đem Đức Chúa Jê-sus ra, rồi ngồi vào chỗ xử án" Văn bản không cho biết rõ 'ai' ngồi vào chỗ xử án. Các bản dịch Williams và Goodspeed khẳng định Chúa Giê-su bị ép ngồi vào chỗ xử án, một cách miệt thị Chúa như một vị vua. Tuy nhiên ngữ cảnh ám chỉ Phi-lát chuẩn bị phán quyết về Chúa Giê-su. .

NASB, NKJV,

NJB "Gọi là chỗ "Lát Đá" tiếng Hê-bơ-rơ gọi là "Ga-ba-tha"

NRSV "Gọi là chỗ "Lát Đá" hoặc tiếng Hê-bơ-rơ gọi là "Ga-ba-tha""

TEV "Gọi là chỗ "Lát Đá" (tiếng Hê-bơ-rơ gọi là "Ga-ba-tha")

Khi sử dụng tiếng Hê-bơ-rơ với những lời giải thích, chúng ta thấy độc giả nguyên thủy của Giảng là người ngoại bang. (Xem Giảng 19:17). Chỗ Lát Đá là nơi phán quyết của tòa án La-mã. Ga-ba-tha trong tiếng A-ram-mic có nghĩa là chỗ bằng phẳng.

19:14 " Bấy giờ là ngày Chuẩn Bị cho lễ Vượt Qua" Có một sự khác biệt giữa các Phúc Âm Đồng Quan và Giảng trong thụ tự sự kiện. Trong các Phúc Âm Đồng Quan, Chúa Giê-su dùng tiệc Lễ Vượt Qua vớ các môn đồ trước khi bị bắt, Nhưng Giảng khẳng định đây là bữa tiệc trong Ngày chuẩn bị cho Lê- Vượt Qua. (Xem Mác 15:42) và Giảng 18:28).

▣ **"vào khoảng giữa trưa."** ISau đây là lịch trình sự phán xét Chúa Giê-su trước Phi-lát và sự đóng đinh:

	<u>Ma-thi-ơ</u>	<u>Mác</u>	<u>Lu-ca</u>	<u>Giăng</u>
Phi-lát phán quyết				6 giờ Xem 19:14
Dóng đinh		3 giờ Xem 15:25		
Bóng tối	6-9 giờ Xem 7:45	6-9 giờ Xem 15:33	6-9 giờ Xem 23:44	
Giê-su gọi Ê-li	9 giờ Xem 27:46	9 giờ Xem 15:34		

Khi so sánh thời gian với sự khác biệt, chúng ta có thể giải thích hai khả năng xảy ra:

1. Cả hai thời điểm đều là một. Giảng sử dụng theo lịch La-mã, bắt đầu từ 12 giờ sáng, (Xem Gleason L. Archer, *Encyclopedia of Bible Difficulties*, p. 364), Còn các Phúc Âm Đồng Quan sử dụng lịch Do-thái, bắt đầu từ 6 giờ sáng.
2. Nếu Giảng cũng sử dụng lịch Do-thái thì ông khẳng định thời điểm đóng đinh muộn hơn so với Phúc Âm Đồng Quan. Nếu vậy, đây là một trong những điểm khác biệt giữa Giảng và các Phúc Âm Đồng Quan. Từ quan sát Giảng 1:39 và 4:6 chúng ta thấy Giảng sử dụng lịch Do-thái hơn là lịch La-mã. (Xem M. R. Vincent, *Word Studies*, Vol. 1, p. 403).
Thời gian trong các Phúc Âm có thể mang tính chất biểu tượng, liên hệ tới:
 1. thời gian là lễ dâng tế trong Đền Thánh, 9 giờ sáng và 3 giờ chiều. Xem Công vụ 2:15; 3:1)
 2. Buổi chiều này 14 tháng Nissan là thời điểm giết chiên theo truyền thống.
Kinh Thánh là một cuốn sách Đông Phương cổ, không đặt nặng về tời điểm và trình tự, giống như các tài liệu lịch sử Tây Phương.

▣ **"Đây là vua của các người!"**

Nếu Giăng 19:5 có thể gọi ý tới Xa-cha-ri. 6:12, câu 19:134 có thể là gọi ý tới Xa-cha-ri. 9:9 (xem F. F. Bruce, *Answers to Questions*, p. 72).

19:14 “bây giờ là ngày Chuẩn Bị cho Lễ Vượt Qua” đây là lời bình luận của Tác Giả Phúc âm Giăng.

19:15 "Hãy trừ nó đi, trừ nó đi! Đóng đinh nó trên cây thập tự!" Câu này có ba động từ trong thể mệnh lệnh, chủ động, thì quá khứ: "Hãy trừ", "hãy trừ" và "hãy đóng đinh" Gốc từ 'đóng đinh' cũng có nghĩa là nâng cao lên, đây là cách dùng từ có nghĩa kép của Giăng. (Xem Giăng 3:14; 8:28; 12:32).

▣ **"Các thầy tế lễ cả đáp: “Chúng tôi không có vua nào khác, ngoài Sê-sa"** Thật đáng mỉa mai, Trong Cựu Ước, người Do-thái tôn vinh Đức Chúa Trời duy nhất là vua, (Xem 1 Samuel 8). Ở đây họ phạm tội lộng ngôn mà chính họ buộc Chúa Giê-su vào tội ấy.

19:16 "họ " Trong Ma-thi-ơ 27:26-27 và Mác 15:15-16, đại từ chỉ về những người lính La-mã, nhưng trong Giăng có thể ám chỉ Phi-lát chiều theo nguyện vọng của những người lãnh đạo và đám đông.

BẢN NASB (HIỆU ĐỊNH RRV 2011) GIĂNG 19:17-22

¹⁷ Đức Chúa Jê-sus vác thập tự giá đi đến một nơi gọi là **Đồi Sọ**, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là **Gô-gô-tha**. ¹⁸ Tại đó, họ đóng đinh Ngài. Có hai người khác cũng bị đóng đinh với Ngài, mỗi bên một người, còn Đức Chúa Jê-sus ở giữa. ¹⁹ Phi-lát cũng sai viết một tấm bảng và treo trên thập tự giá. Trên tấm bảng có ghi rằng: **“JÊ-SUS NGƯỜI NA-XA-RÊT, VUA DÂN DO THÁI.”**²⁰ Vì nơi Đức Chúa Jê-sus bị đóng đinh ở gần thành, và tấm bảng được ghi bằng tiếng Hê-bơ-rơ, La-tinh và Hi Lạp, nên có nhiều người Do Thái đọc. ²¹ Các thầy tế lễ cả của người Do Thái nói với Phi-lát: **“Xin đừng viết: ‘Vua dân Do Thái,’ nhưng hãy viết: ‘Người này nói: Ta là vua dân Do Thái.’ ”** ²² Phi-lát đáp: **“Điều ta đã viết thì ta đã viết rồi.”**

19:17 " Đức Chúa Jê-sus vác thập tự giá " Hình dạng cây thập tự trong thế kỷ đầu tiên vùng Pa-lét-xtin không được biết chắc. có thể hình T, hoặc t, hoặc X,. Có nhiều trường hợp, vài tử tù bị đóng đinh trên một giàn giáo. Bất kể tình trạng sinh lực của tử tù, họ phải chịu roi đánh và từ vác cây thập tự tới địa đẽm đóng đinh. (Xem Ma-thi-ơ 27:32; Mác 15:21; Lu-ca 14:27; 23:26).

▣ **" đến một nơi gọi là Đồi Sọ, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Gô-gô-tha."** Ý nghĩa chính xác của câu này không được rõ ràng. Thuật ngữ Hê-bơ-rơ / A-ra-mic không có gì ám chỉ hình ảnh một cái sọ, nhưng ám chỉ những ngọn đồi trọc trên trục đường chính tới Giê-ru-sa-lem. Người La-mã tử hình tù nhân với mục đích răn đe sự bạo loạn. Các nhà khảo cổ không tìm được địa danh Chúa bị đóng đinh một cách chính xác. Nhưng chắc chắn Chúa bị giết ở ngoài thành phố, nơi có nhiều người biết đến việc tử hình.

19:18 "Tại đó, họ đóng đinh Ngài." Không có Phúc Âm nào ghi nhận một cách chi tiết việc đóng đinh. Người La-mã học được hình thức tử hình này từ người Carthaginians, họ lại là người bắt chước người Ba-tư (Iran). Ngay cả hình dạng cây thập tự cũng không được biết. Đây là một hình thức tử hình hết sức man rợ, với sự chết kéo dài. Kéo dài sự chết đến vài ngày cho đến khi tử tù bị nghẹt thở là mục đích răn đe bạo loạn chống lại chính quyền La-mã.

▣ **" Có hai người khác cũng bị đóng đinh với Ngài"** Sự việc này ứng nghiệm triên tri Ê-sai 53:9, được ghi nhận trong Ma-thi-ơ 27:38; Mác 15:27; và Lu-ca 23:33.

19:19 "Phi-lát cũng sai viết một tấm bảng " Phi-lát có thể viết bằng tay, và sau đó người thợ nào đó viết lại trên miếng ván. Ma-thi-ơ dùng thuật ngữ 'cáo trạng' (*aitian*, Xem Ma-thi-ơ 27:37), trong khi Mác và Lu-ca dùng 'dòng chữ' (*epigraphē*, Xem Mác 15:26; Lu-ca 23:38).

19:20 " được ghi bằng tiếng Hê-bơ-rơ, La-tinh và Hi Lạp," "Hê-bơ-rơ" ám chỉ tiếng A-ram-mic (Xem Giăng 5:2; 19:13,17; 20:16; Josephus, *Antiq.* 2.13.1). Có điều thú vị về sự chính xác của dòng chữ khắc trên bảng treo bên trên đầu Chúa Giê-su.

1. Ma-thi-ơ 27:37 -- "Đây là Giê-su Vua của người Do-thái."
2. Mác 15:26 -- "Đức Vua của người Do-thái"

3. Lu-ca 23:38 -- "Đây là Vua của người Do-thái."
4. Giảng 19:19 -- "Giê-su từ Na-xa-rét, Vua người Do-thái"

Mặc dù có sự khác biệt, nhưng căn bản đều giống nhau, cũng như trong nhiều trường hợp khác biệt khác giữa các Phúc Âm. Các tác giả hồi tưởng sự kiện hơi khác nhau nhưng tất cả đều là sự chứng kiến tận mắt.

Phi-lát muốn chọc tức nhưng người lãnh đạo tôn giáo bằng cách công bố trên cây thập tự của Chúa Giê-su một danh hiệu mà họ run sợ. (Xem Giảng 19:21-22).

19:22 "Điều ta đã viết thì ta đã viết rồi." ' đã viết... đã viết...' hai động từ thì quá khứ hoàn thành, nhấn mạnh sự chấm dứt và kết thúc của những gì được viết.

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIẢNG 19:23-25a

²³ Khi đã đóng đinh Đức Chúa Jê-sus vào thập tự giá rồi, những người lính lấy y phục của Ngài chia làm bốn phần, mỗi người một phần. Họ cũng lấy áo dài của Ngài, nhưng áo dài này là một tấm vải dệt từ trên xuống dưới, không có đường may. ²⁴ Vậy, họ bảo nhau: "Đừng xé nó ra, nhưng hãy bắt thăm xem ai được." Như vậy, điều này làm ứng nghiệm lời Kinh Thánh:

"Họ chia nhau y phục của Ta,
Bắt thăm lấy áo dài Ta."

Đó là việc bọn lính đã làm.

19:23 " y phục của Ngài chia làm bốn phần, mỗi người một phần. " Những người lính bắt thăm lấy y phục của Chúa. Không rõ ràng làm sao y phục mặc bên ngoài có thể chia làm bốn phần. Phải chăng y phục bao gồm: đôi dép, chiếc khăn choàng khi cầu nguyện, bao lưng và áo khoác. Không biết Chúa có khăn quấn đầu không, Người Do-thái cảm thấy bị xúc phạm khi nhìn thấy một thân thể trần trụi. Đây là điều ứng nghiệm của câu Giảng 19:24 (Xem Thi-thiên 22:18).

▣ **"y phục "** nói về bộ đồ Chúa mặc bên ngoài, với thuật ngữ trong số nhiều là *himatia*. Nội y được mặc sát với da, gọi là tunic (*chiton*). Sự khác biệt ngoài y và nội y được thấy trong Ma-thi-ơ 5:40 và Lu-ca 6:29. Bà Đô-ca là người may cả hai loại y phục này (Xem Công vụ 9:39). Trong thế kỷ thứ nhất, người Do-thái còn mặc thêm khổ bên trong nữa. Chúa Giê-su không bị lột trần trụi hoàn toàn.

Phần cuối của câu Giảng 19:23 lại là lời bình luận của tác giả, một người từng sống với Chúa Giê-su.

▣ **"áo dài này là một tấm vải dệt từ trên xuống dưới, không có đường may. "** Điều này gợi ý về một tấm quan trọng thuộc linh. Một áo dài thường được mặc bởi một áo dài mà các thầy Ra-bi khăng định Mô-se cũng ăn mặc như vậy. Tuy khác thường về việc Chúa Giê-su có một áo dài sang trọng, nhưng đây có thể ám chỉ chúa Giê-su là:

1. Thầy Tế Lễ Tối Cao.
2. Đấng Phát Ban Luật Pháp

Đùng một từ với hai ý nghĩa đặc trưng cho Phúc Âm Giảng. Người giải kinh cần cẩn thận, không nên nhấn mạnh việc tìm kiếm nghĩa bóng xa xôi, ngụ ngôn hóa sự việc (bên ngoài nghĩa đen)!

19:24 " ứng nghiệm lời Kinh Thánh" Thi-thiên 22 trở nên bối cảnh cho Thập tự Giá, tiên tri trong Cựu-Ước và ứng nghiệm trong Tân-ước.

1. Thi-thiên 22:1-2 -- Ma-thi-ơ 27:46; Mác 15:34
2. Thi-thiên 22:7-8 -- Ma-thi-ơ 27:39,43; Mác 15:29; Lu-ca 23:35
3. Thi-thiên 22:15 -- Ma-thi-ơ 27:48; Mác 15:36; Lu-ca 23:36; Giảng 19:28,29
4. Thi-thiên 22:16 -- Ma-thi-ơ 27:35; Mác 15:24; Giảng 20:25
5. Thi-thiên 22:18 -- Ma-thi-ơ 27:35; Mác 15:24; Lu-ca 23:34; Giảng 19:24
6. Thi-thiên 22:27-28 -- Ma-thi-ơ 27:54; Mác 15:39; Lu-ca 23:47; (Giảng 20:31; Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công vụ 1:8)

²⁵ **Đứng gần thập tự giá của Đức Chúa Jê-sus có mẹ Ngài, chị của mẹ Ngài, với Ma-ri vợ Co-lê-ô-pa và Ma-ri Ma-đơ-len.** ²⁶ Đức Chúa Jê-sus thấy mẹ Ngài và môn đồ Ngài yêu thương đang đứng gần thì nói với mẹ rằng: “Thưa bà, đó là con của bà!” ²⁷ Rồi Ngài nói với môn đồ ấy: “Đây là mẹ của con!” Từ giờ đó, môn đồ này đem bà về nhà mình.

19:25 " Đứng gần thập tự giá của Đức Chúa Jê-sus có mẹ Ngài, chị của mẹ Ngài, với Ma-ri vợ Co-lê-ô-pa và Ma-ri Ma-đơ-len. " Có 3 hay 4 tên người phụ nữ ở đây là chủ đề cho nhiều cuộc tranh luận. Có thể có 4 vì không lẽ có hai chị em cùng tên là Ma-ri. Ma-ri mẹ Chúa có người chị em tên là Sa-lô-mê, xem Mác 15:40 và 16:1. Nếu vậy thì Chúa Giê-su và Giảng là anh em họ. Theo truyền thống từ thế kỷ thứ hai (*Hegesippus*) Co-lê-ô-pa là anh em với Giô-sép. Ngoài ra Ma-ri Ma-đơ-len là người Chúa Giê-su đuổi bầy con quỷ ra khỏi, cũng là người mà Chúa Giê-su hiện ra đầu tiên sau khi phục sinh. (Xem Giảng 20:1-2, 11-18; Mác 16:1; Lu-ca 24:1-10).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ THEO CHÚA GIÊ-SU

A. Những người phụ nữ theo Chúa trợ giúp Chúa và các sứ đồ được nhắc đến đầu tiên trong Lu-ca 8:1-3.

1. Ma-ri, còn có tên là Mác-đa-len (Lu-ca 8:2)
 - a. Ma-thi-ơ. 27:56,61; 28:1
 - b. Mác 15:40,47; 16:1,9
 - c. Lu-ca 8:2; 24:10
 - d. Giảng 19:25; 20:1,11,16,18
2. Giô-an-ne vợ của Chu -xa (Quản gia của vua Hê-rốt, Lu-ca 8:3) cũng được ghi nhận trong Lu-ca 24:10
3. Su-xan-na (Lu-ca 8:3)
4. "Và còn nhiều phụ nữ khác, đóng góp sự trợ giúp từ tài riêng của mình (Lu-ca 8:3)

B. Một nhóm phụ nữ có mặt bên Thập tự Giá

1. Danh sách trong Ma-thi-ơ
 - a. Ma-ri Mác-đa-len (Ma-thi-ơ. 27:56)
 - b. Ma-ri mẹ của Gia-cơ và Giô-sép (Ma-thi-ơ. 27:56)
 - c. Mẹ của Giảng và Gia-cơ Xê-bê-đê (Ma-thi-ơ. 27:56)
2. Danh sách trong Mác
 - a. Ma-ri Mác-đa-len (Mác 15:40)
 - b. Ma-ri mẹ của Gia-cơ nhỏ và Giô-sép (Mác 15:40)
 - c. Sa-lô-mê (Mác 15:40)
3. Lu-ca chỉ nói , "Những người phụ nữ theo Ngài từ Ga-li-lê" (23:49)
4. Danh sách trong Giảng list
 - a. Ma-ri, Mẹ của Chúa (Giảng 19:25)
 - b. Chị (hoặc em) của Mari mẹ Chúa (Giảng 19:25)
 - c. Ma-ri Co-lê-ô-pa (Có thể là vợ hoặc con gái của Co-lê-ô-pa, Giảng 19:25)
 - d. Ma-ri Mác-đa-len (Giảng 19:25)

C. Một nhóm phụ nữ có mặt ở mộ chôn Chúa

1. Danh sách của Ma-thi-ơ
 - a. Ma-ri Mác-đa-len (Ma-thi-ơ. 27:61)
 - b. Ma-ri khác (Ma-thi-ơ. 27:61)
2. Danh sách trong Mác
 - a. Ma-ri Mác-đa-len (Mác 15:47)
 - b. Ma-ri mẹ của Giô-sê (Mác 15:47)
3. Lu-ca chỉ nói , "Những người phụ nữ theo Ngài từ Ga-li-lê" " (Lu-ca 23:55)
4. Giảng không nói về những phụ nữ có mặt tại ngôi mộ

D. Một nhóm phụ nữ có mặt tại ngôi mộ sáng sớm Chủ Nhật.

1. Danh sách của Ma-thi-ơ
 - a. Ma-ri Mác-đal-len (28:1)
 - b. Ma-ri khác (28:1)
2. Danh Sách của Mác
 - a. Ma-ri Mác-đal-len (16:1)
 - b. Ma-ri mẹ của Gia-cơ (16:1)
 - c. Sa-lô-mê (16:1)
3. Danh sách của Lu-ca
 - a. "Họ đến ngôi mộ:" (24:1-5,24)
 - (1) Ma-ri Mác-đal-len (24:10)
 - (2) Giô-an-ne (24:10)
 - (3) Ma-ri Mẹ của Gia-cơ (24:10)
4. Giảng chỉ liệt kê Ma-ri Mác-đal-len (20:1,11)
- E. Những phụ nữ có mặt ở Lầu Trên. (Công vụ 1:14)
 1. "những phụ nữ" (Công vụ 1:14)
 2. Ma-ri mẹ của Chúa Giê-su (Công vụ 1:14)
- F. Không chắc chắn mối liên hệ giữa những người phụ nữ, nhưng rõ ràng Ma-ri Mác-đal-len giữ vai trò chính. Trong *Dictionary of Jesus and the Gospels* xuất bản bởi IVP, pp. 880-886, có một bài viết rất hữu ích về những người phụ nữ trong cuộc đời và chức vụ của Chúa Giê-su.

19:26 "môn đồ Ngài yêu thương " Bởi Giảng không nhắc đến tên mình trong Phúc Âm, nhiều người giả thiết rằng đây là cách ông xác nhận bản thân. (Xem Giảng 13:23; 19:26; 21:7,20). Hầu hết Giảng dùng thuật ngữ *agapaō*, cho cụm từ 'Ngài yêu thương', nhưng trong Giảng 20:2 ông lại sử dụng *Phi-lípeō*. hai thuật ngữ yêu thương này có cùng ý nghĩa trong Phúc Âm Giảng, ví dụ Giảng 3:35, *agapaō* và 5:20, *Phi-lípeō*, cả hai đều nói về tình yêu của Đức Chúa Cha đối với Đức Chúa Con.

19:27 "Từ giờ đó, môn đồ này đem bà về nhà mình." Điều này không có nghĩa Giảng đem mẹ Chúa về nhà mình ngay, mặc dù có người suy diễn việc này từ chi tiết Ma-ri không có mặt cùng với những phụ nữ khác trong Ma-thi-ơ 27:56 và Mác 15:40. Người ta tin rằng Giảng chăm sóc mẹ Chúa cho đến khi bà qua đời và sau đó ông chuyển tới vùng Tiêu Á, đặc biệt là thành Ê-phê-sô, nơi mà ông phục vụ nhiều năm một cách thành đạt. Chính các trưởng lão tại Ê-phê-sô khích lệ ông, khi đã cao tuổi, viết lại cuộc đời Chúa Giê-su từ trí nhớ, mà ngày nay chúng ta có Phúc Âm Giảng.

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIẢNG 19:28-30

²⁸ Sau đó, Đức Chúa Jêsus biết mọi việc đã hoàn tất, và để cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm thì nói: "Ta khát."²⁹ Tại đó, có một cái bình đựng đầy giấm nên họ lấy một miếng bọt biển nhúng đầy giấm, buộc vào cành bài hương, rồi đưa đến miệng Đức Chúa Jêsus.³⁰ Khi đã nhận lấy giấm, Đức Chúa Jêsus nói: "Mọi việc đã hoàn tất!" Rồi Ngài gục đầu xuống, trút linh hồn.

19:28 " Sau đó, Đức Chúa Jêsus biết mọi việc đã hoàn tất, và để cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm thì nói: "Ta khát." Câu này có vẻ khó hiểu về cú pháp, không biết Kinh thánh nói: "Ta khát" hay tất cả đều hoàn thành. Nếu hiểu theo truyền thống, thì "Ta khát" là một dẫn chứng từ Thi-thiên 69:21.

19:29 "Tại đó, có một cái bình đựng đầy giấm" Đây là một loại rượu chua rẻ tiền, có thể cho cả những người lính và tử tù. Họ cho tử tù uống một chút rượu để sự hành hình được kéo dài thêm.

▣ **"giấm"** Giấm - theo nghĩa đen. Đây là một loại thức uống cho người nghèo. Xin để ý, trước đó Chúa Giê-su từ chối rượu thuốc mà những người phụ nữ Giê-ru-sa-lem dâng tặng. (Xem Mác 15:23; Ma-thi-ơ 27:34). Có thể ở đây Chúa nhận thức uống để ứng nghiệm tiên tri trong Thi-thiên 22:15. Hạng Ngài quá khô để nói và Ngài còn có một điều muốn nói nữa.

▣ **" cành bài hương, "** Có người coi cành bài hương như biểu tượng được sử dụng trong Lễ Vượt Qua, (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 12:22). Lại có người khác cho rằng đây là sự dịch sai thuật ngữ ban đầu về 'cây giáo', 'cây

thuần' và 'cây gậy'. (Xem bản dịch NEB, nhưng bản REB dùng chữ cảnh bài hương). Ma-thi-ơ 27:48 and Mác 15:36 nói về 'cây lau, sậy'.

Một trong các lý do vì sao các nhà sao chép Kinh thánh có thể sửa đổi thuật ngữ là cảnh bài hương không dài, chỉ khoảng trên dưới 1 mét. Tuy nhiên cũng có thể cây thập tự ở thời điểm này chưa được dựng đứng lên. Bản thân hình ảnh theo truyền thống về thập tự giá cao sừng sững cũng có thể bị hiểu lầm, khi chân của Chúa bị đóng đinh chỉ cao cách mặt đất khoảng nửa mét.

19:30 "Mọi việc đã hoàn tất!" Đây là động từ chỉ định, bị động thì hoàn thành. Trong các Phúc Âm Đồng Quan, Chúa Giê-su cất tiếng kêu lớn (Xem Mác 15:37; Lu-ca 23:46; Ma-thi-ơ 27:50). Câu này ám chỉ về sự kết thúc của công trình cứu rỗi. Đây cũng là cách nói (*telos*) trong giao dịch thương mại "đã thanh toán đầy đủ" theo văn chương Ai-cập (Moulton and Milligan).

▣ **"Rời Ngài gục đầu xuống, trút linh hồn."** Câu 'Ngài gục đầu' cũng đồng nghĩa với thành ngữ 'đi ngủ' Cái chết của Chúa Giê-su đến một cách thanh thản. Sự 'trút linh hồn' ám chỉ về mặt thuộc linh sự chia cách linh hồn và thể xác của một tín đồ từ thời điểm chết cho tới lúc phục sinh khai hoàn. (Xem 2 Cô-rin-tô 5; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18, see William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*).

Các câu tương đồng Mác 15:37 và Lu-ca 23:46 cho biết "Chúa thở hơi thở cuối cùng." Thuật ngữ linh hồn và hơi thở đều giống nhau trong tiếng Hê-bơ-rơ. Hơi thở cuối cùng của Chúa được coi là linh hồn Chúa rời khỏi thân thể Ngài. (Xem Sáng Thế Ký. 2:7).

BẢN NASB (HIỆU ĐÍCH RRV 2011) GIẢNG 19:31-37

³¹ Hôm ấy là ngày Chuẩn Bị, nên những người Do Thái e ngại những xác chết vẫn còn bị treo trên thập tự giá trong ngày sa-bát, vì ngày sa-bát này rất trọng đại. Do đó, họ yêu cầu Phi-lát cho đánh gãy ống chân những người ấy, và hạ xuống. ³² Vậy, những người lính đến đánh gãy ống chân của người thứ nhất, rồi đến người kia, là người cùng bị đóng đinh với Ngài. ³³ Nhưng khi đến chỗ Đức Chúa Jê-sus, họ thấy Ngài đã chết rồi, nên không đánh gãy ống chân Ngài. ³⁴ Nhưng có một tên lính lấy giáo đâm vào sườn Ngài, lập tức máu và nước chảy ra. ³⁵ Người đã chứng kiến làm chứng về việc này — lời chứng của người là xác thực, và người ấy biết mình vẫn nói sự thật — để anh em cũng tin. ³⁶ Những điều này xảy ra để được ứng nghiệm lời Kinh Thánh: "Chẳng một xương nào của Ngài sẽ bị gãy." ³⁷ Và thêm một lời Kinh Thánh khác: "Họ sẽ nhìn thấy người mình đã đâm."

19:31 " những xác chết vẫn còn bị treo trên thập tự giá trong ngày sa-bát,

" Những người Do-thái e ngại xác chết sẽ làm ô uế đất nước họ trong tính chất biểu tượng, đặc biệt trong ngày Thượng Lễ Sa-bát vào dịp Lễ Vượt qua. (Xem Phục Truyền).

▣ **" ngày Sa-bát này rất trọng đại.**

" Có thể vì có hai lý do sau.

1. Tiệc Lễ Vượt Qua trùng vào ngày Sa-bát trong năm ấy (theo lịch mặt trăng của người Do-thái)
2. Lễ Bánh Không Men (ngay sau Lễ Vượt Qua) trùng vào ngày Sa-bát trong năm ấy.

Lễ Vượt Qua và Lễ Bánh Không Men hợp lại thành một dịp lễ 8 ngày.

▣ **" họ yêu cầu Phi-lát cho đánh gãy ống chân những người ấy, và hạ xuống"** Đây rõ ràng là một tình huống đã từng xảy ra. Một búa lớn đã được dự bị, dùng để đập gãy chân tử tội. Những tử tội sẽ chết ngay lập tức vì ngạt thở, bởi chân họ không thể nâng đẩy cơ thể lên để thở.

19:33 " họ thấy Ngài đã chết rồi, nên không đánh gãy ống chân Ngài." Đây có thể là điều ứng nghiệm tiên tri từ Xuất Ê-gíp-tô Ký. 12:46; Dân-số Ký. 9:12 and Thi-thiên 34:20.

19:34 " Nhưng có một tên lính lấy giáo đâm vào sườn Ngài, lập tức máu và nước chảy ra." Đây là lời chứng chi tiết về mặt y học, chứng tỏ thực sự Ngài đã chết - qua đó khẳng định nhân tính của Chúa Giê-su. Ở thời điểm viết Phúc Âm Giăng và thư Giăng thứ nhất, Tri Huệ Giáo đang đã phát triển. Họ công nhận nhân tính của Chúa Giê-su, nhưng từ chối nhân tính của Ngài.

19:35 Câu này là lời bình luận của Giăng, người duy nhất chứng kiến tất cả các sự kiện: (1) toà án của người Do-thái xét xử Chúa ban đêm, (2) toà án của thống đốc La-mã, (3) sự đóng đinh. Lời bình luận về cái chết của Chúa Giê-su tương tự với câu 20:30-31, nhấn mạnh tính chất truyền giáo của Phúc Âm Giăng (Xem Giăng 21:24). See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: WITNESSES TO JESUS. ở câu 1:8

Có một sự khác biệt về động từ trong phần cuối của câu. Một số bản chép tiếng Hy-lạp dùng thì hiện tại, còn một số khác dùng thì quá khứ. Nếu nguyên bản dùng thì quá khứ thì trọng tâm phần này hướng về đối tượng chưa tin, cũng như trong Giăng 20:30-31. Nhưng nếu nguyên bản dùng thì hiện tại thì trọng tâm hướng về tín đồ với mục đích khẳng định và phát triển đức tin. Cả hai điều này đều phù hợp với chủ đề Phúc Âm Giăng.

■ **"xác thực ... sự thật."** See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Chân Lý (khái niệm) trong các văn tự của Giăng ở câu 6:55 and CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "xác thực" (thuật ngữ) trong văn tự của Giăng ở câu 17:3

19:36 Đây có thể là sự gợi ý về Chiên Con Lẽ Vượt Qua từ trong Xuất Ê-gíp-tô Ký.12:46; Dân-số Ký. 9:12; hoặc Thi-thiên 34:2 tùy theo cách hiểu thuật ngữ (1) đâm thủng hay (2) đập gãy. Chúa Giê-su hiện ra trong suốt 40 ngày sau phục sinh và dùng những câu kKinh thánh này để dạy dỗ Hội Thánh ban đầu (Xem Lu-ca 24:27; Công vụ 1:2-3). Sự truyền giảng của các Hội thánh ban đầu phản chiếu những ứng nghiệm Cựu-ước mà Chúa Giê-su chỉ ra cho họ. (xem Công vụ)

19:37 Đây là dẫn chứng từ Xa-cha-ri 12:10, hứa hẹn rằng:

1. I-sơ-ra-en sẽ quay lại với Giê-su, Đấng Mê-si-a, trong đức tin (Xem Khải Huyền 1:7)
2. Nhiều tín đồ Do-thái đã than khóc về cái chết của Chúa Giê-su
3. Những người lính La-mã đại diện cho dân ngoại (Xem Ma-thi-ơ 27:54) (Xem Giăng 12:32)

Những dẫn chứng Cựu-ước ở đây đến từ bản Masoretic (Cựu-ước tiếng Hê-bơ-rơ), thay vì đến từ bản Bảy Mươi (Septuagint, là Cựu-ước tiếng Hy-lạp thường được dùng bởi các tác giả Phúc Âm). Bản Bảy Mươi dùng thuật ngữ 'ché diều', còn bản Masoretic dùng 'đâm thủng'.

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIĂNG 19:38-42

³⁸ Sau đó, Giô-sép người A-ri-ma-thê, một môn đồ âm thầm theo Đức Chúa Jê-sus vì sợ người Do Thái, xin Phi-lát cho nhận thi hài của Đức Chúa Jê-sus. Phi-lát cho phép. Vậy, ông đến và nhận thi hài của Ngài. ³⁹ Ni-cô-đem, người trước đây đã đến với Đức Chúa Jê-sus trong ban đêm, cũng đến, đem theo một trăm cân mộc dục trộn với lô hội. ⁴⁰ Họ lấy thi hài của Đức Chúa Jê-sus và dùng vải gai với thuốc thơm quấn lại theo tục lệ khâm liệm của người Do Thái. ⁴¹ Tại nơi Đức Chúa Jê-sus bị đóng đinh có một khu vườn, và trong khu vườn đó có một ngôi mộ mới, chưa chôn ai. ⁴² Vì hôm ấy là ngày Chuẩn Bị của người Do Thái, và ngôi mộ ấy ở gần, nên họ an táng Đức Chúa Jê-sus tại đó.

19:38-39 "Giô-sép ... Ni-cô-đem." Hai người giàu có trong hàng ngũ lãnh đạo tòa Công Luận, đồng thời cũng là những người âm thầm theo Chúa. Họ xuất hiện công khai trong thời điểm hết sức nghiêm trọng và nguy hiểm này.

19:39 "đem theo một trăm cân mộc được trộn với lô hội. " Đây là những dược liệu của người Do-thái trong thế kỷ đầu tiên dùng để tắm liệm. Khối lượng có vẻ hơi nhiều, nhưng mang tính chất biểu tượng sự chôn cất một vị vua. (Xem 2 Các Vua 16:14). Xem Chủ đề Đặc Biệt: Sự Xức dầu trong Kinh Thánh.

Thuật ngữ Hy-lạp 'trộn' (*migma*), đến từ các bản sao MSS P⁶⁶, xi², A, D, L, nhưng hầu hết các linh mục ban đầu đổi sang thuật ngữ 'gói' (*eligma*) trong các bản MSS xi*, B, W, và Coptic. Liên Hội thánh Kinh xếp sự lựa chọn đầu tiên 'trộn' và hạng 'B', (hầu như chắc chắn).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DƯỢC LIỆU ƯỚP XÁC

A. Dầu thơm, chế từ nhựa một loại cây vùng Arabia (BDB 600, KB 629; see UBS, *Fauna and Flora of the Bible*, pp. 147-148)

1. Dầu thơm này được nhắc tới 12 lần trong Cựu-ước, hầu hết ở trong các sách dạy khôn ngoan, (xem Thi-thiên. 45:8; Nhã ca 1:13; 4:14; 5:1,5)
2. Đây là một trong những món quà các nhà thông thái phương đông dâng tặng Chúa Hải Đòng. (Xem Ma-thi-ơ. 2:11)
3. Mang tính chất biểu tượng độc đáo
 - a. làm dầu thánh cho lễ xức dầu" (Xuất. 30:23-25)
 - b. làm quà dâng lên vua (Ma-thi-ơ. 2:11)
 - c. Xức thân thể Chúa trước khi chôn cất. (xem Giăng 19:39 và mang tính biểu tượng trong Giăng 11:2). Đây cũng là truyền thống của người Do-thái theo luật Talmud (xem Berakhoth 53a).
 - d. Dược những người phụ nữ thành Giê-ru-sa-lem làm giảm đau cho những người bị đánh đập trên con đường thập giá (xem Mác 15:23)

B. Trâm hương, một loại gỗ thơm (BDB 14 III, KB 19)

1. liên hệ đến một loại dầu thơm (xem. Dân-số. 24:6; Thi-thiên. 45:8; Châm-ngôn. 7:17; Nhã Ca 4:14; Xem UBS, *Fauna and Flora of the Bible*, pp. 90-91)
2. Dược sử dụng cùng với loại dầu thơm khác bởi người Ai-cập trong quá trình tắm liệm xác chết.
3. Ni-cô-đem sử dụng một khối lượng rất lớn để xức thân thể và tắm liệm Chúa Giê-su (xem. Giăng 19:39). Đây là thực hành theo luật Tamud của người Do-thái. (xem., Betsah 6a). Xem Chủ Đề Đặc Biệt "Tập tục Chôn Cất"

19:40 " Họ lấy thi hài của Đức Chúa Jê-sus và dùng vải gai với thuốc thơm quấn lại

Những mộc dược phục vụ hai mục đích, (1) khử mùi hôi, và (2) giữ vải liệm quấn chặt trên thân thể.

19:41 "Tại nơi Đức Chúa Jê-sus bị đóng đinh có một khu vườn, và trong khu vườn đó có một ngôi mộ mới, chưa chôn ai." Chúng ta phải hiểu sự khẩn thiết mà Giô-sép và Ni-cô-đem phải có trong vòng 3 tiếng đồng hồ từ 3 đến 6 giờ, là thời điểm thân thể Chúa Giê-su phải đặt trong mộ khi bắt đầu ngày Sa-bát của Lễ Vượt Qua.

▣ **" có một ngôi mộ mới, chưa chôn ai."** Đây là cách nói vòng, bị động thì quá khứ. Chúng ta được biết đây chính là ngôi mộ của bản thân Giô-sép. (xem Ma-thi-ơ 27:60) và là điều ứng nghiệm Isaiah 53:9, được dẫn chứng trong Ma-thi-ơ 27:57.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao quân lính si nhục và đánh Chúa?
2. Việc Phi-lát tìm cách thả Chúa nhiều lần có tầm quan trọng nào?
3. Vì sao lời tuyên bố của Thầy Thượng Tế trong Giăng 19:15 gây sự sùng sốt như vậy?
4. Vì sao có sự khác nhau giữa các Phúc âm về chi tiết sự đóng đinh. ?
5. Phục Truyền 21:23 liên hệ tới sự đóng đinh của Chúa như thế nào?

GIẢNG 20**CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Phục sinh của Chúa Giê-su	Ngôi mộ trống	Sự Phục sinh	Ngôi mộ trống	Ngôi mộ trống
20:1-10	20:1-10	20:1-10	20:1-10	20:1-2 20:3-10
Sự Chúa hiện ra cho Ma-ri Mác-đa-len	Ma-ri Mác-đa-len thấy Chúa Phục sinh		Sự hiện ra cho Ma-ri Mác-đa-len	Sự hiện ra cho Ma-ri Mác-đa-len
20:11-18	20:11-18	20:11-18	20:11-13a 20:13b 20:14-15a 20:15b 20:16a 20:16b 20:17 20:18	20:11-18
Chúa hiện ra cho các môn đồ	Các sứ đồ được bổ nhiệm		Chúa hiện ra cho các môn đồ	sự hiện ra cho các môn đồ
20:19-23	20:19-23	20:19-23	20:19-23	20:19-23
Chúa và Tô-ma	Thấy và tin		Chúa và Tô-ma	
20:24-29	20:24-29	20:24-29	20:24-25a 20:25b 20:26-27 20:28 20:29	20:24-29
mục đích của cuốn sách	Để anh em tin		mục đích của cuốn sách	Lời kết thứ nhất.
20:30-31	20:30-31	20:30-31	20:30-31	20:30-31

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)***THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN*

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 69. Phân đoạn 1
- 70. Phân đoạn 2
- 71. Phân đoạn 3
- 72. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU CÂU 1-29

A. Mọi lời hứa (trong Giăng 14-17) của Chúa đối với các môn đồ đều ứng nghiệm trong buổi tối Chủ Nhật Phục Sinh. Xem ghi chú cho Giăng 16:20.

B. Các Phúc Âm chứa đựng chi tiết Phục sinh khác nhau vì:

1. Đây là nhân chứng chứng kiến tận mắt
2. Nhiều năm đã trôi qua.
3. Mỗi tác giả đều nhấn mạnh các chi tiết khác nhau và nhắm vào đối tượng người đọc khác nhau. (Xem Ma-thi-ơ 28; Mác 16; Lu-ca 24)

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIĂNG 20:1-10

¹ Sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần, lúc trời còn tối, Ma-ri Ma-đơ-len đến mộ, thấy tảng đá đã được dời khỏi mộ. ² Vậy, bà chạy đến với Si-môn Phi-e-rơ và môn đồ kia, là người Đức Chúa Jê-sus yêu thương, và nói: “Người ta đã dời Chúa khỏi mộ, chúng tôi không biết họ để Ngài ở đâu?”

³ Phi-e-rơ với môn đồ kia bước ra, đi đến mộ. ⁴ Cả hai cùng chạy, nhưng môn đồ kia chạy nhanh hơn Phi-e-rơ và đến mộ trước. ⁵ Ông cúi xuống nhìn vào, thấy vải liệm nằm ở đó, nhưng không vào. ⁶ Si-môn Phi-e-rơ theo đến, bước vào trong mộ, thấy vải liệm nằm ở đó, ⁷ còn khăn che đầu Đức Chúa Jê-sus thì không nằm chung với vải, nhưng cuộn lại để riêng ra một chỗ. ⁸ Lúc ấy, môn đồ kia đã đến mộ trước, cũng bước vào, thấy và tin. ⁹ Nhưng họ vẫn chưa hiểu lời Kinh Thánh chép rằng Ngài phải từ cõi chết sống lại. ¹⁰ Rồi các môn đồ trở về nhà.

20:1 " Sáng sớm ngày thứ nhất trong tuần, " Đây là Chủ Nhật, ngày làm việc đầu tiên trong tuần, tiếp theo sau ngày Thượng Lễ Sa-bát của Tuần Lễ Vượt Qua, khi trái cây đầu mùa được dâng tế trong Đền Thánh. Chúa Giê-su là "trái đầu mùa" trong vòng những người từ cõi chết. (Xem 1 Cô-rin-tô 15:23). Việc Chúa Giê-su hiện ra trong ba ngày Chủ Nhật liên tiếp trở nên bối cảnh cho việc các tín đồ thờ phượng Chúa trong ngày Chủ Nhật. (Xem Giăng 20:19, 26; Lu-ca 24:36 và các câu tiếp theo; Công vụ 20:7; 1 Cô-rin-tô 16:2).

▣ **" Ma-ri Ma-đơ-len "** Đây là một trong những phụ nữ cận kề Chúa và các sứ đồ. Ở Ga-li-lê, Ma-ri được Chúa đuổi khỏi người bầy con quỷ, (Xem Mác 16:9 and Lu-ca 8:2). Nàng cũng có mặt khi Chúa bị đóng đinh. Xem ghi chú cho câu Giăng 19:25.

Mặc dầu Phúc Âm Giăng không nói rõ mục đích Ma-ri đến viếng mộ, nhưng Mác 16:1 and Lu-ca 23:56 nhắc đến vài phụ nữ (Xem Giăng 20:2) đến mộ sớm để thăm liệm xác Chúa. Chắc họ không biết việc Giô-sép và Ni-cô-đem đã làm, hoặc họ cho việc đã làm trước đó chưa đủ.

▣ **" lúc trời còn tối,** Ma-ri và những phụ nữ rời nhà lúc còn tối, nhưng họ đến ngôi một lúc trời đã hừng sáng. (Xem Ma-thi-ơ 28:1; Mác 16:2).

▣ **"tảng đá đã được dời khỏi mộ."** Nghĩa đen 'được lấy ra khỏi 'rãnh đất' - động tính từ bị động thì quá khứ. (Xem Ma-thi-ơ 28:2). Tảng đá được dời đi để những chứng nhân vào ngôi mộ, chứ không phải để Chúa Giê-su đi ra ngoài. Thân thể phục sinh của Chúa không còn bị hạn chế của xác thịt trần thế nữa. (i.e., Giăng 20:19,26).

20:2 "Vậy, bà chạy đến" Ma-ri rời mộ, chạy đến báo cho các môn đồ về việc Chúa không còn ở trong mộ nữa. (Xem Ma-thi-ơ 28:5).

▣ **môn đồ kia, là người Đức Chúa Jê-sus yêu thương,** " Thuật ngữ 'yêu' tiếng Hy-lạp là *Phi-lípeō* - thân yêu, nhưng tiếng Koine Hy-lạp, phổ thông từ năm 300 T.C.N đến 300 S. C. N dùng *agapaō* -yêu thương, một cách tương đồng. Người môn đồ được nhắc đến ở đây chính là Giăng, tác giả của Phúc Âm Giăng. (Xem Giăng 20:4-8 and 13:23). Ông có mặt cùng với Phi-ê-rơ.

▣ **"Người ta đã dời Chúa khỏi mộ,"** Động từ chủ động chỉ định thì quá khứ, nói về một hành động đã kết thúc. Chúa Giê-su đã bị lấy đi. Trong tâm trí của Ma-ri, 'người ta' ở đây ám chỉ những người lãnh đạo Do-thái. Rõ ràng các môn đồ và sứ đồ có mặt ở Lầu Trên không tránh khỏi sự sợ hãi vì câu chuyện phục sinh mà Ma-ri đem lại.

▣ **"Chúng tôi"** bao gồm Ma-ri Mác-đa-len, Ma-ri mẹ của Gia-cơ, Sa-lô-mê, Giô-an-ne những phụ nữ khác. (Xem Ma-thi-ơ 28:1; Mác 16:1; Lu-ca 24:10).

20:4 "Cả hai cùng chạy, nhưng môn đồ kia chạy nhanh hơn Phi-e-rơ và đến mộ trước." Giăng có lẽ là người trẻ nhất trong vòng các môn đồ (theo truyền thống).

20:5 "cúi xuống nhìn vào," Cửa mộ thường thấp khoảng trên dưới 1 mét, Muốn vào mộ người ta phải cúi xuống. (Xem Giăng 20:11).

▣ **" nhìn vào,** nghĩa đen 'nheo mắt nhìn', bởi vì có khác biệt cường độ ánh sáng trong và ngoài mộ.

▣ **"vải liệm nằm ở đó,"** Các văn bản không cho biết rõ vị trí và hình thức những tấm vải liệm được thấy trong mộ. Tuy nhiên, nếu xác Chúa bị lấy đi, thì những tấm vải liệm cũng không thể còn sót lại, bởi chúng được dán chặt vào thân thể bởi mọt dục!

20:6 "Simon Phi-ê-rơ" Simon (*Cephas*) là tên theo tiếng Hê-bơ-rơ / A-ram-mic, còn Phi-ê-rơ (*Petros*) là tên theo tiếng Hy-lạp mà Chúa đặt cho ông, có nghĩa là hòn đá hay đá. (Xem Ma-thi-ơ 16:18). Trong tiếng A-ram-mic không có sự khác biệt giữa *Petros* và *Petra*.

20:7 "khăn che đầu" Mặt Chúa được quấn bằng một miếng vải khác (Xem Giăng 11:44), có thể là khăn tay, (1) đặt trên mặt; (2) quấn mặt (Xem NJB); hoặc (3) quấn hàm răng cho chặt (Xem TEV).

▣ **"không nằm chung với vải"** Động tính từ bị động, thì quá khứ ám chỉ có người cẩn thận xếp chiếc khăn đó lại. Chi tiết này được Giăng đặc biệt để ý và giúp ông tăng trưởng niềm tin. (Giăng 20:8).

20:8 "thấy và tin." Giăng thấy bằng chứng về sự phục sinh và tin Chúa Giê-su đã sống lại. Tin vào sự sống lại là một trọng tâm của chủ đề thần học.

1. Rô-ma 10:9-13

2. 1 Cô-rin-tô 15

1 Cô-rin-tô 15:12-19 tóm tắt hậu quả của việc Chúa không sống lại. Sự sống lại là chủ đề chính trong các bài truyền giảng (*kerygma*) của các sứ đồ. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: CÁC BÀI GIẢNG (*KERYGMA*) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN, ở câu 5:39

20:9 "Nhưng họ vẫn chưa hiểu lời Kinh Thánh"

" Đây là lời bình luận của tác giả, có thể nói về Thi-thiên 16:10, mà Phi-ê-rơ dẫn chứng trong ngày Ngũ Tuần, trong Công vụ 2:27. Cũng có thể nói về Ê-sai 53:10-12 hoặc Ô-sê 6:2. Người trong hội đồng công luận hiểu Chúa nói về sự Phục Sinh, (Xem Ma-thi-ơ 27:62-66), còn các môn đồ thì mù tịt, thật đáng chê trách.

Về mặt thần học, câu này cũng khẳng định việc Chúa Thánh Linh chưa giáng trần trên các môn đồ. Khi Ngài xuống, Ngài sẽ giúp các tín đồ hiểu được giáo huấn và hành động của Chúa Giê-su. (Xem Giăng 2:22; 14:26).

20:10 Có thể (1) họ trở về xứ Ga-li-lê, (Xem Ma-thi-ơ 26:32; 28:7,10,16; Giăng 21 nói về việc họ đi đánh cá ở biển Ga-li-lê) hoặc (2) về nơi họ ở tạm tại Giê-ru-sa-lem. Khả năng thứ hai có vẻ có lý hơn, vì họ đang tụ tập ở Lâu Trên.

BẢN NASB (HIỆU ĐÍCH RRV 2011) GIĂNG 20:11-18

¹¹Ma-ri đứng bên ngoài mộ mà khóc. Bà vừa khóc vừa cúi xuống nhìn vào trong mộ, ¹²thấy hai thiên sứ mặc áo trắng ngồi tại chỗ đã đặt xác của Đức Chúa Jê-sus, một vị ngồi đằng đầu, một vị đằng chân. ¹³Hai thiên sứ hỏi: "Này bà, sao bà khóc?" Ma-ri trả lời: "Vì người ta đã dời Chúa tôi đi, tôi không biết họ để Ngài ở đâu!" ¹⁴Vừa nói xong, bà quay lại, thấy Đức Chúa Jê-sus đang đứng, nhưng bà không biết đó là Đức Chúa Jê-sus. ¹⁵Đức Chúa Jê-sus hỏi bà: "Này bà, sao bà khóc? Bà tìm ai?" Ngỡ rằng đó là người làm vườn, nên bà nói: "Thưa ông, nếu ông đã dời Ngài đi, xin nói cho tôi biết ông đã đặt Ngài ở đâu để tôi sẽ đến đem về." ¹⁶Đức Chúa Jê-sus gọi: "Ma-ri!" Bà quay lại dùng tiếng Hê-bơ-ơ thưa rằng: "Ra-bu-ni" (nghĩa là Thầy)! ¹⁷Đức Chúa Jê-sus bảo: "Đừng chạm đến Ta, vì Ta chưa lên với Cha! Nhưng hãy đi đến với anh em Ta, bảo họ rằng: Ta đang lên với Cha Ta và Cha các con, với Đức Chúa Trời Ta và Đức Chúa Trời các con." ¹⁸Ma-ri Ma-đo-len đi báo cho các môn đồ rằng bà đã thấy Chúa, và Ngài đã nói cho bà những điều này.

20:11 "khóc." Nghĩa đen "than khóc thảm thiết" (Xem Giăng 11:31). Ở đây động từ 'khóc' trong thì quá khứ chưa hoàn thành, có nghĩa tiếp tục từ trong quá khứ. Những hành động liên hệ tới tang lễ ở phương đông mang tính cảm xúc mạnh mẽ.

20:12 "hai thiên sứ" Giăng và Lu-ca (24:23) cùng đồng ý về hai vị thiên sứ, còn Ma-thi-ơ, mặc dầu ghi nhận tất cả mọi thứ theo từng đôi, (Xem Giăng 8:28; 9:27; 20:30), nhưng chỉ nói tới 1 thiên sứ. Lại thêm một ví dụ về sự khác nhau không thể giải thích nổi giữa các Phúc Âm.

Phúc Âm là sự tường trình của các nhân chứng với sự uyển chuyển lựa chọn, kết hợp các giáo huấn và công tác của Chúa Giê-su, làm thích nghi với mục đích thần học của tác giả và nhu cầu của nhóm độc giả nguyên thủy cụ thể. Các độc giả ngày nay thường (1) hỏi Phúc Âm nào chính xác hơn về mặt lịch sử, và (2) tìm kiếm những chi tiết lịch sử bên ngoài những gì mà các tác giả, dưới sự linh cảm của Thánh Linh, ghi chép trong Phúc Âm. Thực ra chúng ta không cần nhiều chi tiết về lịch sử để hiểu Phúc Âm, nhưng cần biết được dụng ý ban đầu của tác giả trong từng Phúc Âm.

▣ **"mặc áo trắng"** Thực tại thuộc linh được mô tả màu trắng là:

1. Y phục của Chúa Giê-su khi Ngài hóa hình trên núi - Ma-thi-ơ 17:2; Mác 9:3; Lu-ca 9:29
2. Các thiên sứ trong mộ -- Ma-thi-ơ 28:3; Mác 16:5; Lu-ca 24:4; Giăng 20:12
3. Các thiên sứ khi Chúa thăng thiên,- Công vụ 1:10
4. Các thánh đồ cùng Chúa tái lâm- Khải Huyền 3:4-5,18
5. Các trưởng lão xung quanh ngôi của Đức Chúa Trời.- Khải Huyền 4:4
6. Các tử đạo dưới ngôi của Đức Chúa Trời. - Khải Huyền 6:11
7. Tất cả những người được cứu.- Khải Huyền 7:9,13-14 (Xem Đa-ni-en 12:10)
8. Tinh binh trên trời (thiên sứ)- Khải Huyền 19:14
9. Hình ảnh về sự tha thứ từ trong Cựu-ước, Thi-thiên 51:7; Ê-sai 1:18 (biểu tượng sự thánh khiết của Chúa, Xem Đa-ni-en 7:9)

20:14 "bà không biết đó là Đức Chúa Jê-sus" Ma-ri Mác-đa-len không nhận ra Chúa Giê-su, có thể vì những lý do sau đây:

1. mắt nàng đầy nước mắt
2. nàng nhìn ra ánh sáng từ bóng tối
3. Chúa Giê-su xuất hiện với một hình bóng khác thường (Xem Ma-thi-ơ 28:17 and Lu-ca 24:16,37)

20:15 "“Ra-bu-ni” (nghĩa là Thầy)" Thuật ngữ Hy-lạp là *kurios*, được dùng ở đây bên ngoài dụng ý thần học (Xem Giăng 12:21). Có thể được dịch ra: 'ngài', 'chủ', 'chủ nhân', 'chồng' hoặc 'Chúa'. Ma-ri nghĩ rằng mình đang nói chuyện với (1) người làm vườn hoặc (2) người chủ vườn.

(thuật ngữ 'kurios' được dùng trong mục đích thần học trong Giăng 20:28!)

▣ **"nếu"** - thể điều kiện hạng nhất, có nghĩa giả thiết là sự thực theo quan điểm người nói. Ma-ri tin rằng có ai đó đã lấy đi xác của Chúa Giê-su.

20:16 " “Ma-ri!” ... " thực ra Chúa gọi Ma-ri là 'Mi-ri-am'. Cả hai tên gọi đều có trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ (Hê-bơ-rơ còn được gọi là A-ram-mic, Xem Giăng 5:2; 19:13,17,20). Rõ ràng Chúa gọi Ma-ri một cách rất đặc thù mà Ma-ri có thể nhận ra Ngài ngay lập tức, cũng như cách Chúa cầu nguyện khiến hai môn đồ nhận ra Chúa, trên đường tới làm Ê-ma-út. (Xem Lu-ca 24:30-31).

“Ra-bu-ni” - Chữ 'i' ở cuối thuật ngữ khiến 'ra-bu-ni' có thể dịch là: 'Thầy của tôi' hay Chúa của tôi'

Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Xuất hiện Của Chúa Giê-su Sau Phục Sinh

Chúa Giê-su hiện ra cho một vài người để khẳng định Ngài phục sinh

1. những phụ nữ bên ngôi mộ, Ma-thi-ơ. 28:9
2. những môn đồ tập họp ở Ga-li-lê trước khi Chúa thăng thiên, Ma-thi-ơ. 28:16
3. Si-môn, Lu-ca 24:34
4. Hai môn đồ trên đường đi Ê-ma-út. Lu-ca 24:15
5. Các môn đồ ở Lâu Trên, Lu-ca 24:36
6. Ma-ri Mác-đa-len, Giăng 20:15
7. Mười môn đồ ở Lâu Trên, Giăng 20:20
8. Mười một môn đồ ở Lâu Trên, Giăng 20:26
9. Bảy môn đồ trên bờ biển Ga-li-lê, Giăng 21:1
10. Sê-pha (Phi-ê-rơ), 1 Cô-rin-tô. 15:5
11. Mười Hai (Sứ đồ), 1 Cô-rin-tô. 15:5
12. 500 anh em tín đồ, 1 Cô-rin-tô. 15:6 liên hệ tới Ma-thi-ơ. 28:16-17
13. Gia-cơ (gia đình thuộc thể của Chúa), 1 Cô-rin-tô. 15:7
14. Tất cả các sứ đồ, 1 Cô-rin-tô. 15:7
15. Phao-lô 1 Cô-rin-tô. 15:8 (Công-vụ 9)

Tất nhiên một số trường hợp kể trên được lặp lại trong các sách khác nhau. Chúa Giê-su muốn họ biết chắc chắn Ngài đã Phục sinh!

20:17

NASB "đừng níu lấy Ta nữa"
NKJV "đừng níu lấy Ta "

NRSV "đừng cầm giữ Ta"
TEV "đừng cầm giữ Ta Mẹ"
NJB "đừng níu lấy Ta"

Bản dịch KJV sử dụng "touch me not." - "đừng đụng, sờ, chạm vào Ta", Đây là mệnh lệnh thức dạng trung cách thì hiện tại với động tính từ phủ định, có nghĩa yêu cầu chấm dứt một hành động đã bắt đầu và đang tiếp diễn. Ma-ri đã nắm chặt Chúa và không chịu buông ra. Việc động tới thân thể Chúa trước khi Ngài thăng thiên không mang một ý nghĩa thần học nào bởi Chúa cho phép Tô-ma động tới Chúa trong Giăng 20:27, cũng như các phụ nữ ôm chân Chúa trong Ma-thi-ơ 28:9.

▣ **"Ta chưa lên với Cha!"** Đây là động từ chỉ định, chủ động, thì quá khứ hoàn thành. Chúa chưa thăng thiên cho đến hết giai đoạn 40 ngày sau Phục sinh (Xem Công vụ 1:9).

▣ **"Ta đang lên với Cha"** Đây là thì hiện tại. Sự thăng thiên chưa xảy ra cho đến hết 40 ngày Ngài ở với các môn đồ. (Xem Lu-ca 24:50-52; Công vụ 1:2-3). Giăng luôn sử dụng nhị nguyên luận trên / dưới, cao/thấp, trời / đất trong cách hành văn. Chúa Giê-su từ Cha (tiên tại) và Ngài trở về với Cha (trong sự vinh quang).

▣ **"Cha Ta và Cha các con"** Đây thật là một tuyên bố tuyệt diệu. Lẽ dĩ nhiên sự làm con của tín đồ không tương đương với vị trí 'Con Độc Sinh' của Chúa Giê-su, Giăng 3:16. Chúa là Đấng Thần Nhân duy nhất. Các tín đồ trở nên con cái Đức Chúa Trời nhờ Chúa Giê-su. Ngài là Chúa, Đấng Cứu Thế và là Người Anh-Em của chúng ta.

20:18 Ma-ri cũng là nhân chứng sống về sự Phục sinh!

BẢN NASB (HIỆU ĐỊNH RRV 2011) GIĂNG 20:19-23

¹⁹Chiều ngày ấy, ngày thứ nhất trong tuần, cửa nơi các môn đồ ở đều đóng vì sợ người Do Thái. Đức Chúa Jê-sus đến đứng giữa họ và nói: "Bình an cho các con!" ²⁰Nói xong, Ngài cho họ xem tay và sườn mình. Khi thấy Chúa, các môn đồ thật vui mừng. ²¹Ngài lại nói với họ: "Bình an cho các con! Như Cha đã sai Ta thế nào, Ta cũng sai các con thế ấy." ²²Nói xong, Ngài hà hơi trên họ và nói: "Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh. ²³Nếu các con tha tội cho ai thì tội của người ấy sẽ được tha; nếu các con cầm tội ai lại thì tội của người ấy sẽ bị cầm lại."

20:19 "Chiều ngày ấy," Ngày của người Do-thái bắt đầu và kết thúc vào buổi tối. Ở đây khoảng 6 giờ tối Chủ Nhật.

▣ **" ngày thứ nhất trong tuần,"** Chủ Nhật là ngày làm việc đầu tiên trong tuần, giống như ngày thứ hai của chúng ta. Ngày này trở nên ngày thờ phượng của hội thánh để kỷ niệm ngày Chúa phục sinh. Chúa Giê-su khởi xướng khuôn mẫu thờ phượng ngày Chủ nhật bằng cách hiện ra cho các môn đồ liên tục trong ba ngày Chủ Nhật. (Xem Giăng 20:19,26; Lu-ca 24:36ff; Công vụ 20:7; 1 Cô-rin-tô 16:2).

Thế hệ các tín đồ đầu tiên vẫn nhóm họp tại các nhà hội trong ngày Sa-bát và tại Đền Thánh trong một số ngày Lễ. Tuy nhiên sau năm 70 S.C.N, hội đồng các thầy Ra-bi đặt điều tuyên thệ, đòi hỏi thành viên nhà hội phải phủ nhận Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. Ở thời điểm này các tín đồ từ bỏ nhóm trong ngày Sa-bát, nhưng tiếp tục nhóm trong ngày Chủ Nhật, ngày Chúa sống lại, để kỷ niệm Chúa phục sinh.

▣ **" cửa nơi các môn đồ ở đều đóng "** Đây là động tính từ bị động thì quá khứ. (cửa đã bị đóng). Số nhiều của 'cửa' chứng tỏ cả cửa tầng dưới và tầng trên đều bị đóng. Câu này nhấn mạnh (1) sự hiện ra của Chúa Giê-su hoặc (2) sự sợ bị bắt của các môn đồ. .

▣ **" các môn đồ thật vui mừng."** Tô-ma đi vắng, các môn đồ khác ngoài nhóm các sứ đồ cũng có mặt. (xem Lu-ca 24:33).

▣ **"Bình an cho các con"** Điều này chứng tỏ sự ngạc nhiên và sợ hãi của mọi người, Chúa hứa cho họ sự bình an. (Xem Giăng 14:27; 16:33). Sự bình an cũng là lời chào hỏi trong tiếng Hê-bơ-rơ *shalom*. Chúa Giê-su nhắc lại sự bình an tới 3 lần (Giăng 20:19,21,26).

20:20 "Ngài cho họ xem tay và sườn mình." Dường như Giăng để ý tới vết đâm thủng bên sườn Chúa nhiều hơn các tác giả của các Phúc Âm Đồng Quan. (Xem Giăng 19:37; 20:25). Chân bị đóng đinh không được nhắc đến ngoài Lu-ca 24:39 và Thi-thiên 22:16. Thân thể vinh quang của Chúa vẫn còn mang dấu vết của sự đóng đinh. (Xem 1 Cô-rin-tô 1:23; Ga-la-ti 3:1).

▣ **"Chúa"** Danh hiệu này mang ý nghĩa thần học, liên hệ tới Đức Giê-hô-va trong Cựu-ước, (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 3:14). Xưng nhận Chúa Giê-su bằng Danh Hiệu Đức Chúa Trời từ trong Cựu-ước là cách mà các tác giả Tân-ước khẳng định Chúa Giê-su hoàn toàn là Thần Đức. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Danh Của Chúa. (CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Names for Deity, ở câu 6:20)

20:21 "Như Cha đã sai Ta thế nào," Động từ 'sai' chỉ định, chủ động, thì quá khứ hoàn thành (Xem Giăng 17:18). Hội thánh có một sứ mạng thuộc linh. (Xem Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Tín đồ được phái đi trong một sứ mạng vị tha (Xem 2 Cô-rin-tô 5:14-15; 1 Giăng 3:16).

Chúa Giê-su sử dụng hai thuật ngữ 'sai đi', trong giăng, hai thuật ngữ này có thể thay đổi lẫn nhau. Trong Giăng 8, *pempō* nói về Chúa Giê-su được Cha sai phái (Xem Giăng 8:16,18,26,29), và *apostellō* được dùng với mục đích tương tự trong 8:42. và trong Giăng 5,6. See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT Send (Apostellō) ở câu 5:24

20:22 "Ngài hà hơi trên họ" Đây là cách chơi chữ của thuật ngữ "thở". Trong tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp, các chữ *ruach* và *pneuma* có thể mang ý nghĩa: 'hơi thở', 'gió' và 'linh'. Cũng động từ này được bản Bảy Mươi (Septuagint) dùng mô tả công việc tạo hóa của Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký. 2:7 và hồi phục I-sơ-ra-en trong Ê-xê-chi-en 37:5,9. Đại từ chỉ định 'họ' ám chỉ một đám đông các môn đồ nhiều hơn nhóm sứ đồ. (Xem Lu-ca 24:33).

▣ **"Hãy nhận lãnh Đức Thánh Linh."** Đây là mệnh lệnh thức, chủ động thì quá khứ. Câu này liên hệ thế nào đến việc Đức Thánh Linh giáng xuống trong Lễ Ngũ tuần là điều không rõ. Chúa Giê-su thực hiện tất cả những điều Chúa hứa với các môn đồ ngay trong lần hiện ra đầu tiên. Ở đây Chúa Giê-su trang bị cho họ cho chức vụ Chúa trao, cũng như Đức Thánh Linh trang bị Chúa tại thời điểm Chúa được báp-tem.

Câu này được sử dụng trong cuộc tranh cãi của các hội thánh đầu tiên về việc Đức Thánh Linh đến từ Đức Chúa Cha, hay đến từ Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Sự thực là cả ba ngôi đều tham gia trong tất cả công việc cứu chuộc nhân loại.

Trong cuốn *A Theology of the New Testament*, George Ladd tóm lược những khả năng giải kinh cho câu này như sau:

"Đoạn văn này gây những khó khăn về việc giải thích khi nào Đức Thánh Linh giáng trần, khi Chúa hà hơi hay trong Lễ Ngũ Tuần. Có ba cách giải thích như sau: (1) Giăng không biết về Lễ Ngũ Tuần và thay nó bằng câu chuyện (Chúa hà hơi) này- như vậy Đức Thánh Linh giáng trần là Lễ Ngũ Tuần theo quan điểm của Giăng. Hoặc (2) có hai món quà qua Đức Thánh Linh, hoặc (3) Chúa Giê-su hà hơi ban Thánh Linh cho các môn đồ như ản dụ một lời hứa, khiến các môn đồ mong đợi sự giáng trần thực sự của Đức Thánh Linh trong ngày Lễ Ngũ tuần." (trang. 289).

Lời ghi chú cuối trang số 24 (trang 1965) trong bản Kinh thánh NET gợi ý Sáng Thế Ký. 2:7 (LXX). Như cuộc sống thuộc thể được ban trong Sáng Thế Ký, sự sống đời đời được ban trong Tân-ước. Sự nhấn mạnh 'hơi thở của Đức Chúa Trời' có ý nghĩa song song với Ê-xê-chi-en 37, trong đó Đức Chúa Trời đem lại cuộc sống mới cho dân sự của Ngài qua hà hơi Thánh Linh.

20:23 "Nếu các con tha tội cho ai " Cả hai câu trong thể điều kiện hạng ba, với chữ 'an' thường có trong thể điều kiện hạng hai, thay vì chữ 'ean' Sự xáo trộn này đề cao khả năng xảy ra việc chia sẻ Phúc Âm và tiếp nhận Phúc Âm nhờ niềm tin. Người biết Phúc Âm chọn sự chia sẻ và người nghe vui lòng tiếp nhận, cả hai về đều quan trọng. Câu này không trao quyền tha tội cho hàng ngũ giáo phẩm, nhưng cơ hội cho tất cả những người làm chứng với đức tin. Quyền năng thay đổi sự sống này được chứng minh trong kết quả của chuyến đi truyền giáo của bảy mươi môn đồ trong thời kỳ Chúa Giê-su sống trên trần gian.

▣ **"ai thì tội của người ấy sẽ được tha"** Cấu trúc ngữ pháp ở đây là động từ chỉ định, bị động thì quá khứ (được tha). Dạng quá khứ ám chỉ sự tha thứ của Đức Chúa Trời, dự bị qua việc truyền giảng Phúc âm. Các tín đồ có chìa khóa để vào Nước Trời (Xem Ma-thi-ơ 16:19) nếu như họ muốn sử dụng chìa khóa đó. Lời hứa được ban cho Hội Thánh, chứ không ban cho một cá nhân. Về mặt thần học, điều này tương tự như việc 'buộc' và 'mở' trong Ma-thi-ơ 18:18.

BẢN NASB (HIỆU ĐỊNH RRV 2011) GIẢNG 20:24-25

²⁴Lúc Đức Chúa Jê-sus đến thì Thô-ma gọi là Đì-đim, một trong mười hai sứ đồ, không có ở đó với họ.²⁵Các môn đồ khác nói với ông: “Chúng tôi đã thấy Chúa.” Nhưng Thô-ma đáp: “Nếu tôi không thấy dấu đinh trong bàn tay Ngài, nếu tôi không đặt ngón tay tôi vào chỗ dấu đinh, và không đặt bàn tay tôi vào sườn Ngài thì tôi sẽ không tin.”

20:24 " Thô-ma gọi là Đì-đim, " Đì-đim có nghĩa là 'sinh đôi' trong tiếng Hy-lạp. (Xem Giảng 11:16). Nhiều người gọi Thô-ma người đa nghi. để công bằng, xin hãy nhớ đến việc ông sẵn lòng hy sinh với Chúa Giảng 11:16, Thô-ma xuất hiện trong Giảng nhiều hơn trong các Phúc Âm Đồng Quan. (Xem Giảng 11:16; 14:5; 20:24,26,27,28,29; 21:2).

20:25 " Nếu tôi không thấy dấu đinh trong bàn tay Ngài, nếu tôi không đặt ngón tay tôi vào chỗ dấu đinh, và không đặt bàn tay tôi vào sườn Ngài thì tôi sẽ không tin." "nếu không..." là thể điều kiện thứ ba với dạng phủ nhận kép: 'Tôi sẽ không tin, không bao giờ tin...' nếu tôi không chứng kiến mắt thấy, tay sờ. Chúa Giê-su tôn trọng yêu cầu của Thô-ma. Chúa làm việc với đức tin của các môn đồ qua (1) phép lạ, (2) dự báo, tiên tri. Sứ điệp của Chúa còn quá mới và khác thường, Ngài cho phép các môn đồ thời gian để hiểu và thấu suốt những chủ đề và ứng dụng của Phúc Âm.

▣ **"dấu đinh "** Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT dưới đây

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KHUÔN MẪU, DẤU {FORM (TUPOS)}

Thuật ngữ *tupos* có ý nghĩa khá rộng trong ngữ nghĩa học.

1. Moulton and Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*, p. 645
 - a. kiểu mẫu
 - b. chương trình
 - c. hình thức viết văn
 - d. tuyên bố hoặc sự viết lại
 - e. bản cáo trạng, quyết định toà án.
 - f. mô hình thân thể con người dâng tế cho thần chữa bệnh.
 - g. động từ dùng trong việc thực thi mệnh lệnh, luật pháp
2. Louw and Nida, *Greek-English Lexicon*, vol. 2, p. 249
 - a. vết sẹo (Xem Giảng 20:25)
 - b. hình ảnh (Xem Công-vụ 7:43)
 - c. kiểu mẫu (Xem Hê-bơ-rơ. 8:5)
 - d. gương mẫu, ví dụ (Xem 1 Cô-rin-tô. 10:6; Phi-líp. 3:17)
 - e. nguyên mẫu (Xem Rô-ma. 5:14)
 - f. như (Xem Công-vụ 23:25)
 - g. nội dung (Xem Công-vụ 23:25)

3. Harold K. Moulton, *The Analytical Greek Lexicon Revised*, p. 411
- một đòn, một in ấn, một dấu vết (Xem Giăng 20:25)
 - một mô tả, phác họa
 - một hình ảnh (Xem Công-vụ 7:43)
 - một công thức, một mưu đồ (Xem Rô-ma. 6:17)
 - một hình thức, nội dung (Xem Công-vụ 23:25)
 - một bản sao (Xem 1 Cô-rin-tô. 10:6)
 - hình bóng được trông đợi. (Xem Rô-ma. 5:14; 1 Cô-rin-tô. 10:11)
 - một kiểu mẫu (Xem Công-vụ 7:44; Hê-bơ-rơ. 8:5)
 - khuôn mẫu đạo đức (Xem Phi-líp. 3:17; 1 Tê-sa-lô-ni-ca. 1:7; 2 Tê-sa-lô-ni-ca. 3:9; 1 Ti-mô-thê 4:12; 1 Phi-ê-rơ 5:3)

Xin nhớ rằng từ điển chỉ liệt kê ý nghĩa từ vựng, nhưng không quyết định ý nghĩa câu văn, nhưng cách sử dụng từ vựng trong một câu cụ thể, tức ngữ cảnh xác định ý nghĩa cho câu ấy. Xin bạn hãy cẩn thận khi dùng ý nghĩa trong từ điển để giải thích câu văn một cách chung chung trong tất cả các trường hợp xuất hiện trong Kinh thánh. Xin nhớ "ngữ cảnh, ngữ cảnh và ngữ cảnh xác định ý nghĩa của từng câu văn.

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIĂNG 20:26-29

²⁶Tám ngày sau, các môn đồ lại họp trong nhà, Tô-ma cũng có ở đó với họ. Dù các cửa đều đóng, Đức Chúa Jê-sus đến đứng giữa họ và nói: "Bình an cho các con!" ²⁷Rồi Ngài bảo Tô-ma: "Hãy đặt ngón tay con vào đây và xem bàn tay Ta. Hãy đưa bàn tay con ra và đặt vào sườn Ta. Đừng vô tín, nhưng hãy tin!" ²⁸Tô-ma thưa rằng: "Lạy Chúa của con và Đức Chúa Trời con!" ²⁹Đức Chúa Jê-sus nói: "Có phải vì thấy Ta nên con tin chăng? Phước cho những người không thấy mà tin!"

20:26 Tám ngày sau "Đây là thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ ngụ ý nói về 1 tuần. Đúng ngày Chủ Nhật tuần sau, Chúa Giê-su lại hiện ra cho các môn đồ ở Lâu Trên, có thể ở nhà của Giăng Mác. Sự hiện ra của Chúa trong ba Chủ Nhật liên tiếp đặt bối cảnh cho việc thờ phượng của Cơ-đốc Nhân trong ngày Chủ Nhật, xem ghi chú ở câu Giăng 20:19.

20:27 "Đừng vô tín, nhưng hãy tin!" "Mệnh lệnh thức dạng trung cách với động tính từ phủ nhận, có nghĩa là chấm dứt một hành động đang khi xảy ra. Tất cả mọi tín đồ đều có cảm giác xáo trộn giữa nghi ngờ và đức tin.

20:28 Lời Tô-ma xưng nhận có thể liên hệ về mặt thần học tới Giăng 20:17 đồng thời có sự gợi ý từ trong Cựu-ước về danh hiệu Đức Giê-hô-va *Elohim* (ví dụ Sáng Thế Ký. 2:4) được dịch là Chúa - Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su hoàn toàn chấp nhận danh hiệu khẳng định Thần Đức của mình. Ngay từ câu đầu tiên của Phúc Âm, Giăng đã tuyên bố chắc chắn về Ngôi Vị của Chúa Giê-su Na-xa-rét.

Chúa Giê-su tự xác nhận Thần Đức vài lần trong Giăng (Xem Giăng 8:58; 10:30; 14:9; 20:28) và Giăng hưởng ứng điều này trong Giăng 1:1,14-18; 5:18. Tác giả của các sách Kinh Thánh khác cũng tuyên bố rõ ràng Ngôi Vị Thần Linh của Chúa Giê-su (Xem Công vụ 20:28; Rô-ma 9:5; Phi-líp-pi 2:6-7; Cô-lô-sê 1:15-17; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:12; Titus 2:13; Hê-bơ-rơ 1:8; 2 Phi-ê-rơ 1:1,11; 1 Giăng 5:20).

2:29 Có phải vì thấy Ta nên con tin chăng? Cấu trúc ngữ pháp ở đây không rõ ràng: Một câu nói được bắt đầu bởi lời xác nhận, hoặc câu hỏi với sự mong đợi người nghe đồng ý.

Phước cho những người không thấy mà tin! Câu này tương tự với lời chúc phước trong Giăng 17:20 (Xem 1 Phi-ê-rơ 1:8).

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIẢNG 20:30-31

³⁰Đức Chúa Jê-sus còn làm nhiều dấu lạ khác trước mặt các môn đồ mà không ghi chép trong sách này.³¹Nhưng các việc này được ghi chép để anh em tin rằng Đức Chúa Jê-sus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời, và để khi anh em tin thì nhờ danh Ngài mà được sự sống

20:30 Giảng 20:30-31 là chủ đề và mục đích của Phúc Âm Giảng. Đây là 'cuốn truyền đạo đơn'. Tác giả Phúc âm dưới sự linh cảm và chỉ dẫn của Đức Chúa Trời có quyền và có khả năng lựa chọn sắp xếp và làm thích nghi lời nói, việc làm của Chúa Giê-su, để truyền thông một cách rõ ràng những sự thật về Chúa Giê-su, cho một nhóm người cụ thể: Do-thái, La-mã và dân ngoại. Tân-ước không phải là một bộ luật cho cơ đốc nhân giống như Talmut cho người Do-thái.

Ông Carl F. H. Henry, trong lời giới thiệu "Thẩm quyền và sự linh cảm của Kinh thánh" ("The Authority and Inspiration of the Bible" trong cuốn *The Expositor's Bible Commentary*, Vol. 1" viết rằng:

"Kinh Thánh không có mục đích trình bày tất cả mọi dự kiện sự việc theo trình tự thời gian, dù là câu chuyện tạo hóa hay câu chuyện cứu rỗi, kể cả sự nhập thể của Chúa. Kinh thánh cung cấp cho con người tất cả những gì cần thiết và đầy đủ để con người có thể được cứu và sống vâng phục Đấng Tạo Hóa. Mặc dầu các tác giả viết theo quan điểm cách nhìn từ các góc cạnh khác nhau, với mục đích khác nhau, tất cả những gì họ viết đều thật và đủ. Ma-thi-ơ đặt thứ tự thời gian của công vụ Chúa Giê-su dưới các chủ đề của sự giáo huấn. Lu-ca bỏ qua những chi tiết có trong Mác, nhưng vẫn đủ trật tự để xây dựng một thành lũy thần học vững chắc (Xem Giảng 1:4). Giảng luôn có những lời bình luận về những chủ đề cấp tiến hết sức đặc thù trong Phúc Âm thứ tư.(20:30,31" (pp. 27-28).

▣ " **Đức Chúa Jê-sus còn làm nhiều dấu lạ khác trước mặt các môn đồ** " những dấu lạ này có thể được hiểu theo một số cách sau đây.

1. dấu hiệu thực sự Ngài sống
 - a. các môn đồ sờ tay vào dấu đinh của Chúa
 - b. Ngài ăn với họ. (Xem Lu-ca 24:43)
2. một số phép lạ Chúa thực hiện trong Lầu Trên mà không được ghi chép.
3. Sự gợi ý về công việc trong đời sống của Chúa (với trọng tâm trong quá khứ), chuẩn bị họ ghi chép trong các Phúc Âm. (Xem Lu-ca 24:46-48)

20:31

**NASB, NKJV,
TEV, NJB"Để các người có thể tin"
NRSV"Để các người đến được đức tin"**

Một số sao bản sớm tiếng Hy-lạp P⁶⁶, κ^* , B², và bản được dùng bởi giám mục Origen, có động từ giả định thì hiện tại, với dụng ý của Giảng khích lệ tín đồ tiếp tục trong đức tin.

Các sao bản khác như các bản viết hoa (Greek uncial manuscripts) (i.e., ξ^2 , A, C, D, L, N, W) có động từ giả định thì quá khứ, ám chỉ Giảng viết cho đối tượng chưa tin Chúa. Liên Hội thánh Kinh xếp thì quá khứ hạng 'C', có nghĩa khó xác định'. Câu này khẳng định mục đích của Giảng, cũng như các Phúc Âm khác, là trở nên một truyền đạo đơn.

▣ " **Đấng Christ** " Đây là danh hiệu trong tiếng Hy-lạp, tương đương với danh hiệu trong tiếng Hê-bơ-ơ: Đấng Mê-si-a, có nghĩa là Đấng Chịu Xức Dầu. Chúa Giê-su Na-xa-rét, một dòng dõi của vua Đa-vít đã được tiên tri là Đấng Mê-si-a của người Do-thái,(Xem Giảng 11:27), Đấng sẽ đem lại Kỷ Nguyên Công Chính. (Xem Giảng 1:45)

Mặc dầu danh hiệu Đấng Mê-si-a xuất hiện rất sớm trong Phúc Âm Giảng, nhưng danh hiệu "Chúa" được sử dụng thường xuyên hơn Đấng Mê-si-a, vì bối cảnh đa số độc giả nguyên thủy là người ngoại, (Xem Rô-ma 10:9-13; Phi-líp-pi 2:9-11).

Khái niệm Đấng Mê-si-a mang tính chất tận thế: (1) những người Pha-ra-si trông đợi một vị cứu tinh dân tộc như một thủ lĩnh chính trị, còn (2) văn chương tận thế của người Do-thái nói về người hùng "vũ trụ", không giới hạn về một dân tộc, nhưng cả thế gian.

▣ "**Con Đức Chúa Trời**" Danh hiệu này rất được ít dùng trong Phúc Âm Đồng Quan, có lẽ sẽ gây sự hiểu lầm trong vòng dân ngoại. Tuy nhiên danh hiệu này được sử dụng rất sớm trong Giảng. (Xem Giảng 1:14,34,49). Đây là các Giảng xác nhận một liên hệ đặc sắc của Chúa Giê-su và Đức Chúa Cha. (dùng thuật ngữ *huios*). Giảng sử dụng ẩn dụ này trong vài cách sau đây.

1. Một danh hiệu
2. liên hệ tới "Con Độc Sinh" (*monogenēs*, Xem Giảng 1:18; 3:16; 1 Giảng 4:9)
3. sử dụng chung với danh hiệu "Cha" (Xem Giảng 20:17)

Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI THE SON OF GOD ở câu 1 Giảng 3:8

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập huớng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buớng thả' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Ai là người đến thăm mộ, Khi nào và vì sao?
2. Vì sao các môn đồ không trông đợi sự phục sinh? Có ai trông đợi không?
3. Vì sao Ma-ri không phát hiện ra Chúa Giê-su?
4. Vì sao Chúa Giê-su phán Ma-ri đừng bám vào Chúa?
5. hãy giải thích Giảng 20:22-23 trong lời riêng của bạn..
6. Có nên gọi Tô-ma là người nghi ngờ không?
7. Xin định nghĩa động từ tin được hiểu trong thời kỳ Chúa sống chứ không theo cách hiểu của thời đại chúng ta sống.

GIẢNG 21**CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI**

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chúa xuất hiện cho bảy môn đồ	Bữa ăn sáng bên bờ biển	Lời kết	Chúa xuất hiện cho bảy môn đồ	Sự xuất hiện trên bờ biển Ti-bê-ri-át
21:1-14	21:1-14	21:1-3	21:1-3a 21:3b-5a	21:1-3
		21:4-8	21:5b 21:6 21:7-10	21:4-8
		21:9-14	21:11-14	21:9-14
Chúa Giê-su và Phi-ê-rơ	Chúa Giê-su phục hồi Phi-ê-rơ		Chúa Giê-su và Phi-ê-rơ	
21:15-19	21:15-19	21:15-19	21:15a 21:15b 21:15c-16a 21:16b 21:16c-17a 21:17b 21:17c-19	21:15-19
Giê-su và môn đồ Chúa thương	Môn đồ Chúa thương và Phúc Âm của người		Giê-su và môn đồ kia	
21:20-23	21:20-25	21:20-23	21:20-21 21:22 21:23	21:20-23 Lời kết lần thứ hai
21:24		21:24-25	21:24 Lời kết	21:24
21:25			21:25	21:25

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “buông thả” điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 73. Phân đoạn 1
- 74. Phân đoạn 2
- 75. Phân đoạn 3
- 76. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU CÂU 1-25

- A. Có nhiều cuộc tranh luận về Giăng 21 có được thêm vô không, bởi dường như Phúc Âm Giăng kết thúc ở câu Giăng 20:31. Tuy nhiên không có một sao bản Hy-lạp nào bỏ qua Giăng 21.
- B. Giăng 21:25 thường được coi là phần thêm vô sau này, bởi trong nhiều sao bản đoạn Giăng 7:53 - 8:11 được thêm vô sau câu 21:24. Tương tự trong một bản cổ Sinaiticus, nhà sao chép bỏ qua câu 21:25, sau phải quay lại, xóa phần ghi chú cuối sách và thay nó bằng câu 21:25.
- C. Mặc dầu chương 21 không phải là một phần của tổng thể Phúc âm Giăng, không thể nghi ngờ chương này được viết bởi chính tay Sứ đồ. Nó trả lời hai câu hỏi của các hội thánh sơ khởi:
 - 1. Có phải Phi-ê-rô được tái bổ nhiệm chức vụ?
 - 2. Có thực Giăng sống rất lâu không?

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIĂNG 21:1-3

¹ Sau đó, Đức Chúa Jê-sus lại hiện ra với các môn đồ Ngài bên bờ biển Ti-bê-ri-át. Việc Ngài hiện ra như sau: ² Si-môn Phi-e-rô, Tô-ma gọi là Đi-đim, Na-tha-na-ên, người thành Ca-na trong miền Ga-li-lê, các con trai của Xê-bê-đê, và hai môn đồ khác đang họp lại với nhau. ³ Si-môn Phi-e-rô nói với họ: “Tôi đi đánh cá.” Những người kia đáp: “Chúng tôi đi với anh!” Họ đi ra, xuống thuyền, nhưng trong đêm ấy không bắt được gì cả.

21:1 "biển Ti-bê-ri-át." Ti-bê-ri-át là thủ phủ hành chính của La-mã cai trị vùng Ga-li-lê. Hồ nước lớn ở đó được gọi là Biển Ga-li-lê (Xem Giăng 6:1) hoặc hồ Ghê-na-xa-rét (Xem Ma-thi-ơ 14:34; Mác 6:53; Lu-ca 5:1) và trong Cựu-ước được gọi là hồ Ki-nê-rét. (Xem Dân-số Ký. 34:11; Phục Truyền. 3:17; Giô-suê 11:2; 12:3; 13:27; 19:35; 1 Các Vua. 15:20).

▣ **"Việc Ngài hiện ra như sau:** "động từ 'hiện ra' có nghĩa rộng là 'trung bày trọn vẹn và rõ ràng' (Xem Giăng 1:31; 2:11; 7:4; 9:3; 1 Giăng 1:2; 2:28; 3:2; 4:9). Trong Ma-thi-ơ có một hội họp trên núi, là bối cảnh của Sứ Mạng Trọng Đại' (Xem 26:32; 28:7,10,16). Trong Giăng Chúa Giê-su hiện ra trên bờ biển Ti-bê-ri-át để giải quyết hai thắc mắc của hội thánh sơ khởi.

- 1. Có phải Phi-ê-rô được tái bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo?
- 2. Có thực Giăng không chết cho đến ngày Chúa Tái Lâm?

21:2 "Thô-ma gọi là Đi-đim, " Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Danh sách tên của các Sứ đồ.

Rõ ràng bảy trong số mười một sứ đồ đi đánh cá hôm ấy.

▣ **" các con trai của Xê-bê-đê, "** Âm chỉ Gia-cơ (Gia-cốp) và Giăng (Giô-ha-nan, Xem Ma-thi-ơ 4:21). Cả Gia-cơ và Giăng không được nhắc tên trong Phúc Âm Giăng.

21:3 "Si-môn Phi-e-rơ nói với họ: "Tôi đi đánh cá." Câu này trong thì hiện tại. Có vài giả thiết về sự việc này

1. một chuyến đi dã ngoại, nghỉ ngơi trong khi chờ Chúa gọi họp mặt (Xem Ma-thi-ơ 26:32; 28:7,10)
2. một công việc kiểm thu nhập
3. Phi-e-rơ bắt đầu quay trở lại nghề cũ

chương này khá giống chương Lu-ca 5

▣ **" nhưng trong đêm ấy không bắt được gì cả."** Để ý những người môn đồ này đã từng có quyền phép đuổi quỷ và chữa lành bệnh, nhưng họ không phải họ làm được phép lạ trong bất cứ mọi hoàn cảnh, mục đích và thời điểm. Động từ 'bắt' ở đây không được dùng trong Tân-ước với ý nghĩa đánh cá, nhưng với ý nghĩa bắt giam người nào đó.

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIĂNG 21:4-8

⁴ Trời vừa sáng, Đức Chúa Jê-sus đứng trên bờ, nhưng các môn đồ không biết đó là Đức Chúa Jê-sus.⁵ Đức Chúa Jê-sus hỏi: "Các con ơi, không có con cá nào sao?" Họ đáp: "Thưa không."⁶ Ngài bảo: "Hãy thả lưới bên phải thuyền thì các con sẽ được." Vậy, họ thả lưới xuống, được nhiều cá đến nỗi kéo lên không xuể.⁷ Môn đồ được Đức Chúa Jê-sus yêu thương nói với Phi-e-rơ: "Ấy là Chúa!" Khi Si-môn Phi-e-rơ nghe rằng ấy là Chúa thì mặc áo vào (vì đang ở trần), rồi nhảy xuống biển.⁸ Các môn đồ khác đi vào bằng thuyền, kéo theo một tay lưới đầy cá, vì chỉ cách bờ khoảng chín chục mét.

21:4 " các môn đồ không biết đó là Đức Chúa Jê-sus

" Có vài giả thiết vì sao các môn đồ không nhận ra Chúa Giê-su:

1. Trời còn quá tối
2. Chúa Giê-su còn ở quá xa
3. họ quá mệt mỏi
4. Chúa có hình dạng hơi khác trước (Xem Giăng 21:12; Ma-thi-ơ 28:16-17; Lu-ca 24:13ff)
5. về mặt thuộc linh họ bị ngăn cản không cho phép thấy rõ Chúa. (Xem Lu-ca 24:16)

21:5 Các con ơi, " Cụm từ này được dùng như ẩn dụ. Có hai thuật ngữ nói về 'con trẻ' ở trong Tân-ước.

Thuật ngữ (*paidion*) như trong câu này và trong Giăng 4:49; 16:21 ít được dùng hơn so với thuật ngữ (*teknion*) được dùng trong hầu hết Phúc Âm Giăng và 1 Giăng. Hai thuật ngữ đều có ý nghĩa tương đồng trong 1 Giăng, *paidion* trong Giăng 2:13,18, còn *teknion* trong Giăng 2:1,12,28.

▣ **" không có con cá nào sao?" "** Thuật ngữ 'con cá' thường có nghĩa là bất cứ thực phẩm nào ăn với bánh, nhưng ở đây ám chỉ 'cá'. Cấu trúc ngữ pháp câu hỏi trông đợi câu trả lời 'không' từ người được hỏi.

21:6 Chúa Giê-su thể hiện hành động theo cách thức giống như khi Ngài kêu gọi họ vào chức vụ. Lu-ca 5:1-11. Một cách hết sức đặt thù cho chương này, Giăng sử dụng hai thuật ngữ về 'thuyền' *plouion* trong Giăng 21:3 và 6 và 'thuyền nhỏ, xuống' *plouaron* trong Giăng 21:8. Giăng có sự khác biệt về cách hành văn tương tự vài lần trong chương này.

21:7 " Môn đồ được Đức Chúa Jêsus yêu thương" Đây ám chỉ về tác giả của Phúc Âm Giảng. Giảng không bao giờ được nêu tên trong Phúc Âm giảng. (Xem Giảng 13:23; 20:2,3,8; 21:20).

NASB "Ông mặc áo khoác ngoài vô (bởi ông cởi áo ra để làm việc)"

NKJV "Mặc vô ngoại y (vì ông đã cởi ra)"

NRSV "mặc quần áo vô (vì ông ở trần)"

TEV "Quần quần áo quanh người (vì ông đã cởi ra trước đó)"

NJB "buộc ngoại y xung quanh người (vì ông không mặc gì trên người)"

Trong thế kỷ đầu tiên vùng Pa-lê-xtin, mọi người mặc áo choàng bên ngoài và quần lót bên trong. Phi-ê-ơ đã cởi áo và đồng thời cuộn lưng quần xuống tới hông.

▣ " **Ấy là Chúa!**" " Thuật ngữ *kurios* trong tiếng Hy-lạp là "ông, ngài, chủ, hoặc chúa", mang tính chất thừa chuyện một cách lịch sự, hay có lúc ám chỉ Thần Đức của Chúa. Xét về ngữ cảnh, những người thợ cá phát hiện người đứng trên bờ biển chính là Chúa Phục Sinh vinh hiển.

Nguyên bản được dịch từ Cựu Ước trong đó Đức Giê-hô-va được dịch là Chúa. Bởi người Do-thái sợ tội lộng ngôn nên họ thay danh hiệu này bằng một thuật ngữ Hê-bơ-rơ khác *Adonai*, tương tự như *kurios* trong tiếng Hy-lạp, Xem **CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Danh hiệu Thần Đức**, ở câu 6:20

Chúa là Danh trên các danh, Phi-líp-pi 2:9-11. "Giê-su là Chúa" được xưng nhận trong các lễ báp tem của hội thánh sơ khởi (Xem Rô-ma 10:9-13).

21:8 " Các môn đồ khác " Rõ ràng các môn đồ trong nhóm gần Chúa cùng đi đánh cá với Phi-ê-ơ để kiếm tiền. Họ không còn nhớ cậy những người phụ nữ trợ lý cho Chúa Giê-su nữa.

▣ " **lưới đầy cá**" Cho đến thờ điểm này Chúa Giê-su vẫn còn:

1. gây dựng niềm tin cho họ
2. cung ứng các nhu cầu cho họ
3. Kháng định sự sống lại và uy quyền trên thiên nhiên.

BẢN NASB (HIỆU ĐỈNH RRV 2011) GIẢNG 21:9-14

9 Vừa bước lên bờ, họ thấy tại đó có lửa than với cá đang nướng ở trên, và có bánh nũa. **10** Đức Chúa Jêsus bảo họ: "Hãy đem một ít cá mà các con vừa đánh được lại đây." **11** Si-môn Phi-e-rơ xuống thuyền, kéo tay lưới đầy một trăm năm mươi ba con cá lớn vào bờ. Dù nhiều cá như vậy, lưới vẫn không rách. **12** Đức Chúa Jêsus bảo: "Các con hãy lại dùng điểm tâm." Không một ai trong các môn đồ dám hỏi Ngài: "Ông là ai?" Vì họ biết ấy là Chúa. **13** Đức Chúa Jêsus đến, lấy bánh trao cho họ, và cũng trao cá nũa. **14** Đây là lần thứ ba Đức Chúa Jêsus hiện ra với các môn đồ Ngài sau khi Ngài từ cõi chết sống lại.

21:9 " lửa than với cá đang nướng ở trên, và có bánh nũa" Mục đích bữa ăn sáng là sự thông công và tình nguyện. Chủ đề thần học là:

1. Giải quyết việc Phi-ê-ơ chối Chúa trong bối cảnh một đám lửa tương tự (Xem Giảng 18:18). Đề tài này được thể hiện rõ ràng ở đây và trước đó.
2. Phúc Âm Giảng và Thư Giảng thứ nhất được viết với mục đích chống lại sự sai lầm của Tri Huệ Giáo từ chót nhân tính của Chúa Giê-su Đấng Mê-si-a. Bằng chứng ở đây là Chúa ăn cùng với môn đồ.

21:10 Có hai thuật ngữ 'cá' được dùng (1) *opsarion* trong Giảng 21:9,10, & 13 có nghĩa 'cá nhỏ' và (2) *ichthusin* trong Giảng 21:6,8 & 11 có nghĩa 'cá lớn'. Cả hai thuật ngữ có thể thay đổi cho nhau trong phân đoạn này.

21:11 " một trăm năm mươi ba con cá lớn" Trong bối cảnh không thấy ý nghĩa đặc biệt nào về con số cá, nhưng chỉ là chi tiết được làm chứng. Tuy nhiên các hội thánh sơ khởi thường suy giải một cách không thích hợp như sau:

1. Cyril khẳng định 100 cá tượng trưng cho dân ngoại, 50 cá tượng trưng cho dân Do-thái và 3 cá tượng trưng cho Ba Ngôi.
2. Augustine cho rằng con số cá tượng trưng cho Mười Điều Răn và bảy ơn tứ Thánh Linh, tổng cộng là mười bảy. Nếu cộng các nguyên số từ 1 đến 17 theo cách 1+2+3+4+ ... +17, chúng ta sẽ có 153. Augustine cho rằng 153 là số người tiếp nhận Chúa Giê-su qua Luật Pháp và Ôn Điền,
3. Jerome tuyên bố có 153 loài cá, vậy con số cá đánh được tượng trưng cho các dân tộc sẽ đến với Chúa Giê-su. Cách diễn giải này chỉ ra sự khôn ngoan của người giải kinh, nhưng không phải là mục đích được linh cảm của tác giả!

▣ " Dù nhiều cá như vậy, lưới vẫn không rách.

" Đây là chi tiết về sự kiện được chứng kiến, hay sự nhân mạn về một phép lạ.

21:14 " Đây là lần thứ ba Đức Chúa Jêsus hiện ra với các môn đồ Ngài " Hai lần trước xảy ra trong Giảng 20.

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIẢNG 21:15-19

¹⁵ Khi ăn xong, Đức Chúa Jêsus nói với Si-môn Phi-e-rơ rằng: "Si-môn, con của Giăng, con yêu Ta hơn những người này chẳng?" Phi-e-rơ thưa: "Vâng, thưa Chúa, Chúa biết rằng con yêu Chúa." Đức Chúa Jêsus bảo: "Hãy chăm sóc những chiên con của Ta." ¹⁶ Ngài lại hỏi ông lần thứ hai: "Si-môn, con của Giăng ơi, con yêu Ta chẳng?" Phi-e-rơ thưa: "Vâng, thưa Chúa, Chúa biết rằng con yêu Chúa." Đức Chúa Jêsus bảo: "Hãy chăn chiên Ta." Ngài lại hỏi ông lần thứ ba: "Si-môn, con của Giăng ơi, con yêu Ta chẳng?" Phi-e-rơ buồn vì Ngài hỏi mình đến ba lần: "Con yêu Ta chẳng?" Ông thưa rằng: "Thưa Chúa, Chúa biết tất cả mọi sự; Chúa biết rằng con yêu Chúa." Đức Chúa Jêsus bảo: "Hãy chăm sóc chiên Ta. ¹⁸ Thật, Ta bảo thật con, khi còn trẻ, con tự mình thắt lưng lấy, muốn đi đâu thì đi; nhưng lúc già, con sẽ đưa tay ra, để người khác thắt lưng cho và dẫn con đi đến nơi mình không muốn." ¹⁹ Ngài nói điều này để chỉ về Phi-e-rơ sẽ chết cách nào để tôn vinh Đức Chúa Trời. Sau đó, Ngài bảo ông rằng: "Hãy theo Ta."

21:15 "Si-môn, con của Giăng ơi, " Đề ý Chúa Giê-su không gọi "Si-môn Phi-ê-rơ ơi". Tên Phi-ê-rơ có nghĩa hòn đá, người mang tên ấy là người có tính nhất quán trước sau như một!

Các sao bản khác nhau về tên cha của Si-môn

1. Giăng -- $\kappa\iota^1$, B, C*, D, L W
2. Giô-na -- A, C²
3. bỏ qua -- κ^*

Hội Thánh Kinh Liên Hiệp UBS⁴ đặt khả năng đầu tiên hạng 'B' - gần như chắc chắn, như trong trường hợp câu 1:42 (P⁶⁶, P⁷², κ , B*, L, W).

▣ "Yêu... yêu... yêu..." Có ba lần xưng nhận 'yêu Chúa' tương xứng với ba lần từ chối 'Không biết người ấy' của Phi-ê-rơ trong sân của Thầy Thượng Tế. (Xem Giảng 18:17,25,27). Có những chi tiết tương đồng và tương phản trong phân đoạn này:

1. Yêu mến (*Phi-lípeō*) và yêu thương (*agapaō*)
2. con chiên con và đàn cừu
3. biết rằng (*ginoskō*) và quen biết (*oida*)

Có nhiều cuộc tranh luận về mục đích của những thuật ngữ được sử dụng: phải chăng đây là sự phong phú từ ngữ, hay dụng ý thần học. Giảng thường dùng các từ ngữ khác nhau một cách tương đồng, đặc biệt ở trong chương này: 'các con trẻ', 'cá', 'thuyền'. Có người chỉ ra sự khác biệt giữa yêu thương *agapaō* và yêu mến *Phi-lípeō*, nhưng hai thuật ngữ này có thể thay đổi nhau trong tiếng Koine Hy-lạp. (Xem Giảng 3:35; 5:20; 11:3,5).

▣ **"con yêu Ta hơn những người này chẳng?"**

" Đối tượng so sánh trong câu này thật khó hiểu. Có những gợi ý giải thích như sau

1. Phi-ê-rô yêu Chúa hơn yêu nghề chài lưới?
2. Phi-ê-rô từng khẳng định ông yêu Chúa hơn các môn đồ khác yêu Chúa? (Xem Ma-thi-ơ 26:33; Mác 14:29 and Giảng 13:37)
3. Người lớn hơn phải trở nên đầy tớ cho tất cả người nhỏ hơn? (Xem Lu-ca 9:46-48; 22:24-27)

▣ **"Hãy chăm sóc những chiên con của Ta "** Mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại. Cả ba trường hợp đều giống nhau về mặt ngữ pháp, nhưng khác nhau chú ý về cách dùng từ (Xem Giảng 21:16 and 17), (chăn chiên và nuôi dưỡng chiên).

21:17 " Chúa biết tất cả mọi sự; " Phi-ê-rô học được cách nói dè chừng, không vội vã, mặc dầu lời ông hoàn toàn chính xác về mặt thần học: Chúa biết mọi sự. (Xem Giảng 2:25; 6:61,64; 13:11; 16:30).

▣ **"Chúa biết rằng con yêu Chúa"** Ở đây có sự thay đổi thuật ngữ 'biết' giữa câu Giảng 21:16 (*oida*) và Giảng 21:17 (*oida* and *ginoskō*). Không ai rõ mục đích chính xác vì sao vậy, nhưng có thể chỉ là cách dùng từ phong phú của Giảng.

21:18 "đưa tay ra, " Đây có thể là một thành ngữ quen biết rong các hội thánh sơ khởi, hoặc trong văn chương Hy-lạp, ám chỉ sự đóng đinh trên thập tự giá.

21:19 "chỉ về Phi-e-rô sẽ chết cách nào để tôn vinh Đức Chúa Trời. " Truyền thống cho biết Phi-ê-rô bị đóng đinh trong tư thế lộn ngược. trong cuốn *The Ecclesiastical History*, Vol. 3:1, Eusebius viết, "Phi-ê-rô truyền giảng tại Pontius, Galatia, Bithynia, Cappadocia, và Tiểu Á cho những người Do-thái sống lưu đày. Khi đến Rô-ma, ông bị đóng đinh quay đầu xuống đất bởi ước nguyện của ông. Xin xem ghi chú ở câu Giảng 1:14.

▣ **"Hãy theo Ta."** Thể điều kiện chủ động thì hiện tại, giống như Giảng 21:22. Lời Chúa liên hệ tới sự tái khẳng định và bổ nhiệm Phi-ê-rô trong chức vụ lãnh đạo. (Xem Ma-thi-ơ 4:19-20).

BẢN NASB (HIỆU ĐÍCH RRV 2011) GIẢNG 21:20-23

²⁰ Phi-e-rô quay lại, thấy môn đồ Đức Chúa Jê-sus yêu thương đang theo sau, là người trong bữa ăn tối đã nghiêng mình trên ngực Đức Chúa Jê-sus mà hỏi: "Thưa Chúa, ai là kẻ phản Ngài?" ²¹ Khi thấy người ấy, Phi-e-rô hỏi Đức Chúa Jê-sus: "Thưa Chúa, còn người này thì sao?" ²² Đức Chúa Jê-sus đáp: "Nếu Ta muốn người ấy cứ ở lại cho tới lúc Ta đến thì can hệ gì đến con? Phản con, hãy theo Ta." ²³ Vì vậy, có tiếng đồn ra trong các anh em rằng môn đồ này sẽ không chết. Nhưng Đức Chúa Jê-sus không nói với Phi-e-rô rằng: "Người này sẽ không chết," mà chỉ nói: "Nếu Ta muốn người này cứ ở lại cho tới lúc Ta đến thì có can hệ gì đến con?"

21:20 " môn đồ Đức Chúa Jê-sus yêu thương" Cụm từ này bắt đầu từ Giảng 13:25. (Xem Giảng 13:23; 19:26; 20:2; 21:7,20). Vì sao tác giả giấu tên trong cách viết này thật khó trả lời. Có thể là.

1. Văn chương truyền thống của người Do-thái thường dấu tên tác giả
2. Giảng còn quá trẻ khi bước chân theo Chúa Giê-su
3. Giảng là môn đồ duy nhất có mặt cả trong khi Chúa bị xét xử và bị đóng đinh.

21:22 ²² Đức Chúa Jê-sus đáp: "Nếu Ta muốn người ấy cứ ở lại cho tới lúc Ta đến thì can hệ gì đến con?"

" Đây là thể điều kiện hạng ba. Chúng ta nên quan tâm đến ơn tứ và chức vụ Chúa ban cho bản thân, chứ

không nên để ý những gì của người khác. Có thể việc thêm chương 21 vào Phúc Âm Giăng là để trả lời sự hiểu lầm trong việc này. Rõ ràng có một lời đồn đại phổ biến trong nhóm Tri- Huệ giáo, rằng Giăng sống tới ngày Chúa tái lâm (Giăng Có nói về Ngày Chúa Đến, *Parousia*, Xem 1 Giăng 3:2).

▣ **"Phần con, hãy theo Ta."** Câu này tóm tắt lời mời gọi trong Phúc Âm Giăng. (Xem Giăng 1:43; 10:27; 12:26; 21:19,22). "Theo Ta" ám chỉ khía cạnh hưởng ứng một cách cá nhân, còn "tin rằng" nói về khía cạnh chân lý của Phúc Âm .

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIĂNG 21:24

²⁴ Chính môn đồ ấy làm chứng về những việc này, và đã ghi chép lại. Chúng ta biết lời chứng của người ấy là xác thực.

21:24 " đã ghi chép lại. " Sự ghi chép nói về (1) Giăng 21:20-23: (2) Giăng 21; hay (3) cả Phúc âm? Câu trả lời là không rõ.

▣ **"Chúng ta biết lời chứng của người ấy là xác thực. "** Chữ 'chúng ta' ở đây ám chỉ ai? Có thể Giăng nhắc đến các nhân chứng khác hoặc các trưởng lão hội thánh Ê-phê-sô, nơi Giăng sống, hầu việc Chúa và qua đời. Truyền thống cho biết các vị trưởng lão hội thánh Ê-phê-sô khích lệ Giăng viết Phúc Âm, bởi các Sứ Đồ khác đã qua đời và có nhiều sự giảng dạy sai trật dấy lên trong thời gian đó, Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nhân Chứng về Chúa Giê-su

BẢN NASB (HIỆU ĐÍNH RRV 2011) GIĂNG 21:25

²⁵ Đức Chúa Jêsus còn làm nhiều việc khác nữa. Nếu cứ ghi chép hết từng việc, thì thiết nghĩ rằng cả thế gian cũng không thể chứa hết những sách được viết ra.

21:25 .

Giăng 21:25 gây nhiều tranh luận, bởi vì hai lý do: (1) có vài bản sao thêm đoạn Giăng 7:53 - 8:11 vào giữa Giăng 21:24 và 25; (2) bản sao Sinaiticus (⌘) được các nhà sao chép xóa phần ghi chú cuối sách để thêm câu Giăng 21:25. Điều này được khẳng định bởi viện bảo tàng Anh Quốc qua xác nghiệm bởi tia cực tím). Câu này cho chúng ta biết rằng Phúc âm mang tính chất lựa chọn khi tường tác giả ghi lại những sự việc, lời dạy. Câu hỏi chú giải là vì sao các tác giả Phúc Âm ghi chép một cách khác biệt, mà không vội kết hợp cả bốn sách với nhau (xem Gordon Fee and Douglas Stuart, *How To Read the Bible For All Its Worth*).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên "buông thả" điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Giăng 21 giống Lu-ca 5 như thế nào?
2. Vì sao các môn đồ không nhận ra Chúa Giê-su ngay?
3. Môn đồ được Chúa yêu là ai?
4. Vì sao Chúa Giê-su hỏi Phi-ê-rô có yêu Chúa không đến ba lần.
5. Chúa Giê-su có xác nhận Giăng sẽ sống cho đến ngày Chúa Tái lâm hay không?
6. Ai là người được nhắc đến trong Giăng 21:24?
7. Phải chăng Giăng 21:25 có trong nguyên bản?

GIỚI THIỆU THƠ GIĂNG THỨ NHẤT

TÍNH ĐỘC ĐÁO CỦA THƠ GIĂNG THỨ NHẤT.

- A. Giảng thứ nhất không phải là lá thư cá nhân, hoặc một tài liệu của văn phòng 'tổng giám mục' được gửi cho một hội thánh nào đó.
1. Nó không có phần mở đầu theo truyền thống, giới thiệu tác giả và người nhận
 2. Nó không có lời chào thăm cá nhân hoặc sứ điệp chia tay.
- B. Không có một tên riêng được nhắc đến. Điều này có vẻ khác thường, trừ thường hợp các cuốn sách viết cho nhiều hội thánh như Ê-phê-sô và Gia-cơ. Chỉ có một lá thư trong Tân-ước không nói đến tên của tác giả là sách Hê-bơ-rơ. Tuy nhiên điều có thể nhận thấy rõ ràng là Thư Giăng Thứ Nhất viết cho các Tín Đồ đang gặp nan đề các giáo sư giả (Tri Huệ giáo) trong hội thánh.
- C. Một bức thư chứa đựng những luận án thần học hùng mạnh, như:
1. Vai trò trung tâm của Chúa Giê-su.
 - a. trọn vẹn Thần tính và Nhân tính
 - b. Sự cứu rỗi bởi đức tin, chứ không bởi một từng trải huyền bí hay kiến thức uyên sâu (theo các giáo sư giả)
 2. Sự đòi hỏi nếp sống Cơ Đốc Nhân với ba cách thử nghiệm về người Cơ Đốc chân chính
 - a. Tình yêu anh em
 - b. Sự vâng lời
 - c. Sự từ chối ý thức hệ thế gian.
 3. Sự đảm bảo cứu rỗi trong đức tin nơi Chúa Giê-su Na-xa-rét. (chữ 'biết được lặp lại 27 lần).
 4. Phương cách nhận biết giáo sư giả
- D. Văn tự của Giăng mang tính cách văn chương Koine Hy-lạp đơn giản nhất trong các tác giả Tân-ước, nhưng sâu nhiệm nhất về chân lý đời đời của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-su (ví dụ Đức Chúa Trời là Ánh Sáng, Thư Giăng Thứ Nhất 1:5; Đức Chúa Trời là Tình Yêu, Thư Giăng Thứ Nhất 4:8,16; Đức Chúa Trời là Thần Linh, Giăng 4:24).
- E. Rất có thể Thư Giăng Thứ Nhất là bài giới thiệu cho Phúc Âm Giăng. Tri Huệ Giáo lầm lạc trong thế kỷ thứ nhất là bối cảnh cho cả Thư Giăng Thứ Nhất và Phúc Âm Giăng. phúc Âm Giăng mang tính chất truyền giáo, viết cho người chưa tin, còn Thư Giăng Thứ Nhất viết cho Tín Đồ (với chủ đề môn đồ hóa). Một nhà giải kinh nổi tiếng xác nhận rằng Phúc Âm Giăng viết về thần tính của Chúa Giê-su, còn Thư Giăng thứ Nhất nói về nhân tính của Chúa Giê-su, Hai cuốn sách bổ xung cho nhau.
- F. Giăng viết một cách thẳng thắn với từ thuật mang tính nhị nguyên luận, rất đặc thù tương tự như trong Cuốn Biển Chết và giáo sư giả thuộc Tri Huệ Giáo. Thư Giăng Thứ Nhất được cấu trúc theo nhị nguyên luận qua từ ngữ (ánh sáng so với bóng tối) và hình thức (một câu tiêu cực được nối tiếp bởi câu tích cực). Điều này khác với Phúc Âm Giăng, trong đó ông sử dụng nhị nguyên luận trên / dưới: Chúa Giê-su từ trên cao so với nhân loại từ dưới thấp.
- G. Xấp xếp bố cục cho Thư Giăng Thứ Nhất rất khó, bởi Giăng quay vòng các chủ đề. Cuốn sách này như một tấm thảm dệt, với những khuôn mẫu hình ảnh lặp đi lặp lại. (Xem Bill Hendricks, *Tapestries of Truth, The Letters of Giăng*).

TÁC GIẢ

- A. Ai viết thư Giăng Thứ Nhất là chủ đề tranh luận cũng như về tác giả Thư Giăng Thứ Hai, Thứ Ba, Phúc Âm và Khải Huyền .
- B. Có hai giả thiết chính
1. Theo truyền thống

- a. Các giám mục đầu tiên đều thống nhất coi Giăng, Môn Đồ Chúa Yêu là tác giả của Thư Giăng Thứ Nhất.
- b. Tóm tắt về tài liệu của hội thánh sơ khởi:
 - (1) Clement từ thành Rô-ma (A.D. 90) gợi ý về Thư Giăng Thứ Nhất
 - (2) Polycarp từ thành Smyrna, *Phi-lípippians* 7 (A.D. 110-140) trích dẫn Thư Giăng Thứ Nhất
 - (3) Justin Martyr's, *Dialogue* 123:9 (A.D. 150-160) trích dẫn Thư Giăng Thứ Nhất
 - (4) sự gợi ý về Thư Giăng Thứ Nhất xuất hiện trong các văn tự của
 - (a) Ignatius từ Antioch (thời gian viết không được rõ, khoảng những năm đầu thế kỷ thứ hai S.C.N)
 - (b) Papias từ Hierapolis (sinh khoảng A.D. 50-60 S.C.N và bị giết vào năm 155 S.C.N)
 - (5) Irenaeus từ Lyons (130-202 S.C.N) gán quyền tác giả Thư Giăng Thứ Nhất cho Sứ đồ Giăng. Tertullian, một nhà biện giáo là tác giả 50 cuốn sách, thường dẫn chứng từ Thư Giăng Thứ Nhất
 - (6) Nhiều văn tự của Clement, Origen, và Dionysius, cả ba từ thành Alexandria, Muratorian Fragment (180-200 S.C.N), và Eusebius (thế kỷ thứ ba)... đều gán quyền tác giả cho Sứ đồ Giăng:
 - (7) Jerome (nửa sau của thế kỷ thứ tư) khẳng định Giăng là tác giả, đồng thời thừa nhận có những sự chống đối đương thời.
 - (8) Theodore từ Mopsuestia, Giám mục từ Antioch 392-428 S.C.N, từ chối quyền tác giả của Giăng
- c. Nếu Giăng là tác giả, chúng ta biết gì về ông?
 - (1) Ông là con của Xê-bê-đê và Sa-lô-mê
 - (2) Ông là ngư phủ vùng biển Ga-li-lê cùng anh em mình là Gia-cơ, (họ có thể làm chủ vài chiếc thuyền)
 - (3) Một số người tin rằng mẹ của Giăng là chị em ruột của Ma-ri mẹ Chúa Giê-su (Xem Giăng 19:25; Mác 15:20)
 - (4) Có thể ông là người giàu có vì
 - (a) có đầy tớ (Xem Mác 1:20)
 - (b) có vài chiếc thuyền
 - (c) có nhà ở Giê-ru-sa-lem
 - (5) Ông được phép vào nhà của Thầy Thượng Tế ở Giê-ru-sa-lem, có nghĩa ông là người danh giá. (Xem Giăng 18:15-16)
 - (6) Giăng là người Chúa giao trách nhiệm chăm sóc mẹ Chúa
- d. Các truyền thống tin rằng ông sống lâu hơn tất cả các sứ đồ, sau khi Ma-ri chết ông đến Tiểu Á, định cư ở Ê-phê-sô là thành phố lớn nhất trong vùng. Từ đây ông bị đi đày ở đảo Pát-mô, sau đó được thả ra và quay lại Ê-phê-sô (Theo dẫn chứng của Eusebius dựa trên thông tin của Polycarp, Papias and Irenaeus).

2. Theo các học giả ngày nay

- a. Hầu hết các học giả ngày nay phát hiện những điểm tương đồng trong văn tự của Giăng, đặc biệt trong cách đặt câu, sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. Một ví dụ là sự đối nghịch ánh sáng so với bóng tối, sự thật so với giả dối. Sự lưỡng phân này cũng được quan sát thấy trong văn chương Biên Chết và Tri Huệ Giáo sơ khởi
- b. Có một vài lý thuyết về một liên hệ giữa năm sách được viết bởi Giăng theo truyền thống, lại có những nhóm người khẳng định năm sách này do hai, ba người viết. Hoặc do vài môn đồ viết lại ý tưởng của Giăng
- c. Tôi tin một cách cá nhân, rằng Sứ Đồ Giăng là tác giả của cả năm cuốn sách trong giai đoạn cuối của chức vụ ở Ê-phê-sô.

3. Ai là tác giả chẳng qua là nan đề của sự giải kinh, chứ không phải là nan đề của thần cảm. Cuối cùng, chính Đức Chúa Trời là tác giả của Kinh thánh

THỜI ĐIỂM VIẾT-- Lẽ dĩ nhiên liên hệ tới việc ai là tác giả.

- A. Nếu Giăng là tác giả, đặc biệt là tác giả của Thư Giăng Thứ Nhất, chúng ta đang nói về thời gian cuối thế kỷ thứ nhất. Giả thiết này có vẻ hợp lý vì sự phát triển của tín lý sai lầm và triết lý của Tri Huệ giáo, cũng được thấy trong các thuật ngữ dùng trong Thư Giăng Thứ Nhất. Cụm từ 'các con bé nhỏ' ám chỉ tác giả một người đã cao tuổi đang nói chuyện với nhóm người trẻ hơn. Theo Jerome, Giăng sống 68 năm sau khi Chúa bị đóng đinh - điều này phù hợp với truyền thống cho Giăng là tác giả

B. A.T. Robertson cho rằng Thơ Giảng Thứ Nhất được viết trong những năm 85-95 S.C.N, và Phúc Âm Giảng được viết vào năm 95 S.C.N.

C. Cuốn giải kinh *The New International Commentary Series on Thơ Giảng Thứ Nhất* của I. Howard Marshall xc nhận thời điểm viết các sách của Giảng là năm 60-100 S.C.N. với sự đồng ý của hầu hết các nhà giải kinh hiện nay.

ĐỘC GIẢ NGUYÊN THỦY

A. Truyền thống cho rằng cuốn sách này được viết cho những người vùng Tiểu Á (miền tây Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay) với Ê-phê-sô làm trung tâm hành chính thương mại.

B. Bức thư dường như được gửi đến một nhóm hội thánh đang có nan đề với giáo sư giả (như Cô-lô-sê và Ê-phê-sô), đặc biệt thuộc hệ tư tưởng:

1. Tri Huệ Giáo docetic, chấp nhận thần tính, nhưng từ chối nhân tính của Chúa Giê-su.
2. Tri Huệ Giáo antinomian, quảng bá lối sống TỰ DO, buông thả, tách rời thần học khỏi đạo đức luân lý

C. Thánh Augustine (thế kỷ thứ năm S.C.N.) nói thơ Giảng Thứ Nhất được viết cho Parthians (Babylon). Ý kiến của ông được hưởng ứng bởi Cassiodrus (thế kỷ thứ sáu S.C.N.). ý kiến này dựa trên sự liên hệ giữa các câu "bà, người được chọn" Thơ Giảng Thứ Hai 1, và "Hội thánh ở Babylon," 1 Phi-ê-rơ 5:13.

D. Một danh mục các sách được kể là sách Tân-trúc, (The Muratorian Fragment 180-200 S.C.N) xác nhận Thơ Giảng Thứ Nhất được viết với mục đích khích lệ các môn đồ và giám mục vùng tiểu Á.

SỰ DỊ GIÁO

A. Thơ Giảng Thứ Nhất là sự phản biện đối với giáo huấn sai lầm (giáo huấn sai lầm đứng đàng sao cụm từ: "nếu chúng ta nói", "người nào nói", "nếu ai nói" Thơ Giảng Thứ Nhất 1:6, 2:9; 4:20 [cách hành văn: dẫn chúng và phản biện]).

B. Chúng ta có thể nhận ra một số sai lầm căn bản ngay từ trong bức thư:

1. Từ chối sự nhập thể của Chúa Giê-su Christ
2. Từ chối vị trí trọng tâm trong sự cứu rỗi của Chúa Giê-su Christ
3. Thiếu đời sống Cơ-Đốc đức hạnh
4. Sự nhấn mạnh về tri thức huyền bí
5. Xu hướng tách biệt / dành riêng (exclisivism)

C. Bối cảnh thế kỷ thứ nhất.

Thế giới La-mã trong thế kỷ đầu tiên là giai đoạn của chủ nghĩa triết trung giữa các tôn giáo Đông và Tây phương (chọn những sự tốt nhất của các tín lý thay vì theo đuổi một tín lý. Các vị thần trong chủ nghĩa đa thần Hy-lạp và La-mã không được danh tiến. Loại tôn giáo Bí Ẩn rất được hưng thịnh bởi nó dựa vào mối liên hệ cá nhân với một thần đức và tri thức huyền diệu. Triết học Hy-lạp được nhiều người hâm mộ và dần dần trở gia nhập hàng ngũ thế giới quan chính. Trong thế giới của chủ nghĩa triết trung (chọn những gì tốt nhất trong các đạo giáo), Cơ Đốc Giáo trở nên khác biệt với chủ nghĩa độc đoán (Chúa Giê-su là Con Đường duy nhất tới Đức Chúa Trời), (Xem Giảng 14:6). Trong bất kể bối cảnh dị giáo nào, dường như tính độc đoán của Cơ Đốc giáo trở nên điều đáng ngợi khen và dễ thu hút quần chúng Hy-lạp và La-mã.

D. Những nhóm Tri Huệ Giáo mà Giảng có thể nói đến:

1. Tri Huệ Giáo sơ khởi

- a. Giáo huấn căn bản của Tri Huệ Giáo sơ khởi trong thế kỷ thứ nhất dường như nhấn mạnh bản thể học theo Nhị Nguyên Luận giữa thuộc linh và thuộc thể. Thần Linh (Thượng Đế) được coi là toàn thiện, còn vật thể luôn có sẵn tính độc ác, xấu xa. Sự phân đôi được thấy trong giáo huấn triết gia Platonism: lý tưởng so với thực tiễn, thiên đàng so với trần gian, sự vô hình so với sự hữu hình. Bên cạnh đó, còn có

sự nhấn mạnh về tri thức huyền bí, mật khẩu, mật mã cho phép một linh hồn vượt qua các kiếp thiên sứ đến Đức Chúa Trời để được cứu rỗi.

b. Có hai hình thức Tri Huệ Giáo là bối cảnh cho Thơ Giăng Thứ Nhất

(1) Tri Huệ Giáo Docetic, từ chối nhân tính của Chúa Giê-su, vì họ cho vật chất là xấu xa

(2) Tri Huệ Giáo Cerinthian, xác nhận Đấng Christ là một trong những kiếp thiên sứ giữa Thượng Đế toàn thiện và vật chất xấu xa. Họ cho linh của Đấng Christ nhập vô phạm nhân Giê-su ở thời điểm phép Báp-tem, và rời khỏi người trước khi chết trên thập tự giá.

(3) Trong hai nhóm này có một số người thực hành chủ nghĩa ép xác (asceticism: thuyết khổ hạnh): cơ thể muốn gì, điều đó là xấu xa và một số người khác theo chủ nghĩa tự do (antinomianism: thuyết chống đạo giáo): cơ thể muốn gì cho nấy. Không có một tài liệu được viết về Tri Huệ Giáo trong thế kỷ thứ nhất, nhưng nó bắt đầu xuất hiện giữa thế kỷ thứ hai. Thông tin thêm về "Tri Huệ Giáo" có thể tìm thấy trong các sách tham khảo sau.

(a) *The Gnostic Religion* by Hans Jonas, published by Beacon Press

(b) *The Gnostic Gospels* by Elaine Pagels, published by Random House

(c) *The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible* by Andrew Helmbold

2. Ignatius gợi ý một nguồn dị giáo khác trong thư của gọi cho những người thành Smyrna, nơi các giáo sư giả từ chối việc nhập thể của Chúa Giê-su và thực hành nếp sống buông thả.

3. Một nguồn dị giáo khác là giáo huấn của Meander từ An-ti-ốt, mà giám mục Irenaeus nhắc đến trong bài *Against Heresies* XXIII. Meander là môn đồ của Si-môn người Sa-ma-ri, truyền bá thuyết tri thức huyền bí.

E. Dị giáo hôm nay

1. Linh dị giáo hiện ra khi con người cố gắng kết hợp chân lý Cơ-đốc với hệ thống tư tưởng thế gian.

2. Linh dị giáo hiện ra khi con người nhấn mạnh tín lý "chân chính" hơn mối liên hệ cá nhân và nếp sống bằng đức tin.

3. Linh dị giáo xuất hiện khi con người biến Cơ-đốc giáo thành câu lạc bộ biệt riêng của tầng lớp thượng lưu trí tuệ.

4. Linh dị giáo xuất hiện khi người sùng đạo thực hành nếp sống khổ hạnh hoặc buông thả.

MỤC ĐÍCH THƠ GIĂNG THỨ NHẤT

A. Trọng tâm thực tế hướng về Cơ-đốc nhân

1. đem cho họ niềm vui (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:4)

2. khích lệ họ sống tin kính (Xem 1:7; 2:1)

3. nhắc nhở họ yêu thương lẫn nhau (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:7-21) và không yêu thế gian (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:15-17).

4. ban cho họ sự đảm bảo được cứu trong Chúa Giê-su (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 5:13)

B. Trọng tâm tín lý hướng về Cơ-đốc nhân

1. bác bẻ sai lầm của việc tách biệt thần tính và nhân tính của Chúa Giê-su

2. bác bẻ sai lầm của việc tách biệt biến tôn giáo thành học thuyết thiên về lý trí nhưng thiếu thực hành sống đạo

3. bác bẻ sai lầm của việc cho rằng một người có thể được cứu mà không cần liên hệ đến người khác.

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ NHẤT

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Hãy đọc trọn vẹn cả cuốn sách trong một lần. Xác định chủ đề trọng tâm của cuốn sách bằng chính lời văn của mình,

1. Chủ đề của cả cuốn sách.

2. Thể loại văn chương của cuốn sách (thư tín, lịch sử, khôn ngoan, tiên tri?)

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ HAI (xem trang ***)

Hãy đọc trọn vẹn cả cuốn sách trong một lần. Xác định bố cục các tiêu đề và viết các tiêu đề bằng chính lời của mình trong một câu ngắn.

1. Tiêu đề của đơn vị văn chương đầu tiên
(đơn vị văn chương: Phần, phân đoạn và đoạn. Phần gồm nhiều chương phân đoạn gồm nhiều đoạn và và đoạn gồm nhiều câu)
2. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ hai
3. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ ba
4. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ tư
5. vân vân

Thơ Giảng Thứ Nhất 1:1-2:2
CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI *

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Sự Sống	Đối Tượng được nghe, nhìn và sờ	Lời giới thiệu	Lời Sự Sống	Ngôi Lời nhập thể và sự thông công cùng Cha và Con
1:1-4	1:1-4	1:1-4	1:1-4	1:1-4
Đức Chúa Trời là ánh sáng	Thông công căn bản với Chúa	Thái độ đúng đối với tội lỗi	Đức Chúa Trời là ánh sáng	Đi trong Ánh Sáng (1:5-2:28)
1:5-10	1:5-2:2	1:5-10	1:5-7	1:5-7 Điều kiện đầu tiên, chấm dứt tội lỗi
			1:8-10	1:8-2:2

* * Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Phân đoạn là những đơn vị tư tưởng. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình là bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ. Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “buông thả” điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 77. Phân đoạn 1
- 78. Phân đoạn 2
- 79. Phân đoạn 3
- 80. Vân vân...

BỐI CẢNH THẦN HỌC

- A. Phân đoạn này liên hệ tới lời nói đầu trong Phúc Âm Giảng 1:1-18, trước tạo hóa, và tất nhiên liên hệ tới Sáng Thế Ký 1:1. Tuy nhiên ở đây nói về sự bắt đầu chức vụ công cộng của Chúa Giê-su.
- B. Phân đoạn này nhấn mạnh

1. nhân tính của Chúa Giê-su
 - a. các động tính từ liên hệ tới các giác quan: nhìn, nghe, sờ (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:1,3). Chúa Giê-su thực sự là Con Người với thân hình thuộc thể.
 - b. Các Danh Hiệu của Chúa Giê-su
 - (1) Lời Sự Sống (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:1)
 - (2) Con Đấng Trời Giê-su Christ. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:3)
 2. Thân Đấng của Giê-su Na-xa-rét.
 - a. Tiên tại (Thư Giăng Thứ Nhất 1:1,2)
 - b. Nhập Thể (Thư Giăng Thứ Nhất 1:2)
- Những chân lý này hoàn toàn trái ngược với quan điểm của Tri Huệ giáo

CÚ PHÁP (CẤU TRÚC ĐOẠN VĂN)

- A. Thư Giăng Thứ Nhất 1:1-4
 1. Thư Giăng Thứ Nhất 1:1-3a là nguyên một câu trong bản Hy-lạp.
 2. Động từ chính trong Thư Giăng Thứ Nhất 1:3 là 'công bố', nhấn mạnh giáo huấn của các sứ đồ.
 3. Có bốn mệnh đề quan hệ trong Thư Giăng Thứ Nhất 1:1 được đặt đầu câu với mục đích nhấn mạnh.
 - a. "Điều đã có từ ban đầu"
 - b. "Điều chúng tôi đã nghe"
 - c. "điều chúng tôi đã thấy tận mắt."
 - d. "Điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã sờ đến."
 4. Thư Giăng Thứ Nhất 1:2 dường như là câu xen vô nói về sự nhập thể của Chúa Giê-su, Sự bất thường về ngữ pháp khiến người đọc để ý tới!
 5. Thư Giăng Thứ Nhất 1:3 và 4 xác định mục đích những công bố của sứ đồ Giăng: sự thông công và niềm vui. Đối với các hội thánh sơ khởi, sự làm chứng tận mắt của tác giả là điều kiện cuốn sách trở nên một phần trong Kinh thánh.
 6. Xin để ý sự thay đổi các thì của động từ trong Thư Giăng Thứ Nhất 1:1
 - a. CHƯA HOÀN THÀNH (tiên tại)
 - b. HOÀN THÀNH, HOÀN THÀNH (chân lý trường tồn)
 - c. QUÁ KHỨ QUÁ KHỨ (một số ví dụ cụ thể)
- B. Thư Giăng Thứ Nhất 1:5-2:2
 1. Các đại từ 'Ngài' trong Thư Giăng Thứ Nhất 1:5-2:2 nói về ai, đây là điều khó trả lời, nhưng theo tôi, tất cả các trường hợp, trừ Thư Giăng Thứ Nhất 1:5, ám chỉ Đấng Chúa Cha (giống như Ê-phê-sô 1:3-14)
 2. Tất cả các câu 'nếu' đều là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa có tiềm năng xảy ra.
 3. Có một số sự khác biệt mang tính chất thần học:
 - a. Động từ phạm tội trong thì hiện tại, so với thời quá khứ.
 - b. danh từ 'tội lỗi' trong số ít so với số nhiều.

SỰ DỊ GIÁO

- A. Những giáo huấn sai lầm của dị giáo được thấy trong Giăng Thứ Nhất 1:1:6,8,10; 2:4,6,9.
- B. Thư Giăng Thứ Nhất 1:5-10 liên hệ tới những cố gắng tách biệt sự biết-Chúa (thần học) khỏi sự theo-Chúa (nếp sống đạo), là quan điểm của Tri Huệ Giáo nhấn mạnh phần tri thức. Những người biết Chúa bao giờ cũng bày tỏ đức hạnh của Chúa qua nếp sống của họ.
- C. Thư Giăng Thứ Nhất 1:8-2:2 phải được xem xét trong sự quân bình với câu 3:6-9. Bao giờ cũng có hai mặt của một đồng xu, những câu này phản biện hai sự sai trật sau đây
 1. Sự sai trật thần học (coi tội lỗi không tồn tại)
 2. Sai trật đạo đức (tội lỗi không quan trọng)
- D. Thư Giăng Thứ Nhất 2:1-2 cố gắng quân bình hai thái cực: chủ nghĩa tự do, coi nhẹ tội lỗi (antinomianism) và chủ nghĩa phán xét, luật lệ hóa, khổ hạnh (asceticism).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 1:1-4

¹ Nói về lời sự sống, là điều đã có từ ban đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều mắt chúng tôi đã thấy, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã chạm đến. ² Sự sống này đã được bày tỏ; chúng tôi đã thấy và làm chứng, nên chúng tôi công bố cho anh em sự sống đời đời vốn ở với Đức Chúa Cha, và đã được bày tỏ cho chúng tôi. ³ Chúng tôi lấy điều đã thấy, đã nghe mà công bố cho anh em để anh em có được sự tương giao với chúng tôi; còn chúng tôi vẫn có sự tương giao với Đức Chúa Cha, và với Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ. ⁴ Chúng tôi viết điều này cho anh em để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn.

1:1 " điều... điều... điều... " Cuốn sách bắt đầu bởi các đại từ giống trung. 'Điều' có hai ý nghĩa trong sứ điệp của Đức Chúa Trời.

1. Sứ điệp về Chúa Giê-su

2. Bản thân nhân vật Chúa Giê-su

Bản thể của Phúc Âm là Sứ Điệp, là Con Người và là nếp sống.

▣ **"đã có"** Đây là động từ chỉ định thì quá khứ chưa hoàn thành, xác nhận sự tiền tại của Chúa Giê-su - một chủ đề lặp đi lặp lại trong văn tự của Giăng. Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:2; Giăng 1:1,15; 3:13; 8:57-58; 17:5). Tiền tại là một cách xác nhận Thần Đức của Ngài. Chúa Giê-su mặc khải Cha bởi Ngài ở cùng với Cha từ ban đầu.

▣ **"từ ban đầu"** Đây rõ ràng liên hệ tới 'ban đầu' trong Sáng Thế Ký 1 và Giăng 1, nhưng thực ra liên hệ tới 'ban đầu' của chức vụ Chúa Giê-su. (xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Archē** ở Giăng 1:1). Sự giáng trần của Chúa Giê-su không phải là chương trình dự bị, Phúc âm bao giờ cũng là chương trình cứu rỗi duy nhất của Đức Chúa Trời. (Xem Sáng Thế Ký. 3:15; Công vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29). Câu này nói về 'ban đầu' trong mối liên hệ của các sứ đồ với Chúa Giê-su.

Giăng sử dụng khác niệm 'ban đầu' khá nhiều, hầu hết sự xuất hiện 'ban đầu' nói về hai lĩnh vực:

1. Tạo Hóa

a. Giăng 1:1,2 (có từ ban đầu)

b. Giăng 8:44; 1 Các Vua. 3:8 (Sa-tan là kẻ giết người và nói dối từ ban đầu)

c. Khải Huyền 3:14; 21:6,12 (Chúa Giê-su là Khởi Đầu và Chung Kết)

2. thời điểm Chúa Giê-su nhập thể và bắt đầu chức vụ.

a. Giăng 8:25; Thơ Giăng Thứ Nhất 2:7 [hai lần]; 3:11; Thơ Giăng Thứ Hai 5,6 (giáo huấn của Chúa Giê-su)

b. Giăng 15:27; 16:4 (với Chúa Giê-su)

c. Thơ Giăng Thứ Nhất 1:1 (từ ban đầu của chức vụ Chúa Giê-su' public ministry)

d. Thơ Giăng Thứ Nhất 2:13,24 [hai lần] (bắt đầu sự tin cậy nơi Chúa Giê-su)

e. Giăng 6:64 (bắt đầu sự từ chối Chúa Giê-su)

3. ngữ cảnh đoạn Kinh thánh này ám chỉ khả năng thứ hai: sự 'bắt đầu' của chức vụ Chúa Giê-su

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: bảng so sánh Giăng 1 và Thơ Giăng Thứ Nhất 1

Phúc Âm	Thơ Giăng Thứ Nhất
Trong thủa ban đầu (1:1,2)	từ lúc ban đầu (1:1)
Ngôi Lời (<i>logos</i>) (1:1)	Ngôi Lời (<i>logos</i>) (1:1)
Sự sống (<i>zōē</i>) (1:4)	Sự sống (<i>zōē</i>) (1:1,2)
Ánh Sáng trong Chúa (1:4)	Ánh Sáng trong Đức Chúa Trời (1:5)
Ánh Sáng tỏ ra (1:4)	Ánh Sáng tỏ ra (1:5)
Bóng tối (1:5)	Bóng tối (1:5)
Nhân chứng cho Ánh Sáng (1:6-8)	Nhân chứng cho Ánh Sáng (1:3,5)

Con người được đem tới Đức Chúa Trời (1:7,12-13)
Ngắm nhìn vinh quang Ngài (1:14)

Con người được đem tới Đức Chúa Trời (1:3)
Ngắm nhìn vinh quang Ngài (1:1-3)

▣ **"chúng tôi"** ám chỉ sự làm chứng của cả nhóm Sứ Đồ cũng như cá nhân Sứ Đồ Giảng. Sự Làm chứng tập thể được dùng một cách đặc thù trong Thư Giảng Thứ Nhất tới 50 lần.

Có người coi cách dùng đại từ số nhiều ám chỉ những người theo Giảng, các học trò rao giảng và bảo vệ quan điểm thần học của Giảng.

▣ **"đã nghe, đã thấy,"** Các động từ chỉ định, chủ động thì quá khứ hoàn thành, nhấn mạnh kết quả kéo dài. Giảng xác nhận nhân tính của Chúa Giê-su bằng các sử dụng động tính từ liên hệ tới 5 giác quan trong Thư Giảng Thứ Nhất 1:1,3, qua đó ông công bố mình là nhân chứng sống về giáo huấn và cuộc đời của Chúa Giê-su Na-xa-rét.

▣ **"đã chiêm ngưỡng, đã chạm đến"** cả hai động từ đều trong thì quá khứ dạng chỉ định, nhấn mạnh một sự kiện. 'Chiêm ngưỡng' có nghĩa quan sát cẩn thận. (Xem Giảng 1:14), 'chạm đến' có nghĩa tự tay kiểm tra (Xem Giảng 20:20,27; Lu-ca 24:39).

Thuật ngữ Hy-lạp 'rờ', 'chạm' (*psēlaphaō*) xuất hiện hai lần trong Tân-ước: ở đây và trong Lu-ca 24:39. Trong Lu-ca nói về sự tiếp xúc với Chúa sau phục sinh.

▣ **"lời sự sống"** Thuật ngữ 'Lời' *logos* gây sự để ý đối với các giáo sư giả, cũng giống như lời mở đầu của phúc Âm Giảng (Xem Thư Giảng Thứ Nhất 1:1). Thuật ngữ này được sử dụng nhiều trong triết học Hy-lạp và trong bối cảnh Do-thái. (xem giới thiệu sách Giảng 1, phần C). Lời nó về nội dung và Nhân Vật của Phúc Âm. **1:2** Đây là câu 'xen vô' để giới thiệu sự sống.

▣ **"sự sống,"** "*Zōē*" (Thư Giảng Thứ Nhất 1:2 hai lần) được sử dụng một cách đều đặn trong văn tự của Giảng, nói về sự sống thuộc linh. sự sống phục sinh, sự sống trong kỷ nguyên mới, hoặc sự sống của Đức Chúa Trời. Giảng 1:4; 3:15,36 [hai lần]; 4:14,36; 5:24 [hai lần],26 [hai lần],29,39,40; 6:27,33,35,40,47,48,51,53,54,63,68; 8:12; 10:10,28; 11:25; 12:25,50; 14:6; 17:2,3; 20:31; Thư Giảng Thứ Nhất 1:1,2; 2:25; 3:14-15; 5:11,12,13,16,20). Chúa Giê-su tự xưng mình là Sự Sống, (Xem Giảng 14:6).

▣ **"đã được bày tỏ"** thuật ngữ 'bày tỏ' được sử dụng hai lần trong câu này và cả hai lần đều trong thì quá khứ, dạng chỉ định, thụ động. Dạng thụ động thường nói về Đức Chúa Cha 'được bày tỏ'. Thuật ngữ 'bày tỏ' (*phaneroō*) có nghĩa 'đem ra ánh sáng những gì đã có', là một thuật ngữ được Giảng yêu thích. (Xem Giảng 1:31; 3:21; 9:3; 17:6; Thư Giảng Thứ Nhất 1:2 [hai lần]; 2:19; 3:5,8,10; 4:9). Thì quá khứ nhấn mạnh sự nhập thể của Chúa Giê-su mà các giáo sư giả từ chối không tin.

▣ **"làm chứng,"** ám chỉ về sự từng trải cá nhân của Giảng (động từ chủ động, chỉ định, thì hiện tại). Thuật ngữ làm chứng thường được dùng trong tòa án, XEM **CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Chứng Nhân** cho Chúa Giê-su ở câu Giảng 1:8

▣ **"công bố"** Giảng làm chứng với thẩm quyền (động từ chủ động, chỉ định, thì hiện tại) qua sự rao giảng và ghi chép. Động từ 'công bố' là động từ chính trong Thư Giảng Thứ Nhất 1:1-3. được dùng hai lần (Thư Giảng Thứ Nhất 1:2 and Thư Giảng Thứ Nhất 1:3).

▣ **"vốn ở với Đức Chúa Cha"** Giống như Thư Giảng Thứ Nhất 1:1, và Giảng 1:1 đây là sự khẳng định tính tiền tại của Chúa Giê-su, Thần Đức đã nhập thể thành người. (Xem Giảng 1:14). Biết Chúa Giê-su tức là biết Đức Chúa Trời. (Xem Giảng 14:8-11). Đây là một ví dụ về Nhị Nguyên Luận trên / dưới, cao / thấp của Giảng.

1:3 "Chúng tôi lấy điều đã thấy, đã nghe mà công bố cho anh em". 'Điều' - Đây là mệnh đề quan hệ thứ năm, tiếp tục ý nghĩ của Thư Giảng Thứ Nhất 1:1 sau câu 'xen vô' 1:2. Nó nhắc lại nhận biết qua các động từ xúc giác bắt đầu trong câu 1:1

▣ **"công bố cho anh em"** "Công bố" - đây là động từ chính trong Thư Giảng Thứ Nhất 1:1-3, (động từ chỉ định chủ động thì hiện tại). Sự biết Chúa đòi hỏi mỗi thông công với con cái Ngài.

▣ **"để anh em có được sự tương giao với chúng tôi"** "để" - đây là mệnh đề chủ đích (*hina*) với với lối bàn thái (subjunctive) chủ động thì hiện tại - nói về mục đích của Phúc Âm là tin mừng cho những người chưa bao giờ được nghe hoặc thấy Chúa Giê-su có thể được cứu bởi sự chia sẻ của các Sứ Đồ. (Xem Giảng 17:20; 20:29-31). Sự thông công trong ân sủng được mặc khải, đem lại niềm vui, sự bình an và đảm bảo cứu rỗi. Hội thánh là một cộng đồng của các Tín Đồ, là thân thể của các Tín Đồ. Phúc âm là món quà dành cho cả thể gian.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT SỰ THÔNG CÔNG *KOINŌNIA*

Thuật ngữ sự thông công (*koinōnia*) có ý nghĩa là

1. Mỗi liên hệ gần gũi với một cá nhân:
 - a. Với Con Đức Chúa Trời (cf. 1 Cô-rin-tô 1:9; 1 Giăng 1:6)
 - b. Với Đức Thánh Linh (cf. 2 Cô-rin-tô 13:14; Phi-líp 2:1)
 - c. Với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (cf. 1 Giăng 1:3)
 - d. Với anh chị em trong giao ước đức tin. (cf. Công-vụ 2:42; 2 Cô-rin-tô 8:23; Ga-la-ti 2:9; Phi-lê-môn v. 17; 1 Giăng 1:3,7)
 - e. Tuyệt giao với sự xấu xa / Kẻ Ác (cf. 2 Cô-rin-tô 6:14)
2. Liên hệ gần gũi với những điều hoặc những nhóm:
 - a. Với Phúc Âm (cf. Phi-líp 1:5; Phi-lê-môn v. 6)
 - b. Với huyết của Đấng Christ. (cf. 1 Cô-rin-tô 10:16)
 - c. Tuyệt giao với sự tối tăm (cf. 2 Cô-rin-tô 6:14)
 - d. Liên hệ với sự chịu đựng (cf. 2 Cô-rin-tô 1:7; Phi-líp 3:10; 4:14; 1 Phi-ê-rơ 4:13)
3. Món quà hoặc sự đóng góp rời rạc. (cf. Rô-ma. 12:13; 15:26; 2 Cô-rin-tô 8:4; 9:13; Phi-líp 4:15; Hê-bơ-rơ 13:16)
4. Món quà của Đức Chúa Trời qua ân điển của Đấng Christ. hồi phục loài người trong mỗi thông công cùng Ngài và con cái Ngài.

Điều này khẳng định mỗi thông công chiều ngang (con người với con người) được đem lại bởi mỗi thông công chiều dọc (con người với Đấng Tạo Hóa). Nó nhấn mạnh nhu cầu thông công trong cộng đồng Tín Đồ và kết quả trong niềm vui khi có sự thông công. (i.e., Hê-bơ-rơ 10:25).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CƠ ĐỐC GIÁO LÀ MỘT ĐOÀN THỂ

- A. Phao-lô và Phi-ê-rơ luôn sử dụng số nhiều khi nói về con dân của Chúa.
 1. Thân thể (cf. 1 Cô-rin-tô 12:12-20)
 2. Cánh đồng (cf. 1 Cô-rin-tô 3:9)
 3. Ngôi nhà. (cf. 1 Phi-ê-rơ 2:4-5)
- B. Thuật ngữ Tín Đồ luôn ở trong số nhiều (trừ một trường hợp trong Phi-líp 4:21, tuy nhiên ngữ cảnh cũng nói về số nhiều.)
- C. Học thuyết Cải Chánh của Martin Luther (trong đề tài năng lực của một linh hồn) nói về vai trò 'thầy tế lễ' của mỗi một Tín Đồ là một sự ngộ nhận. Đúng ra Kinh thánh nói đến vai trò 'thầy tế lễ' của các Tín Đồ với ý định số nhiều (cf. Xuất. 19:6; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6).
- D. Mỗi Tín Đồ đều được trang bị ân tứ để phục vụ cộng đồng. (cf. 1 Cô-rin-tô 12:7)
- E. Chỉ có sự hợp tác của các Tín Đồ mới đem lại hiệu quả. Chức vụ chỉ có hiệu quả khi mang tính chất đoàn thể. (cf. Ê-phê-sô 4:11-12).

▣ **"tương giao với Đức Chúa Cha, và với Con Ngài "** Về phương diện ngữ pháp những câu này tương tự với nhau khi sử dụng giới từ và mạo từ hạn định. Cú pháp xác nhận sự bình đẳng Thần Đức của Chúa Giê-su. (Xem Giăng 5:18; 10:33; 19:7). Không ai có thể có được Đức Chúa Trời (Chúa Chí Cao) mà không có Đức Chúa Con (Chúa Nhập Thể), theo như sự giảng dạy sai lầm của các giáo sư giả. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:23; 5:10-12).

Sự thông công ở đây giống như sự 'ở với', 'ngự cùng' trong câu Giăng 14:23.

1:4 "Chúng tôi viết điều này " 'điều này' có thể nói về cả bức thư, hoặc chỉ một đoạn Giăng Thứ Nhất 1:1-3. Sự khó hiểu này cũng được thấy trong Giăng Thứ Nhất 2:1. Tác giả xác nhận một trong các mục đích của lá thư ở đây (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:1).

▣ **"niềm vui của chúng ta được trọn vẹn."** đây là cách nói gián tiếp, thụ động, thì quá khứ hoàn thành, lối bản thái. (PERIPHRASTIC PERFECT PASSIVE SUBJUNCTIVE) (Xem Giăng 15:11; 16:20,22,24; 17:13; Thư Giăng

Thứ Hai 12; Thơ Giăng Thứ Ba 4). Niềm vui của Tín Đồ được làm trọn vẹn bởi sự thông công với Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Linh. Đây là một thành phần rất quan trọng bác bỏ giáo lý sai lầm của các giáo sư giả. Giăng xác định mục đích của bức thư là

1. Sự thông công với Đức Chúa Trời và con cái Ngài.
2. Niềm vui
3. Sự đảm bảo cứu rỗi
4. Trang bị Tín Đồ phân biệt giáo lý sai lầm của các giáo sư Tri Huệ Giáo.

Có một số sự khác nhau giữa các bản sao Hy-lạp

1. "niềm vui chúng ta" trong các bản MSS α , B, L; NASB, NRSV, NJB, REB, NIV
2. "niềm vui của anh em" trong các bản MSS A, C; NKJV
Liên Hội Thánh Kinh UBS⁴ chọn khả năng thứ nhất. Phải chăng 'chúng ta' ám chỉ các Sứ Đồ hay các Tín Đồ? Bởi sự nhấn mạnh thần học hướng về sự đảm bảo cứu rỗi, tôi nghĩ rằng niềm vui Giăng nói đến ở đây thuộc tất cả mọi Tín Đồ.

BẢN HIỆU ĐÍCH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 1:5-2:2

⁵ Đây là sứ điệp chúng tôi đã nghe nơi Ngài và công bố cho anh em: Đức Chúa Trời là ánh sáng, trong Ngài không có bất cứ bóng tối nào. ⁶ Nếu chúng ta nói mình được tương giao với Ngài mà vẫn bước đi trong bóng tối thì chúng ta nói dối và không làm theo chân lý. ⁷ Nhưng nếu chúng ta bước đi trong ánh sáng, cũng như chính Ngài ở trong ánh sáng, thì chúng ta được tương giao với nhau, và huyết của Đức Chúa Jê-sus, Con Ngài, tẩy sạch mọi tội của chúng ta. ⁸ Nếu chúng ta nói mình không có tội thì chúng ta tự lừa dối mình, và chân lý không ở trong chúng ta. ⁹ Còn nếu chúng ta xưng tội mình thì Ngài là thành tín, công chính sẽ tha tội cho chúng ta và tẩy sạch chúng ta khỏi mọi điều bất chính. ¹⁰ Nhưng nếu chúng ta nói mình chẳng từng phạm tội thì chúng ta cho Ngài là người nói dối, và lời Ngài không ở trong chúng ta.

¹ Hỡi các con bé nhỏ của ta, ta viết cho các con những điều này để các con không phạm tội. Nhưng nếu có ai phạm tội thì chúng ta có Đấng biện hộ với Đức Chúa Cha là Đức Chúa Jê-sus Christ, Đấng công chính. ² Chính Ngài là tế lễ chuộc tội chúng ta, không những vì tội của chúng ta mà thôi, nhưng còn vì tội của cả thế gian nữa.

1:5 "Đây là sứ điệp chúng tôi đã nghe" Đại từ xưng hô 'chúng tôi' nói về Giăng và những chứng nhân tận mắt cùng các Môn Đồ thời Chúa Giê-su sống trên trần gian. Giăng nói chuyện trực tiếp với 'anh em' là các độc giả, có thể là các hội thánh vùng Tiểu Á, câu 2:1

Động từ 'đã nghe' là động từ chỉ định, chủ động, thì quá khứ hoàn thành. Một chủ đề thường xuyên lặp lại trong Thơ Giăng Thứ Nhất 1:1-4 là sự làm chứng bởi các giác quan nghe, nhìn, sờ... chứng minh Giăng có mặt một cách cá nhân trong các cuộc giảng dạy của Chúa Giê-su và truyền đạt lại cho độc giả ý tưởng của Chúa chứ không phải của cá nhân mình. Ngay cả câu nói 'Ta Là' nổi tiếng và độc đáo trong Phúc Âm Giăng cũng là sự hồi tưởng cá nhân về những buổi nói chuyện riêng tư.

Chủ từ trong cả phần đoạn Thơ Giăng Thứ Nhất 1:5-2:2 đều ám chỉ Chúa Giê-su, Chúa đến một mục đích mạc khải Đức Chúa Cha, Giăng 1:18). Về mặt thần học, có ba mục đích của sự nhập thể

1. Bày tỏ Đức Chúa Cha (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:5)
2. Sống một cuộc sống tin kính để Tín Đồ noi theo (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:7)
3. Chết thế cho nhân loại (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:7; 2:2)

▣ **"Đức Chúa Trời là Ánh Sáng,"** Không có mạo từ đứng trước danh từ 'ánh sáng', điều này nhấn mạnh tính mạc khải và phẩm chất trong bản tính Đức Chúa Trời. (Xem Thi-thiên 27:1; Ê-sai 60:20; Micah 7:8; 1 Ti-mô-thê 6:16; Gia-cơ 1:17). Các giáo sư Tri Huệ Giáo cho rằng ánh sáng là tri thức, còn Giăng xác nhận ánh sáng là đức hạnh nguyên chất. Ánh sáng và 'bóng tối' là hai thuật ngữ thường được dùng, đặc biệt trong các hành văn nhị nguyên luận thường thấy trong văn tự Biển Chết và Tri Huệ Giáo sơ khởi). Đây là nhị nguyên luận 'tốt' / 'xấu' (i.e., Giăng 1:5; 8:12; 12:46) và nhị nguyên luận thần linh / vật thể trong Tri Huệ Giáo. Lời tuyên bố "Đức Chúa Trời là ánh sáng" thật đơn giản nhưng hào hùng về bản ngã Thần Linh của Đức Chúa Trời, bên cạnh các tuyên bố khác như: (1) Đức Chúa Trời là Yêu Thương (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:8,16) và (2) Đức Chúa Trời là Thần Linh (Xem Giăng 4:24). Thành viên gia đình của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su (Xem

Giăng 8:12; 9:5), cũng phản chiếu đức hạnh của Ngài. (Xem Ma-thi-ơ 5:14). Sự đòi hỏi bởi tình yêu, sự thứ tha và sự thánh khiết là những bằng chứng về sự cứu rỗi chân chính.

▣ **" trong Ngài không có bất cứ bóng tối nào. "** 'không có bất cứ' là cú pháp phủ nhận kép, nhấn mạnh tính bất biến trong bản tính thánh khiết của Đức Chúa Trời (Xem 1 Ti-mô-thê 6:16; Gia-cơ 1:17; Thi-thiên 102:27; Ma-la-chi 3:6).

1:6 "Nếu chúng ta nói " 'Nếu...' Đây là một trong những thể điều kiện hạng ba. Cụm từ này là đầu mối nói về sự dạy dỗ sai lầm của các giáo sư giả, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:8,10; 2:4,6,9). Sự dạy dỗ này xuất phát từ Tri Huệ Giáo sơ khởi.

Sự chỉ trích kịch liệt được nhấn mạnh qua một kỹ xảo văn chương, trình bày chân lý qua đối thoại hỏi đáp, hay dẫn chứng và phản biện. Ví dụ điển hình được thấy trong Ma-la-chi (Xem Ma-la-chi 1:2,6,7,12; 2:14,17; 3:7,14) v7 Rô-ma (Xem Rô-ma 2:3,17,21-23; 3:1,3,7-8,9,31; 4:1; 6:1; 7:7).

▣ **" mình được tương giao với Ngài "** Các giáo sư giả đề cao sự thông công với thần thánh qua tri thức, theo quan điểm triết học gia Plato Hy-lạp. Giăng khẳng định các Tín Đồ cần phải sống một cuộc sống giống như cuộc đời Chúa Giê-su. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:7; Lê-vi Ký. 19:2; 20:7; Ma-thi-ơ 5:48).

▣ **" vẫn bước đi trong bóng tối "**. 'Bước đi' - động từ bàn thái, chủ động thì hiện tại, trong Kinh Thánh là ẩn dụ về cuộc sống (Xem Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15). Đức Chúa Trời là Ánh Sáng. Con cái của Đức Chúa Trời phải trở nên giống như Ngài (Xem Ma-thi-ơ 5:48).

▣ **" chúng ta nói dối và không làm theo chân lý. "** 'Nói dối' và 'không làm' đều trong thì hiện tại. Giăng tuyên bố những loại người tôn giáo này là những kẻ nói dối. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:10; 2:4,22; 4:20; Ê-sai 29:13). Hành động trong cuộc sống bày tỏ tâm lòng một con người (Xem Ma-thi-ơ 7). Xem chủ đề đặc biệt Khái niệm Chân Lý trong văn tự của Giăng, ở Giăng 6:55

1:7 "Nhưng nếu chúng ta bước đi trong ánh sáng, " 'Bước đi', động từ thì hiện tại, nhấn mạnh hành động đang tiếp tục. 'Bước đi' là ẩn dụ của Tân-ước về cuộc sống Tín Đồ. (i.e., Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15).

Xin đề ý mức độ thường xuyên sử dụng của 'bước đi' trong thì hiện tại, liên hệ tới cuộc sống cơ đốc nhân. Chân lý không phải là những gì chúng ta biết, nhưng là những gì chúng ta thể hiện trong cuộc sống. Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chân Lý trong văn tự của Giăng ở câu Giăng 6:55

▣ **" cũng như chính Ngài ở trong ánh sáng "** Tín Đồ cần phải suy nghĩ và sống như Đức Chúa Trời (Xem Ma-thi-ơ 5:48). Chúng ta phải phản chiếu bản tính của Ngài cho thế gian hư mất. Sự cứu rỗi chính là sự hồi phục hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người, (i.e., Sáng Thế Ký. 1:26,27), đã từng bị hoen ố bởi tội lỗi trong vườn E-đen, Sáng Thế Ký đoạn 3.

▣ **" chúng ta được tương giao với nhau, "** Thuật ngữ thông công trong tiếng Hy-lạp là *koinōnia*, có nghĩa là sự cùng tham gia của hai cá nhân. (xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Koinōnia**). Cơ Đốc Giáo dựa trên nền tảng các Tín Đồ cùng nhau chia sẻ cuộc sống Chúa Giê-su. Nếu chúng ta tiếp nhận sự tha thứ của Chúa, chúng ta cũng tiếp nhận sự mạng chia sẻ tình yêu (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:16). Sự biết Đức Chúa Trời không phải là một chân lý trừu tượng, nhưng là sự thông công mật thiết và đời sống tin kính. Mục tiêu của Tín Đồ không phải là Thiên Đàng sau cái chết, nhưng là sự sống của Chúa Giê-su ngay bây giờ. Các giáo sư giả theo Tri Huệ Giáo theo đuổi ý tưởng biệt phái. Tuy nhiên một Tín Đồ thực sự, có sự tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời phải có sự thông công với anh em trong niềm tin. Sự thiếu tình yêu đối với anh em là tín hiệu thiếu sự tương giao với Đức Chúa Trời. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:20-21 and also Ma-thi-ơ 5:7; 6:14-15; 18:21-35)

▣ **" huyết của Đức Chúa Jêsus, "** Đây nói về sự hy sinh của Đấng Christ (Xem Ê-sai 52:13-53:12; Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô 5:21), cũng Giăng Báp-tít "kia, Con Chiên của Đức Chúa Trời, cắt đi tội lỗi của thế gian. (Xem Giăng 1:29). Đấng Vô-tội phải chết thế cho kẻ có tội.

Các giáo sư Tri Huệ Giáo sơ khởi từ chối nhân tính của Chúa Giê-su. Giăng sử dụng thuật ngữ 'huyết' để nhấn mạnh việc Chúa Giê-su thực sự giáng trần làm người.

Có những sự khác nhau trong các bản sao tiếng Hy-lạp và bản dịch tiếng Anh

1. Chúa Giê-su -- NASB, NRSV, NJB, REB, NET
2. Đấng Christ -- MSS ⌘, B, C
3. Chúa Giê-su Christ -- NKJV

Đây là một trong những ví dụ, cho thấy các những người sao chép Tân-ước ngày xưa cố gắng thay đổi văn tự để bài bác các giáo sư giả. (Theo Bart D. Ehrman trong cuốn , *The Orthodox Corruption of Scripture*, p. 153). Sự lựa chọn thứ ba: Chúa Giê-su Christ là sự dung hòa các chi tiết khác nhau trong các sao bản.

▣ **" tẩy sạch mọi tội của chúng ta".** 'Tẩy sạch' - Động từ chỉ định chủ động thì hiện tại, danh từ 'tội lỗi' không có mạo từ đứng trước, có nghĩa là tất cả các loại tội lỗi. Câu này không ám chỉ một lần tẩy sạch, (như sự cứu rỗi lần đầu, Thư Giăng Thứ Nhất 1:7), nhưng sự tẩy sạch liên tục trong đời sống Tín Đồ. Cũng như sự cứu rỗi, sự tẩy sạch liên tục là một phần trải nghiệm của Cơ đốc nhân. (Xem Giăng 13:10).

1:8 "Nếu chúng ta nói mình không có tội" - 'nếu...' thể điều kiện hạng ba. Tội lỗi là thực tại thuộc linh của thế gian hư hoại, và của cả Tín Đồ nữa. (Xem Rô-ma 7). Phúc Âm Giăng nói về nan đề này nhiều lần (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 9:41; 15:22,24; 19:11). Câu Kinh thánh này phản biện những giáo huấn ngày xưa và ngày nay chối từ trách nhiệm đạo đức cá nhân.

▣ **" chúng ta tự lừa dối mình"** Trong ngôn ngữ Hy-lạp, câu này nhấn mạnh sự cố tình từ chối sự thật chứ không phải sự vô tình xem nhẹ sự thật.

▣ **" chân lý không ở trong chúng ta. "** Phương cách duy nhất tiếp nhận Đức Chúa Trời Thánh Khiết là không phủ nhận bản ngã tội lỗi và chào đón sự cứu rỗi qua Chúa Giê-su (Xem Rô-ma 3:21-31). 'Chân lý' ở đây có thể ám chỉ cá nhân Chúa Giê-su hoặc sứ điệp về Chúa Giê-su, xem Giăng 14:6). Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:** Khái niệm 'chân lý' trong Giăng, ở câu Giăng 6:55 và **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:** thuật ngữ 'chân thật' trong Giăng, ở câu Giăng 17:3

1:8,9 "nếu" cả hai chữ 'nếu' ở đây trong thể điều kiện thứ ba, có nghĩa là có khả năng xảy ra.

1:9 "xung tội" Động từ 'xung tội' trong ngôn ngữ Hy-lạp là động từ kép: 'nói ra' và đúng thực chất'. Tín Đồ phải đồng ý với Đức Chúa Trời rằng họ đã vi phạm sự thánh khiết của Ngài (Xem Rô-ma 3:23). Động từ xung tội trong thì hiện tại, có nghĩa là liên tục hành động. Xung tội bao gồm:

1. định nghĩa từng tội một cách cụ thể (Thư Giăng Thứ Nhất 1:9)
2. thừa nhận tội lỗi một cách công khai (Xem Ma-thi-ơ 10:32; Gia-cơ 5:16)
3. từ bỏ và quay lưng đối với từng tội lỗi (Xem Ma-thi-ơ 3:6; Mác 1:5; Công vụ 19:18; Gia-cơ 5:16)
Thư Giăng Thứ Nhất sử dụng thuật ngữ 'xung tội' khá thường xuyên. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:9; 4:2,3,15; Thư Giăng Thứ Hai 7). Sự hy sinh của Chúa Giê-su đem lại sự tha thứ, nhưng nhân loại phải tiếp đón món quà của Đức Chúa Trời và tiếp tục trong niềm tin để được cứu. (Xem Giăng 1:12; 3:16).
Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:** Sự xung tội, ở câu Giăng 9:22-23

▣ **"tội mình"** Xin để ý số nhiều: 'các tội mình' ám chỉ tội lỗi một cách cụ thể (hành động tội lỗi thay vì bản ngã tội lỗi)

▣ **"Ngài là thành tín,"** 'Ngài' ám chỉ Đức Chúa Trời (Xem Phục Truyền. 7:9; 32:4; Thi-thiên 36:5; 40:10; 89:1,2,5,8; 92:2; 119:90; Ê-sai 49:7; Rô-ma 3:3; 1 Cô-rin-tô 1:9; 10:13; 2 Cô-rin-tô 1:18; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:24; 2 Ti-mô-thê 2:13). Bản tính bất biến, thương xót, thành tín của Đức Chúa Trời là niềm hy vọng của chúng ta. Câu này nhấn mạnh sự thành tín của Chúa đối với Lời Ngài (Xem Hê-bơ-rơ 10:23; 11:11), hoặc có thể liên hệ tới hứa ngôn về sự tha thứ trong Giao-ước mới Giê-rê-mi 31:34

▣ **"công chính"** Trong ngữ cảnh, độc giả thấy sự bất thường khi Đức Chúa Trời thánh khiết tha thứ con người ô uế. Tuy nhiên thần học đã chứng minh rằng mặc dầu Đức Chúa Trời tỏ thái độ nghiêm khắc đối với tội lỗi, Ngài ban cho sự tha thứ bằng sự hy sinh thể chuộc của Đấng Christ. (Xem Rô-ma 3:21-31). Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:** Sự công nghĩa ở câu 2:29

▣ **" tha tội cho chúng ta và tẩy sạch chúng "** Cả hai động từ 'tha tội' và 'tẩy sạch' đều trong lối bàn thái, chủ động thì quá khứ. Cả hai động từ đều đồng nghĩa trong ngữ cảnh, đều nói đến sự cứu rỗi con người hư mất và tính liên tục của sự thanh tẩy để có được mối thông công với Đức Chúa Trời (Xem Ê-sai 1:18; 38:17; 43:25; 44:22; Thi-thiên 103:3,11-13; Mic. 7:19). Những giáo sư giả từ chối Phúc Âm cần được cứu rỗi. Tín Đồ tiếp tục phạm tội cần được phục hồi trong mối liên hệ. Giăng nói chuyện với nhóm đầu tiên một cách ám chỉ và với nhóm thứ hai một cách rõ ràng

1:10 "nếu chúng ta nói" Xem ghi chú trong Thư Giăng Thứ Nhất 1:6.

▣ **" mình chẳng từng phạm tội "** 'phạm tội' động từ chỉ định, chủ động thì quá khứ. 'Chẳng từng phạm tội' ám chỉ một người không hề phạm tội, dù trong quá khứ hay hiện tại. Thuật ngữ 'tội' trong số ít, nói về bản tính tội lỗi, hay tội lỗi một cách chung chung. Trong tiếng Hy-lạp, tội có nghĩa là thiếu sót, không đạt đến tiêu chuẩn đặt ra. Tội lỗi có thể là tội chủ đích hoặc tội vô tình, được bày tỏ trong lời của Đức Chúa Trời. Các giáo sư giả chỉ công nhận sự cứu rỗi về mặt trí thức, chứ không về mặt nếp sống.

▣ " **chúng ta cho Ngài là người nói dối,** " Phúc Âm nói bản tính tội lỗi của nhân loại (Xem Rô-ma 3:9-18,23; 5:1; 11:32). Hoặc "Đức Chúa Trời nói dối', hoặc các giáo sư giả nói dối - sự lựa chọn chỉ có một trong hai, xem Rô-ma 3:4)

▣ "**lời Ngài không ở trong chúng ta.**" 'Lời' (*logos*) mang ý nghĩa cả Cá Nhân và Sứ Điệp của Chúa Giê-su (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:1,8; Giăng 14:6). Giăng thường thay 'Lời' bằng "Chân Lý."

2:1 " Hỡi các con bé nhỏ của ta, " Giăng sử dụng hai thuật ngữ 'các con bé nhỏ' Thơ Giăng Thứ Nhất.

1. *teknion* (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:1,12,28; 3:7,18; 4:4; 5:21; Giăng 13:33)

2. *paidion* (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:14,18)

Hai thuật ngữ đều đồng nghĩa trong ngữ cảnh, không ám chỉ dụng ý thần học khác biệt. Đây là cách xưng hô thân mật của Giăng, đã cao tuổi khi viết văn tự này.

Chúa Giê-su sử dụng thuật ngữ 'các con trẻ' đối với Giăng 13:33.

▣ "**ta viết cho các con những điều này để các con không phạm tội.**" - 'Để không phạm tội' - Động từ lỗi bản thái chủ động, thì quá khứ. Giăng dứt khoát phân biệt giữa thì hiện tại: sự liên tục gây tội lỗi thành thói quen (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:6,9) và thì quá khứ: sự vấp phạm một tội bởi Tín Đồ thất bại trong sự cảm dỗ và giăng co. Giăng cố gắng làm quân bình giữa hai cực đoan:

1. Xem nhẹ tội lỗi (Xem Rô-ma 6:1; Thơ Giăng Thứ Nhất 1:8-10; 3:6-9; 5:16)

2. Mặc cảm tội lỗi cá nhân một cách tuyệt vọng.

Cả hai khía cạnh đều phản ánh hai trường phái trong Tri Huệ Giáo. Một trường phái cho rằng sự cứu rỗi chỉ liên hệ tới tri thức, con người sống thế nào cũng không quan trọng, bởi thuộc thể vốn là xấu xa. Còn nhóm kia cho rằng thể xác vốn xấu xa, nên cần phản hạn chế những điều nó muốn.

▣ "**Nhưng nếu có ai phạm tội** ", 'Nếu' - thể điều kiện hạng ba, nói về khả năng có thể xảy ra. Vâng, Tín Đồ cũng có thể phạm tội. (Xem Rô-ma 7).

▣ "**chúng ta có Đấng Biện Hộ với Đức Chúa Cha**" Đây là động từ chỉ định, chủ động thì hiện tại, nói về Chúa Giê-su luôn cầu thay cho chúng ta, với tư cách Đấng Biện Hộ thiên thượng (*paraklētos*) Người biện hộ là một thuật ngữ pháp lý cho luật sư bào chữa, còn được gọi là người trợ giúp đứng bên cạnh (*para* = bên cạnh, và *Kaleō* = mời gọi). Đấng Biện Hộ cũng được dùng nói về Đức Thánh Linh trong lời chia sẻ của Chúa Giê-su ở Lầu Trên. Đức Thánh Linh là Đấng Biện Hộ cho chúng ta trên thế gian (Xem Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7). Ở đây được dùng một cách duy nhất ám chỉ Chúa Giê-su (Cũng như Giăng 14:16; Rô-ma 8:34; Hê-bơ-rơ 4:14-16; 7:25; 9:24). Phao-lô cũng dùng khái niệm Đấng Biện Hộ cho chức vụ cầu thay của Đấng Chist, Rô-ma 8:34. Cũng trong đoạn này, cũng được gọi là Đấng Cầu thay, Rô-ma 8:26. Chúng ta có một Đấng Biện Hộ trên Thiên Đàng, và một Đấng Biện Hộ từ nội tâm, tức là Đức Thánh Linh, cả hai đều được Đức Chúa Trời yêu thương gọi tới trần gian,

▣ "**là Đức Chúa Jêsus Christ, Đấng công chính.** " - đây là một cách xác định bản ngã Thần Đức của Chúa Giê-su rất độc đáo bằng cách dùng danh hiệu 'Đấng Công Chính' của Đức Chúa Cha trong Thơ Giăng Thứ Nhất 1:9. Tân-ước sử dụng một vài cách khẳng định bản ngã Thần Đức của Chúa Giê-su

1. Sử dụng danh hiệu của Đức Chúa Trời cho Chúa Giê-su

2. Sử dụng công việc của Đức Chúa Trời thực hiện bởi Chúa Giê-su .

3. Về phương diện ngữ pháp, sử dụng các câu tương tự ám chỉ cả Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su (Chủ từ hoặc mạo từ), ví dụ nói về bản tính vô tội của Chúa Giê-su (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:5; 2 Cô-rin-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 2:18; 4:15; 7:26; 1 Phi-ê-rơ 2:22). Chúa Giê-su là phương tiện Đức Chúa Trời đem sự công nghĩa đến cho loài người.

2:2

NASB, NKJV"Chính Ngài là của lễ chuộc tội cho chúng ta"

NRSV"Ngài là sinh tế chuộc tội cho chúng ta"

TEV"Đấng Christ là phương tiện để chúng ta được tha thứ. "

NJB, RSV"Ngài là sinh tế đền tội cho chúng ta"

Thuật ngữ *hilasmos* được sử dụng trong bản Bảy Mươi (Septuagint) với ý nghĩa nắp đậy cho Hòm Giao Ước, còn gọi là Nắp Thi Ân, Ngôi Thương Xót, hoặc Nơi Tế Chuộc. Chúa Giê-su đặt Ngài trong sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi của chúng ta (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:10; Rô-ma 3:25).

Trong thế giới Hy-lạp / La-mã, thuật ngữ này mang ý nghĩa hồi phục mối liên hệ với thần linh với sự trả giá, Nhưng tất cả các tác giả Tân-ước đều là những người theo ý tưởng Do-thái (trừ Lu-ca), họ viết các cuốn sách trong Tân-ước theo ngôn ngữ Koine Hy-lạp. Trong Bản Bảy Mươi là Cựu-ước được định ra tiếng Hy-lạp và trong Hê-bơ-rơ 9:5, thuật ngữ này được dịch thành Nấp Thi-Ăn, là nấp đầy Hòm Giao-ước trong nơi Chí Thánh, là nơi Lễ Chuộc Tội Hằng Năm được tổ chức. (Xem Lê-vi Ký 16).

Thuật ngữ này phải được hiểu trong ánh sáng việc Đức Chúa Trời ghê tởm tội lỗi, nhưng sẵn lòng chuộc tội cho tội nhân. Ông James Stewart viết bài tranh luận khá hay trong cuốn *A Man in Christ*, pp. 214-224. Cách dịch thích hợp phản ánh công việc của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su: sinh tế chuộc tội, hoặc sinh tế với quyền chuộc tội.

Các bản dịch Anh ngữ dịch một cách khác nhau, tùy theo sự hiểu biết về thuật ngữ 'sinh tế'. "Của Lễ chuộc tội" ám chỉ xoa dịu, điều đình, hoà giải con giận giữ của Đức Chúa Trời, (Xem Rô-ma 1:18; 5:9; Ê-phê-sô 5:6; Cô-lô-sê 3:6). Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời bị xúc phạm bởi tội lỗi con người, nan đề này được giải quyết bởi chức vụ của Chúa Giê-su. (Xem Rô-ma 3:25; 2 Cô-rin-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 2:17).

Một số học giả (ví dụ C. H. Dodd) cảm thấy khái niệm làm hoà với thần linh trong thế giới huyền thoại ngoại đạo (Hy-lạp) không nên được đem áp dụng đối với Giê-hô-va Đức Chúa Trời. Chính vì vậy sự chuộc tội nhấn mạnh sự giải quyết tội lỗi bởi Chúa Giê-su trước Đức Chúa Trời (Xem Giăng 1:29; 3:16) hơn là con thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi. Tuy nhiên cả hai khái niệm đều đúng trong ý nghĩa thần học.

▣ **"vì tội của chúng ta mà thôi, nhưng còn vì tội của cả thế gian nữa."** Đây ám chỉ tiềm năng vô tận của sự Chuộc Tội. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:14; Giăng 1:29; 3:16,17; 12:47; Rô-ma 5:18; 1 Ti-mô-thê 4:10; Titus 2:11; Hê-bơ-rơ 2:9; 7:25). Chúa Giê-su đã hy sinh vì bản ngã tội lỗi (nguyên tội) và tất cả mọi vi phạm (kỷ tội) của nhân loại, (Xem Sáng Thế Ký. 3:15). Một điều duy nhất ngăn cản thế gian khỏi được cứu là sự bất tin. Tuy nhiên thế gian phải đáp ứng món quà tha thứ bằng đức tin, sự ăn năn, vâng phục và bền đỗ.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Vì sao Giăng sử dụng nhiều động từ liên hệ tới 5 giác quan trong phân đoạn này.
2. Liệt kê các thuật ngữ nói về sự hy hình chuộc tội. Thơ Giăng Thứ Nhất 1:7 and 9.
3. Xin giải thích giáo huấn sai trật mà Giăng tìm cách phản biện.
4. Làm cách nào Thơ Giăng Thứ Nhất 1:9 liên hệ cả Tri Huệ Giáo và Tín Đồ.?
5. Xin định nghĩa và mô tả 'sự xung tội'.

Thơ Giảng Thứ Nhất 2:3-27

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Christ Đáng Biện Hộ của chúng ta	Điều căn bản trong mối liên hệ với Ngài (1:5-2:2)	Sự vâng lời	Christ Đáng Trợ Giúp	Đi trong Ánh Sáng (1:5-2:28)
				Điều kiện đầu: dứt bỏ tội lỗi. (1:8-2:3)
2:1-6	Kiểm tra sự biết Ngài	2:1-2	2:1-2	Điều kiện hai: Giữ điều răn, đặc biệt sự yêu thương
	2:3-11	2:3-6	2:3-6	2:3-11
Điều răn mới		Yêu thương nhau	Điều răn mới.	
2:7-14		2:7-11	2:7-8	
	Thực tại thuộc linh của họ	Mối liên hệ thực với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ	2:9-11	Điều kiện ba: tách xa thế gian.
	2:12-14	2:12-14	2:12-13	2:12-17
	Đừng yêu thế gian.	Giá trị thực của thế gian	2:14	
2:15-17	2:15-17	2:15-17	2:15-17	
Kẻ chống Chúa	sự giả dối của giờ chót.	Trung tín với đức tin thực	Kẻ thù của Đấng Christ	Điều kiện bốn: cảnh giác với kẻ phản Chúa
2:18-25	2:18-23	2:18-25	2:18-19	2:18-28
			2:20-21	
	Để chân lý ngự trong lòng		2:22-23	
	2:24-27		2:24-25	
2:26-27		2:26-27	2:26-27	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 81. Phân đoạn 1
- 82. Phân đoạn 2
- 83. Phân đoạn 3
- 84. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 2:3-27

- A. Xác định bố cục của Thơ Giảng Thứ Nhất là điều rất khó bởi có nhiều chủ đề lặp lại. Tuy nhiên nhiều nhà giải kinh đồng ý chương hai nối tiếp chương thứ nhất, nói về mối thông công với Đức Chúa Trời trong phương diện tích cực hay tiêu cực
- B. Có sự tương đồng trong cấu trúc chương một và chương hai, nhấn mạnh sự phản biện đối với Tri Huệ Giáo sai trật.

Chương 1

- 1. Nếu chúng ta nói (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:6-7)
- 2. Nếu chúng ta nói (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:8-9)
- 3. Nếu chúng ta nói (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:10)

Chương 2

- 1. Nếu có người nói . . . (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:4-5)
- 2. Nếu có người nói. . . (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:6)
- 3. Nếu có người nói. . . (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:8-11)

- C. Ngữ cảnh liệt kê danh sách những bằng chứng về một Tín Đồ thực. (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:3-25)
 - 1. Sẵn lòng xưng tội (khởi đầu và liên tục) (Thơ Giảng Thứ Nhất 1:8)
 - 2. Nếp sống vâng phục (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:3-6)
 - 3. Nếp sống yêu thương (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:7-11)
 - 4. Chiến thắng sự ác. (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:12-14)
 - 5. Từ bỏ thế gian (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:15-17)
 - 6. Sự bền đỗ (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:19)
 - 7. Tín lý đúng đắn. (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:20-24; 4:1-3)
- D. Những khái niệm thần học (in Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18-19)
 - 1. Giờ Chót câu 18
 - a. Câu này và các câu tương tự như "những ngày cuối cùng" nói về giai đoạn từ sự Giáng Sinh tới sự Tái-lâm. Nước Trời đã tới, nhưng chưa trọn vẹn.
 - b. Dân Do-thái tin có hai kỷ nguyên: Kỷ Nguyên Sự Dữ Thời Nay và Kỷ Nguyên Công Chính Sẽ Tới (được dẫn dắt bởi Thánh Linh trong tương lai). Cụm-ước không tiết lộ hai lần giáng trần của Đấng Mê-si-a, lần đầu với tư cách Chúa Cứu Thế và lần hai với tư cách Chúa Hoàn Tất. Cả hai Kỷ Nguyên giao tiếp nhau trong một giai đoạn. Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Kỷ Nguyên này và Kỷ Nguyên Sẽ Tới** ở câu 2:17
 - c. Đây là ẩn dụ trong đó thuật ngữ 'giờ' (*kairos*) nói về một giai đoạn nào đó (Xem Giảng 4:21,23; 5:25,28; 16:2).
 - 2. "Kẻ Chống Đấng Christ." (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18)

Chỉ có Giảng sử dụng thuật ngữ "Kẻ Chống Đấng Christ" (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18,22; 4:3; Thơ Giảng Thứ Hai 7). Xin để ý trong Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18 có 'Kẻ Chống Đấng Christ' số nhiều và số ít. (Xem Thơ Giảng Thứ Hai 7).

 - a. Có thể đây là một nhân vật trong thời kỳ sau rốt được nhắc đến bởi các tác giả Kinh thánh khác:
 - 1) Đa-ni-ên -- "Con Thú thứ tư" (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 7:7-8,23-26; 9:24-27)
 - 2) Chúa Giê-su -- "Sự gớm ghiếc Hoang Tàn" (Xem Mác 13; Ma-thi-ơ 24)
 - 3) Giảng -- "Con thú Từ Biên" (Xem Revelation 13)
 - 4) Phao-lô -- "Kẻ Đại Ác" (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2)
 - b. Giảng cũng cách biệt giữa cá nhân Kẻ Chống Đấng Christ và linh chống Đấng Christ hoành hành trong thế gian trong thời kỳ sau rốt. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18; 4:3; Thơ Giảng Thứ Hai 7; Mác 13:6,22; Ma-thi-ơ 24:5,24).

- c. Mạo từ *anti* trong tiếng Hy-lạp có thể mang ý nghĩa (1) 'chống lại', hoặc (2) 'thay thế'. Điều này rất quan trọng bởi vì 'Kẻ Chống Đấng Christ' được dùng trong cả số nhiều và số ít. trong Thư Giăng Thứ Nhất 2:18. Lịch sử được nhắc lại đối với các thế lực chống Đức Chúa Trời và Đấng Christ của Ngài. Ví dụ:
- 1) Antiochus IV Epiphanes (Cái Sừng Nhỏ trong Đa-ni-ên 8; 11:36-45)
 - 2) Nero and Domitian (Tự xưng thiên thần nhưng không là Đấng Mê-si-a,)
 - 3) Chủ nghĩa cộng sản vô thần
 - 4) Chủ nghĩa nhân văn vô thần.

Danh hiệu 'Kẻ Chống Đấng Christ' cũng thích hợp với những người không chống Đấng Christ, nhưng tự xưng là Đấng Christ (cách dùng thứ hai #2).

1) Các giáo sư giả trong Mác 13:6,22 and Ma-thi-ơ 24:5,24

2) Các lãnh tụ tà giáo thời nay

3) Kẻ Chống Đấng Christ (Đa-ni-en 7:8, 23-26; 9:24-27; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3; and Khải Huyền 13)

- d. Tín Đồ trong tất cả các giai đoạn đều kinh nghiệm cả các giáo sư giả là những người từ chối Đấng Christ và những Mê-si-a giả tự xưng mình là Đấng Mê-si-a. Chắc chắn trong ngày cuối cùng sẽ có một hiện thân sự ác (tức Kẻ Chống Đấng Christ thực sự, sẽ thực hiện cả hai điều trên

3. "Ngự trong các con" (Thư Giăng Thứ Nhất 2:19,24,27,28)

- a. Hầu hết người Tin Lành đều nhấn mạnh sự đầu phục một cách cá nhân trong quyết định khởi đầu trong đức tin, hành động tin tưởng và sự tin cậy. Điều này hết sức đúng đắn, nhưng Kinh Thánh còn khẳng định không những chỉ quyết định theo Chúa, nhưng còn phải được môn đồ hóa (Xem Ma-thi-ơ 28:19-20).

- b. Tín lý 'Sự Đảm Bảo Cứu Rỗi của Tín Đồ' liên hệ tới sự bền đỗ. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự bền đỗ cần thiết ở câu Giăng 8:31. Đây không phải là sự lựa chọn một trong hai, nhưng là sự lựa chọn cả hai. Đó là thực tại "ngự trong lòng" mà Kinh thánh nói đến (Xem Giăng 15)!

- c. Các phân đoạn chứa đựng sự 'ngự trong lòng' là Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9,18-23; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:1-27; 1 Cô-rin-tô 15:2; Ga-la-ti 6:1; Khải Huyền 2:2,7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Sự ở mãi / sự ngự trong lòng" trong văn tự của Giăng ở câu Giăng 2:10

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thư Giăng Thứ Nhất 2:3-6

³ Bởi điều này chúng ta biết rằng mình đã nhận biết Ngài: Ấy là chúng ta vẫn giữ các điều răn của Ngài. ⁴ Người nào nói: "Tôi biết Ngài," mà không vẫn giữ các điều răn của Ngài là người nói dối, và sự chân thật không ở trong người ấy. ⁵ Nhưng ai vẫn giữ lời Ngài thì sự kính mến Đức Chúa Trời thật là hoàn hảo trong người ấy. Nhờ đó, chúng ta biết mình ở trong Ngài. ⁶ Ai nói mình ở trong Ngài thì phải bước đi như chính Ngài đã bước đi.

2:3 "Bởi điều này chúng ta biết rằng mình đã nhận biết Ngài" Nghĩa đen của câu này là "chúng ta biết rằng chúng ta biết Ngài". 'Biết' - động từ chỉ định chủ động thì hiện tại được nối tiếp bởi động từ chỉ định thì quá khứ 'đã biết'. Đây là nhấn mạnh rằng Tín Đồ trong các hội thánh bị ảnh hưởng nan đề Tri Huệ Giáo cũng có được sự đảm bảo cứu rỗi trọn vẹn.

Thuật ngữ 'biết' trong tiếng Hê-bơ-rơ có ý nghĩa hướng về mối liên hệ với một cá nhân, (Xem Sáng Thế Ký. 4:1; Giê-rê-mi 1:5) trong tiếng Hy-lạp có ý nghĩa hướng về tri thức về hiểu biết một vấn đề. Phúc âm mang cả tính chất chân lý và Nhân Vật. Sự nhấn mạnh của câu này là:

1. Chúng ta có thể biết Chúa.

2. Chúng ta có thể biết Chúa muốn gì trong cuộc sống chúng ta.

3. Chúng ta có thể biết rằng chúng ta biết. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 5:13)

Một trong các đảm bảo liên hệ với Đức Chúa Trời được bày tỏ bởi công việc và động cơ của chúng ta. (Xem Ma-thi-ơ 7; Gia-cơ, 1 Phi-ê-rơ). Đây là chủ đề lặp lại trong Thư Giăng Thứ Nhất (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:3,5; 3:24; 4:13; 5:2,13).

Giăng dùng cả hai thuật ngữ 'biết' (*ginōskō* và *oida*) một cách tương đồng, tới 27 lần trong 5 chương của Thư Giăng Thứ Nhất. Không có sự khác biệt về ý nghĩa hai từ này trong tiếng Koine Hi-lạp. Sự chọn lựa tùy theo cách hành văn trôi chảy. Giăng cũng không dùng một thuật ngữ 'biết' khác với ý nghĩa mạnh mẽ hơn: *epiginōskō*.

Phúc Âm Giảng và Thơ Giảng sử dụng thuật ngữ 'biết' nhiều hơn bất cứ sách Tân-ước nào. Thơ Giảng Thứ Nhất là cuốn sách nói về sự đảm bảo cứu rỗi dựa trên kiến thức về Phúc Âm và cuộc sống vâng phục, yêu thương. (Xem The book of Gia-cơ).

▣ **"nếu"** đây là thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng xảy ra của một hành động (vâng giữ).

▣ **"chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài."** Xin để ý thành phần điều kiện (lời bàn thái chủ động thì hiện tại). Giao ước mới là món quà không điều kiện của Đức Chúa Trời, nhưng đòi hỏi sự ăn năn và đức tin từ phía nhân loại. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:3-5; 3:22,24; 5:2,3; Giảng 8:51-52; 14:15,21,23; 15:10; Khải Huyền 2:26; 3:8,10; 12:17; 14:12). Một trong những bằng chứng về sự cứu rỗi thực là hành động vâng phục Ánh Sáng, tức là Phúc Âm và Chúa Giê-su, Xem Lu-ca 6:46). Ngay trong Cựu-ước, Sự vâng lời tốt hơn của lễ, (Xem 1 Sa-mu-en 15:22; Giê-rê-mi 7:22-23) Nó không phải là điều căn bản (Xem Ê-phê-sô 2:8-9), nhưng là bông trái (Xem Ê-phê-sô 2:10). Sự vâng lời không đem lại sự Cứu Rỗi, nhưng là bằng chứng của sự Cứu Rỗi.

2:4 "Người nào nói:" Đây là khuôn khổ cho cách hành văn 'dẫn chứng và phản biện' của Giảng.

▣ **"Tôi biết Ngài"** Đây là lời tuyên bố của các giáo sư giả. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:6,8,10; 2:4,6,9). Cách hành văn 'dẫn chứng và phản biện' ('người nào nói...') ở đây tương tự như ở trong Ma-la-chi, Rô-ma, and Gia-cơ. Các giáo sư giả tuyên bố mình biết Đức Chúa Trời (thì hiện tại) nhưng lại cố gắng tách rời sự được xưng công nghĩa khỏi sự thánh hóa cuộc sống. Họ rêu rao mình có kiến thức tuyệt vời về Đấng Tối Cao, nhưng nếp sống lại bộc lộ động cơ gian dối trong thực hành tín ngưỡng.

▣ **"mà không vâng giữ các điều răn của Ngài"**, 'vâng giữ' - động tính từ chủ động, thì hiện tại - nói về hành động theo thói quen. Nếp sống bày tỏ xu hướng thuộc linh, (Xem Ma-thi-ơ 7). Cùng dùng một thuật ngữ Thơ Giảng Thứ Nhất 2:4 nói một cách tiêu cực, còn 2:5 nói một cách tích cực (không vâng giữ... vâng giữ)

▣ **"là người nói dối,"** Không có gì tệ hơn là sự tự dối mình. Thái độ vâng phục là bằng chứng sự cứu rỗi thực. "Các người biết họ qua bông trái của họ" (Xem Ma-thi-ơ 7).

Giảng gọi một số người tín ngưỡng là kẻ nói dối, (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:6; 2:4,22; 4:20). Mặc dù có tín ngưỡng, nhưng họ không được Đức Chúa Trời chấp nhận.

2:5 "Nhưng ai vâng giữ lời Ngài" 'vâng giữ' - động từ lời bàn thái, chủ động, thì hiện tại, nói về hành động thường xảy ra theo thói quen. Các tác giả cuốn giải kinh Liên Hội Thánh Kinh "*A Handbook on The Letters of Giảng*" (Haas, Jonge, and Swellengrebel) chỉ ra một cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Hy-lạp khá hay như sau: "Một đại từ quan hệ, với tiểu từ 'an' hoặc 'ean', được nối theo bởi lời bàn thái, xuất hiện trong Thơ Giảng Thứ Nhất 3:17,22; 4:15; 5:15; Thơ Giảng Thứ Ba 5. Hình như cấu trúc này nói về các tình huống. (p. 40). Sự vâng phục là khía cạnh quan trọng trong giao ước đức tin. Đây là chủ đề trung tâm của Thơ Giảng Thứ Nhất và Gia-cơ. Không một ai có thể nói mình biết Đức Chúa Trời, lại từ chối Ngôi Lời Hằng Sống qua nếp sống, và Kinh thánh. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:6,9)!

▣ **"sự kính mến Đức Chúa Trời thật là hoàn hảo trong người ấy."** - 'được hoàn hảo' là động từ chỉ định, thụ động, thì quá khứ hoàn thành, mang tính hành động. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:12,17,18). Về mặt ngữ pháp, không rõ 'tình yêu' trong câu này nói về điều gì sau đây:

1. Tình thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:12)
2. Tình yêu kính của chúng ta đối với Đức Chúa Trời (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 5:3)
3. Tình yêu của Đức Chúa Trời ở trong chúng ta nói chung.

Thuật ngữ toàn hảo (*telos* Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:12,17,18) có nghĩa là trưởng thành, đầy đủ, được trang bị cho sứ mạng được giao. (Xem Ê-phê-sô 4:12). Toàn hảo không nhất thiết là 'không vấp phạm tội lỗi' (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:8,10).

▣ **"Nhờ đó, chúng ta biết mình ở trong Ngài."** một lần nữa tác giả nhắc lại khả năng tin cậy bởi đức tin trong mối liên hệ với Đức Chúa Trời. Chủ đề 'ở mãi, trường tồn' là chủ đề lặp lại trong các văn tự của Giảng. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:6) (Xem Giảng 14:20,23; 15:4-10; 17:21,23,26; Thơ Giảng Thứ Nhất 2:24-28; 3:6,24; 4:13,16).

2:6 " ở trong" Xem **CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: "trường tồn" trong văn tự của Giăng. Tân-ước khẳng định cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa con ngự trong lòng Tín Đồ. (Xem Giăng 14:23 and 17:21). Xin để ý trong sự đảm bảo cứu rỗi có sự cảnh báo 'cần phải ở trong Ngài' (thì hiện tại vô định, Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:6). Phúc âm là giao ước có điều kiện với quyền lợi và trách nhiệm.

▣ "**phải bước đi như chính Ngài đã bước đi.**" Đây lại là điều nhấn mạnh về nếp sống đức tin (Xem Gia-cô 2:14-26). Đức tin không phải là một quyết định đầu phục một lần, nhưng là mối liên hệ liên tục với Chúa trong cuộc sống hàng ngày. Sự sống đời đời có những đặc điểm có thể quan sát trong đời sống Tín Đồ. Câu này tương tự như câu Thư Giăng Thứ Nhất 1:7. Mục tiêu của Cơ Đốc Giáo không phải là Thiên Đàng khi chúng ta qua đời, nhưng là sự 'giống Chúa Giê-su' hôm nay. (Xem Rô-ma 8:29-30; 2 Cô-rin-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; 1 Phi-ê-rô 1:15)! Chúng ta được cứu để phục vụ. Chúng ta được trao sứ mạng, như Chúa được trao sứ mạng. Chúa hy sinh cuộc sống, chúng ta cũng vậy, phải đặt mình xuống để phục vụ người khác. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 3:16).

"Ngài" trong câu này là "Đấng Ấy", một thành ngữ Giăng dùng để ám chỉ Chúa Giê-su (Xem Giăng 2:21; 19:35; Thư Giăng Thứ Nhất 2:6; 3:3,5,7,16; 4:17). Nhiều lúc cụm từ tương tự được dùng một cách xúc phạm như trong Phúc Âm, khi những người Do-thái gọi "ông ấy", xem Giăng 7:11; 9:12,28; 19:21.

"Ngài" là Ai? Nếu 'Ngài bước đi' ám chỉ Chúa Giê-su, thì ai là 'Đấng' mà 'chúng ta ở trong'? (xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:6a). Có thể ám chỉ Đức Chúa Cha (Xem Giăng 15:1-2,9-10). (Có thể nói là Tín Đồ 'ở trong Đức Chúa Cha và bước đi như Đức Chúa Con'). Giăng thường có chủ đích khi dùng thuật ngữ một cách khó hiểu (Xem Giăng 15:4-6). Sự khó hiểu này cũng thấy khi Giăng nói về "Đấng Thánh" trong Thư Giăng Thứ Nhất 2:20.

BẢN HIỆU ĐỊNH NASB (RVV2011): Thư Giăng Thứ Nhất 2:7-11

⁷ Thưa anh em yêu dấu, đây không phải là điều răn mới tôi viết cho anh em, nhưng là điều răn cũ mà anh em đã có từ ban đầu. Điều răn cũ này là lời anh em đã nghe. ⁸ Tuy nhiên, tôi cũng viết cho anh em một điều răn mới, là điều chân thật trong Ngài và trong anh em, vì bóng tối đã tan ròi và ánh sáng thật đang chiếu sáng. ⁹ Người nào nói mình ở trong ánh sáng mà ghét anh em mình thì còn ở trong bóng tối. ¹⁰ Ai yêu thương anh em mình thì ở trong ánh sáng, nơi người ấy không có điều gì gây cho vấp phạm. ¹¹ Nhưng ai ghét anh em mình thì ở trong bóng tối, bước đi trong bóng tối và không biết mình đi đâu, vì bóng tối đã làm mù mắt người.

2:7 "Thưa anh em yêu dấu," Giăng thường gọi độc giả bằng thuật ngữ triu mến (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:1). Thuật ngữ 'yêu dấu' này cũng được Đức Chúa Cha gọi Đức Chúa Con ở thời điểm làm phép Báp-tem. (Xem Ma-thi-ơ 3:17) và hóa hình trên núi, (Xem Ma-thi-ơ 17:5). Ngoài độc giả nguyên thủy, đây cũng là cách gọi nói chung cho Tín Đồ, (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 3:2,21; 4:1,7,11; and Thư Giăng Thứ Ba 1,2,5,11).

Bản sao Textus Receptus dùng thuật ngữ 'anh em' (MSS K, L, NKJV), nhưng thuật ngữ 'anh em' chỉ xuất hiện duy nhất trong câu Thư Giăng Thứ Nhất 3:13. Thuật ngữ 'người yêu dấu' có trong các bản chữ cái tiếng Hy-lạp (Ⲙ, A, B, C, P, và các ngôn ngữ khác như Vulgate, Peshitta, Coptic, and Armenian versions (xem lời bàn của Bruce Metzger, *A Textual Commentary On the Greek New Testament*, trang 708).

▣ "**đây không phải là điều răn mới tôi viết cho anh em, nhưng là điều răn cũ mà anh em đã có từ ban đầu.**" Câu này mang tính chất khá đặc thù của văn tự Giăng. (Xem Giăng 13:34; 15:12,17). Điều răn 'yêu thương' không phải là điều răn mới khi nói về thời gian, nhưng là điều răn mới khi nói về nội dung. Tín Đồ nhận mạng lệnh yêu thương lẫn nhau như Chúa yêu thương họ. (Xem Giăng 13:34). 'Mạng lệnh cũ' có thể được hiểu với hai ý nghĩa".

1. Luật Mô-sê (i.e., Lê-vi Ký. 19:18)

2. Giáo huấn của Chúa Giê-su được ghi chép trong Phúc Âm Giăng. (i.e., Giăng 13:34; 15:12,17)

▣ "**Điều răn cũ**" trong Thư Giăng Thứ Nhất 2:3, thuật ngữ 'điều răn' ở trong số nhiều, tức 'những điều răn'. Còn riêng trong câu này, 'điều răn' là số ít, tức 'một điều răn'. Điều này có nghĩa rằng một điều răn 'yêu thương' bao gồm tất cả mọi điều răn. (Xem Ga-la-ti 5:22; 1 Cô-rin-tô 13:13). Tình yêu là mạng lệnh của Phúc Âm.

▣ **"đã có từ ban đầu"** 'Đã có' - động từ chỉ định, chủ động, thì quá khứ chưa hoàn thành, ám chỉ trải nghiệm của người nghe / tác giả ở thời điểm đầu tiên tiếp nhận Phúc Âm. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:24; 1:1; 3:11; Thơ Giảng Thứ Hai 5-6).

▣ **"đã nghe."** Bản sao Textus Receptus có thêm "từ ban đầu" (được sử dụng trong phần đầu của câu).

2:8 "là điều chân thật trong Ngài " Về ngữ pháp, 'điều chân thật' chuyển từ giống cái (trong thơ Giảng Thứ Nhất 2:7 thích hợp với "điều răn") sang giống trung (ở đây) - với ý nghĩa của cả Phúc Âm. Sự chuyển giới danh từ tương tự cũng được thấy trong Ê-phê-sô 2:8-9.

▣ **"bóng tối đã tan ròi "** 'đã tan' - động từ chỉ định, dạng trung cách, thì hiện tại. -theo nhận định của ông A. T. Robertson's *Word Pictures in the New Testament*, trang. 212). Đối với những người có đức tin, và biết Đức Chúa Cha trong Đấng Christ, một kỷ nguyên mới đã bắt đầu trong trái tim và tâm trí của họ. (Thuyết Lai Thế Thực Tại).

▣ **"ánh sáng thật đang chiếu sáng"** Chúa Giê-su là ánh sáng của thế gian, (Xem Giảng 1:4-5,9; 8:12), là ẩn dụ về chân lý, sự mặc khải và thánh khiết. Xin xem ghi chú cho Thơ Giảng Thứ Nhất 1:5 and 1:7. Bình minh của Kỷ nguyên mới đã rọi.

2:9 "ghét anh em mình " - 'ghét' - Động tính từ chủ động thì hiện tại, nói về hành động tiêu cực một cách liên tục. 'Ghét' là biểu hiện của sự tăm tối. (Xem Ma-thi-ơ 5:21-26).

2:10 "Ai yêu thương anh em mình thì ở trong ánh sáng, " 'Yêu thương' và 'ở trong' là những động từ thì hiện tại. Tình yêu là bằng chứng của sự cứu rỗi, của mối liên hệ với Chân Lý và Ánh Sáng. Mặc dầu là điều răn mới, nhưng thực sự là điều răn đã có. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:11,23; 4:7,11,21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "SỰ Ở TRONG, TRƯỜNG TỒN" TRONG VĂN TỰ CỦA GIẢNG.

Phúc Âm Giảng mô tả một cách đặc biệt mối liên hệ giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, một mối liên hệ dựa trên sự đồng cấp cũng như sự đầu phục của Chúa Giê-su. Trong cả Phúc Âm, Chúa Giê-su nói về những gì Ngài đã nghe từ Cha, làm những gì mà Ngài thấy Cha làm. Chúa Giê-su không hề tự ý hành động, nhưng hành động theo ý chỉ của Cha. (ví dụ Giảng 5:19,30; 8:28; 12:49; 14:10,24).

Mối liên hệ mật thiết và tâm tình phục vụ của Chúa Giê-su đối với Cha là khuôn mẫu cho các Tín Đồ đối với Chúa Giê-su. Mối liên hệ mật thiết trong vòng Tín Đồ không dựa trên sự hủy từ bỏ tính riêng tư của một cá nhân, nhưng tăng cường tính thi đua về mặt nếp sống đạo đức trong cộng đồng. (Xem Giảng 13:15; 1 Phi-ê-rô 2:21). Sự thông công mang tính chất:

1. Nhận thức (Thế giới quan của Phúc Âm với tư cách Lời Đức Chúa Trời)
2. Liên hệ (Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a được hứa, đáng tin cậy và dựa vào)
3. Luân lý (Tính cách của Chúa được tái sinh trong Tín Đồ chân chính.)

Chúa Giê-su là Con Người lý tưởng, một Người I-sơ-ra-en chân chính, một tiêu chuẩn cho nhân loại. Ngài bày tỏ những gì mà A-đam nên có, (nói về khuôn khổ con người) Chúa Giê-su là hình ảnh tối hậu của Đức Chúa Trời, Ngài hồi phục hình ảnh Thần Đức trong vòng nhân loại (cf. Sáng. 1:26-27) qua

1. Sự mặc khải trọn vẹn, độc đáo và tối hậu về Đức Chúa Trời. (cf. Giảng 1:18; 14:7-10; Cô-lô-sê 1:15; Hê-bơ-rơ 1:1-2)
2. Hy sinh thay cho chúng ta, (của lễ chuộc tội, xem Mác 10:45; 2 Cô-rin-tô 5:21)
3. Cung cấp một ví dụ một con người kiểu mẫu cho chúng ta noi theo. (cf. Giảng 13:15; 1 Phi-ê-rô 2:21; 1 Giảng 1:7)

Thuật ngữ 'ở trong' (*menō*) phản chiếu mục đích của Tín Đồ là được giống-Đấng-Christ. (cf. Rô-ma. 8:28-30; 2 Cô-rin-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Thess. 3:13; 4:3; 5:23; 2 Thess. 2:13; Titus 2:4; 1 Phi-ê-rô 1:15), và được hồi phục liên hệ với Chúa như từ trước khi A-đam phạm tội. (cf. Genesis 3). Đây là sự thông công giữa Đức Chúa Trời và đỉnh cao của tạo hóa, nhân loại, mà thánh Phao-lô gọi là 'ở trong Đấng Christ' và Giảng gọi là 'ở trong Ta' - chủ đề chính của Giảng 15,

Xin đề ý cách dùng thuật ngữ:

1. Sự ở trong giữa Cha và Con.
 - a. Cha trong Con (Giăng 10:38; 14:10,11; 17:21,23)
 - b. Con trong Cha (Giăng 10:38; 14:10,11; 17:21)
2. Sự ở trong giữa Thần Đức và Tín Đồ.
 - a. Cha ở trong Tín Đồ (Giăng 14:20,23; 1 Giăng 3:24; 4:12-13,15)
 - b. Tín Đồ ở trong Cha (Giăng 14:20,23; 17:21; 1 Giăng 2:24,27; 4:13,16)
 - c. Con ở trong Tín Đồ (Giăng 6:56; 14:20,23; 15:4,5; 17:23)
 - d. Tín Đồ ở trong Con. (Giăng 6:56; 14:20,23; 15:4,5,7; 1 Giăng 2:6,24,27,28)
3. Những ví dụ 'ở trong' khác (một cách tích cực)
 - a. Ở trong Lời Chúa
 - 1) một cách tiêu cực (Giăng 5:38; 8:37; 1 Giăng 1:10; 2 Giăng 9)
 - 2) một cách tích cực (Giăng 8:31; 15:2; 1 Giăng 2:14,24; 2 Giăng 9)
 - b. Ở trong tình thương của Đức Chúa Trời (Giăng 15:9-10; 17:26; 1 Giăng 3:17; 4:16)
 - c. Đức Thánh Linh
 - 1) ở trên Con (Giăng 1:32)
 - 2) ở trong Tín Đồ (Giăng 14:17)
 - d. Sự vâng phục chính là sự 'ở trong' (Giăng 14:15-21,23-24; 15:10; Lu-ca 6:46; 1 Giăng 3:24)
 - e. Tình yêu ở trong ánh sáng (1 Giăng 2:10)
 - f. Thực hành ý chỉ của Đức Chúa Trời chính là sự 'ở trong' (1 Giăng 2:17)
 - g. Sự xúc dầu 'ở mãi' (trường tồn) (1 Giăng 2:27)
 - h. Chân lý 'ở mãi' (trường tồn) (2 Giăng 2)
 - i. Đức Chúa Con 'ở mãi' / (trường tồn) (Giăng 8:35; 12:34)
4. những ví dụ 'ở trong' một cách tiêu cực.
 - a. Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời (giáng trên) (Giăng 3:36)
 - b. 'ở trong sự tăm tối' (Giăng 12:46)
 - c. ném bỏ, ... đốt cháy (vì không ở trong Chúa, Giăng 15:6)
 - d. gây tội lỗi (vì không ở trong Chúa, 1 Giăng 3:6)
 - e. không yêu thương (vì không ở trong Chúa, 1 Giăng 3:14)
 - f. không kẻ giết người có sự sống vì sự sống đời đời không ở trong người ấy, 1 Giăng 3:15)
 - g. ai không sống, ở mãi trong sự chết (1 Giăng 3:14)

NASB, NKJV "không có điều vấp phạm trong người ấy"

NRSV "trong người ấy không có cơ vấp phạm"

TEV "Không có gì trong chúng ta khiến người khác phạm tội. "

NJB "trong người ấy không có gì khiến người vấp ngã. "

Có thể có hai cách dịch câu này:

1. Tín Đồ bước đi trong tình yêu bản thân sẽ không bị vấp ngã (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:11)
2. Tín Đồ bước đi trong tình yêu, sẽ không gây vấp ngã cho người khác. (Xem Ma-thi-ơ 18:6; Rô-ma 14:13; 1 Cô-rin-tô 8:13)

Cả hai đều đúng. Phúc Âm đem lại phước hạnh cho cả bản thân Tín Đồ và người xung quanh: Tín Hữu cùng người chưa tin.

Trong Cựu-ước, 'vấp ngã' là khái niệm đối nghịch với 'đức tin' (đứng vững, ổn định vị thế). Điều răn của Đức Chúa Trời được mô tả như 'đạo', tức 'đường đi', vậy 'bước đi' là ẩn dụ của nếp sống.

Xem Chủ đề đặc biệt Tin, Tin cậy và đức tin trong Cựu-ước. ở câu Giăng 1:14

2:11 "Nhưng ai ghét anh em mình thì ở trong bóng tối, bước đi trong bóng tối " 'Ghét' là động tính từ chủ động thì hiện tại, được nối tiếp bởi 'đi' là động từ chỉ định chủ động thì hiện tại. Ghét là bằng chứng của sự thiếu đức tin, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:15; 4:20). Ánh sáng và bóng tối, tình yêu và hận thù không thể

chung sống trong một cá nhân. Đây là cách viết trắng đen của Giăng. Ông bày tỏ mọi điều ở mức độ lý tưởng, mặc dầu trong thực tế Tín Đồ vẫn còn tranh đấu với định kiến, lạnh lùng và thờ ơ. Phúc Âm đem lại sự biến đổi tức thời và lâu dài.

▣ " **vì bóng tối đã làm mù mắt người.**" Đây có thể nói về bản ngã tội lỗi còn sót lại trong Tín Đồ (Xem 2 Phi-ê-rô 1:5-9, hay nói về hành động lừa dối của Sa-tan (Xem 2 Cô-rin-tô 4:4). Có ba loại kẻ thù của con người, đó là: (1) hệ thống băng hoại của thế gian; (2) ma quỷ đứng đầu là Sa-tan; và (3) bản ngã tội lỗi được di truyền từ A-đam. (Xem Ê-phê-sô 2:2-3,16; Gia-cơ 4).

BẢN HIỆU ĐỈNH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 2:12-14

¹² Hỡi các con bé nhỏ, ta viết cho các con vì tội các con đã nhờ danh Ngài mà được tha thứ. ¹³Thưa các phụ lão, tôi viết cho các ông vì các ông đã biết Đấng hiện hữu từ ban đầu. Hỡi các bạn trẻ, tôi viết cho các bạn vì các bạn đã chiến thắng ma quỷ. ¹⁴ Hỡi các con bé nhỏ, ta viết cho các con vì các con biết Đức Chúa Cha. Thưa các phụ lão, tôi viết cho các ông vì các ông biết Đấng hiện hữu từ ban đầu. Hỡi các bạn trẻ, tôi viết cho các bạn vì các bạn mạnh mẽ, lời Đức Chúa Trời ở trong các bạn, và các bạn đã chiến thắng ma quỷ.

2:12-14 Trừ động từ trong câu "tôi đang viết" [NASB 1970], và "tôi đã và đang viết" [NASB 1995], tất cả các động từ còn lại trong phân đoạn này đều trong thì quá khứ hoàn thành, nói về hành động xảy ra trong quá khứ, nhưng có tác động đến ngày hôm nay. Liên Hội Kinh Thánh UBS⁴ xếp hạng các động từ này vào nhóm "A" tức là chắc chắn. Ngữ cảnh phân đoạn trước ám chỉ giáo sư giả, còn ngữ cảnh phân đoạn này chỉ ra việc Giăng đang nói chuyện với Tín Đồ. Có nhiều danh hiệu mà Giăng sử dụng để gọi độc giả là: "các con bé nhỏ", "những người cha" và "những người trẻ". Xét về bối cảnh nếp sống, phân đoạn này không thích hợp với bằng chứng của sự đảm bảo. Rất có thể Giăng không nói chuyện với ba nhóm người, nhưng sử dụng hình thức văn chương mô tả ba mức độ thuộc linh của tất cả các Tín Đồ. .

Có bốn điều được nêu ra mà Tín Đồ cần biết: .

1. Tội của họ được tha thứ. (Thơ Giăng Thứ Nhất 2:12)
2. Qua Đấng Christ, họ đã chiến thắng. (Thơ Giăng Thứ Nhất 2:13)
3. Họ biết họ có mối liên hệ với Đức Chúa Cha (Thơ Giăng Thứ Nhất 2:14) và Đức Chúa Con (Thơ Giăng Thứ Nhất 2:13-14)
4. Họ vững mạnh trong Lời Chúa. (Thơ Giăng Thứ Nhất 2:14).

Danh sách này được bắt đầu bởi cụm từ "Tôi đang viết cho anh em" và (2) sáu từ giải thích 'bởi', (*hoti*)

▣ **2:12 "vì tội các con đã nhờ danh Ngài mà được tha thứ."** Công việc của Chúa Giê-su là niềm hy vọng duy nhất của nhân loại trong sự tha thứ (động từ chỉ định, chủ động thì quá khứ hoàn thành). Trong thế giới quan của người Do-thái, 'danh' đi đôi với tính cách và bản ngã của một cá nhân. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:23; Thơ Giăng Thứ Ba 7; Rô-ma 10:9-13; Phi-líp-pi 2:6-11).

Có một loạt sáu thuật ngữ '*hoti*' trong Thơ Giăng Thứ Nhất 2:12-14. Những thuật ngữ này có thể mang tính chất giải thích 'bởi', hoặc chẳng qua đây là cách hành văn để bắt đầu một điều muốn nói, như chữ 'rằng' trong tiếng Việt. (NET, "that").

2:13 "Đấng hiện hữu từ ban đầu." Đại từ 'Đấng' mang tính chất khó hiểu không biết ám chỉ ai đây: Có thể nói về Đức Chúa Cha hoặc Đức Chúa Con? Trong ngữ cảnh của câu này, chúng ta hiểu đây đang nói về Chúa Giê-su. Đây là sự tuyên bố về tính tiền tại, vì vậy, là Thần Đức của Ngài. (Xem Giăng 1:1,15; 3:13; 8:48-59; 17:5,24; 2 Cô-rin-tô 8:9; Phi-líp-pi 2:6-7; Cô-lô-sê 1:17; Hê-bơ-rơ 1:3).

▣ "**chiến thắng.**" Đây là lời hứa và lời cảnh báo được lặp đi lặp lại (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:14; 4:4, 5:4-5, 18-19). 'Chiến Thắng' là động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành, nói về sự tăng trưởng của một quá trình. Ở đây, Giăng trong thuật ngữ một cách trắng đen: sự chiến thắng trong ánh sáng thời kỳ cuối cùng hiện nay – (Lai Thế học thực tế), thường được đề cập trong Phúc Âm Giăng). Tín Đồ đã là người thắng cuộc, tuy nhiên trong tình trạng "đã có và sẽ đến" của Nước Trời: Tín Đồ vẫn còn tranh đấu với tội lỗi, cám dỗ, bắt bớ và tử đạo.

▣ "**ma quỷ.**" ám chỉ Sa-tan, còn được nhắc đến trong Thơ Giăng Thứ Nhất 2:14. Thơ Giăng Thứ Nhất 2:13 và 14 một cách song song, Xin xem chủ đề 'Sự Ác Cá nhân' ở câu Giăng 12:31

▣ **"các con biết Đức Chúa Cha."** Khái niệm 'biết' theo Kinh thánh liên hệ tới sự biết trong mối tương giao của tư tưởng Do-thái, và sự biết thông tin trong tư tưởng Hy-lạp. Phúc Âm mang tính chất nhân vật Chúa Giê-su (Xem Sáng Thế Ký. 4:1; Giê-rê-mi 1:5) và sứ điệp của Ngài, cần được tiếp nhận, làm theo và áp dụng trong cuộc sống.

CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: động từ BIẾT (các mô hình minh họa sau hầu hết đến từ Phục Truyền)

Động từ "biết" (Yada, trong tiếng hê-bơ-rơ, BDB 393) có vài ý nghĩa (semantic fields Qal).

1. Hiểu biết về sự tốt và sự xấu – Sáng. 3:22; Phục. 1:39; Ê-sai 7:14-15; Giô-na 4:11
2. biết qua thực hiện – Phục. 9:2,3,6; 18:21
3. biết qua kinh nghiệm, từng trải – Phục. 3:19; 4:35; 8:2,3,5; 11:2; 20:20; 31:13; Giô-suê 23:14
4. cân nhắc – Phục.. 4:39; 11:2; 29:16
5. Biết cá nhân
 - a. một nhân vật – Sáng. 29:5; Xuất. 1:8; Phục.. 22:2; 33:9
 - b. vị thần – Phục. 11:28; 13:2,6,13; 28:64; 29:26; 32:17
 - c. Giê-hô-va YHWH – Phục. 4:35,39; 7:9; 29:6; Ê-sai 1:3; 56:10-11
 - d. một đôi tác tình dục – Sáng. 4:1,17,25; 24:16; 38:26
6. Biết một kỹ năng, hoặc tri thức – Ê-sai 29:11,12; A-mốt 5:16
7. tính khôn ngoan – Phục.. 29:4; Châm ngôn. 1:2; 4:1; Ê-sai 29:24
8. kiến thức của Đức Chúa Trời về
 - a. Mô-sê – Phục.. 34:10
 - b. I-sơ-ra-en – Phục.. 31:21,27,29

2:14 " các bạn mạnh mẽ, " Xin để ý sức mạnh của sự trường tồn trong Lời Chúa, tương tự như lời khích lệ của Phao-lô trong Ê-phê-sô 6:10-18. Lời trường tồn chính là Phúc Âm, mang tính chất về Nhân Vật và Tri thức, được khởi xướng bởi Đức Chúa Trời và hưởng ứng bởi cá nhân, trong quyết định tiếp nhận và quá trình môn đồ hóa, trong chân lý và trong sự tin cậy.

▣ **" lời Đức Chúa Trời ở trong các bạn, "** Đây là sự nhân cách hóa về Lời Chúa – Phúc Âm, Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:24). Câu này gợi nhớ đến chương Giăng 15. Nó cũng được dùng một cách phê phán (người Pha-ra-si) trong Giăng 5:38 and 8:37.

▣ **"các bạn đã chiến thắng ma quỷ."** Đây là sự nhấn mạnh sự bền đỗ của Tín Đồ chân chính, câu này sẽ được nhắc lại trong Thơ Giăng Thứ Nhất 2:17,19,24,27,28; 5:18 và Thơ Giăng Thứ Hai 9. Tín lý sự đảm bảo cứu rỗi của Tín Đồ được quân bình với chân lý, rằng người được cứu thực sự sẽ tiếp tục giữ vững cho đến cuối cùng, (Xem Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bền Đỗ Cần Thiết . Tín lý này không có nghĩa tình trạng vô nhiễm tội lỗi, mặc dầu điều ấy có thể có nhờ công việc đã kết thúc của Đấng Christ. (Xem Rô-ma 6).

BẢN HIỆU ĐỈNH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 2:15-17

¹⁵ Chớ yêu thế gian cùng những gì trong thế gian. Nếu ai yêu thế gian thì sự kính yêu Đức Chúa Cha không ở trong người ấy. ¹⁶ Vì mọi sự trong thế gian như dục vọng của xác thịt, ham muốn của mắt, và sự kiêu ngạo về cuộc sống, đều không đến từ Đức Chúa Cha mà đến từ thế gian. ¹⁷ Thế gian với những dục vọng của nó đều qua đi, nhưng ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời.

2:15 " Chớ yêu " mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại với tiểu từ phủ định 'chớ' , Có nghĩa dùng một hàng động đã bắt đầu. tình yêu thế gian là sự đặc trưng cho các giáo sư giả của một nhóm tri Huệ giáo.

▣ **"thế gian "** được sử dụng với hai ý nghĩa trong Tân-ước: (1) trái đất, hành tinh, vũ trụ được tạo dựng bởi Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 3:16; 16:33; Thơ Giăng Thứ Nhất 4:14) và (2) xã hội loài người được tổ chức, vận hành bên ngoài ảnh hưởng của Đức Chúa Trời. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:15-17; 3:1,13; 4:4-5; 5:4-

5,19). Ý nghĩa đầu là tạo hóa ban đầu (Xem Sáng Thế Ký 1-2) và ý nghĩa thứ hai, là tạo vật bằng hoại (Xem Sáng Thế Ký 3). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Kosmos (thế gian).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÍNH QUYỀN DO CON NGƯỜI

I. GIỚI THIỆU

- A. Định nghĩa - Chính quyền là con người tự tổ chức với nhau để cung ứng và bảo vệ các nhu cầu vật chất có thể nhận biết được
- B. Mục đích - Đức Chúa Trời đã bày tỏ ý chỉ cho thấy Ngài ưa sự trật tự hơn là sự vô chủ, hỗn loạn.
 - 1. Sự lập pháp theo luật Môi-se, đặc biệt là Mười điều răn, là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con người trong xã hội. Nó cân bằng sự thờ phượng và cuộc sống.
 - 2. Không một dạng thức hay cấu trúc chính quyền nào được hậu thuẫn bởi Kinh thánh, mặc dù chế độ thần quyền của quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ là hình thức được mong đợi nơi thiên đàng. Cơ đốc nhân phải hành xử cách phải lẽ trong bất kỳ một hệ thống chính quyền nào họ đang thuộc về. Mục đích của Cơ đốc nhân là truyền giảng và mục vụ, chứ không phải cách mạng.
- C. Nguồn gốc chính quyền:
 - 1. Công giáo La mã đã công nhận rằng một chính quyền thuộc con người là một nhu cầu nằm ngay trong bản chất con người, ngay cả trước khi có sự sa ngã. Aristotle dường như cũng đồng ý với tiền đề này. Ông nói rằng “con người là một sinh vật chính trị” và qua đó ông muốn nói rằng chính quyền “hiện hữu để đẩy mạnh một cuộc sống tốt đẹp.”
 - 2. Tin lành, đặc biệt là Martin Luther, khẳng định rằng chính quyền con người là điều nằm trong sự sa ngã. Ông gọi nó là “tay trái của vương quốc Đức Chúa Trời.” Ông nói rằng cách Đức Chúa Trời cai trị những người xấu là đặt họ dưới một quyền cai trị.”
 - 3. Karl Marx khẳng định rằng chính quyền là phương tiện qua đó một số ít người thuộc tầng lớp quý tộc có thể điều khiển số đông quần chúng. Đối với ông, chính quyền và tôn giáo đóng vai trò như nhau.

II. CÁC TÀI LIỆU THÁNH KINH

A. Cựu-ước

- 1. Y-sơ-ra-ên là một kiểu mẫu sẽ được sử dụng trên thiên đàng. Trong quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ Đức Giê-hô-va là Vua. Chế độ thần quyền là từ dùng để diễn tả sự cai trị trực tiếp của Đức Chúa Trời (I Sa-mu-ên 8:4-9)
- 2. Chúng ta có thể nhận thấy quyền chủ tể của Đức Chúa Trời trên các chính quyền con người rất rõ ràng qua các câu Kinh thánh sau:
 - a. Giê-rê-mi 27:6; E-xơ-ra 1:1
 - b. II Sử ký 36:22
 - c. Ê-sai 44:28
 - d. Đa-ni-ên 2:21
 - e. Đa-ni-ên 2:44
 - f. Đa-ni-ên 4:17, 25
 - g. Đa-ni-ên 5:28
- 3. Con cái Chúa cần phải vâng phục và tôn trọng ngay cả những chính quyền đến xâm chiếm và chiếm đóng:
 - a. Đa-ni-ên 1-4, Nê-bu-cát-nết-sa
 - b. Đa-ni-ên 5, Bê-n-xát-xa
 - c. Đa-ni-ên 6, Đa-ri-út
 - d. E-xơ-ra và Nê-hê-mi
- 4. Con cái Chúa phải cầu nguyện cho các bậc có thẩm quyền
 - a. Giê-rê-mi 28:7
 - b. Mishnah, Avot. 3:2

B. Tân-ước

- 1. Chúa Jêsus bày tỏ sự tôn trọng đối với chính quyền con người
 - a. Ma-thi-ơ 17:24-27, đóng thuế đền thờ
 - b. Ma-thi-ơ 22:15-22, ủng hộ việc đóng thuế cho La mã và vì vậy cũng ủng hộ chính quyền dân sự của La mã

- c. Giăng 19:11, Đức Chúa Trời ban cho chính quyền thẩm quyền
- 2. Lời của Phao-lô liên quan đến chính quyền con người
 - a. Rô-ma 13:1-7, người tin Chúa phải vâng phục và cầu nguyện cho các bậc cầm quyền
 - b. I Ti-mô-thê 2:1-3, người tin Chúa phải cầu nguyện cho bậc cầm quyền
 - c. Tít 3:1, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
- 3. Lời của Phi-e-rô liên quan đến chính quyền con người
 - a. Công-vụ 4:1-31; 5:29, Phi-e-rô và Giăng trước tòa Công luận (ở đây cho thấy sự không vâng phục chính quyền)
 - b. I Phi-e-rô 2:13-17, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
- 4. Lời của Giăng liên quan đến chính quyền con người
 Khải huyền 17, dân phụ Ba-by-lôn đại diện cho chính quyền con người chống lại Đức Chúa Trời

III. KẾT LUẬN

- A. Chính quyền con người được phong định bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải là “quyền thiêng thượng của các Vua,” nhưng là vị trí định bởi Đức Chúa Trời cho các chính quyền. Không có một dạng chính quyền nào trên dạng nào.
- B. Người tin Chúa có trách nhiệm tôn giáo phải vâng theo thẩm quyền dân sự với một thái độ kính trọng đúng đắn.
- C. Ủng hộ chính quyền bằng việc trả thuế và cầu thay cho họ là việc phải lẽ của những người tin Chúa.
- D. Chính quyền con người được lập với mục đích giữ gìn trật tự. Họ là những quản gia của Đức Chúa Trời để làm công việc này.
- E. Chính quyền con người không phải là tối cao. Nó có giới hạn trong khuôn khổ quyền hạn của nó. Người tin Chúa phải hành xử theo lương tâm của mình và khước từ thẩm quyền thuộc về dân sự khi nó dẫm lên giới hạn được Chúa thiết lập. Như Augustine đã từng khẳng định trong quyển *The City of God*, chúng ta là công dân của hai vương quốc (lãnh vực), một vương quốc tạm thời và một vương quốc đời đời. Chúng ta có trách nhiệm với cả hai, nhưng vương quốc Đức Chúa Trời có tính tối hậu! Trách nhiệm của chúng ta với Đức Chúa Trời bao gồm cả sự tập trung cá nhân và tập thể.
- F. Chúng ta nên khuyến khích người tin Chúa trong hệ thống dân chủ tham gia tích cực trong các quá trình hình thành chính quyền và thực hiện chính quyền, nếu có thể được, theo lời dạy của Kinh thánh.
- G. Sự thay đổi xã hội phải được tiên phong bằng sự biến đổi của cá nhân. Không có một sự trông cậy tối hậu thực sự nơi một chính quyền. Mọi chính quyền con người, cho dù được sử dụng và bởi ý chỉ của Đức Chúa Trời, đều là những thể hiện tội lỗi của một tổ chức con người ngoài Chúa. Khái niệm này được diễn tả bằng chữ “thế gian” trong cách dùng của sách Giăng.

▣ **"những gì trong thế gian."** Đây đang nói về tình yêu vật chất, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:16), hoặc tình yêu đối với những điều thế gian có thể cung ứng như: quyền lực, địa vị, sức lôi kéo. v.v... etc. (Xem Rô-ma 12:2; Gia-cơ 1:27). Hệ thống thế gian cố gắng đáp ứng nhu cầu con người bên ngoài sự tham gia của Đức Chúa Trời. Thế gian được tổ chức hầu như các cá nhân có vẻ độc lập với nhau. Nhiều tổ chức hành chánh mà chúng ta cần đến đều có thể trở nên thần tượng khi chúng loại bỏ chủ quyền của Đức Chúa Trời, như (1) chính quyền, (2) giáo dục, (3) kinh tế, (4) chăm sóc sức khỏe... .

Thánh Augustine nói: nhân loại có một lỗ hồng hình Đức Chúa Trời trong trái tim”, chúng ta tìm mọi cách lấp lỗ hồng đó bằng mọi thứ của thế gian một cách không thành công, cho đến khi chúng ta có được sự bình an và thỏa lòng trong Ngài. Sự độc lập đối với Đức Chúa Trời là điều nguyên rủa từ trong vườn Ê-đen.

▣ **"Nếu"** Đây là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa về tiềm năng xảy ra của một hành động. Có hay không có tình yêu là bằng chứng về việc chúng ta thuộc Đức Chúa Trời hay thuộc Sa-tan

2:16 "dục vọng của xác thịt," Đây nói về khuynh hướng tự thỏa mãn xác thịt của con người (Xem Ga-la-ti 5:16-21; Ê-phê-sô 2:3; 1 Phi-e-rô 2:11). See CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Flesh (*sarx*).

▣ **"ham muốn của mắt,"** Người Do-thái coi cặp mắt là cửa sổ của tâm hồn. Tội lỗi bắt đầu trong tâm trí và thể hiện ra trong hành động, cuối cùng hành động trở nên thói quen và trở nên nếp sống. (e.g., Pro. 23:7).

▣ **"kiêu ngạo về cuộc sống,"** Đây nói về sự kiêu ngạo của con người bên ngoài Đức Chúa Trời, ví dụ như kiêu ngạo về khả năng và tài nguyên cá nhân. Trong sách giải kinh *The Jerome Bible Commentary*, vol. II, ông Raymond Brown, một học giả công giáo nổi tiếng về văn tự của Giăng, bình luận câu này như sau.

"Tuy nhiên, thuật ngữ *alazoneia*,) cũng được nhắc đến trong Gia-cơ 4:16, mang nhiều ý nghĩa rộng hơn là sự biểu hiện qua thái độ, nó được bày tỏ qua kiêu căng, tự mãn, tự cung tự cấp một cách vị kỷ (trang 408).

Thuật ngữ 'cuộc sống' *bios* nói về cuộc sống trần thế, thể xác, tạm thời (chung sống với thú vật), Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:17). Những tính cách được Giăng nêu ra mô tả các giáo sư giả Tri Huệ giáo, thế gian chưa được cứu và kể cả nhóm Tín Đồ thiếu trưởng thành.

▣ **" không đến từ Đức Chúa Cha mà đến từ thế gian."** Có hai lý do Cơ Đốc nhân không được phép yêu mến thế gian:

1. Sự yêu mến thế gian không đến từ Đức Chúa Trời. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:16)
2. Thế gian sẽ qua đi. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:17)

2:17 "Thế gian với những dục vọng của nó đều qua đi," 'qua đi' - động từ chỉ định, trung cách, thì hiện tại. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:8). Liên hệ tới khái niệm hai Kỷ Nguyên trong tư tưởng Do-thái: Kỷ Nguyên mới sẽ đến, Kỷ nguyên cũ sẽ qua đi. (Xem Rô-ma 8:18-25).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

Các tiên tri Cựu-ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý. Tuy vậy, ngay cả họ đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Trong sự từ khước Đức Giê-hô-va một cách cố ý và liên tục của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), một khuynh hướng mới xuất hiện trong văn chương về thời kỳ cuối trong khoảng giữa hai giao ước (như là sách Hê-nóc, IV E-xo-ra, II Ba-rúc). Các bài viết này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi Đấng Mết-si-a (thường là một tinh binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thế học), có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là "sự mặc khải tiệm tiến." (progressive revelation). Tân-ước khẳng định hiện thực vũ trụ mới của hai đời này (nghĩa là thuyết nhị nguyên thuộc về thời gian) (temporal dualism):

Chúa Jê-sus	Phao-lô	Thư Hê-bơ-rơ
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân-ước hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lấp nhau bởi vì sự tiên báo bất ngờ và bị bỏ qua trong hai lần đến của Đấng Mết-si-a. Sự nhập thể của Chúa Jê-sus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu-ước về sự đăng quang một thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu-ước cũng cho thấy Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng lần đầu tiên Ngài đến làm một Nô lệ Chịu khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ đến trong quyền phép như Cựu-ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự làm thành hai chặng này khiến đem Vương quốc của Ngài vào trong hiện tại (được đăng quang), nhưng chưa tiến đến tương lai (chưa hoàn toàn đạt đến đỉnh). Đây là sự giằng co của Tân-ước về khái niệm đã, nhưng chưa!

▣ "nhưng ai làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời." Xin để ý sự sống đời đời trường tồn trong Kỷ Nguyên mới được liên hệ tới nếp sống yêu thương, đi xa hơn lời xưng nhận đức tin. (Xem Ma-thi-ơ 25:31-46; Gia-cơ 2:14-26). See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: 'ý chỉ' Đức Chúa Trời (thelema) ở câu Giảng 4:24

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18-25

¹⁸ Hỡi các con bé nhỏ, đây là giờ cuối cùng! Các con đã nghe nói kẻ chống Đấng Christ phải đến, và hiện nay có nhiều kẻ chống Đấng Christ đã đến. Do đó, chúng ta biết đây là giờ cuối cùng. ¹⁹ Chúng phát xuất từ chúng ta, nhưng không thuộc về chúng ta. Vì nếu chúng thuộc về chúng ta thì phải ở với chúng ta; điều này xảy ra để minh chứng rằng tất cả những kẻ ấy không thuộc về chúng ta.

²⁰ Nhưng các con đã được xúc dầu bởi Đấng Thánh, và tất cả các con đều có sự hiểu biết. ²¹ Ta viết cho các con, không phải vì các con không biết chân lý, mà vì các con đã biết chân lý và hiểu rằng chẳng có điều gì dối trá ra từ chân lý. ²² Ai là kẻ nói dối nếu chẳng phải là kẻ không thừa nhận Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ? Ấy là kẻ chống Đấng Christ, kẻ không thừa nhận Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con! Ai không thừa nhận Con thì cũng không có Cha; ai xưng nhận Con thì cũng có Cha. ²⁴ Về phần các con, hãy giữ điều các con đã nghe từ ban đầu ở trong các con. Nếu điều đã nghe từ ban đầu luôn ở trong các con thì các con sẽ ở trong Con và trong Cha. ²⁵ Và sự sống đời đời là điều chính Ngài đã hứa cho chúng ta.

2:18 " Hỡi các con bé nhỏ, " Xem ghi chú Thơ Giảng Thứ Nhất 2:1.

▣ "**giờ cuối cùng!**" Nghĩa đen: 'giờ tận cùng, giờ sau rốt', không có mạo từ đứng trước đại từ (Mạo từ: 'a' và 'the' trong tiếng Anh, ám chỉ đại từ một cách chung chung, hay một cách cụ thể). Cũng giống như 'giờ cuối cùng' với mạo từ, cả hai đều nói về Ngày Tái Lâm của Chúa Giê-su Christ (Xem Giảng 6:39-40,44). Đây là một khái niệm rất quan trọng, bởi ngày nay nhiều người bị ảnh hưởng bởi thuyết 'Lai Thế Học Thực Tế' của ông C. H. Dodd's ("realized eschatology") (chủ yếu tin 'một ngàn năm' trong Khải Huyền 20 mang tính chất biểu tượng Thời Kỳ Hội thánh). Giảng dạy đồ mạnh mẽ rằng Nước Trời ở trong Chúa Giê-su Tuy nhiên văn bản bày tỏ có một thời điểm (hay giai đoạn) kết thúc trong tương lai. Cả hai học thuyết đều đúng Đây là một sự thể hiện nghịch lý "đã có và đang đến" của hai Kỷ Nguyên trong ý tưởng Do-thái đang trong giai đoạn trùng lặp, chuyển tiếp.

▣ "**kẻ chống Đấng Christ phải đến, và hiện nay có nhiều kẻ chống Đấng Christ đã đến.**

" 'kẻ' và 'nhiều kẻ' trong số ít và số nhiều. Cả hai trường hợp đều không có mạo từ. (theo bản MSS \aleph^* , B, C), (Mạo từ: 'a' và 'the' trong tiếng Anh ám chỉ một cách chung chung, hay một cách cụ thể) Cụm từ 'kẻ chống Đấng Christ' chỉ được sử dụng trong Tân-ước bởi Giảng. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18,22; 4:3; Thơ Giảng Thứ Hai 7). Xem CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH cho Thơ Giảng Thứ Nhất 2:3-27, phần D.

▣ "**phải đến "** - động từ danh trung cách chỉ định thì hiện tại. Trong tiếng Hy-lạp Koine, động từ này được thay thế bởi những dạng khác, trong đó các động từ trung cách hoặc thụ động được dịch thành động từ chủ động. Thì hiện tại ám chỉ sự chắc chắn của một sự việc tương lai. Kẻ Chống Đấng Christ, đang đến và nhiều giáo sư giả, mê-si-a giả giống hần cũng đã đến (nhiều kẻ chống Đấng Christs).

Về mặt thần học, có thể Sa-tan không biết ngày giờ Tái Lâm của Chúa, nên đã dự bị những kẻ chống Đấng Christ, sẵn sàng bước vào chính trường trong bất cứ thời điểm lịch sử nào.

▣ "**đã đến.**" Động từ quá khứ hoàn thành chỉ định, chủ động. Những kẻ chống Đấng Christ (tức các giáo sư giả) đã và đang hành động trong thế gian băng hoại, đồng thời vẫn còn có sự hiện ra của Kẻ Chống Đấng Christ trong tương lai. Một số nhà giải kinh tin rằng tương lai có nghĩa là tương lai của độc giả nguyên thủy sống trong thời Đế Quốc La-mã (tức là quá khứ của chúng ta). Nhưng có những người khác tin rằng tương lai là một đế quốc thời kỳ tối hậu. Trong nhiều mặt cả hai đều đúng: giờ cuối cùng đã bắt đầu và kéo dài cho đến thời điểm kết thúc - sự Tái Lâm của Đấng Christ.

2:19 "Chúng phát xuất từ chúng ta, nhưng không thuộc về chúng ta. " Đây là một ví dụ về giáo sư giả và tín lý sai lầm trong một hội thánh thực hữu. (Xem Ma-thi-ơ 7:21-23; 13:1-9,18-23,24-30). Thiếu chân lý, thiếu tình yêu, thiếu sự bền đỗ là nhưng bằng chứng chứng tỏ họ không phải là Tín Đồ. Dị giáo thường xuất xứ từ trong Hội thánh.

Tác giả Thơ Giảng Thứ Nhất chọn cách sử dụng động từ một cách rất cẩn thận, ví dụ trong Thơ Giảng Thứ Nhất 2:19

1. Các giáo sư giả đã ra đi: (thì quá khứ)

2. họ không bao giờ thuộc về ... (thì quá khứ chưa hoàn thành)

3. Nếu họ thuộc chúng ta thì họ đã không ra đi (thể điều kiện hạng hai với động từ hơn hoàn thành (PLUPERFECT))

Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự bội đạo ở câu Giảng 6:64.

▣ **"nếu"** đây là thể điều kiện hạng hai, tức trái với sự thật, có thể dịch như sau: nếu họ thuộc về chúng ta, mà thực tế không như vậy, thì họ đã ở lại với chúng ta, mà sự thực họ không ở lại với chúng ta.

▣ **"Vì nếu chúng thuộc về chúng ta thì phải ở với chúng ta; "Đây là dạng động từ chỉ định, chủ động, thì hơn hoàn thành** nói về hành động đã kết thúc trong quá khứ. Đây là một trong các dẫn chứng về sự bền đỗ. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:24,27,28). Đức tin thực trường tồn và kết bông trái. (Xem Ma-thi-ơ 13:1-23). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự Bền Đỗ Cần thiết ở câu Giảng 8:31

2:20 " Nhưng các con đã được xúc dầu bởi Đấng Thánh, " "Các con " mang số nhiều, nhấn mạnh trong văn bản Hy-lạp về nhóm Tín Đồ thực, so với nhóm đã bỏ Hội Thánh ra đi. Có thể nhóm Tri Huệ Giáo bị ảnh hưởng bởi các tôn giáo thần bí đông phương, dạy dỗ sự xúc dầu đặc biệt để có được tri thức và xác nhận với thần linh. Giảng khẳng định, chỉ có Tín Đồ thực, chứ không phải Tri Huệ Giáo, có được sự xúc dầu của Đấng Thánh.

Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh

I. "Đấng Thánh của I-sơ-ra-en" là danh hiệu thường thấy trong Ê-sai (cf. Ê-sai. 1:4; 5:19; 10:17,20; 12:6; 17:7; 29:19,23; 30:11,12,15; 31:1; 37:23; 40:25; 41:14,16,20; 43:3,14,15; 45:11; 47:4; 48:17; 49:7; 54:5; 55:5; 60:9,14). Bởi Ngài là thánh, con dân của Ngài phải nên thánh. (cf. Lê-vi-ký 19:2; Ma-thi-ơ 5:48; 1 Phi-ê-rơ 1:16).

Danh hiệu này, trong một khía cạnh, bày tỏ một nghịch lý giữa việc phạm nhân tội lỗi tiếp nhận tiêu chuẩn thánh khiết. Luật Mô-se không thể đạt được (xem Jos. 24:19; Công-vụ 15; Galatians 3; book of Hebrews). Giao ước cũ là công cụ cho con người thấy con người không thể đạt được tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, (Galatians 3), Mặc dầu vậy Ngài vẫn ở cùng với họ, chuẩn bị cho họ tiếp nhận giải pháp của Ngài qua giao ước Chúa Giê-su Ngài không hạ thấp tiêu chuẩn thánh khiết, nhưng giúp họ đạt được qua Đấng Mê-si-a (cf. Giê-rê-mi 31:31-34; Ezek. 36:22-38). Giao ước mới là giao ước đức tin và sự ăn năn, không qua công việc của con người, mặc dầu công việc cũng là một đòi hỏi trong tính cách giống Chúa Giê-su (cf. Gia-cơ 2:14-26). Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài phản chiếu tính cách của Ngài cho mọi dân tộc. (cf. Ma-thi-ơ. 5:48).

II. "The Holy One" Đấng Thánh có thể ám chỉ

1. Đức Chúa Cha (có nhiều câu trong Cựu-ước nói về Đấng Thánh của I-sơ-ra-en)
2. Đức Chúa Con (cf. Mác 1:24; Lu-ca 4:34; Giảng 6:69; Công-vụ 3:14; 1 Giảng 2:20)
3. Đức Chúa Thánh Linh (Danh Hiệu Ngài: Đức Thánh Linh, "Holy Spirit" cf. Giảng 1:33; 14:26; 20:22).

Công vụ 10:38 cho thấy cả Ba Ngôi đều tham gia trong sự xúc dầu. Chúa Giê-su được xúc dầu (cf. Lu-ca 4:18; Công-vụ 4:27; 10:38). Khái niệm này được mở rộng ra cho mọi Tín Đồ. (cf. 1 Giảng 2:27). Đấng Được Xúc Dầu trở nên nhiều người được xúc dầu. Ở đây chúng ta cũng thấy sự bất chước: Kẻ Chống Chúa trở nên nhiều kẻ chống Chúa. (cf. 1 Giảng 2:18). Cựu-ước dùng biểu tượng xúc dầu trong hành động cụ thể đối với những người được gọi làm chức vụ: Thầy tế lễ, tiên tri, vua. Thuật ngữ Mê-si-a' chính là 'Đấng Được Xúc Dầu' (Xuất. 29:7; 30:25; 37:29) .

▣ **"Xúc dầu"** xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: xúc dầu trong Kinh Thánh (BDB 603), ở câu Giảng 11:2

NASB"và tất cả các người đều biết"

NKJV"và các người biết tất cả mọi việc"

NRSV"tất cả các người đều có tri thức"

TEV "Tất cả các người đều biết Chân Lý" NJB "and đã nhận tất cả kiến thức"

Đây là lời tuyên bố quan trọng trong ánh sáng dạy dỗ của Tri Huệ Giáo, khoe khoang về tri thức huyền bí của họ. Giảng khẳng định rằng Tín Đồ biết được một số kiến thức cơ bản (Thơ Giảng Thứ Nhất 2:27 and Giảng 16:7-14 and Giê-rê-mi 31:34), nhưng không biết trọn vẹn, trong cả lãnh vực tôn giáo hay kiến thức. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:2). Đối với Giảng, Chân Lý mang tính chất cả về Cá Nhân và Sứ Điệp, cũng vậy sự Xức Dầu có thể là Phúc Âm hay Tâm Linh.

Có những sự khác nhau giữa các bản sao trong câu này: Bản dịch Anh Ngữ NKJV dựa trên các bản sao chữ lớn A, C, and K, dùng thuật ngữ *panta*, giống trung số nhiều, dùng với tư cách là tân ngữ (đối tượng) trong khi bản Anh Ngữ NASB, dựa theo các bản sao \aleph , B, and P, dùng thuật ngữ *pantes*, giống đực số nhiều với tư cách chủ ngữ: các người. Trong ánh sáng của các giáo sư giả chủ trương sự biệt lập, cách dịch thứ hai thích hợp hơn, có nghĩa là tất cả Tín Đồ đều có tri thức, chứ không chỉ một nhóm biệt lập "đặc biệt, tri thức và thuộc linh"

2:21 Đây là một trong nhiều câu Giảng khẳng định Tín Đồ có sự đảm bảo trong đức tin về sự cứu rỗi. dựa vào sự xức dầu của Thánh Linh khiến Tín Đồ luôn khai kho kiến thức về Phúc Âm. .

2:22 "Ai là kẻ nói dối nếu " 'Kẻ nói dối' trong câu này có mao từ xác định, bởi vậy, chắc Giảng ám chỉ

1. một giáo sư giả cụ thể. specific false teacher (possibly Cerinthus)
2. một sự lừa dối vĩ đại, từ chối Phúc Âm (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 5:10)

"Kẻ Nói Dối" tương đương với "Kẻ Chống Đấng Christ". Linh của Kẻ Chống Đấng Christ có mặt trong tất cả mọi thời kỳ giai đoạn. Theo định nghĩa, danh hiệu này gồm có hai phần anti = chống, và Đấng Christ. Ngoài các cách dịch 'Kẻ Chống Đấng Christ' còn có thể dịch khác là 'Kẻ muốn thay thế Đấng Christ'

▣ **"Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ? "** Sách giải kinh Jerome Biblical Commentary, trang. 408, chỉ ra một điểm thú vị,

"Tác giả không chỉ đơn giản chứng minh Chúa Giê-su ứng nghiệm sự trông đợi Đấng Mê-si-a của Cựu-ước và dân Do-thái. Chúa Giê-su ứng nghiệm Tân-ước, qua lời nói và hành động chứng minh mình là Đấng Thần Linh Cứu Chuộc của cả nhân loại. (Xem Công vụ 2:31; Rô-ma 1:4)."

Có thể đây là sự tuyên bố tín lý với mục đích phân biệt:

1. Tri Huệ Giáo
2. quyết định tách Hội Thánh khỏi nhà hội Do-thái trong hội đồng các Ra-bi tại Jaima 70 SAu Công Nguyên.
3. Có thể đây là lời một bài hát quen thuộc "Chúa Giê-su là Chúa," hoặc đây là lời xưng nhận đức tin trong lễ báp-tem.

2:22-23 "Ai không thừa nhận Con " Rõ ràng các giáo sư giả tự xưng mình biết Chúa, nhưng từ chối, giảm nhẹ vai trò trung tâm, địa vị của Chúa Giê-su. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:1-6; 5:11-12; Giảng 5:23).

Dựa theo các văn tự Tri Huệ Giáo trong thế kỷ thứ hai và của các giám mục các Hội Thánh sơ khởi, những điều sau đây bắt đầu xuất hiện và phát triển:

1. Tri Huệ Giáo muốn hoà nhập Cơ Đốc Giáo vào triết học Plato của Hy-lạp và các tôn giáo huyền bí Đông Phương.
2. Dạy rằng Chúa Giê-su chỉ là thần linh, chứ không phải thuộc thể. Bởi theo họ, thần linh là tốt lành, thuộc thể là xấu xa. Một thần linh không bao giờ có thể nhập thể.
3. Họ dạy có hai điều về sự cứu rỗi:
 - a. Một nhóm cho rằng tri thức đặt biệt về cõi thiên sứ (*aeon*) đem lại sự cứu rỗi về mặt thuộc linh, không liên hệ tới hành động của cơ thể và xác thịt trên thế gian.
 - b. Một nhóm khá nhấn mạnh sự cứu rỗi qua hình thức khổ hạnh (asceticism) (Xem Cô-lô-sê 2:20-23). Họ từ chối nhu cầu thuộc thể để đạt được sự cứu rỗi thực.

2:23 Câu này trong bản Textus Receptus, và các bản chữ lớn K and L, vô tình bị xóa bỏ so với câu nói về Đức Chúa Cha, xuất hiện trong các bản \aleph , A, B, and C.

▣ **"ai xưng nhận "** Câu này đối nghịch với câu "ai chối từ' trong Thơ Giảng Thứ Nhất 2:22 [hai lần] and 23 [một lần] and 26 [một lần]. Xem CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự xưng nhận, ở câu Giảng 9:22-23

▣ **"Con "** Mỗi liên hệ với Đức Chúa Trời chỉ có thể có qua đức tin nơi Đức Chúa Con (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 5:10-12,13). Đức tin trong Chúa Giê-su không phải là sự tùy chọn, nó là con đường duy nhất tới Đức Chúa Cha (Xem Giảng 5:23; 14:6; Lu-ca 10:16).

2:24 "Về phần các con, " Ở đây chỉ ra sự khác biệt cơ bản giữa độc giả thơ Giảng và các giáo sư giả cùng với môn đồ của họ là những người đã ra đi. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:27).

▣ **"hãy giữ điều các con đã nghe từ ban đầu ở trong các con. "** Đây là thể mệnh lệnh thức, chủ động thì hiện tại, nhấn mạnh đại từ 'các con' - (vì được đặt ở đầu câu trong bản Hy-lạp) 'Điều .. đã nghe từ ban đầu' đối nghịch với giáo lý sai lầm các giáo sư giả. Phúc Âm được nhân cách hóa, và được mô tả như một vị khách ở trong nhà. Đây là một trong hai điều khiến các Tín Đồ đắc thắng trên những kẻ nói dối. Điều thứ hai được thấy trong Thơ Giảng Thứ Nhất 2:20 and 27, tức là 'được xúc dầu bởi Thánh Linh'. Một lần nữa, Phúc Âm mang cả tính 'sứ điệp' và cả tính 'nhân vật' với cụm từ 'từ ban đầu' (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:13,14,24 [hai lần]). Lời của Đức Chúa Trời là lời được viết xuống và được sống trong thực tế. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:8,10; 2:20,24)! Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "sự Ở Trong /Trường Tồn" trong văn tự của Giảng.**

▣ **"Nếu" -** đây là thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng của một hành động, tiếp tục cảnh báo và khích lệ sự 'trường tồn'. Người nào chấm dứt 'trường tồn' chứng tỏ người ấy chưa bao giờ thực sự là Tín Đồ. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18-19). Nếp sống 'trường tồn' là bằng chứng của sự bảo đảm trong đức tin. (Xem Giảng 15). Trường tồn là sứ điệp được nghe và được tiếp nhận, và là mối liên hệ với cả Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha (Xem Giảng 14:23), thể hiện qua sự lựa chọn nếp sống, tiêu cực khi từ chối, hay tích cực qua yêu thương.

2:25 "Và sự sống đời đời là điều chính Ngài đã hứa cho chúng ta." Một lần nữa chúng ta thấy đại từ 'Ngài' rất trừu tượng, không rõ ám chỉ Ai: Đức Chúa Con hay Đức Chúa Cha. Có thể điều này Giảng viết một cách có chủ ý, như trong 2 Phi-ê-rơ 1). Câu này khá giống các câu Giảng 3:15-16 and 6:40. Niềm hy vọng của Tín Đồ dựa trên tính cách và lời hứa của Đức Chúa Trời. Mối liên hệ mật thiết của chúng ta với Ba Ngôi đem lại niềm hy vọng về lời hứa sự sống đời đời. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 5:13). Sự sống đời đời có những tính cách có thể quan sát được.

BẢN HIỆU ĐÍCH NASB (RVV2011): Thơ Giảng Thứ Nhất 2:26-27

²⁶ Ta viết cho các con những điều này liên quan đến những kẻ lừa dối các con. ²⁷ Về phần các con, sự xúc dầu mà các con đã nhận từ Ngài ở trong các con, và các con không cần ai dạy mình cả. Vì sự xúc dầu của Ngài dạy các con mọi điều, và sự xúc dầu ấy là thật, không phải giả dối; hãy cứ ở trong Ngài, như sự xúc dầu ấy đã dạy các con.

2:26 "những kẻ lừa dối các con. " Đây là động tính từ chủ động thì hiện tại. Những kẻ lừa dối luôn có mặt ở bất cứ giai đoạn nào. (Xem Ma-thi-ơ 7:15; 24:11,24; Thơ Giảng Thứ Hai 7). Họ có thể là những người sùng đạo, nghiêm túc, tham gia một cách tích cực trong vòng Tín Đồ.

2:27 " sự xúc dầu " Ở đây nói về kết quả của sự xúc dầu, chứ không nói về phương tiện (Thánh Linh) hay chất liệu (các chân lý Phúc Âm) Sự xúc dầu là một khái niệm từ trong Cựu-ước, dùng để kêu gọi và trang bị một người bước vào chức vụ: các thầy tế lễ, các tiên tri, các vua. Bản thân danh hiệu 'Đấng Mê-si-a' cũng đến từ ý nghĩa 'được xúc dầu' Sự xúc dầu nhấn mạnh tính bền vững mà Chúa Thánh Linh mặc khải trong tim, óc để đón nhận Phúc Âm. Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự xúc dầu trong Kinh thánh (BDB 603).**

Các giáo sư giả tự tuyên bố mình có sự mặc khải đặc biệt từ Đức Chúa Trời, (có nghĩa họ có sự xúc dầu đặc biệt). Giảng tuyên bố các Tín Đồ đã có sự xúc dầu thực, khi họ tin Đấng Được Xúc Dầu. Họ được đầy rẫy Thánh Linh và trường tồn trong lời Chúa.

▣ **"các con đã nhận"** Đây là thể quá khứ chỉ định chủ động, nói về một hành động đã chấm dứt trong quá khứ. Sự xúc dầu tương đương với điều các con đã nghe' trong Thơ Giảng Thứ Nhất 2:24. Phúc Âm phải được tiếp nhận (1) một cách cá nhân bởi đức tin, (Xem Giảng 1:12; 3:16) (2) và một cách trọn vẹn của chân lý (Xem Thơ Giảng Thứ Hai 9-10; 1 Cô-rin-tô 15:1-4; Giu-đê 3). Cả hai việc này đều xảy ra qua trung gian của Đức Thánh Linh.

▣ **"các con không cần ai dạy mình cả. "** Thơ Giảng Thứ Nhất 2:27 tương đồng với Thơ Giảng Thứ Nhất 2:20 (về giao ước mới, xem Giê-rê-mi 31:34). Giảng thường sử dụng các chủ đề lặp lại. (Thơ Giảng Thứ

Nhất 2:20,24,27). Không phải các giáo sư Tri Huệ Giáo, nhưng chính là Đức Thánh Linh là thầy giáo tối hậu, không thể thiếu được. (Xem Giăng 14:26). Tuy nhiên điều này không có nghĩa là các giáo viên trong Hội thánh sơ khởi và hôm nay không cần đến (Xem Ê-phê-sô 4:11; Công vụ 13:1; 1 Cô-rin-tô 12:28). Nói một cách đơn giản là những sự liên hệ tới sự cứu rỗi đến từ Đức Thánh Linh và Kinh thánh, chứ không đến qua các giảng viên hùng hồn, mặc dầu Chúa cũng dùng đến họ.

▣ " **Vì sự xúc dầu của Ngài dạy các con mọi điều,** " Sự xúc dầu nói về chân lý thuộc linh. Tất cả mọi Tín Đồ đều có Chúa Thánh Linh dắt dẫn họ trong lương tâm. Chúng ta phải nhạy cảm với sự lãnh đạo hiền lành của Chúa Thánh Linh trong các lĩnh vực chân lý và đạo đức.

▣ "**hãy cứ ở trong Ngài, như sự xúc dầu ấy đã dạy các con.**" Đây là mệnh lệnh thức, chủ động thì hiện tại. Giăng sử dụng khái niệm trường tồn thường xuyên như một sự đảm bảo của đức tin cho các Tín Đồ. (Xem Giăng 15). Đức tin theo Kinh Thánh là Đức Chúa Trời khởi xướng, con người hưởng ứng: ở thời điểm quyết định theo Chúa và liên tục trong sự bền đỗ. Cả phần con người và Thần Linh đều tham gia trong sự 'trường tồn' Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "trường tồn" trong văn tự của Giăng. Giăng 2:10

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Xin giải thích tín lý của giáo sư giả?
2. Những gì là bằng chứng chúng ta thực sự được cứu rỗi.
3. xin phân biệt sự khác nhau giữa tội lỗi theo thói quen và tội lỗi theo lỡ lầm đột xuất.
4. Xin giải thích mối liên hệ giữa sự bền đỗ đức tin và sự đảm bảo cứu rỗi của Tín Đồ.
5. Xin liệt kê ba kẻ thù của con người

Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28-3:24

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Các con cái của Đức Chúa Trời (2:28-3:10)	Các con cái của Đức Chúa Trời	Trung tín với đức tin thực (2:18-29)	Kẻ thù của Đấng Christ (2:18-29)	Sống như con cái của Đức Chúa Trời (2:29-4:6)
2:28-3:3	2:28-3:3	2:28 2:29 Mỗi liên hệ hiểu thảo qua nếp sống đạo 3:1-10	2:28-29 Các con cái của Đức Chúa Trời 3:1-3	2:29-3:2 Điều kiện đầu: từ bỏ tội lỗi. 3:3-10
3:4-10	3:4-9 Tội lỗi và con cái Đức Chúa Trời.		3:4-6 3:7-8 3:9-10	
Hãy yêu thương nhau	3:10-15 Mạng lệnh tình yêu	Hãy yêu thương nhau	Hãy yêu thương nhau	điều kiện thứ hai giữ điều răn, đặc biệt: về sự sống
3:11-18	Tình yêu thiết thực	3:11-18	3:11-12 3:13-18	3:11-24
Tự tin trong Chúa	3:16-23	sự đảm bảo của Tín Đồ	Can đảm trong Chúa	
3:19-24	Linh Chân Lý và Linh Giả Dối 3:24-4:6	3:19-24	3:19-24	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

- 86. Phân đoạn 2
- 87. Phân đoạn 3
- 88. Văn vần...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28-3:24

- A. Thơ Giảng Thứ Nhất 2 nói trực tiếp về các giáo sư giả của Tri Huệ Giáo (từ chối nhân tính của Chúa Giê-su theo giáo lý của nhóm Docetic)
- B. Thơ Giảng Thứ Nhất 3 tiếp tục tấn công các giáo sư giả, phản biện sự cứu rỗi tách biệt khỏi nếp sống luân lý đạo đức (sự thánh hóa). Tuy nhiên Giảng nói chuyện trực tiếp với các Tín Đồ nhiều hơn.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN HIỆU ĐỈNH NASB (RVV2011): Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28-3:3

²⁸Và bây giờ, hỡi các con bé nhỏ, hãy ở trong Ngài, để khi Ngài hiện ra, chúng ta có thể dạn dĩ, không hổ thẹn trước mặt Ngài lúc Ngài đến.²⁹Nếu các con biết Ngài là công chính thì hãy biết rằng người nào làm điều công chính đều ra từ Ngài.

¹ Hãy xem Đức Chúa Cha đã ban cho chúng ta tình yêu thương lớn dường nào, đến nỗi chúng ta được gọi là con cái của Đức Chúa Trời, và chúng ta thật là con cái Ngài! Sở dĩ thế gian không biết chúng ta, vì thế gian không biết Ngài. ²Thưa anh em yêu dấu, hiện bây giờ chúng ta là con cái Đức Chúa Trời; còn chúng ta sẽ như thế nào thì chưa được bày tỏ. Chúng ta biết rằng khi Ngài hiện đến, chúng ta sẽ giống như Ngài, vì chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy. ³Ai có niềm hi vọng như vậy nơi Ngài thì phải giữ mình thanh sạch, như Ngài là thanh sạch.

2:28 Có nhiều tranh luận về việc chương ba nên bắt đầu ở đâu, 2:28, 29, hay 3:1. Bởi vì có nhiều sự nhắc lại trong các câu Thơ Giảng Thứ Nhất 2:27 and 28, sự phân đoạn nên đặt ở đó

▣ " các con bé nhỏ, " xem ghi chú ở Thơ Giảng Thứ Nhất 2:1.

▣ " hãy ở trong Ngài, " - thể điều kiện hạng ba, chủ động, thì hiện tại, nói về sự bền đỗ của Tín Đồ. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:15,24). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự Bền Đỗ cần thiết, ở câu Giảng 8:31 và Chủ Đề Đặc Biệt: ‘Sự ở trong’ trong văn tự của Giảng, ở câu 1 Giảng 2:10

Đại từ “Ngài” thường khó xác định việc ám chỉ ai đây, nhưng trong phân đoạn này điều ấy khá dễ dàng:

1. "Trong Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28a -- Chúa Giê-su
2. "từ Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28b -- Chúa Giê-su
3. "Của Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28b -- Chúa Giê-su
4. "Ngài Thánh Khiết," Thơ Giảng Thứ Nhất 2:29 -- Đức Chúa Cha
5. "sinh bởi Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 2:29- - Đức Chúa Cha (see note)
6. "biết Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 3:1 -- Đức Chúa Cha (Xem Giảng 15:21; 16:2-3)
7. "Ngài hiện ra," Thơ Giảng Thứ Nhất 3:2- - Chúa Giê-su
8. "giống như Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 3:2 -- Chúa Giê-su
9. "thấy Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 3:2 -- Chúa Giê-su
10. "Ngài như vậy," Thơ Giảng Thứ Nhất 3:2 -- Chúa Giê-su
11. "nơi Ngài," Thơ Giảng Thứ Nhất 3:3 -- Chúa Giê-su
12. "Ngài thanh sạch," Thơ Giảng Thứ Nhất 3:3 -- Chúa Giê-su

Ngữ cảnh, ngữ cảnh, ngữ cảnh là điều kiện ưu tiên trong việc giải kinh.

▣ " khi Ngài hiện ra, " Đây là thể điều kiện hạng ba giống như Thơ Giảng Thứ Nhất 2:29, cũng như "khi nào Chúa Giê-su tái lâm" of Thơ Giảng Thứ Nhất 3:2. Ở đây không có nghĩa sự không chắc chắn về sự kiện, nhưng sự không chắc chắn về thời điểm. (giống như sự sử dụng thuật ngữ “hy vọng” trong Tân-ước. Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:3).

▣ **chúng ta có thể dạn dĩ**, thuật ngữ Hy-lạp (*parrhēsia*), 'sự tin cậy' có nguồn gốc từ động từ 'ăn nói mạnh dạn' Sự đảm bảo của Tín Đồ dựa trên sự hiểu biết và tin cậy vào Phúc âm của Chúa Giê-su Christ. Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự Dạn dĩ (*parrhēsia*)**, ở câu Giảng 7:4

NASB "không hổ thẹn trốn tránh Ngài"

NKJV "khôngg hổ thẹn trước Ngài"

NRSV " không bị làm xấu hổ trước Ngài"

TEV "không phải trốn chạy trong sự xấu hổ trước Ngài"

NJB "không co rúm trong xấu hổ trước Ngài"

Đây là động từ lối bàn thái, thụ động, thì quá khứ, có thể hiểu là

1. Tín Đồ cảm thấy tự mình xấu hổ (NASB, TEV, NJB)

2. Tín Đồ bị làm xấu hổ (NRSV)

Tín Đồ trông chờ sự tái lâm của Chúa với niềm vui hạnh phúc, nhưng những người sống trong sự tự kỷ theo thể gian sẽ bị bất ngờ và xấu hổ trong sự phán xét các Tín Đồ (Xem 2 Cô-rin-tô 5:10).

▣ **" lúc Ngài đến"** Đây nói về Sự Tái Lâm, thuật ngữ *Parousia*, chỉ được dùng ở đây trong toàn bộ văn tự của Giảng, với ý nghĩa sự thăm viếng của Hoàng Gia.

"lúc Ngài đến" trong câu "cho đến *Parousia* (sự hiện diện)" nói về sự viếng thăm của Quốc Vương. Các thuật ngữ khác được dùng trong Tân-ước về sự Tái Lâm là:

1. *epiphaneia*, "sự tỏ ra mặt đối mặt"

2. *apokalupis*, "sự xuất hiện"

3. "Ngày của Chúa" và một số dạng khác của cụm từ này.

Chủ Đề Đặc Biệt, Các Thuật Ngữ trong Tân-ước về sự Tái Lâm của Đấng Christ.

Sự nhấn mạnh cánh chung (về thời tận thế) nói về một ngày đặc biệt không xa, khi con người sẽ phải gặp Đấng Cứu Rỗi và Đấng phán xét, Chúa Giê-su . Ngày ấy còn được gọi là: .

1. "Ngày của Chúa Giê-su Christ (cf. 1 Cô-rin-tô 1:8)

2. "Ngày của Chúa " (cf. 1 Cô-rin-tô 5:5; 1 Thess. 5:2; 2 Thess. 2:2)

3. "Ngày của Chúa Giê-su " (cf. 2 Cô-rin-tô 1:14; MS & has it in 1 Cô-rin-tô 5:5)

4. "Ngày của Giê-su Christ" (cf. Phi-líp 1:6)

5. "Ngày của Đấng Christ" (cf. Phi-líp 1:10; 2:16)

6. "Ngày của Ngài (Con Người)" (cf. Lu-ca 17:24)

7. "Ngày của Con Người được tỏ ra" (cf. Lu-ca 17:30)

8. "Sự Mặc Khải của Chúa Giê-su" (cf. 1 Cô-rin-tô 1:7)

9. "Khi Chúa Giê-su sẽ được tỏ ra từ Thiên Đàng" (cf. 2 Thess. 1:7)

10. "Trong sự hiện diện của Chúa Giê-su khi Ngài đến" (cf. 1 Thess. 2:19)

Có ít nhất bốn cách mà Tân-ước mô tả sự Tái Lâm của Chúa Giê-su .

1. *epiphaneia*, nói về sự chói ngời, theo không theo ý nghĩa từ ngữ, nhưng theo ý nghĩa thần học, liên hệ tới sự vinh hiển. In 2 Ti-mô-thê 1:10; Titus 2:11 and 3:4 nói về sự nhập thể và sự Tái Lâm. Thuật ngữ này được dùng trong 2 Thess. 2:8 trong đó chứa đựng tất cả ba thành phần của sự Tái Lâm: 1 Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 4:1,8; Titus 2:13.

2. *parousia*, Nói về sự hiện diện sự viếng thăm của một Quốc Vương, được sử dụng nhiều nhất trong Tân-ước (cf. Ma-thi-ơ. 24:3,27,37,39; 1 Cô-rin-tô 15:23; 1 Thess. 2:19; 3:13; 4:15; 5:23; 2 Thess. 2:1,8; Gia-cơ 5:7,8; 2 Phi-ê-rơ 1:16; 3:4,12; 1 Giảng 2:28).

3. *apokalupsis* (or *apocalypsis*), Sự khai huyền, một ý nghĩa khác của sự tỏ ra. Đây cũng là tên cuốn sách cuối cùng của Kinh Thánh. (cf. Lu-ca 17:30; 1 Cô-rin-tô 1:7; 2 Thess. 1:7; 1 Phi-ê-rơ 1:7; 4:13).

4. *phaneroō*, có nghĩa đem ra ánh sáng được dùng nhiều lần trong Tân-ước về sự mặc khải chân lý của Đức Chúa Trời, tương tự như *epiphaneia*, cũng nói về Sự Nhập thể (cf. 1 Phi-ê-rơ 1:20; 1 Giảng 1:2; 3:5,8; 4:9) và Sự Tái Lâm (cf. Ma-thi-ơ. 24:30; Cô-lô-sê 3:4; 1 Phi-ê-rơ 5:4; 1 Giảng 2:28; 3:2).

5. Một trong những thuật ngữ rất phổ biến là, *erchomai*, "đến" cũng ám chỉ về sự Tái Lâm của Đấng (cf. Ma-thi-ơ. 16:27-28; 23:39; 24:30; 25:31; Công-vụ 1:10-11; 1 Cô-rin-tô 11:26; Khải Huyền 1:7,8).

6. Cụm từ “Ngày của Chúa” (cf. 1 Thess. 5:2), là danh hiệu Ngày Phục Hạnh (Phục sinh) và Ngày Phán Xét của Đức Chúa Trời.

Cả Tân-ước được viết trong quan điểm của Cựu-ước, khẳng định:

a. Kỷ Nguyên Hiện Tại, Xấu Xa, và Chống Nghịch.

b. Kỷ Nguyên Công Chính sẽ Đến

c. Một Kỷ Nguyên Thánh Linh được bắt đầu bởi công việc của Đấng Mê-si-a (Đấng Được Xức Dầu)

Giả thiết thần học của sự mặc khải từng bước cần có bởi các tác giả Tân-ước thay đổi chút ít về sự mong đợi của dân tộc Do-thái. Họ trông đợi một Đấng Mê-si-a mang tính chất anh hùng dân tộc, một tướng lãnh tài ba. Thay vào đó là hai sự ‘đến’ của Đấng Mê-si-a theo Tân-ước. Sự ‘đến’ Đầu tiên là Sự Nhập Thể của Vị Thần Đức, Sự Đầu Thai và Sinh Thành của Giê-su Na-xa-rét, không mang tính quân sự, hay phán xét, nhưng với tư cách ‘người đầy tớ thương khó’ theo Ê-sai 53; trong hình ảnh một người cuội lừa, thay vì cuội ngựa như tướng lãnh, theo Xa-cha-ri. 9:9. Sự đến đầu tiên mở đầu Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a, Nước Trời trên trần gian. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nước Đức Chúa Trời. Trong một ý nghĩa: Nước Trời đã đến và trong ý nghĩa khác, Nước Trời còn xa. Đây là giai đoạn giằng co, chuyển tiếp giữa hai ‘sự đến’ của Đấng Mê-si-a, cũng là sự chông chéo giữa hai Kỷ Nguyên của người Do-thái. (Xem chủ đề Đặc Biệt Kỷ Nguyên Hiện Nay và Kỷ Nguyên sẽ đến). Giai đoạn chông chéo này không được thấy hoặc không rõ ràng từ Cựu-ước. Thực tế ‘sự đến hai lần’ nhấn mạnh sự cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va, được thấy trong Ê-sai và Giôn-na (cf. Sáng. 3:15; 12:3; Xuất. 19:5).

Hội Thánh không phải chờ đợi sự ứng nghiệm tiên tri của Cựu-ước, bởi hầu hết các tiên tri ấy nói về ‘sự đến’ lần thứ nhất. (cf. *How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các Tín Đồ Tân-ước trông chờ ‘sự đến’ vinh hiển của Vị Vua trên các vua và Chúa trên các chúa, sự ứng nghiệm Nước Trời dưới đất cũng như trên Thiên Đàng. (cf. Ma-thi-ơ. 6:10). Sự trình bày của Cựu-ước không phải không chính xác, nhưng không đầy đủ. Chúa sẽ đến như đã được tiên tri trong quyền năng và uy thế của Đức Giê-hô-va

Sự Tái Lâm không phải là thuật ngữ trong Kinh thánh, nhưng là khái niệm thần học trong quan điểm và khuôn khổ cả Tân-ước. Đức Chúa Trời sẽ giải thích rõ ràng, mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và nhân loại trong hình ảnh của Ngài sẽ được phục hồi, Sự dữ sẽ bị phán xét và loại bỏ. ý chỉ của Đức Chúa Trời không bao giờ thất bại.

Các Hội thánh sơ khởi thờ phượng cả ngày Thứ bảy (Sa-bát) và Chủ Nhật (Phục sinh). Các lãnh đạo nhà hội Do-thái phản ứng sự tăng trưởng của Cơ Đốc giáo, đòi hỏi hội viên phải từ chối Chúa Giê-su là Đấng Mê-si-a. (i.e., Điều luật thứ mười tám). Từ đó Tín Đồ bắt đầu thờ phượng duy nhất ngày Chủ Nhật. (năm. 70 sau Công Nguyên).

2:29 "Nếu" Đây là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa tiềm năng xảy ra của một hành động, Giảng nói về một điều mà các giáo sư giả không thể biết được. .

▣ " **các con biết Ngài** " Theo ngữ pháp, có thể đây là động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại, hoặc mệnh lệnh thức chỉ định chủ động thì hiện tại, nó về kiến thức căn bản mà Tín Đồ cần biết, Giảng sử dụng động từ chỉ định ‘biết’ như một gia sản của tất cả những ai được Đức Thánh Linh ngự trị.

▣ "**Ngài**" nói về Chúa Giê-su (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:1, 28; 3:7. Nhưng khi nói ‘sinh bởi Ngài’ ở cuối câu thì ám chỉ Đức Chúa Cha, bởi cụm từ ‘sinh bởi Ngài’ được sử dụng nhiều lần (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:9; 4:7; 5:1,4,18; Giảng 1:13).

▣ " Ngài là **công chính** thì hãy biết rằng người nào làm **điều công chính** đều ra từ Ngài." Đây là tính cách đặc trưng cho gia đình của Đức Chúa Trời!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

“Sự công bình” là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu-ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là “công minh” hay “công bình.” Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách

hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật chỉ như là cảnh nền cho mối tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật cao trọng nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vâng giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xung công bình bằng đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng chữ Hy Lạp *dikaioisune* theo ý nghĩa của chữ Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này trong tiếng Anh thì phân định là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jêsus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mối tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và sự thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm của Đức Thánh Linh. Sự xung công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho nhưng không và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một **SỐ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE)** (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp

nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một **SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN** (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai.

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân-ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cập theo Đức Chúa Trời là Quan án)
 - a. Rô-ma 3:26
 - b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
 - c. II Ti-mô-thê 4:8
 - d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jê-sus công bình
 - a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mết-si-a)
 - b. Ma-thi-ơ 27:19
 - c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
 - a. Lê-vi-ký 19:2
 - b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)
4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
 - a. Rô-ma 3:21-31
 - b. Rô-ma 4
 - c. Rô-ma 5:6-11
 - d. Ga-la-ti 3:6-14
 - e. Được Chúa ban cho
 - i. Rô-ma 3:24; 6:23
 - ii. I Cô-rinh-tô 1:30
 - iii. Ê-phê-sô 2:8-9
 - f. Nhận bởi đức tin
 - i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
 - ii. I Cô-rinh-tô 5:21
 - g. Qua công tác của Đức Chúa Con
 - i. Rô-ma 5:21-31
 - ii. II Cô-rinh-tô 5:21
 - iii. Phi-líp 2:6-11
5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
 - a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
 - b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
 - c. II Cô-rinh-tô 6:14
 - d. I Ti-mô-thê 6:11
 - e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
 - f. I Giăng 3:7
 - g. I Phi-e-rơ 2:24
6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
 - a. Công-vụ 17:31
 - b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho nhưng không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn;

nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

“Đi xa hơn Luther, Calvin nhấn mạnh đến phương diện tương giao của sự công bình Đức Chúa Trời. Quan điểm của Luther về sự công bình Đức Chúa Trời dường như chứa đựng phương diện tha bổng. Calvin nhấn mạnh đến bản chất kỳ diệu của sự tương thông hay truyền đạt sự công bình Đức Chúa Trời cho chúng ta” (trang 834).

Đối với tôi, mỗi tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Tin lành là một con người (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Tin lành là lẽ thật (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Tin lành là một đời sống được thay đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một đức giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay chê bai tất cả, thì sẽ có vấn đề.

Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!

Chúng ta phải tin Tin lành!

Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống với Đấng Christ!

▣ " **là con cái** của Đức Chúa Trời, " 'Là' -động từ chỉ định, thụ động thì quá khứ hoàn thành, có nghĩa một hành động đã xảy ra bởi tác nhân bên ngoài, tức Đức Chúa Cha (Xem Giăng 3:3). Xin để ý một cách dùng ẩn dụ về gia đình khá quen thuộc, (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 3:9) để mô tả Cơ Đốc Giáo. Xem ghi chú ở câu Thư Giăng Thứ Nhất 3:1d.

3:1 " Hãy xem ...tình yêu thương lớn dường nào" Thuật ngữ 'tình yêu ở đây cũng như trong suốt cả Thư Giăng Thứ Nhất là *agapaō* (động từ) or *agapē* (danh từ) Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:5,15; 3:1,16,17; 4:7,8,9,10, 12,16,17,18; 5:3). Thuật ngữ này được dùng trong văn chương Hy-lạp cổ, tuy nhiên không thường xuyên. Dường như Hội Thánh sơ khởi tái định nghĩa thuật ngữ này trong ánh sáng mới của Phúc Âm, minh họa cho tình yêu sâu nhiệm trường tồn. Nhiều người giải thích một cách sai lầm: đây là tình yêu hy sinh giống như tình yêu của Đức Chúa Trời, bởi vì 'agape' cũng được sử dụng một cách tương đồng với '*Phileō*' trong Phúc Âm Giăng, (xem Giăng 5:20; 11:3,36; 12:25; 15:19; 16:27; 20:2; 21:15,16,17). Tuy nhiên, đây cũng là điều thú vị, là thuật ngữ yêu thương này được sử dụng trong mối liên hệ Tín Đồ với Tín Đồ. Đức Tin và sự thông công với Chúa Giê-su thay đổi mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời và nhân loại.

▣ " **Đức Chúa Cha đã ban cho chúng ta** " 'đã ban' - động từ chỉ định, chủ động thì quá khứ hoàn thành. Sự sử dụng thì quá khứ hoàn thành ở đây liên hệ tới món quà cứu rỗi của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su, là nền tảng cho sự đảm bảo của Tín Đồ theo Kinh Thánh. (Xem Giăng 6:35-40; 10:1ff; Ê-phê-sô 2:5,8; 5:1). Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: Sự đảm bảo của Tín Đồ, ở câu Giăng 6:37

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

BẢNG CHỨNG TRONG TÂM ƯỚC VỀ SỰ CỨU CHUỘC CỦA MỘT NGƯỜI

Nó được dựa trên:

1. Bản tính của Đức Chúa Cha (Giăng 3:16), công tác của Đức Chúa Con (II Cô-rinh-tô 5:21), và mục vụ của Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:14-16), không phải trên những cách phô diễn của con người, không phải tiền công cho sự vâng lời, không phải chỉ là một tín điều.
2. Nó là một món quà (Rô-ma 3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:5, 8-9).
3. Nó là một cuộc sống mới, một thể giới quan mới (Gia-cơ và I Giăng)
4. Nó là tri thức (Phúc âm), thông công (đức tin nơi và với Chúa Jêsus), và một lối sống mới (giống với Đấng Christ được sự hướng dẫn của Thánh Linh), cả ba chứ không chỉ bởi một điều nào riêng biệt.

▣ " **đến nỗi chúng ta được gọi** là con cái của Đức Chúa Trời, " 'được gọi'- Đây là lối bàn thái, thụ động thì quá khứ, được sử dụng như một danh hiệu vinh dự 'con cái Đức Chúa Trời' .

▣ " **con cái của Đức Chúa Trời**" Đây là tiêu điểm của Thư Giăng Thứ Nhất 2:29-3:10. Nó khẳng định sự khởi xướng của Đức Chúa Trời trong chương trình cứu rỗi (Xem Giăng 6:44,65). Giăng thường sử dụng

những thuật ngữ quen thuộc để mô tả mối liên hệ mới của Tín Đồ với Chân Thần. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:29; 3:1,2,9,10; Giăng 1:12).

Thật thú vị khi qua sát việc Giăng và Phi-ê-rơ mô tả sự tái sinh và sự sinh ra từ Thiên Thượng (Xem Giăng 3:3) và 1 Phi-ê-rơ 1:3,23), trong khi Phao-lô sử dụng thuật ngữ ‘nhận con nuôi’ (Xem Rô-ma 8:15,23; 9:4; Ga-la-ti 4:1-5; Ê-phê-sô 1:5) và Gia-cơ dùng ẩn dụ ‘sinh thành’ hoặc ‘sinh ra’ (Xem Gia-cơ 1:18) để miêu tả mối liên hệ cùng Đức Chúa Trời. Quả thật, Cơ Đốc giáo mang tính chất một gia đình.

▣ **" và chúng ta thật là con cái Ngài! "** ‘là’ - động từ chỉ định, thì hiện tại. Câu này không có trong bản sao muôn (i.e., K và L) mà bản dịch Anh Ngữ KJV dựa vào. Nhưng xuất hiện trong các bản sao tiếng Hy-lạp sớm hơn (P⁴⁷, κ , A, B, and C). Liên Hội Thánh Kinh UBS⁴ xếp sự có mặt của câu này vào hạng A, tức dường như chắc chắn. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Phê bình văn bản, phụ lục thứ hai.

▣ **" thể gian không biết chúng ta "** Thuật ngữ thể gian được sử dụng theo ý nghĩa thần học giống như Thơ Giăng Thứ Nhất 2:15-17. Thể gian có nghĩa là một hệ thống xã hội con người, được tổ chức và vận hành ngoài các nguyên tắc của Đức Chúa Trời. (Xem Giăng 15:18-19; 17:14-15). Sự bắt bớ và chối từ của thể gian là một bằng chứng chúng ta thuộc về Đấng Christ. (Xem Ma-thi-ơ 5:10-16).

▣ **" vì thể gian không biết Ngài. "** ‘Ngài’ ở đây là Đức Chúa Cha, bởi vì trong Phúc Âm Giăng, Chúa Giê-su thường xuyên nói rằng thể gian không biết Cha. (Xem Giăng 8:19,55; 15:18,21; 16:3). Các đại từ ‘Ngài’ trong Thơ Giăng Thứ Nhất khó được giải thích, (xem ghi chú Thơ Giăng Thứ Nhất 2:28). Xét về ngữ cảnh, đây nói về Đức Chúa Cha, nhưng xét về thần học, được dẫn chứng bởi Thơ Giăng Thứ Nhất 3:2, đây lại nói về Đức Chúa Con. Tuy nhiên có thể Giăng sử dụng sự khó hiểu này một cách có chủ đích: bởi vì ai thấy Chúa Giê-su là thấy Đức Chúa Cha (Xem Giăng 12:45; 14:9).

3:2 " còn chúng ta sẽ như thế nào thì chưa được bày tỏ. " ở đây Giăng không thể mô tả sự kiện ngày tận thế (Xem Công vụ 1:7) hoặc chính xác thể trạng một thân thể phục sinh. (Xem 1 Cô-rin-tô 15:35-49). Điều này cũng chứng tỏ câu Thơ Giăng Thứ Nhất 2:27 không có nghĩa về sự hiểu biết trọn vẹn trong tất cả các lĩnh vực, khía cạnh. Bản thân kiến thức của Chúa Giê-su cũng bị hạn chế trong thân thể con người. (Xem Ma-thi-ơ 24:36; Mác 13:22).

▣ **" khi Ngài hiện đến, "** Thuật ngữ ‘khi’ là thể điều kiện hạng ba, không có nghĩa nghi ngờ sự Tái Lâm, nhưng chứng tỏ sự không chắc chắn về thời điểm. Mặc dầu Giăng nhấn mạnh sự cứu rỗi đã có bây giờ, ông cũng trông chờ sự ‘đến’ của Chúa lần thứ hai.

▣ **" chúng ta sẽ giống như Ngài, "** Đây liên hệ tới sự chung kết của quá trình trở nên giống Chúa Giê-su (Xem 2 Cô-rin-tô 3:18; Ê-phê-sô 4:13; Phi-líp-pi 3:21; and Cô-lô-sê 3:4). Cũng còn được gọi là sự tôn vinh. (Xem Rô-ma 8:28-30). Đây là đỉnh cao của sự cứu rỗi chúng ta. Sự chuyển đổi cánh chung này liên hệ tới sự hồi phục hình ảnh vẹn toàn của Đức Chúa Trời trong con người (Xem Sáng Thế Ký. 1:26; 5:1,3; 9:6). Mỗi thông công mật thiết với Đức Chúa Trời một lần nữa trở nên hiện thực.

▣ **" chúng ta sẽ thấy Ngài như Ngài vốn có vậy. "** Ông Gióp thiết tha được thấy Chúa. (xem Gióp 19:25-27). Chúa Giê-su phán rằng những người thánh sạch sẽ được thấy Đức Chúa Trời. (Xem Ma-thi-ơ 5:8). Thấy Ngài trong hào quang tuyệt đối có nghĩa chúng ta sẽ trở nên giống Ngài (Xem 1 Cô-rin-tô 13:12). Đây là sự tôn vinh của các Tín Đồ (Xem Rô-ma 8:29) khi Chúa Tái Lâm. ‘Sự tha thứ’, có nghĩa là sự tự do khỏi bị đoán phạt bởi tội lỗi. ‘Sự thánh hóa’ có nghĩa sự tự do khỏi quyền lực tội lỗi. Cuối cùng ‘sự tôn vinh’ có nghĩa là sự tự do khỏi sự hiện diện của tội lỗi.

3:3 " Ai có niềm hi vọng như vậy " Thuật ngữ Hy-lạp *pas* xuất hiện bảy lần trong Thơ Giăng Thứ Nhất 2:29 đến 3:10. Không có ngoại lệ, Giăng trình bày chân lý một cách trắng đen, không có hình thức trung gian: một người chỉ có thể là con cái Đức Chúa Trời, hoặc là con cái của Sa-tan (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:29; 3:3,4,6 [hai lần],9,10).

▣ **" niềm hi vọng "** Phao-lô nói về ngày Phục sinh, (Xem Công vụ 23:6; 24:15; 26:6-7; Rô-ma 8:20-25; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:19; Titus 2:13; 1 Phi-ê-rơ 1:3,21), bày tỏ sự chắc chắn của sự kiện, nhưng khó hiểu về thời điểm sẽ xảy ra.

Giăng không nói về ‘niềm hy vọng’ trong sự Tái Lâm thường xuyên như các tác giả Tân-ước khác. Đây là lần duy nhất có ‘niềm hy vọng’ trong tất cả các văn tự của Giăng. Ông nhấn mạnh sự trường tồn trong Đấng Christ ngay bây giờ. Tuy nhiên điều này không có nghĩa ông không trông chờ sự phán xét tội ác thời chung kết (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:18 và sự tôn vinh cuối cùng của Tín Đồ) and (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:1-3).

▣ **" phải giữ mình thanh sạch, như Ngài là thanh sạch. "** Đây là động từ chỉ định, chủ động thì hiện tại. Sự thanh sạch rất quan trọng. (Xem Ma-thi-ơ 5:8,48). Chúng ta phải cộng tác trong quá trình thánh hóa, (Xem

2 Cô-rin-tô 7:1; Gia-cơ 4:8, 1 Phi-ê-rơ 1:22; 2 Phi-ê-rơ 3:13,14) như Giảng 1:12 một cách tương tự, Sự 'giăng co' giữa chủ quyền của Đức Chúa Trời và sự tự do lựa chọn của con người trong chương trình cứu rỗi được thấy qua sự so sánh hai câu Ê-xê-chi-en 18:31 và 36:26-27. Đức Chúa Trời luôn khởi xướng (Xem Giảng 6:44,65), và con người phải hưởng ứng bằng sự ăn năn, đức tin ở thời điểm ban đầu cũng như trong cả quá trình liên tục với ăn năn, đức tin, sự vâng phục, sự phục vụ, sự thờ phượng và sự bền đỗ.

Đây có thể là điều gợi ý về lời cầu nguyện của Chúa Giê-su với tư cách Thầy Tế Lễ Tối Cao trong Giảng 17, đặc biệt trong Thơ Giảng Thứ Nhất 3:17,19. Chúa biệt thánh Ngài, Môn Đồ Ngài cũng tự thánh hóa. Điều ngạc nhiên trong sự quan sát là những dạng khác nhau của cùng một gốc từ được sử dụng

1. Giảng 17:17,19 -- *hagiazō* (*hagios*, Xem Giảng 10:36)
2. Thơ Giảng Thứ Nhất 3:3 -- *hagnizō* (*hagnos*, Xem Giảng 11:55)

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 3:4-10

- A. Phân đoạn này là trung tâm của sự bàn cãi đối nghịch giữa quan điểm Tín Đồ Toàn Hào (không còn phạm tội) (Xem Rô-ma 6), và Tín Đồ Phạm Tội (tiếp tục trong đời thường) (Xem Rô-ma 7).
- B. Chúng ta không được phép để các định kiến thần học ảnh hưởng đến việc giải phân đoạn, cũng không được phép để các phân đoạn khác gây ảnh hưởng đến phân đoạn này cho đến khi việc nghiên cứu phân đoạn này một cách độc lập được kết thúc và chúng ta biết chắc chắn những gì Giảng muốn nói trong chương ba, và trong cả cuốn sách Thơ Giảng Thứ Nhất!
- C. Phân đoạn này nói về nguyện vọng mà mọi Tín Đồ khao khát: Sự "thoát khỏi tội lỗi", cũng giống như Rô-ma chương 6. Qua quyền năng của Chúa Giê-su, một nếp sống không vấp phạm là điều có thể đạt được.
- D. Phân đoạn này phải phù hợp với ngữ cảnh của cả Thơ Giảng Thứ Nhất.
 1. Thật điên rồ khi giải nghĩa phân đoạn này mà không quan tâm đến câu Thơ Giảng Thứ Nhất 1:8-2:2 (Tín Đồ vẫn còn phạm tội)).
 2. Thật ngu xuẩn khi giải nghĩa phân đoạn này theo cách phá hủy sự đảm bảo cứu rỗi, - tức là chủ đề chính của Thơ Giảng Thứ Nhất phản biện điều sai trái của các giáo sư giả
 3. Phân đoạn này phải liên hệ tới những tuyên bố về sự vô nhiễm tội lỗi, hoặc xem nhẹ tội lỗi của các giáo sư giả. Có thể câu Thơ Giảng Thứ Nhất 1:8-2:2 giải quyết một nhóm cực đoan trong khi câu 3:1-10 giải quyết một nhóm khác trong vòng các giáo sư giả. Hãy nhớ rằng việc giải nghĩa Tân-ước giống như nghe một nửa cuộc nói chuyện trên điện thoại.
- E. Có một nghịch lý trong liên hệ giữa hai phân đoạn trên. Phạm tội là nan đề được nhắc đi nhắc lại trong cả Tân-ước, (Rô-ma 7). Nghịch lý giữa việc Cơ Đốc Toàn Hào và Tín Đồ Phạm Tội cũng gây căng thẳng không kém các nghịch lý giữa thuyết tiên định dựa theo chủ quyền của Chúa và thuyết tự do lựa chọn của con người; hay nghịch lý giữa sự Bền Đỗ và sự Đảm Bảo Cứu Rỗi. Các nghịch lý cung cấp sự quân bình thần học và chống lại chủ nghĩa cực đoan trong các trường phái. Các giáo sư giả đều có mặt trong cả hai cực điểm của lĩnh vực tội lỗi.
- F. Cả cuộc tranh luận thần học này dựa trên sự hiểu lầm những khác biệt giữa
 1. vị trí chúng ta trong Đấng Christ
 2. sự cố gắng của chúng ta làm tròn vị trí ấy một cách trải nghiệm trong cuộc sống hàng ngày.
 3. lời hứa rằng sự chiến thắng sẽ thuộc về chúng ta trong một ngày tương lai.Chúng ta được tự do khỏi sự phán xét tội lỗi (được tha thứ trong Đấng Christ) nhưng vẫn còn phải tranh đấu với quyền lực tội lỗi (thánh hóa tiệm tiến / thánh hóa từng bước) và một ngày kia chúng ta sẽ được giải phóng khỏi vòng ảnh hưởng của tội lỗi (được tôn vinh). Cả Giảng thơ thứ nhất nhấn mạnh về sự xung đột và cố gắng vương đến sự thánh khiết.
- G. Một trong những điều cần xét thêm là cách hành văn Nhị Nguyên Luận của Giảng. Giảng viết theo lối đối nghịch trắng – đen, (cũng tương tự như văn chương Cuộn Biển Chết). Đối với ông, những ai ở trong Đấng Christ là được xưng công chính, còn người ở trong Sa-tan còn ở trong tội lỗi. Không có nhóm người thứ ba trung gian ngoài hai nhóm trên. Đây dường như là lời kêu gọi tinh thức đối với những Tín Đồ "vòng ngoài, theo đạo giòng, bán thời gian, đi nhà thờ trong tang lễ và Lễ Phục sinh" mà thôi !

H. Có một số nguồn trợ giúp nan đề trong chương này qua các tài liệu sau đây:

1. bảy cách giải nghĩa truyền thống của chương này, xin xem "The Epistles of Giăng" in *The Tyndale New Testament Commentaries* by Giăng R. W. Stott, published by Eerdmans (pp. 130-136).
2. Để hiểu quan điểm Tín Đồ Toàn Hào, xin đọc *Christian Theology*, Vol. II, p. 440ff by H. Orlon Willie, published by Beacon Hill Press.
3. Để hiểu quan điểm Tín Đồ Phạm Tội trong cuộc sống, xin đọc "Perfectionism" by B. B. Warfield published by The Presbyterian and Reformed Published Company.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thư Giăng Thứ Nhất 3:4-10

⁴Còn ai phạm tội là hành động trái luật pháp; vì tội lỗi là trái luật pháp. ⁵Nhưng anh em biết rằng Ngài đã hiện ra để cất tội lỗi đi; trong Ngài không có tội lỗi nào cả. ⁶Ai ở trong Ngài thì không phạm tội; còn ai phạm tội thì không hề thấy hoặc biết Ngài.

⁷Hỡi các con bé nhỏ, đừng để ai lừa dối các con. Ai làm điều công chính là người công chính, như chính Ngài là Đấng công chính. ⁸Ai phạm tội thì thuộc về ma quỷ; vì ma quỷ đã phạm tội từ lúc ban đầu. Sở dĩ Con Đức Chúa Trời đã hiện ra là để hủy phá công việc của ma quỷ. ⁹Ai do Đức Chúa Trời sinh ra thì không phạm tội, vì hạt giống của Đức Chúa Trời ở trong người ấy; người ấy không thể cứ phạm tội, vì đã được Đức Chúa Trời sinh ra. ¹⁰Điều này cho biết ai là con cái Đức Chúa Trời, và ai là con cái ma quỷ: Ai không làm điều công chính thì không thuộc về Đức Chúa Trời, ai không yêu thương anh em mình cũng vậy.

3:4

NASB "Tất cả những ai thực hành tội lỗi đều thực hành sự bất tuân luật pháp"

NKJV "Ai cứ phạm tội cứ thực hành sự bất tuân luật pháp"

NRSV "Tất cả những ai cứ phạm tội đều bị cáo trách bởi sự bất tuân luật pháp"

TEV "Ai cứ phạm tội là vi phạm luật của Đức Chúa Trời"

NJB "Ai cứ phạm tội, cứ hành động một cách gian ác"

Đại từ ‘ai’ nổi bật trong câu, theo ngữ cảnh thấy từ câu 3:6, chữ ‘ai’ bao gồm tất cả nhân loại. ‘Phạm tội’, ‘thực hành tội lỗi’ –đông tính từ chủ động thì hiện tại và động từ chỉ định chủ động thì hiện tại. Thì hiện tại nhấn mạnh hành động theo thói quen, liên tục, chiều theo nếp sống. Điều này trái ngược với dạng ngữ pháp dùng động từ quá khứ chủ động lỗi bản thái trong Thư Giăng Thứ Nhất 2:1-2. Tuy nhiên các nan đề thần học không thể giải quyết bằng sự cân nhắc các thì của động từ. (so sánh Thư Giăng Thứ Nhất 1:7-10 với 3:6-9), Các nan đề được giải quyết bằng bối cảnh lịch sử của hai nhóm Tri Huệ Giáo và ngữ cảnh của cả cuốn sách.

Một trong các thuật ngữ đặc biệt được dùng ở đây là sự ‘bất tuân luật pháp’, (coi thường luân lý). Nó không chỉ nói đến hành động vi phạm luật pháp (luật Mô-sê, hay lác điều luật xã hội) nhưng nói về thái độ nổi loạn, chống nghịch. Cũng trong ý nghĩa này là danh hiệu Kẻ Chống Đấng Christ trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3,7. (bản dịch Việt Ngữ: Kẻ Đại Ác, Con Người Tội Ác, Kẻ Gian Ác) Đây có thể là định nghĩa trọn vẹn hơn về tội lỗi (Xem Giăng 9:41; Rô-ma 14:23; Gia-cơ 4:17; Thư Giăng Thứ Nhất 5:17), - đối nghịch với sự giống-Đấng-Christ. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 3:5), Tội ác không phải chỉ vi phạm điều luật hay tiêu chuẩn, nó bắt đầu trong tư tưởng.

3:5 " Ngài đã hiện ra " ‘Đã hiện’ - động từ chỉ định, chủ động thì quá khứ, nó về sự kiện Chúa Giê-su nhập thể. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 3:8; 2 Ti-mô-thê 1:10). Cũng động từ này, *phaneroō*, được sử dụng hai lần Thư Giăng Thứ Nhất 3:2 nói về Chúa Tái Lâm. Ngài đã đến với tư cách Đấng Cứu Rỗi. Ngài sẽ quay lại với tư cách Đấng Phán Xét. Trong cuốn giải kinh *The Letters of Giăng*, Ông Bill Hendrics, một trong các giáo sư kính mến của tôi, nói rằng :

"Hai trong những tuyên bố sâu nhiệm nhất về mục đích đến của Chúa Giê-su, được thấy trong câu 5 và 8, Ngài được Đức Chúa Trời sai đến để cất đi tội lỗi (3:5), và để phơi bày, phá hủy công việc của Ma quỷ. Ở nơi khác, Lu-ca cho biết Ngài đến để tìm con chiên lạc mất (Lu-ca 19:10). Phúc Âm Giăng tuyên bố Chúa đến để các con chiên có cuộc sống sung mãn. (Giăng 10:10). Ma-thi-ơ giải thích mục đích Chúa đến qua ý nghĩa tên của Chúa: Ngài sẽ cứu dân ngài khỏi tội lỗi.(Ma-thi-ơ 1:21). Điều cơ bản là Chúa đến để làm những gì mà con người không thể làm được. " (trang . 79-80).

▣ "**cát tội lỗi đi**". 'Cát đi' - lối bàn thái quá khứ. Nói về một hành động tùy thuộc vào sự hưởng ứng của con người (ăn năn và tin cậy). Bối cảnh của lời tuyên bố này có thể liên hệ tới hai nguồn.

1. Đại Lễ Chuộc Tội (Xem Lê-vi Kýiticus 16) trong đó hai con dê đem đi tội lỗi của dân I-sơ-ra-en một cách biểu tượng. (Xem Giảng Báp-tít nói trong Giảng 1:29)
2. Sự liên hệ đến những gì Chúa Giê-su đã thực hiện trên cây thập tự. (Xem Ê-sai 53:11-12; Giảng 1:29; Hê-bơ-rơ 9:28; 1 Phi-ê-rơ 2:24)

▣ "**trong Ngài không có tội lỗi nào cả**" 'không có' - động từ chỉ định chủ động thì hiện tại. Chúa Giê-su Christ có bản ngã vô tội (Xem Giảng 8:46; 2 Cô-rin-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; 1 Phi-ê-rơ 1:19; 2:22) là cơ sở cho sự thay thế, chuộc tội cho chúng ta. (Isaiah 53).

Xin để ý 'tội lỗi' ở đây trong số nhiều ở phần đầu và số ít ở phần cuối của câu Thơ Giảng Thứ Nhất 3:5 Phần đầu nói về hành động phạm tội, phần sau nói về bản tính công chính. Mục tiêu của Tín Đồ là trở nên công chính qua sự thánh hóa bởi-vị-trí trong Chúa Giê-su (xưng nhận đức tin, được tha thứ) và sự thánh hóa bởi-tiến-trình trở nên giống Chúa Giê-su (bền đỗ, đồng hành với Chúa). Tội lỗi là điều xa lạ đối với Đấng Christ và Tín Đồ theo Ngài.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ NÊN THÁNH

Kinh thánh Tân-ước khẳng định rằng khi tội nhân quay lại với Chúa Giê-xu bằng sự ăn năn và đức tin, thì họ lập tức được xưng công bình và được nên thánh. Đây là vị trí mới của họ trong Đấng Christ. Sự công bình của Ngài đã được ban cho họ (Rô-ma 4). Họ được tuyên bố là công bình và thánh sạch (hành động theo luật pháp của Đức Chúa Trời).

Nhưng Tân-ước cũng khuyến khích các tín nhân phải sống thánh khiết hay là phải nên thánh. Theo phương diện thần học, đây là một địa vị có được qua công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu, và cũng là một sự kêu gọi trở nên giống-Đấng-Christ trong thái độ và hành động trong nếp sống hằng ngày. Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí tuy nhiên sự nên thánh là một lối sống trả giá, chịu mất mát nhiều điều.

Sự Đáp ứng ban đầu	Tiến trình trở nên giống-Đấng-Christ
Công-vụ 20:23; 26:18	Rô-ma 6:19
Rô-ma 15:16	II Cô-rinh-tô 7:1
I Cô-rinh-tô 1:2-3; 6:11	I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3-4,7; 5:23
II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13	I Ti-mô-thê 2:15
Hê-bơ-rơ 2:11; 10:10,14; 13:12	II Ti-mô-thê 2:21
I Phi-e-rơ 1:1	Hê-bơ-rơ 12:14
	I Phi-e-rơ 1:15-16

3:6 " Ai ở trong Ngài thì không phạm tội; " Giống Thơ Giảng Thứ Nhất 3:4, đây là động tính từ và động từ chỉ định, chủ động thì hiện tại. Phân đoạn này tương phản với các câu 1:8-2:2 and 5:16.

▣ "**còn ai phạm tội thì không hề thấy hoặc biết Ngài.** " câu này có một động tính từ chủ động thì hiện tại, được tiếp theo bởi hai động từ chủ động thì hoàn thành. Người phạm tội một cách liên tục và trắng trợn chứng tỏ mình là người không biết Chúa. Khi gây tội lỗi Tín Đồ

1. cản trở sứ mạng của Đấng Christ
2. cản trở mục tiêu trở nên giống- Đấng-Christ
3. bày tỏ cội nguồn thuộc linh của một cá nhân, thuộc về Chúa hay thuộc về Sa-tan (Xem Giảng 8:44)

3:7 " đừng để ai lừa dối các con. " mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại với tiểu từ phủ nhận, thường có nghĩa dừng lại một hành động đã bắt đầu. Sự có mặt của giáo sư giả (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:26) đặt bối cảnh lịch sử cho việc hiểu Thơ Giảng Thứ Nhất, và đặc biệt các phân đoạn 1:7-10 and 3:4-10

▣ "**Ai làm điều công chính là người công chính,** " Câu này không thể bị tách rời khỏi ngữ cảnh chung để chứng minh hay phản biện tín lý 'làm điều công chính' Cả Tân-ước nói rõ con người không thể đến với Đức Chúa Trời thánh khiết bằng công đức cá nhân. Con người không thể tự cứu mình bằng sự cố gắng bản thân. Tuy nhiên con người phải đáp ứng Đức Chúa Trời và kết thúc công việc của Đấng Christ. Sự cố gắng bản thân

không đem chúng ta đến Đức Chúa Trời, nó chỉ chứng minh rằng chúng ta đã gặp Đức Chúa Trời mà thôi. Nó bày tỏ thực tại bản thân của chúng ta (Xem Khải Huyền 22:11) và sự trưởng thành sau khi được cứu. Chúng ta không được cứu bởi công việc, nhưng được cứu để phục vụ. Mục tiêu của món quà của Đức Chúa Trời là chúng ta trở nên giống-Đấng-Christ (Xem Ê-phê-sô 2:8-9,10). Ý chỉ tối hậu của Đức Chúa Trời không phải là Thiên Đàng khi chúng ta chết, (forensic justification), nhưng sự giống-Đấng-Christ bây giờ (temporal sanctification)(Xem Ma-thi-ơ 5:48; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19)! Để nghiên cứu thêm xem chủ Đề Đặc Biệt: Sự Công Chính ở câu 2:29.

3:8 " Ai phạm tội thì thuộc về ma quỷ " 'Phạm tội' - động tính từ chủ động thì hiện tại. Con cái của Đức Chúa Trời được biết về nếp sống công chính, cũng vậy con cái của ma quỷ qua việc phạm tội (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:10; Ma-thi-ơ 7:13; Ê-phê-sô 2:1-3).

▣ **vì ma quỷ đã phạm tội từ lúc ban đầu.** " 'phạm tội' - động từ chỉ định, chủ động thì hiện tại. Ma quỷ không ngừng phạm tội.(Xem Giảng 8:44). Phải chăng đây đang nói về thời điểm tạo hóa hay sự nổi loạn của Thiên sứ?

Về mặt thần học, khó có thể biết được Sa-tan nổi loạn chống Đức Chúa Trời ở thời điểm nào. Gióp 1-2; Xa-cha-ri 3 and 1 Các Vua 22:19-23 dường mô tả Sa-tan là đầy tớ của Đức Chúa Trời và là một trong những thành viên của hội đồng thiên sứ. Có thể (nhưng không chắc chắn) rằng Kinh Thánh sử dụng hình ảnh các vua phương đông như vua Ba-by-lon, hoặc Ti-rơ để mô tả sự kiêu căng, ngạo mạn, và dã tâm của Sa-tan (như một trong những Chê-ru-bim) (xem Ê-sai 14:13-14 hay, Ê-xê-chi-en 28:12-16), Ê-xê-chi-en 28:14,16). Tuy nhiên, trong Lu-ca 10:18 Chúa Giê-su thấy Sa-tan rơi từ trên trời xuống như sao sa, không biết ở thời điểm nào. Sự khởi đầu và phát triển sự ác phải được coi là bí hiểm, chúng ta không thể hệ thống hóa hoặc xây dựng giáo điều độc đoán từ những câu Kinh thánh tản mạn khó hiểu, mang tính ẩn dụ. Bạn có thể tham khảo thêm luận án về sự biến đổi của Sa-tan, từ địa vị tôi tớ thành địa vị kẻ thù, trong cuốn *Old Testament Theology*, của A. B. Davidson do nhà xuất bản T & T Clark, trang. 300-306. Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự ác cá nhân**.

▣ **" Con Đức Chúa Trời "**

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON ĐỨC CHÚA TRỜI

Đây là một trong những danh hiệu chính của Đức Chúa Giê-xu trong Tân-ước. Nó chắc chắn mang ý nghĩa thiêng liêng. Nó bao hàm ý nghĩa Đức Chúa Giê-xu là "Con" hay "Con Ta" và Đức Chúa Trời là Cha. Từ này xuất hiện 124 lần trong Tân-ước. Ngay cả danh hiệu tự xưng của Đức Chúa Giê-xu "Con Người" cũng có ý nghĩa linh thiêng rút ra từ Đa-ni-ên 7:13-14.

Trong Cựu-ước, từ "con trai" có thể chỉ ba nhóm khác nhau:

1. Thiên sứ (thường dùng SỐ NHIỀU, xem Sáng-thế Ký 6:2; Gióp 1:6; 2:1)
2. Vua của Y-sơ-ra-ên (xem II Sa-mu-ên 7:14; Thi-thiên 2:7; 89:26-27)
3. Cả quốc gia Do Thái (xem Xuất 4:22-23; Phục-truyền 14:1; Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 2:10)
4. Các quan xét của Y-sơ-ra-ên (Thi 82:6)

Ý nghĩa thứ hai trong nhóm này liên hệ đến Chúa Giê-xu. Như vậy "con Đa-vít" và "con Đức Chúa Trời" đều liên hệ đến II Sam. 7; Thi 2 và 89. Trong Cựu-ước từ ngữ "con Đức Chúa Trời" không bao giờ được chỉ cụ thể đến Đấng Mết-si-a, trừ trường hợp vị vua trong thời cuối cùng (eschatological king) chức vụ được xức dầu của Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, trong Cuộn Biển Chết danh hiệu chỉ đến Đấng Mết-si-a là rất thông thường (xem cuốn *Dictionary of Jesus and the Gospels*, trang 770). Từ "Con Đức Chúa Trời" cũng là một danh hiệu của Đấng Mết-si-a trong các tập sách ngụ ngôn của người Do thái (xem II Esdras 7:28; 13:32,37,52; 14:9 và I Hê-nóc 105:2).

Nền tảng Tân-ước của danh hiệu này khi chỉ đến Chúa Giê-xu được tóm tắt lại theo các mục sau:

1. Sự hiện hữu từ trước của Ngài (Giăng 1:1-18)
2. Sự sanh ra đặc biệt bởi nữ đồng trinh (Ma-thi-ơ 1:23; Lu-ca 1:31-35)
3. Báp-têm (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11; Lu-ca 3:22. Tiếng phán của Đức Chúa Trời từ trời đã kết hợp danh hiệu vua trong Thi thiên 2 với danh hiệu đầy tớ chịu khổ nạn trong Ê-sai 53).
4. Chịu ma quỷ cám dỗ (Ma-thi-ơ 4:1-11; Mác 1:12,13; Lu-ca 4:1-13. Ngài bị cám dỗ để sanh nghi ngờ về địa vị làm con của Ngài hay ít ra hoàn thành mục đích bằng một con đường khác hơn là thập tự giá).
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi những kẻ tuyên xưng không được chấp nhận
 - a. Ma quỷ (Mác 1 :23-25 ; Lu-ca 4 :31-37 ; Mác 3 :11-12)
 - b. Những kẻ không tin Chúa (Ma-thi-ơ 27 :43 ; Mác 14 :61 ; Giăng 19 :7)
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi các môn đồ

- a. Ma-thi-ơ 14 :33 ; 16 :16
- b. Giăng 1 :34, 49 ; 6 :69 ; 11 :27
- 6. Sự tự xác nhận của Ngài :
 - a. Ma-thi-ơ 11 :25-27
 - b. Giăng 10 :36
- 7. Cách dùng hình ảnh quen thuộc của Chúa Giê-xu chỉ Đức Chúa Trời là Cha
 - a. Chúa dùng chữ ‘*abba*’ để chỉ Đức Chúa Trời
 - 1) Mác 14 :36
 - 2) Rô-ma 8 :15
 - 3) Ga-la-ti 4 :6
 - b. Chúa thường dùng chữ Cha (*pater*) để diễn tả mối liên hệ với Đấng Thần linh

Tóm lại, danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” có ý nghĩa thần học lớn lao đối với những người am tường Cựu-ước, các lời hứa và các cách chỉ định, nhưng những người viết Tân-ước có phần lúng túng về cách dùng của nó đối với người ngoại bởi vì theo cách hiểu thông thường của họ ‘các thần’ lấy phụ nữ rồi sanh con cháu là những ‘người tài giỏi’ hay ‘người khổng lồ.’

▣ " **hiện ra là** " Thuật ngữ Hy-lạp *phaneroō*, có nghĩa là ‘đem ra ánh sáng để được thấy rõ ràng’. Thơ Giăng Thứ Nhất 3:5 và 8 đều tương đồng và đều sử dụng thể thụ động, có nghĩa rằng Đấng Christ thực sự được bày tỏ ra qua sự Nhập Thể, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:2). Nan đề của các giáo sư không phải là họ không hiểu Phúc Âm, nhưng họ có ý đồ riêng trong hệ thống thần học và triết học của họ.

▣ **để hủy phá công việc của ma quỷ.** " Mục đích của sự hiện ra của Chúa Giê-su trong thời gian và thể xác, là để phá hủy công việc của ma quỷ. ‘Phá hủy’ – (*luō*), động từ lối bàn thái, chủ động, thì quá khứ. Có nghĩa là ‘nói lòng, cõi trời, đập bỏ’. Chúa Giê-su hoàn tất công việc trên Thập tự Giá, (Xem Rô-ma 3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:8), nhưng con người phải đáp ứng bằng đức tin, sự ăn năn, (Xem Giăng 1:12; 3:16).

Sự giảng co "đã có và sẽ đến" trong Tân-ước cũng liên hệ tới Sa-tan đã bị thất bại, nhưng vẫn còn tích cực trong thế gian cho đến ngày hoàn tất Nước Trời.

3:9 " Ai do Đức Chúa Trời sinh ra " Tính động từ thụ động thì hoàn thành: ‘được sinh ra’ (tham khảo câu tương đồng Thơ Giăng Thứ Nhất 3:9c; 2:29; and 5:18) nói về tình trạng ổn định bởi tác nhân bên ngoài (Đức Chúa Trời)

▣ " **thì không phạm tội,** " Động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại, phản diện với câu Thơ Giăng Thứ Nhất 2:1, mà trong đó lối bàn thái, chủ động, chỉ định được sử dụng hai lần.

1. Tri Huệ Giáo hạ thấp sự cứu rỗi tới mức độ cứu rỗi chỉ về phần tri thức mà thôi, bỏ qua nếp sống đức hạnh.
2. Thì hiện tại nói về một nếp sống liên tục, theo thói quen, đầy tội lỗi, (Xem Rô-ma 6:1) không phải là những lần lầm lỡ phạm tội (Xem Rô-ma 6:15)

Sự nổi bật về mặt thần học được miêu tả trong Rô-ma 6 (tiềm năng vô nhiễm tội trong Đấng Christ) và Rô-ma 7 (cuộc tranh chiến với tội lỗi, trong đó Tín Đồ vẫn phạm tội, nhưng ít hơn).

Sự lựa chọn số 1 mang tính chất lịch sử có vẻ thích hợp, mặc dầu ngày nay chúng ta vẫn cần áp dụng chân lý mà sự lựa chọn thứ hai nói tới. Có một tài liệu tranh luận tốt về chủ đề này trong sách *Hard Sayings of the Bible* của các tác giả Walter Kaiser, Phi-ê-rơ Davids, F. F. Bruce, and Manfred Brauch, trang. 736-739.

▣ " **vì hạt giống của Đức Chúa Trời ở trong người ấy** " ‘Ở trong’ - động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại. Có một số giả thiết về ‘hạt giống’ có nghĩa như thế nào trong ngữ pháp Hy-lạp:

1. Augustine và Luther nói đây là Lời Chúa (Xem Lu-ca 8:11; Giăng 5:38; Gia-cơ 1:18; 1 Phi-ê-rơ 1:23)
2. Calvin nói đây là Đức Thánh Linh (Xem Giăng 3:5,6,8; Thơ Giăng Thứ Nhất 3:24; 4:4,13)
3. Những người khác nói đây ám chỉ bản ngã Thần Linh, hoặc Cá Nhân Mới. (Xem 2 Phi-ê-rơ 1:4; Ê-phê-sô 4:24)
4. Cũng có thể gợi ý Chúa Giê-su là hạt giống của Áp-ra-ham (Xem Lu-ca 1:55; Giăng 8:33,37; Ga-la-ti 3:16)
5. Có người nói ‘hạt giống tương đồng với sự ‘sinh thành bởi Đức Chúa Trời)
6. Rõ ràng Tri Huệ Giáo sử dụng thuật ngữ này để nói về tia chớp thần linh trong tất cả phạm nhân.

Khả năng thứ tư về Chúa Giê-su có lẽ là sự chọn lựa tốt nhất dựa theo ngữ cảnh. Nhưng việc Giăng có thể sử dụng khái niệm của Tri Huệ Giáo sơ khởi, để phản biện họ, do đó lựa chọn thứ 6 cũng có phần hấp dẫn. .

3:10 Đây là câu tóm tắt của phân đoạn Thơ Giảng Thứ Nhất 3:4-9. Nó chứa đựng hai động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại và hai động tính từ chủ động, chỉ định, thì hiện tại. Tất cả đều nói về một hành động đang xảy ra. Về khía cạnh thần học, câu này tương đương với bài Giảng Trên Núi của Chúa Giê-su (Xem Ma-thi-ơ 7:16-20). Bằng chứng nếp sống bày tỏ nội tâm một con người, tức thực trạng thuộc linh của cá nhân đó.

Đây là điều đối trọng của câu Thơ Giảng Thứ Nhất 2:29!

▣ " Điều này cho biết ai là **con cái Đức Chúa Trời**, và ai là **con cái ma quỷ**:

" cấu trúc cụm từ cho thấy nguồn gốc Do-thái của tác giả Giảng, sử dụng cách nói Hê-bơ-rơ, một ngôn ngữ cổ, như 'con của...' để mô tả một cá nhân, .

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giảng Thứ Nhất 3:11-12

¹¹Sứ điệp mà các con đã nghe từ lúc ban đầu, đó là: Chúng ta phải yêu thương nhau. ¹²Đừng như Ca-in là người thuộc về ma quỷ và đã giết em mình. Tại sao Ca-in giết em? Vì những việc làm của ông ấy là xấu xa, còn những việc của em ông là công chính

3:11 "¹Sứ điệp " Thuật ngữ Hy-lạp là (*aggelia*, đọc là angelia) chỉ được sử dụng ở Thơ Giảng Thứ Nhất 1:5 và 3:11. Câu đầu mang tính chất tín lý còn câu sau mang tính chất đạo đức, là sự quân bình giữa hai khía cạnh của Cơ-độc Giáo mà Giảng nhấn mạnh. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:8,10; 2:20,24; 3:14).

▣ "**các con đã nghe từ lúc ban đầu,**" câu này là phương tiện Giảng trình bày Chúa Giê-su là Lời hằng sống của Đức Chúa Trời, (Xem Giảng 1:1) cũng là sự mặc khải của Lời Đức Chúa Trời (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:1; 2:7,13,14,24; Thơ Giảng Thứ Hai 5,6

▣ "**Chúng ta phải yêu thương nhau.** " Đây là bằng chứng để một người có thể biết mình được cứu. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:10,14). Câu này phản chiếu lời Chúa Giê-su trong Phúc Âm Giảng (Xem Giảng 13:34-35; 15:12,17; Thơ Giảng Thứ Nhất 3:23; 4:7-8,11-12,19-21).

3:12 "Cain" Câu chuyện về Ca-ên được ghi lại trong Sáng Thế Ký 4, đặc biệt câu 4:4, (Xem Hê-bơ-rơ 11:4), nói về sự khác biệt giữa hai món quà tế lễ mà A-bên và Ca-ên dâng cho Chúa. Hành động của Ca-ên bày tỏ ảnh hưởng của tội lỗi trên con người (Xem Sáng Thế Ký. 4:7; 6:5,11-12,13b). Truyền thông của cả Do-thái giáo và Cơ-độc giáo đều coi Ca-ên là ví dụ của sự nổi loạn xấu xa.

▣ "**là người thuộc về ma quỷ** " Trong nguyên bản, 'ma quỷ' được dịch từ 'kẻ ác', hay 'sự ác'. Theo cấu trúc ngữ pháp kẻ ác, kẻ dữ là giống đực số ít (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:10) hoặc sự ác, sự dữ là giống trung số ít. Sự khó hiểu về ngữ pháp cũng được quan sát ở câu Ma-thi-ơ 5:37; 6:13; 13:19,38; Giảng 17:15; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; Thơ Giảng Thứ Nhất 2:13,14; 3:12; and 5:18-19. Trong một vài trường hợp, ngữ cảnh ám chỉ Satan. (Xem Ma-thi-ơ 5:37; 13:38; Giảng 17:15).

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giảng Thứ Nhất 3:13-22

¹³Thưa anh em, nếu thế gian ghét anh em thì đừng ngạc nhiên. ¹⁴Chúng ta biết rằng mình đã vượt khỏi sự chết mà đến sự sống, vì chúng ta yêu thương anh em. Ai không yêu thương thì ở trong sự chết. ¹⁵Ai ghét anh em mình là kẻ giết người, và anh em biết rằng không một kẻ giết người nào có sự sống đời đời ở trong nó. ¹⁶Bởi điều này, chúng ta biết được tình yêu thương: Ấy là Ngài đã hi sinh mạng sống vì chúng ta. Vậy, chúng ta cũng phải hi sinh mạng sống vì anh em mình. ¹⁷Nếu ai có của cải đời này, thấy anh em mình đang túng thiếu mà chẳng động lòng thương thì làm thế nào tình yêu thương của Đức Chúa Trời ở trong người ấy được? ¹⁸Hỡi các con bé nhỏ, chớ yêu thương bằng lời nói và miệng lưỡi, mà phải yêu bằng việc làm và sự chân thật. ¹⁹Bởi điều này, chúng ta biết mình thuộc về chân lý, và được an tâm trước mặt Ngài ²⁰mỗi khi lòng chúng ta lên án chúng ta. Vì Đức Chúa Trời còn vĩ đại hơn lòng chúng ta, và Ngài biết hết mọi sự. ²¹Thưa anh em yêu dấu, nếu lòng của chúng ta không lên án chúng ta thì chúng ta được vững tâm đến với Đức Chúa Trời; ²²và bất cứ điều gì chúng ta xin đều nhận được, vì chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài và làm điều đẹp lòng Ngài.

3:13 "dừng ngay nhiên." Mệnh lệnh thức, chủ động thì hiện tại, có nghĩa chấm dứt một hành động đang xảy ra - ngay nhiên, (Xem 1 Phi-ê-rơ 4:12-16). Thế gian này không phải là một thế gian công bình mà Đức Chúa Trời tạo dựng.

▣ **" Nếu "** thể điều kiện hạng ba, đúng với sự thực trong quan điểm tác giả, hoặc dụng ý văn chương.

▣ **"thế gian ghét anh em "** Đã ghét Chúa Giê-su, thế gian cũng ghét người theo Chúa Điều này khá phổ biến trong Tân-ước và cũng là bằng chứng chúng ta được cứu. (Xem Giăng 15:18; 17:14; Ma-thi-ơ 5:10-11; 2 Ti-mô-thê 3:12) .

3:14 "Chúng ta biết rằng " ‘biết’ - động từ hoàn thành chỉ định chủ động. (*oida* có dạng hoàn thành nhưng mang ý nghĩa hiện tại) Đây cũng là chủ đề quen thuộc: con cái Đức Chúa Trời có được sự vững tin bởi (1) sự thay đổi tâm trí và (2) sự thay đổi hành động, tức đồng nghĩa với ăn năn tội lỗi trong cả tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng hy-lạp.

▣ **"mình đã vượt khỏi sự chết mà đến sự sống, "** đây lại có động từ chỉ định chủ động, thì hoàn thành, (Xem Giăng 5:24). Bên cạnh bằng chứng là thế gian ghét chúng ta, Tín Đồ lại có thêm một bằng chứng khác rằng mình đã thoát khỏi sự chết để đến sự sống, tức là chúng ta yêu thương lẫn nhau. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Đảm bảo của Tín Đồ. ở Giăng 6:37

▣ **"vì chúng ta yêu thương anh em. "** ‘yêu thương’ động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại. Tình yêu là đặc tính gia đình của Đức Chúa Trời, (Xem Giăng 13:34-35; 15:12,17; Thơ Giăng Thứ Hai 5; 1 Cô-rin-tô 13; Ga-la-ti 5:22) bởi đó là đặc tính của bản thân Đức Chúa Trời như vậy. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:7-21). Tình yêu không là điều căn bản (như đức tin) trong mỗi liên hệ, nhưng là hậu quả của mỗi liên hệ với Đức Chúa Trời, cũng vậy, là bằng chứng của sự cứu rỗi. .

▣ **" Ai không yêu thương thì ở trong sự chết. "** Ở đây có tính động từ thì hoàn thành được sử dụng như chủ ngữ, với động từ chỉ định chủ động thì hiện tại. Tín Đồ trường tồn trong tình yêu, người không tin trường tồn trong thù ghét. Thù ghét, giống như tình yêu, cũng là bằng chứng về thực tại thuộc linh của một cá nhân. Xin nhớ cách trình bày nhị nguyên luận ‘trắng – đen’ của Giăng, Hoặc trường tồn trong tình yêu, hoặc trường tồn trong thù ghét, không có vị trí trung gian giữa hai nhóm.

3:15 "Ai " Giăng dùng thuật ngữ này (*pas*) đến 8 lần kể từ câu 2:29. Điều quan trọng Giăng muốn nói đến là chỉ có hai nhóm người: nhóm yêu thương và nhóm thù ghét. Ông quan sát nếp sống qua một cách trắng đen không có màu sắc trung gian.

▣ **"ghét anh em mình là kẻ giết người, "** Động tính từ chủ động thì hiện tại một tả về thói quen, một nét sống thù ghét. Tội lỗi bắt đầu trong trí óc và sau đó thể hiện ra hành động Trong Bài giảng Trên Núi, Chúa Giê-su dạy thù ghét tương đương với giết người, và ham muốn tương đương với tà dâm. (Xem Ma-thi-ơ 5:21-22).

▣ **"anh em biết rằng không một kẻ giết người nào có sự sống đời đời ở trong nó"** Đây không có nghĩa kẻ giết người không thể trở nên Tín Đồ. Tội lỗi có thể được tha thứ, nhưng nếp sống bày tỏ nội tâm. Nghĩa chính của câu nói này là ai thù ghét thành thói quen không thể là Tín Đồ. Tình yêu hay hận thù đều mang tính độc tôn. Thù ghét cướp đi sự sống, tình yêu đem lại sự sống. .

3:16 " chúng ta biết được " động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành. Giăng dùng thuật ngữ *ginōskō* ở đây, nhưng *oida* trong Thơ Giăng Thứ Nhất 3:15 cả hai đều có ý nghĩa tương đồng trong Giăng

▣ **"Bởi điều này... tình yêu thương : "** Chúa Giê-su trình bày thế nào là tình yêu tối hậu, các Tín Đồ cần phải bắt chước Ngài (Xem 2 Cô-rin-tô 5:14-15).

▣ **"Áy là Ngài đã hi sinh mạng sống vì chúng ta."** 'hy sinh' - động từ thì quá khứ, sử dụng ngay câu phán của Chúa Giê-su, xem Giăng 10:11,15,17,18; 15:13).

▣ **"chúng ta cũng phải"** Các Tín Đồ cũng phải học theo tấm gương của Ngài (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:6; 4:11).

▣ **"hi sinh mạng sống vì anh em mình."** Đấng Christ là tấm gương, như Chúa đã đặt mạng sống mình vì người khác, chúng ta cũng phải đặt mình xuống cho anh em Tín Hữu nếu cần. Đứng đỉnh tính vị kỷ là

1. đổi ngược sự phạm tội trong vườn E-đen.
2. hồi phục hình ảnh của Đức Chúa Trời
3. sống vì sự tốt lành của tập thể. (Xem 2 Cô-rin-tô 5:14-15; Phi-líp-pi 2:5-11; Ga-la-ti 2:20; 1 Phi-ê-rô 2:21)

3:17 "Nếu ai có của cải đời này, thấy anh em mình đang túng thiếu" các động từ ở đây trong danh bàn thái thì hiện tại. Sự hạ mình vì anh em (xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:16) được đặt trong thực tế, giúp đỡ lẫn nhau. Câu này khá giống Gia-cơ 2:15,16).

▣ **"mà chẳng động lòng thương"** 'động lòng thương', Nghĩa đen là 'đứt ruột', một thành ngữ tiếng Hê-bơ-ơ về tình cảm. Một lần nữa hành động chúng ta bày tỏ Đức Chúa Cha

▣ **"tình yêu thương của Đức Chúa Trời"** Ai là đối tượng của sự yêu thương, hay sự yêu thương này thuộc về ai – đó là điều khó hiểu một cách có chủ ý của câu này

1. Tình yêu đối với Đức Chúa Trời?
2. Tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta?
3. cả hai chiều?

khả năng thứ ba có lẽ hợp lý trong văn tự của Giăng.!

3:18 "chớ yêu thương bằng lời nói và miệng lưỡi," hành động mạnh mẽ hơn lời nói. (Xem Ma-thi-ơ 7:24; Gia-cơ 1:22-25; 2:14-26).

▣ **"mà phải yêu bằng việc làm và sự chân thật."**

"thuật ngữ "sự thật" gây khiến sự ngạc nhiên, khi người ta trông chờ một thuật ngữ tương đồng với 'việc làm' 'Sự thật' trong câu này còn được dịch là 'sự chân thật', 'thực chất', giống như sứ điệp trong Thơ Giăng Thứ Nhất 1:5 and 3:11, nhấn mạnh cả về tín lý và nếp sống. Cả việc làm và động cơ đều được bắt đầu bởi tình yêu hy sinh của Đức Chúa Trời, chứ không phải sự khéo khoang công đức tâng bốc chữ 'tôi' của người bố thí hoặc người cung ứng.

3:19 "Bởi điều này, chúng ta biết" Nói về hành động yêu thương. Đây là thể động từ chỉ định, trung cách, thì tương lai, cũng có nghĩa thêm một bằng chứng sự cứu rỗi của một Tín Đồ.

▣ **"mình thuộc về chân lý,"** Nếp sống yêu thương của một Tín Đồ thể hiện hai điều. (1) họ đứng về phí Chân Lý và (2) lương tâm họ thanh sạch. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Chân Lý (khái niệm) trong văn tự của Giăng, ở câu Giăng 6:55

3:19-20 Có nhiều sự băn khoăn không biết nên dịch hai câu này như thế nào: thứ nhất nhấn mạnh sự phán xét của Đức Chúa Trời, thứ nhì nhấn mạnh sự thương xót. Bởi ngữ cảnh, khả năng thứ hai có vẻ hợp lý hơn.

3:20-21 Cả hai câu đều trong thể điều kiện hạng ba.

3:20

NASB "trong bất cứ điều gì mà trái tim chúng ta lên án."

NKJV "Vì nếu trái tim chúng ta lên án"

NRSV "bất cứ khi nào trái tim lên án chúng ta"

TEV "Nếu lương tâm chúng ta lên án"

NJB "ngay khi trong lòng cảm thấy sự lên án."

Mỗi Tín Đồ đều kinh nghiệm được nỗi buồn nội tâm vì không sống đúng với tiêu chuẩn Đức Chúa Trời ban cho họ (i.e., Rô-ma 7). Sự đau buồn ấy có thể đến từ Thánh Linh, (gây sự ăn năn) hoặc đến từ Sa-tan (đem là sự tự đoán phạt và vô hiệu hoá lời chứng) Có hai loại mặc cảm tội lỗi: đúng và không đúng. Các Tín Đồ sẽ biết khi đọc lời Chúa, hoặc nghe giảng lời Chúa. Ở đây Giảng an ủi các Tín Đồ đang cố gắng sống theo tiêu chuẩn yêu thương, nhưng còn tranh đấu với tội lỗi, (cố tình hay vô ý) Xin xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Tâm lòng, ở câu Giảng 12:40

▣ **"Ngài biết hết mọi sự"** Đức Chúa Trời biết động cơ của chúng ta (Xem 1 Sa-mu-en 2:3; 16:7; 1 Các Vua 8:39; 1 Các Vua 28:9; 2 Các Vua 6:30; Thi-thiên 7:9; 44:21; Pro. 15:11; 20:27; 21:2; Giê-rê-mi 11:20; 17:9-10; 20:12; Lu-ca 16:15; Công vụ 1:24; 15:8; Rô-ma 8:26,27).

3:21 "nếu lòng của chúng ta không lên án " ‘Nếu’ – đây là thể điều kiện hạng ba, Tín Đồ vẫn tranh đấu với tội lỗi và bản thân (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:1; 5:16-17). Họ vẫn phải đối diện với sự cảm dỗ và phản ứng không đúng đắn trong một số tình huống. Nhiều khi lương tâm cáo trách họ, như bài thánh ca “vào buổi tối, lúc mặt Trời lặn” của Henry có lời như sau: :

"Và không ai, thưa Ngài, được an nghỉ,
Bởi không ai hoàn toàn thoát khỏi tội lỗi,
Và những người sẵn lòng phục vụ Ngài
vẫn cảm thấy có điều ‘không phải’ trong lương tâm. ."

Sự hiểu biết Phúc Âm, mối liên hệ với Chúa Giê-su, sự phục tùng đối với sự dẫn dắt Thánh Linh, và Đức Chúa Trời toàn tại sẽ an ủi, yên lòng chúng ta. (Xem Thi-thiên 103:8-14)!

▣ **" chúng ta được vững tâm đến với Đức Chúa Trời; "** Điều này nói lên sự rộng mở và dạn dĩ tiến vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Đây là chủ đề thường thấy trong Giảng (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28; 3:21; 4:17; 5:14; Hê-bơ-rơ 3:6; 10:35, xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự đảm bảo của Tín Đồ ở câu Giảng 4:7). Câu này giới thiệu cho chúng ta thấy hai phước hạnh của sự đảm bảo.

1. Các Tín Đồ có sự tự tin tuyệt đối trước Đức Chúa Trời
2. Họ đạt được nguyện vọng từ Ngài bất cứ thứ gì họ yêu cầu.

3:22 "bất cứ điều gì chúng ta xin đều nhận được,

‘Xin’ và ‘nhận’ - động từ lối bàn thái và dạng chỉ định, chủ động thì hiện tại, phản chiếu lời Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 7:7; 18:19, Giảng 9:31; 14:13-14; 15:7,16; 16:23; Mác 11:24; Lu-ca 11:9-10. Những lời hứa này khác với những gì mà Tín Đồ trải nghiệm trong cầu nguyện. Hình như ở đây đang nói về tính vô hạn của sự ứng nghiệm cầu nguyện . Khi so sánh các phân đoạn quan trọng khác nhau chúng ta thấy được sự quân bình về thần học.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI CẦU NGUYỆN KHÔNG GIỚI HẠN NHƯNG VẪN GIỚI HẠN

A. Các sách Phúc Âm Cộng Quan

1. Những tín hữu được khuyến khích bền đỗ trong sự cầu nguyện và Đức Chúa Trời sẽ ban “những điều tốt lành” (Ma-thi-ơ 7:7-11) hay ban cho “Đức Thánh Linh” (Lu-ca 11:5-13)
2. Theo điều lệ của giáo hội, các tín hữu được khuyến phải hiệp một trong lời cầu nguyện (Ma-thi-ơ 18:19)
3. Theo nhận xét của Do Thái Giáo, những người tin đạo phải cầu xin trong đức tin không nghi ngờ (Ma-thi-ơ 21:22; Mác 11:23-24)

4. Theo câu chuyện quan án không công bình trong Lu-ca 18:1-8 và câu chuyện về người Pha-ri-si và người có tội trong Lu-ca 18:9-14, những tín hữu được khuyến khích hành động khác hơn với vị quan không có Chúa và người Pha-ri-si tự xưng công bình. Đức Chúa Trời lắng nghe người khiêm nhường và ăn năn.

B. Những tác phẩm của Giăng

1. Trong câu chuyện người mù từ khi sinh ra được Đức Chúa Giê-xu chữa lành, sự mù lòa thật sự của những người Pha-ri-si bị phơi bày. Những lời cầu nguyện của Đức Chúa Giê-xu (cũng như mọi người) được trả lời bởi vì Ngài biết Đức Chúa Trời và sống theo ý muốn của Ngài (Giăng 9:31).
2. Sự giảng dạy trên Phòng Cao trong Phúc âm Giăng (Giăng 13-17)
 - a. 14:12-14 – lời cầu nguyện với niềm tin có đặc điểm
 - 1) Từ những tín hữu
 - 2) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 3) Với mong ước tôn vinh Đức Chúa Cha
 - 4) Giữ theo những mạng lệnh (câu 15)
 - b. 15:7-10 – lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Cứ ở trong Đức Chúa Giê-xu
 - 2) Lời của Ngài ở trong họ
 - 3) Mong muốn Đức Chúa Cha được tôn cao
 - 4) Sinh kết quả
 - 5) Vâng giữ theo mạng lệnh (câu 10)
 - c. 15:15-17 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Được tuyển chọn
 - 2) Sinh kết quả
 - 3) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 4) Giữ mạng lệnh yêu người khác
 - d. 16:23-24 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu
 - 2) Mong ước sự vui mừng được trọn vẹn
3. Lá thư đầu tiên của Giăng (I Giăng)
 - a. 3:22-24 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Giữ mạng lệnh của Ngài (câu 22,24)
 - 2) Sống xứng đáng
 - 3) Tin Đức Chúa Giê-xu
 - 4) Yêu thương người khác
 - 5) Ở trong Ngài và Ngài ở trong chúng ta
 - 6) Nhận lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh
 - b. 5:14-16 - lời cầu nguyện của những tín hữu có đặc điểm
 - 1) Tin cậy nơi Đức Chúa Trời
 - 2) Theo ý muốn của Ngài
 - 3) Những tín hữu cầu thay lẫn nhau

C. Gia-cơ

1. 1:5-7 – Những tín hữu đối diện với những thử thách khác nhau được khuyến khích cầu xin sự khôn ngoan không nghi ngờ
2. 4:2-3 – Những tín hữu cần phải cầu xin với những động cơ phải lẽ
3. 5:13-18 – Những tín hữu gặp những nan đề về sức khỏe được khuyến khích
 - a. Nhờ trưởng lão cầu thay
 - b. Cầu xin trong đức tin sẽ được cứu
 - c. Cầu xin tội lỗi được tha thứ
 - d. Xưng tội với nhau và cầu nguyện cho nhau (trưng tự như I Giăng 5:16)

Điểm chính yếu của lời cầu nguyện linh nghiệm là giống như Đấng Christ. Đây chính là ý nghĩa cầu xin trong danh Đức Chúa Giê-xu. Nếu Đức Chúa Trời nhậm những lời cầu xin ích kỷ của Cơ Đốc Nhân tức là Ngài đưa đến điều tệ hại nhất cho họ! Trong một ý nghĩa nào đó, mọi lời cầu nguyện đều được nhậm. Khía cạnh quan trọng nhất của sự cầu nguyện là người tín hữu hết lòng tin cậy vào Đức Chúa Trời và dành nhiều thời giờ ở riêng với Ngài

- ▣ **"chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài và làm điều đẹp lòng Ngài."** Xin để ý tới hai điều kiện để lời cầu nguyện được linh nghiệm.
 1. vâng lời
 2. thực hành những gì đẹp lòng Đức Chúa Trời (Xem Giảng 8:29)
 Thơ Giảng Thứ Nhất là cuốn sách dạy làm thế nào để sống đạo và phục vụ.

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giảng Thứ Nhất 3:23-24

²³ Và đây là điều răn của Ngài: Chúng ta phải tin danh Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ và yêu thương nhau, như Ngài đã truyền dạy chúng ta. ²⁴ Ai vâng giữ các điều răn Ngài thì ở trong Ngài, và Ngài ở trong người ấy. Chúng ta biết Ngài đang ở trong chúng ta là nhờ Thánh Linh mà Ngài đã ban cho chúng ta.

3:23 "Và đây là điều răn của Ngài: Chúng ta phải tin danh Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ và yêu thương nhau"

" Xin để ý thuật ngữ 'điều răn' ở trong số ít, tức là 'một điều răn' với hai khía cạnh: Thứ nhất là đức tin cá nhân, với động từ 'tin' lối bàn thái, chủ động, thì quá khứ, (Xem Giảng 6:29,40), và thứ hai là 'đạo đức' với động từ 'yêu', lối bàn thái, chủ động thì hiện tại (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:11; 4:7). Phúc âm là Sứ Điệp để tin, Cá Nhân để đón tiếp, và nếp sống để thực hành.

- ▣ **"Chúng ta phải tin danh Con Ngài là Đức Chúa Jêsus"** Khái niệm 'tin' rất quan trọng trong việc hiểu đức tin theo Kinh thánh. Thuật ngữ Cựu-ước *aman* có nghĩa là 'trung tín, thành tín, đáng tin cậy, đáng dựa vào, Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Sự Trường tồn" trong văn tự của Giảng) ở câu I Giảng 2:10. Thuật ngữ Tân-ước tiếng Hy-lạp (*pisteuō*) được dịch ra là tin, đức tin và tin cậy (Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Cách Giảng sử dụng động từ 'tin' ở câu Giảng 2:23). Thuật ngữ này không đặt nặng sự thành tín của Tín Đồ đối với Chúa, như sự thành tín của Chúa đối với Tín Đồ. Nên tăng quan trọng là đặc tính, sự bày tỏ và lời hứa của Chúa, chứ không phải sự trung thành của nhân loại sa ngã, hay của Tín Đồ được cứu

Khái niệm 'tin danh', hoặc 'cầu nguyện trong danh' phản chiếu tư tưởng phương đông về danh của một cá nhân chính là bản ngã của người đó. .

1. Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 1:21,23,25; 7:22; 10:22; 12:21; 18:5,20; 19:29; 24:5,9; Giảng 1:12; 2:23; 3:18; 14:26; 15:21; 17:6; 20:31
2. Đức Chúa Cha trong Ma-thi-ơ 6:9; 21:9; 23:39; Giảng 5:43; 10:25; 12:13; 17:12
3. Ba Ngôi trong Ma-thi-ơ 28:19.

Xin thêm một ghi chú về mặt kỹ thuật: Trong cuốn *Word Pictures in the New Testament* (p. 228), ông A. T. Robertson đề ý tới nan đề trong các bản sao Hy-lạp liên hệ tới động từ 'tin'. Các bản sao chữ lớn, B, K, and L có lối bàn thái, chủ động, thì quá khứ, còn các bản sao \aleph , A, and C có thì hiện tại. Cả hai đều thích hợp với ngữ cảnh và cách viết của Giảng.

3:24 "Ai vâng giữ các điều răn Ngài thì ở trong Ngài, và Ngài ở trong người ấy" 'vâng giữ' và 'ở trong' - cả hai đều trong thì hiện tại. Sự vâng phục liên hệ tới sự trường tồn, Tình yêu là bằng chứng chúng ta ở trong Chúa và Ngài ở trong chúng ta (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:12,15-16; Giảng 14:23; 15:10). See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "trường tồn" trong văn tự của Giảng ở câu 2:10

- ▣ **"nhờ Thánh Linh mà Ngài đã ban cho chúng ta."** Giảng sử dụng một số bằng chứng để đánh giá Tín Đồ thực hữu. (Xem Rô-ma 4:13; 8:14-16, xem CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 2:3-27, phần C). Có hai điều liên hệ tới Thánh Linh.

1. xưng nhận Chúa Giê-su (Xem Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rin-tô 12:3)
2. nếp sống giống Chúa (Xem Giảng 15; Ga-la-ti 5:22; Gia-cơ 2:14-26)

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “buông thả” điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Điều gì là chủ đề chính của Thơ Giảng Thứ Nhất 3:11-24? (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:7-11)?
2. Xin giải thích mối liên hệ giữa Thơ Giảng Thứ Nhất 3:16 and 17. Làm sao hạ mình hy sinh cuộc sống tương đồng với sự trợ giúp anh em.?
3. Thơ Giảng Thứ Nhất 3:19-20 nhấn mạnh về sự nghiêm khắc hay lòng nhân từ của Đức Chúa Trời, làm dịu sự sợ hãi của chúng ta?
4. Chúng ta liên hệ cách nào đối với sự cầu nguyện được nhắc trong Thơ Giảng Thứ Nhất 3:22 một cách thực tế?
5. Làm sao có thể hoà đồng các nghịch lý về sự cần thiết xưng tội và sự vô tội toàn hảo ?
6. Vì sao Giảng nhấn mạnh nhiều về nếp sống?
7. Xin giải thích về sự tái sinh trong khía cạnh chân lý thần học.
8. Phân đoạn này giúp gì trong nếp sống Tín Đồ?

Thơ Giảng Thứ Nhất 4

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Thánh Linh của Đức Chúa Trời và linh của Kẻ Chống Đấng Christ	Linh Chân Lý và Linh Lâm Lạc 3:24-4:6	Phân biệt Chân Lý và Lâm lạc 4:1-6	Linh Thực và Linh Giả 4:1-3 4:4-6	Điều kiện thứ ba: cảnh giác với Kẻ Chống Đấng Christ và với Thế gian 4:1-6 Nguồn tình yêu và đức tin (4:7-5:13)
Đức Chúa Trời là tình yêu 4:7-12	Biết Đức Chúa Trời qua tình yêu 4:7-11 Thấy Chúa qua tình yêu 4:12-16	Phước hạnh của tình yêu 4:7-12	Đức Chúa Trời là tình yêu 4:7-10 4:11-12	Nguồn tình yêu. 4:7-5:4
4:13-16a		4:13-16a	4:13-16a	
4:16b-21	sự viên mãn của tình yêu 4:17-19 Sự vâng phục của niềm tin 4:20-5:5	4:16b-21	4:16b-18 4:19-21	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

89. Phân đoạn 1

90. Phân đoạn 2

91. Phân đoạn 3

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH CÂU 4:1-21

- A. Giảng 4 là một đơn vị văn chương rất đặc biệt giúp Tin Đồ phân biệt đâu là chân lý và ai là người được Chúa sai phái dạy chân lý. Phân đoạn này liên hệ tới
1. Những Kẻ Chống Đấng Christ (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18-25)
 2. Những người tìm cách lừa dối (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:26; 3:7)
 3. Có thể những người tự xưng mình có những tri thức huyền bí về chân lý thuộc linh (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:24)
- Để hiểu đầy đủ nan đề của Tin Đồ nguyên thủy, chúng ta nên nhớ rằng lúc ấy có rất nhiều người tự xưng phát ngôn viên cho Đức Chúa Trời. (Xem 1 Cô-rin-tô 12:10; 14:29; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:20-21; Thơ Giảng Thứ Nhất 4:1-6). Khi đó Tin Đồ chưa có trọn vẹn cuốn KT Tân-ước, họ cần có phương cách kiểm nghiệm bao gồm cả lĩnh vực thuộc linh và xã hội. (Xem Gia-cơ 3:1-12).
- B. Tìm bố cục cho Thơ Giảng Thứ Nhất là một điều rất khó bởi sự lặp đi lặp lại của các chủ đề, cũng vậy đối với bố cục cho chương 4 này. Dường như chương 4 nhắc lại và nhấn mạnh những điều dạy dỗ ở các chương trước, đặc biệt việc các Tin Đồ phải yêu thương lẫn nhau. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:7-21; 2:7-12 and 3:11-24).
- C. Giảng viết thư với dụng ý phản công các giáo sư giả và khích lệ Tin Đồ. Ông sử dụng vài cách kiểm nghiệm sau đây:
1. kiểm nghiệm tín lý (đức tin nơi Chúa Giê-su, Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:18-25; 4:1-6,14-16; 5:1,5,10)
 2. kiểm nghiệm nếp sống (sự vâng phục, Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:3-7; 3:1-10, 22-24)
 3. kiểm nghiệm quan hệ xã hội tình yêu, Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:7-11; 3:11-18; 4:7-12,16-21; 5:1-2)
- Nhiều câu Kinh thánh liên hệ tới giáo sư giả thuộc Tri Huệ giáo. Xem phần giới thiệu Thơ Giảng Thứ Nhất, sự dị giáo. Các phần khác của Tân-ước cũng nói tới những sự sai lầm khác. (Xem Giảng 1:13; Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rin-tô 12:3). Từng ngữ cảnh phải được nghiên cứu cụ thể để phát hiện sai lầm. Nguồn sai lầm là:
1. Luật lệ hóa Do-thái
 2. Triết học gia Hy-lạp
 3. Bất tuân Luật pháp (đứng ngoài pháp luật, coi chỉ luật thuộc linh là quan trọng, còn luật xã hội bất cần)
 4. Những người tự xưng mình có tri thức huyền bí về khai thị và trải nghiệm thuộc linh.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

NASB (UPDATED TEXT: 4:1-6

¹Thưa anh em yêu dấu, đừng tin tất cả các thần linh, nhưng hãy thử xem các thần linh đó có phải đến từ Đức Chúa Trời không, vì có nhiều kẻ tiên tri giả đã xuất hiện trong thế gian.²Bởi điều này, anh em nhận biết Thánh Linh của Đức Chúa Trời: Thần linh nào thừa nhận Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thân xác thì thần linh đó đến từ Đức Chúa Trời; ³thần linh nào không thừa nhận như thế về Đức Chúa Jêsus thì không phải đến từ Đức Chúa Trời. Đó là thần linh của kẻ chống Đấng Christ mà anh em nghe nói sắp đến, và bây giờ đã ở trong thế gian rồi.

⁴Các con bé nhỏ ơi, các con thuộc về Đức Chúa Trời và đã chiến thắng chúng, vì Đấng ở trong các con vĩ đại hơn kẻ ở trong thế gian. ⁵Chúng thuộc về thế gian nên nói những việc thế gian, và thế gian nghe chúng.⁶ Chúng ta thuộc về Đức Chúa Trời. Ai biết Đức Chúa Trời thì nghe chúng ta, còn ai không thuộc về Đức Chúa Trời thì không nghe chúng ta. Bởi điều này, chúng ta nhận biết được thần linh của chân lý và thần linh của sự sai lầm.

4:1 "đừng tin tất cả các thần linh," 'Tin' - mệnh lệnh thức, chỉ định, chủ động thì hiện tại, với tiểu từ phủ nhận 'đừng', có nghĩa chấm dứt một hành động đang tiếp diễn. Tin Đồ thường có xu hướng coi những cá nhân

hùng hồn, biện lý trôi chảy, và các phép lạ như đến từ Đức Chúa Trời. Dường như các giáo sư giả tuyên bố mình là phát ngôn viên cho Đức Chúa Trời, và có sứ điệp từ Đức Chúa Trời.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC CƠ ĐỐC NHÂN CÓ NÊN ĐOÁN XÉT LẦN NHAU?

Chủ đề này cần phải được giải quyết theo hai cách: (1) Những tín hữu được can gián không đoán xét lẫn nhau (xem Ma-thi-ơ 7:1-5; Lu-ca 6:37,42; Rô-ma 2:1-11; Gia-cơ 4:11-12), và (2) những tín hữu cũng được khuyên là phải đánh giá (nhận xét) những người lãnh đạo của họ (xem Ma-thi-ơ 7:6,15-16; I Cô-rinh-tô 14:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:21; I Ti-mô-thê 3:1-13; and I Giăng 4:1-6).

Một vài tiêu chuẩn đánh giá thích hợp, có ích lợi

1. Đánh giá cho mục đích công nhận (xem I Giăng 4:1 - “trắc nghiệm” hướng đến sự chấp thuận)
2. Sự đánh giá cần phải thực hiện trong tinh thần khiêm nhường và hòa nhã (xem Ga-la-ti 6:1)
3. Sự đánh giá không được tập trung vào những vấn đề sở thích cá nhân (xem Rô-ma 14:1-23; I Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33)

Sự đánh giá dùng để chọn ra những người lãnh đạo “không thể chê trách” trong vòng Hội thánh hay là cộng đồng (xem I Ti-mô-thê 3)

▣ "các thần linh, " "thần linh" được sử dụng nói về cá nhân con người ở đây, xem ghi chú Thờ Giăng Thứ Nhất 4:6. Dị giáo xuất xứ từ trong Hội Thánh, (Xem Thờ Giăng Thứ Nhất 2:19). Các giáo sư giả tự xưng mình nói cho Chúa. Giăng khẳng định có hai nguồn thuộc linh đứng sau lời nói và hành động: Đức Chúa Trời hay Sa-tan.

▣ " hãy thử xem các thần linh " Mệnh lệnh thức chủ động thì hiện tại. Thử nghiệm là một ân tứ, cũng như, cầu thay, làm chứng, và ban phát. Thuật ngữ Hy-lạp *dokimazō* mang ý nghĩa ‘thử nghiệm’ với xu hướng chấp nhận. Tín Đồ trong khi thử nghiệm phải cố gắng nghĩ tới những gì tốt nhất của người khác, trừ khi chứng minh được những sự tồi tệ nhất. (Xem I Cô-rin-tô 13:4-7; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:20-21).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG CHỮ CÓ NGHĨA TƯƠNG TỰ

Có hai thuật ngữ Hy-lạp với ý nghĩa thử nghiệm con người hoặc dụng ý .

1. *Dokimazō, Dokimion, Dokimasia*

Thuật ngữ dùng trong việc tôi luyện kim loại, một ẩn dụ về xác định tính thực chất của một chất liệu qua lửa. (xem chủ đề đặc biệt ‘Lửa’. Lửa bày tỏ kim loại thực và đốt cháy chất dơ. Một quá trình vật lý hùng mạng được dùng bởi Đức Chúa Trời và Sa-tan và con người để thử thách. Thuật ngữ này được dùng với ý nghĩa tích cực, tìm kiếm điều tốt và sự chấp nhận. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa thử thách con người trong Cựu-ước.

Thuật ngữ này được sử dụng trong Tân-ước:

- a. thử bò – Lu-ca 14:19
- b. thử bản thân chúng ta – I Cô-rin-tô 11:28
- c. thử niềm tin chúng ta – Gia-cơ. 1:3
- d. thử Đức Chúa Trời – Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả thử nghiệm theo thuật ngữ này thường là tốt (cf. Rô-ma. 2:18; 14:22; 16:10; 2 Cô-rin-tô 10:18; 13:3,7; Phi-líp 2:27; 1 Phi-ê-rơ 1:7), vì vậy thuật ngữ này bao gồm ý tưởng một người được thử nghiệm và chấp nhận.

- a. là người thành tín, đáng tin
- b. là người thiện
- c. là người thực
- d. là người đáng tôn trọng
- e. là người đáng giá

2. *Peirazō, Peirasmus*

Thuật ngữ này mang ý nghĩa thử nghiệm để tìm ra điều xấu và không đáng chấp nhận. Nó được dùng ngay cả đối với Chúa Giê-su bị thử thách trong đồng vắng.

- a. bao gồm sự cố gắng cài bẫy Chúa Giê-su (cf. Ma-thi-ơ. 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; Hê-bơ-rơ 2:18).

- b. Danh hiệu (*peirazōncó* có gốc từ thuật ngữ này là ‘kẻ căm dỗ’ kẻ thử thách’ được gán cho Sa-tan , Ma-thi-ơ. 4:3; 1 Thess. 3:5
- c. Cách sử dụng
- (1) Chúa Giê-su cảnh cáo việc thử nghiệm Đức Chúa Trời (cf. Ma-thi-ơ. 4:7; Lu-ca 4:12, [or Christ cf. 1 Cor 10:9]).
 - (2) cũng mang ý nghĩa thử làm một việc khi việc đó đã từng thất bại (cf. Hê-bơ-rơ 11:29).
 - (3) đồng thời mang ý nghĩa ‘cám dỗ’ và ‘thử thách’ Tín Đồ (cf. 1 Cô-rin-tô 7:5; 10:9, 13; Ga-la-ti 6:1; 1 Thess. 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ. 1:2, 13, 14; 1 Phi-ê-rơ 4:12; 2 Pet 2:9).

▣ **"có nhiều kẻ tiên tri giả đã xuất hiện trong thế gian."** ‘Có’ - động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành, (Xem Giê-rê-mi 14:14; 23:21; 29:8; Ma-thi-ơ 7:15; 24:11,24; Công vụ 20:28-30; 2 Phi-ê-rơ 2:1; Thư Giăng Thứ Nhất 2:18-19,24; 3:7; Thư Giăng Thứ Hai 7). Điều này ám chỉ họ đã rời bỏ Hội thánh, nhưng vẫn tiếp tục tự xưng mình nói cho Đức Chúa Trời.

Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tiên tri trong Tân-ước ở câu Giăng 4:9

4:2 "Bởi điều này, anh em nhận biết Thánh Linh của Đức Chúa Trời" Cấu trúc ngữ pháp có vẻ khó hiểu ở đây, không biết đây là lời tuyên bố (động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại) hay mạng lệnh (mệnh lệnh thức, chỉ định, chủ động, thì hiện tại). Sự khó hiểu này tương tự như các thuật ngữ ‘trường tồn’ Thư Giăng Thứ Nhất 2:27 hay ‘biết’ 2:29. Đức Thánh Linh luôn tôn vinh Chúa Giê-su. (Xem Thư Giăng 14:26; 15:26; 16:13-15). Sự thử nghiệm này cũng được Phao-lô nói đến trong 1 Cô-rin-tô 12:3

▣ **"thần linh nào thừa nhận"** ‘Thừa nhận’ - động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại, nói về sự xưng nhận liên tục chứ không phải một lần tuyên bố đức tin. Trong ngôn ngữ Hy-lạp, thuật ngữ ‘xưng nhận’ là ‘nói’ và ‘điều tương tự’, có nghĩa là nói ra và khẳng định lại một thứ. Đây là chủ đề được lặp lại trong Thư Giăng Thứ Nhất (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:9; 2:23; 4:2-3; 4:15; Giăng 9:22; Thư Giăng Thứ Hai 7). Thuật ngữ này ám chỉ sự thừa nhận một cách công khai, lên tiếng khẳng định Phúc Âm của Chúa Giê-su Christ. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Xưng nhận ở câu Giăng 9:2

▣ **"Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thân xác thì thần linh đó đến từ Đức Chúa Trời; "** ‘đến’ - Động tính từ chủ động, thì hoàn thành. Đây là cách thử nghiệm về tín lý đối với giáo sư giả thuộc Tri Huệ Giáo mà Giăng phản biện trong sách này. Tín lý căn bản là Chúa Giê-su hoàn toàn là Con Người, nhập thể bằng xương thịt, (điều mà Tri Huệ Giáo từ chối). cũng như Chúa hoàn toàn mang bản ngã Thần Linh. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:1-4; Thư Giăng Thứ Hai 7; Giăng 1:14; 1 Ti-mô-thê 3:16). Thì hoàn thành xác nhận Chúa Giê-su không chỉ làm Người một cách tạm thời, nhưng vĩnh viễn, thực sự hiệp một với nhân loại và với Đức Chúa Trời.

4:3 "thần linh nào không thừa nhận như thế về Đức Chúa Jêsus " về khía cạnh thần học, ở đây có sự quan sát thú vị, rằng các bản Latin cổ và tác giả nhóm Patristic như, Clement, Origen từ thành Alexandria, Irenaeus, and Tertullian dùng thuật ngữ ‘*leui*’ (nói lỏng), có nghĩa tách ‘Chúa Giê-su,’ thành hai ‘linh’: linh con người và linh thần thánh, một khái niệm khá phổ biến trong Tri Huệ Giáo vào thế kỷ thứ hai. Những bản sao này là văn bản muộn, cho thấy sự tranh đấu sống còn của Hội Thánh với dị giáo. (theo ông Bart Erhart, *The Orthodox Corruption of Scripture*, trang. 125-135).

▣ **" là thần linh của kẻ chống Đấng Christ "** Chống Đấng Christ là thuật ngữ dành cho những ai từ chối Ngài, hoặc muốn chiếm địa vị Ngài. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:18-25)

▣ **"anh em nghe nói sắp đến, và bây giờ đã ở trong thế gian rồi."**

" động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành, nói tới những gì Giăng đã đề cập, và tầm quan trọng của nó không hề thay đổi. Trong tiếng Hy-lạp, giống trung của linh ám chỉ linh của Kẻ Chống Đấng Christ đã đến và sẽ đến. Những giáo sư giả thuộc Tri Huệ Giáo hợp lại thành một chuỗi thông tin giả, nếp sống giả và tuyên xưng giả trong nhiều thế kỷ, từ Kẻ Ác trong vườn Ê-đen, trong Sáng thế kỷ 3, tới sự xuất hiện của những kẻ ác và Kẻ Chống Đấng Christ trong thời sau rốt. (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2; Revelation 13).

4:4-6 "Anh em. . .Họ. . .Chúng ta" cả ba đại từ này đều được nhấn mạnh,

1. Tín Đồ thực (Giăng và độc giả)
2. Tín Đồ giả (giáo sư Tri Huệ Giáo và những người theo họ)
3. Giăng và những người đồng sự trong nhóm truyền giáo hoặc lãnh đạo thần học.

This same type of triad is seen in Hê-bơ-ros 6 and 10.

4:4 "đã chiến thắng chúng," "chiến thắng" - động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành, liên hệ tới sự chiến thắng trong tín lý và trong nếp sống Tín Đồ. thật là sự khích lệ cho độc giả và chúng ta.

Giăng quan tâm đến sự chiến thắng của Tín Đồ đối với tội lỗi và Kẻ Ác. Thuật ngữ (*nikaō*) được Giăng dùng tới 6 lần trong Thờ Giăng Thứ Nhất (Xem Thờ Giăng Thứ Nhất 2:13,14; 4:4; 5:4,5), 11 lần trong Khải Huyền và một lần trong Giăng 16:33), trong khi Lu-ca dùng 1 lần (Xem Lu-ca 11:22) và Phao-lô dùng hai lần (Xem Rô-ma 3:4; 12:21).

▣ **"Đấng ở trong các con vĩ đại hơn kẻ ở trong thế gian"** Ở đây nhấn mạnh sự ngự trong lòng của Đấng Thần Linh. Ngữ cảnh ám chỉ về Đức Chúa Cha (Xem Giăng 14:23; 2 Cô-rin-tô 6:16). Tân-ước cũng nói đến sự ngự trong lòng của Đức Chúa Con, (Xem Ma-thi-ơ 28:20; Cô-lô-sê 1:27) và Đức Thánh Linh (Xem Rô-ma 8:9; Thờ Giăng Thứ Nhất 4:13). Đức Thánh Linh và Đức Chúa Con được xác nhận khá rõ ràng (Xem Rô-ma 8:9; 2 Cô-rin-tô 3:17; Ga-la-ti 4:6; Phi-líp-pi 1:19; 1 Phi-ê-rơ 1:11). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa Giê-su và Đức Thánh Linh. ở câu Giăng 14:16

Cụm từ 'kẻ ở trong thế gian' ám chỉ Sa-tan, (Xem Giăng 12:31; 14:30; 16:11; 2 Cô-rin-tô 4:4; Ê-phê-sô 2:2; Thờ Giăng Thứ Nhất 5:19) và những người theo hắn. thuật ngữ 'thế gian' mang ý nghĩa tiêu cực, là hệ thống xã hội loài người được tổ chức bên ngoài sự can thiệp của Đức Chúa Trời. Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Thế gian: Kosmos**.

4:5 "Chúng thuộc về thế gian" đây là công cụ cách – nói về nguồn gốc, thế gian như đã nói ở trên, một hệ thống xã hội loài người cố gắng tự cung ứng các nhu cầu của mình ngoài sự cung ứng của Đức Chúa Trời. (Xem Thờ Giăng Thứ Nhất 2:15-17). Thế gian là một tổ hợp các linh độc lập, ví dụ như Ca-ên. (Xem Thờ Giăng Thứ Nhất 3:12 Các ví dụ khác như các tiên tri thần Ba-anh (1 Các Vua 18) (so với Ê-li), tiên tri giả Han-nia (so với Giê-rê-mi) (Giê-re-mi 28)

▣ **"thế gian nghe chúng"**

"Một bằng chứng khác về các giáo sư Cơ Đốc và các giáo sư giả cùng những người nghe họ. (Xem 1 Ti-mô-thê 4:1).

4:6 "Ai biết Đức Chúa Trời thì nghe chúng ta," Đây là động tính từ chỉ định chủ động thì hiện tại. Tín Đồ thực lắng nghe và đáp ứng giáo huấn của các Sứ Đồ. Tín Đồ có thể nhận biết giáo sư, giảng viên thực qua sự điệp và người nghe theo họ. .

▣ **"Bởi điều này, chúng ta nhận biết được thần linh của chân lý và thần linh của sự sai lầm."** Đây có thể nói về Đức Thánh Linh (Xem Giăng 14:17; 15:26; 16:13; Thờ Giăng Thứ Nhất 4:6; 5:7) và tà linh của Sa-tan. Tín Đồ phải được biết đâu là nguồn của sự điệp, nhiều khi sự điệp được ban phát trong Danh của Đức Chúa Trời và bởi 'tôi tớ của Đức Chúa Trời' mà sự thực không phải như vậy. Có hai loại sự điệp: một loại nâng cao địa vị Chúa Giê-su, và loại kia nâng cao địa vị con người và sự tự do cá nhân.

Ông Robert Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, tranh luận một cách lý thú, về cách dùng thuật ngữ 'linh trong Tân-ước

"1. những linh dữ

2. linh con người / linh hồn

3. Đức Thánh Linh

4. những gì mà Đức Thánh Linh tạo trong và qua linh con người.

a. 'không phải linh tôi tớ, nhưng là linh nhận làm con nuôi.' - Rô-ma 8:15

b. linh của sự nhân từ. -- 1 Cô-rin-tô 4:21

c. linh của đức tin -- 2 Cô-rin-tô 4:13

d. 'linh của sự khôn ngoan và linh của sự mặc khải trong kiến thức về Ngài. -- Ê-phê-sô 1:17

e. 'không phải linh của sự sợ hãi, nhưng linh quyền năng, yêu thương và sự kiểm chế. 2 Ti-mô-thê 1:7

f. 'linh sai lầm và linh chân lý. -- Thờ Giăng Thứ Nhất 4:6" (pp. 61-63).

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thờ Giăng Thứ Nhất 4:7-14|

⁷ Thưa anh em yêu dấu, chúng ta hãy yêu thương nhau, vì tình yêu thương đến từ Đức Chúa Trời. Ai yêu thương thì sinh bởi Đức Chúa Trời và nhận biết Đức Chúa Trời. ⁸ Ai không yêu thương thì không nhận biết Đức Chúa Trời; vì Đức Chúa Trời là tình yêu thương. ⁹ Tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta đã được bày tỏ trong điều này: Đức Chúa Trời đã sai Con Một của Ngài đến trần gian để chúng ta nhờ Con ấy mà được sống. ¹⁰ Tình yêu thương ở trong điều này: Không phải chúng ta đã yêu thương Đức Chúa Trời, nhưng Ngài đã yêu thương chúng ta và sai Con Ngài làm tế lễ chuộc tội

chúng ta.

¹¹ Thưa anh em yêu dấu, nếu Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta như thế, chúng ta cũng phải yêu thương nhau. ¹² Chưa hề có ai thấy Đức Chúa Trời; nếu chúng ta yêu thương nhau thì Đức Chúa Trời ở trong chúng ta, và tình yêu thương của Ngài được trọn vẹn trong chúng ta. ¹³ Bởi điều này, chúng ta biết mình ở trong Ngài và Ngài ở trong chúng ta, vì Ngài đã ban Thánh Linh của Ngài cho chúng ta. ¹⁴ Chúng tôi đã thấy và làm chứng rằng Đức Chúa Cha đã sai Con Ngài làm Cứu Chúa của thế gian.

4:7 "hãy yêu thương nhau," động từ lối bàn thái, chủ động thì hiện tại. Nếp sống yêu thương trong cuộc sống đời thường là đặc trưng cho mọi Tín Đồ. (Xem 1 Cô-rin-tô 13; Ga-la-ti 5:22). Đây là chủ đề thường lặp lại, cũng là sự thử nghiệm về đức hạnh (Xem Giăng 13:34; 15:12,17; Thư Giăng Thứ Nhất 2:7-11; 3:11,23; Thư Giăng Thứ Hai 5, xem CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH phần C). Lối bàn thái nói về tính dự phòng (Có thể nhưng còn tùy thuộc vào hoàn cảnh) .

☐ **"tình yêu thương đến từ Đức Chúa Trời."** Đức Chúa Trời, chứ không phải lòng từ thiện, thương hại, cảm động của con người là nguồn của tình yêu, (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 4:16). Nó chủ yếu không phải hành động theo cảm tính, nhưng theo chủ đích (tức Đức Chúa Cha sai phái Đức Chúa Con xuống trần gian cứu rỗi nhân loại) Xem Thư Giăng Thứ Nhất 4:10; Giăng 3:16).

☐ **"Ai yêu thương thì sinh bởi Đức Chúa Trời và nhận biết Đức Chúa Trời."** các động từ ở đây là thụ động hoàn thành và chủ động hiện tại. Giăng thích một thuật ngữ 'Sinh' dùng cho sự trở nên Tín Đồ, (Tái sinh', 'sinh bởi' (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:29; 3:9; 4:7; 5:1, 4, 18; Giăng 3:3,7).

Thuật ngữ 'biết' trong quan điểm Do-thái phản ánh mối liên hệ, một cách liên tục, sâu nhiệm (Xem Sáng Thế Ký. 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Đây là chủ đề lặp lại của Thư Giăng Thứ Nhất, được dùng tới 77 lần. , Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Biết.** ở câu Giăng 1:10

4:8 "Ai không yêu thương thì không nhận biết Đức Chúa Trời; vì Đức Chúa Trời là tình yêu thương." Nếp sống yêu thương là cách thử nghiệm hữu hiệu về sự biết Chúa.

'Đức Chúa Trời là tình yêu', bên cạnh các tuyên bố đơn giản nhưng thâm thúy khác 'Đức Chúa Trời là Ánh Sáng'(Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:5, 'Đức Chúa Trời là Thần linh'(Xem Giăng 4:24. Cách tốt nhất để so sánh tình yêu và con thịnh nộ của Đức Chúa Trời là so sánh hai câu Phục Truyền. 5:9 with 5:10 and 7:9.

4:9 "Tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta đã được bày tỏ trong điều này" 'được bày tỏ' - động từ chỉ định, thụ động, thì quá khứ (Xem Giăng 3:16; 2 Cô-rin-tô 9:15; Rô-ma 8:32). Đức Chúa Trời bày tỏ tình yêu của Ngài bằng cách sai Chúa Giê-su xuống chết thế thay tội lỗi của chúng ta. Tình yêu là hành động, chứ không chỉ cảm xúc. Tín Đồ phải bắt chước Chúa trong cuộc sống hàng ngày.(Xem Thư Giăng Thứ Nhất 3:16). Biết Chúa tức là biết tình yêu và yêu như Chúa yêu

☐ **" Đức Chúa Trời đã sai Con Một của Ngài đến trần gian "** Động từ thể chỉ định, chủ động thì hoàn thành, hành động nhập thể đã kết thúc và hậu quả còn kéo dài đến hôm nay. Tất cả phước hạnh của Đức Chúa Trời đều ở trong Chúa Giê-su.

Thuật ngữ: 'Con Một' có ý nghĩa độc sanh, độc đáo, chỉ một duy nhất, không gọi ý bởi sự sinh hạ hậu tự qua con đường tình dục. Sự sinh hạ bởi người nữ đồng trinh không phải là sự trải nghiệm xác thịt. Giăng dùng thuật ngữ này vài lần nói về Chúa Giê-su (Xem Giăng 1:14,18; 3:16,18; Thư Giăng Thứ Nhất 4:9). Xem ghi chú ở Giăng 3:16. Chúa Giê-su là Con độc sanh của Đức Chúa Trời trong ý nghĩa bản thể học, Tín Đồ là con cái của Đức Chúa Trời theo ý nghĩa chuyển đổi, được nhận làm con nuôi.

☐ **"để chúng ta nhờ Con ấy mà được sống."** động từ lối bàn thái, chủ động thì quá khứ, nói về tính dự phòng, sự đáp ứng của đức tin là điều cần thiết. (Xem Giăng 10:10).

4:10 " Tình yêu thương ở trong điều này" Tình yêu của Đức Chúa Trời được thể hiện trong cuộc sống và cái chết của Chúa Giê-su, Biết Chúa Giê-su là biết Đức Chúa Trời và ngược lại. (Xem Rô-ma 5:6,8). Biết Chúa chính là hành động yêu thương!

☐ **"Không phải chúng ta đã yêu thương Đức Chúa Trời"** Tân-ước mang tính độc đáo giữa các tôn giáo thế giới. thông thường thì con người tìm kiếm Chúa, nhưng ở đây Chua đi tìm con người. Chân lý đẹp đẽ là không phải chúng ta yêu Chúa nhưng Chúa yêu chúng ta. Ngài tìm chúng ta qua tội lỗi, vị kỷ, bạo loạn và kiêu ngạo của con người. Chân lý tuyệt vời của Cơ-đốc giáo là Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại và khởi xướng , duy trì mối liên hệ đời đời.

Sau đây là một số dạng động từ được sử dụng:.

1.có tình yêu và tiếp tục yêu,thì hoàn thành. -- MS B

2.đã yêu, quá khứ -- MS 8

Hội Liên Hiệp Thánh Kinh cho khả năng đầu tiên vào hạng "B" (gần như chắc chắn).

▣ " **nhưng Ngài đã yêu thương chúng ta và sai Con Ngài làm tế lễ chuộc tội chúng ta.**" xem ghi chú Thơ Giăng Thứ Nhất 2:2.

4:11 "nếu" thể điều kiện hạng nhất, giả thiết đây là sự thật trong cách nhìn hoặc dụng ý văn chương của tác giả: Đức Chúa Trời yêu chúng ta. (Xem Rô-ma 8:31)!

▣ " **Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta như thế,** " "như thế" cần được hiểu 'bằng cách như vậy' Giăng 3:16.

▣ "**chúng ta cũng phải yêu thương nhau.** " Bởi Đức Chúa Trời yêu chúng ta, chúng ta phải yêu mến lẫn nhau. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:10; 3:16; 4:7), điều này đi ngược lại với hành động và thái độ của các giáo sư giả.

4:12 "Chưa hề có ai thấy Đức Chúa Trời; " Đây là động từ chỉ định, dạng trung cách, thì hoàn thành, có nghĩa ngắm nhìn một cách mãnh liệt vào một ai, hoặc một vật gì, (Xem Xuất Ê-gíp-tô Ký. 33:20-23; Giăng 1:18; 5:37; 6:46; 1 Ti-mô-thê 6:16). Có thể Tri Huệ Giáo chịu ảnh hưởng bởi tôn giáo huyền bí phương đông, tư xung có người nhận được khải thị về Đức Chúa Trời, hoặc từ Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su đến và bày tỏ trọn vẹn Đức Chúa Trời, Bởi ngắm nhìn Ngài, chúng ta biết được Đức Chúa Trời.

▣ "**nếu**" - thể điều kiện hạng ba, có nghĩa tiềm năng của hành động

▣ "**Đức Chúa Trời ở trong chúng ta,** " xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "trường tồn trong văn tự của Giăng. ở câu 2:10

▣ "**tình yêu thương của Ngài được trọn vẹn trong chúng ta.**" 'Được trọn vẹn' Đây là động tính từ bị động thì hoàn thành trong cách gián tiếp. Những Tín Đồ yêu thương là bằng chứng tình yêu trường tồn toàn hảo của Đức Chúa Trời. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:5; 4:17).

4:13 " Ngài đã ban Thánh Linh của Ngài cho chúng ta. " 'Đã ban' - động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành, Đức Thánh Linh ngự trong lòng (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:24; Rô-ma 8:9) và tác động biến đổi là bằng chứng của sự cứu rỗi (Xem Rô-ma 8:16). Hình như phân đoạn Thơ Giăng Thứ Nhất 4:13 nói về sự làm chứng của Đức Thánh Linh với tư cách chủ ngữ, còn Thơ Giăng Thứ Nhất 4:14 nói về sự làm chứng của các Sứ Đồ với tư cách tân ngữ. Cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều xuất hiện trong câu Thơ Giăng Thứ Nhất 4:13-14. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Ba Ngôi. ở câu Giăng 14:16

4:14 "Chúng tôi đã thấy và làm chứng " 'thấy' - động từ trung cách, chỉ định hoàn thành, được tiếp nối bởi 'làm chứng' - động từ chỉ định chủ động thì hiện tại – nói về sự làm chứng của Giăng đối với Cá Nhân Chúa Giê-su. giống như câu 1:1-3.

Thuật ngữ 'thấy' cũng được dùng trong câu Thơ Giăng Thứ Nhất 4:12 có nghĩa ngắm nhìn một cách chăm chú, mãnh liệt' xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Chứng Nhân cho CHÚA GIÊ-SU.

▣ "**rằng Đức Chúa Cha đã sai Con Ngài** " 'đã sai' động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành. Chân lý về Đức Chúa Cha sai Đức Chúa Con xuống trần gian bác bỏ giáo huấn sai trái của Tri Huệ Giáo, dựa theo Nghị nguyên luận giữa thuộc linh (tốt lành) và thuộc thể (xấu xa) Chúa Giê-su trọn vẹn thần tính, bước vào thể gian để cứu chuộc chúng ta khỏi tội lỗi, (Xem Rô-ma 8:18-25), khỏi sự nguyên rủa từ Sáng Thế Ký 3 (Xem Ga-la-ti 3:13).

▣ "**làm Cứu Chúa của thế gian.** " Sự kiện Đức Chúa Cha chọn Chúa Giê-su là phương tiện cứu rỗi bác bỏ giáo huấn sai trái của Tri Huệ Giáo nói rằng sự cứu rỗi đến qua tri thức huyền bí, đặc biệt, liên hệ đến các tầng cấp thiên sứ, được gọi là *eons* lãnh vực thẩm quyền giữa Đức Chúa Trời tối cao và các thần thấp hơn là tác giả của vthế gian được tạo ra bởi vật thể tiền tại.

Cụm từ 'Cứu Chúa của thế gian' có thể là danh hiệu một vị thần Hy-lạp (i.e., Zeus) hay (2) Danh hiệu của Hoàng Đế La-mã. Đối với Tín Đồ, Chúa Giê-su duy nhất có thể có được danh hiệu này. (Xem Giăng 4:42; 1 Ti-mô-thê 2:4; 4:10). Đây là nguyên nhân xảy ra các cuộc bắt bớ từ đạo thờ Hoàng Đế ở vùng Tiểu Á.

Xin để ý tính bao gồm của cụm từ này, Ngài là Cứu Chúa của tất cả những ai hưởng ứng lời mời gọi, chứ không phải chỉ của một nhóm người biệt lập, (Xem Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 5:18; 10:9-13).

. BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 4:15-21

¹⁵Bất cứ ai xưng nhận Đức Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời thì Đức Chúa Trời ở trong người ấy, và người ấy ở trong Đức Chúa Trời.¹⁶ Chúng ta nhận biết và tin vào tình yêu thương của Đức Chúa Trời đối với chúng ta. Đức Chúa Trời là tình yêu thương; ai ở trong tình yêu thương thì ở trong Đức

Chúa Trời, và Đức Chúa Trời ở trong người ấy.

¹⁷Bởi điều này, tình yêu thương được trọn vẹn trong chúng ta để chúng ta được vững tâm trong ngày phán xét; vì Ngài thể nào thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này. ¹⁸ Không hề có sự sợ hãi trong tình yêu thương, nhưng tình yêu thương trọn vẹn thì loại bỏ sự sợ hãi. Vì sợ hãi có liên quan đến hình phạt, và ai sợ hãi thì không được trọn vẹn trong tình yêu thương. ¹⁹ Chúng ta yêu thương vì Chúa đã yêu thương chúng ta trước. ²⁰ Nếu có ai nói: "Tôi yêu thương Đức Chúa Trời" mà lại ghét anh em mình thì người ấy là kẻ nói dối. Vì người nào không yêu thương anh em mình thấy thì không thể yêu thương Đức Chúa Trời mà mình không thấy được. ²¹ Chúng ta đã nhận nơi Ngài điều răn này: Ai yêu thương Đức Chúa Trời thì cũng phải yêu thương anh em mình.

4:15 "Bất cứ ai xưng nhận Đức Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời" 'Xưng nhận' - động từ lỗi bản thái, chủ động, thì quá khứ, xin xem thêm ghi chú ở câu Thư Giăng Thứ Nhất 4:2 và **CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: ý nghĩa 'tiếp nhận', "tin", 'xưng nhận' và 'gọi danh'. Một trong ba thử nghiệm của Giăng về thực chất một Tín Đồ là kiến thức về Cá Nhân, công việc của Chúa Giê-su, (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:22-23; 4:1-6; 5:1,5). Điều này phù hợp với nếp sống yêu thương và đầu phục được nói đến trong Thư Giăng Thứ Nhất và Gia-cơ. Cơ Đốc giáo là Cá Nhân, Chân Lý và Nếp Sống, Xem **CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH** phần C.

Thuật ngữ 'bất cứ ai' mang tính chất bao gồm, là lời mời gọi của Đức Chúa Trời cho tất cả mọi người đến với Ngài. Tất cả nhân loại được tạo dựng trong hình ảnh Đức Chúa Trời, (Xem Sáng Thế Ký. 1:26-27; 5:3; 9:6). Đức Chúa Trời hứa cứu chuộc nhân loại. Sáng Thế Ký. 3:15, Đức Chúa Trời kêu gọi Áp-ra-ham làm phước hạnh cho cả thế gian, (Xem Sáng Thế Ký. 12:3; Xuất Ê-gip-tô Ký. 19:5). Chúa Giê-su giải quyết tội lỗi, (Xem Giăng 3:16). Tất cả mọi người đều có thể được cứu, nếu như họ hưởng ứng lời mời gọi với tinh thần hứa nguyện với giao ước, ăn năn, tin, vâng phục, bền đỗ, và phục vụ. Lời của Đức Chúa Trời cho mọi người: Hãy đến. (Xem Ê-sai 55).

CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THIÊN LỆCH THEO QUAN ĐIỂM TIN LÀNH CỦA TÁC GIẢ

Tôi phải thừa nhận với bạn đọc rằng tôi thiên lệch tại điểm này. Thần học hệ thống của tôi không phải là Calvinism hay Dispensationalism, nhưng nó theo Đại Mạng Lệnh. Tôi tin rằng Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch vĩnh cửu để cứu chuộc tất cả nhân loại (ví dụ, Sáng thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 18; 36:22-39; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Rô-ma 3:9-18,19-20,21-32), tất cả những người được tạo ra theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Những giao ước đều hiệp nhất trong Đấng Christ (xem Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Đức Chúa Giê-xu là sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, đã bị che dấu nhưng bây giờ được giải bày (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13)!

Quan điểm có trước này tác động tất cả mọi sự giải nghĩa Kinh Thánh của tôi (ví dụ như Giô-na). Tôi đọc tất cả các bản văn đều thông qua quan điểm này. Chắc chắn đó là một sự thiên lệch (tất cả các nhà giải kinh đều có), nhưng nó là một tiền giả định được lấy ra từ Kinh Thánh.

▣ **" thì Đức Chúa Trời ở trong người ấy, và người ấy ở trong Đức Chúa Trời."** Đây nói về cấu trúc mối quan hệ của Đức Chúa Trời đối với nhân loại. Đức Chúa Trời bắt đầu khởi xướng, đặt điều kiện, và con người hưởng ứng, qua quyết định ban đầu và qua sự bền đỗ.

Trường tồn trong giao ước là điều kiện đòi hỏi cũng như là lời hứa tuyệt vời. (Xem Giăng 15). Hãy tưởng tượng Đấng Tạo Hóa của cả vũ trụ ngự trong lòng phạm nhân tội lỗi! (Xem Giăng 14:23)! Xem **CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: "trường tồn" trong văn tự của Giăng. Câu Giăng 2:10

4:16 "Chúng ta nhận biết và tin vào tình yêu thương" 'nhận biết' và 'tin' – hai động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành. Đức tin, lòng tin cậy và sự đảm bảo tình yêu của Chúa là căn bản cho mối liên hệ với Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, chứ không phải ngoại cảnh, xem **CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: Sự đảm bảo...

▣ **"của Đức Chúa Trời đối với chúng ta."** 'của' - động từ chỉ định chủ động, thì hiện tại, nói về tình yêu không ngừng của Chúa.

▣ " **Đức Chúa Trời là tình yêu thương;** " Chân lý quan trọng này được nhắc lại. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:8).

4:17 " Bởi điều này, tình yêu thương được trọn vẹn " Thuật ngữ 'trọn vẹn trong tiếng Hy-lạp là *telos* (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:12). Có nghĩa trưởng thành, hoàn tất, nhưng không phải vô nhiễm tội lỗi.

▣ "**trong chúng ta** " Giới từ 'trong' (*meta*) cũng có thể hiểu 'trong chúng ta', (TEV, NJB), 'giữa chúng ta', (NKJV, NRSV, NIV, REB) hoặc 'với chúng ta' (NASB). trong các bản dịch Anh Ngữ.

▣ "**để chúng ta được vững tâm** " 'vững tâm' nguyên nghĩa là 'ăn nói tự do' Giảng sử dụng thuật ngữ này rất thường xuyên. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:28; 3:21; 5:14). Đây nói về đến gần Đức Chúa Trời Thánh khiết một cách mạnh dạn. Xem Hê-bơ-rơ 3:6; 10:35). See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Mạnh dạn (*parrhēsia*).

▣ "**trong ngày phán xét; vì Ngài thể nào thì chúng ta cũng thể ấy trong thế gian này.** " Tín Đồ cần yêu Chúa như Chúa yêu mình (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 3:16; 4:11). Họ có thể bị từ chối, hoặc bắt bớ, nhưng họ cũng được Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh yêu và gìn giữ như Chúa Giê-su vậy. Một ngày kia, cả thế gian phải trả lời trước tòa án của Đức Chúa Trời, (Xem Ma-thi-ơ 25:31-46; 2 Cô-rin-tô 5:10; Khải Huyền 20:11-15). Tín Đồ không còn sợ hãi trong ngày Phán xét.

4:18 "Không hề có sự sợ hãi trong tình yêu thương," Khi chúng ta đã biết Chúa như Đấng Làm Cha, chúng ta không còn sợ hãi Ngài là Đấng Phán xét. Hầu hết sự cái giáo bắt đầu bằng nỗi sợ hãi, sợ phán xét, sợ địa ngục, Nhưng điều kỳ diệu xảy ra trong cuộc sống con người được cứu: ấy là sự cứu rỗi, Cuộc sống bắt đầu trong sự sợ hãi, nhưng kết thúc trong sự an ninh. !

▣ "**Vì sợ hãi có liên quan đến hình phạt,** " 'hình phạt' - một thuật ngữ hiếm dùng , chỉ có ở đây và Ma-thi-ơ 25:46 (ngoài ra còn ở 2 Phi-ê-rơ 2:9 trong dạng động từ.), Ngữ cảnh là thời tận thế. Động từ 'sợ hãi' trong thì hoàn thành nói về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trong thời hiện tại và trong tương lai, thời cuối cùng. Nhân loại được dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời, được thừa hưởng nhân cách, kiến thức, sự lựa chọn và hậu quả. Đây là thế giới có lương tâm. Nhân loại không thể bẻ gãy luật pháp Chúa, nhưng ngược lại, bị bẻ gãy vì luật pháp Chúa.

4:19 "Chúng ta yêu thương " Động từ chỉ định chủ động, thì hiện tại. Bản dịch NKJV còn thêm Tân ngữ đằng sau động từ : :

1. 'Yêu thương Đức Chúa Trời' trong một bản sao chữ lớn (ⲥ) (*ton theon*) được thấy
2. 'Yêu thương Ngài' trong bản Ψ, (*auton*) được thấy (KJV)
3. 'Yêu thương lẫn nhau' trong bản Vulgate

Hình như tân ngữ được thêm vào sau này. Liên Hội Thánh Kinh xếp hạng 'A' cho câu này (có nghĩa chắc chắn)

▣ "**vì Chúa đã yêu thương chúng ta trước.** " Nhắc lại điều nhấn mạnh trong Thơ Giảng Thứ Nhất 4:10. Đức Chúa Trời luôn luôn khởi xướng, nhưng nhân loại tội lỗi cần phải hưởng ứng, Tín Đồ đặt đức tin và lòng tin cậy vào sự thành tín, và bản tính đáng tin cậy của Đức Chúa Trời. Tình yêu, hành động, và sự trung tín của Ba Ngôi là niềm hy vọng, sự đảm bảo của nhân loại được cứu.

4:20 "Nếu có ai nói" Thể điều kiện hạng ba, nói về tiềm năng của một hành động. Giảng sử dụng câu nói của các giáo sư giả để bắt bẻ họ. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:6,8,10; 2:4,6). Đây là một kỹ thuật văn chương qua dẫn chứng và phản biện (Xem Ma-la-chi, Rô-ma, and Gia-cơ).

▣ "**"Tôi yêu thương Đức Chúa Trời" mà lại ghét anh em** " Nếp sống chứng minh chúng ta là Tín Đồ hay không. (Xem Mác 12:28-34). Sự bất đồng có thể xảy ra, nhưng thù ghét theo thói quen không thể tồn tại. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Phân biệt chủng tộc.

▣ "**thì người ấy là kẻ nói dối.** " Giảng gọi vài người Tín Đồ tự xưng là kẻ nói dối. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 2:4,22; 4:20). Giảng cũng chỉ ra nhưng người giảng dạy sai biến Đức Chúa Trời thành kẻ nói dối. (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:6,10; 5:10). Họ là những người cuồng đạo tự mình dối mình.

4:21 Câu này tóm tắt cả chương 4, Tình yêu là bằng chứng không thể làm giả đối với Tín Đồ thực. Sự thù ghét chứng minh người ấy là con cái của ma quỷ. Các giáo sư giả chia rẽ đàn chiên và gây sự xung khắc.

▣ "**anh em** " Thuật ngữ 'anh em' ở đây hơi khó hiểu. Có thể là 'anh em trong đức tin' hay anh em bạn hữu. Tuy nhiên, Giảng cũng thường gọi Tín Đồ là anh em khiến khả năng thứ nhất có ý nghĩa hơn. (Xem 1 Ti-mô-thê 4:10).

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Hãy liệt kê ba cách thử nghiệm Tín Đồ thực hữu.
2. Làm sao có thể biết một người đang nói cho Chúa.?
3. Liệt kê hai nguồn chân lý: (lời chứng từ chủ ngữ và lời chứng là tân ngữ)
4. Điều gì quan trọng trong danh hiệu “Cứu Chúa của nhân loại”?
5. Hãy liệt kê hành động phơi bày kẻ nói dối. (Tín Đồ già).

Thơ Giảng Thứ Nhất 5

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Đức tin là chiến thắng Thế gian	Vâng phục bởi đức tin	Đức tin chiến thắng	chiến thắng của chúng ta trên thế gian.	
	4:20-5:5			
5:1-5		5:1-5	5:1-5	Nguồn của đức tin
Sự làm chứng về Đức Chúa Con	lời chứng chắc chắn của Đức Chúa Trời.		Lời chứng về Chúa Giê-su Christ	5:5-13
5:6-12	5:6-13	5:6-12	5:6-12	
Kiến thức về Sự Sống Đời Đời.		Tóm lược	Sự Sống Đời Đời	
5:13-15	Sự tự tin và thương sót trong cầu nguyện.	5:13	5:13-15	Cầu nguyện cho tội nhân
	5:14-17	5:14-17		5:14-17
5:16-17	Biết chân lý, từ chối sai lầm.		5:16-17	Tóm lược bức thơ.
5:18-21	5:18-21	5:18-20	5:18	5:18-21
			5:19	
			5:20	
		5:21	5:21	

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên “buông thả” điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

93. Phân đoạn 1
94. Phân đoạn 2
95. Phân đoạn 3
96. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN HIỆU ĐỊNH NASB (RVV2011): Thư Giăng Thứ Nhất 5:1-4

¹ Ai tin Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ thì sinh bởi Đức Chúa Trời; ai yêu thương Đấng sinh thành thì cũng yêu thương người được Đấng ấy sinh ra. ² Bởi điều này, chúng ta biết mình yêu thương con cái Đức Chúa Trời: Đó là chúng ta yêu Đức Chúa Trời và làm theo các điều răn của Ngài. ³ Yêu Đức Chúa Trời tức là chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài; điều răn của Ngài không phải là nặng nề. ⁴ Vì ai sinh bởi Đức Chúa Trời thì chiến thắng thế gian; điều làm cho chúng ta chiến thắng thế gian chính là đức tin của chúng ta.

5:1 " Ai tin... ai yêu thương (hai lần) Thuật ngữ 'ai' (*pas*) được sử dụng nhiều lần trong Thư Giăng Thứ Nhất (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:29; 3:3,4,6 [hai lần] 9,10; 4:7; 5:1). Không ai đứng ngoài danh sách trắng đen về hai nhóm người thuộc linh. Đây là lời mời gọi mở rộng cho cả thế gian tiếp nhận Chúa Giê-su Christ (Xem Giăng 1:12; 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-ê-rô 3:9). Nó cũng giống lời mời của Phao-lô trong Rô-ma 10:9-13.

▣ **" tin"** Động tính từ chủ động thì hiện tại. Thuật ngữ (*pistis; pisteuō*) có thể được dịch là đức tin, tin cậy, và tin. Tuy nhiên trong Thư Giăng Thứ Nhất và (1 & 2 Ti-mô-thê and Titus) nhiều khi thuật ngữ này được sử dụng với nội dung thần học. Thuật ngữ này được Phao-lô và các tác giả Phúc Âm sử dụng cho sự hứa nguyện một cách cá nhân. Phúc Âm là cá nhân để tin cậy và là sứ điệp chân lý để tiếp nhận. Trong Thư Giăng Thứ Nhất and Gia-cơ Phúc Âm là nếp sống yêu thương và phục vụ. Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Cách Giăng sử dụng động từ 'tin'**

▣ **"Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ"**. Điều sai lầm căn bản là các giáo sư giả không chấp nhận tập trung vào Nhân Vật và Công Việc của Chúa Giê-su, là Đấng trọn vẹn Thần Linh (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 5:5). Chúa Giê-su Na-xa-rét là Đấng Mê-si-a được hứa. Đấng Mê-si-a từ trong Cựu-ước đã là Thần Linh. Câu " Đức Chúa Giê-su là Đấng Christ", với câu "Đức Chúa Con của Đức Chúa Cha" có lẽ là lời thề nguyện, hoặc xưng nhận trong lễ Báp-tem của Hội thánh sơ khởi (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:22; 4:15; 5:5). Chức vụ Đấng Mê-si-a của Chúa Giê-su liên hệ một cách chắc chắn tới các dân tộc với bối cảnh Cựu-ước: Dân Do-thái, dân ngoại nhập đạo, và những người kính sợ Đức Chúa Trời. .

▣ **"sinh bởi Đức Chúa Trời"** 'được sinh' - động từ chỉ định, thụ động, thì hoàn thành, nhấn mạnh cao điểm của một hành động bởi tác nhân bên ngoài (là Đức Chúa Trời), để trở thành thể trạng bền vững, Xem Thư Giăng Thứ Nhất 5:4,18; 2:29

NASB "Yêu Con sinh bởi Ngài"

NKJV "Yêu Con sinh bởi Ngài "

NRSV "Yêu Cha, yêu Con"

TEV "Yêu Đức Chúa Cha yêu Con của Ngài nữa. "

NJB "yêu Đức Chúa Cha yêu Đức Chúa Con"

Câu này nói về tình yêu của Đức Chúa Cha đối với Đức Chúa Con, bởi vì (1) chủ từ số ít được sử dụng, (2) động từ 'yêu' thì quá khứ, (3) các giáo sư giả tìm cách tách Chúa Giê-su khỏi Đức Chúa Cha. Tuy nhiên câu này cũng có thể liên hệ tới chủ đề lặp đi lặp lại là Tín Đồ yêu thương lẫn nhau. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 5:2) bởi chúng ta đều có một Đấng Làm Cha.

5:2 Câu này, cùng với câu Thư Giăng Thứ Nhất 5:3, nhắc lại một trong những chủ đề chính, 'tình yêu'. Tình yêu của Đức Chúa Trời thể hiện qua tình yêu ban phát (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:7-11; 4:7-21) và sự vâng phục (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:3-6). Để ý tới các bằng chứng về một Tín Đồ thực sự.

1. yêu Đức Chúa Trời

2. yêu Con của Đức Chúa Trời (Thư Giăng Thứ Nhất 5:1)

3. yêu con cái của Đức Chúa Trời (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:2)
4. vâng phục (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:2,3)
5. chiến thắng (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:4-5)

5:3 "Yêu Đức Chúa Trời tức là chúng ta vâng giữ các điều răn của Ngài;" Sở hữu cách có thể là chủ ngữ hay tân ngữ, hoặc kết hợp cả hai. Tình yêu không phải là cảm xúc nhưng là hành động xuất phát từ Đức Chúa Trời và từ chúng ta. Sự vâng phục là điều quan trọng. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:3-4; 3:22,24; Giăng 14:15,21,23; 15:10; Thơ Giăng Thứ Hai 6; Khải Huyền 12:17; 14:12).

▣ **"điều răn của Ngài không phải là nặng nề."** Giao ước mới đòi hỏi tinh thần trách nhiệm, (Xem Ma-thi-ơ 11:29-30, Chúa Giê-su sử dụng từ ‘ách, gánh’). Các Ra-bi cũng dùng từ này khi nói về luật Mô-sê, Ma-thi-ơ 23:4). Điều răn bắt nguồn từ mối liên hệ với Chúa, nhưng không phải là nền tảng của mối liên hệ, bởi nền tảng là ân điển của Đức Chúa Trời, chứ không phải là công đức con người. (Xem Ê-phê-sô 2:8-9,10). Chúa Giê-su giáo huấn rất khác đối với các giáo sư giả - là những người thuộc hai cực điểm, (1) bất tuân luật pháp (antinomian) hoặc (2) luật lệ hóa tất cả (legalism). Tôi phải công nhận, càng lâu tôi phục vụ Đức Chúa Trời qua phục vụ con dân Ngài tôi càng sợ hai nhóm cực đoan này.

Xem chủ đề đặc biệt cách dùng ‘điều răn’ trong văn tự của Giăng ở câu 12:50

5:4

NASB, NKJV,

NRSV "bởi những gì sinh bởi Đức Chúa Trời"

TEV, NJB "bởi tất cả con cái Đức Chúa Trời"

Bản Hy-lạp đặt thuật ngữ ‘tất cả’ (*pas*) đầu câu để nhấn mạnh, giống như trong câu Thơ Giăng Thứ Nhất 5:1. Giống trung, số ít được dịch là ‘những gì’ Tuy nhiên ngữ cảnh cho phép liên hệ tới con người, bởi được tiếp tục bằng tính động từ thụ động thì hoàn thành ‘sinh bởi’. Những ai tin Chúa Giê-su được sinh bởi Đức Chúa Trời và chiến thắng thế gian. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:4; 2:13,14).

▣ **"chiến thắng thế gian"** "chiến thắng"- động từ chỉ định, chủ động, thì hiện tại. *nikaō* (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:13,14; 4:4; 5:4,5). Các từ cùng nguồn gốc được sử dụng hai lần nữa trong Thơ Giăng Thứ Nhất 5:4.

1. danh từ ‘chiến thắng’ *nikē*

2. động tính từ chủ động thì quá khứ. ‘đã chiến thắng’

Chúa Giê-su đã chiến thắng thế gian (động từ chỉ định chủ động, thì hoàn thành, Xem Giăng 16:33). Bởi các Tín Đồ ở trong mối liên hệ với Ngài, họ cũng có quyền năng chiến thắng thế gian. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:13-14; 4:4).

Thuật ngữ ‘thế gian’ nói về hệ thống tổ chức xã hội vận hành bên ngoài nguyên tắc của Đức Chúa Trời. Thái độ độc lập là điều căn bản của tội lỗi và bạo loạn của nhân loại. (Xem Sáng Thế Ký 3). Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Kosmos (thế gian)**.

▣ **"chiến thắng"** đây là danh từ (*nikos*) của động từ *nikaō*, đã chiến thắng. Ở cuối câu Thơ Giăng Thứ Nhất 5:4 động tính từ chủ động thì quá khứ lại được sử dụng, sau đó trong câu 5:5 một động tính từ khác *nikos* cũng được sử dụng. Các Tín Đồ đã chiến thắng và luôn chiến thắng thế gian. Danh hiệu ‘Nike’ thuộc về hãng sản xuất giày đánh tennis, là danh hiệu cho nữ thần chiến thắng trong thần thoại Hy-lạp.

▣ **"là đức tin của chúng ta."** Đây là nơi duy nhất danh từ ‘đức tin’ (*pistis*) được sử dụng trong cả văn tự của Giăng. Có thể Giăng quá quan tâm đến việc tránh nhấn mạnh về tín lý thần học mà coi nhẹ nếp sống hàng ngày giống Chúa. Chính vì vậy mà động từ ‘tin’ (*pisteuō*) được sử dụng nhiều hơn. Đức tin của chúng ta đem lại chiến thắng bởi vì

1. nó liên hệ tới chiến thắng của Chúa Giê-su

2. Nó liên hệ tới sự tương giao với Đức Chúa Trời.

3. Nó liên hệ tới sự ngự trong lòng của Đức Thánh Linh

Xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Đức tin (danh từ *pistis*), tin (động từ *pisteuō*), hoặc đáng tin (tính từ *pistos*); và CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Trường tồn" trong văn tự của Giăng.**

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giảng Thứ Nhất 5:5-12

⁵ Ai là người chiến thắng thế gian, nếu không phải là người tin Đức Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời?
⁶ Đức Chúa Jê-sus Christ là Đấng đã đến bởi nước và huyết, không phải chỉ bởi nước mà thôi, nhưng bởi nước và huyết.⁷ Chính Thánh Linh làm chứng, vì Thánh Linh là chân lý.⁸ Có ba bằng chứng: Thánh Linh, nước và huyết; cả ba đều hiệp nhất.⁹ Nếu chúng ta nhận lời chứng của loài người, thì lời chứng của Đức Chúa Trời còn cao trọng hơn; vì đây là lời của Đức Chúa Trời làm chứng về Con Ngài.¹⁰ Ai tin Con Đức Chúa Trời thì có lời chứng ấy trong chính mình. Còn ai không tin Đức Chúa Trời thì cho Ngài là người nói dối, vì không tin lời mà Đức Chúa Trời đã làm chứng về Con Ngài.¹¹ Đây là lời chứng: Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho chúng ta, và sự sống nầy ở trong Con Ngài.¹² Ai có Đức Chúa Con thì có sự sống; ai không có Con Đức Chúa Trời thì không có sự sống.

5:5 "Đức Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời" Câu này định nghĩa niềm tin căn bản của chúng ta, được nhắc đến trong Thơ Giảng Thứ Nhất 5:4. Sự chiến thắng của chúng ta chính là lời xưng nhận đức tin nơi Chúa Giê-su, là Đấng trọn vẹn là Người và trọn vẹn là Đức Chúa Trời (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 4:1-6). Hãy để ý Tín Đồ khẳng định rằng Chúa Giê-su là (1) Đấng Mê-si-a (Thơ Giảng Thứ Nhất 5:1); (2) Con Thánh (Thơ Giảng Thứ Nhất 5:1); (3) Con Đức Chúa Trời (Thơ Giảng Thứ Nhất 5:5,10 và (4) Sự Sống (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:2; 5:20). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Cách Giảng sử dụng động từ tin với các giới từ hoti liên hệ tới động từ tin, ở câu Giảng 2:23

▣ **"Con Đức Chúa Trời"** See CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Con của Đức Chúa Trời. ở câu Giảng 3:8

5:6 "Đấng đã đến" 'đã đến' - động tính từ chủ động quá khứ, nhấn mạnh sự Nhập Thể (Chúa Giê-su với tư cách Con Người và Đức Chúa Trời) và sự chết thay của Ngài, là những điều mà các giáo sư giả từ chối.

▣ **"bởi nước và huyết"** Dường như 'nước' ám chỉ sự sinh thành của Chúa Giê-su (Xem Giảng 3:1-9) và 'huyết' ám chỉ cái chết của Ngài. Trong bối cảnh bao gồm Tri Huệ Giáo từ chối nhân tính của Chúa Giê-su, hai trải nghiệm trên tóm tắt và bày tỏ cuộc đời và công việc của Ngài

Một sự lựa chọn giải kinh khác là các giáo sư Tri Huệ Giáo (Cerinthus) coi nước là phép Báp-tem của Chúa. Họ coi "linh của Đấng Christ 'nhập vào Giê-su ở thời điểm Báp-tem và rời Giê-su trước khi chết trên thập tự giá. Xem tóm tắt sơ lược trong bảng NASB Study Bible, trang 1835).

Sự lựa chọn thứ ba, liên hệ tới sự chết của Chúa Giê-su. Khi người lính đâm Ngài bằng giáo có nước và huyết Ngài tuôn ra. (Xem Giảng 19:34) Các giáo sư giả luôn tìm cách xem nhẹ cái chết thay thế của Chúa Giê-su.

▣ **"Chính Thánh Linh làm chứng,"** Vai trò của Đức Thánh Linh là bày tỏ Phúc Âm, Ngài là Một Phần trong Ba Ngôi, cáo trách tội lỗi, giới thiệu Chúa Giê-su, làm báp-tem trong Đấng Christ, và khuôn mẫu Đấng Christ trong Tín Đồ, (Xem Giảng 16:7-15). Đức Thánh Linh luôn làm chứng cho Đấng Christ, chứ không bao giờ tự mình làm chứng cho bản thân. (Xem Giảng 15:26).

▣ **"Thánh Linh là chân lý"** (Xem Giảng 14:17; 15:26; 16:13; Thơ Giảng Thứ Nhất 4:6). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Chân Lý (Khái niệm) và CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Thực" (thuật ngữ) trong văn tự của Giảng, ở các câu Giảng 6:55, 17:3

5:7 Có một số sự bất đồng giữa các bản dịch Anh Ngữ, không nhất quán việc các câu Thơ Giảng Thứ Nhất 5:6,7 dừng lại ở đâu để bắt đầu câu 8. Một phần của câu 5:7 trong bản KJV "Trên Thiên Đàng, Đức Chúa Cha, Ngôi Lời và Đức Thánh Linh, cả Ba hiệp một' không có trong các bản sao chữ lớn (uncial Greek: Alexandrinus (A), Vaticanus (B), Sinaiticus (Σ), và các bản thuộc nhóm Byzantine). Phân đoạn này chỉ xuất hiện trong các bản sao chữ nhỏ sau này .

1. MS 61, vào thế kỷ 16

2. MS 88 vào thế kỷ 12

3. MS 629, vào thế kỷ 14, 15

4. MS 635, vào thế kỷ 11, trong đó phần thêm được viết bên lề qua hiệu đính bằng tay.

Câu này không được dẫn chứng bởi các giám mục nguyên thủy, không được dùng trong các tranh luận về Ba Ngôi của họ. Câu này cũng không có trong tất cả các bản sao cổ, trừ nhóm tiếng La-tin muộn (*Sixto-Clementine*). Nó không có trong bản La-tin cổ hay Jerome Vulgate. Hình như câu này xuất hiện trong bài luận của một nhà dị giáo Tây ban nha, Priscillian, chết năm 385. Nó được dẫn giải bởi các giám mục Bắc Phi và I-ta-ly, trong thế kỷ thứ 5, Tóm lại, câu này không nằm trong văn tự thơ Giảng Thứ Nhất được linh cảm ban đầu.

Tin lý Kinh thánh: Một Đức Chúa Trời (thuyết Độc Thần) nhưng có Ba Ngôi Cá Nhân (Cha, Con và Thánh Linh) sẽ không bị ảnh hưởng bởi từ chối câu này. Mặc dầu Kinh thánh không dùng chữ Ba Ngôi, nhưng có nhiều phân đoạn dẫn chứng sự hiện diện của cả Ba Ngôi hành động cùng nhau.

1. phép Báp-tem của Chúa Giê-su. (Ma-thi-ơ 3:16-17)
2. Đại Mạng Lệnh (Ma-thi-ơ 28:19)
3. Đức Thánh Linh được sai đi (Giăng 14:26)
4. Phi-ê-rơ truyền giảng (Công vụ 2:33-34)
5. Phao-lô bàn về xác thịt và tâm linh (Rô-ma 8:7-10)
6. Phao-lô bàn về ân tứ Thánh Linh (1 Cô-rin-tô 12:4-6)
7. Phao-lô bàn về hành trình của mình (2 Cô-rin-tô 1:21-22)
8. Phao-lô chúc phước cuối thư (2 Cô-rin-tô 13:14)
9. Phao-lô bàn về sự hoàn tất giai đoạn (Ga-la-ti 4:4-6)
10. Phao-lô ca ngợi Đức Chúa Cha (Ê-phê-sô 1:3-14)
11. Phao-lô bàn về dân ngoại từng bị chia cách khỏi Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:18)
12. Phao-lô bàn về sự hiệp một của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 4:4-6)
13. Phao-lô bàn về sự nhân từ của Đức Chúa Trời (Titus 3:4-6)
14. Phi-ê-rơ giới thiệu thư (1 Phi-ê-rơ 1:2)

Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Ba Ngôi ở câu Giăng 14:26

5:8 "Thánh Linh, nước và huyết; cả ba đều hiệp nhất." Trong Cựu-ước, hai hoặc ba người làm chứng cần đến để khẳng định một sự kiện. (Xem Phục Truyền. 17:6; 19:15) Ở Đây, những việc làm được ghi nhận trong lịch sử làm chứng cho Chúa Giê-su, 'nước' và 'huyết' được nhắc lại lần thứ hai, bên cạnh Đức Thánh Linh. 'Nước' và 'huyết' đã được bàn đến trong ghi chú câu 5:6, còn Đức Thánh Linh dường như nói về thời điểm Chúa được báp-tem, khi Thánh Linh giáng xuống Ngài trong dạng chim bồ câu. Có nhiều cuộc tranh luận về ý nghĩa lịch sử chính xác của những biểu tượng này, nhưng chắc chắn phải có sự liên hệ tới sự chối từ của các giáo sư giả về bản ngã xương thịt của Chúa Giê-su. .

5:9 "Nếu" Thể điều kiện hạng nhất, giả thiết đây là điều có thật, hoặc phù hợp với dụng ý văn chương của tác giả. Trước khi nhận được Thư Giăng Thứ Nhất, các Hội thánh vùng Tiểu Á đang bị bối rối, bởi họ đã nghe giáo huấn của giáo sư giả.

▣ **"Nếu chúng ta nhận lời chứng của loài người, thì lời chứng của Đức Chúa Trời còn cao trọng hơn; "** - Lời chứng của Đức Chúa Trời, xét về ngữ cảnh có nghĩa là

1. Lời chứng của Đức Thánh Linh
2. Lời chứng của các Sứ Đồ về sự sống và sự chết của Chúa Giê-su (e.g., 1:1-3)

▣ **"lời của Đức Chúa Trời làm chứng về Con Ngài"** "Làm chứng" - động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành nói về hành động trong quá khứ với ảnh hưởng còn đến ngày nay. Có thể đây là lời làm chứng của Đức Chúa Trời tại thời điểm Chúa Giê-su được báp-tem (Xem Ma-thi-ơ 3:17) hoặc trên núi hoá hình (Xem Ma-thi-ơ 17:5; Giăng 5:32,37; 8:18) , hoặc cả hai trường hợp. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: chứng nhân về CHÚA GIÊ-SU, ở câu Giăng 1:8

5:10 "thì có lời chứng ấy trong chính mình" Có thể giải thích câu này theo hai ý.

1. Sự làm chứng của Đức Thánh Linh trong lòng Tín Đồ (Xem Rô-ma 8:16)
2. Chân Lý của Phúc Âm (Xem Khải Huyền 6:10; 12:17; 19:10)

Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: chứng nhân về CHÚA GIÊ-SU, ở câu Giăng 1:8

▣ **"không tin Đức Chúa Trời thì cho Ngài là người nói dối, "** Động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành, những ai từ chối Chúa Giê-su từ chối Đức Chúa Trời và coi Đức Chúa Trời là kẻ nói dối. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 5:12) .

▣ **"vì không tin"** cũng động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành, nhấn mạnh tình trạng không biến đổi của những người vô tin.

5:11-12 "Đức Chúa Trời đã ban sự sống đời đời cho chúng ta" 'Đã ban' - Động từ chỉ định, chủ động, thì quá khứ, nói về một hành động đã hoàn thành trong quá khứ. (Xem Giăng 3:16). Sự sống đời đời được định

nghĩa trong Giăng 17:3. Trong một số trường hợp, Sự Sống Đời Đời được đồng nghĩa với Chúa Giê-su, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:2; 5:20), trong những trường hợp khác là món quà của Đức Chúa Trời. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:25; 5:11; Giăng 10:28), được tiếp nhận bởi niềm tin nơi Chúa Giê-su. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 5:13; Giăng 3:16). Một người không thể có mối thông công với Đức Chúa Trời mà không có đức tin cá nhân trong Con của Ngài.

BẢN HIỆU ĐỊNH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 5:13-15

¹³ Tôi viết điều này cho anh em, là những người đã tin đến danh Con Đức Chúa Trời, để anh em biết mình có sự sống đời đời. ¹⁴ Đây là sự vững tâm mà chúng ta có được trước mặt Ngài: Ấy là nếu chúng ta cầu xin điều gì theo ý muốn Ngài thì Ngài nghe chúng ta. ¹⁵ Và nếu chúng ta biết Ngài nghe bất cứ điều gì chúng ta cầu xin thì chúng ta biết là mình đã nhận được điều cầu xin rồi.

5:13 "tin đến danh Con Đức Chúa Trời" 'Tin'- động tính từ chủ động, thì hiện tại, nhấn mạnh về tính liên tục của Đức Tin. Đây không phải là sử dụng Danh Thân một cách ảo thuật hay huyền bí như huyền thoại Do-thái *Kabbalah* dựa theo danh của Chúa, nhưng là cách Cụu-ước ám chỉ một nhân vật qua danh hiệu, tên gọi. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Động từ "tin. Trong văn tự của Giăng" 2:23

▣ **"để anh em biết"** Lối bàn thái, chủ động, thì hoàn thành. (*oida* trên lý thuyết là thì hoàn thành, được dịch như thì hiện tại.) Sự đảm bảo là một trong những chủ đề chủ yếu của sự cứu rỗi, và được lặp đi lặp lại nhiều lần trong Giăng. Có hai thuật ngữ đồng nghĩa 'biết' (*oida* and *ginōskō*) trong tiếng Hy-lạp: Sự đảm bảo là gia sản gia truyền của mỗi một Tín Đồ, tuy nhiên trong bối cảnh lịch sử địa phương và xã hội, nhiều người không cảm thấy yên tâm. Câu này cũng tương tự như câu kết luận của Phúc Âm Giăng, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 20:31).

Ngữ cảnh của phần kết luận của Thơ Giăng Thứ Nhất (5:13-20) liệt kê 7 điều mà mỗi Tín Đồ cần biết. Sự hiểu biết Phúc Âm kết hợp với niềm tin cá nhân đem lại sự đảm bảo.

1. Tín Đồ có sự sống đời đời (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:13, *oida*, Lối bàn thái chủ động thì hoàn thành)
2. Đức Chúa Trời lắng nghe lời cầu nguyện (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:15, *oida*, động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành)
3. Đức Chúa Trời trả lời lời cầu nguyện. (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:14, *oida*, động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành)
4. Tín Đồ được sinh bởi Đức Chúa Trời (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:18, *oida*, động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành)
5. Tín Đồ từ Đức Chúa Trời (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:19, *oida*, động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành)
6. Tín Đồ biết Đấng Mê-si-a đã đến và đem cho họ sự hiểu biết, (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:20, *oida*, động từ chỉ định, chủ động, thì hoàn thành)
7. Tín Đồ biết Chân Thân: Đức Chúa Cha hoặc Đức Chúa Con (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:20, *ginōskō*, Lối bàn thái chủ động thì hiện tại)

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẢM BẢO CỦA CƠ ĐỐC NHÂN

A. Tín Đồ có thể biết mình được cứu không? (cf. 1 Giăng 5:13)? Thơ Giăng thứ nhất đưa ra 3 thử nghiệm.

1. Tín Lý (niềm tin thần học, 1 Giăng 1:1,5,10; 2:18-25; 4:1-6,14-16; 5:11-12)
2. Nếp sống (vâng phục, 1 Giăng 2:2-3; 2:3-6; 3:1-10; 5:18)
3. Quan hệ (yêu thương, 1 Giăng 1:2-3; 2:7-11; 3:11-18; 4:7-12, 16-21)

B. Sự đảm bảo trở nên nan đề của giáo phái

1. Giăng Calvin: Sự đảm bảo dựa theo sự tuyển chọn tiền định của Đức Chúa Trời, chúng ta không thể có sự chắc chắn trong đời này
2. Giăng Wesley: Sự đảm bảo dựa trên trải nghiệm tín ngưỡng, Chúng ta có thể sống thánh khiết, vô nhiễm đối với tội lỗi đã được biết.
3. Công giáo La Mã và Hội thánh Đấng Christ: Sự đảm bảo dựa trên Giáo Hội có thẩm quyền. Tín Đồ tham gia Giáo Hội nào là chìa khóa quyết định sự cứu rỗi.
4. Mỗi một giáo hội Tin Lành dựa sự đảm bảo trên lời hứa của Đức Chúa Trời, liên hệ tới bông trái Đức Thánh Linh, (cf. Ga-la-ti 5:22-23) trong đời sống hàng ngày, sự giống-Đấng-Christ).

Sự bảo đảm vừa là một lễ thật Kinh Thánh vừa là trải nghiệm của đức tin và cách sống của tín hữu.

C . Nền tảng Kinh Thánh của sự đảm bảo là

4. Bản tính của Đức Chúa Cha
 - a. Sáng thế Ký 3:15; 12:3
 - b. Thi Thiên 46:10
 - c. Ma-thi-ơ 1:11
 - d. Giăng 3:16; 10:28-29
 - e. Rô-ma 8:38-39
 - f. Ê-phê-sô 1:3-14; 2:5,8-9
 - g. Phi-líp 1:6
 - h. II Ti-mô-thê 1:12
 - i. I Phi-e-rơ 1:3-5
5. Công tác của Đức Chúa Con
 - a. Lời cầu nguyện như thầy tế lễ của Ngài (Giăng 17:9-24, đặc biệt câu 12)
 - b. Sự hy sinh thay thế của Ngài
 - 1) Rô-ma 8:31
 - 2) II Cô-rinh-tô 5:21
 - 3) I Giăng 4:9-10
 - c. Sự cầu thay liên tục của Ngài
 - 1) Rô-ma 8:34
 - 2) Hê-bơ-rơ 7:25
 - 3) I Giăng 2:1
6. Sự ban cho năng lực của Đức Thánh Linh
 - a. Sự kêu gọi của Ngài (Giăng 6:44,65)
 - b. Sự đóng ấn của Ngài
 - 1) II Cô-rinh-tô 1:22; 5:5
 - 2) Ê-phê-sô 1:13-14; 4:30
 - c. Sự đảm bảo của Chúa
 - 1) Rô-ma 8:16-17
 - 2) I Giăng 5:7-13

D . Tín hữu cần phải có đáp ứng qua giao ước là

7. Sự ăn năn khởi đầu và liên tục cùng với đức tin
 - a. Mác 1:15
 - b. Công-vụ các Sứ-đồ 3:16,19; 10:21
 - c. Giăng 1:12 và Rô-ma 10:9-13
8. Phải nhớ rằng mục đích của sự cứu rỗi là trở nên giống như Đấng Christ
 - a. Rô-ma 8:28-29
 - b. Ê-phê-sô 2:10
9. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực bằng lối sống
 - a. Gia-cơ
 - b. I Giăng
10. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực qua đức tin chủ động và sự bền đỗ
 - a. Mác 13:13
 - b. I Cô-rinh-tô 15:2
 - c. Hê-bơ-rơ 3:14
 - d. II Phi-e-rơ 1:10
 - e. Giu-đe 20-21

E . Sự đảm bảo khó hiểu bởi vì

1. Tín Đồ thường tìm kiếm sự đảm bảo với trải nghiệm thay vì với lời hứa của Kinh thánh.
2. Tín Đồ thường không hiểu Phúc Âm
3. Tín Đồ thường phạm tội một cách chủ ý. (cf. I Cô-rinh-tô 3:10-15; 9:27; I Ti-mô-thê 1:19-20; 2 Ti-mô-thê 4:10; 2 Phi-e-rơ 1:8-11)

4. Một số tính cách cá nhân, ví dụ người theo đuổi chủ nghĩa toàn hảo không bao giờ có thể chấp nhận tình yêu vô điều kiện của Đức Chúa Trời.
5. trong Kinh thánh có 3 ví dụ về tuyên xưng một cách sai trật. (cf. Ma-thi-ơ. 13:3-23; 7:21-23; Mác 4:14-20; 2 Phi-ê-rơ 2:19-20; 1 Giăng 2:18-19, xem chủ đề đặc biệt: sự Dị giáo)
See Special Topic: Christian Assurance for a different outline of this doctrine.

5:14 "sự vững tâm mà chúng ta có được trước mặt Ngài" Đây là chủ đề được lặp đi lặp lại (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:28; 3:21; 4:17). Nó nhấn mạnh sự dạn dĩ và tự do khi chúng ta đến gần Đức Chúa Trời. (Xem Hê-bơ-rơ 4:16). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự dạn dĩ (*parrhēsia*). ở câu Giăng 7:4

▣ **"Nếu"** Đây là thể điều kiện hạng ba, có nghĩa tiềm năng một hành động (câu xin)

▣ **"chúng ta cầu xin điều gì theo ý muốn "** Ở đây Giăng nói về khả năng cầu xin vô hạn của Tín Đồ, Cầu nguyện cho những gì và như thế nào là bằng chứng cứu rỗi của Tín Đồ. Tuy nhiên sau khi khảo cứu rộng hơn, chúng ta biết rằng không phải mình cầu nguyện theo ý mình, nhưng theo ý Chúa trong cuộc sống bản thân. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:22; Ma-thi-ơ 6:10; Mác 14:36). Xin xem ghi chú ở câu Thơ Giăng Thứ Nhất 3:22. Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Ý chỉ của Đức Chúa Trời (*thelēma*) và CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Cầu nguyện, vô hạn và trong giới hạn. ở các câu Giăng 3:14 và 3:22

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY

I. Giới thiệu

- A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Đức Chúa Giê-su đã làm gương
 1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
 2. Dẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
 3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4
- B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có thể hành động thay cho chúng ta và những người khác
- C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
- D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.
- E. Tầm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tự tưởng và sự lo âu lại đến.
- F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
 1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
 2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
 3. Xưng tội, trong quá khứ và hiện tại
 4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
 5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha
- G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

II. Các dữ liệu trong Kinh thánh

A. Cự-ước

1. Những ví dụ về sự cầu thay:

- a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và tiếp sau
- b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên

(1) Xuất Ê-díp-tô ký 5:22-23

- (2) Xuất Ê-díp-tô ký 32:31 và tiếp sau
 - (3) Phục truyền 5:5
 - (4) Phục truyền 9:18, 25 và tiếp sau
 - c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:
 - (1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9
 - (2) I Sa-mu-ên 12:16-23
 - (3) I Sa-mu-ên 15:11
 - d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18
 - 2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16
 - 3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện
 - a. Thi thiên 66:1
 - b. Châm ngôn 28:9
 - c. Ê-sai 59:1-2; 64:7
- B. Tân-ước**
- 1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:
 - a. Đức Chúa Giê-su
 - (1) Rô-ma 8:34
 - (2) Hê-bơ-rơ 7:25
 - (3) I Giăng 2:1
 - b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27
 - 2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô
 - a. Cầu thay cho người Do Thái
 - (1) Rô-ma 9:1 và tiếp sau
 - (2) Rô-ma 10:1
 - b. Cầu thay cho các Hội thánh
 - (1) Rô-ma 1:9
 - (2) Ê-phê-sô 1:16
 - (3) Phi-líp 1:3-4, 9
 - (4) Cô-lô-se 1:3, 9
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11
 - (7) II Ti-mô-thê 1:3
 - (8) Phi-líp 4
 - c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông
 - (1) Rô-ma 15:30
 - (2) II Cô-rinh-tô 1:11
 - (3) Ê-phê-sô 6:19
 - (4) Cô-lô-se 4:3
 - (5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25
 - (6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1
 - 3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:
 - a. Cầu thay cho nhau:
 - (1) Ê-phê-sô 6:18
 - (2) I Ti-mô-thê 2:1
 - (3) Gia-cơ 5:16
 - b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:
 - (1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44
 - (2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18
 - (3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2
 - (4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16
 - (5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16
 - c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1
- III. Cản trở những lời cầu nguyện được nhậm:**

- A. Mối liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh
 - 1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7
 - 2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24
 - 3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20
 - 4. Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15
- B. Động cơ của người cầu nguyện
 - 1. Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
 - 2. Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
 - 3. Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
 - 4. Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3
- C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện
 - 1. Trung kiên
 - a. Lu-ca 18:1-8
 - b. Cô-lô-se 4:2
 - c. Gia-cơ 5:16
 - 2. Cứ cầu xin
 - a. Ma-thi-ơ 7:7-8
 - b. Lu-ca 11:5-13
 - c. Gia-cơ 1:5
 - 3. Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7
 - 4. Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được
 - a. Thi thiên 66:18
 - b. Châm ngôn 28:9
 - c. Ê-sai 59:1-2
 - d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

- A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!
- B. Đức Chúa Giê-su là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.
- C. Nó có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

5:15 "Nếu" Thê điều kiện hạng nhất (với tiểu từ điều kiện *ean* và dạng chỉ định, xem thêm bài luận của ông A. T. Robertson, *Word Pictures in the New Testament*, trang. 243) - giả thiết đây là sự thật trong quan điểm và dụng ý văn chương của tác giả. Đây là một thê điều kiện bất thường, vì:

- 1. có tiểu từ điều kiện *ean* thay vì *ei* (Xem Công vụ 8:31; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:8)
- 2. Tiểu từ *ean* liên hệ tới lối bàn thái (ví dụ yêu cầu), là cấu trúc ngữ pháp cho thê điều kiện hạng ba.
- 3. Có thể điều kiện hạng ba trong Thơ Giăng Thứ Nhất 5:14 and 16
- 4. Tín lý thần học về sự cầu nguyện của Tín Đồ được liên hệ tới cầu nguyện theo ý chỉ của Đức Chúa Trời (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:14) và trong Danh Chúa Giê-su (Thơ Giăng Thứ Nhất 5:13).

▣ **"chúng ta biết Ngài nghe"** Đây lại có thêm một ví dụ động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành được dịch ra trong thì hiện tại, tương tự với Thơ Giăng Thứ Nhất 5:14. Tín Đồ có sự đảm bảo rằng Đức Chúa Trời nghe và trả lời họ.

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 5:16-17

¹⁶Nếu ai thấy anh em mình phạm tội, mà tội ấy không đến nỗi chết, thì hãy cầu xin, và Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống cho người ấy, tức là cho những người mà tội không đến nỗi chết. Cũng có tội dẫn đến sự chết; tôi không bảo anh em phải cầu xin cho tội này.¹⁷Mọi điều không công chính đều là tội, nhưng cũng có tội không đến nỗi chết

5:16 "Nếu" thê điều kiện hạng ba, tiềm năng của một hành động (phạm tội). Thơ Giăng Thứ Nhất 5:16 nhắc nhở chúng ta cầu thay cho Tín Hữu (Xem Ga-la-ti 6:1; Gia-cơ 5:13-18) với một số hạn chế (tội lỗi không đưa đến sự chết), có lẽ liên hệ tới các giáo sư giả (Xem 2 Phi-ê-rơ 2).

- ▣ " **thấy anh em mình phạm tội, mà tội ấy không đến nỗi chết,** " Giảng liệt kê một số hạng mục tội lỗi: (1) liên hệ tới Thần Linh, (2) liên hệ tới Tín Hữu, (3) liên hệ tới Thế Gian. Tội lỗi tối hậu là tội từ chối đức tin, sự tin cậy nơi Chúa Giê-su, hay là tội dẫn đến sự chết ! W. T. Connors in his *Christian Doctrine*, bình luận:
- "Sự bất tin ở đây không có nghĩa từ chối, không chấp nhận một tín lý, hay giáo điều. Đây là sự từ chối ánh sáng đạo đức và tâm linh, đặc biệt khi ánh sáng ấy được hiện ra từ Chúa Giê-su. Đây là sự chối từ mặc khải cuối cùng của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Khi sự chối từ này mang tính chất chắc chắn và tối hậu, nó trở nên, tội lỗi dẫn đến sự chết (Thơ Giảng Thứ Nhất 5:13-17), sự tự sát về lương tâm, sự tự móc mắt thuộc linh. Điều này khó xảy ra, trừ khi được liên hệ tới mức độ cao của sự giác ngộ. Đây là sự cố tình, nhắm tâm từ chối Đấng Christ là mặc khải của Đức Chúa Trời. Đây là sự cố tình gọi trắng là đen. " (trang 135-136).

Chủ Đề Đặc Biệt: Tội Lỗi Dẫn Đến Sự Chết (1 Giảng)

A. Theo Thánh Kinh Chú Giải học:

1. phải liên hệ một cách thích hợp với bối cảnh lịch sử của Thơ Giảng Thứ Nhất
 - a. Sự có mặt của các giáo sư giả (see Special Topic: Gnosticism) trong các hội thánh (cf. 1 Giảng 2:19,26; 3:7; 2 Giảng 7; Xem chủ đề đặc biệt Tri Huệ Giáo)
 - (1) Nhóm "Cerinthian." dạy rằng nhân vật tên là Giê-su nhận linh của Đấng Christ ở thời điểm Báptem và bị bỏ rơi ở thời điểm chết trên Thập tự Giá. (xem 1 Giảng 5:6-8)
 - (2) Nhóm "Docetic" dạy rằng Chúa Giê-su chỉ là thần thánh, chứ không phải là người thực. (cf. 1 Giảng 1:1-3)
 - (3) Nhóm Tri Huệ Giáo Thế Kỷ thứ hai, dạy về hai quan điểm về thân thể con người.
 - (a) Bởi sự cứu rỗi áp dụng cho trí tuệ, nó vô dụng đối với thân thể, Chính vì vậy cơ thể mong ước điều gì cho nó điều ấy. Quan điểm này dẫn đến sự buông thả đạo đức. Nhóm này còn gọi là Tri Huệ Giáo tự do (Antinoman hay liberttine) .
 - (b) Cơ thể tự có bản ngã xấu xa, vậy nó muốn gì đều cấm nó. Nhóm này còn được gọi là Tri Huệ Giáo Khổ hạnh (Ascetic).
 - b. Các giáo sư giả đã rời bỏ hội thánh (cf. 1 Giảng 2:19), nhưng ảnh hưởng của họ còn vương vấn trên Tín Đồ!
2. Phải liên hệ tới ngữ cảnh văn chương của cả bức thơ.
 - a. 1 Giảng được viết với mục đích phân biệt Tri Huệ Giáo và khích lệ Tín Đồ trong sự đảm bảo cứu rỗi. b. Có hai phương diện của sự thử nghiệm Tín Đồ
 - (1) tín lý
 - (a) Chúa Giê-su thực sự nhập thể trong xương thịt (cf. 1 Giảng 1:1-3; 4:14)
 - (b) Chúa Giê-su thực sự là Đức Chúa Trời (cf. 1 Giảng 1:2; 5:20)
 - (c) nhân loại mang tính tội lỗi và chịu trách nhiệm trước Đức Chúa Trời Thánh Khiết (cf. 1 Giảng 1:6,10)
 - (d) Nhân loại được tha thứ và được coi là công chính trước Đức Chúa Trời bởi
 - i. Sự chết thể của Chúa Giê-su (cf. 1 Giảng 1:7; 2:1-2; 3:16; 4:9-10,14; 5:6-8)
 - ii. Đức tin nơi Chúa Giê-su (cf. 1 Giảng 1:9; 3:23; 4:15; 5:1,4-5,10-12,13)
 - (2) thực hành sống đạo (thử nghiệm tìm điều đáng khen)
 - (a) Nếp sống vâng phục (cf. 1 Giảng 2:3-5; 3:22,24; 5:2-3)
 - (b) nếp sống yêu thương (1 Giảng 2:10; 3:11,14,18,23; 4:7,11-12,16-18,21)
 - (c) nếp sống giống-Đấng-Christ (không vấp phạm, cf. 1 Giảng 1:7; 2:6,29; 3:6-9; 5:18)
 - (d) nếp sống đắc thắng trên sự ác / kẻ ác (cf. 1 Giảng 2:13,14; 4:4; 5:4)
 - (e) Lời Ngài trường tồn trong họ (cf. 1 Giảng 1:10; 2:14)
 - (f) Họ có Đức Thánh Linh(cf. 1 Johh 3:24; 4:4-6,13)
 - (g) họ được nhậm lời cầu nguyện (cf 1 Giảng 5:14-15)
 - (3) thực hành sống đạo (thử nghiệm tìm điều đáng trách)
 - (a) nếp sống tội lỗi (cf. 1 Giảng 3:8-10)
 - (b) nếp sống thù ghét (cf. 1 Giảng 2:9,11; 3:15; 4:20)
 - (c) nếp sống bất tuân (cf. 1 Giảng 2:4; 3:4)
 - (d) yêu thế gian (cf. 1 Giảng 2:15-16)
 - (e) từ chối Đấng Christ (từ chối cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con (cf. 1 Giảng 2:22-23; 4:2-3;

5:10-12)

3. phải liên hệ tới việc xác nhận từng từng vấn đề trong từng phân đoạn (cf. 1 Giảng 5:16-17)
 - a. phải chăng thuật ngữ ‘anh em’ trong 1 Giảng 5:16 nói về cả hai nhóm phạm tội dẫn đến sự chết và phạm tội không dẫn đến sự chết ?
 - b. Phải chăng những người phạm tội đã từng là thành viên của Hội Thánh? (cf. 1 Giảng 2:19)?
 - c. Đây là chi tiết qua trọng trong cú pháp:
 - (1) không có mạo từ đôi với ‘tội lỗi’ ?
 - (2) Động từ ‘thấy’ trong thể điều kiện hạng ba, nhưng với lỗi bàn thái chủ động thì quá khứ?
 - d. làm sao lời cầu thay của một Tín Đồ có thể hồi phục sự sống đời đời *zōē* cho một cá nhân khác (cf. Gia-cơ 5:15-16) ?
 - e. làm sao 1 Giảng 5:17 liên hệ tới loại tội dẫn đến sự chết và loại tội không dẫn đến sự chết.

B. Nan đề thần học

1. Người dịch có nên liên hệ ‘tội lỗi dẫn đến sự chết’ trong 1 Giảng với
 - a. tội lỗi không thể tha thứ trong Phúc Âm (Xem chủ đề đặc biệt, tội không thể tha thứ)
 - b. Tội tái phạm trong Hebrews 6 and 10Ngữ cảnh của Giảng có vẻ tương đồng ‘tội dẫn đến sự chết’ và ‘tội không thể tha thứ’ của các Pha-ri-si trong thời Chúa Giê-su. (cf. Ma-thi-ơ. 12:22-37; Mác 3:22-29) và những người Do-thái bất tin trong Hê-bơ-rơ 6 and 10. Cả ba nhóm (Pha-ri-si, người Do-thái bất tin, và giáo sư giả Tri huệ Giáo) đều đã nghe rõ Phúc Âm, nhưng từ chối sự tin cậy nơi Chúa Giê-su. .
2. Các giáo phái tin lành có nên cho phép định kiến thần học soi chiếu văn bản?

Các giáo phái tin lành nhấn mạnh quá nhiều về giai đoạn mở đầu của trải nghiệm Cơ-đó, nhưng xem nhẹ sự tiếp tục trong nếp sống đức tin. Các câu hỏi thần học ngày nay sẽ gây sốc cho các Tín Đồ của hội thánh sơ khởi. Chúng ta muốn có sự đảm bảo dựa trên một số câu Kinh thánh ‘an toàn’, tức dễ hiểu. và dựa trên định kiến của giáo hội.

Hệ thống thần học phản án sự bất an của chúng ta. Chúng ta cần thông tin nhiều hơn những gì Kinh thánh cung cấp, vì vậy hệ thống thần học của chúng ta dựa trên một phần nhỏ của Kinh thánh và phần lớn là ý tưởng dựa theo nền văn hóa phương Tây.

Lời của Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ và Mác chương 7 đủ cho các Hội thánh sơ khởi. Chúa Giê-su tìm các môn đồ, không tìm những người hưởng ứng nhất thời. Chúa tìm nếp sống tin cậy lâu dài, chứ không tìm cảm xúc ngắn hạn. (cf. Ma-thi-ơ. 13:10-23; 28:18-20; Giảng 8:31-59). Cơ đốc giáo không phải là một hành động trong quá khứ, nhưng là nếp sống ăn năn, tin cậy, vâng phục và bền đỗ. Cơ đốc giáo không phải là vé đi thiên Đàng, không phải là hợp đồng bảo hiểm để bảo vệ nếp sống vị kỷ, vô đạo của chúng ta. Xem chủ đề đặc biệt: sự dị đạo.
3. Phải chăng ‘tội lỗi dẫn đến sự chết’ nói về sự chết thuộc thể hay sự chết đời đời. Giảng sử dụng thuật ngữ sự sống *zōē* ở trong ngữ cảnh này để ám chỉ sự tương phản với sự sống đời đời. Có thể nào Đức Chúa Trời đưa về nhà Chúa những người tội nhân chỉ chết phần thể xác? Sự áp dụng ngữ cảnh dẫn đến kết luận là (1) Tín Đồ cầu thay cho Tín Đồ khác, và (2) sự ăn năn của Tín Đồ vấp phạm, hiệp lại có thể hồi phục họ, nhưng nếu họ cứ tiếp tục nếp sống mất uy tín cho công đồng đức tin, hậu quả sẽ là sự ra đi, hay là chết sớm trong cuộc sống này. Theo cuốn *When Critics Ask* của Norman Geisler and Thomas Howe, p. 541)

▣ **"Đức Chúa Trời sẽ ban sự sống cho người ấy, "** Nan đề về khía cạnh thần học cũng như khía cạnh định nghĩa theo từ điển là thuật ngữ ‘cuộc sống’ (*zōē*). cần được hiểu thế nào. Thông thường Giảng dùng thuật ngữ này để ám chỉ Sự sống đời đời, nhưng ngữ cảnh ở đây ám chỉ sự hồi phục về sức khỏe, hoặc sự tha thứ. (cũng như Gia-caơ sử dụng động từ ‘cứu’ trong Gia-cơ 5:13-15). Người được cầu thay được gọi là anh em, ám chỉ người này là Tín Đồ, (cách Giảng xưng hô đối với độc giả) .

5:17 Tất cả tội lỗi đều nghiêm trọng, nhưng một số tội (trừ tội bất tin) được tha thứ bởi sự ăn năn cùng đức tin nơi Chúa Giê-su, (ở thời điểm tin nhận Chúa, xem Mác 1:15; Công vụ 20:21); và tội xảy ra trong cuộc sống đời thường, (Xem Thơ Giảng Thứ Nhất 1:9)

BẢN HIỆU ĐỊNH NASB (RVV2011): Thơ Giăng Thứ Nhất 5:18-20

18 Chúng ta biết rằng ai sinh bởi Đức Chúa Trời thì không phạm tội, vì Đấng sinh bởi Đức Chúa Trời gìn giữ người ấy, và ma quỷ không đụng đến người ấy được. **19** Chúng ta biết mình thuộc về Đức Chúa Trời, còn cả thế gian đều ở dưới quyền ma quỷ. **20** Chúng ta biết Con Đức Chúa Trời đã đến và ban sự hiểu biết cho chúng ta để chúng ta biết Ngài là Đấng chân thật; chúng ta ở trong Đấng chân thật, tức là ở trong Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ. Chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và là sự sống đời đời.

5:18 "Chúng ta biết " Xem ghi chú ở câu Thơ Giăng Thứ Nhất 5:13.

▣ **"rằng ai sinh bởi Đức Chúa Trời thì không phạm tội"** Đây là tính động từ thụ động thì hoàn thành ‘được sinh’. ‘Không phạm tội’ mang tính chất trắng – đen trong cách diễn đạt của Giăng, như đã bàn trong Thơ Giăng Thứ Nhất 3:6 và 9. Sự sống đời đời có những chất lượng có thể quan sát được. Các giáo sư giả nhóm tự do Anitnomian bày tỏ trái tim họ qua nếp sống tội lỗi (Xem Ma-thi-ơ 7)!

Giăng ám chỉ hai nhóm giáo sư giả, Nhóm thứ nhất từ chối tội lỗi qua khổ hạnh, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 1:8-2:1) và nhóm thứ hai xem nhẹ tội lỗi qua sự buông thả. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:4-10 và ở đây). Tội lỗi phải được xưng ra trong thời điểm ban đầu và liên tục tránh bỏ. Tội lỗi luôn là nan đề, trong mọi thời điểm, giai đoạn (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 5:21).

Ông Bruce Metzger, *A Textual Commentary of the Greek New Testament* (trang. 718) khẳng định rằng những sự khác nhau giữa các bản sao dựa trên sự hiểu biết của các nhà sao chép ai được sinh bởi Đức Chúa Trời:

1. Chúa Giê-su -- đại từ *auton* thích hợp nhất. (A*, B*

2. Tín Đồ -- Đại từ *eauton* thích hợp nhất (⌘, A^c)

Liên hội thánh Kinh UBS⁴ chọn khả năng thứ nhất theo tiêu chuẩn “B”, gần như chắc chắn..

▣ **"Đấng (hoặc ai) sinh bởi Đức Chúa Trời gìn giữ người ấy (chính mình) "** hoặc

▣ **"ai sinh bởi Đức Chúa Trời gìn giữ chính mình "**

Động từ đầu tiên ‘sinh’ là động tính từ thụ động, thì quá khứ, ám chỉ một hành động kết thúc bởi một tác nhân bên ngoài (Thánh Linh Xem Rô-ma 8:11). Ở đây nói về sự nhập thể.

Động từ thứ hai ‘gìn giữ’ - dạng chỉ định, chủ động thì hiện tại, với tân ngữ ‘người ấy’ (*auton*). Nghĩa đen của câu này là ‘Đấng sinh bởi Đức Chúa Trời, tiếp tục gìn giữ người ấy’ Chi tiết này có trong các bản sao chữ lớn Hy-lạp A* and B*. Cách dịch này có thể thấy trong bản dịch Anh Ngữ NASB, RSV, and NIV.

Các bản sao ⌘ and A^c có thêm một đại từ khác, "gìn giữ chính mình" (*eauton*) có nghĩa Tín Đồ có trách nhiệm gìn giữ bản thân. Động từ ‘được sinh ra’ ở đây không được dùng ở bất cứ nơi nào khác liên hệ tới Chúa Giê-su. Khái niệm mềm dẻo áp dụng cho Tín Đồ trong các câu Thơ Giăng Thứ Nhất 3:3 and 5:21. Cách dịch này được thấy trong các bản Anh Ngữ KJV and ASV.

NASB"và ma quỷ không động đến người ấy "

NKJV"Kẻ xấu không động đến người ấy"

NRSV"ma quỷ không đụng đến họ"

TEV"Ma Quỷ không thể làm hại họ"

NJB"Ma quỷ không thể cầm bắt họ."

Động từ ‘động đến’ - dạng trung cách, chỉ định, thì hiện tại, có nghĩa ma quỷ không thể tiếp tục cầm giữ.

Ngoài ở đây, thuật ngữ này chỉ được dùng một lần duy nhất trong Phúc Âm Giăng 20:17. Rõ ràng là Tín Đồ bị cám dỗ, thử thách. Có ba phương án giải thích câu này như sau:

1. Tín Đồ thoát khỏi sự cáo buộc của ma quỷ dựa theo sự vi phạm luật pháp (được xưng công chính)

2. Chúa Giê-su cầu thay cho chúng ta (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:1; Lu-ca 22:32-33)

3. Sa-tan không thể cướp đi sự cứu rỗi. (Xem Rô-ma 8:31-39), mặc dầu hắn có thể ngăn cản lời chứng của Đức Chúa Trời trong cuộc sống chúng ta và nếu có thể - dựa theo Thư Giăng Thứ Nhất 5:16-17, sẽ cướp mạng sống của Tín Đồ khỏi thế gian này một cách sớm hơn.

5:19 "Chúng ta biết mình thuộc về Đức Chúa Trời," Đây là niềm tin cậy trong sự đảm bảo đức tin (thể giới quan của Tín Đồ). (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 4:6). Tất cả mọi phúc hạnh đều dựa trên chân lý tuyệt vời này. (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 5:13).

▣ **" còn cả thế gian đều ở dưới quyền ma quỷ."** ‘ở dưới’ - động từ dạng trung cách, chỉ định, thì hiện tại (Xem Giăng 12:31; 14:30; 16:11; 2 Cô-rin-tô 4:4; Ê-phê-sô 2:2; 6:12). Điều này xảy ra bởi (1) tội lỗi của A-đam; (2) bạo loạn của SA-tan và (3) tội lỗi mỗi một cá nhân.

5:20 "Chúng ta biết " xem ghi chú Thư Giăng Thứ Nhất 5:13.

▣ **"Con Đức Chúa Trời đã đến "** ‘đã đến’ - động từ chỉ định, chủ động thì hoàn thành, khẳng định sự Nhập thể của Con Thánh Thần. Thánh Thần trong thân thể con người là nan đề Tri Huệ Giáo không thể chấp nhận được bởi họ cho vật chất là xấu xa.

▣ **" ban sự hiểu biết cho chúng ta "** ‘ban’ - thêm một động từ chỉ định chủ động thì hoàn thành nữa. Chính Chúa Giê-su, chứ không phải giáo sư giả cung cấp cho Tín Đồ những tri thức về Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su mặc khải Đức Chúa Cha qua cuộc sống, giáo huấn, công việc, sự chết thể, sự sống lại, Ngài là lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời, Không ai có thể đến với Đức Chúa Cha mà không qua Ngài. (Xem Giăng 14:6; Thư Giăng Thứ Nhất 5:10-12).

▣ **"chúng ta ở trong Đấng chân thật, tức là ở trong Con Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ. Chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và là sự sống đời đời.**

Phần thứ nhất của câu “trong Ngài là Đấng Chân Thật” nói về Đức Chúa Cha (xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Chân Lý (khái niệm) trong văn tự của Giăng. Và CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "thực" (thuật ngữ) trong văn tự của Giăng), ở các câu Giăng 6:25 và 17:3. Nhưng trong phần thứ hai của câu, nói về Đức Chúa Trời chân thật, thật khó xác định Giăng muốn nói về Ai. Trong ngữ cảnh, hình như Giăng nói về Đức Chúa Cha, nhưng về mặt thần học có thể là Đức Chúa Con. Sự khó hiểu về ngữ pháp có thể mang dụng ý, như thường xảy ra đối với văn tự của Giăng. Bởi vì Đấng ở trong Đức Chúa Cha phải là Đức Chúa Con (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 5:12). Bản ngã Thần Linh và chân thật để có trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con, có thể sự ám chỉ Đức Chúa Con ở đây mang dụng ý thần học, (Xem Giăng 3:33; 7:28; 8:26). Tân-ước khẳng định bản ngã Thần Linh trọn vẹn của Chúa Giê-su Na-xa-rét. (Xem Giăng 1:1,18; 20:28; Phi-líp-pi 2:6; Tich 2:13; and Hê-bơ-rơ 1:8). Tuy nhiên, các giáo sư giả cũng khẳng định Chúa Giê-su là Thần, ít nhất, bằng sự ở trong linh thần thánh)

BẢN HIỆU ĐỈNH NASB (RVV2011): Thư Giăng Thứ Nhất 5:21

²¹Các con bé nhỏ ơi, hãy giữ mình khỏi hình tượng!

5:21

NASB "hãy giữ mình khỏi thần tượng"

NKJV, NRSV "hãy tự giữ mình khỏi thần tượng"

TEV "Hãy tự giữ mình khỏi các thần giả!"

NJB "hãy cảnh giác đối với thần giả"

Đây là mệnh lệnh thức, chủ động thì quá khứ. nhấn mạnh chân lý nói chung. Các Tín Đồ đã tham gia một cách tích cực quá trình thánh hóa, (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 3:3), và chia sẻ niềm vui với Chúa Giê-su Christ. (Xem Ê-phê-sô 1:4; 1 Phi-ê-rơ 1:5).

Thuật ngữ ‘thần tượng’ chỉ xuất hiện hai lần trong Văn tự của Giăng, ở đây và trong Khải Huyền 9:20 với sự gợi ý từ trong Cựu-ước. Có hai lý do ‘thần tượng’ được nhắc đến ở đây: có thể là nêp sống thần tượng của các giáo sư giả, hoặc trong các cuộn Biển Chết, thuật ngữ ‘tội lỗi’ đồng nghĩa với ‘thần tượng’.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Liệt kê ba thử nghiệm cho biết một Tín Đồ có ở trong Chúa không.
2. Thuật ngữ ‘nước’ và ‘huyết’ có ý nghĩa gì trong Thơ Giăng Thứ Nhất 5:6 and 8?
3. Chúng ta có thể biết chắc mình là Tín Đồ không? Có ai là Tín Đồ mà còn nghi ngờ chăng?
4. Thế nào là ‘tội lỗi dẫn đến sự chết’? Tín Đồ có phạm tội lỗi dẫn đến sự chết không?
5. Phải chăng chúng ta được giữ khỏi sự cám dỗ bằng quyền năng của Chúa, hay bằng sự cố gắng của chúng ta?

Thơ Giảng Thứ Hai

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI *

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời chào	Chào bà được chọn		Lời giới thiệu	Lời chào
vv. 1-3	vv. 1-3	vv. 1-2 v. 3	vv. 1-3	vv. 1-3
Chân lý và Tình yêu	Mạng lệnh bước đi trong Chúa		Chân lý và Tình yêu	Luật tình yêu
vv. 4-11	vv. 4-6 Cảnh giác Kẻ Chống Đấng Christ vv. 7-11	vv. 4-6 vv. 7-11	vv. 4-6 vv. 7-8 vv. 9-11	vv. 4-5 v. 6 Kẻ thù của Christ vv. 7-11
Lời chào cuối	Giăng chào tạm biệt		Lời cuối	
vv.12-13	vv. 12-13	v. 12 v. 13	v. 12 v. 13	v. 12 v. 13

Lời giới thiệu ngắn

Thơ Giảng Thứ Hai liên hệ một cách rõ ràng với Thơ Giảng Thứ Nhất. Cả hai thơ đều bởi cùng một tác giả, cùng một thời điểm, Thường thường trong thế kỷ đầu tiên, một lá thơ được viết trong khuôn khổ một tờ giấy lá sậy.

Thơ Giảng Thứ Nhất được viết cho vài hội thánh, còn Thơ Giảng Thứ Hai được viết cho 1 hội thánh và người lãnh đạo (tuy nhiên cũng có thể coi được viết cho một cá nhân, nhưng đọc chung cho cả hội thánh). Thật đây là một cơ hội kỳ diệu để nhìn vào cuộc sống của một Hội thánh trong thế kỷ đầu tiên ở vùng Tiểu Á.

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ NHẤT

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Hãy đọc trọn vẹn cả cuốn sách trong một lần. Xác định chủ đề trọng tâm của cuốn sách bằng chính lời văn của mình,

1. Chủ đề của cả cuốn sách.
2. Thể loại văn chương của cuốn sách (thư tín, lịch sử, khôn ngoan, tiên tri?)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ HAI (xem trang ***)

Hãy đọc trọn vẹn cả cuốn sách trong một lần. Xác định bố cục các tiêu đề và viết các tiêu đề bằng chính lời của mình trong một câu ngắn.

1. Tiêu đề của đơn vị văn chương đầu tiên
(đơn vị văn chương: Phần, phân đoạn và đoạn. Phần gồm nhiều chương phân đoạn gồm nhiều đoạn và và đoạn gồm nhiều câu)
2. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ hai
3. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ ba
4. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ tư
5. vân vân

CHU KỶ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

97. Phân đoạn 1
98. Phân đoạn 2
99. Phân đoạn 3
100. Vân vân...

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN HIỆU ĐÍCH NASB (RVV2011): CÂU 1-3

¹Trưởng lão kính gửi bà, người được chọn, cùng các con của bà là những người tôi quý mến trong chân lý; không phải chỉ riêng tôi mà tất cả những người hiểu biết chân lý cũng vậy,²vì chân lý ở trong chúng ta và sẽ ở với chúng ta đời đời.³Cầu xin ân điển, sự thương xót, và bình an từ Đức Chúa Trời là Cha, và từ Đức Chúa Jêsus Christ, là Con của Cha, ở với chúng ta trong chân lý và tình yêu thương

v. 1 "Trưởng lão " Danh hiệu (*presbuteros*) này dùng để xác định tác giả của hai thư Giăng thứ hai và ba. Nó có ý nghĩa rộng rãi trong Kinh Thánh. .

Văn tự của Giăng có dấu hiệu về tác giả bằng nhiều cách.

1. Phúc Âm: “Môn Đồ Yêu Dấu”

2. Thơ Thứ Nhất. Ân Danh

3. Thơ thứ Hai và Ba: “Vị Trưởng Lão”

4. Khải Huyền, rất độc đáo trong văn chương Đại nạn: Tác giả là “Tôi Tớ Của Ngài Giăng”

Có nhiều cuộc tranh luận về tác giả các cuốn sách Tân-ước này. Xét về cách hành văn và ngôn ngữ học, tất cả đều có những điểm tương đồng và khác biệt. Tôi khẳng định Giăng là tác giả, tuy nhiên đây là nan đề của môn suy giải Thánh Kinh, không phải của sự linh cảm bản thân Thánh Kinh. Trong thực tế, chính Đức Chúa Trời là tác giả. Đây là sự mặc khải đáng tin cậy, nhưng độc giả ngày nay không biết và không hiểu quá trình viết những tài liệu này.

Chủ Đề Đặc Biệt: Trưởng Lão

1. Nói về Thiên sứ trong Hội Đồng Thiên Sứ (cf. Ê-sai 24:23). Thuật ngữ này cũng được dùng tương tự trong Khải Huyền (cf. 4:4,10; 5:5,6,8,11,14; 7:11,13; 11:16; 14:3; 19:4).
2. Nói về người lãnh đạo các bộ tộc (*zaqen*) in the OT (cf. Xuất. 3:16; Dân-số-ký 11:16). Sau này cũng được dùng nói về nhóm lãnh đạo trong hội đồng công luật tối cao. San-hê-rin (cf. Ma-thi-ơ. 21:23; 26:57). Trong thời Chúa Giê-su có 70 thành viên, được kiểm soát bởi Thầy Tế Lễ Tối Cao thoái hóa.
3. Nói về những người lãnh đạo hội thánh địa phương. Có ba danh hiệu tương đồng (Mục sư, giám mục, trưởng lão) Xem. Titus 1:5,7; Công-vụ 20:17,28). Phi-ê-rơ và Giăng dùng danh hiệu này để đặt mình trong vị trí

lãnh đạo. (cf. I Peter 5:1; II Giăng 1; III Giăng 1).

4. Nói về người lớn tuổi trong hội thánh, không nhất thiết ở trong vị trí lãnh đạo (cf. I Ti-mô-thê 5:1; Titus 2:2).

▣ **"bà, người được chọn, cùng các con của bà"** Có nhiều cuộc tranh luận về danh hiệu này Nhiều người cho rằng Giăng viết thư cho một phụ nữ tên là *Electa*, có nghĩa là 'được chọn', (theo Clement of Alexandria) hoặc tên là *Kyria*, có nghĩa là 'quý bà' (theo Athanasius). Tuy nhiên tôi đồng ý với Jerome, là 'bà' ở đây có nghĩa là hội thánh vì những lý do sau đây:

1. Thuật ngữ Hy-lạp 'hội thánh' mang giống cái. (Thơ Giăng Thứ Hai 1:1)
2. trong bản LXX "lựa chọn" nói về một nhóm người (Xem 1 Phi-ê-rô 2:9)
3. có thể nói về cả Hội thánh với tư cách Cô Dâu của Đấng Christ (Xem Ê-phê-sô 5:25-32; Khải Huyền 19:7-8; 21:2)
4. Thành viên Hội thánh được gọi là các con trẻ (Xem Thơ Giăng Thứ Hai 1:13)
5. Hội thánh này có chị em tức là một hội thánh khác. (Xem Thơ Giăng Thứ Hai 1:13)
6. Có sự chơi chữ giữa ngôi số ít và ngôi số nhiều suốt cả bức thư. (Số ít Thơ Giăng Thứ Hai 1:4,5,13; Số nhiều Thơ Giăng Thứ Hai 1:6,8,10,12)
7. Thuật ngữ này được dùng chỉ về hội thánh trong 1 Phi-ê-rô 5:13

▣ **"những người tôi quý mến trong chân lý"** Thật ngạc nhiên khi thấy 'những người' là giống đực, trong khi 'bà' trong giống cái, và 'các con' trong giống trung. Tôi nghĩ đây là cách Giăng thường sử dụng câu văn một cách biểu tượng

▣ **"tôi quý "** Giăng sử dụng *Phi-lípeō* một cách tương đồng với *agapaō* trong Phúc Âm và Khải Huyền, nhưng trong I, II, and Thơ Giăng Thứ Ba ông chỉ sử dụng *agapaō* (Xem Thơ Giăng Thứ Hai 1:3,5,6; Thơ Giăng Thứ Nhất 3:18).

▣ **"chân lý"** Chân lý là chủ đề lặp lại (Xem Thơ Giăng Thứ Hai 1:1[hai lần],2,3,4). Thuật ngữ 'sự dạy dỗ này' trong Thơ Giăng Thứ Hai 1:9 [hai lần] and 10 tương đồng với 'chân lý' ở đây. Chân lý và sự dạy dỗ được nhấn mạnh bởi sự có mặt của Tri-huệ giáo trong lá thư nhỏ này, cũng như trong Thơ Giăng Thứ Nhất. (Xem Thơ Giăng Thứ Hai 1:4,7-10)

"Chân Lý tập trung ở ba điểm: (1) Đức Thánh Linh trong Giăng (Xem Giăng 14:17); (2) Chúa Giê-su Christ (Xem Giăng 8:32; 14:6); và (3) nội dung của Phúc Âm (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 3:23). xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Chân lý (khái niệm) and CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "chân thật" (thuật ngữ) trong văn tự của Giăng. Giăng 6:55 và 17:3

v. 2 "ở trong chúng ta " Động tính từ chủ động thì hiện tại. Một trong những thuật ngữ ưa thích của Giăng là 'ở trong' hay 'trường tồn' Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "Trường Tồn" trong văn tự của Giăng. Ở đây có thể nói về sự ngự trong lòng của Đức Thánh Linh (Xem Rô-ma 8:9); của Đức Chúa Con, (Rô-ma 8:9-10). Tất cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều ngự trong lòng Tín Đồ (Xem Giăng 14:23).

▣ **" sẽ ở với chúng ta đời đời."** Chân Lý trường tồn với Tín Đồ mãi mãi, đây là lời tuyên bố hùng hồn về sự đảm bảo, xem , CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Sự đảm bảo, ở câu 1 Giăng 5:13. Chân Lý mang tính chất Sứ Điệp và Nhân Vật. của Phúc Âm. Từ Chân Lý sinh ra tình yêu đối với Chúa, đối với anh chị em Tín Hữu và đối với những người chưa được cứu. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 4:7-21).

"đời đời" trong nghĩa đen là "xuyên vào các thế kỷ" (Xem Giăng 4:14; 6:51,58; 8:35,51; 10:28; 11:26; 12:34; 13:8; 14:16; Thơ Giăng Thứ Nhất 2:17). Xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Đời Đời ('olam). Giăng 5:68

v. 3 "Cầu xin ân điển, sự thương xót, và bình an " Đây là cách chào hỏi trong các bức thư trong thế kỷ thứ nhất, với sự thay đổi chút ít mang tính Cơ Đốc Giáo. Thuật ngữ Hy-lạp "lời chào" là *chairein*, một thể biến đổi từ *charis*, có nghĩa là ân điển. Lời giới thiệu này rất giống trong các thư mục vụ 1 Ti-mô-thê 1:2; 2 Ti-mô-thê 1:2; hai trong ba thuật ngữ xuất hiện trong lời giới thiệu Galatians and 1 Tê-sa-lô-ni-ca.

Điều thứ hai, đây là cấu trúc ngữ pháp thông thường, mang ý nghĩa cầu nguyện, hay lời cầu chúc sức khỏe. Tuy nhiên Thơ Giăng Thứ Hai là bài luận về Chân Lý, nên Ân Điển, Thương Xót Và Bình An là lời hứa của Chúa, với lòng mong ước bông trái thuộc linh.

Về mặt thần học, có người quan tâm không biết có sự sắp xếp thứ tự giữa Ân Điển, Thương Xót Và Bình An hay không. Ân Điển và Thương Xót đặc trưng cho Đức Chúa Trời, đem lại sự cứu rỗi qua Đấng Christ, Bình An đặc trưng cho Tín Đồ tiếp nhận quà của Chúa. Tín Đồ trải nghiệm một sự biến đổi trọn vẹn. Sự Phạm Tội đầu tiên ảnh hưởng đến tất cả các khía cạnh cuộc sống. Cũng vậy, sự cứu rỗi hồi phục tất cả. trước hết là hồi phục địa vị qua sự kè là công chính, sau đó là quá trình thánh hóa từng bước (trở nên Giống-Đấng-Christ). Hình ảnh của Đức Chúa Trời được hồi phục trong nhân loại. (Xem Sáng Thế Ký. 1:26-27!)

Một khả năng khác là sự cần thiết Ân điển, Thương Xót và Bình An trong bối cảnh các giáo sư giả, từ chối Ân Điển, Thương xót, và tạo sự bất an. Điều đáng để ý là thuật ngữ 'thương xót' chỉ xuất hiện ở đây. Còn Ân điển xuất hiện trong Phúc Âm Giảng 1:14,16,17, và Khải Huyền 1:4; 22:21

Cuốn giải kinh *The Jerome Biblical Commentary* cho biết cả ba thuật ngữ này bắt nguồn trong Giao ước cũ (p. 412). Các tác giả Tân-ước trừ Lu-ca đều là người Do-thái, viết bằng ngôn ngữ Koine Hy-lạp. Hầu hết từ vựng trong Tân-ước có xuất xứ Septuagint (bản Bảy Mươi)

▣ **"Đức Chúa Trời là Cha, và từ Đức Chúa Jêsu Christ"** Cả đại từ và giới từ (*para*) được cấu trúc về ngữ pháp theo cách nhấn mạnh bản ngã Thần Linh của Chúa Giê-su Christ.

▣ **"là Con của Cha"** tiếp tục sự nhấn mạnh trong Thờ Giảng Thứ Nhất rằng không ai có thể đến với Cha mà không qua Đức Chúa Con (Xem Thờ Giảng Thứ Nhất 2:23; 4:15; 5:10). Các giáo sư giả tuyên bố mình có mối liên hệ đặc biệt với Đấng Tối Cao, nhưng qua thần học sai trật giảm nhẹ vai trò Cá Nhân và Công Việc của Đức Chúa Con. Giảng nhắc đi nhắc lại nhiều lần rằng Chúa Giê-su là (1) sự mặc khải trọn vẹn của Đức Chúa Cha và (2) là Con Đường duy nhất đến với Đức Chúa Cha. (Xem Giảng 14:6)

BẢN HIỆU ĐỈNH NASB (RVV2011): CÂU 4-6

⁴Tôi rất mừng khi thấy một số các con của bà đi theo chân lý, đúng như điều răn chúng ta đã nhận từ Đức Chúa Cha.⁵Thưa bà, bây giờ tôi nài xin bà điều này, không phải tôi viết cho bà một điều răn mới, mà là điều răn chúng ta đã nhận từ ban đầu, ấy là chúng ta hãy yêu thương lẫn nhau.⁶Tình yêu thương đó là chúng ta bước theo các điều răn của Ngài. Đây là điều răn anh em đã nghe từ ban đầu để bước theo

v. 4 "Tôi rất mừng " 'mừng' - động từ chỉ định, thụ động, thì quá khứ, có thể tác giả đã nghe về hội thánh này từ những thành viên Hội Thánh ghé thăm

▣ **" khi thấy một số các con của bà đi theo chân lý"** có thể ám chỉ

1. một số người sống tín kính, yêu thương trong Hội Thánh (Xem Thờ Giảng Thứ Hai 1:3-4)
2. một cách gián tiếp xác nhận sự có mặt của giáo sư giả đã lừa một số Tín Đồ ra đi, và đây là một số còn lại.

▣ **"đúng như điều răn chúng ta đã nhận từ Đức Chúa Cha"** 'Nhận' - động từ chỉ định, chủ động, thì quá khứ, nói về mạng lệnh yêu thương lẫn nhau như Chúa Giê-su yêu họ (Xem Giảng 13:34-35; 15:12; Thờ Giảng Thứ Nhất 3:11; 4:7,11-12,21).

v. 5 " điều răn chúng ta đã nhận từ ban đầu" 'đã nhận' - động từ chỉ định, chủ động, thì chưa hoàn thành, nói về sự bắt đầu lời dạy của Chúa Giê-su. (Xem Thờ Giảng Thứ Nhất 2:7,24; 3:11). Nội dung điều răn bao gồm: yêu thương lẫn nhau (Xem Thờ Giảng Thứ Hai 1:5) và tiếp nhận Chúa Giê-su nhập thể (Xem Thờ Giảng Thứ Hai 1:7) Xin để ý tính chất của điều răn: nội dung, cá nhân và nếp sống.

▣ **"chúng ta hãy yêu thương lẫn nhau."** 'yêu thương' - lối bàn thái, chủ động, thì hiện tại, (cũng giống như động từ cuối của câu này: Bước đi) Các giáo sư giả có chung cùng một đặc tính: không hòa đồng, không yêu thương. Tình yêu là một trong ba điều Giảng nêu ra trong Thờ Giảng Thứ Nhất để thử nghiệm: Tình yêu, tín lý và nếp sống. Ba thử nghiệm này cũng được nhắc lại trong Thờ Giảng Thứ Hai.

1. Tình yêu (Xem Thờ Giảng Thứ Hai 1:5; Thờ Giảng Thứ Nhất 2:7-11; 3:11-18; 4:7-12,16-21; 5:1-2)
2. Nếp sống vâng phục (Xem Thờ Giảng Thứ Hai 1:6; Thờ Giảng Thứ Nhất 2:3-6; 3:1-10; 5:2-3)

3. Nội dung tín lý (Xem Thơ Giăng Thứ Hai 1:7; Thơ Giăng Thứ Nhất 1:1ff; 2:18-25; 4:1-6,14-16; 5:1,5,10)

v. 6 "**Tình yêu thương đó là**" tình yêu *agape* (Thì hiện tại) là một hành động liên tục, chứ không phải chỉ là cảm xúc. Tình yêu là dấu hiệu một người thực sự là Cơ Đốc Nhân (Xem 1 Cô-rin-tô 13; Ga-la-ti 5:22; Thơ Giăng Thứ Nhất 4:7-21).

▣ "**từ ban đầu**" xem ghi chú Thơ Giăng Thứ Nhất 1:1. Tôi nghĩ rằng cụm từ 'từ ban đầu' nói về khởi điểm mục vụ công cộng của Chúa Giê-su.

▣ "**bước theo**" Cơ Đốc Giáo bao gồm sự quyết định theo Chúa và quá trình Môn Đồ Hóa thay đổi nếp sống. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:6). Nếp sống không cứu được chúng ta, nhưng làm chứng rằng chúng ta đã được cứu. (Xem Ê-phê-sô 2:8-9 and 2:10).

BẢN HIỆU ĐỊNH NASB (RVV2011): CÂU 7-11

⁷Vì nhiều kẻ lừa dối đã đến trong thế gian, là những kẻ không thừa nhận rằng Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thân xác. Đó là kẻ lừa dối và kẻ chống Đấng Christ.⁸Hãy coi chừng, để anh em không bị mất những gì mình đã thực hiện được, nhưng nhận được phần thưởng đầy đủ.⁹Ai đi quá xa và không tiếp tục ở trong sự dạy dỗ của Đấng Christ thì không có Đức Chúa Trời. Còn ai tiếp tục ở trong sự dạy dỗ thì có cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.¹⁰Nếu ai đến với anh em mà không đem theo sự dạy dỗ này thì chớ tiếp đón người ấy vào nhà và đừng chào hỏi.¹¹Vì ai chào hỏi người ấy là dự phần vào các việc ác của người.

v. 7 "**nhiều kẻ lừa dối**" Thuật ngữ cho 'kẻ nói dối' có gốc từ "*planē*" mà từ đó chúng ta có danh từ Anh Ngữ Planet - hành tinh. Hành tinh khác với ngôi sao là nó chuyển động một cách bất thường, người cổ gọi là 'sao lang thang'. Đây là một ẩn dụ nói về những người lang thang thuộc linh, rời bỏ chân lý.

Những giáo sư giả không chỉ lầm lạc thành thật và vô tình dẫn sai những người không hiểu Phúc Âm. Trong Văn tự Phúc Âm và Thư tín của Giăng, cả Pha-ri-si và giáo sư giả đều cố tình chống lại ánh sáng họ nhận được, vì vậy tội nổi loạn của họ là 'tội không thể tha thứ', hoặc là 'tội dẫn đến sự chết'. Thơ Giăng Thứ Nhất 5:16). Sự đau đớn là họ lôi kéo theo nhiều người đến chỗ diệt vong. Tân-ước cảnh báo rằng các giáo sư giả sẽ xuất hiện và gây ra nhiều nan đề (Xem Ma-thi-ơ 7:15; 24:11,24; Mác 13:22; Thơ Giăng Thứ Nhất 2:26; 3:7; 4:1).

▣ "**đến trong thế gian**" 'Thế gian' ở đây ám chỉ Trái Đất. Các giáo sư giả hoặc đã rời bỏ Hội Thánh, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:19), hoặc đã ra đi 'giảng đạo' (Xem Thơ Giăng Thứ Ba).

▣ "**những kẻ không thừa nhận**" thuật ngữ *homologeō*, có nghĩa xưng nhận công khai, và tuyên xưng đức tin nơi công cộng về Chúa Giê-su, xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: xưng nhận.

▣ "**rằng Đức Chúa Jêsus Christ đã đến trong thân xác**" Những kẻ lừa dối này tiếp tục giáo huấn sai trái về Đấng Christ. Chính vì vậy Giăng nhắc nhở Hội thánh phải thử nghiệm thần linh Thơ Giăng Thứ Nhất 4:1-6, đặc biệt liên hệ tới Chúa Giê-su trọn vẹn nhập thể, (Xem Giăng 1:14; 1 Ti-mô-thê 3:16). Tri Huệ Giáo khẳng định rằng có một phép Nhị Nguyên đời đời giữa thần linh (Đức Chúa Trời) và vật chất (thể xác), Đối với họ, Chúa Giê-su không thể là trọn vẹn 'vừa Chúa, vừa người' được.

Hình như có hai nhóm Tri Huệ Giáo sơ khởi

1. Nhóm Docetic từ chối bản ngã xương thịt của Chúa Giê-su, Ngài hiện ra giống như người, như thực sự là thần linh.

2. Nhóm Cerinthian từ chối Đấng Christ chết trên Thập Tự Giá. Họ cho rằng thần linh nhập vào một người tên là Giê-su ở thời điểm làm Báp-tem và rời khỏi Giê-su trước khi tắt thở.

Rất có thể rằng thì hiện tại: 'đến trong thể xác' là cách Giăng phân biệt nhóm thứ hai Tri Huệ Giáo Cerinthian and Thơ Giăng Thứ Nhất 4:1-6 từ chối nhóm thứ nhất Tri Huệ Giáo Docetic.

▣ "**Đó là kẻ lừa dối và kẻ chống Đấng Christ**" trong thơ Giăng Thứ Nhất 2:18 có sự phân biệt giữa Kẻ Chống Đấng Christ (số ít) và những kẻ chống Đấng Christ (số nhiều). Số nhiều là các giáo sư giả đã rời Hội

Thánh trong thời kỳ của Giăng, (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 2:19), còn ‘số ít’ là Kẻ Đại Ác, sẽ đến trong tương lai, 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2). Tuy nhiên ở đây, trong Giăng Thứ Hai, chỉ nói về một cá nhân trong thời của Giăng, kẻ chống Đấng Christ trong số ít, một cá nhân của ‘số nhiều’ trong Thơ Giăng Thứ Nhất 2:18-25.

v. 8 "Hãy coi chừng" Đây là mệnh lệnh thức, chủ động thì hiện tại, với thuật ngữ ‘xem’ trong ẩn dụ cảnh giác đối với ma quỷ / sự ác. (Xem Ma-thi-ơ 24:4; Mác 13:5; Lu-ca 21:8; Công vụ 13:40; 1 Cô-rin-tô 8:9; 10:12; Ga-la-ti 5:12; Hê-bơ-rơ 12:25). Tín Đồ phải có trách nhiệm phát hiện sự lầm lạc, bởi vì:

1. họ biết Phúc Âm
2. họ có Đức Thánh Linh
3. họ có mối thông công với Đấng Christ

NASB"**để anh em không bị mất những gì mình đã đạt được "**
NKJV"**Để chúng tôi không mất những gì chúng tôi thực hiện được "**
NRSV"**để anh em không mất những gì chúng tôi thực hiện được."**
TEV"**Để anh em sẽ không mất những gì chúng tôi thực hiện được."**
NJB"**hoặc công việc đạt được của chúng tôi sẽ mất"**

Sự khác nhau trong văn bản Hy-lạp nguyên thủy được thấy ở các đại từ ‘anh em’,(NASB, NRSV, TEV), ‘chúng tôi’ (NKJV)? Hiệp hội thánh Kinh UBS⁴ chấp nhận ‘anh em’, có nghĩa rằng một số Tín Đồ sẽ không đạt được mục tiêu của Phúc Âm mà các Sứ Đồ rao giảng. .

▣ **"nhưng nhận được phần thưởng đầy đủ."** Lối bàn thái thì quá khứ, chỉ đến thời điểm họ tiếp nhận Phúc Âm, Lối bàn thái liên hệ không chỉ sự cứu rỗi, nhưng cả sự tăng trưởng và truyền lan của Phúc Âm qua họ.(Xem 1 Cô-rin-tô 9:27; 15:10,14,58; 2 Cô-rin-tô 6:1; Ga-la-ti 2:2; Phi-líp-pi 2:16; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:1; 3:5).

v. 9

NASB"**Ai đi quá xa và không tiếp tục ở trong sự dạy dỗ của Đấng Christ. "**
NKJV"**Ai vi phạm và không ở trong tín lý Đấng Christ. "**
NRSV"**Tất cả những người không ở trong sự dạy dỗ của Đấng Christ. "**
TEV"**Ai không ở trong sự dạy dỗ của Đấng Christ, nhưng đi xa hơn"**
NJB"**Nếu ai không ở trong sự dạy dỗ của Đấng Christ, nhưng vượt qua nó"**

Trước hết hãy để ý tới cách sử dụng thuật ngữ ‘ai’ (*pas*) một cách tiêu cực. Phúc Âm mời gọi tất cả mọi người, nhưng đáng tiếc Phúc Âm cũng có tiềm năng bị xuyên tạc (bởi dị giáo). Tiềm năng ấy thể hiện qua tính động từ chủ động hiện tại, ‘không ở trong, đi xa hơn, vượt qua nó’." Chữ ‘đi xa hơn’ chứng tỏ các giáo sư giả đã dạy những điều ngoài sự làm chứng của các Sứ Đồ. Các Tín Đồ thực có đặc trưng là Chân Lý ở trong họ (Xem Giăng 8:31; 15:7; Thơ Giăng Thứ Nhất 2:14, ngược lại Giăng 5:38; Thơ Giăng Thứ Nhất 1:10 nói về Pha-ri-si và giáo sư giả). Xem CHU ĐỀ ĐẶC BIỆT: Tự bèn đỡ cần thiết và sự bội đạo ở các câu Giăng 8:31, 6:64

cụm từ thuộc cách ‘của Đấng Christ’ mang nhiều ý nghĩa:

1. Giáo huấn của Đấng Christ
2. Giáo huấn về Đấng Christ
3. Cả hai, trong cách sử dụng nghĩa kép của Giăng

Ý nghĩa thuộc cách thường khó hiểu, chỉ nghiên cứu ngữ cảnh mới có thể xác định được ý nghĩa cụ thể nằm trong câu. Tuy nhiên nhiều khi các ý nghĩa trùng lặp lẫn nhau như ở đây.

▣ **không có Đức Chúa Trời. "** Các cụm từ ‘giáo huấn của Đấng Christ’ và ‘chân Lý’ có ý nghĩa song song. Giáo sư giả và học trò của hắn sẽ không nhận được phần thưởng, Xem Thơ Giăng Thứ Hai v. 8. Một cách đơn giản là họ đã lạc mất về phần thuộc linh, bởi vì ai muốn có Đức Chúa Cha phải có Đức Chúa Con. (Xem Thơ Giăng Thứ Nhất 5:10-12). Sự sử dụng động từ ‘có’ (chỉ định, chủ động, hiện tại) hai lần trong một câu chỉ có ở đây và ở câu Thơ Giăng Thứ Nhất 2:23.

v. 10 "Nếu" thể điều kiện hạng nhất, giả thiết điều ấy có thật, hoặc phù hợp với mục đích văn chương của tác giả: Điều chắc chắn là các giáo sư giả sẽ tới!

▣ **"chớ tiếp đón người ấy vào nhà"** - mệnh lệnh thức, chủ động thì hiện tại. với tiểu từ phủ định 'chớ' – có nghĩa chấm dứt một hành động đang diễn ra. (xem xét ngữ cảnh)

Thuật ngữ 'nhà' cũng có nghĩa 'sự tiếp khách Cơ đốc' (Xem Ma-thi-ơ 25:35; Rô-ma 12:13; 1 Ti-mô-thê 3:2; Titus 1:8; Hê-bơ-rơ 13:2; 1 Phi-ê-rơ 4:9 or Thơ Giảng Thứ Ba 5-6), nhưng trong ngữ cảnh có thể là việc mời các diễn giả lưu động tới giảng ở Hội Thánh. (Xem Rô-ma 16:5; 1 Cô-rin-tô 16:19; Cô-lô-sê 4:15; Phi-lípemon 2).

▣ **"và đừng chào hỏi."** Một lần nữa mệnh lệnh thức chủ động, thì hiện tại với tiểu từ phủ nhận 'đừng'. Đừng liên hệ với những người giả danh Tín Đồ này. Mỗi hành vi thiện chí đều có thể bị hiểu lầm như sự chấp thuận. (Xem Thơ Giảng Thứ Hai 1:11). Đây là điều rất khó xử ngày hôm nay, Có nhiều người tự xưng là Tín Đồ, tuy nhiên khi có cảm thấy cần chia sẻ với họ, chúng ta phải cảnh giác đối với dị giáo, đặc biệt những người trong địa vị lãnh đạo. Tất nhiên sự cẩn thận này không cần áp dụng đối với các giáo phái Tin Lành.

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): CÂU 12-13

¹²Tôi có nhiều điều để viết cho anh em, nhưng tôi không muốn dùng giấy và mực. Tôi mong đến thăm và đối diện trò chuyện với anh em để sự vui mừng của chúng ta được trọn vẹn.¹³Các con của người chị em được chọn của bà, chào thăm bà.

v. 12 **"Tôi có nhiều điều để viết cho anh em,"** Lời kết ở đây giống lời kết ở Thơ Giảng Thứ Ba 1:13-14.

▣ **" để sự vui mừng của chúng ta được trọn vẹn"** Lối bàn thái, thụ động, thì hoàn thành, một cách gián tiếp, nói về dụng ý. Đây là điều khá thường xuyên trong Giảng (Xem Giảng 3:29; 15:11; 16:24; 17:13; Thơ Giảng Thứ Nhất 1:4). Niềm vui dựa trên

1. sự có mặt của một giảng viên
2. Kiến thức mà giảng viên đem lại

Giảng đã nói về niềm vui ở Thơ Giảng Thứ Hai 1:4 trong sự trường tồn về tín lý, nếp sống vâng phục và tình yêu

v. 13 Câu này cũng như câu Thơ Giảng Thứ Hai 1:1, dùng ẩn dụ nói về hội thánh bạn và thành viên hội thánh ấy.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Liệt kê ba thử nghiệm trong Thơ Giảng Thứ Nhất được lặp lại trong Thơ Giảng Thứ Hai.
 - a....
 - b....
 - c....
2. Phải chăng thơ này được viết cho một phụ nữ, hay một hội thánh?
 3. How do you know Rô-ma this short letter that heretics were present in the congregation?
 4. Ai là kẻ bắt chước và ai là Kẻ Chống Đấng Christ 1:7?
 5. Phải chăng Thơ Giảng Thứ Hai 1:10 and 11 mâu thuẫn với sự hiếu khách và tình yêu đối với kẻ thù trong Tân-ước?

Thơ Giảng Thứ Ba

CÁCH CHIA PHÂN ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI *

UBS ⁴	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chào thăm	Chào thăm Gai-út		Mở đầu	Chào thăm
v. 1	vv. 1-4	v. 1	v. 1a v. 1b	vv. 1-4
v,v. 2-4		vv. 2-4	vv. 2-4	
Sự cộng tác và sự chống đối	Khen ngợi lòng hếu khách		Khen ngợi Gai-út	
vv. 5-8	vv. 5-8	vv. 5-8	vv. 5-8	vv. 5-8
	Đi-ô-trép và Dê-mê-triu		Đi-ô-trép và Dê-mê-triu	cảnh giác trường hợp như ĐĐ-ô-trép
vv. 9-10	vv. 9-12	vv. 9-10	vv. 9-10	v. 9-11
vv. 11-12		vv. 11-12	v. 11 v. 12	Commendation of Demetrius v. 12
Chào tạm biệt	Chào tạm biệt		Chào tạm biệt	Lời kết.
vv. 13-15	vv. 13-15	vv. 13-14 v. 15	vv. 13-14 v. 15a v. 15b	vv. 13-15

* * Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Phân đoạn là những đơn vị tự tương. Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình là bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ. Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ NHẤT

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên 'buông thả' điều này cho nhà giải kinh.

Hãy đọc trọn vẹn cả cuốn sách trong một lần. Xác định chủ đề trọng tâm của cuốn sách bằng chính lời văn của mình,

1. Chủ đề của cả cuốn sách.
2. Thể loại văn chương của cuốn sách (thư tín, lịch sử, khôn ngoan, tiên tri?)

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ HAI (xem trang *)**

Hãy đọc trọn vẹn cả cuốn sách trong một lần. Xác định bố cục các tiêu đề và viết các tiêu đề bằng chính lời của mình trong một câu ngắn.

1. Tiêu đề của đơn vị văn chương đầu tiên
(đơn vị văn chương: Phần, phân đoạn và đoạn. Phần gồm nhiều chương phân đoạn gồm nhiều đoạn và và đoạn gồm nhiều câu)
2. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ hai
3. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ ba
4. Tiêu đề của đơn vị văn chương thứ tư
5. vân vân

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang *)**

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY THEO TỪNG PHẦN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

101. Phân đoạn 1
102. Phân đoạn 2
103. Phân đoạn 3
104. Vân vân...

CÁC KIẾN GIẢI VĂN MẠCH SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH THƠ GIĂNG THỨ BA

INTRODUCTION

- A. Lá thư nhỏ này là tên của cuốn sách Thơ Giăng Thứ Ba, bởi vì nó ngắn hơn Thơ Giăng Thứ Hai một chút. Tôi nghĩ rằng cả hai lá thư thiết lập một sứ điệp quân binh cho hội thánh địa phương, ở vùng tiểu Á. vào cuối thế kỷ thứ nhất. .
- B. Thơ Giăng Thứ Hai giải quyết nan đề các giáo sư giả và diễn giả lưu động, trong khi Thơ Giăng Thứ Ba khích lệ sự giúp đỡ các Tôi Tớ Chúa trong hành trình công tác.
- C. Có ba loại người trong Thơ Giăng Thứ Ba.
 1. Gai-út (người từng kính có lòng hiếu khách trong Hội Thánh)
 - a. Có ba người tên là Gai-út trong Tân-ước: từ Ma-ce-đôn-na, Công vụ 19:29; từ Đơ-bê, Công vụ 20:4; từ Cô-rin-tô, Rô-ma 16:23; 1 Cô-rin-tô 1:14.
 - b. Những văn tự được biết dưới tên "Apostolic Constitutions" liệt kê Gai-út trong Thơ Giăng Thứ Ba là một linh mục thành Bêc-găm, được phong chức bởi Giăng
 2. Đi-ô-trép (người không tin kính gây nan đề trong Hội Thánh)
 - a. Đây là người duy nhất có tên này trong Tân-ước, có nghĩa là ‘được nuôi bởi thần Zê-út’ Thật trái khoáy, khi Zê-út là thần Hy-lạp bảo vệ người hành hương, ông này lại là người xách nhiều họ.
 - b. Thái độ của ông này thể hiện trong Thơ Giăng Thứ Ba 1:9-10.

3. Đê-mê-triu (người mang lá thư này đến Hội thánh)

a. Có thể rõ ràng là người đưa thư là một giáo sỹ đến từ thành Ê-phê-sô, từ Sứ Đồ Giảng.

b. Những văn tự được biết dưới tên "Apostolic Constitutions" liệt kê Đê-mê-triu trong Thư Giảng Thứ Ba là một linh mục thành Phi-la-đen-phi-a, được phong chức bởi Giảng .

D. Các hội Thánh sơ khởi gặp nan đề không biết đối xử như thế nào đối với những giảng viên giáo sỹ lưu động. Một văn bản *The Didache or The Teaching of the Twelve Apostles* không thuộc về Tân-ước, được viết trong phần đầu thế kỷ thứ hai có đoạn hướng dẫn sau đây.

Chương 11, về các giảng viên, giáo sỹ và tiên tri:

"Nếu một giảng viên đến giảng cho anh em những điều anh em đã nghe, hãy tiếp rước người. Còn nếu có ai đến giảng tín lý khác và phá huỷ những điều anh em đã nghe, đừng nghe hắn. Nếu một giảng viên với mục đích làm tăng trưởng đức tin và sự hiểu biết Chúa, hãy tiếp nhận người như chính tiếp nhận Chúa. Còn đối với tiên tri và giáo sỹ theo giáo huấn của Phúc Âm, hãy nhận họ. Họ không được ở quá 1 ngày, 2 ngày nếu cần, Nếu họ ở qua ngày thứ ba, họ là tiên tri giả. Khi một tiên tri ra đi, đừng cho người thứ gì hết, trừ thực phẩm đủ cho người đến được chỗ dừng chân tiếp. Nếu người xin tiền, hắn là tiên tri giả." (p. 380).

Chương 12, về tiếp rước các Tín Đồ

"Nếu một người nói trong Đức Thánh Linh: "hãy đưa tiền, hay thứ gì cho tôi", đừng nghe hắn. Nhưng nếu người ấy nói đưa tiền vì người khác đang gặp hoạn nạn, đừng ai phán xét người.

Tất cả mọi người đến trong danh Chúa, hãy tiếp đón, nhưng sau đó thử nghiệm để biết người tường tận. Nếu người ấy là người hành hương, hãy giúp đỡ người trong khả năng của mình, nhưng đừng cho người ấy ở quá 2-3 ngày, nếu cần. Nếu người ấy có nghề nghiệp, cho người việc làm và tự nuôi. Nếu người không có nghề nghiệp, thì anh em phải làm cách nào để người không ăn không ngồi rồi. Nếu người không muốn làm việc, hắn là kẻ lợi dụng Đấng Christ. Hãy cảnh giác và trách xa những người như vậy" (p. 381).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN HIỆU ĐÍCH NASB (RVV2011): VERSE 1

¹Trưởng lão gửi đến Gai-út thân mến, người mà tôi quý mến trong chân lý

v. 1 "**Trưởng lão** " Tương đương với Mục sư, Giám mục" (Xem Titus 1:5,7; Công vụ 20:17,28). Xem ghi chú Thư Giảng Thứ Hai 1:1.

▣ "**thân mến**" cách gọi rất độc đáo trong các thư Giảng, nhưng không có trong Phúc Âm và Khải Huyền (Xem Thư Giảng Thứ Nhất 2:7; 3:2,21; 4:1,7,11; Thư Giảng Thứ Ba 1,2,5,11), .

▣ "**Gai-út** " Có nhiều tranh luận, không biết Gai-út và Đi-ô-trep có phải là mục sư của Hội thánh địa phương này không. Thật khó quyết định, vì không có thông tin cụ thể. Bởi Thư Giảng Thứ Ba 1:9, có những thuật ngữ như 'Hội Thánh, chúng tôi (số nhiều' nên nhiều người nghĩ rằng Gai-ut là mục sư một hội thánh, và Đê-mê-triu là mục sư của Hội Thánh Khác, tuy nhiên đây chỉ là sự đoán mò.

▣ "**, người mà tôi quý mến trong chân lý**" "tình yêu và chân lý" được đi cùng nhau thường xuyên trong Giảng (Xem Thư Giảng Thứ Hai 1,2,3,4; Thư Giảng Thứ Ba 1,3,4,8,12). Chân lý có thể là

1. Đức Thánh Linh (Xem Giảng 14:17)
2. Chúa Giê-su Đức Chúa Con (Xem Giảng 8:32; 14:6)
3. nội dung Phúc Âm (Xem Thư Giảng Thứ Nhất 2:2; 3:23)

BẢN HIỆU ĐÍCH NASB (RVV2011): CÂU 2-4

²Thưa anh quý mến, tôi cầu nguyện cho anh được thịnh vượng mọi mặt, được khỏe mạnh phần xác, cũng như được thịnh vượng về phần hồn.³Tôi rất vui mừng khi các anh em đến đây làm chứng rằng anh luôn trung thành với chân lý, như anh vẫn bước theo chân lý. ⁴Không gì làm cho tôi vui mừng hơn là nghe các con tôi bước theo chân lý.

v. 2 "**tôi cầu nguyện** " Đây là lời mở đầu phổ biến trong thư từ Hy-lạp, là cách chào hỏi người thân, Câu này không thể dùng để chứng minh cho một 'phúc âm' nhấn mạnh sức khỏe và sự giàu sang, một phong trào rất phổ biến ở Bắc Mỹ. Xem Gordon Fee (a charismatic scholar), *The Disease of the Health, Wealth Gospel*. Về quan điểm của tôi đối với vấn đề chữa bệnh, xin xem ghi chú trong Gia-cơ 5, trên mạng www.freebiblecommentary.org.

▣ "**được thịnh vượng mọi mặt, được khỏe mạnh phần xác,** " Một lời cầu nguyện mở đầu thường thấy trong thế kỷ đầu trong nền văn hoá Hy-lạp / La-mã. Không bao giờ tác giả Giăng có dụng ý cụm từ này trong việc truyền bá sự thịnh vượng với sức khỏe và sự giàu sang. Mỗi câu Kinh thánh, được lấy ra khỏi ngữ cảnh có thể dùng để chứng minh bất cứ thứ gì. Văn bản chỉ có thể phù hợp với tác giả, người đọc trong gian đoạn họ sống, chỉ có tác giả được linh cảm, chúng ta phải theo đuổi ý tưởng của tác giả và không được phép thêm ý kiến riêng của mình.

▣ " cũng như được thịnh vượng về **phần hồn.**" Thuật ngữ "*psuche*" (hồn) cũng đồng nghĩa với "*pneuma*." (linh) Cả hai đều mô tả những gì căn bản của một cá nhân. Nó không nhất thiết là một bộ phận khác biệt. Cơ thể là một hệ thống hiệp một, (thân, hồn, linh) (Xem Sáng Thế Ký. 2:7). Chúng ta là tâm hồn, chứ không phải chúng ta có tâm hồn.

v. 3 "**Tôi rất vui mừng** " (Xem Thư Giăng Thứ Hai 4; Phi-líp-pi 4:10).

▣ "**đến đây làm chứng** " Động tính từ thì hiện tại, nói về

1. thành viên của Hội Thánh địa phương đến thăm Giăng ở Ê-phê-sô và báo cáo tình hình.

2. các giáo sỹ trở về sau khi thăm Hội Thánh địa phương và kể chuyện việc Gai út rộng rãi tiếp đón họ.

Có thể Giăng đã trở nên già cả đi lại khó khăn, nhưng vẫn yêu mến, và quan tâm đến sự tăng trưởng của các Hội Thánh

▣ "anh luôn trung thành với chân lý, như anh vẫn **bước theo chân lý**" Về mặt thần học, câu này tương đồng với 'bước trong ánh sáng' (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 1:7). Cơ đốc giáo không phải là một hệ giáo điều, thực hành tín ngưỡng, lời mời gọi, nhưng là mối liên hệ với Chúa Giê-su Christ. Hội Thánh sơ khởi được gọi là Đạo (tức là Đường) (Xem Công vụ 9:2, 19:9,23; 24:22). Chân Lý không phải là nội dung tri thức, nhưng là sự thông công với Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-su, sau đó yêu thương Tin Đồ và mọi người. See **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: Chân lý (khái niệm) **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT**: "Chân thật, (thuật ngữ) trong văn tự của Giăng.. Giăng 6:55, 17:3

v. 4 "**các con tôi** " Các gọi thân mật của Giăng đối với độc giả: (Xem Thư Giăng Thứ Nhất 2:12,13,18,28; 3:7,18; 4:4; 5:21). Điều này nhấn mạnh: (1) Thăm quyền sứ đồ của Giăng và (2) Cách gọi thân mật đối với hội thánh và Tin Đồ vùng Tiểu Á. nơi ông sống trong những ngày cuối cùng

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): CÂU 5-8

⁵Thưa anh quý mến, anh thật trung tín trong công việc anh làm cho các anh em, nhất là cho các khách lạ.⁶Họ đã làm chứng về lòng yêu thương của anh trước Hội Thánh. Mong anh giúp họ tiếp tục cuộc hành trình một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời thì tốt lắm.⁷Họ đã ra đi vì danh Ngài, và không nhận gì từ người ngoại hết.⁸Vì thế, chúng ta phải giúp đỡ những người này, để chúng ta có thể trở thành những người cộng tác với họ vì chân lý

v.5 "**anh thật trung tín** " Hành động của Gai-út đối nghịch với hàng động của Đi-ô-trep. Thư Giăng Thứ Hai vv. 9-10. Xem Chủ đề Đặc Biệt Tin, Tin Cây và Trung Tín. Giăng 1:7, 1:14

▣ "**trong công việc anh làm** ", 'Làm' - Động từ quá khứ trung cách lối bàn thái, đại từ với giới từ liên hệ (của anh) thể hiện tình trạng trong đó một ý định được thực hiện. Gai-út giúp các giáo sỹ trong mọi tình huống và bằng mọi cách anh ta có thể làm.

▣ **"nhất là cho các khách lạ."** Hội Thánh nên trợ giúp các giáo sĩ lưu động, nhưng vì hoàn cảnh địa phương , Gai-út là người duy nhất giúp đỡ những người này mà ông không hề quen biết, ngoài việc tin rằng họ cũng biết, phục vụ và yêu Chúa..

v. 6 "Họ đã làm chứng về lòng yêu thương của anh trước Hội Thánh. " Ở đây chúng ta thấy Hội Thánh Ê-phê-sô có buổi tường trình công tác của các giáo sĩ trong giờ thờ phượng.

Chủ Đề Đặc Biệt: Hội thánh (ekklesia)

Thuật ngữ Hy-lạp *ekklesia*, là từ kép, được hợp lại từ 2 thành phần, , "ra khỏi" và "kêu gọi." Trong bối cảnh xã hội, có nghĩa là gọi công dân ra khỏi nhà để đi họp. xem. Công-vụ 19:32,39,41) và bởi Bản Bảy Mươi Septuagint dùng thuật ngữ 'tập họp của dân Do-thái, từ thuật này mang ý nghĩa tôn giáo. Hội thánh sơ khởi tiếp tục thờ phượng Đức Chúa Trời với tư cách dân tuyển trong Cựu-ước. Họ coi mình là những người I-so-ra-en mới, (cf. Rô-ma. 2:28-29; Ga-la-ti 3:29; 6:16; 1 Phi-ê-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6), là sự ứng nghiệm về sứ mạng truyền giáo thế giới, (cf. Sáng. 3:15; 12:3; Xuất. 19:5-6; Ma-thi-ơ. 28:18-20; Lu-ca 24:47; Công-vụ 1:8; Xem chủ đề Đặc Biệt, Đức Giê-hô-va với chương trình cứu rỗi đời đời

Thuật ngữ này có vài ý nghĩa trong Công Vụ và Phúc Âm:

1. họp mặt thành phố, Công-vụ 19:32,39,41
2. Con dân của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ nói chung, Ma-thi-ơ. 16:18 and Ephesians
3. Hội thánh địa phương bao gồm Tín Đồ Đấng Christ, Ma-thi-ơ. 18:17; Công-vụ 5:11 (HỘI THÁNH tại Giê-ru-sa-lem); Công-vụ 13:1; Rô-ma. 16:5; 1 Cô-rin-tô 16:19; Cô-lô-sê 4:15; Phi-lê-môn câu. 2
4. Dân I-so-ra-en nói chung, Công-vụ 7:38, trong bài giảng của Ê-tiên
5. dân của Chúa tại một vùng Công-vụ 8:3; Ga-la-ti 1:2 (Judah or Palestine)

Hội thánh là một nhóm người hiệp lại, chứ không phải là một tòa nhà. Hội Thánh không có một tòa nhà qua hàng trăm năm, Gia cơ là cuốn sớm nhất trong Tân-ước, nói về Hội Thánh với thuật ngữ "*synagōgē*" (nhóm hội). Thuật ngữ này được dùng duy nhất trong Gia-cơ (cf. Gia-cơ 2:2; 5:14).

▣ **"Mong anh ...thì tốt lắm"** Thành ngữ Hy-lạp về hài lòng, được thấy trong giấy Ai-cập làm từ lá sậy (Xem Moulton and Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*) " (Xem Công vụ 10:33).

▣**giúp họ tiếp tục cuộc hành trình "** Đây là thành ngữ về trợ giúp tiếp tục cuộc hành trình, trang bị, cầu thay, và cung ứng những gì mà các giáo sĩ lưu động cần dùng. (Xem Công vụ 15:3; Rô-ma 15:24; 1 Cô-rin-tô, 16:6; 2 Cô-rin-tô 1:16; Titus 3:13).

▣ **" một cách xứng đáng với Đức Chúa Trời ."** Có nghĩa một cách xứng đáng, yêu thương, rời rạc, (Xem Cô-lô-sê 1:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:12). Tín Đồ cần phải tiếp nhận, đối xử với các tội tớ Chúa một cách xứng đáng với Đấng họ phục vụ. (Xem Ê-phê-sô 4:1).

v. 7

NASB, REB" họ ra đi"

NKJV" họ đi ra"

NRSV" họ bắt đầu hành trình"

TEV, NJB" họ bắt đầu lộ trình"

Đây là một động từ rất phổ thông, nói về:

1. các giáo sư giả rời HỘI THÁNH, Thờ Giảng Thứ Nhất 2:19
2. Các giáo sư giả đi vào thế gian, Thờ Giảng Thứ Nhất 4:1
3. Nhiều kẻ lừa dối ra đi và đi vào thế gian, Thờ Giảng Thứ Hai 1:7
4. Các nhân chứng sứ đồ ra đi truyền giáo trong thế gian , Thờ Giảng Thứ Ba 1:7

NASB "Vì danh Ngài"
NKJV "Vì danh Ngài"
NRSV "vì Đấng Christ"
TEV "trong sự phục vụ Đấng Christ"
NJB "hoàn toàn vì Danh."

Đây là một ví dụ ‘danh’ đại diện cho cả một cá nhân, về nhân tín và công việc của Đấng Christ. Các Tín Đồ tin nhận Danh Ngài, (Xem Giăng 1:12; 3:18; Rô-ma 10:9; 1 Cô-rin-tô 12:3; Phi-líp-pi 2:9-11), được tha thứ trong danh Ngài, (Thơ Giăng Thứ Nhất 2:13) hành động trong Danh Ngài, Xem Ma-thi-ơ 10:22; 24:9; Mác 13:13; Lu-ca 21:12,17; Giăng 15:21; 20:31; Công vụ 4:17; 5:41; 9:14; Rô-ma 1:5; 1 Phi-ê-rơ 4:14,16; Khải Huyền 2:3).

NASB "không nhận gì từ người ngoại hết"
NKJV "không nhận gì từ người ngoại hết"
NRSV "không nhận ủng hộ từ người bất tin"
TEV "không nhận trợ giúp từ người bất tin"
NJB "không nhờ cậy người bất tin trong bất cứ thứ gì"

Câu này nói về các giáo sỹ tin cậy vào sự cung ứng của Đức Chúa Trời, giống như lời của Chúa Giê-su đối với nhóm Mười Hai, Ma-thi-ơ 10:5-15 và nhóm Bảy Mươi, Lu-ca 10:4-7.

Trong thời kỳ cuối thế kỷ đầu tiên, thuật ngữ người ngoại nói về người thuộc tôn giáo khác, hoặc người bất tin (Xem Ma-thi-ơ 5:47; 1 Phi-ê-rơ 2:12; 4:3). Tín Đồ cần trợ tiếp tay cho việc truyền bá Phúc Âm. Ai trợ giúp giáo sỹ bày tỏ tấm lòng của họ.

Trong thời của Giăng có nhiều giảng viên lưu động, dạy triết lý lấy tiền và danh vọng. Còn các giáo sỹ sứ đồ của Chúa cần được tiếp tay, không phải như trả lương cho công việc của họ, nhưng vì Chúa với sứ mạng của Ngài mà các giáo sỹ tham gia một các quên mình. .

v. 8 " chúng ta phải " sự khích lệ lương tâm này thường được nhắc tới. (Xem Giăng 13:14; 19:7; Thơ Giăng Thứ Nhất 2:6; 3:16; 4:11). Thuật ngữ ‘phải’ (*opheilō*) nói về sự ràng buộc về tài chính’, nghĩa rộng hơn là nghĩa vụ đối với một người nào đó.

▣ **"giúp đỡ những người này, "** lòng hiếu khách phải là đặc trưng của hội thánh, vì có sự lạnh lùng, nhẫn tâm của dịch vụ phòng trợ thời bấy giờ. (Xem Ma-thi-ơ 25:35; Rô-ma 12:13; 1 Ti-mô-thê 3:2; 5:10; Titus 1:8; Hê-bơ-rơ 13:2; 1 Phi-ê-rơ 4:9).

▣ **" để chúng ta có thể trở thành những người cộng tác với họ vì chân lý"** Khi Tín Đồ giúp đỡ các giáo sỹ, họ tham gia công việc của giáo sỹ, trong niềm tin và chân lý. Đây là nguyên tắc Phúc Âm. Sự hướng dẫn nếp sống rộng rãi theo Tân-ước được thấy trong 2 Cô-rin-tô 8-9.

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): CÂU 9-10

⁹Tôi đã viết đôi điều cho Hội Thánh; nhưng Đi-ô-trếp, người thích đứng đầu, không chấp nhận chúng tôi.¹⁰Cho nên, nếu tôi đến, tôi sẽ nhắc lại những gì anh ta đã làm, là những lời độc ác chống chúng ta. Như thế vẫn chưa hài lòng, anh ta còn không tiếp rước các anh em, và ai muốn tiếp rước thì anh ta ngăn cản và đuổi ra khỏi Hội Thánh

v. 9 "Tôi đã viết đôi điều cho Hội Thánh; " Đây có thể nói về Thơ Giăng thứ Nhất hoặc Thứ Hai hoặc một lá thư đã mất. Xem Chủ Đề Đặc Biệt, Hội Thánh ở câu 6

▣ **" Đi-ô-trếp, người thích đứng đầu"** ‘Thích’ – tính động từ, chủ động thì hiện tại. là một thành phần của từ kép ‘yêu’ và ‘hàng đầu’ (*prōteuō*). Thuật ngữ ‘hàng đầu’ chỉ được dùng ở đây, ngoài một lần trong Cô-lô-sê 1:18 nói về vị trí của Đấng Christ. Đi-ô-trếp là người đầu tiên được ghi chép là người có quyền hành trong Hội thánh. Không biết ông là mục sư hay là chấp sự, tuy nhiên tham vọng nắm giữ quyền hành là động cơ của

ông. Loại người tự cao vị kỷ này luôn có mặt trong hội thánh qua các thời đại. Có thể ông ta chiêm ngưỡng Tri Huệ Giáo, nhưng không chắc chắn.

Nhà bình luận James Dunn, *Unity and Diversity in the New Testament*, trang. 392, thấy Đi-ô-trép là một điển hình về Công Giáo La-mã sơ khởi."

"Trong một chi tiết, Đây là cách Giảng phản đối xu hướng thể chế hóa trong hàng ngũ lãnh đạo tôn giáo (trang 129f., đọc thêm Hê-bơ-rơ và Revelation - §§31.2, 3). Tương tự trong cả văn tự của Giảng, có những ý chống lại sự thành lập bí tích, bắt đầu hình thành trong công giáo sơ khởi dưới tay giám mục Ignatius ('the medicine of immortality' - Ê-phê-sô, 20.2) (§41). Điều bí ẩn nhất là sự phản đối 'trưởng lão' Đi-ô-trép trong Thư Giảng Thứ Ba 9f. Vị này không những từ chối một số Tín Đồ, giáo sỹ lưu động, nhưng còn có quyền đuổi ra khỏi HỘI THÁNH những ai chống đối ông. Hình như Đi-ô-trép có quyền hành như một giám mục. (Xem Ignatius, Ê-phê-sô, 6.1; Trall., 7.2; Smyrn., 8.1f) và có tham vọng đối với quyền bính và địa vị cao trọng. (*philoprōteuōn*) ... Nếu thực sự Thư Giảng Thứ Ba đến cùng một nguồn như Thư Giảng Thứ Nhất và Hai, đây là phản ứng của Cơ Đốc Giáo một cách cá nhân đối với xu hướng hệ thống hóa trong ảnh hưởng ngày càng tăng trưởng của Công Giáo sơ khởi."

▣ **"không chấp nhận chúng tôi."** Không những Đi-ô-trép từ chối thẩm quyền của Giảng, người còn từ chối các chính sách đưa ra, đồng thời bắt bớ những người theo sự hướng dẫn của các Sứ Đồ.

v. 10 "nếu tôi đến" thể điều kiện hạng ba, tiềm năng sự đến của Giảng.

▣ **"tôi sẽ nhắc lại những gì anh ta đã làm"** Giảng muốn đem động cơ (Xem Thư Giảng Thứ Ba 1:9) và hành động của Đi-ô-trép ra phân định (Xem Thư Giảng Thứ Ba 1:10):

1. NASB -- "tố cáo chúng tôi với lời xấu xa một cách không công bằng"

NKJV -- "Chống lại chúng tôi với lời độc hại"

NRSV -- "tung ra những sự vụ cáo lầm lạc chống chúng tôi"

TEV -- "Những điều khủng khiếp ông ta nói và những sự dối trá ông ta kể về chúng tôi."

NJB -- "những lời đồn đại ông ta tung ra chống chúng tôi."

2. "Bản thân ông ta không tiếp nhận các anh em"

3. "ông ta ngăn cản những ai muốn làm như vậy."

4. "ông ta đuổi họ ra khỏi HỘI THÁNH"

Người này muốn có sự đề ý và không muốn chia sẻ vinh quang với ai, và sẽ loại bỏ tất cả những ai không đồng ý ra mặt hoặc trong lòng với ông ta.

▣ **"đuổi ra khỏi Hội Thánh"** Một động từ rất mạnh (*ekballō*), được dùng trong Giảng 9:34,35 cho người mù được Chúa Giê-su chữa lành, sau bị đuổi ra khỏi nhà hội.

Ngoài ra cũng được dùng trong việc Sa-tan bị đuổi, trong Giảng 12:31.

BẢN HIỆU ĐÍNH NASB (RVV2011): CÂU 11-12

¹¹Thưa anh quý mến, đừng bắt chước điều dữ, nhưng hãy bắt chước điều lành. Ai làm điều lành thì thuộc về Đức Chúa Trời; còn ai làm điều dữ thì không hề thấy Đức Chúa Trời. ¹²Mọi người đều làm chứng tốt về Đê-mê-triu, chính chân lý cũng vậy. Chúng tôi cũng làm chứng về anh ấy, và anh biết rằng lời chứng của chúng tôi là xác thực

v. 11 " đừng bắt chước điều dữ" Thể điều kiện, dạng trung cách, thì hiện tại, có nghĩa dừng lại một hành động đang xảy ra. Tiếng Hy-lạp là *mimeomai*, tiếng anh là 'mimic' tiếng việt: 'bắt chước'. Chúng ta phải rất cẩn thận khi chọn người làm khuôn mẫu noi theo, họ phải là những người trưởng thành trong HỘI THÁNH. (Xem 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:7,9; Hê-bơ-rơ 6:12; 13:7). Đê-mê-triu là tấm gương tốt, Đi-ô-trép là tấm gương xấu.

▣ **"Ai làm điều lành thì thuộc về Đức Chúa Trời"**

" Thư của Giảng đưa ra ba thử nghiệm xem ai là Tín Đồ thực. Ở đây nói về thử nghiệm qua sự vâng phục (Xem Thư Giảng Thứ Nhất 2:3-6,28-29; 3:4-10; 5:18; Thư Giảng Thứ Hai 6), nhưng cũng là sự gợi ý tới thử nghiệm qua tình yêu: (Thư Giảng Thứ Ba 1:1-2,6), hoặc thử nghiệm về tín lý: (Thư Giảng Thứ Ba 1:3-4)

▣ **"ai làm điều dữ thì không hề thấy Đức Chúa Trời."** Các giáo sư giả tuyên bố mình biết Đức Chúa Trời, nhưng sống một cuộc sống không thánh khiết và không yêu thương, đặc trưng cho nhóm Tri Huệ Giáo tự do (antinomian, libetine), là những người cho rằng sự cứu rỗi là tri thức được xác nhận, nhưng không dính dáng gì với đời thường.

v. 12 " làm chứng tốt về Đê-mê-triu, " ‘Làm chứng’ - động từ chỉ định, thụ động, thì hiện tại. Đây có thể là lời giới thiệu về Đê-mê-triu, giáo sỹ và là người cầm thư của Giăng trao cho Gai-út. Những lời giới thiệu khác được thấy trong Công vụ 18:27; Rô-ma 16:1; 1 Cô-rin-tô 16:3; 2 Cô-rin-tô 3: 1; 8:16-24; Cô-lô-sê 4:10.

▣ **"chính chân lý cũng vậy. "** Chân lý được nhân cách hóa, với tư cách người làm chứng về Đê-mê-triu. (Xem khai niệm ‘chân lý’ và thuật ngữ ‘chân thật’ trong văn tử của Giăng, ở câu Giăng 6:55 và 17:3

▣ **"biết rằng lời chứng của chúng tôi là xác thực"** Giăng khẳng định sự đáng tin trong lời chứng của mình về Đấng Christ. (Xem Giăng 19:35; 21:24).

BẢN HIỆU ĐÍCH NASB (RVV2011): CÂU 13-14

¹³Tôi còn nhiều điều để viết cho anh, nhưng tôi không muốn viết bằng bút và mực. ¹⁴Tôi hi vọng sớm gặp anh, và chúng ta sẽ đối mặt trò chuyện với nhau. Cầu xin sự bình an ở với anh. Các bạn hữu chào thăm anh. Xin gửi lời chào thăm đến các bạn hữu theo đích danh từng người.

v. 13 câu này giống như Thư Giăng Thứ Hai 12.

v. 14 "Cầu xin sự bình an ở với anh. " ‘sự bình an’ tương tự với thuật ngữ Hy-bá ‘shalom’ có thể hiểu là ‘Xin chào’ hay ‘tạm biệt’ (Xem Lu-ca 10:5). Sự bình an không có nghĩa là sự thiếu-nan-đề, nhưng là sự có mặt của Đức Chúa Trời trong nan đề. Bình an cũng là câu nói đầu tiên của Chúa Giê-su đối với các môn đồ ở Lâu Trên (Xem Giăng 20:19,21,26) Cả Phao-lô (Xem Ê-phê-sô 6:23) và Phi-ê-rơ (Xem 1 Phi-ê-rơ 5:14) đều sử dụng thuật ngữ này trong lời tạm biệt độc giả.

▣ **"lời chào thăm ...theo đích danh từng người."** Một thành ngữ một cách ấm áp, thân mật, và cá nhân, được thấy trong các văn tự giấy lá sậy Ai-cập.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập huớng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên ‘buông thả’ điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Có một số giả thiết rằng Gai-út và Đi-ô-trép không vui vẻ với nhau vì
 - a. lý do tín lý
 - b. lý do xã hội
 - c. lý do hội thánh
 - d. lý do đạo đứcXin giải thích từng trường hợp và mối liên hệ tới Thư Giăng Thứ Ba như thế nào?
2. Thư Giăng Thứ Hai và Thư Giăng Thứ Ba liên hệ với nhau như thế nào?
3. Liệt kê ba thử nghiệm trong Thư Giăng Thứ Nhất được nhắc lại trong Thư Giăng Thứ Hai and Thư Giăng Thứ Ba.

PHỤ LỤC MỘT

MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy Lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-rơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất ‘lỏng’ (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các vế câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động...) và lối (mood) (hình thái học (accidence or morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

I. THÌ (TENSE)

A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là “hoàn thành” hay “chưa hoàn thành.”

1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn...

B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao

1. Đã xảy ra= QUÁ KHỨ (AORIST)
2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại= HOÀN THÀNH (PERFECT)
3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại= HỒN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)
4. Đang diễn ra= HIỆN TẠI (PRESENT)
5. Đang diễn ra trong quá khứ= CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)
6. Sẽ diễn ra= TƯƠNG LAI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh thánh là ví dụ về chữ “cứu.” Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ- ‘đã cứu’ (Rô-ma 8:24)
2. HOÀN THÀNH- ‘đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại (Ê-phê-sô 2:5, 8)
3. HIỆN TẠI- “được cứu” (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)
4. TƯƠNG LAI- ‘sẽ được cứu’ (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn ‘không màu mè’ là thì QUÁ KHỨ. Đây là một dạng động từ thông thường “không cụ thể,” “không định lần ranh,” hoặc “không dễ ngã ngũ.” Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong LỜI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của THÌ QUÁ KHỨ và THÌ HIỆN TẠI. Thông thường trọng tâm của nó xoay vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê-sô 2:5 và 8, “các người đã và vẫn tiếp tục được cứu.”
2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) Thì này giống như thì HOÀN THÀNH nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: “Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài” (Giăng 18:16).
3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: “Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội,” “những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội” (I Giăng 3:6 & 9).
4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) Trong thì này mỗi liên hệ với THÌ HIỆN TẠI cũng gần giống với mỗi liên hệ giữa thì HOÀN THÀNH và HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT). Thì CHƯA HOÀN THÀNH nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: “Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài” hay là “cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài” (Ma-thi-ơ 3:5).
5. TƯƠNG LAI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: “Phước cho... họ sẽ...” (Ma-thi-ơ 5:4-9)

II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mỗi liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. Tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Ma-thi-ơ 1:22; Công vụ 22:30).
2. Tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Matt 1:22)
3. Tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).
4. Tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao (heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một cách nào đó. Cấu trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:

1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: “từ treo cổ hắn” (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: “Chính quỷ Satan mạo làm thiên sứ sáng láng” (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ “họ bàn với nhau” (Ma-thi-ơ 26:4).

III. LÔI (MOOD)

- A. Có bốn lối trong tiếng Hy Lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lối này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH) (INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (potentiality) (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI) (SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).
- B. LỐI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lối thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lối duy nhất trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định, và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.
- C. LỐI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với LỐI CHỈ ĐỊNH TƯƠNG LAI (FUTURE INDICATIVE). Điều khác nhau là LỐI BÀN THÁI diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như “could,” “would,” “may,” hay “might.”
- D. LỐI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với LỐI BÀN THÁI. LỐI MONG MỎI bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. LỐI MONG MỎI rất hiếm trong Tân ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, “Chẳng hề như vậy” (KJV, “Lạy Trời đừng có chuyện như vậy”), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31; 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Thess 3:11.
- E. LỐI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của LỐI MỆNH LỆNH trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. Những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì HIỆN TẠI và thì QUÁ KHỨ trong Tân ước.
- F. Một số sách ngữ pháp xếp loại ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lối trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân ước, thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vi rộng các cách dịch những động tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.
- G. CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là một cách rất thông thường và “chưa được định lần ranh” để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng, và lối khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyển tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số thông tin cần thiết:

- A. Friberg, Barbara and Timothy. *Analytical Greek New Testament*. Grand Rapids: Baker, 1988.
- B. Marshall, Alfred. *Interlinear Greek-English New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1976.
- C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament*. Grand Rapids: Zondervan, 1993.

D. Summer, Ray. *Essentials of New Testament Greek*. Nashville: Broadman, 1950.

E. Các môn học hàm thụ có tín chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

V. DANH TỪ (NOUNS)

A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.

B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:

1. DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE) được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nội “là” hay “trở thành.”
2. SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE) được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, “Loại gì?” Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ “of” trong tiếng Anh.
3. CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE) có cùng cách chia giống như SỞ HỮU CÁCH, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ “from.”
4. TẶNG CÁCH (DATIVE CASE) dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ “to.”
5. VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE) có cùng cách chia từ như TẶNG CÁCH, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ “in, on, at, among, during, by, upon, beside.”
6. CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE) có cách chia từ giống với TẶNG CÁCH và VỊ TRÍ CÁCH. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ “by” “with.”
7. ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE) dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, “Xa bao nhiêu?” hay là “Cho đến mức nào?”
8. XUNG HỒ CÁCH (VOCATIVE CASE) được dùng để xưng hô trực tiếp.

VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (về câu, câu, và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.

B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được gộp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).

1. Từ nối chỉ thời gian
 - a. *Epei, epeid e, hopote, hos, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
 - b. *Hoes*- “trong khi”
 - c. *Hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
 - d. *Hoes, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
 - e. *Priv* (nguyên mẫu)- “trước”
 - f. *Hos* – “từ khi” “khi”
2. Từ nối chỉ sự lô-gích

- a. Chỉ mục đích
 - (1) *Hina, hopos, hos* (bàn thái cách)- “để mà”
 - (2) *Hoste* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - (3) *Pros* (nguyên mẫu đối cách), *eis* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
 - b. Chỉ kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
 - (1) *Hoste* (nguyên mẫu, đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
 - (2) *Hiva* (bàn thái)- “để mà”
 - (3) *Ara*- “thì”
 - c. Chỉ hệ quả hay lý do
 - (1) *Gar* (nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
 - (2) *Dioti, hotiy*- “bởi vì”
 - (3) *Epei, epeide, hos*- “vì”
 - (4) *Dia* (vớ đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
 - d. Hàm ý, ám chỉ
 - (1) *Ara, poinun, hoste*- “vì vậy”
 - (2) *Dio* (liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
 - (3) *Oun*- “vì vậy” “kết quả là”
 - (4) *Toinoun*- “do vậy”
 - e. Tương phản
 - (1) *Alla* (dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
 - (2) *De*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
 - (3) *Kai*- “nhưng”
 - (4) *Mentoi, oun*- “tuy nhiên”
 - (5) *Plen*- “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
 - (6) *Oun*- “tuy nhiên”
 - f. So sánh
 - (1) *Hos, kathos* (giới thiệu các vế câu so sánh)
 - (2) *Kata* (trong các từ kép, *katho, kathoti, kathosper, kathaper*)
 - (3) *Hosos* (trong thư Hê-bơ-rơ)
 - (4) *E*- “hơn”
 - g. Tiếp diễn
 - (1) *De*- ‘và’ “bây giờ”
 - (2) *Kai*- ‘và’
 - (3) *Tei*- ‘và’
 - (4) *Hina, oun*- ‘rằng’
 - (5) *Oun*- ‘sau đó’ (trong sách Giăng)
3. Các cách nhấn mạnh
 - a. *Alla*- “chắc chắn,” “vâng” “thật ra”
 - b. *Ara*- “thực sự” “chắc vậy” “thật vậy”
 - c. *Gar*- “nhưng thật ra” “chắc vậy” “thực sự”
 - d. *De*- “thực sự”
 - e. *Ean*- “ngay cả”
 - f. *Kai*- “ngay cả,” “thực sự,” “thật ra”
 - g. *Mentoi*- “thực sự”
 - h. *Oun*- “thật sự”

VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

A. CÂU ĐIỀU KIỆN là câu chứa đựng một hay nhiều vế câu chỉ điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.

- B. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT** diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ “nếu.” Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là ‘vì’ (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các **BẬC MỘT** đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).
- C. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI** thường gọi là “đổi ngược sự kiện.” Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:
1. “Nếu hấn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hấn không phải, hấn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào, và là người đã nắm lấy hấn, nhưng hấn không biết” (Lu-ca 7:39)
 2. “Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các người không có, người sẽ tin Ta, là điều các người không làm (Giăng 5:46).
 3. “Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm” (Ga-la-ti 1:10).
- D. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA** nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong vế câu theo bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.
- E. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. Nó rất hiếm trong Tân ước. Thật sự, không có một **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. Một ví dụ về một phần của **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu mở đầu trong I Phi-e-rô 3:14. Một ví dụ khác về **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là vế câu kết thúc trong Công vụ 8:31.

VIII. LỜI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

- A. **CÂU MỆNH LỆNH HIỆN TẠI** với **TIỀN TỐ ‘ME’** thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như “ngưng chất chứa của cải người ở dưới đất..” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống...” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác...” (Rô-ma 6:13); “người phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời...” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu...” (5:18).
- B. **LỜI BÀN THÁI QUÁ KHỨ** với **TIỀN TỐ ‘ME’** nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ...” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng...” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn...” (II Ti-mô-thê 1:8).
- C. **PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE)** đi chung với **LỜI BÀN THÁI** mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ nếm sự chết” (Giăng 8:51); “ta sẽ không bao giờ...” (I Cô-rinh-tô 8:13).

IX. MẠO TỪ

- A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là “một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:
1. Một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
 2. Một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;
 3. Một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nối. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.
- B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:
1. Tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó

2. Tập trung vào phân loại của một điều gì đó

C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.

B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng LỐI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là lối tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lối nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là LỐI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. Ví dụ: Rô-ma 6:10 (hai lần).

C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine

1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:

- Điều trước giả muốn nhấn mạnh
- Điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
- Điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa

2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:

- Đối với động từ liên kết:
 - Động từ
 - Chủ từ
 - Bổ ngữ (complement)
- Đối với ngoại động từ:
 - Động từ
 - Chủ từ
 - Bổ ngữ (object)
 - Bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
 - Cụm giới từ (prepositional phrase)
- Đối với các cụm danh từ:
 - Danh từ
 - Từ bổ nghĩa (modifier)
 - Cụm giới từ

3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:

- “tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công” (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ “tay hữu của sự thông công” được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.
- “với Đấng Christ” (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
- “Từng hồi từng lúc trong nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:

- Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. Ví dụ, “Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi...” (Ma-thi-ơ 28:20).
- Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) (“không bị ràng buộc”). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
 - Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
 - Giăng 14:1 (chủ đề mới)
 - Rô-ma 9:1 (phần mới)

- d. II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
3. Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: “ngợi khen sự vinh hiển Ngài” (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
 4. Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
 - a. Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kỵ như “ngủ” để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay “chân” để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
 - b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như “nước Trời” (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc “tiếng từ trời” (Ma-thi-ơ 3:17).
 - c. Các hình thái tu từ:
 - (1) Sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
 - (2) Các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
 - (3) Nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
 - (4) Mía mai (Ga-la-ti 5:12)
 - (5) Đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
 - (6) Chơi âm của các từ
 - i. “Hội thánh”
 - (a) “Hội thánh” (Ê-phê-sô 3:21)
 - (b) “kêu gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - (c) “được gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
 - ii. “tự do”
 - (a) “Người nữ tự do” (Ga-la-ti 4:31)
 - (b) “Sự tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - (c) “tự do” (Ga-la-ti 5:1)
 - d. Các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
 - (1) Đây là cách nói bóng của từ “thức ăn” (Giăng 4:31-34)
 - (2) Đây là cách nói bóng của từ “đền thờ” (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
 - (3) Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, ‘ghen ghét’ (Sáng thế ký 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
 - (4) “Tất cả” và “một số.” So sánh Ê-sai 53:6 (“tất cả”) với 53:11 và 12 (“một số”). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.
 5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: “Đức Chúa Jêsus Christ”
 6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
 - a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là “giống.”
 - b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tỉnh nhấn mạnh- “chính anh ta,” “cô ta,” “chính nó.”

E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lỗi nhấn mạnh qua các cách sau:

1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy Lạp đối chiếu.
2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch theo “từng chữ” (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch “thoát theo lối tương đương” (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Six Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.
3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).
4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen
 - a. *The American Standard Version* năm 1901
 - b. *Young’s Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình, và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân ước. Mong ước rằng các định nghĩa này

cũng giúp độc giả hiểu được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sử dụng từ, và các đoạn văn đối xứng nhau.

PHỤ LỤC HAI

PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

- I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh
 - A. Cựu ước
 1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-ơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thứ kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masorettes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta, và Vulgate.
 2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào “Lá thư của Aristeas.” Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-ơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
 3. Cuộn biển chết (DSS)- Cuộn biển chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là “Essenes.” Các bản tiếng Hê-bơ-ơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biển chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
 4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
 - a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, “khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về người.”
 - (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, “như nhiều người đã kinh ngạc về người”
 - (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
 - i. Bản LXX, “cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người”
 - ii. Bản MT, “và người sẽ vậy rửa trên các nước”
 - b. Bản Cuộc biển chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
 - (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, “người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh...”
 - (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, “và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này...”
 - c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
 - (1) Bản LXX và DSS, “sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn”
 - (2) MT, “người sẽ thấy...sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn”
 - B. Tân ước
 1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khoảng 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).
 2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước. Không phải bởi vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản

trong số này được sao chép rất hồi hải để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).

3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ a (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại tu viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN, và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi “A” hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là “B” hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là “C” hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là “D” hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là “Bản Tây phương.” Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King James.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
 - a. Bản Alexandria từ Ai cập
 - (1) P⁷⁵, P⁶⁶ (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
 - (2) P⁴⁶ (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
 - (3) Bản P⁷² (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
 - (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
 - (5) Các câu trích của Origen từ loại văn bản này
 - (6) Các văn bản khác có loại văn bản a, C, L, W, 33
 - b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
 - c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
 - d. Loại thứ tư “Caesarean” từ Palestine
 - (1) Chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
 - (2) Các bằng chứng cho nó là bản P⁴⁵ và W

II. Các vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” hay “phê bình bản văn”

A. Các dị bản xảy ra như thế nào

1. Do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
 - a. Trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteuton)
 - (1) Trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
 - (2) Trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
 - b. Nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
 - c. Các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.
2. Do chủ ý
 - a. Thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
 - b. Thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh thánh khác (sự hài hòa đối xứng)
 - c. Thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)
 - d. Thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)
 - e. Một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng đắn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)

B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện)

1. Bản văn vụng về, ngược ngạo, rất rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
2. Bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
3. Bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
4. Các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
5. Các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
6. Bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
7. Có hai câu trích giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
 - a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to New Testament Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thống hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
 - b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh thánh đều được linh cảm, “ít ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt... Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào...”
 Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh thánh không sai thuộc giáo hội Báp-tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Jê-sus ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tự tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh thánh.” Criswell thêm, “Phê bình văn bản tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng...”

III. Các vấn đề về bản văn

A. Các sách đề nghị để đọc thêm

1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy and Textual*, của R.H. Harrison
2. *The Text of the New Testament: Its Transmission, Corruption, and Restoration*, của Bruce M. Metzger
3. *Introduction to New Testament Textual Criticism* của J. H. Greenlee

PHỤ LỤC BA

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ

Thuyết nhận làm con nuôi (Adoptionism) Đây là một trong những quan điểm ban đầu về sự liên hệ của Chúa Jê-sus và thần tính. Về căn bản, nó khẳng định rằng Chúa Jê-sus là một con người bình thường trong mọi cách và được nhận làm con nuôi trong một ý nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời qua phép báp-têm của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc qua sự sống lại của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jê-sus đã sống một cuộc sống rất gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, trong một lúc nào đó, (qua phép báp-têm, hay qua sự sống lại) đã nhận Jê-sus làm “con” của Ngài (Rô-ma 1:4; Phi-líp 2:9). Đây là quan điểm thiểu số trong thế kỷ thứ 8 và ở thời kỳ Hội thánh đầu tiên. Thay vì là Đức Chúa Trời trở thành người (sự nhập thể) nó đổi ngược lại thành người trở thành Trời!

Thật khó mà diễn tả được thể nào Chúa Jê-sus, Đức Chúa Con, đấng thần linh đã có từ trước, được tưởng thưởng và tôn cao vì đã sống đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại được ban thưởng? Nếu Ngài đã có sự vinh quang thiêng liêng hiện hữu từ trước, thì tại sao Ngài lại được tôn cao thêm nữa? Mặc dù thật khó để hiểu được điều này, Đức Chúa Cha làm thể nào đó đã tôn vinh Chúa Jê-sus trong một ý nghĩa đặc biệt vì sự làm thành hoàn toàn ý chí của Đức Chúa Cha.

Trường phái Alexandrian Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển từ Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ hai SCN. Nó sử dụng các nguyên tắc giải kinh căn bản của Philo, là một học trò của Plato. Nó được gọi là phương pháp ngụ ngôn (allegorical method). Nó có ảnh hưởng lớn trong giáo hội cho tới thời Cải chánh. Những người ủng hộ hùng hồn nhất là Origen và Augustine. Xin xem sách của Moises Silva, *Has the Church Misread the Bible?* (Academic, 1987).

Bản Alexandrinus Bản văn tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 từ Alexandria, Ai cập, bao gồm Cựu ước, Ngũ kinh, và phần lớn Tân ước. Nó là một trong những nhân chứng chính của chúng ta cho toàn bộ Tân ước tiếng Hy-lạp (trừ một số phần trong Ma-thi-ơ, Giăng, và II Cô-rinh-tô). Một khi bản văn này, được gọi là “A,” và bản văn “B,” tức là bản Vaticanus trùng hợp với nhau, thì phần được xem xét đó được kể là nguyên thủy theo hầu hết các học giả trong hầu hết các trường hợp.

Ngụ ngôn (Allegory) Đây là phương pháp giải nghĩa Kinh thánh xuất phát từ Do thái giáo thuộc Alexandria. Nó được phổ biến bởi Philo từ Alexandria. Trọng tâm của nó là muốn làm cho Kinh thánh trở nên hợp thời với văn hóa và hệ thống triết lý của người đọc bằng cách bỏ qua các bối cảnh lịch sử hoặc/và các bối cảnh ngữ văn nguyên thủy. Nó tìm kiếm ý nghĩa thiêng liêng kín đáo đằng sau mỗi bản văn của Kinh thánh. Cần phải nhìn nhận rằng Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 13 và Phao-lô trong Ga-la-ti 4 đã dùng ẩn dụ để truyền đạt lẽ thật. Tuy nhiên, đây là một dạng hình bóng học (typology), chứ không phải thuật ngụ ngôn.

Tự điển phân tích (Analytical lexicon) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép chúng ta xác định mọi dạng chữ của tiếng Hy-lạp trong Tân ước. Đây là một tập tài liệu tổng hợp theo thứ tự chữ cái tiếng Hy-lạp, theo dạng và cung cấp các định nghĩa căn bản. Khi kết hợp nó với các bản dịch đối chiếu, những người không quen với tiếng Hy-lạp có thể phân tích các điểm ngữ pháp và cú pháp của Tân ước.

Tính tương đương của Kinh thánh (Analogy of Scripture) Đây là cụm từ dùng để diễn tả quan điểm cho rằng cả Kinh thánh đều được linh cảm bởi Đức Chúa Trời và vì vậy nó không mâu thuẫn với nhau nhưng bổ sung cho nhau. Sự xác nhận có tính chất giả định trước như vậy là nền tảng để sử dụng các phân đoạn tương đương với nhau khi giải nghĩa một bản văn.

Tính không rõ ràng (Ambiguity) Điều này chỉ sự không rõ ràng đến từ một văn bản khi nó có thể có hai hay nhiều ý nghĩa hoặc khi có hai hay nhiều điều được đề cập đến trong một lúc. Có thể Giăng đã sử dụng phương pháp mơ hồ có chủ đích (lời hai ý (double entendres)).

Hình nhân (Anthropomorphic) Nghĩa là “có đặc tính liên hệ đến con người,” thuật ngữ này được dùng để diễn tả ngôn ngữ của chúng ta về Đức Chúa Trời. Nó xuất phát từ chữ Hy-lạp có nghĩa là người. Nó có

nghĩa rằng chúng ta nói về Chúa như thể Ngài là con người. Đức Chúa Trời được mô tả qua các từ ngữ vật chất, xã hội, và tâm lý liên hệ đến con người (Sáng thế ký 3:8; I Các Vua 22:19-23). Dĩ nhiên, đây chỉ là sự so sánh. Tuy vậy, không có một phân loại nào khác ngoài phân loại của con người để chúng ta có thể dùng. Do đó, hiểu biết của chúng ta về Đức Chúa Trời, mặc dù đúng, nhưng vẫn có giới hạn.

Trường phái An-ti-ốt (Antiochian School) Phương pháp giải nghĩa Kinh thánh này được phát triển ở An-ti-ốt, Sy-ri-a vào thế kỷ thứ 3 SCN như là một phản ứng đối lại với phương pháp ngu ngôn của trường phái Alexandria ở Ai cập. Chủ yếu của nó là tập trung vào ý nghĩa lịch sử của Kinh thánh. Nó giải thích Kinh thánh như một tác phẩm văn chương bình thường của con người. Trường phái này dần dần rơi vào sự tranh cãi về vấn đề có phải Đấng Christ có hai bản chất (Nestorianism) hay chỉ có một (vừa hoàn toàn con người, vừa hoàn toàn Trời). Nó bị gán cho là tà giáo bởi Giáo hội Công giáo La mã và phải dời đi đến Persia nhưng nó đã không có một ảnh hưởng quan trọng nào. Các nguyên tắc giải kinh căn bản của nó sau đó trở thành nguyên tắc giải nghĩa của các nhà cải chánh Tin lành cổ điển (Luther và Calvin).

Phép đối chọi (Antithetical) Đây là một trong ba từ ngữ dùng mô tả mối liên hệ giữa các hàng trong văn thư Hê-bơ-rơ. Nó liên hệ đến các hàng thư có ý nghĩa đối chọi nhau (Châm-ngôn 10:1; 15:1).

Văn chương khải thị (Apocalyptic literature) Đây là một thể loại có lẽ thuần khiết, hoặc phần lớn là Do thái. Đây là loại văn bí ẩn dùng trong những lúc bị xâm lăng hay chiếm đóng bởi các cường quyền ngoại bang. Nó cho rằng một Đức Chúa Trời cá nhân, hay giải cứu đã tạo dựng nên thế giới và điều khiển các hoạt động trên thế giới, và rằng Y-sơ-ra-ên là dân tộc được Ngài quan tâm và chăm sóc đặc biệt. Loại văn chương này hứa hẹn chiến thắng cuối cùng từ sự giúp đỡ đặc biệt của Chúa.

Nó có đầy những từ hình bóng và giàu tương tượng diễn tả qua các từ ngữ bí ẩn. Nó thường diễn tả lẽ thật qua các màu sắc, con số, khải tượng, sự hiện thấy, gặp gỡ thiên thần, các chữ mang mã số và thường mang tính nhị nguyên giữa thiện và ác.

Một vài ví dụ về dạng văn chương này là (1) trong Cựu ước, sách Ê-xê-chi-ên (chương 36-48), Đa-ni-ên (chương 7-12), Xa-cha-ri; và (2) trong Tân ước, Ma-thi-ơ 24; Mác 13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2 và Khải huyền.

Người biện giải (Apologist, apologetics) Chữ này xuất phát từ gốc từ Hy-lạp “sự biện hộ pháp lý.” Đây là một nhánh trong thần học nhằm đưa ra các bằng chứng và các cuộc bàn luận theo lý lẽ cho ủng hộ cho đức tin Cơ đốc.

Tiên nghiệm (A priori) Chữ này hầu như đồng nghĩa với từ “phỏng định trước.” Nó bao gồm sự lý giải từ các định nghĩa, nguyên tắc, hay quan điểm đã được chấp nhận trước đó là đúng. Chính điều đó là điều được chấp nhận mà không cần phải xem xét hay phân tích.

Thuyết Arianism Arius là một giáo phụ ở Alexandria, Ai cập vào thế kỷ thứ 3 và đầu 4. Ông cho rằng Chúa Jê-sus đã có từ trước nhưng không phải là thần (không cùng bản chất với Đức Chúa Cha), có lẽ là dựa theo Châm-ngôn 8:22-31. Một giám mục ở Alexandria đã thách thức quan điểm này và đã mở màn cuộc tranh cãi (năm 318 SCN) kéo dài nhiều năm. Thuyết Arianism trở thành tín điều chính thức của Đông giáo hội. Hội đồng Nicea năm 325 SCN đã lên án Arius và khẳng định sự đồng đẳng và đồng bản chất thần tính của Đức Chúa Con.

Aristotle Ông là một trong các triết gia Hy Lạp cổ, học trò của Plato và là thầy của Alexander đại đế. Ảnh hưởng của ông, ngay cả ngày nay, thâm nhập vào nhiều lãnh vực học thuật hiện đại. Lý do là vì ông đã nhấn mạnh tri thức thông qua quan sát và phân loại. Đây là một trong những điểm mấu chốt của phương pháp khoa học.

Bản viết tay (Autograph) Đây là chữ dùng cho các bản viết tay nguyên thủy của Kinh thánh. Những bản viết tay nguyên thủy này đã bị mất hoàn toàn. Chỉ còn lại những bản sao chép mà thôi. Đây là nguồn gốc của nhiều dị bản trong các bản văn tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ và các ấn bản cổ khác.

Bản Bezae Đây là bản văn bằng tiếng Hy-lạp và Latin vào thế kỷ thứ 6 SCN. Nó được gọi là bản “D.” Nó chứa đựng các sách Phúc âm, Công vụ và một số thư tín. Đặc điểm của nó là có rất nhiều phần được người sao chép thêm vào. Nó hình thành nền tảng cho bản “Textus Receptus,” bản văn Hy-lạp tiêu chuẩn truyền thống đằng sau bản King James.

Thành kiến Đây là từ dùng để diễn tả một thành kiến mạnh mẽ về một đối tượng hay một quan điểm. Nó là quan điểm cho rằng sự không thiên vị không thể có được về một đối tượng cụ thể hay một quan điểm. Đây là luận điểm thiên vị.

Thẩm quyền Kinh thánh Chữ này được dùng trong một ý nghĩa rất chuyên biệt. Nó được định nghĩa là sự nhận biết điều tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của họ và áp dụng lẽ thật đó trong thời của chúng ta ngày nay. Thẩm quyền Kinh thánh thường được định nghĩa là việc xem chính Kinh thánh là sự hướng dẫn có thẩm quyền duy nhất của chúng ta. Tuy nhiên, nhận thấy được những sự giải nghĩa sai lầm hiện tại, tôi đã giới hạn khái niệm này trong khuôn khổ Kinh thánh khi được giải nghĩa bởi các nguyên tắc chính của phương pháp lịch sử-ngữ pháp.

Qui điển Đây là từ dùng để diễn tả các bản văn mà người ta tin rằng đã được linh cảm cách đặc biệt. Nó được dùng chỉ cả Cựu và Tân ước.

Trọng tâm Đấng Christ (Christocentric) Đây là từ dùng để diễn tả tính trung tâm của Chúa Jêsus. Tôi dùng nó liên kết với khái niệm Jêsus là Chúa trong toàn bộ Kinh thánh. Cựu ước chỉ về Ngài và Ngài là sự hoàn thành và mục tiêu của Cựu ước (Ma-thi-ơ 5:17-48).

Giải kinh Đây là tập sách nghiên cứu chuyên môn. Nó cung cấp các thông tin căn bản về một sách trong Kinh thánh. Sau đó nó cố gắng giải thích ý nghĩa của từng phần trong sách đó. Một số tập trung vào phần ứng dụng, số khác đề ý đến bản văn trong cách chuyên môn hơn. Những cuốn sách này rất ích lợi, nhưng chỉ nên dùng sau khi chúng ta đã sơ bộ nghiên cứu riêng về điều mình muốn tìm hiểu. Không bao giờ nên chấp nhận sự giải nghĩa của các nhà giải kinh mà không thắc mắc hay chất vấn điều gì. Đối chiếu các bản giải kinh từ các lập trường thần học khác nhau cũng có nhiều lúc đem lại lợi ích.

Thánh kinh phù dẫn (Concordance) Đây là một công cụ nghiên cứu học Kinh thánh. Nó liệt kê mọi lần xuất hiện của mỗi chữ trong Cựu và Tân ước. Nó giúp ích như sau: (1) xác định các chữ Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đằng sau một từ ngữ tiếng Anh cụ thể; (2) so sánh các bản văn nơi những chữ Hy-lạp và Hê-bơ-rơ giống nhau được sử dụng; (3) chỉ cho thấy những chỗ hai chữ Hê-bơ-rơ hay Hy-lạp khác nhau được dịch bằng chỉ một từ trong tiếng Anh; (4) cho biết số lần sử dụng của một số từ trong một số sách hay tác giả; (5) giúp tìm một đoạn văn trong Kinh thánh (xem Walter Clark *How to Use New Testament Grek Study Aids*, trang 54-55).

Cuộn Biển Chết (Dead Sea Scrolls) Chữ này chỉ một loạt các bản viết cổ bằng tiếng Hê-bơ-rơ và Aram được tìm thấy nơi khu vực gần Biển Chết vào năm 1947. Chúng là các thư viện tôn giáo của một phái thuộc Do thái giáo vào thế kỷ thứ nhất. Sức ép của sự chiếm đóng từ người La mã và các cuộc chiến quá khốc của những năm 60 đã khiến họ phải giấu đi các cuộn giấy da này được hàn kín trong các chai sành sứ để ở trong các hang động hay lỗ. Chúng giúp chúng ta hiểu hơn về bối cảnh lịch sử của thế kỷ thứ 1 vùng Palestine và cũng đã xác nhận bản Masoretic Text là rất chính xác, ít ra là từ thời kỳ rất sớm của thời đại trước Công nguyên. Chúng được viết tắt với chữ “DSS.”

Suy diễn (Deductive) Phương pháp lý luận này đi từ các nguyên tắc chung đến những áp dụng cụ thể bằng cách lý luận. Nó đối lại với phương pháp suy luận quy nạp, là phương pháp khoa học đi từ những cái cụ thể được quan sát đến những kết luận chung tổng quát (những lý thuyết).

Biện chứng (Dialectical) Đây là phương pháp lý luận qua đó điều được xem dường như mâu thuẫn hay nghịch lý được giữ chung lại với nhau trong một tình trạng căng thẳng, tìm kiếm một câu trả lời thống nhất bao gồm cả hai phía của một nghịch lý. Rất nhiều giáo lý Kinh thánh là những cặp biện chứng như,

Tiền định - Ý chí tự do; sự cứu rỗi chắc chắn- sự kiên trì trong đức tin; đức tin- việc làm; quyết định- tiến trình môn đồ hóa; sự tự do của Cơ đốc nhân- trách nhiệm của Cơ đốc nhân.

Dân lưu đày (Diaspora) Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng bởi những người Do thái ở Palestine để chỉ những người Do thái khác đang sống ngoài biên giới địa lý của Đất hứa.

Lỗi dịch thoát tương đương (Dynamic equivalent) Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-ơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bàn luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35 và sách của Robert Bratcher *Introduction to the TEV*.

Chiết trung (Eclectic) Chữ này được dùng chung với vấn đề phê bình bản văn. Nó chỉ thói quen chọn các bản văn từ các bản Hy-lạp khác nhau để đi đến một bản được xem là gần với nguyên bản nhất. Nó gạt bỏ quan điểm cho rằng bất cứ một họ văn bản Hy-lạp nào đều thu nhận được bản gốc.

Đọc (ý mình) vào bản văn (Eisegesis) Đây là sự đối lập của việc giải thích Kinh thánh (exegesis). Nếu việc giải nghĩa Kinh thánh (exegesis) là “dẫn ra” từ ý tưởng nguyên thủy của trước giả, thì thuật ngữ ‘eisegesis’ hàm ý “đem vào” trong bản văn một ý tưởng hay ý kiến lạ từ bên ngoài.

Từ nguyên học (Etymology) Đây là một khía cạnh của việc nghiên cứu từ ngữ nhằm tìm hiểu chắc chắn ý nghĩa nguyên gốc của một từ ngữ. Từ ý nghĩa gốc này, một số cách sử dụng chuyên biệt sẽ được dễ dàng phát hiện ra. Trong sự giải nghĩa, từ nguyên học không phải là trọng tâm chính, nhưng là ý nghĩa và việc sử dụng từ ngữ này đương thời.

Giải nghĩa (Exegesis) Đây là từ ngữ chuyên môn dành cho việc giải nghĩa một đoạn văn cụ thể. Nó có nghĩa là “dẫn ra” (từ bản văn), hàm ý rằng mục đích của chúng ta là nhằm hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy trong ánh sáng của bối cảnh lịch sử, bối cảnh ngữ văn, cú pháp và ý nghĩa từ ngữ đương thời của nó.

Thể loại văn chương (Genre) Đây là một thuật ngữ tiếng Pháp chỉ các thể loại văn chương khác nhau. Điểm chủ yếu của từ này là sự phân chia các dạng văn chương thành các loại khác nhau là những loại có cùng đặc điểm với nhau: tường thuật lịch sử, văn thơ, châm ngôn, khai thị và hành pháp.

Trí huệ giáo (Gnosticism) Hầu hết những điều chúng ta biết được về tà giáo này là từ các bài viết của trí huệ giáo ở thế kỷ thứ 2. Tuy nhiên, các ý tưởng phôi thai của nó đã có từ thế kỷ thứ 1 và trước đó nữa.

Một vài điểm căn bản của Trí huệ giáo theo nhóm Valentian và Cerinthian là (1) vật chất và thần linh cùng hiện hữu đời đời (thuyết nhị nguyên về bản chất); (2) có các vật phát ra (emanations) giữa Đức Chúa Trời và vật chất (*eons* hay các cấp bậc thiên thần). Bậc cuối cùng và thấp nhất là Đức Giê-hô-va của Cựu ước, đáng đã dựng nên vũ trụ (kosmos); (3) Jê-sus cũng là một vật phát ra giống như Giê-hô-va nhưng ở đẳng cấp cao hơn, gần với Đức Chúa Trời thật hơn. Một số đặt Ngài ở vị trí cao nhất nhưng vẫn thấp hơn Đức Chúa Trời và dĩ nhiên không phải là Đấng nhập thể (Giăng 1:14). Bởi vì vật chất là ác, Jê-sus không thể có thân thể con người mà vẫn là thần. Ngài là một con ma thần (I Giăng 1:1-3; 4:1-6); và (4) sự cứu rỗi nhận được từ đức tin nơi Chúa Jê-sus cộng với trí thức đặc biệt, là điều chỉ có một số người đặc biệt biết mà thôi. Cần có trí thức (mã số) để bước vào chốn thiên đàng. Sự tôn cao luật pháp Do thái cũng là một điều được đòi hỏi để có thể đến được Đức Chúa Trời.

Những giáo sư giả trí huệ giáo cổ xúy hai hệ thống luân lý đối ngược nhau: (1) đối với một số người, lối sống không liên quan gì đến sự cứu rỗi. Đối với họ, sự cứu rỗi và sự thiêng liêng được gói gọn trong một trí thức đặc biệt (các mã số) để đi đến cõi thiên thần (*eons*); hay là (2) đối với một số khác, lối sống hết sức quan trọng để có sự cứu rỗi. Họ nhấn mạnh lối sống khắc kỷ như là một bằng chứng cho sự thiêng liêng thật.

Khoa giải thích bản văn (Hermeneutics) Đây là từ ngữ chuyên môn chỉ các nguyên tắc hướng dẫn việc giải kinh. Nó vừa là những chỉ dẫn cụ thể vừa là một nghệ thuật. Giải thích bản văn Kinh thánh thường được chia ra làm hai loại: các nguyên tắc chung và các nguyên tắc đặc biệt. Những điều này liên quan đến các loại văn chương có trong Kinh thánh. Mỗi thể loại có những hướng dẫn đặc biệt riêng cho nó nhưng cũng có một số giả định và tiền trình giải thích tương tự nhau.

Thượng phê bình (Higher criticism) Đây là trình tự giải nghĩa Kinh thánh tập trung vào bối cảnh lịch sử và cấu trúc văn chương của một sách cụ thể trong Kinh thánh.

Thành ngữ Chữ này được dùng để chỉ các cụm từ được tìm thấy trong các văn hóa khác nhau có ý nghĩa riêng biệt không gắn với một ý nghĩa thông thường khi đứng riêng lẻ. Các ví dụ hiện đại như: “Cái đó hay đến sợ” (that was awefully good), hay là “mày hại tao rồi” (you just kill me). Kinh thánh cũng có những câu, cụm từ tương tự như vậy.

Sự soi sáng (Illumination) Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Quy nạp (Inductive) Đây là phương pháp lý luận đi từ cái cụ thể đến cái toàn thể. Đây là phương pháp thực nghiệm của khoa học hiện đại. Đây là phương pháp của Aristotle.

Đối chiếu (Interlinear) Đây là một công cụ nghiên cứu cho phép những người không đọc được ngôn ngữ Kinh thánh có thể phân tích ý nghĩa và cấu trúc của nó. Nó đặt bản dịch Anh ngữ vào cấp độ ‘từng chữ’ ngay bên dưới ngôn ngữ Kinh thánh. Công cụ này, cộng với một ‘từ điển phân tích,’ sẽ giúp cung cấp các dạng từ và định nghĩa căn bản của tiếng Hy-lạp và Hê-bơ-rơ.

Sự linh cảm (Inspiration) Đây là khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người bằng cách hướng dẫn các trước giả Kinh thánh ghi lại một cách rõ ràng và chính xác sự mặc khải của Ngài. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngôn ngữ mô tả (Language of description) Điều này được dùng chung với các thành ngữ trong Cựu ước. Nó mô tả thế giới chúng ta bằng những điều đung đến năm giác quan. Nó không phải là sự mô tả có tính chất khoa học, và nó cũng không có mục đích làm như vậy.

Sự tôn sùng luật pháp (Legalism) Đặc điểm của thái độ này là việc chú trọng quá mức đến luật lệ, nghi lễ. Nó có chiều hướng dựa vào sự giữ luật pháp của con người như một phương tiện để Chúa chấp nhận. Nó nghiêng về việc hạ thấp mối liên hệ và nâng cao sự phô diễn, cả hai đều là những khía cạnh quan trọng trong mối liên hệ giao ước giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con người tội lỗi.

Theo nghĩa đen (literal) Đây là một tên khác để chỉ phương pháp giải nghĩa theo lịch sử và tập trung vào bản văn từ An-ti-ốt. Nó có nghĩa là sự giải nghĩa bao gồm cả những ý nghĩa hiển nhiên và thông thường của ngôn ngữ loài người, mặc dù có vẫn nhận biết sự có mặt của ngôn ngữ hình bóng.

Thể loại văn chương Đề cập đến các dạng khác nhau mà sự truyền thông nơi con người có thể có, như là thơ hay tường thuật lịch sử. Mỗi loại văn chương có một trình tự giải nghĩa riêng biệt cộng với các nguyên tắc chung áp dụng cho toàn bộ văn chương viết.

Đơn vị ngữ văn (literary unit) Điều này chỉ các phân chia theo ý tưởng chính trong một sách trong Kinh thánh. Nó có thể là một vài câu, đoạn văn hay chương sách. Đây là một đơn vị độc lập có một chủ đề trọng tâm.

Hạ phê bình Xin xem “Phê bình bản văn”

Bản văn (Manuscript) Chữ này chỉ các bản sao chép khác nhau của Tân ước tiếng Hy-lạp. Thông thường chúng được phân chia thành các loại khác nhau theo (1) chất liệu dùng để viết (giấy chỉ thảo, giấy da); hay (2) dạng chữ viết (hoàn toàn viết hoa hay chữ nhỏ). Nó được viết tắt là ‘MS’ số ít và ‘MSS’ số nhiều.

Masoretic Text Bản Masoretic là bản Cựu ước bằng tiếng Hê-bơ-rơ ở thế kỷ thứ 9 được thực hiện bởi nhiều thế hệ học giả Do thái, trong đó chứa đựng các dấu nguyên âm và chú thích về văn bản. Nó tạo thành bản văn căn bản cho Kinh thánh Cựu ước của chúng ta ngày nay. Bản văn của nó xét về lịch sử đã được công nhận bởi các bản văn tiếng Hê-bơ-rơ khác, đặc biệt là sách Ê-sai, được phát hiện trong Cuộn Biển chết. Nó được viết tắt là “MT.”

Phép hoán dụ (Metonymy) Đây là hình thức tu từ trong đó tên của một điều gì đó được dùng để đại diện một điều khác có liên hệ. Ví dụ, “nồi nước đang sôi” thì thật ra có nghĩa là “nước trong nồi đang sôi.”

Các mảnh Muratorian (Muratorian fragments) Đây là danh sách các sách qui điển của Tân ước. Nó được viết tại Rô-ma trước năm 200 SCN. Nó cũng liệt kê 27 sách như trong Tân ước của người Tin lành. Nó rõ ràng cho thấy các Hội thánh địa phương ở khắp nơi trong đế quốc La mã ‘trên thực tế’ đã định ra qui điển Thánh kinh trước khi các giáo hội nghị chính họp lại vào thế kỷ thứ 4.

Sự mặc khải tự nhiên (Natural revelation) Đây là một cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài cho con người. Nó bao gồm các trật tự thiên nhiên (Rô-ma 1:19-20) và sự nhận biết luân lý từ lương tâm (Rô-ma 2;14-15). Nó cũng được nói đến trong Thi-thiên 19:1-6 và Rô-ma 1-2. Nó khác với khải thị đặc biệt, là điều Đức Chúa Trời đã tự bày tỏ cách đặc biệt qua Kinh thánh và cao nhất là qua Chúa Jê-sus ở Na-xa-rét.

Phân loại thần học này được nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại bởi phong trào “trái đất cũ” giữa vòng các nhà khoa học Cơ đốc (bài viết của Hugh Ross). Họ dùng phân loại này để xác định rằng mọi lẽ thật đều là lẽ thật của Đức Chúa Trời. Thiên nhiên là cánh cửa mở rộng để đi đến hiểu biết về Đức Chúa Trời; nó khác với mặc khải đặc biệt (Kinh thánh). Nó cho phép khoa học hiện đại có sự tự do để nghiên cứu trật tự tự nhiên. Theo ý tôi, nó là một cơ hội tuyệt vời để làm chứng cho thế giới phương Tây với khoa học hiện đại.

Nestorianism Nestorius là người sáng lập trường phái Constantinople vào thế kỷ thứ 5. Ông được đào luyện ở An-ti-ốt, Sy-ri-a và nhìn nhận Chúa Jê-sus có hai bản chất, một bản chất hoàn toàn người và một bản chất hoàn toàn Trời. Quan điểm này đi lạc ra khỏi quan điểm chính thống một bản chất từ trường phái Alexandria. Vấn đề chính của Nestorius là danh hiệu ‘mẹ Đức Chúa Trời’ dành cho Ma-ri. Nestorius bị phản đối bởi Cyril từ Alexandria và hàm ý rằng từ chính trường đào luyện An-ti-ốt của ông. An-ti-ốt là trung tâm chính của trường phái xét theo lịch sử-ngữ pháp của văn bản khi giải thích, trong khi Alexandria là trung tâm chính của trường phái giải nghĩa ẩn dụ 4 lần. Nestorius cuối cùng bị rút khỏi chức vụ và bị đày.

Tác giả nguyên thủy Điều này chỉ các trước giả thật sự đã viết Kinh thánh.

Giấy chỉ thảo papyrus Đây là một chất liệu dùng để viết lên trên từ Ai-cập. Nó được làm từ những cây sậy bên sông. Nó là chất liệu mà các bản sao cũ Tân ước cũ nhất được viết lên.

Các đoạn đối chiếu Chúng thuộc về khái niệm cho rằng cả Kinh thánh đều được Đức Chúa Trời ban cho và vì vậy chính nó là người giải nghĩa tốt nhất và là người quân bình các lẽ thật nghịch lý trong Kinh thánh. Điều nó cũng giúp ích khi chúng ta muốn giải nghĩa một đoạn không rõ ràng. Chúng cũng giúp chúng ta tìm một đoạn nói rõ ràng nhất về một chủ đề nào đó cũng như các khía cạnh khác của Kinh thánh về chủ đề đó.

Diễn ý Đây là một lý thuyết dịch Kinh thánh. Việc dịch Kinh thánh có thể được xem xét trên một dãy đánh giá từ quan điểm ‘dịch từng chữ’, tức là mỗi chữ tiếng Hy-lạp hay Hê-bơ-rơ đều phải có một chữ tiếng Anh tương đương, đến quan điểm “dịch ý” tức là chỉ dịch ý tưởng mà không chú trọng nhiều đến từ ngữ hoặc cụm từ nguyên gốc. Ở giữa hai lý thuyết này là quan điểm dịch “thoát tương đương” là nỗ lực xem xét bản nguyên gốc một cách nghiêm túc, nhưng dịch bằng các dạng và thành ngữ của ngữ pháp hiện đại. Phần bản luận rất tốt về lý thuyết các bản dịch được tìm thấy trong sách của Fee và Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 35.

Đoạn văn Đây là một đơn vị ngữ văn giải nghĩa cơ bản trong văn xuôi. Nó bao gồm một ý tưởng chính và sự phát triển của ý đó. Nếu chúng ta giữ lấy điểm chính của nó thì chúng ta sẽ không tập trung vào những điểm phụ và đánh mất đi ý định của tác giả nguyên thủy.

Chủ nghĩa địa phương hẹp hòi (parochialism) Điều này chỉ các thành kiến bị khóa trong các bối cảnh thần học/văn hóa địa phương. Nó không nhận ra tính xuyên văn hóa của các lễ thật Kinh thánh và sự ứng dụng của nó.

Nghịch lý Nó chỉ những lễ thật dường như đối lập nhau, nhưng cả hai đều đúng, mặc dù có sự căng thẳng với nhau. Chúng hình thành lễ thật bằng việc trình bày nó từ hai phía đối nghịch nhau. Nhiều lễ thật Kinh thánh được trình bày theo cặp nghịch lý (biện chứng). Các lễ thật Kinh thánh không phải là những ngôi sao đơn chiếc, nhưng là một chùm các ngôi sao làm thành các mô hình khác nhau.

Plato ông là một trong các triết gia của Hy-lạp cổ đại. Triết lý của ông ảnh hưởng rất lớn lên Hội thánh đầu tiên qua các học giả ở Alexandria, Ai-cập và sau này là Augustine. Ông cho rằng mọi vật trên thế gian này là ảo ảnh và chỉ là bản sao của một nguyên mẫu thuộc linh (spiritual archetype). Các thần học gia sao này đã đặt “dạng thức/ý tưởng” của Plato ngang hàng với phương diện thuộc linh.

Giả định trước Điều này chỉ sự hiểu biết vốn có của chúng ta về một vấn đề. Thông thường chúng ta hình thành ý kiến và phán quyết về một số vấn đề trước khi chúng ta tiếp cận Kinh thánh. Giả định trước này gọi là thành kiến, một luận điểm tiên nghiệm, một giả định hay một nhận biết có từ trước.

Lấy Kinh thánh chứng minh (Proof-texting) Đây là cách giải thích Kinh thánh bằng việc trưng dẫn một câu mà không quan tâm đến bối cảnh gần và xa trong một đơn vị ngữ văn. Điều này tách rời các câu Kinh thánh khỏi ý định của tác giả nguyên thủy và thường là nỗ lực chứng minh một ý kiến cá nhân trong khi muốn khẳng định thẩm quyền Kinh thánh.

Do thái giáo theo các Rabi Đây là giai đoạn cuộc sống của những người Do thái sau thời kỳ lưu đày ở Ba-by-lôn (586-538 TCN). Khi ảnh hưởng của các thầy tế lễ và đền thờ bị lấy đi, các nhà hội địa phương trở thành trung tâm cuộc sống của người Do thái. Những trung tâm địa phương mang tính văn hóa, giao lưu, thờ phượng, và học Kinh thánh của Do thái này trở thành điểm tập trung của cuộc sống tôn giáo của quốc gia. Trong thời Chúa Jêsus “tôn giáo của các thầy dạy luật này” tương đương với tôn giáo của các thầy tế lễ. Khi Giê-ru-sa-lem thất thủ vào năm 70 SCN, các thầy dạy luật, áp đảo bởi những người Pha-ri-si, đã điều khiển đời sống tôn giáo của người Do thái. Đặc điểm của nó là sự giải nghĩa Torah một cách thực dụng, trọng luật pháp như đã được giải thích trong truyền thống truyền miệng (bản Talmud).

Khải thị Đây là chữ dùng để chỉ khái niệm cho rằng Đức Chúa Trời đã phán với con người. Khái niệm đầy đủ của nó thường được thể hiện qua 3 từ ngữ: (1) mặc khải- Đức Chúa Trời đã hành động trong lịch sử con người; (2) sự linh cảm- Ngài đã ban sự giải nghĩa thích hợp về những hành động và ý nghĩa của nó cho một số người được chọn để ghi lại cho con người; và (3) soi sáng- Ngài đã ban Thánh Linh để giúp con người hiểu sự tự bày tỏ của Ngài.

Ngữ nghĩa học Điều này chỉ toàn bộ phạm vi ý nghĩa liên hệ đến một từ. Chủ yếu nó là những ý nghĩa của một từ trong các ngữ cảnh khác nhau.

Bản Bảy Mươi (LXX) Đây là tên của bản dịch tiếng Hy-lạp Kinh thánh Cựu ước. Truyền thuyết cho rằng nó được viết trong 70 ngày bởi 70 học giả người Do thái cho thư viện Alexandria, Ai-cập. Thời điểm theo truyền thuyết là khoảng năm 250 TCN (trên thực tế có thể phải mất khoảng hơn 100 năm để hoàn tất). Bản dịch này là quan trọng bởi vì (1) nó cung cấp cho chúng ta một bản văn cổ để so sánh với bản Masoretic Text; (2) nó cho chúng ta biết về các cách giải nghĩa của người Do thái vào thế kỷ thứ 2 và 3 TCN; (3) nó cho chúng ta biết sự hiểu biết về Đấng Mê-ti-a của người Do thái trước khi họ từ chối Chúa Giê-sus. Nó được viết tắt là “LXX.”

Bản Sinaiticus Đây là bản văn Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy bởi một học giả người Đức tên là Tischendorf, tại tu viện thánh Catherine ở Jebel Musa, theo truyền thuyết là núi Si-nai. Bản văn này được gọi theo ký tự đầu tiên của tiếng Hê-bơ-rơ gọi là “*aleph*” (א). Nó chứa đựng cả Cựu và toàn bộ Tân ước. Nó là một trong những bản văn bằng chữ viết hoa (uncial) cổ nhất của chúng ta.

Thiêng liêng hóa (Spiritualizing) Đây là thuật ngữ đồng nghĩa với việc ngụ ngôn hóa trong ý nghĩa là nó lấy đi bối cảnh ngữ văn và bối cảnh lịch sử khỏi đoạn văn và giải nghĩa trên cơ sở của những tiêu chuẩn khác.

Đồng nghĩa Chữ này chỉ những từ ngữ có ý nghĩa rất sát hoặc tương tự (mặc dù trên thực tế không có hai chữ nào lại có một sự trùng lặp hoàn toàn về mặt ngữ nghĩa). Chúng rất gần nhau đến nỗi chúng có thể thay thế cho nhau trong một câu mà không làm mất đi ý nghĩa của nó. Nó cũng được dùng để chỉ một trong 3 dạng của hình thức văn thơ song song trong tiếng Hê-bơ-rơ. Trong ý nghĩa này, nó chỉ hai hai dòng thơ diễn tả cùng một lẽ thật (Thi-thiên 103:3).

Cú pháp Đây là thuật ngữ Hy-lạp dùng để chỉ cấu trúc của một câu. Nó liên hệ đến cách các phần của một câu ghép lại với nhau để tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh.

Thần học hệ thống Đây là một giai đoạn giải nghĩa tìm cách liên hệ các lẽ thật Kinh thánh lại với nhau một cách thống nhất và hợp lý. Nó là một sự trình bày lô-gích, hơn là chỉ mang tính lịch sử, về thần học Cơ đốc theo từng phân loại (Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, sự cứu rỗi, v.v...).

Bản Talmud Đây là tên gọi cho bản luật lệ của Truyền thống truyền miệng Do thái (Jewish Oral Tradition). Người Do thái tin rằng Chúa đã ban những điều này cho Môi-se trên núi Si-nai qua cách truyền miệng. Trên thực tế, nó dường như là một tuyển tập các tri thức khôn ngoan của những thầy dạy luật Do thái qua nhiều thế hệ. Có hai ấn bản Talmud: bản Babylonian và một bản ngắn hơn, chưa hoàn tất là bản Palestinian.

Phê bình văn bản (Textual criticism) Đây là phương pháp nghiên cứu các bản văn Kinh thánh. Phương pháp phê bình văn bản là cần thiết bởi vì không có một bản nguyên thủy nào hiện hữu và các bản sao thì khác nhau. Nó nỗ lực giải thích những sự khác nhau này để đi đến càng gần với bản viết tay nguyên thủy của Cựu và Tân ước hơn. Nó cũng được gọi là “hạ phê bình.”

Bản chuẩn Textus Receptus Từ ngữ này xuất hiện trong ấn bản Kinh thánh Tân ước bằng tiếng Hy-lạp của Elzevir vào năm 1633 SCN. Về cơ bản nó là một dạng Tân ước Hy-lạp được thực hiện từ một số bản Hy-lạp sau này, bản Latin của Erasmus (1510-1535), Stephanus (1546-1559) và Elzevir (1624-1678). Trong cuốn *An Introduction to the Textual Criticism of the New Testament* trang 27, A.T. Robertson nói rằng, “bản Byzantine thực ra là bản Textus Receptus.” Bản Byzantine là bản có ít giá trị nhất trong ba họ các bản tiếng Hy-lạp (Western, Alexandria, và Byzantine). Nó chứa đựng sự kết tụ của những sai sót qua nhiều thế kỷ chép tay. Tuy nhiên, A. T. Robertson cũng nói rằng, “bản Textus Receptus đã bảo tồn cho chúng ta một bản văn khá chính xác.” (trang 21). Bản Hy-lạp này (đặc biệt là ấn bản thứ ba của Erasmus năm 1522) hình thành nên phần cơ bản của bản King James năm 1611.

Torah Đây là chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là “dạy.” Nó dần dần trở nên tên chính thức để chỉ các sách của Môi-se (từ Sáng thế ký đến Phục truyền luật lệ ký). Đối với người Do thái, đây là phần Kinh thánh Hê-bơ-rơ có thẩm quyền nhất.

Hình bóng học Đây là một cách giải nghĩa mang tính chuyên biệt. Thông thường nó bao gồm lễ thật Tân ước được tìm thấy trong các đoạn văn Cựu ước qua các hình tượng ẩn dụ. Cách giải nghĩa này là yếu tố chính của trường phái Alexandria. Bởi vì có người lạm dụng hình thức giải nghĩa này, chúng ta phải giới hạn sự sử dụng của nó trong các ví dụ cụ thể có trong Tân ước.

Bản Vaticanus Đây là bản Hy-lạp ở thế kỷ thứ 4 SCN. Nó được tìm thấy trong thư viện của Vatican. Theo nguyên gốc, nó chứa đựng toàn bộ Cựu ước, Ngũ kinh và Tân ước. Tuy nhiên, một vài phần đã bị mất (Sáng thế ký, Thi-thiên, Hê-bơ-rơ, thư tín mục vụ, Phi-lê-môn và Khải huyền). Nó là một bản văn rất có ích giúp cho việc xác định từ ngữ có trong bản viết tay nguyên thủy. Nó được đặt tên là “B.”

Bản Vulgate Đây là tên của bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latin của Jerome. Nó trở thành bản dịch căn bản hay “thông dụng” cho Giáo hội Công giáo La mã. Nó được thực hiện vào khoảng năm 380 SCN.

Văn chương khôn ngoan Đây là một thể loại văn chương thông dụng trong vùng Cận đông cổ (và thế giới hiện đại). Nó là một nỗ lực khuyên dạy thế hệ mới bằng những hướng dẫn để sống thành công qua văn thơ, châm ngôn, các bài viết. Nó viết cho một cá nhân hơn là cho cả một tập thể xã hội. Nó không dùng lịch sử để ám chỉ, nhưng dựa trên kinh nghiệm cuộc sống và quan sát thực tế. Trong Kinh thánh, sách Gióp và Nhã ca công nhận sự hiện diện và thờ phượng Đức Giê-hô-va, nhưng quan điểm tôn giáo này không phải lúc nào cũng hiện rõ trong các kinh nghiệm của con người.

Là một thể loại văn chương, nó chuyển tải các lễ thật. Tuy nhiên, thể loại này không thể được sử dụng trong mọi trường hợp. Những câu văn này là các câu nói bao quát không phải lúc nào cũng áp dụng được cho mọi trường hợp cá nhân của mỗi người.

Những nhà hiền triết này đã dám đặt ra những câu hỏi khó về cuộc sống. Thông thường họ thách thức các quan điểm tôn giáo truyền thống (sách Gióp và Truyền đạo). Chúng tạo một sự cân bằng và căng thẳng cho những câu trả lời quá hời hợt về các thảm trạng của cuộc sống.

Thế giới hình (world picture) và thế giới quan (worldview) Đây là hai từ ngữ đi chung với nhau. Chúng là những khái niệm triết học liên quan đến sự tạo hóa. Chữ “thế giới hình” chỉ “cách thức” của tạo hóa trong khi chữ “thế giới quan” chỉ “Chủ thể là ai.” Đây là những từ cần thiết để giải nghĩa Sáng thế ký 1-2 là những đoạn đề cập chủ yếu đến Chủ thể, chứ không phải là cách thức, của tạo hóa.

YHWH Đức Giê-hô-va Đây là tên giao ước của Đức Chúa Trời trong Cựu ước. Nó được định nghĩa trong Xuất Ê-díp-tô ký 3:14. Đây là DẠNG NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE) của từ ngữ “thì, là” trong tiếng Hê-bơ-rơ. Người Do thái sợ phát âm ra chữ này, vì họ có thể bị rơi vào trường hợp lấy danh Chúa làm chơi; vì vậy, họ thế chữ này bằng một chữ Hê-bơ-rơ khác “*Adonai*,” nghĩa là “Chúa.” Đây là cách tên giao ước này được dịch ra trong tiếng Anh.

PHỤ LỤC BỐN

LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đấng tạo hóa và là đấng cứu rỗi. Ngài là đấng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đấng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thế giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thấy điều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội, và bởi sự chết thế của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đấng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rửa sạch cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho bạn biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất,
Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do,
Trong mọi điều- là tình yêu thương.”